QUÂN DÂN VIỆT-NAM CHỐNG TÂY XÂM

(1847–1945)

QUÂN SỬ III



KÍNH GỬI QUÝ ĐỘC GIẢ THÂN MẾN VÀ QUÝ CHIẾN HỮU THUỘC MỌI BINH CHỦNG Q.L.V.N.C.H.

Thưa Quý vị và quý chiến hữu,

Cho dù cuộc đời đã trải qua nhiều biến đổi, nhưng những hình ảnh xa xưa vẫn luôn chất chứa trong hồn, vẫn là những kỷ niệm không thể xóa nhòa, không thể trôi vào quên lãng. Riêng với tôi, vẫn luôn nhớ đến những chiến hữu của mình, nhớ đến những người lính đã cùng cầm súng sát cánh chiến đấu chống lại kẻ thù dân tộc: Cộng Sản. Chắc hẳn quý vị cũng đồng ý với tôi, trong cuộc sống lưu vong của chúng ta hiện nay, một trong những điều thích thú ý nghĩa nhất của mình là tìm đọc được những cuốn sách giá trị trung thực viết về Quân Đội thân yêu của chúng ta; viết về những Quân trường mà chúng ta đã được đào tạo; viết về những đồng đội, những chiến dịch, những trận đánh có chính chúng ta từng tham dự. Trong đó, những con đường, những thôn xóm, những thị trấn, những địa danh, những cái tên quen thuộc mà bước chân chiến trận của mình đã băng qua, được nhắc đến và gợi lại cho chúng ta những giây phút hào hùng chiến đấu bên bạn đồng đội chống quân thù. Những nhắc nhớ làm lòng nao nao xúc động và nhớ tiếc những kỷ niệm êm đẹp của thời niên thiếu trong đời quân ngũ mà mình đã trải qua, đã ghi nhận.

Với tâm trạng trên, khi được anh Nguyễn Quang Vinh, nguyên Trung Tá Không Quân, Phi đoàn trưởng Phi đoàn 518 Biên Hòa gửi cho cuốn Quân Sử 4 của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, tôi đã say mê đọc, bao nhiêu đêm tôi đã sống trong mộng mị, hồi tưởng lại tuổi 19, 20 của mình, khi mới bỡ ngỡ bước chân vào Quân Trường Đà Lạt vừa được thành hình (năm 1950). Ra trường cuối năm đó, tôi đã lần lượt ở những đơn vị với những cấp chỉ huy nổi tiếng như: T.T. Phan Trọng Vinh (thân phụ của Thiếu Tướng Phan Trọng Chinh), Đại Úy Nguyễn Khánh (sau này là Đại Tướng Nguyễn Khánh), Đại Úy Tôn Thất Xứng (sau này là Thiếu Tướng), Trung Úy Bernard De Lattre (con trai Thống Chế De Lattre) và sau cùng là Thiếu Tá Cao Văn Viên (sau này là Đại Tướng Cao Văn Viên).

Vì được ở với Tiểu đoàn và Liên đoàn Lưu động (Groupe Mobile) nên tôi đã có dịp tham dự nhiều trận đánh quan trọng và được đặt chân đến hay đi qua hầu hết các địa danh miền Trung Du và Thượng Du Bắc Việt. Từ vùng Nho Quan, Phát Diệm Lạc Quần, Yên Cư Hạ, Thái Bình, Ninh Bình, Nam Định, Phủ Lý, Hưng Yên, Ninh Giang, Vĩnh Bảo, Kiến An, Tiên Lãng ngược lên đến Hương Canh, Phủ Lỗ, Vĩnh Phúc Yên và cả xứ Thái thuộc tỉnh Lai Châu mà những địa danh cùng những trận đánh này đều được ghi rõ ràng trong cuốn Quân Sử 4.

Đọc xong bộ Quân Sử, tôi nảy quyết định phải cho xuất bản lại để lưu giữ bộ sách vô cùng quý giá này. Tôi liền điện thoại hỏi ý kiến Trung Tướng Nguyễn Bảo Trị và một số thân hữu khác, tất cả các vị này đều khuyến khích và mong muốn sớm thấy bộ Quân Sử Q.L.V.N.C.H. được tái bản để không những mình được đọc lại, con cháu mình đọc, mà còn để giới thiệu với người ngoại quốc công cuộc chiến đấu anh dũng của Quân Dân Việt Nam đã bền bỉ liên tục hàng thế kỷ trước đây trong cuộc chống xâm lăng từ phương Tây đến và bao nhiêu năm chống chủ thuyết Cộng sản vô thần, nay lại đang tiếp tục chiến đấu tiêu diệt chế độ này với quyết tâm giải phóng quê hương.

Cũng một lượt với việc tái bản bộ Quân Sử 4, tôi cũng cho tái bản bộ Quân Sử III viết về Quân Dân Việt Nam Chống Tây Xâm (1847 - 1945). Bộ Quân Sử III này do một thân hữu Toà Đại Sứ Việt Nam trước đây tại Phi Luật Tân gửi tặng.

Hai bộ Quân Sử này, theo tôi nghĩ không những rất quý báu và giá trị cho Quân Lực Việt Nam, mà còn là một tài liệu giá trị về lịch sử và khảo cứu, có thể gọi là những bộ Quốc Sử.

Bộ Quân Sử 4 do Phòng 5 Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH thực hiện và ấn hành xong năm 1972. Tôi được biết không chắc chắn lắm, Bộ TTM đang soạn bộ 5 thì mất nước. Vậy nếu Bộ 5 đã được soạn xong mà quý vị nào may mắn mang theo được, xin vui lòng liên lạc với chúng tôi để hợp tác xuất bản hầu gìn giữ toàn vẹn pho Quốc Sử, một bảo vật của đất nước. Riêng về Bộ Quân Sử 1 và 2, chúng tôi sẽ thu xếp để có thể tái bản trong một ngày gần đây.

Nhân danh Nhà Xuất Bản Đại Nam, tôi kính xin phép Phòng 5 Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH và quý vị Sĩ quan trong khối Quân Sử, đã có công biên soạn Pho Quân Sử này, để xin được phép tái bản tại Hải ngoại. Quý vị Sĩ quan trong khối Quân Sử, quý vị nào hiện sống tại hải ngoại, xin liên lạc với chúng tôi, để chúng tôi được trực tiếp xin phép và gửi sách kính biếu.

Đặc biệt, kính cẩn dâng lên anh hồn Đại Tá Phạm Văn Sơn, Trưởng Khối Quân Sử Phòng 5/ Bộ TTM năm 1971, một nén nhang. Đại Tá Phạm Văn Sơn, một sử gia, đã gục ngã trong trại tù Cộng sản miền Bắc sau hơn 8 năm bị đầy đọa trong tay quân thù man rợ hèn hạ.

Câu nói của Đại Tá Sơn viết trong lời mở đầu bộ Quân sử 3 đã là động cơ thúc đẩy tôi cho tái bản bộ sách quý này: " Gương chiến đấu của tiền nhân ta sẽ được mãi mãi noi theo và những chiến thắng đầy vinh quang của cha anh chúng ta hôm qua sẽ là bó đuốc soi đường không bao giờ tắt cho thế hệ mai hậu".

Nhân dịp này, chúng tôi mong liên lạc với thân nhân Đại Tá Phạm Văn Sơn để xin phép được tái bản bộ Việt Sử Tân Biên vô giá do Đại Tá Sơn biên soạn, gồm 7 cuốn, từ thời Thượng cổ đến thời Cận kim. Bộ Việt Sử này hiện nay được coi như đầy đủ nhất và giá trị nhất.

Glendale ngày 16 tháng 10 năm 1983 (tức ngày 11 tháng 9 năm Quý Hợi)

ĐỖ ĐÌNH LÂM tự ĐỖ NGỌC TÙNG
Giám Đốc Nhà Xuất Bản ĐẠI NAM
(Cựu SVSQ Khóa 4 (Lý Thường Kiệt)
Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt.

QUÂN DÂN VIỆT-NAM
CHỐNG TÂY XÂM
(1847 – 1945)

QUÂN SỬ III

* ĐẠI-TÁ PHẠM-VĂN-SƠN
Trưởng Khối Quân Sử chủ biên.

* THIẾU-TÁ LÊ-VĂN-BÂN
Biên soạn.

* THIẾU-ÚY NGUYỄN-HOÀI-NGHĨA
Kiểm bài và thực hiện các sơ-đồ.

* TRUNG-SĨ VÕ-VĂN-CHUYÊN *(TTĐATT) và BSQD*
NGUYỄN-MẠNH-SƠN *(P5/TTM)*
Chụp lại các hình ảnh.

* CÔNG-CHỨC QP BÙI-VĂN-LÝ *Sửa bài.*
NGUYỄN-ẢNH-LƯ *Trình bày.*

* *Trung-Tâm ALAP/QLVNCH ấn hành.*

* *Bộ Tổng-Tham-Mưu xuất bản và phổ biến.*

— 1971 —

CƠ SỞ DAINAM XUẤT BẢN
Printed in Taiwan, Republic of China.

Sức mạnh của tư-tưởng ái-quốc, của lòng ham chuộng độc lập và tự-do bao giờ cũng có hiệu lực hơn sức mạnh của cơ giới và cường quyền.

« Bộ Tổng Tham-Mưu QLVNCH »

TỰA

Trên một vài khía cạnh, lịch sử Việt Nam có thể xem như một chiến sử liên tục. Từ thời lập quốc đến nay người Việt đã liên tiếp đổ xương máu đổi lấy quốc quyền trong công cuộc giữ nước và mở nước. Tình cảnh ấy cho phép ta nói không ngoa rằng dân tộc Việt Nam có một lịch sử cam go bậc nhất thế giới, và sự tồn tại của quốc gia này đến ngày nay là một vấn đề đáng gây ngạc nhiên cho người đọc sử.

Trong tiến trình đấu tranh bất tận ấy, quân dân Việt Nam đã bao phen so tài với ngoại nhân, nhưng kẻ thù không đến từ đâu xa hơn là các lân bang. Do đó, chiến cuộc có thể tàn khốc, tổn hại có thể lớn lao, hậu quả có thể trầm trọng khác nhau..., nhưng tất cả các cuộc xung đột đều được điều động theo những nguyên tắc và kỹ năng chiến tranh tương đồng. Ảnh hưởng giao hỗ và sự truyền thông dễ dàng của những nền văn minh tương cận đã khiến cho những cuộc chiến tranh suốt 19 thế kỷ của Việt sử đã được chỉ đạo theo những nguyên tắc tổng quát khá gần gũi. Những yếu tố bất ngờ trên chiến trường có thể được thu tóm vào các vấn đề lực lượng và chiến thuật. Chưa bao giờ trên lãnh thổ Việt Nam có hai lực lượng giao tranh với những chiến lược và kỹ thuật tác chiến hoàn toàn khác biệt từ căn bản.

Đặc tính ấy đã biến đổi hẳn với cuộc xâm lược của người Pháp vào Việt Nam cuối thế kỷ XIX. Những phát đại bác đầu tiên của Rigault de Genouilly bắn vào cửa bể Đà Nẵng năm Đinh Vị (1847) đã đánh dấu một kỷ nguyên chiến tranh mới đối với người Việt. Từ đó chúng ta đã phải đối đầu với một đoàn quân ngoại xâm hoàn toàn xa lạ, với một cuộc chiến tranh được đối phương nhập cảng và theo đuổi bằng những chiến thuật, chiến lược và phương tiện mà ta chưa từng kinh nghiệm. Kết quả cuộc chiến tranh ấy được nhìn rõ ngay từ trận đánh đầu tiên: Gươm giáo và súng đạn lạc hậu của người Việt đã thất thế hiển nhiên trước tầu chiến và hỏa lực đối phương. Hơn nữa, ưu thế quân sự của người Pháp còn nằm trong các yếu tố tổ chức và khoa học chiến tranh. Trên lãnh vực này, quả thật đoàn quân xâm lược đã đi trước chúng ta ít nhất ba thế kỷ.

Cuộc chiến đấu chống Tây xâm của dân tộc Việt Nam bi thảm ở chỗ đó và cũng anh hùng ở chỗ đó. Sự ưu thắng tuyệt đối về khoa học chiến tranh đã đem lại cho người Pháp nhiều lợi thế trên chiến trường, nhưng mục phiêu họ đạt được thì thật là vô cùng vất vả và chậm chạp. Ngay từ đầu, người Việt đã ý thức rõ sự thất trận chắc chắn của mình, nhưng cuộc đấu tranh cho sự sống còn của tổ quốc vẫn được tiếp nối qua nhiều thế hệ. Nhân dân đã tự động võ trang đánh giặc ở khắp nơi trong nước, không tiêu cực chờ trông hẳn ở triều đình trong sứ mạng giữ nước. Tinh thần chiến đấu chỉ tăng mà không giảm với thời gian. Cuộc đấu tranh tuyệt vọng của tim óc chống lại sức mạnh cơ khí đó đã mở màn cho một thời đại chiến tranh du kích chống chiến tranh kỹ thuật.

Tuy rằng đã bao phen gậy gộc, giáo mác đẩy lui được bão lửa mưa đạn của địch, chúng ta vẫn thua trận giặc này. Nhưng điều đặc biệt là chúng ta đã chiến đấu thật tuyệt vời và không bao giờ thoái chí. Tổ quốc không đòi hỏi gì hơn thế ở mỗi con dân, mỗi chiến sĩ, sự tinh thành ái quốc và sự biểu dương các dũng khí của dân tộc. Cha anh chúng ta đã thỏa mãn được các sự kiện đó.

Hôm nay cuốn quân sử III ra đời chỉ mong ghi chép được một cách trung thực những trang sử chiến đấu oai hùng của quân dân Việt Nam chống Tây xâm suốt 80 năm ròng. Cùng với mỗi cuốn sách gửi đến các chiến hữu, khối Quân Sử Phòng 5/Bộ Tổng Tham Mưu xin được nêu ra một kỳ vọng : Gương chiến đấu của tiền nhân ta sẽ được mãi mãi noi theo và những chiến thắng đầy vinh quang của cha anh hôm qua sẽ là bó đuốc soi đường không bao giờ tắt cho thế hệ hậu tiến.

KBC. 40.02, ngày 07-5-1971

Đại-Tá PHẠM-VĂN-SƠN

Trưởng Khối Quân Sử Phòng 5 / TTM

Phần Thứ Nhất

NGUYÊN-NHÂN XA GẦN ĐƯA ĐẾN VIỆC PHÁP ĐÁNH CHIẾM VIỆT-NAM

CHƯƠNG I

Người Tây-Phương đi tìm đất

1.– Những cuộc tiếp xúc đầu tiên của Tây phương với nước ta.

Trước hết chúng ta hãy cùng nhau lui lại về những thế-kỷ xa xăm trước để tìm hiểu xem người Tây Phương đến nước ta từ bao giờ ?

Không phải là đến thời cận đại người Tây-Phương mới đến nước ta, mà từ :

1. Năm 166, sau Thiên-Chúa Giáng-Sinh đã có một Sứ-Giả La-Mã, nói là do MARCO AURELIO ANTONIO sai đến, cũng có qua nước ta trước khi đến Trung-Hoa.

2. Một trăm năm sau, năm 266, lại có một thương nhân khác của La-Mã tên là TS'IN LOU-EN cũng theo đường Giao-Chỉ lên Nam-Kinh.

3. Rồi đến Thế-kỷ thứ X, khoảng năm 980, có một số Giáo-sỹ người CHALDÉE thuộc giáo phái Nestorianô qua xứ Bắc lên Trung-Hoa (1).

Nhưng đó chỉ là những trường hợp hãn hữu, vì suốt thời thượng cổ và trung cổ, người Âu Châu chỉ hiểu biết địa lý quanh Địa-Trung-Hải và chưa biết gì nhiều về Á-Châu cả ...

Sau cuộc Đông chinh của Thập-Tự quân, người Âu-Châu mới có dịp tiếp xúc với người Á Châu. Do đó mới có việc đổi chác buôn bán ... và họ mới biết rằng Á-Châu là một vùng đất rộng, người nhiều, lắm tài nguyên ...

Rồi từ đấy, các thương nhân Ả-Rập dùng hai ngả đường để đi : một là đường bộ từ Hắc-Hải, ngang qua trung bộ Á-Châu để qua Tầu, hai là đường thủy đi ngang Ấn-Độ Dương, Hồng-Hải, đến Alexandrie, Ai-Cập, để đưa sang bán cho Âu-Châu những vật quý giá như hương liệu của Ả-Rập, ngọc ngà của Ấn-Độ, tơ lụa và đồ sành của Tầu ...

Đến thế-kỷ thứ XIII, một người Ý-Đại-Lợi là ông MARCO-POLO, đã từng ở Trung-Hoa 17 năm và làm quan cho Triều-đình Nguyên, nhân dịp sang sứ Chiêm-Thành (CHAMPA), có dịp ngang qua nước ta, khi trở về nước có viết một quyển sách nhan đề ĐÔNG-PHƯƠNG KIẾN VĂN LỤC, nói về cái mỹ-lệ và sự phồn thịnh của Châu Á, trong đó, có đề cập đến xứ Bắc Kỳ, làm cho người Âu Châu chú-ý nhiều hơn đến Á-Châu.

Dầu vậy, đến đầu thời kỳ cận đại người Âu Châu hãy còn có một quan niệm sai lầm rằng chỉ có một đại dương bao bọc Âu Châu, Á Châu và Phi Châu và ở những đáy biển xa xôi, có thứ từ thạch có sức hút các tàu thuyền ... hoặc những vùng biển nằm trong đường xích đạo, có một vùng nước sôi bỏng, nên các nhà hàng hải ngần ngại không dám vượt biển đi xa ... Họ lầm tưởng đến độ vào thế-kỷ thứ XV, khi vua Bồ-Đào-Nha sai ông VASCO DE GAMA đi tìm đường mới, đã cho 10 tử tội đi theo trên tàu và hứa nếu chuyến đi thành công thì họ sẽ được tha tội ...

Từ khi VASCO DE GAMA tìm được Hảo-Vọng giác và sau đó nhờ sự phát minh nghề in và phát hiện đất mới, những ý tưởng sai lầm nói trên mới bị tiêu tan, người Âu-Châu mới hiểu Á-Châu rõ ràng hơn và họ mới nối tiếp nhau sang phương Đông ...

---

(1) Hậu hán thư, Chương 88.

Sang thế kỷ thứ XVI, Bồ-Đào-Nha là nước Âu Châu đã chiếm được nhiều đất đai nhất ở Á-Châu. Trên đường bể từ Lisbonne, kinh đô Bồ-Đào-Nha, đến NAGASAKI, Nhật-Bản, người Bồ-Đào-Nha đã tạo nên một dãy thành trì nối liền Tây phương và Đông phương ...

Tưởng cần phải nhấn mạnh là lúc bấy giờ các dân tộc Hồi-giáo là một tai họa lớn lao cho các nước Âu-Châu Thiên-Chúa-Giáo. Họ tiến như vũ bão, tràn qua xâm lăng Âu Châu và Bắc Phi Châu ... thì Bồ-Đào-Nha là một quốc gia theo Thiên-Chúa-Giáo, mặc dầu là một nước nhỏ dân ít, không những đã chận đứng được làn sóng Hồi-Giáo, mà còn giành lại nhiều đất đai họ đã chiếm : Ngày 17-2-1510, tướng Bồ-Đào-Nha là ALPHONSE ALBUQUERQUE xua quân đánh bại quân Hồi-giáo ở thành Goa ; ngày 25-7-1511, cũng tướng này chiếm MALACCA, sau đó chiếm COLOMBO ... Do các công trạng này, mà Bồ-Đào-Nha đã được các Giáo-Hoàng ký Sắc-lệnh ban cho nhiều đặc quyền, so với các nước Âu Châu khác, về việc chiếm cứ đất đai và truyền giáo ở Đông phương, là vùng họ phát hiện ..... Năm 1555, người Bồ lại thuê được đất Áo-Môn (Macao) của Trung-Hoa, để làm trung-tâm thương mại của họ ở Viễn-Đông. Vì thế mà ta sẽ thấy những người Âu-Châu đến nước ta để buôn bán và truyền giáo đầu tiên đều là người Bồ-Đào-Nha từ Áo-Môn hoặc Malacca tới ...

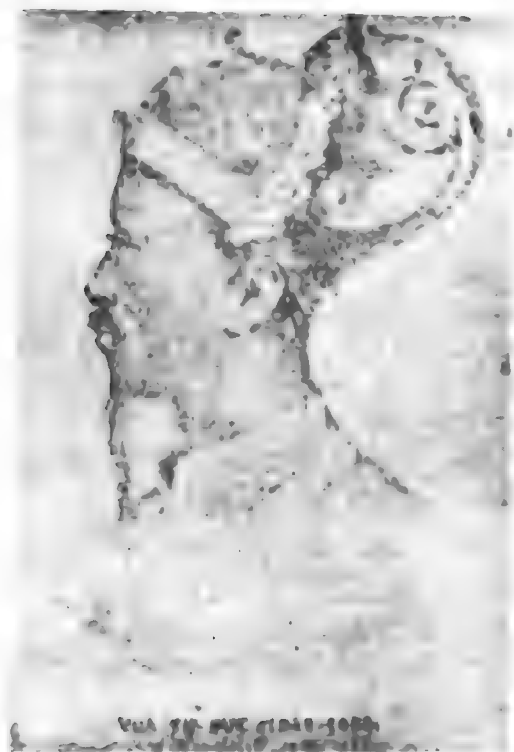


2.— Người Âu-châu giao thiệp một cách liên tục và qui mô với người Việt-Nam, nhất là trong thời gian Trịnh Nguyễn phân tranh.

Người Bồ-Đào-Nha đến nước ta trước hết, rồi đến người Hòa-Lan, người Pháp, người Anh ... Bấy giờ người Bồ, như trên vừa nói, đã thuê được đất Áo-Môn (năm 1555) để làm căn-cứ thương-mại ở Viễn Đông ; người Hòa-Lan chiếm Nam-Dương (năm 1660), thành lập công-ty Ấn-Độ-Hòa Lan (Compagnie des Indes Néerlandaises), đặt trụ sở chánh ở Batavia, là thủ-đô Nam-Dương, để buôn bán ở vùng này ; người Anh đến Ấn-Độ (năm 1599), thành lập công ty Ấn-Độ (Compagnie Anglaise des Indes) và sau nửa thế-kỷ (năm 1656), chiếm luôn nước này ; còn người Pháp mãi về sau (năm 1664), Thượng-thư Colbert mới lập công-ty Đông Ấn (Compagnie orientale des Indes), để tranh đua với các nước ...

Faifo ở Đàng Trong là nơi mở cửa thông-thương với người Âu Châu trước hết và ở đây đã có người Tàu, người Nhật, đến ở, buôn bán từ lâu. Hằng năm vào khoảng tháng 12, hay tháng giêng dương lịch, các ghe tầu Âu - Châu hoặc Trung-Hoa, Đài-Loan, Nhật-Bản, hoặc từ Malacca hay Phi-Luật-Tân, đem hàng hóa như đồ sành, đồ sứ, giấy, kim thuộc, lưu huỳnh, diêm-sinh, trà, bạc thoi, kim khí, nỉ, dạ, vải v.v... đến bán, rồi mua sản vật của ta như tơ, lụa, đường, gỗ mun, quế, trầm hương, tiêu, gạo v.v... Sau 6, 7 tháng trao đổi, mua bán xong, ghe tầu ấy đi. Các thương nhân Bồ-Đào-Nha đều là những nhà buôn riêng, không thuộc một thương hội nào, và họ cũng chưa lập thương quán, đến mùa mua bán họ đến tạm trú ở các nhà người Trung-Hoa hoặc Nhật-Bản, đại-diện họ ở đây, hoặc nhà các giáo-sỹ đồng hương, mua bán xong là đi, ủy mọi việc ... cho người đại diện ; trái lại các thương nhân Hòa-Lan, Anh-quốc ...đều là những người thuộc công-ty Ấn-Độ-Hòa-Lan, công-ty Ấn-Độ của Anh và ở Faifo (Đàng Trong) và Phố Hiến (Hưng-Yên - Bắc Việt - Đàng Ngoài), họ đều có lập các thương quán để lưu trú ... Trong việc tiếp xúc với vua quan ta, họ thường nhờ người Tàu, người Nhật làm thông ngôn ... Ngoài các thuế xuất nhập khẩu - như ở Đàng Trong Chúa Võ Vương ấn-định : Thuyền buôn Trung-Hoa đến nộp 3.000 quan tiền, đi nộp 300; Tàu Âu Châu đến nộp 8.000 quan tiền, đi nộp 800; Tàu Nhật và Áo Môn đến nộp 4.000 quan tiền, đi nộp 400 ; Tầu Xiêm và Phi-Luật-Tân đến nộp 2.000 quan tiền, đi nộp 200 ...thuyền tàu nào trốn thuế có thể bị tịch thu cả hàng hóa lẫn tàu - các tầu thuyền Âu Châu mỗi khi đến buôn bán thường đem tặng Vua Chúa ta các phẩm vật quý giá lúc bấy giờ như đồng hồ, rượu v.v...

Theo các tài liệu của người Âu-Châu, nhất là của các công ty thương mại nói ở phía trên, người ta thấy Vua Chúa ta và Vua Anh, Vua Pháp thường trao đổi thư từ với các công ty ấy và mỗi lần có thư hoặc tặng phẩm của các nơi gởi đến, là Vua Chúa ta đều trả lời hay gởi tặng phẩm để đáp lại. Chúa Trịnh Căn (1682 - 1709), đã trả lời thư của Pháp Hoàng Louis XIV; Chúa Võ-Vương (Nguyễn-Phúc-Khoát, 1738-1765) đã gửi thư cho Pháp Hoàng Louis XV. Trong các thư hiện có bản dịch, như thư của Chúa Minh-Vương (Nguyễn Phúc Chu-1691-1695), gửi cho Chủ-Tịch công-ty Ấn-Độ của Anh là NATHA-



VUA TỰ ĐỨC

NIEL HIGGINSON người ta thấy lời lẽ rất bặt thiệp và khiêm nhượng. Một thương dân Anh tên là CHAPMAN, năm 1777 ghé tầu vào Qui-Nhơn, đất mới thuộc Tây-Sơn, cũng được Vua Thái Đức (Nguyễn-Nhạc) tiếp kiến rất niềm nở. Điều cần phải nhấn mạnh là việc giao thiệp với người Âu Châu của Vua Chúa ta, chỉ xoay quanh phạm vi thương mại mà thôi, ngoài ra họ không được hưởng một đặc quyền nào cả, nếu họ tỏ ra có âm mưu phản trắc thì họ sẽ bị đối phó thích-đáng - như trường hợp người Hòa-Lan, sẽ nói trong đoạn "Người Hòa-Lan" ... ở dưới.

Bấy giờ ở Đàng Trong Chúa Nguyễn, và cả Vua Thái-Đức nữa, đều muốn lợi dụng người Âu Châu để mua súng đạn, tầu bè của họ để đánh nhau ... Người Bồ-Đào-Nha đến Đàng Trong trước nên thân cận với Chúa Nguyễn, họ bán cho Chúa súng đại bác, súng điểu thương, vật-liệu để làm thuốc súng như lưu-huỳnh, diêm sinh v.v... Còn người Hòa-Lan thì ban đầu Chúa cũng đối xử tử tế, nhưng sau thấy họ "đi hàng hai" và giúp Chúa Trịnh nên ác cảm khiến họ phải bỏ đi ... Ngoài ra các Chúa cũng muốn lợi dụng khoa-học Âu Châu, nên từ đời Chúa Hiền-Vương (1648-1687) đến Chúa Võ-Vương (1738-1765), người ta thấy nhiều giáo-sỹ giúp việc thiên văn, toán học và ngự y tại Phủ Chúa.

Về phía Chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, thì cũng muốn được người Âu-Châu giúp mình để mua khí giới ... Thấy người Bồ-Đào Nha đã kết giao với Chúa Nguyễn, Chúa Trịnh cầu thân với người Hòa-Lan, người Anh và cũng được họ bán cho nhiều súng đạn ...

Bây giờ ta tìm hiểu sự liên lạc và hoạt-động của riêng từng nước nói trên một. Trước hết là (1) :

BỒ-ĐÀO-NHA

Ngay từ khi chưa thiết lập căn-cứ thương mại ở Viễn Đông (Macao - 1555), năm 1523 Hoàng-Đế Bồ-Đào-Nha đã sai DUARTE COELHO sang Việt-Nam thương nghị, để mở cuộc giao thương ; năm 1535 ANTONIO DE FARIA đã vào cửa Hàn và từ năm 1540, người Bồ-Đào-Nha đã bắt đầu buôn bán ở Đàng Trong với Chúa Nguyễn và dân chúng ...

Năm 1615, có một người Bồ-Đào-Nha tên là Jean de la Croix đã giúp Chúa Nguyễn thiết lập một lò đúc ở Huế, đã đúc cho Chúa nhiều đại-bác ... bây giờ chỗ ấy gọi là Phường Đúc.

Vì người Bồ-Đào-Nha đến nước ta trước hết, lại hết sức thân thiện và tận lực giúp Chúa, nên giữa Bồ và Chúa có những quan hệ đặc biệt và không có gì phải đề cập đến như các nước khác, nhất là Hòa-Lan ...

NGƯỜI HÒA-LAN

Người Hòa-Lan thì năm 1606, tầu vua họ bị bão giạt vào bờ biển Qui-Nhơn (Đàng-Trong), nên mới biết nước ta. Năm 1609, công ty Ấn-Độ, Hòa-Lan lập thương quán ở Trung-Hoa, thường phải mua tơ lụa của lái buôn Trung-Hoa, mua từ Faifo về, để bán lại cho Nhật. Vì vậy, người Hòa-Lan bèn nghĩ cách buôn bán trực tiếp với Đàng-Trong và năm 1613, tầu Hòa-Lan đã đem hàng hóa đến Đàng-Trong, nhưng lần này họ không gặt hái được kết quả mong muốn. Năm 1632, tầu Hòa Lan lại bị bão giạt vào Đàng Trong, rủi ro bị cướp phá... Năm 1633, hai chiếc

---

(1) Đoạn này tham khảo cuốn Việt-Nam Pháp thuộc sử của Phan Khoang.

tàu Hòa-Lan từ Batavia, thủ đô Nam-Dương thuộc Hòa, lại đem hàng hóa đến Faifo và hai người của họ được phép ở đó mở cửa hàng buôn bán.

Người Hòa-Lan và người Bồ-Đào-Nha thuở đó kình địch nhau dữ dội, họ thường đánh cướp tịch thu hàng hóa của nhau ở ngoài biển .... Người Bồ-Đào-Nha thấy người Hòa-Lan đến buôn bán ở Đàng Trong, bèn sai sứ giả từ Macao sang hai lần để xin Chúa đuổi họ đi ; sứ-giả Bồ còn nói rõ rằng sự hiện diện của người Hòa là một tai họa cho Chúa, vì nếu để họ ở lâu, có ngày họ sẽ chiếm đất đai của Chúa, như họ đã xâm chiếm đất đai ở Ấn-Độ vậy. Nhưng Chúa Nguyễn, mặc dầu có thiện cảm với người Bồ, cũng vẫn đủ sáng suốt để biết đó là những lời dèm pha, nên không nghe theo, lại còn viết thư sang công-ty Ấn-Độ-Hòa-Lan mời họ sang buôn bán ...

Năm 1634, thương nhân Hòa-Lan tên là DUIJEKER dùng một chiếc tầu đi từ Batavia chở hàng hóa đến Faifo. Cũng năm ấy có chiếc tàu GROOTEN BROECK của Hòa-Lan bị đắm gần đảo Paracel, thủy thủ được người Đàng Trong cứu thoát, nhưng số tiền 25.580 Réaux thì bị đoạt mất.

Năm 1635, ba chiếc tàu Hòa-Lan là các chiếc LE GROL, LE WARMAND và LE HUISDUINEN từ Đài Loan đến cửa Hàn, DUIJEKER có mặt trên các tầu ấy và có đến xin hoàn lại số tiền đã mất năm trước và xin cho người Hòa-Lan được ra vào buôn bán dễ dàng ... Chúa Nguyễn bây giờ là Công Thượng Vương Nguyễn-Phúc-Lan, (1635-1648), cũng tiếp đãi DUIJEKER tử tế, hứa giúp cho việc buôn bán, không đánh thuế, còn việc bồi thường tiền đã mất thì Chúa từ chối, nại cớ việc xảy ra thời Chúa trước.

Năm 1636, ba chiếc tầu khác của Hòa-Lan từ Batavia đến Faifo, nhắc lại việc bồi thường, vẫn bị Chúa Nguyễn cự tuyệt, chỉ ban cho phẩm vật cho các phái viên và gởi tặng phẩm cho Toàn quyền Hòa-Lan ở Batavia. Việc buôn bán của tàu này cũng không gặt hái được bao nhiêu kết qủa.

Thất vọng, lại thêm việc buôn bán với Nhật Bản bị Mạc phủ cấm, nên người Hòa-Lan quyết định cử một phái bộ đến thương nghị với Chúa Trịnh.

Năm 1637, tàu LE GROL do Karel HARTSING cầm đầu, đem hàng hóa đến Đàng Ngoài, tặng Chúa Trịnh (bấy giờ là Trịnh Tráng - 1623 1657) 2 khẩu đại bác, được Chúa tiếp kiến và cho phép mở thương quán ở Hưng-Yên. Xuyên qua cuộc tiếp kiến và các hoạt động của người Hòa-Lan, Chúa cho rằng người Hòa không còn liên-hệ gì với Chúa Nguyễn nữa (?) nên Vua Lê-Thần Tông bèn đưa thư sang cho công-ty Ấn-Độ-Hòa-





Thành phố Hà-Nội vào Thế-kỷ thứ XVII (Thương điếm của Hòa-Lan và Anh).

Lan ở Batavia xin người Hòa giúp mình khi có chiến tranh ...

Tàu LE GROL đến Đàng Ngoài xong, lại ghé Đàng Trong buôn bán và được Chúa Công Thượng Vương ủy mang một bức thư và phẩm vật về cho Toàn quyền ở Batavia. Trong thư Chúa ngỏ ý sẽ vui lòng nếu được người Hòa-Lan đến buôn bán ở xứ mình.

Nhưng rồi, có lẽ thấy người Hòa-Lan được ưu đãi ở Đàng Ngoài nên Chúa nghi họ giúp cho Chúa Trịnh, bèn đổi thái độ ...

Năm 1639, Vua Lê Thần Tông ở Đàng Ngoài lại phái hai sứ giả sang Batavia, có lẽ để xúc tiến việc cầu viện mà hai năm trước Vua đã nhờ tàu LE GROL mang thơ về cho Toàn quyền ở Batavia ... Rồi Chúa Trịnh lại viết thư và gửi tặng phẩm cho chủ nhân thương quán Hòa-Lan ở Đài-Loan, để cầu thân và mời sang buôn bán... Người Hòa-Lan thỏa thuận giúp vua Lê, Chúa Trịnh, nhưng sự đàm phán kéo dài, không đi đến đâu cả, bởi là vì người Hòa còn lưỡng lự muốn giúp Đàng Ngoài, nhưng lại sợ quyền lợi ở Đàng Trong bị sứt mẻ ...

Năm sau, có hai chiếc tầu Hòa-Lan là các chiếc KIEVIT và NACHTEGAELS đến Đàng Ngoài, gặp lúc Chúa Trịnh đi đánh Chúa Nguyễn, Chúa Trịnh xin cho theo giúp mình, nhưng các tàu ấy không đồng ý. Vua Lê-Thần-Tông bèn viết thơ sang trách Toàn quyền ở Batavia.

Năm 1641, có hai chiếc tầu Hòa Lan là BUIJ-DEN BUIJS và MARIA DE MEDICIAS bị bão đánh giạt vào gần Faifo, hàng hóa và 18 súng đại bác bị tịch thâu, 82 thủy-thủ bị bắt giam.

Trong thời gian này, thương nhân Hòa-Lan còn lại ở Đàng Trong luôn luôn gặp khó khăn, nên họ phải đóng cửa thương quán ở Faifo.

Năm 1642, Chúa Công Thượng Vương thả một số lớn thủy-thủ của hai tầu bị đắm nói trên, cho về nước, họ đi đường, rủi bị tàu Bồ-Đào-Nha bắt, giết một số, một số khác bị người Chiêm-Thành bắt. Công-ty Ấn-Độ-Hòa-Lan không biết việc ấy nên sai VAN LIESVELT đem tàu sang đánh Chúa Nguyễn, nhưng kết qủa người Hòa-Lan thua to, VAN LIESVELT tử trận cùng với một số lính, người Hòa-Lan trả thù bằng cách bắt giết một số người Việt ở duyên hải rồi xuôi buồm ra Đàng Ngoài. Từ đấy, người Hòa-Lan mới ra mặt giúp Chúa Trịnh, nhưng đã bị Chúa Nguyễn đánh cho nhiều trận thua to ...

Năm 1643, người Hòa-Lan đem tàu đến Đàng Ngoài, để phối hợp với Chúa Trịnh, đánh Chúa Nguyễn ở Đàng Trong theo ý niệm : Tàu Hòa-Lan đánh mặt thủy, còn mặt bộ thì do bộ-binh của Chúa Trịnh đảm nhiệm. Năm chiếc tàu Hòa Lan từ Đài-Loan sang tham chiến, nhưng người chỉ-huy đoàn tàu Hòa-Lan thấy bộ-binh của Chúa Trịnh hỗn độn qúa bèn cho tàu đi thẳng về Batavia.

Mấy tháng sau, Đề-Đốc Hòa-Lan là PIETER BAEK chỉ huy 3 chiến đấu hạm từ Batavia sang Quảng-Bình để gặp quân của Chúa Trịnh, khi đi ngang qua biển cửa Hàn, gặp mấy chiến thuyền của Thế-Tử Dũng-Lễ-Hầu (tức Chúa Hiền Vương sau này), bấy giờ làm trấn thủ Quảng-Nam, điều khiển đề ra tấn công. Chiến hạm lớn hơn của Hòa-Lan bị chiến thuyền nhỏ của Đàng Trong xông vào đánh phá. Kết qủa chiếc chiến đấu hạm có treo cờ của Đề-Đốc PIETER BAEK bị đánh đắm, Đề-Đốc và thủy-thủ đoàn đều tử trận, hai chiến đấu hạm còn lại bỏ chạy ra Đàng Ngoài.

Năm 1644, người Hòa-Lan lại cho chiến hạm qua định tàn phá bờ biển Đàng Trong, nhưng vì Chúa Nguyễn phòng thủ kỹ qúa, chiến hạm Hòa-Lan phải đi thẳng qua Đài-Loan.

Thấy chiến-tranh không có lợi cho việc buôn bán, công-ty Ấn-Độ-Hòa-Lan phải đổi chánh-sách. Năm 1651, họ lại sai sứ-giả là VERSTE-GEN sang Đàng Trong nghị hòa. Chúa Hiền Vương đã lên nối ngôi cha, cũng muốn giao hảo với người Âu Châu, nên chịu bỏ qua những việc dĩ-vãng, rồi hai bên cùng ký một bản Hòa-ước vào ngày 9-2-1651, đại khái có các điều khoản chính sau đây :

1. Tra lại nhau những người đã bị bắt.
2. Người Hòa-Lan được tự-do đến buôn bán và lập một thương quán khác.
3. Từ đây về sau, người Việt và người Hòa-Lan phạm tội đại hình sẽ do thẩm-phán nước mình xét xử.
4. Hai bên giúp đỡ lẫn nhau khi có ghe tàu bị nạn.
5. Bỏ quan thuế, thuế nhập và xuất khẩu ...

Nhưng hòa-ước ấy không hiểu vì sao chưa thấy thi hành. Và từ đấy về sau, thỉnh thoảng người ta thấy tàu Hòa-Lan ghé Đàng Trong, cũng như Đàng Ngoài trao đổi hàng hóa rồi đi. Mãi đến năm 1753, có hai người Hòa đi tàu đến cửa Hàn mua vàng và đường rồi ở lại Faifo mở cửa hàng, còn ở Đàng Ngoài thì năm 1700 họ cũng đóng cửa thương quán.

NGƯỜI PHÁP

Thương nhân Pháp đến sau người Bồ-Đào-Nha và người Hòa-Lan. Họ đến sau khi Hội Truyền-giáo ngoại quốc (Société des Missions Étrangères) thành lập và việc buôn bán và truyền giáo luôn luôn tiến hành song song. Hồi bấy giờ Giáo-sỹ của hội vừa nói muốn qua Viễn Đông phải trốn tránh người Bồ-Đào-Nha, mà tầu Hòa-Lan cũng không nhận chở họ. Năm 1660, có một thương gia ở ROUEN tên là FERMANEL, hô hào thành lập một công ty thương mại ở phương Đông, để nhân đó đưa giáo-sỹ qua cho tiện. Công ty đã thuê người Hòa-Lan đóng một chiếc tàu, người Hòa-Lan biết được mục đích việc đóng tầu, sợ người Pháp cạnh tranh với người nước họ tại Việt-Nam, nên đã ngăn trở không cho tầu rời bến ... Sứ thần Pháp ở Hòa-Lan phản đối, nhưng tình cờ chiếc tầu bị bão đánh vỡ ngay tại ụ, thế là chương trình hoạt động của công-ty cũng cáo chung luôn.

Năm 1664, Thượng-thư COLBERT thành lập công ty Đông Ấn (Compagnie des Indes Orientales). Theo đề-nghị của Giám-Mục Pallu, ngoài việc thương mại, công ty còn có mục đích giúp cho việc truyền giáo nữa.

Năm 1669, Giám-Mục La Motte Lambert và hai Giáo-sỹ De Bourges và Bouchard đến Đàng Ngoài, giả trang như người buôn bán mạo nhận là nhân viên của công-ty Đông-Ấn để truyền-giáo ... Mặc dầu bị người Hòa-Lan tố cáo với Vua, quan Việt-Nam, nhưng Giám-Mục và hai Giáo sỹ cũng vẫn được cấp đất làm nhà ở, rồi giả danh buôn bán để truyền giáo.

Cũng trong khoảng thời gian này, Giám-Mục PALLU hết sức vận động với Thượng-thư COLBERT để xin lập một chi cuộc cho công-ty Đông Ấn ở Đàng Ngoài.



Giám mục LA MOTTE LAMBERT.

Năm 1674, Giám-Mục PALLU sang xứ Đàng Ngoài để dâng phẩm vật lên Vua Lê-Gia-Tông, nhưng tầu gặp bão, phải ghé Phi-Luật-Tân... Toàn quyền Y-Pha-Nho thấy ông có mang theo một chương-trình dự định thiết lập một chi cuộc của công-ty Đông-Ấn ở Đàng Ngoài, liền bắt giam ông rồi đưa về Y. Sau khi được thả, Giám-Mục được Giáo-Hoàng sai sang dâng vua Đàng Ngoài một bức thư và phẩm vật gồm 1 đồng hồ treo có chuông, ban đêm trông thấy giờ, 2 cái gương soi, 80 châu hoa, hoa bằng lụa, nhiều họa phẩm ; Pháp hoàng Louis XIV cũng cấp cho ông 15.000 Francs để làm lộ phí sang Viễn Đông, và thư cũng 20.000 Francs để mua phẩm vật dâng vua Xiêm và vua Đàng Ngoài.

Năm 1680, công-ty Đông Ấn sai một lái buôn tên là CHAPELAIN mang chiếc tầu TONQUIN từ Surate (Ấn-Độ) đem hàng hóa đến xứ Đàng Ngoài. CHAPELAIN dâng phẩm vật cho vua, Chúa ta rồi được ở buôn bán, mở cửa hàng ở Hưng-Yên. Năm sau tàu TONQUIN (1) trở về, có chở theo ít hàng hóa như xạ hương và tơ lụa. Thấy chuyến đi ấy có kết qủa, Giám-Mục PALLU bấy giờ vừa ở Âu Châu sang tới Surate, nhờ công-ty cho một chiếc tầu khác sang Đàng Ngoài để ông sang đưa thư của Giáo-Hoàng và Pháp Hoàng cùng các tặng phẩm cho Vua Đàng Ngoài.

Năm 1682, công ty Đông Ấn cho chiếc SAINT JOSEPH sang Đông ; tàu ghé Xiêm, Giám-Mục

---

(1) hay TONKIN cũng vậy là do phiên âm chữ Đông-Kinh tức Hà-Nội ngày nay.



Giám mục
PALLU.

PALLU ở lại, thư của Pháp Hoàng Louis XIV thì ủy mấy giáo-sỹ tháp tùng chuyến tàu ấy đem dâng, còn thư của Giáo-Hoàng thì không hiểu vì sao Giám-Mục không gửi. Thư và phẩm vật của Pháp Hoàng được dâng lên Chúa Trịnh Tạc (1657-1682), mấy ngày sau thì Chúa mất. Trịnh Căn (1682-1709) mới kế vị cha, ủy lạo các giáo-sỹ, trả lời thư và tặng Vua Pháp mấy tấm hàng thêu.

Nhưng các hoạt-động của công-ty Đông Ấn và sự giao dịch của Pháp Hoàng ở Đàng Ngoài đến đó phải đình chỉ một thời gian. Lý do là bởi vì các sản vật ... Đàng Ngoài mà tầu TONQUIN đưa về, phải chuyển qua tầu SOLEIL D'ORIENT để chở về Pháp, khi đi đến gần Madagascar bị chìm (cùng với các sứ-thần Xiêm sang Pháp) nên Pháp không biết giá-trị hàng hóa ấy thế nào. Hơn thế nữa, bấy giờ trên các đảo miền nam Đông Dương, người Hòa-Lan làm chủ nhân ông, chỉ trừ BENTAM (ở đảo Java), là nơi người các nước có thể tự do buôn bán. Nhưng đến năm 1682, người Hòa-Lan chiếm nốt Bentam, người Pháp, người Anh, người Đan-Mạch phải bỏ đi, mất cả hàng hóa và đồ đạc, chi nhánh của công-ty Đông Ấn ở đây phải đóng cửa, cửa hàng của CHAPELAIN ở Đàng Ngoài vì thế mà cũng yếu vong.

Nói tóm lại, việc buôn bán của người Pháp tại Việt-Nam trong thế-kỷ thứ XVII không có gì đáng nói : một chuyến đổi chác của tầu TONQUIN, vài năm hoạt động của cửa hàng CHAPELAIN, ngoài ra các giáo-sỹ giả trang thương nhân thì mua bán những hàng hóa nhẹ nhàng, hoặc làm những công nghệ như sửa đồng hồ, chế thuốc súng...

NGƯỜI ANH

Người Anh đến nước ta sau hết.

Thấy người Hòa-Lan thành công ở Viễn Đông, công-ty Ấn-Độ của Anh bèn tính đến việc thiết lập thương quán ở nơi nào mà người Hòa không ngăn trở được.

Năm 1613, thương quán của công ty này ở HIRADO sai một thương nhân tên là PEACOCK mang một chiếc tầu đến Đàng-Trong : thuyền vào Faifo, rồi một người tên là WALTER CARWERDEN lên bờ đem thư của Anh Hoàng và các tặng phẩm gởi Chúa Nguyễn CARWADEN được quan trấn thủ Quảng-Nam tiếp tử tế, bán được cho ông mấy tấm da, nhưng không hiểu vì sao sau đó PEACOCK, mấy người thông ngôn và mấy người tùy tùng bị người Việt-Nam giết ?

Năm 1618, thương nhân Anh đến Đàng Ngoài cũng không thâu được kết qủa gì. Vì hồi bấy giờ người Anh cũng bị người Hòa-Lan chống đối gắt gao, nên mọi mưu toan thương mại của họ đều thất bại cả.

Từ năm 1620 đến năm 1625, người Anh bị người Hòa-Lan đuổi ra khỏi các thương quán của mình trong quần đảo Nam-Dương, là nơi người Hòa-Lan làm chủ, nên họ phải đóng cửa luôn các thương quán ở Đài-Loan và ở Nhật-Bản.

Sau khi người Hòa-Lan thua trận ở Âu-Châu, Hòa-ước WESTMINSTER-1654 dành cho công-ty Ấn-Độ của Anh mấy đặc quyền, nên từ đó người Anh lại tiếp tục việc thương mại ở biển Trung-Hoa và biển Nhật-Bản.

Đến giữa năm 1672, công-ty Ấn-Độ của Anh lại sai WILLIAM GYFFORD và 5 người tùy tùng đi tầu ZANT từ Bentam đến Đàng Ngoài, dâng thư và phẩm vật của công-ty ở Bentam lên vua Lê, xin cho người Anh được đến buôn bán. Vua Lê-Gia-Tông và Chúa Trịnh-Tạc đi đánh Đàng Trong, đầu năm sau mới về, cho GYFFORD yết kiến và cho phép người Anh đến buôn bán, GYFFORD và các bạn đồng hành lập thương quán ở Hưng-Yên. Nhưng việc buôn bán không được phát đạt lắm, vì gặp nhiều khó khăn, không phải vì điều kiện thương mại trong xứ mà do sự mâu-thuẫn giữa hai nước Anh và Hòa gây ra. Sau hòa-ước WESTMINSTER nói trên, Anh và Hòa-Lan lại đánh nhau, các thương thuyền và sự tiếp vận hàng hóa của Anh thương bị tầu Hòa ngăn trở,

hai bên tịch thâu hàng hóa của nhau. Hơn thế nưa GYFFORD bị công-ty ở Bentam giải nhiệm, các người thay thế đều bất lực, nên thương quán không phát đạt được.

Năm 1683, họ dời thương quán lên Kẻ Chợ (Hanoi), nhưng rồi vì nhân-viên trong thương-quán lại mâu thuẫn nhau, người Bồ-Đào-Nha và Hòa-Lan âm mưu gây khó khăn, việc giao-dịch với vua, quan ta không dễ dàng, nên đến năm 1697, họ phải đóng cửa thương quán. Các năm sau đó thỉnh thoảng họ chỉ cho tầu đến trao đổi hàng hóa mà thôi.

Trước khi rời bỏ Đàng Ngoài (1697), năm 1695 người Anh đã mưu tính buôn bán với Đàng Trong và Chủ-tịch công-ty Ấn-Độ của Anh là HIGGINSON, sai THOMAS BOWYEAR mang tàu LE DELPHIN đến bỏ neo gần cù-lao POULO CHAM, mang thư và phẩm vật dâng chúa Nguyễn để xin được đến buôn bán. BOWYEAR có trách-nhiệm điều-tra việc giao thiệp với Chúa và dân chúng, về các thứ hàng hóa, giá cả và xin Chúa ban các đặc ân :

1. Cho đất lập thương quán.
2. Cho viên chủ thương quán được phép phân xử các sự bất hòa xảy ra giữa người Anh và người địa phương.
3. Cho viên chủ ấy được phép trừng phạt những người lao công và tôi tớ khi chúng phạm lỗi.
4. Được tự do xuất nhập cảng hàng hóa miễn thuế v.v...

BOWYEAR được đưa về Huế, yết kiến Chúa Nguyễn bấy giờ là Minh-Vương. Minh-Vương tiếp BOWYEAR rất niềm nở, ban cho 10.000 đồng tiền, 1 con lợn, hai vò rượu, hai bao gạo và hai vò cá muối. Sau đó, Chúa lại cho phái viên của HIGGINSON diện yết một lần nữa, để ỵ trình rõ ràng các lời thỉnh cầu, rồi Chúa trả lời rằng khi nào người Anh đến lập thương quán, các điều thỉnh cầu sẽ được cứu xét và chấp thuận sau. Nhân đó, Chúa sai hướng dẫn BOWYEAR đi quanh Phủ Chúa để xem các đại bác đặt chung quanh và hỏi người Anh có thể đem đến bán cho các đại bác tương tự không ? Hàng hóa Chúa mua được truyền trả bằng vàng như BOWYEAR muốn. Nhưng kẻ thừa hành trả không đúng giá, BOWYEAR kêu nài, Chúa sai trả thêm hai thoi nữa. Nhân dịp này Chúa sai trao cho BOWYEAR một bức thư và phẩm vật là vàng, 300 tấm lụa, gỗ quí, trầm hương để gửi tặng cho Chủ-tịch HIGGINSON. Thư ấy viết bằng chữ Hán, thỏa thuận để người Anh đến buôn bán, lời lẽ thật là khiêm nhường, lịch sự. Nhưng không biết vì sao công cuộc giao thương của HIGGINSON không thấy tiếp tục nữa.

Tuy việc buôn bán của mình trước kia không lời, đã phải đình chỉ, sang thế-kỷ thứ XVIII người Anh và Pháp lại dự trù tái lập việc doanh thương ở đất Việt-Nam. Họ đều chú ý đến đảo Côn-Lôn trước hết.

Năm 1702, công ty Ấn-Độ của Anh đến lập một cái đồn ở Côn-Lôn, giao cho ALLEN CATCH-POLE chỉ huy. Chúa Hiếu-Minh thấy vậy, sai Trương-Phúc-Phan ra đánh. Phan dùng mưu-lược tiêu diệt được đồn : Phan mộ 15 người Đồ-Bà, cho giả làm người giúp việc cho người Anh, nửa đêm cùng bọn giúp việc trong đồn nổi dậy giết tất cả người Anh, trừ hai người trốn thoát xuống một chiếc thuyền chạy sang JOHORE, (miền Nam Malacca). Rồi Trương-Phúc-Phan đem quân ra tiếp ứng, thu dọn được nhiều của cải ...

Đến năm 1777, chiếc tầu Anh là RUMBOLD từ Trung-Hoa đi Ấn-Độ, ghé cửa Hàn để tìm hiểu về Đàng Trong. Lúc này Chúa Trịnh đã lấy Phú-Xuân, chúa Nguyễn chạy vào Gia-Định, Tây Sơn Vương Nguyễn-Nhạc đóng ở Đồ-Bàn (Bình-Định) được Chúa Trịnh cho trấn thủ cả đất Quảng Nam nữa, còn Nguyễn-Lữ vào lấy Gia-Định, Đỗ Thành-Nhân đánh lấy lại nên đã trở về Qui-Nhơn. Nhờ một giáo sỹ giới thiệu, tầu Rumbold cho hai quan chức của Chúa Nguyễn-Ánh qúa giang để vào Saigon theo Chúa, vì gặp gió lớn tàu không ghé được Saigon, phải chở luôn hai quan chức ấy sang BENGALE (ở bể Ấn-Độ thuộc Anh). Viên Toàn quyền Anh ở đây cho một chiếc tàu nhỏ là JENNY chở hai ông về nước ; công-ty Ấn-Độ của Anh nhân dịp này cũng cử một nhân viên là CHARLES CHAPMAN mang chiếc L'AMAZONE sang Đàng Trong để thu xếp việc buôn bán ...

Bấy giờ Nguyễn-Lữ và Nguyễn-Huệ đã trở vào tái chiếm Gia-Định, Nguyễn Nhạc đã xưng Đế (hiệu Thái-Đức), đóng ở Hoàng-đế-thành (tức thành Đồ-Bàn), từ Quảng Nam trở vào đã bị nhà Tây-Sơn chiếm cứ. Tầu L'AMAZONE ghé Qui-Nhơn, CHAPMAN yết kiến Vua Thái-Đức, Vua hứa cho người Anh đến buôn bán. Rồi tầu trở ra, ghé cửa Hàn, CHAPMAN đến Huế

yết kiến quan trấn thủ BÙI-THẾ-ĐẠT (1) được tiếp đãi tử tế, và miễn cho các thứ thuế. Nhưng nghe tin Chúa Trịnh sai chiếm đoạt tàu JENNY đậu ở Huế, CHAPMAN phải vào theo tầu L'AMAZONE ở cửa Hàn rồi về Malacca (lúc đó là đầu năm 1778).

Tuy không gặp may nhưng CHAPMAN cũng rất lạc quan về xứ Đàng Trong, cho rằng xứ này có nhiều sản vật buôn bán có lợi, vị trí lại quan trọng để tranh với các nước khác ở vùng này, và khuyên công-ty nên đến lập công-ty ở đây càng sớm càng hay ...

NHƯNG NGƯỜI PHÁP KIÊN TÂM HƠN

Trong thời gian ấy, người Pháp hăng hái hơn và năm 1686, công-ty Đông-Ấn của Pháp sai một nhân viên tên là VERET sang Đàng Trong tìm nơi lập thương quán, vì thấy Côn-Lôn nằm trên đường đi của tàu thuyền từ Ấn-Độ sang Trung-Hoa, Đàng Ngoài, Phi-Luật-Tân và ở đây còn có thể buôn bán với Miên, Lào nên viết thơ về Pháp vận động chiếm Côn-lôn.

Năm 1721, công-ty sai một nhân viên khác tên là RENAULT, sang Côn-Lôn xem xét lại việc lập thương quán; khác VERET, RENAULT cho rằng Côn-Lôn nghèo, không có sản vật, khí hậu xấu, không hợp với người Âu Châu ...

Nhưng vì người Âu Châu lúc bấy giờ buôn bán ở Quảng Đông bị bó buộc nhiều điều, buôn bán lại không lời, nên họ đồng ý đi tìm một nơi khác dễ chịu hơn. Người thì định đi Ninh-Phố, kẻ toan sang MACAO, còn người Pháp nhắm Đàng Trong.

Năm 1744, một thương gia Pháp ở Quảng-Đông tên là DE RATHE, cử một lái buôn tên là FRIEL, cháu của DUPLEIX, đi tàu đến Đàng Trong để điều tra và dọn đường cho việc buôn bán ... FRIEL được Chúa Võ-Vương ban cho 1 đạo sắc văn, chấp thuận cho đến buôn bán. Nhưng DE RATHE không có tàu bèn sai FRIEL sang PONDICHÉRY đề-nghị với DUPLEIX, Toàn-quyền của đất Ấn-Độ thuộc Pháp. DUPLEIX tán thành ngay, cho là một việc rất tốt, và sai sửa soạn một chiếc tàu để đi ... Nhưng vì cuộc chiến tranh Anh-Pháp xảy ra về việc thừa kế Vương vị nước Áo, nên việc sửa soạn sang Đàng Trong bị hoãn lại ...

Đến năm 1748, chiến tranh chấm dứt, DUPLEIX mới sai một nhân viên là DUMONT sang Đàng Trong. Trong khi đó tại chính quốc, người ta lại bắt đầu nghĩ đến việc buôn bán với Chúa Nguyễn, vì trước đây có một người Pháp tên là Pierre Poivre, đã từng sang Viễn đông, nghiên cứu vị trí chánh trị, phong tục, tập quán, tôn giáo, sản vật, thương mại của Đàng Trong, rồi trình bày rõ ràng trong một bài tường thuật. Công-ty Đông Ấn bèn phái ông sang Viễn Đông để thành lập thương quán ở Đàng Trong và tìm cách độc quyền mua bán hương liệu như quế, hồi hương, tiêu, gừng v.v... của người Hòa-Lan. Năm 1749, Poivre đến Pondichéry, rồi đi tầu MACHAULT đến cửa Hàn, ra Huế, yết kiến Võ-Vương, dâng lễ vật, được Chúa tiếp kiến tử tế. Năm sau, tầu MACHAULT trở về có mang theo một bức thư của Chúa gởi cho Pháp Hoàng. Poivre cho rằng ở xứ này, việc cai trị không tốt đẹp, Chúa, quan tham nhũng ... nên việc buôn bán không thuận lợi, nếu muốn đến đó thì phải có sức mạnh để người ta sợ và kính nể mới được. Lời phúc trình bi quan ấy làm cho công-ty Đông Ấn phải bỏ những điều dự định.

Nhưng DUPLEIX vẫn giữ ý định của mình. Sau khi Poivre rời khỏi Đàng Trong, DUPLEIX có nhờ một giáo-sỹ là EDMOND BENNETAT làm môi giới để mình liên kết với Chúa Nguyễn và xin lập thương quán ; rồi lại cử người thuộc quyền là DE RABEC sang Đàng Trong xin Chúa mấy điều như được tự do buôn bán, được quyền sở hữu và xây dựng nhà ở, cửa hàng. Chúa thuận cho. Nhưng rồi DUPLEIX bị dời về Pháp, dự định bị bãi bỏ.



POIVRE -

(1) Lúc này Huế thuộc quyền Chúa-Trịnh.

Dưới triều Pháp Hoàng Louis XV, Louis XVI, Thủ-Tướng CHOISEUL rồi Thượng-Thư ngoại-giao DE VERGENNES, vì thấy người Anh thắng thế ở Ấn-Độ và chiếm được nhiều mối lợi của người Pháp, nên có sai nghiên cứu việc khôi-phục địa vị Pháp ở Viễn Đông và đều để ý đến Đàng Trong là một vùng hệ trọng mà người Anh chưa chăm chú đến. Nhưng vì triều đình nhiều người không tán thành, nên dự định ấy không được đem thực hành.

Năm 1777, trong lúc người Anh cử CHAPMAN đến nước ta, viên Trấn thủ CHANDERNAGOR, thành thị Ấn-Độ thuộc Pháp, là Chevalier, sau khi sai tàu sang thám sát Đàng Trong biết xứ này nhà Tây-Sơn và Chúa Nguyễn đang đánh nhau, có làm tờ trình lên viên Toàn quyền các đất Ấn-Độ thuộc Pháp xin vì lợi ích của nước Pháp, đem quân lính sang giúp Chúa Nguyễn. Nhưng lúc bấy giờ nước Pháp đang giúp Hoa-Kỳ trong cuộc chiến chống Anh, dành độc lập nên mưu tính ở Đàng Trong xa xôi kia không được triều đình Pháp cứu xét ...

Tóm lại, người Bồ-Đào-Nha, người Hòa-Lan đến Việt-Nam trước và buôn bán khá hơn người Anh, người Pháp, nhưng đến thế kỷ thứ XVIII chỉ còn người Anh người Pháp chú ý đến nước ta. Những tờ phúc trình của các phái viên sang điều tra, phần nhiều lạc quan, xui hai nước ấy mưu đồ trên đất Việt. Tuy nhiều khi vì ý kiến của một vài đình thần, hoặc vì thời thế không thuận tiện, việc dự định chưa làm được. Cho đến lúc cuộc cách-mạng kỹ-nghệ xảy ra, người Âu-Châu mới đổ xô đi tìm đất thực dân và nước Việt-Nam giàu có, vị trí hệ trọng làm sao thoát khỏi sự chú mục của người Anh, người Pháp?

Riêng về nước Pháp, thì sau cuộc chiến 7 năm, đã mất nhiều thuộc địa, ở Ấn-Độ chỉ còn năm nơi thương phụ, vậy muốn khôi phục lại thế lực ở Á-Đông, người Pháp phải ra sức tìm kiếm thêm đất đai ở bên này...

Một giáo sỹ Pháp là Bá-Đa-Lộc, sẽ tìm cơ hội can thiệp vào nội bộ nước Việt-Nam và làm "Đầu-cầu" cho cuộc xâm lăng của nước mình sau này - sẽ nói ở các chương kế tiếp.



CHƯƠNG II

Việc Truyền Giáo

Việc truyền giáo ở Việt Nam, cho đến thế kỷ thứ XVI, mới có nhiều điều để nói tới, tuy rằng, như ở Chương I đã nói, từ thế kỷ thứ II và thế kỷ thứ X, một số giáo sỹ La Mã đã tới nước ta, trước khi sang Trung-Hoa ... Nhưng bị gián đoạn cho tới đầu thế kỷ thứ XVI (giữa lúc Việt-Nam đang có loạn phong kiến), vì có nhiều tàu buôn qua lại nước ta,các giáo sỹ nhờ phương tiện của họ và theo chân họ đi truyền giáo... Rồi việc thương mại tiến mạnh, thì việc truyền giáo cũng mạnh... Do đó Thiên-Chúa giáo lại tái sinh ở Việt Nam...

Nói đến công cuộc truyền giáo của các thừa sai ngoại quốc ở Việt Nam trong thời kỳ đầu, lịch sử Việt Nam chỉ để lại một tài liệu rất thiếu sót trong cuốn Khâm định Việt Sử như sau : "Năm Nguyên Hòa nguyên niên đời Vua Lê-Trang-Tông nhà Lê (1532-1533), có một người Tây - Phương (dương nhân) tên là IGNATIO), đi đường bể lén vào giảng đạo Gia-Tô ở làng Ninh-Cường, làng Quần-Anh, thuộc huyện Nam Châu (tức Nam Trực)và ở làng Trà Lũ, thuộc huyện Giao-Thủy (về miền Nam-Định, Thái-Bình, Ninh Bình ngày nay).

Năm 1550, Linh Mục Gaspar de SANTA CRUZ (thuộc dòng Đa Minh) theo tàu buôn của người Bồ-Đào-Nha từ Malacca (thuộc Bồ) vào cảng Cần cảo (Hà Tiên bây giờ - lúc bấy giờ thuộc Cao Miên). Công cuộc truyền giáo này lúc đầu không được mấy kết qủa. Năm 1555, Linh mục qua Trung-Hoa, ở vùng Quảng-Đông thu lượm được nhiều kết qủa hơn. Bị bắt giam rồi bị trục xuất, Linh mục trở về Malacca. Vì tuổi gìa, sức yếu, linh mục phải trở về Bồ Đào Nha nghỉ và chết gìa ở đó.

Tiếp tục công việc Linh mục Gaspar de Santa Cruz, năm 1558, tu viện Malacca lại sai hai Linh mục Lopez và Azevedo sang Cao Miên. Sau 10 năm hoạt động, các Linh mục đã thu lượm được nhiều kết qủa khả quan, làm cho các nhà sư lo ngại, yêu cầu trục xuất hai Linh mục này.

Một thời gian khá lâu sau, năm 1580-1586, mới lại có hai Linh mục Georges de la Motte, người Pháp và Luis de Fonseca người Bồ Đào-Nha đến tiếp tục. Hình như hai Linh mục này cũng có qua truyền giáo ở vùng Quảng Nam, lúc đó thuộc quyền Chúa Nguyễn-Hoàng.

Vì dạo đó Xiêm và Miên luôn luôn có sự xích mích... Trong một cuộc chiến cả hai Linh-mục đều bị rơi vào tay quân đội Xiêm. Bị giải về kinh đô Xiêm/AYUTHIA, với nhiều giáo dân khác, hai linh mục tiếp tục công cuộc truyền-giáo cho các tù nhân ở đó. Bị Vua Xiêm nghi ngờ, Linh mục Luis de Fonseca bị lính thị vệ đâm chết trong khi đang hành lễ trong một căn nhà lá, dùng làm nhà thờ. Còn Linh mục Georges de la Motte tuy bị nhiều vết thương, nhưng cũng trốn được ra tới vùng biển, gặp một chiếc tàu buôn Tây Ban Nha, Linh mục được chở về Ma-lacca, nhưng đi được nửa đường thì qua đời. Lúc đó là năm 1599.

Năm 1584, Vua Mạc-Mậu Hợp, bấy giờ đã chiếm Thăng Long, viết thư yêu cầu Giám-Mục Carneiro ở Macao cử Giáo Sỹ đến giảng-đạo... Giám Mục biết tu viện Thánh Grégoriô ở Manilla, Phi Luật-Tân, có sẵn nhiều thừa sai bèn chuyển lời yêu cầu đó cho Linh Mục Pablo de JESU là bề trên ở đó.

Mới có một số thừa sai ở Tây Ban Nha gởi sang, lại được ông Manuel de Santiago, một thương gia giàu có, mới xin nhập dòng và nguyện dâng một phần cơ nghiệp để tổ chức công cuộc truyền giáo ở Việt Nam, Linh mục Pablo de

Jêsu quyết định phái một đoàn truyên giáo do Linh mục Diego de Oropesa cầm đầu, trong đó có các Linh Mục Bartolomé Ruiz, Pedo Ortiz và Francisco de Montilla và 4 thầy Cristobal Gomez, Diego Jimenez, Francisco Villorimo và Manuel Santiago, tuy còn thời kỳ nhà tập, nhưng cũng được hân hạnh dự vào chuyến đi đó.

Ngày 1-5-1583, thì thuyền của giáo đoàn này ra khơi lên xứ Bắc. Thuận buồm xuôi gió, chẳng bao lâu đã tới bờ biển Việt Nam, thuyền ghé vào một cửa biển, có lẽ là Quảng Yên, gần Cửa Cấm, Hải-Phòng ngày nay.

Vì ở vùng đó gặp lúc nước loạn lạc hay có giặc cướp từ vùng bể đến, quấy nhiễu thấy thuyền lạ, dân chúng liền khua chuông gõ mõ, đem giáo mác ra đánh. Nhưng khi tới thấy các giáo sỹ... là những người hiền lành họ liền xử đãi tử tế. Tuy vậy, giáo đoàn cũng bị bắt buộc bỏ thuyền lên ở một túp lều tranh trên bãi, dưới sự canh gác của tuần đinh, sau đó khám thuyền không thấy gì, một vài tuần đinh tỏ vẻ bạc đãi giáo đoàn...

Không biết tiếng bản xứ, không có thông ngôn, các Linh mục làm hiệu tỏ ý muốn gặp nhà vua. Lầm tưởng các Linh-Mục muốn tế thần, họ dẫn các Linh mục đến một ngôi đền cách xa đấy độ nửa dặm. Họ cúi đầu lễ, bảo các Linh mục theo. Nhưng các Linh mục không những không nghe mà còn tỏ ý phản đối.

Quan sở tại được tin báo, cũng đến xem sự thể. Phải vất vả lắm 2 bên mới hiểu nhau. Biết là các Tây giang đạo trưởng, quan sở tại bằng lòng cho các Linh Mục ở lại và phi báo lên Kinh (Thăng-Long).

Trong khi chờ đợi, ông yêu cầu các Linh Mục cho dân chúng được xem nghi lễ tế trời của các Tây giang. Các Linh mục rất sẵn lòng, chỉ yêu cầu dân chúng giữ yên lặng và kính cẩn đang khi hành lễ. Ông sai trang hoàng một gian nhà rộng rãi. Hôm sau, dân chúng quần áo chỉnh tề đến dự lễ rất đông. Linh Mục Diego Oropesa chủ tế. Trong một giờ lễ, "quan sở tại và tất cả dân chúng dự lễ một cách nghiêm trang kính cẩn, yên lặng, không ai bảo họ là người chưa có đạo, mà đúng hơn là người đã có đạo, lâu năm". Ông còn sai tổ chức nhiều trò chơi nhảy múa để các Linh Mục giải trí, nhưng các Linh Mục từ chối.

Hơn một tuần lê sau thì lệnh trên Kinh đưa xuống, quan sở tại mời giáo đoàn đến dinh, mặc áo thụng, làm nhiều nghi lễ rồi mới mở thư. Đại ý trong thơ nói : Những Tây giang đạo trưởng mà khanh đã tâu trình và khen lao đời sống đạo hạnh, trẫm thầm nghĩ sự hiện diện của họ là một mối lợi lớn cho quốc gia, khanh có thể cho phép ở lại nếu họ muốn, nhưng đừng bắt buộc họ. Dầu thế nào, trẫm muốn họ được đến trước nhan trẫm để hưởng thấy lòng bao dung nhân từ của trẫm".

Các Linh mục vội vã lên đường vào Kinh để yết kiến vua Mạc. Chẳng may lúc ra khơi để vào cửa sông, gặp bão lớn, thuyền bị đánh giạt vào một hòn đảo ở Hải Nam. Cho là thuyền Tây giang đến do thám, Giáo đoàn bị tống giam. Bị dẫn từ nhà tù này qua nhà tù khác, lên đến tỉnh ly, may nhờ có một lái buôn bản xứ, trước đã qua buôn bán ở Manilla và ở Macao nhận ra là các Tây giang đạo trưởng. Ông ta liền nói với quan trấn : họ là đạo trưởng của vua nhà Castilana, ở Manilla và Macao ai cũng kính trọng, nếu họ biết tin các giáo sỹ của họ bị bạc đãi ở đất Trung Hoa, thì họ sẽ thù hằn bạc đãi lại những người Trung Hoa đến buôn bán ở đó".

Giáo đoàn được tha và thuê một chiếc thuyền buôn về Macao.

Năm 1568-1589, Công Chúa Mai Hoa, tục gọi là bà Chúa Chèm vẫn còn nhiếp chính thay em là vua Lê-Thế-Tông (1), lại một lần nữa sai sứ giả sang Macao yêu cầu gởi thừa sai (2). Lúc đó Giám Mục Carneiro đang sẵn có 2 Linh Mục triều tuy đã gìa cả nhưng sẵn sàng hy sinh truyền giáo: Linh Mục Alfonso da Costa đã 50 tuổi và Linh Mục João Gonsalvez de Sã đã 60 tuổi. Hai người theo sứ giả vào đất Thanh Hóa, được bà Chúa Chèm tiếp đón rất trọng thể.

Hoạt động truyền giáo của các Linh mục này lúc đầu đã có nhiều hy vọng. Trong một

---

(1) Vua Lê-Thế-Tông (1573 - 1599) lên ngôi thay Vua Anh Tông, bị Trịnh Tùng hạ sát năm 1573, vì bấy còn ít tuổi, nên chị là Công-Chúa Mai Hoa, tục gọi là bà Chúa Chèm, thay em nhiếp chính cho đến cuối năm 1589.

(2) Lần thứ nhất bà sai sứ giả sang Ma-Cao bị người Trung Hoa bắt, lần thứ hai năm 1579 - 1580, sứ giả có gặp Giám-Mục Macao nhưng vấn đề bị gác lại vì thiếu thừa sai, và lần này là lần thứ ba.

cuộc tiến quân đánh nhà Mạc, các Linh mục khuyên mang thánh giá ra trận và vẽ hình thập tự giá lên cờ. Thắng trận, theo ý các Linh mục, bà Chúa Chèm cho tổ chức một cuộc rước kiệu trọng thể để kính Thánh Giá Chúa. Nhưng từ cuối năm 1589, vua Lê-Thế-Tông đã trưởng thành, lên cầm quyền, bị ảnh hưởng của Trịnh-Tùng, các Linh mục không còn được trọng đãi như trước nữa.

Đến năm 1590, thì có một chuyến tầu của Linh Mục Pedro Ordonez de Cevallos gặp bão, giạt vào bờ biển xứ Bắc. Linh Mục và các bạn được đưa về kinh đô của vua Lê ở An-Trường. Câu chuyện Linh mục Pedro Ordonez de Cevallos với Công Chúa Mai Hoa bắt đầu.

Tưởng cũng cần nói thêm là khi bị bắt và được vào yết kiến vua Lê-Thế-Tông, Linh mục De Cevallos đã tỏ ra lịch thiệp hiên ngang nên được nhà vua niềm nở tiếp đón và Công Chúa Mai Hoa cảm mến... Nhân câu chuyện hỏi thăm quê quán .v.v... của Linh Mục, Công Chúa hỏi Linh mục đã kết bạn chưa ? Linh Mục trả lời vì là Linh mục nên luật không cho phép kết bạn. Công Chúa nói một cách buồn rầu :"Thật là một luật ác nghiệt". Sau đó bà tỏ ý "kết duyên" cùng Linh Mục và Vua Lê-Thế-Tông cũng đề nghị như thế. Nhưng lần nào cũng bị từ chối.

Năm 1591, Trịnh Tùng xua quân tiến ra Bắc với danh nghĩa "Phù Lê diệt Mạc", đã mang theo hai Linh Mục Alfonso da Costa và João Gonsalvez de Sã cùng các bạn đồng hành của Linh-Mục Pedro Ordonez de Cevallos, chỉ để có một mình Ordonez ở lại kinh đô.

Bà Chúa Chèm từ khi được biết theo luật Giáo Hội Công Giáo, Linh Mục Pedro Ordonnez de Cevallos khi đã hiến dâng, không còn được phép kết bạn, bà đã nói :"Ta đã chẳng cấm các thầy sư không được kết bạn đó sao và nếu Chúa bên đạo cũng bắt như thế sao lại bắt người ta lỗi phạm?" Vì cảm mến Linh Mục, khi được tin Trịnh Tùng sắp sửa trục xuất, bà buồn bã lắm và yêu cầu được chịu phép rửa ngay. Ngày 22/5/1591, bà được chịu phép rửa tội với tên thánh là Maria (1). Theo gương bà, nhiều nàng hầu và cung nữ đã được học đạo cùng xin chịu phép rửa. Tất cả là 72 người.

Khi Vua Lê-Thế-Tông trở về, trong khi Trịnh Tùng tiếp tục cho tiến quân ra Bắc, nhà Vua và Hoàng Thái Hậu nghe tin bà theo đạo đã tỏ ý không bằng lòng. Để làm dịu bất mãn của nhà Vua, bà xin nhường chức tước đó cho ngài chỉ xin một khu đất để lập một tu viện và suốt đời được tu trì ở đó.

Đền của bà được sửa thành tu viện và khu chính cung được sửa làm nhà nguyện. Ngày 26/6/1591, Linh Mục Ordonez đã dâng lễ đầu tiên ở đó và cũng là lễ khấn tạm của 51 nữ tu đầu tiên của dòng. Tên của dòng là Đức Mẹ vô-nhiễm nguyên tội.

Số người được rửa tội mỗi ngày mỗi đông, nhà vua lại ban cho bà một giải đất bên kia sông, suốt cho đến suối Bạch , để họp giáo dân thành một làng Gia-tô.

Sau lễ Đức Mẹ lên trời ngày 15/8/1591, thì Linh Mục Ordonez và tất cả các bạn bị trục xuất.

Năm 1596, khi hai Linh Mục Diégo Aduarté và Alonzo Jimenez, thuộc dòng Đa-minh qua cửa Hàn, cũng gặp hai Linh Mục dòng thánh Agostinô. Hai Linh Mục đến ở đây không phải là để truyền giáo mà là để coi sóc các lái buôn người "Bồ" đến buôn bán, trú ngụ ở đó.

Dạo đó Vua Cao Miên là Chan Pouha Tan yêu cầu người Tây- Ban Nha ở Phi Luật-Tân viện trợ để chống lại người bà con cướp ngôi tên là Prah Rama. Tây liền gởi 150 quân sĩ vừa Tây vừa Phi sang cứu viện. Hai Linh Mục cũng đi theo để làm Tuyên Úy.

Không thu lượm được kết qủa, chiến hạm của Tây-Ban Nha tạt lên cửa Hàn để tiếp lương. Linh Mục Diégo Aduarté đến yết kiến Chúa Nguyễn, được Chúa tiếp đãi tử tế, hứa sẽ xây nhà thờ và cho tự do truyền đạo. Linh Mục xin khất và sẽ trả lời sau khi hỏi ý kiến Linh Mục Alonzo Jimenez và đồng thời muốn trở về cửa Hàn, mừng lễ Thánh Agostinô với hai Linh mục dòng ở đó.

---

(1) Tên của bà có lẽ là Hoa, còn Mai là lời phiên âm tên Thánh Maria cho bà, cho nó đẹp với chữ Hoa. Giáo sỹ Pedro Ordonez gọi là Flora. Vì vậy mới có tên gọi là Công-Chúa Mai - Hoa.

Chẳng may lúc đó xảy ra vụ thân phụ của hạm trưởng Juan Suarez Gallinato, làm trấn thủ ở Phi-Luật-Tân, bị một toán cướp giết, rồi chúng trốn vào vùng biển Quảng Nam. Đáng lẽ Juan phải đích thân vào xin yết kiến Chúa Nguyễn để xin bắt bọn cướp, thì lại sai một nhân viên tùy tùng đến yêu cầu Chúa trả lại. Tức giận, Chúa Nguyễn cho quân ra tấn công chiến hạm của người Tây Ban Nha...

Linh Mục Diégo Aduarté bị 2 mũi tên nhưng cũng thoát theo tàu ra khỏi, còn Linh Mục Alonzo Jimenez bị bắt lại. Sau thời gian ở lại với hai Linh Mục dòng Agostinô, Linh Mục Alonzo Jimenez đã rửa tội cho hai tù nhân bị án tử, rồi theo tàu buôn người Bồ-Đào-Nha về Phi-Luật-Tân.

Trở lên, hầu hết các giáo sỹ đều thuộc dòng Đa-Minh là dòng đã bắt đầu truyền giáo ở đất Việt Nam. Nhưng từ năm 1615, thì dòng Tên bắt đầu xuất hiện ở nước ta và chính với các Giáo sỹ dòng Tên đạo Thiên Chúa ở Việt Nam đã tiến những bước dài vững mạnh.

Tưởng cần phải nói là năm 1614, Nhật nghe lời dèm pha của người Hòa Lan đuổi các giáo sỹ ngoại quốc ra khỏi nước (1). Nhiều giáo sỹ dòng Tên sang để đi giảng đạo ở Nhật, phải ở lại Macao... Giữa lúc đó có ông Ferdinand Costa, thuyền trưởng có tên tuổi ở vùng Đông-Ấn, đến gặp các giáo sỹ, trình bày rằng ông mới ở cảng Chúa Nguyễn trở về, thấy có nhiều triển vọng của một cuộc truyền giáo có thể ở xứ đó. Ông cũng không quên nhấn mạnh tính tình dễ dãi của người dân xứ Nam :"họ xử đãi tử tế, nhã nhặn với tất cả các ngoại kiều đến buôn bán ở đó, để cho ai nấy được tự do theo lối sống riêng của nước mình. Chính Vua xứ đó cũng ủy nhiệm cho ông khi về Macao, tìm cách dẫn dụ các thừa sai đến ở xứ Nam và ông yêu cầu các giáo sỹ đừng chối từ lời yêu cầu chính đáng đó và lợi dụng thời cơ thuận tiện làm việc ích cho giáo hội."

Ngày 18/1/1615, vào hồi Tết ta, tầu buôn của người Bồ-Đào-Nha từ ngoài khơi lặng lẽ tiến vào bến cửa Hàn (Tourane) trong dịp có gió mùa. Trên tầu này có hai Linh Mục là Francesco Busomi và Diego Carvalho và 3 thầy dòng trong đó có hai người Nhật là Joseph và Paul, một người Bồ-Đào-Nha là Antonia Diaz.

Busomi là Linh Mục dòng Tên thứ nhất được cử đến nước ta. Từ năm 1615 đến 1639, Linh Mục giữ địa vị Bề trên các xứ Đàng Trong, dưới đời Chúa Sãi, là con Chúa Tiên, lúc còn đóng đô ở Trà Bát, tức Cát-Dinh gần tỉnh lỵ Quảng Trị ngày nay.

Chúa Sãi tiếp các Linh Mục rất tử tế và việc đạo được triển khai khả quan, vì vậy tới giữa năm 1616, có thêm Linh Mục Andrea Fernadez, người Bồ-Đào-Nha sang thay Linh-Mục Diego Carvalho, được gọi về, để tìm đường sang Nhật, làm phụ tá cho Busomi, Đến năm 1617, lại có hai Linh Mục nữa là Francesco Barreto, người Bồ-Đào-Nha và Francesco di Pina người Ý, cùng đến đất thuộc quyền Chúa Nguyễn - Linh Mục Pina là người duy nhất trước Linh Mục Alexandre de Rhodes, giảng cho dân chúng mà không cần thông ngôn, đồng thời là thầy dạy tiếng Việt Nam cho Linh Mục De Rhodes sau này.

Giữa khi mọi việc tiến hành tốt đẹp, thì xẩy ra một việc không may là luôn mấy tháng mùa Thu, Đàng Trong bị hạn hán, cầu đảo thế nào cũng không ra một giọt nước. Các nhà sư vốn ghét các Giáo sỹ, phao đồn rằng vì các giáo sỹ đem đạo mới vào nước, trái với ý của thần thánh nên bị trời phạt. Chúa Sãi phải cho mời Linh Mục Busomi vào để giải thích và mặc dù các lời giải thích xác đáng, nhưng Chúa phải trọng dư luận, đành yêu cầu các giáo sỹ phải rời khỏi Đàng Trong. Nhưng vì không thuận gió nên các giáo sỹ phải trốn vào một khu rừng gần bờ biển, được các giáo dân che chở. Không chịu được cảnh bùn lầy nước đọng, Linh Mục Busomi ngã bệnh... Quan Phủ Qui Nhơn đã giúp đỡ các Linh Mục tiền bạc và mang Linh Mục Busomi về chữa bệnh... còn Linh Mục Pina... thì đón về Hội An. Trong lúc này một chuyện khá ngộ nghĩnh xẩy ra : nghe tin việc truyền giáo ở nước Nam đang bị gián đoạn... Macao phái giáo sỹ Pedre Marquez người Bồ-Đào-Nha lai Nhật, sang giúp các bạn đồng nghiệp. Linh Mục Christoforo Borri cùng đi chuyến tầu này, khi gần cập bến Đà-Nẵng, thì hai thủy thủ đánh nhau.

(1) Người Hòa Lan theo Thệ Phản giáo đã dèm pha rằng các cố đạo là tay sai của Vua Bồ-Đào-Nha, núp dưới danh nghĩa truyền giáo để dò thám và tổ chức nội công cho việc thôn tính nước Nhật của Vua Bồ.

Một người bị thương, một người sợ phải nhảy xuống nước bơi vào bờ, nhưng bị đuối sức, Linh Mục liền nhảy xuống cứu và trong lúc giận dữ, Linh Mục quên hẳn mình đang cải trang một kẻ hầu hạ trên tàu, đã mắng thủy thủ phạm lỗi rất dõng dạc. Tên này cúi đầu không dám cãi. Các người Việt đứng trên bờ biết ngay đây không phải là lao công trên tầu mà là một thừa sai... Đã lỡ thì đành, Linh Mục liền bước xuống bờ, lập bàn thờ giữa trời và đọc kinh làm lễ...

Lúc đó ở đây hãy còn đại hạn. Nhưng Linh Mục vừa làm lễ xong, thì trời mưa xuống như trút. Thế là cơn mưa rào đã giải quyết được tình trạng khó khăn của đạo Thiên Chúa tại phần đất này của nước Nam. Các Linh Mục liền đi từ Đà-Nẵng (Tourane) đến Hải Phố (Faifo), kiếm Linh Mục Pina (1). Gặp Linh Mục Pina, đáng lẽ Linh Mục Busomi sẽ dùng tầu về Macao chữa bệnh, nhưng may mắn tự nhiên Linh Mục lại khỏi bệnh, nên Linh Mục lại mang hai Linh Mục Pina và Borri trở lại Qui Nhơn. Tại đây, các Linh Mục được phép tiếp tục truyền giáo ở thị trấn nước Nam, một khu vực ở bờ biển phía Bắc Qui Nhơn hồi bấy giờ.

Công việc trôi chảy được hơn một năm, thì quan Phủ bỗng bị cảm và chết. Các giáo sỹ lại mất người che chở, phải phân tán mỗi người mỗi nơi, chỉ còn Linh Mục Borri ở lại. Năm 1621, giáo sỹ này, vì phạm lỗi, đã phải từ gía đất Đàng Trong, về Macao và sau đó bị trục xuất khỏi dòng.

Sau Linh Mục Borri, cho tới năm 1625, có tới 10 giáo sỹ dòng Tên đến Đàng Trong. Họ phần nhiều là người Bồ-Đào-Nha, vài người mang quốc tịch Ý và Nhật. Luôn trong mười năm, họ đã gây dựng được khá nhiều tín hữu.

Vào năm 1626, việc truyền giáo ở Đàng Trong phát triển khả quan, các bề trên dòng Tên liền nghĩ đến việc bành trướng việc truyền giáo ra Bắc. Linh Mục Baldinotti được cử lên đường ngày 2/2/1626, với một thầy giảng người Nhật, tên là Jiuliano Piani, để nghiên cứu vấn đề. Chiếc tàu buôn của Bồ-Đào-Nha đưa hai người ra Bắc, bị bão và lạc đường, phải loanh quanh mãi tới 26 ngày mới tới được bến. Chúa Trịnh Tráng tiếp họ rất niềm nở. Rồi Linh Mục Baldinotti về Đàng Trong để phúc trình tình hình cùng các nhận xét và đề nghị của mình, sau đó Linh Mục Alexandre de Rhodes được phái ra Đàng Ngoài để đặt nền móng cho dòng. Alexandre de Rhodes là một giáo sỹ trẻ tuổi người Pháp, có mặt ở Miền Nam lúc bấy giờ mới được có hai năm. Ông rất am tường địa phương và rất thông minh. Ông ra đời ở Avignon năm 1591 (15-3) và vào Dòng Tên từ năm 18 tuổi.

Tình nguyện phục vụ Chúa ở Á-Châu. Năm 1619, ông qua Lisbonne để lãnh sứ mạng (2), rồi lần lượt sang Goa, Salfête, Malacca rồi đến Macao vào ngày 29/5/1623. Đáng lẽ Alexandre de Rhodes được cử sang Nhật, nhưng vào năm đó (cuối năm 1624), ở đấy lại có việc bài đạo. Nhà dòng chính tòa phải đưa ông về Đàng Trong (27/12/1624), cùng một lúc với Linh Mục Gabriel de Mattos, người Bồ-Đào-Nha, với năm giáo sỹ dòng Tên khác, trong đó có một là người Nhật rất giỏi chữ Hán. Tới Việt Nam, sau 6 tháng, Alexandre de Rhodes đã thạo tiếng bản xứ để giảng kinh, vì thế nên khi cần mở rộng việc đạo ở Đàng Ngoài ông được chỉ định ngay vào công tác kể trên. Linh Mục ra Đàng Ngoài được 3 năm (1627-1630) với Linh Mục Pedro Marquez, lôi cuốn được rất nhiều người theo đạo... Nhưng sau này, vì nghe lời dèm pha, Chúa Trịnh xuống lệnh trục xuất Alexandre de Rhodes ra khỏi xứ. Ông cố trở lại Đàng Trong không được, lại phải trở về Macao, nương náu ở đây luôn 6 năm, vừa giảng đạo cho người Tầu, vừa dạy học ở Chủng-viện. Năm 1640, ông được cử về Đàng Trong một lần nữa, thay Linh Mục Busomi vừa qua đời (3). Lần này, ông lại gặp sự chẳng may, vì Chúa Công Thượng Vương cũng rất ghét đạo, nên người Bồ-Đào-Nha ép buộc ông rời khỏi xứ ngay, nếu không thì mọi việc kinh doanh của họ sẽ bị đổ vỡ, vì Chúa biết họ đã đem một giáo sỹ đến Đàng Trong. Về phần Alexandre de Rhodes, ông cũng nhận thấy sự hiện diện của mình sẽ có hại cho giáo dân, nên ông đành ra đi... Nhưng sau đó hơn 4

---

(1) Linh Mục Pina chết vào tháng 12-1625, trong khi ông đi thuyền ra nhận đồ tiếp tế ở tầu lớn về.

(2) Đạo đó, theo quyền bảo trợ của Vua Bồ-Đào-Nha, tất cả thừa sai vùng Đông-Ấn đều phải qua Lisbonne và chịu quyền kiểm soát và bảo trợ của Triều đình Bồ.

(3) Linh Mục bị Chúa Thượng Vương ra lệnh trục xuất về Macao, rồi vì nghe tin Chúa thiêu hủy các ảnh đạo, trục xuất giáo sỹ nên buồn quá ngã bệnh chết (ở Macao), sau 24 năm hy sinh cho giáo đoàn xứ Nam.

năm, ông lại có nhiều dịp đi về, và chỉ khi nào bị chính quyền trục xuất mới chịu khăn gói lên đường... Sau, vào ngày 3/7/1645, việc cấm đạo gắt gao đến đổ máu, giáo sỹ mới chịu ra đi hẳn (1). Lần cuối cùng ông về Âu-Châu, với sứ mạng trình lên Giáo-Hoàng một dự định đặt và phát triển mạnh ảnh hưởng của Pháp ở Việt-Nam.

Alxandre de Rhodes rời Macao ngày 10/12/1645 và tới La Mã vào ngày 26/6/1649, sau ba năm trải qua nhiều cuộc phiêu lưu gian khổ, trên đường về : Ông nương náu một thời gian ở Malacca (thuộc Bồ-Đào-Nha), rồi bị người Hòa Lan cầm tù ở Batavia đến Bentam thì được người Anh đối đãi tử tế, rồi ông qua Ba Tư và theo đường Trung-Đông đến La Mã. Tới Tòa Thánh, ông ở liền 3 năm để trình bày với các Giáo chủ và Giáo Hoàng dự án thành lập ở Việt Nam các Tòa Giám Mục Pháp và một hệ thống Công giáo bản xứ. Hội truyền giáo nhiều lần tán thành dự án này và khi Linh Mục đệ đơn lên Giáo Hoàng Innocent X để bổ nhiệm một số Giám Mục cho các Giáo đường Việt Nam thì ngày 2/8/ và 26/9/1650, Giáo Hoàng ra lệnh nghiên cứu vấn đề, nhưng công việc của Tòa Thánh rất chậm chạp, nhất là khi thương lượng với Hoàng Đế Bồ-Đào Nha. Đối với chính quyền Bồ-Đào Nha, việc này sẽ lợi cho Pháp ở Viễn Đông, nhưng làm giảm quyền lợi của nhà Vua, vì Tòa Thánh từ lâu đã công nhận mọi quyền phát triển Thiên Chúa Giáo và kinh tế thương mãi cho Bồ Đào Nha (2). Mặc dầu lúc này Bồ Đào Nha đã suy yếu, nhưng vẫn muốn giữ uy thế cũ, điều này đã hiển nhiên như vậy mà vẫn không ai dám nói ra tại La Mã. Do đó, mà ảnh hưởng của Bồ Đào Nha hãy còn mạnh đối với dự án của Alexandre de Rhodes. Hai năm sau, Linh Mục lại làm đơn lưu ý Giáo-Hoàng về dự án một cách khẩn thiết. Giáo-Hoàng ngỏ ý muốn phong cho ông làm Giám-Mục đầu tiên ở Việt-Nam, nhưng ông từ chối vinh dự này. Ngày 11/9/1652, ông được ủy-nhiệm về Paris để tìm kiếm giáo sỹ đem sang nước ta. Về đến Pháp, ông triệu tập các giáo sỹ trẻ tuổi để bàn về chỉ hướng của ông, đã được nhiệt liệt tán thưởng và vận động với Hoàng-Hậu và các yếu nhân trong triều. Nhưng những nỗ lực của ông cũng không thâu đạt được kết qủa như ý mong muốn. Sau cùng ông được cử sang Ba tư để lập một giáo đường và rồi chết ở đó vào năm 1660.

Trong suốt 17 năm ở Đàng Trong và Đàng Ngoài, Giáo sỹ Alexandre de Rhodes tìm hiểu ngôn ngữ, phong tục và lịch sử nước ta và tỏ ra rất thông suốt. Ông viết nhiều sách về nước ta và xuất bản ở Âu Châu, trong thời kỳ ông trở lại xứ sở của mình. Trước ông, chưa ai viết được những tác phẩm có giá trị về Việt Nam cả. Ngoài những sách viết về nước ta, ông còn cho in tại La Mã sách kinh bằng tiếng Việt-nam, để cho người Việt dùng, và một cuốn Tự điển Việt Nam - Bồ Đào Nha - La tinh cho các Giáo sỹ dùng. Ông là người có công làm giàu cho chữ quốc ngữ của chúng ta, sau các Linh Mục Francesco de Pina và Christoforo Borri, là những người đã La Mã hóa cuốn kinh đầu tiên bằng tiếng Việt vào năm 1621 - trước ngày Alexandre de Rhodes đến nước ta 4 năm. Rất tiếc cuốn kinh nói trên hiện thất lạc chưa tìm ra, mà chỉ còn lại nhiều kinh sách của Alexandre de Rhodes, nên người ta cho rằng Alexandre de Rhodes là "thủy tổ chữ quốc ngữ," trong khi ông chỉ có công kế tục tu chỉnh và phong phú hóa chữ quốc ngữ mà thôi. Nhưng dầu sao chăng nữa , ông cũng là một trong số các Giáo sỹ sáng tạo ra chữ quốc ngữ của ta.

Đến những năm đầu của Thế Kỷ thứ XVIII, tình trạng của Hội truyền giáo ngoại quốc cũng rất là bi đát vì cái nạn thiếu cả người lẫn tiền bạc. Đôi khi chủng viện trống rỗng, giáo sỹ chỉ có lưa thưa một vài người. Năm 1722, tại Xiêm chỉ có 4 giáo sỹ, tại Trung quốc có 3, ở Đàng Ngoài có 4, ở Đàng Trong cũng chẳng nhiều hơn. Đã thế, năm 1728, tòa Giám Mục ở Đàng Trong lại thuộc về tay một vị tu sỹ người Ý, là thừa sai của Hội Truyền bá đức tin (Propagande de foi), tên là Alexandre de Alexandris. Ông này không khéo điều khiển công việc, nên nội bộ của Giáo Hội Thiên Chúa tại Việt Nam luôn luôn lủng củng. Bởi vì giáo sỹ ở Việt Nam lúc này thuộc nhiều quốc tịch khác nhau, cho nên luôn luôn có những sự đố kỵ, bất đồng... và Tòa Thánh La Mã cũng nhận được khá nhiều đơn khiếu nại... Ngoài ra, lại còn chuyện các Giáo sỹ Bồ Đào Nha không chịu thừa nhận quyền hành của các giáo sỹ thuộc Tòa Thánh, họ lại xung đột cả với nhau về vấn đề khoan dung cho các giáo dân được thờ cúng tổ tiên và tiếp tục

---

(1) Chính ông cũng bị bắt và kết án trảm quyết, nhưng nhờ có người can thiệp nên được tha và trục xuất.

(2) Xin xem thêm chương I.

một vài phong tục cổ truyền... Các giáo sỹ dòng Tên, và các giáo sỹ dòng Phan xi Cô thì tán thành vấn đề kể trên, trái lại các giáo sỹ Pháp cương quyết phản đối.

Trước sự tranh chấp này, Giáo Hoàng Clément XIII đã phải cử một Giám Mục đi điều tra và ổn định tình thế... của giáo hội ở Á-Châu. Giám Mục đó là một người Pháp tên là De la Baume, được mọi người khen là khéo léo và có đạo đức. Năm 1738, Giám Mục De la Baume cùng với 3 giáo sỹ khác sang Đàng Trong, nhưng phái đoàn đến Macao trước vào ngày 15/7/1738, ở lại đó khá lâu để nghiên cứu mọi việc, đến ngày 1/5/1739 mới qua Đàng Trong. Dường như các giáo sỹ Dòng Tên đã nêu lên nhiều vấn đề rắc rối, nhưng Giám Mục trưởng phái đoàn điều tra rất kiên trì và đã nhận xét được vấn đề dưới mọi khía cạnh một cách sáng suốt. Sau đó, vào ngày 2/7/1740, đã đưa ra các quyết định dưới đây :

- Các giáo sỹ dòng Tên hoạt động tại các tỉnh Miền Bắc, một nửa tỉnh Thừa Thiên, nửa tỉnh Quảng Nam, toàn tỉnh Quảng Ngãi và một phần xứ Đồng Nai.

-Hội Truyền giáo ngoại quốc hoạt động tại một nửa tỉnh Thừa Thiên, nửa tỉnh Quảng Nam, toàn tỉnh Qui Nhơn, Phú Yên, Khánh Hòa và đất Chiêm Thành.

- Dòng Phan xi Cô hoạt động tại phần đất Đồng Nai còn lại và xứ Cao Miên.

Như vậy các giáo sỹ Pháp ở khoảng giữa các giáo sỹ dòng Tên và dòng Phan xi Cô. Rồi vị Khâm Mạng Tòa Thánh cử một Giám Mục người Pháp để gìn giữ các Giáo sỹ dòng Tên khỏi ra ngoài phạm vi đã định-như vậy, Dòng này cũng đã được lợi nhiều rồi và các giáo sỹ dòng Phan xi Cô, xa các giáo sỹ dòng Tên, có thể sống yên vui với các Giáo sỹ Pháp. Ngoài ra, ngoại trừ quyền lợi chung của giáo đường, giáo sỹ dòng nào cũng được hưởng các quyền lợi riêng. Việc này được Giáo Hoàng phê chuẩn vào ngày 19/9/1741, và tạp chí của Hội Truyền bá đức tin đã đăng tin này vào ngày 23/11 năm ấy. Rồi ngày 6 tháng 10 năm 1741, Linh Mục Lefèbvre được thăng Giám Mục, để tới cầm đầu các tỉnh thuộc Hội truyền giáo ngoại quốc.

Người ta nhận thấy rằng, vào khoảng thế kỷ thứ XVII, giáo dân ở Đàng Ngoài bị chính quyền miền Bắc khủng bố mạnh hơn chính quyền Đàng Trong. Qua thế kỷ thứ XVIII, tình trạng bi đát này cũng không đổi thay trong các năm 1712, 1737, 1745, 1773 và các giáo sỹ cũng bị cấm không cho nhập cảnh. Ta nên nhớ rằng vào năm 1723 và 1737, nhiều giáo sỹ dòng Tên đã bị hành quyết, năm 1745 và 1773 nhiều giáo sỹ dòng Đa Minh bị cầm tù và bị xử tử. Tại Đàng Trong không khí tương đối dễ thở hơn, vì việc truyền giáo được tự do và công khai, mặc dầu vào năm 1724, Minh Vương đã có lần xuống lệnh trục xuất giáo sỹ và cấm dân chúng theo đạo... Tuy vậy, lệnh này không được thi hành gắt gao lắm. Tới Ninh Vương là người kế vị Minh Vương thì giáo dân lại được tự do như thường. Năm 1738, Võ Vương thay Ninh Vương còn tỏ ra có độ lượng nhiều hơn cho tới năm 1750. Nhưng vào năm này Chúa Nguyễn đột nhiên hạ lệnh đuổi hết giáo sỹ ra khỏi lãnh thổ của mình : 28 giáo sỹ bị lùng bắt và hạ ngục trong đó có giáo sỹ Michel de Salamanque, thuộc dòng Phan xi Cô (Tây Ban Nha), chết ở trong tù ngày 14/7/1750. Những người khác bị đuổi xuống tầu đi Macao ngày 26/8/1750. Riêng giáo sỹ Koffler thuộc dòng Tên được lưu lại là bởi vì ông ta là ngự y của Vua Chúa; các nhà thờ bị tàn phá và giáo dân bị trốc nã, giam cầm hay khổ sai, nhưng may không ai bị xử trảm.

Tổng quát mà nói, mặc dầu Đàng Ngoài cấm đạo dữ dội hơn Đàng Trong, nhưng việc đạo lại phát đạt hơn và có lẽ vì đạo Thiên Chúa phát triển mạnh ở Đàng Ngoài nên Vua Chúa mới thẳng tay, bởi vì họ sợ đạo Thiên Chúa gieo mầm cách mạng vào tinh thần các thần dân, hoặc các nhà chức trách, thấy ảnh hưởng của đạo này đã làm giảm bớt tinh thần phục tùng của dân chúng đối với chính quyền. Mặt khác, có lẽ các giáo sỹ cũng thiếu tế nhị đối với các nhà chức trách. Về phần nhà Chúa ở Đàng Trong hòa hoãn với Công giáo, không ngoài nguyên nhân là đã được Tây Phương giúp đỡ về nhiều phương diện. Trái lại người Bồ Đào Nha và người Hòa Lan chẳng giúp gì tốt đẹp cho Vua Lê Chúa Trịnh hết. Về vấn đề này, người ta không quên vào thế kỷ thứ XVII nhiều giáo sỹ dòng Tên đã giữ nhiều trọng trách trong triều của họ Nguyễn như là các bạn đồng sư của họ ở dưới triều Thanh bên Trung Hoa. Năm 1686, Hiền Vương yêu sách Macao phải gởi trả lại cho mình Linh Mục Bartholomen de Costa. Cuối thế kỷ thứ XVII, Minh Vương dùng Linh Mục Antonio de Annedo

với danh nghĩa một nhà toán học, năm 1724, Ngài có ba giáo sỹ dòng Tên ở bên cạnh mình : các Linh Mục Sanna, Pirès de Lima (cả 2 người Bồ) là nhà toán học và Thiên-Văn-Học và Jean de Arnedo là thầy thuốc. Võ-Vương cũng dùng Linh Mục Neugebauer là nhà toán học và Thiên văn học, Linh Mục Siebert Slamenski làm ngự y. Ông nầy chết ở Huế năm 1745, được Linh Mục Jean Koffler thay - Koffler ở Đàng Trong đến năm 1755 thì về Bồ-Đào-Nha.

Sau lệnh trục xuất toàn thể giáo sỹ năm 1750, Koffler vẫn được ở lại, hai năm sau Chúa dùng Xavier de Monteiro là một nhà toán học và Jean de Loureiro làm ngự y.

Năm 1774, dòng Tên bị giải tán, nhưng một số giáo sỹ lẻ tẻ còn ở lại phục vụ các Chúa Đàng Trong và Đàng Ngoài. Đến năm 1788 mới ra đi hết. Trái lại tình trạng của Hội truyền giáo ngoại quốc trở nên phát đạt về tài chánh cũng như nhân sự do sự vắng mặt của dòng Tên. Tới ngày 20/5/1786, Hội truyền bá đức tin quyết định chia Đàng Ngoài cho dòng Đa Minh và Hội truyền giáo ngoại quốc ; Đàng Trong Hội truyền giáo ngoại quốc được quản lĩnh các quận phía Bắc Saigon. Nhưng các quyết định trên đây không đi tới đâu cả, vì khi quyết định, giới thẩm quyền La Mã không nắm được tình hình nước ta đang bị hỗn loạn từ Bắc vào Nam : Chúa Trịnh Sâm đã diệt được Nguyễn ở bên này sông Gianh, anh em nhà Tây Sơn là một lực lượng thứ ba mới xuất hiện trên sân khấu chính trị Việt Nam, đang chọc trời khuấy nước, đánh bật Chúa Huệ Vương nhà Cựu Nguyễn khỏi miền Trung. Ngoài ra khắp cõi Nam Việt cũng rối ren vì giặc cướp Việt, Miên, Xiêm, Mã, mạnh đâu cướp đó, không còn ai là quan trị quan nhậm nữa. Trong giai đoạn nầy, việc truyền giáo của Gia-tô ở Việt Nam gần như bị tê liệt hẳn. Nhiều giáo sỹ dòng Tên lại tìm cách trở lại. Họ nương náu ở Cao Miên hoặc tự ý, hoặc có sự thỏa thuận của các Giáo sỹ dòng Phan-Xi-Cô. Chính quyền địa phương và dân bản xứ cũng không có gì cản trở họ.

Giám Mục Lefèbvre với một Linh Mục sau này thầy ông là Piguel, vào năm 1760, trú ngụ ở Oudong, là thủ đô của Vương quốc Cao Miên, đã tìm cách liên lạc với Nam Việt qua trung gian của những người đánh cá ở Biển hồ... Năm 1765, Piguel lên chức Giám Mục đã có dịp cứu giúp các bạn đồng sự lúc này còn cơ cực hơn, vì Xiêm đang bị nạn Miến điện xâm lăng... Họ phải bỏ xứ này chạy tán loạn đi khắp nơi. Họ đã nghĩ đến việc đặt Tổng Chủng viện ở Chantaboun, một địa phận gần xứ Miên, dưới quyền điều khiển của hai Linh Mục Kerhevé và Artaud. Nhưng rồi chỗ nay cung không được yên ổn lắm, họ lại kéo xuống Hà Tiên, được Mạc Thiên Tứ dung dưỡng. Họ Mạc lúc bấy giờ đang làm Chúa tể ở đây đã đề nghị cho các giáo sỹ 3 nơi để lập cơ sở ...Các giáo sỹ chọn vũng Hòn đất, ở sát bờ biển, cách Hà Tiên 4 giờ đi bộ. Tại đây đã có một số giáo sỹ dòng Phan xi Cô. Các ông này nhìn các giáo sỹ của Hội truyền giáo ngoại quốc bằng các con mắt khó chịu, do đó họ đệ đơn khiếu nại về La Mã để xin trục xuất.

Cũng tại Hòn đất, các giáo sỹ đang ở Xiêm nhận được mọi sự giúp đỡ của Giám Mục Piguel để lập một Chủng viện và Hòn đất cũng cử hai giáo sỹ đến để tiếp tay cho các giáo sỹ ở Xiêm. Một trong hai Linh Mục này là Pigneau (1). Ông sinh ngày 2/11/1741 tại ORIGNY, thuộc quận Aisne, Pháp, thuở thiếu thời là học sinh trường Trung học Laon và sau này vào rèn luyện ở chủng viện của Hội Truyền giáo ngoại quốc. Ông rời Pháp vào năm 1765, tới Hòn đất để điều khiển một Chủng viện nghèo nàn, cất bằng tre và đất. Chủng viện ở đây có 40 chủng sinh vừa Việt, vừa Xiêm, vừa Tàu. Nhưng ông không ở đây được lâu. Năm 1768, một Hoàng thân Xiêm vào tị nạn chánh trị, do vụ đảo chính Trịnh-Quốc-Anh(2) Trịnh biết sự tình, nên đòi Mạc Thiên Tứ, là con Mạc Cửu, dẫn độ vị Hoàng thân này...Tuy Mạc không ưa gì Trịnh quốc Anh nhưng vẫn e sợ đành phải ra lệnh bắt Hoàng Thân. Các giáo sỹ dòng Phan xi Cô liền tố cáo giáo sỹ Pháp đã giải thoát Hoàng Thân về Cao Miên nên Mạc Thiên Tứ liền cho lệnh hạ ngục Pigneau và một số giáo sỹ Pháp. Việc giam cầm kéo dài tới 3 tháng mới được thả. Trở về Chủng viện thì mọi việc vẫn tốt lành, vì khi các giáo sỹ bị bắt, các chủng sinh vẫn giữ gìn chủng viện một cách chu đáo. Từ đó trở đi, các giáo sỹ Pháp không dám nhúng tay vào các hoạt động chính trị nữa và chỉ lo công việc của Chủng viện. Nhưng dù vậy tình trạng của họ cũng rất khó khăn, vì Hà Tiên không có ranh giới rõ rệt với

---

(1) Pierre Joseph Georges Pigneau de Béhaine.

(2) Phya-Tan.

các lân quốc, nên dễ bị những kẻ đào ngũ, những tay vong mạng lưu đãng, cả những tàn quân Xiêm, Việt, Miên, Tàu, Mã hay tràn qua. Do đó, các giáo sỹ khó mà giữ được tính cách trung lập. Họ luôn luôn sống trong hồi hộp, rồi năm 1769, một bọn cướp Tàu và Miên đã đến phá tan tành Chủng viện ; 3 ngôi thánh đường của Chủng viện, nhà cửa của giáo dân bị thiêu hủy, vài chủng sinh bị giết. Pigneau cứu được 17 người rồi thầy trò cũng bỏ trốn. Riêng giáo sỹ Artaud, lúc đó đang ốm nặng lại gặp biến cố này nên đã trút hơi thở cuối cùng vào ngày 28/11/1741.

Sau vụ cướp phá kinh hoàng kể trên, Pigneau chạy qua Malacca, rồi sang Pondichéry vào tháng 6/1770, và lại dựng tại Virampatnam, gần Pondichéry, một tổng chủng viện thứ hai. Chẳng bao lâu, Pigneau được phong Giám Mục và giữ chức phụ tá cho Giám Mục Piguel. Năm sau, vào ngày 21/2/1771, Giám Mục Piguel qua đời thì Pigneau lên thay, từ đấy trở đi có tên là Giám Mục Bá Đa Lộc (Evêque d'Adran). Ngày 24/2/1774, Pigneau được thụ phong Giám Mục, ở đây luôn 4 năm, trải qua nhiều thử thách gian lao, nguy khốn, vì lúc này công ty Ấn độ của Pháp cũng như thế lực của người Pháp vào lúc hết thời oanh liệt. Nhưng cũng nhờ có thời gian này Giám Mục mới hiểu rõ hơn bao giờ, tình thế và nhân sự ở các nước Á-Châu, gây được nhiều cảm tình, kết nạp được nhiều bè bạn. Tháng 7/1774, Giám Mục đi Macao lo tổ chức lại giáo hội từ gốc đến ngọn cho Đàng Trong. Ông trở lại Hà Tiên với 4 giáo sỹ Pháp, 3 Linh Mục Việt Nam, 8 chủng sinh. Lần này, Giám Mục được Mạc Thiên Tứ tiếp đãi hết sức niềm nở, không như hồi năm 1768, Mạc đã tống giam, bắt đeo gông và cùm chân ông. Ban đầu, Giám Mục còn nghi ngờ, nhưng sau mới biết hành động của họ Mạc có mục đích chính trị, nhưng Giám Mục cũng không dám chối từ hay lẩn tránh vì chính ông cũng định lợi dụng Mạc để lo khuếch trương việc đạo ở Việt Nam. Qủa vậy, Mạc đã cùng Giám Mục họp bàn về các biến cố chính trị ở Đàng Trong... vì Mạc là phần tử trung kiên của Chúa Nguyễn, rất cần Giám Mục để lo khôi phục cơ đồ họ Nguyễn mấy năm về sau ...

Kiểm điểm qúa trình của Thiên Chúa giáo ở Việt Nam, ai cũng phải nhận thấy rằng các giáo sỹ đã hy sinh rất nhiều cho việc truyền bá đức tin, đã xây dựng các giáo đường bằng xương máu và mồ hôi... Nhưng mặt khác một số giáo sỹ cũng bị lôi cuốn vào chính trị. Và người xông trước nhất vào chính trường Việt-Nam một cách tích cực là Bá-Đa-Lộc...



CHƯƠNG III

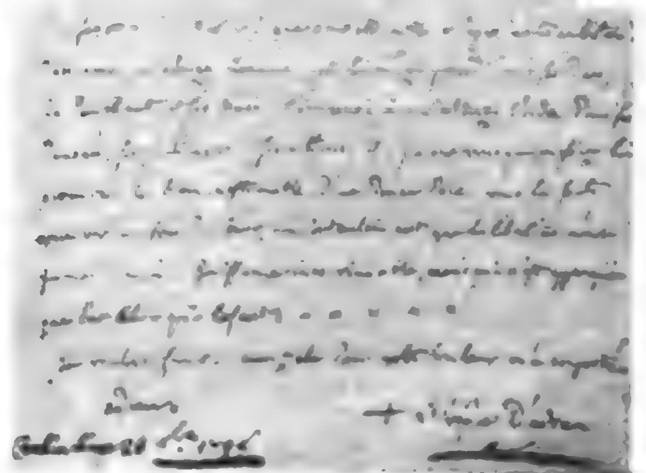
Sứ-mạng của Giám-Mục Bá-Đa-Lộc (1)

Năm 1774, sau khi đất Phú-Xuân bị Tướng của Chúa-Trịnh là Hoàng-Ngũ-Phúc chiếm, Chúa Nguyễn là Định-Vương cùng hai cháu gọi bằng chú là Nguyễn-Phúc-Dương và Nguyễn-Phúc-Ánh chạy vào Quảng-Nam. Tại đây Định-Vương phong Nguyễn-Phúc- Dương làm Đông-Cung, để ở lại chống nhau với Trịnh, còn mình và Nguyễn-Phúc-Ánh vào Gia-Định.

Bấy giờ, anh em Tây-Sơn (2) đã kiểm soát được từ Quảng-Ngãi đến Bình-Thuận và đang cùng Chúa-Trịnh giành đất Quảng-Nam. Nguyễn-Nhạc muốn được lòng dân, bèn cho rước Đông-Cung Nguyễn-Phúc-Dương về đóng ở Hội-An.

Nhưng ở phía Nam, lại có quan Lưu-Thủ đất Long Hồ là Tống-Phúc-Hợp đem quân chiếm Bình Thuận, Diên Khánh, Bình Định, rồi tiến chiếm Phú Yên . Biết rằng không thể một lúc đánh cả hai kẻ thù, Nguyễn Nhạc bèn dùng mưu lược để hòa hoãn với Chúa Trịnh ở mặt Bắc, để tập trung lực lượng Nam phạt.





Giám mục BÁ - ĐA - LỘC

Để chuẩn bị cho cuộc Nam phạt, Nhạc lại một lần nữa dùng đến con cờ Đông-Cung Nguyễn-Phúc-Dương : một mặt gả con gái là Thọ-Hương cho Dương, mặt khác sai Dương nói

---

(1) Xin hiểu theo cả hai nghĩa.

(2) Năm 1772 ba anh em Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Huệ, Nguyễn Lữ (vốn là họ Hồ di cư vào đất Chúa-Nguyễn nên đổi là họ Nguyễn) ở làng Tây-Sơn, Bình-Định, làm nghề đổi hàng với người Thượng và cày cấy (riêng Nhạc về sau có làm biện lãng) đứng ra chiêu binh mãi mã kéo bộ hạ lấy của nhà giàu cay nghiệt chia cho nhà nghèo, đồng thời chống bọn quan lại áp bức (Quốc - Phó Trương - Phúc-Loan) . Hành động nghĩa hiệp của anh em Nhạc đáp ứng lòng dân, nên được theo phò mỗi ngày mỗi đông. Vì anh em Nhạc dấy lên ở Tây - Sơn, nên người ta thường gọi là cuộc khởi nghĩa Tây - Sơn — Tuy nhà Tây - Sơn chỉ kiểm - soát được toàn cõi Việt - Nam trong một thời gian ngắn, nhưng cuộc khởi nghĩa này đã lập nền móng thống nhất sơn - hà cho nhà Nguyễn năm 1802.

với Tống-Phúc-Hợp là Nhạc có ý muốn hàng Hợp.

Ở miền Nam, Tống-Phúc-Hợp tưởng thật không phòng bị, bị Nguyễn-Nhạc đánh thua không còn manh giáp.

Năm 1776, Nguyễn-Nhạc lại sai em thứ hai là Nguyễn-Lữ đem quân vào đánh Chúa-Nguyễn ở Gia-Định, Chúa Nguyễn bị thua chạy về Trấn-biên (Biên-Hòa).

Sau khi tự xưng Vương tại Đồ-Bàn (kinh đô cũ của Chiêm-Thành) Nguyễn-Nhạc đưa Đông-Cung Nguyễn-Phúc-Dương ra ở Chùa Thập-Tháp, Đông-Cung bèn trốn xuống thuyền vào Gia-Định. Tại đây, Dương được tôn là Tân Chính-Vương để cùng Định-Vương, được tôn là Thái-Thượng-Vương, lo việc khôi phục Nhà Nguyễn.

Về phần Nguyễn-Lữ, thì sau khi chiếm được Gia-Định mấy tháng, bị quân Đông-Sơn của Đỗ-Thành-Nhân và quân của Mạc-Thiên-Tứ (1) đến đánh phải rút về.

Năm sau 1777, Nguyễn-Nhạc sai Nguyễn-Huệ đem quân, thủy bộ vào chiếm lại Gia-Định rồi đuổi bắt được Thái-Thượng-Vương, Tân-Chính-Vương và người anh của Nguyễn-Phúc-Ánh là Nguyễn-Phúc-Đồng đem giết hết, còn có một mình Ánh thoát chết. Nguyễn-Huệ hết sức tầm nã để tiêu diệt cho hết dòng họ Nguyễn, nên Ánh đã phải vất vả trốn tránh, nay đây mai đó... Lúc này Ánh gặp Giám-Mục Bá-Đa-Lộc ở Hà-Tiên, hai người làm quen nhau. Khi Ánh trốn trong một khu rừng gần chủng viện của Giám-Mục, hàng ngày Giám-Mục sai đem đồ ăn uống đến cho... Bấy giờ toàn cõi Nam-Kỳ đã vào tay nhà Tây-Sơn, nên sau vài tuần lễ trốn tránh ở Hà-Tiên, Nguyễn-Ánh trốn ra đảo Thổ-Châu (Poulo-Panjang) trong Vịnh-Xiêm.

Lấy xong Gia-Định rồi, Nguyễn-Huệ để Tổng-Đốc Chu ở lại trấn thủ rồi đem quân về Qui-Nhơn. Nguyễn-Ánh và tướng sĩ bèn từ đất Long-Xuyên xua quân tiến chiếm Sa-Đéc, Sài-Gòn, rồi được suy tôn làm Đại-Nguyên-Súy vào năm 17 tuổi (1778). Nguyên-Súy xếp đặt mọi việc ở Gia-Định, như đặt quan cai trị, định thuế khóa, tập luyện quân sĩ v.v... để mưu việc khôi phục lâu dài. Bấy giờ chủng viện của Giám-Mục Bá-Đa-Lộc ở Hà-Tiên b[...] Miên cướp phá, nên Giám-Mục dời đế[n] Triều, gần Biên-Hòa.

Từ đó, vì có dịp luôn luôn lui tới, nên [...] Ánh và Bá-Đa-Lộc trở nên thân thiện vớ[i] [...] Giám-Mục nghĩ có thể lợi dụng tình [...] làm lợi cho Gia-Tô-Giáo và nước Phá[p] [...] Nguyễn-Ánh khôi phục lại giang sơn, [...] này tất nhiên Ánh không quên ơn nghĩa. [...] Giám-Mục kết liền số phận mình, cùng [...] của mình với số phận của Nguyên-Súy [...] Phúc-Ánh, tham dự vào chánh tình Na[m] [...] cùng Ánh bàn tính về quân sự, chính trị [...]

Năm 1780 Nguyên-Súy Nguyễn-Phú[c] [...] đã xưng Vương hiệu . . . .

Đến năm 1782, Nguyễn-Nhạc và N[guyễn-] Huệ lại đem quân vào tái chiếm Saigon, [...] Vương phải bỏ chạy về Tam-Phụ, rồi [...] náu ở Phú-Quốc. Bá-Đa-Lộc cùng các [...] sinh dời lên Cao-Miên. Chính Hải-Quâ[n] [...] Úy Emmanuel một người Pháp giúp N[guyễn] Vương, đã phải cho nổ chiến thuyền [...] vẫn trong trận này.

Chiếm xong Saigon, Nguyễn-Nhạc, [...] Huệ lại để một số quân phòng thủ, rồi r[...] Tướng của Nguyễn-Vương là Chu-Văn [...] đem quân phản công chiếm lại Saigon, [...] rước Vương về. Được tin Bá-Đa Lộc c[...] lại Nam-Kỳ, thiết lập một chủng viện ở [...] Bắc (Trà-Vinh). Nguyễn-Huệ, Nguyễn-[...] đem quân vào đánh, Nguyễn-Vương cùn[g] [...] quyến lại chạy ra Phú-Quốc. Quân T[ây-Sơn] lại truy kích ra Phú-Quốc. Vương lại phả[i] [...] ra đảo Côn lôn (2). Nguyễn Huệ mang ghe

---

(1) Con Mạc-Cửu, qua Việt-Nam từ giữa thế kỷ thứ 1[...] Minh ở bên Tàu bị lật đổ, được Chúa Nguyễn cho p[...] nghiệp ở miền cực Nam trên đất cũ của Miên. Mạc-C[...] cư cùng nhiều người: Tàu, Mã-Lai, Miên và Việt khác[...] tấn công, Cửu chết, Chúa Nguyễn bèn phong cho Mạc [...] Tứ là Tổng-Binh trấn đất Hà-Tiên.

(2) Khi Nguyễn Vương đến Phú-Quốc thì bị đuổi kịp n[...] một bầy tôi tên là Lê-Phước-Điển liều mình mặc áo [...] Nguyễn Vương để cứu Vương thoát chết và chạy về [...] Lôn.... Nhưng Ông Maybon thì nghi ngờ và cho rằng [...] Vương chỉ có thể chạy ra đảo Cao-Mán (Koh Rong) [...] này Vương qúa mệt mỏi. Năm đó là 1782.

vây đảo này, nhưng chẳng may bị bão đắm cả Nguyễn - Vương thoát vây, chạy về đảo Cổ-Cốt (Kok kut), rồi về Phú-Quốc. Trong lúc ấy Giám-Mục Bá-Đa-Lộc không biết chạy vào đâu, vì chung quanh chỗ nào cũng có cướp, nên cùng các chủng sinh đến ẩn náu trên mấy hòn đảo ở Vịnh Xiêm, sau phải rời chủng viện đến CHANTABOUN. Về phía Nguyễn-Vương, thì thế cùng lực kiệt, cùng quan quân tùy tùng, phiêu lưu nay đây mai đó lương thực không đủ phải đào củ chuối, đi hái rau mà ăn, có khi phải nhịn đói nhiều ngày . . . Đến đầu năm 1784, thuyền Nguyễn-Vương và quan quân vẫn loanh quanh ở mấy hòn đảo trong Vịnh Xiêm, thì gặp thuyền Bá-Đa-Lộc. Vương ngỏ ý với Bá-Đa-Lộc ý định sang Batavia cầu viện Hòa Lan, vì Hòa đã đồng ý giúp Vương binh lực để khôi phục giang sơn . Bá-Đa-Lộc vạch rõ cho Vương dã tâm của các nước khác và nói "chỉ có người Pháp là có nhân đạo, sẵn sàng giúp các nước nhỏ đàn em, nay đương cảnh nồi da xáo thịt, tất phải dùng vây cánh người ngoài mới mong kết liễu cuộc chiến tranh, là lẽ tự nhiên, dân tộc nào cũng vậy. Huống 30 năm trước, Đức Hiếu-Võ đã có thư lại vấng dân tộc Việt-Nam nên tin nhiệm vào người Pháp, cả hai nước đều theo một chủ nghĩa Quốc-Gia."

Nguyễn-Vương bèn hội họp 3 ngày liền ở Phú-Quốc để thảo luận cùng các tướng sỹ . .. Sau có làm biên bản, gồm có 13 khoản đại ý như sau (1):

1. Cần phải cầu cứu một nước Âu-Châu để khôi phục giang sơn, xin Vương cầu cứu nước Pháp.

2. Nhờ Giám-Mục Bá-Đa-Lộc đi thương thuyết.

3. Cho Giám-Mục toàn quyền thương thuyết.

4. Xin giao Hoàng-Tử cho Giám-Mục đem theo làm tin.

5. Xin giao quốc ấn cho Giám-Mục đem theo làm tin.

6. Giám-Mục xin Pháp-Đình đưa sang giúp Nguyễn - Vương 1500 lính, tàu bè cho lính ấy, súng ống đạn dược và đồ cần dùng.

7. Hai vị thượng quan và một số người tùy tùng sẽ đi với Hoàng-Tử và Giám-Mục.

8. Nguyễn-Vương nhường cho Pháp Hoàng hòn cù lao Hàn.

9. Cộng đồng với người xứ Đàng Trong, nước Pháp có quyền sở hữu cửa bể Hàn, để cho tàu bè đậu, sửa và làm tàu bè.

10. Nguyễn-Vương chịu nhường cho nước Pháp đảo Côn-Lôn.

11. Nếu được nước Pháp khôi phục cho mình thì Nguyễn-Vương sẽ chịu giúp lại bấy nhiêu quân lính lương thực, tàu bè khi nước Pháp cần dùng.

12. Nguyễn Vương cho nước Pháp được tự-do đến buôn bán, chứ không để nước Âu-Châu nào được quyền ấy.

13. Xin nói trước cho Giám-Mục biết rằng nếu Pháp đình yêu cầu những điều mà Nguyễn-Vương không dự tính trước, thì Giám-Mục xét điều ấy không hại đến quyền lợi nhân dân Việt-Nam, bất kỳ về cách gì, mới được nhận lời, Giám-Mục sẽ trình với Pháp Đình rằng, hòa ước mà Nguyễn-Vương muốn ký với nước Pháp, có công bằng lợi ích cho cả hai nước, thì nó mới vững vàng chắc chắn được.

Sau đó Nguyễn Vương gởi một bức thơ cho Pháp, trong đó có đoạn "...Dầu đại quốc với tiểu quốc tình thế khác nhau; dầu đông tây cách mấy ngàn trùng, tôi dám chắc rằng Hoàng đế sẽ tin lời tôi cũng như tôi đã tin Giám-Mục Bi Nhu vậy. Nay tôi giao cho ông ấy Nguyễn Phúc Cảnh, con trưởng của tôi, một cái Kim bửu di truyền và một biên bản của Hội đồng, đủ làm bằng chứng Tôi chỉ mong ơn Hoàng đế cho con tôi sớm trở về với binh thuyền".

Rồi Vương giao Hoàng Tử Cảnh (lúc bấy giờ mới có 4 tuổi), một quốc thư, một quốc ấn và cả biên bản buổi họp nói trên cho Bá-đa-Lộc, để cho Giám-Mục được toàn quyền thay mình thương nghị với nước Pháp để xin viện trợ; lại sai quan Phó vệ úy Phạm Văn Nhân, Chánh Cai cơ Nguyễn Văn Liêm (2) Linh-Mục Hồ Văn Nghị và

(1) Hiện ở bộ ngoại giao Pháp có biên bản này.

(2) Vào bậc sĩ quan chớ không phải là "Cai" như người ta thường gọi mấy lúc gần đây.

một số người khác tháp tùng Hoàng Tử Cảnh để cho công việc cầu viện được chắc chắn hơn.

Mọi sự đã sẵn sàng cả, nhưng vì trái gió mùa nên Giám-Mục và phái đoàn chưa khởi hành được. Tuy vậy Nguyễn Vương vẫn chưa hoàn toàn tin tưởng ở Giám-Mục Bá-Đa-Lộc và nước Pháp nên Vương còn có ý nhờ Xiêm nữa.

Nguyên lúc đánh thua ở Sài-côn (1), Vương sai Châu Văn Tiếp chạy sang Xiêm cầu cứu; đến tháng 2 năm Giáp Thìn (1784), Vua Xiêm sai tướng Chất-Xi-Đa, đem thủy quân sang Hà-Tiên, tìm Nguyễn Vương sang để bàn việc. Mặt khác Vương lại tiếp được mật biểu của Châu-Văn-Tiếp, cho nên mới đến gặp Tướng Xiêm, rồi cũng sang Vọng Các xin binh cứu viện.

Xiêm Vương đón tiếp Nguyễn Vương rất long trọng và sai hai Tướng là Chiêu Tăng và Chiêu Sương đem 20.000 quân, cùng 300 chiến thuyền, sang giúp Nguyễn Vương. Quân Xiêm sang giúp lấy được Rạch Giá, Ba Thắc, Trà-Ôn, Mân Thít, nhưng Châu Văn Tiếp bị tử thương. Từ đó quân Xiêm ỷ thế và lợi dụng đi đến đâu quấy nhiễu đến đó, làm nhiều điều tàn ác vô cùng, gây sự căm phẫn trong dân chúng...



HOÀNG - TỬ - CẢNH

Tướng Trương Văn Đa của Nhà Tây Sơn đang trấn giữ đất Gia-Định thấy quân Xiêm sang đánh phá, thế rất mạnh, bèn cho người về Qui Nhơn phi báo. Vua Tây Sơn sai Nguyễn Huệ đem quân vào phản công...

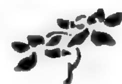
Nguyễn Huệ vào đến Gia Định, dùng mưu lược nhử quân Xiem đến gần cầu Rạch Gầm và Xoài Mút ở phía trên Mỹ-Tho rồi đánh phá một trận, giết quân Xiêm chỉ còn vài nghìn người chạy theo đường thượng đạo... trốn về nước. Nguyễn Huệ đại phá quân Xiêm xong đem quân đuổi đánh Nguyễn Vương, Nguyễn Vương bại trận, hết lương, cùng với mấy người chạy về Trấn Giang, ra đảo Thổ Châu, đảo Cổ Cốt, rồi lại sang Xiêm...

Đánh dẹp xong, Nguyễn Huệ đem quân về Qui Nhơn để Đô đốc Đặng Văn Chân ở lại trấn giữ đất Gia-Định.

Nguyễn Vương biết không còn trông cậy được gì ở người Xiêm nữa, bèn giục giáo sĩ Bá Đa Lộc đem Hoàng Tử Cảnh sang Pháp cầu viện. Giáo sĩ lên đường rồi (vào ngày 25/11/1784) Nguyễn Vương rước Vương Mẫu và cung quyến sang trú ở Vọng Các để chờ cơ hội lại về khôi phục... Các Tướng sỹ biết Vương ở Xiêm, đều lục tục kéo nhau sang bái yết, trong số đó có quan cũ là Lê Văn Câu mang 600 quân sang giúp. Vua Xiêm để cho vua tôi Nguyễn Vương ở riêng một chỗ gần Vọng Các gọi là Long Kỳ, mà ngày nay người ta gọi là làng Gia Long.

Trong thời gian nầy (1786) có quân Miến điện sang đánh Xiêm và bọn hải tặc Mã lai thường hay quấy nhiễu ở mặt bể, Nguyễn Vương cùng các bầy tôi là Lê-Văn-Câu và Nguyễn-Văn Thành đem quân giúp Xiêm và đánh bại được bọn vừa nói, nên rất được vua Xiêm trọng đãi.

Nguyễn-Vương bèn phối trí công việc cho mọi người : kẻ thì làm ruộng để lấy thóc gao nuôi quân, người thì bí mật về Gia-Định chiêu mộ nghĩa sĩ để chờ ngày . . .



---

(1) Hồi đó Saigon gọi là Sài-Côn.

1.– Cuộc vận-động viện trợ cho Chúa Nguyễn.

Trên đường qua Pháp vận động viện trợ, Giám-Mục Bá-Đa-Lộc có ghé thuộc địa của Pháp ở Ấn Độ, lúc đó vào cuối tháng 2 năm 1785, ngay tại đây (Pondichéry), Bá-Đa-Lộc đã vận động trước với Tổng-Trấn Coutenceau des Algrains và toàn quyền các đất ở Ấn-Độ thuộc Pháp là De Souillac.v.v. . . Nhưng những người này cho rằng, việc xuất quân giúp Nguyễn-Vương lúc này không hợp với quyền lợi nước Pháp, khó khăn, phải có lệnh Pháp Hoàng và cho tàu đi Đàng Trong để thám sát trước đã. Nhưng Giám-Mục nói rằng "như vậy sẽ lỡ dịp tốt", vì vấn đề rất hợp lý, hợp cả quyền lợi của Giáo-Hội, cũng như quyền lợi của nước Pháp.

Các nhà đương cuộc Pháp ở Ấn, lúc bấy giờ không tán thành đề nghị của Bá-Đa-Lộc, nhưng cũng trình về Pháp Đình. Mặt khác, Giám-Mục Bá-Đa-Lộc còn viết thư cho Bộ Trưởng Hải-Quân là Hầu-Tước De Castries, để trình bày sứ mạng của mình, De Castries ủy nhiệm cho Bá-Tước De Solminihac De Lamotte một kỹ sư đã ở bên Viễn-Đông lâu năm, nghiên cứu việc này.

Trong hai tờ trình ngày 26/01 và 25/02/1786, Bá tước cùng trình rằng nước Pháp cần có một căn cứ ở Đàng Trong; Solminihac viết "Cần một sỹ quan đã từng am hiểu sự này, cho biết cuộc xuất chinh của chúng ta được những lợi ích quan trọng như thế nào, những lợi ích này ảnh hưởng đến công việc thương mại của ta tại Ấn-Độ, và mọi sự có dễ dàng chăng ? Đàng Trong là một nước phong phú, có nhiều quí vật, xứ này lại gần Phi-Luật-Tân, nếu thành căn cứ thương mại, thì căn cứ này sẽ phát đạt bậc nhất ở đây. Hải cảng Tourane sẽ được coi là một tâm điểm giữa Trung-Hoa và Phi-Luật-Tân, cùng eo biển Malacca. Về phương diện quân sự, Tourane do vị trí của nó, sẽ giúp ta ngăn chận ngành thương mại quan trọng nhất của địch quốc (Anh) (1).

Một hy sinh nhỏ sẽ đem lại những quyền lợi trên đây : vấn đề chỉ là giúp ông Vua dòng Chính Thống trở lại ngai vàng bằng 800 lính Âu-Châu chúng ta và 400 lính da đen (Cafres), một số vũ khí đặt dưới quyền một quân nhân sáng suốt, mưu trí và có tài giao thiệp. Như vậy là đủ hoàn thành một cuộc "cách mạng". . .

Thấy công việc cầu viện tại Ấn-Độ có cơ thất bại, Giám-Mục Bá-Đa-Lộc tiếp tục chương trình qua Pháp. Lúc này, tình cờ có một sự thay đổi về nhân sự quan trọng: David Charpentier de Cossigny thay De Coutenceau làm Tổng Trấn Thành Pondichéry, Bruni D'Entrecasteaux thay De Souillac làm toàn quyền các đất thuộc địa Pháp ở đây; tuy không giúp cho công việc của Bá-Đa-Lộc tiến bộ thêm chút nào, nhưng Charpentier de Cossigny cũng giúp cho Sứ-Đoàn một chỗ trên tàu Malabar để qua Pháp, phí tổn do Pháp quốc chịu, vào giữa năm 1786, nghĩa là một năm rưỡi sau khi Sứ-Đoàn đến Ấn-Độ, để Pháp đình quyết định.

Viên Tổng-Trấn này viết cho Bộ-Trưởng De Castries như sau: "Mặc dầu không đi hẳn vào quan điểm của Giám-Mục Bá-Đa-Lộc, người đã tỏ ra là một nhà ái quốc, tôi cũng không đồng tình với ông De Coutenceau..." (2)

Tàu Malabar rời Ấn-Độ tháng 7/1786, tới đảo Pháp Quốc (Île de France), Giám-Mục gặp toàn quyền D'entrecasteaux, ông này cũng thuộc số những người trước đây đã chẳng tán thành việc cầu viện của Bá-Đa-Lộc, và cũng đã viết về cho Bộ-Trưởng Hải-Quân De Castries rằng có gặp Giám-Mục và nói đại ý là mình không hoan nghinh việc Giám-Mục đang ra công vận động, nhưng mặt khác chẳng dám gây trở ngại . . .

Về phần Cossigny, sau khi cho Bộ Hải-Quân biết quyết định về cuộc hành trình của Bá-Đa-Lộc, nói : "Lúc nào Giám-Mục tới, ta sẽ biết tầm ý kiến của người sâu rộng thế nào về cái lợi ích cho nước ta về cuộc xuất binh đang mưu tính này. Trong khi chờ đợi, chúng tôi đồng ý với ông D'Entrecasteaux là chiếc hải thuyền "Hầu tước De Castries", do Hải-Quân Đại-Úy De Richery chỉ huy, sẽ nhổ neo vào ngày 20 tháng này (6/1786), với lệnh đậu tại

---

(1) Pháp và Anh lúc bấy giờ đang lục đục vì chuyện "đi tìm đất."

(2) Qua lời bàn này ta thấy có lẽ Bá-Đa-Lộc đã bàn khá nhiều "cái lợi" cho nước Pháp khi đề nghị giúp Nguyễn Ánh, vậy nhà tu hành rõ rệt đã nhúng tay vào chánh trị, đó là vi phạm luật lệ của Giáo-hội rồi còn gì nữa ?

cù lao Thổ-Châu (Poulo Panjang) ở gần Vịnh Xiêm. Giám-Mục cả quyết rằng đến đây sẽ nhận được thư của Vua Đàng Trong (chỉ Nguyễn-Vương) hiện đang nương nhờ ở đất Xiêm...."

Dưới đây là những chỉ thị cho De Richery đề ngày 20/6/1786, liên hệ đến vấn đề xuất quân cứu Chúa Nguyễn : "Tàu De Castries phải tiếp đón 34 người Việt đến Pondichéry với Giám-Mục Bá-Đa-Lộc, đi với người của Giám-Mục, xem xét tình trạng của Vua Đàng Trong. Đến Thổ-Châu (Poulo Panjang) để lấy tin tức, chuyển thư tín của Giám-Mục cho nhà Vua, hiện đang ẩn náu tại Xiêm Triều. Lên đường đi Đàng Trong, lần theo miền duyên hải, từ vĩ tuyến 11 đến 18, dò hỏi xem vào khoảng nào có thể đổ bộ được, xét tình hình phong tục dân bản xứ, cảm tình của họ đối với ông Vua đang lưu vong, điều tra cả các sản vật lợi ích cho việc buôn bán của chúng ta và những nơi có thể dùng làm căn cứ quân sự và hành chánh (!) - Vẽ bản đồ các hải cảng, các vịnh, các bãi biển. Cần chú ý kỹ đến Tourane, gây thiện cảm với dân chúng phòng khi hữu sự, dung hòa với thời gian tàu đi vào những vụ gió mùa và thời kỳ hẹn gặp các người của Vua Đàng Trong."

Richery còn "phải nghiên cứu tình thế để hành động và đón Nguyễn-Vương lên tàu, đưa Chúa cùng gia quyến về Pondichéry, hoặc, nếu Chúa muốn xúc tiếp với các bề tôi ở lại cù-lao Thổ-Châu (Poulo-Panjang) thì lo để cho nhà Vua vài người Âu-Châu, quân nhu, lương thực miễn là đảo này có thể là một cứ điểm có thể chống nhau với đối phương. Nhưng trước khi ràng buộc chính phủ vào số phận của một ông Vua đang thất thế, phải hiểu tính nết và tinh thần của nhà Vua, của đám bề tôi và xét có gì lợi về tương lai khả dĩ đền bù cho nước Pháp. Nếu lợi chẳng có gì đáng kể, nhà Vua lại nhu nhược tầm thường, những kẻ phụ tá lại bạc nhược thì phải coi là việc không đáng làm ..."

Nhân dịp này, Vệ-Úy Phạm-Văn-Nhơn, lại có Nguyễn-Văn-Liêm, Linh-Mục Hồ-Văn-Nghị và mấy người theo Hoàng-Tử Cảnh sang Pondichéry cũng đáp tàu ấy về nước luôn.

Nguyễn-Vương thì, như trên đã nói, vào khoảng tháng 3/1785, đã đem gia quyến ... sang lánh nạn ở Vọng-Các, nên lúc tàu "Marquis De Castries" đến Thổ-Châu không gặp Vương. De Richery để Linh-Mục Nghị và mấy người nói trên lại đây rồi đi, hẹn mấy tháng sau sẽ trở lại. Vì trời xấu tàu "Marquis De Castries" phải chạy thẳng qua Phi-Luật-Tân, chứ không xem xét việc Đàng Trong được. Linh-Mục Nghị trình cho Nguyễn-Vương biết diễn tiến của cuộc vận động. Vương cũng ngỏ ý muốn sang Pondichéry, nhưng để đáp lại thư cầu cứu của Giám-Mục Bá-Đa-Lộc trước kia (1), cuối năm 1786, một Sỹ quan Bồ Đào Nha là Antonio Vincente de Rosa ở thành Goa, đem một chiếc tàu đến Vọng-Các, đưa Nguyễn-Vương hai bức thư, một của Nữ-Hoàng Bồ và một của toàn quyền Bồ ở Goa, hứa thuận giúp Nguyễn-Vương, đã có quân lính và 56 chiến thuyền trực sẵn ở thành Goa, xin rước Vương đến đó, đồng thời De Rosa cũng mang thư và phẩm vật (20 khẩu súng nhỏ, 100 cây vải) dâng Vua Xiêm để tạ ơn và xin mang Nguyễn-Vương đi. Xiêm-Vương tỏ ý không bằng lòng để cho nước khác giúp, nên Nguyễn-Vương phải tạ từ De Rosa không nhận lời, mà việc sang Pondichéry - dầu De Richery có trở lại đúng hẹn để rước - Vương cũng phải hoãn lại.

Trễ hẹn hơn hai tháng, Hải-Quân Đại-Uy De Richery và tàu mới về vịnh Xiêm. Linh-Mục Nghị xin chở Nguyễn-Vương, bấy giờ đã sẵn sàng sang Pondichéry, nhưng De Richery không chịu, có lẽ là do ở chỗ chưa hiểu biết được Nguyễn-Vương như huấn lệnh đã cho. . .

De Richery trở về Ấn-Độ, Tổng-Trấn De Cossigny lại sai trở lại Đàng Trong, để hoàn tất nhiệm vụ đã ghi trong huấn lệnh, ghé Xiêm đem thư cho Nguyễn-Vương an ủi và khuyên Vương gắng đợi Bá-Đa-Lộc, chớ đừng cầu viện nước khác.

Đến Xiêm, De Richery cũng không gặp Nguyễn-Vương, vì từ ngày 13-8-1787 Vương đã lén Vua Xiêm, đương đêm đem cung quyến về nước, để mưu khôi phục lại đất Gia-Định. . .

2. – Giám-mục Bá-Đa-Lộc và Hoàng Tử Cảnh ở Pháp.

Về phía Giám-Mục Bá-Đa-Lộc, thì đầu tháng 2-1787, đã tới cửa biển Lorient, liền viết thư cho Bộ Trưởng Hải-Quân biết. Bộ-Trưởng

(1) Tưởng cũng cần nói cho rõ là trong thời gian ở Pondichéry thấy công việc có cơ thất bại, giám mục Bá-Đa-Lộc đã thay Hoàng tử Cảnh viết thơ cầu viện Bồ-Đào-Nha.

này trách Giám-Mục đã mang Hoàng-Tử Cảnh và sứ bộ qua Pháp, trước khi được ý kiến của Pháp Hoàng, nhưng việc đã lỡ thì cứ lên Paris vậy. Người ta đã bảo cho Hội-Truyền Giáo ngoại quốc để lo chỗ ăn ở cho sứ bộ . . .

Cuộc vận động của Giám-Mục bấy giờ đã làm náo động nhiều sa-lông chánh trị ở kinh thành này, hơn cả ở các cơ quan của chánh quyền. Người ta đã tỏ ra có cảm tình, nói là thương hại thì đúng hơn, đối vớiông Hoàng nhỏ xíu đã sớm bị cái cảnh quốc phá gia vong. Rồi người ta mở tiệc linh đình để đón tiếp Cảnh và làm cả thơ để tỏ cảm tình. Vì chính giới Pháp thuở ấy có nhiều nhân vật lãng mạn gồm nhiều bà, nhiều cô và đủ mặt các văn nghệ sỹ.

Trong giai đoạn này, Giám-Mục tấn công ráo riết chánh quyền Pháp, viết nhiều tờ trình về hiện trạng Việt-Nam cho các giới chức đang có ảnh hưởng lớn ở các cơ quan. Một số đã tỏ ra có thiện cảm với lời kêu gọi khẩn thiết của Giám-Mục như Loménie de Brienne, Tổng Giám-Mục thành Toulouse, Tu-Viện trưởng De Vermont, Tổng Giám-Mục Narbonne, Arthur Richard Dillon là những tay có thế lực bấy giờ ở Triều-Đình Louis VI. Giám-Mục được nhà Vua cho vào bệ kiến vào đầu tháng 5/1787, có cả Montmorin bộ trưởng Ngoại-Giao, De Castries bộ trưởng Hải-Quân tham dự, Pháp đình lấy Vương lễ tiếp đãi với Hoàng-Tử.

Giám-Mục đã đưa ra nhiều ý kiến tương tự như các ý kiến trước đó của Poivre, Saint Phalle, Protais Leroux, De Rathe và Chevalier về các dự án thiết lập các căn cứ ở Đàng Trong như là một miếng mồi ngon, một cứ điểm tốt đẹp cho chính sách thuộc địa về mọi phương diện, nhất là lúc bấy giờ Pháp đang suy yếu so với Anh ở Ấn-Độ. Nhưng vì lúc đó ở Mỹ xảy ra cuộc nội chiến, nên chính giới Pháp ít quan tâm tới Đàng Trong hơn, mặt khác chính quyền Pháp cũng đang gặp khó khăn về tài chánh cho nên không muốn bị tốn kém thêm, nếu việc tốn kém ấy chẳng mang lại kết qủa chắc chắn.

Tuy nhiên vì thất bại ở Ấn-Độ, Pháp thấy cần có một căn cứ khác bởi vì không thể trông vào đảo Hảo vọng giác và đảo Tích-lan (Ceylan) làm điểm tựa hay nơi ẩn núp được ...

Căn cứ này nếu là Đàng Trong thì sẽ lợi hại thế nào ?

Về vị trí, Đàng Trong xa khu vực ảnh hưởng của Anh là điều tốt, nhưng chỉ có một trở ngại là cách đảo Pháp quốc (Île de France) qúa xa. Nếu có chiến tranh thì việc giao thương dễ bị cắt đứt và mặt tiếp tế cũng bị cô lập. Người Anh đã đến chiếm đảo Poulo Pénang có thể khi lâm sự sẽ đóng eo biển Malacca không cho Pháp qua. Còn người Hòa Lan sẽ ngăn trở Pháp vượt eo biển La Sonde (1), như thế Đàng trong sẽ bị cô lập khó mà cầm cự khi bị tấn công.

Trên đây là dư luận của phe phản đối việc cứu trợ Đàng Trong, còn phái có cảm tình thì cho rằng việc Đàng Trong nhường một vài thương cảng để Pháp hưởng độc quyền thương mại, sự quan trọng của một căn cứ sát nách Trung-Hoa, là những điều rất đáng lưu ý và đề nghị Pháp đình nên bắt chước Anh đã lập căn cứ ở Pénang. Nếu bỏ lỡ cơ hội này thì sẽ hối không kịp về sau. Còn chuyện giúp Chúa Nguyễn là giúp chính nghĩa, lý luận ấy qúa suông tình, không hợp với nguyên tắc của một chính sách thực tiến khi đó. Bấy giờ chỉ cần biết việc xuất quân có tốn kém không, có lợi ích nhiều hay ít cho nước Pháp mà thôi.

Tất nhiên Giám-Mục đã đoan chắc là thế nào cũng thành công dễ dàng, Pháp sẽ thâu được nhiều quyền lợi. Nhưng các lý lẽ của ông ta đối với Pháp Hoàng Louis VI và các bộ trưởng trong Pháp đình chỉ có vẻ đúng bề ngoài, mặc dù Giám-Mục rất khéo léo và kiên nhẫn trong việc thuyết phục. Tóm lại, triều đình Pháp lúc bấy giờ có những điều không thuận lợi cho các đề nghị của Giám-Mục, nhưng rồi người ta cũng đi đến chỗ giải kết vấn đề là ký với Giám-Mục một thỏa hiệp với bộ Thuộc địa tại điện Versailles. Qua thỏa hiệp này chúng ta thấy rõ nước Pháp muốn những quyền lợi nào với những dự liệu dưới đây :

1. Quân phí sẽ tốn tới 200.000$00 (piastres) chớ không phải 100.000$00 như Giám-Mục đã nói.

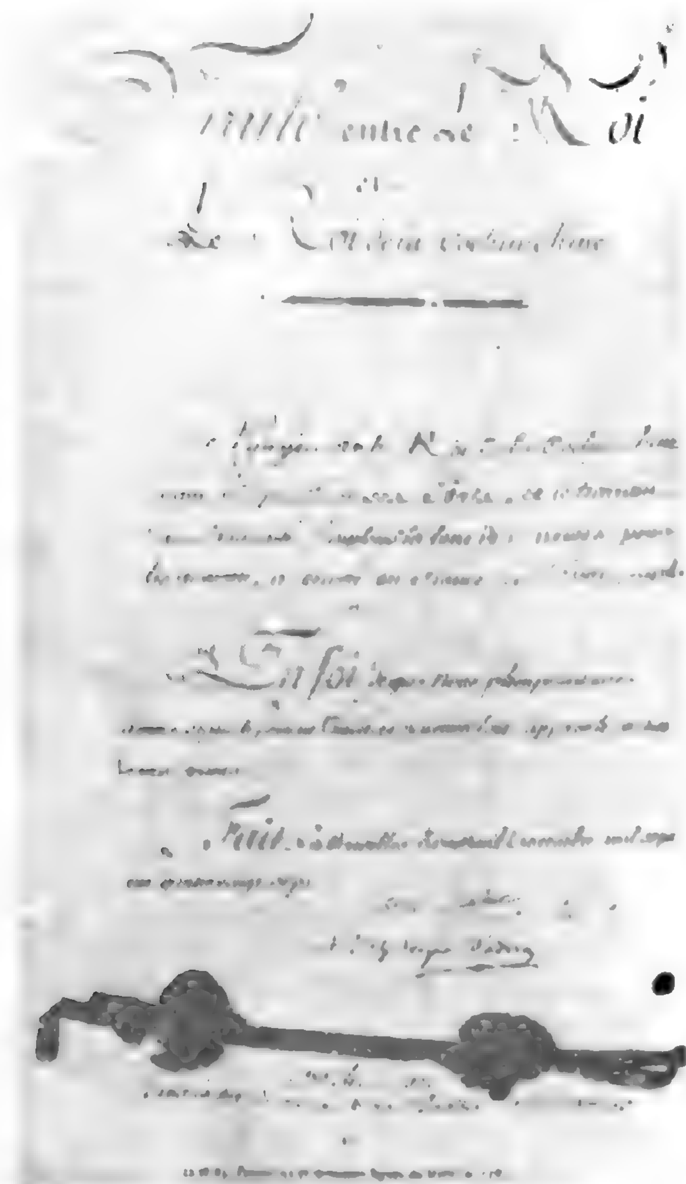
2. Phí tổn cho căn cứ Đàng Trong một khi thiết lập xong, ít nhất sẽ mất từ 5 đến 600.000 quan (Francs). Lại còn phải bồi thường cho công ty Đông-Ấn của Pháp về chỗ buôn bán sản phẩm giống nhau tại Đàng Trong và Trung-Hoa.

---

(1) Gồm các đảo Sumatra, Java, Borneo v...v......

3.— Hiệp-ước Versailles.

Ký kết giữa De Montmorin, đại diện Pháp Hoàng Louis VI với Giám-Mục Bá-Đa-Lộc, đại diện Nguyễn-Ánh.



Tờ đầu và tờ cuối của Hiệp-ước Versailles

Khoản thứ nhất : Hoàng-Đế rất sùng thượng Thiên-Chúa giáo hứa và cam đoan cứu viện hữu hiệu Quốc-Vương Đàng Trong, để cố gắng trở về tái chiếm và làm chủ đất đai cũ của mình.

Khoản thứ hai : Về vấn đề này, Hoàng-Đế rất sùng thượng Thiên-Chúa giáo sẽ gởi tới biển Đàng Trong bốn chiến hạm và một đạo binh gồm 1200 bộ binh, 200 pháo binh và 250 binh sĩ da đen Phi Châu (Cafres). Các bộ đội này sẽ mang vũ khí cần thiết (1), nhất là pháo binh.

Khoản thứ ba : Trong khi chờ đợi sự cứu trợ của Hoàng Đế rất sùng thượng Thiên chúa giáo sẽ gởi tới; Quốc Vương Đàng Trong nhận lời nhượng cho Hoàng Đế và nước Pháp quyền sở hữu tuyệt đối và chủ quyền về các đảo đã thành thương cảng chính của Đàng-Trong tên là cửa Hội-An được người Pháp gọi là Touron (2).

Quyền sở hữu và chủ quyền này sẽ không chuyển qua nơi nào khác khi quân đội Pháp đã tới chiếm đóng tại đảo ghi trên đây.

Khoản thứ tư : Ngoài ra đôi bên (Hoàng-Đế rất sùng thượng Thiên-Chúa giáo và Quốc-Vương Đàng Trong) sẽ thỏa thuận cùng nắm quyền sở hữu hải cảng nói trên và người Pháp có thể thiết lập trên lục địa, các cơ sở xét cần cho việc hàng hải và thương mại cũng để trông coi, sửa chữa và đóng các chiến hạm của mình. Còn việc cảnh bị ở cảng này sẽ có một thỏa hiệp riêng thiết lập tại chỗ.

Khoản thứ năm : Hoàng-Đế rất sùng thượng Thiên-Chúa giáo sẽ được cả quyền sở hữu và chủ quyền về đảo Côn-lôn (Poulocondor).

Khoản thứ sáu : Thần dân của Hoàng-Đế rất sùng thượng Thiên-Chúa giáo được riêng hưởng trọn vẹn quyền buôn bán trên khắp lãnh thổ của Quốc-Vương Đàng Trong, còn thần dân của các nước Âu Châu khác thì không được hưởng thụ gì về quyền lợi này,

Họ có quyền đi lại lưu trú tự do, không gì được cản trở và không phải nộp thứ thuế nào; Về bản thân của họ, chỉ cần họ có giấy thông hành của vị chỉ huy hải cảng Touron là đủ.

Họ có quyền nhập cảng các sản phẩm của Âu-Châu hay của các nước khác trên thế giới, trừ những sản phẩm nào đã bị luật pháp của các nhà cầm quyền địa phương cấm đoán. Họ cũng có thể xuất cảng các sản phẩm của địa phương và của các lân quốc không hạn chế một thứ nào.

---

(1) Các bộ đội này sẽ lấy ở các đạo quân đang đồn trú tại đảo Pháp quốc và đảo Bourbon Pháo-binh gồm 2 khẩu đại pháo 8 livres 4 obusiers và 2 Mortiers.

(2) Touron tức là Touran e ngày nay.

Họ không phải nộp thuế xuất nhập cảng nào khác ngoài các thứ thuế mà người bản xứ phải nộp hiện thời và các thứ thuế này không được tăng hay đổi tên để tăng giá.

Lại thỏa thuận thêm rằng nếu có tàu ngoại quốc nào cập một bến ở Đàng Trong dù là tàu buôn hay tàu chiến, đều phải có treo cờ Pháp và phải có giấy thông hành của Pháp cấp cho mới được.

Khoản thứ bảy : Chánh quyền Đàng Trong phải triệt để bảo vệ thần dân của Hoàng-Đế rất sùng thượng Thiên chúa giáo, về sự tự do, an ninh cho sinh mạng cũng như cho tài sản của họ và nếu gặp sự khó khăn phải có sự phán xét mau lẹ và xác đáng nhất.

Khoản thứ tám : Trong trường hợp mà Hoàng-Đế rất sùng thượng Thiên-Chúa giáo bị một cường quốc nào tấn công hay đe dọa, liên hệ đến chính quyền tại đảo Hội-An và Côn-lôn và trong trường hợp phải chiến tranh với một vài cường quốc hoặc Âu, hoặc Á, Quốc-Vương Đàng Trong phải giúp binh sĩ, thủy quân, lương thực, tàu bè ; Việc cứu trợ này phải có đủ sau khi yêu cầu ba tháng nhưng không được đem dùng đến bên kia các quần đảo Molluques (1), đảo La Sonde và eo biển Malacca . Quốc-Vương Đàng trong đài thọ các tổn phí về việc cứu trợ này.

Khoản thứ chín : Để đáp lại sự cam kết ghi trên đây Hoàng-Đế rất sùng thượng Thiên Chúa giáo tự coi mình có bổn phận giúp Quốc Vương Đàng Trong nếu xứ sở bị giặc giã; sự giúp đỡ này cần nhiều hay ít tùy theo tình thế; nhưng không thể vượt được những gì đã định trong khoản hai của hiệp định này.

Khoản thứ mười : Hiệp ước này sẽ được duyệt y bởi hai Quốc-Vương và hồ giao trong khoảng một năm hay sớm hơn nếu có thể.

Để chứng thực chúng tôi đại diện ngoại giao của hai nước đã ký và đóng dấu vào hiệp ước.

Làm tại Versailles ngày 21/11/1787
Bá tước De Montmorin
Giám-Mục Bá-Đa-Lộc.

Khoản riêng : Để phòng ngừa những sự khó khăn và ngộ nhận liên hệ đến các căn cứ mà Hoàng đế rất sùng thượng Thiên-Chúa giáo được quyền thiết lập trên lãnh thổ nước Nam, vì ích lợi của hàng hải và thương mại, đã có sự thỏa thuận của Quốc-Vương Đàng Trong, rằng các căn cứ đó sẽ hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của Hoàng-Đế nước Pháp, việc tư pháp, việc cảnh bị, việc tuần phòng và chính quyền trên mọi phương diện đều sẽ lấy danh nghĩa của Hoàng-Đế.

Để tránh những sự lạm dụng có thể xảy ra, ở các nơi có ghi tên trên đây, cần phải thỏa thuận ngay sẽ không dung nạp một người dân Đàng Trong nào bị tróc nã về trọng tội và nếu

ké nào đến đây ẩn núp, sẽ bị dẫn độ ngay lập tức, theo lời yêu cầu của Triều đình nước Nam

Cũng thỏa thuận cả về việc các người Pháp lẩn trốn trong nội địa của chính quyền nước Nam cũng được giải quyết như trên, sau khi các nhà chức trách ở Hội-An hay Côn-lôn có lời yêu cầu.

Khoản riêng biệt này cũng được coi có giá trị và đủ thể thức như các khoản khác đã ghi rành mạch trong hiệp ước này.

Để chứng thực, chúng tôi đại diện ngoại giao của hai nước đã ký tên và đóng dấu vào hiệp ước này.

Làm tại, Versailles ngày 28/11/1787
Bá tước De Montmorin
Giám-Mục Bá-Đa-Lộc

4.— Hiệp-ước Versailles yểu vong.

Cũng ngày 28/11/1787, sau khi ký hiệp ước Giám-Mục Bá-Đa-Lộc được phong chức Đặc Ủy viên của Pháp Hoàng cạnh Quốc Vương Đàng Trong, không ngoài mục đích buộc Giám-Mục nhất cử nhất động phải nhớ mình là người của nước Pháp.

Tuy đã quyết định như vậy, việc cứu trợ Đàng-Trong vẫn phải trao cho Bá-tước De-

(1) Quần đảo ở trong Ch âu-Úc.

Conway (1) để xem xét lại trước khi thực hiện. Thế là vai trò tối hậu vẫn do Pondichery quyết định, bởi vì văn võ bá quan của Louis VI cho rằng ở xa mà giải quyết việc này là một chuyện không ổn trên thực tế lại nguy hiểm là đằng khác.

Ngày 2/12/1787 De Conway nhận được chỉ thị của Pháp Hoàng về vụ này, với lời lẽ khẩn thiết rằng nhà Vua trông cậy hoàn toàn ở De Conway, sao cho công việc được xem xét một cách kỹ lưỡng, khôn ngoan, chu đáo cho nhà Vua được yên tâm. Nếu nên thì cứ việc xuất quân mà không lợi thì cứ việc bãi bỏ hoặc trì hoãn lại cũng được.

Tưởng cũng cần phải nhấn mạnh ở chỗ là Conway khi đó mới đến Ấn-Độ có vài tháng thì cũng chưa hiểu tình hình Đàng Trong và Viễn-Đông bao nhiêu, nhưng quần thần của Louis XVI đẩy việc này cho De Conway quyết định và đảm lãnh chỉ là có ý tránh trách nhiệm nếu sau này có sự thất bại !

Người ta cũng không quên cho De Conway hay cuộc cách mạng ở Hòa-Lan vừa xảy ra, đang làm xao xuyến chánh giới Pháp và nền tài chánh của Pháp cũng đang ở vào thời kỳ kiệt quệ, mà bỏ ra một ngân khoản 200.000$ để thiết lập căn cứ là một sự hy sinh lớn lao, nên cần phải cẩn thận tránh lãng phí.

Ngày 8/12/1787, Hoàng-Tử Cảnh và Giám-Mục Bá-Đa-Lộc xin yết kiến, để từ giã Pháp Hoàng.

Ngày 27/12/1787, tàu Dryade và Méduse rời hải cảng Lorient có chở theo một số tân binh pháo binh để tăng cường cho đảo Pháp Quốc (Île de France) và Pondichéry, để đưa sang Đàng Trong giúp Nguyễn-Vương.

Người ta cũng dùng hai tàu nói trên để đem Hoàng-Tử, Giám-Mục và các người tùy tùng về nước.

Giám-Mục Bá-Đa-Lộc tưởng rằng mọi sự trở ngại đã qua và mình sẽ thành công, nào ngờ đó chỉ là ảo mộng !

Tàu Dryade và Méduse đến đảo Pháp Quốc (Île de France) ngày 8-4-1788, sau 102 ngày vượt khỏi rẽ sóng, nghỉ tại đây ít ngày, rồi lại khởi hành vào ngày 26-4... Giám-Mục Bá-Đa-Lộc đặc rất nhiều tin tưởng vào De Conway và cho rằng ông tướng này cũng có nhiều thiện cảm với mình và không nghĩ đến những tính toán những bí mật xảy ra liên hệ đến đề nghị của mình. Hơn nữa, trước đó vài tháng, hồi còn ở Ba Lê, Giám-Mục đã gặp De Conway lúc vừa được phong làm Toàn quyền kiêm Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Ấn-Độ (09-03-1787) và đang sắp sửa lên đường đi Pondichéry, Giám-Mục đã có dịp nói chuyện về việc cứu trợ chúa Nguyễn và bá tước De Conway cũng nhiệt liệt hưởng ứng. Rồi tới Pondichéry sự thể đảo lộn phần thì vì những lời căn dặn của triều đình Louis VI, như đã trình bày ở trên, lại thêm phần vì sự "nhiệt tình qúa độ" của Giám-Mục đối với quyền lợi của Pháp ở Đàng Trong, nên Giám-Mục đã phạm phải nhiều điều vụng về trong việc thuyết phục De Conway.

Sáng ngày 19/05/1788, sau khi tàu Deyade và Méduse tới bến Pondichéry, Giám-Mục vội lên bờ, đến hội kiến và đề cập ngay với De Conway về việc cấp tiền chi dụng cho mình và sứ đoàn...

De Conway tỏ ý hết sức ngần ngại, lấy cớ rằng không thấy triều đình ra lệnh và chỉ được biết mọi sự chi tiêu phải tiết kiệm, vì thuộc địa rất nghèo nàn không có tiền bạc gì cả.

Giám-Mục Bá-Đa-Lộc trả lời rằng : Nhà Vua đã thỏa thuận và bộ trưởng De Montmorin cũng cho biết như vậy... Bấy giờ De Conway mới chịu cho lo liệu các nhu cầu về ăn ở của Giám-Mục và sứ đoàn.

Trở ngại thứ hai nữa là De Conway muốn biết về tình trạng của Chúa Nguyễn ra sao trước khi xuất quân. Giám-Mục phản đối cho rằng như thế sẽ mất thì giờ và lỡ mất cơ hội tốt, vì việc điều đình đã xong xuôi, Hoàng-Tử Cảnh đã đủ tư cách đại diện cho Vua cha rồi còn phải rắc rối gì nữa.

De Conway đáp rằng: "Hiệp ước ký theo danh vị Vua Đàng Trong chớ không phải nhân danh một đứa nhỏ sinh sau cuộc cách mạng 7 năm . . !"

Bá-Đa-Lộc cãi rằng "thì mình tôi làm cách mạng là đủ".

---

(1) Toàn quyền mới của các đất thuộc địa của Pháp ở Ấn-Độ.

Lại nữa trong một buổi tiếp tân có nhiều quan khách, bà De Vienne (một người đàn bà có thế lực, vợ của một sĩ quan tùy viên của De-Conway, là tình nhân của toàn quyền Pháp ở Ấn-Độ, đã bị Giám-Mục khinh khi, không những không viếng thăm xã giao – như người ta đã khuyến cáo – lại còn phê bình và sỉ mạ bằng các danh từ khiếm nhã nhất), chỉ vào các huy chương của tướng De Conway mà diễu cợt và nói rằng "nhà Vua tặng chỉ là để làm cho Trung-Tướng vui lòng thôi, chớ không thể biểu dương một cách xứng đáng giá trị của người chiến sĩ. Ai lại đường đường một ông tướng như Bá Tước mà lại tùy thuộc đạo quân của Giáo-Hoàng, rồi bị đặt dưới quyền điều khiển của một Giám-Mục thì còn ra thể thống gì nữa!"

Hết việc nói khích, để khơi lòng tự ái của De Conway, bà ta còn đưa đẩy khéo léo đến chỗ ông tướng trì hoãn hẳn việc cứu trợ Chúa-Nguyễn. Rồi Giám-Mục viết thư về Pháp phàn nàn rằng với De Conway, việc xuất quân khó mà thành công, vì trong công việc này, De Conway phải là con người mềm mỏng và có óc biết dung hòa mới được.

Về phía De Conway thì cũng chê Giám-Mục ít kín đáo và chín chắn, khiến cho việc bất hòa giữa ông tướng và ông thầy tu đã bị tất cả các Pháp kiều ở Pondichéry biết hết

Rồi De Conway triệu tập Saint Riveul và Moracin, để thông báo về việc mình được triều đình giao phó cũng những chi tiết bí mật nữa. Hai ngày sau, Moracin xuất trình giấy tờ về tình trạng ngân khố và các lương thực còn lại trong kho. Sau đó, trong một hội nghị, tất cả đi đến quyết định "hoãn" việc gởi quân đi Đàng Trong (mà thực ra hội nghị này chỉ là để hợp thức hóa quyết định của De Conway mà thôi). Bá Đa-Lộc nhân danh Đặc Ủy viên của Pháp Hoàng ở Đàng Trong, xin De Conway cho tàu Dryade đưa ông về Đàng Trong, để xem xét tình hình và đưa Chúa Nguyễn Vương đến Pondichéry. De Conway không chịu.

Nhưng như ta đã thấy, De Conway có thái độ chần chờ, do dự không dứt khoát mà Bá-Đa-Lộc lại nóng lòng sốt ruột, nên sau đó Giám-Mục viết thơ (chớ không hội kiến nữa) cho De Conway để thúc dục, tất nhiên hai bên đi dần đến chỗ "hòn đất ném đi, hòn chì ném lại" – Vì lời khẩn cầu, hòa với lời khích động, kèm theo sự trách móc đã va chạm mạnh vào tự ái của viên toàn quyền Pháp ở Ấn-Độ. Nay kiểm điểm lại các tài liệu người ta thấy rằng họ đập nhau từng chữ một và cả hai đều tuyên bố rằng mình làm là do ý chỉ của nhà Vua và không thể làm gì ngoài phạm vi đó hết. Cuộc va chạm mãnh liệt nhất vào ngày 14 và 15 tháng 6, khiến người ta tưởng họ có thể đấu gươm với nhau được, sau khi đã dở đủ dồn phép khôn ngoan về miệng lưỡi, cũng tin tưởng ở thủ đoạn và thế lực của mình.

Thật ra chỉ cần tiết lộ một điều về những lời căn dặn của Louis VI, là đôi bên khỏi có chuyện cãi cọ, nhưng việc ấy chỉ có các Bộ trưởng của nhà Vua mới nói được, rồi các ông này chỉ biết nghe theo De Conway mà thôi - nói cho cùng triều đình ở xa chẳng nghe ông tướng ngoài biên thì nghe ai bây giờ ? Và cũng chỉ tại những người liên hệ đến nội vụ, kẻ thì nhiệt tình quá độ, người ỷ thế lại có thêm một người đàn bà (bà De Vienne) nữa khiến cho việc xuất quân cứu trợ Đàng Trong vốn đã rắc rối lại càng rắc rối thêm.

Rồi Giám-Mục Bá-Đa-Lộc đã gởi nhiều giấy tờ qua Pháp đình để tranh đấu với De Conway, ông ta đã viết cả cho Lomenie De Brienne là một nhân vật quan trọng vào bậc nhất của triều đình. Ngày 30/7 Giám-Mục tố cáo rằng những người thù nghịch của vấn đề xuất quân, đã phóng đại các phí tổn để khủng bố triều đình...

Qủa vậy, trước đó vào ngày 20/7, De Conway cũng đã trình lên Montmorin rằng chỉ có thể xuất quân vào năm sau (1789) và phải gởi vào tháng 6 bốn chiếc tàu hàng (chớ không phải hai chiếc mà thôi) với số lương thực dùng cho cả một năm và ít nhất là 1.500.000 quan, chỉ để dùng vào việc xuất quân, tài chính của thuộc địa hiện rất bi thảm, tháng sau chưa biết lấy gì mà tiêu. De Conway trình cả việc Giám-Mục Bá-Đa-Lộc xin một chiếc tàu đi đón Chúa Nguyễn tới Pondichéry. Bức thư có đoạn: " tôi theo đúng chỉ thị và thưa ngài, tôi tin chắc ý ngài không phải là đưa ông Vua đó về đây, mà nếu làm việc đó thì là một sự táo bạo không thể tha thứ được, vì chưa có sự chấp thuận của ngài và nhất định là trái với quyền lợi của nhà Vua.".

Ngay hôm đó Montmorin đã gởi một điện văn khẩn tán thành lập trường của De Conway. Rồi trước khi có vụ gió mùa Đông-Bắc, viên toàn quyền Ấn-Độ một mặt từ chối không cho Bá-Đa-Lộc rời Pondichéry, mặt khác cử thuyền trưởng De Kersaint mang hai chiếc Dryade và Bengale đi Đàng trong (thám sát tình hình)(1) để trấn an dư luận người Pháp ở đây

Tàu Dryade và Bengale trước khi ra khơi nhận được lệnh là "không được mang Chúa Nguyễn về, và không cho Giám-Mục Bá-Đa Lộc lên tàu với bất cứ lý do gì".

Kersaint lên đường ngày 15/8/1788 ngừng tại Côn-Đảo, Cavitc, Macao, Tourane Chàm, Callao, Hà-Tiên, Phú-Quốc, Poulo-yang, Côn Đảo, Malacca rồi đến ngày 13/3/1789 trở về tới Pondichéry mang theo nhiều bản đồ, tin tức và tài liệu giá trị ở đất Đàng Trong...

Theo cuộc điều tra của Kersaint và Préville "việc xuất quân cứu giúp Chúa Nguyễn có thành công cũng không mang lại cho nước Pháp lợi ích gì lớn lao. Những hứa hẹn của Chúa Nguyễn chưa lấy gì làm tin cậy. Giả thiết rằng Chúa Nguyễn sẽ không bội ước thì việc Pháp nắm độc quyền thương mại ở Đàng Trong cũng chẳng đáng kể, vì Đàng Trong có gì đâu ? Hòa-Lan và Anh cũng chẳng để ý thì đủ hiểu. Chính Bá-Đa-Lộc cũng phải công nhận rằng Đàng Trong trong thuở ấy bị giặc giã tàn phá và không trồng trọt gì, nên chưa có gì là lợi lộc cả.

De Kersaint còn nêu ra điểm chiến lược bất lợi là Đàng Trong ở quá xa đảo Pháp Quốc, tin tức chậm chạp, nếu có chiến tranh thì căn cứ này trông cậy ở nơi mình mà thôi.

Riêng De Conway lại nhận thấy trước vấn đề độc quyền thương mại dành cho Pháp có chỗ bất ổn bởi vì còn có các nhà buôn Trung hoa. Vậy thì độc quyền này chỉ có giá trị đối với các nước Tây Phương mà thôi. Ông nói "người Trung-Hoa qua Đàng Trong chỉ mất có từ 4 tới 6 ngày đường, họ bán nhiều hàng cho Đàng Trong và cũng mua nhiều thứ ở đấy. Việc thương mại giữa họ và Đàng Trong đã có từ lâu đời, như vậy một nước Âu-Châu nào dám nói có thể đánh đổ được họ và thay đổi sở thích của người Đàng Trong để họ quen dùng đồ Tây phương ? Dân Trung-Hoa là một thứ dân cần kiệm, khéo léo lại có nhiều thông cảm với người Nam nữa..."

Bàn về việc chiến đấu với Tây Sơn, De Conway cho rằng "mặc dù De Kersaint nói họ là một lực lượng đáng kể, Tây-Sơn sẽ không sao đương đầu được quân Pháp hơn hẳn họ về vũ khí, kỹ thuật, huấn luyện và phương pháp chiến đấu. Tuy vậy vẫn có điều đáng ngại là quân đội đóng ở đây phải thiết lập việc tiếp tế lương thực và quân khí, các kho chứa hàng, các y-viện, việc chuyển vận pháo đội, vì không trông mong một thứ gì ở một nước đã bị nội chiến từ nhiều năm, Giám-Mục có hứa hẹn về vấn đề này, nhưng một ông Chúa đang lưu vong đâu đáng để cho mình trông cậy được".

Rồi ngày 15/3/1789, kết qủa thám sát được gởi tới Versailles, thì quyết định bãi bỏ hiệp ước cứu trợ Đàng Trong đã có từ lâu, tức là trước vụ gió mùa thuận lợi cho việc xuất quân. Pháp đình đã ra lệnh cho De Conway đưa Hoàng Tử Cảnh cùng đoàn tùy tùng về nước và mời Giám-Mục Bá-Đa-Lộc trở lại đất Pháp.

Thế là hiệp ước Versailles yểu vong !



5.– Bá-Đa-Lộc với việc cổ động người Âu-Châu đến giúp Nguyễn Vương.

Sau khi thấy thái độ của De Conway vẫn không thay đổi, lại được tin Nguyễn Vương đã thu phục được Gia-Định và làm chủ cả đất Đồng-Nai (1788), Giám-Mục Bá-Đa-Lộc một mặt ra mặt tự lực đi mộ người, mua tàu bè và khí giới để đem sang giúp Vương (2) ; mặt khác sửa soạn rời đất Ấn-Độ để về Đàng trong. Lúc đó là giữa năm 1789.

Nói là ra mặt, là bởi vì công việc vận động của Bá-Đa-Lộc đã có từ khi Giám-Mục còn lưu lại trên đất Pháp để thương thuyết nhưng không công khai. Kể từ tháng 11/1788, ông đã chiêu mộ được một số người Pháp : Jean-

(1) Việc thám sát Đàng Trong đã giao cho Hải quân Đại-úy De Richery trước đây 2 lần nhưng lần thứ nhất vì thời tiết nên không hoàn thành được nhiệm vụ, lần thứ hai De Richery chỉ lo buôn bán hơn là nhiệm vụ nên chẳng thu lượm được kết qủa.

(2) Nhờ số tiền 15.000 Francs gia đình cho trước khi trở qua Đàng Trong và số tiền mà các thương nhân Pháp ở đảo France, đảo Bourbon và thành Pondichéry đưa giúp với mưu đồ khi Nguyễn Vương thành công sẽ được ưu tiên buôn bán.

Marie-Dayot, thuyền trưởng của chiếc Saint đi Phi-Luật-Tân và Macao lo về quân nhu, mua tàu của Bồ-Đào-Nha mang về Cap St Jacques- Năm 1790 qua Phi-Luật-Tân lần nữa với hai chiếc tàu để mua diêm sinh. Bảy pháo thủ của tàu Dryade đã đào ngũ sang tàu, sang tàu Saint-Esprit, rồi tàu này ở lại giúp Nguyễn-Vương. về Đàng Trong (hồi tháng 6/1789), cũng giúp Vương trong công việc tuyển mộ chuyên viên.

Thêm vào đó, khi thấy hiệp ước Versailles có vẻ mong manh, Bá-Đa-Lộc đã lợi dụng sự có mặt của mình trong những ngày chầu chực ở Ấn-Độ để giao thiệp với các tàu buôn Âu-Châu, luôn luôn qua lại Pondichéry, để cổ động lấy chuyên viên các loại cùng lo liệu việc mua bán các vũ khí cho Nguyễn-Vương.

Đến cuối năm 1790 thì người ta đã thấy từ 14 đến 15 chiếc chiến hạm có mặt trên sông Saigon. Những tàu này thường là tàu của công ty Ấn-Độ của người Pháp đã đến viện trợ cho Nguyễn-Vương và Giám Mục Bá-Đa-Lộc, để chiêu mộ một số người khác ham cảnh giang hồ phiêu lưu tìm tới.

Có tài liệu ghi rằng ở các tầu hay vãng lai trên các bờ biển Ấn-Độ và Trung-Hoa trong giai đoạn này có tới 349 người hoặc đào ngũ hoặc bị sa thải, đã gia nhập quân đội của Nguyễn-Vương trên bộ hay trên mặt nước. Riêng trong bộ binh ít nhất có 40 người, đó là theo lời Bá-Đa-Lộc và ông ta đã thành công hơn cả trong việc lôi cuốn những người tình nguyện vào thủy quân.(1). Nhưng theo thống kê của ông A.SCHREINER thì chỉ có khoảng 160 người mà thôi.

6.— Sau đây là một số người nổi bật.

- Olivier Puymanel, ta gọi là ông Tín đi chiếc tàu Dryade chở 1.000 khẩu súng mà Nguyễn-Vương gởi mua ở Âu-Châu, đến đảo Côn-Lôn ngày 19/8/1788. Lúc bấy giờ mới có 20 tuổi. Năm sau, 1789, tàu Méduse chở Giám Mục Bá-Đa-Lộc và Hoàng-Tử Cảnh ở Pondichéry về ghé Côn-lôn, thì Olivier theo về Gia-Định. Mặc dầu trẻ tuổi, nhưng Olivier đã tỏ ra có thiên chí về tổ chức và làm việc rất hăng hái.

Giữ chức vụ Tham-Mưu-Trưởng kiêm Chỉ-Huy Trưởng pháo binh, Olivier đã tổ chức, điều khiển một trường huấn luyện sỹ quan của Nguyễn-Vương, lo đúc súng đại bác, vẽ sơ đồ xây dựng các thành và tham dự vào nhiều cuộc hành quân.

Năm 1795, sau khi đánh xong Qui-Nhơn, về Gia-Định, Nguyễn-Vương sai Olivier sửa sang lại các thành phố chính; Saigon và các tỉnh như Vĩnh-Long, Châu Đốc, Hà-Tiên, Biên Hòa, Bà-Rịa đều do Olivier và Le Brun xây đắp theo kiểu Vauban.

Đến năm 1799, trong một chuyến đi công vụ cho Vương ở Malacca, Olivier chẳng may chết bịnh ở đó.

- Philippe Vannier, ta gọi là Nguyễn-Văn Chấn, đến Việt-Nam trên chiếc Méduse, cùng chuyến với Giám-Mục Bá-Đa-Lộc và Hoàng-Tử Cảnh ở Pondichéry về năm 1789, làm hạm trưởng các tàu "Bồng Thước", "Đồng-Nai" rồi đến "Phụng-Phi". Chiếc tàu sau này và Vannier đã lập được nhiều chiến công, được phong Khâm sai Chưởng-Cơ, Chấn-oai hầu. Đến đời Minh Mệnh thăng thêm một cấp : Chấn-thanh-hầu.

-Laurent Barisy ta gọi là Ông Mân cũng đến cùng với Giám-Mục Bá Đa Lộc và Hoàng Tử Cảnh trên chiếc Méduse năm 1789, phụ trách về vận tải quân nhu, mua quân khí, hạm trưởng tàu "Loan-Phi". Được phong Khâm sứ thuộc nội Cai Đội tước Thành-tín hầu, chết ở Huế năm Gia-Long lên ngôi (1802).

- Guillaume Guilloux, đến năm 1789, hạm trưởng các tàu "Đồng Nai" và "Hoàng Tử Đàng trong". Được phong chức Phó Cai-Đội (2) tước Nhuệ-tài hầu. Ở Gia-Định không được lâu lắm.

- Jean Baptiste Guillon, được phong chức Phó-Cai-Đội, tước Oai dũng-hầu, phục vụ trong thủy quân của Nguyễn-Vương 15 năm.

- Théodore Le Brun đến năm 1790, làm nghề kỹ sư phụ trách việc xây dựng đồn lũy.

---

(1) Riêng tàu Méduse trong vòng 4 năm (1787-1791) đã mất 100 người hoặc bị sa thải hoặc đào ngũ sang phục-vụ Nguyễn Vương.

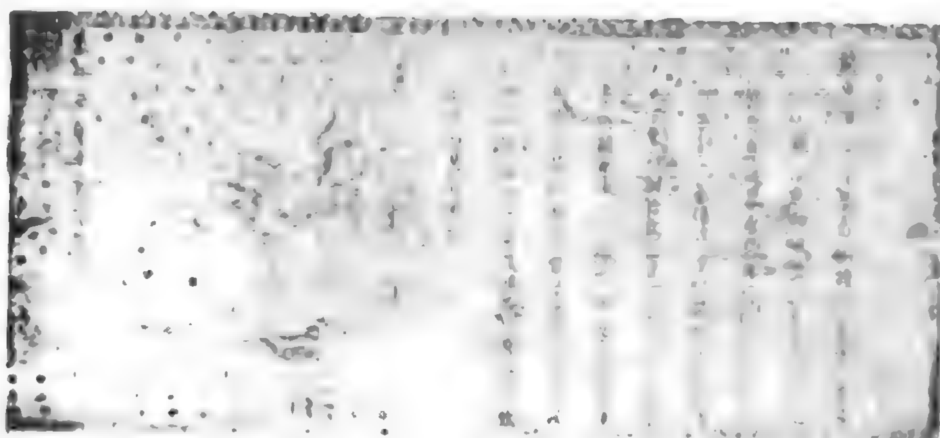
(2) Vào bảng sĩ quan chớ không phải là "Cai" và "Đội" mà mấy lúc gần đây người ta thường gọi.

Bản đồ thành Saigon hồi đó do chính tay Le Brun vẽ. Được phong chức Khâm sai Cai-Đội, tước Thạch-oai-hầu. Từ chức năm 1791.

- Charles-Stanilas Lefèbvre, cháu Giám Mục Bá - Đa - Lộc đến Đàng trong năm 1793 nhưng chỉ ở lại chín tháng rồi đi.

- Jean Baptiste Chaigneau, ta gọi là Nguyễn-Văn-Thắng đến năm 1794, năm 1796 mới giúp Nguyễn-Vương, chỉ huy tàu "Long Phi". Được phong chức Khâm sai Cai-Đội, tước Thắng-tài Hầu, sau lại được thăng Chưởng Cơ tước Thắng-toàn Hầu.

quân trang tưởng đối tối tân (lúc bấy giờ) thì việc Nguyễn-Vương nắm ưu thế là điều không thể nghi ngờ gì được nữa. Công việc của các người còn lại khác là huấn luyện bộ binh, tổ chức các binh chủng, binh sở, đặt quân kỳ, đúc súng đại bác, lựu đạn, rèn luyện pháo binh, xây đắp thành trì... Nhưng vai trò quan trọng nhất vẫn là Bá - Đa - Lộc, người đã đích thân điều khiển nhiều trận đánh lớn và chỉ huy nhóm Olivier , Dayot, Vannier, Chaigneau trong các mưu lược, kế hoạch v.v. . . Giam-Mục còn phiên dịch cả các binh thư của Pháp ra tiếng Việt để Nguyễn-Vương hiểu biết các chiến pháp Âu-Châu...



Bằng Chưởng-Cơ của Vua GIA-LONG cấp cho Ông CHAIGNEAU

- De Forçant, ta gọi là Lê-Văn-Lang, chỉ huy tàu "Bằng-Phi". Được thăng Chưởng-Cơ, tước Lãng-Đức-Hầu, chết ở Nam-Kỳ năm 1809.

- Desperles, sỹ quan giải phẫu của tàu PANDOUR, làm y sỹ...

-Despiaux làm y sỹ riêng của Nguyễn Vương.

Ngoài những người Pháp kể trên, còn có vài người Âu khác, không có quốc tịch, trong số có JANNARIO đến năm 1793, GIBSONS đến năm 1798, chỉ huy chiếc "Nguyễn-Vương"

Xuyên qua các sĩ quan Pháp và Âu-Châu trên đây, đặc biệt là về thủy quân người ta có thể tin là họ đã xây dựng cho Nguyễn Vương một thủy lực đáng kể, lại thêm có quân khí,

Trong suốt mười năm sống ở Đàng Trong, Bá-Đa-Lộc đã đóng vai Bộ-Trưởng chiến tranh của Nguyễn-Vương kiêm nhiệm cả việc ngoại giao nữa. Nguyễn-Vương rất tin cậy ở Bá-Đa-Lộc nên mọi việc đều hỏi ý kiến trước khi thi hành. Do vai trò này mà Giám-Mục đã giữ cả việc giao dịch với các toàn quyền Phi-Luật-Tân, Ma-cao, Bengale và với đại diện của Anh Hoàng và của Vua Đan-Mạch. Tóm lại Bá-Đa Lộc là linh hồn của quân lực và chính giới Đàng Trong thuở đó, để dựng lại một ông Hoàng thất thế lao đao.

Từ năm 1794 Giám-Mục cũng đi với Hoàng Tử Cảnh ra Nha-Trang bị quân Tây-Sơn hãm thành bắn vào tới 900 phát đại bác. Năm 1797 Bá-Đa-Lộc cũng có mặt trong thủy quân của Nguyễn-Vương từ Qui-Nhơn ra Quảng-Ngãi và

chết ở cửa Thị-Nại ngày 9/10/1799, trong khi Nguyễn quân đang phong tỏa Qui-Nhơn, hưởng thọ 58 tuổi.

Việc Bá-Đa-Lộc tận tình giúp Nguyễn-Vương có thâm ý là tạo nên một ông Vua có cảm tình với Công-Giáo, để có thể khuyếch trương đạo và ảnh hưởng của nước Pháp trên bán đảo này trong tương lai. Mộng chưa thành thì người tu sĩ chiến sĩ này đã qua đời.

Nguyễn-Vương rất đau buồn khi nhận được tin, mất Giám-Mục là mất cố vấn quân sự và chính-trị lỗi lạc và một người bạn chí thân đã nhiều phen vào sinh ra tử với Vương. Vương cho mang xác Giám-Mục về Gia-Định chôn cất hết sức trọng thể ở gần nơi nhà giảng của Giám Mục (ở cuối đường Trương-Minh-Giảng, gần cổng vào Phi trường Tân-Sơn-Nhất ngày nay và gọi là Lăng-Cha-Cả) Giám-Mục được truy phong Thái Tử Thái phó Bi nhu Quận Công.

Theo lời tường thuật của Giáo sỹ Lefèbvre thì xác của Bá-Đá-Lộc được ướp bằng các chất thuốc thơm và đặt vào một quan tài bằng gỗ rất quí, rồi đưa về Saigòn. Người ta quàng vào nơi rất trang trọng ròng-rã hai tháng (1) để lo liệu mọi nghi lễ cần thiết cho việc quốc táng. Các giáo dân tham dự rất đông. Các quan mặc lễ phục chỉnh tề, Nguyễn-Vương tỏ ra rất xúc động và các quan theo sau ai nấy đều có nét mặt trầm mặc. Các nghi thức về Thiên Chúa giáo được thi hành triệt để. Các giáo sĩ trong nước hôm ấy (16/12/1799) không thiếu một ai. Các bà Thái Hậu, Hoàng Hậu và cung tần cũng đi ra tới mộ, đó là một điều lạ từ xưa tới nay chưa hề có. Đạo Cận-Vệ của Vương 12000 người, vũ khí trang nghiêm được xử dụng, cho thêm phần uy nghi, kế tiếp là đạo tượng binh, trên một trăm con voi dưới sự chỉ huy của Hoàng Tử Cảnh. Người ta lại còn kéo nhiều khẩu đại bác theo sau. Đám táng đi từ 1 giờ đêm đến 9 giờ sáng mới tới huyệt. Tám chục người khiêng chiếc kiệu rất đẹp, trên đó có quan tài của Giám Mục. Số đi đưa lên tới 40.000 người làm chật cả đường xá, ấy là chưa kể những người đứng xem ở hai bên đường.

Theo phong tục Thiên-Chúa-Giáo, Nguyễn Vương cũng ném một nắm đất xuống huyệt và Vương đã trào nước mắt khóc người bạn chung lưng đấu cật với mình từ thuở ba đào.

Trên mộ, Nguyễn-Vương cho dựng một ngôi đền lớn lợp ngói, vách gỗ, cột lớn bằng gỗ quí, do một người Pháp vẽ. Sau này Vương cho 50 người lính canh phòng cẩn mật. Hiện giờ đền vẫn còn vững vàng tốt đẹp và được liệt vào hàng "tài sản Quốc-Gia".

Trong đền, Vương có cho dựng một tấm bia đá rất lớn với lời ghi chép sự nghiệp của Bá-Đa-Lộc như sau :

"Nhà Thầy họ Bi-nhu, tên là Bá-Đa-Lộc người nước Đại-Tây-Dương. Lúc còn ít tuổi nhà thầy chỉ chuyên việc tu hành. Thế mà bao nhiêu sách vở của những bực thánh hiền bên nước Trung-Hoa, nhà thầy đều thông hiểu hết. Đến năm đã ngoài 30 tuổi, nhà thầy mới sang nước ta, khi ấy nước ta đang loạn nhà thầy đóng vai thượng khách của nước nhà.

"Qủa nhiên nhà thầy đem học thức đã thâu lượm được bấy lâu nay ra áp dụng hữu hiệu cho thực tế. Nhà thầy lại hết lòng với Chúa những khi vận nước nghiêng ngửa chia phôi. Rồi nhà thầy lại được chúa giao phó cho một việc nặng nề là : ra nước ngoài để tìm quân cứu viện. Trong thời gian ấy, nay đây mai đó, không mấy lúc nhà thầy được nghỉ ngơi. Hơn hai mươi năm trời : khi thì giữ chức Tham-Mưu trong quân đội, lúc thì lại giúp việc hành chánh trong các trấn. Những mưu mô, những cách thức mà nhà thầy đã kiến nghị hoặc thi hành đều có thể làm gương mẫu cho đời sau được. Cũng vì thế mà nước ta khi ấy đã dần dần có cơ trổi dậy được. Được như thế một phần cũng là do công lao của nhà thầy.

"Mùa Thu năm kỷ mùi (1800) (2), nhà thầy theo Chúa ra đánh phủ Qui-Nhơn. Nửa đường mắc bịnh rồi nhà thầy mất ở trong đồn, trên cửa bể Thị nai (Nha Trang). Hôm ấy là ngày 11 tháng 9 (âm lịch). Năm ấy nhà thầy đã 57 tuổi.

---

(1) Tại nhà vãng lai của Giám-Mục do Nguyễn Vương cất cho ở cạnh thành Gia-Định - hiện ở cạnh Bảo Tàng Viện Saigon còn có một bia ghi dấu. Tuy vậy cũng có người cho là ở nhà thờ Thị-Nghè.

(2) Năm 1799 tại Thị-Nại (Qui-Nhơn) và vào năm 58 tuổi.

"Cũng vào đầu mùa Đông năm đó, nhà thầy được truy tặng chức Thái-Tử-Thái phó, tước Quận-Công và an nghỉ ngàn năm tại nơi đây, ở phía Bắc ngoài thành Gia-Định, nơi mà khi xưa thầy đã cất nhà giảng đạo dạy.

"Bia này dựng giữa ngày tốt, về Mùa Thu năm canh Thân (1801) để ghi nhớ công trạng kể trên."

LŨ BẦY TÔI :

Tác giả : Đốc-học, tước Hoa-xuyên-hầu Nguyễn-Gia-Cát.

Người viết : Hữu-tham-tri Bộ-binh, tước Tri định hầu Lê-trí - Chỉ.

Dịch giả : Nhược Ngu - Văn hóa Á Châu 152 (959).



CHƯƠNG IV

Vua Gia-Long và các thừa kế chấm dứt dần dần sự giao thiệp với Tây-phương

Sau khi dẹp yên Tây-Sơn và lên ngôi, Vua Gia-Long và các thừa kế khôn-khéo dần-dần chấm dứt sự giao-thiệp với Tây-Phương.

1.– Việc giao thiệp với người Pháp.

Đối với người Pháp thì Gia-Long có ý biệt đãi hơn cả, là vì khi còn gian truân, nhà Vua có nhờ Bá-Đa-Lộc đem Hoàng-Tử Cảnh sang cầu cứu với Pháp ... Tuy sự không thành, nhưng Bá-Đa-Lộc cũng đem theo được nhiều người Pháp cùng tàu bè và khí-giới sang giúp Vua ... Sau năm 1802, tại triều Gia-Long chỉ còn Philippe Vannier, Jean-Baptiste Chaigneau, De Forçant và Y- sĩ Despiaux. Trừ Despiaux, các người khác đều được phong chức Chưởng-Cơ, là chức quan-võ cao cấp hàm Nhị phẩm theo hệ-thống quân giai (tước Hầu hay Quận-Công ... như đã nói trong mục "Bá-Đa-Lộc với việc cổ-động người Âu-Châu đến giúp Nguyễn Vương). Nhà Vua cũng tỏ lòng trọng đãi, cấp cho mỗi người 50 lính hầu và miễn cho việc phải lạy như các quan Việt-Nam khi vào chầu (chỉ xá 5 cái).

Nhưng người còn lại và lâu dài hơn cả có lẽ là Chaigneau và Vannier. Những người khác từng đóng vai quan trọng như De Forçant, hai năm sau cũng qua đời (lúc còn sống, ông này với Bá-Đa-Lộc cùng với các quan trong triều có nhiều bất đồng với nhau, mọi người ghét bỏ ông ta, nên có thể nói là ông ta buồn mà chết), còn lại kẻ thì hồi hương, người thì qua làm cho các tàu Hòa-Lan hay đi khắp nơi trên thế giới, để theo đuổi các ảo ảnh mà không bao giờ họ đạt được...

Tóm lại, số người Pháp còn ở lại với Gia-Long sau ngày chiến thắng, chỉ có Chaigneau và Vannier là được trở về cố hương, nhưng họ rất uất hận, vì nhà Vua đã không có nhiều cảm tình với Thiên-Chúa giáo và không chịu thân-thiện với nước Pháp ... Riêng cá nhân của họ thì cũng không có gì phàn nàn về nhà Vua cả.

Còn đối với quốc - gia Pháp thì ngay từ năm 1790, tức là lúc nhà vua mới thu phục được một nửa giang-sơn, đã viết thơ sang đại ý cám ơn và nói hiện không cần cứu viện của Pháp nữa ...

Sau này, Vua Gia-Long nhiều lần đã tỏ ra hài lòng về việc trước kia không nhận được cứu viện của Pháp mới khỏi nhượng lợi quyền cho họ (xin xem mục Hiệp-ước Versailles).

Tháng 9-1818 các thương thuyền "La Paix" của hãng Balguerie et Sarget và "Henry" của của hãng Philippon đều ở Bordeaux (Pháp), có chiến hạm "La Cybèle" hộ tống, chở hàng hóa đến cửa Hàn. Hạm trưởng chiếc "La Cybèle" là Bá tước Kergariou, xin lên Huế, để dâng phẩm vật (Binh khí, đồng hồ, lọ thủy tinh, ảnh Vua Louis XVIII), đồng thời đệ trình Vua biết về việc phục bích của Louis XVIII và xin thi hành hiệp ước Versailles, cũng là việc bảo hộ thương dân Pháp... ở nước ta. Được tin, Vua Gia-Long sai Vannier và hai quan chức ta vào Đà-Nẵng để đón tiếp. Nhưng Kergariou không có quốc thư, nên nhà Vua không cho chiêm yết, không nhận phẩm vật, chỉ sai khoảng đãi rất hậu. Riêng hàng hóa trên hai thương thuyền, không hợp với thị hiếu người Việt-Nam, nên bán không chạy thấy thế nhà Vua tha không đánh thuế, lại sai chỉ cho những món hàng có thể nhập cảng...

Một năm sau, năm 1819, có hai chiếc tàu buôn 3 cột là "La Rose" và "Le Henri" cùng vào cửa Đà-Nẵng. Lần này, hàng hóa đem sang bán được là vì đã có một danh sách các hàng-có thể tiêu thụ được do Vannier trao cho họ từ trước và họ lại mua một số hàng của Việt-Nam về như trà, đường, bạc nén, lụa mộc ... Nhân dịp này, Chaigneau xin Vua Gia-Long cho nghỉ phép 3 năm để về thăm nước nhà. Gia-Long chấp thuận và đặc cấp cho 2 năm lương, Chaigneau liền đưa vợ con xuống tàu "Le Henri"... Sự kiện này thoạt xem thì tưởng nó dản dị như vậy, nhưng xét kỹ thì nó còn chứa chấp nhiều uẩn khúc trong toàn bộ âm mưu của thực dân Pháp.

Nếu ta nhớ lại các đề-nghị trước đây - từ trước và trong thời Trịnh Nguyễn phân tranh của Verret và của Poivre, của các tu sỹ chính trị gia Alexandre de Rhodes và của Bá-Đa-Lộc ... thì manh tâm của Pháp đối với việc chiếm nước ta làm thị-trường và thuộc địa đã có từ lâu, nhưng vì nội tình nước Pháp thuở ấy lúng túng - nhất là thời kỳ Napoléon I, nước Pháp đang có chiến-tranh với các lân quốc - nên các đề-nghị của bọn cướp nước bị bỏ rơi ... Cho đến khi Louis XVIII lên ngôi, nước Pháp không còn chiến-tranh ở Âu-Châu nữa, vấn đề Việt-Nam lại được mang ra bàn ...

Các sự kiện dưới đây minh chứng cho các âm mưu đen tối của bọn thực dân tây-phương cho ta hiểu tại sao nhà Vua không khứng chịu đi sâu vào cuộc giao thiệp với tây-phương :

Sau cuộc cách-mạng 1789 mười năm, việc Đàng-Trong được thảo luận tại Balê. HQ Đại Úy Larcher đệ trình lên phủ Đốc-chính một kế-hoạch thiết-lập căn-cứ tại Đông-Dương - kế-hoạch tương tự cũng đồng thời được bọn thực dân Anh, do P. Chaumont cầm đầu, nghiên cứu tại Luân-Đôn - Larcher nhắc đến sứ-đoàn Bá-Đa-Lộc, sự do dự của triều đình Louis XVI, đã làm nước Pháp lỡ mất cơ-hội thuận-tiện bành-trướng khu-vực thuộc địa, hoặc ít ra trong cơ-hội đó người Pháp sẽ được nhiều sự dễ dàng hơn với Nguyễn Ánh. Larcher đề-nghị dựa vào thế-lực của Tây-Ban-Nha, khi ấy là đồng-minh của Pháp, chiếm Côn-đảo và cửa Hàn, sau khi đã chận được đường của Anh vào biển Trung-Hoa - Vì lúc bấy giờ Anh và Pháp đang xung đột với nhau kịch-liệt trên đường cướp nước ...Pháp tính mang đại binh qua Ấn-Độ phá Anh ở khu-vực này, một khu-vực mà Anh đang ra sức phát triển đế-quốc... mặt khác, Pháp sẽ giúp Ái-Nhĩ-Lan nổi lên chống Anh. Pháp hoạt-động ở Đông-Dương cũng là tính nắm lấy một căn cứ cho cuộc viễn-chinh thứ hai để cầm chân hạm-đội Anh tại vịnh Bengale - kế-hoạch này được đề cập đến trong "Ký-ức St. Hélène" của Napoléon, dự trù một đạo quân 60.000 người, 5.000 lạc đà và 10.000 con ngựa với lương thực đủ dùng trong 2 tháng và nước uống đủ 6 ngày. Đạo quân này sẽ mất 40 ngày để đến Euphrate và 4 tháng sẽ tới Ấn-Độ... Pháp tin rằng dân chúng bản-địa sẽ rất thiết tha nổi lên chống quân thống-trị Anh ...

Rồi quân Pháp thất bại, tuy oanh-liệt ở Ai-Cập, Thủy-quân Pháp bị Anh hủy diệt ở quân cảng Aboukir, nên kế-hoạch của Larcher bị bỏ quên từ đó.

Năm năm sau, nguyên Tổng Trấn thành Pondichéry là Charpentier de Cossigny, trước đây đã không ủng-hộ Bá-Đa-Lộc, khuyên Portal mở cuộc giao hảo với Vua Gia-Long, đánh rằng Gia-Long lúc bấy giờ không phải nhờ vả nước Pháp nữa. Thâm ý của De Cossigny vẫn là xin chính-phủ Pháp dành lại ảnh-hưởng sau khi Bá-Đa-Lộc mất ở Việt-Nam. De Cossigny lúc đó tuy đã già nhưng vẫn tình-nguyện đi đóng vai thuyết khách . Nhưng rồi Âu-Châu lại xảy ra nhiều biến-cố chính-trị, Napoléon lại phải hoãn việc này cho đến năm 1813, mới giao cho Quốc-Vụ-Khanh Hauterive sưu tầm tài liệu về vấn-đề Đàng Trong, nhưng viên Giám-Đốc văn-khố quốc-gia chỉ có thể đưa ra các tài-liệu lờ-mờ mà thôi. Sau Napoléon phải cho tìm kiếm tài liệu ở Văn-khố Bộ Hải-quân, mới thấy một số thư từ giữa nguyên toàn-quyền Pháp ở Ấn-Độ là De Conway và Bộ-trưởng Luzerne. Việc tiến hành thì đế chế đã đổ ...

Đến năm 1816, Louis XVIII lại khích-lệ việc xuất-dương đã bị tê-liệt từ ngày có chiến-tranh với Anh-quốc. Công - Tước De Richelieu thúc đẩy việc trang bị tàu buôn, miễn hẳn quan thuế cho các hàng nhập cảng, trọng thưởng các tàu buôn mỗi khi trở về nước. Do đó mà năm 1816, công ty hàng hải Phap hạ thủy được hai chiếc tàu buôn. Các tàu này lãnh nhiệm-vụ giao-thiệp với chánh quyền Gia-Long và do chiến hạm "La Cybèle" theo hộ tống, như ở trên đã nói. Việc cử chiến hạm hộ tống tàu buôn qua Viễn-Đông có phần vội vã, nên De Richelieu không kịp làm quốc thư, Triều đình Huế nại cớ

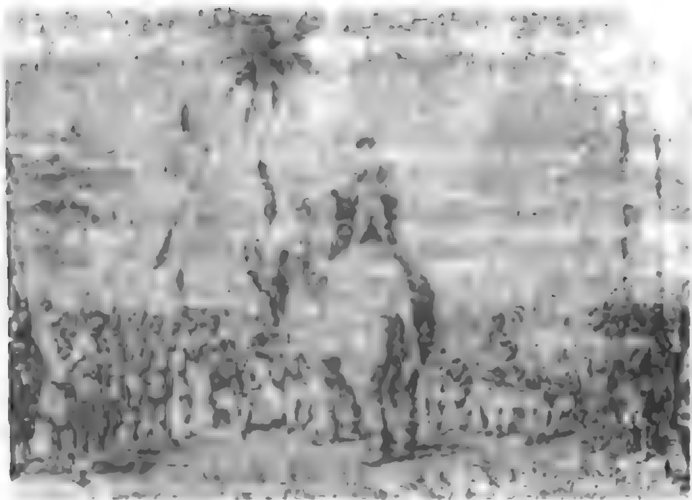
này không tiếp và chỉ coi hạm-trưởng Bá-Tước Kergariou như là một tư nhân, như mọi tư nhân khác mà thôi.

Việc này cho thấy thái độ của Gia-Long, của Triều-đình và của Thái-tử (Minh-Mạng sau này) đã làm cho Chaigneau và Vannier chán nản. Vannier viết thơ cho ông Barondel ở Pháp, để than phiền và kết luận rằng ông ta và Chaigneau đã thất vọng qúa rồi và ngày rời Việt-Nam của họ chẳng còn bao xa. Ông ta còn nói thêm rằng Thái-Tử Đảm đã từng âm mưu sát phạt Công giáo, nhưng chưa ra tay là vì còn kiêng nể hai ông mà thôi. Ông tin chắc rằng một khi Gia-Long qua đời thì dù các ông có muốn ở lại cũng không xong. Tuy vậy, De Richelieu vẫn còn hy-vọng là Pháp sẽ thiết lập được một căn-cứ ở Đàng Trong, nên đã viết thư bảo Chaigneau cố gắng lập quan-hệ bang giao giữa Pháp và Việt... Để khuyến khích, De Richelieu tặng cho Chaigneau một Bắc-Đẩu Bội-tinh. Nhưng thất bại, khiến Chaigneau phải đáp tàu "Le Henri" trở về Pháp, như đã đề cập ở trên. Khi ra đi Gia-Long đã hết sức vỗ về, và bằng những lời đậm đà nhà Vua mong mỏi Chaigneau sẽ sớm trở lại Việt-Nam ... Cập bến Bordeaux được vài ngày, thì Bộ-Trưởng Hải-quân là Bá-tước Portal mời đến tiếp chuyện. Chaigneau trình bày tất cả mọi vấn-đề về chính-trị, quân-sự, kinh-tế, văn hóa v.v... của Việt-Nam và luôn cả thái độ của Thái-tử Đảm đối với người Âu-Châu nói chung và đối với người Pháp nói riêng. Ông cũng không quên nhấn mạnh đến tình trạng bi đát của các Giáo-sỹ và việc phát triển Thiên-Chúa giáo đang giật lùi, mặc dầu lúc này Gia-Long hãy còn sống. Portal thất-vọng, nhưng bọn mại bản Pháp cứ nài nỉ mãi, nên ông phải trình Hoàng-đế Pháp chính-thức gửi sứ thần sang Việt-Nam. Dĩ nhiên đại diện cho Pháp lúc nầy không ai tốt hơn là Chaigneau. Chẳng đừng được ông nầy phải lãnh chức Lãnh sự kiêm chức Đặc Uỷ Pháp và xuống tàu vào năm 1821, đem theo một số tặng phẩm của Hoàng đế Pháp, trong đó có một cuốn tự điển khoa học và mỹ nghệ Tây Phương. Tháng 6/1821, Chaigneau đến Huế thì Gia-Long đã mất từ năm trước. Quốc thư và tặng phẩm được đệ lên vua Minh-Mạng vào ngày 12/10/1821. Tuy nhà vua tiếp đãi ông rất niềm nở, nhưng không nhận chức đại diện của ông, và trả lời về việc xin lập điều ước thương mại xét không cần thiết, bởi vì việc buôn bán người Pháp cứ theo luật lệ của nước Nam là đủ, không gì ngăn trở cả.

Chaigneau thất vọng, nhưng không dám ra về vì sứ mạng của Pháp định trao cho ông ấy.

Một năm sau, năm 1822 (ngày 20/2), một hộ tống hạm Pháp mang tên "La Cléopâtre" do Hạm trưởng Courson de la Ville Hélio cập bến cửa Hàn, nhờ Chaigneau xin phép cho vào yết-kiến Minh-Mạng, nhưng bị chối từ, mặc dầu Chaigneau đã khẩn khoản vận-động. Hạm trưởng Cléopâtre, dù được tiếp đãi niềm nở, nhưng trong bụng vẫn ấm ức ; Nhưng kẻ ấm-ức hơn cả vẫn là Chaigneau, vì nhà Vua không những không thỏa mãn đề-nghị của ông, lại còn truyền lệnh cho ông phải mang lính xuống khám tàu lúc sắp nhổ neo . Chaigneau đau khổ, cho rằng mình bị sỉ-nhục trước cái thế nan-giải, một đằng mang danh nghĩa là quan trong triều Minh-Mạng, đằng khác mang chức Sứ-thần của Pháp-Hoàng, đâm chán nản và cùng Vannier viết thơ về Bộ Ngoại giao Pháp, ngỏ ý muốn từ giã hẳn Việt-Nam. Hai ông này dự định lên đường vào mùa thu năm 1823, nhưng lúc này Pháp đang có chiến-tranh với Tây Ban-Nha, nên đành phải nán lại đến năm 1824. Tưởng cũng cần nói thêm rằng triều đình Minh-Mạng bấy giờ không còn muốn thân thiện với Pháp như xưa, vậy mà hồi ở Pháp trở lại Việt-Nam (1821), ông ta (Chaigneau) còn bí mật mang theo mấy giáo-sỹ ... Những người này cải trang theo lối người địa phương Miền Nam, đó là các Linh-mục Taberd, Olivier, Gagelin và Odoirico v.v...

Hơn thế nữa, khi còn nán ở Cửa Hàn, ông đã kín đáo đưa thừa-sai Imbert vào nội địa Việt-Nam. Linh-mục Thất là Cha đỡ đầu của cô Anne, con gái Chaigneau, đã được ông kể chuyện này sau chối đạo đã khai tất cả với nhà cầm quyền. Tuy không bị khiển-trách về việc này, nhưng ông bị theo rõi ráo riết. Ngày 15/12/1824, Chaigneau và Vannier cương quyết rời khỏi Việt-Nam bằng cách xuống cửa Hàn để vào Saigon, rồi ở đây chờ tàu đi Âu Châu vào ngày 21/3/1825. Trong khi đó thì Bộ Trưởng Hải-quân Pháp là Chabrol cử Nam-Tước Bougainville, Đại-Tá Hải-quân, dẫn hai chiến hạm "Thétis" và "Espérance" vào Đà-Nẵng vào tháng 1/1825. Bấy giờ Chaigneau và Vannier đã rời Huế được 2 tháng. Bougainville được lệnh làm việc gì ở đây đều phải có sự chấp thuận của Chaigneau, ngoài ra còn phải nghiên-cứu mọi chi-tiết cần thiết cho các cuộc hành-quân trong tương lai của Hải-Quân Pháp ở các sông ngòi và bờ biển Việt-Nam ...



Tiếp đón Thủy-thủ đoàn trên chiếc "THÉTIS" năm 1825

Xem như vậy, ta thấy Pháp rất căm giận thái độ của Minh-Mạng và đã chuẩn-bị âm-mưu gây hấn.

Bougainville xin gặp Vua Minh-Mạng để dệ quốc-thư lên Nhà Vua. Triều đình nại cớ rằng không ai biết tiếng Pháp để dịch thơ của Hoàng đế Pháp. Rồi người ta đã khéo léo chấm dứt cuộc điều đình và bảo Bougainville rằng "Nhà Vua sẵn sàng để ông đi thăm mọi cửa bể Việt-Nam, miễn là ông phải tuân theo luật lệ của Việt-Nam".

Thất bại, Bougainville lên đường trở về nước vào ngày 17/2/1825.

Về phần Chaigneau thì khi ông ta vừa cập bến, liền đến Bộ Ngoại-giao để trình bày ngay tình-hình Việt-Nam ... Nhưng lần này ông không được tiếp đón niềm nở, vì người ta nghi ngờ ông ta không hết lòng với nhiệm-vụ ... Người ta có lý để nghi ngờ về thái độ của Chaigneau, bởi là vì cùng đáp tầu với Chaigneau về Pháp chuyến này có nhà bác học Diard, đã nói nhiều chuyện để người ta hiểu lầm Chaigneau. Nhưng sau đó, nhờ có bức thư của giáo-sỹ Gagelin gởi về Pháp đình để minh oan cho Chaigneau, nên ông này đã phần nào tránh được sự ngộ nhận của dư-luận chánh quyền Ba-Lê. Nhưng Chaigneau cũng buồn phiền chán nản và cuối cùng chấm dứt cuộc đời của mình trong một hoàn cảnh buồn tẻ.

Cho đến năm 1832, trong khi vua Minh Mạng ra lệnh tập trung giáo sỹ ở Huế thì triều đình Pháp lại cố gắng tấn công ngoại giao một lần cuối cùng nữa, bằng cách cử cháu ông Chaigneau là Eugène Chaigneau theo tàu Favorite do Hải quân Đại-Tá La Place chỉ huy sang Việt Nam, với vai trò tương tự như người chú trước đây. Đến cửa Hàn, ông nầy ngỏ ý xin đến Huế dâng quốc thư của Pháp Hoàng lên vua Minh-Mạng, nhưng người ta không nhận và trả lời rằng trong triều lúc này không ai bảo đảm được việc dịch một văn kiện bằng tiếng Pháp, mặc dầu ông Eugène Chaigneau đã giải thích mọi điều trong quốc thư ; mặt khác quan coi việc ngoại-giao còn tiết lộ rằng mình nhận được lệnh không được phép nhận thư từ của các nước Âu-Châu, cũng như cho họ bước chân lên Việt-Nam, còn các tầu buôn Pháp vào đất Việt thì vẫn không có gì trở ngại cả.

Sự kiện này ông E. Chaigneau cũng nhận ra rằng người Anh có thế lực đang mạnh, Việt-Nam không muốn liên-lạc với các nước Âu-Châu, vì sợ rằng bị rắc rối do người Anh có thể gây ra. Riêng về việc giao-thương thì như đã nói, không có gì trở ngại cả, nhưng việc đặt quan hệ ngoại giao hay lập các thương điếm có tính cách lâu dài thì không được Vua quan triều đình Minh-Mạng chấp thuận.

Sau khi thất bại trong việc vận-động, Eugène Chaigneau liền nhổ neo về nước. Từ đó chỉ còn vài lần tàu Pháp vào để can thiệp về việc đàn áp Công-giáo mà thôi... Cho tới ngày quân Pháp xuất hiện trên đất Việt, không phải là để xây dựng một sự hợp tác nào, như hơn một nửa thế kỷ trước, mà để thi hành một định luật **"Mạnh được yếu thua, khôn sống mống chết"**.



Tiếp đón Thủy-thủ đoàn chiếc "FAVORITE" năm 1831

Cho đến năm 1845 và các năm kế tiếp Pháp còn cố gắng giao thiệp một vài lần nữa nhưng không đạt được kết quả nào cả.



2. – Việc giao thiệp với người Anh.

Năm 1804, triều đình Anh cử Sir Roberts làm Sứ thần, mang phẩm vật và quốc thư dâng lên vua Gia-Long. Vì có sự dèm pha của Chaigneau và Vannier nên nhà Vua khước từ tất cả. Sau này người Anh còn cố gắng mấy lần nhưng đều thất bại. Có lẽ sau khi Gia-Long lên ngôi, người Anh là người đầu tiên đến xin đặt quan hệ ngoại-giao với triều Nguyễn và họ đã thất vọng.

Mãi đến năm 1836 có tàu buôn của Anh qua Hoàng-Sa bị mắc cạn, 90 người ghé vào bãi biển Bình-Định, việc ấy tâu lên, Vua Minh-Mạng sai lựa nơi cho họ ở và hậu cấp tiền gạo rồi sắc phái Viên-ngoại Nguyễn-Tri-Phương đưa qua Singapore (Hạ-Châu).



3. – Việc giao thiệp với người Mỹ.

Vào năm 1819, năm cuối cùng của Vua Gia-Long, có 2 chiếc thuyền buôn Hoa-Kỳ, thuyền trưởng là John White, đến Saigon mua đường, được quan Tổng-Trấn tiếp và dành mọi sự dễ dãi...

Đến năm 1831, chính-phủ Hoa-Kỳ cũng dự-định đặt một đại diện ở nước ta, ông Shilluber được cử làm Lãnh-sự, nhưng không được Vua Minh-Mạng chấp thuận.

Sang năm 1832, lại có một phái đoàn mang quốc-thư của Mỹ đến nước ta, do ông Edmund Robert và Đại-Úy Georges Thompson cầm đầu, với mục-đích ký kết một hiệp-ước thương mại cũng như với các nước khác.

Vì lý do quốc thư mà ông Edmund Robert đệ trình không ghi rõ danh hiệu của Vua ta và quốc hiệu của nước ta, nên không hợp với thể-thức ngoại giao, Vua Minh - Mạng đã phê trên phiếu tấu của quan ta : "Bất tất dâu dệ" nghĩa là không cần phải dệ lên ngự lãm - Bức thư nầy hiện còn tại văn-khố của Chính phủ Hoa-Kỳ (Archives of Government). Tuy vậy, nhà Vua có sai quan Thương bạc (ngoại giao) cho phái đoàn Mỹ hay là không thấy gì trở ngại trong việc giao thương, người Mỹ chỉ cần tuân theo luật-pháp của Đại-Nam mà thôi. Quan Thương bạc còn chỉ định cho họ chỗ đậu tàu là Trà-Sơn, Đà-Nẵng. Sau đó chiếc Peacock rời Vũng Lâm đi Xiêm và thả neo ở cửa sông Ménam ngày 18-2-1833....

Đến đầu mùa hạ 1836 (Bính Thân - tức là 4 năm sau), phái-đoàn Mỹ lại trở lại Việt-Nam trên chiếc Peacock, trưởng phái đoàn vẫn là Edmund Robert và lần này có thêm Bác-sĩ Ruschenberg trông coi việc giải-phẫu cho Hải-quân Mỹ. Phái-đoàn này rời Nữu-Ước ngày 23/4/1835, đã lần lượt đến Xiêm, sau khi ghé bến Rio-de-Janeiro (Ba-Tây), Zanzibar (một hòn đảo trên Ấn-Độ dương), Mascate (Á-Rập), Bombay (Ấn-Độ), Colombo (Tích-Lan) và Batavia (Nam - Dương). Họ đã giải-quyết được nhiều việc với các nước vừa kể và đến nước ta vào ngày 20/4/1836. Mục-đích của phái-đoàn lần này vẫn là ký kết với ta một hiệp ước thương mại như đã ký với Nhật-Bản... Nhưng vì trưởng phái đoàn Mỹ bị bạo bệnh nên không đạt mục đích.

Về việc này, trong Đại-Nam thật lục chính biên chép như sau :

Tháng tư năm Bính-Thân, niên-hiệu Minh-Mạng thứ 17 Ma-ly-Cân (Hoa-Kỳ).

Tỉnh thần Quảng-Nam tâu : Có sứ thuyền nước Ma-ly-Cân (Hoa-Kỳ - do sự phiên âm chữ Américain mà ra) đến đậu tại vũng Trà-Sơn Đà-Nẵng, tỉnh Quảng-Nam, có quốc thư cầu thông, xin được vào chiêm cận.

Vua hỏi quan Thị-Lang bộ Hộ là Đào-Trí-Phú xem tình ý của họ như thế nào và có nên kết nạp hay không? Đào-Trí-Phú thưa rằng người ngoại quốc thật dối thế nào chưa rõ, nay xin cho họ tới Kinh, ngụ nhà Công-quán, Thương-bạc, cho người thù tiếp để dò xét. Hoàng-Quýnh là Thị-Lang Nội-các tâu : "Nước họ xảo quyệt vô cùng, cự tuyệt là hơn, nếu dung nạp e có mối lo

về sau. Người xưa đóng cửa ải, tạ Tây vực là một kế hay đối với người Nhung".

Vua nói : Họ vượt 40.000 dặm trùng dương, mến uy-đức của triều đình mà tới, sao lại cự tuyệt ? Biểu thị cho người ta biết mình hẹp lượng sao ?

Rồi vua sai Đào-Trí-Phú, Lại bộ Thị-Lang là Lê-Bá-Tú cùng nhân-viên thương bạc tới thăm viếng và ủy-lạo. Hai ông này đến thì viên thuyền trưởng nhuốm bệnh không tiếp. Ta khiến thông-ngôn đến thăm, họ cũng cho người đến đáp tạ. Sau đó họ kéo buồm đi ngay. Nhóm ông Phú tâu lên Vua việc này và nói :"Họ nay đi mai về như thế không biết lễ nghĩa là thế nào."

Vua phê : "Họ tới mình không bỏ, họ đi mình không theo, lễ phép Trung-Hoa họ là giống ngoài không biết, trách cứ làm chi".

Căn cứ vào tài-liệu này, thấy cuộc tiếp xúc giữa quan ta và phái đoàn Mỹ không xảy ra điều chi đáng tiếc. Nhà Vua có thái-độ cởi mở, nhưng triều-đình thì mỗi người một ý. Ông Đào-Trí-Phú có sự hiểu biết tế-nhị về chính-trị, nên không nông cạn cực đoan như ông Hoàng-Quýnh, là một người có định kiến đối với ngoại nhân. Có một điều đáng tiếc là khi quan ta đến, thuyền trưởng cáo bệnh không tiếp xúc được và sau đó họ lại ra đi có vẻ đột ngột, khiến cho quan ta làm sớ tâu lên Vua Minh-Mạng, nhưng như trên đã nói, là Vua đã tỏ ra khoan dung và cho rằng họ là người ngoài, không hiểu lễ phép Á-Đông, nên không nên trách làm chi. Sau này tra cứu ra người ta mới hay, qủa thật Edmund Robert đã bị bệnh từ khi còn ở Xiêm và khi rời Việt-Nam đến Macao ngày 12/6/1836 thì chết vì bạo bệnh.

Do sự thọ bệnh của Ed. Robert và sự bất đồng ngôn ngữ, mà cuộc gặp gỡ đã chẳng đi đến kết qủa cụ thể nào cả .

Dưới đây là bức quốc thư mà Ông Edmund Robert mang đến Việt-Nam năm 1832 (lần trước) nhưng không được tiếp nhận:

Andrew Jackson, President of the United States of America.

To Great and Good Friend,

This will be delivered to your Majesty by Edmund Robert, a respectable citizen of these United States, who has been appointed Special agent on the part of this Government to transact important business with your Majesty. I pray your Majesty to protect him in the exercice of the duties which are thus confided to him and to treat him with kindness and confidence, placing entire reliance on what he shall say to you in our behalf specially when he shall repeat the assurances of our perfect Amity and Goodwill towards your Majesty.

I pray God to have you always. Great and Good Friend, under his safe and holy keeping.

In Testimony where of, I have caused the Seal of the United States to be here into affixed. Give under my hand at the City of Washington the thirty first day of January A.D. 1832, and of the Independance of the United States of America the fifty sixth.

Andrew Jackson
Edw. Livingston, Secretary of State
By the President

Dịch ra tiếng Việt :

Andrew Jackson, Tổng-Thống Hợp Chủng Quốc Hoa-Kỳ.

Kính gửi
Hoàng Đế Đại qúy hữu.

Thư nầy sẽ do ông Edmund Robert, một thần sỹ Hoa-Kỳ, đệ trình lên Hoàng-Thượng, đã được chính phủ chúng tôi cử làm đặc sứ để thương nghị với Hoàng thượng về vấn đề giao thương.

Trân trọng xin Hoàng-Thượng che chở và đối đãi tử-tế với đương-sự trong khi thừa hành nhiệm vụ. Tôi tin cậy hoàn toàn những điều mà đương sự sẽ đệ đạt lên Hoàng-Thượng, nhất là tình thân hữu hoàn toàn và tất cả thiện chí của chúng tôi đối với Hoàng Thượng. Tôi cầu xin Thượng đế luôn luôn ở bên cạnh, che chở và gia hộ cho đại qúy hữu.

Để chứng minh các điều nói trên, tôi cho kiềm quốc ấn của Hợp Chủng quốc trên văn-kiện này lập với bổn ấn tại thành Hoa-Thịnh-Đốn ngày 31 tháng giêng 1832, là năm thứ năm mươi của nền độc-lập Hợp Chủng Quốc.

Andrew Jackson

Phó thự
Edw. Livingston
Quốc-Vụ-Khanh

4.– Tình hình nước ta.

Giữa lúc thế giới đang biến chuyển mạnh từ Đại Tây Dương sang Thái Bình Dương do sự "đi tìm đất" của các nước đế quốc, mà vua chúa các nước da vàng vẫn bình chân như vại, nhất là phong kiến Việt Nam đã từ hai thế kỷ thành mục tiêu cho mũi tiến của đế quốc Pháp. Nhưng Tự Đức và bầy tôi không những không chịu mở rộng tầm mắt để nhìn thiên hạ, hầu tìm phương kế sửa đổi từ trong ra ngoài cho kịp với đà tiến hóa, lại còn chối bỏ sự thật, nên cái họa vong quốc kề bên, do bọn xâm lược Pháp sắp dang xuống mà vẫn yên như tự tại! Trong triều, khi đề cập đến chính sự, đến việc phú quốc cường binh v.v... đều cho là việc không cần thiết (?); trái lại hàng ngày họ chỉ mãi mê uốn nắn mấy vần thơ, ngâm hoa vịnh nguyệt để tôi khen vua, vua khen tôi; Cho nên, để đề cao triều đại mình, Tự Đức đã làm câu thơ nổi tiếng sau đây :

"Văn như Siêu Quát vô tiền Hán.
"Thi đáo Tùng Tuy thất thịnh Đường.

và coi như trên địa cầu này chỉ có một mình mình và không cần quan tâm gì khác... Trong khi ấy, ngoại bang đang đua nhau mài nanh dũa vuốt để chờ xâu xé mình! Thẳng hoặc nếu có ai đề cập đến các việc cướp nước cướp dân của các nước đế quốc và thực dân da trắng, thì người ta gạt đi ngay và cho rằng Tây phương chỉ là bọn bạch quỷ, không đáng sợ. Hơn thế nữa, nếu cần thì sẽ nhờ đến "Thiên Triều Trung quốc" can thiệp, đủ sức để đuổi bọn xâm lăng ra khỏi bờ cõi – mặc dù trong trận nha phiến chiến tranh, Thanh triều đã bị thất điên bát đảo trước các cường quốc Tây phương, phải chịu biết bao điều nhục nhã đắng cay, bọn hủ nho Việt Nam vẫn tin tưởng ở một nước Tàu bại trận... Cho đến lúc Pháp cướp mất lục tỉnh Nam kỳ thì họ hối không kịp!

Tìm hiểu nguyên nhân thất bại, người ta thấy rằng sau khi nhà Tây Sơn bại trận, Nguyễn Thị lên làm chúa tể Việt Nam, sức quật cường của dân tộc vừa vươn lên được dưới đời Quang Trung để lớn mạnh thì phong kiến nhà Nguyễn, với âm mưu củng cố ngai vàng vừa giựt được, đã bóp nghẹt luôn sau những giờ phút chiến thắng của họ. Gia Long lên ngôi xong đã làm được những gì cho nhân dân ta sau thời kỳ chiến loạn?

Các hầm mỏ ở Thượng du Bắc kỳ có thể giúp cho sinh kế của hàng vạn dân nghèo, triều đình vẫn để cho người Tàu nắm giữ làm mưa làm gió ở đó, thậm chí sau này bọn công nhân Trung Hoa đã là đầu mối cho những vụ nổi loạn. Đáng lẽ ra vua quan nhà Nguyễn phải nghiên cứu đến các việc khai thác hầm mỏ để tránh sự gian lận, để phòng ngừa phản loạn, để có việc cho dân nghèo, để tăng cường tài nguyên, họ chỉ khoanh tay cầu an, hưởng lạc một cách vô trách nhiệm. Cũng có nơi họ cho các thổ ty, hoặc tư nhân khai thác thì họ đánh thuế rất nặng, khiến cho công việc bị trở ngại và không đem lại nguồn lợi tức nào tốt đẹp cho nhà nước hết!

Dân ta ngoài việc sống bằng nông nghiệp, còn thủ công nghiệp để kiếm thêm tiền sinh sống phòng những năm mất mùa do nước lụt hay hạn hán, thì nhà nước cũng không có kế hoạch gì để nâng đỡ hay khuyến khích phát triển. Đã vậy dân nghèo luôn luôn bị bắt lính, bắt phu, đắp đường, dựng cầu, xây dinh thự, lăng tẩm quanh năm không còn mở mắt ra được.

Đáng lẽ vua quan triều Nguyễn phải có một kế hoạch thiết thực hữu hiệu giải quyết các vấn đề dân sinh quốc kế, thì quan lại buổi đầu nhà Nguyễn hầu hết chỉ là đám quân nhân thắng trận kiêu ngạo, coi dân trước sau như những kẻ thù thuở nào. Các quan to như Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt, Đặng Trần Thường v.v... sau này còn bị cáo tham nhũng, gian lận cả việc đầm ao, thuế má, công nhu để làm giàu hàng vạn thì đủ hiểu quan lại từ Thế tổ Cao Hoàng đến đời Tự Đức tư cách như thế nào. Trong lúc đó, các danh gia đệ tử của tiền triều bị nhận chìm xuống đất đen không ngóc đầu lên nổi. Tóm lại, với bộ luật phản động của Nguyễn Văn Thành, Nguyễn triều thẳng tay đàn áp nhân dân, với chính sách độc đoán của Minh Mạng, các tầng lớp xã hội nghẹt thở nên đã phát động nhiều cuộc chống đối từ Bắc vào Nam, luôn từ thời Thánh tổ đến thời vua Dực Tông.

Thương nghiệp Việt Nam dưới thời Nguyễn như thế nào?

Việt Nam cũng như nhiều nước Á Đông chỉ trọng có kẻ sỹ (sỹ, nông, công, thương), nghề buôn bán là nghề bị coi rẻ hơn cả, nên đã có câu ca dao :

"Chẳng tham ruộng cả ao liền
"Chỉ tham cái bút cái nghiên anh đồ.

Mặc dầu từ cuối đời Lê, người ngoại quốc ra vào nước ta, cũng như nhiều nước láng giềng buôn bán rất sầm uất, vua quan của ta thâu

hoạch được rất nhiều lợi tức từ Hội An ra ngoài Phố Hiến (Hưng Yên) và Kinh kỳ, ta vẫn chưa bỏ được thành kiến coi nhẹ ngành thương mại. Đến vua quan nhà Nguyễn người ta cũng thấy không có gì tiến bộ đối với quan niệm kinh tế và thương mại ! Nhà nước độc quyền đồng, thiếc, chì, kẽm, lưu hoàng, diêm tiêu là những nguyên liệu công nghiệp vì sợ nhân dân chế tạo vũ khí nổi loạn ! Sự kiện này là một nhát búa nặng nề cho nền thủ công nghiệp Việt Nam, khiến dân chúng thiệt thòi trông thấy về phương diện mưu sinh, lại đến chính sách thuế khóa cũng là một đòn chí tử đối với việc buôn bán ngũ cốc. Tỷ dụ gạo từ Nam định mang vào Nghệ An phải nộp tới chín lần thuế. Tình trạng thương mại kinh tế đã khốn đốn đến như vậy, lại thêm các biến cố chính trị dồn dập nhất là từ khoảng 1834, ở vùng Trung Châu Bắc Việt luôn luôn có những vụ nổi loạn, khiến chính quyền nhà Nguyễn tăng cường thêm các biện pháp đàn áp, thậm chí chợ búa cũng bị cấm họp sợ dân chúng tụ tập làm loạn !

Chính sách đối với ngoại thương, triều Nguyễn cũng không mở rộng. Thuở Gia Long còn sống đã có sự hạn chế thuyền bè ngoại quốc ra vào các cửa bể Việt-Nam. Để "trả ơn" một số người Pháp đã có công giúp đỡ mình trong lúc hoạn nạn và tham gia việc đánh đổ nhà Tây Sơn, buổi đầu Gia Long còn cho một số tàu buôn Pháp qua lại, ngoài ra triều đình Huế khước từ mọi sự giao thương với các nước ngoại dương và bắt đầu chủ trương "đóng cửa khóa nước". Hàng nhập cảng chỉ được phép đem vào các thứ triều đình cần dùng như sắt, chì, gang, lưu hoàng để làm súng đạn. Hàng xuất cảng thì cấm người ngoại quốc mua tơ, lụa, gạo, thóc khiến việc thương mại mỗi ngày mỗi suy sụp. Về thuế quan, trước có 60 sở, nay phải bãi đi 39 sở (Quốc triều chánh biên) là bằng chứng. Đã thế triều đình Huế còn bắt dân chúng nộp thuế bằng hiện vật đối với các thổ sản qúy giá như yến sào, quế, tơ, sâm v.v... thay vì tiền, không ngoài mục đích bóc lột khéo, bởi vì bắt dân nộp tiền thuế cho các sản vật này qúa nhiều sẽ bị chống đối. Do đó mà đời sống của dân chúng thực là thảm hại.

Với nông nghiệp là căn bản sinh hoạt của nhân dân cũng không có gì lạc quan cả, nói chi đến kỹ thuật canh tác phải đổi mới, đều vượt qua tri thức của nhà lãnh đạo hồi bấy giờ, việc cải cách ruộng đất sau bao nhiêu năm ly loạn cũng không tiến bộ được chút nào. Ruộng phần nhiều vẫn lọt vào tay bọn cường hào tuy rằng triều đình có ban lệnh "quân cấp" ruộng đất. Năm 1851, Hiệp biện Đặng Văn Thiêm sau khi đi kinh lý vùng Bình Định về đã tâu vua Tự Đức rằng : "Trước kia trong việc quân cấp cứ 10 mẫu ruộng thì một nửa chia làm công điền, một nửa làm tư điền. Nhưng về ruộng công chỗ nào mầu mỡ thì cường hào giành hết còn thì bọn hương lý bao chiếm. Dân nghèo chỉ được những chỗ xương xẩu mà thôi."

Do tình trạng này, triều đình không còn cách gì hơn là thúc đẩy việc lập đồn điền ở các vùng xa xôi, độc địa và đắp đê ngăn nước mặn, lấy đất duyên hải biến thành ruộng bãi, hầu cứu vãn tình thế. Việc này vào năm 1828 giao cho ông Nguyễn Công Trứ, Doanh điền sứ đem tội nhân hợp với dân chúng khai khẩn hai vùng Kim Sơn và Tiền Hải, thuộc hai tỉnh Ninh Bình và Thái Bình. (Năm 1841 Thiệu Trị cũng khuyến khích được các việc di dân, lập ấp và thưởng cho người nào chiêu mộ được 5 xuất đinh và khai khẩn được từ 10 mẫu trở lên 20 quan tiền). Tóm lại, chính quyền đời Nguyễn không dám thẳng tay với bọn quan tham lại nhũng, cường hào ác bá. Nếu dân đói thì cho họ bới đất nhặt cỏ lấy mà ăn. Những bất công và lạm chiếm về điền địa vẫn không được trừ tuyệt từ cội rễ.

Vì chính sách doanh điền không đem lại đầy đủ kết qủa mong muốn, nhân dân trong những vụ mất mùa đã phải tha phương cầu thực, hoặc bán vợ đợ con rất là thương tâm. Mà những vụ mất mùa và hạn hán đâu có ít ! Đê Văn giang vỡ luôn 18 năm liền, đủ rõ các quan Hà đê Chánh Phó sứ lương tâm thế nào. Miền Hưng Yên bao năm dưới làn nước trắng. Lại thêm nạn sâu cắn lúa, châu chấu phá mùa thì làm gì mà chẳng xảy ra bao nhiêu vụ nổi loạn, bởi vì người dân không thể cam tâm khoanh tay chờ chết đói. Từ khoảng 1802 đến 1806 tại Hải dương, Sơn Tây, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Hưng Hóa và Trung Châu Bắc Kỳ, hộ khẩu trên 370 thôn siêu bạt, năm 1826, 13 huyện thuộc trấn Hải Dương đã mất đi 108 xã thôn vì không còn dân. Rồi dầu luật Gia Long cay nghiệt tột bực, Luận ngữ diễn ca của Tự Đức rất hay, 10 điều dụ của Minh Mạng rất đúng, nước vẫn loạn, dân vẫn tàn, phong tục vẫn đồi bại, đạo đức vẫn suy vi. Thậm chí chính quyền đời Nguyễn đã cấm dân đọc binh thư, cấm cả cuốn chinh phụ ngâm, sấm Trạng Trình. Vua

Tự Đức toan sửa cả một ít câu văn trong Kim Vân Kiều, đã ca ngợi những kẻ có chí quấy nước chọc trời... Thì ra người ta sợ kẻ quân nhân chán nghề chinh chiến và làm công cụ cho bộ máy đàn áp của phong kiến; người ta sợ trong nhân dân phát động ra phong trào khuynh đảo triều đình hồng tìm lối thoát !

Mặc dầu vậy phong trào chống đối cũng đột phát, nhất là từ triều đại Minh-Mạng trở đi: Có tới 510 vụ nổi loạn lớn nhỏ và sau đây là vài vụ lớn hỏn cả: Năm 1826, Phan-Bá-Vành nổi lên ở Nam-Định; Năm 1833, Nông-Văn-Vân nổi lên ở Tuyên-Quang; cũng năm 1833, Lê-Duy-Lương nổi lên ở Ninh-Bình và Lê-Văn-Khôi nổi lên ở Gia Định; kế đến triều Tự-Đức, năm 1854 Cao-Bá Quát nổi lên ở Bắc-Ninh; năm 1862, Lê-Duy-Uẩn và Nồng-Lùng-Thạc nổi lên ở Tuyên Quang; cũng năm 1862, Nguyễn-Văn-Thịnh nổi lên ở Bắc-Ninh; Pierre Tạ Văn-Phụng tự xưng là con cháu nhà Lê nổi loạn ở Quảng-Yên (1); năm 1866, các công nhân và binh sĩ bị cưỡng bách đi xây khiêm lăng cũng hưởng ứng cuộc nổi dậy của Đinh-Đạo đánh phá kinh thành. Từ năm 1851 đến năm 1872, bọn Tam đường hoành hành vùng Thái-Nguyên, Lý Dương Tài chiếm cứ vùng Lạng-Sơn, bọn Cờ Trắng, Cờ Đen, Cờ Vàng cướp phá cả vùng thượng du Bắc Việt. Bọn Tô-Tứ, Hoàng Tề quấy nhiễu ở ven biển Bắc Việt và vùng Lạng-Sơn... đã nói lên cái đói khổ và cảm phẫn của nhân dân.

VỀ VĂN-HÓA

Xem chương trình khoa cử và học chế của một quốc gia, người ta có thể hiểu trình độ học thức và dân trí của quốc gia đó. Nền tảng văn học của ta hồi bấy giờ phỏng theo của nhà Hán, chỉ vụ vào văn chương đạo-đức, các môn học về thực tế là những học thuật làm cho nước giàu dân mạnh, quân đội hùng cường, việc thương công kế lợi được mở mang thì gần như bị coi là không quan trọng. Có người đã nhận định về cái học phù phiếm của hầu hết các nước Á Đông như sau : Khối Ấn Hồi chỉ ham việc tôn giáo, xây dựng đền đài, tụng kinh niệm phật; khối Hoa tộc và các nước phụ thuộc chỉ đua đạo đức văn chương. Tóm lại chỉ gây nổi một nền văn minh tinh thần, nêu cao đạo hạnh, trong khi Tây phương ào ạt tiến về công kỹ nghệ, phát triển rất nhiều về thương mại, kinh tế và có một bộ máy quân sự rất mạnh để bảo vệ quyền lợi quốc gia trong nước và ngoài nước. Một số người xuất ngoại trở về trình bày sự tiến bộ của các nước Tây phương, thường bị sỉ vả đi xa về lập dị, do sự tự ái của các vị lão thần danh cao vọng cả.

Đến đời vua Tự Đức, thực ra nhà vua cũng muốn canh tân quốc gia, nhưng mọi vấn đề đem ra bàn cãi, đều bị những người bảo thủ mạnh gạt bỏ. Một số người nhận thấy cái họa Tây Phương sát nách, có nhiều nhiệt huyết muốn đi xa cầu học như Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Đức Hậu, Nguyễn Điều gốc gác ở Nghệ An, vào năm 1866, có đệ lên vua nhiều bản điều trần xin cải cách mọi việc hầu tránh cái họa vong quốc. Vua Tự Đức trao cho đình thần cứu xét và cho ý kiến. Bọn đình thần hủ lậu đều cho là chuyện hoang đường không hợp thời hoặc thiếu phương tiện...

Năm 1868 (tức năm Tự Đức thứ 21), Đinh Văn Điền quê ở huyện Yên Mô tỉnh Ninh Bình, dâng sớ xin mở các doanh điền, khai mỏ vàng bạc, làm tàu hỏa, mở thương cảng cho người ngoại quốc ra vào buôn bán, huấn luyện quân đội, nâng cao mức sống của sĩ tốt, bỏ lệnh cấm đọc binh thư, binh pháp, thăng thưởng đúng đắn, giảm sưu dịch cho dân chúng lính tráng v.v... .

Năm 1879 (tức là năm Tự Đức thứ 32), Nguyễn Hiệp đi sứ Xiêm về, trình rằng các nước Anh, Pháp, Phổ, Ý, Mỹ v.v... vào giao thương với Xiêm đều được chấp thuận ngay và được ký kết luôn các điều ước và đặt lãnh sự quán, nhờ có sự giao hảo này mà nước nọ canh chừng nước kia, không ai gây sự với Xiêm được và cũng nhờ đó mà các nước đều được hưởng lợi, nhất là đối với Xiêm.

Năm 1881 (tức là năm Tự Đức thứ 34), Lê Đĩnh đi sứ Hương Cảng về, cũng đưa ra một nhận xét : Các nước Tây phương trở nên hùng cường đều là do công kỹ nghệ và việc giao thương với các nước khác trên thế giới. Tổ chức quân đội của họ rất mạnh để bảo vệ thương mại và nguồn lợi thương mại, một phần được dùng để tăng cường cho quân đội, vì thế mà nước nào cũng trở nên cường thịnh. Gần đây người Nhật, người Trung Hoa cũng quan

---

(1) Tên này trước đó có đi lính cho Rigault de Genouilly và có tham dự vào cuộc đổ bộ lên Đà-Nẵng. Nó cũng hứa với Rigault de Genouilly và sau đó là BONARD rằng nếu giúp nó khôi phục nhà Lê thì nó sẽ nhận Pháp bảo hộ Việt-Nam, nó cũng đánh thắng quân triều đình khoảng 15 trận. Nhưng vì Pháp đã ký hòa ước Nhâm Tuất nên bỏ rơi nó. Rồi nó bị bắt mang vào Huế xử lăng trì.

niệm như trên và đã tăng gia việc giao thương của họ hơn bao giờ hết. Tác giả của điều nhận xét này kết luận rằng người Việt ta so với thiên hạ không kém khôn ngoan, các sản vật trong nước cũng không thiếu gì thứ qúy, có thể bắt chước thiên hạ mà mưu sự phú cường, nhiên hậu mới gìn giữ được độc lập.

Cũng năm ấy có Phan Liêm, Hàn Lâm Viện tự soạn đệ lên một đề nghị mở hội buôn và cho người đi nghiên cứu nghề khai mỏ, học tiếng ngoại quốc...

Bùi Viện người Thái Bình đậu cử nhân cũng dâng sớ xin mở việc thương mại với người ngoại quốc. Ông được cử sang Tàu để làm việc này. Tại Hương Cảng, ông kết giao với lãnh sự Hoa Kỳ, rồi do sự giới thiệu của ông này, ông Viện qua Hoa Thịnh Đốn yết kiến Tổng Thống Hoa Kỳ sau một năm vận động chờ đợi. Tổng Thống Hợp Chủng quốc hứa giúp nước ta giải quyết các vấn đề khó khăn với nước Pháp. Nhưng cuộc gặp gỡ này vì thiếu quốc thư nên không hợp thức, do đó, ông Viện phải trở về nước làm quốc thư. Khi ông trở lại Hoa Kỳ thì chính tình ở đây đã đổi thay và vấn đề Việt Nam không được Hợp Chủng quốc chú ý nữa.

Nhưng thức thời hơn cả vẫn là ông Nguyễn Trường Tộ, người Nghệ An, tín đồ Thiên Chúa Giáo. Ông theo giáo sỹ ngoại quốc từ thuở nhỏ được qua du học ở Paris, nên am hiểu các môn học thực dụng của Tây Phương (khai mỏ, đào sông, kiến trúc v.v...) Trở về nước, nhiều lần ông dâng lên vua Tự Đức các bản điều trần rất tỷ mỷ và đề nghị chỉnh đốn chính trị, kinh tế, quân sự, học thuật, cải lương nông chính, khuyến khích kỹ nghệ, thương mại, khai mỏ mở rộng ngoại giao với các nước Tây phương ngoài nước Pháp v.v...

Những đề nghị cùng sáng kiến trên đây thường đều bị bác bỏ, lấy cớ là không thức thời, hoặc là thiếu những điều kiện cần thiết, hoặc có thi hành thì cũng chỉ là cải cách được ít nhiều việc lặt vặt như sau :

Năm 1864 (tức là năm Tự Đức thứ 17, nghĩa là sau khi đã mất 3 tỉnh Miền Đông Nam Kỳ rồi), triều đình thúc đẩy việc học tiếng Pháp bằng cách thưởng tiền cho những ai thông thạo và đánh đòn những ai biếng nhác kém cỏi, vì lúc bấy giờ người ta đã bắt đầu nhận thấy việc giao dịch với Pháp có thể trở nên quan trọng. Linh Mục Nguyễn Hoằng được Cơ Mật viện đòi đến kinh để dịch sách Tây và dạy học trò, Giám Mục Gauthier, Nguyễn Trường Tộ và hai vị đại thần sang Pháp kiếm giáo sư và chuyên viên về lập trường học theo lối Tây phương. Năm 1868, phái đoàn trở về mang theo ba giáo sỹ tình nguyện, một kỹ thuật gia, nhiều sách và dụng cụ dạy cách trí, nhưng bấy giờ ta vừa mất thêm 3 tỉnh Miền Tây, triều đình đang bối rối, việc này bị bãi bỏ. Năm 1866 (tức là năm Tự Đức thứ 19), hai tỉnh Vĩnh Long và An Giang (lúc bấy giờ chưa mất - năm 1868 mới mất) được lệnh lựa thuộc viên công tượng hoặc học trò khéo chân khéo tay (chừng 20 người) để cho đi học các nghề công xảo tại Gia Định - lúc bấy giờ đã thuộc Pháp. Những người được tuyển chọn đều được đặc biệt ưu đãi. Cũng năm ấy, triều đình chấp thuận đề nghị của Tá lý bộ Hộ Đặng Huy Trợ lập Bình Chuẩn Ty để trông nom việc ngoại thương.

Năm 1868 (tức là năm Tự Đức 21), Triều đình cử Lê Văn Hiến vào Gia Định học chữ Pháp, thụ huấn ông Trương Vĩnh Ký, xúc tiến việc canh nông, thủy lợi và tập luyện cùng nghiên cứu binh thư thao lược. Lúc này Nam Kỳ đã hoàn toàn thuộc Pháp.

Năm 1869 (tức là năm Tự Đức thứ 22), triều đình định lệ sát hạch người học chữ Pháp, chia hạng để thưởng phạt. Cũng năm ấy, Triều đình kêu gọi nhân tài biết chế tạo các trái phá, lựu đạn để Bộ Binh thâu nạp và thưởng phẩm hàm và tìm người biết rõ máy móc (máy tàu hỏa, máy cưa...), biết nấu đồng, đúc súng, không nệ nội ngoại tịch dân để vào làm trong sở Đốc Công.

Năm 1873 (tức là năm Tự Đức thứ 31), Triều đình đã phải ký hiệp ước ngoại giao do Pháp ấn định và chịu để Pháp khai thương các cửa bể Trung Bắc lưỡng kỳ, ngoài ra, còn cho con cháu nhà quan 20 tuổi qua du học ở Hương Cảng, Pháp thì chiếu lệ cấp lộ phí và cấp tiền ăn ở 5 năm thì về. Ai học được một thứ tiếng ngoại quốc, biết được một trong các nghề đóng tầu, đúc súng, chế vũ khí, khai mỏ, huấn luyện quân sĩ thì chiếu lệ "Tú tài hạch đậu" để bổ cửu phẩm, học được hai thứ tiếng, biết được 2 nghề thì chiếu lệ "cử nhân không phân số" mà bổ, học được 3 thứ tiếng, biết được 3 nghề thì chiếu lệ "cử nhân có phân số" mà cho ra làm quan ngay.

Năm 1879 (tức là năm Tự Đức thứ 32), Nguyễn Thành Ý được cử qua Pháp dự cuộc đấu xảo, và đem học trò qua học cơ khí ở Toulon. Các địa phương được phép tuyển mộ

những người muốn theo học chữ và kỹ nghệ của Pháp để tâu về Triều. Cuối năm ấy, nhân có sứ bộ Tây Ban Nha qua Huế, triều đình gửi 20 thiếu nhi sang Âu Châu học công nghệ, nhưng khi đến Sàigòn thì Pháp chặn lại. Năm 1881 (tức là năm Tự Đức thứ 34), Lễ Bộ Thị Lang Phạm Bính được lệnh mang 12 học sinh sang Hương Cảng học các trường Anh. Việc này sau Pháp biết được đã phản đối cho rằng Triều đình Việt Nam vi phạm điều ước ngoại giao, đã được ký kết năm 1873 định rằng nếu nước Việt Nam muốn giao thiệp với nước nào thì phải có sự ưng thuận của Pháp trước đã . Tóm lại, mọi việc cải cách và duy tân lúc bấy giờ đã muộn hết, không có gì là trọng đại cả, kế hoạch đã không có lại còn bị Pháp cản trở, bởi là vì khi chủ quyền còn trọn vẹn trong tay thì lại không hành động gì cả, đến lúc quân Pháp tràn ngập thì làm sao mà tránh được thất bại ?

Vua Dực Tông là một ông vua thông minh, thấy các lời tấu bày có nhiều sự hợp lý cũng mong canh tân, cải cách để nước nhà tiến bộ như nước người, nhưng đình thần là bọn võ tướng bất tài nên đành bó tay. Tưởng cũng cần phải lập lại rằng dưới triều đại Minh Mạng, nhà vua cũng đã có lần ra lệnh cải cách học chế, nhưng bọn quan lại cũng chỉ ậm ừ cho xong chuyện, bởi chẳng kẻ nào đưa ra được một phương pháp tốt đẹp nào để mở mang sửa đổi các ngành học thuật cho dân ta cả.

Như vậy, xét ra giai cấp lãnh đạo đời Nguyễn, do cái học từ chương khoa cử chật hẹp nhồi sọ từ thế hệ này qua thế hệ khác, chỉ là một bọn thư lại tầm thường, túi cơm giá áo, chớ không phải là các nhà lãnh đạo hay kinh bang tế thế, theo ý niệm mà quốc dân trông cậy ở họ.

Bàn về trí thức và tư tưởng của giai cấp lãnh đạo cận đại của nước ta, ông Lương Đức Thiệp có viết rằng:"... nước Việt Nam ngàn năm văn hiến mà không sản xuất nổi một học thuyết mới lạ nào, một trào lưu tư tưởng hoặc nghệ thuật mạnh mẽ nào..., đẳng cấp nho sỹ Việt Nam bị ý thức hệ Nho giáo bảo thủ lung lạc, bị ngụy thuyết của bọn Tống nho đưa lạc nẻo, bị chế độ thi cử chi phối không còn một chút hoạt lực nào, không có được một tính cách cấp tiến nào nữa !

QUẦN CHÚNG VIỆT-NAM.

Ngoài giai cấp lãnh đạo quốc gia là giai cấp phong kiến và nho sỹ nắm giữ nhân dân Việt Nam trên mọi lãnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...Việt Nam dưới đời Tự Đức còn gồm mấy tầng lớp nhân dân nằm dưới hệ thống kể trên là nông dân, công nhân và thương nhân - Cho tới ngày nay, dân tộc ta đã bước sang chế độ cộng hòa và dân chủ mà căn bản sinh hoạt của xã hội vẫn là nông nghiệp, vì 85% dân chúng sống bằng nghề này và về công kỹ nghệ còn rất sơ khoáng - Đời sống của nhân dân thuở đó chẳng được mấy no đủ, mặc dầu từ thời vua Gia Long đến Tự Đức chính quyền vẫn hô hào cải thiện nếp sinh hoạt của họ, nhưng trên thực tế, đám "phụ mẫu chi dân" chỉ làm công việc "hò voi bắn súng sậy" thôi. Việc cai trị vẫn bị bọn tham nhũng phá hoại, an ninh trật tự chỉ có ở loanh quanh vài thị trấn, đê điều vẫn không tránh được lụt lội, nạn hạn hán và côn trùng hoành hành... Việc học vấn không phổ thông nên có câu "con vua thời lại làm vua, con nhà chùa thời lại quét lá đa", giặc cướp xảy ra như cơm bữa ở các vùng quê, dân chúng quanh năm sống trong lo âu sợ sệt. Việc giao thông chỉ có thuyền bè, thủy đạo, còn đường bộ không có xe cộ nào khác, xe ngựa là một phương tiện chuyên chở dành riêng cho những người nhà giàu và giới quan lại. Chế độ hành chánh ở hương thôn vẫn lấy làng xã làm căn bản và có một hội đồng kỳ mục đứng đầu, làm gạch nối giữa nhân dân và chánh quyền. Nhưng hội đồng này đáng lẽ là một cơ quan giúp dân và nêu cao phong hóa thì trái lại, nó thường là nơi đẻ ra các đảng phái, chia rẽ, các dòng họ, các giai cấp xã hội... Nó thoát thai ở chế độ phong kiến, nên nó trở thành một bộ máy để đàn áp nhân dân qua các việc bắt phu, bắt lính, thâu thuế và hàng trăm thứ tạp dịch khác. Quyền lợi chẳng tương đồng, nhiệm vụ phân phối chẳng hợp lý, trên thì được ưu đãi, dưới thì chịu sự bất công cho nên hương thôn dù là nền tảng của xã hội, cũng như một lâu đài xây trên bãi cát. Như vậy thì xã hội Việt Nam làm sao đương đầu nổi với các phong trào thực dân đế quốc sau này ? Lại nữa, ngay trong các dòng họ đàn anh trong hương thôn, họ cũng tranh dành nhau địa vị, ưu thế nên có những mối thù truyền kiếp. Đến việc ma chay hiếu hỷ, kẻ giàu có khi còn sạt nghiệp, kẻ nghèo cũng đua đòi, nhiều khi phải bán ruộng bán đất để trở nên khốn cùng không sao kể xiết. Các tệ đoan này là do óc hiếu danh, và vì còn hiếu danh dân quê còn vòng gia thất thổ, bởi các nạn nhiễu mua

xã bán, chạy chọt các chức tổng lý, vận động phẩm hàm... Ngoài ra nạn rượu chè, cờ bạc, nạn ưa kiện cáo vì tự ái sẵng, hách dịch hão, nạn đồng bóng quàng xiên, cũng từng đưa người dân của chúng ta xuống hang xâu vực thẳm. Nếu giới lãnh đạo Việt Nam biết sửa đổi phong tục, chấn chỉnh phong hóa thì cái tiềm lực kiến thiết và tranh đấu của dân tộc ta đâu đến nỗi suy yếu như vậy. Một vấn đề nêu ra : Đời Nguyễn Sơ đã đem lại những lợi ích gì thực sự cho nhân dân ta. ?

Việc thuế má từ đời Nguyễn Sơ đến Tự Đức thật là thảm hại. Nhà vua và các quan không tìm ra phương pháp nào khả dĩ làm nẩy nở ra tiền bạc để mở mang việc nước, nhất là từ khi Liên quân Pháp và Tây Ban Nha đánh chiếm mấy tỉnh Nam Kỳ, đòi bồi khoản 3.000.000 nguyên. Triều đình phải cho một người Tàu tên là Hầu Lợi Trinh làm độc quyền buôn bán nha phiến từ Quảng ra Bắc kỳ mà cũng chỉ thâu vào được 302.200 quan tiền. Để đối phó với sự quẫn bách tài chánh này, triều đình cũng bắt chước mấy triều đại trước là bán phẩm hàm, quan tước. Ai quyên cho nhà nước được 1000 quan tiền thì được hàm cửu phẩm, ai quyên được 10.000 quan thì được hàm lục phẩm v.v...

Nói đến học chế và binh chế đời Tự Đức, người ta không thấy Dực Tông cùng các đình thần có sáng kiến gì đặc biệt, tuy rằng nhà vua chăm chỉ, hiếu học và thông minh. Sử đời Nguyễn Sơ ghi rằng có mở Nhã sĩ khoa và Cát sĩ khoa là hai kỳ thi tuyển người ra làm quan. Nhà vua lập ra Tập hiền Viện và Khai kinh viện là nơi vua tôi tập hợp nhau bàn chuyện chính trị cổ kim và ngâm thi phú. Vua Dực Tông nổi tiếng trong việc sùng thượng thi ca, nên đẳng cấp nho sỹ bấy giờ rất được trọng đãi. Trong tao đàn bấy giờ riêng nhà vua và hai ông chú ruột là Tuy lý Vương và Tùng Thiện Vương là những cột trụ vĩ đại nhất.

Một điều đáng nói khác là vua Tự Đức cũng cho nối tiếp việc chép sử, đã được bắt đầu từ thời Gia Long, nhưng qua ba vị tiên đế, đến nhà vua, mới thâu thập đủ sử liệu và biên soạn được bộ KHÂM ĐỊNH VIỆT SỬ gồm các sử sự đời thượng cổ đến hết đời Hậu Lê. Nội dung bộ sử này cũng không tiến bộ hơn các bộ sử của các tiền triều.

5.— Vài nét về Quân-lực Việt-Nam dưới triều Tự-Đức tức là lúc đất nước lâm nguy.

Từ triều Minh-Mạng, quân-lực Việt-Nam gồm có các quân binh chủng sau đây :

Bộ-Binh, Thủy-Binh, Kỵ-Binh, Tượng-Binh, Pháo-Binh.

Bộ binh gồm có Kinh và Cơ binh. Kinh binh chia làm Doanh (1), Vệ (2), Đội (3) hoặc để trấn giữ kinh thành hoặc chia đi đóng ở một vài nơi quan yếu ; có các quan Thống Chế (4), Chánh, Phó Quản Vệ (5) và Xuất đội (6); Mỗi Doanh có 5 Vệ , mỗi Vệ có 10 Đội, mỗi Đội có 50 người; quân khí của mỗi Vệ có 2 khẩu thần công, 200 điểu thương và 21 lá cờ; Cơ binh và lính tỉnh cũng tổ chức như Kinh binh, có các quan Chánh Phó Lãnh binh , Chánh Phó quản cơ và xuất đội chỉ huy; mỗi cơ có 10 đội, mỗi đội có 50 người, chia thành 5 thập 10 người và 10 ngũ 5 người; ở các tỉnh lớn trên các Lãnh binh còn có Đề Đốc (7) chỉ huy.

Thủy binh có 3 Doanh và 30 Thủy Vệ . . . do Chưởng Vệ (8) chỉ huy ; trên cấp nầy là Thủy Thống Chế (9) và trên hết Thủy sư đô thống (10).

Kỵ binh tuy có nhưng có lẽ vì qúa ít nên chưa tìm được tài liệu nào cả.

Tượng binh chia thành đội, mỗi đội 40 con voi, số voi kinh thành là 150 con, ở Bắc thành 110 con, ở Gia Định thành 75 con, ở Quãng Nam 35 con, ở Bình định 30 con, ở Nghệ An 21 con, Quãng Bình, Quãng Ngãi, Thanh Hóa, mỗi nơi 15 con, ở Quảng-Trị, Phú-Yên, Bình-Thuận, Ninh-Bình mỗi nơi 7 con.

Pháo binh chia thành Vệ, mỗi Vệ có 2 khẩu thần công, 200 khẩu điểu thương và 21 lá cờ do Chánh Phó Lãnh binh chỉ huy.

---

(1) Tương đương với Sư đoàn bấy giờ nhưng chỉ có 5.000 người.
(2) Tương đương với Trung đoàn bấy giờ nhưng chỉ có 500 người.
(3) Tương đương với Đại đội bấy giờ nhưng chỉ có 50 người, (không có Tiểu đoàn).
(4) Tương đương với Trung Tướng bấy giờ (Général de division).
(5) Tương đương với Đại Tá và Trung Tá bấy giờ.
(6) Tương đương với Đại Úy bấy giờ.
(7) Tương đương với Thiếu Tướng bấy giờ.
(8) Tương đương với Đề Đốc bấy giờ.
(9) Tương đương với phó Đô-Đốc bấy giờ.
(10) Như Thủy Sư Đô-Đốc bấy giờ.

Quân đội do ngũ quân Đô-Thống chỉ-huy : Hậu quân Đô-Thống, Tả quân Đô-Thống, Hữu quân Đô-Thống, Tiền quân Đô-Thống và Trung quân Đô-Thống do nhà Vua làm chỉ-huy tối cao.

Quan võ do những quân sỹ có biệt tài và lập được nhiều chiến công mà cất nhắc lên, hoặc lấy những người đậu Tú-tài, Cử-nhân, Tiến-sỹ võ ở các khoa thi võ mà bổ dụng, những người dự thi các khoa này cũng phải biết chữ ít nhiều, vì ngoài các môn thi võ thuật, còn có môn thi binh pháp nữa. Năm Minh-Mạng thứ 18 tức là năm 1837, Bộ Binh định phép thi Võ cử, thi hương : trường nhất xách tạ, trường nhì đánh roi (trúc, mộc, côn), đi quyền, múa đoản kiếm, trường ba bắn súng điểu thương ; ba trường đều trúng cả thì đậu võ Cử-nhân, chỉ trúng trường nhất, trường nhì thì đậu võ Tú-tài. Lúc treo bảng xướng danh còn phúc hạch để hỏi về sách Võ Kinh-và sách Tứ tử, ai nói trôi chảy nghĩa lý thì tên được đứng trước. Thi hội cũng như thi hương, nhưng đánh roi dùng thiết côn (roi sắt) ; thi ba trường, ai được trúng cách mà gồm thông chữ nghĩa thì được vô thi đình, thi một bài văn-sách hỏi về nghĩa lý trong sách Võ kinh và sách Tứ-Tử cùng những điều cốt yếu về phép dụng binh của danh tướng đời trước ; thi đình đậu gọi là Võ Tiến-sỹ, thi hội có phân số mà không vào thi đình thì cho đậu Phó Bảng. Bấy giờ ở những nơi hiểm yếu thì lập đồn ải, ở các cửa bể và các đảo thì lập pháo đài, thủy quân đi trên các tàu lớn bọc đồng phòng giữ mặt bể.

Cách tổ chức này đến đời vua Thiệu Trị và Tự-Đức đại để cũng như vậy. Nhưng vì đời Tự-Đức, văn trị long thành, vả lại đồng bào ta lúc bấy giờ lại có định kiến trọng văn khinh võ, cho nên việc võ bị không được chú ý đúng mức, quan quân đến lệ luyện tập cũng làm đại khái cho xong chuyện mà thôi. Quân số trên giấy tờ thì nhiều, nhưng thực tế thường là không đủ ... Chúng ta hãy kiểm điểm quân số trong một năm thì đủ hiểu. Năm Tự-Đức thứ 17, các thứ lính toàn quốc có khoảng 119.900 người, trừ số thiếu khoảng 31.700 người, còn ước không hơn 80.800 người. Ở kinh các thứ lính có khoảng 21.790 người nhưng trừ lính hạ ban và các khoản khác, còn số đương ban là 9.540 người ; Ở các tỉnh thì tỉnh lớn có khoảng 4.500 người, tỉnh nhỏ cũng có khoảng mấy trăm đến một ngàn người. Nhưng mà quân sỹ ít luyện tập, bắn là cần thiết mà mỗi năm chỉ được tập có một lần. Cho nên khi hữu sự thì cuống quít lên, có khi vừa thấy quân địch đã bỏ chạy (1).

Quân khí thì gồm gươm, giáo, siêu, mã tấu, súng đại bác, súng điểu thương (2). Súng đại bác bắn 10 phát chưa trúng một, khi dời đi phải xe đẩy nặng nề, khi bắn phải cúng vái và khi bắn không được phải đổ sâm thuốc vào súng (?.). Súng điểu thương, theo kiểu Nhà Thanh, bắn bằng đá lửa, xa độ 250 thước đến 300 thước là cùng. Mỗi đội 50 người lính chỉ có 5 khẩu súng, mỗi người chỉ bắn 6 phát đạn mà thôi, hễ ai bắn qúa số ấy thì phải đền tiền. Muốn bắn phải lấy thuốc súng đựng trong một cái bao mang ở dây lưng, bỏ vào nòng súng, dùng ống thông hồng ép thuốc vào cho chặt, rồi bỏ vào một cục chì, đựng trong một cái bầu mang ở cổ, sau hết bỏ thuốc bồi đựng trong một cái bầu khác cũng mang ở cổ, rồi bóp cò cho viên đá nẩy lửa làm cháy thuốc mồi. Như vậy bắn được một phát súng thật là mất qúa nhiều thì giờ, ấy là chưa kể trường hợp bóp mãi mà đá lửa không bật lửa ra cho .

Người lính đầu đội cái nón nhỏ hình khối, chóp bằng trúc sơn quang dầu (màu cánh dán), áo giáp thì cộc tay, ngắn vạt, ngoài bọc da đỏ hay vải đỏ rất dày gọi là "áo chiến". Hai chân quấn hai chiếc xà-cạp tức là miếng vải xanh, ngang độ sáu bảy mươi phân tây, quấn chặt lấy cổ chân xuống mắt cá. Tay cầm gươm giáo, hay mã tấu, tay trái cầm khiên để đỡ mũi gươm hay giáo của địch. Khiên thì giống cái nón lớn đan bằng mây, mộc thì bằng gỗ hình bầu-dục như cái thuyền nhỏ.

Thủy-binh có độ 6,7 chiếc tàu hơi (sau hòa ước 1874 - Giáp-Tuất, nước Pháp tặng 5 chiếc tàu nữa) và 50 thuyền lớn, trong số có nhiều chiếc bọc đồng. Quân số thủy quân cũng có 3 doanh, nhưng cấp chỉ-huy cũng đều là các "tay ngang", không hiểu được sóng gió, không biết thuật đi biển. Xin đan cử một tỉ-dụ đáng kể rất đau đớn cho vua Tự-Đức về Thủy quân của ta như sau (3) :

---

(1) Theo tờ trình của Thượng-thư Bộ Hộ Phạm-Phú-Thứ.

(2) Sau hòa ước 1874 (Giáp Tuất) Pháp tặng cho vua Tự-Đức 100 đại bác từ 70 đến 160 ly (mỗi khẩu 200 viên đạn) và 1.000 khẩu súng trường và 5.000 viên đạn. Các vũ khí này tương đối vào loại tối tân lúc bấy giờ.

(3) Xin chỉ đề cập đến Thủy-quân để chúng ta suy ngẫm vì lúc ấy người ta lưu-ý đến Thủy quân nhiều hơn.

Ngày 18-6 năm Tự-Đức thứ tư (16-7-1851), chiếc tàu Bằng Đoàn của Kinh phái đang đậu ở bến Thị-Nại, tàu này do Lang-Trung Tôn-Thất-Thiều và Xuất đội Phạm-Xích điều khiển, đang đi tuần tiểu từ Thừa-Thiên vào tới Bình-Định thì được tin có ba chiếc tàu khả nghi hạ neo ở đảo Chiêm-Dư, thuộc hải phận tỉnh Quảng-Ngãi.

Chiếc Bằng-Đoàn ra tới nơi, qủa có 3 chiếc tàu Trung-Hoa thật, xả đại bác bắn luôn, 3 chiếc sợ qúa bỏ chạy liền về hướng Đông không dám kháng cự. Hai hôm sau thì tàu Bằng Đoàn lại gặp một trong 3 chiếc đã trốn thoát. Chiếc tàu này bị hư nặng, hạ buồm xin hàng.

Thủy thủ của tàu Bằng-Đoàn bắc loa ra lệnh cho hành khách sang tàu quan để khám. Ba mươi ba người Trung-quốc kéo sang với bộ điệu khúm núm, sợ sệt. Họ xuất trình thuyền bài và nói họ là các nhà buôn ở ngay Thừa-Thiên và Quảng-Ngãi, nay về xứ (Hải-Nam) chớ không phải là giặc biển. Họ còn khai có biết quan Lang trung ...

Nhưng quan Lang-trung và Xuất đội họ Phạm lờ đi. Người ta khám phá chiếc tàu kia qủa chỉ thấy có hàng hóa mà thôi, không có thứ vũ-khí nào hết. Mặc dầu biết họ là người lương thiện, Hiệp quản Dương-Cù vẫn được lệnh của Tôn-Thất-Thiều trói 47 hành khách còn lại ở trên tàu và giết hết, quăng xuống nước vào quãng canh hai. Những người đã bước qua tàu Bằng-Đoàn cũng không thoát chết. Tất cả là 107 nạn nhân, may một kẻ nấp dưới khoang thuyền nhảy xuống biển trốn được. Bao nhiêu của cải bên tàu của người Trung-Hoa đều bị tịch thu sạch, rồi chiếc tàu của nạn nhân được sơn đen để hóa ra tàu của giặc bể, và bị lôi về bến nêu cao thành tích.

Ngày 27 tháng 6 năm ấy, mấy ông "gian quan" còn dâng biểu lên vua Tự-Đức miêu tả chiến công oanh-liệt của mình. Nhưng vua Tự-Đức lấy làm nghi, vì từ trước tới nay chưa bao giờ thủy-quân Việt-Nam tỏ ra có tài năng chống giữ quân gian ngoài biển cả. Ngày Ngài ngự giá về Thuận-An, qua chiếc thiên-lý kính, chính mắt ngài đã trông thấy cái bất lực của quan quân, khiến ngài đã phải hạ những câu thơ rất châm biếm, chua chát mà chúng ta sẽ thấy dưới đây.

Rồi vua Tự-Đức cho bộ Hình mở cuộc điều-tra, chất vấn quân lính của tàu Bằng-Đoàn, xét nét tình trạng của tàu, mối gian dối đã bị phanh phui dần ra, sau đó viên Đội-trưởng Trần-Văn-Hựu, bỗng hối hận về thảm cảnh của chiếc tàu khách, đã khai hết sự thực với bộ Hình. Vụ án được kết liễu bằng hai vụ lăng trì (trường hợp Tôn-Thất-Thiều và Phạm-Xích), năm vụ trảm quyết và vài kẻ bị phạt trượng và đày 3.000 dặm, một số quan lại bị giáng chức. Tài sản của các thủ phạm bị tịch biên để đền bù cho các nạn nhân. Số hàng hóa bị thâu đoạt cũng được trả lại cho quyến thuộc những người xấu số.

Xin thêm vào đây vài cảnh thương tâm về thủy quân Việt-Nam dưới đời Tự-Đức và chính nhà vua được chứng kiến :

Năm Ất-Dậu (1873) ngày 13, 14 và 15 tháng tư, vua Tự-Đức ngự giá ra cửa Thuận-An, để duyệt lại các đồn lũy và xem binh sĩ tập bắn. Các hoàng thân, các quan văn võ đều theo hầu. Trong dịp này Đức Từ-Dũ cũng có mặt trong ngự đạo, để đi hóng gió. Riêng Nguyễn-Tư-Giản, Thượng-Thư Bộ Lại có nhiệm vụ ở lại gìn giữ Kinh thành trong khi Vua đi vắng.

Chức Phòng luyện Tham biện được chỉ cho biết trước việc này đã lâu, nên đã báo cho các võ quan Thần cơ Trú phòng Tôn-Thất-Dánh, huấn luyện Xuất đội Tôn Thất Tụy và Đội trưởng Nguyễn Thưởng chuẩn bị mọi việc.

Tại Thuận-Hóa bấy giờ, có 40 khẩu đại bác phân phối đi các đồn lũy, từ ngày đúc đến giờ chưa được bắn thử lần nào, trừ ba khẩu cũ là Phá địch, Kích viễn và Khóa hải. Hai binh sĩ, một chính một phụ trông nom một khẩu, người nào chưa bắn lần nào mới được phép bắn cho quen tay mà thôi và cứ mỗi khẩu bắn ba phát (1).

Súng đặt thành hàng tại bên tả và bên hữu Trấn hải đài, 10 khẩu tại lũy bên tả, 10 khẩu tại lũy bên hữu.

Ngoài những bác thủ (lính bắn súng đại-bác) ở Huế, còn có 11 bác thủ từ Hà-Nội và Hà-Tĩnh được gọi vào tham dự. Họ đến trình diện bộ Binh vào ngày 12 để ra cửa Thuận cho kịp, đến lúc điểm danh thì thiếu mất viên Xuất-đội Nguyễn-văn-Sĩ tuy có tới, nhưng đi thăm bà con rồi biến mất .

---

(1)Mỗi khẩu bắn 3 phát đâu đã quen tay. Tệp tành như vậy rõ-ràng chỉ có tính cách chiếu lệ.

Theo chương trình đã định, sáng ngày 13 những khẩu đại bác đặt bên tả Trấn-Hải đài bắn xong, chiều sẽ đến lượt các khẩu bên hữu. Thượng Thư Bộ-Binh Trần-tiễn-Thành đến kiểm soát thì thấy thiếu 6 khẩu. Các võ quan thần cơ khai rằng những khẩu đại bác ấy đang đặt ở các lũy xa chưa kịp mang về. Họ Trần sợ mang tội khi quân phải làm phiến trình vua Tự-Đức có đoạn nói rằng :

"Thần xét việc bắn súng này có mục đích thử những khẩu súng mới đúc, xem sức mạnh và tính chất ra sao, vì thế Hoàng Thượng mới ngự duyệt cuộc tập bắn. Vậy mà các viên ấy dám dối trá, thật là không thể tha thứ được. Vậy xin giao cho bộ Binh nghiêm xét ..."

Kết qủa việc tập bắn trong ba ngày được một hội đồng ghi chép, rồi dâng lên Vua Tự-Đức. Nhìn vào tờ trình, ta thấy có khẩu đại-bác bắn vượt qúa đích, có những viên đạn chưa tới đích, có viên lệch sang tả, có viên lệch sang hữu ; viên tới gần nhất cách đích là 5 trượng 2 tấc tức là 18 thước. Có viên bắn lệch qua bên tả tới 27 trượng nghĩa là gần 100 thước. Xin nhắc đích đặt cách súng đại bác từ 120 đến 200 trượng, tùy theo đại bác cỡ lớn hay nhỏ.

Trước sự thảm hại này, Vua Tự-Đức đã phê "Sai qúa nhiều".

Để chê kẻ bắn dở, ở Huế đã có câu nói đùa : "Bắn con dê trên thành" nghĩa là bia dựng dưới đất, dê ăn cỏ trên mặt thành mà bị chú lính ngắm cách nào đến nỗi trúng vào dê, rồi dê rớt xuống chết tốt. Nói thế cũng tội nghiệp cho người lính, họ có bao giờ được bắn nhiều lần đâu, mỗi năm chỉ được bắn có vài phát bảo cho quen tay mà thôi, sự thực làm gì có đủ thuốc đạn mà bắn cho quen tay được. Do sự tập tành tắc trách như vậy, nhà Vua mới được chứng kiến một sự thực cười ra nước mắt dưới đây :

Ngày 19 là ngày cuối cùng của cuộc tập bắn. Vào giờ Mùi (hơn 10 giờ sáng), Vua Tự-Đức đang ngồi tại Hành cung, bỗng nghe ngoài khơi có tiếng súng nổ. Thì ra thuyền vận tải của ta bị hai chiếc tàu của Tàu Ô đánh cướp. Thuyền của ta tuy đông mà vẫn thua, thậm chí trong hai chiếc tàu của giặc có một chiếc dám cả gan xông vào tận bờ, bất kể vua quan của ta đang tụ tập cả ở Cửa Thuận.

Tức thì lực lượng thủy-quân của ta được lệnh ra tiếp cứu đoàn thuyền bị nạn, nhưng súng có bắn ra mà chẳng viên đạn nào trúng tàu của giặc hết. Rút cuộc giặc Tàu Ô bắt mất hai chiếc quan thuyền trước mặt của Vua Tự-Đức. Dĩ nhiên việc này đã làm nhà Vua xúc động đến cực điểm vì thập mục sở thị.

Trở về triều, Trần-tiễn-Thành dâng sớ xin chịu tội, tự cáo không lo đầy đủ việc phòng thủ bờ biển. Các nhân viên cùng binh sĩ liên hệ đến việc này, cũng phải giao cho Bộ Binh nghị xử.

Vì qúa xúc động, nhà Vua mới làm ra một bài thơ in ra 140 bản gửi đi các Tỉnh, các Bộ, các Nha để trách quở các quan phụ-trách về thủy quân mà ở đoạn chót có câu như sau :

"Phen này mắt thấy tai nghe,
Tham sinh úy tử một bề như nhau.
Ăn thì giành trước giành sau.
Đến khi có giặc rút đầu rút đuôi.
Cũng xưng là đấng làm tôi,
Cớ sao chẳng biết hổ ngươi trong mình ?

Ngoài bài thơ nôm trên đây, Tự-Đức còn bài thơ Hán ví bọn hải phỉ như đàn cá mập, cá xà ngoài biển, như lũ hổ báo trên rừng, với ước muốn tận diệt chúng cho dân đỡ hại, nhà vua lại thêm một bài văn xuôi đòi hỏi Bộ Binh, Bộ Công phải trù liệu việc thuyền bè, súng ống, nhắc lại vụ tàu ô cướp thuyền buôn, chúng có hai cái mà thuyền quan 9 cái không chống nổi, còn bị chúng vào bờ dắt đi mất hai cái. Tự-Đức nhắc cả việc thuyền đồng của ta, tuy lớn hơn thuyền giặc mà vô ích, vì nặng nề, binh sĩ gặp giặc thì ngơ ngác, lúng túng, súng bắn thì trật hết ra ngoài. Súng trên đồn là đại bác hạng dài bắn để trợ chiến, 100 phát không trúng một ... thuyền bè tốt kể thì nhiều, nhưng nằm nhàn trong xưởng, còn phái đi công tác thì ít, hàng năm tính tiền tu-bổ không biết bao nhiêu. Nhà vua thống trách Bộ Công, Bộ-Binh cùng các quan Thủy-Sư Hải-phòng đã thiếu tinh thần trách nhiệm. Sau cùng Tự-Đức chỉ thị việc đóng tàu tuần dương và việc đặt súng đại bác, sao cho có sự thích ứng, binh-sĩ phải được tập bắn cho thạo, ngoài ra phải có tàu túc trực tại các cửa biển, chờ xử-dụng tới cho linh diệu ...

Đó là tờ chiếu ban hành ngày 21 tháng 4, năm Tự-Đức thứ 26, sau khi nhà Vua hết lời sỉ vả

quan quân bằng thơ nôm, thơ Hán, có đoạn nói ta nhiều lính mà can tâm thua giặc, chỉ quen nghề dối trên lừa dưới, có tội lỗi thì tìm cách che đậy, không lập được công mà còn dám xưng công, quyền dân lợi nước thì coi thường ... Như trên ta đã thấy, việc khi quân táo bạo của bọn Phạm-Xích, Tôn-Thất-Thiều đang tay một lúc giết 107 kẻ lương thiện, đổi qua thành tích, hòng được thưởng, thì tâm thuật của đa số văn thần võ tướng đời Nguyễn sơ lưu manh đến mức nào.

Thêm một tỉ-dụ nữa về chỗ bất tài, bất lực của các quan Kinh, quan Tỉnh đời Tự-Đức 22 năm trước cũng vẫn thuộc việc tuần phòng ngoài biển.

Ngày 19 tháng 4 năm Tự-Đức thứ tư (1851), vào giờ thìn (từ 7 đến 9 giờ sáng), Xuất đội Võ-Ốc đang đi tuần thì trông thấy một thuyền buôn đi ngang qua cửa bể Nha-Phù, gần phía Mũi Cây Sung, bỗng từ phía Đông, 1 chiếc thuyền giặc có vài chục tên Thanh phỉ ào tới để ăn cướp. trong lúc này có một chiếc tuần dương của tỉnh phái tới, do Phó Lãnh Binh Phạm-Phúc-Trung dẫn đầu, sau đó là binh thuyền của Xuất đội Đỗ Hữu, cách thuyền của Võ-Ốc chừng vài trăm trượng-cho rằng thuyền của mình không đến nỗi cô lập lập, Võ-Ốc liền tiến lên cứu thuyền buôn và bắt giặc. Bọn Thanh phỉ liền bỏ thuyền buôn ra nghênh chiến. Đôi bên xô xát khá lâu mà đám thuyền tỉnh phái vẫn không đến tiếp cứu. Đã thế giặc lại được thêm một chiếc thuyền thứ hai có tới 50 tên lại hợp sức với chiếc thuyền thứ nhất vây đánh Võ-Ốc. Thuyền quan có ít lính đã bị giặc giết mất 4 người, lại thiếu thuốc đạn nên bị giặc đốt cháy. Năm tên lính hoảng qúa nhảy xuống biển mất tích. Võ Ốc cũng thơ lại Đỗ-văn-Hy và vài người lính khác thả thuyền con xuống biển bỏ chạy. Thuyền này cũng bị chìm, may có thuyền chài đổ ra cứu được.

Việc đáng trách hơn cả là đêm trước (18/4) chiếc thương thuyền bị nạn nói trên, của Lê-tấn-Bảo, đã có phi báo 2 chiếc thuyền giặc đang lảng vảng ngoài khơi, Phó Lãnh-binh Trung đã liên-lạc được với chiếc tuần dương của Kinh phái do Phó Vệ-Úy Nguyễn-Học điều-khiển, rồi hai bên cùng hợp sức kéo đi bắt giặc. Nhưng đến gần thuyền giặc khoảng vài trăm trượng, thì thấy thuyền Võ-Ốc với thuyền giặc đang đánh nhau kịch liệt, nhưng không dám lên tiếp cứu. Bởi thế lực qúa đơn chiếc, Xuất đội Võ Ốc bị thua giặc một cách thảm hại ...

Sau vụ này bị điều tra, Phó vệ Úy Nguyễn Học cùng Phó Lãnh Binh Phạm-phúc-Trung đều khai vì sóng to, gió lớn, thuyền đồng nặng nề không tiến lên được và không thấy giặc cùng Võ-Ốc đánh nhau. Viên Trấn-thủ Nguyễn-Mậu phụ trách hải phận cũng chối dài rằng không hay biết có quân Tàu Ô đến ăn cướp.

Tóm lại, dưới đời Nguyễn sơ, võ quan thì tinh thần khiếp nhược mà văn thần đa số vô trách nhiệm, chỉ quen nghề nịnh săng hót nhảm để leo cao trên cái thang danh vọng, nhà Vua không bao giờ bước ra khỏi vùng Hương giang, Ngự-Bình, sau này mấy vị lão nho như Nguyễn-Tri-Phương, Hoàng-Diệu v.v... tuy trung thành tận tâm, nhưng tài bất cập chỉ khiến dân-tộc chúng ta phải mất nước.



6.— Công Giáo bị đàn áp.

Dưới Triều đại Gia Long, các giáo sỹ vẫn được tự-do giảng đạo. Lý do là bởi vì nhà Vua nghĩ đến công của Bá-Đa Lộc và những người theo đạo đã hết sức giúp đỡ mình để khôi phục sự nghiệp ... Đến khi Minh Mạng lên ngôi, nhà vua vốn có ác cảm với người Âu - Châu, muốn cấm đạo ngay nhưng vì Vua Gia Long mới mất, nên vua Minh Mạng chưa dám đột ngột thay đổi ý vua cha ...

Đến tháng 1/1825, nhân có hai chiến hạm "THÉTIS" và "ESPÉRANCE" đến xin lập quan hệ ngoại giao và thám sát tình hình Việt Nam (nhưng Vua Minh Mạng không tiếp, nại cớ là triều đình không ai biết tiếng Pháp ...) khi rời Việt Nam (ngày 17/2/1825), có để lại một Giáo sỹ tên là ROGEROT để đi giảng đạo các nơi. Vì vậy, Vua Minh Mạng truyền các quan phải khám xét các tàu bè ngoại quốc lui tới nước ta và xuống dụ cấm đạo ... Tuy vậy, các giáo-sỹ vẫn lén lút đi giảng, nên năm sau (1826) vua sai đem hết giáo sỹ về Huế nói là để làm thông dịch. Nhà vua nói: "Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Văn Chấn đi rồi, các thông dịch không đủ sức để dịch thư trát". Nhưng thực ra đó là một cách làm cho các giáo sỹ không còn đi giảng được



Linh-mục BORIE bị chặt đầu ở Bắc-Kỳ

nữa. Trong các giáo sỹ bị đưa về Huế lúc ấy có Giám Mục Taberd, Linh Mục Gagelin, Odoirico v.v... (lên đến Việt Nam năm 1821, khi Chaigneau trở lại ...). Các Giáo sỹ ở nhà Công quán, được trả lương bổng, dịch những bản đồ nhà Vua mua ở Âu Châu cho vua xem. Năm 1827, Tả quân Lê Văn Duyệt, Tổng Trấn Gia Định, nhân dịp về Kinh đã khẩn khoản tâu xin, nên các giáo sỹ mới được trả tự do.

Sau đó, Vua Minh Mạng lại cho mời Linh Mục Jaccard đến Huế dịch tài liệu ... Ông này đã dịch tóm tắt để nhà vua xem cuộc cách mạng 1789, cuộc chinh phục Ấn độ của Anh, truyện Đại đế Napoléon ...

Nhưng đạo Thiên Chúa cứ bành trướng mãi, cấm thế nào cũng vẫn có người giảng, người theo, nên năm 1833, bấy giờ Tả quân Lê Văn Duyệt đã qua đời, vua Minh Mạng mới quyết liệt. Nhà vua xuống dụ cho những người theo đạo phải bỏ đạo và sai phá hủy các nhà thờ và nhà giáo sỹ. Tiếp theo đó là các cuộc bắt bớ, chém giết giáo đồ xảy ra ở nhiều nơi, Linh Mục Gagelin bị xử giảo ở Huế.

Thêm vào đó lại xảy ra vụ Linh Mục Marchand (cố Du) bị bắt trong thành Phiên An của Lê Văn Khôi, khi thành này bị quân của triều đình hạ được, sau gần ba năm vây đánh, kể từ khi Khôi nổi loạn chống nhà Vua.

Sau đó, Cố Du bị tra tấn và bị giết một cách khổ sở ở Huế. Từ đó Vua quan ta lại càng ghét các giáo sỹ và giáo đồ hơn lúc nào hết (vì cho rằng các người này là mầm mống của phản loạn).

Năm 1836, lại có dụ cấm đạo và nói rằng hễ giáo sỹ nào bị bắt ở trên tàu hoặc ở trên đất liền đều bị giết ngay và kẻ nào giấu diếm cũng bị giết. Từ năm 1834 đến năm 1838, có 7 Giáo sỹ bị giết ; trong năm 1838 Giáo sỹ và giáo đồ bị giết nhiều hơn cả. Năm ấy có dụ cấm đạo, đồng thời khuyên các địa phương lập chùa miếu để dân có chỗ lễ bái, sai các bậc phụ huynh các làng phải thường đem chánh đạo ra giảng dạy con em ...

Về vấn đề này, nhiều người cho Vua Minh-Mạng là tàn bạo ... Nhưng công bằng mà xét thì nhà vua là một ông vua rất quan tâm đến việc giáo hóa, thấy rằng trong nước đã đại định, Bắc Nam đã thống nhất, thế mà có một số người lại đến giáo hóa dân một cách khác thì lại giận hơn Chúa Trịnh, Chúa Nguyễn trước kia nhiều... Lúc bấy giờ không phải chỉ riêng nhà Vua mà quan lại, sỹ phu và nhân dân ít người hiểu rõ giáo lý Thiên Chúa giáo, chỉ thấy hành vi của các giáo đồ có nhiều điều trái với Nho giáo và phong tục tập quán nước nhà, nên bổn phận của kẻ cầm quyền là phải hết sức làm cho dân chúng cải tà quy chánh; kể đến nhà Vua ban 10 điều huấn dụ để dạy dân :

1. Giữ luân lý
2. Chính tâm thuật
3. Chăm bản nghiệp
4. Chuộng tiết kiệm
5. Hậu phong tục
6. Dạy con em
7. Học đạo chánh
8. Răn dâm gian
9. Giữ theo pháp luật
10. Làm điều thiện.



Cố MARCHAND bị xử lăng trì

Huấn dụ được ban ra, ở trong nước ai cũng cho là hay và vui lòng tuân theo, chỉ có giáo dân là không theo, vì trong đó không nói đến Đức Chúa Trời và điều thứ bảy "Học đạo chánh" thì họ cho đạo Thiên Chúa mới là "Đạo chánh", chứ không phải đạo Nho như nhà vua dạy ...

Nhà Vua thấy muốn cấm dân theo đạo thì phải cấm tự gốc, nghĩa là cấm các giáo sỹ trước.

Nhưng mặc dầu các hiểm nguy, các giáo sỹ vẫn liều chết đến truyền đạo, giáo dân vẫn không sờn lòng ... Thấy các hình phạt đã áp dụng không thực sự hiệu nghiệm, Vua Minh Mạng sai sứ sang Pháp để điều đình (1840). (1) Ban đầu thì cảm tình của dân chúng và chính giới Pháp đối với phái đoàn rất là tốt đẹp. Nhưng sau đó vì có sự vận động của "Hội truyền giáo ngoại quốc", nên phái đoàn bị thất bại trong sứ mạng điều đình. Hội vừa nói gay gắt tố cáo vua Minh Mạng đã làm đổ máu biết bao giáo sỹ Pháp và giết hại rất nhiều giáo dân từ Nam ra Bắc ; Đồng thời hội vận động với cả cơ quan truyền giáo La Mã nên đã có việc Giáo Hoàng Grégoire XVI yêu cầu Pháp Hoàng Louis Philippe (một người rất ngoan đạo) dùng quyền uy chấm dứt các vụ ngược đãi giáo sỹ và giáo dân Việt Nam. Thêm vào đó, người ta còn trình lên Pháp Hoàng các tài liệu về việc bài đạo của Vua Minh Mạng và họ đã gây được một sự xúc động lớn lao trong dư luận Pháp ...Rồi họ kết luận rằng Minh Mạng là kẻ tử thù của Công giáo và nước Pháp. Do đó mà Louis Philippe không chịu tiếp và phái đoàn đã thất bại, mặc dầu có cố gắng.

Khi trở về nước nhà thì Vua Minh Mạng mất Vua Thiệu Trị lên ngôi, việc cấm đạo đã nguôi đi một chút. Tuy nhiên các giáo sỹ ngoại quốc vẫn bị giữ ở Huế.

Ngày 25/2/1843, Hải quân Trung Tá FAVIN LÉVÊQUE chỉ huy tàu "HÉROÏNE" vào Đà Nẵng xin cho 5 giáo sỹ : Miche, Duclos, Galy, Benneux và Charrier đã bị giam cầm ở Huế từ 2 năm qua được thả. Sau một cuộc điều đình lâu dài và khó khăn, các giáo sỹ mới được trả tự do.

Năm 1845, Giám Mục Lefèbvre bị kết án tử hình, nhờ người đưa thư cho một thuyền trưởng người Mỹ tên là Percival, chỉ huy chiếc Constitution (đến ngày 1/4/1845), xin tha cho nhưng không được, tức giận, có nạt nộ, hăm dọa rầm lên (2) rồi tên này báo tin cho Phó Đề-Đốc Pháp Cécille chỉ huy hạm đội Pháp ở biển Trung Hoa biết. Cécille sai Hải quân Thiếu-Tá Fornier Duplan chỉ huy chiếc "ALCMÈNE" đến Đà Nẵng xin nhận, Giám Mục mới được ra (12-6-1846).

Cho đến năm 1847 và các năm kế tiếp lại xảy ra nhiều vụ khiêu khích của Pháp (sẽ nói tới trong chương kế tiếp), nên việc cấm đạo lại gay gắt hơn bao giờ hết, nhất là sau khi vua Thiệu-Trị chết và Tự-Đức lên ngôi, cho tới khi Pháp đạt được bá quyền trên đất Việt-Nam.

---

(1) Sứ đoàn gồm 2 quan chức là các ông Tôn-Thất-Tường và Trần-Việt-Xương cùng hai người thông ngôn là Võ-Dõng biết tiếng Pháp và người kia biết tiếng Anh.

(2) Cử chỉ này của Percival bị chính phủ Hoa-Kỳ khiển trách và năm 1849 ông Balestier cựu Lãnh Sự Mỹ tại Singapour được phái đến xin lỗi Triều-Đình ta.

Phần Thứ Hai

QUÂN PHÁP – TÂY XÂM LĂNG VIỆT - NAM

CHƯƠNG I

Quân Pháp – Tây khởi sự gây hấn và đánh chiếm một vài địa điểm đầu cầu

1. – Quân Pháp – Tây khởi sự gây hấn.

Đầu năm 1847, HQ Trung Tá, (1) Rigault de Genouilly được lệnh của Hải-quân Đại-Tá Lapierre(mới đến thay Phó Đề Đốc Cécille làm Tư lệnh hạm đội Pháp ở biển Trung Hoa), mang chiếc "LA VICTORIEUSE" vào Đà-Nẵng để dâng quốc thư lên Vua Thiệu Trị phản kháng việc giết hại giáo sỹ và giáo đồ, đồng thời xin nhà Vua nên noi gương Trung-Hoa cho họ được tự do truyền giáo và thương mại ... Để phòng ngừa bất trắc, đích thân Lapierre mang chiếc "LA GLOIRE" đi hỗ trợ sau đó .

Khi hai chiến hạm Pháp cập bến, quan tỉnh Quảng Nam liền tâu về triều. Vua Thiệu Trị sai Tham Tri bộ Lễ là Lý Văn Phức đến Quảng Nam để cùng với Tuần Vũ Nguyễn Đình Tân, Lãnh binh Nguyễn Đức Chung tùy nghi thương thuyết ...

Đúng ngày đã thỏa thuận gặp nhau, phái đoàn Pháp đến Công quán gặp phái đoàn ta. Phái đoàn Pháp đưa ra một bức thư bằng chữ Hán, lời lẽ rất ngang trái, phái đoàn ta không nhận, phái đoàn Pháp lớn tiếng nạt nộ, rồi để thư ở trên bàn đi ra ...-Hôm đó là ngày 31-3-1847 .

Lý Văn Phức và Nguyễn Đình Tân không biết phải làm sao bảo nhau rằng "Nhận thư cũng có tội, đốt đi cũng có tội, chi bằng đăng về kinh là hơn". Rồi Phức cùng theo về Kinh chịu tội. Vua Thiệu-Trị thấy vậy đã tỏ ra bất bình, cho là "đã làm khuynh quốc thể" sai bắt giam, giải chức và giao đình nghị .

Trong khoảng thời gian này, lính Pháp ở dưới tầu thường lên bờ sông, vào làng xóm phá phách làm càn ...

Bấy giờ thủy quân của ta có năm chiếc thuyền bọc đồng, được làm theo kiểu Tây phương, là các chiếc Kim Băng, Phấn Băng, Vân Băng, Linh Giang, Thọ Hạc, trên đường vào Gia-Định đã ghé đậu ở vũng Sơn Trà, quân Pháp sấn đến giật lấy buồm, dây ... Phó Vệ Úy Lê Văn Pháp, Xuất đội Nguyễn Tri, Nguyễn Quyền, Nguyễn Hy, Lê Tấn chỉ huy các chiến thuyền ta ngơ ngác, rồi thả chặt neo giữ thuyền (mà không dám phản ứng gì .). Rồi tâu về Kinh ... Vua Thiệu Trị ngự điện Võ hiển, một mặt sai Đô Thống Mai Công Ngôn,(2)Tham Tri Đào Trí-Phú đem 3 Vệ Võ Lâm, Hổ Uy, Hùng Nhuệ vào Đà-Nẵng để đối phó. Các quan từ Tuần Vũ trở xuống đều đặt thuộc quyền chỉ huy của Đô Thống Mai Công Ngôn. Lại sai Thị Lang Nguyễn Bá Nghi quyền Bố chánh Quảng Nam còn Nguyễn-Đình-Tân,phải cách lưu (3) cho theo Mai Công Ngôn, Đào Trí Phú để chuộc tội. Mặt khác sai Thị Lang Võ Duy Ninh, Thủy Công Chưởng vệ Phạm Xích đem 4 chiếc thuyền bằng đồng (cũng làm theo kiểu Tây Phương) đến tăng cường cho 5 chiếc thuyền nói trên ở Vũng Sơn Trà. Vua sắc Mai Công Ngôn, Đào Trí Phú rằng: "Nếu người Tây không còn thị oai và hành động gì thì ta không nên động thủ trước, còn nếu họ khai hấn thì lập tức sức các thành,đài, chiến thuyền, lính và chiến thuyền mới vào, hiệp nhau giết hết ; dọc theo bờ biển phải phòng thủ cho nghiêm , không để cho họ vào trong thôn ổ,

(1) Capitaine de Frégate .

(2) Như Thống tướng (Thống chế) bây giờ.

(3) Cách chức nhưng cho "đái công chuộc tội".

nghiêm cấm giáo đồ lui tới để tuyệt tin-tức". Vua lại hỏi quan Cơ-mật :"Tầu Pháp lần này đến cớ ý gì ? Bọn Mai-Công-Ngôn đi chuyến này, các khanh liệu thế nào ?" Trương-Đăng-Quế tâu :"Người Tây chẳng qua chỉ xin được thông thượng và xin bỏ sự cấm đạo mà thôi, chứ lẽ nào chỉ đem có hai chiếc tầu mà dám gây sự; Đào-Trí-Phú là người hiểu rõ họ sẽ thương-thuyết, tưởng không việc gì đến binh cách. Còn nếu họ khai-hấn trước thì họ trái, ta phải dẹp trừ không khó gì".

Quân-sĩ tăng cường (3 vệ quân, 4 chiến thuyền nói trên) đến. Lúc này phái đoàn Pháp đang đợi trả lời, thấy các đồn lũy của ta có nhiều binh lính, sinh nghi, bèn nổ súng (15/4/1847) vào chiến thuyền ta, chiến thuyền và các đồn-lũy của ta bắn trả lại ... Sau hai giờ tác chiến, tất cả các chiến thuyền, hàng trăm thuyền bè của ta chỉ còn là các mảnh vụn nổi trôi ...

Rồi ngày 16/4/1847, chiến hạm Pháp nhổ neo bỏ đi (1).

Tin bại trận về đến Kinh, Vua Thiệu-Trị tức giận ra mặt, liền sai Mai-Công-Ngôn xem xét lại việc phòng bị ở Vũng Sơn-Trà, xây gấp 7 cái đồn để giữ bờ biển Đà-Nẵng và cho xuất kho 320.000 cân đồng, để đem đúc đại bác đặt ở các nơi quan yếu khác như Thị-Nại, Cần-Giờ v.v...

Ngoài ra, nhà Vua còn xuống dụ " Người Pháp lan Tây là bọn cuồng dị, tội không dung tha được, nếu có thuyền buôn, thuyền binh của chúng đến thì phải đuổi đi, không cho đậu. Gia-Định là cửa lớn của đất Nam-Kỳ, các cửa Cần Giờ, Phú-Mỹ, Tam-Kỳ lại rất quan yếu, tỉnh-thần phải xét rõ hình thế lập thêm đồn lũy và đặt súng lớn để nghiêm việc phòng bị".

Tổng-đốc 3 tỉnh Sơn-Hưng-Tuyên là Nguyễn Đăng-Giai dâng sớ rằng : "Người dương di gian giảo tà đạo làm mê hoặc lòng người, nay chúng đã sinh chuyện ở Đà-Nẵng như thế, thì xin từ nay về sau, ta đình việc phái quan thuyền đi các nước ngoại dương, và đối với các đạo trưởng Gia-Tô bị án đều y pháp trị tội, không nên dung thứ chút nào". Nhà vua dạy rằng :"Lời nói cũng có lý, nhưng nếu vì việc Đà-Nẵng ấy mà thôi việc phái quan thuyền đi thì chỉ tỏ sự yếu đuối của ta, còn đạo Gia-tô làm mê hoặc lòng người đã sâu, phải tìm nhiều cách để giảng dụ, khai-hóa, khiến cho đổi lỗi làm lành, chứ nếu đều gia hình pháp cả thì e có quá đáng".

Rồi Vua ra dụ cấm Giáo-sỹ ngoại quốc giảng đạo và trừng trị những người trong nước theo đạo ...

Tưởng cũng cần nói thêm là dưới triều Thiệu-Trị, vua quan ta đã tỏ ra ôn hòa với Thiên-Chúa giáo hơn. Các Giáo-sỹ bị bắt thường là bị trục xuất, chứ không bị giết như trước nữa ; các giáo dân cũng không bị đối xử khắt khe ... khiến Giám mục Cuenot đã có lần viết :"Chúng ta tưởng sắp đến ngày hòa-bình rồi ..." thì hành động của bọn Lapierre và Rigault de Genouilly đã làm tiêu tan bầu không khí hòa nhã và lạc quan ấy ...

Về phía bọn Lapierre, vì đã vượt quá huấn lệnh đã cho là "Giúp các Giáo-sỹ bằng đường lối ngoại giao mà thôi, chứ không được dùng súng đạn", nên đã phải nhờ Giám-Mục Forcade về Pháp, trình bày với Pháp Hoàng Louis Philippe và các đại thần để khỏi bị kết tội vi phạm huấn lệnh. Vì vậy, khi bị báo chí công kích, Lapierre chỉ bị khiển trách thôi. Tuy vậy, đương sự cũng bị bạc đãi và không được trọng dụng trong nhiều năm.

Tháng 10 năm ấy (1847), người Anh vốn đã để ý đến nước ta, lợi dụng vụ gây hấn của Pháp, liền nhảy vào để mưu lợi ... Toàn quyền Anh ở Hương-Cảng là John Davis đã đem 2 chiến hạm đến cửa Hàn, để chuyển một bức thư của Nữ-Hoàng Victoria, xin triều đình ta cho phép họ lập một thương điếm tại đây, đồng thời đề-nghị ký kết một hiệp-ước thương mại và liên-minh để chống lại mọi âm-mưu của Pháp sau này ... Triều-đình ta từ chối khéo, không cho Davis được diện yết vua Thiệu-Trị.

Đến ngày 4/11/1847, vua Thiệu-Trị băng-hà, hưởng dương 37 tuổi, vua Tự-Đức lên thay. Ở Pháp Louis Philippe cũng mất ngôi.

---

(1) Về sự kiện này, Quân Pháp trong cuốn Histoire Militaire de L'indochine chép rằng Triều đình ta đã toan tính mời phái đoàn Pháp đi dự tiệc, để rồi tàn sát và sau đó đốt phá các chiến hạm địch. Nhưng bị lộ, vì có một giáo dân báo cho Pháp biết, nên không tham dự tiệc. Tuy vậy quân ta vẫn cho tiếp tục thi hành ý định đánh phá chiến hạm Pháp và ra lệnh tấn công. Bị phản công quân ta đại bại ... Nhưng đây chỉ là một cái cớ giả tạo để cho họ ngụy biện về hành động của mình mà thôi chứ không đúng sự thật.

Khi chiến tranh Crimée kết liễu, Pháp Hoàng Napoléon III bèn nghĩ đến Đông-Dương, miền mà từ lâu nhà vua thường nhận được các tin-tức không tốt đẹp, nên quyết-định phái ông Charles de Montigny, Lãnh-Sự Pháp ở Thượng-Hải, lúc bấy giờ đang về Pháp nghỉ phép, sang 3 quốc-gia Xiêm, Miên và Việt-Nam để mở cuộc giao hảo... Nhưng vì các tàu thuyền tháp tùng ông không được phối hợp chặt chẽ, nên sinh nhiều chuyện rắc rối khiến cho sứ mạng của ông bị thất bại.

Ngày 16/9/1856, trong khi Montigny đang ở Cao-Miên thì Hải-quân Đại-Tá Lelieur De Ville-sur-Arc đem chiếc "Catinat" đến cửa Đà-Nẵng trước, đưa thư của Montigny gởi cho Triều-đình Huế, báo trước mình sẽ đến, nhưng quan chức ta ở Đà-Nẵng không chịu nhận thư, Lelieur bèn cho chiếc "Catinat" chạy ra cửa Thuận-An để đưa thư, quan chức chỉ huy tại đây cũng không chịu nhận, Lelieur cứ để thơ ở trên bờ mà đi ... Hôm sau, chiếc "Catinat" trở lại Đà-Nẵng, nói rằng đã đưa thư rồi, nên ở đây chờ quan Chánh Phó sứ của họ (Montigny) đến thương thuyết, nếu ta không chịu, thì chắc có nhiều chuyện rắc rối xảy ra ... Việc này được quan chức sở tại tâu về, Vua truyền tỉnh Quảng-Nam phải đề phòng ...

Thấy quan ta không trả lời, cho rằng mình bị "đe doạ" (?). Ngày 26/9/1856, Lelieur liền cho bắn phá các đồn lũy của ta ở Sơn Trà... Sau đó cho một Đại đội đổ bộ vào các hải đài, thấy khoảng 60 khẩu đại bác và một số lớn thuốc súng, bắt 40 tù binh. Chúng quăng hết các hòm thuốc súng xuống biển, nhưng không phá súng chỉ khóa lại mà thôi.

Tại Huế, khi được tin này, Vua Tự-Đức liền một mặt ra lệnh cho quân sỹ đến tăng cường đèo Hải-Vân, mặt khác sai Đào-Trí (1), Chưởng vệ Võ Lâm, vào giữ thành An Hải và tăng cường cho các đồn Điện hải và Nại hiên đông..., Trần Hoằng làm Thương biện tỉnh vụ Quảng Nam, Nguyễn Duy sung việc trấn dương ở Đà-Nẵng và cùng với Đào - Trí lo việc phòng bị... đòi Trần-Đình-Túc, nguyên Quản đạo Phú-Yên, đến phụ giúp Nguyễn-Duy và giáng các quan chức Quảng-Nam vì đã chểnh mảng trọng nhiệm-vụ.

Riêng về cái thơ để trên bờ Thuận-An, viện cơ mật xin giao thơ ấy (chưa mở) cho quan chức chỉ-huy cửa Đà-Nẵng, trao trả lại họ, vì "Sở hành vô lễ".

Về phía Lelieur, sau vụ bắn phá ... lại đưa cho quan chức chỉ-huy cửa Đà-Nẵng một thư nữa. Quan chức ta liền hạch hỏi về việc làm của hắn, thì hắn nhận lỗi và nói mình chỉ là một hạm trưởng, được sai đến trước, để đưa thư báo tin là sẽ có phái đoàn đến xin thông hảo ... Phải chờ Chánh, Phó sứ đến giải quyết. Nếu sau này Pháp và Việt-Nam ký xong thỏa ước giao hảo thì hắn sẽ xin sửa sang lại các đồn lũy...

Ngày 24/10/1856, chiếc tàu thứ hai theo phái bộ Montigny, là "Capricieuse", do Collier chỉ huy, đến Đà-Nẵng, phải sửa lại cái thư cho lễ độ hơn, quan Trấn-thủ Quảng-Nam mới chịu nhận. Đồng thời quan chức ta gởi cho Collier một bức thư phản kháng về các hành động của Lelieur mới gây ra ở đây. Collier trả lời rằng quan ta đã có sự ngờ vực làm tổn thương đến thể diện của người Pháp, nên Lelieur mới có cử chỉ bạo động đáp lại,..Ông ta chỉ có đi trước một cuộc tấn công lớn của ta mà thôi và chỉ khóa các đại bác lại, chớ không có phá hủy, vì nếu để nguyên vẹn các vũ-khí, đôi bên sẽ đánh nhau to, thì không sao giữ được tình thân thiện ...

Nhân dịp này, Giám-Mục Pellerin lén xuống tàu gặp Collier bày tỏ tình hình giáo-hội ở Việt-Nam, Collier khuyên Giám-Mục về Pháp trình bày cho Chính-phủ biết.

Cuối cùng ngày 23/1/1857, Montigny từ Kampot đi tàu Marceau đến Đà-Nẵng. Quan khâm phái trấn dương là Đào-Trí tâu về Huế: "Có tàu Pháp đến xin ta phái quan giao-hội hòa-hảo, quan tàu tự xưng là quan nhất phẩm, muốn tới kinh để cùng ta hội nghị, vậy xin phái đại thần tới hội". Vua phán Đào-Trí đi hội và phải hết lòng trù-biện cho phải không cần phái quan vào... Mấy quan chức ta cùng Montigny thương thuyết, nhưng vì việc bắn phá của tàu "Catinat" đã làm cho bên ta có ác cảm sẵn, nên sau 15 ngày bàn bạc, hai bên không đi đến một kết quả nào cả.

Nội dung đề-nghị của De Montigny là đặt một lãnh-sự Pháp ở Huế, được phép mở một thương điếm ở Đà-Nẵng, cho các giáo-sỹ Pháp được tự do giảng đạo Thiên-Chúa, nhưng bị chối từ.

---

(1) Khác với Tham tri Đào-trí-Phú.

De Montigny cho rằng chỉ có cách dùng võ-lực uy-hiếp vua quan Việt-Nam mới có kết quả- Vì ông đã được lệnh cấm bạo động, nên ông đành lên đường, và dọa rằng nếu chính quyền Việt-Nam còn tiếp-tục cấm đạo, giết đạo, ngược đãi người Pháp là kiều dân của một cường quốc, thì nước Pháp sẽ thẳng tay đối phó bằng võ-lực một ngày không xa. Ông ta nói thêm rằng Hiệp ước mà nước Pháp đưa ra có những căn bản, và theo thủ-tục chánh thức được các nước trong thế-giới văn-minh tôn trọng. Cách đối xử của Vua quan Việt-Nam là một sự nhục mạ nước Pháp, nếu có điều gì chẳng lành chính quyền Việt-Nam phải gánh hết.(Ông ra đi ngày 13 /02 / 1857).

Để trả lời cho sự đe dọa trên, một mặt, ngày 25/5/1857, Vua Tự-Đức ban hành một dụ cấm đạo, cấm dân theo đạo, đàn ông cũng như đàn bà, trẻ con ra khỏi làng mình - Đến cuối năm lại ra lệnh bắt dân theo đạo phải khắc vào trán hai chữ "tả đạo" và "phân phát giáo dân" cho các làng bên lương, cứ 5 người lương giữ 1 người giáo và khuyến khích việc bắt bớ, tố cáo các giáo-sỹ, giáo-dân, bằng cách thưởng tiền và thưởng hàm ... Các chủng viện bị giải tán, nhiều nhà thờ và làng đạo bị phá hủy ... Máu người Công-Giáo đổ khắp nơi trong nước ... Ngày 20/7/1857, một Giám-Mục Tây-Ban-Nha bị xử tử ...; mặt khác sai ông Đào-Trí cùng với quan chức tỉnh Quảng-Nam trù liệu mọi biện pháp phòng thủ cho vững chắc. Đào-Trí sau khi duyệt xét tình hình đã tâu lên Vua Tự-Đức :

1. Xin thiết lập một đồn ở chóp núi Sơn-Trà để đặt 20 khẩu đại bác.

2. Xin thiết lập phòng tuyến có lũy cát, cây gai từ thành An-Hải đến chân núi Sơn-Trà và từ đồn Điện-Hải đến cửa Thanh-Khê.

3. Xin triệt thối và phá hủy đồn nhất và đồn nhì (Hải-Đài).

Về vấn đề này, Vua Tự-Đức cho rằng ông Đào-Trí chưa đủ tin cho lắm, bèn cử quan Hộ-Bộ là Tôn Thất-Cáp vào Đà-Nẵng xem xét tình hình. Ở Đà-Nẵng về Cáp tâu :"Cửa ấy thật là chỗ hệ trọng, các đồn nhất, nhì, tam, tứ xin cứ để nguyên, phía bắc thành Điện-Hải, ngoài lũy cát, cát biển bồi ngầm dưới mặt nước gần đến giữa vũng, nay xin dựng một pháo đài tại chỗ ấy, để khi bắn súng cho thong thả, mà pháo đài liên tiếp với thành Điện-Hải, khi có việc cũng dễ giúp nhau"(1). Vua giao Bộ nghị, Bộ xin y ; chỉ khoản xin lập pháo đài thì công trình nặng nề qúa, và lại chỗ đó cát mới bồi lên, làm gấp không được ... Vua cho là phải, duyệt y sớ tấu của Cáp và cho thi hành ... (2).

Đến tháng 9/1857, một lần nữa chiếc Catinat lại đến Đà-Nẵng để đón các Giáo-sỹ tỵ nạn, trong đó có Pellerin, về Pháp ...

Trong khi đó tại Ba-Lê, người ta lập ra một ủy-ban để nghiên cứu về vấn đề Việt-Nam, do Nam-Tước Brenier làm Chủ-Tịch, họp từ 28/4/1857 đến 18/5/1857 mới bế-mạc và đưa ra quyết định đánh chiếm Việt-Nam. Ủy ban đòi phải sửa soạn chiến tranh gấp rút và bí mật, để chiếm 3 Thị-trấn chính là Đà-Nẵng, Saigon và Hànội. Quân đội sẽ đưa từ Pháp sang, ngoài hạm đội Pháp đang có mặt ở Trung-Hoa ...

Về phía Pellerin, khi về đến Pháp, ông được vào bệ kiến Pháp Hoàng Nã-Phá-Luân đệ tam, và đã trình bày rõ ràng tình trạng bi đát của các giáo-sỹ ngoại quốc và giáo dân Việt-Nam với nhà Vua, và ra sức đi thuyết trình về việc người Công-giáo bị đổ máu, gây một sự xúc động lớn trong dư luận Pháp và Tây-Ban-Nha. Hoàng Hậu Eugénie là một người rất ngoan đạo, nghe nói rất mủi lòng và hết sức thúc đẩy Pháp Hoàng mang quân sang can thiệp ... Lúc bấy giờ Napoléon III cũng muốn gây thanh thế ở ngoại quốc, nhất là sau khi ông vừa thắng một trận lừng lẫy ở Crimée, như đã nói trên, hơn thế nữa lại được Pellerin cho biết rằng hễ quân Pháp tới là người Công-giáo sẽ nổi dậy tiếp tay và hoan nghênh ... nên ông quyết định sẽ cùng với Tây-Ban-Nha đem quân sang đánh chiếm nước ta.

Cuộc xâm lăng bắt đầu và công việc này được giao cho Phó Đề-Đốc Rigault de Genouilly. (3)

---

(1) Các đồn nhất nhì... là các hải đài, thành Điện-Hải thực ra là đồn Điện hải (Fort de l'ouest) đối diện với đồn Nại Hiên-Đông (xin xem lược đồ ở trang kế tiếp).

(2) Quân số của ta lúc này ở cửa hàn có khoảng 5.000 người thuộc hai ban Long-võ và Hùng Nhuệ (tức là 1/2 quân số của 2 doanh này - 10.000 người. 1/2 còn lại về quê làm ăn) và 10 tàu chiến (5 lớn, 5 vừa, nhưng không đáng kể).

(3) Lúc này đã thăng Phó Đề-Đốc (Contre Amiral)

2.– Quân Pháp – Tây biểu dương lực lượng ở Việt-Nam.

Tuy vấn đề đánh chiếm Việt-Nam đã trở thành nhất định, nhưng lúc bấy giờ phần thì vì Pháp còn đang xâu xé Trung-Hoa cùng với các nước Đế quốc khác, mặc dù hiệp-ước nha-phiến chiến tranh năm 1842 đã được ký kết, nhưng vẫn chưa thỏa mãn lòng tham vọng của bọn cướp nước; phần khác thì chỉ vì thực lực của Pháp ở Âu Châu hãy còn yếu và hơn thế nữa ảnh hưởng của Tây-Ban-Nha tại Việt-Nam hãy còn mạnh, nên triều-đình Pháp chỉ cho lệnh Rigault de Genouilly làm một cuộc "biểu dương lực lượng" ở Việt-Nam, trước khi rảnh tay ở đất Tàu và phải phối hợp với Tây Ban Nha. Cũng lúc đó triều đình Pháp điều đình với chánh phủ Tây Ban Nha gửi quân sang Việt-Nam và hai nước liên kết với nhau đánh chiếm Việt-Nam... Người Pháp nêu ra lý do các Giáo sỹ Tây Ban Nha cũng bị ngược đãi như các Giáo sỹ Pháp... Do đó vào năm 1857, hai nước Pháp và Tây quyết định cùng nói chuyện với Triều đình Việt-Nam bằng súng đạn.



Đề-Đốc RIGAULT DE GENOUILLY

3.– Quân Pháp-Tây đánh Đà-Nẵng lần thứ nhất.

Ngày 30/8/1858, Hạm đội xâm lăng Pháp Tây đã được thành lập xong và gồm có :

- Về phía Pháp : Hộ tống hạm hạng nặng (1) "Nemesis"; các hộ tống hạm hạng nhẹ "Phlégeton" "Primauguet", "La Place"; các pháo hạm "Dragonne", "Fusée", "Alarme", "Mitraille", "Avalanche" ; Thông báo hạm "Régent" ; các quân vận hạm "Saône", "Gironde", "Meurthe" và hai tầu mướn của thương nhân, với 2 Tiểu-đoàn Thủy-quân lục-chiến, mỗi Tiểu đoàn có 5 Đại-đội, mỗi Đại-đội 112 người; 2 Đại-đội Phụ lực quân gồm bọn đào-ngũ, bọn Công-giáo Bắc-kỳ tỵ nạn, bọn thổ-phỉ và dân phu tầu, cùng một pháo đội Thủy-quân Lục-chiến và vài tầu nhỏ khác ... Tổng cộng là 1.500 người – chưa thực sự cai trị Việt-Nam mà Pháp đã tổ chức được 2 Đại-đội "lính bản xứ" rồi.

- Về phía Tây-Ban-Nha có chiếc thông báo hạm "El Cano"; các quân vận hạm "Durance" "Dordogne"; 850 lính Âu Châu và da đen do Đại-tá Lanzarotte chỉ huy từ Phi-Luật Tân qua.

Tất cả là 2.350 người do Phó Đề-Đốc Rigault de Genouilly chỉ-huy và ngày 31-8-1858 đã phối trí xong ở cửa Đà-Nẵng.

Sáng sớm ngày 1-9-1858, Rigault de Genouilly gởi tối hậu thư đòi Tỉnh thần Quảng-Nam phải

---

(1) Các chiến hạm được dùng trong khoảng thời gian này như: Vaisseau, Frégate, Corvette hiện không còn dùng nữa. Tuy nhiên, chúng tôi đã cố gắng sưu tập các tài liệu liên hệ để cố tìm ra các loại "tương đương" để gọi cho tiện.

VÍ DỤ:

(1) Chiếc Vaisseau ngày trước tương đương với chiếc thiết giáp hạm bây giờ (Après les derniers navires à voiles l'expression de vaisseau de ligne a continué à s'appliquer aux cuirassés combattant en ligne).

(2) Chiếc Frégate ngày trước tương đương với chiếc Hộ-Tống-Hạm hạng nặng bây giờ (Actuellement nom donné dans certaines marines (notamment dans la marine Britanique) à un type d'escorteur rapide).

(3) Chiếc Corvette ngày trước tương đương với chiếc Diệt tiềm thủy đĩnh và Hộ tống hạm hạng nhẹ bây giờ (Auj. petit bâtiment léger spécialement des convois) - GL XXe.

(4) Còn các loại khác như Pháo hạm (canonnière) Thông báo hạm (Aviso) ... thì không có gì thay đổi cả.

- Từ đây trở xuống xin cứ gọi như vậy.

đầu hàng và nộp đồn lũy ... trong một thời hạn là hai giờ đồng hồ ... Vì không được trả lời, Rigault de Genouilly bắt đầu cho pháo kích vào các ổ súng đại bác và hải đài của ta ở chân núi Sơn-Trà (phía Tây Nam). Sau nửa giờ pháo kích, quân ta rút lui, chỉ có quân ở pháo đài quan sát không rút kịp là chiến đấu đến người cuối cùng, và tất cả đều hy-sinh tại chỗ.

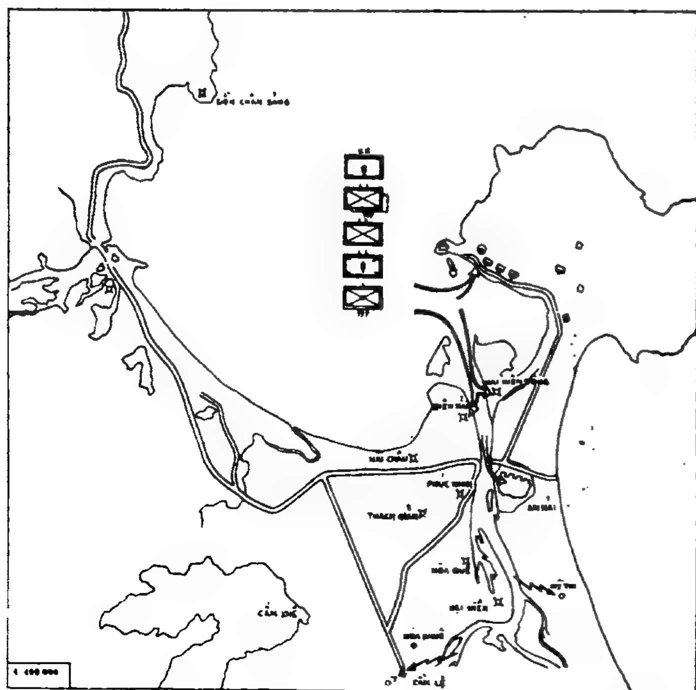
Hai pháo hạm và chiếc thông báo hạm Tây-Ban Nha tiến tới bỏ neo ở cửa sông Đà-Nẵng, pháo kích vào hai đồn Nại hiên Đông (đồn phía Đông) và Điện Hải (đồn phía Tây), quân trú-phòng của ta ở đây rút lui hỗn loạn.

Đến lượt thành An-Hải cũng chung một số phận ...

Đến 10 giờ quân vận hạm "Durance" chở một phần quân sĩ Tây-Ban-Nha đổ bộ chiếm hai đồn nói trên và sau cùng là thành An-Hải.

Đến chiều thì toàn thể quân Pháp đổ bộ chiếm các thành lũy và làm chủ tình thế ở Đà-Nẵng.

Về phía quân sĩ ta, sau khi bị loại khỏi vòng chiến ít nhất là trên 1.000 người, đã rút hết khỏi vùng nói trên để chờ lệnh của triều-đình Huế ... (kể cả đồn Phúc Vinh, Thạch giãn và Hải châu).



Quân Pháp Tây đánh Đà-Nẵng lần thứ nhất

Tại Huế khi được tin quân Pháp - Tây đến cửa Hàn và tình trạng ở đây đang lâm nguy, vua Tự-Đức ra lệnh cho đặc phái viên là Đào Trí gọi 2.000 lính hạ ban tiếp lực cho Tổng Đốc Nam Ngãi là Trần Hoàng trong việc chống giữ. Ông Đào Trí vào đến nơi thì hai đồn và thành trên đã mất. Triều đình lại cử thêm Đô Thống Lê Đình Lý làm Tổng Thống, Tham Tri Bộ Hộ Phan Khắc Thận làm Tham Tán đem thêm 2000 Cấm binh vào Đà Nẵng cứu vãn tình thế...

Liên quân Pháp-Tây lúc này không mở rộng phạm vi chiếm đóng, mà chỉ mở ra các cuộc tuần chiến ... Một lần tuần chiến vào làng Mỹ-Thị, chúng phá ụ đất, hủy hàng rào bao bọc ngoài làng. Sau đó chúng tiến sang làng Cẩm-Lệ. Tại đây Đô Thống Lê đình Lý đã cầm cự kịch liệt, nhưng quân sỹ bỏ chạy hết. Lý bị đạn về Quảng Nam được mấy hôm sau thì chết. Chức Phòng triệt đồn Hòa Khuê là Hồ đắc Tú đáng lẽ phải mang quân ra cứu viện nhưng đã án binh bất động ... Vua Tự Đức cho một quan Tham Tri đem cờ biển vào bắt Tú và cho Tống Phúc Minh thay Lý làm Tổng Thống. Sau đó, nhà vua lại cử Nguyễn Tri Phương, đang làm kinh lược sứ ở Nam Kỳ, ra sung chức Tổng Thống, Tổng Đốc Định biên Phạm Thế Hiển làm Tham tán, Tống Phúc Ninh làm Đề đốc, cách chức Tổng Đốc Trần Hoàng và cho Đào-Trí quyền Tổng Đốc.

Sang tháng 11/1858, quân Tây-Ban-Nha bất thần tấn công hai đồn Hòa Khuê và Nại Hiên, Hiệp quản Nguyễn Triều và Nguyễn An là tướng giữ đồn, kháng cự rất mãnh liệt và tử trận vì quân của Tống Phúc Minh cứu viện không kịp ... Do việc này mà Tống Phúc Minh và các thuộc hạ bị cách chức tất cả. Lúc này Nguyễn Tri Phương đã tới, một mặt cho làm lại các công sự, sửa lại các đồn, đặt lại các vọng lậu và xích hậu để ứng cứu cho mau, mặt khác gửi sớ về triều tâu rằng :"Bên họ chiến thì lợi, bên ta thủ thì hơn, bây giờ nên giữ cho vững để làm cách cự chiến, đắp xong đồn lũy rồi dần dần mới xông tới". Vua phán :"Bên đánh không hình, họ dễ cử động mà ta khó đo lường, bên giữ có hình họ dễ trông thấy mà mình khó châu đáo. Vậy việc "thủ" e có 6 điều không tiện :.

1. Mọi hoạt động của ta không được bảo mật.
2. Vũ khí của ta ít hiệu năng (mặc dầu theo Rigault de Genouilly vũ khí của ta tối tân hơn trước.)

3. Tình báo của ta ít xác thực.
4. Đồn ải không vững chắc.
5. Quân sỹ tinh thần không vững, tướng lệnh không nghiêm.
6. Phân tán thì bị yếu thế.

Trong thời gian này (thời gian quân ta chỉnh đốn hàng ngũ, sửa sang đồn lũy ... Quân Pháp-Tây không mở rộng phạm vi chiếm đóng), ngoại trừ vài trận đụng độ lẻ tẻ khi quân Pháp- Tây tuần chiến hay vài cuộc quấy rối đêm của quân ta (tất nhiên là yếu ớt và không hiệu quả), có thể nói không có chiến tranh ở đây.

Sang đầu năm 1859, tình hình chưa có gì là rõ rệt cả. Rigault de Genouilly được thăng Đề-đốc và dự định tiến lên Huế, nhưng ông không thực hiện được, phần thì không đủ quân số, mà cũng không nắm được tình hình, hơn thế nữa lại không có đủ thuyền nhỏ..., phần thì vì sau 5 tháng ở Đà-Nẵng, liên quân Pháp-Tây lâm vào tình trạng khốn đốn vì không hợp thủy thổ, các làng mạc đã bị phá sạch, nhà cửa, dân đã tản cư từ lâu, quân sĩ phải cắng lều mà ở, một số phải vào làng nhặt nhạnh các mảnh vụn để dựng tạm lên một ít nhà ... Nhưng chúng vẫn bị mắc nhiều chứng bệnh nguy hiểm, nhiều người bị kiết lỵ, sốt rét ngã nước và nhất là bị dịch tả. Trong vòng có nửa tháng, liên quân Pháp-Tây chết vì thổ tả tới cả chục người (1) ... Rồi quân dụng, quân nhu và tiền bạc thiếu thốn ...,phần khác vì khi về Pháp, Giám-Mục Pellerin có đoan chắc rằng hễ quân Pháp tới là dân Công-giáo nổi dậy tiếp tay hưởng ứng, nhưng từ khi tới Đà-Nẵng chẳng thấy động tĩnh gì. Rigault de Genouilly quy hết trách nhiệm vào Pellerin và nói rằng Giám mục đưa ra các ý kiến vu vơ hoang đường làm hỏng cả kế-hoạch (Giám-mục lúc bấy giờ có mặt trên hộ tống hạm hạng nặng "Némésis" giữ vai cố-vấn cho Rigault de Genouilly - ông trở lại Việt-Nam cũng với đoàn quân viễn chinh). Đôi bên dằn vặt nhau đến độ Rigault de Genouilly định đuổi Pellerin đi. Sau đó Pellerin bỏ qua Pénang uất hận không kém ... Thất vọng, Rigault de Genouilly liền nghĩ đến việc hành quân ở một nơi khác có lợi hơn ... (2)

Trước mặt Rigault de Genouilly có hai vấn đề đánh ra Bắc hoặc đánh vào Nam ? Đánh ra Bắc thì lợi hại như thế nào và đánh vào Nam lợi hại ra sao ?

Đánh ra Bắc ? Xứ Bắc lúc này còn đang loạn lạc, mặc dù một số người vẫn nhớ nhà Lê và ít có cảm tình với nhà Nguyễn, nhưng không gì chứng tỏ họ sẽ nổi dậy để tiếp tay với quân Pháp cả. Lại nữa gió mùa từ phương Bắc thổi vào, thời tiết không thuận tiện và còn nhiều phiền phức khác nữa ...

Đánh vào Nam ? Nếu đánh vào Gia-Định thì sẽ được nhiều thuận tiện, vì xứ Đồng-Nai có lắm của, nhiều người và cũng có thể nhân dịp này, dân Cao-Miên sẽ dựa vào hơi Pháp để nổi dậy lật đổ ách thống trị của người Việt. Sau đó, tự nhiên đất Miên sẽ lọt vào tay Pháp, chẳng là tiện lợi đôi đàng sao ?

Rigault de Genouilly quyết định đánh Nam-Kỳ trước và gửi kế-hoạch về Pháp. Đại ý kế hoạch nói rằng lúc này thực lực của quân Pháp và Tây hãy còn đơn chiếc, cần phải áp dụng một kế-hoạch trường kỳ, như vết dầu loang, lấy người lấy của ở địa phương để nuôi chiến tranh, bên trong chính phủ khỏi phải tốn tiền bạc, bên ngoài không gây xúc động tâm lý lớn lao đối với các nước đế quốc khác ... đồng thời xin tăng viện để thực hiện kế-hoạch ...

Rồi ngày 2/2/1859, sau khi cho tu sửa công sự ở đồn Nại hiên Đông và Điện Hải, Rigault de Genouilly để lại một Đại-đội, vài chiến hạm với đầy đủ vũ-khí và lương thực dưới quyền chỉ huy của Hải-quân Đại-Tá Toyon, rồi mang 2 hộ-tống hạm hạng nhẹ "Phlégéton" và "Primauguet", cùng 3 pháo hạm, chiếc Thông báo hạm "El Cano" của Tây-Ban-Nha, 3 quân vận hạm chở 2176 người lên đường vào đánh chiếm Gia-Định. (3).

---

(1) Quân Pháp vừa chết vừa bị thương và chết vì thổ tả trong trận Đà-Nẵng lần thứ nhất có khoảng 30 người.

(2) Có nhiều tài liệu chép rằng một trong các nguyên nhân mà Rigault de Genouilly phải bỏ đi đánh nơi khác vì "có tin cho biết có 10.000 quân ở Huế đang vào phản công..." chúng tôi thấy điểm này có nhiều nghi vấn vì nếu qủa thật có sự kiện đó thì một là Rigault de Genouilly ở lại để đương đầu với quân ta hay rút tất cả, chứ lẽ nào có tin như thế lại chỉ để một số nhỏ quân sỹ dưới quyền của Hải quân Đại-Tá Toyon để chịu trận...

(3) Rigault de Genouilly chỉ nhận được lệnh làm một cuộc biểu dương lực lượng ở Việt-Nam trước khi Pháp rảnh tay ở đất Tàu, nhưng tại sao hắn lại đánh chiếm Đà-Nẵng rồi Gia-Định? Như ở trên đầu chúng tôi đã đề cập đến là Pháp xâm lăng Việt-Nam không có một kế hoạch rõ rệt, thường chỉ là do sáng kiến của các sĩ quan chỉ huy mặt trận, hay do từng thắng lợi một mà thôi Do đó trong qúa trình xâm lăng Việt-Nam ta sẽ còn thấy nhiều chuyện "đi trước lệnh"... xảy ra...

4.– Quân Pháp – Tây đánh Gia-Định lần nhất.

Ngày 9/2/1859, sau mấy ngày di chuyển (từ Đà-Nẵng vào,) hạm đội Pháp - Tây đến trước Vũng Tầu.

Sáng ngày 10/2/1859, Thống Chế (1) Trần Đồng tổng chỉ huy Thủy Lục quân VN, ngồi trên pháo đài, dùng viễn kính nhìn thấy đoàn tầu lạ kéo cờ Tây phương từ ngoài khơi tiến vào (Vũng Tầu), lập tức Thống Chế ra lệnh dự bị tác chiến... (2).

Đoàn tầu địch mở hết tốc lực nhắm cửa Vũng Tầu trực chỉ... đến 10G00 thì chúng đã lọt vào trong cửa Vũng Tầu và bắt đầu bắn phá... các cơ cấu phòng thủ của ta...

Quân ta xua hàng trăm chiến thuyền và hàng ngàn quân sĩ ra chống cự... Nhưng vì võ khí của ta chậm và yếu, ngay các đại bác đặt trên các Hải đài cũng đều tỏ ra bất lực, không hủy diệt được một tầu nào của địch cả, trái lại chiến thuyền của ta lần lượt bị bắn chìm, quân sĩ ngã xuống biển chết vô kể, các Hải đài dựng dài trên mé núi phòng thủ cửa bể, lần lượt bị trúng đạn đại bác đổ vỡ ngả nghiêng, quân sĩ chết nằm ngổn ngang, nên chưa đầy vài giờ tác chiến, phần bại đã nghiêng về phía quân ta...

Đến chiều, chẳng may Thống Chế Trần-Đồng bị tử trận ; quân sĩ vốn đã hoang mang, bây giờ lại mất người chỉ huy thành ra hàng ngũ bị rối loạn và tan rã dần dần..., tới xế chiều thì dưới bể không còn một chiếc thuyền nào của ta, trên bộ quân sĩ còn sót lại chạy cả vào núi...

Ngày hôm sau 11/2/1859, chiến hạm liên quân Pháp - Tây quay sang tấn công cửa Cần-Giờ để vào nội-địa.

Tại đây, cửa Cần Giờ, quân ta cũng thiết lập nhiều pháo đài và cản chặn tầu địch. Quân Pháp pháo kích nặng nề hệ thống phòng thủ của ta, pháo đài ta sụp đổ tan tành, binh sĩ ta chết cả ngàn, doanh trại bị đạn bốc cháy mù mịt... Vị chỉ huy cũng tử trận trong số các quân sĩ... Các chiến thuyền kể cả chiến thuyền trừ bị, cũng bị chìm gần hết... Sau 4 giờ chiến đấu, công cuộc phòng thủ cửa Cần Giờ cũng như bên phía Vũng Tầu đều tan rã mây khói. Quân Pháp

---

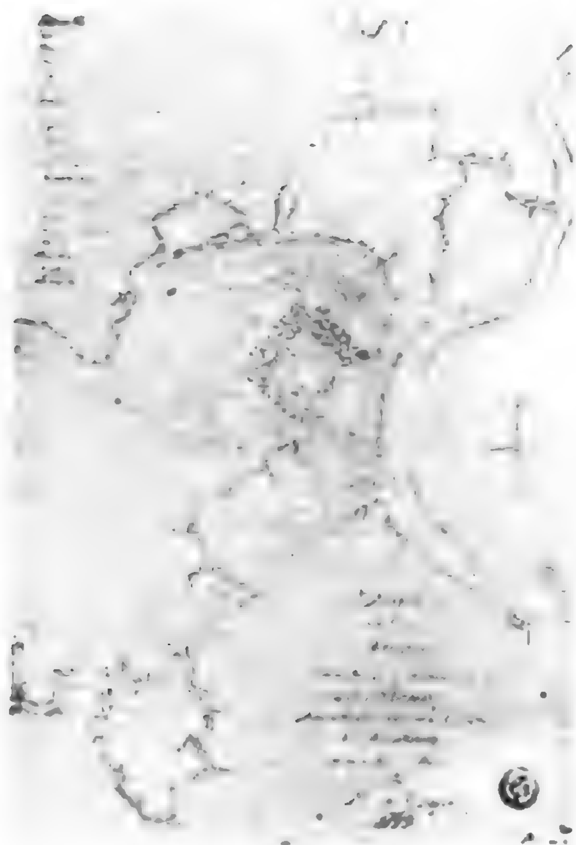
(1) Võ quan đứng hạng thứ hai trong quân đội bấy giờ (nhị-phẩm) tương đương với Trung-Tướng bây giờ.

Võ quan đứng hạng thứ nhất trong quân đội bấy giờ (nhất phẩm) là Đô Thống tương đương với Thống Tướng (VN&HK) hay Thống Chế (Pháp&Anh) bây giờ.

(2) Quân sĩ ta canh phòng cẩn mật như thế là vì tin quân Pháp Tây đánh Đà-Nẵng toàn quân, toàn dân đã biết cả. Trước đó thì sự canh phòng thường là chiếu lệ mà thôi.



Hạm đội Pháp đang pháo kích vào Gia-Định thành trong khi Quân-sĩ đang xuống xuồng nhỏ để đổ bộ



Sơ đồ thành Gia-Định
trước ngày Ông LÊ-VĂN-KHÔI nổi loạn

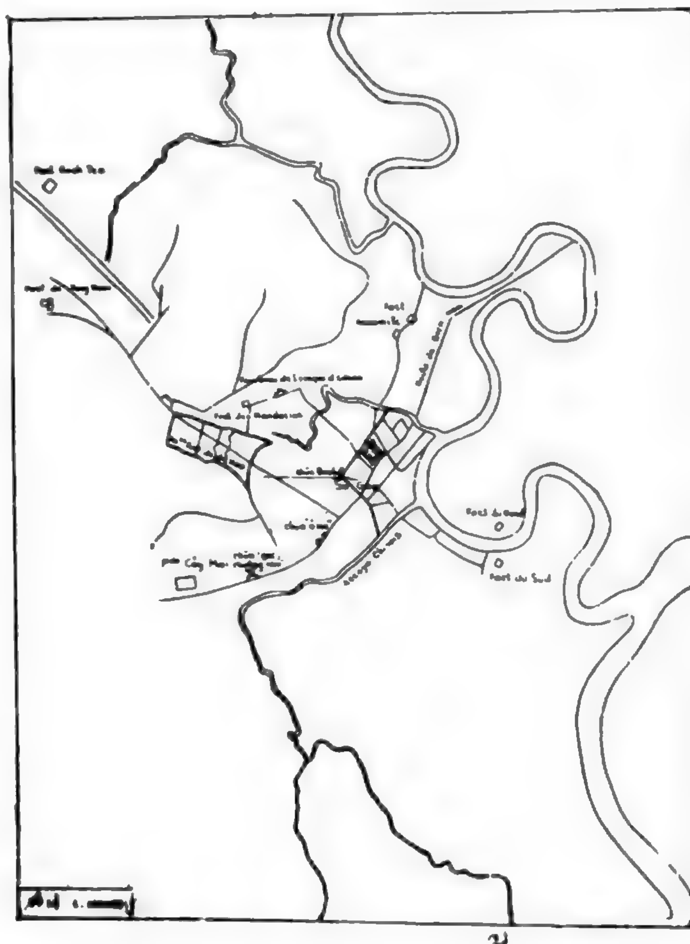
thắng trận nhưng không đổ bộ, chỉ phá cản để chuẩn bị vượt sông Long-Tào...

Ngày 13/2/1859, chiến hạm liên quân Pháp - Tây chuẩn bị vượt sông... Vì trong đám quân này của Pháp có nhiều tên phản quốc (hai Đại Đội Phụ Lực-Quân nói trên) được tung ra đi thám sát địa thế và tình hình trước, nên chỗ nào có cản, có tổ chức phòng thủ, có ổ kháng cự v.v... Rigault de Geuouilly đều biết và đã ghi chú trên bản đồ, nên chúng đi đến đâu là đồn lũy của ta ở dọc hai bên sông (Long Tào) như các đồn Tam Kỳ, Xóm-Rẫy, An-Thít, Chà-Là, Ông Nghĩa, Bến-Tranh lần lượt rơi rụng đến đó !.

Ngày 15-2-1859, chiến hạm liên-quân - Pháp - Tây đã đến Nhà-Bè, chiến-thuyền của ta ở đây cũng đổ ra nghênh chiến... Tiếng súng nổ vang rền cả một khu vực. Sau một hồi nổ súng, quân ta bị đánh tan...Nhân dịp này Giám-Mục Lefèbvre, lúc này đang bị truy nã, đã cùng một vài giáo dân phản quốc, trốn lên được tàu của Pháp báo cho Rigault de Genouilly về tình hình của quân ta, tinh thần cũng như vũ-khí và công cuộc phòng thủ... Rồi ông tình nguyện làm hướng đạo cho Liên-Quân Pháp-Tây...

Ngày 16/2/1859, Lefèbvre hướng dẫn Liên-Quân Pháp-Tây tiến vào Tân-Thuận Đông và tấn công hai tiền đồn Nam và Bắc ở bên này cầu Tân-Thuận, (1) và ở bên kia Thủ Thiêm, quân ta chống trả rất mãnh liệt, nhưng chẳng tàu nào của địch bị trúng đạn cả và sau đó cả hai tiền đồn đều bị đạn đại bác của hạm đội Pháp Tây bắn tan tành, quân sĩ tẩu tán hết...

Triệt hạ xong hai tiền đồn của ta, Đề-Đốc Rigault de Genouilly cử Hải-quân Trung-Tá Jauréguiberry, Thiếu-Tá công-binh Dupré-Déroulède và Đại Úy pháo binh Lacour đi thám sát tình hình thành Gia-Định...



Sơ đồ tổng quát thành Gia-Định và Kỳ-Hòa (Chí-Hòa)

---

(1) Đồn Nam ở bên này cầu Tân-Thuận (Fort du sud)
Đồn Bắc ở bên kia Thủ-Thiêm - Xã An-Khánh.



Rigault de Genouilly đang tiến quân đánh vào Gia-Định thành

Gia-định thành là một thành hình vuông (1) làm bằng đá tảng, mỗi cạnh dài 475 thước, được xây dựng lại vào năm 1837, cách xa bờ sông Saigon khoảng 800 thước, do khoảng 10.000 quân sĩ ta dưới quyền chỉ huy của Hộ-Đốc Võ-Duy-Ninh trấn giữ. Ở bên ngoài có nhiều cây cối rậm rạp ra đến tận bờ sông Saigon, có rất nhiều kinh rạch như tại các đại lộ Nguyễn - Huệ, Hàm - Nghi, khu Thư Viện mới, chợ mới Saigon, đường Pasteur... ngày nay, đều chằng chịt những kinh rạch (sau người ta lấp đi dần dần...); khu Hải quân công xưởng bây giờ hồi đó toàn là hồ ao, khu khách sạn Hoàn-Mỹ bây giờ là bến tắm của vua (gọi là Thủy các và Lương tạ); khu ngã sáu Saigon hồi đó nhà cửa, phố phường của dân chúng dựng lên san sát...

Thấy tình hình lâm nguy, Võ-Duy-Ninh một mặt cấp báo về Huế, mặt khác tự thông tư đi các tỉnh lấy quân tăng cường cho Gia-Định thành, nhưng viện quân ở các nơi chưa về kịp thì quân Pháp - Tây đã bắt đầu tấn công...

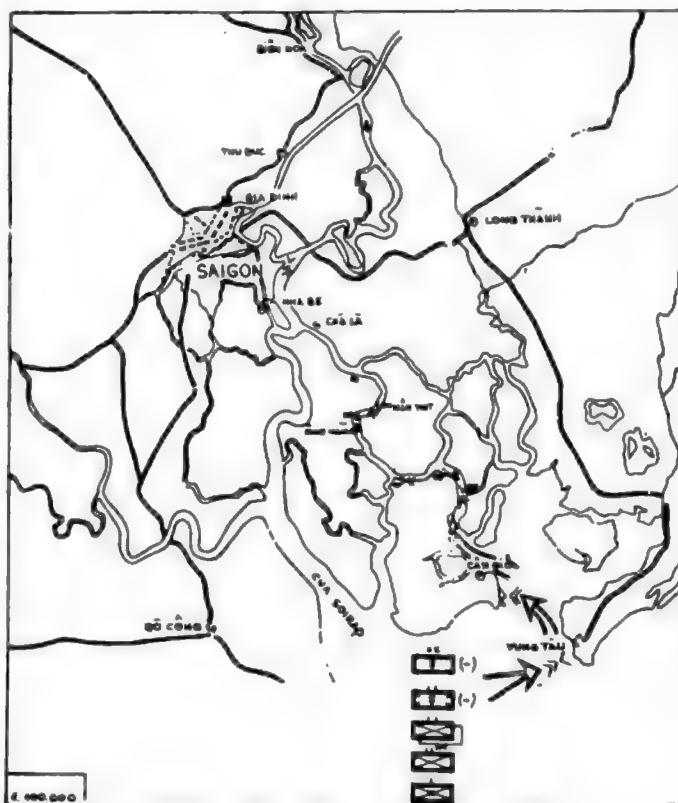
Quân Pháp chuẩn bị tấn công Gia-Định thành theo ý niệm.

- Xử dụng 2 Đại Đội Thủy-Quân Lục-Chiến, các Đại-Đội đổ bộ trên các hộ tống hạm hạng nhẹ "Phlégéton", "Primauget" và trên Thông báo hạm "Elcano" dưới quyền chỉ huy của Thiếu-Tá TQLC Martin des Pallières, dùng các xuồng của Công-Binh để đổ bộ...(2).

- Trọn Tiểu-Đoàn Thủy-Quân Lục-Chiến của Trung-Tá TQLC Reybaud, 2 Đại-Đội Thủy Quân-Lục-Chiến còn lại của Tiểu-Đoàn Martin des Pallières, toàn thể quân sĩ Tây-Ban-Nha của Đại-Tá Lanzarotte cùng với pháo đội Thủy Quân Lục-Chiến, dùng làm trừ bị.

- Các pháo hạm sẽ xử dụng tối đa hỏa-lực để pháo kích phá hoại thành và yểm trợ cho Thủy-Quân Lục-Chiến, Bộ-binh...tiến quân...

Sáng sớm ngày 17/2/1859, hộ tống hạm hạng nhẹ "Phlégéton" thượng cờ Đề-Đốc tới đầu tại bờ sông, ngay con đường dẫn thẳng đến cửa Đông-Nam thành, hộ tống hạm hạng nhẹ "Primauget" và Thông-Báo hạm "El Cano" vượt qua chiến "Phlégéton" đến nơi chỉ định... Đằng sau chiếc "Phlégéton" là các pháo hạm "Alarme", "La Dragonne", và "Avalanche"...



Quân Pháp Tây tiến vào Sài-Gòn

(1) Tâm điểm của nó bây giờ ở khoảng tòa nhà Thanh-Niên ở đường Hồng-Thập-Tự bây giờ. Cạnh Tây Bắc nằm trên đường Phan-Đình-Phùng, Cạnh Đông Bắc nằm trên đường Mạc-Đĩnh-Chi, Cạnh Đông Nam nằm trên đường Thống Nhất, Cạnh Tây Nam nằm trên đường Pasteur bây giờ.

(2) Từ sông Saigon vào các Kinh Rạch vừa nói trên... rồi đổ bộ vào Thành...

Khi mọi việc đã sẵn sàng, thì cờ hiệu tấn công được kéo lên đỉnh cột buồm của hộ tống hạm "Phlégéton" (trên có Rigault De Genouilly và Bộ Tham-Mưu). Các pháo hạm bắt đầu nhắm bắn một cách hết sức dữ dội và trúng đích - Vì trước đó, các chiến hạm của quân Pháp-Tây không bị đạn đại bác của ta đặt trên các bờ thành bắn ra, nên chúng có dủ thì giờ ngắm bắn thật cẩn thận; đại bác của ta sau đó cũng bắn đáp lễ nhưng phần nhiều là rớt ra ngoài đích, Hỏa lực của địch quân ngày càng trở nên ác liệt và nhiều cơ sở quan trọng trong thành bị bắn trúng bốc cháy. Chẳng được bao lâu thì tiếng súng của ta thưa dần... nhiều khoảng bờ thành nhất là ở phía Đông-Nam sụp đổ, nhiều quân sĩ bị thương vong ...

Đến 10 giờ, sau các loạt pháo kích dữ dội nhất, Thiếu Tá TQLC Martin de Pallières ra lệnh cho các xuồng tiến theo các kinh rạch ở phía Đông-Nam thành, rồi đổ bộ xua quân dùng thang tre bắc lên những chỗ bờ thành bị vỡ lở và vừa xung phong, vừa hò hét ầm ỹ: "Hoàng-Đế ... muôn năm!"

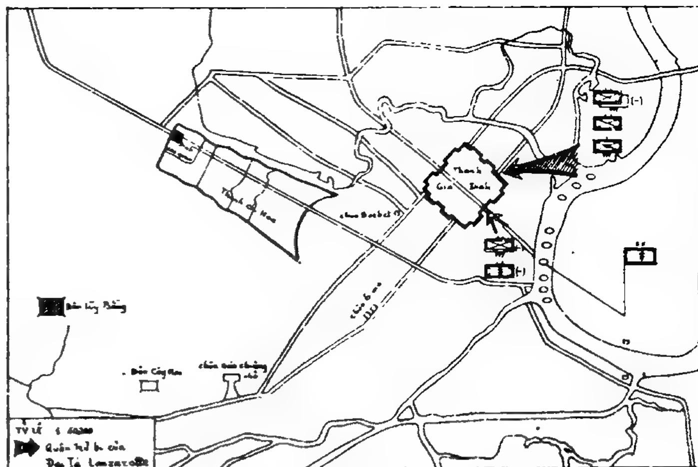
Võ-Duy-Ninh đứng trên thành đích thân chỉ huy cuộc chống cự, kêu gào quân sĩ một cách tuyệt vọng và đành phải chạy cùng họ về phía Đông thành ...

Rồi quân ta cho 2 cơ (1) phản công ra phía Đông thành bị địch tung quân trừ bị của Đại-Tá Lanzarotte đẩy lui; thừa thế Thiếu Tá Breschin xua Thủy quân Lục-Chiến xung phong phá cửa thành, quân ta rút lui tán loạn...

Đến 11 giờ hai cánh quân Pháp-Tây (cánh Martin des Pallières và Breschin) tiếp xúc được với nhau ở trong thành...

Đến 13 giờ quân Pháp - Tây làm chủ tình thế và đặt Bộ Tư-Lệnh tại Xưởng Thủy Quân trong thành, pháo binh được đặt rải rác trong thành, bộ-binh được phân chia đi giữ các doanh trại và canh gác 4 mặt thành, phòng ngừa cuộc phản công của quân ta...

Thu dọn chiến trường, quân Pháp - Tây tịch thâu của ta 200 khẩu đại bác (không kể các khẩu đã bị phá hủy), 58.000 kilô thuốc súng, 20.000 súng trường và nhiều giáo mác, 130.000 quan tiền và thóc gạo... không kể cho hết...



Quân Pháp Tây tấn công Gia-Định thành

Còn về quân ta, sau khi thất trận, Hộ-Đốc Võ-Duy-Ninh chạy đến Thôn Phước-Lý, Huyện Phước-Lộc, bên kia Cát-Lái, cách Saigon 20 cây số, thắt cổ tự vận, Án-Sát Lê-Tứ cũng tuẫn tiết, Bố chánh Võ-Thực, Lãnh binh Tôn-Thất-Năng chạy về Tây Tấn thuộc Huyện Bình-Long, Tôn-Thất-Hiệp rút về Biên-Hòa, một số tàn quân khác rút về đồn Cây-Mai và đồn Kiếng-Phước (Chợ-Lớn). Riêng về toán viện quân do Tổng-đốc Vĩnh-Long là Trương-Văn-Uyển chỉ-huy đến nơi thấy địch vây thành quá ngặt, liền cho binh thuyền rút về...

Về phía Triều-đình Huế, khi được tin Gia định nguy khốn, đã ra lệnh cho sỹ-phu lập nghĩa đoàn (để lấy quân Nghĩa-dũng) và cử Hộ-Bộ Thượng-Thư Tôn-Thất-Cáp xung chức Thống-Đốc quân vụ Quảng-Ngãi, Bố-Chánh Phan-Tịnh làm Tham-Tán đem quân cứu viện Nam-Kỳ... Tới nơi thì thành Gia-Định đã lọt vào tay giặc, nên hai ông phải đóng đại bản-doanh ở Biên-Hòa và tại đây hai ông tuyển thêm quân ở các tỉnh Miền Nam Trung-Kỳ là Bình-Định, Khánh-Hòa, Bình-Thuận... Sợ quân Pháp - Tây tràn xuống các tỉnh Hậu-Giang, hai ông thỏa-hiệp với Tổng Đốc Vĩnh-Long Trương-Văn-Uyển và Án-Sát Lê-Đình Đức đem quân Vĩnh-Long, Định-Tường phối hợp với quân của Hộ-Đốc Trần-Trí lên Gia-Định tính mở cuộc phản công... Lực lượng Vĩnh-Long vừa tới chùa Mai-Sơn (Gia-Định) thì dừng quân chuẩn bị... Pháp

---

(1) Khoảng 2 Trung Đoàn bây giờ (1.000 người).

quân biết được, liền một mặt đem quân đến đột kích (tại chùa Mai-Sơn), quân ta tan vỡ... Trương Văn-Uyển bị thương cùng Lê-Đình-Đức mang một ít tàn quân về Vĩnh-Long, mặt khác liền quân Pháp - Tây tấn công luôn đồn Phú-Thọ. Phan-Tịnh cố cầm cự, sau bị đạn cũng rút... Đồn bị chiếm. Riêng Tôn-Thất-Cáp với đạo Kinh binh (binh ở Kinh thành Huế mang vào) phản công, giết được nhiều quân địch, khiến chúng phải đốt đồn rồi rút về căn cứ...

Nếu xét mục đích của viện quân là cứu thành Gia-Định, thì vẫn phải coi là thất bại, là vì ta chưa đẩy lui được địch quân ra khỏi thành và viện quân Hậu Giang và Kinh binh mới tới bên ngoài đã bị quân Pháp - Tây đánh lui rồi cũng triệt thoái hết !

Ngày 19/2/1859, vì nhận thấy thành quá rộng, không thể rải quân bao phủ được tất cả... Rigault de Genouilly đánh điện về Pháp để xin phá hủy thành. Vì theo Rigault de Genouilly, 3.000 quân Viễn-chinh Pháp - Tây thì một phần đã trấn giữ Đà-Nẵng, một số chết trận, một số ốm đau... mặt khác lại còn tung ra các cuộc tuần thám luôn luôn thành ra phải thu hẹp cứ điểm vào một nơi khác tiện hơn...

Ngày 8/3/1859, Rigault de Genouilly được lệnh phá thành, cho quân sĩ, quân dụng v.v...di tản ra khỏi thành Gia-Định, đến đóng tại một đồn ở bờ sông (ở khoảng BTL/HQ bây giờ) rồi đặt thuốc nổ phá hủy thành. Tiếng nổ làm rung động cả một góc trời, nhiều tảng đá và mảnh vụn bắn lên tung tóe, lửa bốc cháy cao ngùn ngụt đến cả tháng mới tắt.

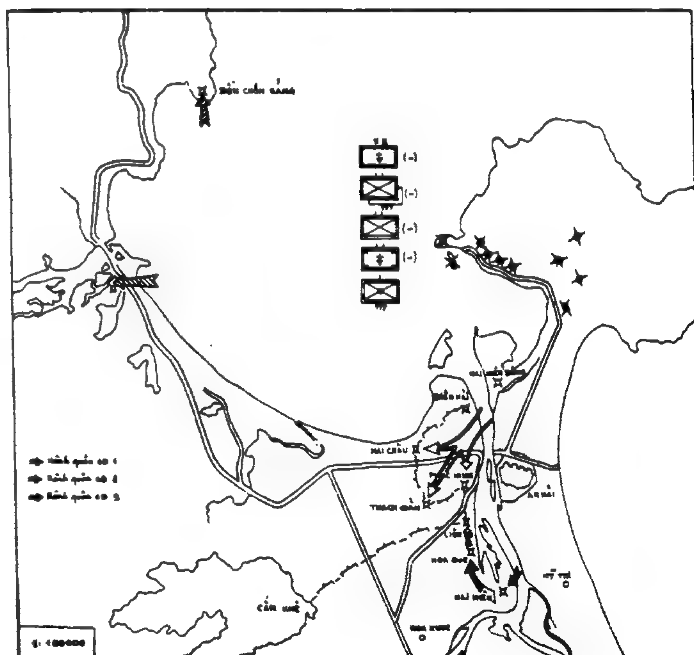
Rồi ngày 20/4/1859, Rigault de Genouilly chỉ để lại 1 Tiểu-Đoàn hỗn hợp Pháp - Tây (2 Đại-Đội Thủy-quân Lục-chiến Pháp và 2 Đại đội thám kích Tây-Ban-Nha) dưới quyền chỉ-huy của Hải-quân Trung-Tá Jauréguiberry tại đồn nói trên (1), rồi cũng một số lớn quân sỹ lại trở ra Đà-Nẵng cứu nguy cho Hải-quân Đại-Tá Toyon...

5.– Quân Pháp – Tây đánh Đà-Nẵng lần thứ hai.

Như trên đã nói, sau khi đánh chiếm được Đà-Nẵng vì không nắm được tình hình và không có đủ quân số và phương tiện... nên Rigault de Genouilly quyết định đem quân đánh chiếm Gia Định thành, chỉ để lại khoảng một Đại-Đội và vài chiến hạm, dưới quyền chỉ huy của Hải-quân Đại-Tá Toyon, để trấn giữ hai đồn Điện-Hải và Nại-hiên đông, còn bao nhiêu rút vào Gia-Định hết...

Về phía ta, lúc này ông Nguyễn-Tri-Phương đã thiết lập xong đồn Liên- Trì và cũng đã lập xong một phòng tuyến dài từ chân núi Cẩm-Khê đến đồn Liên Trì. Phòng tuyến gồm nhiều hầm dích dắc, dưới có cắm chông, trên phủ cát và có nhiều chướng ngại vật, cứ cách một khoảng lại có một ổ kháng cự và một khẩu đại bác 18 hoặc 24 livres, do khoảng 10.000 quân trấn giữ...

Khi được tin quân Pháp Tây vừa rút bớt, Nguyễn-Tri-Phương liền xua quân tiến lên, thu nhỏ phạm vi hoạt động của địch, và lập lại các đồn Phúc-Ninh, Thạch-Giản, Hải-Châu, đào phòng tuyến liên tiếp giữa đồn nọ và đồn kia, sát đến gần tận đồn Điện-Hải của địch...



Quân Pháp Tây đánh Đà-Nẵng lần thứ hai

(1) *Rigault de Genouilly mới trở lại Đà-Nẵng được mới có một ngày thì ngày hôm sau, 21-4-1859, ông Tôn-Thất-Cáp ra lệnh cho quân sỹ phản công tiêu diệt quân của Hải-Quân Trung-Tá Jaureguiberry, khiến chúng phải rời đồn này đến đóng tại đồn Tân-Thuận (Fort du sud ở bến này cầu Tân Thuận.*

Liên tiếp trong 2 ngày 6 và 7/2/1859, quân ta dốc toàn lực để đẩy quân của Hải-quân Đại-Tá Toyon ra bể, (1). Mặc dầu địch quân vẫn giữ được vị-trí, nhưng chúng cũng ở vào tình trạng nguy khốn, khiến Toyon phải đánh điện kêu cứu với Rigault de Genouilly.

Tại Huế, vua Tự-Đức thấy quân ta có phấn phấn khởi, đã đẩy lui và đã vây hãm được địch quân, bèn ban cho Nguyễn-Tri-Phương một thanh ngự kiếm và sâm quế, còn quân sĩ thì vua thưởng 100 quan tiền và sức quan tỉnh Quảng-Nam mua trâu rượu... mở tiệc khao quân...

Về phía Rigault de Genouilly lúc này đang trên đường tiến vào Gia-Định.. nên phải chờ thanh toán xong thành này, mới có thể trở ra tiếp cứu cho Toyon được...

Ngày 20/4/1859, như đã trình bày ở phần trên. Rigault de Genouilly sau khi đánh tan được thành Gia-Định, chỉ để lại 1 đồn ở bờ sông, (khoảng BTL/HQ bây giờ) do Tiểu-đoàn hỗn hợp Pháp-Tây (2 Đại-đội TQLC Pháp và 2 Đại-đội thám kích Tây-Ban-Nha) và bốn (2) chiến hạm, dưới quyền chỉ huy của Hải-quân Trung-Tá Jauréguiberry trấn giữ, còn bao nhiêu kéo ra Đà-Nẵng cả . . .

Ngày 8/5/1859, quân-Pháp-Tây, sau khi tới Cửa Hàn, Rigault de Genouilly liền chia quân sỹ làm 3 cánh :

Cánh thứ nhất (phải) gồm có 3 Đại-đội TQLC, các Đại-đội độ bộ, 1 toán Quân Tây-Ban-Nha...., dưới quyền chỉ-huy của Hải-quân Trung-Tá Reynaud.

Cánh thứ hai (giữa) gồm có 3 Đại-đội TQLC, vài toán quân Tây-Ban-Nha, 2 khẩu đội Pháo-binh, dưới quyền chỉ huy của Hải-quân Trung-Tá Faucon.

Cánh thứ ba (trái) gồm có 2 Đại-Đội TQ-LC và một vài đơn-vị linh-tinh khác, dưới quyền chỉ huy của Đại-Tá Tây-Ban-Nha Lanzarotte.

Ngoài ra còn một số quân làm trừ bi nữa.

Rồi Rigault de Genouilly ra lệnh tấn công. Các pháo hạm thi nhau pháo kích vào phòng tuyến ta (Phòng tuyến thứ nhất - Phúc-Ninh, Thạch-Giản và Hải-Châu), xong xua quân xung phong vào các mục tiêu chỉ định. Quân ta nấp trong các công sự chống trả kịch liệt, đại bác ta nổ rền vang, nhưng phần nhiều là không trúng địch nên quân địch vẫn hùng hổ tiến lên... Nhiều tên địch bị sập hầm bị thương... Tuy vậy chúng cũng vẫn chọc thủng được phòng tuyến của ta... Quân ta một phần rút về phòng tuyến thứ hai (từ đồn Liên-Trì đến chân núi Cẩm-Khê), một phần khác rút về Huế... Quân Pháp - Tây lần này chiếm được của ta 20 đồn và pháo đài... lớn nhỏ (trong số có các đồn Hải-Châu, Thạch-Giản, Phúc-Ninh) và tịch thâu 54 khẩu đại bác. Ta thiệt hại rất nặng, mất ít nhất 5.000 người vừa chết vừa bị thương và bỏ trốn (chiếm đa số) Pháp bị thiệt hại không đáng kể (một số bị thương phần nhiều là vì sập hầm, vài ba kẻ bị chết mà thôi).

Liên quân Pháp-Tây tuy thắng trận, nhưng không chịu đựng được thời tiết tại đây và sự thiếu thốn thuốc men, lương thực; mặt khác sự bang giao giữa Pháp và Tàu lại trở nên căng thẳng, nên ngày 20/6/1859, Rigault de Genouilly đưa đề nghị mở cuộc hòa đàm với nội dung tự-do truyền đạo, tự do thương mại và xin nhượng một khu làm sứ quán để bảo đảm việc thi hành hiệp ước...

Vua Tự-Đức mật dụ hỏi ý kiến các quan...

Triều chia làm hai phe chủ hòa và chủ chiến...

Phe chủ hòa gồm có Trương-đăng-Quế, Phan-Thanh-Giản, Lưu-Lượng, tâu rằng chiến không bằng hòa, nhưng nên cố thủ rồi sau mới chịu hòa. Đại-ý nói :"Tầu, súng của người Tây ta không địch nổi, vậy kế hay ngày nay là "thủ", giữ cho vững rồi sau nói chiến, nói hòa, nếu không lo giữ thì chiến không hơn được mà nói "hòa" cũng không xong."

Các đình thần khác như Trần-Văn-Trung, Trương-Quốc-Dụng, Tống-Phúc-Minh, Lâm-

---

(1) "... Il avait essayé de rejeter à la mer le petit détachement du Capitaine de Vaisseau TOYON". Trang 26 H.M.I.

(2) Gồm có Hộ Tống hạm nhẹ "Primauguet", quân vận hạm TBN "Durance", pháo hạm "Avalanche" và "Dragonne".

Duy-Hiệp, Phan-Huy-Vịnh, Phạm-Chí-Hương, Nguyễn-Xuân-Hãn, Lê-Đức và Võ-Xuân-Xáng cùng chủ hòa và tâu đại ý: "Người Tây-Phương thường dùng binh để đánh nước khác, họ không phải ở gần ta mà mưu tính việc thôn tính nước ta, họ chẳng qua là vì lợi mà đến đây thôi, binh họ ở xa đến ắt cần đánh mau mới lợi, nay họ đã hơn ta ở Sơn-Trà và Gia-Định rồi mà làm ra bộ trì hoãn, gần đây lại đưa thơ, tuy thơ ấy chưa dịch ra mà xem, nhưng theo ngu ý thì trong cũng chỉ yêu cầu hai điều mà thôi, một là lập phố xá ở Sơn-Trà để buôn bán, hai là cho truyền đạo, theo đạo tự do, mấy điều ấy ta không thuận nên họ mới gây ra việc để cho được như sở cầu. Vả tâu, súng là món sở trường của họ, người Thanh cũng phải chịu thua họ ở các thương cảng nước Tàu, nay cùng họ quyết chiến không chắc chi hơn được, vậy nên lấy cách chủ đãi khách mà đối phó, để làm kế trì cửu rồi sau sẽ tùy cơ xử-trí".

Vua cho mấy lời này là phải.

Trái lại phe chủ chiến gồm có Tô-Linh, Phạm-Hữu-Nghi, Trần-Văn-Vi, Lê-Hiếu-Hữu, Nguyễn-Đăng-Điều, Hồ-Sỹ-Thuận thì tâu nên công thủ. Đại ý nói : "Tình cảnh quân giặc ở Quảng-nam thì chiến thuyền họ nhiều mà đã vào sâu trong sông, có thể vây đánh được, ở Gia-Định thì chiến thuyền họ ít mà ở xa ngoài biển, khó nỗi tiến bức .Vậy xin sức Sứ-thần Quảng-Nam nghiêm bị, đợi họ vào sâu nữa, cùng họ đánh một trận trên đất, toàn thắng rồi lần lượt tiễu trừ, chứ nếu hòa thì bỏ cấm đạo, cho thông thương, họ được dựng nhà thờ, lập phố chợ, trăm điều giảo hiểm sẽ từ chữ hòa mà sinh ra".

Võ Đức Nhu tâu xin sai Thứ thần Quảng Nam làm thư lấy nghĩa lý trách họ xem họ đáp lại thế nào, nếu chỉ xin thông thương và bỏ cấm đạo thì giảng hòa cũng không ngại chi, nếu họ yêu cầu nhiều nữa thì đừng chiến, đừng hòa, nên thủ mà thôi.

Các người khác như Phạm-Thanh, Nguyễn khắc-Cần, Phạm-xuân-Quế thì xin công, thủ, nhưng không nói phương sách gì.

Mấy lời này Vua đều cho là không phải.

Lê-Chí-Tín, Đoàn-Thọ, Tôn - Thất-Thường, Tôn-Thất-Diêu, Nguyễn-Hào thì xin hòa. Đại ý nói : "Nay quân họ còn thong thả, mà ta đã mệt nhọc, cho nên công thủ đều là việc khó, hòa tuy là hạ sách, nhưng không thể không quyền nghi, nếu chậm trễ, e còn có điều lo khác". Vua dạy : "Các người biết rằng chiến thủ là khó, không biết rằng hòa lại càng khó hơn".

Bùi-Quí đi việc quan ở Bắc-Kỳ về, tâu : Đình thần kẻ nói hòa, người nói thủ, kẻ bàn chống, người bàn chèo, nghị luận phân vân, ai giữ ý nấy, như thế gặp việc gấp rút, sao giúp nhau được. Xin Hoàng-Thượng độc đoán, tự định quy mô để ai nấy phải theo". Vua dạy : "ấy là lời nói cương trực, các người nên lấy làm răn"...

Ngày 22 tháng 6/1859, Pháp cử Đại Úy LAFONT đến nghị hòa, Tự-Đức cho rằng hai bên đều có được có thua, nay đều chán việc đánh, nên sai ông Nguyễn-Tri-Phương phó hội. Nhưng vì người Pháp đòi hỏi nhiều qúa, việc thương thuyết kéo dài, chưa đi đến kết quả nào. Trong khi ấy chiến hạm của Pháp qua lại ngoài khơi, hễ gặp thương thuyền hay quan thuyền của ta đều bắn phá... Vua truyền quan Bộ-Binh rằng :"nước Pháp đã sai người đến nghị hòa mà còn làm như vậy thì thành hòa cuộc sao được".

Sang tháng 7/1859, Nguyễn-Tư-Giản dâng mật sớ tâu không nên hòa. Vua hỏi Cơ-mật, Phan-Thanh-Giản, Trương-Đăng-Quế, tâu : "Người Pháp chỉ xin 3 điều :

1.- Xin nhượng đất, điều ấy không cho.
2.- Xin thông thương, điều này từ quốc sơ đã có định lệ.

3.- Xin giảng đạo Thiên-Chúa, điều này thì từ Trần, Lê cũng đã thế, nhân gần đây cấm ước nghiêm qúa nên chi họ phải xin, bây giờ ta nên bỏ cấm để được nghỉ binh, yên dân, vậy thì hòa là tiện hơn".

Trong khi vua tôi triều đình Huế cứ lúng túng và kéo dài cuộc thương thuyết thì viện quân Pháp gồm 8 Đại-đội TQLC tới, Rigault de Genouilly liền quyết định tấn công phòng tuyến Cẩm-Khê, Liên-Trì và chia làm 3 cánh :

Cánh phải gồm có 4 Đại-đội của Trung-đoàn 2 TQLC, 3 Đại-đội của Trung-đoàn 3 TQ LC, vài khẩu đội pháo binh và vài toán công binh do Trung-Tá TQLC Reybaud chỉ-huy.



Một Thủy-quân Lục-chiến Pháp

Cánh giữa quân sĩ Tây-Ban-Nha do Đại-Tá Lanzarotte chỉ-huy.

Cánh trái gồm có các đại-đội đổ bộ, 1 đại-đội TQLC, 1 toán Công-Binh phá hoại, dưới quyền chỉ-huy của Hải-quân Đại-Tá Reynaud.

Trừ bị gồm có 3 Đại-đội TQLC và pháo binh dưới quyền chỉ huy của Thiếu-Tá Breschin

Phòng tuyến Cẩm-Khê, Liên-Trì cũng được phòng thủ tương tự như phòng tuyến Phúc-Ninh, Thạch-Giản và Hải-Châu, nghĩa là cũng có hầm hố, ổ kháng cự và đại-bác v.v....

Ngày 15/9/1859, sau những loạt hải pháo dữ dội, Rigault de Genouilly xua quân xung phong...chiếm đồn Nại-Hiên, Xuất đội Hồ-văn-Đa, Đội-trưởng Lê-Văn-Nghĩa, Đoàn-Văn-Thức bỏ trốn trước quân sỹ; Chiếm xong Nại-Hiên, chúng sang đồn Liên-Trì, Phạm-Thế-Hiển và Nguyễn-Hiền bị thua phải rút lui, quân sỹ phòng bị tại các pháo đài và ổ kháng cự khác trên phòng tuyến đều bỏ trốn, quân ta tan vỡ, Tổng chỉ-huy Nguyễn-Tri-Phương dâng sớ xin chịu tội...

Tổng kết thiệt hại :

Về quân Pháp - Tây chết 10, bị thương 40 (đa số là bị sập hầm...).

Về phía ta, thì khi ông Nguyễn-Tri-Phương tới, lo bổ sung quân-số, chỉnh bị hàng ngũ... quân ta có tới khoảng 10.000 người. Sau trận đánh phòng tuyến thứ nhất (Phúc-Ninh-Thạch Giản và Hải-Châu - ngày 8/5/1859), ta bị loại khỏi vòng chiến 5.000 người (đa số bỏ trốn), còn lại 5.000 người. Trận này ta bị loại khỏi vòng chiến 1.800 người, chỉ còn lại 3.200 người...

Vua Tự-Đức được tin bại trận phái ông Phan-Thanh-Giản đem cờ biển vào Quảng-Nam tập họp binh sỹ và tuyên chỉ xử chém Hồ-Văn-Đa, Lê-Văn-Nghĩa và Đoàn-Văn-Thức, cấp tử tuất cho những chiến sỹ bỏ mình vì nước, còn ông Nguyễn-Tri-Phương và các công sự viên thì bị "cách lưu" (cách chức nhưng cho lưu dụng để lập công chuộc tội). Đồng thời nhà vua dụ quan-viên từ tri-huyện trở lên, ai có kế-sách gì hay, quân sỹ thứ dân có tài năng xuất đầu lộ diện sẽ được trọng dụng. Tuy cũng có một số người hưởng ứng, nhưng kế-sách đưa ra không có gì đặc biệt và không thực tế, ngoài ra lại còn có kẻ đề nghị tàn sát tín đồ Công-Giáo vì một số trong những người này làm gián điệp cho địch. Nhà vua không đồng ý.

Tháng 10/1859, để bào chữa cho mình, ông Nguyễn-Tri-Phương tấu đại ý : "Người Tây-Phương thủy quân, lục quân nương đỡ nhau, khó mà hơn họ được. Ta thì thủy chiến đã không tiến, còn về lục chiến thì họ súng ống đã tinh lại đánh giỏi, quân ta khiếp sợ sinh ra bủn rủn, nên cũng không thể địch nổi. Nay trong quân thứ chỉ còn 3.200 người... Tình thế như vậy, giữ còn chưa được đánh sao nên ?" ... Vua dạy: "Sợ địch, thêm lo, không thi thố gì thì sao thành công được, đáng lẽ giao đình nghị, để chánh tội danh, nhưng đã cách lưu nên gượng bỏ qua. Vậy phải nghĩ liệu trong 3 kế chiến, thủ, hòa, kế

nào lui được quân địch thì cứ đứng, đứng mà nói rằng Triều-đình thiếu người nên phải ngồi đợi chết''.

Thấy chưa có lối thoát, nhà Vua sợ làm hỏng đại sự, nên thường ban lời hiểu dụ về cách đánh, giữ, sức cấm dân gian mậu dịch với quân địch để phòng cũng chúng ám thông, lại sai xét tình thế, định phương pháp, thải những lính đau yếu, phải thêm lính mạnh cho đủ số trên dưới năm ngàn, rồi tùy tình thế mà đánh mà giữ, chớ đừng chuyên một mặt giữ cho địch khinh khi.

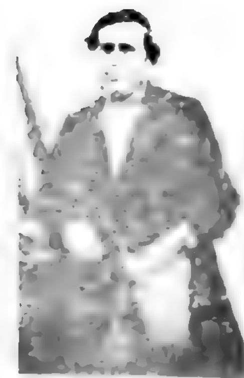
Trong lúc Triều-đình ta người bàn chiến, kẻ bàn hòa, kéo dài ngày này qua tháng khác, mà chẳng đi đến đâu cả, thì quân Pháp - Tây ở Đà-Nẵng vì ăn ở thiếu thốn... nhiều kẻ đau yếu. chính Đề-Đốc Rigault de Genouilly cũng bị đau phải xin về Pháp nghỉ.

Ngày 19/10/1859, Phó Đề-Đốc Page, đến thay thế Đề-Đốc Rigault de Genouilly, được chánh phủ Pháp trao cho toàn quyền hành động..„ kể cả việc ký một hòa ước với ta miễn sao chỉ giữ lại Gia-Định thành và con sông Saigon mà thôi - vì lúc này Pháp và Anh đang gặp các chuyện rắc rối ở bên Tàu, nên Chính-Phủ Pháp muốn trì hoãn ở đây để đối phó với Tàu...

Page tiếp tục việc thương thuyết của Rigault de Genouilly, nhưng với nội dung vừa phải nghĩa là không đòi đất đai, chỉ đòi binh phí, tự-do truyền giáo, khai thương ba cửa biển và đặt trú sứ ở Huế.

Nhưng thấy các đại diện của ta cứ kéo dài mãi cuộc thương thuyết nên Page quyết-định tiếp tục các cuộc hành quân...

Ngày 18/11/1859, hồi 4 giờ sáng, đứng trên hộ tống hạm hạng nặng ''Némésis'', có thương cờ Phó Đề-Đốc, Page ra lệnh cho hạm đội Pháp - Tây pháo kích hủy diệt hết mọi công sự của quân ta ở phía Bắc Đà-Nẵng, trên hai bên đường đi về Huế và khu vực đồn Chơn sảng (khoảng hầm số 2 trên đường Đà-Nẵng Huế). Nhưng quân ta trong các công sự, nhất là ở trên một ngọn đồi có một ổ trọng-pháo bắn xuống rất mạnh để yểm trợ cho quân ở phía dưới... Tàu ''Némésis'' bị trúng đạn (lần đầu tiên trong chiến cuộc lúc bấy giờ), quanh Phó Đề-Đốc Page, một số bị tử thương, trong số đó có



Phó Đề-Đốc — PAGE

Trung-Tá công-binh Dupré - Deroulède, bị đứt đôi người vì mảnh đạn đại bác của ta. Tuy vậy, quân ta cũng bị hỏa lực của địch quân đè bẹp và sau đó 300 quân địch, do Thiếu-Tá Saulx chỉ-huy, đã xung phong vào các cứ điểm của ta ở khu vực đồn Chơn Sảng, mặc dầu có nhiều chướng ngại vật, hầm hố, chông bẫy và kháng cự mãnh liệt, quân ta cũng bị đẩy ra ngoài cứ-điểm và rút lên núi...

Sau trận này, Page bị khiển trách vì đã mở cuộc hành quân không có lý-do cần thiết.

Sang tháng 12/1859, vua Tự-Đức sai các quan quân thứ xem xét địa thế để thiết-lập thêm đồn lũy ở phía Nam cửa Ải-Vân để phòng bị...



6. – Quân Pháp – Tây rút khỏi Đà-Nẵng.

Vì chiến-tranh giữa Pháp và Tàu tái diễn, Chính-Phủ Pháp phải cho lệnh lấy quân ở Việt-Nam sang tăng cường...

Ngày 23/3/1860, Page cho đốt hết doanh trại ở Đà-Nẵng để tập trung ở Saigon... trước khi mang quân sang Tàu - Triều-đình Huế coi cuộc rút quân này như là một ''thắng lợi'' của mình và cho mở cuộc khao quân ăn mừng ?.

Tưởng cũng cần phải nói thêm là năm trước, khi Rigault de Genouilly mang quân trở ra Đà-Nẵng được có một ngày thì ngày hôm sau 21/

4/1859, quân sĩ của Jauréguiberry trấn giữ ở một đồn trên bờ sông (khoảng BTL/HQ bây giờ) bị quân sĩ của ông Tôn-Thất-Cáp phản công và vây khốn, khiến chúng phải liều thân di chuyển vị trí đến đồn Tân-Thuận (đồn Nam - Fort du Sud cũ)...

Đến Saigon, một mặt Page cho thiết lập hai tiền đồn ở Chùa Khải-Tường và ở Cây-Mai, mặt khác lại đưa cho các quan quân thứ của ta ở Gia-Định một hòa thư gồm 11 khoản :

1.- Đại Pháp và Đại Nam thông hảo ngàn năm, để tỏ nghĩa lớn ;

2.- Nước Pháp có đưa quốc thư thì giao tại Đà-Nẵng, rồi do đường bộ để về kinh.

3.- Nước Nam có giao hảo với nước nào thì nước Pháp cũng coi nước ấy như anh em.

4.- Xin đừng lấm tội dân ngu đã làm tội với nước Pháp,

5.- Sau khi nước Pháp và Nguyên-Súy nước Nam đã đóng ấn vào hòa-ước, binh thuyền Pháp sẽ liền ra khỏi cửa bể,

6.- Bắt được Giáo sỹ người Pháp xin tha xiềng, tha giết, giao lại nước Pháp.

7.- Người theo Thiên-Chúa có lỗi thì theo luật trị tội, nếu biết an phận giữ phép thì không được trả bắt và tư nhiễu của cải,

8.- Không được ngăn đón, bức sách các tàu Pháp vào cửa biển buôn bán.

9.- Xin cấp một bản hòa-ước cho nước Tây-Ban-Nha.

10.- Xin cho các giáo-sỹ Pháp được qua lại các làng theo đạo để khuyến giảng.

11.- Xin được đặt Sứ-quán ở cửa bể, lập phố buôn bán.

Các quan quân thứ Gia-Định nghĩ chỉ 8 khoản trên không quản ngại lắm, quyền lập biên bản xin y, còn 3 khoản dưới, chưa dám nhận lời...

Quân Pháp - Tây lúc này lại đổ bộ chiếm đóng ở Mai-Sơn, làng Phú-Giáo.

Tại Huế, khi được tin quân Pháp nghị-hòa và chiếm đóng Mai-Sơn, một mặt vua Tự-Đức mật dụ thứ thần Gia-Định phải chỉnh đốn đồn lũy, ra sức đề phòng... Các tỉnh khác, từ Quảng Ngãi trở vào phải vỗ về binh dân, luyện tập sĩ tốt và sức cho hào mục Nam-Kỳ mộ những hương dũng để phòng sai phái, mặt khác, giao hòa thư 11 khoản của Page cho đình thần hội-nghị, mỗi người bàn mỗi khác, không đi đến kết luận nào cả. Vua hỏi Trương-đăng-Quế :" dư luận sôi nổi như thế, làm thế nào ?" Quế tâu :"nay người Tây nghị hòa, triều thần kẻ thì ứng theo đạo thường mà không ngó đến sự thực, người thì muốn tùng quyền trong lúc gấp rút, xin Hoàng Thượng đoán định thế nào cho thích đáng. Nay đã không có cái thế dẹp yên, lại không có cái cơ đánh đuổi, vậy thì nhận các điều họ xin, chước lượng mà tùng quyền, sao cho quốc thể được tôn thì tuy tùng quyền mà cũng hợp đạo, như thế có gì là không nên, mà nói lắm cho phiền. Cứ theo luận giả thì không nên hòa, vậy làm thế nào mà chiến, làm thế nào mà thủ để giữ gìn đất nước, điều lý cách nào để nghỉ binh, yên dân ? Huống chi còn những điều chưa thấy, những cái lo bất ngờ, cũng nên đề phòng. Vậy có lẽ nào xúm nhau xuẩn động mà không nghĩ đến các lý lẽ ấy sao ? Tôi trộm thấy các luận giả kẻ thì lấy dư-luận làm ý của mình, người thì phụ họa theo lời kẻ khác, tựu trung lời nói thành thật, đích đáng cũng ít lắm, chúng tôi bất tài, không biết làm thế nào thở được mối lo của bệ-hạ, tội thiệt lớn lắm v.v..."

Đến tháng 4/1860, mặt trận bên Tàu trở nên ác-liệt, Page phải gấp rút lên đường, chỉ để lại tại Saigon 778 người (555 Pháp và 223 Tây-Ban-Nha - một số lính Tây-Ban-Nha đã về Phi-Luật-Tân), cùng với 3 hộ tống hạm hạng nhẹ, 4 Thông báo hạm và thuyền võ-trang dưới quyền chỉ-huy của Hải-quân Đại-Tá D'Ariès và Đại-Úy Tây-Ban-Nha Fajardo để đương đầu với quân sĩ của ông Tôn-Thất-Cáp - Ngày 10/5/1860, Đại-Tá Tây-Ban-Nha Palanca Guttierez đến Saigon làm "đồng chỉ-huy" với D'Ariès để chỉ-huy quân Tây, nhưng lương thực v.v... vẫn do Pháp đài thọ.

Để chứng tỏ rằng mình mạnh, quân Pháp-Tây chỉ để khoảng 200 người giữ đồn Tân-Thuận,

một số đóng ở hai tiền đồn nói trên (Khải-Tường và Cây-Mai), còn bao nhiêu dùng vào việc đương đầu với quân ta...

Ngày 21/6/1860, để bảo đảm cho sự liên lạc giữa đồn Tấn-Thuận và tiền đồn Cây-Mai, quân Pháp-Tây thiết-lập một đồn ở chùa Ô-MA, đến ngày 25/6/1860, để cho công cuộc phòng thủ được vững mạnh hơn, chúng lại cho thiết lập một đồn ở Chùa Kiểng Phước (khoảng tòa Hành-Chánh Chợ-Lớn cũ), do Đại-Úy Tây-Ban Nha Fernandez chỉ-huy 100 lính Tây-Ban-Nha và khoảng 25 TQLC và Thủy-quân Pháp do Hải Quân Trung-Úy Narac chỉ-huy. Như vậy, để bảo đảm an-ninh cho đồn Tấn-Thuận, quân Pháp-Tây đã thiết lập một dãy tiền đồn từ Chùa Khải-Tường đến Cây-Mai- được gọi là "phòng tuyến đình chùa".

Ngoài ra quân Pháp - Tây còn tuyển mộ một số thân binh Tàu và ta để dùng vào việc tuần tiễu giữa các tiền đồn...

Tưởng cần phải nói thêm là đồn Kiểng-Phước chỉ cách xa tiền đồn của ta khoảng 250 thước, nên khi chúng lập đồn này, thường bị hỏa lực của ta bắn sang ngăn cản...

Chiều ngày 3/7/1860, thấy tình hình tại đây có phần nặng, D'Ariès cho tăng cường thêm khoảng 30 người do Hải-Quân Trung-Úy Gervais chỉ-huy.

Trong đêm 3 rạng ngày 4/7/1860, ông Tôn - Thất - Hiệp chỉ huy từ 2.000 đến 3.000 quân đánh vào đồn nói trên. Trận đánh xảy ra vô cùng ác-liệt, máu, sắt đổ loang lổ đó đây... Mặc dầu vậy, ông Tôn-Thất-Hiệp cùng khoảng 40 người đã lọt được vào bên trong đồn. Quân Pháp hốt hoảng dùng đại bác bắn trực xạ và một viên đạn đã bắn trúng ông Hiệp, làm cho ông chết không toàn thây. Thấy chủ tướng chết, quân sĩ mất tinh thần và rút lui hỗn loạn sau một giờ đụng độ. Trong trận này ta bỏ xác lại khoảng 100, Pháp 4 bị thương.

Sau trận này, Pháp lo củng cố Kiểng-Phước, lập thêm 2 ụ đại bác và giao cho 600 dân phu chống giữ...

Đánh bại quân ta ở đồn Kiểng-Phước, Pháp coi như đã cứu vãn được tình thế của cả quân-sĩ ở Gia-Định lúc bấy giờ. Vì mất Kiểng-Phước kể như "phòng tuyến đình chùa" bị chọc thủng và đồn Tấn-Thuận bị lâm nguy... Lúc này lực-lượng khả dụng của Pháp-Tây chỉ còn có 150 người, còn bao nhiêu phải tăng cường cho "phòng tuyến đình chùa" và giữ căn cứ (đồn Tấn-Thuận)...

Về phía ta thì sau trận Kiểng-Phước, Thống-đốc Quân-vụ Tôn-Thất-Cáp biết mình không chống nổi với quân Pháp-Tây nên có ý muốn hòa, không tấn công... Vua Tự-Đức biết được bèn sai Tham-Biện Các-vụ Huỳnh-Văn-Tuyển vào hỏi và xem xét thế lực quân địch, tình trạng quân dân ta v.v... Sau thấy các thứ thần chỉ muốn hòa, không lập được công trạng gì, nhà vua giáng Tôn-Thất-Cáp xuống Thị-Lang, Tán-Lý Nguyễn-Duy xuống Lang-Trung.

Cũng khoảng thời gian này, Vua Tự-Đức thấy quân Pháp-Tây đã rút khỏi Đà-Nẵng, mà tại Gia-Định thì khẩn-trương, nên cử ông Nguyễn Tri-Phương lúc ấy đang chỉ huy ở mặt trận Đà-Nẵng, sung chức Gia-Định Quân Thứ Thống-Đốc quân vụ, đổi Tôn-Thất-Cáp làm tham vụ. Trước khi lên đường, nhà vua đã hỏi Nguyễn-Tri-Phương các mưu sách gì sẽ thi-hành ở Gia-Định và nên đánh giữ hay hòa ? ông đem những cách xử-trí cần cấp tâu lên và xin "vừa giữ vừa đánh". Vua nói :" Lãnh chức Nguyên-Súy Nam-Kỳ, hiện nay không ai xứng đáng bằng người, từ đình thần đến quân sĩ đều nói như thế, người không nên từ, còn ở Quảng-Nam phải có một đại-viên coi sóc để phòng khi có việc, người nên lựa người giỏi cử lên". Nguyễn-Tri-Phương tâu :" Sự thế hồi này so với hồi trước khó gấp năm, gấp ba mà sĩ dân thì của đã hết, sức đã yếu. Tôi nghĩ thẹn khi ở Quảng-Nam không có công trạng gì, nhưng chức phận làm tôi, nay dầu sai đi đâu cũng phải vâng mệnh, còn việc coi sóc trong Quảng-Nam tôi xét có Phan-Thanh-Giản và Nguyễn-Bá-Nghi làm việc đã lâu biết rõ quân cơ, có thể đảm đương được". Lúc lên đường, ông Nguyễn-Tri-Phương lại tâu mấy việc như sau :"xin chăm việc binh, tài, xin an ủi xứ Bắc-Kỳ, xin phái thêm Phạm-Thế-Hiển vào giúp, xin giao hảo với nước Xiêm v.v..." Vua đều nghe theo và dụ rằng :"việc ngoài biên khổn ta giao cho người, phải hết lòng đánh dẹp, khiến cõi Nam-Kỳ yên lặng, để thơ lòng ta lo lắng đêm ngày".

Nguyễn-Tri-Phương và Phạm-Thế-Hiển vào đến Gia-Định (tháng 7/1860), lo chỉnh đốn lại hàng ngũ, bổ sung quân số... (lên đến 12.000 người) và củng cố đồn Chí-Hòa thành một chiến lũy kiên cố... chứ không phản công...Rồi thiết lập thêm nhiều tiền đồn ở Mả-Nguy và đào thêm ở phía nam chiến- lũy Chí-Hòa một chiến hào đôi (sape double)... bao vây và thu hẹp dần địa bàn hoạt động của địch quân và vây hãm chúng trong vòng 6 tháng (1). Trong khoảng thời gian này, mặc dầu chưa giải quyết xong mặt trận Tàu, ở mạn Hoàng-Hải, nhưng quân Pháp cũng phải tăng cường cho D'Ariès 3 lần: lần thứ nhất vào ngày 14/8/1860, 150 Thủy-quân Lục-chiến ở Quảng-Châu, lần thứ hai vào tháng 9/1860, khoảng 100 lính thủy trên chiến hạm Weser, lần chót vào ngày 9/10/1860, 2 Đại-đội lính khố đỏ. Tuy vậy tình hình quân địch vẫn quẫn bách và chúng không thể mở các cuộc tấn công đại quy mô được vì quân số bị tiêu hao và bệnh tật, nên thỉnh thoảng chúng chỉ phóng ra được một cuộc thám-kích mà thôi. Nhưng chúng vẫn bị thua đau, vì chiến thuật du-kích của ta ngay trong hậu tuyến của địch.

Ngày 16/10/1860, Hải-quân Đại-Úy Harmand bị bắn lén trọng thương trong một cuộc tuần thám bằng xuồng ở sông Thị-Nghè, cũng khoảng tháng 10/1860, Đại-Úy TQLC Barbet cưỡi ngựa đi tuần ở khu Chùa Khải-Tường, đã lọt ổ phục-kích và bị một cây lao phóng chết - Vì thế sau này thực dân Pháp gọi chùa này là chùa Barbet. Theo ông P. Cultru thì tổng số thiệt hại của Pháp - Tây lúc này là 300 người, nhưng sự thực lên đến trên 400 người.

Đến tháng 12/1860, tình hình địch quân trở nên nguy khốn vì vòng đai và các công sự của ta tiếp tục thắt chặt thêm... Nhưng quân ta không thể tung ra một trận chiến quyết-định được. Lý do là bởi vì mặc dầu ta người nhiều, nhưng thiếu trang bị và không được lãnh đạo xứng đáng.

Thế là, ngoài việc cử ông Nguyễn-Tri-Phương và Phạm-Thế-Hiển vào Gia-Định, ta không có kế-hoạch gì khác, nên lại một lần nữa bỏ lỡ cơ hội phản công quân Pháp-Tây, trong lúc chúng bị vây hãm trong đồn và bị cầm chân ở mặt trận Hoàng-Hải bên Tàu !.

Rồi khi quân Pháp thắng trận ở đất Tàu, chúng dốc toàn lực trở lại xâm lăng Việt-Nam !

---

(1) Paulus nói "trong 6 tháng chúng ta không được tin tức gì ở bên ngoài... và chỉ được hai lần viện binh mà thôi...".



CHƯƠNG 11

Cuộc xâm lăng thực sự của Pháp với các trận đánh

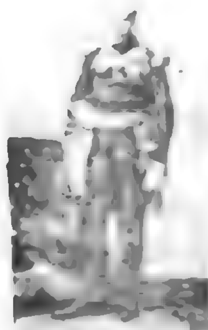
1.– Quân Pháp – Tây đánh thành Chí-Hòa.

Chiến cuộc giữa Tây và Tàu chấm dứt, Hiệp-Ước Bắc-Kinh được ký kết vào ngày 25/10/1860, Đề Đốc Charner, người chỉ huy mặt trận Hoàng-Hải của Pháp, được cử giữ chức Tổng Tư-Lệnh quân đội Pháp, để giải cứu bọn D'ARIÈS ở Nam-Kỳ và chiếm luôn xứ này. Charner được Pháp Đình trao cho toàn quyền hành động để "hoặc chiến, hoặc hòa với Triều Đình Huế". Ngày 10/12/1860, Charner cho tập trung lực lượng ở Thượng-Hải và chỉnh bị hàng ngũ, trước khi lên đường. Các đơn vị đặt dưới quyền của Thiếu-Tướng DE Vassoigne gồm có : 800 người của các Trung-Đoàn 2, 3 và 4 Thủy-Quân-Lục-Chiến, Tiểu-Đoàn 2 thám kích, 2 pháo đội (-) của Trung-Đoàn 14 pháo binh, các đơn vị linh tinh và công binh, tất cả khoảng 2200 quân sỹ và khoảng 600 dân phu tuyển mộ ở Quảng-Châu để khuân vác lương thực và đạn dược v.v. . . cùng với 272 lừa ngựa. .

Về Hạm-Đội thì gồm 2 hộ tống hạm hạng trung, chiếc "L'Imperatrice Eugénie" có thượng lệnh kỳ của Tổng-Tư-Lệnh, Đề-Đốc Charner, chiếc "Renommer" của Phó Đề-Đốc Page, 4 hộ tống hạm hạng nhẹ, 16 thông báo hạm, 17 quân vận hạm, 1 tàu bệnh viện và một số thuyền buồm và thuyền nhỏ.

Về phía Tây-ban-Nha lúc này không tăng thêm quân số nữa, mặc dầu có lời yêu cầu khẩn thiết của Charner và đồng bọn.

Đến ngày 7/2/1861, đoàn quân viễn-chinh đến Saigon. Lúc này, bên Pháp cũng gởi sang tăng cường cho Charner 1 Tiểu-Đoàn Thủy-



ĐỀ-ĐỐC CHARNER →

Quân (đổ bộ), dưới quyền chỉ huy của Hải-Quân Đại-Tá LAPELIN và gồm có 9 Đại-Đội, mỗi Đại-Đội 100 người; trong số này có một Đại-Đội Công-Binh, cộng thêm với 800 quân dưới quyền của D' ARIÈS (1), quân số Pháp lên tới 3900 người. Sau 20 ngày nghiên-cứu kế-hoạch, thám sát, nghỉ ngơi, sắp đặt doanh trại, chỉnh bị hàng ngũ, tổ chức lực lượng, quân Pháp-Tây mới bắt đầu tấn công.

Chí-Hòa là một chiến lũy hình chữ nhật dài 3 cây số, rộng 1 cây số chia ra làm 5 điểm tựa có thể yểm trợ cho nhau và có rất nhiều thành vách, ổ kháng cự, chướng ngại, chông bẫy, hầm hố, hào lũy v.v. . . dầy đặc, bao bọc bởi nhiều tiền đồn ở bên ngoài, tâm điểm của nó ở khoảng ngã ba Bắc-Hải Lê-Văn-Duyệt bây giờ, do khoảng 12000 quân ta và 1000 tuần phiên (2) dưới quyền của kinh lược Nguyễn-Tri-Phương chỉ huy chống giữ.

---

(1) Quân của D'ARIÈS được Page để lại 778 người được tăng-cường 3 lần trên 400 người. Nhưng bị hao mòn dần chỉ còn có 800.

(2) Trong Histoire Militaire de L'Indochine ấn bản 1921 Pháp nói rằng ta có 21.000 quân chánh qui và 10.000 hương binh trấn giữ, nhưng con số này phải xem lại.

Sau khi Đại-Tá CROUZAT thám sát chiến lũy Chí-Hòa một lần chót. Đề-Đốc CHARNER quyết định cho hành quân theo ý niệm như sau :

"Một mặt Hải-Đội Pháp ngược dòng sông Saigon, hủy diệt tất cả các cản, các chướng ngại vật, các đồn lũy của ta, ở dưới nước, hai bên bờ sông và ngự trị dòng thượng lưu. Trong khi đó các đại bác đặt ở "chiến tuyến đình chùa" (Khải-Tường, Ô-ma, Kiểng-Phước - chùa sau này còn gọi là chùa "gác chuông nhỏ"), phối hợp với các giàn đại bác từ trên Hạm-đội đang bỏ neo trên sông Saigon, pháo kích chiến lũy, làm tê liệt quân ta . Sau cùng bộ binh xuất phát từ căn cứ hành quân (Đồn) Cây mai, đánh chiếm Đồn Lũy-bằng (Fort de la Redoute), xong đi vòng lên phía trái, để tránh tầm đạn đại-bác của ta, rồi bất thình lình quay lại tấn công vào bên sườn chiến lũy...Tiến quân theo thế gọng kềm, để cùng Hải-Đội trên thượng lưu sông Saigon, tiêu diệt chiến lũy ".

Như vậy, quân ta bắt buộc phải đương đầu trong trận then chốt này : Quân Pháp sẽ cắt dứt đường tiếp tế quân nhu, lương thực ở Thuận Kiều và ta không có đường rút lui, ngoại trừ con đường độc đạo ở xóm Bá-Đa-Lộc. Mà muốn thoát đi lối này, ta phải băng qua một dãy ao hồ sình lầy. Đây chỉ là con đường tử địa mà thôi.

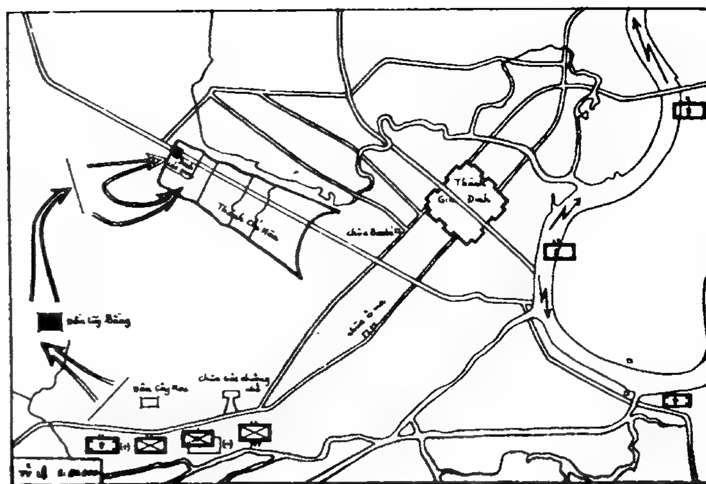
Phó Đề Đốc Page được cử chỉ huy Hải-đội ngược dòng sông Đồng-Nai và ngăn chặn quân ta không cho rút về Biên-Hòa.

"Chiến tuyến đình chùa" được đặt thêm nhiều đại-bác và hỏa tiễn. Chùa Khải-Tường được trang bị thêm 3 đại bác, 2 dàn hỏa tiễn, Chùa Kiểng-Phước được tăng cường thêm 4 đại bác, Chùa Cây mai một đại bác và 1 súng cối.

Quân sỹ tập trung ở Chợ-Lớn, sau đồn Cây mai. Ngày 16/2/1861, Charner rời Hộ tống hạm "L'Impératrice - Eugénie" lên bờ lập Tổng-Hành-Dinh.

Ngày 19/2/1861, Charner cho lệnh đặt hỏa tiễn ở Chùa Khải-Tường (Barbet) cách xa chiến lũy của ta 5 cây số, để phóng vào chiến lũy áp đảo tinh thần quân ta.

Ngày 21 và 22/2/1861, quân Pháp-Tây thiết lập một "điểm tiếp liệu" ở đồn Cây mai.



Quân Pháp Tây đánh vào thành Chí-Hòa

Tất cả đã sẵn sàng, Charner cho lệnh tấn công vào tiền đồn và phòng tuyến của ta vào ngày 24/2/1861.

Vào 4 giờ 30 sáng ngày 24/2/1861, các đại bác và hỏa tiễn ở "chiến tuyến đình chùa" và trên các chiến hạm Pháp thi nhau pháo kích vào chiến lũy. Quân ta liền phản pháo (nhưng không được kết quả như ý mong muốn).

Đến 5 giờ, quân sỹ được lệnh vượt tuyến xuất phát (đồn Cây mai). Đề-Đốc Charner và Thiếu-Tướng VASSOIGNE có một toán thám kích Phi châu hộ vệ, dẫn đầu. Rồi đến bộ binh Tây-ban-Nha, 2 đại đội thám kích, 6 khẩu Sơn pháo, các hỏa tiễn, 3 đại bác 86 ly 5,4 đại bác 121 ly 5 (lúc này các đại bác đã bắt đầu có "sọc" (rayé) chứ chưa có khương tuyến (Rayure) Các quân sỹ linh tinh khác như thám kích, công binh, thủy quân đổ bộ (với thang), thủy quân lục chiến và sau hết là đoàn chuyển vận, tải thương và lương thực. Cánh quân tiến lên, cách phòng tuyến ta khoảng 1000 thước, các đại bác 121 ly 5 pháo kích vào đồn Lũy Bằng, các đại bác 86 ly 5 và sơn pháo cùng hỏa tiễn, bắn vào các công sự khác của ta. Rồi các khẩu sơn pháo lại được di chuyển lên cách xa phòng tuyến của ta khoảng 500 thước. Các khẩu đại bác 86 ly 5, các hỏa tiễn, các khẩu đại bác 121 ly 5 tiếp theo. Bộ binh tiến lên ngang tuyến này và chia làm hai cánh xung phong để đánh chiếm đồn Lũy-bằng : cánh phải do Thiếu-Tá công binh ALLIZÉ de MATIGNICOURT chỉ huy gồm có công binh, thám kích, bộ binh Tây-ban-Nha và thủy-quân-lục-chiến; cánh trái do

Hải-quân Trung-Tá DESVAUX chỉ huy gồm toán Thủy quân đổ bộ.

Hỏa lực của ta ở đồn Lũy-bằng bắt đầu có hiệu qủa và gây điêu dứng cho địch quân. Thiếu-Tướng De Vassoigne và Đại-Tá Tây-ban Nha PALANCA GUTTIEREZ bị trọng thương. Thấy quân sỹ có phần nao núng, đích thân Đề-Đốc CHARNER chỉ huy trận đánh (1) và ra lệnh xung phong. Các toán công binh và thủy quân có thang dẫn đầu, mặc dầu hỏa lực của ta bắn ra rất dữ dội,nhưng chúng cũng mở được một đột khẩu phá, xuyên qua các công sự và hầm hố quanh đồn, rồi xung phong vào chiếm đồn . . . Quân ta sau hai giờ chiến đấu anh dũng, đa số hy sinh tại chỗ, chỉ có một số ít rút lui . . . . (2)

Về phía quân Pháp-Tây trong trận này bị chết 6 và 30 bị thương (kể cả De Vassoigne và Palanca).

Đến 9 giờ (cũng ngày), quân Pháp Tây vào đóng tất cả trong đồn Lũy-bằng và tạm nghỉ.

Đến 15 giờ (cũng ngày), quân Pháp-Tây tiếp tục tiến quân , chỉ để lại tại Lũy-bằng có một đại đội Thủy-quân lục chiến và một khẩu sơn pháo, còn bao nhiêu tiến theo đội hình hàng dọc, pháo binh ở giữa, hai bên là hai cánh bộ binh.

Đến 16 giờ (cũng ngày), quân ta xuất hiện ở phía bên phải, nhưng phải rút lui ngay vì hỏa lực của địch.

Đến 18 giờ (cũng ngày), quân Pháp-Tây đến tại một địa điểm chỉ định, cách xa chiến lũy Chí-Hòa khoảng 2 cây số về phía tây, đóng quân đêm tại đây, để sửa soạn tấn công vào ngày hôm sau.

Ngày 25/2/1861, vào lúc 5 giờ sáng, quân Pháp-Tây tổ chức lại lực lượng như sau và tiến vòng sang phía đông : hai cánh bộ binh vẫn tiến ở hai bên để che chở cho pháo binh. Cánh trái gồm có Công binh, Thủy-quân-lục-chiến và thám kích do Hải quân Đại-Tá LAPELIN chỉ huy, cánh phải gồm có bộ binh Tây-ban-Nha và Thủy quân đổ bộ vẫn do Hải quân Trung-Tá DESVAUX chỉ huy, pháo binh do Trung-Tá CROUZAT chỉ huy.

Vì mặt trời chưa mọc, pháo binh đã gặp rất nhiều trở ngại tác xạ . Vì vậy Trung-Tá CROUZAT đã phải cho kéo đại bác lên cách xa chiến lũy có 500 thước, rồi 200 thước. . . để bắn liên hồi vào công sự của ta.

Đề-Đốc CHARNER cho lệnh xung phong vào điểm tựa thứ nhất (ở mặt tây bắc chiến lũy). Cánh phải đã tiến lên được phòng tuyến thứ nhất của điểm tựa, mặc dầu hỏa lực mãnh liệt của quân ta từ các ổ kháng cự bắn ra, cùng là các chướng ngại vật...Lọt vào trong (phòng tuyến này - chứ chưa vào trong thành), cánh này đã phải đương đầu với một trận xáp lá cà kinh hồn với quân ta và chúng phải dùng lựu đạn để thanh toán từng ổ kháng cự một. Xong chúng phải dùng giây có móc quăng lên mặt thành để leo vào trong điểm tựa. Vào trong, chúng còn đang lúng túng chưa củng cố được đội ngũ, thì bị quân ta từ điểm tựa thứ hai (dinh trại các quan) "bắn bia" tàn sát rất nhiều. Vì bị thiệt hại nặng nên Hải quân Trung Tá DESVAUX chỉ huy cánh này phải ra lệnh cho quân sỹ liều chết xông vào phá một cái cửa lưu thông giữa hai điểm tựa bằng rìu.... Vừa phá xong cửa này thì cũng vừa lúc cánh trái của Hải quân Đại-Tá LAPELIN, được bọn trừ bị tăng cường, đã tràn ngập được điểm tựa thứ hai (dinh trại các quan). Quân ta một số lớn bị tàn sát và một số khác rút lui - Kể cả ở các điểm tựa còn lại khác cũng rút luôn...

Kết qủa về phía ta khoảng 1000 người hy sinh để xác tại chỗ (trong số có Tán lý Nguyễn Duy , em Thống-Đốc Phương) và một số lớn bị thương mang đi (trong số có Thống- Đốc Phương bị thương ở cánh tay).

Pháp có 12 chết (trong số có Trung-Tá TQLC Testard) và 225 bị thương.

Ta bị mất 150 đại bác các cỡ và 2000 súng vừa "bắn đá" vừa Saint Etienne.

Trong suốt thời gian công hãm chiến lũy Chí-hòa, theo kế hoạch, Hải-đội của Phó Đề-Đốc Page đã pháo kích và tiêu hủy nhiều đồn

---

(1) Trước đó Thiếu Tướng de Vassoigne chỉ huy cuộc tấn công còn Đề-Đốc CHARNER chỉ-huy tổng quát.

(2) Expédition de Cochin chine trang 68

lũy của ta dọc hai bên thượng lưu sông Đồng-Nai.

Thành vỡ quân ta một số rẽ về Thuận Kiều và Tân Thới bằng con đường độc đạo ở xóm Bá-Đa-Lộc, qua một khoảng sình lầy, nên quân Pháp-Tây không truy kích được.

Xét ra trận này được coi như là một trận chiến quyết liệt đầu tiên về phía ta cũng như về phía quân Pháp-Tây, do đó mà ta thấy các tướng tá lớn nhỏ đều xuất trận và cũng bị thiệt hại nặng.

Ngày 28/2/1861, vào lúc 6 giờ 30. Liên quân Pháp-Tây lại tiến đánh căn cứ tiếp vận Thuận-Kiều, cách chiến lũy Chí-Hòa khoảng 20 cây số về phía bắc. Pháo binh đi ở giữa, bên phải là bọn thám kích và bộ binh Tây-ban-Nha, bên trái là bọn TQLC, bọn Thủy quân đổ bộ được dùng làm trừ bị.

Lần này CHARNER quyết định dùng pháo binh làm nỗ lực chính. Pháo vừa bắn vừa di chuyển từ khoảng cách 800 thước, rồi 600 thước và sau cùng là 200 thước. Hỏa lực của địch quân đã đè bẹp sức kháng cự của quân ta : Sau 150 phát đạn, 800 quân sỹ phòng bị căn cứ đã rút lui để lại 20 đại bác bằng gang và 1400 tấn gạo.

Đến 17 giờ cũng ngày trên, quân Pháp-Tây tiến vào đồn Tân-thới không gặp sự kháng cự nào, quân ta bỏ đồn rút cả về Biên-Hòa.

Ngày hôm sau, một số quân sỹ hèn nhát của ta đã ra đầu hàng giặc. Tỉnh Gia-Định như vậy là hoàn toàn bị địch quân làm chủ. Chúng ra sức tung các đơn vị bộ binh và chiến hạm đi truy lùng quân ta và tuần tiễu khắp các hang cùng ngõ hẻm, sông rạch.v.v... Hải-đội của Page vẫn án ngữ Biên-hòa. Hải quân Trung-Tá Bourdais canh chừng hai con sông Vàm cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây và kinh Bảo định hạ. . . .

Đồn Tây Ninh ở biên giới Miên cũng bị quân Pháp chiếm, cho tu sửa phòng bị và trao cho Hải quân Đại-Úy GUYS trấn giữ. Ngoài ra GUYS còn có nhiệm vụ thiết lập quan hệ với Miên nữa.

Ngày 10/3/1861, quân Pháp-Tây chỉ để lại tại Thuận-Kiều 1 toán quân lưu động với 2 khẩu sơn pháo, tại Tân-thới 1 đại đội TQLC và một đại đội bọn phản quốc, tại Chí-hòa 1 đại đội TQLC (thành này bị san bằng chỉ để lại một chỗ để làm đồn) còn bao nhiêu rút về Saigon hết để chuẩn bị đi đánh nơi khác.



Quân Pháp đang dàn quân trước thành Chí-Hòa

Tại Huế, khi được tin chiến lũy Chí-hòa thất thủ, Vua Tự-Đức một mặt sai Thượng Thư bộ Hộ là Nguyễn-Bá-Nghi làm khâm sai đại thần, Tôn-Thất-Đính làm Đề-Đốc đem 4000 quân vào Biên-Hòa hội với các thứ thần Gia-Định phòng tiễu và giao đình thần nghị tội các thứ thần, tỉnh thần Gia-Định để duy trì quân luật; mặt khác sai các ông Nguyễn-Tri-Phương và Phạm-Thế-Hiển phải tập hợp tàn quân, tùy cơ mà chống giữ tại các tỉnh Vĩnh-Long, Định-Tường, An-Giang, Hà-Tiên, Biên-Hòa mới chuộc được tội. Đình Nghị chiếu luật "bất cố hủ" xử Nguyễn-Tri-Phương, Phạm-Thế-Hiển, Tôn-Thất-Cáp phải cách chức, trảm giam hậu, các thuộc quan trong quân thứ và tỉnh thần Gia-Định đều cách chức. Vua phán : "Đình nghị như thế, nhưng trước kia các người ấy đã thật lòng giúp nước, có khó nhọc nên cho giảm tội để lo báo đáp về sau". Rồi chỉ giáng Nguyễn-Tri-Phương xuống Tham-tri, Phạm-Thế-Hiển xuống Lang-Trung, Tôn-Thất-Cáp xuống Viên ngoại giảm nhẹ tội cho các quan chức khác...



2.— Quân Pháp – Tây đánh chiếm Định-Tường.

Quân Pháp-Tây đánh xong Chí-hòa, thấy cần phải đánh lấy Biên-hòa và Định-Tường, là hai tỉnh gần nhất, để mở rộng địa bàn hoạt động về phía Nam, vì quân ta vẫn xuất phát ở hai tỉnh này đánh phá lẻ tẻ và bố trí ở nhiều điểm khác trên các giồng sông. Charner thấy Biên-hòa tuy vậy cũng được phòng thủ ráo riết hơn Định-Tường và mặt khác Định-Tường là cửa ngõ của vùng châu thổ sông Cửu-Long, nên quyết-định đánh Định-Tường trước.

Tuy nhiên quân Pháp-Tây chưa hiểu rõ địa hình địa vật ở vùng hành quân cho nên họ vừa hành quân vừa thăm dò tình hình.

Ngày 26/3/1861, Charner ra lệnh cho Hải quân Trung-Tá Bourdais dẫn 2 pháo hạm "ALARME" và "MITRAILLE" xuống Tân An để đi dò đường. Bọn này thất bại trong việc dùng kinh thương mại để đến mục tiêu, rồi chúng dùng kinh Bảo-định-hạ (Arroyo de la Poste) để đi tới...

Ngày 31/3/1861, chúng đến khoảng ấp Hòa Ngãi phá hai cản ở đây, nhưng phải sang ngày 1/4/1861 chúng mới phá xong và chạy đến cản thứ 3, gần đồn Tân hương (đồn số 1). Rồi pháo kích vào đồn này và đồn ấp Tịnh-Bình (đồn số 2).

Tổng Đốc Nguyễn Công-Nhàn thấy vậy, liền một mặt tư qua Vĩnh-Long xin đem binh thuyền đến giúp, mặt khác đã "ngây ngô" viết thư gởi cho Bourdais, dùng làm kế hoãn binh (?), với nội dung đại ý như sau . "thuyền Tây trước kia sinh việc ở Gia-Định, nhưng tỉnh ấy với tỉnh Định-Tường không can thiệp gì, nay vô cớ đến đây không biết để thông hiếu hay để đánh nhau". Rồi Nhàn cho tăng cường đồn Tân Hương ...

Ngày 2/4/1861, Bourdais cho phá cản thứ 3 và 4 rồi tiến chiếm đồn Tân Hương (đồn số 1) và đồn ấp Tịnh-Bình (đồn số 2), quân ta tan vỡ bỏ chạy về đồn Cái-lộc (đồn số 3). Nhưng bắt đầu từ quãng kinh này, quân Pháp bị cầm chân và chật vật vì những chướng ngại vật và cản của quân ta, nên bị bệnh kiết lỵ và dịch tả đe dọa.

Ngày 3/4/1861, đồn Cái-lộc (đồn số 3) bị đánh tan. Tổng Đốc Vĩnh Long là Trương-Văn-Uyển phái Án-Sát Nguyễn Duy Quang và Lãnh binh Tôn-Thất-Thoan đem 1000 quân đến tăng viện cho mặt trận này. Tổng Đốc Định-Tường là Nguyễn-Công-Nhàn bèn giao quyền chỉ huy mặt trận cho Nguyễn-Hữu-Thành, để về tỉnh lo chống giữ.

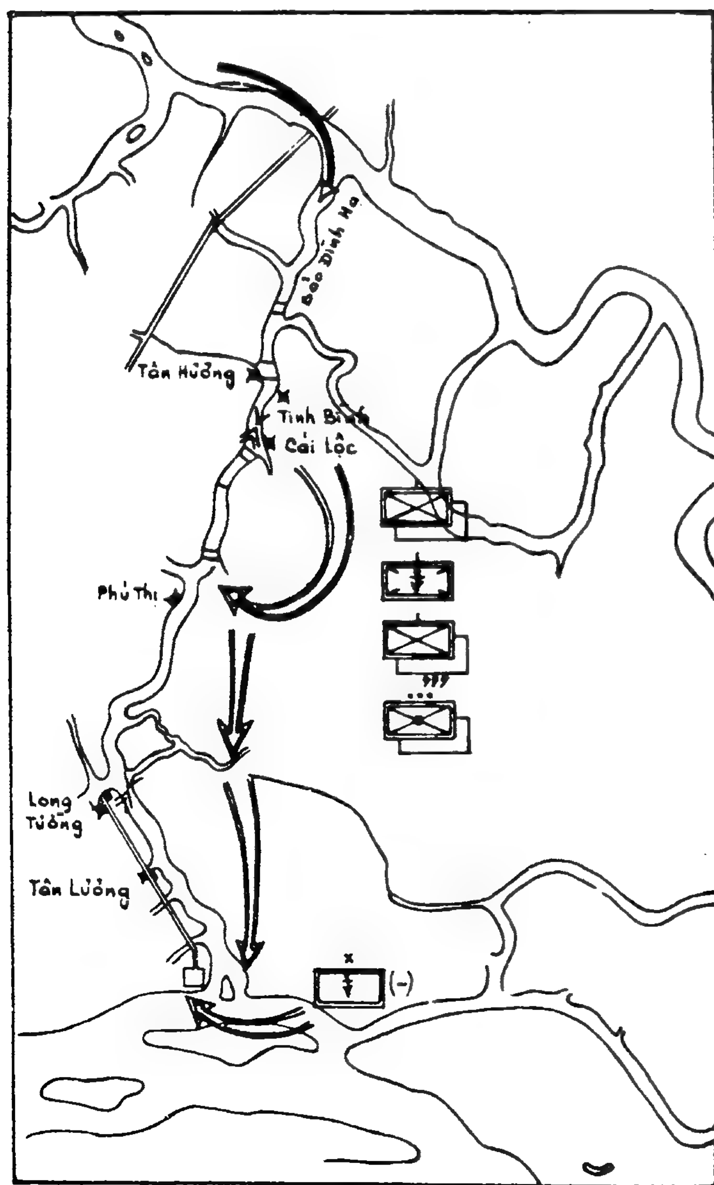
Ngày 4 - 4 - 1861, thấy quân sỹ của Bourdais có phần ít và mệt mỏi, nên Đề-Đốc Charner đã tăng cường cho Bourdais chiếc thông báo hạm "ÉCHO" với 200 thám kích, 100 thủy quân đổ bộ, 2 đại đội thủy quân lục chiến, hai đại bác 86 ly 5, 2 khẩu sơn pháo. Vì quân sỹ tham chiến trở nên quan trọng., nên cũng kể từ ngày 4/4/ quyền chỉ huy được trao cho Hải-quân Đại-Tá LE COURIAULT DU QUILIO.

Ngày 5/4/1861, Hải quân Trung-Tá Bourdais còn phá thêm được 3 cản thứ 5 và 6 ở khoảng ấp Tịnh-Phú và cản thứ 7 ở khoảng ấp Tịnh-Mỹ.

Vì cho rằng với số quân tăng cường ngày 4/4 vẫn chưa đủ, nên ngày 6/4/1861 Charner

lại gởi thêm một toán viện quân nữa, dưới quyền chỉ huy của Hải quân Trung-Tá DESVAUX tới. Bây giờ nhiệm vụ của bộ binh là bảo vệ và mở đường (hai bên bờ kinh) cho các pháo hạm v.v. tiến.

Cũng ngày 6/4/1861, quân sỹ (gồm có thám kích, TQLC; thủy quân, bộ binh Tây-ban-Nha) đổ bộ lên ấp Tịnh-Mỹ (chỗ có cản thứ 7) ở phía trái con kinh, đã đụng độ với quân ta, đã dàn quân dài trên một cây số ở khoảng ấp Phú-Khương, nhưng quân ta đã bỏ chạy, sau những loạt súng đầu tiên. Quân Pháp-Tây vào chiếm một đồn bỏ trống ở trong ấp (Phú-Khương). Trong khi đó, mặc dầu quân sỹ trên các pháo hạm đã phá được các cản thứ 8 và 9 ở khoảng giữa 2 ấp Hòa-bình và Mỹ-thương, nhưng chúng cũng vẫn không tiến lên được, vì



Sơ-đồ quân Pháp - Tây đánh chiếm Định - Tường

trước khi rút lui quân ta đã nhận chìm rất nhiều xuồng ở lòng kinh. Do việc quân sỹ trên các pháo hạm làm việc qúa sức, mà bệnh kiết lỵ và dịch tả lại gia tăng, nên chúng phải hì hục làm việc suốt ngày 7/4/1861 mới khai thông được thủy đạo. Và ngày 8/4/1861, hai cánh thủy bộ mới lại gặp nhau ở khoảng chợ Phú-Khương và thanh toán luôn đồn Phú-thị (đồn số 4).

Về phía ta lúc nầy, thành lại được giao cho Nguyễn Hữu Thành và Đặng Đức chỉ huy chống giữ, còn Tổng-Đốc Định-Tường Nguyễn Công Nhàn lo chống đánh ở bên ngoài.

Ngày 9/4/1861; quân Pháp-Tây lại tách ra làm hai cánh thủy bộ : Cánh bộ tuần thám ở phía trái bờ kinh, khoảng ấp Phú-Thịnh bây giờ, để tìm một đồn của ta...Trong khi cánh bộ ở cách xa con kinh thì vào buổi chiều Nguyễn-Công-Nhàn cho 4 chiếc thuyền chất đầy thuốc súng, định thả tới chỗ tầu của địch đậu, thì phóng hỏa, đồng thời cho quân mai phục ở hai bên bờ kinh bắn xuống. Nhưng thuyền của ta chưa tới nơi đã gặp tầu tuần của địch. Ta phóng hỏa, tầu tuần của địch liền kéo 4 chiếc thuyền của ta vào rạch cho cháy hết. Thế là mưu hỏa công của ta thất bại. Tối hôm đó cánh bộ nghỉ đêm ở ấp Lương-Quới (cách Bến-tranh khoảng 2 cây số về phía đông nam).

Ngày 10/4/1861 cánh bộ vẫn ở ấp Lương-Quới, nhưng chúng gởi một toán tiền thám đến trước tỉnh lỵ Mỹ-Tho. Sau khi "trao đổi" với quân ta vài loạt đạn, toán này trở lại ngay ấp Lường-Quới. Hải-quân Trung-Tá Bourdais nhận được lệnh của Quilio tấn công thành Mỹ-Tho. Lúc này cánh bộ lại sát nhập với cánh thủy, các pháo hạm và thông báo hạm kéo theo các xà lúp chở bộ binh, Hải-quân Trung-Tá Bourdais đi trên pháo hạm số 18 dẫn đầu đoàn tầu. Khi đoàn tầu di chuyển đến một khúc quanh thì bất thần bị đại bác của ta đặt trong đồn Long-Tường (đồn số 5), cách xa khoảng 400 thước bắn ra, Hải quân Trung-Tá Bourdais đã lãnh một trong các viên đạn đại bác đầu tiên của ta và chết liền tại chỗ. Hải quân Trung-Tá DESVAUX lên thay thế chỉ huy các pháo hạm, ra lệnh pháo kích nặng nề vào đồn. Quân ta phải rút lui.

Ngày 11/4/1861, quân Pháp-Tây đổ bộ ở Tân-Lương (đồn số 6 - ở phía phải con kinh),

rồi cho một toán tiền thám đến cách thành chỉ có 200 thước để xem xét tình hình. Trong đêm (ngày vừa nói) CHARNER gởi thêm viện quân cho QUILIO nâng tổng số quân sỹ lên đến 900 người và 12 đại bác, 6 súng cối.

Về phía ta thì sau khi thấy thất bại trong vụ "đốt tầu Tây", Tổng Đốc-Nguyễn-Công-Nhàn và Án-sát Huỳnh-Mẫn-Đạt đã bỏ trốn, Nguyễn-Hữu-Thành lo "đóng cửa thành" để giữ.

Ngày 12/4/1861, quân Pháp-Tây đã bố trí xong và sửa soạn xung phong vào thành đã thấy cờ Pháp bay phất phới trên mặt thành; thì ra ngày 8/4/1861, Đề Đốc CHARNER thấy liên quân Pháp-Tây gặp khó khăn trong việc di chuyển, vì quân ta đã nhận chìm nhiều xuồng ở lòng kinh ở khoảng chợ Phú-Khương, nên ra lệnh Phó Đề-Đốc Page, đem một Hải-đội gồm các pháo hạm "FUSEE", "LILY" "SHAM-ROCK" và "DRAGONNE", ngược dòng sông Cửu-Long, để đánh chiếm thành Định-Tường. Sáng ngày vừa nói, Hải đội của Page đến bỏ neo cách thành khoảng 200 thước, Nguyễn-Hữu Thành và quân sỹ đốt thành và mở cửa chạy. Đến 14 giờ, thì quân sỹ trên Hải-đội Page vào chiếm thành không tốn một viên đạn.

Ngày 14/4/1861 bộ binh Pháp-Tây mới vào đóng trong thành. Quân Pháp-Tây không vào ngay trong thành vì các kho tàng đang cháy và phải chờ cho ngọn lửa tan mới vào bên trong.

Lấy xong thành Định-Tường, quân Pháp chỉ để lại đây có 400 người, các đại bác của Hải-quân, còn bao nhiêu rút về Saigon cả.

Sau đó, Đề Đốc Charner lại cho 1 tiểu đoàn xuống tăng cường cho Định-Tường để thiết lập các đồn Cái-Bè, Chợ-Gạo và Gò-Công, kiểm soát cả một vùng rộng lớn ở giữa sông Cửu-Long và sông Saigon. Rồi Charner cho tổ chức guồng máy cai trị, bằng cách duy trì các tổ chức xã thôn hiện hữu, nhưng thay thế các quan lại của triều đình Huế bằng sỹ quan (giám đốc bản xứ sự vụ) và mở mang đường xá, tổ chức hệ thống bưu trạm, mở trường học v.v. . . Đồng thời ngày 23/4/1861 Charner ký nghị định cấm chở gạo ra Bắc, đe dọa Trung Kỳ sẽ đói...

Về phía triều đình Huế, khi được tin quân Pháp đánh Tân-Hương, vua Tự-Đức xuống dụ bầy chỉ cơ nghi và sai các quan quân thứ đến cứu viện, nhưng dụ còn đang ở dọc đường thì thành Định-Tường đã mất.

Tổng-Đốc Nguyễn-Công-Nhàn và Nguyễn-Hữu-Thành dâng sớ xin chịu tội, đổ lỗi cho nhau, nhà Vua chuẩn cách chức cưu nghị, nhưng sai lén về nguyên lỵ chiêu tập quân sỹ để lo báo phục.



3. — Thái độ co rụt của triều đình Huế

Sau khi Định-Tường thất thủ, Vua Tự-Đức phán : "Từ khi Gia-Định, Định-Tường kế nhau thất thủ, việc phòng tiễu ở Nam-Kỳ thành khẩn cấp, Triều-đình rất chú-trọng đến. Đã khiến ăn quan ở triều tâu bày ý kiến, nhưng chỉ thấy những lời phản động còn mưu sách dùng được rất ít, tựu trung có Biên-lý Đỗ-Thúc-Tịnh, Phủ Thừa Nguyễn-Túc-Trưng đều xin vào Nam giúp sức, tấm lòng khảng khái đáng khen, ta chước lượng y cho để khuyên sĩ khí và ủy lòng người, Nay cho Tịnh, Trưng sung chức Khâm phái quân vụ, lại chuẩn Ngự Sử Văn-Đức-Khuê, Tri Phủ Lê Diễn, Bang biện Nguyễn-Quốc-Chấn, Sĩ nhơn Lê Nguyễn đều theo Nguyễn Túc Trưng đi trước và cho phép mộ từ tỉnh Thừa-Thiên trở vào những lại dịch, sĩ thứ dũng cảm đánh giặc được, lập thành đội ngũ, đem vào Biên-Hòa, chuẩn Đỗ-Thúc-Tịnh đem dụ vào tỉnh Vĩnh-Long, Định-Tường, An-Giang, Hà-Tiên tuyên thị cho sĩ dân, chiêu mộ kẻ nghĩa dũng rồi hiệp với Trương Văn Uyển, Phan Khắc-Thận, thương biện việc quân; Nguyễn-Túc-Trưng mộ được nhiều quân sĩ, nếu đem dùng trước, thì hiệp đồng với Đỗ-Thúc-Tịnh, theo Uyển, Thận lo việc chống giữ, nếu chưa tiến được thì đóng ở Biên-Hòa để đợi sai khiến. Nay trong quân thứ Biên-Hòa có hai đạo quân cũng đủ phòng giữ, vậy đến viện tỉnh Vĩnh-Long là việc gấp hơn. Còn như bạc tiền, lương hướng, khí giới thì không phải mang theo cho phiền, đến đâu cần dùng do quân địa phương hoặc khuyến quyên, hoặc tạm mượn, phải liệu biện cho đủ không được chậm trễ, rồi sau tâu lên, sẽ trả lại. Các quan quân vụ tùy tiện điều độ binh lương, quyên chi tiền lúa, cai quản binh lính tướng sĩ có công cứ đặc cách tưởng thưởng, rụt rè

thì chém đầu để làm gương. Các người nên thể lòng ta, đồng tâm hiệp lực, trổ hết tài năng, đuổi được quân địch, thu phục đất đai, đỉnh chung báo đáp đã sẵn ở đó các người nên gắng v.v... ".

Về phía Nguyễn-Bá-Nghi, khi ông vừa tới Biên-Hòa thì cũng vừa đúng lúc Định-Tường đổi chủ. Thấy cái thế không chống nổi quân Pháp-Tây, liền một mặt dâng sớ về xin giảng hòa, mặt khác sai ông Phủ Khả mang thư nghị hòa đến CHARNER.

Rồi đích thân Nghi xuống Hộ tống hạm hạng nhẹ "PRIMAUGUET" để hội kiến với Đề-Đốc CHARNER. CHARNER đưa ra một bản dự thảo gồm 12 khoản làm điều kiện nghị hòa dưới đây :

1. Đạo Thiên-Chúa được truyền bá tự-do.
2. Thành Gia-Định nhượng đứt cho Pháp.
3. Nhượng Định-Tường và các vùng kế cận.
4. Nhượng Thủ-Dầu-Một trong tỉnh Biên-Hòa.
5. Pháp được tự do đi lại trên các kinh rạch hướng Tây.
6. Pháp được tự do lưu thông trên khắp nước Việt-Nam miễn có sự phục tùng luật lệ bản quốc.
7. Việt-Nam trả các người bị cáo phạm pháp quốc tịch Pháp cho tòa Lãnh sự Pháp ở gần đó.
8. Hai bên cùng báo tin cho triều-đình Việt Nam và Pháp biết để bàn luận các việc.
9. Lập chức Lãnh-sự để giúp việc thương mại của người Pháp được dễ dàng ở các cửa bể Việt-Nam.
10. Phóng thích các phạm nhân chiến tranh.
11. Bồi thường chiến tranh cho Pháp 4 triệu nguyên bạc.
12. Tây ban Nha được quyền dự bản Hòa Ước.

Thấy bản Hòa Ước qúa nặng nề, nhất là các khoản 1, 2, 3 và 11 mất đất là điều tai hại nhất, lại phải bồi thường 4.000.000 nguyên bạc, trong lúc dân chúng đang lầm than, kho tàng khánh kiệt, nên sau ba bốn lần, hai bên đại khái cũng thỏa thuận, chỉ có khoản nhượng đất là Nguyễn-Bá-Nghi chưa dám đơn phương thỏa thuận.

Trong khi đó tại Huế, Vua Tự-Đức được sớ tấu, đã dụ rằng : "hoặc có chủ ý gì khác, cho phép tâu lên". Nhân dịp này Bá Nghi tâu rằng "Tôi vốn nghe nói tầu Tây đi mau như bay, súng Tây bắn thủng được mấy thước thành đá, xa được mấy mươi dặm, tôi chưa tin. Đến năm Thiệu-Trị, tầu Tây đến Đà-Nẵng, bắn phá 5 chiến thuyền đồng của ta chỉ trong mấy tiếng đồng hồ, bấy giờ tôi quyền chức Bố Chánh Quảng-Nam, chính mắt trông thấy mới tin là thiệt. Ba bốn năm lại đây, binh ta không phải là không dũng, súng ta không phải là không mạnh, đồn lũy của ta không phải không dày, thế mà phải thua họ, cũng chỉ vì tầu súng của họ hơn ta xa vậy. Các quan quân thứ không biết người, biết mình cứ cương mà đánh nên ngày nay mới đến thế. Tôi đến Biên-Hòa, xét hỏi han, tuy nói rằng để hoãn binh, kỳ thật ý tôi cho là đánh giữ đều không thể được, phải hòa chứ không thì không xong cuộc. Trước tôi đã tâu các lẽ : "Trừ chước hòa ra, tôi chỉ biết chịu tội mà thôi". "Tình thế như vậy tuy nhiều binh cũng không dùng được", "hòa thì tuy có khuy tổn nhưng sự thế Nam-Kỳ còn có thể trông mong về sau". Người Pháp vì bấy lâu bị ta đối đãi bạc bẽo, họ bỉ mặt với các lân quốc nên đem binh hiếp ta, buộc phải hòa, xem như họ thường sai người đến nói thì biết họ thiệt muốn hòa. Nước ta hải cương dài dặt, thế mà từ ngày có việc đến nay thủy sư binh thuyền không đem dùng được, ấy là biết binh lực của ta đã giảm hết nửa rồi, hiện ta chỉ dùng súng ống, đồn lũy để đánh giữ, mà đánh giữ đều khó, vậy nếu không hòa thì họ không thôi, rồi sẽ liền binh kết họa, tôi lấy làm lo lắm, vì vậy tôi nói: "Trừ kế hòa ra tôi chỉ biết chịu tội mà thôi". Xem lại các cuộc chinh phạt ngụy Khôi và xứ Cao Miên hồi Minh-Mệnh, Thiệu-Trị, bấy giờ thủy binh, bộ binh ứng nhau được, súng lớn và vật hạng nặng thì ở kinh chở vào đường biển rất mau mắn; tiền gạo, khí giới, thuyền ghe thì sáu tỉnh Nam-Kỳ cấp cho, giơ tay là có đủ, thế mà xuất toàn lực đánh một tên Khôi ba năm mới xong, dẹp ở Cao Miên hai năm mới yên. Ngày nay Gia-Định, Định-Tường là đất ở giữa sáu tỉnh Nam-Kỳ thì trên từ xứ Cao-Miên dưới đến bờ biển đều bị họ chiếm, ba tỉnh Vĩnh-Long, An-Giang, Hà-Tiên cách trở không thông nhau được, tỉnh Biên-Hòa giáp với đất họ, sau lưng có rừng rộng tiếp với đất Miên, ấy là chỗ xung tuyệt ; tuy rằng bốn tỉnh đều có ghe thuyền nhưng không thể đối địch với họ, vì vậy tôi nói "Có binh thuyền mà không

dũng được". Phỏng như ta hòa mà họ không trả lại đất đai thì ta chỉ mất chừng ấy thôi, mà các tỉnh Vĩnh-Long, An-Giang, Hà-Tiên, Biên-Hòa con đường bộ thông ta có thể mưu tính việc ngay sau được, nếu sợ mất hai tỉnh mà không hòa thì họ có đâu chịu nhịn ngồi yên, sáu tỉnh Nam Kỳ tôi e hưu hỹ ! Đường hải vận Miền Nam đứt mất, điều đáng lo thật khó nói ra, tôi không dám lắm lời, vì vậy tôi nói "hòa thì có khuy tổn, nhưng sự thế Nam Kỳ còn có thể trông mong về sau". Hiện tình như thế, việc đánh việc giữ đều không thể được, vì đánh giữ thì chỉ bày hình cho họ thấy, khiến họ càng lo liệu mà ta thêm tổn hại, cho nên gần đây tôi không đắp đồn lũy, không lấy thêm binh lương. Tôi chủ ý như thế, nhưng người Pháp yêu cầu nhiều quá, tôi cũng họ biện bạch đã bốn lần họ nhất định kiên chấp đất đai họ đã lấy được. v.v. . .,xin bệ hạ đoán định để cứu khổ cho dân Nam-Nghĩa trở vào, nếu không thì quan quân thứ các tỉnh không dám trái lời bộ, chỉ lo công thủ, hoặc có phái người chiêu dụ binh dân, hoặc có đắp sửa đồn lũy, người Tây trông thấy biết ta không thiệt tình, e lại ép lấy thêm đất khi ấy công không được, thủ không được, mà hòa cũng không được, tôi ngu si chẳng biết xử trí thế nào v.v. . .", Vua phán : "Sự thế khó khăn ta đã rõ cả, người có lòng lo việc, phải gắng hết sức để tỏ rằng cỏ cũng không sợ gió to".

Nguyễn-Bá-Nghi tiếp tục thương thuyết, đến tháng 6/1861 ông đem bản nghị hòa của CHARNER tâu về Huế. Vua Tự-Đức dụ rằng : "Bá Nghi từ sai ra đến nay, chỉ chủ ý nghị hòa, vì trước khinh xuất lời, nên sau thêm khó. Việc Nam Kỳ, Tôn-Thất-Cáp đã lầm lỡ lúc đầu, Nguyễn-Tri-Phương sai lạc khoảng giữa, mà cuối cùng các người cũng không được công trạng gì. Trong trời đất chỉ nghĩa vua tôi là lớn ta trông cậy các người chính là lúc này mà các người báo đáp ta cũng là lúc này, vậy phải gắng sức khéo lời, lấy lòng thành cảm động họ, lấy lẽ phải làm cho họ kiêng, sao cho họ đều thuận theo ta, rồi lại lựa chỗ núi non hiểm trở để cố thủ, chiêu tập kẻ nghĩa sỹ, khiến đều vui lòng theo ta như thế dầu có sai lầm cũng không đến nỗi đau đớn như trước. Nguyễn-Bá-Nghi là người thông đạt mẫn cán, Tôn-Thất-Đính, Lê-Quang-Tiến (Phó Đề-Đốc) đều dũng cảm phấn khích, Thân-Văn-Nhiếp (Hiệp tán) cần, trực, khảng khái, Trần-Đình-Túc (Tán tương) có tài biên sự, ta đã biết rõ, nên mong nơi các người không ít, các người đều phải hết lòng báo quốc, sớm tâu thành công để được tưởng thưởng, còn nếu không che được cái lỗi của các thứ thần trước thì đều là một bọn người vô dụng, mặt mũi nào ngó ta nữa".

Đứng trước thái độ không dứt khoát của Tự-Đức (tuy biết là cần hòa, nhưng còn muốn chiến thủ để gượng "cầu may" và để Pháp thấy khó khăn mà không yêu sách thêm nữa?), Nguyễn-Bá-Nghi cảm thấy mình ở vào cái thế tiến thoái lưỡng nan, nên (vào tháng 7/61) xin từ chức, nhưng Vua không chấp thuận. Bá-Nghi bèn cùng Tán tương Trần-Đình-Túc dâng sớ tâu : "Tình hình Biên-Hòa suy yếu. Đánh giữ đã không được mà hòa cũng không xong, xin giảm bớt quân thứ, phái người đi cầu viện nước khác"...

Vua Tự-Đức cho là Bá-Nghi chủ hòa không thành, nên tìm phương trút trách nhiệm truyền dụ quở trách.

CHARNER thấy hòa đàm lôi thôi mãi, mà trong các vùng bị chiếm luôn luôn bị khuấy phá, nên xin về Pháp nghỉ, chánh phủ Pháp sai Phó Đề-Đốc BONARD sang thay.



Phó Đề-Đốc BONARD →

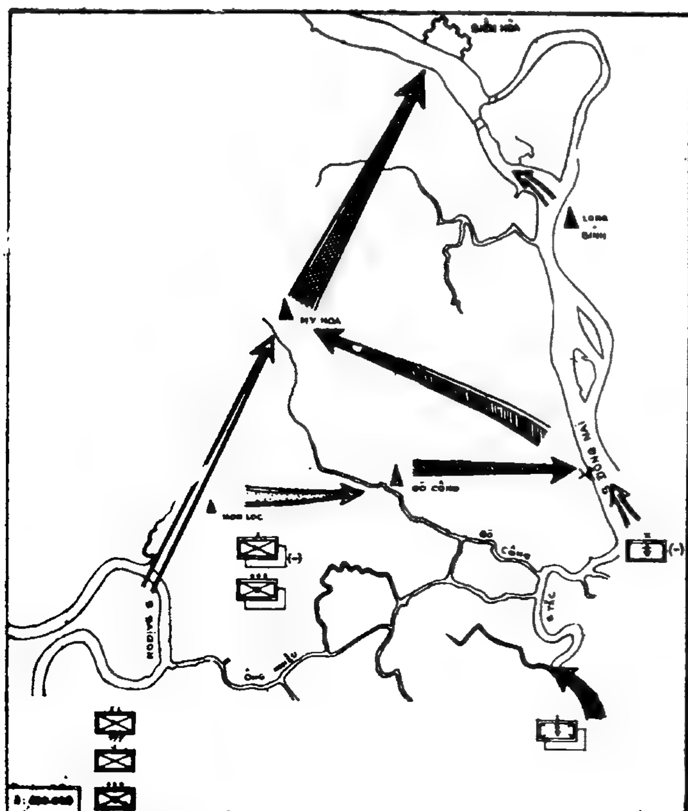
4.– Quân Pháp – Tây đánh chiếm Biên-Hòa.

Như đã nói việc điều đình không đi đến đâu cả, trong khi đó nghĩa quân tiếp tục nổi lên chống lại quân Pháp Tây ở những nơi mới bị chiếm, mà trung tâm xuất phát ở Miền Đông là Biên-Hòa và Miền Tây là ở Vĩnh-

Long. Ngày 30/11/1861 Phó Đề Đốc BONARD sang, Đề Đốc Charner về Pháp nghỉ, thấy Nghĩa quân cứ đánh phá vùng tạm chiếm mãi, việc điều đình hãy còn là chuyện xa xôi, nên quyết định đánh thẳng vào các trung tâm xuất phát của nghĩa quân, mà Biên-Hòa là mục tiêu quan trọng hơn cả.

Biên-Hòa là một thành vững chắc bậc nhì sau thành Chí-Hòa đã thất thủ. Tất cả các con đường dẫn đến Biên-Hòa trên bộ cũng như dưới thủy, đều được phòng thủ gắt gao. Cách Biên-Hòa khoảng 8 cây số về phía Tây Nam ở khoảng ngã ba Dĩ An bây giờ, quân ta thiết lập một chiến lũy nhỏ gọi là Mỹ Hòa, do khoảng 3000 quân chống giữ, và ở phía Nam, cách Biên-Hòa khoảng 11 cây số, ta thiết lập một tiền đồn gọi là Gò-Công, ở khoảng trụ sở Hội Đồng Xã Long-Thạnh Mỹ bây giờ, cùng một số ổ kháng cự. Ở dưới sông Đồng-Nai, khoảng dẫn đến Biên-Hòa, quân ta thiết lập đến 10 cái cản, vừa bằng đá vừa bằng cây rất vững chắc và ở trên bờ sông của mỗi chỗ có cản, đều có pháo đài phòng thủ với đại bác.v.v. . .

Theo ý niệm điều quân của Bonard thì Pháp sẽ dùng chiến thuật gọng kềm, đánh vừa đường thủy, vừa đường bộ, để tiến chiếm Biên-Hòa.



Quân Pháp tiến chiếm Biên-Hòa

Chúng tổ-chức lực lượng như sau :

Cánh thứ nhất gồm có : bọn thám kích, 100 khinh binh Tây-Ban-Nha, 50 kỵ binh và 4 đại bác, do Thiếu-Tá COMTE chỉ huy.

Cánh thứ 2 gồm có : 100 lính Tây-Ban-Nha, 1 tiểu đoàn thuộc Trung-đoàn 3 thủy quân Lục Chiến và 2 khẩu đại bác 86 ly 5, dưới quyền chỉ huy của Trung-Tá DOMENECH - DIEGO.

Cánh thứ ba gồm có : 2 đại đội đổ bộ và một số thuyền võ trang dưới quyền chỉ huy của Hải-Quân Đại-Tá LEBRIS.

Hải đội do Hải quân Đại-Úy HAREL chỉ huy.

Sau khi chuẩn bị kế hoạch và tổ chức lực lượng xong, ngày 13/12/1861, BONARD gởi cho Thượng thư Nguyễn-BÁ-NGHI (ông Nghi lúc bây giờ vẫn chỉ huy quân ta) một tối hậu thư trong đó có nhiều điều gắt gao. Lẽ tất nhiên ta không thể chấp thuận được. BONARD ra lệnh tiến quân...

Chiều hôm đó 13/12/1861, cánh quân của COMTE đến đóng quân tại Hớn-Lộc ở khoảng quận lỵ Thủ-Đức bây giờ, và sáng ngày 14/12/1861 cánh này hướng về tiền đồn Gò Công; cũng ngày 14/12/1861 cánh DIEGO vượt trục Saigon - Thủ-Đức đến án ngữ trước chiến lũy Mỹ-Hòa. Trong khi đó cánh LEBRIS vượt sông Đồng-Nai và ngược rạch Gò-Công tiến lên; các thuyền xuồng thì ngược rạch ông Nhiêu đến mục tiêu.

Hồi 07 giờ 30 ngày 14/12/1861, tiền đồn Gò-Công bị chiếm. Sau đó cánh LEBRIS và một phần của cánh COMTE tiến về phía bờ sông Đồng-Nai (chỗ có nhiều công sự phòng thủ và cản) để đánh vào bên sườn khu vực này; trong khi đó Hải-đội của HAREL tiến đến ngọn sông Tắc, pháo kích nặng nề các công sự phòng thủ và tiền đồn của ta, quân ta rút lui, các tiền đồn bị chiếm. Hải đội của HAREL ra sức phá cản khai thông thủy lộ.

Ngày 15/12/1861 cánh của COMTE trở lại chiến lũy Mỹ Hòa (mà từ ngày 14/12/1861 cánh của DIEGO đã án ngữ) để cùng với cánh của DIEGO tấn công chiến lũy này. Đến 8 giờ

sáng (cũng ngày 15/12/1861) thì cánh của DIEGO dàn xong đội hình tấn công và cánh của COMTE phân chia ra án ngữ các trục rút lui của ta ở hai bên. Nhưng quân ta đã rút lui hỗn độn trước khi địch xung phong và chiến lũy (Mỹ Hòa) bị chiếm.

Ngày hôm sau, 16/12/1861 hai cánh quân thủy bộ của Pháp-Tây đã gặp nhau ở trước thành Biên-Hòa và sau những loạt pháo kích nặng nề, các cánh quân đều được lệnh đồng loạt tiến chiếm thành. . . Tuần-Vũ Nguyễn-Đức-Duy và Án sát Lê-Khắc-Cẩn ra sức chống giữ, nhưng xét giữ không xong nên tiêu hủy thành và rút lui về Hố nhĩ. Quân Pháp vào trong thành thấy một số các tù nhân bị tàn sát và tịch thu 48 khẩu đại bác mà quân ta không kịp mang đi, 15 chiến thuyền và nhiều đạn dược lương thực . . .Quân ta tử trận rất nhiều.

Thừa thắng, BONARD trao cho Trung-Tá DOMENECH DIEGO chỉ huy tỉnh Biên-Hòa rồi xua quân truy kích quân ta ra tận Bà Rịa và chiếm khu vực này vào ngày 7/1/1862.

Quân ta rút hết khỏi tỉnh Biên-Hòa về Bình-Thuận. Trong khoảng thời gian đó, ngày 9/12/1861 Hải quân Đại-Úy LESPÈS đã chiếm xong Côn-Đảo.

Về phía, Triều-đình Huế, sau khi được các tin thất trận dồn dập gởi về, Tự Đức bị khủng hoảng tinh thần, xuống dụ cách lưu các quan quân thứ, quan tỉnh và cho lập công chuộc tội. . . Mặt khác, vì tự nhận thấy quân Triều bất lực không thể đương đầu với tình thế, nhà Vua đâm "quẫn" và xuống dụ : "Gia Định giao cho Đỗ-Quang, Định-Tường giao cho Đỗ-Thúc-Tịnh, Biên-Hòa giao cho Nguyễn-Đức-Hoan, Lê-Khắc-Cẩn phải đốc sức, khuyến khích các người ứng nghĩa, khiến hết sức chống đánh, hễ ai thu được một Phủ, một Huyện và giữ được thì cho lãnh chức Phủ chức Huyện ấy, ai đánh lui được quân địch, thu lại tỉnh thành thì được đời đời lập tước, kẻ binh dõng có công trạng được thưởng phẩm hàm v.v. . . phải hết lòng các xứ đều nổi dậy, khiến quân địch không rảnh rang thì không dám ở đất ta nữa "(?) Tự-Đức lại hỏi Trương-Đăng-Quế : "Trù tính thế nào để giữ được tỉnh Biên-Hòa". Quế tâu : "Xin cho Nguyễn-Tri-Phương, Nguyễn Công-Nhàn phục chức, lập công chuộc tội mới mong được việc". Vua lại hỏi thêm : "Nguyễn Bá-Nghi thế nào ?. Quế tâu : "Nguyễn-Bá-Nghi chỉ chủ hòa, hòa đã không thành, để ở đó cũng không làm gì".

Sau đó Nguyễn-Tri-Phương được phục hồi Binh bộ Thượng thư, sung Đổng-nhung quân vụ để khôi phục lại Biên-Hòa, Tôn Thất-Cáp Binh bộ Thị Lang, sung Phụ tể, Nguyễn-Công-Nhàn hàm quản cơ, sung Thương biện, các tỉnh thần, thứ thần liên can đến việc thất thủ đều giao cho Nguyễn-Tri-Phương để sai phái (1).

Nguyễn-Bá-Nghi tâu không thể giữ được tình hình, xin chịu tội, Tuần Vũ Nguyễn-Đức Hoan tâu phải bỏ đồn Hố Nhĩ, lui về đóng ở thôn Thắng Hải tỉnh Bình Thuận, quân lính tản lạc gần hết. Vua giáng Nguyễn-Bá-Nghi xuống Tham-Tri, sung Phụ tể quân vụ Bình-Thuận và cách chức Nguyễn-Đức-Hoan cho về nguyên tịch.

Thấy tình thế Nam Kỳ cực kỳ nguy hiểm, Tự-Đức lo sẽ đến lượt Miền Trung, nên sai Tổng-Đốc Nam Ngãi là Đào-Trí sung chức kinh lược đại thần đốc xuất việc phòng bị từ Quảng Nam đến Bình-Thuận.



5.– Quân Pháp – Tây đánh chiếm Vĩnh-Long lần thứ nhất.

Chiếm xong ba tỉnh Miền Đông, Pháp tràn xuống Miền Tây. Địa đầu của ba tỉnh Miền Tây tất nhiên là Vĩnh Long. Vì vậy cho nên tỉnh này được giặc "chiếu cố" trước. Các tỉnh thần ở đây đã "hiểu ta và hiểu địch" , nên trong lúc lúng túng đã làm một việc khôi hài, tương tự như Tổng Đốc NGUYỄN CÔNG NHÀN đã làm ở Định Tường, tức là gởi thơ cho quân Pháp để "phân trần" (?) và ... sắp đặt phòng thủ . Chiến hạm Pháp tiến lại gần tiền đồn Vĩnh Tùng, rồi đưa thư cho các quan chức tỉnh

(1) Nhưng vì sau đó Tự-Đức ký hòa ước 1862 (Nhâm-Tuất) trong đó có khoản nhượng 3 Tỉnh miền Đông cho Pháp nên Nguyễn-Tri-Phương lại được điều động đi nơi khác.

Vĩnh Long, nhắc rằng trong việc giảng hòa trước đây (giữa Thượng Thư NGUYỄN BÁ NGHI và Đề Đốc Charner) Pháp chỉ yêu cầu đất đai hai tỉnh Long Tường mà thôi, nhưng việc nghị hòa chưa được giải quyết, nên Pháp lui tới trên sông Cửu Long là điều tất nhiên, nghĩa là Pháp chưa bị gò bó trong một điều cam kết nào cả. Xin đừng lấy làm lạ... .

Tuy vậy ngày 20-3-1862, Phó Đề Đốc BONARD cũng đưa tới Vĩnh Long 11 chiếc vừa pháo hạm vừa thông báo hạm, chở gần 1000 quân dưới quyền chỉ huy của Trung Tá REBOUL đến... Quan ta đoán biết âm mưu địch, bèn ra sức phòng bị... Tổng Đốc TRƯƠNG VĂN UYỂN giao cho Lãnh binh TÔN THẤT THOAN giữ Vĩnh Long thành, tăng cường cho các tiền đồn một số quân... Còn một phần lực lượng thì do đích thân Tổng Đốc TRƯƠNG VĂN UYỂN chỉ huy làm lực lượng tiếp ứng cho toàn thể mặt trận.

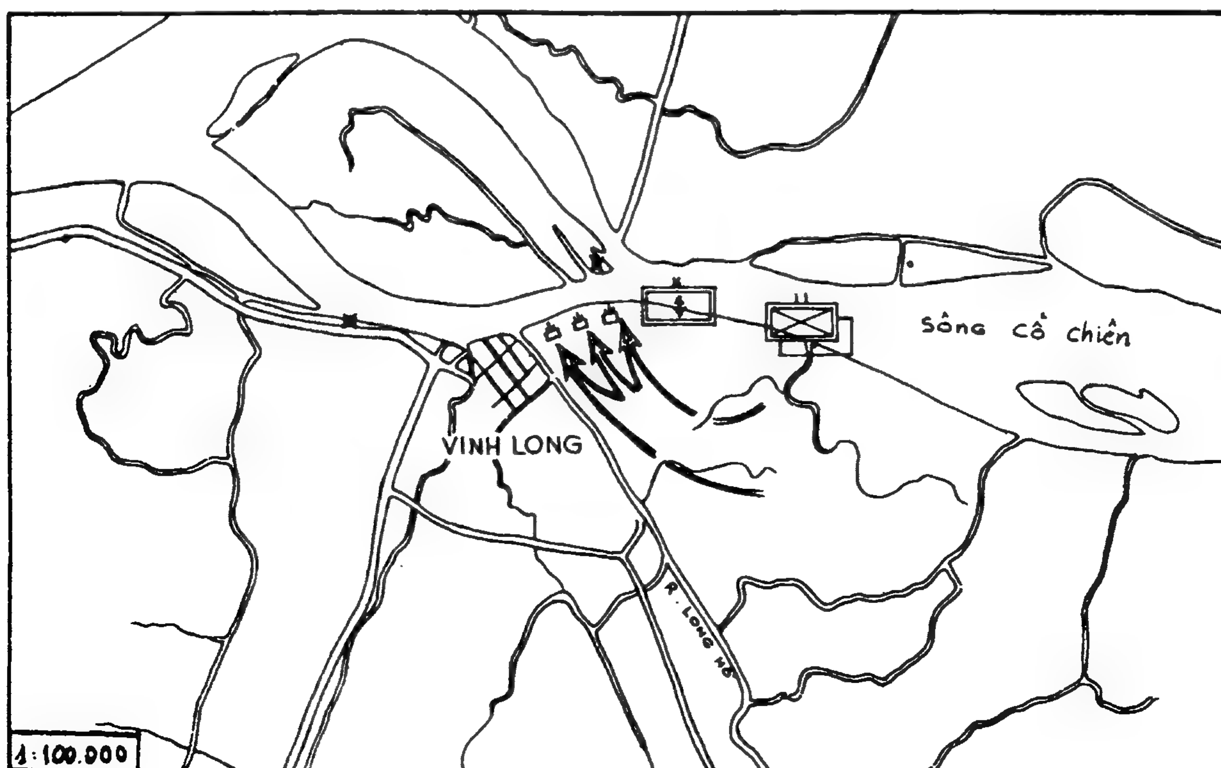
Vĩnh Long thành là một thành được xây dựng từ tháng 2/1813, trên bờ sông Cổ Chiên. Cửa hậu hướng ra sông Cổ Chiên, cửa tiền ở về phía Cầu Lầu, cửa tả về phía rạch Long-Hồ, cửa hữu ở về phía mà ngày nay gọi là "cây đa cửa hữu". Nó được hai tiền đồn là Vĩnh-Tùng ở về phía đông Bãi - Tiên và Vĩnh - Mỹ - Thạnh, ngay chỗ gọi là Vàm-Tuấn (ngày nay đã bị phù sa lấp), bảo vệ. Riêng đồn Vĩnh-Mỹ-Thạnh có một hệ thống giao thông hào và hầm hố dính liền với thành chính gọi là "đường yểm" có đặt nhiều vị trí đại-bác...

Theo ý niệm điều quân của địch thì chúng sẽ dùng hỏa lực dưới các pháo hạm, pháo kích tiêu diệt hai tiền đồn... của ta, cho đổ bộ lên bờ kinh phía Đông Nam cách thành vài cây số, rồi dùng hỏa lực bắn phá thành trước khi cho xung phong...

Ngày 21.3.1862, quân Pháp Tây bắt đầu tấn công : Các pháo hạm ra sức bắn phá các tiền đồn và chống trả pháo binh của ta ; mặt khác chúng cho đổ bộ lên phía Đông Nam thành, như đã định...

Ngày 22.3.1862, cánh quân đổ bộ của Trung Tá REBOUL tiến quân tới chiếm các vị trí đại bác của ta (mà ngày hôm trước đã gây điêu đứng cho các pháo hạm địch). Hai bên đánh nhau rất kịch liệt. Nhưng vì hỏa lực của địch qúa hùng hậu, nên sau 7 giờ kịch chiến, quân ta rút lui vào thành chính; Đến tối, quân Pháp chiếm hết các tiền đồn và vị trí đại bác của ta, rồi chúng cho dàn quân và tiếp tục pháo kích vào thành chính... Thấy không thể giữ được thành, Tổng Đốc TRƯƠNG VĂN UYỂN cho lệnh đốt doanh trại kho tàng và rút lui...

Sáng ngày 23.3.1862, quân Pháp Tây vào thành tịch thâu của ta vô số quân trang quân dụng và võ khí, trong đó có 68 khẩu đại bác.



Quân Pháp-Tây tiến chiếm Vĩnh-Long

Quân ta rút lui sang Mỹ Qúy (cách tỉnh ly Mỹ-Tho 20 cây số về phía Tây), thiết lập một cứ điểm, cùng với quân của Định Tường tiếp tục kháng chiến...

BONARD ra lệnh cho Hải Quân Đại Tá DESVAUX và Đại Tá Tây Ban Nha PALANCA-GUTTIEREZ truy kích.

Địch quân áp dụng chiến thuật gọng kềm đánh vào Mỹ Qúi. PALANCA chỉ huy 200 lính Tây Ban Nha, 1 Đại đội lính Algérie và một Trung đội pháo binh, xuất phát từ tỉnh ly Mỹ Tho tới; Hải Quân Đại Tá DESVAUX chỉ huy 2 Đại đội lính Algérie và một toán quân ở Vĩnh Long tới Cai lậy; Hải Quân Đại Úy VERGNES với một toán thủy quân đổ bộ tuần tiễu canh chừng hai con kinh Thương mại và Bảo-định-hạ... Sau những loạt pháo kích mạnh mẽ, quân địch tiến chiếm Mỹ Qúi, quân ta rút về phía hai con kinh nói trên, bị địch quân chận đánh chết hại rất nhiều và mất một số lớn vũ khí.-

*

6.– Hòa ước Nhâm-Tuất (1862).

Phó Đề Đốc BONARD, thấy nghĩa quân của ta cứ nổi lên đánh phá tứ tung và vấn đề ngày càng trở nên phức tạp, nan giải, nên đã đề ra một đường lối rất thâm độc : "đổi đường lối không đổi mục đích" (mục đích cướp nước Việt Nam) ; một mặt áp dụng chính sách cai trị gián tiếp , dùng người Việt cai trị người Việt và quan Tây chỉ giữ nhiệm vụ thanh tra mà thôi; mặt khác, tạm thời hòa hoãn với triều đình Huế, để bình định những vùng đã chi ; Ngày 05 - 5 - 1862, cử Hải Quân Trung Tá SIMON, mang chiếc thông báo hạm "FORBIN" vào bỏ neo ở sông Hương, với sứ mạng "đề nghị, hoặc tiếp nhận đề nghị giảng hòa của Triều đình Huế."

Triều đình Huế đang lâm vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng : bên ngoài thì bị ngoại xâm, bên trong thì nhiều vụ nổi loạn và chống đối xảy ra, nhất là ở Bắc Kỳ (vụ TẠ VĂN PHỤNG... xin xem thêm mục "Tình Hình Nước Ta" ở trên), như người đang luýnh quýnh dưới nước sắp bị chết đuối, lại thấy có người đưa ra cái sào, nên vội vã nắm lấy... Việc nghị hòa tiến hành nhanh chóng...

Đại diện của Triều đình Huế liền đến gặp SIMON; SIMON đưa thư nghị hòa với điều kiện :

1- Nhà Vua sai một vị quan có toàn quyền vào bàn định.
2- Yêu cầu bồi thường quân phí.
3- Xin đưa trước 10 vạn để làm tin.

Vấn đề được mang ra bàn cãi sôi nổi, nhưng rồi triều đình cũng đồng ý đóng tiền và cử PHAN THANH GIẢN và LÂM DUY HIỆP làm Chánh phó sứ toàn quyền...; Vua y cho và sai đình thần bàn bạc đại ý của hòa ước, rồi dâng Vua duyệt xét, để giao cho hai ông phó hội...

Đình thần tâu rằng : "Việc nghị hòa nói đã ba bốn năm nay mà chưa thành cuộc. Nay người Pháp lại đến xin hòa, tuy không nói rõ điều mục, nhưng đại yếu tưởng cũng không ra ngoài 14 khoản năm trước". Những khoản "Xin cho tàu Pháp được thông hành từ Gia Định về Nam, về Tây" ; "Trên các sông đều giải chiến cuộc" ; "trên các sông thuộc Biên Hòa - Saigon không được đắp lũy phòng bị", không quan ngại



PHAN - THANH - GIAN

lắm, xin y cho. Về khoản "đạo Gia tô được công hành, kẻ đã theo học đạo tùy tiện giảng tập, kẻ muốn theo cũng để nó tùy ý, không được tìm cách cản trở", chúng tôi nghĩ rằng những kẻ đã theo đạo được riêng nó giảng tập, kẻ thôi đạo và không ưng theo thì mặc kệ, không được ép buộc gì. Về khoản "có người Tây phạm tội xin giao cho quan Tây nghị xử" cũng hợp lý, nhưng phải nói rõ thêm rằng người nước ta ở đất họ có trái phép cũng giao quan ta xử trị mới là công bằng. Về khoản "người Tây được công nhiên qua lại trong toàn quốc", thì nghĩ rằng họ đã có chỗ ở, chỗ buôn bán, nếu có cần thương nghị việc gì thì đã có quan địa phương lo liệu, họ đi đến chỗ khác cũng chẳng làm gì, vậy không thể nhất thiết cho được. Về khoản "tàu Tây được đến buôn bán ở cửa biển nào tiện lợi, quan Tây cũng được đến ở", thì nghĩ rằng họ đã có chỗ ở buôn bán, họ cứ tùy tiện lui tới. còn các cửa khác xin đều đình chỉ. Về khoản "bồi thường cho thân quyến của mấy người Tây bị giết", thì nghĩ rằng số ấy không đáng bao nhiêu, họ cũng chưa nói rõ là mấy xin hỏi lại, rồi sẽ chước biện. Về khoản "xin về sau đừng đòi nước Cao Miên triều cống nữa", thì nghĩ rằng Cao Miên là thuộc quốc của ta, vậy không cần bàn bạc. Sáu khoản vừa kể, như họ có đề cập, xin theo như thế mà trả lời, nếu họ cố chấp yêu sách thế nào, thì cũng có thể tùy nghi châm chước. Còn trước kia họ xin giao các tỉnh thành Gia Định, Định Tường và đất đai phụ thuộc; đóng binh ở Thủ Dầu Một; mỗi nước được phái quan Đại thần đến ở Kinh đô nước kia; đền họ một số bạc bốn trăm vạn đồng; cho người I-Pha-Nho (Tây Ban Nha) một chỗ ở tại Đồ Sơn, tỉnh Hải Dương và lập sở Tuần ty ở Huyện Nghiêu Phong, Tỉnh Quảng Yên, thu thuế 10 năm sẽ trả lại. Năm khoản ấy người Tây yêu cầu đã nhiều lần, nay lại đòi thêm Tỉnh Vĩnh Long là để cho toại các điều xin trước, chúng tôi nghĩ thành cũ tỉnh Gia Định họ đã lập đồn, các đất đai bên sông huyện Tân An, huyện Cửu An tỉnh ấy, xứ Thủ Dầu Một thuộc tỉnh Biên Hòa, đất ngoại phụ tỉnh thành Định Tường nên cho họ ở và quản trị, còn các đất khác và toàn hạt tỉnh Vĩnh Long phải giao lại cho ta. Việc xin "để quan đại thần ở Kinh", thì kinh đô ta không phải buôn bán, các xứ họ lập phố xá đều có người trị sự cũng đủ coi sóc, không cần phải quan lớn đến nữa, nếu họ có xin thì trả lời là đất gần Kinh, lại là nơi tàu bè họ thường qua lại, cho họ đặt một viên quan ở đó cũng được. Về khoản "bạc quân phí", xin chước lượng giao họ từ 100 vạn đến 200 vạn đồng mà thôi. Về khoản "người I-Pha-Nho (Tây Ban Nha) xin ở Đồ Sơn, lập sở Tuần ty", chúng tôi nghĩ rằng người ấy cùng người Pháp đến Gia Định đã mấy năm nay, người Pháp lại hết sức nói giúp, vậy xin chước lượng y cho v.v... Lại như họ không chịu giao Gia Định, Định Tường lại cho ta thì xin chuộc định giá phỏng 1 hay 200 vạn đồng, lần lần trả xong, còn nếu họ đòi toàn giao ba tỉnh thì nhất định không thể theo lời được. Khi thương thuyết, xin hãy đo lường tình lý, tùy nghi biện bác, sao cho họ bình tâm nghĩ lại, giảm được phần nào thì tốt phần ấy, nếu không được thì mới từ ít đến nhiều... Nếu họ nghe theo thì thôi, bằng không nên kiếm cớ đình cuộc thương thuyết để bảo vệ trù biện cho hợp sự thế".

Bản "hướng dẫn nghị hòa" này được đệ lên, TỰ ĐỨC phê rằng : "khoản đạo Gia Tô công hành quyết không cho được, nếu bất đắc dĩ thì đến Giáo Sỹ phải trình, ở các chỗ như Nam Kỳ thì cho ở Gia Định, Bắc Kỳ thì cho ở Nam Định, hoặc ở Hải Dương." Hai khoản nói "Người Tây được qua lại trong toàn quốc", "đặt quan ở kinh", cũng quyết không cho được ; ở các hạt Gia Định, Định Tường, Biên Hòa, chỉ cho họ ở một đôi chỗ để buôn bán, nếu không thuận thì chỉ chuộc lại mà thôi; khoản người I-Pha Nho (Tây Ban Nha) xin ở và đánh thuế nên bác".

Trước khi PHAN THANH GIẢN và LÂM DUY HIỆP đi, Vua tự tay rót ngự tửu ban cho hai Ông và ân cần dặn dò đừng để thiệt thòi cho quốc gia... không nên khinh suất nhường đất đai, không nên chịu để đạo Gia tô công nhiên lưu hành...

Hải Quân Trung Tá SIMON, sau khi đưa thư, rồi trở về Nam báo cáo công tác cho BONARD, lại đem chiếc "FORBIN" trở ra rước Sứ đoàn ta. Hai Ông PHAN THANH GIẢN và LÂM DUY HIỆP đáp chiếc thuyền biển "ĐOAN LOAN" của ta, để cùng với SIMON vào đến Saigon ngày 26.5.1862, và bắt tay ngay vào việc thương nghị...

Cuộc thương nghị diễn ra trên chiến hạm DUPERRÉ, đậu ở bến Saigon giữa BONARD, PHAN THANH GIẢN, LÂM DUY HIỆP và Hải Quân Đại Úy AUBARET làm thông ngôn ra tiếng Việt Nam .

BONARD đưa ra những điều kiện gay gắt :
- Đại Nam phải nhượng cho Pháp 6 Tỉnh Nam Kỳ.
- Đại Nam phải chịu 6.000.000 đồng về bồi khoản chiến tranh.
- Đại Nam phải để việc truyền bá đạo Thiên Chúa được tự do v.v...

Sau mấy ngày bàn cãi gay go, đại diện của Triều đình Huế và của Pháp (nói cho đúng hơn là đại diện của bọn cướp nước), đã ký kết một thỏa ước gồm 12 khoản dưới đây vào ngày 5.6.1862 :

1- Từ nay về sau, các nước Pháp Lan Tây, I-Pha-Nho và nước Đại Nam vĩnh viễn giao hiếu với nhau như bạn hữu.

2- Người Pháp, người I-Pha-Nho được giảng đạo Gia Tô ở nước Đại Nam, ai muốn theo phải để cho theo. không muốn theo cũng không được ép.

3- Giao 3 Tỉnh Biên Hòa, Định Tường Gia Định và đảo Côn Lôn cho nước Pháp quản hạt. Người buôn bán Pháp có đem thuyền bè đi đường biển, sông, để đến Cao Mên làm ăn thì phải để cho tùy tiện. Tàu binh Pháp đi đường biển, sông, qua lại xem xét cũng được tự do.

4- Sau khi Pháp Nam đã nghị hòa, nếu có nước nào muốn sinh sự với nước Nam, thì nước Nam phải cho nước Pháp biết, để tùy nghi giúp đỡ, còn nếu có cắt đất giảng hòa thì phải có nước Pháp thuận mới được.

5- Người buôn bán Pháp, I được ra vào buôn bán tự do ở các cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên, nạp thuế như lệ định; người nước Nam muốn qua buôn bán ở hai nước ấy cũng được đối đãi như thế. Nếu có người khác đến buôn bán. người Nam không được riêng che chở, đối đãi hơn cách đối đãi với người Pháp người I; nếu người nước ấy có được hưởng điều lợi ích gì về thương mại thì người Pháp, người I cũng được như thế.

6- Nếu công việc khẩn yếu thì hội bàn để giải quyết. Khi ấy mỗi nước phải một quan Khâm sai đại thần, hoặc hội ở Kinh đô nước Nam, hoặc hội ở kinh đô nước Pháp, nước I.

Tàu Pháp và I đến nước Nam thì đậu ở Đà Nẵng, quan Khâm sai đi đường bộ đến Kinh.

7- Đã nói hòa thì mọi mối cừu oán đều giải tan cả, quân dân đã bị người Pháp, I bắt đều được thả về, gia sản của bá tánh đều lập tức trả lại, người Nam đã làm việc với người Pháp được xá miễn, thân tộc cũng khỏi tội.

8- Trả cho hai nước Pháp và I 4.000.000 đồng bạc (sách Tây nói 4.000.000 dollars, nước ta không có dollar , vậy tính dollar là 72% của lượng (tael) binh phí, hạn trong 10 năm, mỗi năm giao 400.000 đồng cho quan đại thần Pháp ở Gia Định thu giữ, nay đã nhận tiền 10 vạn quan đến khi trả sẽ khấu trừ.

9- Nước Nam có dân cướp bóc, giặc bể đã nhiễu hại ở các đất thuộc Pháp, nay trốn về, hoặc có tù phạm, giặc giã các nước Tây trốn trong đất Nam, quan Pháp được chiếu hội với quan địa phương bắt đem về làm tội, có tù phạm giặc giã người Nam trốn đến đất thuộc Pháp, thì quan Nam cũng được xử như thế.

10- Từ nghị hòa về sau, nhân dân ba Tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên qua lại các đất Nam thuộc Pháp làm ăn, hễ theo lệ nước Pháp đã định thì được tự tiện, nếu nhơn việc công, chở binh lính, lương hướng, súng đạn, khí giới đi ngang qua đấy mà không cho biết trước và không có giấy của quan Pháp, thì xe tàu sẽ bị đánh phá, quân lính bị bắt trị tội.

11- Tỉnh Vĩnh Long, người Pháp đã lấy được, nay tạm đóng binh lại giữ, nhưng việc gì thuộc nước Nam, đều do quan Nam biện lý, quan Pháp ở đây không can dự đến. Hiện có quan viên vâng mệnh, lén ở hai tỉnh Gia-Định Định-Tường để thừa cơ tấn công nay hòa ước đã thành, nước Nam nên triệu họ về cho nhân dân được bình yên thì nước Pháp giao trả tỉnh Vĩnh Long lại.

12- Hạn trong một năm, vua 3 nước ngự lãm, phê chuẩn hòa ước, rồi nó sẽ hỗ giao ở kinh đô nước Nam.

Xuyên qua bản hòa ước được ký kết, ta thấy rõ ràng điều kiện của kẻ mạnh đưa ra buộc kẻ yếu phải cúi đầu tuân theo. Nó nằm trong âm mưu giai đoạn của bọn cướp nước và mở đầu cho cuốn vong quốc Sử Việt Nam dài gần 100 năm...

Ký xong hòa ước ngày 11.6.1862 hai ông PHAN, LÂM trở về Huế để tâu bày sự việc...

Đến Huế ngày 14/6, hai ông liền vào triều yết trình kết qủa, Vua nghe xong than rằng :

"Ôi ! Con dân mấy triệu tội gì đến thế ! Đau lòng thay ! Hai người không những chỉ là tội nhân của triều mà còn là tội nhân của muôn đời nữa !" .

Sau đó vua giao đình nghị bản Hòa ước. Các quan tâu rằng : "Việc nhượng đất, bồi tiền như thế là không hợp, nhưng điều ước

mới định mà cải nghị ngay, vị tất họ chịu, vậy xin cho hai Sứ thần (Phan, Lâm) đến ở gần từ từ thương chước để chuộc lối trước, rồi sẽ sai sứ thông vấn tùy cơ chước nghị" .

Hai ông PHAN, LÂM bấy giờ chỉ biết lấy nước mắt mà biện bạch nỗi khổ tâm của mình, rồi lên đường vào Nam vào tháng 9/1862.

Đến Nam Kỳ, hai Ông liền bắt tay ngay vào việc thương thuyết xin trả lại ba tỉnh miền Đông, tất nhiên Phó Đề Đốc BONARD không chịu.

Cũng tháng 9/1862, BONARD đưa thư nói đại ý: Vua Pháp và Nữ Hoàng Tây đã duyệt y hòa ước rồi (nhưng thực ra mãi đến ngày 15.7.1863, tức là sau khi BONARD làm lễ "Hỗ giao" ở Huế 3 tháng mới được duyệt y), xin đến tháng 11, sai Sứ đệ đến kính dâng lên, rồi hỗ giao" .

Vua TỰ ĐỨC nói : "Hòa ước có nhiều điều không tiện, gần đây đã trách giao PHAN THANH GIẢN, LÂM DUY HIỆP gắng sức lo liệu, chưa thấy làm được việc gì, nay Pháp súy hỗ giao, chẳng hay hai người ấy đã cùng họ thương nghị thế nào; vả trong hòa ước đã hạn rõ ràng một năm rồi mới hỗ giao mà họ vội vàng như thế, thì các việc khác còn tin họ sao được ?" .

Đình thần xin giao cho hai Ông PHAN, LÂM biện bạch với BONARD để y theo hạn ấy . Không biết hai Ông ấy có thương thuyết gì không. mà đến tháng hai năm sau, 1863, BONARD đưa thư ra Huế nói rằng sang tháng 4/1863, Sứ Pháp sẽ đến Kinh, để làm lễ hỗ giao, đồng thời đề nghị luôn mọi nghi thức...

Vua TỰ ĐỨC xét còn có chỗ chưa ổn, bèn sai PHẠM PHÚ THỨ vào Nam để cùng PHAN THANH GIẢN và LÂM DUY HIỆP họp bàn lại với BONARD; và dặn xong cả ba ông phải dùng đường bộ đi về Kinh gấp để lo tổ chức lễ...

Nhưng vì ông TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH vừa bị đánh tan ở Gò Công (25.2.1863), nên BONARD đã dùng áp lực buộc Triều đình Huế phải làm lễ hỗ giao đúng theo thời hạn (mà BONARD ấn định). Mặt khác, các vụ nổi loạn lại xảy ra tứ tung ở Nam, cũng như ở Trung và ở Bắc, nên TỰ ĐỨC và Triều đình không sao chối từ được, mặc dù còn vài chi tiết phải sửa đổi...

Tháng 3/1863, BONARD và Đại Tá Tây Ban Nha Palanca ra Đà Nẵng. Việc tiếp đón, hộ tống, theo thể thức đã dùng trước đối với Sứ thần Xiêm, nhưng trọng thể hơn. Rồi phái đoàn BONARD - PALANCA lên Huế, được mời vào nghỉ trong Sứ quán mới dựng lên bên bờ Hương Giang .Nhà này được cất từ tháng 8 năm trước trên nền cũ của Sở Thủy Quân.

Các quan chức văn võ của ta là PHAN THANH GIẢN, PHẠM PHÚ THỨ, LÂM DUY HIỆP (1), TRẦN TIỄN THÀNH (Binh bộ Thượng thư) và Đoàn THỌ (Trung quân) bàn như sau : Hai đại diện Pháp Tây vào triều yết thì nhờ quan hữu tư dâng quốc thư và phẩm vật của hai nước lên Vua ta. Sau đó chuyển giao quốc thư của ta cho hai đại diện ngoại quốc tiếp nhận. Phần chủ yếu chỉ có vậy.

Đến đúng ngày đã định (14.4.1863), Vua TỰ ĐỨC ngự tại Điện Thái Hòa. Hai Sứ thần và 16 tùy viên tiến vào làm lễ chiêm cận. Sứ Pháp, Tây đeo gươm, khi vào thì ngả mũ, cúi đầu, trước khi lui gót thì cúi đầu ba lần.

BONARD đọc một diễn từ đại ý : "Hoàng Đế Pháp ủy tôi dâng lên Hoàng Đế nước Nam tờ Hòa ước mà hai nước Pháp Tây đã duyệt y, và chuyển lên Hoàng Đế nước Nam những lời chúc mừng của người. Hoàng Đế Pháp còn mong từ nay hai nước chúng ta sẽ cùng sống với nhau trong hòa bình và tình thân thiện vĩnh cửu. Ngài cũng gởi lời chúc Hoàng Đế cùng nước Nam được luôn luôn thịnh vượng..." .

Một quan Nội các của ta được nhà Vua cử ra đáp lời : "Các Sứ thần từ xa đến đây chịu nhiều sự mệt nhọc, nước Nam lấy làm khen ngợi quý vị. Về nước, các Sứ thần sẽ tâu lại với vua rằng hòa ước đã định, từ nay về sau mọi việc sẽ được trang trải trong tình hữu nghị và thành thực để mưu hạnh phúc cho mình...".

Sau đó, quan Nội các chuyển cho Sứ Pháp một bức thư do thủ bút của Vua TỰ ĐỨC gởi cho Nã Phá Luân đệ tam.

Lễ trao đổi Hòa ước cử hành xong, thì tại Sứ Quán, ta có mở tiệc để khoản đãi hai Sứ giả Pháp, Tây. Trong dịp này, Vua TỰ ĐỨC cũng gởi tặng phẩm cho Vua Pháp và Nữ Hoàng Tây. Các sứ thần và các tùy tùng cũng được tặng phẩm vật riêng .

Phái đoàn ra về ngày 19-4-1863. Họ dùng thuyền của ta tới Đà - Nẵng, rồi lên pháo hạm Canada để trở về Saigon. Ông PHAN-THANH-GIẢN cũng vào Nam để tiếp

---

(1) Ba ông này đã trở về Huế trước để lo tổ chức lễ.

thâu Vĩnh-Long mà Pháp sẽ trao trả theo hòa ước... (Ông tới Vĩnh-Long ngày 25-4-1863).

Cuộc bang giao Việt Pháp sau hòa ước 5.6.1862, bề ngoài thì xem có vẻ tốt đẹp, nhưng bên trong Pháp vẫn có nhiều gian mưu : ngoài Bắc xảy ra nhiều vụ nổi loạn; Cao Miên chống đối Triều đình ta... mà ai cũng biết là do Pháp bí mật khuyến-khích ... Vua TỰ ĐỨC cho PHAN THANH GIẢN đến trách Súy Phủ Saigon, nhưng họ chối dài...

Đến khi hòa ước được thực sự thực thi, thì Tây Ban Nha không nhận gì về đất đai, nghĩa là nhường hết quyền hạn cho Pháp, mà chỉ lãnh bồi khoản chiến tranh và giữ quyền truyền bá đạo Thiên chúa mà thôi.

Vì không thương thuyết được việc gì, Vua TỰ-ĐỨC giận lắm nên đã cách lưu PHAN-THANH-GIẢN, giáng chức ĐOÀN-THỌ và TRẦN-Tiễn-THÀNH, truy đoạt phẩm hàm LÂM-DUY-HIỆP đã chết.

Riêng về Phó Đề-Đốc BONARD, sau khi dùng áp lực với Triều đình Huế để làm lễ hỗ giao Hòa-ước, đã tự coi như thành công trong sứ mạng, xin về Pháp nghỉ và De La GRANDIÈRE sang thay (BONARD về và De La GRANDIÈRE đến Saigon cùng ngày 01-5-1863).-



7.– Việc mưu chuộc ba tỉnh miền Đông Nam-Kỳ thất bại.

Việc mất ba tỉnh Miền Đông và bốn triệu quan tiền bồi thường chiến phí, là một sự vô cùng nhục nhã cho Tự Đức, nhưng trong việc mất đất, còn một khía cạnh khác không kém đau đớn, vì Gia Định là nơi sinh quán của Từ Dũ Thái Hậu và là đất khai tịch của tiên triều, ngoài ra xứ này lại còn là vựa lúa, lương thực của Bắc, Trung. Hơn nữa, kể từ khi ký hòa ước (Nhâm Tuất), nhà vua không còn quyền uy gì nữa : bên ngoài, giặc mỗi ngày một lấn tới, bên trong, lệnh ban không được tôn trọng như trước nữa. Cho nên nhà Vua đã cố gắng để làm sao đánh lại 3 tỉnh đã cắt cho bọn thực dân ?

Sau mấy lần điều đình không xong, Tự Đức và triều đình bèn nghĩ tới việc gởi Sứ thần sang



Sứ Bộ Phan-Thanh-Giản sang Pháp (1863)

Pháp để thương nghị thẳng với Nã Phá Luân đệ tam, vì cho rằng Súy Phủ Saigon sẽ không khi nào tán thành việc chuộc lại 3 Tỉnh Miền Đông của mình.

Bàn về người cầm đầu sứ bộ, thì không thể cử ai khác ngoài PHAN THANH GIẢN, người mà trước đây mấy tháng đã bị cách lưu, cũng chỉ vì vấn đề ba tỉnh đã mất. Bởi vì, dầu sao chăng nữa, Phan vẫn được cả hai bên Việt Pháp nể vì, do cái chỗ ông là một nhân vật đặc biệt lúc bấy giờ.

Tuy vậy, hãy còn một trở lực nữa là nếu Súy Phủ Saigon biết trước được lý do, thì sẽ ngăn trở hoặc phá phách, vì ta sẽ phải nhờ tàu của họ để đi, còn tàu của ta thì không thể vượt đại dương được, do ở chỗ kỹ thuật ta còn kém... Vì vậy, ta phải đưa ra lý do là năm 1862, Sứ Thần Pháp có ra Huế chúc mừng Vua ta, nay Vua ta cho Sứ qua Pháp đáp lễ. Do đó mà Pháp sốt sắng cho ta mượn tàu Européen và cử hai sĩ-quan là RIEUNIER, AUBARET và 7 người nữa, trong số có Pétrus TRƯƠNG VĨNH KÝ và Pétrus NGUYỄN VĂN SANG làm thông ngôn tháp tùng. Các phí khoản do ta đài thọ. Sứ đoàn ta ngoài PHAN THANH GIẢN, TRẦN TIỄN THÀNH và PHAN HUY VỊNH, còn có 62 tùy viên, đem theo các đồ thương tiến, là một cái kiệu lớn sơn son thiếp vàng và 4 cái tấn làm tặng phẩm cho Hoàng Đế Nã Phá Luân đệ tam và Nữ-Hoàng Tây Ban Nha Isabelle.

Ngày 21.6.1863, sứ bộ từ Đà Nẵng, dùng tàu Echo đi Saigon, ngày 5.7.1863, dùng chiếc Européen đến Alexandrie, rồi qua chiếc Labrador và ngày 10.9.1863 đến Marseille.

Hải Quân Pháp ở đây chào mừng sứ bộ bằng 17 phát đại bác. Các thuyền bè... đậu tại bến bấy giờ, đều kéo cờ Việt Nam bên cờ Pháp theo đúng nghi lễ. Ông MURE DE PALANNE thay mặt cho Tổng Trưởng Bộ Ngoại Giao ra chào mừng sứ bộ rồi mời về một biệt thự. Tại đây, đã có nhiều quan chức văn võ đón tiếp. Sứ bộ tạm nghỉ ở Marseille một đêm, qua ngày hôm sau, 11.9.1863, lên Paris. Cuộc tiếp rước tại kinh thành này hết sức long trọng. Ông FEUILLET DE CONCHES, đại diện Pháp Hoàng, tiếp đón và đưa sứ bộ về nghỉ tại một lâu đài ở đường Lord Byron. Ở đây, sứ bộ được tin là Pháp Hoàng đang nghỉ mát ở Biarritz, vài tuần nữa mới có mặt ở Paris.

Trong khi chờ đợi, PHAN THANH GIẢN lại gặp Tổng Trưởng Bộ Ngoại Giao Pháp, vừa để viếng xã giao, vừa thăm dò quan điểm của chính phủ Pháp... Ông PHAN bày tỏ sự vui mừng được đến đất Pháp, rồi đề cập đến việc triều đình Huế muốn chuộc ba tỉnh Miền Đông Nam Kỳ.

Bây giờ, Pháp đang theo đuổi cuộc chiến tranh với Mễ Tây Cơ, một cuộc chiến làm cho Pháp kiệt quệ, nên có một phái không tán thành những cuộc chiến tranh xa xôi. Vì thế, trong thời gian chờ đợi yết kiến Pháp Hoàng, các nhà đương cuộc Pháp và Sứ Bộ Việt Nam chỉ bàn đến số tiền chuộc, coi như việc cho chuộc thế nào cũng xong. Vả người ta cũng trù tính rút đạo quân viễn chinh về. Rồi nhân việc công quỹ thiếu hụt, người ta phô trương và dùng báo chí cổ võ cho việc sẽ lấy một trăm triệu tiền chuộc ba tỉnh Nam Kỳ, để lấp những lỗ hổng... .

Pháp Hoàng về, ngày 5-11-1863, Sứ bộ Việt Nam được mời đến điện Tuileries. Cuộc nghênh tiếp rất là long trọng. Bốn chiếc xe song mã của Hoàng đế đến Dinh sứ bộ đón, Sứ bộ mặc triều phục. Mỗi xe đều có sĩ quan Pháp tùy tùng.

Ngoài sân điện, có một ngàn quân sỹ dàn chào và cử bản quốc thiều. Các quan chức Pháp ra tận thềm đón tiếp Sứ bộ và được họ hướng dẫn vào triều yết. Ông PHAN đi trước, các tùy tùng đi sau theo thứ tự... Vào bên trong hành lang, Ngự Lâm Quân Pháp cũng dàn chào súng, gươm tuốt trần trông rất oai nghi tề chỉnh.

Hoàng đế, Hoàng hậu và Hoàng tử cùng ngự trên tam cấp có trải thảm nhung. Sứ bộ tiến đến trước mặt Pháp Hoàng, lần lượt chấp tay ngang trán ba lần cúi đầu. Hoàng Đế và Hoàng Hậu cũng cúi đầu đáp lễ. Cụ PHAN dâng bức quốc thư lên. Pháp Hoàng bước xuống một bước tiếp nhận. Rồi ông PHAN vẻ mặt ủ dột, nước mắt ròng ròng, bày tỏ mục đích của Sứ đoàn Việt Nam là xin chuộc ba tỉnh Miền Đông Nam Kỳ, khiến Hoàng hậu cũng phải mủi lòng và ứa lệ (trước khi lên đường TỰ ĐỨC có căn dặn Sứ bộ "...Phải làm cho các nhà cầm quyền trong Chánh Phủ Pháp thương hại đến tình cảnh nước ta...").

Pháp Hoàng phán rằng : "Nước Pháp bao giờ cũng có hảo tâm với mọi quốc gia và sẵn sàng bảo vệ các nước yếu, nhưng kẻ nào ngăn cản bước đi của nước Pháp thì phải coi chừng". (La France est Bienveillante pour tous les nations et protectrice des faibles, mais ceux qui entravent sa marche ont à craindre sa sévérité). Thế rồi nội vụ được giao cho bộ ngoại giao thụ lý và sứ bộ rút lui. Mấy hôm sau, Tổng Trưởng ACHILLE FOULD cho mời Sứ bộ lại bộ Ngoại giao, để thảo luận liên tiếp trong 3 ngày và kết qủa là nước Pháp thỏa thuận trên nguyên tắc, cho Việt Nam chuộc lại 3 tỉnh Miền Đông Nam Kỳ và sửa đổi Hiệp ước Nhâm Tuất, nhất là khoản thứ ba... Nhưng vấn đề sẽ được tiếp tục thảo luận ở Huế sau. Như vậy trên đại cương, Sứ bộ PHAN THANH GIẢN đã thành công... Khi Sứ bộ lên đường đi Madrid (Kinh đô Tây Ban Nha), Pháp Hoàng sai ông AUBARET mang tặng ông PHAN một bộ chén trà bằng sành Limoge làm kỷ niệm.



Sứ Bộ Phan-Thanh-Giản
Triều-yết Hoàng-Đế Napoléon III

Sứ bộ dùng tàu Tercoire đi Tây Ban Nha và vào triều kiến Nữ Hoàng ISABELLE, rồi đáp tàu Japon về Việt Nam. Khi đi qua Địa Trung - Hải, bị bão trôi trở lại Naples (do đó, mà hồi bấy giờ ở Việt Nam có tin là Sứ bộ mất tích), đến tháng hai năm 1864, mới về tới Gia Định, Súy Phủ Saigon cho tàu Echo đưa sứ bộ về Huế.

Hải quân Đại Úy AUBARET (mà sử ta thường chép là Trung Tá), được Pháp Hoàng cử sang thương thuyết về việc chuộc 3 tỉnh Miền Đông Nam Kỳ, đến Saigon hồi tháng 4/1864, rồi đến Huế tháng 6/1864. Vua TỰ ĐỨC sai quan Lại bộ Thượng thư PHAN THANH GIẢN sung chức toàn quyền, cùng với TRẦN TIỄN THÀNH và PHAN HUY VỊNH, để thương thuyết với đặc sứ Pháp. AUBARET đưa ra một bản dự thảo sửa đổi hòa ước Nhâm - Tuất 1862, để bàn cãi. Sau 1 tháng điều đình hai bên đã ký kết một Hiệp-ước mới trong đó có một vài khoản quan trọng sau đây :

Khoản thứ nhất.- Hoàng Đế Pháp chịu trả lại cho Hoàng Đế Đại Nam quyền cai trị ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định và Định Tường đã nhượng cho Pháp theo hiệp ước 5.6.1862.

Khoản thứ nhì.- Đại Nam nhượng dứt các nơi dưới đây, để tiếp tục đặt dưới quyền kiểm soát và cai trị trực tiếp của Pháp:

1)- Thành phố Saigon, Chợ Lớn và Thuận Kiều.
2)- Đồn Thủ Dầu Một.
3)- Đồn Mỹ Tho.
4)- Dòng sông nhà dây thép (Bưu Điện).
5)- Bãi Ganh Rái (Vũng Tàu).
6)- Sông Saigon.
7)- Núi Nứa (Bà-Rịa)
8)- Đảo Côn lôn.

Khoản thứ tư.- Hoàng Đế Đại Nam nhìn nhận quyền bảo hộ của nước Pháp ở Lục tỉnh Nam Kỳ. Việc bảo hộ này không có nghĩa là thần thuộc.

. . . .

Khoản thứ chín.- Ba cửa bể Đà Nẵng, Ba Lạt và Quảng Yên sẽ mở cho thương thuyền Pháp ra vào.

. . . .

Khoản thứ mười sáu.- Người Việt Nam được toàn quyền tới buôn bán trên các lãnh thổ Việt Nam.

Khoản thứ mười bảy.- Hai nước Việt Pháp sẽ trao đổi Sứ thần, để bênh vực kiều dân của mình.

. . . .

Khoản thứ mười chín.- Mỗi năm, Đại Nam phải trả cho nước Pháp 2 triệu đồng quan Pháp (chiến phí) trong 40 năm liên tiếp, hoặc bằng tiền, hoặc bằng sản vật có giá trị tương đương.

Khoản thứ hai mươi.- Các điều khoản trong hiệp ước 5.6.1862 đều hủy bỏ.

. . . .
. . . .

(Ngày 15.7.1864)

Ký tên, AUBARET	Ký tên, PHAN THANH GIẢN TRẦN TIỄN THÀNH PHAN HUY VỊNH.

Sau khi ký xong hiệp ước 15.7.1864, về phía triều đình Huế thì tỏ vẻ vui mừng, nhưng một số sỹ dân vẫn không tán thành, cho rằng lãnh thổ Việt Nam vẫn chưa giải tỏa hoàn toàn mà số tiền bồi thường thì quá nặng; nhân dân Nam Kỳ bất mãn hơn, cho rằng quân đội Pháp vẫn còn, tuy chỉ đóng ở các đô thị thì tình thế vẫn bất trắc như thường.

Về phía người Pháp ở chánh-quốc, thì cho rằng việc sửa đổi hiệp ước của Hải Quân Đại Úy AUBARET không có lợi gì cả; theo các điều khoản dự liệu, thì Pháp phải thu hẹp phạm vi hoạt động, nhưng vẫn phải để quân đội ở lại thì vẫn tốn kém như thường, ngoài ra dân Việt Nam chỉ phản ứng về kinh tế, Pháp cũng đủ thất bại. Lý do rất dễ hiểu là người Việt Nam sẽ chắc chắn không cộng tác với Pháp, thì còn tính làm ăn buôn bán với ai ? Vậy Pháp hao tốn binh phí như cũ để giữ mấy nơi thị trấn xuông chăng ? Mặt khác, có thể xảy ra việc quân đội của Triều-Đình Huế sẽ trở lại phong tỏa các thị trấn này, thì đôi bên Việt Pháp sẽ trở lại tình trạng cũ, Pháp sẽ không ngồi yên được, lại phải dùng binh lực đẩy lui quân Việt ra, không phải là không chật vật và cũng lại tốn người, hao của thêm một lần nữa... và dù không có chiến cuộc xảy ra , sau này Pháp cũng vẫn ở vào cái thế bất lợi như thường. Do đó, ở Paris một phần dư luận đã nổi lên công kích kịch liệt. Hăng hái nhất là Hầu Tước DE CHASSELOUP-LAUBAT, Đề Đốc RIGAULT DE GENOUILLY, Phó Đề Đốc

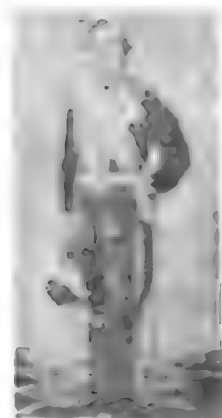
BONARD... rồi người ta xuất bản sách (quyển "vấn đề Nam Kỳ xét theo quan niệm của người Pháp" của Đại Úy RIEUNIER - "La question de la Cochinchine au point de vue des intérêts Français), viết báo đả kích việc bỏ Nam Kỳ... Ban đầu thì Pháp Hoàng và dân chúng cũng ít chú ý, sau vấn đề có nhiều tiếng vang từ trong chính phủ ra ngoài đại chúng. Trong một phúc trình, DE CHASSELOUP-LAUBAT có nói rằng nếu chính phủ Pháp trả lại ba tỉnh Nam Kỳ, thì những người cộng tác với Pháp bấy lâu sẽ sống ở đâu ? Họ thiết tha mong người Pháp ở lại để bảo vệ sanh mạng và tài sản cho họ v.v... Nếu Pháp bỏ rơi họ thì sau này còn ai dám cộng tác với Pháp nữa ?

Mãi rồi Pháp Hoàng cũng xiêu lòng... bèn xuống lệnh cho Sứ thần Pháp ở Việt Nam đình chỉ việc thương thuyết và cứ để hòa ước 1862 y như cũ. Lệnh ấy đến Saigon, Súy phủ cho một chiếc tàu đưa liền ra Huế, sau khi Hòa ước lập xong vừa mới được 6 ngày.

Về phần AUBARET, lúc này đã qua Xiêm và đến mấy tháng sau mới được Súy phủ Saigon báo tin rằng hòa ước đã bị Pháp đình bác.

Thế là phe thực dân ở chánh quốc và phe quân phiệt Pháp ở Việt Nam lúc bấy giờ đã thắng !

Tưởng cũng cần nói qua về thái độ của bọn quân nhân thực dân ở Việt Nam lúc bấy giờ : Ngày 9.1.1864, DE LA GRANDIÈRE ở Saigon được Tổng trưởng Ngoại giao Pháp DROUYN



Hầu - Tước
CHASSELOUP - LAUBAT

DE LHUYS cho hay chánh phủ Pháp đã quyết định sửa đổi hiệp ước 1862, và ra lệnh cho ông này phải tiếp xúc với AUBARET để giúp đỡ việc ký kết của đôi bên được dễ dàng... Nhưng ở đây (Saigon), phe quân nhân thực dân đang "mở mang" xứ này : tổ chức việc cai trị, mở trường dạy Pháp ngữ, Quốc ngữ, định thuế lệ... thì tất nhiên họ sẽ ra sức phá hoại và hùa theo bọn CHASSELOUP... Cho nên khi AUBARET đến Saigon..., vào tháng 4/1864,... bọn quân nhân thực dân đã tỏ ra lãnh đạm đối với ông ta...

Như vậy việc mua chuộc 3 tỉnh Nam Kỳ thành ra cái bánh vẽ, và hy vọng của Việt Nam đã tan ra mây khói... Từ đây cuộc kháng chiến của sỹ dân Miền Nam lại nổi lên mãnh liệt và ai nấy đều thất vọng, triều đình thì lại lúng túng hơn bao giờ hết, bởi dã tâm xâm lăng của bọn cướp không có giới hạn nào cả.-



CHƯƠNG III

Quân Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây Nam-Kỳ : Vĩnh-Long, An-Giang và Hà-Tiên

Sau khi bọn thực dân Pháp thiết-lập xong guồng máy cai-trị ở ba tỉnh Miền Đông Nam-Kỳ, người dân Việt cảm thấy rất đau xót và biết trước sớm muộn gì rồi Pháp cũng sẽ chiếm nốt ba tỉnh Miền Tây. Do đó, các cuộc tự-động vùng dậy của người dân Miền Nam (1) ngày càng nhiều... Về phía bọn thực dân thì chúng thấy rằng cần phải ra tay nữa, nhưng bên chánh quốc, bọn Pháp vẫn chia làm hai phe : Phe chủ trương mở rộng thuộc-địa gồm có Chasseloup Laubat, Rigault de Genouilly..., đang có ưu-thế trong chánh quyền; Phe chủ-hòa cũng có nhiều Bộ-Trưởng...

Về phía Triều-Đình Huế, bị hoang mang giao-động tột-độ : Lúc thì muốn làm đẹp lòng bọn cướp nước và ra lệnh cho sĩ-dân Miền Nam hạ khí giới (?), lúc thì ngầm giúp kháng chiến... lúc lại định đổi ba tỉnh Miền Tây lấy ba tỉnh Miền Đông Nam-Kỳ (?)... nhưng rồi tới lui cũng chẳng dứt khoát...

Lúc này, Cao-Miên đã thuộc Pháp (Hiệp-ước Pháp-Miên ngày 11-8-1863), nếu không thanh toán nốt ba tỉnh Miền Tây, theo con mắt của bọn thực dân, thì là chuyện không hợp lý, bởi vì nếu không thì làm sao tầu bè có thể lưu thông trên các sông Tiền-Giang và Hậu-Giang để liên-lạc với xứ Chùa-Tháp ? Nếu lấy hết Nam Kỳ thì mới dễ sát-nhập đất Miên vào thành một thực-dân địa ngon lành trước khi thanh toán nốt bán-đảo hình chữ S ?

Vào khoảng tháng 3-1865, Trương-Văn-Uyển, Tổng-Đốc Vĩnh-Long biết trước rồi ra thế nào Pháp cũng chiếm nốt ba tỉnh còn lại của Nam-Kỳ, nên đã dâng sớ tâu với Tự-Đức, xin một người đảm lược để đương đầu với địch. Đoàn-Thọ và Trần-Tiễn-Thành đề nghị cử Phan-Thanh-Giản, được Tự-Đức chấp thuận ngay và phong cho ông chức Kinh-Lược Đại-Thần, nhưng mấy tháng sau ông mới tới Nam-Kỳ nhậm-chức.

Đến ngày 31-3-1865, Phó-Đề-Đốc De La Grandière xuống tầu "Le Donnai" về Pháp, hội kiến với Tổng-Trưởng Hải-Quân và Thuộc địa, Chasseloup-Laubat về chương-trình đánh chiếm nốt xứ Nam-Kỳ. Trong thời gian này, Phó Đề-Đốc Rose, Tư-Lệnh Hạm-Đội Pháp ở biển Trung-Hoa và Nhật, tạm thế De La Grandière.

Ngày 28-4-1865, De La Grandière dùng tầu "Le Tigre" trở lại Sai-gon, Đại-diện của Tự-Đức là quan Bố và Chánh thơ-ký tỉnh Vĩnh-Long Tôn-Thất-Ngoan và Nguyễn-Bá-Phan có sang dự cuộc tiếp đón.



Phó Đề-Đốc
DE LA GRANDIÈRE

(1) Xin coi thêm mục "Những cuộc tự động nổi dậy kháng chiến của Sĩ dân Miền Nam".

Ngày 28-01-1866, sau khi đến nhậm-chức được vài tháng, Kinh-Lược Phan-Thanh-Giản chính thức đến thăm Súy-Phủ Saigon - Sau đó, vào khoảng cuối tháng 2 sang tháng 3-1866, ông lại đến Saigon một lần nữa để xem cuộc triển lãm của Pháp .

Vào khoảng tháng 3-1866, Nghĩa-quân ở ba tỉnh Miền-Tây cho phổ-biến các tờ hịch kêu gọi dân-chúng nổi dậy...

Nghĩa-Quân Đồng-Tháp-Mười nổi dậy chiếm Cái-Nưa, đồn Sa-Tiên trên sông Vàm-Cỏ-Tây và đóng quân ở Đồn tiện, Đồn Gò-Bắc-Chiên (Mộc-Hóa, bây giờ là tỉnh Kiến-Tường). Quân Pháp đánh dẹp được, nhưng cũng chật vật lắm...

Phan-Thanh-Giản gia sức "khuyên răn" Nghĩa-Quân buông súng, nhưng chẳng một ai nghe cả, nhất là Nghĩa-Quân Đồng-Tháp.

Thấy vậy, Phan cảm thấy chán nản, mỏi mệt, cho rằng "trách nhiệm ấy (?) về mình, vì đã giữ không đặng nhân-dân của ông"!.

Đến ngày 14-7-1866, Kinh-Lược Phan-Thanh-Giản lại đi Saigon, nói là để ký một thương ước với Pháp, nhưng thực ra là "để xoa dịu những binh-biến mới rồi"...

Sang tháng 10-1866, De La Grandière nói với Kinh-Lược Phan-Thanh-Giản là ba tỉnh Miền Tây sẽ về tay Pháp, vì ba tỉnh ấy là "ổ phiến-loạn"...

Ngày 14-10-1866, De La Grandière sai P. Vial và Cố Trường (Le Grand de la Liraye) làm thông-ngôn ra Huế, để thảo luận về việc thêm một vài điều vào tờ hòa ước năm 1862.

Vial đến "xin đất ba tỉnh Vĩnh-Long - An-Giang và Hà-Tiên".

Đình-thần rằng : "Hình thế ba tỉnh ở xa cách, khó giữ lắm, chỉ vì quan hệ thổ địa, nhân dân không nên dễ dàng, xin khiến quan Thương-bạc viết thư nói tình lý cho rõ !"

Tự-Đức sai Phan-Huy-Vịnh và Phạm-Phú-Thứ qua Sứ-Quán Pháp "tùy cơ mà trả lời".

Khi đến, hai Ông Vịnh và Thứ dùng lý-luận nói với Vial...

Vial trả lời : "Nếu bây giờ không chịu giao cho xong, e những ủng hộ càng thêm lung, rồi gây việc binh cách".

Triều-Đình Huế từ chối và gởi một bức thơ xin với De La Grandière "vui lòng đợi, đừng vội vã quá".

Tự-Đức sai mở tiệc khoản đãi Vial và Trường, gởi phẩm vật và huy chương tặng cho De La Grandière, Vial và Trường.

Vial và Trường về Saigon.

Đến tháng 11-1866, Triều-Đình Huế lại gởi một thơ nữa cho De La Grandière, cho hay rằng "Huế đã trao cho Phan-Thanh-Giản trách-nhiệm thảo luận với Súy-Phủ Saigon về ba tỉnh Miền Tây, xin đừng làm gì hối hả"..

Tại Nam-Kỳ, De La Grandière cho Phan-Thanh-Giản hay việc Pháp nhất quyết chiếm ba tỉnh Miền Tây...

Từ đó đến cuối tháng 11-1866 Phan-Thanh-Giản đã nhiều lần thương nghị với De La Grandière, nhưng không đi đến một kết quả nào cả.

Sang đầu năm 1867, Pháp vẫn chưa chiếm ba tỉnh Miền Tây, Nghĩa-Quân vẫn ra sức đánh phá... thì một biến cố vô cùng bất lợi cho ta xảy ra : Ngày 19-01-1867, Đề-Đốc Rigault de Genouilly, người đã ra lệnh mã phát đại-bác đầu tiên vào lãnh-thổ Việt-Nam (1847) và cũng là người đầu tiên xua quân đổ bộ chiếm Đà Nẵng rồi Gia-Định (1858)... lên làm Tổng-Trưởng Hải-Quân và Thuộc-địa, thay thế cho Chasseloup Laubat - Việc này có nghĩa là vấn đề chiếm nốt ba tỉnh Miền Tây chỉ còn là chuyện ngày giờ !.

Đến cuối tháng 2-1867, thì Pháp đã nghiên cứu và chuẩn-bị xong kế-hoạch tiến vào Miền-Tây, với việc thiết-lập sẵn 8 "thanh-tra tòa" ở Vĩnh-Long - Bến-Tre, - Trà-Vinh - Sadéc - Cần-Lố - Châu-Đốc - Hà-Tiên và một ở bờ sông Hậu-nghĩa, để khi nào Pháp "tiếp thu" ba tỉnh Miền Tây, thì các "quan thanh-tra" chỉ có việc đáo-nhậm nhiệm-sở mà thôi :

Tuy vậy, mặt khác, De La Grandière vẫn sai người nói rằng hắn sẵn-sàng điều-đình, không làm điều gì hối tiếc với Triều-Đình Huế cả ...

Nhưng De La Grandière định rằng đến mùa mưa, mới xua quân đánh chiếm ba tỉnh Miền-Tây vì 5 lẽ :

1/- Đâu đâu cũng có nước ngọt chứa sẵn trong mỗi chỗ đông người.

2/- Tiết trời âm-u dễ chịu hơn lúc nắng, vì nắng gắt binh-lính bị chết khi dan ra nắng.

3/- Khí hậu mưa nắng thay đổi mau, nhất là đêm tối, bầu không-khí trong lành và lạnh-lẽo, lại xảy ra bệnh kiết, thế nên đánh nhằm mùa mưa tiện hơn.

4/- Đánh giặc lúc mùa nắng ở xứ nầy, lại sanh ra cháy đồng hết sức mau le và cháy nhà không thể chữa được.

5/- Để cho dân-chúng ba tỉnh Miền Tây so-sánh với ba tỉnh Miền-Đông.

Trong khoảng thời gian chờ đợi đến mùa mưa, một số Hoa-Kiều ở các tỉnh Miền Tây, đã gởi cho Súy-Phủ Saigon một đơn yêu cầu "sát-nhập lập tức ba tỉnh Miền Tây". Bọn Tàu nầy thật đúng là một tai-họa vạn cổ cho đất nước ta, trong bất cứ thời kỳ nào.

Về phía Nghĩa-Quân, thì cho rằng tới mùa mưa, không thể nào Pháp đánh dẹp, vì vào mùa nầy, nước mênh mông, đồng-lầy lênh-láng, nên ít cảnh giác và đã mắc mưu De La Grandière.

Về phần Phan-Thanh-Giản, thì lúc nầy, sau những cố gắng , thấy chẳng còn hy-vọng gì nữa, nên dâng sớ trần tấu về vấn đề Nam-Kỳ, cũng xin trả lại mũ áo, để về hưu . Vua Tự-Đức không thuận, lại còn quở trách và nhất định lưu-giữ ông lại chức-vụ...

Đến giữa tháng 6-1867, De La Grandière thấy tình hình đã chín mùi, nên ra lệnh cho các đơn-vị chuẩn-bị lên đường, tập-trung tại Mỹ-Tho...

Ngày 17-6-1867, tất cả các người được De La Grandière chỉ-định đều lục-tục tới chỗ hẹn...

Ngày 18-6-1867, tất cả quân-sĩ đều tập-trung tại Mỹ-Tho, với một hạm đội gồm có : Các Pháo-Hạm "La Mitraille" - "Le Bourdais" "L'Alom-Prach"- "L'Espingole" - "Le Glaive" "Le Fauconneau" - "La Hallebarde" và "L'Arc", Thông-báo hạm "Le Bien-Hoa" cùng với các tầu vận-tải và sà-lan chở 1.000 quân-sĩ (trong đó có cả một số Việt-gian đi lính cho Pháp), dưới quyền chỉ-huy của Đại-Tá Reboul... đã sẵn sàng tham-chiến, dưới sự chỉ-đạo của De La Grandière - Ngày 19-6-1867, De La Grandière dùng hộ-tống hạm "Ondine" làm "tư-lệnh-hạm" đến Mỹ-Tho.

Đến 12 giờ đêm 18-6-1867, Hạm-Đội Pháp rẽ sóng, tiến sang Vĩnh-Long.



PHAN - THANH - GIẢN

7 giờ sáng 20-6-1867, đoàn tầu Pháp đã tới bỏ neo trước thành Vĩnh-Long, một thành không được phòng bị – vì Kinh-Lược Phan Thanh-Giản đã ra lệnh không phòng-thủ gì cả.

Ngồi dưới "tư-lệnh-hạm", Phó Đề-Đốc De La Grandière sai Cô Trường (tức là Le Grand De La Liraye), mang thơ vào thành, mời Phan-Thanh-Giản xuống tầu, để cho biết lý-do khiến Pháp phải hành-động...

Phan-Thanh-Giản rất trầm tĩnh trước biến cố và cùng Án-Sát Võ-Doãn-Thành... xuống tầu... Ra đến bờ sông, Phan gặp Vial, từ tàu mới lên bờ, bắt tay Vial và nói với mấy quan chức Pháp rằng: "đừng làm chuyện gì rối loạn trật tự..." Phan cũng nói với đồng bào, kể cả các người đang cộng tác với Pháp rằng: "mặc dầu các người là nhân chứng của các biến-cố lớn lao đã xẩy ra, nhưng hai quốc-gia còn là "Anh em" không có gì làm cho "dứt tình ấy" trong những ngày sắp tới..."

Xuống tầu, Phan và Võ cố biện thuyết, nhưng De La Grandière không nghe, buộc phải nộp thành trong vòng 2 giờ đồng hồ. Trước tình thế đó, Phan đã nộp thành cho Pháp, chỉ yêu-cầu quân-đội Pháp đừng nhiễu hại dân và trả cho ta tiền lúa trong kho (trị giá 1.000.000 lúc bấy giờ). De La Grandière ưng thuận...

Với tư thế của một người thắng trận không đổ máu và vất vả gì, De La Grandière nói rằng "các quan chức Việt-Nam đều giữ lại chức vụ cũ, nếu muốn phục-vụ cho chánh-phủ Pháp, hay muốn về hưu tùy ý, ông nào muốn về làng thì ở đó chờ ngày về, các súng đại-bác, cờ-xí và chiếc tầu sẽ được trả lại cho Triều-Đình Huế..."

Xong, từ bờ sông trở về, Phan-Thanh-Giản đã thấy cờ Pháp phất phới bay trên cổng thành và quân địch đã vào cả bên trong...Rồi ông vào văn phòng , viết một thơ cho Tổng-Đốc Châu-Đốc và Hà-Tiên, theo lời của De La Grandière như sau :

"Hỡi các quan và dân chúng, (1),

"Số phận đã định rằng : người nào thuận theo lòng trời thì còn , người nào nghịch lòng trời thì mất... Làm theo ý muốn của trời , là thuận thiên lý ... người ta là một con vật có trí sáng-suốt dựng lên do trời định. Mỗi loài thú sống tùy theo sự tự-nhiên của nó, như nước chảy từ đất cao xuống đất thấp, như lửa cháy trên đất khô ráo... Trời đã cho con người có lý-trí, con người phải sống tùy theo lý-trí ấy.

"Quốc-Gia của Hoàng-Đế ta có từ thời xưa, sự trung-thành với Tiên-vương là trọn-vẹn và luôn luôn hăng hái. Chúng ta không thể nào quên ơn của Hoàng-Đế và của Tiên vương ta. Bây giờ đây, người Phú-Lang-Sa đến xứ ta, với nhiều súng ống bắn mạnh, gieo rắc sự vẩn đục trong nhân-dân ta. Chúng ta yếu-ớt không chống nổi người Phú-Lang-Sa, tướng-soái và lính tráng đều bị đánh bại : Mỗi lần chiến là mỗi lần thêm đau khổ cho ta. Người Phú-Lang-Sa có nhiều chiến-thuyền to, chở đầy quân và võ-trang bằng đại-bác. Không người nào có thể chống lại. Người Phú-Lang-Sa muốn đến đâu cũng đăng, những đồn-lũy chắc-chắn cũng phải bể.

"Bổn-chức van vái trời, bổn chức nghe theo lẽ phải và tự nhủ : "Mình còn ngốc khi mình muốn đánh người Phú-Lang-Sa bằng vũ-khí, cũng như con nai con muốn bắt con cọp. Mình lại kéo về phe mình một cách vô ích những tai hại lớn, để tai hại ấy đè trên đầu dân mà trời đã giao cho mình chăn. Vậy bổn-chức viết công thơ cho các quan văn cũng như các tướng võ hãy bẻ gẫy giáo và giao thành-trì khỏi chống lại.

"Nhưng, nếu bổn-chức tùy theo Thiên ý mà tránh đỡ giùm dân, đem tai họa rớt trên đầu họ, bổn-chức trở thành phản thần đối với Hoàng-Đế của ta, vì bổn-chức trao ba tỉnh của Hoàng-Đế cho Phú-Lang-Sa mà không chống cự... Bổn-chức đáng tội chết.

"Hỡi các quan và lê dân, các người có thể sống dưới sự điều-khiển của người Phú-Lang-Sa, những người này chỉ đáng sợ trong lúc chiến tranh mà thôi, nhưng lá cờ ba sắc không thể phất-phới bay trên một thành-lũy mà nơi ấy Phan-Thanh-Giản còn sống..."

(Taboulet, La geste française en Indochine Tome II, pp 518 et 9 lignes de 519).

(1) Ông quên nói rằng quan chức nào muốn ở lại phục vụ cho Pháp thì sẽ được giữ nguyên chức vụ cũ v...v... (Theo lời De La Grandière).

Về phía De La Grandière, sau khi lấy xong Vĩnh-Long, đã chỉ định Đại-Tá Reboul tư-lệnh hành-quân, làm tư-lệnh khu chiến Miền Tây, đặt bản doanh ở Vĩnh-Long.

Ngày 21-6-1867, Hải-Quân Trung-Tá Galey đi trên chiếc thông-báo hạm "Le Biên-Hòa" dẫn theo các Pháo-Hạm "Le Bourdais" - "La Hallebarde" - "La Flamberge", cùng 3 chiếc pháo-hạm khác mới đến tăng-cường là "La Fusée" - "L'alarme" và "Le Fleuret", vượt sông Cửu-Long, để tiến chiếm Châu-Đốc, nơi mà Pháp cho là trung tâm của các âm-mưu chống Pháp và người ta chờ đợi một trận quyết-định tại đây...

Trên đường tiến chiếm Châu-Đốc, quân Pháp đã gặp Tổng Đốc Hà-Tiên, Vial đã cho ông này hay là có thơ của Phan-Thanh-Giản gởi cho ông ấy. Nhận thơ, Tổng-Đốc Hà-Tiên cùng với Vial lên "Tư-lệnh Hạm" của Galey là chiếc "Le Biên-Hòa", rồi cùng vào một con kinh hẹp chạy trước thành Châu-Đốc. Lúc bây giờ đã sắp tối. Dân chúng hiếu kỳ đã đổ ra xem tầu Pháp.

Đến 20 giờ, chiếc "Le Biên-Hòa" thả neo ngừng lại, các pháo-hạm bèn bao quanh nó và dự-bị tác-chiến...

Đến 23 giờ thì tất cả các chiến hạm và thuyền bè khác đều đã tới Châu-Đốc đông đủ.

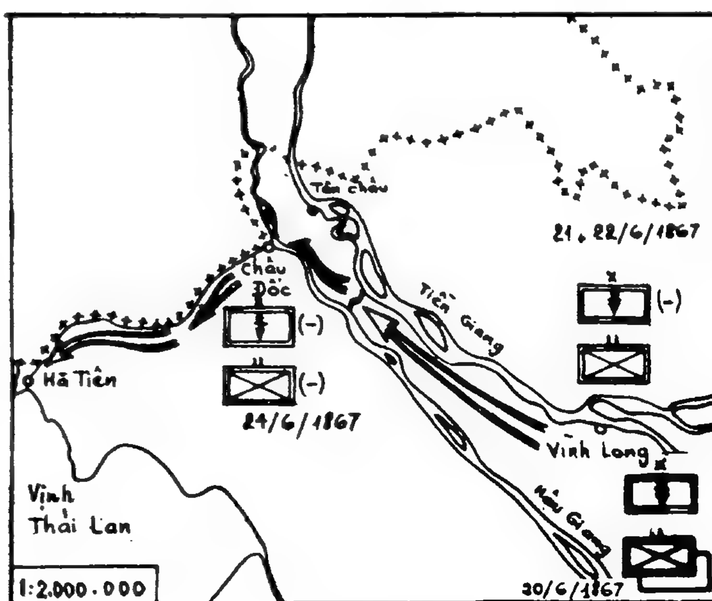
Trong lúc Hải-Quân Trung-Tá Galey ra lệnh cho chiếc "Le Biên-Hòa" bỏ neo trước thành, ngay cửa lớn, ở cách sông khoảng 100 thước, thì một chiếc ghe chở một lãnh-binh của ta đến nói rằng, nhân danh cấp chỉ-huy thành hỏi các quan chức Pháp "tỏ ra ý muốn thế nào". Galey nói rằng: có lệnh của Phan Kinh-Lược gởi cho quan Tổng-Đốc và Tổng-Đốc phải tuân hành đến nhận thơ ấy. Một giờ sau, hai quan Bố và quan Án Châu-Đốc đến thay mặt cho Tổng-Đốc nói rằng không thể nào Tổng-Đốc bỏ nhiệm-sở đi đâu trong đêm tối. Galey đưa bức thơ có đóng dấu son của Phan-Thanh-Giản ra và cho hay, chỉ có Tổng-Đốc mới có quyền mở mà thôi.

Sau 23 giờ, quan Tổng-Đốc Châu-Đốc mới xuống tầu và Galey trao cho ông bức thơ nói trên. Ông mở ra, tay ngập-ngừng, đọc lầm-bầm và sau hết hắt ra hai ba hơi thở dài...

Lúc đó, ở dưới tầu, ngoài Galey, quan Tổng Đốc, còn có Vial, Trung-Tá Pháo-Binh De Guilhermy, Trung-Tá Công-Binh Boret và đặc biệt là sự hiện diện của Đại-Úy Varannes, Sĩ-quan tùy-viên của Hoàng-Đế Nã-Phá-Luân đệ tam, mới đến Saigon hồi cuối năm, để điều-tra tình hình ở đây, vì công-luận bên Pháp, phàn nàn về tài-nguyên, về hiến-pháp... (nhưng có lẽ là điều tra về sự tàn ác của quân đội Pháp ở đây thì đúng hơn), để về xoa dịu công-luận bên chánh quốc...

Quan Tổng-Đốc thấy chung-quanh ông người nào cũng ra vẻ có cảm tình với ông, rồi ông cảm động xin với quan-chức Pháp "để đến sáng trao thành, vì trong lúc nửa đêm trao thành e có sự rối loạn trật tự". Trong số quan chức Pháp, có kẻ nói "có lệnh chiếm cứ thành lập tức, không thời hạn, nếu có sự trở ngại, quân Pháp sẽ đổ bộ san bằng các trở ngại ấy". Rồi cho lệnh các chiến hạm sửa soạn... để tấn-công, khi có lệnh. Quan Tổng-Đốc yêu-cầu Vial lên bờ, nghỉ tại tư-dinh của ông, để trấn an các người dưới quyền ông... các quan-chức Pháp nói : "Yêu-sách của ông vô-ích", nhưng cũng nghe theo lời ông và Galey cho lệnh Trung Tá Domange đem 100 lính lên bờ...

Đúng 01 giờ đêm, quan Tổng-Đốc, Galey và Vial đều qua thuyền của Tổng-Đốc vào thành để tiếp nhận thành. Thuyền cập bờ, 3 người đều



Sơ đồ cuộc tiến quân của Pháp vào 3 Tỉnh miền Tây Nam phần

lên, trước khi tầu Pháp tới. Các quan-chức và quân sĩ dưới quyền Tổng-Đốc đều bao quanh 3 người. Quan Tổng-Đốc than mệt mỏi, nắm tay Hải-Quân Trung-Tá Galey kéo đi mau vô cửa thành, còn quan Án và quan Bố bắt tay Vial tỏ tình bằng hữu hết sức và cũng lôi vô cửa thành. Nghi ngờ về sự tỏ tình thân-thiện như thế, Galey và Vial ngưng lại và nói rằng không khi nào bước chân vào thành nếu không có hộ-vệ của họ vào trước.

Thì ra quân cướp nước đã linh-cảm biết trước quan-quân ta định "bắt cóc" chúng làm "con tin", nên đã thoát chết và chúng đã chiếm thành theo ý muốn.

Ngày hôm sau, 22-6-1867, vào lúc 15 giờ, De La Grandière đến Châu-Đốc, ra lệnh tiếp tục tiến-quân sang Hà-Tiên theo kế-hoạch...

Ngày 23-6-1867, vào lúc 12 giờ trưa, Galey mang pháo-hạm "La Flamberge", 1 chiếc xà-lúp, 20 thuyền lớn nhỏ, chở theo một số quân sĩ (lính Pháp và Hương-binh Việt-Nam phản quốc), vượt qua kinh Vĩnh-Tế, tiến sang Hà-Tiên

Hà-Tiên là một tỉnh-ly nên thơ, ở trên bờ biển, cao vào khoảng vài ba trăm thước. Trên núi nhọn có một cái đồn cũ, không một người ở đó, có vài khẩu đại-bác đã hư. Một làng ngư-dân nghèo-khó, ở gần một hàng rào vuông-vức lớn, trong đó là nhà cửa của nhân-viên dinh Tổng-Đốc và cấp chỉ-huy quân-đội. Đến mùa nắng, nước mặn tràn ngập, khó thấy nước ngọt. Dân số thưa thớt, nên đã phải tuyển lính ở các tỉnh kế-cận...

Đoàn tầu địch đi được hai phần ba (2/3) đường thì mắc cạn, vì kinh lúc bấy giờ chỉ rộng từ 20 đến 30 thước, đào ở giữa sình lầy để nối liền vịnh Xiêm với Hậu-Giang, nên rất khó di-chuyển, phải mất trên 24 giờ đồng-hồ mới tới được Hà-Tiên...

Khi tới Hà-Tiên vào lúc trưa ngày 24-6-1867, thì nhân-dân và thuộc hạ của quan Tổng-Đốc ra "đón" và quan Tổng-Đốc chỉ có việc trao thành cho giặc - Tưởng cũng cần nhắc lại rằng quan Tổng-Đốc Hà-Tiên đã "tháp tùng" hạm-đội địch từ ngày 21-6-1867, tức là lúc giặc trên đường tiến chiếm Châu-Đốc.

Chiếm Hà-Tiên xong, Galey để Đại-Úy Dauvergne ở lại trấn giữ thị trấn này....

Thanh-toán xong Miền Tây, De La Grandière trao cho Reboul luôn việc tổ-chức hành-chánh... cả ba tỉnh, rồi sai Cố-Trường (Le Grand De La Liraye), đi tầu "Le Monge" ra Thuận-An báo cho Triều-Đình Huế biết tin (!). Đồng thời trao trả Kinh Lược Phan tất cả các đại-bác, vũ-khí, đạn-dược và chiếc tầu Mâu-Thỏa v.v.... tịch thâu được !.

Về phía Phan-Thanh-Giản, vài ngày sau khi viết thơ cho Tổng-Đốc Châu-Đốc và Hà-Tiên, lại viết cho De La Grandière một thơ khác như sau :

"Kính gởi Hải-Quân Thượng-Tướng đại-nhân và tư-lệnh Nam Kỳ thuộc Phú-Lang-Sa"..

"Tất cả dân-tộc ở theo bờ đại-dương minh-mông đều thân-ái nhau và nên cảm tạ Trời đã ban như vậy. Cũng nhờ Trời mà người ta sống hòa-bình nhau, cũng nhờ Trời cho người ta hưởng dương đặng lâu hay ngắn".

"Về phần Hải-Quân Trung-Tướng Bonard, viên sĩ quan tiếng tăm hơn tất cả các vị danh tiếng của Âu-Châu.

"Khi thuật lại võ-công của những người Âu-Châu, những thế-hệ tương lai kể lại, tại sao Hải-Quân Trung-Tướng Bonard trở về châu-thành Ba-Lê, đầy kinh-nghiệm, sau khi dọc ngang những biển Miền Nam, biển Trung-Huê và sông xứ này, cũng như xa tổ-quốc ông, ông đã đi viếng qua các núi, các sông, chiến thắng bão-tố. Số phận ông lớn lao hơn số phận của phàm-nhân nào hết, những đức tính vinh-quang đều là riêng có của ông, ông xứng-đáng cho những lễ-phép trọng đại và trước mặt ông, những đấng khác thường, đã qua rồi và sẽ tới của mặt đất đều phải nghiêng mình (thật là tán-dương Bonard qúa, nhưng tán-dương có nhầm chỗ chăng) ?.

"Về phần tôi, tôi nói rằng, mặc dầu chức vị nặng-nề, sứ-mạng khó khăn và danh tiếng yếu ớt của tôi Hải Quân Trung Tướng Bonard kính trọng tôi bằng tình tri kỷ. Tại sao đời người chưa đầy đủ và trước khi chưa thỏa-mãn sở-vọng thì người ta lìa trần-tục ! Chúng tôi đã ở trong sự

thân-tình với nhau và chúng tôi sẽ siết tay nhau. Hồi ấy, Đại Phú Lang-Sa đã lưỡng-lự về vấn đề lấy xứ Nam-Kỳ làm thực dân địa. Khi mất lần đối thoại giữa người và tôi để định ngày cho cuộc thương-nghị và vấn-đề một khi đã giải quyết xong, những tư-tưởng và những nguyện-vọng của chúng tôi đã hóa thành một (nguyện-vọng hòa-bình).

"Bây giờ đây điều đắng-cay và sự đau khổ thế cho chỗ những tình-cảm trên. Trong năm năm sau này (1863 đến 1867), những đêm nằm mơ, tôi thấy người ấy đến gần tôi.

"Than ôi, mới tháng rồi đây, tôi có đặng hung tín bên trời Âu qua cho hay rằng, cách đây hai tháng, Trung-Tướng Bonard tìm tiên cảnh bởi một bịnh tim. Chỉ có sự vinh-quang còn sống lại trên đời mà thôi.

"Như nhau, chúng tôi đặng ủy thác sứ mạng nguy-hiểm là thương-thảo hòa-bình, xếp đặt công việc cho hai xứ chúng tôi và đem lại sự giải hòa cho đôi dân-tộc, vậy chúng tôi không được gặp lại sao, trước khi làm mồi cho tử-thần ! Giờ đây, định số bẻ gẫy đời ngang-tàng của Hải-Quân Trung-Tướng Bonard, vậy tôi là người già yếu-ớt, tôi còn hy-vọng gì sống. Vâng, đây rồi tử-thần sẽ cho tôi hiệp mặt trong sự vĩnh-cửu với người nổi tiếng ấy. Nơi đó, hai tôi sẽ sung-sướng vô biên-giới và tình huynh-đệ không thể tan rã đặng.

"Nhưng với kinh-nghiệm này, (dịch Expérience nhưng ở chỗ này tối nghĩa, phải dịch tiếng Perspective là viễn ảnh mới hiệp nghĩa câu này), không thể cản ngăn nổi sự đau xót của tôi đối với gia-quyến của Tướng Bonard. Tôi chúc cho gia-quyến ấy và những người quen biết của Hải-Quân Trung-Tướng tất cả muôn điều thạnh-vượng. Vì biển trời bát-ngát, và vì tư-tưởng không thể truyền qua không gian, tôi hy-vọng rằng người ta sẽ chuyển đệ những tình-cảm mà tôi phát nguyện ra cho những đồng-nghiệp của Hải-Quân Trung-Tướng, bà-con thân-thích nói chung và tất cả hậu bạn của người".

Sau đó, Phan đem số tiền lúa của ba tỉnh khấu trừ vào bồi khoản chiến-tranh cho Pháp, còn dư lại bao nhiêu cho người mang theo tàu Mẫn-Thỏa, đưa về Huế cho Tự-Đức, kèm theo áo mão đại trào, ấn-triện sắc-bằng và một sớ tâu nội dung như sau :

"Nay gặp thời gian bỉ, việc dữ khởi ở trong cõi, khí xấu xuất hiện ở biên-thùy! Việc cõi Nam Kỳ, một chốc đã thế này, không thể ngăn cản nổi, nghĩa tôi đáng chết, không dám sống cẩu thả, để cái nhục lại cho Quân Phụ . Đức Hoàng-Thượng rộng xét xưa nay, biết rõ trị loạn : người thân kẻ hiền trong nước cùng lòng giúp đỡ, kính cẩn phép trời, thương người cùng khổ, lo trước tính sau, đổi dây thay bánh, thế-lực còn có thể làm được. Tôi tới lúc tắt nghỉ, nghẹn ngào không biết nói sao, chỉ gạt nước mắt tỏ lòng quyến-luyến, trông mong khôn xiết",

Rồi Phan bắt đầu tuyệt thực... sau mười mấy ngày không chết, đến 05-7-1867, Phan hướng về phương Bắc lạy Vua 5 lạy rồi uống thuốc phiện hòa với dấm tự-tử - vào lúc 74 tuổi.

Sau khi ông chết, người thì lên án (1) kẻ ghi công... (2), Nhưng ở đây chúng tôi nghĩ rằng chúng ta chỉ nên trình bày các sự kiện còn vấn-đề "Công", "tội", v.v... để lịch sử xử...

Trong qúa trình hoạt-động của Phan-Thanh-Giản, trải qua 3 triều Vua, ta thấy có nhiều điều để nói tới, tuy nhiên chúng tôi chỉ đề cập đến vài sự kiện quan-trọng nhất dưới đây:

1/- Đứng trước uy-lực của quân-thù, luôn-luôn Phan-Thanh Giản chủ-hòa "để tránh sự đổ máu vô-ích"!.

2/- Ngày 05-6-1862, trong thời gian Pháp đang bị sa lầy ở Mexique, quân Pháp ở Nam-Kỳ đang bị Nghĩa-quân làm cho điêu-đứng và chúng chỉ kiểm soát loanh-quanh mấy thị-trấn, thì Phan đã ký bản hòa-ước để giúp cho Pháp có cơ-hội "Bình-định những vùng đã chiếm" trải hẳn chỉ thị đã cho lúc lên đường phó hội.

3/- Ngày 15-7-1864, Ông đã thành công trong việc ký kết một thỏa ước ở Huế với đại-diện Pháp là Aubaret, để chuộc lại 3 tỉnh Miền

---

(1) Là "phản quốc" là tự-tử trong khi không muốn chết" là "hèn nhát" là trốn tránh trách nhiệm".

(2) Bằng cách đề cao (Nhất là người Pháp) "Tấm lòng son để báo đền ơn nước"... và ghi vào trong chương trình Tiểu Học "tấm lòng son ấy" để làm gương !.

Đông, sau khi đã cầm đầu phái-đoàn sang tận chánh quốc để thương-thuyết - Nhưng sau hiệp ước này bị hủy bỏ - Như vậy cũng như là không.

4/- Trong ngày 20-6-1867, mới thấy bóng quân Pháp tới, Phan đã vội trao thành cho giặc,* và mặt khác lại viết thơ khuyên Tổng-Đốc hai tỉnh An-Giang và Hà-Tiên nên "noi gương mình" nộp thành cho giặc !.

5/- Khi tuyệt thực và uống thuốc độc, trước mặt các quan ta, thì ông từ chối mọi sự chạy chữa. Nhưng khi chỉ có một mình Cha Marck thì ông thuận mọi điều và chỉ sợ mình sẽ chết (La Geste F* en Indochine).

Phản ứng của Triều-Đình Huế sau khi mất ba tỉnh Miền Tây ? Tự-Đức và bầy tôi lấy làm giận lắm, viết thơ cho Súy-phủ Saigòn, xin trả lại số binh khí còn lại ở ba tỉnh kể trên và xin họ nhượng lại cho ta tỉnh Biên-Hòa và một phần Saigon, để "bù vào sự tổn thất nặng-nề của ta"!. Dĩ-nhiên đề nghị lầm-cẩm này không được Pháp đếm xỉa đến, mà lại làm trò cười cho chúng là khác nữa !.

Một việc kỳ-cục khác nữa là khi nghị tội các quan can dự vào việc mất Nam-Kỳ, Tự-Đức dụ : "Sáu Tỉnh Nam-Kỳ trước đây đã vì Nguyễn-Tri-Phương, Tôn-Thất-Cáp, Phạm-Thế-Hiển, Nguyễn-Bá-Nghi tiễu-phòng không hết sức, rồi đến Phan-Thanh-Giản, Lâm-Duy-Hiệp nghị hòa khinh xuất, sau Phan-Thanh-Giản, Trương-Văn Uyển, Nguyễn-Hữu-Cơ và Trần-Hoàng nhân-tuần nhởn nhác, nên đến nỗi mất cả 6 tỉnh, nay định tội Phan-Thanh-Giản, Lâm-Duy-Hiệp phải truy-đoạt chức-hàm, đục bia tiến-sĩ, kết-án "Trảm giam hậu" đời đời"

(Mãi tới năm 1886 Đồng - Khánh mới khôi phục nguyên-hàm cho hai Ông).

Tới tháng giêng năm 1868, Tự-Đức còn mưu dùng ngoại giao để điều-đình một lần nữa về đất đai ở Nam-Kỳ. Vua sai Trần-Tiễn-Thành cầm đầu một phái-đoàn gồm có Bang-Biện Nguyễn-Văn-Tường và Cửu-Phẩm Nguyễn-Đức-Hậu vào Gia-Định xin Súy-phủ Saigon (Pháp) để cho quan Việt-Nam cai trị nhân dân 6 tỉnh, thu thuế hộ rồi trao lại cho Pháp, hoặc ít lắm Pháp giao cho Việt-Nam tỉnh Biên-Hòa. Phó Đề-Đốc De La Grandière không chấp-thuận, chỉ hứa sẽ giảm cho Triều-Đình Huế một phần lớn số bồi khoản của hòa-ước năm 1862 mà thôi.

Thất bại, Vua Tự-Đức lại định cử một Sứ-đoàn do Lễ-Bộ Thượng-Thư Nguyễn-Văn-Phong cầm đầu sang Pháp để điều-đình, nhưng vì có Nguyễn-Văn-Tường dâng sớ tâu về sự vô-ích của vấn-đề nên Tự-Đức chỉ viết thơ sang kêu nài mà thôi.

Dưới con mắt của Vua, Quan ta, thì 6 tỉnh Nam-Kỳ vẫn chưa phải là mất hẳn. Do đó, Triều Đình ta luôn luôn tỏ thái độ thân-thiện với Pháp và nuôi cái mộng khôi phục lại đất đai đã mất...

Khi Triều-Đình ta thấy tình hình bang giao Pháp - Đức căng thẳng, liền cử người qua Hương Cảng và Tân-Gia-Ba để điều-tra về tình hình Âu-Châu và viết những bài báo ở hai xứ ấy để tố giác tội ác của Pháp ở Nam-Kỳ trước dư-luận quốc-tế...

Sang đầu năm 1870, có Sứ-thần Tây-Ban-Nha đến Huế, Vua sai các Ông Nguyễn-Tri-Phương và Trần-Tiễn-Thành thăm dò xem Tây có giúp gì ta trong việc thu phục Nam-Kỳ hay không, nhưng hai Ông tâu lại rằng không trông mong được gì ở họ cả.

Chiến-tranh Pháp - Đức xảy ra, Súy-phủ Saigon báo tin cho Triều-Đình Huế biết. Tự-Đức gởi thơ cầu chúc cho Pháp thắng lợi.

Nhưng vì lúc bấy giờ ở Bắc-Kỳ hãy còn loạn lạc, nên Tự-Đức không tính toán gì được cả.

Khi được tin Pháp-Hoàng Nã-Phá-Luân đệ tam bị thất bại, Tự-Đức sai viết thơ cho Phó Đề-Đốc Cornulier - Lucinière (1) cầu-chúc Pháp thoát khỏi cơn nguy biến, đồng thời nói rằng :"nếu Súy-phủ Saigon phải đem quân về để bảo-vệ chánh-quốc, thì xin thương-lượng để trả lại Triều-Đình Huế 6 tỉnh Nam-Kỳ, để chẳng có gì xảy ra làm thương-tổn tình giao-hảo giữa hai nước". Cornulier trả lời rằng : "Pháp có đủ lực lượng và khả năng giữ gìn đất Nam Kỳ và vẫn được chánh-quốc tiếp tế đều đều..."

---

(1) Mới đến thay Phó Đề-Đốc Ohier.

CHƯƠNG IV

Thực dân Pháp bắt tay vào việc cai trị và bóc lột ở Nam-Kỳ

Các tổ-chức về chánh-trị và kinh tế (về các tổ chức quân sự xin xem ở phần thứ III).

Từ khi quân Pháp chiếm Saigon lần thứ nhất, để làm đầu cầu cho công cuộc chiếm Nam Kỳ và Việt-Nam sau này, đã có một số người đến ẩn náu dưới sự "che chở" của quân cướp nước. Trước hết là một số giáo dân, vào khoảng 3.000 người, ở Đà-Nẵng bị thực dân phỉnh phờ lường gạt theo chúng vào Saigon và một số giáo dân khác, ở vùng phụ cận Gia-Định thành, bị quân ta nghi ngờ phản quốc, chạy về đây, là những "công dân" đầu tiên của chế độ mới. Cuối năm 1859, Phó Đề-Đốc Page đã bắt đầu thiết lập các cơ cấu cho việc cai trị, đặt luật lệ cảnh sát và quan thuế. Cũng thời gian này, Pháp làm con đường thứ nhất do quân sĩ Hải-quân thuộc chiếc Catinat lên đảm nhiệm, do đó con đường này mang tên là Catinat (bây giờ ta gọi là Tự-Do). Page lại cho mở hải cảng Saigon vào ngày 22/2/1860 để tàu bè của Pháp và ngoại quốc ra vào buôn bán. Các tàu này được sự bảo vệ của Pháp từ Vũng-Tàu đến bến sông Saigon.

Đề-Đốc Charner đánh xong Gia-Định, lập ra chức Tổng Giám-Đốc hành chánh bản xứ (Directeur Supérieur de l'administration Indigène) và một ngạch thuộc viên trực tiếp của Tổng Giám-Đốc, đó là ngạch Giám-Đốc bản xứ Sự-Vụ (Directeur des affaires Indigènes). Những người này có nhiệm vụ thay thế các quan Phủ, Huyện cũ, cai trị dân chúng, đánh dẹp trộm cướp, xem xét phong tục và luật lệ của người Việt

Đến Phó Đề-Đốc Bonard, ông này quan niệm về mặt tinh thần hành chánh, nếp sống cũ của người Việt cần phải được duy trì và tôn trọng. Bởi vì những truyền thống, những phong tục và luật pháp cũ của người Việt, đã kết hợp nên một nền tảng khá vững, nếu phá bỏ thì là một cuộc xáo trộn rất tai hại. Do đó, ông chỉ sửa đổi có tính cách bổ khuyết mà thôi. Rồi các chức Phủ, Huyện lại được sắp đặt trở lại và để liên lạc với các cấp hành chánh này, ông cho ra đời một số thanh tra bản xứ sự vụ (Inspecteur des affaires Indigènes).

Một nhóm người đã đi sâu vào đời sống tinh thần Việt-Nam, bằng cách đọc sách và giao dịch với các nhà trí thức của ta, cũng tán thành quan niệm của Bonard, nên đã tích cực giúp đỡ ông này duy trì và hoàn thiện chế độ cũ, đó là Luro, Philastre, Aubaret, Le Grand de La Liraye... Tuy nhiên Pháp cũng gặp khó khăn là chưa tuyển dụng được những cộng sự viên có tài và có tư cách xứng đáng để bổ làm Phủ, Huyện...



Dinh Thống-Đốc đầu tiên ở Nam-Kỳ

Đến lượt Phó Đề-Đốc De La Grandière sang thay Bonard, ông này cũng gặp trở ngại như Bonard, nghĩa là những người giỏi không chịu hợp tác, nên ông buộc lòng phải áp dụng trở lại đường lối cai trị trực tiếp của Charner và nó được duy trì mãi về sau này... Số thanh tra bản xứ sự-vụ được tăng lên và dùng các Sĩ-quan Hải-quân, thay thế các quan Phủ, Huyện người Việt-Nam ra cộng tác năm 1864. Do đó, De La Grandière phải lập thêm một cơ quan để kiểm soát các viên thanh tra kể trên : Nha Thanh-Tra bản xứ nội vụ, được gọi tắt là Nha Nội-Vụ. Đồng thời, ông cho mở nhiều trường để dạy chữ quốc ngữ ở những vùng có nhiều dân, định lại các thứ thuế và ngân sách cho thuộc địa.

Năm 1864, Pháp ban bố Nghị-Định (ngày 25/7) về tài phán hộ-vụ và lập các tòa án Pháp. Năm 1866, Pháp mở cuộc đấu xảo đầu tiên, trưng bày sản phẩm canh nông và kỹ nghệ tại Saigon. Năm 1869, lập một Hội-Đồng tư-vấn để góp ý-kiến cho việc canh cải chế độ cai-trị ở thuộc địa mới này (Nghị-định ngày 21-2-1869).

Trong thời gian đầu, vì nhu cầu bình-định, kéo dài khoảng 10 năm, các Thống đốc đều do các Tổng Tư-Lệnh đạo quân Viễn-Chinh kiêm-nhiệm - cho mãi tới năm 1879, chức vụ này mới được giao cho quan chức dân sự và người đầu tiên được bổ-nhiệm là Le Myre de Vilers (cựu Hải-quân Trung-Úy) ⊢ nhận chức ngày 7/7/1879.

Tưởng cũng cần nói thêm rằng, bên cạnh các âm mưu (nói trên) để củng cố guồng máy thống nhất ở Nam Kỳ của bọn thực dân Pháp, về phía người Việt-Nam, một số người vong bản cũng dựa vào hơi "quan Tây" để tạo thành một giai cấp xã-hội mới : bọn nhân sĩ hoạt đầu chạy theo giặc, bọn thư lại của soái phủ, bọn "địa chủ", bọn "học sinh" và bọn gian thương...

Về bọn nhân sĩ hoạt đầu, tiêu biểu có các tên Tôn-Thọ-Tường, Phan-Hiển-Đạo, đao phủ Đỗ-Hữu-Phương và một vài tên khác... đã có công giúp nước Pháp "khai hóa" xứ này - trong số có tên được bọn thực dân dựng tượng... Về bọn thư lại của soái phủ, đồng bào đã phê bình "oai như giặc, oai thấu trời, oai hơn ông kẹ" tiêu biểu cho đám này là bọn thông ngôn (mà sau này nhiều tên được phong chức "Phủ", "Huyện"... qua một kỳ khảo hạch chiếu lệ), bọn này chỉ biết loanh quanh vài chữ "Oui" hay "Non" là có thể có kẻ được vinh thân phì gia, trở thành địa chủ, hay cũng có kẻ rơi đầu hoặc vong gia thất thổ...(còn nhiều lắm không kể xiết). Sau đám thư lại, còn có bọn bồi bếp và đĩ điếm, me tây ma cạo v.v... phục sức lố lăng dựa vào "chủ" tác oai tác quái không kém. Về bọn "địa chủ" mới mọc ra (hay được bồi dưỡng thêm) do ở cái chỗ khi quân cướp nước tới, đồng bào ta phải phiêu bạt chưa dám về... đến khi bọn thực dân "lập bản đồ" (?) và sổ sách điền thổ... về "những đất hoang ấy" (1), một phần thì chúng dùng làm đồn điền, một phần thì chúng



Phòng Thương-Mại Âu-Châu đầu tiên ở Nam-Kỳ ←



Quán Café đầu tiên ở Sài-Gòn

chia cho bọn tay sai... tiêu biểu cho đám này là Lê-Phát-Đạt tức Huyện Sỹ ở Cầu-Kho (Saigon), Lê-Văn-Quyến ở Bà-Rịa v.v...; Về bọn "học sinh" (nào đâu có phải học sinh theo đúng nghĩa của nó) là một đám học trò lớp nhất của các trường tỉnh, được bọn thực dân mang về Saigon dạy tại Trường D'Adran (ngày nay là Chasseloup-Laubat - Trung-Tâm văn-hóa Lê-Quý-Đôn), nhằm thỏa mãn cho nhu cầu của guồng máy cai-trị... Bọn này được thực dân cấp cho học bổng, giầy, mũ, áo quần tây và được ăn ở ngay trong học xá... để sau này trở thành các "thầy giáo" (cán bộ tuyên truyền đắc lực cho thực dân), thông ngôn, thư ký... và nếu tên nào có công giúp quân cướp nước đàn áp và chém giết nhiều đồng bào của nó thì được cất nhắc lên tới chức "Đốc phủ-sứ"... Về bọn gian thương từ vạn cổ vẫn là bọn Hoa-Kiều, chúng xuất hiện theo quân cướp nước, để kiếm ăn trong những việc đấu thầu cung cấp trâu bò, lợn gà, gạo v.v... các công trình xây cất và các dịch vụ khác của thực dân...

Từ đây trở đi, cách ăn mặc, nhà cửa, phố phường của miền Nam cũng lần lần thay đổi... trước con mắt khinh bỉ của những người có liêm sỉ thời bấy giờ...



CHƯƠNG V

Những cuộc tự động nồi dậy kháng chiến của sỹ dân miền Nam

Miền Nam nước ta là phần đất phải thực sự đương đầu với mũi dùi xâm lăng đầu tiên của bọn thực dân Pháp. Vì vậy sỹ dân miền Nam nước ta là những người đầu tiên được chứng kiến tận mắt cảnh quốc phá gia vong và sự bất lực, khiếp nhược của Triều-đình Huế. Cho nên đồng-bào ta ở đây cũng là những người đầu tiên tự động nổi dậy, phất cờ kháng chiến : Bằng cách này hay bằng cách khác, từ vũ-khí thô sơ, các đồ dùng hằng ngày như : dao, liềm, búa, đến các vũ-khí mua được, hoặc cướp được của quân thù ; tới những câu thơ, câu vè, câu hò v.v... (1); dưới các khẩu hiệu "dân chúng tự vệ", "Bình Tây sát tả"... Nó bắt đầu từ năm 1860 đến năm 1875... Trước tiên là các cuộc tự động vùng dậy của các Ông ĐỖ TRÌNH TOẠI, TRƯƠNG-ĐỊNH, NGUYỄN-THÔNG, HỒ-HUẤN-NGHIỆP, PHAN VĂN-ĐẠT, NGUYỄN-THÀNH-Ý, LƯU-TẤN-THIỆN ở Gò-Công, Tân-An, Chợ-Lớn và Gia Định từ năm 1860 đến năm 1864 ; kế đến là Ông NGUYỄN-DUY-DƯƠNG tức THIÊN-HỘ-DƯƠNG ở Đồng Tháp Mười từ năm 1865 đến 1866; PHAN-TAM, PHAN-NGŨ ở Vĩnh-Long, Sađéc, Bến-Tre và Trà-Vinh năm 1867; Ông TRẦN-VĂN-THÀNH ở An-Giang năm 1867 đến năm 1874; Ông NGUYỄN-VĂN-LỊCH tự CHƠN tức là NGUYỄN-TRUNG-TRỰC, ĐỖ-THỪA-LONG, ĐỖ-THỪA-TỰ ở Tân-An và Rạch-Giá từ năm 1861 đến năm 1868; Ông NGUYỄN-HỮU HUÂN tức Thủ-khoa HUÂN ở Tân-An và Mỹ-Tho năm 1868; Ông PHAN-TÒNG ở Ba-Tri và Giồng-Gạch từ năm 1869 đến năm 1870 ; Ông ÂU DƯƠNG LÂN, LÊ CÔNG THÀNH và PHẠM VĂN ĐỒNG ở Vĩnh-Long, Cần-Thơ và An-Giang năm 1872; Ông NGUYỄN XUÂN PHỤNG và ĐOÀN CÔNG BỬU ở Trà-Vinh năm 1875; Ông TRẦN BÌNH và LÊ TẤN KẾ ở Ba-Động năm 1875; Ông QUẢN HỚN và NGUYỄN VĂN BƯỜNG ở 18 Thôn Vườn Trầu năm 1885.

Sau đây là một vài lãnh tụ với các trận đánh nổi danh nhất :

- Ông ĐỖ TRÌNH TOẠI tức Tri-huyện Toại là người đầu tiên tự động nổi dậy phất cờ kháng chiến. Ngày 22-6-1861, ông cầm đầu 600 Nghĩa quân đến tấn công đồn Gò-Công. Đồn này, do Hải-quân Trung-Úy VIAL chỉ huy, trấn giữ. Khi quân ta đến, VIAL dẫn 10 khinh binh thủy quân ra nghênh chiến ... Sau một cuộc đụng độ kịch liệt, VIAL bị trúng thương, vì bị Nghĩa-quân ta đâm hai mũi giáo và bị thủ pháo làm hư một con mắt ... Về phía Nghĩa quân thì Ông Huyện TOẠI đền nợ nước.



Ông TRƯƠNG-ĐỊNH (về sau sỹ dân miền Nam thêm chữ Công để tỏ lòng kính mến và tuyên dương công lao của ông) là người thứ hai sau Ông Huyện TOẠI đứng ra chiêu mộ Nghĩa quân, cương quyết chống Pháp, sau khi thành Gia-Định và thành Kỳ-Hòa thất thủ. Số người hưởng ứng lên tới một vạn. Ông tung ra khẩu-hiệu "DÂN CHÚNG TỰ VỆ", đã lập được nhiều

---

(1) Về sau nhân dân Bắc-Kỳ còn có "sáng kiến":

Lấy ổi xanh đổ ra đường "để cho Tây nó đi nó ngã". Vì họ thấy chúng đi giầy ống, nên cho rằng chân chúng chỉ có một dóng, dậm phải ổi xanh chúng sẽ ngã ...

-Mặc quần áo rách, tẩm nước tiểu vào để cho mùi xú uế xông lên, đạn nó sẽ kỵ mà không ghim vào người !"

chiến công và được nhân dân rất tin tưởng ... Vì sự khiếp nhược của Triều đình Huế trước bọn cướp nước Pháp-Tây, nên Triều-đình đã đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác, còn Ông, Ông nhất quyết kháng chiến và đặt quyền lợi tổ-quốc trên Triều-đình, nên Ông vẫn tiếp tục kháng chiến, mặc dầu có lệnh của Triều-đình hạ lệnh Ông phải giải giáp ... Thậm chí Triều đình ra lệnh cách chức Ông (sau Hòa-ước Nhâm Tuất), nhưng hành động của Ông hợp với lòng dân, nên nhân dân đã suy tôn Ông lên làm lãnh tụ của họ để tiếp tục kháng chiến ... Và gọi là Bình Tây Đại Nguyên Soái.

Địa bàn hoạt động của Ông ở khắp 3 tỉnh Miền Đông. Với việc áp dụng du-kích chiến, Nghĩa quân của Ông đã gây tổn thất và điêu đứng cho quân Pháp-Tây ở khắp mọi nơi, nhất là vào giữa năm 1863. Các trận đánh nhắm vào các tiền đồn của địch bấy giờ là Phú-lâm - Bà-Hom Tân-Hòa - Bến-Lức - Tân-An - Cây-Mai. Ngày 17-12-1862 Ông đã chỉ-huy Nghĩa quân tấn công đồn Rạch-Tra. Đại-Úy Thủy-quân Lục-chiến THOUROUDE, đã phải hy-sinh, để cho quân sỹ rút lui và ngày hôm sau, 18-12-1862, 1.200 Nghĩa quân do Ông chỉ-huy đã tấn công đồn Thuộc Nhiêu, ở khoảng giữa đồn Cây Mai và Mỹ-Tho, do Đại-Úy Thủy-quân Lục-chiến TABOULE chỉ huy chống giữ, đã làm cho quân ở trong đồn khốn đốn.

Vì thấy tình trạng ngày càng thêm khẩn-trương, địa bàn hoạt động của Nghĩa-quân ngày càng lan rộng, Phó Đề-Đốc Bonard cử tay sai TÔN THỌ TƯỜNG đến điều đình với Ông để giải binh, Ông từ chối và càng hoạt động mạnh hơn bao giờ hết. Thất bại, Bonard phải cầu cứu Phó Đề-Đốc Jaurès ở mặt trận bên Tàu, mang quân sang tăng cường với một Tiểu-đoàn bộ binh Algérie (-), một Tiểu-đoàn khinh binh Bắc Phi, ngoài ra Tây Ban Nha cũng gởi thêm 800 người từ Phi-luật-Tân qua tiếp lực.

Nhờ có viện binh trên, thành Biên-Hòa bớt bị Nghĩa quân uy hiếp, đồng thời Pháp mở được con đường xuống Bến-Lức, để qua đánh căn cứ chính của Nghĩa quân ở Gò-Công (mà quân Pháp đã bị bức rút bởi Nghĩa quân từ 1-3-1862).

Bonard cử Thiếu-Tướng Chaumont và Đại-Tá Tây-Ban-Nha Palanca-Guttierez đem quân đánh chiếm lại Gò-Công.



TRƯƠNG - CÔNG - ĐỊNH

Chúng chuẩn bị hết sức cẩn thận và điều quân theo ý niệm "bủa lưới phóng lao" để thanh toán Nghĩa-quân ...

Từ mấy ngày trước ngày tấn công (ngày tấn công là ngày 25-2-1863) địch quân đã :

1/- Đánh chiếm chiến lũy Đồng-Sơn ở cách Gò-Công 11 cây số về phía tây bắc (Thiếu-Tá Piétri cùng với bọn lính Algérie đã đóng một vai trò quyết định trong trận đánh này).

2/- Mang quân từ Mỹ-Tho sang Chợ Gạo để án ngữ Nghĩa quân về phía Tây và Nam (do Hải quân Đại-Tá Ariès chỉ-huy).

3/- Cho Thông-báo-hạm "Forbin" án ngữ sông Vàm Cỏ ở chỗ vào Rạch Lá ; Pháo hạm "Avalanche" - "Dragonne" và một pháo hạm nữa án ngữ ở sông Cửa Tiểu ; nhiều pháo hạm khác và xuồng làm nút chận ở phía Tây ; Hộ-tống hạm hạng nhẹ Tây-Ban-Nha "La Cire" án ngữ từ cửa Soirap đến Cửa Tiểu ở phía Đông.

4/- Đóng 30 thuyền bọc sắt, mỗi cái chở 6 người, để cùng với các cánh quân vượt qua các sình lầy và ruộng ngập nước ...

5/- Chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ để vượt sông, phá cản v.v...

6/- Pháo hạm "Alarme" sẽ ngược con kinh, dẫn thẳng đến Gò-Công (Kinh Gò Công) và yểm

trợ cho các nỗ lực chính - Cánh quân trên bộ (cũng tiến dọc theo con kinh này) do Thiếu-Tướng Chaumont và Đại-Tá Tây-Ban-Nha Palanca Guttierez chỉ huy.

Ngày 25-2-1863, vào lúc sáng sớm, sau khi các đại bác của Pháp-Tây pháo kích nặng nề vào các mục tiêu chỉ định, Pháp - Tây xua quân tiến ... Nghĩa quân bỏ cả đại bác, súng ống và quân dụng rút lui hỗn loạn trước hỏa lực hùng hậu của đối phương.

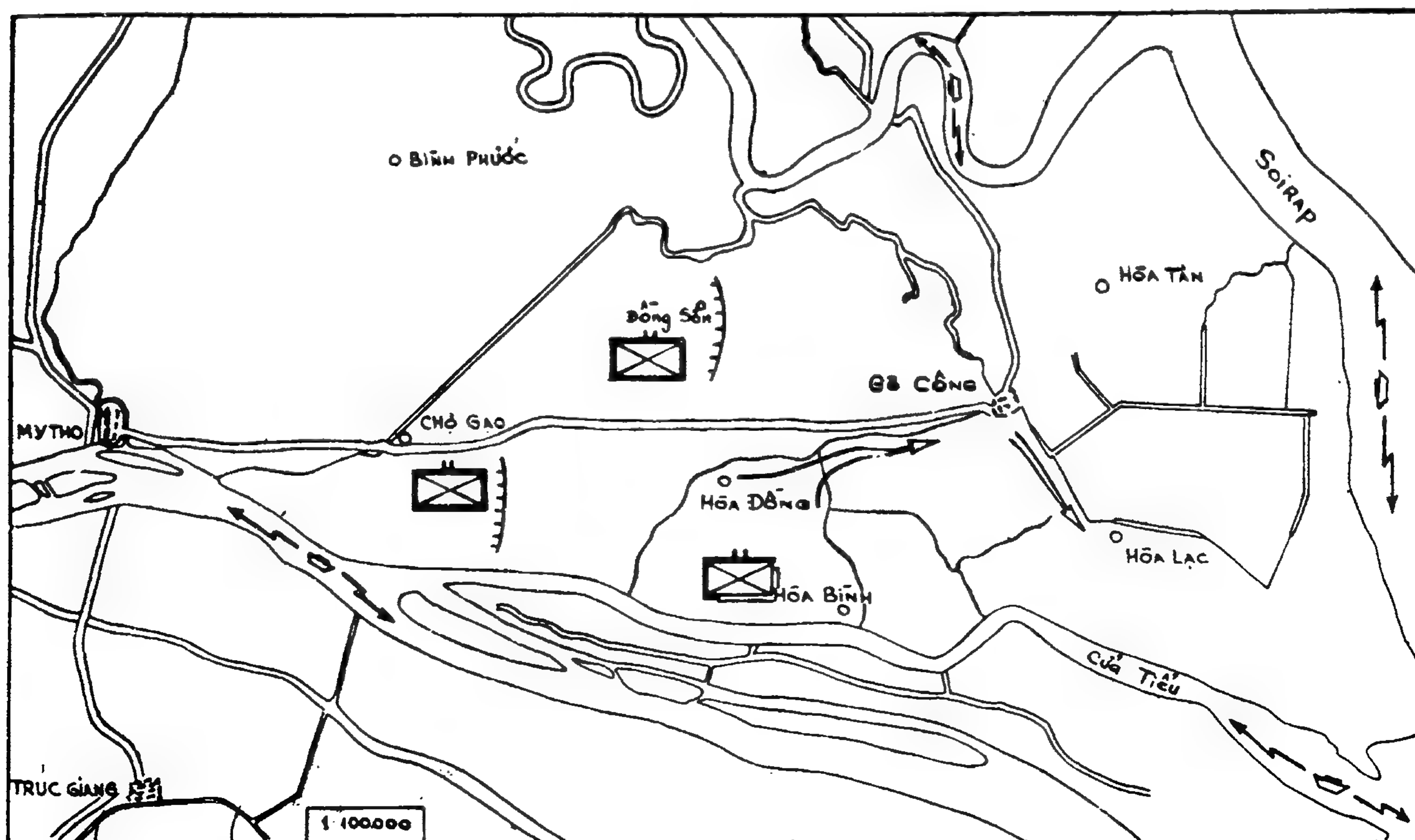
Thế là bao nhiêu công trình của Bình-Tây Đại-Nguyên Soái xây dựng gần một năm trời đã bị tan vỡ trong có một ngày đương đầu với quân địch.

Trong trận này quân Pháp-Tây bị tổn thất tương đối ít vì hỏa lực chống trả của ta, trái lại bị ốm đau rất nhiều sau những ngày chuyển quân vất vả, qua những cánh đồng lầy lội và phá hủy các chướng ngại vật v.v... của ta dưới ánh nắng thiêu đốt của mặt trời ...

Sau chiến thắng này của quân Pháp-Tây, Bonard đã có cơ để hối thúc Triều-đình Huế làm lễ hỗ giao hòa ước Nhâm-Tuất (1862 - xin xem mục liên hệ) ...

Về phía Nghĩa quân và Ông TRƯƠNG thì sau trận này rút về ẩn náu ở mấy hòn đảo bùn lầy ở Vàm Sông Soirap. Quân Pháp-Tây được tin lại truy kích. Nghĩa quân lại rút về Tân-An - Chợ Gạo rồi về Kiểng-Phước ở phía hữu ngạn sông Soirap (cũng thuộc Gò-Công), tại đây Ông bị tên phản quốc HUỲNH CÔNG TẤN, tức Đội TẤN, một bộ hạ củ của Ông, vì phạm lỗi, bị Ông răn dạy, chẳng những hắn không ăn năn lại còn tráo trở, chạy sang hàng giặc vào năm 1862, cho đến khi Ông thất thế, hắn biết được nơi ẩn náu của Ông, nên đã xin với quan Tây mang một Tiểu-đội thân-binh đi lùng bắt Bình-Tây Nguyên-Soái TRƯƠNG - ĐỊNH. Tại đây (Kiểng-Phước), khi thấy động, Ông cùng 25 người quyết tử chiến với bọn phản quốc. Kết qủa Ông bị trúng đạn nơi xương sống và đền nợ nước cùng với một số Nghĩa quân vào đêm 19 rạng ngày 20-8-1864. Ông hy-sinh, con Ông là TRƯƠNG-QUYỀN lên thay, tiếp tục kháng chiến. QUYỀN mang quân sang Tây Ninh liên kết với nhà Sư cách-mạng Miên là PU CAMBO - Ông này là một người duy nhất trong lịch sử chống thực dân xâm lăng của Miên - Sau bị thất bại., Trương Quyền hy-sinh ... Về sau người ta có lập một đền thờ cha con Ông tại nơi sinh quán.

Cha con Ông TRƯƠNG bỏ mình vì nước nhưng các đồng chí của Ông vẫn tiếp tục sự nghiệp kháng chiến cứu quốc của Ông.



Sơ đồ hành-quân của quân Pháp Tây đánh vào Gò-Công

Ông NGUYỄN TRUNG TRỰC tự CHƠN, tức NGUYỄN VĂN LỊCH, người tỉnh Long-An, vừa làm nghề chài lưới vừa làm ruộng, đã phất cờ kháng chiến từ Long-An đến Hòn Chông (Rạch Gía) ... Năm 1860, sau khi nhận thấy sách lược của Triều-đình Huế chỉ là một thứ sách lược đầu hàng và về phần bọn cướp nước thì ngày càng lấn tới ... Ông hoạt động nhiều nhất vào cuối năm 1862, tức là sau thỏa hiệp Nhâm-Tuất. Thành tích của Ông đầu tiên là đốt phá chiếc thuyền võ trang"Espérance(1) của Pháp do Hải quân Trung-Úy Parfait (2) chỉ-huy, đang neo tại làng Nhật-Tảo (Long-An), nơi được dùng làm căn cứ thủy bộ cho các cuộc tuần chiến v.v...

Trưa ngày 10-12-1861, Ông cho một chiếc thuyền lớn qua sông, giả làm thuyền đám cưới, trên thuyền Ông cho giả trang đủ các thành phần như là một đám cưới thông thường. Khi tới thuyền Pháp, thì một người ngỏ ý lên trình thuyền bài, rồi trong lúc lính Pháp không để ý, Ông và 150 Nghĩa quân nhảy sang thuyền địch đâm chém tứ tung ... Ngay sau đó các thuyền rơm và thuốc bồi của Nghĩa quân cũng áp tới sát thuyền địch và phóng hỏa ... Thuyền địch cháy, Nghĩa-quân rút lui, các thùng xăng trên thuyền nổ bọn cướp nước kêu la thảm thiết, rồi một tiếng nổ kinh hồn đã đưa thuyền địch xuống đáy sông cùng với 17 lính Pháp, 20 tên Việt gian phản quốc ... Nhưng Parfait thoát chết vì đi công tác vắng ...

Sau chiến công trên, Ông cùng các đồng chí rút về Cà-Mau để học tập rút kinh nghiệm và chuẩn bị các hoạt động khác ... Cũng trong thời gian này, Ông đi Huế, lãnh chức Quản-Cơ của Triều-đình và nhận lệnh đánh phá Hà-Tiên (với chức Thành-thủ-Úy). Trong khi đó thì bọn Pháp Tây đang ra sức truy lùng Ông ở vùng Long An.

Chiến công thứ hai không kém phần vang dội của Ông là việc chiếm đồn Rạch-Gía. Ông áp dụng chiến lược binh vận và cử hai chị em Bà ĐIỀN và Bà ĐỎ là những người có học lại có khả lực, đến vận động bọn phản quốc, trong số có một tên quản-cơ (Thượng-sĩ thường vụ đại-đội) (3), làm nội ứng cho Nghĩa quân.

Kế hoạch đã chuẩn bị xong thì 4 giờ sáng ngày 16-6-1868, Nghĩa quân tấn công vào đồn (đồn này ở phía sau Tòa Hành-chánh mới cất, trước dùng làm nhà hầu). Trong đánh ra, ngoài tấn vào, quân Pháp phải rút ra phía Rạch-Giồng



NGUYỄN - TRUNG - TRỰC

qua chùa Thập-phương và rồi bị tàn sát tại đây. Kết qủa trên 30 Sĩ-quan và viên chức Pháp bị giết, một số "khố đỏ" (để chỉ một số người Việt-Nam đi đánh thuê chết thế cho lính Pháp) chạy về hàng ngũ kháng chiến, và chỉ có một tên Pháp là lính kèn Duplessis sống sót.

Lấy được Rạch-Gía, nghĩa quân lập ngay một phòng tuyến từ Rạch-Gía tới núi Sập để chống nhau với viện quân của Pháp ...

Pháp huy động toàn lực ở Vĩnh-Long với đủ mặt bọn phản quốc như ĐỖ HỮU-PHƯƠNG (tức Tổng-đốc PHƯƠNG - Người mà ngày nay người ta vẫn dùng để đặt tên cho một đại-lộ ở Chợlớn ?); HUỲNH CÔNG TẤN (tức Đội TẤN) tên đã "có công" bắn chết Bình-Tây Nguyên-Soái TRƯƠNG CÔNG-ĐỊNH; TRẦN BÁ LỘC (tức Phủ LỘC - một đồ tể của quân cướp Pháp-Tây) dưới quyền chỉ huy của Hải-quân Trung-Tá Ansart, quyết tận lực tảo thanh Rạch-Gía ...

Quân Pháp đã đụng độ liên tiếp với Nghĩa quân, nhưng vì phương tiện và hỏa lực hùng hậu của quân cướp nước, Nghĩa - quân phải rút lui ra Hòn Chông, rồi Phú-Quốc, sau 6 ngày làm chủ tỉnh thế Rạch-Gía - Lúc Nghĩa quân phải rút là lúc 15 giờ 30 chiều ngày 21-6-1868

---

(1) Lorcha : Jonque armée en guerre.
(2) Enseigne de Vaisseau de lè Classe.
(3) Xin chớ lẫn lộn với chức Quản-Cơ là một cấp chỉ-huy cao cấp của Triều-đình-Huế, tương-đương với cấp Đại-Tá bây giờ.

Ngày 19-9-1868, quân Pháp bao vây sào-huyệt cuối cùng của Ông ở Phú-Quốc. Chúng dùng các chiến hạm bao vây và bắn đại bác để tiêu hao quân ta trước khi đổ bộ. Quân ta dùng đủ mưu chước để chống trả. Nhưng rồi vòng vây ngày càng thắt chặt và Nghĩa quân cũng cạn lương. Thấy tình hình lâm nguy, Quản-Cơ NGUYỄN-TRUNG-TRỰC tập hợp các cộng sự viên gần Ông nhất và nói rằng "Giặc chỉ oán một mình tôi, chỉ lo về một mình tôi. Tôi ra cho chúng bắt thì chúng sẽ không để ý làm gì hại anh em". Một cộng sự viên đắc lực nhất của Ông nắm áo Ông và nói "Úy không nên làm như vậy. Chúng tôi thề sống chết với Úy". Nhưng Ông ung dung nói :"Giặc không giết được ta, song cạn lương thực thì rồi sẽ bị chết hết. Thà chết hết, chết đói cả lúc này thì ích gì cho mai sau ? Giặc được tôi thì mừng lắm, sẽ không làm hại anh em, anh em hãy cố sống mà tiếp tục báo quốc. Anh em nào phải úy tử tham sanh, phải can đảm liệu cách xuất xử ... "

Rồi NGUYỄN TRUNG TRỰC viết mấy hàng chữ cho người đưa đến cho Đội TẤN, đại ý nói rằng "Nếu quân Pháp hứa không làm hại những người vì thương, vì sợ mà theo tôi ở đây thì tôi sẽ ra tay không, đến dinh trại Pháp". Sau đó, Ông cho trói Ông lại và dẫn đến tên TẤN ...

Ông bị dẫn lên Saigon, Phó Đề-Đốc Ohier muốn biết tận mắt một người đã làm cho quân Pháp nhiều phen điêu đứng và giết hại quan quân Pháp nhiều nhất, và cũng có ý muốn dụ Ông quy hàng. Nhưng Ông đã trả lời một cách cương nghị và xin được chết càng sớm càng tốt ....

Đội TẤN, trong dịp này, càng giả nhân giả nghĩa, xin "ân xá" cho Ông NGUYỄN và "bảo đảm rằng Ông sẽ trở nên một người phục vụ hữu ích lắm và tận tụy lắm" (như kiếp tôi mọi của TẤN). Nhưng rồi ngày 27-10-1868, bọn cướp nước cũng mang Ông về Rạch-Giá, để chém Ông ở khoảng ty Bưu-điện và Cảnh-sát bây giờ, và chôn ở trong vòng thành Ông CHÁNH...



Võ-Duy-Dương , tức Thiên-Hộ Dương hay Lãnh-binh Dương, cũng là một trong số các lãnh tụ Nghĩa quân, đã phất cờ ứng nghĩa kháng chiến. Ông chiêu mộ được cả ngàn người, trong số đó có cả lính Tagal và một người Pháp tên là Liguet. Vì vậy Ông được phong chức Thiên-Hộ rồi Lãnh Binh, để tưởng thưởng thiện chí và sự hy sinh tài sản của Ông cho Nghĩa quân kháng chiến...

Ông lấy khẩu hiệu "CẦN VƯƠNG" và cho áp dụng chiến thuật du-kích từ Hà-Tiên, Rạch-Giá đến Đồng-Tháp-Mười.

Cuối năm 1862, vì chính sách hàng phục của Triều-đình Huế, bắt tất cả các tổ chức kháng-chiến phải hạ khí giới, nhưng vì tinh thần bất khuất nên Ông không tuân lệnh. Triều-đình Huế muốn làm đẹp lòng quân cướp nước, đã ra lệnh cách chức Ông và sai Quản-cơ TRẦN VĂN-THÀNH truy lùng gắt gao bắt Ông...Nhưng chẳng những Ông không sờn lòng mà lại hoạt động mạnh hơn ...

Ngày 22-7-1865, Lãnh-binh VÕ - DUY - DƯƠNG chỉ huy 100 Nghĩa quân, trang bị 56 súng trường, 2 đại-bác và nhiều gươm giáo tấn công các đồn Pháp tại vùng Mỹ-Trà (Sadec). Nghĩa quân đốt chợ và vài chiếc nhà lá cũng một tàu nhỏ, lính Pháp kháng cự rất mạnh, nghĩa quân phải rút, bỏ lại hai thùng đạn và 1 đại-bác. Những ngày kế tiếp, Ông lại tấn công quân Pháp ở Cái Bè và Mỹ Quý, chọc thủng phòng tuyến của địch và tiêu hủy nhiều đồn trại của chúng.

Cuối tháng 3 năm 1866, hai trăm năm mươi (250) quân Pháp kéo đến bao vây căn cứ kháng chiến của Ông ở Ấp Lý, nhưng bị Nghĩa quân đẩy lui ...

Ngày 14-4-1866, Pháp huy động lực lượng tấn công vào căn cứ kháng chiến chính của Ông ở Đồng-Tháp-Mười, một vùng hiểm trở vào bậc nhất ở miền Nam. Tháp Mười là một chỉ huy sở hình vuông, mỗi chiều dài 200 thước, có thành quách rất vững chắc, trong có vài chục nóc nhà, có kho đạn dược, lương thực ... được bao bọc bởi 3 đồn chính và nhiều tiền đồn ; các đồn chính thì được trấn giữ bởi từ 200 đến 300 nghĩa quân, vài khẩu đại bác và khoảng mươi súng bắn đá ; còn các tiền đồn thì được trấn giữ bởi khoảng 150 nghĩa quân và từ 15 đến 30 súng bắn đá ...; Do 3 con đường mòn để tiến vào :

- Một con đường từ Gò Bắc Chiêng đi xuống,
- Một từ rạch Cần Lố đi lên, và
- Một con đường từ Cái Nứa đi lại.

(sau này có thêm một đường đi từ Cai Lậy vào) ; Đường thứ nhất có đồn tả án ngữ, đường thứ hai có đồn hữu án ngữ, đường thứ ba có đồn tiền án ngữ. Tổng cộng nghĩa quân có tới 1000 người.

Quân Pháp cũng chia làm 3 mũi tấn công và cũng kéo theo bọn đầu trâu mặt ngựa phản quốc gồm các tên TẤN (Đội TẤN), LỘC (Phủ LỘC) v.v...

Ngày hôm đó (14-4-1866) Pháp cho Thủy quân và lính bản xứ (chỉ bọn đầu trâu mặt ngựa) đánh đồn Sa-Tiên bằng đường Cần Lố, hai bên giao tranh rất kịch liệt, nhưng rồi Nghĩa-quân cũng phải bỏ đồn rút về phía trong, bên Pháp có Trung-Úy Vigny bị thương ... Trong khi đó quân Pháp chiếm được một tiền đồn trên đường Cái-Nứa đến đồn Tiền. Cũng trong ngày nói trên quân Pháp chiếm được Gò Bắc Chiêng. Thế là các tiền đồn đã bị đánh hết và phòng tuyến thứ nhất bị chọc thủng .

Ngày 15-4-1866, quân Pháp tiếp tục tiến đến công hãm 3 đồn chính (Tả - Hữu - Tiền) và chỉ còn có phòng tuyến này nữa là đến Tổng-hành-dinh của nghĩa-quân.

Ngày 17-4-1866, tên phản quốc HUỲNH-CÔNG-TẤN (Đội Tấn) đi tiền phong đến tấn công đồn Tiền để hòng lấy công đầu với quan thầy, nhưng những loạt súng phản công đầu tiên trong đồn đã bắn gục một phần ba (1/3) số lính của hắn, hắn vội vã rút lui, kêu gọi quân cướp nước lên tiếp sức và tấn công đồn Tiền một lần nữa, nhưng vẫn không lấy được đồn ; trong khi đó một cánh quân Pháp khác tấn công đồn Tả, Nghĩa quân chống trả kịch liệt và chỉ nhắm các tên Pháp mà bắn, vì vậy bọn phản quốc mới thừa cơ hội trèo vào đồn, quân ta rút lui êm thắm, sau khi gây thương vong một phần ba (1/3) quân số của thực dân ở cánh này ; Quân địch cướp được của ta 3 khẩu đại bác, 17 súng bắn đá và 27 ghe xuồng.

Ngày 18-4-1866, đồn Tiền và Hữu cũng lần lượt thất thủ. Nghĩa quân và Lãnh-binh họ VÕ phải bỏ chỉ huy sở rút lui để bảo toàn lực lượng.

Thắng trận này, bọn cướp nước tuyên bố "lấy làm hãnh diện vì kết qủa chính trị của nó, vì rằng từ nay người Việt sẽ hết ảo vọng (?), họ (Việt-Nam) không còn có thể nói rằng ta (bọn cướp nước)chỉ thắng họ ở đồng bằng mà thôi"...; mặc dù số thương vong của Pháp lên tới 100 người ấy là chưa kể một trong số các tàu trở về Tân An bị nổ (không rõ lý do) vào ngày 22-4-1866, và chìm mang theo 11 tên cướp.

Quân Pháp tuy thắng trận, nhưng vì qúa mệt mỏi, và mặt khác cũng biết là chủ-lực của Nghĩa quân hãy còn, nên đã vội vã rút lui không thu dọn chiến trường và phá hủy đồn lũy ...

Sau đó 20 ngày, khoảng 12-5-1866, quân Pháp lại mang theo bọn Việt gian phản quốc trở lại phá hủy đồn lũy và lương thực của Nghĩa quân, chúng lấy được 2.000 đạn súng trường, đổ muối vào họng súng đại bác cho chóng rỉ sét và đẩy xuống nước, chúng đốt phá và lấy nhiều gạo muối gà heo v.v... của Nghĩa quân.

Sau trận có thể nói là cuối cùng của Lãnh-binh VÕ-DUY-DƯƠNG, Ông vẫn ra sức hoạt động, nhưng thế lực tàn dần rồi Ông mắc bệnh mà mất.



NGUYỄN-HỮU-HUÂN tức Thủ-khoa HUÂN (vì Ông đỗ Thủ-khoa dưới thời Tự-Đức), người làng Tịnh-Hà, tỉnh Mỹ-Tho. Năm 1863, Ông dấy binh khởi nghĩa ở Mỹ-Tho và nếu được nhiều người hưởng ứng, thì cũng có nhiều kẻ mất gốc chạy theo quân cướp nước, nên cũng gây cho Ông nhiều khó khăn . Trong trận đánh vào tháng 6-1863 tại Thuộc Nhiêu (Mỹ-Tho), Ông bị đại bại phải chạy sang Châu-Đốc và hoạt động mạnh tại đây và Hà-Tiên, nên thanh thế Ông vang dậy khắp vùng. Hồi đó Triều đình Huế cũng muốn Ông đầu hàng quân cướp nước, nên ra lệnh cho Ông ngưng chiến, nhưng Ông không nghe lệnh của một Ông Vua và các bầy tôi bất lực, trước tiếng gọi của tổ-quốc và Ông tiếp tục kháng chiến ... Vì Triều-đình Huế muốn làm đẹp lòng quân cướp nước, nên đã ra lệnh cho Tổng Đốc An-Giang PHẠM-QUANG-THẦN bắt Ông về tội không ngưng chiến (?) và tạm giữ trong ngục . Pháp được tin (ngần năm) này, bèn làm áp lực để chánh quyền địa phương phải "nộp" Thủ-khoa HUÂN cho chúng, và sau đó chúng đày Ông qua đảo Réunion. Đến năm 1864, Pháp nắm vững tình thế Nam Kỳ, bọn cướp nước

tưởng rằng Ông đã hết nhuệ khí nên đã ân-xá Ông.

Vào năm 1867, ba tỉnh miền Tây mất nốt vào tay bọn cướp nước và Triều-đình Tự-Đức lại một lần nữa đã tỏ ra hèn nhát và khiếp nhược ký hòa-ước Giáp-Tuất (15-5-1874) nhục nhã gấp mười hòa-ước Nhâm-Tuất (1862), Thủ-khoa HUÂN không nén lòng được, nên lại một lần nữa hiên ngang phất cờ chống quân cướp nước. Quân của Ông chiến đấu rất hăng ở nhiều nơi tại Mỹ-Tho, nhưng cũng không thể đương đầu nổi được với quân thù. Rồi Ông bị tên phản quốc ĐỖ-HỮU-PHƯƠNG (tức Tổng-đốc Phương) vây bắt nộp cho quân cướp nước. Lần này chúng cố dụ Ông theo chúng, nhưng Ông cương quyết không chịu, chúng đem ra hành hình tại Mỹ-Tho vào ngày 15-4-1875.

. . . .

Về các giới trí thức khác cũng biểu lộ lòng căm thù quân cướp và tán dương công trạng của Nghĩa quân ... bằng Văn - Thơ - Hò - Vè v.v... tiêu biểu nhất trong số này là các Ông Đồ-Chiểu và Cử Trị mà chúng tôi sẽ đề cập dưới đây :

NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỂU tức Tú CHIỂU còn gọi là Đồ CHIỂU nữa. Ông đỗ Tú-tài năm Thiệu-Trị thứ ba và đang dùi mài kinh sử để dự khoa thi, thì được tin mẹ chết, liền cùng em trai trở về Nam để thọ tang (lúc chuẩn bị thi, Ông ở Trung). Trên đường về, vì qúa thương tiếc mẹ và khóc đến nỗi sưng cả mắt, rồi đâm mù.

Năm 1850, thọ tang xong, Ông Đồ CHIỂU mở trường học tại Gia-Định, học trò xa gần nghe danh Ông, đến học tập rất đông ...

Khi quân Pháp kéo đến đánh Gia-Định thành, Ông phải chạy về Cần-Giuộc, là quê vợ của ông.

Trong thời gian "chạy giặc" về Cần-Giuộc, Ông soạn quyển "Lục Vân Tiên", là một áng văn nổi tiếng lúc bấy giờ, khiến quân cướp nước cũng phải thán phục và cho dịch ra Pháp văn .., bài "Tế Nghĩa-Sỹ Cần-Giuộc", được Triều-đình Huế cho phổ biến ..., thế rồi mũi dùi xâm lăng của quân cướp lại mở rộng thêm, Ông phải chạy về Ba-Tri (Bến-Tre), vừa dạy học vừa soạn quyển "Ngư Tiều vấn đáp", "Văn tế Nghĩa Sỹ trận vong" ...



NGUYỄN - HỮU - HUÂN

Thấy Ông Đồ CHIỂU là người nổi danh ái quốc và có tín-nhiệm trong nhân dân, bọn thực dân Pháp toan mua chuộc, ủy tên Ponchon, Chánh Tham Biện ở Bến-Tre (tức là Công-sứ ở Bắc-Trung) đến "thăm" Ông ở Ba-Tri cùng với tên thông ngôn là Lê-Quang-Hiền. Ông cáo ốm, tên Ponchon phải vào tận giường ân cần hỏi han. Ông giả điếc khiến tên Hiền phải hỏi đi hỏi lại nhiều lần. Ponchon nói cho Ông Đồ CHIỂU hay rằng :"Ruộng đất của Ông tại Tân-Khánh, chánh phủ Pháp xét xong xin trả lại, nay mời Ông về nhận". Ông Đồ cười đáp : "Cám ơn quan lớn có lòng lo cho tôi. Nước tôi chẳng may phụ thuộc về qúy quốc, nghĩ câu "Thất phu hữu trách", tôi thấy hổ mình mang kiếp sống thừa. Quan lớn nghĩ coi nước chung đã mất, đất riêng giữ làm gì ? Tôi không dám nhận, xin tùy ý "nhà nước" xử dụng."

Thất bại trong việc mua chuộc bằng "đất", bọn Pháp quay ra mua chuộc bằng "tiền" và Ponchon lại đến thăm Ông và báo tin cho Ông hay "Súy Phủ Saigon muốn cấp cho Ông một số tiền dưỡng lão" ... Ông cũng từ chối ...

Chưa thất vọng, Ponchon lại đến thăm Ông với mánh lới khác : "giả vờ" hỏi về một vài câu trong Lục-Vân-Tiên mà hắn cho là không đúng, cần phải tham khảo ý kiến của tác-giả, lần này Ông mới tiếp ...

Về sự nghiệp văn-chương (có thể nói là văn-chương ái quốc), Ông có tác phẩm sau đây :

1/- Lục Vân-Tiên.
2/- Dương-Từ Hà-Mậu.
3/- Văn tế Nghĩa-Sỹ tử trận tại Cần-Giuộc.
4/- Văn tế Lục Tỉnh Nghĩa-Sỹ trận vong.
5/- Văn tế Nghĩa-Sỹ Giồng-Gạch.
6/- Ngũ Kinh Gia-huấn ca.
'- Ngư Tiều vấn đáp.

Ngoài ra còn một số Thơ Văn khác như :

- Hịch con chuột.
- Thơ viếng Phan-Thanh-Giản
- Thơ nước lụt
- Thơ Ngựa Tiêu-Sương.

Chúng tôi xin trích một vài đoạn nổi tiếng nhất trong sự nghiệp "Văn chiến" của Ông. Trong bài "ĐIẾU LỤC TỈNH NAM KỲ SỸ DÂN VĂN" có đoạn Ông viết :

" .... Phạt cho đến người hèn kẻ khó, thâu của quay treo.
- Tội chẳng tha con nít đàn bà, đốt nhà bắt vật.
- Kể mười mấy năm trời khốn khó, bị khảo, bị tù, bị đày, bị giết, trẻ già nào xiết đếm tên.
- Đem ba tấc hơi mỏn bỏ liều, hoặc sông, hoặc biển, hoặc núi, hoặc rừng, quen lạ thảy đều rơi nước mắt.
- Khá thương thay ! Dân ta nước lửa chầy ngày ; Giặc ép mỡ dầu hết sức "



PHAN VĂN TRỊ tức Cử TRỊ, người làng Hưng Thịnh, Huyện Bảo-An, tỉnh Vĩnh-Long (có người chép Ông người Gia-Định ?). Người ta chưa rõ năm sanh, tháng mất của Ông. Chỉ biết Ông đậu Cử-nhân, vì thời thế, không ra làm quan, chỉ ở ẩn để dạy học. Ông nổi tiếng về văn-chương, vào khoảng năm 1849, và nhất là khi quân cướp nước đến xâm chiếm nước ta, có một số trí thức vong bản, bán rẻ liêm sỉ của mình, chạy theo bọn thực-dân. Ông không tiếc lời công kích bọn này bằng những lời danh thép nhất, nặng nề nhất.., trong số có TÔN-THỌ-TƯỜNG, một tên đại Việt gian chạy theo bọn cướp nước để kiếm chác ít cơm thừa canh cặn, nhưng lại "làm thơ" để biện hộ cho hành động bán nước của mình, thì Ông đập ngay bằng một bài học để công kích tên vô sỉ kia.

Văn nghiệp của Ông gồm có : Tự thuật 10 bài - Cảm hoài 10 bài v.v... Nhưng bài hát bội dưới đây là một nhát búa nặng nề nhất đập vào đầu bọn trí thức vong bản hồi bấy giờ :

Đứa ghẻ ruồi, đứa lại lác voi,
Bao nhiêu xiêm áo cũng trơ mòi,
Người trung mặt đỏ đôi tròng bạc,
Đứa nịnh râu hoe mấy sợi còi,
Trên đảnh có nhà còn lớp lọng,
Dưới sân không ngựa lại dơ roi,
Hèn chi chúng nói bội là bạc,
Bôi mặt quần nhau đá lại thoi.

PHAN VĂN TRỊ

Xuyên qua các cuộc nổi dậy và nhất là tình hình nước ta sau khi Triều-đình HUẾ ký hòa-ước Nhâm-Tuất (1862), ta thấy có các đặc điểm sau đây :

ĐẶC ĐIỂM THỨ NHẤT :

Hòa-ước Nhâm-Tuất ký kết đã gây một sự xúc động lớn lao cho mọi tầng lớp nhân dân - Vì qúa trình chống ngoại xâm lâu dài và anh dũng của ta : Từ TRẦN-HƯNG-ĐẠO đánh giặc Mông-Cổ, trong khi chúng vùng vẫy từ Á sang Âu, cho đến NGUYỄN-HUỆ xếp xác quân Thanh ở Gò Đống-Đa và đuổi chúng khiếp sợ chạy về nước v.v... phút chốc bị tan ra mây khói, nên giới trí thức và các nhà ái quốc đã nghiêm khắc lên án TỰ-ĐỨC và bầy tôi bằng câu "PHAN, LÂM mãi quốc - Triều-đình khí dân". Nhưng đau đớn hơn hết cho nhà Vua là việc các khóa-sinh đang thi Hương, bỏ trường thi, biểu tình để tỏ thái độ ...

ĐẶC ĐIỂM THỨ HAI :

Quốc dân lên án, tỏ thái độ trước tinh thần khiếp nhược, chủ bại, đầu hàng của Vua Tự-Đức và Triều-đình, nhà Vua và bầy tôi cũng vẫn không đưa ra một đường lối nào để lãnh đạo cuộc kháng chiến mà chỉ biết "vá víu" khi nước đến chân ... nên nhân dân đã tự động vùng lên (bằng súng, bằng dao, bằng liềm, bằng búa ...) kháng chiến chống ngoại xâm (vụ Ông ĐỊNH, Ông TOẠI ...) ; đến nỗi nhà Vua sợ phiền phức với giặc, đã khuyên dân nên hạ khí giới, nhân dân không chịu buông súng hàng giặc thì nhà Vua lại quay ra đàn áp nhân dân (vụ cách chức Ông

ĐỊNH) để làm đẹp lòng bọn cướp nước. Đàn áp mặc, nhân dân tiếp tục và gia tăng kháng chiến cứu nước, và trong nhân dân, tiếng kêu gọi thiết tha sau đây được truyền tụng :

"Bớ các quan ơi, chớ thấy chín trùng (chỉ nhà Vua) hòa nghị ; mà tấm lòng địch khái (lòng căm thù giặc) nỡ phôi pha ; cho rằng ba tỉnh (Biên-Hòa, Gia-Định, Định-Tường) giao hòa mà cái việc cừu thù đành lơ lãng ... ?

"Bớ các làng ơi, chớ thấy đồn lũy dưới Gò-Công thất thủ mà trở mặt hại nhau ; chớ nghe trên Bến Nghé (Saigon) phân cư mà đành lòng theo mọi ???

"Hỡi ơi, oán nhường ấy, hận nhường ấy, cừu thù nhường ấy, làm sao trả đặng mới cam ???

"Công bấy lâu, nghiệp bấy lâu, lao khổ bấy lâu, nay đành bỏ qua sao phải ???"

Thế là "Phép Vua đã thua lệ làng" rồi vậy.

ĐẶC ĐIỂM THỨ BA :

Mặc cho quốc thể (?) bị sỉ nhục, nhân - dân lầm than, đất nước ngày bị lấn chiếm..., nhà Vua vẫn ra lệnh xây khiêm-lăng ... và các vụ "Đảo chánh hụt" (giữa thời TỰ-ĐỨC), do những người trong Tôn Thất, hay liên hệ đến Tôn Thất xướng xuất, đều có tính ích kỷ và "xôi thịt", chớ họ có nghĩ gì đến quốc-gia dân-tộc đâu ?

ĐẶC ĐIỂM THỨ TƯ :

Trước dã tâm xâm lăng của giặc Pháp và phản ứng lơ-láo của TỰ-ĐỨC và Triều-đình Huế, ta thấy rằng, Gia-Long tuy có công ổn định tình thế, mở thêm bờ cõi và đường sá từ Bắc vào Nam kiện toàn tổ chức hành chánh tu chỉnh luật pháp (tổ chức và tối tân hóa quân đội thời bấy giờ), do sự "Cố vấn" của mấy người Pháp (một thứ dao 2 lưỡi), nhưng Ông không để lại cho con cháu một kế sách nào để ứng dụng về sau này, cho nên sau chiến thắng của Ông, con cháu Ông đã tự mãn, mơ màng trong các thi đàn, tửu điếm ... và mặc dầu có những khuyến cáo của các phái đoàn đi tham quan các nước trở về, thiết thực nhất là khuyến cáo của Ông NGUYỄN-HIỆP (Ông này đề nghị nên mở rộng cửa cho các cường quốc cùng vào thông thương và đặt lãnh-sự, như ở Xiêm, nhờ có sự giao hảo này mà không nước nào gây sự với Xiêm được), cũng đều bị gạt bỏ cho là không hợp thời, đi xa về lập dị và cho rằng nếu có gì thì đã có "Thiên Triều" cứu giúp - Trong khi ngay bản thân nước Tàu cũng đang khốn đốn và bị xâu xé ... - Vì vậy con cháu Gia-Long đã chuẩn bị để cho dê của mình ra đấu với cọp của địch, thay vì chuẩn bị cọp đấu với cọp... Cho nên họa vong quốc đã không thể tránh được từ thời TỰ-ĐỨC trở đi.



CHƯƠNG VI

Pháp khởi sự gây hấn ở Bắc-Kỳ

Như ở phần trên đã có lần nói về dã tâm xâm lăng của Pháp : lấy chiến-tranh nuôi chiến tranh và theo thế "cóc nhảy". Cứ sau mỗi lần điều đình hay ký hiệp ước, là chúng lại lấn thêm về quân sự, cũng như củng cố thêm chánh quyền và vị trí quân sự ở nơi mới chiếm được... Rồi ít lâu sau, chúng lại mượn cớ này, cớ nọ, để gây chiến và tiến lấn một bước khác xa hơn...

Tự-Đức và Triều-đình biết vậy, nhưng họ là một bọn cực-đoan, khiếp nhược, cùn trí, như những người ở trong bị và không có kế-sách gì cả... Cho nên họ cứ để cho quân cướp nước gậm nhấm dần... Vì không dám kêu gọi đến sự đóng góp của các nhân-tài ái-quốc khác (mà sau này xuất hiện rất nhiều : Phan-Đình-Phùng, Tán-Lý quân-vụ Nguyễn-thiện-Thuật, Hoàng-Hoa-Thám v.v...), sợ rằng như vậy quyền hành của họ sẽ bị chia sẻ (?)... Họ có biết đâu rằng một khi thực dân Pháp thống lĩnh xứ sở này, thì không những cái mà họ cho là quyền hành (?) sẽ không còn, mà lại còn bị lịch sử lên án là bọn vô sỉ, phản quốc và cố đấm ăn xôi nữa...

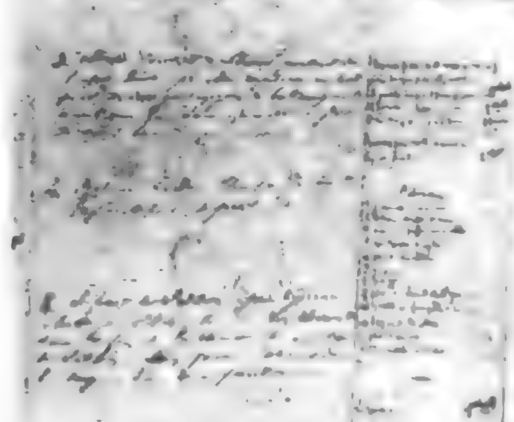
Các sự kiện lịch sử được trình bày ở chương này và các chương khác, đã minh chứng cho bản án nói trên... Tự-Đức và bầy tôi, cùng các thừa kế, đi từ hàng-phục này đến nhượng bộ khác, thỏa hiệp với giặc để mong cứu vãn quyền lợi và ngai vàng của nội bọn, chứ đâu họ có thiết-tha gì đến dân, đến nước...

Thực dân Pháp sau khi chiếm Nam-Kỳ rồi, thì việc tiến ra Trung Bắc-Kỳ của chúng chỉ là vấn đề thời gian mà thôi...

Chúng ta hãy xem xét lại từ việc thám sát sông Cửu-long đến việc khai thương sông Nhị-Hà và các sự rắc rối...khiến Pháp kéo quân ra Bắc...

Năm 1866, nghĩa là từ khi thực dân Pháp mới chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam-Kỳ, De La Grandière đã cử Hải-Quân Trung-Tá Doudart de Lagrée, người mà cách đó 3 năm (1863), hồi còn là Hải-Quân Đại-Úy, đã giúp ông đặt nền móng cho việc "bảo hộ" xứ Cao-Miên theo "sáng-kiến" của bọn quân-nhân thực-dân, không tốn một giọt máu..., cầm đầu một phái-đoàn gồm có các Hải-Quân Đại-Úy Francis Garnier và DeLaporte, cùng các Hải-quân Y-Sĩ Joubert, Thorel và De Carne thuộc bộ ngoại-giao biệt-phái tới, đi thám-sát con sông





Hải-Quân Trung-Tá DOUDART DE LAGRÉE cầm đầu phái đoàn đi thám sát con sông Cửu-Long

(F. GARNIER ngồi bên trái D. LAGRÉE ngồi bên phải)

Cửu-Long, mà trước đây nhà thám-hiểm Mouhot đã thám-sát một cách sơ-quát...

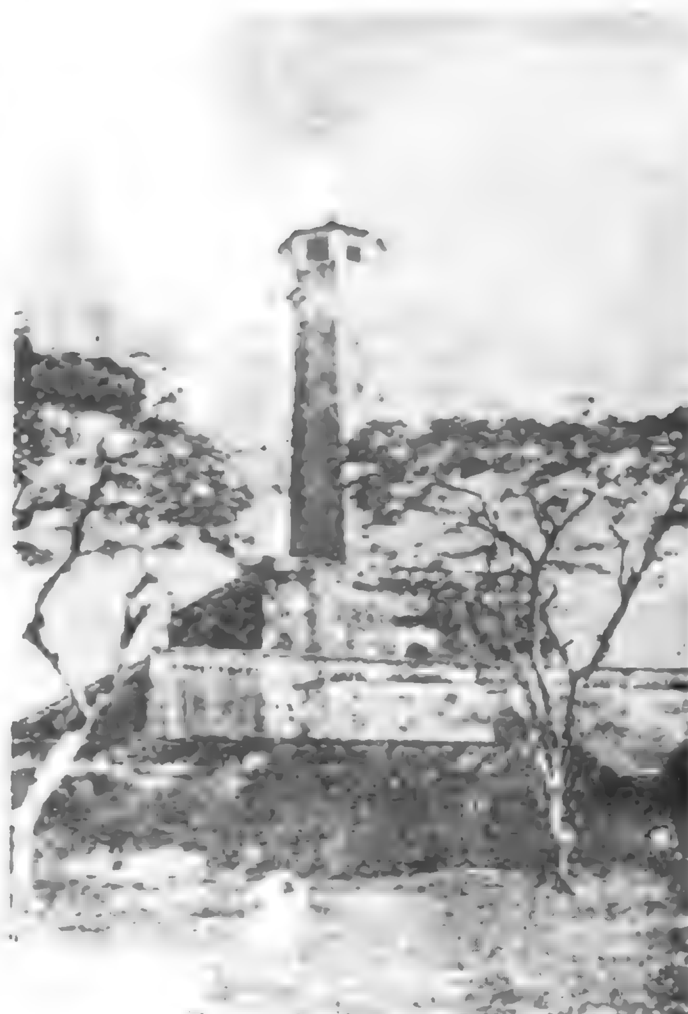
Phái-đoàn rời Saigon ngày 5-6-1866, và ngược dòng Cửu-Long tới biên giới Trung-Hoa ngày 06-01-1868 (gần 2 năm sau). Nhưng phái-đoàn đã thất bại trong việc thám sát ở đoạn cuối, bởi vì, từ vĩ-tuyến 20 trở lên con sông, đã có qúa nhiều trở ngại, và họ phải dùng đường bộ để đến Vân-Nam... Đến Vân-Nam, Doudart de Lagrée cử Francis Garnier thám-sát thung lũng sông Hồng-Hà, (vì sông này ở dưới đáy có cát đỏ, nên nước cũng đỏ), nhưng ông này cũng lại gặp trở ngại không đến chợ Mãn-Hầu được, nơi mà từ đó trở đi, con sông lưu thông ra bể rất dễ-dàng... Quay sang Hán-khẩu, trên sông Bân-giang, một nhánh của sông Dương-tử, Francis Garnier tình cờ gặp Jean Dupuis - Jean Dupuis lúc này là một nhà buôn, trước kia có mặt trong hàng ngũ viễn chinh Anh-Pháp, qua đánh nhà Thanh năm 1860. Khi nhà Thanh ký hòa ước với Anh-Pháp xong, thì Jean Dupuis xin ra ngoài buôn bán - Cả hai đều đồng ý khai thương con sông Hồng-hà, là một đường vận-chuyển ngắn nhất, mà cũng thuận tiện nhất từ Vân-Nam ra bể...

Doudart de Lagrée bị đau gan chết ngày 12-3-1868 tại Lãnh sự-quán Pháp ở Tổng-Chuân-Phủ. Francis Garnier lên thay thế, đã chịu rất nhiều vất vả mới đi tới được Thái-Lý-Phủ, cách xa Vân-Nam Phủ 230 cây số về phía Tây-bắc, rồi ngày 26-4-1868, sau khi vượt qua Dương-tử-giang, mới đến Thượng-Hải và ngày 29-6-1868, mới về đến Saigon (mang theo xác của Doudart de Lagrée).

Sau khi phái đoàn trở về, thấy rằng việc lưu thông trên sông Cửu-long gặp qúa nhiều trở ngại, Súy-Phủ Saigon mới quyết-định sẽ khai thác con sông Hồng-hà... Mà muốn vậy, thì không trông vào ai khác hơn là Jean Dupuis, vì dùng Jean Dupuis có hai cái lợi : một là tên này đã từng lui tới Vân-Nam, bằng con sông Hồng-Hà và đã có thương-lượng với các nhà đương cuộc Vân-Nam về các việc buôn bán hàng hóa, nhất là vũ-khí, hai là trong việc di-chuyển của Jean Dupuis, tất sẽ có nhiều vụ rắc-rối và do đó sẽ có cơ để can thiệp...

Rồi Suy-Phủ Saigon, lúc này (tháng giêng 1872) do Phó Đề-Đốc Dupré làm Thống-Đốc, cử Hải Quân Trung-Tá Senez mang chiếc thông báo hạm Bourayne đến Vịnh-hạ-long, thám-sát tình hình...

Về phía Jean Dupuis, sau khi thỏa-hiệp với các nhà đương cuộc Vân-Nam về việc buôn bán, không đếm xỉa gì đến Triều-đình Huế trong việc xin phép lưu thông, cứ việc trở về Pháp (vào đầu năm 1872) để mua khí giới v.v... cho Tầu... Về đến Pháp, Jean Dupuis có đến gặp Tổng-Trưởng Hải-Quân và Thuộc địa là Pothuau, để xin giúp đỡ. Ông này trả lời "Hiện quân Đức còn có mặt trên đất Pháp, chánh phủ chưa thể giúp Ông được, còn chúng tôi có giúp Ông, là giúp riêng Ông, được chừng nào hay chừng ấy, nếu ông đủ sức đi lướt qua thì tốt, nếu ông hay người của ông bị giết, chúng tôi không chịu trách nhiệm". Rồi Tổng-Trưởng Hải-quân Pháp cũng không quên viết một bức thư cho Súy Phủ Saigon, lưu ý rằng việc giúp Jean Dupuis có nhiều điều bất tiện. Nhưng khi Jean Dupuis trở lại Saigon, lại vận-động với Thiếu-Tướng D'arbaud, người mới tạm thế Dupré về nghỉ phép, được ông này hứa, hàng tháng sẽ gửi tầu ra Bắc liên lạc với hắn.


Kỳ đài Hà-Nội

Bắc-Kỳ lúc nầy hãy còn rối loạn ở nhiều nơi, mặc dù vụ Tạ-văn-Phụng đã chấm dứt từ năm 1866, ngoài biển thì giặc Tàu Ô hoành-hành, trong đất liền thì nhiều đảng phái nổi lên, lấy danh nghĩa nhà Lê để đánh đổ chánh-quyền của Tự-Đức, nên D'arbaud lại cử chiếc Bourayne ra Đà-Nẵng và vịnh Bắc-Kỳ để bảo vệ việc buôn bán của thương nhân Pháp. Hải-quân Trung-Tá Senez, chỉ huy thông báo hạm Bourayne, rời bến Saigon ngày 5-10-1872, và sau vài trận giao tranh với thuyền bè của bọn cướp biển, vào các ngày 21-27 và 28-10-1872, làm cho thủy-thủ đoàn bị thương vài người, nhưng rồi ngày 30-10-1872, cũng đến được cửa Cấm và đậu tại đây...

Sau đó, từ ngày 2 đến 15-11-1872, Hải-quân Trung-Tá Senez cùng với Le Grand de la Liraye, là Giám-đốc bản xứ Sự-vụ (1) với vài Sĩ-Quan và 20 lính thủy, võ trang bằng súng trường 1866 - 74, dùng hai thuyền săn cá voi và một thuyền buôn đến thăm Hải-Dương, Kẻ-sở và Bắc-Ninh... Nhưng không gặp một sự khó dễ nào về phía ta gây ra cả.

Trong thời gian nầy, ngày 26-10-1872 Jean-Dupuis với Millot và một người Tàu là Lý-Ngọc Trì xưng là Tri-Phủ và đại-diện của Tổng-đốc Vân-Nam từ Hồng-Kông dẫn 2 pháo hạm, một xà lúp chạy hơi nước, một thuyền buồm và 3 thuyền vận-tải là Hồng-Giang, Lào-kay và Sơn-Tây, có 150 lính Tàu và 25 lính Âu-châu hộ tống, chở 7.000 súng trường, 30 đại-bác, 15 tấn đạn, vào cửa Hải-Phòng để lên Vân-Nam. Nhưng bị Khâm sai Lê-Tuấn chận lại không cho vào.

Hải-Quân Trung-Tá Senez được tin Jean Dupuis đến, liền trở ra và họ gặp nhau ngày 19-11-1872, rồi cùng nhau bàn với Khâm-Sai Lê-Tuấn về việc khai thương sông Hồng-Hà. Họ mời quan ta xuống Thông-báo-hạm Bourayne thảo-luận và sau đó ăn cơm dưới tàu... Senez ngỏ ý rằng "Việt-Nam nên cho họ khai thương con sông Hồng-Hà, việc nầy sẽ đem lại nhiều điều lợi ích cho cả đôi bên Việt-Pháp. Họ sẽ đánh dẹp quân phiến-loạn giúp ta, chánh quyền Việt-Nam sẽ đỡ tốn người hao của, ngoài ra, tàu buôn sẽ nộp thuế qua lại, thì công quỹ của ta sẽ dồi-dào tiền bạc..." Khâm-sai Lê-Tuấn trả lời rằng ông ta sẽ hết sức giúp đỡ, nhưng phải tâu về Huế đã. Jean Dupuis nói rằng, hắn chỉ có thể đợi 15 ngày, nếu quá hạn, hắn cứ cho tàu đi Vân-Nam... Quả-nhiên 15 ngày sau không thấy tin tức gì Jean Dupuis cho tàu vào nội địa Việt-Nam. Tới Hà-Nội, bị Khâm-Mạng Nguyễn Tri-Phương, đối thủ cũ của quân Pháp ở Chí-hòa (2) giữ lại. Jean Dupuis ương ngạnh nói rằng "Có giấy của quan Tàu, nước Việt-Nam là chư hầu của Tàu, thì chính quyền Việt-Nam phải tuân..." Nguyễn-Tri-Phương nói "Tổng-đốc Vân-Nam không đủ thẩm quyền ra lệnh cho chính quyền Việt-Nam, lại nữa, việc người Pháp khai thương con sông Hồng-Hà chưa hề có ghi trong hòa ước...". Jean Dupuis vẫn không chịu. Quân ta phải nhờ Giám mục Puginier ở Kẻ-Sở lên phân giải. Rốt cuộc, Jean Dupuis vẫn chở hàng lên Vân-Nam được, nhưng không chở bằng tàu, mà chở hàng bằng thuyền. Chuyến nầy, hắn đi qua những đồn của quân Cờ-Đen, Cờ-Vàng, nhưng không bị quấy nhiễu gì cả.

Nhưng ngày 30-4-1873 (bốn tháng sau), Jean Dupuis và Millot chở khoáng vật trở về Hà-Nội, mang theo một mớ lính "Cờ-Vàng" và đưa cho quan-chức ta một bức thư của Tổng-Đốc Vân-Nam là Thống-Chế Mã, điều đình với ta (?), đừng làm khó dễ với các thương nhân Pháp... Rồi Jean Dupuis đến đóng tại Phố-Mới. Cùng đi với Jean Dupuis còn có 2 tên Tàu là Quan Tá - Đình và Bành - Lợi - Ký. Họ mua gạo, muối để chở lên Vân - Nam. Nhưng theo thể lệ lúc bấy giờ, Việt-Nam cấm xuất cảng hai thứ thực-phẩm nầy, nên khi thấy Jean Dupuis và nội bọn mua gạo, muối, biết rằng chúng sẽ chở lên Vân-Nam, quan ta lấy lời ôn-hòa mà khuyên răn, nhưng vô hiệu. Ta lại nhờ Giám-Mục Puginier can thiệp một lần nữa, nhưng cũng không xong. Đã thế Jean Dupuis còn hỗn xược, dọa rằng nếu thuyền gạo muối của hắn không đi Vân Nam chót lọt thì hắn sẽ bắt quan ta (?) và cho tay sai tên là Georges Vlaveanos... đi xé tờ thông cáo của Khâm-Mạng Nguyễn-Tri-Phương mới dán, nói về việc cấm dân chúng bán gạo, muối cho người ngoại-quốc. Rồi một hôm, hắn gặp một vị quan ta đi võng, bọn nầy bắt quan ta đánh đập và phá võng, rồi lấy lọng đi diễu phố, sau đó, đốt luôn lọng trước con mắt kinh ngạc của dân chúng... Về sau, nhiều thông-cáo khác cũng bị lột và đốt bỏ như vậy, và chúng còn có nhiều hành động khiêu khích khác nữa...

---

(1) Cố Trường.

(2) Ra Hà-Nội giữa năm 1872.

Triều đình Huế gửi thơ vào Nam-Kỳ, yêu cầu Súy-Phủ Saigon can-thiệp về vụ Jean Dupuis lộng hành ở Bắc-Kỳ... và mặt khác, gửi thơ sang Tàu yêu-cầu xử trí đối với bọn Bành-lợi-Ký và Quan-tá-Đình. Nhưng không thấy Vân-Nam trả lời, quan ta buộc lòng phải bắt hai tên Tàu này về tội chở gạo, muối, không có phép của nhà cầm quyền Việt-Nam.

Jean Dupuis phản-ứng bằng cách đem quân đi bắt (?) quan Phòng thành Hà-Nội và quan huyện Thọ-Xương, đem xuống tầu giam lại và phá huyện-ly. Quan ta cũng ngơ ngác không hiểu ra thế nào, một bên thì cố tình gây sự, một bên thì có lệnh Triều-Đình không được lôi thôi gì cả. Tuy vậy, quan ta cũng nhận được lệnh Triều-Đình phải thu xếp vụ này và quan Bố-Chánh Vũ-Đường được chỉ-định thụ-lý nội vụ. Bố-Chánh Vũ-Đường mời Jean Dupuis đến Hội-quán Quảng đông để hội nghị. Khi hai bên đến, quan ta nói rằng sự giao-thiệp giữa nước Pháp và nước Việt-Nam đã có hòa ước Nhâm-Tuất (1862), và sự đem gạo và muối lên bán ở Vân-Nam là trái với hòa-ước ấy, hơn thế nữa, trái với lệnh bản quốc... Jean Dupuis cãi hỗn rằng hắn có lênh của Tàu là đủ, không cần phải xin phép gì nữa, rồi đứng dậy ra về ?. Sau đó, hắn cứ cho 12 chiếc thuyền chở đồ, ngược sông Hồng-Hà, nhưng dọc đường quân ta nã súng bắn, bắt thuyền phải quay trở lại Hà-Nội đợi lệnh...

Việc rắc rối thực sự bắt đầu... (Tưởng cũng cần phải nói thêm, là khi bọn Jean Dupuis ở Tàu trở lại Việt-Nam, chúng có sai một tên trong bọn là Millot vào Saigon báo-cáo tin tức cho Súy-Phủ...).

Thái độ của Dupré như thế nào ? (Dupré trước đó về Pháp nghỉ phép từ ngày 4-3- đến 16-12-1872, lại trở qua).

Ta đã thừa rõ các vụ lấn chiếm Việt-Nam trước đây ở Nam-Kỳ (và cả các vụ sau này nữa) hoàn toàn do tay bọn quân-nhân thực-dân sắp đặt cả... Và thường chúng đặt chánh-phủ Pháp trước những chuyện "đã rồi"...

Vào khoảng tháng 4, rồi đến tháng 5/1873, Phó Đề-Đốc Dupré gửi các công điện về Bộ Hải-Quân và Thuộc địa, báo cáo về các chuyến vượt sông Hồng-Hà của Jean Dupuis và nội bọn. Báo-cáo về sự khai thông và khả-dụng của "con



Phó Đề-Đốc DUPRÉ

đường" mới này, đồng thời nhấn mạnh đại-ý rằng :"nếu quyền-uy của Triều-Đình Huế ở phần đất này đi đến chỗ bị thủ tiêu dưới nỗ-lực của một cuộc "cách mạng" mới, thì là một điều đáng ngại nếu một cường quốc nào đến Bắc-Kỳ trước Pháp, đây là vấn đề sống chết cho tương lai của nền đô-hộ của Pháp ở Viễn-đông". Để đề phòng mối nguy đó, Dupré đề-nghị : "phải đặt chân ngay lên xứ này, như là đồng-minh của Tự-Đức , để thiết-lập uy quyền và làm cho nó được thần phục". Như vậy, chước này hợp lý (?) hơn cả và tránh được những sự phiền phức của các ngoại bang khác có thể gây ra...

Sau này, Dupré lại sửa đổi ý-kiến trên đây mà ta thấy có một phần nào mềm dẻo, vì một nửa là biện-pháp chính-trị, một nửa là biện-pháp quân sự, bằng thơ gởi cho Bộ Hải-Quân và Thuộc địa ngày 5-6-1873, nhân chuyến hồi hương của một tuần dương hạm, do Trung-Tá Senez chỉ-huy, ông xin phép được "làm gấp"... mặc dầu những khó khăn hiện thời cần phải dùng vũ lực để vĩnh viễn chiếm lấy thung lũng sông Hồng-Hà nếu Triều-Đình Huế một mực kéo dài việc hợp thức hóa ba tỉnh miền Tây, mà đáng lý ra đã phải giải quyết từ nhiều năm trước, (Tưởng cũng cần nói thêm rằng tuy Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây rồi, nhưng triều-đình Huế vẫn chưa chịu công nhận, mặc dầu Dupré và ngay cả các Thống

Đốc tiền nhiệm của Dupré nữa, đã cố gắng vận-động nhiều với Huế, nhưng đều vô hiệu. "Vì Huế vẫn thầm mong việc chiếm đóng Nam Kỳ chỉ là chuyện nhất thời, nghĩa là Pháp sẽ phải rút lui vĩnh viễn, hoặc sẽ có những nhượng bộ quan-trọng. Kế-hoạch của Triều-Đình Huế là một cuộc chiến lâu dài, bền bỉ và bằng mọi phương tiện để chống lại ảnh hưởng của Pháp."

Vụ Jean Dupuis xảy ra, nhiều thư của Huế gửi vào Saigon, từ tháng giêng đến tháng 6/1873, yêu cầu can thiệp, là một cơ hội tốt cho quân cướp nước để chúng bắt bí triều đình Huế ký với chúng bản hiệp ước mới, một sự công nhận thêm việc chiếm đóng ba tỉnh miền Tây, mà chúng nóng lòng mong đợi từ lâu.

Ngày 23-6-1873, Phó Đề-Đốc Dupré gởi cho quan Thương Bạc (quan coi về ngoại giao của ta), hỏi ý kiến với các chi-tiết về ba tỉnh Vĩnh-Long, An Giang, Hà-Tiên. Huế im lặng. Ngày 7-7-1873, Dupré lại nhắc lại việc này nữa, nhưng chẳng thấy âm-tín gì cả...

Ngày 31-8-1873, Triều Đình Huế cử một Sứ-bộ do ông Lê-Tuấn cầm đầu vào Saigon (cơ-hội đã đến với Dupré), ngỏ ý muốn qua Pháp để xin giải quyết vụ Jean Dupuis - Mà thực ra để che dấu ý định vận-động một cường quốc khác như Đức, Anh hay Tàu... làm hậu thuẫn cho Việt-Nam - Dupré nói rằng, ông ta có đủ thẩm quyền giải quyết vụ này, Sứ bộ không cần phải đi đâu xa cả và ông sẽ cho một võ quan và một ít người ra Bắc, để giải quyết tại chỗ. Sứ-bộ liền trở về Huế.

Sự thật thì mọi hành động của Jean Dupuis đã có Millot (Đã nói ở trên) báo cáo cho Dupré biết từ ngày 18-7-1873 và Dupré đã có ý lợi dụng vụ lôi thôi này để đánh chiếm Bắc-Kỳ. Millot đã báo cáo rằng Jean Dupuis đã gây hấn với các nhà đương cuộc Việt-Nam, "người Việt-Nam rất hèn yếu, chỉ cần mang ít quân lính là đánh chiếm được Bắc-Kỳ rất dễ dàng". Nhưng Dupré vẫn chưa được phép bên chánh quốc cho hành động, Dupré trả lời rằng, ông biết rõ trách nhiệm của ông lắm, và xin chánh phủ cho ông tùy cơ ứng biến, rồi làm theo ý mình...

Dupré viết thư sang Thượng Hải gọi Francis Garnier về, (1) và ngày 09-8-1873, thì thơ tới. Nhận thơ, Francis Garnier vội vã lên đường..



Hải-Quân Đại-Uy FRANCIS GARNIER

Trong cuộc tái ngộ ở Sàigòn, Dupré bàn mang Đại-đội hùng binh ra chiếm xứ Bắc. Francis Garnier nói rằng việc xuất quân rầm rộ như vậy sẽ làm kinh động xứ Bắc. Các cường quốc ắt sẽ để ý, rồi họ cũng sẽ lợi dụng sự hèn yếu của quân đội Việt-Nam, mà nhảy vào Bắc-Kỳ, thì Pháp sẽ bị rắc rối to... Rốt cuộc, họ quyết định như sau :

- Bỏ việc mang một Tiểu-Đoàn Thủy quân lục Chiến ra Bắc.
- Francis Garnier chỉ đem theo 56 lính, trong số có 9 người Á-Châu, và 30 Thủy-quân lục-chiến, rồi cùng chánh quyền Việt-Nam nói là mở cuộc điều tra tại chỗ.
- Điều đình với Chánh-phủ Bắc-Kinh rút quân đội Tàu về bên kia biên giới.
- Điều đình với Tổng Đốc Vân-Nam bảo đảm cho việc giao thương trên sông Hồng-hà, rồi thảo luận về giá biểu thuế thương-chánh một cách hợp lý.
- Giải thích cho Triều đình Huế biết nếu cứ nhất định đóng cửa sông Hồng Hà, sẽ có

---

(1) Lúc này Francis Garnier đang trên đường đi Tây-Tạng, để tìm hiểu ngọn nguồn các con sông lớn ở Đông-Dương, nhưng vì giấy tờ chậm trễ, nên kẹt ở Thượng-Hải.

nhiều tai hại, trái lại cho tầu thuyền ngoại quốc qua lại, sẽ thâu được nhiều tiền của cho công quỹ, và hơn thế nữa Việt-Nam đừng quên rằng còn cần Pháp đứng ra thu xếp để tránh việc thống trị của ngoại quốc (chỉ nước Tầu).

Sau cuộc thảo luận này, Francis Garnier chuẩn bị lên đường, mang theo các chỉ thị mật của Dupré và thơ gởi cho Triều đình Huế. Cũng trong khoảng thời gian này, hắn viết thơ về nhà khoe rằng hắn "đã được Súy-phủ Saigon cho toàn quyền hành động ở xứ Bắc, và hắn sẽ làm nhiều việc có lợi cho nước Pháp".

Ngày 11-10-1873, Francis Garniér khởi hành với 56 người (Trong đó có 9 người Á-Châu, 30 Thủy-Quân Lục-Chiến do Thiếu-úy Thủy quân Lục-chiến Edgar De Trentinian chỉ-huy, có Hải-quân Trung-úy Esmez phụ tá, và Hải-quân Y sĩ Chedan, cũng một bí thư tên là Lasserre). Tất cả đi trên chiếc thông báo hạm "ESTRÉES" và pháo hạm "ARC," chiếc pháo hạm này khi gần đến Đà-Nẵng thì bị sóng đánh vỡ một miếng vỏ, nhưng không ai việc gì...

Ngày 16-10-1873, Francis Garnier đến Đà Nẵng, một vị quan ta ra nhận thơ của Dupré gởi lên Vua Tự-Đức. Trong thư này viên Thống Đốc Pháp ở Nam Kỳ báo cho Triều-Đình Huế biết Hải Quân Đại Úy Francis Garnier ra Hà-Nội "để bảo Jean Dupuis rời Bắc Kỳ, nếu hắn không chịu sẽ dùng sức mạnh bắt hắn đi, nhưng Francis Garnier phải ở lại Bắc Kỳ cho tới bao giờ giải quyết xong việc khai thương con sông Hồng Hà và đồng thời xin mở cả thương cảng Hà-Nội cho người Pháp ra vào buôn bán nữa". Dupré cũng nói thêm rằng Francis Garnier sẽ nhân dịp này củng cố chánh quyền của nhà Vua... Garnier sau khi đưa thơ, nghỉ mấy ngày để đợi hai sứ giả của ta cùng ra Bắc... (vào ngày 20-10-1873).

Khi ra đến Hải-Dương, Francis Garnier vào Kẻ-Sặt viết thư sai người đem đến cho Jean Dupuis ở Hà-Nội trước, báo tin cho tên này biết cái chủ đích của mình, và cũng không quên nhấn mạnh rằng trăm sự đều nhờ vào hắn chỉ bảo cho bởi vì hắn quen biết mọi việc ở Bắc-Kỳ.

Nhận thư, Jean Dupuis liền cùng chiếc Mãn Hầu đi đón Francis Garnier. Bấy giờ ai cũng tưởng là Francis Garnier ra Bắc chuyến này thì mọi việc sẽ tốt đẹp cả. Cho nên khi hắn đi đến đâu thì quan, dân ta đều tiếp đón rất là trọng thể. Nhưng nào ai có biết âm mưu của bọn này.

Ngày 03-11-1873 Francis Garnier đến Hà-Nội có lính (?) của Jean Dupuis ra đón chào... Rồi Francis Garnier cùng với mấy tên tùy tùng vào thành ra mắt Nguyễn-Tri-Phương ngay và đòi đem quân vào đóng trong thành. Sau quan ta nói mãi, Francis Garnier mới thuận ra đóng ở Trường-Thi và bắt đầu thảo luận vấn đề nêu ra. Nhưng hai bên đã bất đồng ý kiến ngay từ căn bản, bên ta chỉ muốn nhờ Pháp đẩy Jean Dupuis ra khỏi Bắc Kỳ, không hơn không kém; Pháp chỉ lo đòi khai thương con sông Hồng-Hà và nhận chìm việc Jean Dupuis.

Cuộc thương nghị này chưa đi đến đâu cả... thì ngày 7-11-1873, Francis Garnier ra cáo thị cho dân chúng biết rằng : "Súy phủ Sài-gòn cử hắn ra Bắc là do sự yêu cầu của Nam-Triều. Nhiệm vụ của hắn là xem xét việc Bắc-Kỳ như lo diệt trừ giặc cướp đang hoành hành ở các bờ biển, và trong dân chúng để mọi người được làm ăn yên ổn và được hưởng thêm phần thịnh vượng...".

Francis Garnier giao cho quan ta dán tờ cáo thị đó. Quan ta nói chưa có lệnh của Triều-đình. Garnier cho lính của mình đi dán lấy.

Trước hành động này của Francis Garnier, Kinh Lược Nguyễn-Tri-Phương của ta có gởi một thơ lưu ý rằng... "nhiệm vụ ở Bắc Kỳ của hắn chỉ là để đuổi tên lái súng Jean Dupuis mà thôi. Hắn hãy thi hành nhiệm vụ đó và sau đó cũng đi luôn...".

Vài ngày sau, ta cũng ra một cáo thị cho dân chúng rõ nội vụ...

Francis Garnier yêu cầu hủy bỏ cáo thị, ta không chịu thì vào ngày 9-11-1873, hắn đưa cho ta một tối hậu thư, hẹn trong một thời hạn là hai ngày phải trao thành Hà-Nội cho hắn. Ta không trả lời. Cùng ngày, Súy-Phủ Sài-Gòn gởi lực lượng ra tăng cường cho Francis Garnier và hắn lại mượn chiếc Mãn Hầu của tên lái súng Jean Dupuis ra Vịnh Hạ-Long để đón...

Ngày 11-11-1873, Giám Mục Puginier đến Hà-Nội và có tiếp xúc với Francis Garnier, nói

là để "khuyến cáo bỏ dự án khôi phục nhà Lê mà Hải-Quân Trung Tá Senez đã thai nghén trước đây". Nhưng sự thực thì trái lại thế và những hành động của Francis Garnier sau này, đủ giải thích được âm mưu của Tu-sĩ Gián điệp này.

Cũng trong khoảng thời gian này, có nhiều tên phản quốc mạo xưng là con cháu nhà Lê, đến xin với Francis Garnier để vào thành làm nội ứng.

Chiều ngày 11-11-1873, thì viện quân Pháp tới và gồm có : Pháo-Hạm "Espingole", trên có 28 người chỉ-huy bởi Hải-Quân Trung Úy Balny D'Avricourt, với Hải quân Y-sĩ Harmand và Kỹ sư địa dư Bouillet; Chiếc "Scorpion" với khoảng 15 người và cho thay pháo hạm "ARC" bằng pháo hạm "Decrès" từ Hương-Cảng tới, do Hải quân Trung Úy Bain de la Coquerie chỉ huy, có các Chuẩn Úy Thủy quân Lục-chiến Hautefeuille, Perrin, Bouxin và Y-sĩ Trung Úy Dubut tháp tùng cùng 60 Thủy quân và một đại-bác 86 ly 5.

Ngày 12-11-1873, sau khi có viện quân tới, Francis Garnier gia hạn cho Kinh Lược Nguyễn Tri-Phương đến ngày 18-11-1873, phải giao thành cho hắn... Đến kỳ hạn vẫn không được quan ta trả lời, mà còn ra sức phòng thủ... Francis Garnier làm dữ hơn, và ra một thông cáo nói về việc khai thương sông Hồng-Hà bằng một dọng hết sức hỗn xược như sau :

"Quan lớn Francis Garnier (Le Grand Mandarin...) do quan Đề-Đốc Toàn quyền Nam Kỳ thuộc Pháp phái ra Bắc Kỳ để thỏa thuận với các nhà cầm quyền Việt-Nam về việc khai thương xứ này; Nay quyết định để dân chúng biết:

1.- Kể từ hôm nay, sông Hồng-Hà mở cho người Pháp, người Tây-Ban-Nha và Trung-Hoa vào buôn bán từ biển lên tới Vân-Nam.

2.- Những cửa biển do thuyền ra vào buôn bán là cửa Hải-Phòng Thái-Bình v.v...

3.- Quan thuế tính 2% của giá hàng xuất cảng cũng như nhập cảng.

4.- Thuế này khai nộp cho nhân viên ty quan thuế khi đưa hàng vào hay mang hàng đi.



Giám - Mục PUGI... R

5.- Hàng mang lên Vân Nam chỉ chịu có 1% thuế.

6.- Hàng của Sài-gòn đến Hà-Nội, hay hàng của Hà-Nội đến Sài-gòn, chỉ chịu một nửa phần thuế.

7.- Bản thuế lệ này nếu có điều sửa đổi sẽ báo trước 6 tháng.

8.- Những thương nhân Tầu và ngoại quốc được nước Pháp bảo vệ. Họ không phải tùy thuộc nước Nam về một phương diện nào.

9.- Những người buôn bán của các nước, được quyền mua nhà, mua đất ở Hà-Nội để ở.

10.- Những sở thuế quan Việt-Nam sẽ bãi bỏ.

Thông cáo được tung ra, làm cho người Việt-Nam vô cùng kinh ngạc, bởi vì xuyên qua thông cáo thì chủ quyền quốc-gia đâu còn nữa và như vậy Bắc-Kỳ đương nhiên thuộc Pháp ư ? Không khí chiến tranh bao trùm cả xứ Bắc, dân chúng hoang mang tột độ, bọn người nói là "Phù Lê" ra sức hoạt động v.v...

Ngày 19-11-1873, Francis Garnier lại viết cho Kinh Lược Nguyễn-Tri-Phương một thơ khác, yêu cầu đầu hàng, nộp thành và trả lời trước 6 giờ chiều...Mặt khác, hắn bàn định với Jean Dupuis kế hoạch đánh Hà-Nội, ngày khởi sự và bắt Kinh Lược Nguyễn-Tri-Phương giải vào Sài-Gòn...

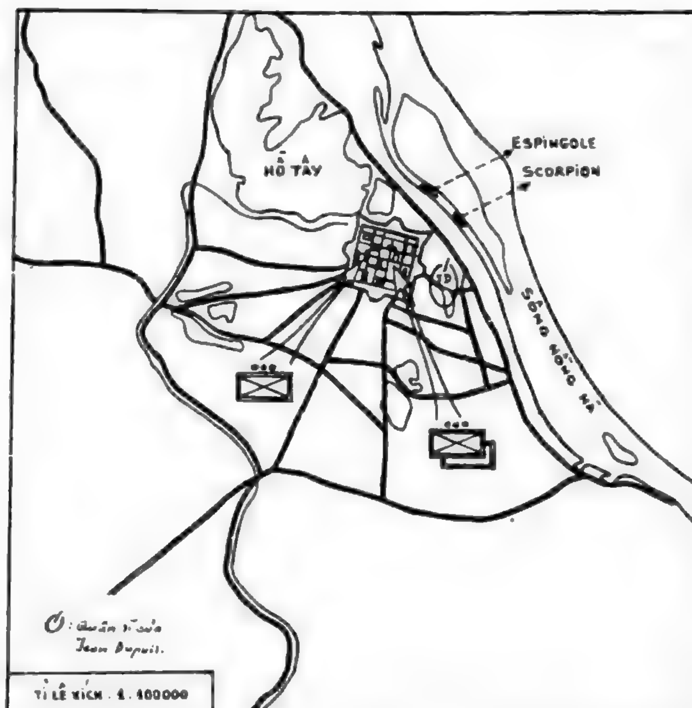
Không được trả lời, Francis Garnier quyết dùng võ lực chiếm thành...



1.— Quân Pháp đánh chiếm thành Hà-Nội lần thứ nhất.

Ngày 20-11-1873, vào lúc 6 giờ sáng, cuộc chiến bắt đầu theo kế hoạch sau đây của Hải-quân Đại-Úy Francis Garnier :

Chúng sẽ chia làm hai cánh quân : cánh thứ nhất dưới quyền chỉ huy của Hải-quân Trung-Úy Bain De La Coquerie với các Chuẩn-Úy Thủy quân Lục chiến Hautefeuille và Perrin tấn công vào cửa Tây Nam thành; Cánh thứ hai do đích thân Francis Garnier chỉ huy với Thiếu-Úy Thủy-quân Lục-chiến De Trentinian và Hải-Quân Trung-Úy Esmez xung phong vào cửa Đông



Sơ-đồ hành-quân của Hải-Quân Đại-Uy FRANCIS GARNIER đánh vào Hà-Nội lần thứ nhất

Nam thành; các pháo hạm "Espingole" và "Scorpion" dưới quyền chỉ huy của Hải-Quân Trung Úy Balny D'Avricourt pháo kích vào trong thành, và sau đó yểm trợ cho các cánh quân, tên lái súng Jean Dupuis đem quân riêng của hắn ra chiếm phố Mới...



TQLC *Pháp trong một cuộc hành-quân ở Bắc-Kỳ*

Ngay loạt pháo kích đầu tiên của quân Pháp, Kinh Lược Nguyễn-Tri-Phương vội đích thân lên cửa Tây Nam thành chỉ-huy quân sĩ. Ông cho dương bốn tàn vàng, đứng hô hét quân sĩ kháng cự. Địch quân, có Việt-gian chỉ đường mách lối nên cứ nhắm chỗ có bốn tàn vàng đang bay phất phới mà nã đạn, Nguyễn Kinh Lược bị đạn vào bụng và đùi phải, nhưng ông còn cố gắng quất ngựa chạy ra bị một tên thông ngôn chỉ cho giặc, giặc bắt ông. Con ông là Phò Mã Nguyễn-Lâm vừa ra thăm cha, thấy có biến, cũng tham gia chiến cuộc ở cửa đông. nam, bị bắn chết... Quân địch núp trên các cao ốc và cao địa quan sát trận thế của ta rất rõ, nên cũng pháo kích rất trúng đích, Không đầy một giờ, mặc dù quân ta đông gấp bội (7.000 người) mà bị quân địch khoảng chừng 200 (khoảng 90 người của Francis Garnier và gần 100 của Jean Dupuis) đánh bại. Thành thất thủ. Kết quả Pháp chết 01, bị thương 02, ta chết 80, bị thương 300. Các quan trong

thành như : Tổng Đốc Bùi-Đức-Kiên, Án-sát Tôn-Thất-Thiệp trốn thoát, đến ẩn ở nhà người thư lại ở làng Nhân-Mục, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà-Đông (sau ông bị tên Chánh tổng Đức tham 100 quan tiền thưởng, bắt mang nộp cho Tây), Khâm phái Phan-Đình-Bình, Bố-chánh Vũ Đường, Đề-Đốc Đặng-Siêu, Lãnh Binh Nguyễn-đăng-Nghiêm đều bị bắt làm tù binh, và bị đem xuống tàu chở về Sài-gòn. Riêng Kinh Lược Nguyễn-Tri-Phương, trước cái nhục thành mất, quân bại, đã không chịu băng bó vết thương và nhịn ăn mà chết vào ngày 22-12-1873, biểu dương một tinh thần liêm sỉ vang dội không ít.

Thừa thắng, buổi chiều ngày hôm ấy (20-11-1873), Francis Garnier cử Hải-quân Trung-Úy Bain De La Coquerie chỉ-huy 65 người và một khẩu đại bác 86 ly 5, tiến chiếm Phủ Hoài Đức, trên con đường đi Sơn-Tây, rồi chia quân đi đánh chiếm các tỉnh Trung Châu Bắc Kỳ... Có hai vị trí chiến lược mà địch quan tâm hơn cả là con đường Phủ Hoài và Gia-Lâm, bên kia sông Hồng-Hà. Chúng cho đóng mỗi nơi một đơn vị nhỏ, để đề phòng quân ta có thể tập trung để phản công, còn bao nhiêu phân phối đi đánh các nơi. Francis Garnier chỉ cần khoảng 50 lính cho mỗi nơi... Nhân có biến cố này, giặc cướp các nơi nổi lên lung tung, Francis Garnier liền lấy một số Việt-gian và giáo dân theo hắn, đặt vào các Huyện, Phủ, để thay vào đám quan lại của Nam Triều đã bỏ trốn, hoặc không được quân cướp nước tin dùng. Do những cuộc hành-quân của quân Pháp, nhiều tỉnh hoặc chống lại thì cũng thua, hoặc thấy bóng giặc thì bỏ chạy, hoặc ra hàng...

Ngày 26-11-1873, Hải Quân Trung Úy Balny D'Avricourt lấy tỉnh Phủ-Lý, trong khi đó, Hải quân Trung Úy Esmez chiếm Phủ Thường rồi Phủ-Bình và Hoài yên...

Ngày 28-11-1873, Tổng đốc các tỉnh Hưng Yên, Bắc-Ninh, Thái-Nguyên ra tuyên bố nhìn nhận quyền uy của Pháp và giải giới. Francis Garnier giao cho Thiếu-Úy Thủy quân Lục-chiến De Trentinian chỉ-huy chiếc pháo hạm "Espingole", trên có 15 người cùng Hải-quân Y-sĩ Harmand xuống Hưng-Yên. Tuần phủ Nguyễn-đức-Đạt, Án Sát Tôn-Thất-Phiên đến trình diện và trình bày rằng "hai cửa ải Mễ, Đằng đã bỏ trống từ ngày Hà-Nội thất thủ, quân sĩ đã rút hết, cừ ở dưới nước đã nhổ..., các điều khoản về thông thương đã niêm yết cho dân chúng".

Ngày 2-12-1873, Thiếu Úy Thủy-quân Lục Chiến De Trentinian và Hải-quân Trung-Úy Balny D'Avricourt cũng dùng pháo hạm "Espingole" qua Hải-Dương. Chúng đi đến đâu phá sạch cừ đến đó. Tới nơi (ngày 5-12-1873), chúng cho mời quan Tổng-Đốc xuống tàu nói chuyện. Quan Tổng Đốc trả lời không thể nạp thành được vì còn bẩm mệnh Triều-đình. De Trentinian quát tháo ầm ỷ, hẹn trong hai giờ quan ta không



Quân sĩ của FRANCIS GARNIER tấn công cửa Đông Nam thành Hà-Nội

làm theo ý hắn, thì hắn sẽ ra lệnh nổ súng... Quan Tổng đốc ta vẫn ôn hòa nhã nhặn. Hai giờ qua, De trentinian ra lệnh tấn công... Súng dưới pháo hạm bắn lên, súng của ta ở trên bắn xuống Nhưng hỏa lực của địch quá mạnh, nên đã đè bẹp hỏa lực của ta và chúng đã xung phong vào thành ngay sau đó... Quân ta bỏ chạy tán loạn. Các quan Đổng suất quân vụ Lê-Hữu-Thường, Tổng đốc Đặng-xuân-Bảng, Bố-Chánh Nguyễn-Hữu-Chính, Án-sát Nguyễn-Đại phải chạy về các huyện Gia-Lộc và Cẩm-Giang... Quân Pháp vào thành, phá kho lấy được 12 vạn quan tiền bằng đồng, bốn vạn quan tiền bằng bạc thoi... Sau đó, phá hủy hết doanh trại...

Francis Garnier ra lệnh cho Trentinian ở lại cùng với 15 Thủy-quân Lục-chiến, để tổ chức các cơ quan cai trị và thanh toán nốt mọi sự kháng cự, còn bao nhiêu rút đánh các nơi khác.

Cũng trong khoảng thời gian nói trên, Chuẩn-Úy Thủy-Quân Lục-Chiến Hautefeuille, cùng với 7 Thủy Quân Lục Chiến trên chiếc pháo hạm "Scorpion" đi đánh Ninh Bình. Sau khi phá hết căn cứ ở dưới sông, hắn đòi quan ta trả lời về điều Francis Garnier đã thông sức trước. Hắn bắn vài phát đại bác vào thành rồi chờ đợi. Bây giờ trời đã tối, quan ta không dám ra, mà quân Pháp cũng không đổ bộ... Sáng hôm sau, Hautefeuille cho đổ bộ. Tuần Phủ Nguyễn Thứ đi 4 lọng ra mở cửa... đón giặc. Hautefeuille ra lệnh trói luôn quan Tuần Phủ và các tùy tùng rồi bắt Chánh Lãnh Binh đưa đi khám xét các cơ cấu quân sự trong thành.

Quân sỹ của ta đang túc trực ứng chiến trên bờ thành, được lệnh hạ khí giới và quỳ xuống hai bên đường, Hautefeuille vào kho xét lấy được 79.400 quan tiền, nhiều bạc thoi, kẽm, thau v.v... 6.080 thước khối thóc, 46 khẩu đại bác và nhiều võ khí cổ điển. Các quan của ta bị giam hết ở một đồn phía bên ngoài thành, ngoại trừ quan Án Sát, tự cởi trói trốn thoát. Cũng như các nơi khác, sau khi chiếm Hải Dương, quân Pháp lấy một số Việt gian và Giáo dân đặt vào các Phủ, Huyện v.v... Còn quan Tuần Phủ NGUYỄN THỨ, tuy đã hàng, nhưng bị ốm đau, nên được nghỉ.

Ngày 9-12-1873, Francis Garnier đến thăm Ninh Bình, gặp Hautefeuille và giao cho hắn trọng nhậm tỉnh này.

Rời Ninh Bình, Francis Garnier quyết định sang lấy thành Nam Định. Hắn lên pháo hạm "Scorpion", cho tăng cường thêm tất cả số thuỷ quân lục chiến hãy còn lại ở Hànội (không kể thuỷ thủ đoàn của chiếc "Scorpion" là 40 người), rồi cùng hai chiếc "Decrès" và "Fleurus", trên chở 56 thuỷ thủ đến Nam Định. Tại đây, đã có mặt Hải quân Trung Úy BALNY D'AVRICOURT, Hải quân Y Sỹ HARMAND và



Kỳ đài thành NAM-ĐỊNH ←

Kỹ Sư địa dư BOUILLET... Sở dĩ Francis Garnier phải đích thân chỉ huy việc lấy thành Nam Định, vì thành này rất to, được phòng thủ khá ráo riết và mặt khác, nếu lấy được thành này, thì sẽ gây được tiếng vang không ít... Đoàn tầu của Francis Garnier tiến dọc theo sông Vị Hoàng và tiến đến đâu, bắn hạ các đồn lũy của ta đến đó. Quan Hộ Đốc Nam Định được tin quân Pháp kéo đến, liền cho lệnh Chánh Lãnh Binh NGUYỄN VĂN LỢI, Thương Biện PHẠM VĂN NGHỊ, đôn đốc dân quân chặn địch ở đồn Cầu Bộ. Nhưng trước hoả lực của địch, quân ta phải bỏ đồn chạy...

Ngày 12-12-1873 Francis Garnier đến trước thành Nam-Định, quân ta dùng đại bác "bắn chào" (nói là bắn chào, bởi vì bắn chẳng vào đâu cả rồi bắn cho lệnh Thủy Quân Lục Chiến BOUXIN chỉ huy 15 người và 1 khẩu đại-bác 36 ly 5 giả đánh vào cửa Nam thành, trong khi đó kỹ-sư địa dư Bouillet, với một cánh khác, tiến chiếm khu phố thương mại và đích thân Francis Farnier chỉ huy cuộc xung phong vào cửa Đông. Quân Pháp trèo được vào thành, quân ta bỏ chạy tán loạn, quân Pháp làm chủ tình hình ngay sau đó và cờ Pháp đã phất phới trên chòi cao ...

Lấy xong Nam Định, Francis Garnier để Hải Quân Y Sỹ Harmand ở lại giữ quyền hành chánh tỉnh này cùng với 25 thủy quân, và ngày 16-12-1873, hắn trở về Hà Nội tiếp phái đoàn điều đình của ta...

Xét lại thì Francis Garnier hạ được 4 tỉnh lớn... ở Bắc Kỳ (là Hưng Yên, Hải Dương, Ninh Bình và Nam Định) từ đồng bằng ra miền duyên hải, chỉ trong vòng có hai chục ngày và với một số ít lính (nơi thì 7 người, nơi thì 15 người...), tung hoành ngang dọc như vào chốn không người, bắt các đại thần, tướng, tá của ta dễ như ếch vồ cua. Quân sỹ ta luôn luôn kinh hoàng trước bóng giặc và chỉ có một việc duy nhất là... chạy trốn... Dân ta thì ngơ ngác không hiểu ra thế nào cả... Trộm cướp lại có dịp nổi lên... Bọn Việt gian phản quốc và bọn chính trị hoạt đầu... lộ diện...

Lấy xong 4 tỉnh lớn rồi, ngoài việc sắp đặt bộ máy cai trị, Francis Garnier cũng không quên tuyển mộ thêm phụ lực quân, để tăng thêm số lính ít ỏi của hắn, mà hắn đã trắc nghiệm thành công trước đây ở Phủ Lý, với tên hãng quan LÊ VĂN BÁ... Tuy nhiên, hắn vẫn chưa tin dùng hẳn đám này và thường xử dụng xen kẽ với vài tên lính thuỷ quân lục chiến của hắn...

Thật là nhục nhã, nếu ta nghĩ đến cái hùng khí của dân tộc ta thuở nhà TRẦN, ba phen diệt Mông Cổ, Quang Trung cả phá 20 vạn quân Thanh, mà tủi hổ cho quân đội nhà NGUYỄN...



2.— Francis Garnier tử trận, Philastre ra Hà-Nội.

Triều đình Huế được tin Hànội thất thủ, rồi tiếp theo là bốn tỉnh Trung Châu Bắc Kỳ lần lượt rơi vào tay quân Viễn Chinh, khiến TỰ ĐỨC như ngồi trên đống lửa... Nhà Vua quở trách các bầy tôi trong ngoài không ngớt. Các tướng lãnh bị hạch hỏi về tội thiếu sự quan phòng, các quan Viện, Bạc giữ các việc quốc gia cơ yếu bị cáo về tội thiếu tinh thần trách nhiệm, làm việc cẩu thả, rồi mỗi vị lớn nhỏ đều bị giáng một cấp. Đó là trường hợp các cận thần trong Kinh. Còn các tỉnh thần ngoài Bắc : Tuần Phủ NGUYỄN THỨ và các tuỳ thuộc dâng thành cho giặc, tỉnh thần Nam Định không chuẩn bị chống xâm lăng, nên mất thành, bị cách chức tức khắc. Riêng tỉnh quân Hải dương, tuy không sơ suất nhưng cũng phải chịu lỗi, để mất thành nên chỉ bị cách lưu và đợi cứu nghị. Nhà Vua cũng không quên xuống chiếu cho các tỉnh thần Bắc Kỳ, từ nay phải hết sức chiến đấu, hầu đái công chuộc tội. Hải quan Tổng Thống và Hiệp thống có thể đề nghị mọi hình phạt nghiêm khắc để bảo tồn kỷ luật...

Rồi một mặt TỰ ĐỨC cử hai Sứ bộ : một ra Bắc, gồm có các Ông TRẦN ĐÌNH TÚC, NGUYỄN TRỌNG HỢP, TRƯƠNG GIA HỘI, cùng Giám mục Bohier và Linh mục Dangelzer (thuộc địa phận Kim long cách Huế khoảng 4 cây số); và Sứ bộ vào Nam gồm các ông LÊ TUẤN làm Chánh sứ toàn quyền, NGUYỄN VĂN TƯỜNG làm phó sứ, để đi thương thuyết về các biến cố do Francis Garnier gây ra ở Bắc Kỳ; mặt khác, cử Ông HOÀNG KẾ VIÊM ở Sơn Tây làm Tiết chế Quân vụ, để đề phòng các nơi và tăng cường lực lượng cho Ông ấy...

Về việc tăng cường lực lương cho Ông HOÀNG KẾ VIÊM, quân Kinh và quân Nghệ (khoảng 1.000 người) ra đến Thanh Hoá thì bị nghẽn, vì từ Ninh Bình trở ra, Pháp đã trấn giữ tất cả các trục giao thông, ngay đến việc chuyển công văn thư từ cũng bị trở ngại, nhiều khi bị thất thoát giữa đường... Tuy vậy, quân ở các tỉnh khác, ngoài Bắc cũng tăng cường được ít nhiều, nhưng quan trọng hơn cả là việc giúp sức của quân Cờ đen của Ông LƯU VĨNH PHÚC. Đám quân này trước đây đã hoạt động ở Thượng và Trung du Bắc Kỳ, sau một thời gian nhũng nhiễu dân ta, đã về quy thuận Triều đình, được Vua TỰ ĐỨC thu dụng, cho chính thức trú đóng tại vùng Lao Cay và được phép thâu thuế má của địa phương này để nuôi quân... Dùng quân Cờ đen, ta có hai cái lợi, một là "thêm bạn bớt thù", hai là có thể xử dụng sau này khi có biến, bởi vì đã có nhiều dấu hiệu cho thấy, rồi ra quân Pháp sẽ tiến ra Bắc... Trước khi quân Pháp tiến ra Bắc, quân Cờ đen cũng đã giúp ta tiêu diệt quân cờ vàng của HOÀNG SÙNG ANH ở vùng Hà Giang... Nay quân Pháp ra tay, ta liền nghĩ đến LƯU VĨNH PHÚC. Mà Ông này với Hoàng Kế Viêm là hai người bạn tương đắc. Lưu bấy giờ rất căm phẫn và ghét Pháp đặc biệt, vì Trung quốc của Ông ta cũng bị bọn da trắng dày xéo, sỉ nhục. Do đó, người ta không lấy làm lạ khi thấy quân Cờ đen tích cực chiến đấu bên cạnh một quân đội Việt Nam tương đối yếu kém hơn họ. Lại nữa, vũ khí của họ cũng tối tân, bắn rất lẹ và chính xác, do ở chỗ họ mua được của các nước Tây phương...

Ngày 20-12-1873, Sứ bộ TRẦN ĐÌNH TÚC đến Hà Nội, sau khi đã đến Sơn Tây gặp Tiết chế Quân vụ Hoàng Kế Viêm, và như ở trên đã nói, được Francis Garnier từ Nam Định trở về tiếp đón, để điều đình tại bản doanh cũ của Ông NGUYỄN TRI PHƯƠNG. Ngày hôm sau 21-12-1873, khi phái đoàn TRẦN ĐÌNH TÚC đang thương thuyết với Francis Garnier, thì có tin quân Cờ đen đang tiến vào thành Hà Nội và quân kỳ của họ đã thấp thoáng ở phía cửa Tây... Francis Garnier ra lệnh mở cửa thành nghênh chiến và cho đại bác từ mặt thành nã vào đối phương... Quân Cờ đen theo kế hoạch dụ địch vào tử địa, đã ... bỏ chạy... Địch mắc mưu... Và đích thân Francis Garnier cũng chỉ huy 18 tên lính và một khẩu đại bác 85 ly 5, mở cửa Nam đi truy kích, quên cả mang khẩu súng lục... Nhưng đi đến Kim Mã, thì quân Pháp chẳng thấy bóng quân Cờ đen đâu cả, mà chỉ thấy đạn của họ từ trong các lũy tre, ở các làng kế cận bắn ra lẻ tẻ... Bị hoang mang tột độ, Francis Garnier ra lệnh để khẩu đại bác lại và chia làm 2 cánh đi truy kích : một do đích thân Francis Garnier chỉ huy, gồm có 1 Trung Sỹ phụ trách về ẩm thực và 1 thông ngôn, dùng con đê Giảng Võ để truy kích quân Cờ đen, hướng về mạn phủ Hoài Đức; và một do Hải Quân Trung Úy Balny D'Avricourt với một thuỷ thủ, dùng đường Thủ lệ (Kim Mã Cầu Giấy) truy kích, cũng hướng về phía có dấu vết quân Cờ đen là mạn phủ Hoài Đức. Cánh của Francis Garnier đi được một quãng trên đê, thì bị sập hầm, hắn chưa



Quân Pháp trong một trận đụng độ với quân ta và quân Cờ-Đen ⟵

kịp vùng dậy, thì đã bị mấy mũi giáo của quân Cờ Đen đâm chết tươi, tên Trung Sỹ phụ trách về ẩm thực và tên thông ngôn cũng chung số phận với Francis Garnier; Cánh của Balny D'Avricourt khi đi đến đền Voi Phục, cũng bị lọt ổ phục kích và bị chết cả ở đây. Francis Garnier và tất cả những tên bị giết đều bị mọi gan, móc tim và chặt đầu mang đi bêu ở nhiều tỉnh Bắc Kỳ... Một sự ngẫu nhiên : Francis Garnier vắn số ngày hôm trước, thì NGUYỄN TRI PHƯƠNG cũng thở hơi tàn, vì vết thương trước đó, ngày hôm sau (22-12-1873).

Francis Garnier chết, làm cho đạo quân viễn chinh Pháp ở Bắc Kỳ bị một xúc động mạnh, một sự đau đớn điên loạn. Chúng toan giết phái đoàn TRẦN ĐÌNH TÚC đi để trả thù. Nhưng Ông TRẦN ĐÌNH TÚC bình tĩnh lấy lời phải trái mà giảng giải với chúng, nên chỉ bị đem giam dưới tầu mà thôi.

Về phía Sứ bộ LÊ TUẤN, thì, khi vào đến Sàigòn để phản đối (khiếu nại thì đúng hơn) về vụ Francis Garnier lộng hành ở Bắc Kỳ, đã được bọn thực dân mừng rỡ, vì thâm ý của chúng chỉ có vậy, nghĩa là cho tay sai ra khuấy phá ở Bắc Kỳ thì thế nào Triều đình Huế cũng cử Sứ bộ vào... khiếu nại... Rồi, nhân dịp buộc ta ký hoà ước chính thức nhượng ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Thấy Sứ bộ ta chỉ nói tới vụ Francis Garnier, Suý phủ Sàigòn liền đề cập đến vụ ba tỉnh Miền Tây và cho đó là điều kiện tiên quyết... Ban đầu, vì Sứ bộ ta không nhận được lệnh như vậy (vụ ba tỉnh miền Tây), nên đã phải mất một thời gian thư từ đi về Huế... Nhưng rồi Triều đình Huế cũng chịu ký hoà ước mới (nếu không ký thì còn làm gì được ?) với điều kiện phải ra Bắc Kỳ thu xếp cho yên vụ Francis Garnier đã. Phó Đề Đốc Dupré nhận lời và viết thơ cho Francis Garnier bảo phải trả thành Hà Nội và rút về Sàigòn, (ngày ấy Francis Garnier mới lấy Hà Nội và chưa đánh các tỉnh Trung Châu khác) đồng thời cử Hải quân Đại Úy Philastre, Giám đốc Hình luật Nam kỳ, làm Trưởng phái đoàn điều đình với Huế, để đi đến chỗ ký hoà ước mới...

Phái đoàn Philastre – NGUYỄN VĂN TƯỜNG (Ông LÊ TUẤN ở lại Sàigòn), dùng chiếc "Antilope" rời Sàigòn (để ra Huế trước) vào ngày 10-12-1873. Nhân dịp này, quân Pháp có trao trả Huế mấy Võ quan bị bắt tại thành Hà Nội trước đó và ngày hôm sau, 11-12-1873, Suý phủ Sàigòn lại cho chiếc pháo hạm "Decrès" do Hải quân Trung Tá Testart de Cosquer chỉ huy, theo ra Bắc kỳ, với Ông Moty là quan cai trị bản xứ, mang võ khí ra, để trang bị cho đám phụ lực quân của Francis Garnier mới tuyển được tại chỗ, cùng với 30.000 viên đạn và tăng cường 120 thuỷ quân lục chiến, chỉ huy bởi Hải quân Đại Úy Goudart, Sỹ quan tuỳ viên của Dupré, và Hải Quân Thiếu úy Rullier.



NGUYỄN - VĂN - TƯỜNG

Hai chiếc "Antilope" và Decrès" gặp nhau ở Đà Nẵng, sau khi Hải quân Đại Úy Philastre đã thất bại trong sứ mạng yêu cầu Triều đình Huế cho phái đoàn Việt Nam được toàn quyền ký kết với Pháp một hiệp ước mới, và chẳng đạt được gì khác, ngoài những lời than phiền về những vụ lôi thôi xảy ra ở Bắc Kỳ và việc Huế cử một người mưu thắp tùng ra Bắc mà thôi... Đến đây, Philastre - NGUYỄN VĂN TƯỜNG rời qua tầu D'Estrées", rồi trực chỉ Bắc Kỳ... (đến Bắc Kỳ ngày 25-12-1873).

Trong thời gian đó, ở Bắc Kỳ, sau khi Francis Garnier chết, Hải Quân Trung Úy Esmez lên thay quyền chỉ huy đạo quân viễn xâm ... Còn tại các tỉnh, quân Pháp cũng đang lâm vào thế bị động...

Tình hình Nam Định của Hải quân Y Sỹ Harmand gặp rất nhiều khó khăn : ngày 21-12-1873, đã đẩy lui một cuộc tấn công của quân Cờ Đen, sau đó, xử dụng 11 lính Âu Châu và 300 phu lực quân tuyển tại chỗ, truy kích, gây cho quân Cờ Đen bị thiệt hại nặng; về phía quân Pháp, chỉ có 3 chết và 5 bị thương. Ngày 31-12-1873, quân Pháp bị một cuộc tấn công nữa, nhưng cũng đánh tan được quân Cờ Đen... Mặc dầu thắng thế, nhưng quân Pháp đã có phen dự tính rút lui, nếu không được tiếp tế lương thực và đạn dược...

Tại Ninh Bình, Chuẩn Úy Thuỷ Quân lực chiến Hautefeuille cũng đẩy lui nhiều cuộc tấn công...

Cũng trong khoảng thời gian đó, Hải quân Trung Úy Esmez, người lên thay Francis Garnier, lại bắt đầu thương nghị với Ông TRẦN ĐÌNH TÚC về một hiệp ước danh dự, có lợi cho cả đôi bên...

Sứ bộ Philastre - TƯỜNG đến Cửa Cấm, mới được tin Hải quân Đại Úy Francis Garnier đã bị quân Cờ Đen giết mất rồi. Khi được tin ấy, Philastre tức giận vỗ bàn mà bảo Ông NGUYỄN VĂN TƯỜNG "Việc không xong rồi, phải trở về phi báo Súy phủ mới được, không nên ở lâu". Ông NGUYỄN VĂN TƯỜNG sợ Philastre giận quá mà làm nhỡ việc, mới ung dung mà nói rằng "Việc đánh lấy Hà Nội, Suý phủ bảo không phải là bản ý, mà quân bản quốc ở bốn tỉnh Bắc Kỳ cũng không có tranh dành gì cả ? Vậy hai bên không có làm điều gì trái nhau. Nay Hải quân Đại Úy Francis Garnier chết hoặc là vì giặc giết, hoặc là vì dân nổi lên làm loạn, việc đó ta chưa rõ. Huống chi trả thành lại, để định hoà ước cho xong, ấy là lệnh của quý Suý phủ; mà thu lấy thành rồi mới nghị hoà, ấy là lệnh của bản quốc. Chúng ta chỉ nên tuân theo lệnh ấy, còn như việc Hà Nội giết Hảiquan Đại-Úy Francis Garnier, thì cũng như Francis Garnier giết Ông NGUYỄN TRI PHƯƠNG, việc đó đều xuất tư ý ngoại, chứ có phải lỗi chúng ta đâu. Bây giờ chúng ta ra đây, mắt chưa trông rõ việc gì cả, mới nghe thấy tin báo mà đã bỏ về, thế chẳng hoá ra mình đi uổng mất công hay sao ? Chi bằng ta cho người đưa thư lên Hà Nội, bảo đem tàu xuống đón, chúng ta sẽ lên tới nơi, hoặc là cứ theo mệnh lệnh mà làm, hoặc là xét rõ nguyên do tại làm sao mà Francis Garnier chết, rồi sẽ báo về, thế chẳng ổn việc lắm hay sao "? Philastre thấy Ông TƯỜNG nói có vẻ hợp lệ, liền thuận theo và chưa quyết định cho tầu nào lên Hà-Nội trước, nhưng lại có ý muốn đổi qua pháo hạm "Décrès", là tầu chở đồ tiếp tế và lính tăng cường cho quân Pháp ở Bắc-Kỳ, đi trong đoàn với tầu "D'Estrées" để cho chiếc mà Ông xử dụng (D'Estrées), trở về Saigon báo tin về những biến cố bất ngờ đã xảy ra ở Bắc-Kỳ... Ông Nguyễn-văn-Tường cũng cản khéo rằng "Tầu của mình đã vào cửa rồi lại trở ra, nhỡ sỹ dân biết, lại bắt chước Hà-Nội mà làm bậy thì làm thế nào mà ngăn cấm được, sợ có sự tổn hại, thì lấy lẽ gì mà bẩm với qúy Súy-phủ ? Vậy nay xin sai chiếc "Décrès" ra bể đánh đuổi những giặc Tàu-Ô, còn ta cứ đem tầu "D'Estrées" vào Hải-Phòng, rồi ta lên Hải-Dương , đem trả thành lại cho bản triều để tỏ cái lòng tin cho sỹ dân biết, sau ta lên Hà-Nội trả nốt cả mấy thành kia, và tra hỏi việc Hải-Quân Đại Úy Francis Garnier chết ra thế nào, sẽ bẩm cho qúy Súy-Phủ biết một thể, như thế mới hoàn toàn".

Philastre thấy Ông TƯỜNG nói phải, bèn bỏ ý định đổi tầu, nhưng lại cử pháo hạm "Décrès" mang thơ lên cho Hà-Nội biết, thay vì sai đi đánh đuổi Tàu-Ô... (Philastre cử chiếc "Décrès" lên Hà-Nội đưa thơ, là vì ngoài việc này, tầu này còn chở đồ tiếp tế và lính tăng cường cho quân Pháp ở Bắc-Kỳ, như trên đã nói)

Tưởng cũng cần nên nhắc lại rằng, Philastre là một trong những người Pháp đầu tiên đi sâu vào đời sống xã-hội Việt-Nam, bằng cách học chữ Hán và nói tiếng Việt (sau trở nên thông thạo), khiến được nhiều cảm tình trong giới người Việt-Nam, ngược lại các đồng sự của Ông không mấy có cảm tình với Ông vì lý do này... Ông có vài cá tính đặc biệt, khác hẳn bọn quân nhân thực dân ở Saigon bấy giờ, rất trọng lẽ phải và thường công kích hành động của Francis Garnier ở Bắc-Kỳ, cũng như lên án tên lái súng Jean Dupuis là "đồ kẻ cướp". Nhờ tính công bằng và chính trực này mà nhiều lúc, sau một phút sôi nổi, Ông thường chịu nghe theo lẽ phải...

Pháo hạm "Décrès" tới Hà-Nội, Hải-quân Trung-Tá Testart de Cosquer báo tin cho Hải quân Trung-Úy Esmez, người lên thay Francis Garnier, biết là Hải quân Đại-Úy Philastre, "người có trong tay những quyền hành chánh trị mà sự thất bại sẽ không còn là điều nghi ngờ gì

được nữa", sắp đến với một Chánh sứ toàn quyền Việt-Nam, thay thế Sứ-bộ trước của Ông Trần-Đình-Túc, là Ông Nguyễn-văn-Tường (Ông Túc sẽ xuống làm phó Sứ)...

Ngày 29-12-1873, sứ bộ qua Hải-Dương, Philastre nhất nhất thi hành mọi đề nghị của Nguyễn-văn-Tường. De Trentinian đang giữ thành này, có ý đau xót thấy mình sẽ phải cuốn gói ra đi không kèn, không trống và đám quan lại Việt-Nam mà chúng tống đi, nay lại trở lại. Trong thời gian này, tên Tổng Đốc bù nhìn Trương đã âm mưu giết Ông Tường, Ông biết được, nên đã yêu cầu Philastre bắt hắn và đem giam dưới tàu... Rồi Ông Tường tự đi các tỉnh chuẩn bị... để tái tổ chức các guồng máy và đặt quan cai trị...

Ngày 5-1-1874, Sứ-Bộ đến Hà-Nội, Philastre nắm quyền lãnh đạo, đạo quân viễn chinh. cùng Nguyễn-văn-Tường ký luôn một thỏa ước dưới đây để trả lại thành Hà-Nội cho ta và triệt thoái hết quân đội ra khỏi 4 tỉnh Trung-châu Bắc-Kỳ, mặc dầu bọn quân nhân Pháp nhao nhao phản đối :

ĐIỀU I : Từ nay, mối hiểu làm được chấm dứt giữa các nhà chức trách Pháp ở Bắc-Kỳ và các nhà đương cuộc đại diện cho Hoàng Đế Việt-Nam. Hai bên đều mong muốn tỏ cho nhau thấy sự chân thành và tình hữu nghị. Quân đội Pháp sẽ rút khỏi các tỉnh Hải-Dương ngày 2-1-1874 (1) Ninh-Bình ngày 8-1-1874 và Nam-Định ngày 10-1-1874, với tất cả quân-dụng. Các cấp chỉ huy quân đội Pháp ở các nơi phải thỏa hiệp với các vị đại diện Nam triều ngày giờ, thể thức và biện pháp an-ninh trong việc trả thành, đồng thời phải làm danh sách, ghi rõ tiền bạc, thóc lúa, vật dụng giao lại . Đại diện Việt-Nam sẽ làm giấy biên nhận.

ĐIỀU II : Về phần triều-đình Việt-Nam cam kết:

1.- Chỉ đem vào thành một số lính cần-thiết cho việc cảnh bị.

2.- Không tập trung quân đội trong tỉnh, không gây trở ngại trên các trục giao thông, thủy hay bộ, cho quân đội Pháp.

3.- Tuyên bố ân xá hoàn toàn tất cả nhân viên trước đây là thần tử của Hoàng-đế, đã được người Pháp dùng tới, tránh cho họ mọi điều sỉ nhục và cho họ được phục vụ chánh quyền Việt-Nam trở lại, tùy theo khả năng. Như họ đã tạm thời phục vụ chánh quyền Pháp., không coi cử chỉ của họ như những hành động trọng tội, vì các chức quyền Pháp vẫn từng tuyên bố rõ rệt và công khai, là tạm giữ mọi việc, thay thế cho Triều đình Việt-Nam trong khi không có đại diện ở các tỉnh này.

ĐIỀU III : Ngay sau khi thi hành thỏa ước này, những vị có tên dưới đây đều cùng lo giải quyết mọi vấn đề liên hệ đến thành và toàn hạt Hà Nội.

PHILASTRE - TƯỜNG

(Ký tên)

Ngày 6-1-1874, Việt Pháp lại ký một thỏa ước bổ túc như sau :

"Quân đội Pháp sẽ rút khỏi thành Hà Nội để trả lại cho các quan Việt Nam và chuyển xuống tập trung ở Cửa Cấm thuộc thương cảng Hải Phòng.

"Người Pháp đóng ở Hải Phòng để bảo vệ Vương Quốc Việt Nam, phòng có quân nghịch thâm nhập nội địa, trái với luật pháp của Vương Quốc và bắt buộc tầu bè của tên Dupuis nào đó, phải ngừng lại tại chỗ cho tới khi ký xong hòa ước có điều khoản cho phép lên Hà Nội để buôn bán...

"Chánh Phủ Việt Nam sẽ nhường một khu đất bên bờ sông Hà Nội, để dựng một ngôi nhà cho Công Sứ Pháp và binh sỹ tùy tùng.

"Tên Dupuis và những người Tàu đồng bọn phải rời thành phố Hà Nội trước quân đội Pháp. Họ sẽ tới Hải Phòng do một sĩ quan Pháp thân dẫn...

"Ngoài ra, nếu Jean Dupuis muốn lên Vân Nam thì cũng cho, nhưng tầu thuyền, súng ống đem theo phải đúng số đã định trong thỏa ước, nếu gặp giặc cướp thì phải tự liệu lấy... Dupuis không được trở lại Bắc Kỳ trước khi sông Hồng hà được khai thương, còn nếu y đến một nơi nào khác trong nước Nam, thì quân Pháp phải đuổi đi".

---

(1) Đã rút trước ngày ký thỏa-hiệp.

Ký xong thỏa ước, nhất là thỏa ước thứ nhất, Philastre nhất nhất đều thi hành đúng lịch rút quân và trao thành trả quân ta : ngày 2-1-1874, rút khỏi Hải Dương; ngày 8-1-1874, rút khỏi Ninh Bình; ngày 10-1-1874, rút khỏi Nam Định và ngày 16-2-1874, rút khỏi Hà Nội, chỉ để lại Đại Úy Thủy Quân lục chiến Rheinart làm Trú sứ cùng 40 lính, còn bao nhiêu xuồng chiếc "Espingole" hết, để xuống Hải Phòng, trước khi về Saigon.

Quân Pháp rút khỏi các nơi với cử chỉ và nét mặt hằn học, trước các bộ mặt... hí hả và chế diễu của dân chúng Việt Nam tụ tập hai bên đường hay bờ sông...

Riêng về tên Jean Dupuis, thấy Philastre hành động như vậy là phá hoại tất cả công nghiệp của mình, nên đã vào Saigon khiếu nại với Súy phủ đòi Nam Triều phải bồi thường thiệt hại một triệu quan tiền.

Sau khi quân Pháp cuốn gói, nhiều làng trước đây chạy theo giặc phản lại tổ quốc bị đốt phá và giết hại cả ngàn người...

Khoảng cuối tháng 2/1874, Philastre và NGUYỄN - VĂN - TƯỜNG ghé Huế, trước khi về Saigon (vào ngày 4-3-1874) để chính thức ký Hòa ước Giáp Tuất 1874, đã được Vua TỰ ĐỨC cho tiếp đón trọng thể và cám ơn Philastre "đã giải quyết một cách tốt đẹp các vụ lôi thôi xảy ra ở Bắc Kỳ"; ngoài ra, nhà Vua còn ban một sắc dụ tuyên dương công khó nhọc của Philastre đối với nước ta (!?). (Riêng Ông TƯỜNG được thăng Hình bộ Thượng thư tước Kỳ vĩ Bá).



3.– Hòa-ước Giáp-Tuất 1874.

Như hai bên Việt Pháp đã thỏa hiệp trước khi ra Bắc Kỳ giải quyết các vụ lôi thôi ngoài đó, khi xong, hai Ông TƯỜNG và Philastre phải trở lại Saigon để chuẩn bị ký một hòa ước chính thức mới.

Về đến Saigon, việc ký kết hòa ước được xúc tiến nhanh chóng, bởi vì mục đích của sứ bộ hai bên là ra Hà-Nội trả lại thành và trục xuất tên Jean Dupuis, thì đã thi hành xong, không còn gì phải bàn cãi lôi thôi nữa, nên ngày 15-3-1874, về phía Việt Nam có các Ông LÊ TUẤN và NGUYỄN VĂN TƯỜNG, về phía Pháp có Phó Đề Đốc Dupré, cùng ký hòa ước mới. Vì vậy, hòa ước này, ngoài việc gọi là hòa ước Giáp Tuất 1874, còn gọi là hòa ước TUẤN - Dupré nữa.

Với hòa ước mới này, Dupré đã hoàn thành được sứ mạng chính thức hóa việc chiếm hữu toàn thể Nam Kỳ, đặt nền bảo hộ ở Bắc Kỳ, khai thương con sông Hồng Hà, đoạt luôn cả quyền ngoại giao của Triều đình Huế, và đã giành được khá nhiều quyền lợi mà Pháp đình hồi đó chưa dám ước mơ, vì xét khả năng "ăn cướp" (nước) còn kém đế quốc Anh rất nhiều, nên từ lâu vẫn do dự...

Hòa ước gồm 22 khoản dưới đây, đã đánh dấu một thắng lợi hết sức lớn lao của bọn thực dân Pháp ở Việt Nam :

1- Đại Nam và Pháp từ nay là hai quốc gia thân hữu và giao hảo với nhau mãi mãi.

2- Tổng Thống Pháp (S.E. le Président de la République. Lúc này quân chủ Pháp lại bị lật đổ) nhận Đại Nam là một quốc gia độc lập, không phải thần phục nước nào, hứa giúp Hoàng Đế Đại Nam nếu cần, bảo vệ an ninh trong và ngoài nước, phá tan giặc giã đang quấy nhiễu một phần duyên hải Đại Nam.

3- Để đáp lại sự bảo hộ ấy, Hoàng đế Đại Nam từ nay chịu theo chính sách ngoại giao hiện thời của nước Pháp. Sự kiện này không thi hành đối với các thương ước, nhưng mặc dầu trường hợp nào, Hoàng Đế Đại Nam cũng không được lập với nước nào một thương ước trái với thương ước đã lập với nước Pháp, hoặc không báo trước cho chánh phủ Pháp.

Tổng Thống Pháp tặng Hoàng đế Đại Nam :

a)- 5 tầu chạy hơi nước, có sức mạnh tổng cộng là 500 Mã lực, còn toàn hảo và được trang bị đúng theo tiêu chuẩn ấn định.

b)- Một trăm khẩu đại bác các cỡ 70 và 160 ly, mỗi khẩu 200 viên đạn.

c)- Một nghìn khẩu súng trường và 500.000 viên đạn v.v...

4- Tổng Thống Pháp hứa sẽ cho các chuyên viên sang Đại Nam giúp việc, tổ chức lại Thủy quân và Lục quân, cho các Kỹ sư sang dạy làm mọi việc và cho những người giỏi việc tài chánh sang sắp đặt các việc thuế má và thương chính v.v... những Giáo sư sang lập một Trường Cao Đẳng Tiểu học ở Huế.

5- Hoàng đế Đại Nam công nhận chủ quyền hoàn toàn của nước Pháp ở 6 tỉnh Nam Kỳ, phía Đông giáp biển Trung Hoa và tỉnh Bình Thuận, phía Tây giáp Vịnh Xiêm, phía Nam giáp biển Trung Hoa, phía Bắc giáp Cao Miên và Đại Nam (nước Pháp cam đoan không xâm phạm đến 11 ngôi mộ của họ PHẠM ở làng Tân Niên Đông và Tân Quang Đông, tỉnh Gia-Định và 3 ngôi mộ họ HỒ ở làng Linh Chung, làng Tân Mỹ, tỉnh Biên Hòa, sẽ cấp 100 mẫu đất cho các nơi có các mộ đó, để lấy hoa lợi dùng vào việc tu bổ các ngôi mộ nói trên và nuôi các gia đình phụ trách việc này. Những sở đất này được miễn thuế điền thổ và các gia đình ấy khỏi phải chịu thuế thân, khỏi đi lính và tạp dịch).

6- Tiền bồi thường chiến phí nước Đại Nam còn thiếu của nước Pháp nay được miễn hết.

7- Tiền bồi thường chiến phí nước Đại Nam phải trả cho nước Tây Ban Nha còn thiếu là một triệu đồng nguyên, sẽ do Chính Phủ Pháp chuyển giao và lấy ở tiền thuế thương chánh, thu được ở các cửa bể, mở cho người ngoại quốc ra vào buôn bán. Số tiền sẽ giao cho công khố Saigon để trả cho Tây Ban Nha, có giấy biên nhận gởi cho Đại Nam (tưởng cũng cần nhắc lại là Tây Ban Nha đã nhượng hết quyền cho Pháp ở Việt Nam từ khi hòa ước Nhâm Tuất (1862) được thực sự thi hành và chỉ nhận tiền bồi thường chiến phí mà thôi).

8- Hai vị Quốc Trưởng Việt Pháp ban hành đại xá và trả lại tài sản đã tịch thâu của mọi người dân đã giúp việc cho đôi bên trước ngày lập hòa ước này.

9- Hoàng đế Đại Nam phải để các giáo sỹ tự do giảng đạo Gia tô và cho các thần dân theo đạo cũng được như vậy. Giáo dân nước Nam được tụ họp trong các giáo đường để hành lễ, không bị hạn chế về nhân số. Nay bãi bỏ việc kiểm soát các giáo dân và bắt buộc họ làm những việc phỉ báng tôn giáo. Giáo dân được dự các kỳ thi và bổ dụng vào các cơ quan chánh quyền trong nước như tín đồ của mọi tôn giáo khác.

- Hoàng đế Đại Nam chịu hủy bỏ mọi sổ sách phân tháp giáo dân đã lập từ 15 năm nay và nói về sự duyệt tuyển, thuế má cũng đãi giáo dân như mọi người khác.

- Các Giám Mục, Linh Mục được đi lại tự do trong nước, miễn là họ có giấy thông hành do Súy Phủ Nam Kỳ cấp và có quan Thượng thư Bộ Lễ, hoặc quan Tổng Đốc chiếu khán là đủ. Khi ở, khi đi, họ không khai báo gì hết với quan Đại Nam.

- Linh Mục Đại Nam cũng có quyền giảng đạo như Linh Mục Âu Châu. Nếu họ vi phạm luật pháp, tội phạt trượng hay phạt xuy, được đổi sang một hình phạt tương đương.

- Các Giám Mục, Linh Mục người Đại Nam được quyền mua bán, thuê, mướn nhà cửa, đất cát để dựng giáo đường, bệnh viện, trường học. Cô nhi viện v.v...

- Của cải của giáo dân đã bị tịch thu trước đây sẽ được trả lại.

- Giáo sỹ Tây Ban Nha cũng được hưởng các điểm trên đây như giáo sỹ Pháp.

- Chánh Phủ Đại Nam có thể lập ở Saigon một trường Cao Đẳng Tiểu học, đặt dưới quyền kiểm soát của quan Giám Đốc Nha Nội Vụ. Trường này không được dạy gì trái với luân lý và sự thi hành uy quyền của nước Pháp. Vấn đề tôn giáo được hoàn toàn tự do. Nếu vi phạm các điều lệ ấy, giáo sư có thể bị trục xuất khỏi xứ và trường sẽ bị đóng cửa.

11.- Chánh phủ Đại Nam thỏa thuận mở cửa Thị Nại trong tỉnh Bình định, Ninh Hải trong tỉnh Hải Dương, thành phố Hà nội và sông Hồng Hà, từ biển lên tới Vân Nam, để người ngoại quốc ra vào buôn bán. Sẽ lập một hòa ước ấn định cho việc buôn bán ở đây.

Sau khi hòa ước này được phê chuẩn và hỗ giao, cửa Ninh Hai, Hà-Nội và sông Hồng

Hà được mở liền, riêng cửa Thị nại, thì được mở sau một năm. Các cửa biển và sông ngòi khác có thể sẽ được khai thương, nếu xét có lợi ích và cần thiết.

12- Người Pháp, người Nam có quốc tịch Pháp và người ngoại quốc có quyền trú ngụ, có tài sản và được tự do buôn bán, làm kỹ nghệ ở các nơi kể trên, miễn là họ tôn trọng luật pháp của bản quốc, đóng góp thuế đầy đủ. Riêng tại các miền duyên ngạn sông Hồng Hà, từ biển đến Hà Nội và từ Hà Nội đến Vân Nam, họ không được mở các việc doanh thương.

Nhà buôn ngoại quốc được quyền dùng mại bản, thông ngôn, thư lại, phu phen, thợ thuyền và tôi tớ để giúp việc.

13- Tại các cửa biển đã khai thương, Chánh Phủ Pháp sẽ đặt một Lãnh sự hay Ủy Viên ngoại giao có một số lính không quá 200 người, để giữ an ninh cho tới khi nào xét không cần nữa.

14- Dân Đại Nam cũng được tự do du lịch cư trú, có tài sản, buôn bán ở nước Pháp và các thuộc địa Pháp, miễn chịu tuân theo pháp luật, Hoàng Đế Đại Nam có thể đặt các Ủy Viên ngoại giao ở các thị trấn và cửa biển do Ngài lựa chọn.

15- Các công dân Pháp và Âu Châu, người Nam Kỳ hay người ngoại quốc nào khác (ngoài người Âu Châu và Nam Kỳ) muốn đến sinh sống và làm ăn ở các nơi nói trên, phải đến xin phép quan Trú Sứ Pháp. Quan Trú sứ sẽ báo cho nhà cầm quyền địa phương biết. Người Đại Nam muốn ở đất Pháp cũng phải theo các điểm như thế. Người Pháp và người ngoại quốc muốn đi du lịch trong nước Đại Nam, cũng phải xin giấy thông hành ở sứ quán Pháp và giấy tờ phải được các nhà cầm quyền Đại Nam thỏa thuận, chiếu khán. Các người đi du lịch không được buôn bán, nếu không tuân, hàng hóa sẽ bị tịch thâu. Hiện thời chưa có sự an ninh trong nước, Chánh Phủ Đại Nam và Pháp xét khi nào sự yên tĩnh trở lại, người ngoại quốc mới được hưởng thụ quyền lợi ấy. Những người Pháp nào đi du-lịch có mục đích nghiên cứu khoa học, thì không thuộc trường hợp kể trên. Họ sẽ được phép đi lại, được bảo vệ và được giúp đỡ mọi mặt.

16- Những việc kiện cáo giữa người Pháp với nhau, hay giữa người Pháp với người ngoại quốc, hay giữa những người này với người Đại Nam, thì do quan Trú Sứ Pháp xét xử. Nếu việc xét xử này có việc không ổn, thì quan Trú sứ Pháp sẽ có quan Thẩm Phán Đại Nam cộng tác để xét định theo phép công bằng. Nếu người Đại Nam kiện người Pháp hay ngoại quốc, thì quan Thẩm Phán Đại Nam xử; nếu không thỏa xử thì xin quan Trú sứ giúp sức, rồi cùng xét. Tòa án sẽ lập ở Saigon và theo lời yêu cầu của quan Trú sứ Pháp, nhà cầm quyền bản xứ phải gắng sức bắt kẻ can phạm và giao cho quan Trú sứ Pháp.

17- Về phần người Đại Nam phạm pháp trên đất Pháp, quan Lãnh Sự Đại Nam sẽ được nhà cầm quyền Pháp báo cáo cho biết và việc xét xử sẽ đúng theo pháp luật.

18- Các kẻ phạm tội gây loạn, hoặc vào cướp bóc trong đất Pháp, rồi chạy qua đất Đại Nam, khi được báo, thì các quan Đại Nam sẽ gắng bắt và trao trả nhà cầm quyền Pháp, các kẻ phạm tội với Chánh Quyền Đại Nam lẩn trốn qua đất Pháp, cũng sẽ bị xử theo cách này.

19- Mỗi khi có người Pháp hay ngoại quốc chết trên đất Đại Nam, hay người Đại Nam chết trên đất Pháp, tài sản của kẻ quá cố sẽ được giao cho kẻ thừa kế; nếu kẻ thừa kế vắng mặt, quan Trú sứ sẽ giao cho kẻ ứng đắc.

20- Để thi hành hòa ước này, sau ngày ký 1 năm, Tổng Thống Cộng Hòa Pháp sẽ bổ nhậm một quan Trú sứ ngang hàng với chức Thượng Thư bên Hoàng Đế Đại Nam, để giữ gìn tình thân thiện giữa hai nước và theo dõi sự thực thi hòa ước.

Hoàng Đế Đại Nam cũng sẽ đặt quan Trú Sứ ở Paris và Saigon. Những phí khoản do quan Trú sứ của nước nào, nước ấy chịu (nhưng, khi thực thi, HUẾ không cử quan Trú sứ tại Paris).

21- Hòa Ước này thay thế cho hòa ước 1862 (Nhâm Tuất). Chánh Phủ Pháp nhận điều đình với Chánh Phủ Tây Ban Nha để có sự chấp thuận. Nếu không có sự chấp thuận của Chánh Phủ kể trên, thì Hòa Ước này chỉ có hiệu lực giữa Pháp - Việt mà thôi, những khoản liên hệ với quyền lợi của Chánh Phủ Tây Ban Nha trong

Hòa Ước cũ vẫn còn hiệu lực. Nếu vậy, nước Pháp sẽ nhận trả số bồi phí chiến tranh của Đại Nam cho Tây Ban Nha. Việt Pháp sẽ thanh toán lại với nhau về vấn đề này, nghĩa là Pháp sẽ thay Tây Ban Nha làm trái chủ của Đại Nam.

22- Hòa Ước này có giá trị vĩnh viễn, sẽ được phê chuẩn và hỗ giao tại HUẾ, trong hạn 1 năm, hoặc sớm hơn nếu có thể, để công bố và thi hành.

Ký xong Hòa Ước, thì quan Chánh Sứ LÊ TUẤN tự vẫn, vì có lẽ Ông này là người cảm thấy quá nhục nhã về sự yếu kém của chúng ta và Ông NGUYỄN VĂN TƯỜNG về HUẾ; Phó Đề Đốc DUPRÉ về Pháp (ngày 16 - 3 - 1874), được Phó Đề Đốc KRANTZ thay thế.



4.— Phụ-ước thương-mại của Hòa ước Giáp-tuất 1874.

Sau khi hòa ước Giáp Tuất - 1874 được ký kết (15-3-1874), thì đến tháng 6, Triều Đình Huế lại cử quan Hình Bộ Thượng Thư Nguyễn-Văn-Tường và quan Lại-bộ thị-lang Nguyễn-Tăng-Doãn vào Saigon cùng với Phó Đề-Đốc Krantz định các thể lệ về sự buôn bán. Đến ngày 31-8-1874, thì lập xong một phụ ước gọi là ''Phụ ước thương mại'' gồm 29 khoản dưới đây.

1.- Hoàng Đế Đại -Nam mở cửa biển Ninh Hải (Hải dương) thành phố Hanoi, sông Hồng-Hà từ biển đến Vân Nam, cửa Thị-Nại (Bình-định) cho tàu buôn bất kỳ nước nào lui tới buộn bán.

2.- Ở các cửa khai thương, nói trên, hàng hóa chở vào phải chịu 5% giá hàng trước khi đem bán, hàng chở ra ngoài phải chịu 10% giá hàng. Súng đạn hay các đồ quân khí thì không được chở vào hay chở ra. Riêng nha phiến sẽ do Đại-Nam định lệ riêng. Gạo nhập cảng phải chịu thuế 5%. Gạo xuất cảng phải chịu 10% và phải có giấy phép của Nam triều. Tơ, gỗ, lim cũng chịu thuế 5%, cũng được nhập cảng và khi xuất cảng phải chịu thuế sản xuất ở xã, thôn sở tại và phải để triều đình Đại-Nam mua đủ dùng rồi mới buôn đi. Quan Trú Sứ Pháp phải được biết trước một tháng nếu hai thứ hàng kể trên được nước Đại-Nam cho xuất cảng..

Súng đạn, quân khí nếu không có triều đình Đại-Nam cho phép thì không được chở ra. Hàng ngoại quốc từ Vân Nam chở ra biển hoặc từ biển lên Vân-Nam phải chịu quan thuế và chỉ một lần mà thôi. Nhưng nước Đại-Nam có quyền trù liệu các luật lệ để phòng việc có hàng cấm chở vào nội địa. Hàng hóa đã chịu thuế thì được chở đi tỉnh này qua tỉnh khác và hàng không phải nộp thuế gì khác nữa. Chế độ quan thuế áp dụng cho nước Pháp và cho các nước khác cũng chỉ một mức (nhất luật). Về hàng cấm thuyền buôn Đại-Nam cũng phải theo luật lệ như các nước.

3.- Thuyền buôn ra vào cửa biển hai lần đều có chở hàng thì phải nộp mỗi tấn là 3 tiền thuế vọng đăng (thắp đèn) và đinh định (cắm neo). Nếu chỉ có hàng một lần thì nộp một tiền rưởi mỗi tấn. Còn không có hàng thì miễn thuế.

4. Hàng hóa từ Gia Định chở đến các cửa biển đã khai thương, hoặc do sông Hồng Hà lên Vân Nam hoặc từ các nơi chở về Gia Định, đều chỉ chịu một nửa thuế đã định mà thôi. Để phòng việc gian trá thì thuyền của Gia Định khi ra Bắc phải có giấy chứng nhận của quan chức Pháp coi giữ hải cảng và quan Lãnh sự Đại Nam. Về phần hàng từ cảnh giới Vân-nam hoặc từ một cửa biển đã khai thương chở vào Gia-Định cũng phải có sự bảo lãnh của viên chức thu thuế để hưởng lệ chước giảm. Nếu việc bảo lãnh có sự nghi ngờ thì thuế lệ hãy nộp đủ, chờ bằng cớ xác thực sẽ giao trả lại phần thuế dư.

5. Hàng hóa qua lại bằng đường bộ ở hai tỉnh Biên-hòa và Bình-thuận, trước đây phải nộp thuế hay không nộp thuế thì cứ giữ tình trạng cũ không tăng không giảm, hạn một năm sau khi hỗ giao hòa ước sẽ định điều lệ.

Riêng các người buôn ngựa ở đất Đại Nam đến bán ở Biên Hòa sẽ chiếu thể lệ hiện hành không được đánh nặng thêm.

6.- Để tránh những điều trở ngại cho các nhà buôn ngoại quốc và quan Đại-Nam chánh phủ Pháp phải chọn lựa nhân viên giúp việc quan thuế, nhân viên này sẽ do Bộ Hộ chỉ định. Chánh phủ Pháp sẽ lo việc tuần phòng ngoài biển để bảo vệ thương dân.

Trước khi thanh toán xong bồi khoản với nước Tây-Ban Nha, nước Đại-Nam không được mướn một nước Tây Phương nào không thuộc nước Pháp, mà chánh phủ Pháp không hợp ý để giúp việc quan thuế. Ngày nào bồi khoản kể trên trả xong, quan Đại-Nam thông thạo việc thuế không phải phiền nước Pháp sẽ có hội nghị thay đổi.

7.- Các viên chức quan thuế ở cửa bể đã khai thương đều thuộc Đại-Nam có trụ sở ở Ninh Hải. Một chuyên viên Pháp giúp quan Đại-Nam cùng cư trú tại đây. Hai vị này phải hợp ý với nhau để thi hành công vụ. Các viên chức Pháp ở các cửa ải cửa biển khác đều chịu quyền điều khiển của chuyên viên Pháp tại Ninh-Hải.

8.- Quan quản lý Đại-Nam và chuyên viên Pháp nếu có điều gì phải trình Bộ Hộ thì phải thảo luận với nhau trước khi lập tờ trình, nếu có việc gì bất đồng Bộ Hộ sẽ thẩm xét. Chuyên viên Pháp còn có bổn phận phúc trình các việc quan thuế cho quan trú sứ.

9.- Các sổ sách giấy tờ về quan thuế, phải lập hai bản do viên coi quan thuế người Pháp giữ, một bản do viên giữ kho thuế và biên lai chỉ xuất tiền kho, hoặc đem để kho khác phải có hai quan Pháp, Nam cùng ký vào, cuối tháng hai bên đem sổ sách đối chiếu.

10.- Các việc chi phí trong năm sẽ được giải quyết bằng tiền vọng đăng và đĩnh định. Nếu thiếu sẽ lấy tiền thâu được về quan thuế mà tiêu nhưng không được lấy quá phân nửa. Các chi phí ấy là : tiền lương của nhân viên Pháp, Nam và người nước khác giúp việc tiền cho các công tác đào sông, đo nước và hết thảy công việc có ích cho sự thương mại.

11.- Thương ước này được thực thi trong 10 năm kể từ ngày có chữ ký. Trong hạn này, nếu có bên nào yêu cầu sửa đổi thì sau khi đề nghị một năm, hai nước mới quyết định cải đổi.

12.- Nếu nhà buôn và nhân viên quan thuế có sự bất hòa, quan sở tại Đại-Nam và quan lãnh sự Pháp sẽ hợp Hội đồng để phân xử.

13.- Thuyền của Pháp và của các nước đến bến phải thuê người dẫn thủy đưa vào bến để nạp thuế, khi trở ra cũng vậy, muốn làm nghề dẫn thủy phải được ba tàu buôn cấp chứng chỉ làm nghề ấy rồi phải có cấp bằng của quan Đại-Nam và quan Pháp. Tiền thuê mướn người dẫn thủy sẽ do quan giữ cửa biển và Lãnh sự ấn-định.

14.- Tàu ngoại quốc vào bến rồi, quan thu thuế liền phái người đến trông giữ cho khỏi trái điều lệ thương thuế : người khán thủ do quan thu thuế trả tiền công.

15.- Thuyền buôn ngoại quốc đến bến trú, khi trở ngại bất thường hạn một ngày đầu chủ thuyền hay người đại diện phải đệ trình đơn hàng thuyền bài trình quan Lãnh sự Pháp. Hạn trong một ngày quan Lãnh sự chuyển tư quan thu thuế. Để trễ nải chủ thuyền phải phạt từ 50$ đến 100$. Quan thu thuế được lời tư của quan Lãnh sự, liền cấp giấy phép để cất hàng lên bến. Nếu chưa có giấy phép đã cất hàng lên, chủ thuyền sẽ bị phạt 50$ và hàng hóa có thể bị tịch một. Nếu trong thuyền có võ khí để tự vệ cũng phải khai trình. Nếu quan Đại-Nam thấy cần thì có thể bắt đem gửi quan giữ cửa biển hoặc quan Lãnh sự, khi nào trở về sẽ được lấy lại v.v...

16.- Thuyền ngoại quốc được tự ý thuê mướn ghe nhỏ chở khách và chở hàng, quan Đại Nam không phải giúp đỡ việc này, nếu xảy ra chuyện trộm cắp quan Đại Nam cũng không can dự.

17.- Khi kiểm hàng, định thuế, nếu không có sự đồng ý giữa quan thu thuế với nhà buôn, thì mỗi bên được mời hai ba người ngoài định giá giá nào cao hơn thì được theo đó mà đánh thuế. Nếu đơn hàng khai không có sự đồng ý, hàng hóa sẽ phải cất lên để khám nghiệm về lượng cũng như về chất.

18.- Thuyền buôn nào vào bến chưa lãnh giấy cất hàng, hạn trong hai ngày đêm phải đi nơi khác.

19.- Thuyền buôn nộp thuế xong, quan thu thuế cấp biên lai để trình quan Lãnh sự. Quan lãnh sự sẽ trả cho họ thuyền bài và giấy biên lai đã nạp để họ ra cửa.

20.- Thuyền buôn vào bến, nếu ở qúa hai ngày đầu và chưa cất hàng thì phải chịu thuế vọng đăng và đinh định (theo khoản 3), khi nạp xong thuế này thuyền chủ được cấp giấy chấp chiếu để sang đến bến khác khỏi phải nộp thuế lần thứ hai.

21. Thuyền buôn đến bến chỉ phải chịu thuế các thứ hàng hóa mình bốc lên bến ấy mà thôi, hàng hóa chưa cất lên sẽ chịu thuế ở bến sẽ cất v.v...

22. Thuyền buôn đến bến không được tự tiện chuyển hàng qua thuyền khác, nếu gặp trường hợp bất lực thì phải báo cho quan Lãnh sự, quan thu thuế sẽ cho nhân viên đi xét rồi mới được làm. Trái lệnh hàng sẽ bị tịch một.

23. Các Nha, Thự thu quan thuế sẽ được Bộ Hộ cấp cân và thước. Quan Lãnh sự cũng được cấp như vậy, mỗi thứ một cái.

24. Hàng cấm đem vào cửa biển nhiều hay ít sẽ bị tịch một, thuyền chủ và thương nhân sẽ bị trục xuất vĩnh viễn khỏi cửa biển nước Đại Nam, tiền phạt và tiền phát mại hàng hoa sẽ nộp vào kho quan thuế.

25. Nước Pháp có thể tùy tiện phái chiến hạm đến các cửa biển đã khai thương, để đàn áp các thủy thủ các thương thuyền và giúp uy quyền cho quan Lãnh sự...

26. Chiến hạm Pháp qua lại vì việc tuần tiễu, bảo vệ các thương thuyền được đối đãi bằng tình thân hữu, được mua bán các thực phẩm, nếu bị hư hỏng máy móc thì được sửa chữa. Tầu ngoại quốc gặp nạn hay bị hư hỏng có thể được ghé vào bất cứ bến nào và cũng được đối đãi tử tế.

27. Thương thuyền của nước Đại Nam tới lui nước Pháp hoặc tới Nam Kỳ được theo thuế của tối hậu quốc.

28. Y theo Hòa-ước ký ngày 15/3/1874 (khoản 2) nước Pháp nguyên hết sức tiễu trừ giặc biển, cướp bộ làm ngăn trở việc thương mại ở các bến khai thương, nước Pháp còn gắng sức hơn để thương nhân yên trí làm ăn.

29. Thương ước này được đính kèm vào Hòa ước để được tham chiếu cùng một lượt và cũng được hỗ giao đồng thời với Hòa ước, nếu có chậm cũng không được qúa ngày 15 tháng 3 năm sau thì phải đem thi hành.

Tuy điều khoản hỗ giao... đã được định rõ tại điều 29 của phụ ước, nhưng nó cũng không được (người Pháp) thi hành một cách đúng đắn và qúa chậm trễ.

Hòa-ước Giáp Tuất 1874, được Hải-quân Trung Tá BROSSARD DE CORBIGNY và Thượng thư Nguyễn Văn Tường làm lễ hỗ giao trước cửa Ngọ môn ngày 13/4/1875, trong một buổi lễ long trọng. Riêng về phụ ước thương mại mãi đến ngày 26/8/1875 mới được hỗ giao.

Xuyên qua bản Hòa-ước và phụ-ước này, người ta thấy rằng bọn phong kiến nhà Nguyễn không còn cơ gì để chạy tội trước lịch sử nữa : chúng ký hết văn tự bán nước này (Hòa ước Nhâm tuất 1862), đến văn tự bán nước khác (Hòa-ước và phụ ước Giáp Tuất 1874), kìm hãm bước tiến của dân tộc, tạo điều kiện mất nước, thỏa hiệp với quân cướp nước làm tay sai cho chúng, để cứu vãn quyền lợi và ngai vàng của nòi bọn, chứ chúng đâu có thiết tha gì đến dân đến nước !.



CHƯƠNG VII

Tình-hình nước ta sau khi ký Hòa-Ước Giáp-Tuất 1874

1. – Các văn thân nổi dậy ở Nghệ-An.

Vụ lôi thôi ở Bắc Kỳ (Do bọn Jean Dupuis và Francis Garnier gây ra) vừa tạm xong, thì các văn-thân ở mạn Nghệ-Tĩnh nổi dậy, tàn sát những người theo đạo Công giáo ...

Lý do là khi Hải-quân Đại-Úy Francis Garnier đánh Hà-Nội lần thứ nhất, có rất nhiều người theo đạo tiếp tay với quân cướp nước, chống lại đồng bào và tổ quốc của chúng ... Rồi khoảng 3.000 người do các ông Tú Trần-Tấn và Đặng-Như-Mai cầm đầu, nổi lên kéo nhau đi đốt phá những làng có người theo đạo và tàn sát họ ...

Các Văn-thân nổi lên vào khoảng tháng 3-1874, có làm một bài hịch gọi là "Bình Tây sát tả", đại ý nói rằng: "Triều-đình dầu hòa với Tây mặc lòng, Sĩ-phu nước Nam vẫn không chịu. Vậy trước nhất xin giết hết Giáo dân, rồi sau đánh đuổi Tây cho hết để giữ lấy cái văn-hóa của ta đã hơn 1.000 năm nay"...

Lúc bấy giờ, Tổng-đốc Nghệ-An là Tôn-thất-Triệt đã ngầm dung túng cho các Văn thân, cho nên họ càng đắc thế và càng làm dữ. Triều đình thấy vậy, mới truyền lệnh cho các quan phải dẹp cho yên. Các Văn thân thấy bị đuổi đánh, liền liên kết với các ông Trần-quang-Hoán, Trương-Quang-Thủ, Nguyễn-Huy-Điển đánh chiếm thành Hà-Tĩnh, rồi ra vây Phủ Diễn Châu.

Triều đình thấy tình hình ngày càng trở nên nguy hiểm bèn cử ông Nguyễn-văn-Tường ra làm Khâm-sai, ông Lê-Bá-Thận làm Tổng-Thống đem quân ra dẹp từ tháng 4/1874 đến tháng 8/1874 mới xong.

●

2. – Các vụ giặc cướp ở Bắc-Kỳ.

Ở mạn Thượng du Bắc kỳ thuở ấy, lúc nào cũng có giặc, quan quân đánh dẹp mãi không hết, phải nhờ đến quân Tàu cũng không xong ...

Ở mạn Hải-Dương và Quảng-Yên vẫn có những người mạo xưng là con cháu nhà Lê, nổi lên quấy phá mãi. Cho đến khi hòa-ước Giáp-Tuất ra đời, thì triều đình Huế lại "nhờ" quân Pháp đi đánh dẹp mới tiêu diệt được bọn này... Một số trong bọn này đã tiếp tay với Francis-Garnier trong việc đánh chiếm Hà-Nội lần thứ nhất, như đã nói ở đoạn Francis-Garnier đánh Hà-Nội ...

Còn ở mạn Tuyên-Quang, thì có giặc Cờ Vàng hoành hành đã lâu, quân ta đánh dẹp mãi không xong. Đến khoảng tháng 10/1875, tướng Cờ Vàng là Hoàng Sùng-Anh lại đem quân về đóng ở làng Châu-Thượng, thuộc Phủ Vĩnh-Tường. Bấy giờ quan Tán-tương quân-vụ tỉnh Sơn Tây là Tôn-Thất-Thuyết cất quân về đánh một trận, bắt được Hoàng-Sùng-Anh và giết được quân Cờ Vàng rất nhiều, bọn này từ đó tan dần...

Đến năm sau, Tôn-thất-Thuyết lại giết được tên tướng giặc tên là Trận ở làng Cổ-Loa, và dẹp yên được mạn Sơn-Tây. Nhưng đến năm 1878,

ở Lang-Sơn lại có tên giặc khách tên là Lý-Dương-Tài nổi loạn...

Lý-Dương-Tài trước làm quan Hiệp trấn ở Tầm-Châu, thuộc tỉnh Quảng-Tây, sau bị cách chức mới nổi loạn và đem quân tràn sang lấy tỉnh Lạng-Sơn. Quan ta đem thư sang cho quan Tàu biết. Đề-Đốc Quảng-Tây là Phùng-tử-Tài đem 26 doanh (khoảng gần 100.000 người), sang phối hợp với quan ta tiễu trừ. Đến tháng 11/1879 quan quân mới bắt được Lý-dương-Tài ở núi Nghiêm-Hậu thuộc tỉnh Thái-Nguyên, đem giải sang Tàu. Pháp có phản đối việc ta nhờ Tàu tiễu trừ bọn Tài, và cho rằng theo Hòa-ước Giáp-Tuất thì phải cầu cứu đến Pháp.

Vì đất Bắc kỳ cứ có giặc giã luôn, nên Triều đình định đặt ra Tỉnh-biên-Sứ để giữ các nơi về đường ngược. Năm 1880, đặt ra Lạng-Sơn đạo và Đoan-hùng đạo, cử hai viên Tỉnh-biên phó sứ là Trương-Quang-Đản đóng ở Lạng-Giang, Nguyễn-hữu-Độ đóng ở Đoan-Hùng và phong cho Hoàng-Kế-Viêm là Tỉnh Biên sứ, kiêm cả hai đạo.



3. – Sự giao thiệp với nước Tàu.

Theo Hòa-ước Giáp-Tuất, thì Pháp công nhận nước ta không phải thần phục nước nào nữa - ý muốn nói nước ta chấm dứt sự thần phục nước Tàu. Nhưng năm 1873, Tự-Đức vẫn cử các ông Phan-Sĩ-Thuộc, Hà-văn-Quang, Nguyễn-Tú đi sứ Tàu, dâng cống phẩm và biểu văn nói về việc quân Tàu sang Bắc-Kỳ không chịu hết sức giúp đỡ để dẹp giặc giã. Năm 1876, cử các ông Bùi-ân-Niên, tức Bùi Dy, Lâm-Hoằng, Lê Cát. Năm 1880, cử ông Nguyễn-Thuật, Trần-Khánh-Tiến, Nguyễn-Hoa sang Yên-Kinh, nói là qua... dâng biểu... xưng thần và các đồ cống phẩm...Nhưng kỳ thực vẫn là đi cầu viện !

Năm 1881, Thanh Triều cử Đường-đình-Canh đến Huế, nói là bàn việc thương mại, nhưng mục đích là sang lấy tin tức về mọi vấn đề ở nước ta.

Năm sau, 1882, cũng chính Canh lại sang Việt-Nam, bề ngoài vẫn là lo đi giao thương, nhưng là để báo tin cho Triều đình Huế biết rằng : "Đại-sứ Tàu ở Pháp là Tăng-Kỷ-Trạch, cho hay là Pháp có ý định đánh chiếm Bắc-Kỳ, Nghị viện Pháp đã chuẩn y, Việt-Nam phải đề phòng". Khi Đường-đình-Canh trở về, Tự-Đức lại cho ông Nguyễn-Thuật và ông Nguyễn-Tá đi theo qua cầu viện...

Xuyên qua việc này, ta thấy nước Tàu tuy nội tình bê bối, nhưng vẫn cố bám lấy cái vai trò thượng quốc của mình đối với Việt Nam, ngược lại Triều đình Huế vẫn chưa mở mắt ra trước một nước Tàu bại trận...

Thật là khôi hài, trong khi chính bản thân nước Tàu còn đang bị thực dân Tây phương xâu xé, chưa tự cứu nổi mình còn cứu được ai nữa ?

Nhưng tất cả các cuộc giao dịch này đều không lọt qua mắt của đại diện Pháp ở bên Tàu. Bọn Pháp ở đây biết, hết sức phản đối Triều đình Huế, cho như vậy là vi phạm trầm trọng Hòa-Ước Giáp-Tuất 1874.



4. – Việc vận động với các nước khác.

Mặc dầu đã khuất phục trước uy-vũ của Thực dân Pháp, Tự-Đức và bầy tôi vẫn tìm cách vận động với các nước khác để mong trợ giúp :

Năm 1868, Tự-Đức cử Trần-đình-Túc sang thông sứ với toàn quyền Anh ở Hương-Cảng, trong khi vụ Jean Dupuis đang xảy ra ở Bắc-Kỳ và đã định nhượng mỏ than Hồng-Gay cho một công ty Anh.

Năm 1872, lãnh sự Đức ở Hương-Cảng đưa thư muốn giao thiệp với nước ta. Tự-Đức cử Nguyễn-Chánh sang thương thuyết... Nhân dịp này, Nguyễn-Tư-Giản xin với Vua cho ông sang cầu viện nước Đức, nhưng đề nghị của ông bị bác. (?)

Năm 1875, có người Ý đưa thư bàn với Triều đình Huế mở cuộc giao thương ở Địa-Trung-Hải, bị Pháp gạt khéo đi. khi ta hỏi ý kiến (?). Việc

này Tự-Đức biết và than phiền rằng Pháp muốn chiếm độc quyền buôn bán ở nước ta và " vì không mở rộng được ngoại giao, nên bị người ta lòe bịp, ngăn trở mọi việc" ...

Năm 1878, Triều đình Huế lại cử ông Nguyễn Hiệp sang Xiêm, tìm cách nối lại quan hệ ngoại giao bị gián đoạn từ năm 1830.

Năm 1879, nước Ý lại cử Đại sứ đến Huế lập thương-ước.

Năm 1880, Tây-Ban-Nha cử Đại-Tá Ordonnez cầm đầu một phái đoàn đi trên thông báo hạm Parques Del Diero đến lập thương ước và bảo vệ giáo sĩ. Khi sứ Tây-Ban-Nha trở về, ta có gởi 20 thanh niên sang Âu-Châu học về kỹ-nghệ và võ bị, nhưng vào đến Sài-Gòn, thì bị Pháp ngăn cản, rồi cho học ở trường Chasseloup Laubat (Trường Bá đa Lộc cũ và mở hẳn một lớp riêng gọi là lớp Huế (Cours De Huế)

Đến tháng 9 năm ấy (1880), Sứ Tây-Ban-Nha trở sang hỗ giao thương ước.

Năm 1881, Thị lang Bộ Lễ là Phạm-Bỉnh sang Hương-Cảng đặt tàu và đem 12 học trò sang học ở trường của người Anh ở bên ấy.

Cũng năm 1881, Tây-Ban-Nha lại cử sứ sang nước ta tặng Vua Tự-Đức, và các đại thần Trần Tiễn-Thành, Nguyễn văn Tường, Phạm phú-Thứ Hoàng-Diệu, mỗi người một chiếc khánh vàng làm kỷ niệm.

Rồi người Anh và các nước khác thường-xuyên cho thương thuyền lui tới ...

Thấy nước ta tăng cường mối giao hảo với các nước Âu Châu khác, thực dân Pháp lo ngại, nên ra sức cản trở ... Nếu ta xét các vụ lôi thôi dưới đây, thì sẽ hiểu sự lo sợ của bọn thực dân Pháp ở Việt-Nam đến độ nào.

Năm 1881, một thương gia Đức ở Hải-Phòng xuất cảng 20.000 bao gạo, bị quan ta khám xét làm chậm trễ, nên bị hư cả. Ông này khiếu nại chánh-phủ ta bồi thường thiệt hại. Thống-đốc Nam kỳ cũng xuất luôn 5.000$00 của quỹ quan thuế đến cho người Đức này, để cho khỏi có sự can thiệp của Lãnh-sự Đức ở Hương-Cảng.

Năm 1882, một người Tàu tên là Ang-chi-Lock đã vô cớ bắn súng, làm kinh hoàng nhiều người ở tỉnh lỵ Hải-Dương. Quan Tổng-đốc tỉnh này cho lệnh bắt hắn và đem giết. Nhưng tên này có quốc tịch Anh, nên Lãnh-sự Anh ở Sàigòn khiếu nại và đòi bồi thường nhân mạng. Triều đình Huế liền trực tiếp điều đình với Lãnh-sự Anh ở Hương-Cảng. Thấy thế, Thống-đốc Nam kỳ, Le Myre de Vilers, vội trích 20.000$00 của Sở quan thuế, trao cho Lãnh-sự Anh để dập tắt nội vụ.

Vì những sự ngăn trở nói trên ... và vì đường lối ngoại giao qúa yếu kém (Nếu không muốn nói là dốt nát) của Tự-Đức và bầy tôi, nên các nước dự tính lập quan hệ và đặt lãnh sự với nước ta đều không thành cả .



5.– Sự giao thiệp với Pháp.

Lúc đầu hai bên đều đem thi-hành Hòa-ước. Triều-đình Huế cử Ông Nguyễn-Tăng-Doãn ra Bắc kỳ, cùng với Thiếu-Tá Thủy-quân Lục-chiến Dujardin, chọn đất ở Hà-Nội và Ninh-Hải (Hải-Phòng) để làm doanh trại cho quan quân Pháp trú đóng. Và cử Thượng-thư bộ Hộ là Phạm-Phú-Thứ ra làm Hải-An Tổng-đốc, sung chức Tổng Lý thương chánh đại thần để trông nom công việc thương chánh ở Bắc kỳ.

Pháp cử Đại-úy Thủy-quân Lục-chiến Rheinart làm Khâm-sứ ở Huế, Turc làm Lãnh-sự ở Hải-Phòng, Hải-quân Đại-úy Kergaradec làm Lãnh-sự ở Hà-Nội ...

Để đáp lại, Huế cử ông Nguyễn-Thành-Ý làm Lãnh-sự ở Saigon, không thấy cử người đi Paris đúng như điều giao ước (một lỗi lầm lớn của Huế) ...

Ngày 2-2-1875, Thượng-thư Phạm-phú-Thứ, nhân dịp Tết, đã nhân danh Tự-Đức đến trao tặng phẩm cho Thiếu-Tá Thủy-quân Lục-chiến Dujardin, đồng thời gắn cho ông này và 50 quân sĩ của chiếc "Espingole", 50 huy-chương bạc, vì các công trạng của họ trong việc bắt 14 chiếc xuồng của giặc cướp trên sông Vạn ngày 14 tháng 10 năm trước (1874).

Khoảng đệ nhất Tam cá-nguyệt 1876, Pháp trao cho Triều-đình Huế 5 Chiến hạm chạy hơi nước :"Scorpion", "D'Estaing", "D'Entre-casteaux", "Biên-Hòa" và 5 Sĩ-quan để xử-dụng là : Dutreuil, Derhin, Dufoureg, Lelièvre, Hamelin - Những người này phục vụ được một thời gian, thấy Huế nhạt nhẽo nên đã cáo lui ...

Nhưng rồi sự xích mích cũng bắt đầu vào khoảng tháng 5/1876, do ở sự can thiệp bất ngờ của Đại-sứ Trung-Hoa ở Paris, là Tăng Kỷ-Trạch, vào tình hình Việt-Nam. Ông này chính thức nói với Tổng-trưởng ngoại giao Pháp là Công-tước Decazes rằng "Trung-Hoa không bị ràng buộc bởi Hòa-ước Giáp-Tuất 1874..." - Ý muốn nói là Đại-Nam vẫn là chư hầu của Tàu , Pháp bác bỏ...

Năm 1878, nhân có cuộc đấu xảo ở Paris, Nguyễn-thành-Ý được cử đem thổ sản qua trưng bày và đem một số thanh niên sang học ở Toulon. Dịp này Tự-Đức cũng đề nghị với Súy-phủ Saigon cử một sứ-bộ gồm các ông Nguyễn-Tăng-Doãn, Tôn Thất-Phan, Hoàng-văn-Vẫn sang cám tạ việc Pháp đình gửi tặng ta tàu và súng, nhưng bị cản trở.

Vì cho rằng Philastre qúa mềm dẻo với Nam Triều, nên việc thi hành Hòa-ước không được chu đáo(?), vì vậy đến năm 1879 súy phủ Saigon lại cử Đại-úy Thủy-quân Lục-chiến Rheinart ra Huế thay thế Philastre (Philastre thay Rheinart làm khâm-sứ ở Huế từ năm 1876).

Khi Philastre còn ở Huế, thì mọi việc có vẻ dễ dàng, nhưng từ khi ông ấy về Pháp rồi thì sự giao thiệp càng trở nên khó khăn, và sự đổ vỡ khó có thể tránh được.

Rheinart ở Huế lấy làm căm phẫn, vì mỗi khi có việc muốn vào yết kiến vua Tự-Đức đều không được mà chỉ được gặp quan Thương bạc mà thôi (ngoại-giao). Ông này phản đối, nhưng không được đếm xỉa tới, Do đó, Súy phủ Saigon phải xin bộ Thuộc địa can thiệp ...

Rồi những cuộc giao dịch giữa Rheinart với Triều đình Huế ngày một nhạt nhẽo, và đi tới chỗ gay cấn ; thậm chí có lần Rheinart đi từ Kim-Long về thành, gặp lúc Tự-Đức đang ngồi câu ở Lương Tạ, lính gác không cho thuyền đi qua, ông này phải lên bờ mà về.



Thượng-Thư PHẠM - PHÚ - THỨ

Vào tháng 10/1879, Triều-đình Huế gởi cho Súy phủ Saigon một văn-thư ngỏ ý muốn phái một sứ bộ qua Pháp để chào mừng ông Grévy, vừa đắc cử Tổng-Thống Pháp, và để điều đình sửa đổi một vài khoản trong Hòa-ước Giáp-Tuất 1874.

Súy phủ Saigon nại cớ Vua ta không chịu trực tiếp với Khâm-sứ Rheinart, nên họ cũng không để cho Sứ-bộ của ta sang Pháp gặp Tổng Thống của họ, và có chuyện gì, xin thương thuyết ngay tại Việt-Nam giữa đại diện Pháp và quan Thương-bạc ...

Cũng khoảng thời gian này, Triều-đình Huế ban hành một đạo dụ về vấn đề làm tiền giả, có khoản nói rằng, dầu là người Âu Châu cũng bị phạt trượng ... Tổng trưởng Hải quân kiêm Thuộc địa Pháp Jauréguiberry liền phản ứng bằng cách cho Triều-đình Huế hay rằng, theo

hòa-ước thì dụ này không áp dụng được với người Âu Châu, tức là ta không có ngoại trị pháp quyền đối với họ. Rồi Jauréguiberry còn dọa rằng : "Sẽ truyền lệnh cho Thống-đốc Nam kỳ mang chiến hạm đến phong tỏa các cửa bể Việt-Nam, nếu việc này xảy ra ...". Vài ngày sau, Tổng-trưởng Ngoại giao Freycinet bàn với Jauréguiberry rằng "Việc cảnh-sát trên sông Hồng-Hà không hiệu nghiệm, cần phải chiếm thượng lưu con sông này, và phải dự trù 3.000 quân viễn chinh vào công việc đó", rồi Freycinet yêu-cầu Jauréguiberry thảo một dự luật để trình Hội-đồng Tổng-Trưởng, Thượng và Hạ Nghị-Viện. Do dự định này mà cả Freycinet và Jauréguiberry đều mất chức . (Vì lúc này dân Pháp chưa tán thành chiếm Bắc kỳ).

Tuy vậy, cuộc đánh chiếm Bắc kỳ sớm muộn gì cũng xảy ra và các cuộc va chạm vì quyền lợi tương phản vẫn xảy ra hàng ngày ...

Do hậu quả của những vụ xích mích nói trên, lại thêm sự có mặt của quân Cờ Đen ở Bắc kỳ, bọn thực dân Pháp (Nhất là bọn Freycinet và Jauréguiberry mới mất chức) ra sức vận động dư-luận báo chí và chánh giới Pháp để mở cuộc xâm lăng Bắc kỳ ... Dân chúng Pháp lúc này lại nghiêng về chính kiến của bọn thực dân nên bọn Freycinet lại trở về Bộ Ngoại giao và Jauréguiberry lại trở về Bộ Hải-quân kiêm Thuộc địa như cũ - Vì e ngại nước Tàu, hoặc nước Anh, hay một cường quốc nào khác sẽ nhảy vào Việt-Nam nếu Pháp không ra tay trước . -



CHƯƠNG VIII

Quân Pháp đánh chiếm Bắc-Kỳ lần thứ hai

1. – Pháp chuẩn bị đánh chiếm Bắc - Kỳ.

Ngày 5/7/1879, Ông LE MYRE DE VILERS, Hải-Quân Trung Úy giải ngũ, là giới chức dân sự đầu tiên được cử giữ chức Thống Đốc Nam Kỳ, đã chuẩn bị mọi việc chiếm Bắc Kỳ bằng cách "Biểu dương võ lực để Việt Nam khiếp sợ mà chịu khuất phục, chớ không cần phải dùng tới võ lực...".

Về phía quan quân ta vì đã được Sứ Tàu báo cho biết trước âm mưu của Pháp (xem phần trên đây), nên ra sức phòng thủ... Bị Hải quân Đại Úy GROS-DEVAUX, chỉ huy Hải Quân Pháp ở Bắc Kỳ, nhận thấy trong cuộc viếng thăm thành Hà Nội vào ngày 30/10/1880... Pháp cho việc này và nhiều việc khác (xem thêm phần trên đây) là vi phạm hoà ước Giáp Tuất 1874...

Tuy vậy, chủ trương xâm lăng bằng đường lối hoà bình của Le Myre de Vilers vẫn chưa thay đổi.

Song, ngày 8/10/1881, vì có hai thương nhân Pháp là COURTIN và VILLEROI được giấy thông hành đi Vân Nam, nhưng khi đi gần đến Lao Kay, thì bị quân Cờ Đen tấn công và ngăn trở không đi được... nên Le Myre de Vilers đã thay đổi ý kiến, và viết thơ về Pháp nói rằng nước Pháp nên dùng binh lực mà dẹp cho yên xứ Bắc Kỳ... Sang tháng Giêng 1882, một mặt Le Myre de Vilers ra lệnh cho Hải Quân Trung Tá HENRI-RIVIÈRE sửa soạn mang quân ra Bắc Kỳ, mặt khác viết thư cho Huế, đại ý nói rằng..."đất Bắc Kỳ loạn lạc, luật nhà Vua không được ai tôn trọng. Người nước Pháp có giấy thông hành của quan Việt Nam cấp cho, mà đi đến đâu cũng bị quân Cờ Đen ngăn trở. Ở Huế thì quan Việt Nam thất lễ với quan Khâm Sứ RHEINART. Vậy nước Pháp phải dùng mọi cách để bênh vực quyền lợi của mình..." Nhưng cuối thư, Le Myre de Vilers cũng nói rằng nước Pháp không muốn chiến tranh...



2. – Hải - Quân Trung Tá Henri Rivière ra Bắc-Kỳ. (1)

Tại Hà Nội lúc này, Pháp vẫn có hai đại đội Thủy Quân Lục Chiến với 3 khẩu đại bác do Thiếu Tá Thủy Quân Lục Chiến BERTHE DE VILLERS chỉ huy, đóng ở Đồn Thủy để bảo vệ tòa lãnh sự Pháp... Le Myre de Vilers quyết định tăng cường cho đám quân này và chỉ thị cho Henri-Rivière là người phụ trách... "Theo quan điểm của Chánh Phủ Pháp, thì đây không phải là một cuộc chiến chinh phục, mà là một cuộc khuyếch trương và củng cố thế lực của Pháp ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ một cách hòa bình, khéo léo... ông (chỉ Henri-Rivière), chỉ nên xử dụng võ lực khi xét thấy thật tối cần thiết..."

Hải - Quân Trung - Tá Henri-Rivière rời Sài Gòn ngày 25/3/1882, với tư cách là Tổng Chỉ-Huy, cùng với hai đại đội Thủy Quân Lục Chiến của Thiếu Tá Thủy Quân Lục Chiến CHANU, 15 tên khố đỏ Việt Nam, Đại Úy Công

(1) *Capitaine de Frégate.*



Hải-Quân Trung-Tá HENRI - RIVIÈRE

Binh DUPOMMIER, 30 thủy quân của chiếc TILLSITT dưới quyền của Đại-Úy Thesmar, 20 pháo thủ của Thủy quân Lục-chiến và y-sĩ Hải-quân MAGET, tất cả đi trên chiếc "DRAC" và "PRIMAUGUET" để ra Bắc-Kỳ .

Hai tầu này đến Hải Phòng ngày 01/4/1882, rồi Henri-Rivière cho lệnh chuyển sang tầu nhỏ lên Hà Nội, và đóng tại Đồn Thủy cùng với số quân của Thiếu Tá Thủy Quân Lục Chiến BERTHE DE VILLERS vào ngày 03/4/1882, nói là để đối phó với quân Cờ Đen và bảo vệ Pháp kiều.

Trong khi Henri-Rivière đến Hà Nội, mặc dầu nghi ngại, nhưng Tổng Đốc Hoàng Diệu cũng cử Tuần Phủ Hoàng Hữu Xứng ra tiếp đón rất tử tế... Vốn đã nghi ngại, lại có tin đồn quân Pháp sẽ vào đóng trong thành, dù rằng tổng chỉ huy quân Pháp đã cam kết là sẽ không có chiến tranh, nhưng Hoàng Diệu cũng cho tu sửa thành trì, tăng cường quân sỹ để đề phòng... Tổng chỉ huy quân Pháp thấy vậy, yêu cầu triệt binh và bãi bỏ mọi công tác bố phòng. Dĩ nhiên là Hoàng Diệu không thể thỏa mãn lời yêu cầu được. Lại cấm các Sĩ quan Pháp không cho vào thành, ngoại trừ những trường hợp chính thức và có phép đặc biệt mới được vào...

Tình hình ngày càng trở nên gay cấn. Vì vậy, một mặt Hải Quân Trung Tá Henri-Rivière cho lệnh Hải quân Thiếu Tá FLASCHI, mang một Đại Đội đổ bộ và Trung Úy Thủy Quân Lục Chiến DE MONTIGNAULT mang một Đại Đội Thủy Quân Lục Chiến (-), từ Hải Phòng lên Hà Nội, cùng với các pháo hạm "LA FANFARE" "LA MASSUE", "LA SURPRISE" và "LA CARABINE". Còn chiếc "LE DRAC", "LE HAMELIN" và "LE PARSEVAL" vẫn để lại tại Hải Phòng; mặt khác, Pháp gởi thư phản đối Huế và ở Hà Nội...

Lúc này thực lực của Pháp ở Hà Nội có 405 Thủy Quân Lục Chiến, 130 Thủy Quân, 20 khố đỏ Việt Nam, 6 Đại bác 86 ly 5, 1 Đại bác gần 100 ly.



HOÀNG - DIỆU

3.— Quân Pháp đánh chiếm thành Hà-Nội lần thứ hai.

Sau khi quân tăng viện đã đến và những lời phản đối đều vô hiệu quả, thì đến lúc 5 giờ sáng ngày 25/4/1882, Hải-Quân Trung-Tá Henri-Rivière đưa tối hậu thơ cho Tổng Đốc

Hoàng Diệu, hẹn đến 8 giờ cùng ngày phải cho giải binh, đầu hàng, nọp thành và các quân phải đến trình diên tại Đồn Thủy để đợi lệnh... Nếu không , quân Pháp sẽ nổ súng...

Nhận tối hậu thơ, Tổng Đốc Hoàng Diệu cử Án Sát TÔN THẤT BÁ, dùng thang trèo ra ngoài thành để thương thuyết, nhưng đã quá muộn, lúc bấy giờ là 8 giờ 15 phút, Ông BÁ vừa xuống đến bực thang chót, thì đại bác của các pháo hạm: " LA FANFARE", " LA MASSUE" và " LA CARABINE" đã pháo kích vào thành như mưa, làm nhiều kho tàng trong thành phát hoả...Ông BÁ bỏ trốn. Đến 10 giờ 45, Henri Rivière cho lệnh ngưng pháo kích và tiến quân theo kế hoạch sau đây:

- Cánh thứ nhất do Đại Úy Thủy Quân Lục Chiến RETROUVEY chỉ huy, gồm có 1 Đại đội Thủy Quân Lục Chiến với một khẩu Đại bác 86 ly 5, có nhiệm vụ làm nghi binh, tấn công vào cửa phía Đông.

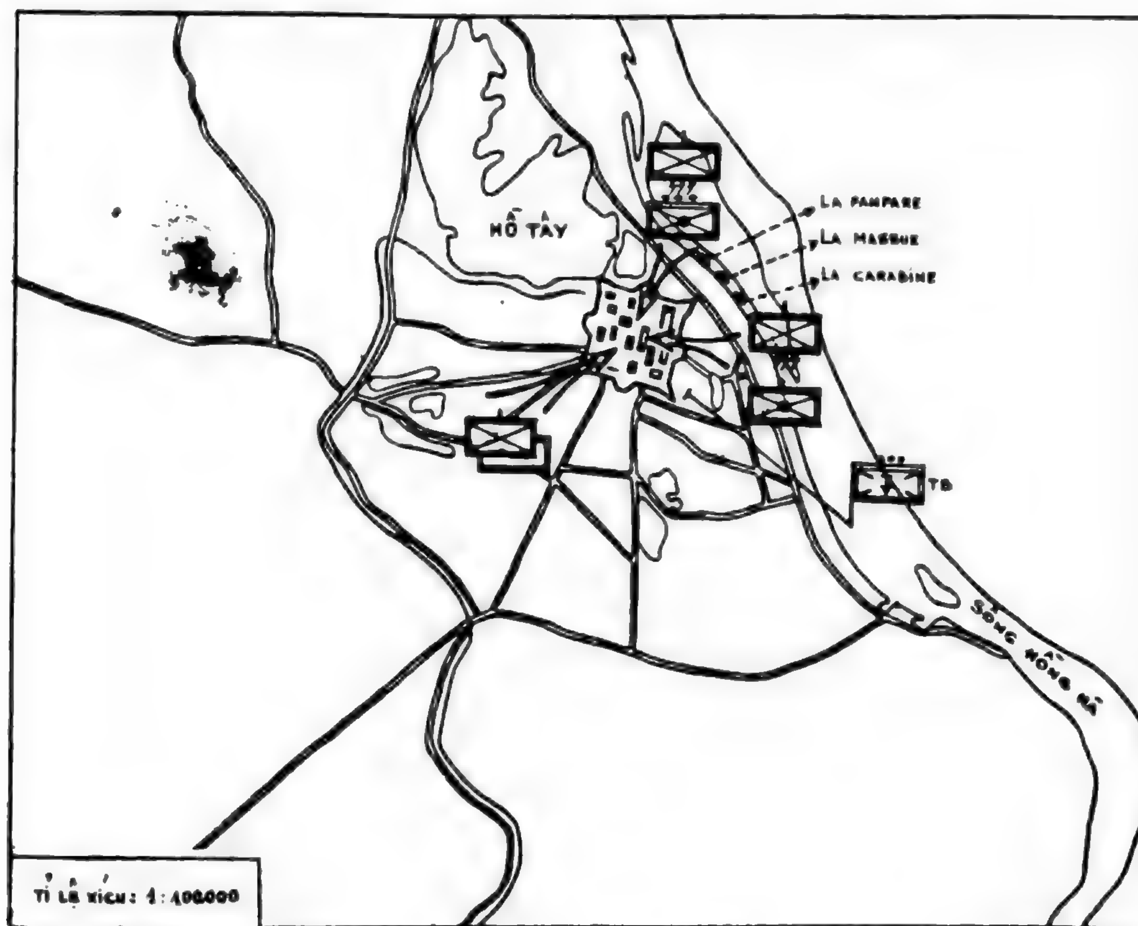
- Cánh thứ hai gồm hai toán:



Cửa Bắc thành Hà-Nội

Toán thứ nhất do Đại Úy Thủy Quân Lục Chiến THESMAR chỉ huy, gồm có 50 bạch binh (trang bị súng lục, dao găm, thang tre...)

Toán thứ hai cũng gồm 50 bộ binh do Đại Úy MARTIN chỉ-huy.



Sơ-đồ cuộc hành quân của Hải-Quân Trung Tá Henri-Rivière đánh vào thành Hà-Nội lần thứ hai.

Vì cánh này là nổ lực tấn công chính vào phía Tây Nam thành, nên được 100 Thủy Quân Lục Chiến khác vừa làm trừ bị vừa yểm trợ. Tất cả hai toán và trừ bị đều do Thiếu Tá Thủy Quân Lục Chiến CHANU chỉ huy.

- Cánh thứ ba do Thiếu Tá Thủy Quân Lục Chiến BERTHE DE VILLERS (người trước khi Henri-Rivière ra Hà Nội, đã đảm trách việc bảo vệ Tòa Lãnh Sự Pháp) chỉ huy gồm 100 Thủy Quân Lục Chiến và hai khẩu đại bác 86 ly 5, tấn công vào cửa Bắc.

- Còn lại 40 Thủy Quân do Hải quân Thiếu Tá Flaschi chỉ huy, theo bộ chỉ huy lưu động của Henri-Rivière. Trong bộ chỉ huy, ngoài Henri-Rivière, người ta còn thấy Hải Quân Đại Úy Lãnh Sự DE KERGARADEC và Hải quân Thiếu Tá MAROLLES nữa ...

Khi quân Pháp bắt đầu ngưng pháo kích và cho bộ binh tiến, thì tại cửa Đông, thấy thế nguy, Đề Đốc LÊ VĂN TRINH bỏ chạy; Lãnh binh LÊ TRỰC ở cửa Tây cũng rút... Thế là hai mặt này bị tan vỡ...Ở cửa Nam, Lãnh binh NGUYỄN ĐÌNH ĐƯỜNG còn cố chống cự, nhưng cũng chẳng được bao lâu...Riêng ở cửa Bắc, sức kháng cự còn mãnh liệt vì do đích thân HOÀNG DIỆU chỉ huy, cùng với Phó Lãnh binh HỒ VĂN PHONG...

Nhờ có thang tre, nên cánh thứ hai của CHANU đã vượt được thành và vào bên trong... Tiếng hô xung phong ầm ỹ...Hai bên hỗn chiến bằng kiếm, gươm và lưỡi lê...Những tiếng chém, chống, đỡ, đâm...tạo nên những âm thanh kinh hồn, xen lẫn với những tiếng kêu thét,...khi bị thương và trước khi chết, nghe lạnh người... Quân ta núng thế, vừa cầm cự gượng gạo, vừa rút... Tổng Đốc HOÀNG DIỆU cưỡi voi cũng rút lui về phía đám tàn quân và truyền lệnh: "Ai muốn về kinh thì về, còn ai muốn đánh nữa thì lên Sơn Tây hợp với HOÀNG KẾ VIÊM"! Khi mọi người đã chạy gần hết, Ông vào Hành cung lạy vọng về Triều, cắt ngón tay lấy máu viết mấy lời di biểu để tạ tội Tự Đức, rồi chạy ra thắt cổ vào một cành cây đại thụ ở trước Võ Miếu.

Các tướng sĩ chạy trốn hết, còn Tuần Phủ HOÀNG HỮU XỨNG chạy đi tìm Tổng đốc HOÀNG DIỆU, khi đến Hành cung mới hay là Ông đã thắt cổ chết. Cũng vừa lúc đó, quân Pháp tràn tới bắt được Ông và giam lại ở Hành cung ...Chấm dứt trận đánh sau nửa giờ nổ súng...

Tổng kết tổn thất: Quân ta chết 40, bị thương 20, quân Pháp bị thương 4, trong số có Thiếu Tá Thủy Quân Lục Chiến BERTHE DE VILLERS. Quân Pháp thu được ở trong kho 17.000 đồng bạc và một số tiền đồng, thoi đồng, thau, đáng giá khoảng trên 75.000 francs.



Thông báo hạm PLUVIER ←--

Chiếm xong thành Hà Nội, quân Pháp cho người đi mời Án Sát TÔN-THẤT-BÁ (người trước đó được Tổng Đốc HOÀNG DIỆU cử đi thương thuyết, thấy súng nổ, bỏ trốn về làng Nhân Mục, Hà Đông) về để giao lại tỉnh thành... BÁ về bàn với Tuần Phủ HOÀNG HỮU XỨNG, bị Ông này phản đối, BÁ khóc lóc kể lợi hại, Tuần Phủ XỨNG bằng lòng để một mình BÁ nhận... Pháp cử BÁ làm quyền Tổng Đốc Hà Nội vào ngày 29/4/1882,(vì thế cho nên lúc bấy giờ người ta nghi cho BÁ đã có liên lạc trước với quân cướp nước?) và giao thành cho BÁ, chỉ giữ lại cửa Đông, cửa Bắc và Hành cung(dùng làm chỉ huy sở), giải giới hết quân ta, chỉ giữ lại 200 người phục vụ BÁ...



4.– Phản ứng của Tự-Đức và triều đình Huế sau khi Hà-Nội thất thủ lần thứ hai.

Tại Huế, Vua Tự Đức và Triều đình khi được tin Hà Nội mất lần thứ hai, liền một mặt ủy lạo gia đình Tổng Đốc Hoàng Diệu, cách chức một số quan chức và bắt một số khác giải về Kinh định nghị; mặt khác, họp các quan trong triều để tìm kế hoạch đối phó... Trong triều, lúc này chia làm hai phe: một phe chủ chiến, tiêu biểu là TÔN THẤT THUYẾT, chủ trương tổng động viên để quyết chiến... nhưng phe này chỉ chiếm thiểu số, nên bị lấn át...; Phe còn lại là bọn trong Hội-Đồng Cơ-Mật và ngay cả Tự Đức nữa, là những tên hèn nhát, run sợ trước cái mà chúng cho là "địch qúa mạnh", nên chủ trương đầu hàng. Tuy vậy, triều đình vẫn phải ra lệnh cho các quan Kinh Lược Chánh sứ là NGUYỄN CHÁNH và Phó sứ là BÙI ÂN NIÊN rút quân về Mỹ Đức(Hà Đông), để cùng với quân của Ông HOÀNG KẾ VIÊM tìm cách chống giữ. .Rồi cử Ông NGUYỄN VĂN TƯỜNG vào Gia-Định để thương thuyết. Lúc này Rheinart đang ở bên cạnh Thống Đốc Nam Kỳ nói rằng "Việc chiếm thành Hà-Nội không phải là chủ trương của Pháp(?), Pháp đã thi hành hiệp ước về khoản bảo vệ Pháp kiều, Triều đình Huế hãy cử hai vị Đại Thần ra Bắc mà nhận lấy thành, nhưng cấm chỉ những hành động và thái độ chống Pháp của quân dân ta..."

5.– Một cuộc điều đình thất bại.

Rồi Tự Đức sai TRẦN ĐÌNH TÚC làm Khâm sai, NGUYỄN HỮU ĐỘ làm Phó Khâm sai, đáp tầu "PARSEVAL" do Rheinart mời, ra Hà Nội điều đình với Hải Quân Trung Ta Henri-Rivière...

Rivière chịu trả lại thành cho ta, nhưng vẫn đóng ở Hành cung. Vì vậy, tình trạng giữa ta và Pháp vẫn chưa đựng một cái gì gượng gạo, nên sau đó các Ông HOÀNG KẾ VIÊM, BÙI ÂN NIÊN, NGUYỄN CHÁNH dâng sớ về triều xin đánh, cho rằng "Pháp đã khinh rẻ và khiêu khích ta nhiều qúa. Từ 10 năm nay, luôn luôn Pháp cậy sức hiếp đáp ta, để sửa đổi điều ước theo chính sách lấn dần như tằm ăn rỗi. Nếu ta không phòng bị về mặt quân sự, thì các tỉnh sẽ lâm vào cảnh khiếp thuận, họ sẽ cướp đất, cướp thành dễ dàng, còn ta phòng bị thì họ đến gây hấn. Xét các việc đã qua, họ đem quân ra Hà-Nội không phải là có ý đuổi quân Cờ Đen mà thôi. Đánh thành rồi trả thành, chỉ là một kế hoạch uy-hiếp tinh thần ta, rồi yêu sách nặng nề như nhiều lần trước. Nay nên đánh kịch liệt rồi mới được hòa. Vậy xin cho quan thương bạc chiết phải trái với họ. Nếu họ thật tâm chủ hòa, thì phải rút bớt quân lính và thuyền chiếm ở nha Thương Chánh Hà-Nội về Nam Kỳ, nếu họ nói trên các đường đi giao thương thiếu an ninh, ta sẽ chước biện cho, bồi phí cho thành Hà-Nội và không được đưa điều kiện gì khác nữa."

Tự-Đức không tán thành đánh và phán rằng... "Nay Pháp chịu trả thành, mà ta đánh thì lỗi ở nơi ta. Việc đánh mạnh đáng lẽ phải làm từ trước.. Ngoài ra ta còn dùng quân Cờ Đen khi Pháp còn đánh mãi và ta không thể phòng bị được mãi. Vậy chỉ nên chỉnh đốn quân đội, nếu họ đòi hỏi qúa nhiều, ta sẽ dùng binh chế lại, như thế họ sẽ không trách ta vào đâu được".

Các quan nội các xin cổ xuất quân dân ra sức chống đánh, nhưng đình thần thì theo ý vua, nghĩa là không đánh gì cả! Rồi một mặt Tự-Đức ra lệnh cho LƯU VĨNH PHÚC rút lên tỉnh Thái Nguyên, cho Pháp khỏi nghi ngại, hoãn việc nhận thành và các quan phải đi hiểu thị cho dân chúng bớt hoang mang...; mặt khác, lo tăng cường phòng thủ kinh đô bằng cách thiết lập thêm đồn

lũy tại cửa Thuận An, bổ sung quân số cho các đồn...,lấy hai thuyền cũ đựng đầy đá để làm cản.

Việc này Rheinart biết được có gởi một kháng thư cho Triều đình, lời lẽ rất ngang trái. Tự Đức than rằng: " Sở ngôn, sở hành của họ như vậy, làm thế nào mà tin được. Phòng bị là một việc thường của một nước, lẽ nào lại bắt người ta phải bó tay đứng làm gì cả mới bằng lòng sao? Hèn chi các tỉnh có phòng bị thì họ đều muốn triệt đi, để trước sau lấy một chữ "hòa" mà phỉnh gạt ta cho được". Nhưng rồi quan Thương Bạc là Trần Tiễn Thành tâu rằng: " Việc phòng bị mặt biển của nước ta chưa vững chắc, nay có đắp thêm chừng ấy cũng không đủ được, mà chỉ bày rõ hình tích ra cho người ta thấy mà thêm nghi mà thôi. Vậy xin đình chỉ việc đắp thêm đồn lũy ở cửa Thuận, triệt hết binh về để lo luyện tập, như thế, người ngoài mới không lường được". Tự-Đức cho là phải và việc này (tăng cường phòng thủ kinh-đô) bị bỏ đi.

Về phía Trần Đình Túc và Nguyễn Hữu Độ, khi ra đến Hà-Nội, liền bắt tay vào việc điều đình với Hải Quân Trung Tá Henri-Rivière... Lần này, Henri-Rivière trả lại thành, kể cả cửa Đông và cửa Bắc, nhưng vẫn đóng quân ở Hành Cung và đưa ra 4 điều khoản để thương thuyết:

1- Nước Nam phải nhận nước Pháp bảo hộ.
2- Nhường thành phố Hà Nội cho nước Pháp.
3- Đặt Thương Chánh ở Bạch hạc (Vĩnh Yên).

Hành Cung trong thành Hà-Nội được Henri-Rivière chiến lũy hóa để phòng thủ

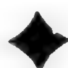
4- Nước Pháp được quyền sửa đổi các việc về Thương Chánh và nắm quyền quản trị luôn.

Hai Ông Túc, Độ bàn cãi mãi, Henri-Rivière không chịu, chỉ trả cho ta kho lúa mà thôi, sau để các lời để xuống về Kinh, Triều đình cũng không chịu nốt.

Bấy giờ ở tỉnh Sơn Tây, Nam Định, Bắc Ninh, Nghĩa quân nhóm họp tiến dẫn quân Cờ-Đen, ngăn lấp các đường sông, truyền hịch dân chúng, hoặc rước quân Tàu về, chỉ mưu việc chống đánh. Các quan Đốc Vũ các tỉnh ấy cũng có ý nương theo Hoàng Kế Viêm để kháng cự.

Trần Đình Túc sợ việc thương thuyết bất thành, nên dâng sớ xin từ chức Khâm-Sai Đại Thần. Tự Đức không thuận, bảo phải nói thế nào cho quân Pháp rút ra khỏi thành mới được. Henri-Rivière thì nói phải đuổi quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc, khai thông đường buôn bán mới chịu triệt binh. Tự-Đức bèn ra lệnh cho Hoàng Kế Viêm thi hành ý muốn của Pháp. Viêm không tuân lệnh, tâu rằng: " Việc giao nhận tỉnh thành Hà-Nội chưa xong, mà viên Khâm Sai cũng chưa thương thuyết được điều gì. Tôi xét tình trạng họ trao trả tỉnh thành không phải là thật ý; nay họ nắm được các viên Khâm Sai trong tay rồi thì tùy ý yêu sách, nếu ta nghe theo họ, đuổi quân Lưu Vĩnh Phúc, lơi việc phòng bị ở các tỉnh thì họ sẽ thừa thế mà mưu ta, nếu ta dùng quân Cờ Đen, lo phòng bị, họ không mưu được, thì lại đòi cho được nhiều khoản. Nay xin sắc quan Thương Bạc thương với đặc Phái viên Pháp rằng, nếu họ lui hết binh thuyền tôi mới giải binh, nếu họ nói cần để bảo hộ sự buôn thì viên Khâm sai sẽ cam kết săn sóc cho, không để có việc gì; Họ lấy cớ xin khai thông đường buôn bán, thì xin cùng họ nghị định chương trình rõ ràng, tư cho quân Tàu ở nội địa đều biết, như thế mới hợp sự thế. Toàn hạt Bắc Kỳ, chỉ có miền Thượng-du tỉnh Sơn Tây, sông cạn, người thuần là nơi có thể nương để chống cự được, nay nếu tuân theo lời dụ, tôi về Thục-luyện, quân Lưu Vĩnh Phúc về tỉnh Thái, như thế khi làm sự khó hưởng ứng; thành Sơn Tây có việc gì lại càng khó giữ..." Tự-Đức quở trách, bảo phải tuân theo dụ. Tuy vậy, Viêm cũng chưa chịu tuân. Tự Đức sai Kinh lược Nguyễn Chánh đem quân đến đóng gần Ông cùng thương xác, bảo phải rời gấp quân Cờ Đen mới rồi cuộc giảng hòa. Hoàng Kế Viêm phải về đóng ở Thục Luyện, Lưu Vĩnh Phúc

vệ đóng ở Tuyên Quang và Sông Đà(Thượng du tỉnh Sơn Tây). Còn việc điều đình với Henri-Rivière cứ nhùng nhằng mãi mà chẳng đi đến đâu cả, thì đến cuối năm 1882, Triều đình cho Ông Trần-Đình-Túc về hưu, còn ông Nguyễn-Hữu Độ ở lại làm Hà - Ninh Tổng Đốc.



6. – Tự-Đức cầu cứu nước Tàu.

Sau khi Hải Quân Trung-Tá Henri-Rivière đánh chiếm thành Hà Nội, Triều đình Huế đưa thư báo tin cho Tổng Đốc Lưỡng Quảng biết... Được tin, vua Thanh xuống dụ các quân cơ, nha môn phải tính việc phòng giữ biên giới...

Tổng Đốc Trực Lệ là Trương Thụ Thành, trước kia có làm Tổng Đốc Lưỡng Quảng, dâng sớ tâu lên vua Thanh rằng: "Nước Pháp đã chiếm Nam Kỳ, nay lại định thôn tính Bắc Kỳ theo cách ấy. Bắc Kỳ là rào dậu của các Tỉnh Điền, Việt, vậy ta nên mưu gấp. Nay xin lấy cớ dẹp thổ phỉ cho nước Nam, đem quân các tỉnh này sang, rồi cho tiến tới, các đất ta chiếm đóng chắc quân Pháp không đến ăn lấn được v.v... Chứ nước Việt Nam đã không thể tự lo liệu được mà Trung Quốc cũng không nên tự lầm lạc".

Vua Thanh xuống dụ, sai Tổng Đốc Quảng Đông là Dũ Khoan, tuần vũ Quảng Tây là Nghê Văn Úy, Tổng Đốc Vân Quí là Lưu Trường Hữu đều lựa quân thủy, quân bộ, chia đóng các nơi hiểm yếu theo kế hoạch của Trương.

Vua lại sai Lý Đồng đem vụ Hà Nội trách sứ Pháp ở Bắc Kinh là BOURÉE, nói rằng nước Việt Nam là thuộc quốc của Tàu, nay quân Pháp đánh lấy thành trì, như thế có hại đến tình giao nghị của Trung-Pháp, vậy xin cho rút quân về để giữ bền hòa hảo.

BOURÉE trả lời đại khái rằng nước Tàu nói nước Nam là thuộc quốc của mình, sao khi nước ấy chinh chiến với Pháp, nước Tàu không đem một người lính, một khẩu súng đến giúp, khi nước ấy lập hòa ước với Pháp, nước Tàu không dự vào việc bàn bạc, nay người Pháp đã lãnh trách nhiệm mở sông Hồng Hà cho việc thương mại, thì không muốn chịu các nước kêu đòi đến bồi, vì họ đến buôn bán mà sự loạn lạc làm khó khăn, ngăn trở mãi...

Tại Paris, ngày 6/5/1882, Đại Sứ Tàu là Tăng Kỷ Trạch cũng hết sức phản đối Chính Phủ Pháp... và yêu cầu rút quân Pháp khỏi Bắc Kỳ...

Ngày 30/6/1882, Chính quyền Vân Nam ra tuyên bố rằng quân Tàu sẽ vào đất Bắc Kỳ để "truy kích quân Cờ Đen..." Được tin, Thống Đốc LE MYRE DE VILERS đã ra lệnh cho Hải Quân Trung Tá Henri Rivière phải giữ hiện tình, không được tiến binh và không nên có một hành động nào chống lại quân Tàu...



Quan quân Tàu nước quan chức Anh Pháp vào ký Hòa - Ước (Hàng-ước thì đúng hơn). Thiên Tân ngày 27-6-1858.



Tây Tàu ký Hòa-Ước (Hàng-Ước thì đúng hơn). Thiên-Tân (trong hình có Đề-Đốc Rigault de Genouilly người đang đọc tờ Hòa-Ước ở bàn bên phải).

Sang tháng 7/1882, Tổng đốc Vân Nam sai Tạ-Kinh-Bưu đem 3 doanh quân đến Quán Ti (thuộc huyện Trấn An, tỉnh Hưng Hóa); đại binh các tỉnh Lưỡng Quảng, Vân Nam, cũng đến đóng dọc theo biên thùy, giáp hai Phủ Lâm An, Quan Hóa, tỉnh Hưng Hóa; giáp Long Châu, tỉnh Lạng Sơn; giáp Châu Liêm, Châu Lương, tỉnh Quảng Yên.

Tự-Đức và quần thần nghe tin mừng lắm, và cứ tưởng quân Tàu sang là thật tâm giúp ta, nên khi nghe tin trong nhân dân có dư luận rằng quân Tàu sang dành Bắc Kỳ với quân Pháp, Tự Đức liền cho thông sức rằng: "...Ấy là bọn tiểu nhân lấy lòng mình mà đặt bụng kẻ quân tử, chứ người Tàu có đâu làm việc bất nghĩa như thế!". Rồi lại phổ biến thư của Tổng Đốc Quảng Đông cho các tỉnh xem, khiến hiểu thị cho sỹ dân đừng tin lời vô lý và khoản đãi quân Tàu cho chu tất!

Về phía Henri-Rivière, mặc dầu đã có lệnh của Thống Đốc Nam Kỳ "Án binh bất động", ông ta cũng cho chiến hạm đến Sơn Tây, Hưng Hóa và Bạch Hạc. Hoàng Kế Viêm thấy vậy, cũng liền đòi Lưu Vĩnh Phúc về Thục Xuyên và ra lệnh cho quân các tỉnh Hưng Hóa, Thái Nguyên về đóng ở Sơn Tây.

Đến tháng 9/1882, Thanh Triều lại sai Hoàng Quế Lan đem thêm 12 doanh quân, chia đóng ở các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Ninh, Cao Bằng, Thái Nguyên và Triệu-Ốc đem 5 doanh quân qua, chia đóng trong cửa ải và các tỉnh Tuyên Quang, Thái Nguyên. Người Pháp nói rằng số quân Tàu sang Việt Nam lúc ấy lên đến 20.000 người.

Mới đầu thì Đại Sứ BOURÉE cho rằng quân Tàu sang Bắc Kỳ chưa đáng lo ngại mấy, nhưng sau đó nhiều quân tinh nhuệ có súng ống tối tân lại còn 4.000 quân của Lý Hồng Chương đã được trang bị và luyện tập theo kiểu Tây Phương, đã từng tham chiến ở Cao Ly, quân khí đã tốt, chiến hạm lại nhiều và Sĩ quan Chỉ huy đều kinh nghiệm...



7.— Tàu và Tây âm mưu chia đôi xứ Bắc-Kỳ.

Đại Sứ BOURÉE thấy tình trạng gay go, cho rằng Tàu sẽ tuyên chiến và sẽ làm tai hại cho nước Pháp, nên đã tự ý đứng ra điều đình với Lý Hồng Chương và sau đó lập một hiệp ước, đại khái nói Bắc Kỳ là một xứ Trung lập do Pháp và Trung Hoa bảo đảm; phần đất từ Sông Hồng Hà đến biên giới Hoa Việt, chia làm hai khu, khu Bắc thuộc quyền kiểm soát của nước Tàu, khu Nam thuộc quyền kiểm soát của nước Pháp, Lào Kay sẽ xem như là một thương cảng Tàu, và ở đây người Pháp được dễ dàng buôn bán với Vân Nam...

Việc thương thuyết và lập hiệp ước của BOURÉE phải trình về Pháp để lấy ý kiến, thì trong dịp này, Thanh đình phái Đường Cảnh Tùng xuống Quảng Đông, cùng với quan tỉnh ở đây là Mã Phục Bôn và Chu Bỉnh Lân sang nước ta, Đường Cảnh Tùng đến kinh, rồi ra Hải Phòng qua các tỉnh Bắc Kỳ xem xét tình hình... Tự Đức cũng lợi dụng cơ hội này, cho Khâm sai Nguyễn Thuật qua Quảng Đông trình bày tình hình với Tổng Đốc Tăng Quốc Phiên, nhờ chuyển đạt lên Thanh đình... Thanh Triều, sau đó, đòi ta phải gửi sứ sang Thiên Tân để thương nghị. Tự Đức liền cử Hình bộ Thượng Thư Phạm Thận Duật làm Khâm sai, Thị lang Nguyễn Thuật làm Phó, qua dâng quốc thư, nhưng sứ bộ chưa đến nơi, thì Thự lý Thông thương Đại Thần của Triều Thanh là Lý Hồng Chương cũng lại đưa thư, đại ý nói nước ta là phiên thuộc của Trung Quốc, rất là cung thuận, nay chẳng may gặp việc, Trung quốc xin lo khu xử, vậy xin phái người qua để ông mật hỏi sự tình, rồi cùng Đại Sứ Pháp tìm cách điều đình. Tháng 2/1883, thì phái đoàn Phạm Thận Duật đến Thiên Tân, Chánh Phủ Pháp đã trả lời rằng, theo hòa ước 1874 (Giáp Tuất), thì nước Việt Nam nhận là tự chủ, không phải thần phục nước nào cả...

Vì BOURÉE đã tự ý ký kết hiệp ước với Tàu mà không có lệnh của Chánh Phủ, nên ông bị triệu hồi về nước (tháng 5/1883), và ông TRICOU được cử làm Đặc Sứ để thương thuyết với Thanh Đình. Ở Paris, Đại sứ Tàu Tăng-Kỷ Trạch thấy sự phản đối về việc quân Pháp xâm chiếm "thuộc quốc" của mình không kết qủa, bèn đổi chủ đề cho rằng người Tàu có nhiều quyền lợi về thương mại ở Bắc Kỳ, nên nước Tàu có quyền can thiệp...Hai bên bàn cãi mãi, sau Bộ Trưởng Ngoại Giao CHALLEMEL-LACOUR phải nhận nguyên tắc một khu vực trung lập (như ý của BOURÉE), và định biên giới cho Bắc Kỳ, biên giới ấy tăng lần mãi xuống đến tỉnh Quảng Bình. Trong khi ấy thì Lý Hồng Chương và TRICOU dằng co mãi mà không đi đến kết qủa nào.

Thấy có một số đông Nghị viên Pháp phản đối chương trình xâm chiếm Bắc Kỳ của Thủ Tướng JULES FERRY, Tàu lại càng làm già, tưởng rằng có thể làm cho người Pháp thấy khó khăn mà lật đổ Nội các, rồi bỏ việc Bắc Kỳ đi chăng. Lý Hồng Chương được lệnh đến đóng ở Quảng Đông để điều khiển quân Tàu ở Bắc Kỳ cho tiện...

Năm sau, Bố Chánh Quảng Tây là Từ Diên Húc đem quân sang đóng giữ cửa ải, rồi đến đóng ở Bắc Ninh...

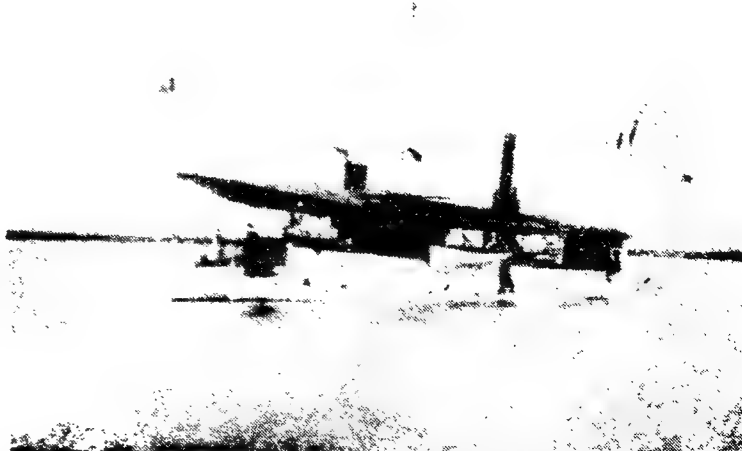


8.— Henri Rivière đánh chiếm Hòn-gay và Nam-Định.

Trong khoảng thời gian có sự lôi thôi về ngoại giao giữa Tây và Tàu, Henri-Rivière như bị cô lập ở Hà Nội và không thể hoạt động được. Trái lại, như trên đã nói, quân Tàu tràn ngập Bắc Kỳ và quân Cờ Đen cũng được Hoàng Kế Viêm mang về đóng ở Thục Luyện, và ngoài ra ông Hoàng còn kêu quân ở các tỉnh Hưng Hóa, Thái Nguyên về đóng ở Sơn Tây... làm cho bọn thực dân Pháp ở Bắc Kỳ hết sức lo sợ.

Vì đợi viện binh mãi mà chẳng thấy âm tín gì, Henri-Rivière có viết một bức thư như sau để than phiền: "...Thành Hà-Nội thất thủ, ngày hôm sau, nếu ta muốn gì cũng được hết, chỉ cần cương quyết một chút là được. Tiếc thay người ta lại không quyết định gì cả, vì thế mà sau năm tháng, Triều đình Huế đã qua được cuộc khủng hoảng tinh thần và trở nên can đảm như trước. Căn nguyên là Sai Gon cũng như Paris chẳng có toan tính gì cả. Còn tôi, tôi bị liệt bại và cô lập ở đây. Rồi muốn được mạnh thêm, người Nam liền kêu gọi người Tàu..."

Tuy vậy, cuối tháng 2/1883, súy phủ Sai-Gon cũng gởi 750 quân sĩ ra tăng cường cho đám



Pháo Hạm (nhỏ) YATAGAN

quân nhỏ nhoi và đang hoang mang của Henri-Rivière...

Vừa được tăng cường quân sĩ thì Henri-Rivière được tin Triều đình Huế sắp giao mỏ than Hồng Gay (do Kỹ sư Fuchs khám phá ra trước đây) cho một công ty Tàu khai thác. Cho rằng người Tàu không đủ khả năng kỹ thuật để khai thác và rồi ra thế nào họ cũng sẽ giao lại cho người Anh, thì sẽ có nhiều rắc rối cho Pháp ...mặt khác, lại sợ rằng người Tàu định thực thi hiệp ước chia đôi Bắc Kỳ (mà vùng của Tàu có nhiều hầm mỏ) của BOUREE_ Lý Hồng-Chương chăng, nên Henri-Rivière quyết định đánh chiếm Hồng Gay... và lập một đồn ở vùng bể để án ngữ vào ngày 12/3/1883. Vài ngày sau đó, Henri-Rivière lại cử Hải Quân Trung Tá MOREL-BEAULIEU, chỉ huy chiếc "Parseval", đóng quân ở Quảng Yên.

Về phía Nam-Định, trong thời gian quân Pháp bất động, quan quân ta ra sức phòng thủ, tăng cường quân sĩ, làm cản trên kinh Nam-Định... và các quan "đã dùng loa kêu gọi sẽ thưởng 30 thoi bạc cho những ai mang nộp một "đầu tây". Nhưng cũng không quan trọng bằng sự lưu thông của chúng ta trên con kinh Nam Định ra bể và tất cả các nơi phải được tự do" (thơ Henri-Rivière gởi cho súy phủ Sài Gòn ngày 17/3/1883).

Trước tình trạng đó, Hải quân Trung Tá Henri-Rivière quyết định đánh thành Nam Định và sau đó sẽ đánh Sơn-Tây

Ngày 24/3/1883, giao thành Hà Nội lại cho Thiếu Tá Thủy Quân Lục Chiến BERTHE DE VILLERS phòng giữ, Henri-Rivière tiến xuống Nam Định cùng với các chiếc "LA HACHE", "LE YATAGAN", "LA CARABINE" và 3 thương thuyền "KIANG-NAM", "LE TONKIN" và "WAMPOA" chở theo các Đại đội 21, 22 và 1 Trung đội của Đại-Đội 23 thuộc Trung Đoàn 3 Thủy Quân Lục Chiến, các Đại Đội 27 và 30 của Trung Đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến.



Trấn NAM-ĐỊNH

Đến Nam Định ngày 26/3/1883, Henri-Rivière gởi tối hậu thư cho Tổng Đốc Võ Trọng Bình yêu cầu đầu hàng và nộp thành, các quan đến trình diện tại Soái hạm "PLUVIER" vào đúng 8 giờ sáng ngày hôm sau 27/3/1883, nếu không sẽ bị nổ súng... Quan Tổng Đốc trả lời không thể giao thành và phải chờ lệnh triều đình...

Ngày 27/3/1883, đúng 8 giờ, đại bác từ các pháo hạm bắt đầu pháo kích tới tấp vào thành. Sau đó Henri-Rivière cho lệnh ngưng pháo kích ... và xung phong... Quân ta chia làm hai, một nửa phòng ngự di động ở bên ngoài do Đề Đốc Lê Văn Điếm Chỉ huy, một nửa phòng ngự cố định ở bên trong do đích thân Tổng Đốc Võ Trọng Bình chỉ huy giữ thành... Khi địch bắt đầu tiến quân, quân ta chống trả mãnh liệt bằng đủ các thứ súng đại bác lớn, nhỏ và súng trường ..., trong đó, có các súng tối tân (vào lúc bấy giờ) do Pháp trao cho, chiếu theo hòa ước Giáp Tuất 1874... Nhưng vì súng tối tân đã ít, kỹ thuật xử dụng lại kém, nên đến gần trưa, thì Đại Úy Công Binh DUPOMMIER đã tiến được đến trước cửa Đông, đặt chất nổ, phá được cửa thành và quân của Thiếu Tá BADENS ào ạt tiến vào... Quân ta mất tinh thần bỏ chạy hết... Quân Pháp chiếm thành...

Kiểm điểm lại ,quân Pháp có vài người bị thương, trong số có Trung Tá CARREAU bị cụt mất một chân và chết vì vết thương sau đó ... Bên ta Đề Đốc Lê Văn Điếm tử trận, Án sát Hồ-Bá-Ôn bị thương... mất một số tiền trị giá 180.000 đồng bạc, 98 khẩu đại bác các cỡ, trong đó có hai khẩu "Ruelle" và "Nevers" cỡ 160 ly do Pháp trao cho... (theo hòa ước Giáp Tuất 1874 như đã nói trên)...

Trong khi Henri-Rivière mang quân đi đánh Nam Định, quân ta đã tập trung lực lượng và phối trí như sau để đánh Hà Nội: Hoàng Kế Viêm và Lưu Vĩnh Phúc tập trung quân ở mặt

Sơn Tây; Trương Quang Đản và Bùi Ân Niên tập trung quân ở Bắc Ninh; Lưu Đình Tú đóng khoảng giữa Bắc-Ninh và Thái Nguyên; Kinh lược Nguyễn Chánh chống mặt Nam-Định, Ninh Bình; quan quân tỉnh Hải Dương giữ mặt biển... Nỗ lực chính đánh vào Hà Nội do hai cánh Sơn Tây của Hoàng Kế - Viêm Lưu Vĩnh Phúc, và cánh ở Bắc Ninh của Trương Quang Đản, Bùi Ân Niên. Các cánh khác tùy theo sự đòi hỏi của tình hình mà ứng viện...

Được tin quân ta tập trung tại Sơn Tây và Bắc Ninh, ngày 27/3/1883, đích thân BERTHE DE VILLERS chỉ huy quân sĩ sang đánh quân ta tại Giốc Gạch (Gia Lâm), mặc dù quân Pháp đánh tan được quân ta và phá hủy được căn cứ. nhưng cũng bị thiệt hại nặng...

Ngày 02/4/1883, Henri-Rivière giao Nam Định cho Thiếu Tá Badens ở lại trấn giữ, để trở về Hà Nội, vì tình thế ở đây có vẻ khẩn trương, theo báo cáo của bọn Berthe de Villers.

Về đến Hà-Nội, Henri-Rivière nhận thấy tình hình thật sự khẩn trương, nên ra sức phòng thủ... tì bảo vệ bọn Việt gian hơn là tấn công ...Ông ta chia quân ra như sau: 100 tên giữ thành Hà Nội, còn 300 tên giữ khu vực Tòa Lãnh Sự ở Đồn Thủy... để chờ viện quân...

Về phía Huế, khi được tin Nam Định một lần nữa thất thủ, đã làm cho mọi người hoảng hốt. Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết đứng ra hô hào các Văn thân trừng phạt các làng Công Giáo theo Pháp, và lập phong trào chống Pháp. Các cơ cấu bảo vệ kinh thành, từ Thuận An lên đến Huế, đều được tăng cường phòng thủ, khiến Khâm sứ Rheinart lấy làm khó chịu và lo ngại về sự toàn mạng của ông ta... Ngày 5/4/1883, Rheinart hạ cờ Pháp, khóa cửa trụ sở và mang hết nhân viên và tài liệu vào Sài Gòn.

Tình hình vốn đã căng thẳng nay sự ra đi của Rheinart cũng chẳng khác nào đổ dầu vào lửa...

Đối với các quan thất trận ở Nam Định, Tự-Đức ra lệnh giáng chức tất cả: Nguyễn Chánh xuống hàm Quan Lộc Tự Khanh, Hoàng Kế Viêm xuống Tổng Đốc, Võ Trọng Bình, Đồng Sỹ-Vịnh và các Quản, Lãnh, xuất đội, đều bị cách bãi hết. Riêng các người bị tử trận là Lê Văn Điếm được tặng hàm Đô Thống du, thờ ở miếu Trung Nghĩa, Nguyễn Văn Bản, truy thọ hàm Tu soạn, thờ ở Hương Tự, Hồ-Bá-Ôn được tặng 30 lạng bạc để trị bệnh, sau Ôn chết, được thưởng hàm Quan Lộc Tự Khanh.

Về phía chánh quốc Pháp, thấy quân Pháp chiếm Nam Định, sau khi chiếm Hà Nội chưa đầy một năm, Tổng Trưởng thuộc địa là Charles Brun đã đánh điện cho Thống Đốc Nam Kỳ là Thomson (1), đại ý như sau: "ông hãy ra lệnh ngay cho Henri-Rivière duy trì hiện trạng và giữ thêm thành Nam Định mà thôi. Không được tính toán việc gì khác nữa, trừ khi nào rất cần cho sự an ninh của mình" ...

Năm hôm sau, Bộ Thuộc địa lại đánh một bức điện thứ hai như sau: "Tất cả Hội - Đồng Tổng Trưởng đều bị xúc động hết sức. Chúng tôi không ai hiểu gì về các biện pháp mà Hải Quân Trung Tá Henri-Rivière đã dùng, vì nó đã trái với tất cả những chỉ thị đã cho từ tháng 8/1882. Những huấn lệnh rõ ràng nhất đã cấm ông làm bất cứ việc gì trước khi Nghị Viện xét định. Xin nhắc ông ta nhớ mệnh lệnh của Chánh phủ..."

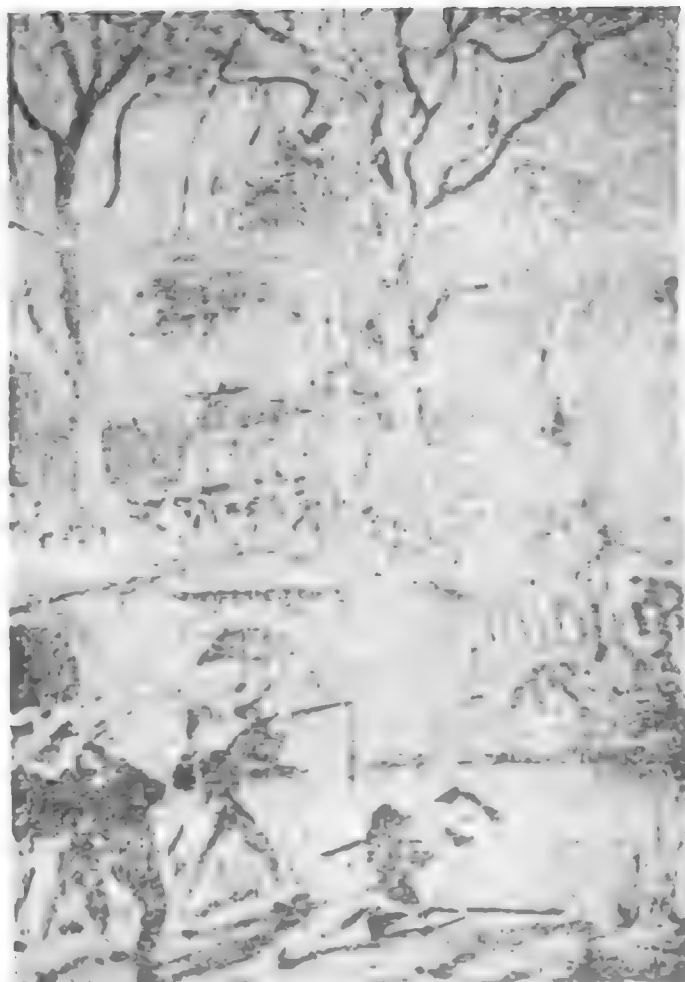
Trong khi đó tại Hà Nội, dân chúng đã bắt đầu tản cư, vì những tin đồn đại sẽ có đánh lớn... Quân ta và quân Cờ Đen đã xuất hiện ở cách xa thành Hà Nội chỉ độ 7,8 cây số... và quân cảm tử đã đột nhập vào thành phố trừng phạt bọn phản quốc, tấn công trụ sở của hai Giáo Sĩ Landais và Bertaud, do một số giáo dân và 5 Thủy quân của chiếc "La Fanfare" chống giữ. Hai bên đều có người chết, nhưng trong một lúc tuyệt vọng, Giáo sĩ Bertaud đã lấy một chiếc kèn đồng... thổi đại, làm cho quân ta sợ có viện quân của địch đến, nên phải rút lui... Hai pháo hạm "Léopard" và "Carabine" đi tuần chiến ở phía Sơn Tây, khi trở về đến làng

(1) Thay Le Myre De Vilers từ ngày 12-1 - 1883.
Lý do : vì sau khi Henri - Rivière đã lấy được thành Hà - Nội, riêng Tổng-Trưởng Hải-Quân và thuộc địa là Jauréguiberry khuyên Thống-Đốc Le Myre De Vilers hãy thi hành việc chinh phục Bắc-Kỳ và chịu trách nhiệm lấy, De Vilers không nghe. vì theo De Vilers có thể lập được cuộc bảo hộ mà không cần phải hy-sinh xương máu hàng ngàn quân-sĩ, và tốn hàng trăm triệu quan. Ngày 10 - 11 - 1882, De Vilers nhận được một công điện của Bộ thuộc địa cách chức về tội lạm quyền và cử Thomson thay thế.

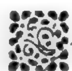
Hạ Trì (Hoài Đức) bị 6,700 quân của ông Hoàng Kế Viêm tấn công bằng đại bác và súng trường... Nhưng điều làm cho Henri-Rivière căm phẫn hơn cả, là hằng đêm quân ta đều nã đại bác và súng trường vào ngay cả khu Đồn Thủy (tức là Tòa Lãnh Sự Pháp do Triều đình Huế đã thỏa nhượng cho)...

Tình hình Pháp quân đang nguy khốn, thì vào ngày 9/5/1883, Henri-Rivière đánh điện cho Đề Đốc Meyer, tư lệnh Hải Quân Pháp ở Trung Hoa, gởi viện quân đến Bắc Kỳ mà Meyer đã được lệnh gởi để cứu vãn tình thế...(Meyer gởi cho Henri-Rivière 3 Đại đội đổ bộ, cùng với hai đại bác 65 ly và 1 khẩu Hotchkiss trên 3 chiếc "Hamelin", "Villars", và "Victorieuse". Viện quân đến Hà Nội ngày 14/5/1883).

Vừa lúc được tăng viện, vốn đã sẵn căm phẫn, ngày 10/5/1883, lại thấy những bích chương của Lưu Vĩnh Phúc dán khắp thành phố "mời" quân Pháp về mạn Phủ Hoài Đức để "đọ tài"... Đối với Henri-Rivière bích chương chứa đựng một nội dung láo xược, một sự khiêu khích và là một sự sỉ nhục... nên ông ta quyết ra tay...



Quân Pháp bị quân Cờ-Đen đẩy lui khỏi Cầu-Giấy



9. – Henri Rivière tử trận.

Mặc dầu vết xe của Francis-Garnier hãy còn trước mắt và khẩu hiệu "làm chậm ăn chắc" gởi cho Thống Đốc Nam Kỳ chưa ráo mực, nhưng vì sự sỉ nhục quá độ đối với Henri-Rivière nên ông đã mất bình tĩnh và thay đổi hẳn thái độ.

Vào lúc 20 giờ ngày 18/5/1883, Henri-Rivière ban hành "Lệnh Hành quân Cầu Giấy" như sau :

1- Trong nhiều ngày nay, tại Phủ Hoài Đức, có một số địch quân kéo đến trú đóng, tung ra các cuộc khủng bố, ám sát trong khu vực Hà Nội, đe dọa Tòa Lãnh sự và thành Hà-Nội.

2- Ngày mai (19/5/1883), một cánh quân lưu động sẽ đến tìm địch để tấn công.

3- Cánh quân này sẽ gồm có các Đại đội đổ bộ của chiếc "Villars" và "Victorieuse" (quân tăng viện của Meyer gởi đến) và các Đại đội Thủy Quân Lục Chiến của Đại Úy Jacquin, và của Đại Úy Caboureau, 2 khẩu đại bác của chiếc "Victorieuse" và 1 khẩu Hotchkiss của chiếc "Léopard" sẽ khởi hành tại Đồn Thủy (khu nhượng địa để Pháp lập Tòa Lãnh sự) lúc 5 giờ sáng đặt dưới quyền chỉ huy của Thiếu Tá Thủy Quân Lục Chiến Berthe De Villers theo sự phối trí như sau :

TIỀN VỆ : 1 Đại Đội dưới quyền chỉ huy của Hải Quân Đại Úy Sentis, gồm có một Trung đội Thủy Quân Lục Chiến của Đại Úy Jacquin, do Trung Úy Bertin chỉ huy, một phân đội 25 người của chiếc "Victorieuse" và 1 phân đội 25 Thủy Quân Lục Chiến của chiếc "Villars"

ĐẠI QUÂN (1) : Trung đội 2 Thủy Quân Lục Chiến thuộc Đại đội của Đại Úy Jacquin do Trung Úy Marchand chỉ huy, 2 khẩu 65 ly do Hải quân Đại Úy Pisserre chỉ huy, khẩu đội Hotchkiss do Hải quân Thiếu Úy Lebris chỉ huy, 3 Trung đội của chiếc "Victorieuse" do Hải quân Đại Úy Le Pelletier De Ravinières chỉ huy, 3 Trung đội của chiếc "Villars" do Hải quân Đại Úy Duboc chỉ huy, 3 Trung đội Thủy quân lục chiến thuộc Đại đội của Đại Úy Caboureau.

VẬN CHUYỂN : 1 toán dân phu công binh do Đại Úy Pháo binh Thủy Quân lục chiến Guenot chỉ huy, mang theo chất nổ và dụng cụ phá hoại. Toán tản thương do Y sĩ Hamon chỉ huy, được tăng cường thêm một phân đội lính khố đỏ Việt Nam (bọn phản quốc) khiêng cáng.

HẬU VỆ : 1 Trung đội Thủy quân lục chiến thuộc đại đội của Đại Úy Caboureau, do Trung Úy Canivet chỉ huy, các quân sĩ mang theo 1 bữa ăn trưa.

4- Thiếu Tá Thủy quân Lục chiến Berthe De Villers sẽ dẫn đầu đại quân. Tổng chỉ huy các quân sĩ (Henri-Rivière) sẽ cùng hiện diện trong đám quân này, cùng với các Hải quân Đại Úy Marolles và Hải quân Thiếu Úy Cler.

Thiếu Úy D'Herel De Brisis cũng được thấp tùng để vẽ lại những vị trí đã đánh được của địch quân.

5- Đại đội Thủy quân Lục chiến của Đại Úy RETROUVEY, các Thủy-quân của chiếc "Hamelin", Trung đội Pháo binh Thủy quân lục chiến của Thiếu Úy Foissac, những người còn lại của phân đội lính khố đỏ của Trung Úy Dain đều đặt dưới quyền chỉ huy của Hải quân Đại Úy Driesen, để đảm trách phòng giữ khu vực Tòa Lãnh sự (Khu Đồn Thủy mà Huế đã nhượng cho Pháp - Pháp thường gọi là "khu nhượng địa").

Ký tên : Rivière.

Riêng về thành Hà Nội, thì sẽ do Đại Úy Penther đảm trách phòng thủ, cùng với khoảng 100 quân sĩ.

Đoàn quân khởi hành từ khu "nhượng địa" vào lúc 5 giờ 30 sáng ngày 19/5/1833 (trễ 30 phút), và hướng về phía phủ Hoài Đức (trên con đường Hà Nội - Sơn Tây). Trung Úy Thủy Quân Lục Chiến BERTIN dẫn đầu tiền vệ. Henri-Rivière đi xe ngựa trước đám "đại quân", biên vệ hữu do Thượng sĩ GESLIN chỉ huy một Trung đội đảm trách, dùng con đường Liễu Giai - Cống Vị, biên vệ tả do Hải Quân Đại Úy SENTIS chỉ huy cùng một số Thủy quân và dùng con đường đê Giảng Vũ để tiến quân... Khi 'Đại quân" tiến đến trước đền Voi Phục, thì Henri-Rivière được Hạ Sỹ LE COURTOIS, hướng đạo viên báo cáo rằng y đã đến trước dốc Cầu Giấy và trông thấy quân Cờ Đen xuất hiện ở bên kia bờ sông (Tô Lịch)... Henri-Rivière cho lệnh tiếp tục tiến quân... Toán hướng đạo của Tiền vệ vừa xuống đến chân cầu (Cầu Giấy), thì bị các quân sĩ của ta và Cờ đen bố trí ở bên kia bờ sông (Tô Lịch), cả ở phía trái cũng như phía phải cầu (mà người địa phương gọi là Giấy trên và Giấy dưới - Làng An Hòa còn có tên gọi là làng Giấy, vì làng này làm giấy), (Tuyến thứ nhất) đồng loạt nổ súng... Lập tức quân Pháp tung tất cả toán tiền vệ ra, dàn hàng ngang đối diện với quân ta và Cờ Đen, để bắn trả và cứu toán hướng đạo... Sau đó, quân Pháp cho di chuyển 3 khẩu đại bác đến đặt trên dốc cầu, bắn vào ven làng và đền An Hòa (chớ không phải chùa Hạ-yên-Quyết)... Sau vài trái đạn, quân ta và Cờ Đen, theo kế hoạch, đã rút lui... Quân Pháp mắc mưu của quân ta và Cờ Đen, liền tung tất cả tiền vệ sang chiếm phòng tuyến của ta như sau : Một trung đội chiếm trại nhãn (phía bên phải cầu - tức là Giấy trên - Trung Úy T.Q.L.C. BERTIN); Một Trung đội chiếm đền An Hòa (phía trái cầu - tức là Giấy dưới - Thượng sĩ GESLIN); hai Trung đội T.Q.L.C. (Trung Úy TQLC MARCHAND) và các Thủy quân còn lại dàn hàng ngang nối liền trại nhãn và đền An Hòa... (lúc này "đại quân"... Pháp và bộ chỉ huy tiền phương vẫn ở trên dốc cầu). Sau khi kiểm điểm tình hình và thấy cuộc điều quân qua cầu diễn tiến bình thường. Henri-Rivière và Bộ Tham Mưu cho rằng quân sĩ của ông sẽ đánh bại được quân ta và Cờ Đen, nên đã cho lệnh "đại quân"... vượt cầu, kéo theo các đại bác để tiến đến mục tiêu... (Henri-Rivière cùng Bộ Chỉ Huy nhẹ đi theo "đại quân", còn hậu cứ tiền phương vẫn ở trên dốc cầu Giấy). Quân Pháp đi khỏi cầu được chừng 400 thước, tức là tới địa phận làng Dịch Vọng Trung, thì thình lình bị quân ta và Cờ-đen (bố trí dài theo tuyến thứ hai), đồng

---

(1) Le gros : Nỗ lực chính.

loạt khai hỏa tàn sát đám tiền vệ... Quân Pháp bị bất ngờ nên hàng ngũ bị rối loạn. Henri-Rivière nhận thấy tình hình bất lợi, bèn cho lệnh lui quân. Tất cả đều hốt hoảng rút lui và tập hợp lại ở bên trái đường, đại đội JACQUIN, ở bên phải và sau đường đê, Đại đội CABOUREAU với các quân sĩ thuộc chiếc "VILLARS", số thủy quân... còn lại ở trên dốc...

Lúc kèn lui quân của Pháp được thổi lên thì cũng là lúc lệnh phản công của một phần quân ta và Cờ Đen được ban ra. Quân ta và Cờ Đen từ tứ phía phất cờ, thổi tù và, hò reo chiến thắng xông ra thanh toán chiến trường...

Vì một số quân sĩ còn bị kẹt, và các đại bác còn bị bỏ lại, nên HENRI-RIVIÈRE ra lệnh "tiến lên, tập họp và tiến trở lại cầu..." Lần này, quân Pháp ồ ạt tấn công trở lại và lại làm chủ được tình thế...

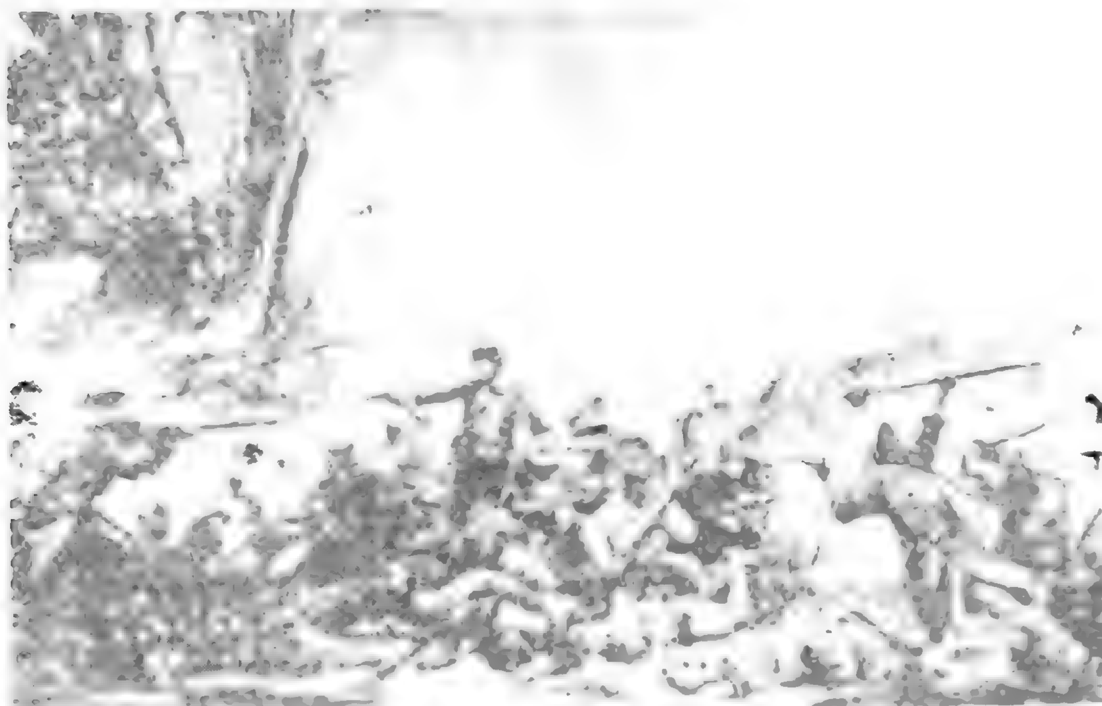
Trong lúc cánh trái của quân Pháp đánh bại được quân ta ở Dịch Vọng Trung, ở giữa, "Đại quân", do HENRI-RIVIÈRE đích thân điều khiển, đang nhắm đánh thốc vào làng Dịch Vọng Tiền, nơi mà hỏa lực của quân ta và Cờ Den đổ ra ghê gớm... thì quân ta và Cờ Đen tung trừ bị (khoảng 1 Tiểu Đoàn) đã bố trí sẵn ở làng An Hòa (phía trên - tức là Giấy trên, như đã trình bày) ra phản công và chặn đường rút lui của quân Pháp, một số quân sĩ Pháp bị tiêu diệt, quân ta và Cờ Đen đe dọa cầu... HENRI-RIVIÈRE thấy tình hình thật là nguy kịch, ra lệnh rút lui... Ông ta rút cũng với toán sau cùng, nên bị bắn trúng tim, ngã ngay tại đầu làng Dịch Vọng Trung, chỗ ráp ranh với làng Dịch Vọng Tiền.

HENRI-RIVIÈRE cùng một số chết và bị thương khác không di chuyển kịp, bị quân ta và Cờ Đen chặt đầu và chân tay, đem ướp muối, sau đó, đem "triển lãm" ở nhiều thị trấn Bắc Kỳ.

Tổng kết, quân Pháp chết 33, trong số có 5 Sĩ quan (Hải quân Trung-Tá HENRI-RIVIÈRE, Thiếu Tá TQLC BERTHE DE VILLERS, Đại Úy TQLC JACQUIN, Thiếu Úy D'HEREL DE BRISIS, Chuẩn Úy TQLC MOULUN) 51 bị thương, trong số có 6 sĩ quan (Các Hải quân Đại Úy DE SENTIS và DUBOC, Trung-Úy TQLC MARCHAND, Hải quân Thiếu Úy LE BRIS, Ủy viên (H.C.Q.V) DUCORPS, kỹ sư địa dư GARNIER).

Quân ta và Cờ Đen khoảng 100 vừa chết vừa bị thương, trong đó có DƯƠNG TRUNG-ÂN (Cờ Đen) chết và NGÔ PHỤNG ĐIỀN bị thương.

Sau đây là lời Hải quân Đại Úy DUBOC, một người bị thương trong số sống sót tại trận, tường thuật lại "trận Ô Cầu Giấy ngày 19/5/1883" như sau :



Hình ảnh về cái chết của Hải-Quân Trung-Tá Henri-Rivière (19-5-1883).

" Ngày 19/5/1883, vào lúc tảng sáng, khoảng 4 giờ, mọi người chúng tôi đều đã có mặt tại trại. Trời hãy còn mờ mờ, lệnh truyền ra nho nhỏ. Khi mọi việc đã sắp đặt đâu vào đấy HQ Trung Tá RIVIÈRE truyền cho Thiếu Tá Thủy quân Lục chiến DE VILLERS xuất quân lên đường. Ít phút sau, chúng tôi ra khỏi Đồn Thủy (Tòa Lãnh sự-khu Nhượng địa). Hai bên cạnh và sau xe (ngựa) của Trung Tá có Hải Quân Đại Úy MAROLLES Phụ tá, và Hải quân Thiếu Úy CLER tùy viên, Ủy viên Ducorps, Thiếu Úy DE BRISIS và tôi. Chúng tôi vượt qua cổng của Sứ quán, Sở Đúc Tiền, phường Thợ Khảm rồi tới Trường Thi... Vài phút sau, chúng tôi ra khỏi Hà Nội. Thành phố lúc này vắng teo, không một ai đi lại. Chúng tôi tiến gấp qua phía Tây thành phố, rồi quẹo ra đường đi Sơn Tây thì ngừng lại. Chính trên con đường này mà GARNIER và BALMY đã in bóng khi xưa ở đúng nơi hai con đê tách rời khỏi đường để rồi lại giao nhau ở chỗ gần Cầu Giấy. Tiền đạo được lệnh hướng dẫn chúng tôi. Hải quân Đại Úy SENTIS bảo chúng tôi tạt sang bên trái, đi gần đến lăng Thủ Lễ, là nơi GARNIER đã bỏ mạng (1). SENTIS phái qua con đê bên phải một Thượng sĩ bộ binh với 25 tên lính. Còn Trung Úy TQLC BERTIN và Chuẩn Úy TOURETTE đi trước chúng tôi khoảng 400 thước, trên con đường trực chỉ Sơn Tây.

HQ Trung Tá RIVIÈRE xuống xe khi binh đội đã ngừng lại được một chốc, ông gọi Trung sĩ GRAVOT, một kẻ thuộc hạ thương cũng với ông đi dạo mát ở bên ngoài thành phố, và cho lệnh anh này đi gấp lên con đường đê lớn nhòm xuống sông quan sát... GRAVOT nhảy lên một con ngựa ô, vụt biến vào trong bụi tre xanh...

Gần một cái nhà lá, người ta thấy hai cái xác người Việt bị đâm chém nhiều nhát trông phát sợ. Sau 15 phút ngừng bước, quân sĩ lại tiếp tục... Thủy quân và lục quân lúc này mặc quần bằng vải màu xám, áo va-rơ xanh da trời; Lục quân đội mũ cát (Casque) trắng, Thủy quân thì đội mũ rơm chùm vai, cũng màu trắng, không có ai đeo cả bị.

Mỗi binh sĩ chỉ mang có 100 viên đạn, một bữa cơm trưa trong túi-dết và một bình nước sau lưng. Mặt trời vừa lên, đã có những tia nắng sáng làm cho mọi người vui vẻ. Không bao giờ chúng tôi lại hành quân đông đảo như hôm ấy ở xứ Bắc Kỳ. Chúng tôi đi chầm chậm để vừa cách khoảng với tiền đạo.

Quân đi được độ 3 cây số, thì GRAVOT phóng ngựa như bay trở lại báo cáo công tác. Hắn không xuống ngựa rồi lại phóng tới chỗ cao nhất của đường đê, để ngó xuống đồng ruộng và xóm làng, không thấy gì bất thường hoặc quân Tàu hay cờ xí của họ. Làng thì hoang vắng, vì dân bỏ đi hết rồi.

Đến 6 giờ sáng, chúng tôi đã cách Hà Nội 6 cây số. Những toán biên vệ (đi ở hai bên sườn để bảo vệ), lại trở về vị trí và đi trước cách đền Voi Phục, nơi Trung Úy BALMY tử trận trước kia 100 thước, chúng tôi đi vòng phía trước mặt đền và đoàn quân của chúng tôi lại ngừng một lần nữa. Các Sĩ quan đều xuống xe, HQ Trung Tá RIVIÈRE cũng rời xe và tiến lên với tiền đạo, có các Sĩ quan Tham Mưu đi theo.

Lúc này, chúng tôi cách con sông (Sông Tô Lịch) bằng một con đê cao chừng tám chín thước, phải bước lên chỗ cao nhất rồi mới xuống dốc và đến chân cầu (Cầu Giấy). Một tiền vệ viên đi lên chỗ mô đất cao, quan sát không thấy gì khả nghi. Mục tiêu của chúng tôi bây giờ là Phủ Hoài Đức, còn cách xa bốn cây số nữa (thực ra chỉ còn cách một cây số rưỡi nữa). Tiền đạo được lệnh tiến qua cầu cách tiền vệ viên vài thước. Bất thình lình súng nổ. Quân Cờ Đen tỏ ra có một tinh thần kỷ luật hiếm có, đã chờ chúng tôi qua cầu xong mới khai hỏa. Họ nấp trong các nhà lá của cái chợ tọa lạc phía bên kia cầu (Chợ Cầu Giấy), và từ đó họ tiến ra theo hàng một. Họ còn xuất phát từ một cái chùa nhỏ ở bên trái lối vào làng Hạ Yên Quyết (làng Cót), (thực ra chợ Cầu-Giấy và khu vực quanh đó là làng An Hòa và cái mà tác giả kêu là Chùa, là một ngôi đền thuộc làng An Hòa).

Lính của Trung Úy TQLC Bertin can đảm phóng luôn mình tới các nhà lá trong chợ, vượt qua sông ở bên phải cầu, nước ngập tới nách. Cũng lúc ấy, Hải Quân Đại Úy Sentis tung ra một phân đội Thủy Quân của chiếc "La Victorieuse" từ chỗ cao nhất của con đê. Bọn lính Tàu chạy từng người một về làng Hạ Yên Quyết

(1) Francis Garnier chết ở bờ đê Giảng-Võ.

(thực ra là chạy về phía An Hòa Hạ, còn gọi là Giấy dưới nữa), nhiều kẻ chạy về phía phải. Chuẩn Úy Tourette cùng 20 lính (thuộc chiếc Villars) vượt qua cầu. Chúng tôi tấn công bằng lối cận chiến vào ngôi chùa (đền). Bọn lính Tàu ở đây chống lại dũng mãnh và hy sinh một cách can đảm. Về phía chúng tôi cũng bị thiệt hại đáng kể. Quân Cờ Đen tập trung hỏa lực bắn rất mạnh vào chỗ mô đất cao nhất của đường đê (trên dốc), là nơi chủ lực quân của chúng tôi đang đứng đầy cả. Một số lính bị thương ngã ngay gần chỗ HQ Trung Tá Rivière. HQ Trung Tá đặt một trọng pháo 65 ly và khẩu Hotchkiss trên chỗ cao nhất, nã năm sáu trái vào trong làng, nơi mà chúng tôi nghi ngờ có quân địch ẩn nấp bắn vào chúng tôi.

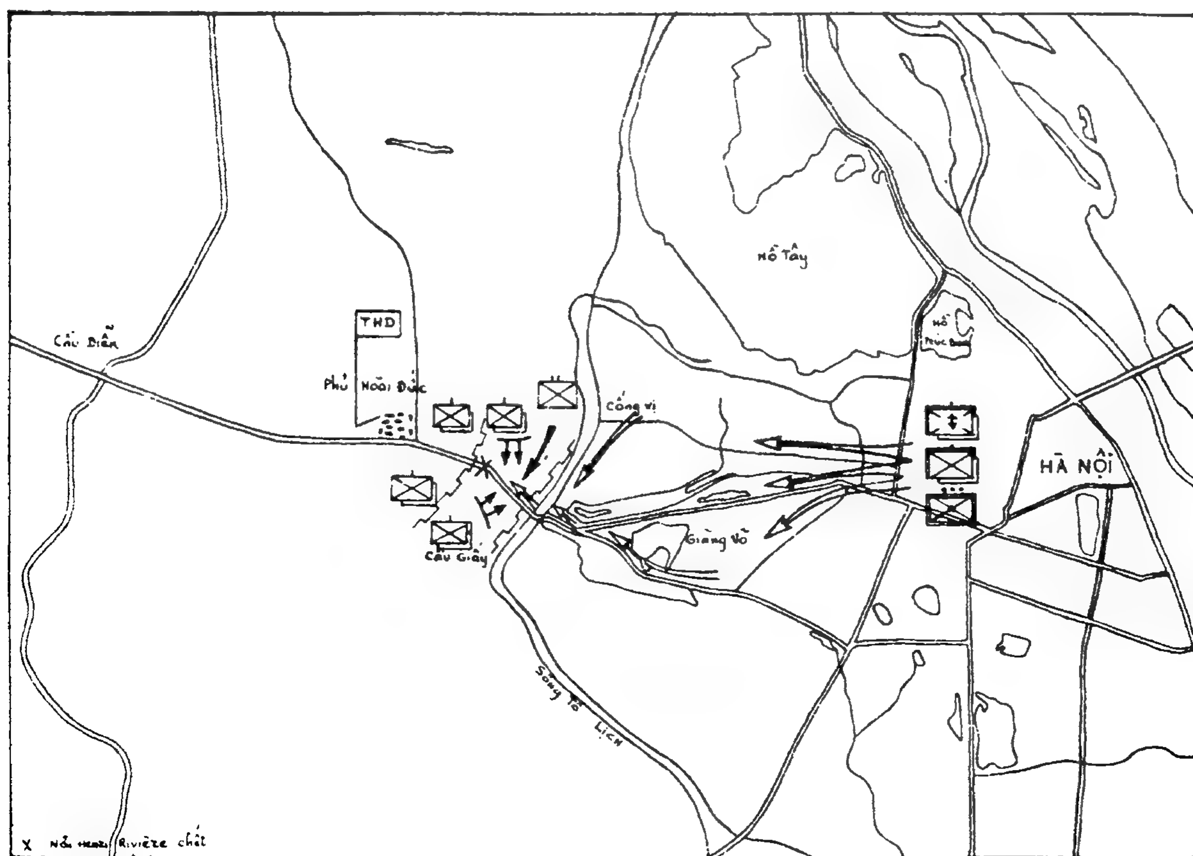
Nhưng vẫn chưa tìm ra vị trí địch, họ đang ẩn núp sau các rặng tre um tùm trông ra như những cánh rừng nhỏ. Tuy nhiên mấy phát đại bác ấy hình như đã làm cho địch xao xuyến. Sentis tập họp lính của mình lại, rồi tiến lên tăng cường cho đám tiền đạo vừa mới chiếm được ngôi chùa làng Hạ Yên Quyết (đền An Hòa). Đại bác tạm ngưng để Đại Úy tấn công địch quân. Họ chống giữ từng tấc đất một, nhưng rồi bộ binh và thủy binh cũng phóng lên với lưỡi lê ở đầu súng, khiến bọn Cờ Đen hốt hoảng bỏ chạy tán loạn trước sự hăng hái của chúng tôi. Đa số lẩn vào làng Trung Thông (thực ra là làng Dịch Vọng Trung) ở gần đó, rồi tìm chỗ ẩn nấp để bắn xả vào chúng tôi ngay.

Ở đây họ cũng đã sẵn có nhiều quân sĩ của họ. Một số trốn vào một ngôi chùa khác, khoảng giữa hai làng. Chúng tôi lại chiếm được ngôi chùa này bằng cận chiến và cũng bị thiệt hại khá nhiều. Lúc này quân chủ lực, đại đội trọng pháo và tiền đạo chưa chuyển động mạnh mà đã có nhiều kẻ bị thương, vài kẻ tử trận, khiến hàng ngũ của chúng tôi đã thấy vắng vẻ. Bấy giờ, vị tư lệnh phải quyết định một trong hai giải pháp:

1- Dừng làng Hạ Yên Quyết (làng An Hòa) để lấy nơi này làm đầu cầu, nã đại pháo vào các chỗ ước đoán là vị trí địch hay vào các làng bị nghi là có địch ẩn nấp, sau chót mở cuộc tấn công, vì các ruộng ngập nước, chúng tôi không thể vòng quanh về phía tay trái được.

2- Đánh gấp để lợi dụng sự lúng túng của địch, sau khi dốc toàn lực chiếm làng Hạ Yên Quyết (làng An Hòa).

Sau khi thảo luận vài phút với Thiếu Tá TQLC De Villers xong HQ Trung Tá cho thi hành



Sơ - đồ trận
CẦU - GIẤY

kế hoạch thứ hai. Thực ra áp dụng kế hoạch thứ nhất thì khôn ngoan hơn, nhưng chết nỗi là từ xưa đến nay, chúng tôi đã quen lối đánh táo bạo, và thường thắng lợi nhờ uy danh và giá trị của các bộ đội Âu Châu.

Mặc dầu tình thế nghiêm trọng, HQ Trung Tá Rivière và Thiếu Tá TQLC De Villers cho rằng bọn Cờ Đen bị 300 quân của chúng tôi đánh mạnh sẽ phải rút lui như mấy lần trước đây, trong cuộc đụng độ ở ngay các làng đầu tiên. Từ lúc ấy, bọn chúng tôi cứ xách lưỡi lê đuổi theo chúng đến thành Phủ Hoài Đức có thể lấy dễ như chơi...

Rồi số phận đã định, quân chủ lực phóng ra gồm Đại đội 24, có 3 đại bác do ngựa kéo và Đại đội đổ bộ của chiếc "La Victorieuse". Khi HQTrung Tá Rivière qua cầu, Hải quân Đại Úy Sentis trao cho ông một lá cờ vừa mới cướp được của quân Cờ Đen ở trong chùa (đền), và nói "Thưa Tư Lệnh, đây là lá cờ thứ nhất và tôi mong không phải là lá cờ cuối cùng".

Trong khi đi qua các nhà lá của chợ (qua chợ Cầu Giấy), chúng tôi bị địch bắn ào ạt. Đạn làm bay cả các mái nhà. Lúc này, chúng tôi ở trên mặt đường, chỉ cao hơn bờ ruộng độ vài chục phân và hết ruộng thì đến các làng. Đạn ở đâu bắn ra ? khó mà biết được. Ở bên kia chợ thì chỉ có đường cái không mà thôi. Các hàng tre dầy đặc đến không kẽ hở cho khói đạn bay ra cách chúng tôi độ 100 thước. Chúng tôi vội vã đặt trọng pháo xuống để bắn. Ngựa sợ qúa rống lên, rồi chạy xuống ruộng. Chúng tôi bắn hai ba phát vào làng Trung Thông (Dịch Vọng Trung)... Chưa đầy vài phút, nhiều lính pháo thủ đã bị trúng đạn địch, bị thương nặng, hoặc ngã xuống. Hải quân Trung Úy LEBRIS bị trúng một phát đạn vào đùi, trong khi ông đang lấy thước súng khẩu HOTCHKISS do ông điều khiển. Hải quân Thiếu Úy CLER bị gẫy tay phải, DUCORPS bị đạn xuyên qua mắt cá chân. Một quả đạn đại bác của chúng tôi rớt vào các nhà lá, nơi có quân Cờ Đen ẩn nấp, làm chúng chạy tán loạn khắp nơi..

HQ Trung Tá (RIVIÈRE) lợi dụng lúc địch đang kinh hoàng, liền ra lệnh cho Đại Úy LE PELLETIER DES RAVINIÈRES mang quân vòng quanh các làng cách đó vài trăm thước. LE PELLETIER tập họp xong quân sĩ của mình, rồi nhảy ra ngoài đường, tiến qua làng thứ nhì, thứ ba... Ông ta đi cả xuống ruộng và tới chỗ rặng tre, cố vượt qua để bắt địch. Về phần riêng tôi (DUBOC), tôi cũng tập họp số binh sĩ còn lại của Đại Úy để tiếp ứng, hầu có thể báo cáo tình hình cho HQ Trung-Tá về mặt này.

Đằng sau chúng tôi, cuộc chiến rất ác liệt. Quay mặt nhìn, tôi thấy Thiếu Tá TQLC DE VILLERS bị gập đôi người lại. Hai tay ông ôm lấy bụng, vì bị một viên đạn xuyên qua.

Tôi tiếp tục tiến lên. Các Thủy quân của chiếc " LA VICTORIEUSE " đang phá các rặng tre như điên cuồng, định chọc một lỗ thủng bằng cách lấy búa chặt hay đánh bật gốc tre đi. Một ít lính can đảm đã bị chết, hay bị thương do địch ở gần bắn tới. Lúc ấy, quân sĩ của chúng tôi ở ngoài bờ tre cũng bắn vào lưng địch quân. Giữa lúc này, tôi thấy ở mạn Phủ Hoài Đức một toán quân chừng một ngàn người, đang di chuyển ở về phía bên phải. Tôi vội báo tin cho LE PELLETIER, rồi lui về Bộ Chỉ Huy báo cáo cho HQ Trung Tá vừa đúng lúc tôi gặp DE MAROLLES mang lệnh của HQ Trung Tá truyền cho chúng tôi rút lui gấp. Tôi lại trở lại gặp LE PELLETIER. Đại Úy liền tập họp quân sĩ để rút lui gấp. DE MAROLLES nói vắn tắt "Quân chúng tôi đang nguy kịch ở gần cầu. Đã có gì xảy ra trong lúc chúng tôi đi đuổi quân địch ở các làng trên"

Trong khi chúng tôi tiến quân, Hải quân Đại Úy SENTIS phải rút lui khỏi ngôi chùa thứ hai, trở lại chỗ đường cái và nộp cho HQ Trung Tá lá cờ thứ hai, mà chúng tôi đã đổ máu khá nhiều mới chiếm được... Xong việc này, Đại Úy lại trở về vị trí mà Đại Úy vừa giao cho Chuẩn Úy ROQUE - MAUREL lúc vắng mặt.

Cuộc chiến thật là ác liệt, đại bác bắn liên hồi, bắn thục mạng và chưa chắc đã có kết quả gì. Nhưng cho tới lúc này, do sự kiên chí, người ta có thể hy vọng thâu lượm được một vài thắng lợi, thì bất thình lình ở những làng có quân Cờ Đen ẩn nấp lúc đầu còn ít, lần này hỏa lực tung ra mạnh qúa, khiến binh sĩ của chúng tôi rối loạn và pháo binh đã tan rã gần hết.

Khẩu đại pháo VILLARS (của chiếc VILLARS) lại bắn để chống lại cuộc tấn công này,

Chúng tôi vội kéo lui nó lại để chạy, thì nó bị lăn nhào xuống ruộng và là một mục tiêu cho quân Tàu. Trong vài giây, khẩu đại pháo này vô chủ. Bọn Tàu thấy vậy, liền trùng trùng điệp điệp, xông ra khỏi làng, với sự yểm trợ của hỏa lực từ các thôn xóm gần đấy.

Cùng lúc này, LE PELLETIER và tôi (DUBOC) tập trung các Thủy quân của chiếc "LA VICTORIEUSE" lại, bắn lung tung vào bên phải, bên trái, mỗi lúc lại có một người ngã. Chúng tôi đi bước dài. Sau chúng tôi, quân Cờ Đen chỉ còn cách có 50 thước. Họ vung ba lá Cờ Đen to, có chữ trắng xóa như sao. Họ đuổi theo chúng tôi, người nào cũng xách một cái mã tấu. Về phía chúng tôi, kèn rút quân thổi lên, hòa lẫn tiếng kèn của Hải quân. Tôi thấy Thiếu Úy DE BRISIS nằm sóng sượt trên đường, mắt còn mở thao láo nhìn quân địch. Ông ta bị bể hàm, mặt nhầy nhụa những máu còn do vết thương gần thái dương nữa. Chính vì vết thương này mà ông chết không kịp ngáp. Bên người ông, còn chiếc ống nhôm và tay ông còn cầm cuốn sổ, trong đó có vẽ trận thế và đường hành quân của đôi bên. Tôi đau lòng nghĩ đến bà mẹ già của người trẻ tuổi này đang chờ con đằng đẵng bấy lâu, sẽ phải khóc kẻ tử trận. Lòng tôi như điên như dại, nhưng tôi vẫn phải bỏ ông ta mà chạy.

Chúng tôi đến gần khẩu đại bác "Villars", vẫn nguy như thường. Ropars, viên Trung sĩ Pháo binh thấy quân Cờ Đen đang tiến sang bên phải, vội hét: "Bọn chúng nó, chỉ còn cách 100 thước ···".

Hải quân Đại Úy Pisserre cũng hô: "Chạy súng": Thật không còn nghi ngờ gì nữa, đó là lệnh chạy gấp khẩu đại bác. Số lính của pháo binh phần bị giết, phần bị thương, phần chạy trốn, nhưng dầu sao cũng phải cứu khẩu súng đang nằm lăn dưới ruộng. Chuẩn-Úy Moulun nhảy tới, trèo lên một cái bánh xe, trong khi chính HQ Trung Tá Rivière nâng cái chân và Pisserre đỡ cái bánh bên kia. Cả ba đều cố gắng lôi khẩu đại bác lên trên mặt đường. Rồi Moulun ngã gục vì một viên đạn vào giữa trán. Ducorps tuy cũng đã bị thương, nhưng vẫn cố gắng kéo xác của Moulun sang một bên đường, hy vọng có người mang đi. Mọi cố gắng, tiếc thay, đều vô hiệu. Lúc này pháo binh Cờ Đen đã xuất hiện trước mặt chúng tôi. Giữa lúc Trung-Tá hạ xong cái chân súng đại bác xuống đất, thì ông tái mặt đi vì vừa bị trúng một viên đạn vào bên vai. Người ta đổ xô đến đỡ ông.

"Cảm ơn", ông nói "không việc gì đâu", rồi ông đi về phía cầu ; ở đây ông cử De Marolles đến ứng trực, hầu yểm trợ cho quân sĩ rút về chỗ con đê (tức là trên dốc Cầu Giấy)...

Hai khẩu đại bác gần cầu nhất đã do tiền vệ di chuyển trước khi rút lui khỏi làng Cót (làng An Hòa), lúc nghe thấy tiếng kèn thu quân thổi lên.



Ngôi mộ của Henri-Rivière tại làng Dịch-Vọng-Trung.

Chuẩn Úy Tourette sắp đặt người vào giữ khẩu đại bác của chiếc "La Victorieuse".

Khẩu đại bác của chiếc "Villars" cũng chạy về phía Bộ chỉ huy, trong khi các đại bác ở gần tôi đang vội vã bắn vào quân địch để chặn họ lại, khi đi tới gần khẩu đại bác, giữa lúc các thủy quân quay lại chỗ để súng, bất thần tôi nghe thấy một âm thanh khô khan đập vào bánh xe của đại bác, rồi tôi thấy như bị một cái gậy đập mạnh vào chân trái tôi. Đó là một viên đạn, cám ơn trời đất lắm sao, không tai hại gì, viên đạn này bay vào quần tôi, và làm sướt tý da ở gót chân mà thôi.

Vài Thủy quân Lục chiến được một bán đội Thủy quân yểm trợ, giữ nguyên vị trí trước một hỏa lực khủng khiếp của quân địch. Rồi ở một vài nơi, đội mã tấu (Pháp gọi là bọn chặt đầu người), đang thi hành công việc ghê gớm của chúng. Rivière giữa lúc này, càng trở nên can đảm thêm. Ông vẫn đứng sừng sững ở trên mặt đường, tay trái vung gậy hô "Cố lên các em". Nhưng đó là một tiếng hô cuối cùng của ông. Bất thình lình ông lảo đảo rồi gậy rơi khỏi tay. Ông ngã xuống. Ducorps tiến lại gần để đỡ ông, thì bị một viên đạn bay qua bàn tay. Ông ta cũng ngã nốt, rồi bất tỉnh nhân sự luôn (chỗ HENRI-RIVIÈRE ngã xuống là ở đầu làng Dịch Vọng Trung, ráp ranh với làng Dịch Vọng Tiền, và làng An Hòa. Mộ Henri-Rivière cũng được xây ở đó).

Hải quân Đại Úy Sentis tiến lại gần và được nghe thấy hơi thở cuối cùng của viên Tư Lệnh đã bị trúng đạn ngay tim. Ông vội chạy về phía cầu (cách nơi Rivière bị bắn khoảng vài ba trăm thước) để gọi người lấy cáng, thì bị trúng đạn vào bên hông, khiến ông chao hẳn người đi. Do một nghị lực phi thường, ông đứng ngay được người lên và nhờ được một Thủy quân đỡ ông tiến về chỗ cầu, thế là ông thoát.

Đại Úy TQLC Jacquin trông thấy HQ Trung Tá Rivière ngã, chạy lại cứu, cũng bị đạn nhào nốt, cách Rivière hai bước. Còn Đại Úy Caboureau ra lệnh khiêng gấp Ducorps đi. Ducorps vẫn còn mê man. Gravot ở đâu chạy lại, tuy đã xuống ngựa định lại lấy chỉ thị của viên Tư-Lệnh, thấy nguy, anh ta có hai khẩu súng sáu, một tay anh giữ cương ngựa, một tay chĩa súng bắn liền hồi vào bọn lính Tàu đang rầm rập xông lại. Con ngựa của anh sợ quá rống lên, giựt đứt cả cương, rồi nhảy xuống ruộng lầy. Gravot bắn hết đạn mới rút về chỗ Bộ chỉ huy đóng (ở trên giốc cầu). Lát sau anh bị một viên đạn vào đùi. Hai người lính khiêng anh ta lên trên đê. Họ lấy khăn tay bó vệt thương lại để cho máu khỏi chảy. Thế là hết, chúng tôi đã rút khỏi mặt trận trước cầu (làng Dịch Vọng Trung), để lại biết bao chiến hữu anh dũng! Trong thời gian còn những tiếng súng cuối cùng của chúng tôi đứng trên đê cho nổ xuống (từ trên giốc Cầu Giấy bắn xuống), người ta nghe thấy từng tiếng một của các mã tấu phầm phập chặt đầu người.

Chúng tôi lại rút một chặng nữa về chỗ đền Voi Phục. Tôi chống một cái gậy tre để đi vào đền, thì trông thấy cái xe, trong đó có một Sĩ quan đang ngồi, chụp đầu một cái mũ cói đan, lợp vải trắng. Tôi tưởng Hải quân Trung-Tá Rivière, tới gần mới biết là Thiếu-Tá TQLC De Villers, ngoài phát đạn vào bụng mà tôi trông thấy, ông còn bị đạn gẫy một tay, trong lúc được di tản về Bộ Chỉ Huy.

... Hải quân Đại Úy Pisserre là người thâm niên nhất, được cử lên thay quyền Tư Lệnh, buồn rầu và thủng thỉnh lê chân trên đường về. Trước mặt chúng tội Thượng sĩ Judelin đi khấp khểnh một chân, hai tay khoác vào vai của hai người lính. Khi tới gần một cái nhà, người ta liền nhấc luôn một cái cửa để làm cáng. Trong xe ở hai bên Thiếu Tá TQLC De Villers, người ta để nằm hai Trung sĩ và một người lính gẫy cả tay lẫn chân. Gần người đánh xe, là một thương binh thứ năm, và ghế đằng sau gần cửa có Gravot nằm sóng sượt. Anh nhờ có hai bạn trung thành khiêng đi suốt 5 cây số. Ngay cả những xe súng đại bác, cũng thành xe cứu thương cho 57 mạng.

Hai Y sĩ nhiều việc quá, làm không hết, phải nhờ Sentis băng bó giúp tạm cho các nạn nhân, nhưng chính ông này cũng bị thương và có nhiều lúc muốn xỉu. Về đến Đồn Thủy, ông ta mới được băng bó. Còn Ducorps chẳng có gì để hãm máu chảy ở bắp chân, phải lấy bùn có lẫn đất thó đắp đại vào. Ông ta phải đi bộ mà về thành.

Đấy tình trạng thê thảm của chúng tôi kỳ xuất quân này là như vậy đó. Buổi trưa hôm ấy, chúng tôi mới về tới trại. Tính ra chỉ vài giờ

đồng hồ mà chúng tôi bị thiệt tới 1/4 quân số, kẻ chết, kẻ bị thương. Rồi người ta đã mang đầu của Rivière đến nộp cho Lưu Vĩnh Phúc, cái đầu ấy còn có con mắt và cái trán sáng ngời sự thông minh và lòng nhân đạo. Kẻ chặt đầu tàn ác kia nộp thêm cả hai cái tay thủ trong tay áo có 5 vạch vàng. Phần thưởng thì tùy theo cấp bậc của người bị giết, kẻ giết được Rivière đã lãnh 80 lạng bạc (6800 quan). Ngoài viên Tư Lệnh, chúng tôi còn mất Đại Úy Thủy Quân Lục Chiến Jacquin, Thiếu Úy De Brisis, chuẩn úy TQLC Moulun và 26 lính thủy, lẫn lính bộ ..."

Sau khi đánh bại quân Pháp ở Cầu Giấy, đạo quân của ông Hoàng Kế Viêm dự định sẽ đánh vào Hà-Nội ; các ông Bùi-Ân-Niên, Trương Quang Đản đem quân sang phối hợp, và cho đặt đại bác trên bờ sông Hồng Hà bắn ra khu nhượng địa, vài chiến hạm Pháp bị trúng đạn, nhưng vì lúc ấy nước sông tràn lên, nên quân ta phải bỏ ý định tiến đánh Hà-Nội trong lúc quân Pháp đang hoang mang giao động tột độ.

Tại Huế, khi tin thắng trận được tâu về, Triều đình mở tiệc ăn mừng. Tự Đức thăng Lưu Vĩnh Phúc lên làm Đề Đốc, ban cho mão quan Chánh nhị phẩm và một cái kim bài có khắc hai chữ "Trung Dũng"; khôi phục nguyên hàm cho Hoàng Kế Viêm, các quan quân còn, mất, bị thương đều được thăng hàm và thưởng tiền bạc rất hậu.

Sự thắng trận đã gây chấn động dư luận, nhất là dư luận nước Pháp, khiến cho bọn thực dân phản động Pháp có cớ để cổ võ mạnh mẽ việc xâm lăng Việt-Nam.

Kể từ đây, nước ta lại ở vào một khúc quanh quan trọng...



CHƯƠNG IX

Pháp cương quyết xâm lăng Việt-Nam

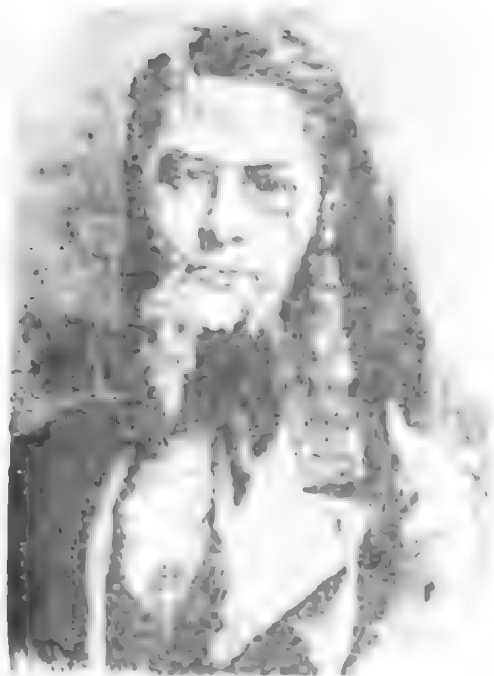
1.– Pháp gởi viện quân đến Việt-Nam.

Sau trận thảm bại ở Cầu Giấy, một vấn đề nêu ra cho Chánh Phủ Pháp là rút lui hoặc xâm chiếm xứ này bằng bất cứ giá nào ? Sau những cuộc vận động ráo riết của bọn thực dân, quốc hội Pháp đã biểu quyết dự án gởi 3000 quân Pháp, tuyển mộ 1000 lính khố đỏ Việt Nam (bọn phản quốc) cùng với phí khoản là 5 triệu rưỡi quan,của nội các Jules Ferry, bằng 358 phiếu thuận và 50 phiếu nghịch. Tưởng cũng cần phải nhấn mạnh rằng dự án nầy đã đệ trình từ trước, nhưng nó bị chống đối quyết liệt... Cho đến khi Henri-Rivière bị tử trận, thì nó được ủng hộ gần như là tuyệt đối...

Harmand, Sứ thần Pháp ở Bangkok, chiến hữu của cố Hải quân Đại Úy Francis Garnier đã từng tham chiến ở Bắc kỳ, được Chánh Phủ Pháp cử giữ chức Tổng ủy viênQuânchánh Pháp ở Bắc kỳ, Trung Tướng Bouet Tư Lệnh quân đội Pháp cũng được gởi tới để điều khiển các cuộc hành quân...

Viện quân Pháp gồm 4 Trung Đoàn Thủy Quân Lục chiến, cùng các chiến cụ đã được gởi từ Pháp qua trên các tàu "L'Annamite", "Mỹ tho" và "Saône". Mặt khác một hạm đội kêu là "Hạm đội Bắc kỳ" cũng được thành lập dưới quyền của Phó Đề Đốc Courbet gồm các chiếc "Atalante", "Bayard", "Chateau-Renault", và "Kersaint" cùng với hai phóng ngư lôi mang số 45 và 46 (31/5/1883).

Harmand được coi như là "người của thời thế", nhưng với nhiệm vụ mới quá bề bộn, không được minh định rõ rệt, trong chỉ thị chính thức mà ông ta nhận được ngày 8-6-1883. "Tổng Ủy viên dân sự là một nhà thuyết hơn là một nhà cai trị... Ông là đại diện cho mọi ý nghĩ của Chính phủ... Ông có nhiệm vụ nghiên cứu những gì có thể làm được và cần làm... Ông còn có nhiệm vụ ngăn cản những hoạt động quân sự nào đi lệch hay ra ngoài phạm vi đã vạch ra..." (Thuyết trình của Challemel Lacour, Ngoại trưởng của Chính phủ Jules Ferry, trước Quốc Hội ngày 10/7/1883). Tóm lại Harmand có toàn quyền hành động ở xứ Bắc kỳ về cả hai mặt quân sự lẫn dân sự. Dưới quyền ông có các lực lượng Lục quân và Hải quân. Về Hải quân ngoài các chiến hạm kể trên, còn có các Thông báo hạm "Pluvier", "Parseval", "Hamelin", các pháo hạm "Surprise", "Fanfare", "Léopard", các pháo hạm hạng nhẹ "Eclaire", "Trombe",



Bác - Sĩ HARMAND

"Hache", "Yatagan", "Carabine" và "Massue". Mọi phúc trình của Trung Tướng Bouet phải gởi tới Harmand và chỉ được hành động khi có lệnh của ông nầy. Do đó lúc bấy giờ luôn luôn có sự đụng chạm giữa Bouet và Harmand dầu rằng có nói là sự quan hệ giữa hai giới chức nầy sẽ có những huấn thị đặc biệt.

Ngày 7/6/1883, Trung Tướng Bouet ra Bắc kỳ cùng với một số quân từ Nam kỳ ra tăng viện, để đảo nhậm chức vụ. Đến Hà Nội Bouet liền ban hành tình trạng khẩn trưởng ở Hà Nội, Hải phòng, Nam định. Lời tuyên bố nầy được đưa ra ngày 09-6-1883.

Công việc đầu tiên của Bouet là chỉnh đốn đám quân đang bị hoang mang giao động. Mặt khác tính tổ chức những đội quân bản xứ và giao cho Georges Vlavianos, nguyên là Sĩ quan của Jean-Dupuis, thành lập một Tiểu Đoàn khoảng 700 phụ lực quân Việt Nam và Tàu, lấy tên là "Cờ Vàng". Ngoài ra, Bouet còn tổ chức cùng một lúc 3 Trung Đội hỗn hợp Công binh, thành lập một đội "Xà Lúp" chạy bằng hơi và xuồng vận chuyển, xây các pháo đài quanh thành và làm một hệ thống phòng thủ nối liền thành Hà Nội với Khu "nhượng địa" (Đồn Thủy, nơi Pháp lập Tòa Lãnh sự) và làm một tiền đồn ngay tại chùa Quán - Thanh. bên cạnh Hồ - Tây.

Kiểm điểm lực lượng, Bouet có 3500 quân sĩ, được phối trí như sau: 600 người ở Hà nội, 350 người ở Nam định, 350 người ở Hải phòng và một lực lượng hành quân 2200 người. Trong khi chuẩn bị lực lượng để đánh chiếm Bắc kỳ, Bouet đã cho các pháo hạm tuần thám trên các con sông lớn, để vẽ bản đồ hành quân... Ngày 19/6/1883, các toán tuần thám nầy đụng độ với quân Cờ Đen ở sông Đáy, ngày 28/7/1883, ở sông Hồng-hà v.v... Chính do các tuần thám nầy mà các hoạt động của ta và quân Cờ Đen bị giảm sút hơn trước rất nhiều, nhất là trong các ngày 26-6 và 29-6-1883, quân ta và quân Cờ Đen đã bị Thiếu Tá De Badens đẩy lui trong nhiều cuộc công hãm ở thành Nam-Định.

Mặt khác Thống đốc Nam kỳ ra lệnh trục xuất hai Chánh Phó lãnh sự của ta là Nguyễn Thành Ý và Trần Doãn Khanh ở Saigòn về Huế.

* * *

VUA TỰ ĐỨC BĂNG HÀ VÀ CHÍNH TÌNH RỐI REN CỦA TA SAU KHI VUA CHẾT

Giữa lúc tình trạng nước ta ở vào một thời kỳ cực kỳ đen tối, thì vào ngày 17-7-1883, vua Tự Đức băng hà, hưởng thọ 55 tuổi, không con, chỉ có 3 cháu nuôi là Dục-Đức, Chánh-Mông và Dưỡng Thiện. Trước khi chết vua Tự-Đức có để tờ di chiếu, để truyền ngôi cho cháu là Dục-Đức, trong khi nhà vua lại ưng ý Dưỡng Thiện, nhưng vì Dưỡng Thiện còn nhỏ (14 tuổi), nên miễn cưỡng phải trao cho Dục Đức (31 tuổi) và có ghi rõ trong di chiếu là Dục Đức có nhiều tật hư thói xấu... Chính vì tờ di chiếu nầy, cộng thêm các hành động bất chính của Dục-Đức trong khi xác của Tự Đức hãy còn đang quàng trong nội điện (1), mà ông nầy bị các quan phụ chính là Nguyễn văn Tường và Tôn Thất Thuyết ngăn cản không cho làm lễ tấn tôn, rồi sau bị bức tử luôn ở trấn-phủ (là 1 nhà giam các trọng tội lúc bấy giờ). Hành động của hai ông Tường, Thuyết không ai dám nói gì, chỉ quan Ngự sử Phan Đình Phùng phản đối bị hai ông cho bắt giam rồi cách chức đuổi về quê...

Sau khi truất phế Dục Đức, tại triều, đa số thuộc phe quyết chống Pháp, lập Lang Quốc Công húy là Hồng Dật con thứ 29 của Thiệu Trị, lúc bấy giờ đã 37 tuổi và là em nhỏ nhất của

---

(1) Dục-Đức vẫn quen thói giao-du với bọn vô lại và đĩ - điếm, không còn coi ai ra gì và hơn thế nữa Dục-Đức còn dùng Linh-Mục Thơ, có nhiều liên hệ với Pháp, để làm việc riêng trong Cung.



Sơ - đồ từ Hà - Nội đến Sơn - Tây

Tự Đức, lên ngôi, lấy niên hiệu là Hiệp Hòa vào ngày 30/7/1883. Ông nầy bất đắc dĩ mà phải nhận ngôi báu trong khi không được vững bụng cho lắm...

Trong thời gian Huế đang trải qua một cuộc khủng hoảng chưa từng thấy, thì một Hội đồng chiến tranh của thực dân được triệu tập vào ngày 30/7/1883 tại Hải phòng do Tổng ủy viên Harmand chủ toạ, gồm có Trung Tướng Bouet, Phó Đề Đốc Courbet, đã quyết định những hành động sau đây:

- Nỗ lực chính của đoàn quân Viễn chinh nhắm vào Huế và tỉnh Sơn-Tây (Bắc kỳ).

- Sẽ có một cuộc "biểu dương lực lượng" nhắm vào Đà Nẵng và những pháo đài trên sông Hương, để nếu có thể đi đến một sự ký kết thỏa ước, buộc triều đình Huế phải nhìn nhận sự bảo hộ của Pháp và dập tắt mọi sự kháng cự ở đó.

Kế hoạch vừa vạch xong thì vừa đúng lúc viện quân Pháp ở chánh quốc sang tới nơi, cùng với quân nhu, quân cụ, quân trang, vũ khí, đạn dược... (vào những ngày cuối tháng 7 và toán lừa ngựa cuối cùng đến vào ngày 10/8/1883). Tất cả đã sẵn sàng chờ lệnh...



2.– Các cuộc hành quân của Pháp: – Hành quân ở Bắc-Kỳ.

QUÂN PHÁP CHIẾM HẢI DƯƠNG VÀ QUẢNG YÊN

Ngày 13-8-1883, cánh quân của Trung-Tá Brionval chiếm Hải-Dương, rồi sau đó ngày 16-8-1883, chiếm Quảng-Yên trước sự kháng cự yếu ớt của quân ta .

TRẬN SÔNG NHUỆ GIANG VÀ TRẬN LÀNG VÒNG

Tại mặt trận nầy quân ta và quân Cờ-đen đã thiết lập 3 phòng tuyến:

1- Phòng tuyến thứ nhất từ Cầu Giấy và từ các làng ở hai bên bờ sông Tô lịch qua Yên Thái (gọi là làng Bưởi) đến làng Trèm (Đông Ngạc và Phương Thụy ngày nay).

2- Phòng tuyến thứ hai từ phủ Hoài Đức qua làng Cổ Nhuế (làng Noi) đến làng Trèm, bên bờ sông Hồng Hà. Tại đây quân ta và quân Cờ Đen lập một dẫy 4 đồn với chướng ngại vật và với hai hoặc ba khẩu đại bác.

3- Phòng tuyến thứ ba biến các làng, các đình, chùa thành một chiến lũy sau sông Nhuệ Giang. Sông nầy rộng, khoảng từ 10 đến 12 thước, khá sâu tạo thành một vòng đai khuỳnh về phía đông, trông về Hà Nội.

Các cầu cống đi vào các làng nầy bị đứt quãng, nhất là vùng Canh, Diễn, Tây Tựu v.v... Quân Cờ Đen và quân ta cũng trấn giữ hai con đường đi Sơn Tây và tạo thành một mặt trận dài từ 6 đến 8 cây số.

Quân Pháp mở cuộc hành quân với mục đích đánh chiếm các phòng tuyến của ta và Cờ Đen và chặn đường rút lui để tiêu diệt.

Lệnh hành quân được ban ra vào buổi chiều ngày 14/8/1883, lực lượng tham dự hành quân được chia ra làm 3 cánh : Cánh phải do Đại-Tá Bichot chỉ huy ; cánh giữa do Thiếu Tá Coronnat chỉ huy ; cánh trái do Trung Tá Revillon chỉ huy... Cả ba cánh quân đều tổ chức như nhau và gồm có : 3 đại đội Thủy quân Lục chiến, 1 đại đội lính khố đỏ (bọn phản quốc Việt-nam) 1 pháo đội với 4 đại bác, 1 Trung đội Công binh (tổng cộng mỗi cánh là 500 người). Hải đội có nhiệm vụ phối hợp tấn công với cánh phải. Bọn "Cờ vàng" (của bọn Georges Vlavianos) đi theo cánh trái.

Tướng tổng chỉ huy Bouet đi theo cánh trái, với một lực lượng trừ bị gồm có 1 đại đội Thủy quân lục chiến, 1 đại đội lính khố đỏ và 1 Trung đội Pháo binh.

Mặc dù thời tiết xấu vì đang mùa mưa, nhưng cuộc hành quân vẫn tiến hành và quân sĩ được điều động cả vào đêm trăng để đến mục tiêu...

Dưới đây là diễn tiến của từng cánh quân một, vào sáng ngày 15/8/1833 và các ngày kế tiếp.

Cánh quân của Đại Tá Bichot : vào lúc 5 giờ 10 sáng, quân Pháp đã trông thấy rõ ràng

một hàng cờ đen (Cờ màu đen - vị trí của ta và quân Cờ ĐEN) liền cho pháo hạm khai hỏa vào đó. Đến 7 giờ 15 mặc dầu quân Pháp chưa chuẩn bị xong, nhưng đám tiền đạo của Bichot cũng đã chiếm xong dãy chướng ngại vật thứ nhất, rồi sau đó chiếm các dãy chướng ngại vật kế tiếp (2, 3), nhưng tới dãy chướng ngại vật thứ tư ở phía trước chùa Trèm, thì bị chận đứng, lúc bấy giờ là 9 giờ. Vì bị chận, quân Pháp cho lính Công binh và 2 Trung Đội Thủy quân Lục chiến len lỏi qua các nhà của dân chúng trong làng, để đánh bọc hậu, nhưng bị lộ vì một tên lính quá nôn nóng làm nổ súng, nên đã thất bại.

Thiếu Úy Rondony, chỉ huy một Trung đội khố đỏ đã tiến chiếm ngôi chùa ở giữa đồng, ở phía đằng sau và phía bên phải của dãy chướng ngại thứ tư, hướng về phía quân ta và Cờ Đen.

Trước khi tiến quân, cánh phải, phải chờ tin tức của hai cánh kia, vì thế mà họ phải bố trí và ngủ đêm trên các vị trí chiếm được.

Cánh quân của Thiếu Tá Coronnat: Coronnat để lại Yên Thái một Đại Đội và một Trung Đội pháo binh để quan sát làng Cổ Nhuế (Làng Noi). Chính đám quân này đã lấy đồn phủ Hoài Đức vào lúc 6 giờ 30. Đến 10 giờ 30, Đại Đội lính khố đỏ của toán tiền đạo di chuyển theo ven làng Yên đã gặp quân ta và quân Cờ-Đen, hai bên nổ súng chống nhau kịch liệt, khiến cho 3 Đại Đội Thủy quân lục chiến của cánh này phải can thiệp cùng với sự yểm trợ của pháo binh đặt ở sau chùa Cổ-Nhuế (Chùa Noi).

Đến trưa vì quá nắng, nên cánh quân này có nhiều người bị say nắng. Thiếu Tá Coronnat phải cho quân sĩ nghỉ. Đến 14 giờ 30, quân ta và quân Cờ Đen tấn công vào sườn trái của cánh quân, nhưng bị đẩy lui; lúc bấy giờ là 16 giờ; Thiếu Tá Coronnat không bắt được liên lạc với hai cánh quân bạn, nên đã phải phòng thủ đêm ở quanh chùa Cổ-Nhuế (Chùa Noi).

Cánh quân của Trung-Tá Revillon : vì sự di chuyển đại bác gặp trở ngại, nên đến 8 giờ 15 mới tới được đồn Phủ Hoài Đức. Tiền đạo tiến trên con đường Hà-Nội - Sơn-Tây báo cáo có địch ở phía bên phải, tức là tại Đồng-Xa, vào lúc 10 giờ30.

Quân Pháp, quân ta và Cờ-Đen chỉ cách nhau một cánh đồng ngập nước, rộng khoảng 1800 thước. Mặc dù những khó khăn, các đơn vị bộ binh địch, bọn "Cờ-Vàng" ở phía cực trái vẫn tiến tới ; nhưng bị quân ta và quân Cờ-Đen phản công mãnh liệt bằng quân số gấp đôi, nên đến 17 giờ 00, quân Pháp phải bỏ chạy hết về phía Cầu-Giấy.

Đêm 15 rạng ngày 16/8/1883, trời mưa như trút.

Cánh phải, mãi tới 17 giờ 30 chiều mới vào được chùa Trèm, chùa này đã được quân ta rút lui từ bao giờ, và cũng đến lúc này, cánh này mới được tin tức của các cánh bạn. Vì đê vỡ nước dâng mỗi phút mỗi cao, nên Bichot lo ngại và phải trì hoãn cuộc truy kích quân ta và quân Cờ Đen rút đi nhiều ngả.

Đến 21 giờ tại chùa Trèm, nước đã dâng lên một thước. Sáng hôm sau (16/8/1883), một đoạn đê ở phía dưới chùa bị vỡ, nước tràn ngập và phút chốc tình trạng lụt lội trở nên nguy hiểm.

Cánh giữa của Thiếu Tá Coronnat, đến 8 giờ 30 ngày hôm sau, 16/8/1883, không còn liên lạc gì được với hai cánh trái cũng như phải, thấy nước mỗi lúc mỗi lên cao, nên phải rút về làng Yên Thái (Bưởi), rồi sau đó về Hà Nội.

Như vậy là cuộc hành quân trong ngày 16/8/1883, chẳng đem lại kết quả như Bouet mong muốn. Cánh quân Revillon bị thất bại; Cánh quân Coronnat chẳng đạt được kết quả khả quan nào; chỉ có cánh quân Bichot là hoàn thành được một phần nhiệm vụ, nhưng lại không khai triển được thắng lợi, vì mất liên lạc với cánh giữa nên không thể có sự yểm trợ hỗ tương được. Sự liên lạc giữa ba cánh quân đã gặp nhiều trở ngại, khác với điều người ta tưởng và chính vì nguyên do này mà cuộc hành quân trở nên thất bại.

Về phía quân ta và Cờ Đen cũng phải rút lui vì lụt lội...

Dầu sao thì trong cuộc hành quân này cũng cho quân Pháp thấy một địch thủ (quân Cờ Đen) được trang bị đầy đủ, có tổ chức, có tinh thần chiến đấu gan dạ, khác với điều Pháp tưởng như những toán quân Việt Nam chưa đánh đã bỏ chạy.

Sau trận nầy, Bouet thấy "khó ăn", đã viện cớ là Harmand đang bận ở mặt trận Trung kỳ, nên đã gởi điện văn về Pháp cho Tổng trưởng Hải Quân và Thuộc địa về cuộc đụng độ với quân Cờ Đen như sau: "Con số địch quân trùng trùng điệp điệp, vũ khí của họ có giá trị không thể phủ nhận được. Vị trí phòng thủ của họ liên tiếp trong nhiều cây số, cấp chỉ-huy của họ rất khá, làm cho tôi phải suy nghĩ và chúng ta phải có một Sư-đoàn với quân-trang, quân-dụng và vũ-khí đầy đủ để mở cuộc hành quân vào tháng mười tới; xin gởi thế nào để cho viện quân có thể tới đây vào giữa tháng (tháng 10). Xin cho luôn pháo binh hạng nặng".

Chính vì bức điện văn nầy mà Harmand bực tức và sự va chạm giữa Bouet và Harmand đã có, ngày trở nên gay gắt.

— Hành quân ở Trung-Kỳ và việc ký kết Hòa ước Quý-Mùi 25-8-1883.

Ngày 16/8/1883, "Hạm đội Bắc-kỳ" cùng các chiến hạm của Sài-Gòn ra tăng cường, đã đến Đà Nẵng. Trong số có chiếc "L'Annamite" (của Sài-Gòn) chở theo 600 quân sỹ thuộc Đại Đội 27 của Đại Úy Monniot và Đại-Đội 31 của Đại Úy Sorin, 100 lính khố đỏ (bọn phản quốc Việt-Nam) của Đại-Úy Radiguet, sĩ quan tùy viên của Thống đốc Nam-Kỳ, 1 pháo đội của Đại-Úy Thủy-quân lục-chiến Luce, và 100 dân phu để khuân vác.

Tổng ủy viên Harmand đi trên soái hạm "Bayard", có Hải-quân Đại-Úy Palasne De Champeaux, người đã từng phụ trách tòa Lãnh sự Huế trong một năm, làm phụ tá, có nhiệm vụ cầm đầu phái đoàn điều đình ngay sau khi mở các cuộc hành quân .

Ngày 17/8/1883, quân Pháp gởi cho ta một tối hậu thơ qua tay Hậu quân Độ thống Lê Sỹ là quan trấn thủ thành Trấn Hải, đòi đầu hàng và nộp mọi đồn ải từ cửa Thuận vào đến Kinh. Nhưng ta chưa trả lời thì...

Sáng ngày 18/8/1883, hạm đội Pháp hướng về Thuận-An, nơi mà vào buổi trưa họ sẽ bỏ neo. Tại đây, Sứ ta (trong đó có ông Nguyễn thành Ý mới bị Pháp trục xuất khỏi Sài-Gòn hồi tháng trước) đã lên tầu và hỏi nguyên nhân sự hiện diện của hạm đội Pháp, Phó Đề-đốc Courbet trả lời rằng ta phải đầu hàng và nộp mọi đồn ải cho quân Pháp trong thời hạn 2 giờ, nếu không quân Pháp sẽ nổ súng. Sứ ta trả lời chưa có lệnh của Triều đình, nên rời tầu Pháp. Đến 16 giờ 30, Pháp bắt đầu pháo kích các đồn của ta... Quân ta cũng bắn chống trả bằng đại bác tối tân (theo thời bấy giờ do quân Pháp trao cho theo hòa ước 1874), nhưng vì chiến hạm Pháp phần nhiều hãy còn ở ngoài tầm súng, nên chỉ có soái hạm "Bayard" và pháo hạm "Vipère" là bị trúng đạn hư hại ít nhiều, nhưng vẫn không bị loại khỏi vòng chiến. Ngược lại đại bác của Pháp lần lượt phá vỡ của ta nhiều thành lũy, đến 20 giờ thì "trận chiến bằng đại bác" của hai bên ngừng hẳn.

Sáng ngày 19/8/1883, quân ta phản công luôn một giờ đồng hồ, nhưng vì sóng to gió lớn việc hành quân phải đình lại. Quân Pháp cũng định đổ bộ rồi lại thôi.

Sang đến ngày 20/8/1883, trận chiến tái diễn bằng cuộc pháo kích dữ dội của quân Pháp vào các vị trí ta. Đến 5 giờ 45, quân Pháp gồm 1050, chia ra 600 Thủy quân lục chiến, Pháo đội của hải quân, Đại Đội khố đỏ, các Đại Đội của chiếc "Bayard", "Atlante" và "Chateau-Renaud", cộng thêm một pháo đội 65 ly, sang xuồng nhỏ, để đến 6 giờ 10, dưới sự yểm trợ của các pháo hạm "Lynx" và "Vipère" bắt đầu đổ bộ, dưới quyền chỉ huy của Hải quân Đại Tá Parrayon. Hải quân Đại Úy Poidloue dẫn đầu các thủy quân của chiếc "Atlante", đánh chiếm được đồn phía bắc, thu được nhiều đại bác quanh đồn nầy. Lấy xong đồn phía bắc, quân Pháp bắt đầu tập trung lực lượng, để đánh vào đồn chính. Pháo đội 65 ly, dưới quyền chỉ huy của Amelot thuộc chiếc "Bayard" bắt đầu pháo kích vào đồn. Quân ta kháng cự rất mãnh liệt, nhưng vì bị thiệt hại nặng nên phải rút lui. Đến 9 giờ 5 phút, thì cờ Pháp đã phất phới trên kỳ đài của đồn chính. Đến chiều tiếng súng của ta tắt dần và các đồn còn lại đều bị chiếm.

Ngày 21/8/1883, quan thượng bạc Nguyễn trọng Hợp được cử ra cửa Thuận để xin đình chiến, có giám mục Gaspar làm thông ngôn. Cuộc đình chiến chỉ được dự trù 48 giờ với điều kiện:

- Phải phá hủy các cản, cừ v.v...trên sông Hương.

- Mang nộp hai chiến hạm "Scorpion" và "D'Entrecasteaux" còn lại trong số các chiến hạm Pháp trao cho theo hòa ước 1874.

- Triều đình Huế phải cho triệt binh, phá hủy hết đạn dược, lương thực, trong 12 đồn từ cửa Thuận vào đến Huế.

Quan Thượng bạc Nguyễn trọng Hợp chấp nhận ngay (còn gì nữa mà không chấp nhận ?). Hôm sau, ngày 22/8/1883, Harmand đã cùng Hải quân Đại Úy De Champeaux, viên Khâm sứ tại Huế sau này, đã dùng xuồng của chiếc "Bayard" với một số sĩ quan tham mưu ngược dòng sông Hương rồi vào tòa lãnh sự Pháp ở Huế (đã vắng chủ gần nửa năm). Tại đây Tổng ủy viên Pháp đưa cho Quan Thượng bạc một tối hậu thư nói rõ các vi phạm trầm trọng thỏa ước, mà triều đình Huế đã ký với Pháp như sau:

- Triều đình Huế đã gây ra những vụ nổi loạn liên miên ở Nam Kỳ.

- Không phân định rõ ranh giới giữa đất thuộc Pháp (Nam kỳ) và đất còn lại thuộc triều đình Huế.

- Làm ngưng trệ các cuộc giao thông trên sông Hồng Hà.

- Kêu gọi và nuôi dưỡng quân Cờ Đen ở Bắc Kỳ.

- Nhục mạ kiều dân và lãnh sự Pháp ở Bắc Kỳ.

- Vận động vương quốc Xiêm, nhất là với Thanh triều để làm hại quyền lợi của Pháp.

Cuối thơ Pháp không quên hăm dọa triều đình Huế và viết như sau: "các ông chỉ có hai điều để quyết định: Hòa hay chiến. Nếu các ông lựa chiến tranh thì chiến tranh sẽ đưa các ông đến chỗ đổ vỡ hoàn toàn. Còn các ông muốn hòa bình thì chúng tôi sẵn sàng nhượng bộ các ông, theo các điều kiện chính dưới đây: Chúng tôi không muốn chiếm cứ nước các ông, nhưng các ông phải nhận cuộc bảo hộ của chúng tôi. Cuộc bảo hộ nầy sẽ bảo đảm an ninh, hòa bình và thịnh vượng cho dân tộc Việt Nam và sự kiện đó cũng đem lại cái may độc nhất để triều đình các ông có thể tồn tại được.

Sau đây là các điều kiện chính yếu của chúng tôi:

- Nhượng Bình Thuận cho Nam Kỳ để trả nợ cũ.

- Kiều dân Pháp có quyền lưu trú trong bất cứ thị trấn nào xét ra cần thiết.

- Nhà cầm quyền sẽ kiểm soát lợi tức của sở thương chánh và thâu các sắc thuế...

Kèm theo bức tối hậu thơ là bản dự thảo một hòa ước gồm 27 khoản và Harmand hẹn cho triều đình Huế phải trả lời trong vòng 24 giờ.

Hiệp Hòa và nội bọn rất run sợ cho ngai vàng, muốn nhận chính sách bảo hộ cho yên (vì vậy ông bị phe quyết chiến là Nguyễn văn Tường và Tôn thất thuyết... bức tử về sau nầy), nên vội cử ông Trần đình Túc làm Chánh sứ toàn quyền, ra điều đình với Pháp suốt ngày 24/8/1883, rồi ngày hôm sau 25/8/1883, ký với Harmand thỏa ước dưới đây, được gọi là Hòa ước Qúy-Mùi hay Harmand cũng vậy :

1- Nước Nam nhận và chịu sự bảo hộ của nước Pháp với cái kết qủa của sự đối đãi theo luật pháp ngoại giao Âu Châu, nghĩa là nước Pháp chủ trương mọi sự giao thiệp của Nước Nam với các nước ngoài, kể cả nước Tàu, và nước Nam có giao thiệp về ngoại giao với nước nào thì chỉ do một mình nước Pháp môi giới mà thôi.

2-Tỉnh Bình-Thuận từ nay sát nhập vào Nam kỳ thuộc Pháp.

3- Nước Pháp được quyền đóng quân ở dãy núi Đèo Ngang từ nơi nầy ra đến Vũng Chùa; Quân đội Pháp cũng được đồn trú thường xuyên từ cửa Thuận An vào đến kinh thành Huế, dọc bờ sông Hương, tại các đồn tùy theo ý kiến trúc của nhà cầm quyền Pháp.

4- Nam triều phải gọi hết quân đội đã đem ra Bắc kỳ để thực hiện hòa bình.

5- Nam triều phải ra lệnh cho các quan lại ở Bắc kỳ trở về nhiệm sở, bổ quan vào chỗ

khuyết, tạm thời công nhận những sự bổ nhiệm của nhà cầm quyền Pháp sau khi hai bên đã thỏa hiệp.

6- Chánh quyền Đại Nam, từ ranh giới tỉnh Bình Thuận đến ranh giới Bắc kỳ, lấy Đèo Ngang làm giới hạn, sẽ tự cai trị lấy như cũ, không có sự kiểm soát của nước Pháp, ngoại trừ việc thương chánh, công chánh và đại để những việc cần một sự chủ trương hợp nhất và tư năng của những kỹ thuật gia Âu châu.

7- Trong giới hạn trên đây, Nam triều sẽ mở cho các nước đến buôn bán ngoài hải cảng Qui nhơn, Đà nẵng, Xuân Đài. Sau nầy nếu cần sẽ mở thêm các thương cảng khác để có lợi cho cả hai nước, và cũng sẽ định giới hạn cho những đất nhượng cho người Pháp ở những cửa đã mở.

8- Nước Pháp, có thể dựng một hải đăng ở mũi Varella hoặc ở mũi Padaran hay Poulo-Céeir tùy theo ý kiến của các sĩ quan và kỹ sư Pháp.

9- Hai Chánh phủ Việt Pháp sẽ thỏa hiệp và chịu chung phí tổn sửa con đường lớn từ Hà-Nội đến Sài-Gòn, để cho các loại xe cộ đi lại được. Nước Pháp sẽ cấp các kỹ sư để làm cầu cống và các hầm để cho xe đi qua.

10- Trên đại lộ nầy , sẽ đặt một đường dây điện thoại do người Pháp khai trương. Một phần thuế sẽ giao cho chính phủ nước Nam do sự nhượng các đất đai để làm các trạm.

11- Tại Huế sẽ có một Khâm sứ là đại diện chánh phủ bảo hộ, hầu trông nom việc thi hành hiệp ước và giao dịch với Nam triều. Ông nầy thuộc vào hàng cao cấp dưới quyền Tổng ủy viên cộng hòa Pháp quốc, Ông sẽ không can thiệp vào việc nội bộ của triều đình Huế. Tổng ủy viên Pháp chủ trương việc ngoại giao cho nước Nam và có thể ủy giao uy quyền hoặc một phần uy quyền, hoặc tất cả cho Khâm sứ Pháp ở Huế.

Khâm sứ Pháp có quyền diện yết Hoàng đế Việt Nam. Nếu có lý do chính đáng thì nhà vua không thể không tiếp kiến được.

12- Ở Bắc kỳ sẽ có một Trú sứ ở Hà-nội (sau nầy gọi là Thống sứ), một Trú sứ ở Hải phòng và mỗi tỉnh ở miền duyên hải một người. sẽ lập ngay, và ngoài ra mỗi tỉnh lớn cũng sẽ có Trú sứ. Sau nầy nếu xét thấy cần, ở mỗi tỉnh nhỏ cũng sẽ đặt những quan chức Pháp khác, dưới quyền Trú sứ tỉnh lớn, mà tỉnh nhỏ ấy phụ thuộc, theo khu vực hành chánh trong nước.

13- Các quan Trú sứ và Phó Trú sứ sẽ có một số cộng sự viên cần thiết cho họ và một toán lính hoặc Pháp hoặc bản xứ để gìn giữ về mặt an ninh.

14- Các quan Trú sứ sẽ không dự vào chi tiết các việc nội bộ của các tỉnh, nhưng có quyền kiểm soát quan Việt-Nam các hạng và có thể thuyên chuyển những ai có những thái độ hay hành động không tốt với các quan chức Pháp.

15- Các quan lại, các viên chức Pháp thuộc các sở như Bưu Điện, Công Khố, Thương Chánh, Công Chánh, Học Chánh nếu cần giao dịch về công vụ với các nhà cầm quyền Việt-Nam phải do các Trú sứ chuyển đạt.

16- Các quan Trú sứ có quyền xử các vụ kiện cáo về dân sự, về hình và hộ của người Âu Châu tương tranh với người Á Châu ngoại quốc hưởng sự bảo hộ của nước Pháp. Nếu họ muốn kháng án thì đệ đơn khiếu nại về Sài-Gòn.

17- Ở các nơi quy tụ thành phố, các quan Trú sứ kiểm soát việc tuần phòng của quan Việt Nam và thành phố mở rộng ra đến đâu thì quyền kiểm soát sẽ nới ra đến đó.

18- Các Trú sứ, có Bố chánh giúp để thông quy thuế khóa, săn sóc việc thu hoạch và xử dụng.

19- Việc thương chánh phải sắp đặt lại và hoàn toàn thuộc quyền quan cai trị Pháp. Nếu việc thương chánh do các sĩ quan quân đội ở Bắc kỳ ấn định phương pháp thì không được kêu nài gì hết.

20- Các công dân Pháp, hay những người có quốc tịch Pháp, đều có quyền đi lại, cư trú và có tài sản trên đất nước của Hoàng đế nước Nam, những người ngoại quốc xin hưởng sự bảo hộ vĩnh viễn, hoặc tạm thời của người Pháp cũng được đãi ngộ như vậy.

21- Những người vì lý do khoa học hay lý do khác muốn du lịch trong nước Việt Nam chỉ được phép do Khâm sứ Pháp ở Huế, Thống đốc Nam kỳ hay Tổng uỷ viên của chánh phủ Pháp ở Bắc kỳ làm môi giới xin cho mà thôi, khi họ được giấy phép thì phải trình lên chính phủ Việt Nam kiểm nhận.

22- Nước Pháp sẽ lập các đồn binh dọc theo sông Hồng Hà trong suốt thời gian xét cần có sự đề phòng cho sự lưu thông tự do trên con sông ấy. Nước Pháp cũng có thể lập đồn lũy vĩnh viễn ở những nơi nào xét ra cần thiết.

23- Từ nay về sau, nước Pháp phải bảo đảm cho sự toàn vẹn của Quốc-Gia Việt-Nam gìn giữ các xứ Việt Nam (Trung, Nam, Bắc) khỏi mọi cuộc xâm lăng bên ngoài và Cách Mạng bên trong.

Nước Pháp tự đảm đương lấy việc đánh đuổi quân Cờ-Đen và bảo vệ an ninh trên sông Hồng-Hà.

Hoàng-Đế Việt-Nam tiếp tục cai trị nước Việt Nam như xưa, trừ những hạn chế do hiệp ước nầy nêu ra.

24- Nước Pháp chịu cung cấp cho vua Việt Nam những huấn luyện viên, các kỹ sư, các nhà bác học, các sĩ quan v.v... mà nhà vua sẽ cần đến.

25-Nước Pháp sẽ coi người Việt Nam ở khắp nơi như là những người được bảo hộ chân chính của mình.

26- Món nợ mà Việt-Nam còn thiếu của Pháp được coi như đã thanh toán xong, vì Việt Nam đã nhượng Bình Thuận cho Pháp.

27- Sẽ có những cuộc thảo luận để trình số tiền giao cho chính phủ Việt-Nam trong số quan thuế và điện tín vv... Quan thuế ở Bắc kỳ và thuế về những cuộc chuyển mại độc quyền, cuộc kỹ-nghệ sẽ cho phép thiết lập. Số tiền trích giao ở số thuế thu được không được dưới hai triệu quan. Đồng bạc (Piastre Mexicaine) và tiền tệ bằng bạc của xứ Nam-Kỳ sẽ cùng tiền tệ của Việt-Nam được cưỡng bách lưu hành đồng thời khắp nước.

Bản hòa ước được đem về cho Tổng Thống Pháp và Hoàng-Đế Việt-Nam chuẩn y rồi sẽ hỗ giao càng sớm càng hay.

3.— Quan chức Việt-Nam không chịu phục tùng Hòa-ước.

Tại Bắc Kỳ: Tuy Hòa-ước được ký kết, song việc thi hành thực là khó khăn nhất là tại Bắc-Kỳ. Ngay sau khi Triều Đình Huế cử quan Lại bộ Thượng Thư là Nguyễn Trọng Hợp cùng với Harmand ra Bắc để ra lệnh bãi quân thứ các nơi và hiểu thị cho nhân dân. Các quan có nhiều người không chịu, nạp ấn trả Triều Đình, rồi đi chiêu mộ Nghĩa-Quân liên kết quân Tàu để tổ chức cuộc kháng chiến. Ngoài Hoàng-Kế-Viêm còn có các ông Nguyễn Thiện-Thuật, Tạ Hiện, Trưởng Quang Đản vv... nhất quyết không phụng chỉ của Triều Đình. Tình trạng ở Bắc Kỳ lúc nầy rối ren vô cùng.

Tại Trung Kỳ: Như trên đã nói, Hiệp-Hòa chỉ muốn ngồi yên để hưởng phú quý. Đã thế ông lại còn có những hành động tham nhũng và phản quốc nữa: Lợi dụng ở ngôi báu ông ra sức vơ vét công quỹ để mua vàng sắm bạc cho vợ con, phòng hờ về sau nầy..., Và bí mật liên lạc với Khâm Sứ Champeaux để nhờ sự che chở và mượn tay Pháp trừ hai ông Tôn Thất-Thuyết và Nguyễn Văn Tường... là những người quyết chiến, nên ông bị buộc "Tự chọn cái chết" vào ngày 30/11/1883.

Trong khoảng thời gian nầy không khí khủng bố bao trùm cả kinh thành Huế. Một số người trong Hoàng Tộc và Giáo Dân bị mất tinh thần. Có người đã chạy đi tìm sự bảo vệ của người Pháp. Và nội đêm 30/11/1883, hai ông Tường và Thuyết lo lập con nuôi thứ ba của Vua Tự Đức là Dưỡng Thiện lên làm Vua lúc 15 tuổi, trong khi đáng lẽ phải lập Chánh Mông là người lớn tuổi hơn. Nhưng đối với hai ông Tường và Thuyết chỉ cần có một ông vua bù nhìn, còn bao nhiêu do các ông định đoạt lấy cả. Rồi các ông vội vã làm lễ tấn tôn Dưỡng Thiện vào lúc 5 giờ sáng ngày 02 - 12 - 1883, lấy hiệu là Kiến-Phúc để tránh sự can thiệp của Pháp. Nhưng mấy tiếng đồng hồ sau De Champeaux cũng biết và cực lực phản đối ta vi phạm thỏa ước và nhất là không mời ông ta đến dự lễ tấn tôn...

Sau khi Kiến-Phúc lên ngôi, ông Tôn Thất Thuyết liền mật lệnh cho quân Đoàn Kiết (1) và các địa phương tàn sát bọn Việt-gian phản quốc, (trong số có cả một số Linh-Mục làm việc trong các Bộ Tham-Mưu và cố vấn trong hàng ngũ quân đội Viễn-Chinh) và một số giáo dân đi lính cho Pháp, tiếp tế cho Pháp, làm gián điệp cho Pháp... Ông Tường thấy việc chuẩn bị chưa được đầy đủ nên cản ông Thuyết hoãn lại ít lâu. Nhưng lệnh đã ban ra chưa thu lại được nên nhiều làng ở phía Nam Tỉnh Thừa-Thiên và Thanh-Hóa máu bị đổ một cách thê thảm và các giáo đường và tu viện bị phá sạch...

Việc xảy ra khiến De Champeaux hoảng sợ, phải mang 100 quân sĩ đang đóng ở cửa Thuận đến để bảo vệ sứ quán. Tình trạng này căng thẳng cho đến khi quân ta ở mặt trận Bắc-Kỳ bị bại trận mới lắng dịu (Thành Sơn-Tây bị hạ ngày 17/12/1883, và ông Hoàng-Kế-Viêm bị thua trận).

Một toán lính Cờ-Vàng

4.– Chiến tranh tiếp diễn ở miền Bắc.

TRẬN ĐỒN PHÙNG.

Sau trận Nhuệ Giang và các làng Vọng (xin xem phần trên) quân Cờ Đen rút về phía sông Hát (sông Đáy).

Trung Tướng Bouet quyết định tấn công vào quân Cờ Đen tại đây (Sông Hát) "để cho dân chúng Bắc Kỳ thấy rằng trận chiến trước đây ở Sông Nhuệ Giang và các làng Vọng, quân Cờ Đen và quân ta thua quân Pháp, chớ không phải vì lụt lội mà quân Cờ Đen phải lui như người ta thường đồn đại."

Trước khi mở màn tấn công, Bouet đã cho các chiến hạm đi tuần thám tại Giầy (28/8/1883), tại Ba Giang ngày 31/8/1883, để xác định rõ các vị trí quân ta và Cờ Đen ở Sầu, Gia và ở tả ngạn sông Hát (sông Đáy).

Ngày 1/9/1883, vào lúc 7 giờ sáng quân Pháp chia làm hai cánh nhắm vào đồn Phùng:

Cánh thứ nhứt gọi là cánh bảo vệ sườn trái, gồm hai đại đội lính Khố Đỏ (bọn Việt gian phản quốc) và phụ lực quân Bắc Kỳ, tiến theo một con đường ở giữa đồng ruộng.

Cánh thứ hai là nỗ lực chính, tiến trên con đê, có một đội tiền phong gồm có một đại đội lính Khố đỏ, một trung đội Công Binh, hai Đại Đội Thủy quân Lục Chiến và một trung đội Pháo Binh dẫn đầu, và lực lượng chủ lực có: Tiểu Đoàn 1 gồm có đại đội 26 và 27 thuộc Trung Đoàn 1 Thủy quân Lục chiến và hai đại đội lính Khố Đỏ, dưới quyền chỉ huy của Thiếu Tá TQLC BERGER.

Tiểu Đoàn 2 gồm có: Đại đội 26, 25 và 27 thuộc Trung Đoàn 4 Thủy quân Lục Chiến, một Đại Đội lính Khố Đỏ dưới quyền chỉ huy của Thiếu Tá Thủy quân Lục Chiến ROUX; 6 khẩu đại bác, một trung đội Công Binh, một toán tải thương; tổng cộng 1.200 người với 600 lính "Cờ Vàng" (do Bouet giao cho Georges Vlavianos tổ chức).

---

(1) Một lực-lượng do ông Thuyết lập ra để diệt bọn phản quốc, do Ưng-Chuyên (hay Hầu-Chuyên cũng vậy) chỉ huy.

Đến 8 giờ thì đội tiền phong gặp quân ta và quân Cờ Đen. Hai bên cùng khai hỏa. Về phía bên phải (của quân ta) quân ta và quân Cờ Đen bố trí ở ven các làng Sâu và Gia (tức là làng Dương-Liễu và Yên-Sở); ở giữa quân ta và quân Cờ Đen bố trí dọc theo ven làng Phùng và dùng một con đê cũ làm tuyến đầu, chạy từ làng Thượng Mỗ qua một con đê lớn đến một giẫy đình chùa ở ven phía Bắc làng này; ở bên trái quân ta và quân Cờ Đen dùng hai làng Cổ Ngõa thượng và hạ làm điểm tựa sau các lũy tre xanh dầy đặc, lấn sau con đê về phía Bắc gần Cổ Ngõa hạ và "chùa Bụt". Trên con đê ở khoảng Cổ Ngõa thượng, quân ta và Cờ Đen có đắp một phòng tuyến có lỗ châu mai để nhắm bắn vào quân Pháp và một pháo đài bằng đất cùng với hai khẩu đại bác ở giữa và bên trái có thể bắn chéo để chặn quân Pháp lợi dụng con đê để tiến lên. Tuyến đầu này là một tuyến ẩn vòng về phía trước và ở phía sau có nhiều điểm tựa khó nhận ra; Ở phía Bắc con đê giữa làng Thượng Mỗ và Cổ Ngõa thượng và ở phía nam là đồng lầy và ruộng ngập nước.

Với một trận thế như thế, tất nhiên quân Pháp phải tấn công quân ta và Cờ Đen vào khoảng giữa và về phía phải của chúng, để có thể tiến quân dọc theo đường đê. Đến 9 giờ đại đội 2 Khố Đỏ tiến theo ven phía tây làng Thượng Mỗ, trong khi quân Cờ Vàng với sự yểm trợ của đại đội 25 thuộc Trung Đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến đánh vào phía bên trái.

Về phía Thiếu Tá Berger nhận được lệnh chiếm ngôi chùa ở giữa (ngày nay không còn dấu vết gì) và từ đây tung ra đại đội 26 thuộc Trung Đoàn 2 Thủy Quân Lục Chiến về phía phải, dàn quân theo đội hình mũi dùi, xuyên qua con đê lớn. Nếu cánh quân này khống chế được một phần con đê lớn, khoảng giữa Cổ Ngõa hạ và chùa Bụt thì chắc chắn cuộc hành quân sẽ thành công trong ngày. Đại đội 27 của Thủy Quân Lục Chiến sẽ yểm trợ cho cánh quân này.

Đứng trước chiến thuật này của quân Pháp, quân ta và Cờ Đen bắt đầu rút lui khỏi con đê cũ và rút về phía ven làng Phùng. Nhưng bị bọn Cờ Vàng có đại đội 25 của Trung Đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến trợ lực, dồn ép nên phải rút lui. Mặc dù vậy, quân Pháp không thể lợi dụng để tiến quân được bởi vì nước ngập đến nỗi quân Pháp phải dơ súng lên cao để khỏi bị ướt, và hơn thế nữa vào buổi trưa trời qúa nóng nên không làm gì được. Thiếu Tá Berger chỉ còn cách bìa làng Cổ Ngõa hạ có 150 thước, nhưng không sao thanh toán được làng này phải kêu viện binh. Bộ chỉ huy hành quân bèn gởi cho Berger đại đội 26 thuộc Trung đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến và trung đội pháo binh được kéo theo đến chỗ queo, cách xa ven làng phải chiếm có khoảng trăm thước. Sau khi được tăng cường, quân Pháp mở đợt tấn công cuối cùng vào làng, quân ta và quân Cờ Đen kháng cự mãnh liệt và thương chết tại vị trí chớ không chịu rút lui nữa.

Sau khi thanh toán xong làng Cổ Ngõa hạ, quân Pháp vì qúa mệt mỏi nên phải đóng quân đêm tại làng này và trải qua một đêm mưa như trút tại đấy.

Hôm sau (2/9/1883), mặc dù quân ta và Cờ Đen đã rút lui, nếu quân Pháp truy kích thì họ có thể thắng thêm, nhưng vì trời nắng, nước lụt nên Bouet phải ra lệnh ngưng tiến.

Ngày 3/9/1883, quân Pháp qua Ba Giang để lên tầu về Hà-Nội, sau khi đã xây một đồn quân tại đây.

Cũng như các trận trước, quân ta và Cờ Đen được quân Pháp kiêng nể và công nhận là rất qủa cảm, các vị trí được xây dựng rất vững chắc, súng ống khá tối tân, đạn dược dồi dào, nhưng chỉ vì thiếu đại bác nên bị thua. Nếu quân Pháp không có dồi dào phương tiện, quân lính và với trí kiên nhẫn thì chưa dễ thắng được. Đứng trước tình trạng này, Trung Tướng Bouet đánh điện yêu cầu Tổng Ủy Viên Harmand chuyển về Pháp nhắc lại việc xin viện binh cùng quân nhu khí giới, đã xin sau trận đánh ngày 15 và 16/8/1883. Nhưng Harmand không đồng ý với Bouet về vấn đề này. Bouet bất mãn đánh điện về Pháp xin nghỉ. Lời yêu cầu được chấp thuận và ngày 22/9/1883, Bouet xuống tầu về Pháp, sau khi đã tạm giao chức vụ Tổng chỉ huy cho Đại Tá Bichot có Trung Tá De Badens làm Tham Mưu Trưởng.

Một điều đáng nhấn mạnh là sự bất hòa giữa Harmand và Bouet đã âm ỷ từ lâu, do ở cái chỗ không có "huấn lệnh" rõ ràng cho hai người này; mặc dầu trong quyết định bổ nhiệm có nói rõ là sẽ có những huấn lệnh đặc biệt về

nhiệm vụ của từng người. Cho nên luôn luôn có những sự va chạm nhỏ xảy ra hàng ngày, nhất là trong trận Phùng, Harmand thì muốn tiến quân ngay, trong khi Bouet liệu sức mình không thể thắng nổi, nếu không có viện quân... lại nữa vì trong cuộc tấn công vào hai làng Thượng Mỗ và Hạ Mỗ, bọn "Cờ Vàng", (sản phẩm của Pháp đã nói trên) đã giết chóc, hãm hiếp đàn bà con gái, đốt phá, hết sức dã man, nên Harmand ra lệnh giải tán đám "cướp" này - Đám "cướp" này khi bị giải tán, một số ở lại Hà Nội, số khác lại chạy theo quân Cờ Đen (!) để chống Pháp. Do đó việc phải đến đã đến và Bouet phải rời chức vụ.

Sau khi Bouet về Pháp thì tình hình của Pháp ở Bắc Kỳ không lấy gì làm sáng sủa cho lắm. Các Đại Thần mà Huế gởi ra Bắc cùng với Harmand không đủ uy tín để hiểu dụ dân chúng Bắc Kỳ tuân hành Hòa Ước Qúy Mùi. Thực ra những người này còn làm gì khác được trước lòng yêu nước của nhân dân trước gông cùm của Pháp sắp dáng lên đầu họ ? Hoàng Kế Viêm Tổng Thống quân vụ, linh hồn của cuộc kháng chiến Việt Nam lúc bấy giờ đang cùng với quân Cờ Đen và quân Tàu (quân nhà Thanh) ra sức phòng bị Sơn Tây đã đến nỗi nào phải bỏ cuộc kháng chiến qúa sớm trong khi sỹ dân Bắc Hà còn đặt nhiều kỳ vọng vào ông ta ? Về phía nhà Thanh cũng ra mặt phủ nhận Hòa ước Qúy-Mùi cũng như việc Việt Nam ký thăng Hòa ước với Pháp, trong khi liên lạc ngoại giao Hoa Việt tới giờ phút đó vẫn chưa gián đoạn. Rồi Thanh triều gởi viện binh đến tăng cường cho mặt trận Bắc Ninh, Sơn Tây và Hưng Hóa. Đêm ngày quân ta, Cờ Đen và Tàu vẫn tích cực phục kích, đột kích vào các vị trí Pháp làm cho quân cướp nước luôn luôn sống trong tình trạng căng thẳng lo sợ. Tuy vậy quân Pháp cũng vẫn phải khoa trương thanh thế và tỏ rõ sự quyết tâm chiếm xứ Bắc Kỳ và làm các công việc cần thiết trong việc bình định: cho các pháo hạm tuần tiễu trên các sông ngòi, đánh dẹp giặc cướp, kiểm soát tỉnh Quảng Yên và các kho quân nhu vũ khí ở Hải Phòng (quân Pháp bị quân ta đốt một kho quân nhu ở Hải Phòng trong dịp này), đồng thời Trung Tá Badens chiếm Ninh Bình và thiết lập một đồn quân ở đấy.

Ngày 27/10/1883, chính phủ Pháp cử Phó Đề Đốc Courbet làm Tổng Chỉ Huy Quân Đội Viễn Chinh Pháp ở Việt Nam với nhiệm vụ rõ ràng hơn người tiền nhiệm (là Bouet) và dưới quyền trực tiếp của Tổng Trưởng thuộc địa. Nhận quyền , Courbet ban bố ngay tình trạng khẩn trương và lên Hà Nội cùng với Tham Mưu Trưởng là Hải Quân Đại Tá De Maigret, các tùy viên là Hải Quân Đại Úy Ravel và De Jonquières và 600 Thủy quân. Trong thời gian này, tình trạng Bắc Kỳ thật là hỗn loạn. Nhiều làng công giáo cách xa Hải Phòng chẳng bao nhiêu, vì tiếp tay với quân cướp nước, nên bị kháng chiến quân cướp phá và tàn sát. Mùa màng bị bỏ không làm được. Ở Hải Dương Pháp vừa đặt chức Công Sứ, được Nam Định gởi lên 30 hương binh để bảo vệ, liền bị một số người võ trang gươm giáo giết sạch. Ngày 13/4/1883, khoảng 400 quân sỹ ta và Tàu, dưới quyền chỉ huy của Đại Tướng Tàu Hoàng quế Lan đồn trú tại Bắc Ninh, đã tấn công vào Hải Dương để đánh phá thành phố này và để lại tại đây một đội tiền vệ dưới quyền của Đại Tướng Đường Cảnh Tùng.

Vài ngày sau quân Pháp ở Hải Phòng gởi chiếc xà lúp số 7 đến Hải Dương để xem xét tình hình, vừa ra khỏi Hải-Phòng được 45 phút thì bị cả ngàn người võ trang cầm cờ đỏ tấn công. Hai xuồng võ trang của ta chặn chiếc xà lúp của Pháp lại. Rồi đến chiếc "Kuri-Maru" do Đại Úy Pitmann chỉ huy trên có 8 Thủy Quân Lục Chiến hộ tống, chở đồ tiếp tế, cũng bị chặn lại và tầu này đón được một giáo sỹ Tây Ban Nha cùng với một số người chạy theo Pháp bằng xuồng hay bằng bè... Ở đây chỗ nào Pháp quân cũng bị chặn đón phục kích vv... nên mất tinh thần, hoạt động bị co rút... Quân ta và Cờ Đen thừa thắng tiến tới, nhiều lần tấn công vào thành Hải Dương giữa ban ngày. Ngày 17/11/1883, lúc 17 giờ chiều 1.500 quân ta và Cờ Đen đã tấn công và cô lập quân Pháp đóng ở tiền đồn và trong thành; Ở trong thành quân Pháp có một trung đội Thủy quân Lục chiến, một trung đội phụ lực quân Bắc Kỳ và một phân đội khố đỏ, tổng cộng 82 người, dưới quyền của Thượng Sĩ Thủy quân Lục chiến Gesghwind; vì bị áp lực của quân ta và Cờ Đen đã phải thu nhỏ vị trí phòng thủ vào một góc thành, sáng ra quân sỹ Pháp đã thất hồn khi thấy trong thành tràn ngập cờ đỏ do quân ta và Cờ Đen cắm. Đại Úy Bertin chỉ huy tiền đồn mặc dù có sự yểm trợ của hai Pháo hạm "Carabine" và "Lynx" đã qúa chật vật mới cứu nguy được quân trong thành của Thượng sĩ TQLC Geshwind. Ngày 19/11/1883,

Hải quân Đại Tá Beaumont mới mang quân giải tỏa áp lực của quân ta và Cờ Đen rồi sau đó ở lại trấn giữ thành Hải Dương luôn. Trong trận tấn công vào Hải Dương, quân ta và Cờ Đen đã dùng hỏa tiễn để bắn vào quân Pháp. Hỏa tiễn này gồm có ba phần chính: phần đầu là một khúc tre đực, đầu bằng sắt nhọn có tẩm thuốc độc, có cánh bằng vải ở chỗ tiếp nối với phần giữa; phần giữa chứa chất dễ bắt lửa có một tim cháy chậm để dẫn lửa vào và phần đuôi chứa thuốc đẩy. Khi bắn, người ta xếp cánh bằng vải lại, cho vào trong nòng súng; rồi đốt tim cháy chậm và châm ngòi cho thuốc đẩy cháy, đẩy hỏa tiễn đi. Nếu hỏa tiễn trúng người nào thì, người đó khó tránh khỏi tử thần, ngược lại trúng vào nhà cửa vv... thì tim cháy chậm sẽ dẫn lửa vào chất dễ bắt lửa , chất này bùng cháy làm cháy nhà cửa vv... (tất nhiên nếu hỏa tiễn trúng vào người thì ngoài việc chết vì đầu tên tẩm thuốc độc đương sự lại còn có thể bị chết cháy do ở cái chỗ chất dễ cháy nữa).

Trước hoạt động ngày càng gia tăng của ta và Cờ Đen, ngày 22/11/1883,Phó Đề-Đốc Courbet đã thông báo cho Tổng ủy viên Harmand rằng áp lực của ta và Cờ Đen đã đè nặng lên các thành Hà Nội, Nam Định, Ninh Bình, Hải Dương, Quảng Yên nên ông ta thấy cần phải ban bố tình trạng khẩn trương chiếu theo điều 230 của nghị định ngày 13/10/1883. Và do đó mọi hoạt động cai trị như thương chánh, hải cảng, công binh vv... đều được đặt dưới quyền chỉ huy của Courbet. Rồi mặt khác, ông lại đánh điện về Pháp xin viện binh.

Về phần Harmand vì thấy phía quân sự có vẻ "lên nước" nên rất bực tức và đánh điện về Pháp xin từ chức ngày 1/12/1883.

TRẬN PHÚ XÁ VÀ SƠN TÂY

Ngày 3-12-1883, viện quân từ Pháp tới. Toán quân này gồm một tiểu đoàn Thủy quân, một Trung đoàn Bộ-Binh Dã-Chiến (2 tiểu đoàn Algérie và một tiểu đoàn Lê-Dương) đổ bộ xuống vịnh Hạ-Long cùng với hai đại đội Thủy Quân Lục-Chiến dưới quyền chỉ huy của Thiếu Tá TQLC Berteaux - Levilain từ Saigon tới. Tuy vậy Courbet vẫn cho rằng chưa mạnh đủ và lại đánh điện về bộ Hải-Quân thuộc địa xin thêm viện quân nữa .

Lúc này quân Pháp ở Bắc Kỳ đã có vào khoảng 8000 người, Courbet quyết định một cuộc hành quân lớn đánh vào Sơn Tây.

Tin tức về tỉnh lỵ Sơn Tây rất hiếm và mù mờ, chỉ có tin do các pháo hạm thám sát về báo cáo là xác thực hơn cả; tất cả (các Pháo hạm) đều báo cáo là Sơn Tây được phòng thủ rất là cẩn thận với rất nhiều đại bác. Quân Pháp biết rằng tại đây có tới trên 12.000 quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc và quân Tàu bố trí ở vòng ngoài, trong khi quân ta của ông Hoàng Kế Viêm trấn giữ bên trong, ngoài ra quân Pháp lại còn được tin tại Phú Xá cách Sơn Tây khoảng hai cây số quân ta có nhờ một số kỹ sư Âu Châu tổ chức điểm tựa tại đây.(Về sau khi đánh xong Phú Xá tin này được xác nhận là đúng.) Như vậy là tại đây quân ta, Tàu và Cờ Đen có hai chiến lũy : một có tính cách chiến lược (cố định lâu dài) và một có tính cách chiến thuật (tạm thời). Trong thành có một đài quan sát cao 18 thước; rồi một vòng đai bao quanh lấy thành theo hình ngũ giác, với hào đầy nước và có trồng tre ở bên ngoài; ấy là chưa kể đến những công sự khác ở ngoài thành phố. Quân Cờ Đen và Tàu đã tổ chức rất nhiều công sự phòng thủ chung quanh Phú Xá và trên các con đê từ phía đông chạy lại...



Phó Đề-Đốc COURBET

Phó Đề Đốc Courbet liền ra lệnh tổ chức lực lượng như sau (thành hai cánh):

Cánh trái do Trung Tá Berlin chỉ huy gồm có: 2 tiểu đoàn Algérie của các Thiếu Tá Jouneau và Le Tellier, một tiểu đoàn Lê dương của Thiếu Tá Donnier, một tiểu đoàn của Trung đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến của Thiếu Tá Roux, một đại đội Khố Đỏ và 700 phụ lực quân Bắc Kỳ của Thiếu Tá Berteaux-Levilain, 3 pháo đội do ngựa kéo của Thủy-Quân Lục-Chiến và hai trung đội Công Binh của Đại Úy Dupommier. Tổng cộng lên tới 3.300 người, quân trang được các chiến hạm chở theo.

Cánh phải do Đại Tá Bichot chỉ huy gồm có: một tiểu đoàn thuộc trung đoàn 1 Thủy Quân Lục Chiến của Thiếu Tá Chevallier, một tiểu đoàn thuộc Trung Đoàn 2 Thủy Quân Lục Chiến của Thiếu Tá Dulieu, và một tiểu đoàn thuộc Trung Đoàn 3 Thủy-Quân Lục-Chiến của Thiếu tá Reygasse. Đi kèm theo 3 tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến này còn có 3 đại đội khố đỏ! Mỗi tiểu đoàn có một đại đội khố đỏ đi theo. Một tiểu đoàn Thủy Quân của Hải Quân Trung Tá Laguerre; hai pháo đội do người kéo của Thủy Quân Lục Chiến, hai pháo đội 65 ly, các phân đội Công Binh, Truyền tin vv... Tổng cộng 2.600 người, trong đó có 2.500 khinh binh.

Ngày 11/12/1883, Courbet ra lệnh tiến quân... Vào hồi 6 giờ sáng, cánh trái của Trung Tá Berlin tiến đến Phùng bằng đường bộ...; cánh phải của Đại Tá Bichot dùng một hạm đội gồm nhiều chiến hạm, xuồng, xà lan v.v... trực chỉ cửa sông Đáy. Courbet và Bộ Tham Mưu đi theo cánh này. Đến 15 giờ 30 thì cánh phải tới địa điểm dự định không gặp trở ngại và bắt đầu đổ bộ xuống chỗ cách xa ngã ba sông Đáy 500 thước. Courbet đặt bộ chỉ huy ở bờ sông, có hạm đội bảo vệ và dựng ở đây một đài quan sát ...

Về phía cánh trái cũng đến địa điểm dự định không gặp trở ngại và đóng quân đêm tại đấy.

Ngày 12 - 12 - 1883 , cánh trái, phải vượt sông Đáy mất cả ngày và đến ngày 13/12/1883, thì các cánh quân Pháp đã tập trung và đóng quân cách các vị trí đầu tiên của ta ở Sơn Tây khoảng 5, 6 cây số.



Sơ đồ thành Sơn-Tây

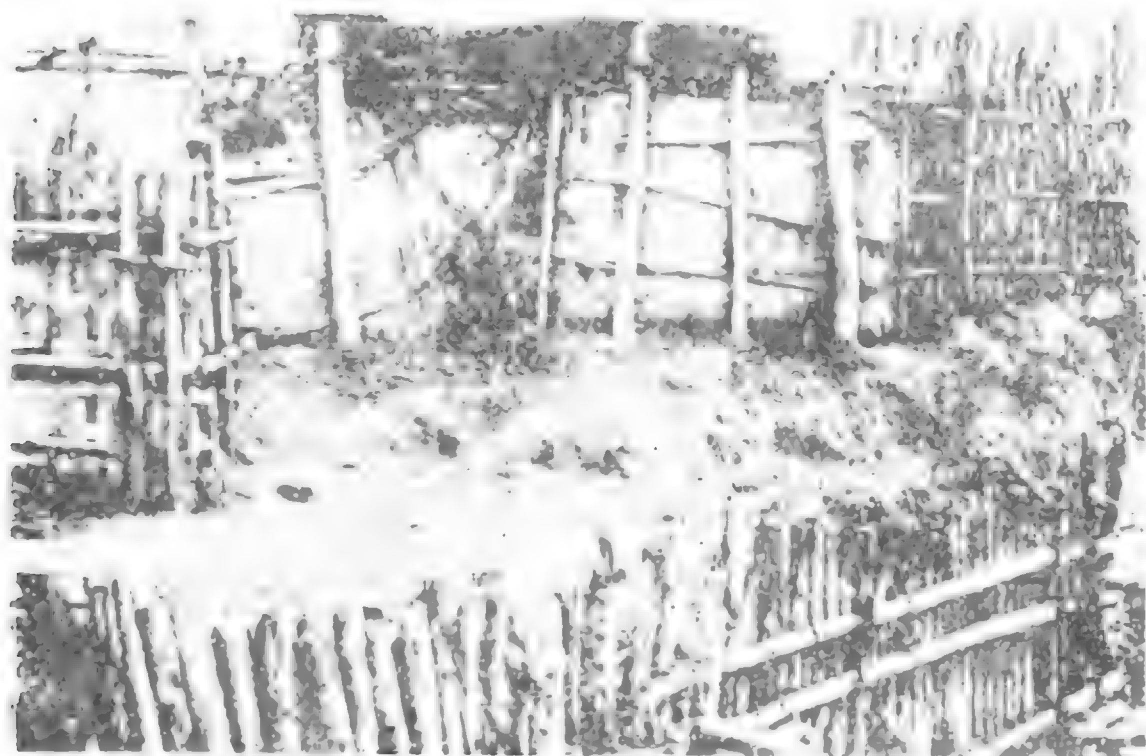
Ngày 14/12/1883, cánh trái tiến theo con đê lớn và cánh phải tiến theo con đường mòn ở giữa đê và sông. Tiểu Đoàn Dulieu là tiền đạo của cánh phải, có đại đội khố đỏ đi trước đỡ đạn, đến 9 giờ 30 đã ở trên con đường dê dẫn vào làng Phú Xá. Khoảng 11 giờ tiểu đoàn này chiếm làng Thanh Chiêu; Đến 11 giờ 30 một đại đội (Đại đội Bauche - Cũng của tiểu đoàn này) xung phong vào trong làng Phú Xá,..Sau một cuộc chạm súng không mấy ác liệt, bị quân ta và Cờ Đen phản công mãnh liệt lắm cho quân Pháp phải lui về con đê phía nam. Ở đây quân Pháp cũng có đào vội và được một số hầm hố để nấp trong lúc tạm ngưng quân; tuy vậy quân Pháp cũng bị loại khỏi vòng chiến một số người. Cũng vào thời gian này các tiểu đoàn của Roux và Chevalier tới cách chiến lũy Phú Xá của ta 4 hay 500 thước; đến 13 giờ trưa 6 khẩu đại bác đặt ở phía tây làng Linh Chiêu và ở trên con đê, các pháo hạm các xuồng võ trang... đồng loạt khai hỏa bắn vào chiến lũy của ta ở Phú Xá, làm cho các đại bác của ta dần ngớt tiếng và im lặng.

Lại cũng vào khoảng thời gian nói trên, một đại đội của tiểu đoàn Reygasse (cũng thuộc cánh phải) ở phía trên của đại đội Bauche đang ngưng quân ở trên đê đã chiếm được hai ngôi chùa ở ven phía tây làng Thiện xuân vào lúc 14 giờ. Hai đại đội còn lại khác của Dulieu cũng đến đóng ở ven phía tây làng vừa nói, chỉ cách chiến lũy của ta không đầy 400 thước. Chính các đại đội này báo cáo là thấy quân ta và Cờ Đen xuất hiện ở phía trái và ở sau lưng quân Pháp. Rồi quân ta xuất phát từ cửa đông thành Sơn Tây tiến trên con đường đi về Phúc Thọ... Quân Pháp gồm có đại đội Bauche, một phần của tiểu đoàn Reygasse, Tiểu Đoàn Lê Dương của Donnier, có hai đại bác đặt ở trên đê yểm

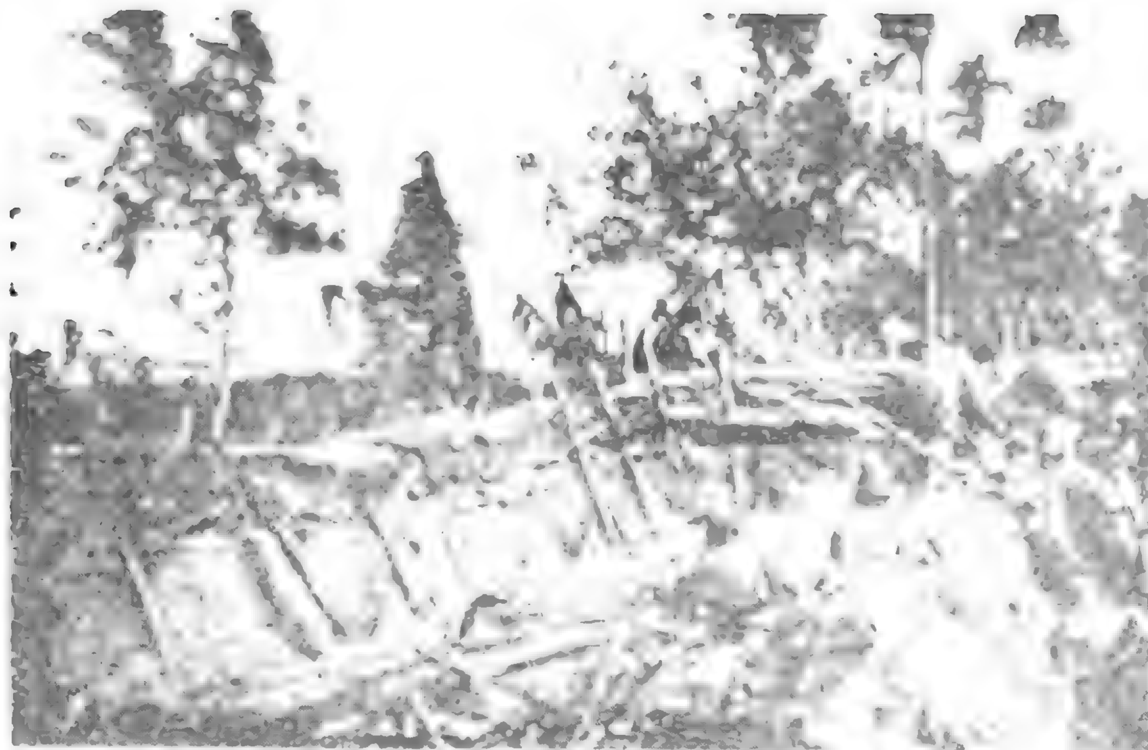
trợ đã tiến theo các tiểu đoàn của Dulieu và Reygasse đến tận Linh chiểu, để chặn đánh quân ta vào lúc 14 giờ 30. Trận chiến giữa hai bên thật kịch liệt và kéo khá dài, trong khi sự quyết định thắng bại lại ở nơi khác...

Đến 14 giờ 30, Tiểu Đoàn Jouneau đến chiếm đóng ngả Bắc của con đê và con sông về phía phải của các tiểu đoàn Chevalier và Roux. Khoảng 16 giờ 15, Trung Tá Berlin ở trên ngành Bắc của con đê và Trung Tá De Maussion trên ngành Nam bắt đầu phối hợp với nhau để xung phong. Đến 16 giờ 30 tiếng súng bắt đầu nổ. Mặc dầu quân ta và Cờ Đen bắn hơi cao nhưng phòng tuyến của Pháp cũng bị trúng nhiều đạn và Đại Úy Doucet bị chết tại trận, rồi các tiểu đoàn Algérie và Thủy quân cùng Thủy quân Lục chiến cũng tràn tới chỗ giao điểm của hai con đê và chiếm chiến lũy Phú Xá, ngoại trừ cứ điểm kháng cự cuối cùng. Quân Pháp tung hai đại đội Godinet (thuộc tiểu đoàn Dulieu) để thanh toán nốt, nhưng không xong đành phải đóng quân đêm tại các công sự đã chiếm được. Lợi dụng lúc đêm tối, quân ta và Cờ Đen lại đến quấy rối làm cho quân Pháp không giám nghỉ ngơi tiếng súng nổ liên hồi, các quân sỹ Pháp (Thủy quân và Thủy-Quân Lục Chiến) gọi đêm hôm ấy là "đêm kinh khủng". Tuy các cuộc phản công của quân ta và Cờ Đen mặc dù dữ dội, nhưng kết quả cũng không đạt được như ý mong muốn, nên phải rút quân khỏi phòng tuyến ngoài thành.

Hồi 7 giờ sáng ngày 15/12/1883, Đại Úy Dupommier chỉ huy công binh trở lại sửa sang các điểm tựa ở Phú Xá, để quân Pháp xử dụng và từ đây quân Pháp đánh thẳng vào Sơn Tây. Tiểu Đoàn Lê Dương dẫn đầu, nhưng bị các chướng ngại vật làm sức tiến quân bị chậm lại mất cả một ngày mà cũng chẳng thâu lượm được gì. Đến chiều tối hôm ấy (15/12/1883), tình hình quân Pháp như sau: ở cực trái trong chiến lũy Phú Xá: Tiểu đoàn Reygasse, hai pháo đội và các phụ lực quân Bắc Kỳ; Ở cạnh, về phía tây: tiểu đoàn Chevalier; Đằng trước phố Khách, đi từ cửa Bắc ra đến bến Tầu: tiểu đoàn Thủy quân; Phía sau tiểu đoàn này, trong một làng nằm giữa đê và sông: Tiểu Đoàn Roux, số pháo binh còn lại và Tổng Hành Dinh. Ở ngoài xa về phía tây trên con đê có tiểu đoàn Dulieu và tiểu đoàn Le Tellier đóng tại làng Ngọi. (Làng này hiện thuộc làng Phú Nhi). Ở cực phải: Tiểu Đoàn Lê Dương của Thiếu Tá Donnier, mà ở bên phải (tiểu đoàn này), có điểm tựa ngăn con đê với làng Phú Nhi. Sau hết là tiểu đoàn Jouneau đóng trong làng làm đồ gốm. Hạm đội và thuyền bè đóng gần tổng hành dinh. Trong đêm 15, rạng 16/12/1883, tình hình tương đối yên tĩnh.



Chướng ngại vật của ta ở cứ điểm Phú-Xá.



Phòng tuyến của ta ở quanh thành Sơn - Tây sau trận đánh.

Tảng sáng ngày 16/12/1883, tiểu đoàn Lê Dương tảo thanh làng Phú Nhi. Đến 6 giờ ,tiểu đoàn Le Tellier lục soát làng Văn Miếu, rồi dàn quân trước một ngôi chùa được chiến lũy hóa ở Hội Đông. Đến 9 giờ, quân ta và Pháp bắt đầu nổ súng; đến 10 giờ, quân ta định đánh thốc vào sườn phải quân Pháp, nhưng bị hai đại đội của tiểu đoàn Jouneau chặn lại.

Vì trận chiến cứ dùng dằng mãi, nên đích thân Courbet phải đi thám sát, để rồi đi đến quyết định sẽ đánh vào cửa Tây thành Sơn Tây vào lúc 11 giờ, theo sự phối trí như sau:

Tiểu đoàn Chevalier được một đại bác và Tiểu Đoàn Reygasse yểm trợ tiến vào phố Khách đánh thẳng vào cửa Bắc; Tiểu đoàn Roux ở lại giữ chiến lũy Phú Xá; Tiểu đoàn Dulieu từ chùa Hạ Trang tiếp tục tiến lên chùa Hội Đông; Tiểu đoàn Lê Dương vượt qua tiểu đoàn Le Tellier và sẽ làm trừ bị; Tiểu đoàn Jouneau và Tiểu đoàn Thủy quân làm thành tuyến thứ hai ở vùng Phú Nhi. Trận chiến sẽ được tất cả các đại bác, kể cả đại bác dưới pháo hạm yểm trợ.

Trận đụng độ xảy ra rất ác liệt, sự tiến quân của Pháp rất chậm, vì quân ta và quân Pháp dành dựt nhau từ thước đất một, tuy vậy đến 17 giờ, sau khi chật vật lắm,quân Pháp mới tới được phòng tuyến. Để khích lệ tinh thần quân sỹ, đích thân Courbet được Đại-Tá Bichot, các Trung Tá Berlin và Revillon tháp tùng, cũng tiến sau họ. Đến 16 giờ thì Courbet đã đến một ngôi chùa ở giữa làng Hạ Trang và Phú Nhi (ngôi chùa này được che chở bởi nhiều cây to)...Rồi Courbet ra lệnh thổi kèn xung phong! Hai đại - đội Lê Dương (+) phóng mình xung phong vào cửa tây; Đại đội Thủy-Quân Lục Chiến Bauche và một đại đội Lê Dương (-) và các thủy quân ào ạt tiến vào một đường ngầm cách cửa tây khoảng 30 thước, Đại Úy Mehl bị chết trong khi tiến vào đường này... Cửa tây bị quân Pháp chiếm,3 lá cờ Đen bị hạ xuống và thay thế bằng một cờ của Pháp. Quân ta và Cờ Đen từ trên các mặt thành còn lại cố bắn những phát đại bác cuối cùng vào quân Pháp, nhưng trước sức xung phong như vũ bão của quân Pháp, phải rút lui qua các phố phường ra khỏi thành rồi men theo đường núi từ Bạch Hạc đến Hưng Hóa ... Vì đêm đã đến, nên quân Pháp không giám truy kích sợ bị phục kích và hơn thế nữa phải ngừng quân để tổ chức phòng thủ đêm ngừa quân ta và Cờ Đen phản công .Công binh phải dẹp các chướng ngại ở cửa Tây và cửa Bắc suốt đêm. Phó Đề Đốc Courbet chỉ định Hải quân Trung Tá La Guerre làm quân trấn trưởng thành Sơn Tây và Trung Tá De Maussion làm Hạc phó.

Ngày hôm sau, quân Pháp thu dọn chiến trường, thu được 50 đại bác bằng đồng, 30 đại

bác bằng gang, 6.000 thước khối gạo muối, 400 kỷ thuốc nổ. Một số tiền bạc và một số thư tín của Lưu Vĩnh Phúc giao dịch với các tổng đốc Vân Nam, Quảng đông và Quảng tây... Đối với Pháp, đây là bằng cớ cụ thể về việc Thanh triều có gởi quân chánh quy tham dự vào việc chống Pháp ở Bắc Kỳ.

Tổng kết trận này, quân Pháp bị chết 83 người trong đó có 5 sĩ quan (Đại Úy Godinet, thuộc tiểu đoàn Algérie, Đại Úy Doucet và Đại Úy Cuny thuộc Thủy-Quân Lục-Chiến, Đại Úy Mehl thuộc đoàn quân Lê Dương, Trung Úy Clavet thuộc thủy quân lục chiến), và 320 người bị thương trong đó có 22 sĩ quan; Quân ta và Cờ Đen độ một vài trăm người chết (nhiều hơn Pháp là lẽ tất nhiên, vì vũ khí của ta kém vũ khí của Pháp, nhất là về đại bác) và một số gấp đôi bị thương, trong đó có Lưu Vĩnh Phúc bị thương nhẹ vào tay. Pháp cho là ta có 900 chết và hàng ngàn người bị thương "theo tin tức đáng tin cậy", nhưng không được xác đáng cho lắm.

Lấy xong thành Sơn Tây, Courbet giải thích cho các cấp chỉ huy dưới quyền hay rằng ông ta lấy làm tiếc không thể tiếp tục truy kích quân ta đến Hưng Hóa, vì lý do khoảng sông này (Hồng Hà) qúa nông, trong khi cần có sự phối hợp thủy lục mới mang lại kết qủa. Tuy nhiên Courbet cũng gởi một toán Thám sát dưới quyền của Thiếu Tá Lê-Dương Donnier để thám sát Hưng Hóa.

Đoàn thám sát tiến tới Bắc Hạt, thì thấy có những dấu vết chứng tỏ phần lớn quân ta và Cờ Đen đã rút qua một con đường mòn, ở một ngọn núi giữa Bắc Hạt và Hưng Hóa. Sau đó đoàn xác định rõ được vị trí và sự quan trọng của Hưng Hóa và cho rằng mặc dù địa thế khó khăn nhưng vẫn có thể hành động có kết quả, nếu cứ đánh vào cứ điểm này. Tuy vậy quân Pháp chưa thực hiện cuộc hành quân vào Hưng Hóa.

Ngày 17/12/1883, Phó Đề Đốc Courbet ban hành một nhật lệnh cho quân sỹ như sau:

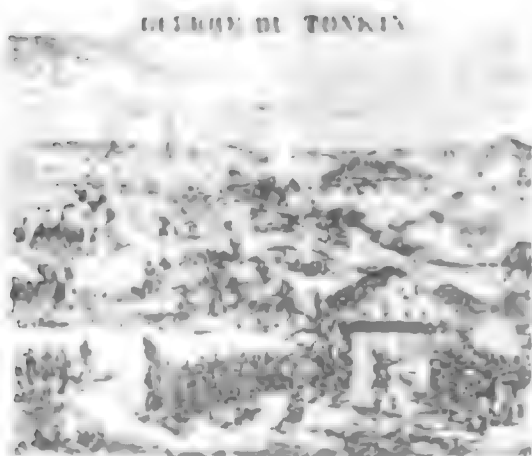
"Quân sỹ các cấp

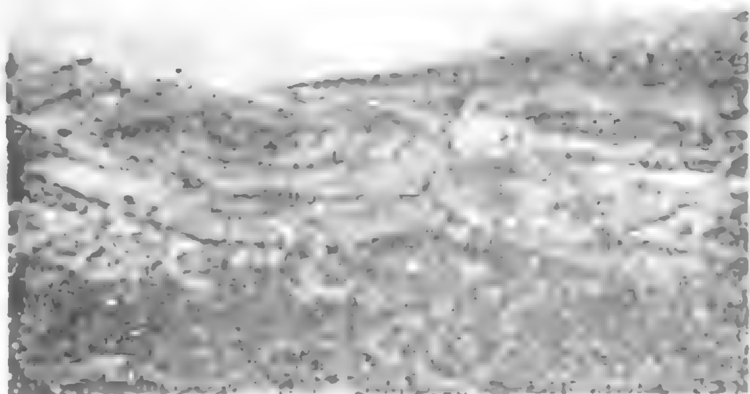
"Trận chiếm chiến lũy Phù Xá và thành Sơn Tây từ nay sẽ nổi danh bởi lòng dũng cảm của các bạn. Các bạn đã đánh bại và thắng một địch quân ghê gớm.

"Một lần nữa các bạn đã chứng tỏ cho thế giới biết rằng nước Pháp luôn luôn tin tưởng vào các người con yêu của mình. Các bạn hãy kiêu hãnh về các chiến quả đã đạt được. Chính các chiến quả này sẽ bảo đảm cho sự thành công của công tác bình định của chúng ta tại Bắc Kỳ".

Rồi ngày 19/12/1883, Courbet rời Sơn Tây để về Hà Nội, trao quyền lại cho Đại-Tá Bichot trong khi chưa kiếm được tên "gian quan" nào thay thế quan ta để cai trị... Một tuần, sau khi thắng trận Sơn Tây, ngày 24/12/1883, Tổng ủy viên Harmand xuống tầu về Pháp và ông Silvestre được cử làm phụ tá cho Courbet về vấn đề nhân sự nhậm chức.

Trong khoảng thời gian này, quân Pháp vẫn cho các pháo hạm ra sức đi thám sát các nơi tại Bắc Kỳ: Ngày 16/11/1883, Hải quân Trung Úy Habert mang chiếc "Lynx" đi thám sát sông Cầu; Ngày 23, Fortin chỉ huy chiếc "Mousqueton"





Trận chiến chiếm thành Sơn - Tây

thám sát kinh Phú Bình; Ngày 25, Hải quân Trung Úy Guichamans mang chiếc "Léopard" thám sát sông Đuống, sông kinh Thầy (ngày 31) và Thái Bình; Chiếc "Carabine" do đại đội 35 thuộc Trung đoàn 3 thủy quân lục chiến với 60 tên khố đỏ đến núi Voi, gần Hải Phòng; Ngày 19/12, cũng chiếc "Lynx", nhưng lần này do Hải quân Trung Úy Balincourt chỉ huy, thám sát kinh Kênh và sau hết là Trung tá Brionval chỉ huy chiếc "Éclaire" với hai đại đội và hai đại bác thám sát quanh vùng Nam định.

Ngày 27/12/1883, quân ta đã bí mật đốt kho đạn Hà Nội. Các nhà chứa các vật liệu và đạn dược đều bị tiêu hủy hết. Quân Pháp phải đánh điện khẩn cấp kêu Saigon gởi đạn dược ra Hà-nội.

Đến cuối năm 1883, quân Pháp ở Bắc Kỳ được phối trí như sau:

Ở Hà Nội và Bát Tràng, tả ngạn sông Hồng Hà: Tiểu đoàn Thủy quân lục chiến Chevallier (gồm các đại đội 25, 28, 29 thuộc trung đoàn 3) và tiểu đoàn Roux (gồm các đại đội 26, 27 cũng thuộc trung đoàn 3 và 1 đại đội chỉ huy;) Lính khố đỏ: đại đội 1 và 2; Thủy quân: Đại đội 4; quân đoàn 19: tiểu đoàn Algérie (4 đại đội) và tiểu đoàn Lê Dương (4 đại đội); Pháo Binh: 4 Pháo đội, cộng với 500 phụ lực quân (cũng là bọn phản quốc Việt Nam nhưng khác với bọn khố đỏ; khố đỏ là bọn phản quốc chánh quy).

Ở Sơn Tây : thủy quân lục chiến: tiểu đoàn Dulieu (4 đại đội), tiểu đoàn Reygasse (3 đại đội); lính Algérie: tiểu đoàn 2 (4 đại đội); lính khố đỏ: 2 đại đội; Đơn vị đổ bộ: một pháo đội; Pháo binh: 2 pháo đội; Phụ lực quân: 800 người.

Ở Ba giang (cửa sông Đáy): Đại đội 30 thủy quân lục chiến, thuộc trung đoàn 4. Ở Nam Định: 6 đại đội thủy quân lục chiến (đại đội 26, 27, 23 thuộc trung đoàn 2; đại đội 21 thuộc trung đoàn 3; đại đội 26 và 29 thuộc trung đoàn 4) với một trung đội pháo binh và 200 phụ lực quân.

Ở Hải Phòng: 4 đại đội thủy quân lục chiến (đại đội 29 và 31 thuộc trung đoàn 2; đại đội 31 thuộc trung đoàn 4).

Ở Hải Dương 3 đại đội thuộc đơn vị đổ bộ.

Tổng cộng ở Bắc Kỳ lúc này quân Pháp có 48 đại đội và 7 pháo đội.

Sau khi hòa ước Qúy Mùi được ký kết, tình giao hảo với triều đình Huế và Khâm sứ Pháp rất tẻ nhạt khiến cho Champeaux đệ đơn về Sài gòn xin từ chức nhưng không được chấp thuận. Trong lúc này có Tricou, nguyên Đại sứ Pháp ở Nhật, hiện lúc bấy giờ đang làm Đại sứ Pháp ở Bắc Kinh ghé qua Sai gon liền được Thống Đốc Nam Kỳ cử ra Huế để yểm trợ cho Champeaux trong việc thuyết phục Huế chấp thuận vĩnh viễn thỏa ước bảo hộ. Nhưng cũng như Champeaux mấy ngày đầu Tricou không được gặp quan chức thẩm quyền của ta... Cho đến khi (như trên đã nói) nghe được tin Sơn - Tây thất thủ, Triều đình Huế mới trở nên mềm dẻo và sau đó Tricou mới được ông Nguyễn Văn Tường tiếp kiến, theo nghi lễ vào ngày 1/1/1884. Hai bên đều mang những vụ vi phạm hòa ước ra để bàn cãi: ông Tường cho rằng nhiều Trú sứ Pháp đã có nhiều hành động trái phép cho nên công việc bình định gặp nhiều khó khăn... ; Ông yêu cầu Tricou sửa đổi một vài khoản trong Hòa ước, để cho sĩ dân bớt công phẫn và công cuộc bình định mới được dễ dàng; Tricou nhận lời và nói rằng hắn sẽ ra Bắc Kỳ để giải quyết những vụ xích mích và chấm dứt hành động của bọn Trú sứ ngang ngược, còn về việc sửa đổi hòa ước hắn sẽ gởi đề nghị về Paris ... Rồi Tricou yêu cầu triều đình Huế chấm dứt các cuộc giết hại giáo dân và trừng trị kẻ chủ mưu... Các ông Tường và Thuyết cực chẳng đã mới phải lập tòa án để xử Hầu Chuyên tức là Ưng Chuyên, người cầm đầu quân Đoan Kiết của các ông và phải xử tử hình Chuyên để lấy lòng Pháp. Trong khi Tricou giao dịch với triều đình Huế, thì Champeaux cho rằng Tricou đã lấn quyền mình nên đệ đơn xin từ chức. Sài Gòn phải cử Lejard, hiện lúc bấy giờ đang chỉ huy quân Pháp ở Thuận An đến tạm thế Champeaux, trước khi chính thức cử Hải Quân Đại Úy Parreau, nguyên thư ký của Harmand đến làm khâm sứ tại Huế. Parreau ở Huế cho tới ngày hòa ước Giáp Thân (1884) ra đời. Còn về phần các quan khâm sai Nguyễn Trọng Hợp, Trần Văn Chuẩn trước đây được cử ra Bắc để kêu gọi giải binh theo hòa ước Qúy Mùi đã thất bại trong sứ mạng, nên về Huế xin chịu tội. Lúc này có thể coi như triều đình Huế không còn uy tín trước quốc dân nữa, mạnh ai nấy đứng ra hô hào kháng chiến, Cho đến khi thế cùng lực kiệt, phong

kiến thở hơi cuối cùng và gông cùm của thực dân Pháp hạ xuống cổ nhân dân Việt Nam.

Tại Paris do cuộc "Đại Thắng" của Courbet ở Sơn Tây, ngày 18/12/1883 Hạ nghị viện Pháp đã "phấn khởi" cho vay thêm 3 triệu, sau khi đã bỏ thăm cấp 17 triệu quan, để gấp rút thực hiện công cuộc bảo hộ ở Việt Nam... Số viện quân lên đến 7.000 người. Nhưng lúc này lại có sự điều đình giữa Pháp và Trung Hoa nên chính phủ Pháp tuy đã gởi viện quân qua, nhưng vẫn ra lệnh giới hạn các cuộc hành quân quanh Hà Nội mà thôi (Hưng Hóa và Bắc Ninh) không cho mở rộng lên mạn ngược vì sợ đụng độ với quân Tàu việc điều đình sẽ tan vỡ. Để hãm bớt "sự nhiệt tình quá độ" của Courbet, Paris đã cử Trung Tướng Millot qua Việt Nam nắm quyền tổng tư lệnh để có thể sự thi hành lệnh nghiêm chỉnh hơn.

Ngày 23/12/1883, Bộ Hải quân và thuộc địa đã cho rời quân cảng Toulon đám viện quân gồm có: Chiếc "Vĩnh Long" trên có Trung Tướng Millot, các Thiếu tướng Brière De L'Isle và De Négrier, 3 sĩ quan cấp tá, tiểu đoàn 2 khinh chiến Phi châu, và một nhóm tăng cường của tiểu đoàn 1 Algérie; Chiếc "Européen" trên có đại đội 4 Lê Dương và các nhóm tăng cường khác của Lê Dương và Algérie; chiếc "Comorin" trên có một tiểu đoàn Algérie.

Đoàn viện quân thứ hai rời Toulon ngày 10/1/1884, gồm có: chiếc "Annamite" chiếc "Saint-Germain" và "Poitou" chở 3 tiểu đoàn (-) 2 pháo đội 80 ly, các quân dụng, đạn dược, quân y, hiến binh, khinh cầu vv...; trên chiếc "Sarthe" chở theo một toán tiếp liệu, một đại đội Công binh, một trung đội Truyền tin; sau hết trên chiếc "Shamrock" chở hai đại đội và vài phân đội nhỏ khác.

Sau khi nhận điện về việc gởi quân đến mà trong đó có Trung Tướng Millot, Phó Đề đốc Courbet yêu cầu Tổng Trưởng Hải quân và thuộc địa "cho biết tình trạng của ông ta sau khi Trung Tướng Millot đến". Ngày 12/12/1884, Đề Đốc Peyron Tổng Trưởng Hải quân và thuộc địa trả lời Courbet "Hãy trao quyền tổng tư lệnh cho Millot, còn ông giữ quyền tư lệnh Hải quân. Sẽ có những huấn thị rõ ràng gởi bằng công văn đến sau. Không nên coi quyết định này là một dấu hiệu kém tin tưởng nơi ông. Chính phủ hoàn toàn tán thưởng tinh thần trách nhiệm và nhìn nhận về những thành quả to lớn mà ông đạt được".

Trong khi viện binh của Millot sắp tới, tình hình Bắc Kỳ như sau:

Trong thành Hà Nội hầu hết các vụ gây rối và trộm cướp đã được dẹp yên, ở vùng quanh Hải Phòng và Quảng Yên dân chúng đã sống tương đo. ễ chịu, nhưng ở các vùng xa vẫn thiếu an ninh trậ tự. Ở Hải Dương trật tự đã được vãn hồi; quân ta và Tàu đã quyết định không tấn công vào thành nữa; Bị săn đuổi ở Bình Quan, sau cuộc tuần chiến ngày 28/12/1883, bởi hai đại đội của Caillard có hai pháo hạm "Lynx" và "Léopard" yểm trợ, quân ta và Tàu phải rút lui và bố trí tại Phú Thuận với một phần quân số đáng kể. Tại Nam Định và Ninh Bình, quân chính quy và phụ lực của Pháp đã truy kích quân ta suốt một tháng; quân ta có tới 4, 5.000 người, phần nhiều là Nghĩa quân, được sự ủng hộ của các văn thân và nhà giàu; Ở đây Nghĩa quân chủ trương giết hết bọn phản quốc gồm bọn buôn bán và các giáo dân tiếp tay cho giặc, rồi sẽ tiến vào Nam Định và Ninh Bình, để đánh bại thành này; Trong trường hợp thất bại thì sẽ đốt phá sạch, nói là để chống lại chính sách bảo hộ của Pháp. Cầm đầu kháng chiến quân ở vùng duyên hải và Nam, trung châu Bắc Kỳ bấy giờ có các ông Nguyễn-Thiện-Thuật, Trương-Quang-Đản, Tạ - Hiền, Ngô-Tất-Ninh, Lê-Văn-Hổ, Nguyễn-Văn-Chư, Lương-Qúy-Chí vv... hầu hết là những người không chịu phục tùng hòa-ước Qúy Mùi (25/8/1883). Các lãnh tụ này ra mặt công tác với quân nhà Thanh và ly khai với triều đình Huế- Sự thực trong triều lúc ấy do các ông Tường và Thuyết khống chế, họ chỉ chống lại cái chính quyền thân Pháp mà thôi. Nhưng sau một vài cuộc hành quân của Pháp, quân ta phải né tránh và phân tán... với một vài thiệt hại. Tình trạng tỉnh Sơn Tây đã khả quan, bởi vì từ khi lấy được Sơn Tây, quân Pháp đã gia tăng tuần tiễu đi tứ phía, tới tận vùng rừng núi và sông rạch.

Các hoạt động quân sự của Pháp vẫn bị giới hạn ở vùng châu thổ sông Hồng Hà, cũng như Courbet trước đây, chỉ gởi mấy chiến hạm đến vùng Thanh Hóa và Nghệ An, sau khi 4 giáo sỹ và 23 giáo dân bị tàn sát.

Cũng trong khoảng thời gian này, quân Pháp được nhiều tin tức liên quan đến Thanh Hóa. Pháp

cho rằng các văn thân đã biến Thanh Hóa thành một trung tâm kháng chiến chống Pháp...

Muốn đặt nền bảo hộ thực sự ở Việt Nam, Pháp phải tiêu diệt đầu não cuộc kháng chiến ở Thanh Hóa và mặt khác phải điều đình riêng với Bắc Kinh, mà Pháp cho là nguyên nhân của mọi sự chống đối, mới mong thực hiện được...



5.– Viện quân Pháp tới Bắc-Kỳ và các cuộc hành quân.

Ngày 12-2-1884, Trung-Tướng Millot đến Bắc-Kỳ nắm quyền Tổng Tư-Lệnh đoàn quân Viễn-chinh Pháp. Ông đã được Phó Đề-Đốc Courbet trình bày rõ ràng tình hình của quân ta và Cờ đen cũng như của Pháp ở Bắc-Kỳ... Sau khi nắm được tình hình, Millot cho tổ chức quân đội lại như sau : các đơn vị ở vùng Hà-Nội sẽ được tổ chức thành Lữ-đoàn 1, do Thiếu-Tướng Brière De L'Isle làm Tư-Lệnh; các đơn vị thuộc vùng Hải-Dương sẽ được tổ chức thành Lữ đoàn 2, do Thiếu-Tướng De Négrier làm Tư-Lệnh và phóng ngay ra các cuộc Hành quân chinh phục,

ĐÁNH CHIẾM PHẢ LẠI

Ngày 20-2-1884, Millot ra lệnh cho Lữ-đoàn 2 mang 1 Tiểu-Đoàn Lê-Dương, 1 Pháo đội 86 ly 5 của Thủy Quân Lục-chiến, dưới quyền điều khiển của Trung Tá Donnier, có các pháo và chiến hạm "Carabine", "Sơn-Tây", "Wampoa", "Trombe", "Léopard", và "Kuri Maru" đến chiếm Phả-Lại.

Ngày 21-2-1884, Millot ra lệnh cho Le Négrier mang chiếc "Carabine" cùng với Hải-quân Trung-Tá Morel-Beaulieu chỉ huy Hải-đội tuần thám, với mục đích khảo sát địa thế trong vùng sông Đuống, nui Kiến và núi Néo v.v..., để chuẩn bị cho các cuộc hành quân sau này.

Hồi 3 giờ 30 sáng ngày 25-2-1884, quân ta và Tàu khoảng 1.000 người trang bị 300 súng và 700 lao, từ các làng Ninh Hải và Pam-Cơ (?)... đã tấn công đồn Phả-Lại. Quân trú phòng Pháp đã bình tĩnh chống trả rất kịch liệt. Sau đó quân ta rút lui với một vài tổn thất; về phía quân Pháp có Đại-Úy Bergounioux bị thương. Thất bại trong trận tấn công này, ngày 28-2-1884, và sau đó ngày 02-3-1884, quân chánh quy Tàu lại tấn công Phả-Lại hai lần nữa nhưng vô hiệu qủa. Ngày 03-3-1884, Pháp phải gởi viện quân dưới quyền chỉ huy của Trung Tá Duchesne, đến tăng cường cho đồn Phả-Lại.

Mặc dầu bị tấn công nhiều lần nhưng quân Pháp vẫn cố giữ Phả-Lại để dùng nơi này làm căn cứ hành quân...

CHIẾM BẮC NINH

Thấy áp lực của quân ta ở mạn Bắc-Ninh là mạnh hơn cả, Millot ra lệnh nghiên cứu một kế hoạch hành quân ... Và quyết định dồn mọi nỗ lực cho cuộc hành quân này, với ý niệm không dùng con đường quốc lộ 1. (vì ta có phòng bị) và áp dụng chiến thuật bao vây tiêu diệt .

Một cánh xuất phát từ Hà-Nội (Lữ-đoàn 1 của Thiếu-Tướng Brière De L' Isle) vượt qua sông Đuống đến phía trên chợ Chi-nê đánh vào dãy Trung-sơn và tiến đến Bắc-Ninh bằng hướng Nam ; Cánh khác (Lữ-Đoàn 2 của Thiếu-Tướng De Négrier) từ Phả-Lại tới, sau khi đã chiếm các vị trí ở dọc đường tiến quân, rồi tập trung ở chợ Chi-Nê với cánh thứ nhất (cánh Brière De L'Isle). Sau đó chuyển hướng về phía Bắc, phá hủy các cản trên sông Cầu, rồi từ Đáp cầu tấn công vào Bắc-Ninh bằng hướng Đông và Đông-Bắc.

Sự tập trung cánh quân của Thiếu-Tướng Brière De L'Isle tương đối dễ dàng, nhưng cánh của Thiếu-Tướng De Négrier gặp qúa nhiều trở ngại từ Hải-Dương qua Phả-Lại, do ở chỗ thiếu xuồng và phu khuân vác...



Thiếu - Tướng
DE NÉGRIER

Về phía Đại-Tá Revillon, Chỉ-Huy Trưởng pháo binh quân đội viễn chinh, đã chia pháo làm 4 pháo đoàn như sau :

1.- Pháo đoàn 1: đi theo cánh thứ nhất, do Thiếu-Tá De Douvres chỉ huy, gồm có : Pháo đội 1 và 2 Thủy quân (6 khẩu 86 ly 5 do lừa, ngựa kéo); Pháo đội 6 cũng của Thủy quân (6 khẩu 65 ly do phu kéo); Pháo đội của đoàn quân đổ bộ (5 khẩu 65 ly do phu kéo); Pháo đội 11 của Trung-Đoàn 12 (6 khẩu 80 ly do phu hoặc kéo, hoặc khuân vác).

2.- Pháo-đoàn 2: đi theo cánh thứ hai, khởi hành từ Hải-Dương, do Thiếu-Tá Chapotin chỉ huy gồm có : Pháo đội 3 Thủy quân (6 khẩu 86 ly 5 do lừa ngựa kéo); Pháo đội 4 cũng của Thủy quân (6 khẩu 86 ly 5 do phu kéo): 3 khẩu 86 ly 5 của đoàn quân đổ bộ do phu kéo và pháo đội 12 của Trung-Đoàn 12 pháo binh (6 khẩu 80 ly do phu hoặc kéo, hoặc khuân vác).

3.- Pháo đoàn 3: trừ bị, do Thiếu-Tá Levrard chỉ-huy, gồm có vật dụng của 2 pháo đội 80 ly dã chiến và 1 Pháo đội 95 ly do 100 Pháo thủ phụ trách.

4.- Pháo đoàn 4: Pháo đoàn công vụ, do Thiếu-Tá Mortier chỉ-huy, với các dụng cụ và đạn dược để trên các xuồng.

Mặc dầu các khó khăn trở ngại gặp phải, Thiếu-Tướng De Négrier đã thành công trong việc điều động và tập trung quân sĩ mà không có rủi ro nào cả.

Tính đến chiều ngày 6-3-1884, tình hình của Lữ-Đoàn De Négrier như sau :

Tại Phả-Lại : Tiểu-Đoàn 1 và 2 Lê-Dương, Pháo đội 3 bis và 4 bis của pháo binh Thủy quân.

Tại Hải-dương : Trung-Đoàn 5 lưu động, 3 đại đội đổ bộ, pháo đội 2 đổ bộ (3 khẩu), Pháo đội 12 của Trung-Đoàn 12 Pháo binh (80 ly của Thủy-quân), toàn tản thương Lữ-Đoàn, vật dụng và đạn dược Pháo binh, vật dụng Công binh đoàn xuồng tiếp liệu của hai Lữ-Đoàn.

Trên sông Thái-bình : Trước bến phà thứ hai các Pháo hạm "Aspic", "Lynx", "Éclair", Tàu kéo "Phủ-Lý"; Trước bến phà thứ nhất có thông báo hạm "Pluvier".



Thiếu-Tướng Brière de L'Isle và Bộ Tham-Mưu

Tại kinh Hải-Phòng có pháo hạm "Trombe", Tàu kéo "Trà-Lý", Pháo-hạm "Mousqueton", các Tàu kéo "Héron", "Henri-Rivière" "Thái-bình" và "Sông Cầu".

Đến 11 giờ 30 ngày 7-3-1884, toàn thể Lữ Đoàn De Négrier đã đến Phả-Lại và sẵn sàng...

Về phía ta, từ khi ông Trương-Quang-Đản Tĩnh biên Phó sứ tới Bắc-Ninh, đã ước tính rồi ra thế nào quân Pháp cũng tấn công vào thành này, nên một mặt dâng Sớ về Kinh xin phép mộ thêm quân để tăng cường phòng thủ; mặt khác gởi thơ cho Tướng Tàu Hoàng-Quế-Lan, yêu cầu gởi thêm hai đạo quân đến giữ thành Bắc-Ninh... Hoàng-Quế-Lan liền gửi quân xuống Lạng-Giang (Phủ Lạng-Thương bây giờ) và chia làm 3 cánh : một cánh do Trương-Cố-Quân cầm đầu, đến đóng tại Yên-Dũng; cánh khác do Duy Phương-Tường chỉ huy, giữ tả ngạn sông Đáp-cầu, có bổn phận chận quân Pháp không cho tiến đánh Bắc-Ninh bằng đường thủy; cánh sau cùng, do Vương-Hậu-Lý chỉ huy, đóng ở Hùng-Lâm. Ngoài ra Hoàng còn cho quân ở Cao-Bằng và Lạng-Sơn xuống giữ hai con sông Nguyệt-Đức (Sông Cầu) và Thiên-Đức (Sông Đuống), để phòng quân Pháp theo sông Nguyệt-Đức (Sông-Cầu) đánh Bắc Ninh (thành Bắc Ninh ở giữa hai con sông này). Hoàng muốn dùng hai con sông ngăn địch, không cho lại gần thành, còn về mặt bộ thì ông ta không phòng bị gì hết. Theo ông thì quân của Tổng Đốc Quảng-Tây sẽ tới và lo việc này. Dù sao thì đến phút chót quân ta và Tàu cũng khá đầy đủ để giữ thành. Mười doanh quân phân chia nhau giữ bốn mặt thành. Quân Cờ-Đen lập một phòng tuyến dài từ Đáp-Cầu đến Yên-Dũng. Tướng Châu-Phúc đóng quân ở ngoài thành. Tướng Hoàng-Quế-Lan đóng bên trong thành, chỉ huy tất cả quân sĩ liên quân. Cờ Đại Thanh bay phất phới trên nóc dinh Tổng Đốc và trên Kỳ đài...

Nhưng khi Trung Tướng Millot đem quân đến đánh Bắc - Ninh, thì Trương - Quang-Đản đem quân đến đóng tại Huyện Tiên-Du, nói là "đứng trung lập", theo lệnh của Triều-đình, mà thực ra Trương vẫn ngầm liên lạc với quân Tàu và quân kháng chiến...

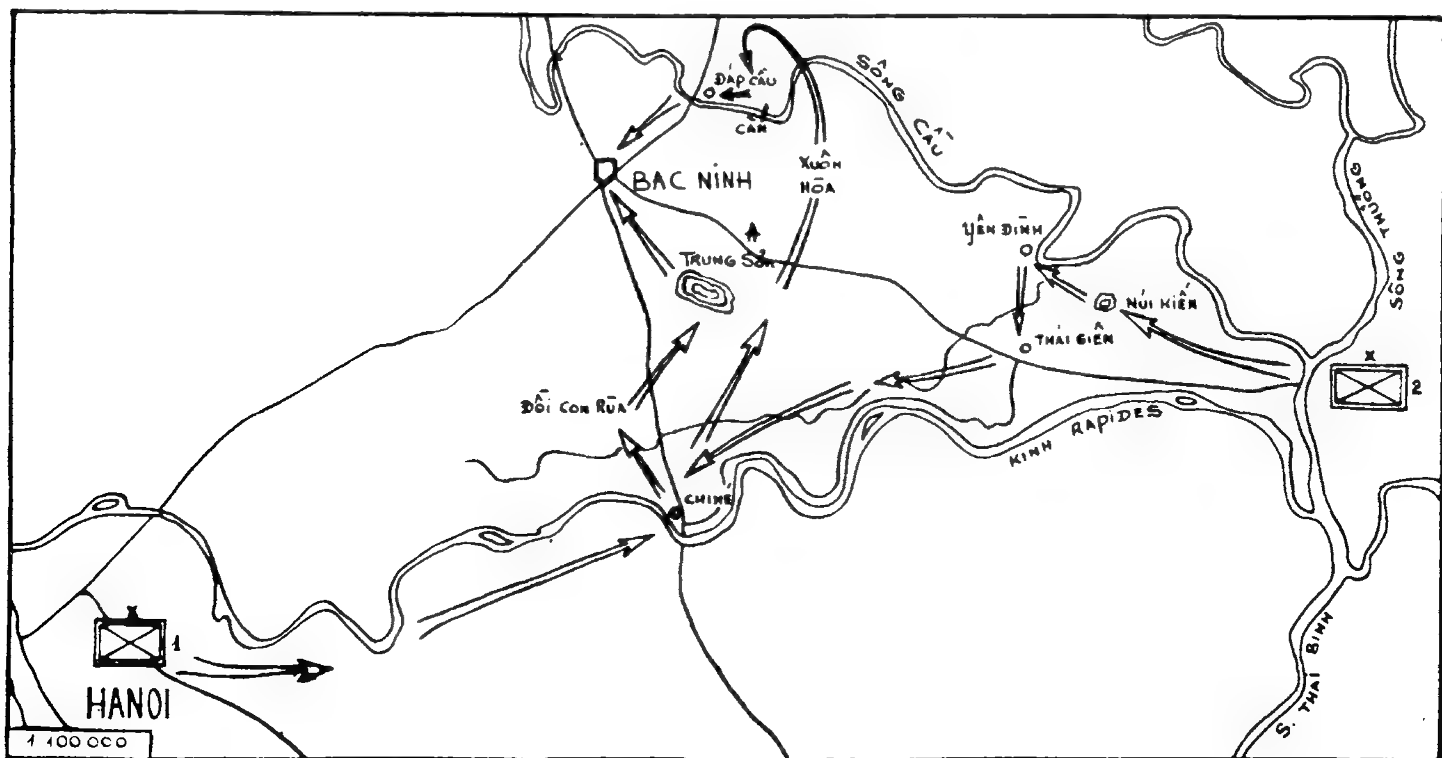
Ngày 7-3-1884, quân Pháp bắt đầu tiến quân... Lữ-Đoàn De Négrier vì đóng xa và hơn thế nữa còn phải đương đầu với quân ta và Tàu ở các cứ điểm và ở dọc đường, nên tiến quân trước Lữ-Đoàn Brière De L'isle 2 ngày. Chiều tối ngày nói trên, De Négrier cho một toán thám sát do Pháo hạm "Léopard" yểm trợ, đến làng Phù-Lãng nhận thấy nơi này bỏ trống, nên mang thêm chiếc "Pluvier" và một tàu kéo chở một pháo đội (-) của đoàn quân đổ bộ đến chiếm đóng. Đồng thời Bộ chỉ huy hành quân của De Négrier cũng đến đóng tại đây ngay tối hôm đó.

Ngày 8-3-1884, De Négrier cho quân tiến chiếm đỉnh núi Kiến. Quân Pháp chia làm 2 cánh để đánh núi Kiến. Cánh thứ nhất dùng Hải-đội rời Phả-Lại vào sáng sớm, đến bỏ neo tại Phù Lãng, đổ quân tại đây và sau khi ăn một bữa cơm, vào 9 giờ, trực chỉ núi Kiến để tấn công; Cánh thứ hai do Trung-Tá Duchesne chỉ-huy cũng rời Phả-Lại vào giờ nói trên, để tiến chiếm núi Kiến... Bọn lính Khố đỏ Bắc-Kỳ đã tới được đỉnh núi Kiến và báo cáo trông thấy rất nhiều quân ta và Cờ-đen trong làng Hữu-Bằng. Sau khi chiếm xong núi Kiến, quân Pháp chuẩn bị tiến chiếm chiến lũy Hiền-Lương (làng và núi Hiền-Lương).

Hiền Lương là một tập đoàn cứ điểm quan trọng, nó gồm có một tiền đồn trên đồi Hiền-Lương (Đồi 38), ở đó quân ta và Tàu có thiết lập một đài quan sát và hai làng Hiền-Lương và Yên-Đình, được tổ chức thành làng chiến đấu với các công sự vững chắc và chằng chịt, tạo thành một cái thế liên hoàn Hiền-Lương-Yên-Đình, có cả đại bác yểm trợ v.v...

Đến 7 giờ 30, các pháo hạm Pháp bắt đầu khai hỏa, quân ta và Tàu ở Yên-Đình bắn trả kịch liệt, đến 11 giờ 15, quân ta và Tàu ở tiền đồn và làng Hiền-Lương đồng loạt khai hỏa bắn vào quân Pháp, đồng thời một cánh khác (ta và Tàu) từ Đồ-Sơn cố gắng di chuyển nhanh đến định chiếm vị trí Pháo binh của quân Pháp ở trên một ngọn đồi già, nhưng đã bị một đại-đội của Trung-Đoàn 111 chận đứng.

Sau đó quân Pháp tập trung Pháo binh (2 pháo - đội (-), dưới quyền điều khiển của Thiếu Tá Chapotin, kéo đến cách xa cứ điểm Hiền-Lương khoảng 1.700 thước và pháo kích nặng nề



Sơ-đồ cuộc hành quân tiến chiếm Bắc-Ninh của quân Pháp

cứ điểm này, để cho Bộ-binh (1 Tiểu-Đoàn của Trung-Đoàn 23 và 2 Đại-đội của Trung-Đoàn 111) sửa soạn tấn công... Đến trưa lệnh tấn công được ban hành. Quân Pháp từ hướng Nam tấn tới. Quân ta và Tàu chịu không nổi hỏa lực của Pháo binh nên đã rút lui... Quân Pháp chiếm được làng Hiền-Lương. Vì quân Pháp hành động qúa táo bạo, nên quân ta và Tàu không thể rút lui trong trật tự và không phá hủy kịp các tấm ván của hai cây cầu nối liền Hiền-Lương và Yên-Đình (thế liên hoàn như trên đã nói)... Quân Pháp dồn quân ta và Tàu sang Yên-Đình, qua một lối đi nhỏ hẹp, thẳng và không có gì che chở cả, nên đã bị các Đại-đội đổ bộ và Đại-đội 1 của Trung Đoàn 23 "bắn bia" chết hại khá nhiều... đồng thời các pháo hạm của Pháp cũng pháo kích vào quân ta và Tàu khi rút sang Yên-Đình. Quân ta và Tàu đành phải bỏ Yên-Đình chạy qua một cánh đồng hướng về Xuân-Thủy.

Sau khi quân Pháp chiếm xong Yên-Đình thì cánh quân của Duchesne cũng đã bắt liên lạc được với cánh quân tấn công vào Yên-Đình (vì cánh của Duchesne đi chậm). Mặt khác, thấy Hiền Lương và Yên-Đình lâm nguy, quân ta và Tàu đã liên tiếp đem quân đến Thái-Giên, với ý định tăng cường cho tập đoàn cứ điểm này. Thái-Giên ở cách xa Hiền-Lương 2.500 thước về phía Nam, ở giữa Đồ-Sơn và núi Kiến.

Vì quân Pháp chưa mấy mệt mỏi, nên De Négrier quyết định tấn công luôn vào quân ta và Tàu vừa tới Thái-Giên, rồi tiến chiếm luôn cứ điểm Đồ-Sơn và cắt đôi quân ta và Tàu trên con đường Bắc-Ninh, rồi đẩy lui ra sông Đuống để tiêu diệt...

Một Tiểu-Đoàn của Trung-Đoàn 3 được lệnh dàn ngay thành hai tuyến và từ từ đánh vào phía mặt, trong khi đó ở phía bên phải một Tiểu-Đoàn của Trung-Đoàn 23 tiến tới thật nhanh, tấn công mạnh vào quân ta và Tàu ở Thái-Giên và dồn vào cứ điểm Đồ-Sơn.

Quân Pháp cho tập trung tất cả Pháo binh lại và cho điều động thật nhanh về phía Tây Nam vùng Đồ-Sơn, cho đến khi cách cứ điểm Đồ-Sơn 1.900 thước... Đến 14 giờ 30, quân ta ở trong các cứ điểm dọc theo sông Đuống đã phải vội vã rút lui về Bắc-Ninh. Đến 15 giờ 15, quân Pháp nhờ có pháo binh yểm trợ mãnh liệt, đã đánh tan được cứ điểm Đồ-Sơn, quân ta và Tàu phải rút về Dũng-Quyết, với khá nhiều tổn thất. Quân Pháp chỉ có Thiếu- Úy Duché bị chết tại trận và 4 người bị thương. Sau khi chiếm xong Đồ-Sơn, quân Pháp vì qúa mệt mỏi phải tạm dừng quân tại đây.

Ngày hôm sau 9-3-1884, quân Pháp cho chiếc "Éclair" mang kỳ hiệu của Chỉ-huy Trưởng Hải-đội, chiếc "Trombe" mang theo hai chiếc tàu hơi chở vật liệu làm cầu, tiến vào sông Đuống và ngược lên chợ Chi. Khi gần đến chợ Chi thì đoàn tàu này gặp hai chiếc "Carabine" và "Yatagan", hai tàu này cũng bỏ neo đêm tại Sông Đuống. Cũng tại đây quân Pháp được các kỳ hào khiếp nhược đến báo rằng quân ta và Tàu đã rút khỏi chợ Chi. Quân Pháp tiến lên và bỏ neo trước chợ Chi không gặp khó khăn nào cả.

Ngày 10-3-1884, quân Pháp cho chiếc "Éclair" đi thám sát và sau đó Millot quyết định lập một cầu qua sông Đuống để cho Lữ-Đoàn 1 qua (Brière De L'isle).

Trong khi đó ngày 9-3-1884, Lữ-Đoàn Brière De L'isle đã vượt sông Hồng-Hà, với nhiều khó khăn, nhưng cũng không có gì xảy ra và đã tới được Sông Đuống đúng như dự định.

Trong buổi chiều tối ngày 11-3-1884, hai Lữ-Đoàn De Négrier và Brière De L'isle đã gặp nhau và cùng đóng tại chợ Chi, Đồ-Sơn và vùng phụ cận...

Tình hình quân ta lúc bấy giờ tại mặt trận Bắc-Ninh như sau :

Về phía Đông thành Bắc-Ninh, cách xa khoảng 4 cây số, quân ta và Tàu thiết lập phòng tuyến dài, về phía phải thì tựa vào núi Trung-Sơn, về phía trái thì đến tận sông Cầu. Ở đoạn sông này quân ta có thiết lập một cản rất lớn... Trên khoảng đường Bắc-Ninh - Phả-Lại, chỗ mà phòng tuyến đi qua, quân ta và Tàu đào và đắp nhiều ụ, hố, hình nanh sấu... Trên núi Trung Sơn quân ta và Tàu có thiết lập 5 điểm tựa (trong đó có một điểm tựa chỉ-huy) và tất cả mọi hỏa lực của các súng đều hướng vào con đường Bắc-Ninh - Phả-Lại. Ở phía bên kia đường (đối diện với núi Trung-Sơn), quân ta và Tàu đã "chiến lũy hóa" một ngôi chùa và được phòng thủ rất hùng hậu...

Quân ta dồn mọi nỗ lực vào phòng tuyến mới này và quyết một mất một còn với quân Pháp... Nhưng Millot lại cho lệnh Brière De L'isle đem một toán quân đi vòng lên phía sau phòng tuyến của ta và bố trí tại đây... Quân ta đã cảm thấy hơi lúng túng vì chiến thuật này của quân Pháp...

6 giờ sáng ngày 12-3-1884, Lữ-Đoàn De Négrier nhận lệnh rời Đồ-Sơn và hướng về phía nhà thờ Kẻ-trại trực chỉ... Đến 9 giờ 5, tiền vệ của Thiếu-Tá Chapuis đến trước Xuân-Hòa và dưới sự bảo vệ của toán này, De Négrier điều động phần lớn Lữ-Đoàn về phía trái. Sau một trận giao tranh khá kịch liệt, đến 10 giờ 55, thì Kẻ-Trại và Xuân-Hòa của ta bị thất thủ, quân ta rút lui tán loạn. De Négrier quyết định phóng tất cả Lữ-Đoàn của mình về phía bắc Xuân Hòa, vượt qua con kinh bao bọc Đáp - Cầu và chiếm luôn cứ điểm này...

Rồi dưới sự yểm trợ của Trung Đoàn 143 và các quân sĩ còn lại khác, quân Lê-Dương tiến trước... Về phía Hải-quân Trung-Tá De Beaumont thì lo gỡ cản trên sông... Quân ta rút lui dọc theo bờ sông... Trong khi đó De Beaumont nhận được lệnh chiếm cây cầu bắc ngang sông. Mặc dầu quân ta chống trả ác liệt, Thủy quân, rồi Lê-Dương Pháp, cũng vượt qua được cầu... Pháo binh thuộc Trung-Đoàn 12 (Pháo đội 12) được điều động đến trước sân một ngôi chùa và bắt đầu pháo kích vào cứ điểm Đáp-Cầu.

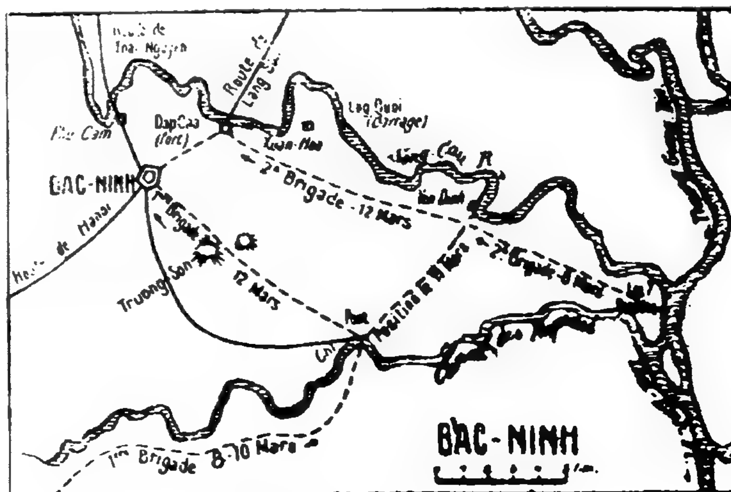
Sau đó tất cả các lực lượng khiển dụng đều được lệnh vượt qua cầu...và để che chở cho cuộc điều quân này, một Tiểu-Đoàn thuộc Trung-Đoàn 143 được tung ra phía bên trái của cầu và ở phía bên phải cứ điểm .Trong khi đó, Đại-đội Kerdrain (thuộc Tiểu-Đoàn 4 Trung-Đoàn 143) vượt sông Cầu bằng xuồng và tảo thanh bờ bên trái sông. Pháo binh lại được di chuyển tới gần và pháo kích vào cứ điểm. Sau một hồi pháo kích nặng nề, quân sĩ Lê-Dương và quân sĩ của Trung-Đoàn 143 được lệnh tiến chiếm cứ điểm. Nhưng Hải-quân Trung-Tá Beaumont và quân sĩ dưới quyền đã chiếm được cứ điểm trước. Lúc bấy giờ là 15 giờ 55, con đường đi Lạng-Sơn của quân ta đã bị chận...

Lấy xong cứ điểm Đáp Cầu, De Négrier lại điều động quân Lê-Dương đến chiếm cứ điểm thứ nhì, ở phía Tây Nam Đáp-Cầu; Cứ điểm này cũng như một cứ điểm khác nữa, gần thành Bắc-Ninh, đã được quân ta rút bỏ và quân Lê-Dương đã kéo đến đóng. Một cứ điểm thứ ba nữa gọi là cứ điểm Bắc, ở cách xa thành Bắc-Ninh 1.900 thước, đang được quân Tàu đến cứu viện, cũng bị quân Lê-Dương tấn công mạnh và chiếm được. Con đường đi Thái-Nguyên đã bị quân Pháp chiếm.

Trước mũi dùi tấn công qúa mạnh của quân Pháp, quân ta và Tàu đã bắt đầu bỏ thành và rút lui về phía con đường đi Hà-Nội và Sơn-Tây... Tiểu-Đoàn 1 Lê-Dương của Trung-Tá Donnier, 2 đại-đội của Trung-Đoàn 111, 2 đại-đội của Trung-Đoàn 143 dưới quyền chỉ huy của Trung-Tá Duchesne, được lệnh tiến chiếm thành Bắc-Ninh, không có yểm trợ pháo binh. Quân ta chỉ kháng cự yếu ớt ở phía trước thành. Ổ kháng cự cuối cùng ở phía bên trái bị thanh toán. Thành Bắc-Ninh bị chiếm vào lúc 17 giờ 50 ngày 12-3-1884 .

Thiệt hại của quân Pháp (Lữ-Đoàn De Négrier) trong trận này là 6 người chết, 37 người bị thương, trong đó có Hải-Quân Đại-Úy Poidloue. Tất cả đều thuộc Lữ-Đoàn 2 của De Négrier.

Hải đội của Hải-quân Trung-Tá Morel-Beaulieu luôn luôn phối hợp hoạt động với cánh phải của Lữ-Đoàn De Négrier, mặc dầu gặp mọi khó khăn cũng như sự chống trả của quân ta và Tàu, Hải-đội cũng đến Đáp-Cầu... Về phía quân ta và Tàu khi rút khỏi thành Bắc-Ninh đã để lại nhiều súng ống, đạn dược và khoảng 100 khẩu đại bác.



Sơ-đồ trận đánh Bắc-Ninh

Trong ngày đó (12-3-1884), Thiếu-Tướng Brière De L'Isle rời doanh trại vào buổi sáng qua chợ Chi và nhắm hướng Trung-sơn trực chỉ...

Đến 12 giờ 50, Millot cho lệnh Brière De L'Isle cứ tấn công, theo chương trình đã định... Brière De L'Isle cho lệnh bọn khố đỏ Việt-Nam dàn ra bên phải Tiểu Đoàn 2 Algérie (của Đại-Úy Godon) để che chở cho Tiểu-Đoàn này lục soát 2 làng gần núi Trung-Sơn (cách dãy núi khoảng 1.200 đến 1.500 thước về phía Đông). Hai pháo đội 80 ly và 86 ly 5 của các Đại-Úy Palle và Regis, đặt vị trí ở phía bên trái của Tiểu-Đoàn Algérie và được toán tiền sát, ngồi trên khinh cầu của Trung-Úy Julien, bay cao 300 thước, điều chỉnh tác xạ, Tiểu-Đoàn 2 của Thiếu-Tá Coronnat (thuộc Trung-Đoàn 3) được lệnh dàn quân về bên trái của vị trí pháo binh và với nhiệm vụ chiếm 2 làng khác ở giữa đồng; hai làng này được coi như điểm tựa phải của quân ta và Tàu.

Đến 15 giờ, quân Algérie bao vây đồi con Rùa và bắn truy kích quân ta và Tàu đang rút lui. Đồng thời Tiểu-Đoàn Thủy quân Lục-Chiến cũng đã tới một đỉnh đồi ở gần đó và cũng bắn truy kích vào quân ta đang rút lui...

Tuy vậy, tuyến thứ hai thuộc hệ thống chỉ huy của cứ điểm Trung-Sơn vẫn còn và các đồn ở về phía Đông-Bắc và Tây Nam của con đường Hải-dương Bắc-Ninh. Nhưng hai đồn này quân ta cũng đã rút chỉ còn có cứ điểm Trung-Sơn là vẫn kháng cự với lá Đại-Kỳ của quân ta và Tàu. Brière De L'Isle quyết định ra lệnh cho Trung Tá Brionval đánh vào phía bên phải, Tiểu-Đoàn Thủy quân Lục-Chiến đánh thẳng vào cứ điểm Trung-Sơn, quân Algérie đánh vào hai đồn ở trên con đường Hải-dương Bắc-Ninh nói trên. Sau một hồi giao tranh kịch liệt, trận then chốt (Trung-Sơn) đã kết liễu vào lúc 16 giờ và quân Pháp đã làm chủ tình thế...

Ngày 13-3-1884, mọi hệ thống phòng thủ của ta và Tàu đều bị phá hủy, Lữ-Đoàn Brière De L'Isle và De Négrier đã gặp lại nhau và cùng đóng quân trong thành Bắc-Ninh.

Bắc Ninh thất thủ, hai trong số các Tướng chỉ huy (Tàu) bị xử tử vì đã để thành lọt vào tay Pháp ..

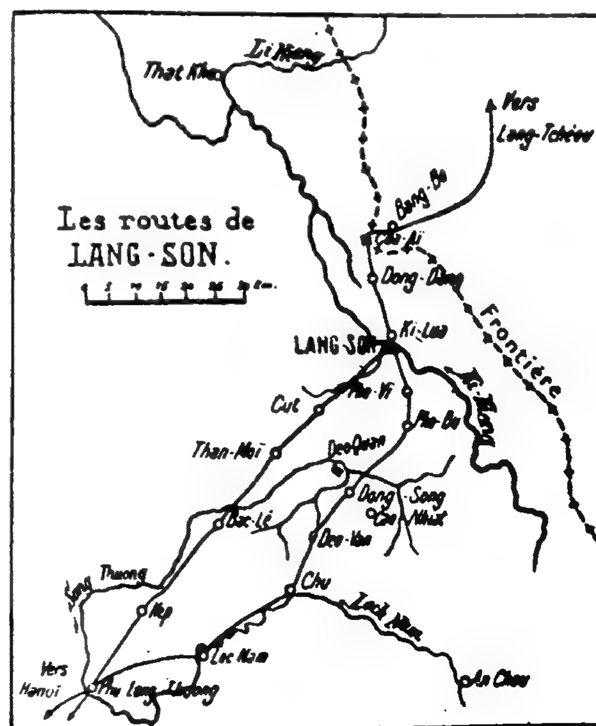
ĐÁNH CHIẾM LẠNG-SƠN và THÁI-NGUYÊN

Sau trận Bắc-Ninh, Millot không bỏ lỡ cơ hội xua quân tiến đánh luôn Lạng-Sơn và Thái-nguyên.

Ngày 15-3-1884, vào buổi sáng, Lữ-Đoàn Brière De L'Isle nhắm Thái-Nguyên trực chỉ; Lữ-Đoàn De Négrier lên đường đi Lạng-Sơn.

Trước hết là trận đánh chiếm Lạng-Sơn do cánh quân của Lữ-Đoàn De Négrier phụ-trách. Lữ-Đoàn này tập trung ở Đáp-cầu, để sửa soạn tiến quân và gồm có : 1 Đại-đội khố đỏ Bắc-Kỳ do Trung-Úy Durand chỉ-huy; 1 Đại-đội khố đỏ Việt-Nam khác do Đại-Úy Beauchesne chỉ-huy; Tiểu-Đoàn 1 Lê-Dương do Trung-Tá Donnier chỉ huy ; Tiểu-Đoàn 2 Lê-Dương do Trung-Tá Duchesne chỉ huy ; 1 Tiểu-Đoàn của Trung-Đoàn 23 do Thiếu-Tá Godard chỉ huy; Pháo-đội 12 thuộc Trung-Đoàn 12 Pháo-binh do Đại-Úy Saxcé Chỉ-huy; Pháo-đội 4 B thuộc Pháo-binh Thủy quân do Đại-Úy Robert Chỉ-huy; một Trung-đội Công-binh do Đại-Úy Tholon Chỉ-huy; toán tản thương do Y-sĩ Thiếu-Tá Chalian điều khiển và một Đoàn Hành chánh Tiếp vận do Sĩ-quan Hành chánh Tiếp vận Thomas chỉ-huy.

Sau khi vượt qua sông Đáp-Cầu vào lúc 12 giờ 30, Lữ-Đoàn nhắm chợ Gai trực chỉ...



Sơ-đồ vùng Lạng-Sơn

Toán tiền đạo gồm toàn những tên khố đỏ do De Négrier cho đi trước. Khi đi đến bờ sông Bắc-Cầu (xin đừng lẫn lộn với Đáp-Cầu) và tiến đến Sông Thôn-Giàu trước một ngôi chùa, thì bị quân ta và Tàu ở trong một đồn nhỏ ở bờ sông bên trái Phủ-Lạng Thương bắn chặn dữ dội. Quân Pháp không tiến lên được bèn kêu hai Pháo Hạm "Trombe" và "Éclair" lên yểm trợ, nhưng vì quân ta và Tàu có đắp hai cái cản nên quân Pháp phải phá cản mãi tới chiều tối mới tới Phủ Lạng Thương được.

Vì quân ta đã mang tất cả các xuồng qua bên kia sông, De Négrier cho lệnh dò tìm cách sang sông, nhưng mãi không ra. Thấy tình trạng không thể kéo dài được, một tên phản quốc Việt Nam gọi là Quản Nhân, thuộc đám Khố đỏ Bắc-Kỳ, liền nhảy xuống sông "làm gương" bơi sang bên kia để lấy xuồng cho quan thầy, lập tức nhiều tên Khố đỏ khác cũng làm theo và quân Pháp đã có phương tiện qua sông...

Đến 15 giờ 35, thì tất cả bọn Khố đỏ và một đại đội Lê-dương của Trung-Úy Poymiro cùng với Bộ Tham Mưu Lữ-Đoàn đã qua sông an toàn. Khi quân Pháp qua sông thì quân ta đã rút khỏi đồn nói trên (Phủ Lạng Thương), để lại một số chết cùng với đạn dược của hai khẩu đại bác (kiểu Đức) Krupp.

Sau đó quân sĩ của Lữ-Đoàn De Négrier đóng quân án ngữ ở làng Đồng-nhân, trên con đường đi Lạng-Sơn.

Sáng ngày 16-3-1884, vào lúc 6 giờ 45, Lữ-Đoàn này tiếp tục lên đường. Lần này tiền quân do Thiếu-Tá Hulin và quân sĩ thuộc quyền phụ trách; chủ lực (cánh giữa) do Trung-Tá Duchesne chỉ-huy; đoàn hành chánh tiếp vận vẫn do Sĩ-quan Hành chánh Thomas Chỉ-huy và hậu quân do Thiếu-Tá Godard và quân sĩ thuộc Trung-Đoàn 23 phụ trách. Đến 9 giờ, tiền quân Pháp báo cáo thấy quân ta dàn quân quanh một ngôi chùa ở trên chợ Yên (chùa ở trên cao, chợ ở dưới thấp). De Négrier liền cho hai Đại-đội Lê Dương dàn quân trên một thế đất cao ở bên phải và hai đại đội này có bổn phận hỗ trợ lẫn nhau. Khi bố trí xong, De Négrier cho lệnh tiền quân tấn công. Quân ta rút khỏi các tiền đồn quanh làng Yên, tiền quân Pháp tiến đến chùa báo cáo có một toán quân ta và Tàu đang di chuyển đến án ngữ con đường để sửa soạn phản công... Đại-



Quân Pháp tấn công vào thành Lạng-Sơn

đội Bolgert (Lê-Dương) xông vào phía trái của làng, chận bắn quân ta, nhưng quân ta đã rút sang bên phải. Đến 9 giờ 45, De Négrier lại cho lệnh dàn quân bao vây tiếp theo... Hai Đại đội Lê-Dương xung phong ngay vào phòng tuyến của quân ta và Tàu ở phía phải; trong khi đó hai Đại-đội Lê-dương Mirabal và Petit-Maire bao vây phần (lớn) còn lại trong làng... Quân ta bị tiêu diệt hết... Đến 10 giờ 30, tiếng súng ngưng hẳn, quân Pháp tiếp tục lục soát quanh vùng và đến 13 giờ 15 lại nhắm hướng Kép trực chỉ...

Làng Kép ở về phía Đông Bắc thung lũng Sông Thương. Bắt đầu từ làng này, con đường Bắc-Ninh - Lạng-Sơn rất hiểm trở xuyên qua đèo núi, cây cối rậm rạp và cỏ cao hơn đầu người. Con đường Tỉnh Đạo xã (thành Yên-Thế) đi Lạng Sơn gặp một nhánh sông hiểm trở ở bên trái sông Thương, cách phía Tây làng Kép khoảng 4 cây số. Theo ước tính của quân Pháp thì nếu quân ta và Tàu bị đánh đuổi khỏi Yên-Thế, thế nào cũng phải rút hoặc là qua làng Kép, hoặc là qua chỗ cách xa phía Tây làng này khoảng 4 cây số để ra con đường..., về Tàu.

Theo các tin tức quân Pháp được biết trong vùng này chứa rất nhiều đồ tiếp liệu của ta... Quân ta bố trí tại chợ Voi, trước làng Kép và chỉ kháng cự yếu ớt khi quân Pháp đến đây (chợ Voi) vào lúc 14 giờ cùng ngày. Đồn (chợ Voi) được vội vã rút bỏ và quân Pháp bắt được hai người lính Tàu ăn mặc giả làm thương nhân, các lính gác không hay đồn đã rút vẫn cứ đứng gác nên bị Pháp bắt. Sau đó quân ta và Tàu lại tập trung ở phía Tây làng Kép để định phản công, nhưng bị đại bác của Pháp bắn tan...

Quân Pháp lục soát làng Xâm (làng Đồng Giáp) ở phía Tây Kép, tìm thấy rất nhiều thóc gạo, thuốc súng(khoảng 8.000 ký) và 4 khẩu đại bác (kiểu Đức) Krupp; Chúng bèn đổ thuốc súng xuống nước, kéo đại bác về Bắc-Ninh,còn thóc gạo mang chia cho dân chúng trong làng.

Lấy xong Kép, quân Pháp, vẫn tiếp tục đóng quân, tuần tiễu bắt các tàn quân của ta và Tàu...,khoảng đường này được (quân Pháp) khai thông.

Ngày 17-3-1884, De Négrier cho lệnh tiếp tục tấn công quân ta và Tàu. Thiếu-Tá Hulin được lệnh chỉ huy một số quân lục soát làng Xâm (Đồng-giáp), Đồng (Thanh Đông), Vị Liệt và Nghĩa Liệt. Trong khi đó De Négrier và quân sĩ còn lại khác tiếp tục nhắm Lạng-Sơn trực chỉ. Nhưng dọc đường, De Négrier nhận lệnh của Millot trở lại Bắc-Ninh vì lý do chính trị-ngày 20-3-1884 ông ta và quân sĩ mới về tới.

Thế là cuộc đánh chiếm Lạng-Sơn bị hoãn. Lấy Thái - Nguyên như ở trên vừa nói qua, theo lệnh của Millot thì Lữ-Đoàn Brière De L'Isle sẽ đánh chiếm Thái-Nguyên sau khi đánh Yên Thế, và khởi hành ở Bắc-Ninh ngày 15-3-1884. Cánh quân này gồm có : Tiểu-Đoàn 1 và 3 thuộc Trung-Đoàn 1 Bộ-binh; Tiểu-Đoàn 2 Trung-Đoàn 3 Thủy quân Lục-chiến; 1 Đại-Đội Khố đỏ; Pháo đội 1 và 2 Thủy quân (do Đại-Úy Régis và Đại-Úy Wintemberger Chỉ-huy) và một số quân sĩ khác tổng cộng là 2.800 người, trong đó có 32 Sĩ-quan.

Lữ-đoàn qua sông Cầu đến Bến Gầm bằng phà tịch thâu ở trong vũng. Đêm đến đóng quân ở làng Nưa (Đoan-Bái).

Brière De L'Isle quyết định gấp rút tiến đánh thành Yên-Thế trước khi quân ta sẵn sàng và cử Trung Tá Belin Chỉ huy một cánh quân độc lập tiến trước.

Ngày 16-3-1884, vào lúc 17 giờ, Brière De L'Isle đến phía trên làng Đức-Lan thì nghe thấy tiếng súng nổ ở phía cánh Belin, liền để phần lớn quân sĩ ở lại, rồi cùng với Bộ Tham Mưu,có 2 Đại-Đội Algérie hộ tống,tiến về phía cánh quân Belin để xem xét tình hình. Nhưng đi được nửa chừng thì Brière De L'Isle nhận được báo cáo của Belin là đã đánh chiếm xong thành Yên-Thế. Đêm hôm đó tất cả cánh quân của Lữ-Đoàn Brière De L'Isle đều đóng tại Yên-Thế.

Quân Pháp tịch thâu được tại thành Yên-Thế 500 tấn gạo, 4.000 lít thầu dầu, 10.000 quan tiền, 26 khẩu đại bác trong số có vài khẩu bằng gang, một số thuốc súng và đạn dược hiệu Remington và Snider v.v...

Thành Yên-Thế là một thành hoàn toàn quân sự được xây dựng từ 6 năm trước để thay thế thành Bắc-Ninh trong trường hợp thành sau này (Bắc-Ninh) bị chiếm. Nó cũng như trường hợp của đa số các địa phương khác, dù là ở Bắc-Kỳ hay ở Nam Kỳ,được tạo thành để kháng chiến cho đến khi quân ta bị bại hẳn mới thôi.

Sau đó quân Pháp để lại 1 Đại-Đội Thủy quân Lục-Chiến, dưới quyền Chỉ-huy của Đại-Úy Thủy quân Lục-chiến Thirion,được tăng cường thêm 1 Trung-đội Algérie và 1 Trung-đội Pháo-binh,để đốt phá thành trong khi đó quân Pháp tiếp tục nhắm Thái-Nguyên trực chỉ vào sáng ngày 18-3-1884.

Trước ngày khởi hành (chiều ngày 17-3-1884), Brière De L'Isle đã cho một toán tuần thám đến làng Đức-Lan gồm 2 Đại-đội Algérie, 1 Trung đội Pháo binh và 1 phân đội Công-binh do Thiếu-Tá Hesling Chỉ-huy vừa để dọn đường vừa để dẫn đường cho Lữ-Đoàn. Cánh quân này phát hiện tại làng Đức-Lan đã có quân ta và Tàu đến và hai bên giao tranh kịch liệt. Quân ta và Tàu bị đánh bại. Đến 16 giờ 20, tất cả Lữ-Đoàn đã làm chủ Đức-Lan và đóng quân tại Phú-Bình.

Trong buổi sáng ngày 19-3-1884, quân Pháp đã bỏ bớt những người ốm đau, bị thương và quân trang ở lại để tiếp tục lên đường đi Thái-Nguyên. Đến 10 giờ, tiền vệ, dưới quyền Chỉ-huy của Đại-Úy Camps, thuộc Bộ Tham Mưu của Millot, đã đến cách Thái-Nguyên 3.000 thước, lập tức Brière De L'Isle cho lệnh tấn công thẳng vào thành Thái-Nguyên.

Quân Pháp dàn quân như sau : Pháo binh ở cùng với phần lớn của cánh quân và ở vào chỗ khuất không để quân ta trông thấy; Bọn Khố đỏ dàn quân với khoảng cách ngắn,tiến quân và khai hỏa theo lệnh; Một Tiểu-Đoàn (-) Algérie dưới quyền Chỉ-huy của Trung-Tá Le Tellier lẹn

lối vào bên phải đường, giữa các thế đất (lồi lõm) ở giữa thành và con sông; Thiếu-Tá Coronnat với 3 Đại-đội, cũng điều quân như Trung-Tá Le Tellier về phía Tây thành, để chặn đường rút lui của quân ta về Tuyên-Quang và Cao-Bằng.

Tất cả đã sẵn sàng... thì ở trong thành quân ta và Tàu, với các quân kỳ đủ mầu sắc, ra nghênh chiến... Đúng như ước tính của Brière De L'Isle ta đã "mắc bẫy" của địch và mặc dầu chiến đấu rất dũng cảm, nhưng rốt cuộc cũng vẫn bị đánh bại; Các quân sĩ sống sót đều chạy qua các nơi có phục binh của Pháp, đã bị "bắn bia" chết hại khá nhiều. Chịu dựng và thiệt hại nhiều nhất trong trận đánh thành Thái-Nguyên là quân ta và Cờ-đen (600 ta và 200 Cờ-đen), còn quân chánh quy của Thanh-Triều (2000) thì đã rút lui từ khi được tin quân Pháp tiến đánh Thái-Nguyên và sau những phát đại bác đầu tiên.

Vào thành, quân Pháp tịch thâu của ta 39 khẩu đại-bác, trong số có 27 khẩu bằng đồng đỏ, trên 200 súng trường các kiểu, khoảng 180 tấn gạo, khoảng 10.000 quan tiền, một số thuốc súng v.v...

Sau khi hạ xong thành Thái-Nguyên, quân Pháp, vì ít quân số và mệt mỏi, không thể tiến xa hơn nữa, nên chỉ phá hủy các cửa thành rồi đổ xuống sông tất cả thuốc súng và những gì không mang được để rút về Bắc-Ninh.

Ngày 21-3-1884, Brière De L'Isle cho lệnh rút lui và ngày 24-3-1884 thì về đến Bắc-Ninh.

Trong suốt thời gian hai cánh quân của hai Lữ-Đoàn Brière De L'Isle và De Négrier tiến đánh các nơi thì Hải đội Pháp cũng hoạt động không ngừng.

ĐÁNH HƯNG-HÓA

Do các tin tức của các pháo hạm, cũng như của các tình báo viên, quân Pháp được biết rằng quân ta và Tàu đã tập trung khá đông và đã chiến lũy hóa Hưng-Hóa, với những cứ điểm dọc hai bên bờ Hắc-Giang, cũng với các lãng ở phía tả sông Hồng-Hà đối diện với Hưng-Hóa (sau khi Sơn-Tây thất thủ).



Quân Pháp tiến vào thành Hưng-Hóa

Trung Tướng Millot quyết định đánh chiếm Hưng-Hóa với ý niệm chia làm 2 cánh quân tiến đến Hắc Giang cùng một ngày, trong khi đó các pháo hạm "Éclaire" và "Trombe" cũng đến cửa sông Hắc-Giang.

Cánh thứ nhất do Thiếu-Tướng Brière De L'Isle chỉ-huy, sẽ đến sông Hắc-Giang vào ngày 10-4-1884, bên phải của cánh quân là con đường đi thẳng từ Sơn-Tây đến Hưng-Hóa, bên trái là Tông lệnh. Sau đó bố trí và chờ lệnh... vượt sông để đánh vào phía Nam thành Hưng-Hóa.

Cánh thứ hai do Thiếu-Tướng De Négrier Chỉ-huy cũng đến Hắc-Giang, qua ngả Sơn-Tây và trên con đê, vào ngày 10-4-1884, ở vào phía bên phải của cánh thứ nhất. Sau đó bố trí để vượt sông và tiến về phía đông...thành Hưng-Hóa

Cánh Brière De L'Isle gồm có : 2 Tiểu-đoàn Algérie; 2 Tiểu-đoàn Thủy-quân Lục-chiến; 1 Tiểu-đoàn Thủy-quân; 2 Đại-đội Algérie thuộc Tiểu-Khu Sơn-Tây; 600 tên khố đỏ Việt-Nam dưới quyền Chỉ-huy của Thiếu-Tá Berger; Pháo đoàn 1 dưới quyền chỉ huy của Thiếu-Tá Douvres và các toán Hiến-binh, Tản thương, Truyền tin đóng ở làng Phùng ngày 5-4-1884, và ngày 6 vượt sông Đáy đóng quân tại làng Bách-Lộc. Ngày 7-4- cánh quân này đến Phú-nhi và Sơn-Tây; Ngày 8-4 đến Đông Cao; Ngày 9-4 Brière De L'Isle cho vài toán đi thám sát và ngày 10-4, tất cả cánh quân vượt sông Hắc-Giang bằng hai đường Hưng-Hóa và chùa Tông.

Trong đêm 10 rạng ngày 11-4-1884, quân Pháp trải qua một đêm rất yên tĩnh, nhưng đến sáng ngày 11-4, thì quân ta và Tàu tập trung ở các làng Hạ-bì và La-Thượng khai hỏa dữ dội vào các tiền đồn (tạm) của quân Pháp. Quân Pháp bắn chống trả bằng sơn pháo 86 ly 5, quân ta phải rút lui.

Sau đó cánh này được lệnh của Millot tiếp tục tiến quân vào lúc 10 giờ, đến Bất-Bạt vào lúc 13 giờ 45 và cả cánh quân qua sông bằng các phương tiện kiếm được tại chỗ......Chỉ để một Tiểu-Đoàn Algérie làm hậu vệ và tiểu đoàn này đến 6 giờ 30 sáng ngày hôm sau 12-4-1884, mới qua sông...

Về phía cánh De Négrier gồm có : 2 Tiểu Đoàn của Trung-Đoàn 1; 2 Tiểu-đoàn Lê-dương; 2 Đại-đội Thủy-quân Lục-chiến; Pháo đoàn 2 dưới quyền Chỉ-huy của Thiếu-Tá Mortier; Pháo đoàn 4 của Tổng hành dinh Tổng Tư-lệnh và các toán Truyền tin và Khinh cầu.

Cánh này đến sông Hắc-Giang vào ngày 11-4-1884 và cũng đến vị trí ấn định sau đó... Vào ngày 12-4-1884, tình hình diễn tiến như ước tính của Bộ Tổng Tư-lệnh Pháp, các tin tức được các toán quan sát trên Khinh cầu xác nhận là quân ta và Tàu đã rút khỏi thành Hưng-Hóa, lập tức Millot cho lệnh vào chiếm thành không một phát súng.

Sau khi chiếm thành Hưng-Hóa, quân sĩ Pháp được nghỉ vài ngày, rồi Millot cho lệnh De Négrier Chỉ-huy một cánh quân truy lùng quân ta và Tàu ở mạn phủ Lâm-Thao. Cánh này trở lại ngày 17-4-1884.

Chiều ngày 19-4-1884, các cánh quân đều rút về Hà-Nội, chỉ để lại Hưng-Hóa 1 toán 50 tên khố đỏ, 2 tiểu đoàn Lê-dương, pháo đội 95 ly cùng các toán Công binh, Tản thương và Tiếp vận dưới quyền chỉ huy của Trung-Tá Duchesne.

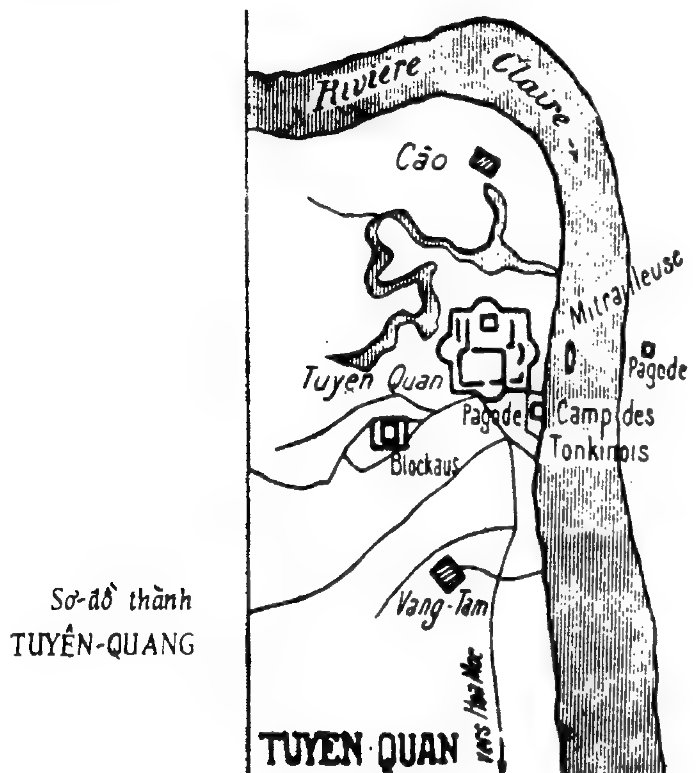
Trong thời gian quân Pháp dồn quân lên đánh Hưng-Hóa, Thiếu-Tướng De Négrier giao quyền chỉ huy Bắc-Ninh cho Trung-Tá Brionval, quân ta lại hoạt động mạnh ở vùng này. Quân Pháp được tin quân ta đang hoạt động mạnh ở huyện Kim - Anh liền cho 2 Đại-đội khố đỏ và 2 Đại-Đội Thủy quân Lục-chiến, dưới quyền Chỉ-huy của Thiếu-Tá Reygasse, đi tìm diệt ;Ngày 10-4-1884 toán quân này vượt sông Cà-Lồ, ở khoảng Thượng Thôn, và tiến đến Đồng Bài, là nơi quân ta và quân Pháp đánh nhau rất kịch liệt. Quân ta bị đánh bại và bị bắt 227 tù binh. Sáng hôm sau, 11-4, quân Pháp đến Linh Anh và đóng quân ở đó vài ngày để mở các cuộc tuần thám trong vùng. Ngày 14-4-1884, quân Pháp lại đến Đa-Phúc và gặp tại đây một đại đội, dưới quyền Chỉ-huy của Đại-Úy Penther, với một khẩu đại bác 86 ly 5, do Trung-Tá Brionval gởi đến tăng cường, kèm theo lệnh cho Reygasse "sau khi đến Đa-Phúc, sẽ trở lên Thái-Nguyên và trở về Bắc-Ninh bằng ngả Phú Bình và Phố Gấm". Ngày 15-4-1884, Reygasse rời Đa-Phúc tới Lưu-Xá, rồi đến Thái-Nguyên vào lúc 13 giờ 10 ngày 16-4-1884 .Tại đây , thành Thái-Nguyên, sau khi bị quân Pháp, đánh phá hồi trung tuần tháng 3-1884, quân ta và Tàu lại trở lại chiếm đóng. Sau các loạt súng và pháo kích, quân Pháp đã ào at xung phong vào thành và đến 14- giờ 20 thì thành vỡ... Ngày 19-4-1884, Reygasse và cánh quân lại rút hết về Bắc-Ninh... Mãi đến ngày 10-5-1884 Trung Tá Donnier ở Bắc-Ninh nhận được lệnh mang quân lên chiếm đóng vĩnh viễn ở Thái-Nguyên.

CHIẾM TUYÊN-QUANG

Trong phiên họp "Hội Đồng Chính Phủ" ngày 19-5-1884, Trung-Tướng Tổng-Tư Lệnh Millot quyết định sẽ chiếm đóng Tuyên-Quang, bởi vì từ khi quân Pháp chiếm đóng Hưng-Hóa quân ta và Cờ-Đen đã rút lên thượng lưu sông Chảy và quấy phá trong vùng này. Đại-Tá Duch-

esne Chỉ-huy khu vực Hưng-Hóa được giao nhiệm vụ điều khiển cuộc hành quân. Quân Pháp tiến chiếm Tuyên-Quang theo thế gọng kềm : một cánh từ Hưng-Hóa theo đường bộ tiến lên, cánh khác theo đường thủy tới...

Ngày 31-5-1884, quân Pháp chiếm Tuyên Quang không một phát súng, vì quân ta và Tàu đã rút từ trước. Duchesne để lại Tuyên Quang 1 Trung-đội Pháo-binh, 1 Đại-đội khố đỏ, 2 đại-đội Lê-Dương, dưới quyền Chỉ-huy của Thiếu-Tá Franger, và trở về Hưng Hóa ngày 6-6-1884,.-



Sơ-đồ thành
TUYÊN-QUANG

6.– Viện quân Pháp lại tiếp tục được gởi tới và các cuộc hành quân mới ở Bắc-Kỳ.

Trong thời gian có các cuộc thương-nghị ở Thượng-hải, ở Paris, ở Bắc-Kinh, hay tại Huế thì, như trên đây đã nói, quân Tàu vẫn tiếp tục vượt biên giới, quân ta ở trong vùng Pháp chiếm vẫn tiếp tục nổi lên kháng chiến, nhiều địa phận bị cướp bóc hoành hành và quân Pháp vẫn tiếp tục các cuộc Hành-quân "tảo thanh"...

Vào cuối tháng 8/1884, Thanh-đình thăng chức cho LƯU VĨNH PHÚC để khích lệ PHÚC tiếp tục cuộc chiến với Pháp, đồng thời treo giải thưởng cho những người nộp đầu quân Pháp, tùy theo cấp bậc, có thể được thưởng một số tiền Tàu tương đương với 713 tới 71.300 quan.

Trung-Tướng MILLOT nhận thấy tình hình thật khẩn trương, mà ông lại không đủ quân số trong tay, để tiếp tục công cuộc bình định. Đánh điện xin viện quân thì không có. Mệt mỏi và chán nản, ông xin Chính Phủ Pháp cho chấm dứt nhiệm vụ, đơn được chấp thuận, MILLOT trao quyền cho Thiếu-Tướng Brière de L' Isle ngày 8/9/1884 và sau đó trở về Pháp.

Tình hình quân Pháp ở Bắc Kinh khi Brière de L' Isle lên cầm quân như sau :

Lữ-Đoàn I (được Brière de L' Isle trao quyền cho Đại-Tá Dujardin ngày 8/9/1884, khi L' Isle lên nhận quyền tổng Tư Lệnh) gồm có : Trung-Đoàn 1 Bộ-Binh dã chiến Algérie (gồm có : 75 sĩ-quan, 2.400 Binh sĩ); Trung-Đoàn 2 Bộ Binh dã chiến (Thủy Quân Lục Chiến gồm có : 36 Sĩ-Quan, 2.050 Binh-sĩ) Trung-Đoàn 2 Khố-đỏ Bắc-Kỳ (39 Sĩ quan, 3.500 binh-sĩ)

Lữ-Đoàn 2 gồm có : Trung-Đoàn 3 Bộ-binh dã chiến (các Tiểu đoàn Pháp quốc gồm có : 46 Sĩ-quan, 2.400 Binh-sĩ); Trung Đoàn 1 Khố đỏ Bắc-Kỳ (41 Sĩ-quan, 3.800 Binh sĩ).

Tổng cộng Bộ-binh gồm có : 284 Sĩ-quan, 16.600 Binh-sĩ.

Pháo Binh dưới quyền chỉ-huy của Thiếu Tá De Douvres gồm có : 2 pháo đội 80 ly, một số Công-Binh bắc cầu, 3 Đại-đội phụ dịch và hỏa-công. Pháo binh Thủy-quân Lục-chiến dưới quyền chỉ huy của các Thiếu-Tá TQLC Le Vrard và Mortier gồm có 4 Pháo đội đại bác 86ly5, 01 pháo đội 65 ly, 1 Pháo đội 95 ly và Pháo đội Công vụ.

Ngoài ra còn có Đại-đội 3 phụ thuộc Tiểu đoàn Tiếp-vận 30, do Đại-Úy Breselles chỉ-huy. Đại đội 2 thuộc Tiểu-đoàn 13 Công-binh, và các phân đội Ky-binh (1 Tiểu-đoàn (-) thuộc Trung-đoàn Thám-kích Phi-Châu); các toán Thư-ký, thơ, Hiến-binh, Truyền-tin, Khinh cầu v.v...

Hải-Đội gồm có 22 Chiến Hạm với 60 Sĩ-

quan và 1.080 Thủy-thủ dưới quyền chỉ-huy của Hải-quân Đại-Tá Galache.

Tổng số quân Pháp ở Bắc-Kỳ kể cả Lục quân, Hải-Quân v.v... là 17.570 binh sĩ, trong số có 1.800 người bất khiển dụng (nằm bệnh viện, biệt phái.v.v...)

Ngày 12/9/1884, Tổng-Trưởng Hải-quân và thuộc địa Pháp là Đề-đốc Peyron báo cho Brière de L' Isle rằng chính-phủ Pháp đã bổ Lemaire làm Tổng trú-sứ và đã gởi viện quân sang từ tháng 8/1884 trên bốn Chiến Hạm và gồm khoảng 3.000 người. Nhân dịp này, Peyron cũng gởi các Huấn thị cần thiết cho Brière de L' Isle để có thể đối phó với mọi tình thế.

Viện quân Pháp đến, Thiếu-Tướng Brière de L' Isle liền chia ra nhiều cánh để mở ra các cuộc hành quân nhỏ, đánh quân ta và Tàu.

Ngày 24/9/1884, một cánh quân do Trung Tá De Maussion chỉ-huy, gồm có một đại đội Khố đỏ Bắc Kỳ, do Đại-Úy Bidegain chỉ-huy, 1 đại đội thuộc Trung-Đoàn 23 do Đại-Úy Morineau chỉ huy, 1 khẩu đại bác 86 ly 5, đóng ở Mỹ-lương, được các Pháo hạm "Carabine" "Yatagan" yểm trợ có nhiệm vụ giải tỏa đồn Kẻ-Sơn, do quân Cờ-Đen chiếm đóng. Cánh quân rời Mỹ-Lương trên sông Bưởi, và đổ bộ tại Đong-Li, cách xa đồn Kẻ-Sơn khoảng 4 cây số và sau một cuộc pháo kích nặng nề, quân Cờ đen bị đẩy lui.

Ngày hôm sau, một toán quân hỗn hợp của Pháp được thành lập để truy kích quân Cờ-đen ở Kẻ-Mong và Bãi Dâu, đã gặp quân Cờ đen và đã bắn chết viên chỉ-huy trưởng pháo binh Cờ đen - Chính viên chỉ-huy này đã điều khiển các đại bác tấn công vào thành Sơn-Tây. Ngày 6/10/1884, De Maussion lại được tin quân Cờ đen tập trung ở Mong-Hòa-Phát, liền cho quân đi tìm đánh, nhưng khi đến nơi, quân Cờ đen đã rút lui về phía sông Đà.

Ngày 18/9/1884, một cánh quân xuất phát từ Phủ-Lạng-Thương, do Đại úy Mercier chỉ huy, gồm có Đại-đội 1 và 4, thuộc Trung-Đoàn 1 Bộ-Binh dã chiến Algérie, Đại-đội 3 Tiểu-đoàn 2 Khinh chiến Phi-Châu, đến tiếp cứu cho làng Dong-Nam bị khoảng 400 quân Cờ đen, ta và Tàu xuất phát từ Bảo-Lạc tấn công. Quân Pháp vây chặt làng, quân ta và Tàu phải mở đường máu rút lui, sau khi để lại 42 người chết và một số bị thương...

Ngày 24/9/1884, Thiếu-tá Servière cùng với 20 người thuộc 1 đại đội của Tiểu-đoàn 2 Phi-Châu đến Bối-Giản để bắt 2 quan chức của ta chạy theo quân kháng chiến, đã gặp quân ta và Tàu. Lập tức một cánh quân khác do Thiếu Tá Tonnot chỉ-huy gồm có : Đại đội 1 thuộc tiểu đoàn 2 Phi-Châu do Đại-úy Carnivet chỉ-huy, có các pháo hạm "Mousqueton" và "Rafale" yểm trợ, đi tiếp cứu vào ngày 26/9/1884, đã đẩy lui quân ta và Tàu. Sau đó quân Pháp phải



Cột cờ trong thành Sơn-Tây

thiết lập một đồn ở Lạc-Sơn. Đồn vừa làm xong được vài ngày thì đêm 2, rạng ngày 3/10/1884, đã bị quân ta và Tàu tấn công. Nhưng đồn vẫn giữ vững được.

Trong khu vực Sơn-Tây, từ 18/9 đến 2/10/1884, quân Pháp cũng tung ra nhiều cuộc tuần chiến vào Hỏa-Lạc, Mâu-Sơn, Tuần quân v.v... do các Đại-Úy Polére (từ 18 đến 24 tháng 9/1884) Trung-Úy Lagarde(22-9-1884) Trung-Úy Gravereau . . .

Riêng về các pháo hạm "Arquebuse" và "Avalanche" thì chia nhau đi tuần chiến trên sông Hồng-Hà, cũng có chạm súng với quân ta và Cờ Đen vài lần...

Về mặt Đáp-Cầu và Phủ-Lạng-Thương thì quân sĩ thuộc hai cứ điểm này phụ trách tuần chiến về phía Kép. Còn các pháo hạm thì canh chừng các sự điều động quân sĩ của ta ở thung lũng sông Lục-Nam.

Ngày 02/10/1884, vào lúc 9 giờ sáng, các pháo hạm "Hache" và "Massue" ngược dòng sông (Lục-Nam), khi đi đến phía trên làng Lục-Ngạn, thì bị quân ta và Tàu từ hai phía bờ bắn xối xả vào tàu, khiến cho hạm trưởng chiếc "Massue" bị bắn mất cuống họng trong khi đang nhắm khẩu Hotchkiss và chết vào buổi chiều cùng ngày.

Vào khoảng 10 giờ 40 (cũng ngày trên), chiếc "Mousqueton" được tin hai pháo hạm trên bị tấn công, liền đi tiếp cứu, nhưng cũng bị tấn công ở dọc đường và sau nửa giờ giao tranh ác liệt, pháo hạm này mới chạy thoát mang theo một số bị thương.

Đến 17 giờ chiều (cùng ngày trên) thì quân Pháp mới tập họp được cả ba pháo hạm tại Phả-Lại với tổng số là 33 người bị thương tất cả.

Thiếu-Tướng Brière de L' Isle thấy kế hoạch "chia quân ra nhiều cánh để mở ra các cuộc Hành-quân nhỏ" chẳng những không đạt được kết quả mong muốn, mà lại còn bị thiệt hại nặng nề thêm, trong khi quân Tàu ở Vân-Nam, Quảng-Đông và Quảng-Tây ngày kéo vào Bắc-Kỳ càng nhiều hơn, nên ra lệnh cho Thiếu-Tướng De Négrier tổ chức 3 cánh quân thật mạnh để tảo thanh vùng Chũ, Kép v.v...



Một tên Khố đỏ (lính Việt-Nam đánh thuê chết thế cho thực dân Pháp).

- Cánh thứ nhất do Trung-Tá Donnier chỉ-huy được tổ chức ở Đáp Cầu gồm có : hai Đại đội của Trung-Đoàn 43 do các Đại-Úy Frayssinaud và Cuvellier chỉ-huy, 2 Đại-đội Lê-Dương do các Đại-Úy Beynet và Bolgert chỉ huy, 1 Trung-Đội sơn pháo 80 ly do Trung Úy Largouet chỉ-huy, 2 Đội Lê-Dương khác do các Đại-Úy Bérard và Yzombart chỉ-huy,1 phân đội Khố đỏ Bắc Kỳ do Thiếu-Úy Bataille chỉ-huy và một toán tản thương.

- Cánh thứ hai do De Négrier đích thân chỉ-huy gồm có : Tiểu-đoàn của Thiếu-Tá Godard thuộc Trung-Đoàn 23 (3 Đại đội của các Đại-Úy Ginoux, Gaillon và Pecoul), Tiểu đoàn của Thiếu-Tá Chapuis thuộc Trung-đoàn 111 (Đại đội của các Đại-Úy Plante, Venturini Mailhat và Verdin), Tiểu-đoàn của Thiếu-Tá Farret thuộc Trung-đoàn 143 (2 đại đội của các Đại-úy Barbier và Dautelle) 1 pháo đội 86 ly 5 sơn pháo, do Đại-Úy Roussel chỉ huy, 1 pháo đội 80 ly sơn pháo do Đại úy De Saxcé chỉ huy (tất cả các pháo đội đều dưới quyền chỉ huy của Thiếu Tá De Douvre) 1 toán tản thương, 1 Trung-đội Truyền-tin và một bán Trung-đội Kỵ binh.

- Cánh thứ 3 do Thiếu-Tá De Mibielle chỉ-huy gồm có 1 Trung-đội Khố đỏ Bắc-Kỳ do Thiếu-úy Robard chỉ-huy, 1 tiểu-đoàn Bộ-binh Algérie (4 Đại đội của các Đại-Úy Martineau, Chirouze, Polère và Valet) 2 Trung-đội sơn pháo 80 ly do Đại úy Jourdy chỉ-huy, 1 toán công binh, 1 toán tản thương.

Ngày 5/10/1884, Thiếu-Tướng De Négrier Tư lệnh Hành-quân được tin ở Chũ có khoảng 4.800 quân chánh quy ta và Tàu, và ở Kép có khoảng 3.200, liền ra lệnh hành quân như sau :

- Cánh thứ nhất của Trung-Tá Donnier được tung vào thung lũng sông Lục-Nam và nhắm Chũ làm mục tiêu.

- Cánh quân của Thiếu-tá Mibielle có nhiệm vụ yểm trợ cho cánh Donnier, phải có mặt ở Hòa-Phú vào chiều ngày 6/10/1884, và bằng mọi cách phải liên lạc được với cánh bạn ngay vài giờ sau đó. Ngoài ra, Thiếu tá Mibielle còn có nhiệm vụ dồn các toán quân ta và Tàu về phía Bảo-Lộc nữa.

- Cánh do De Négrier trực tiếp chỉ-huy có nhiệm vụ lùng đuổi quân ta và Tàu ở Bảo-Lộc và cắt làm hai, một nửa đẩy sang phía cánh quân của Donnier, một nửa đẩy về phía Kép để tiêu diệt.

Sau đây là diễn tiến hoạt động của các cánh quân :

TRẬN ĐỒN-CHŨ

Ngày 6/10/1884, cánh Donnier dùng quân vận hạm có các pháo hạm "Hache", "Massue" và "Éclair" yểm trợ và một đại đội Lê-Dương (Đại-Úy Beynet), 1 phân đội khố đỏ Bắc-Kỳ (Thiếu-úy Bataille) mở đường ở trên bờ đê chuyển quân lên Chũ.

Đến 10 giờ (cùng ngày), đoàn tàu tới Lầm và quân Pháp đổ bộ lên đây ngay. Trưa đến quân ta và Tàu ở phía trên Lầm nã đạn đại bác và súng cá nhân vào quân Pháp. Pháo hạm "Éclair" lập tức chống trả và quân Pháp tung một Đại đội Lê-Dương, do Đại-Úy Bolgert chỉ huy, đánh bọc sườn làm cho quân ta và Tàu phải rút lui.

Trong khi đó, các toán quân ta và Tàu khác lại đe dọa hai đại đội Beynet và Bolgert. Quân Pháp phải gởi phân đội Khố đỏ của Thiếu úy Bataille đến tiếp cứu. Cũng trong khoảng thời gian đó, cuộc đổ bộ hoàn tất và đến 14 giờ, quân ta và Tàu tấn công thẳng vào đại đội của Đại-úy Frayssinaud, nhưng bị đẩy lui. Đến lượt đại đội Beynet phản công, dùng lưỡi lê xung phong dưới hỏa lực khủng khiếp của quân ta và Tàu. Tuy vậy, quân ta và Tàu cũng bị đẩy lui và để lại một số người chết. Trong lúc xung phong, Đại úy Beynet bị chết ngay tại chỗ và sau trận đánh, quân Pháp kiểm điểm lại thấy bị chết tất cả 11 người và 30 bị thương, trong số đó có Thiếu-Úy Bataille.

Sau cuộc đụng độ này, quân ta và Tàu rút về Chũ. Trung-tá Donnier được tin quân ta và Tàu đóng ở 5 cây số phía đông bắc, liền gọi Mibielle đến tăng cường. Sau khi được tăng cường, Donnier quyết định tấn công vào vị trí quân ta và Tàu. Sáng ngày 10/10/1884, quân Pháp tiến chiếm các cao điểm chế ngự Chũ. Cuộc điều quân do đại đội Bolgert và các quân sĩ của Đại-Úy Frayssinaud thi hành đã diễn ra một cách vô cùng xuất sắc. Nhưng bị quân ta và Tàu tấn công, Đại-Úy Frayssinaud bị một phát đạn vào đầu, được Đại-Úy Cuvellier, tham mưu trưởng của Donnier thay thế, nhưng sau đó Cuvellier cũng bị trúng 3 phát đạn. Trận chiến diễn ra vô cùng ác liệt đến đêm mới chấm dứt. Quân Pháp bị chết trong trận này là 21 người và bị thương 89 người.

Ngày 11-10-1884, vào buổi sáng, quân ta và Tàu lại tấn công vào quân Pháp, nhưng bị đẩy lui bởi pháo binh do Đại úy Jourdy điều khiển. Trong đêm 11 rạng ngày 12/10/1884, sau một trận mưa như trút nước, quân ta và Tàu đã đốt đồn Chũ và rút về phía đèo Quao. Sáng ngày 12/10/1884, quân Pháp cho các toán thám sát vào làng và đồn Chũ chỉ thấy có vài thương binh của ta và Tàu để lại.

Sau khi quân ta và Tàu rút khỏi Chũ, cánh Donnier lại được tăng cường vào ngày 13 và 14/10/1884, Trung-Tá Donnier lại tung quân ra chiếm các tiền đồn bao bọc dãy núi Quao. Trong đêm 19 rạng 20/10/1884, quân ta và Tàu đã qua khỏi đèo Quao và rút về phía Đồng-sơn.

TRẬN ĐỒN-KÉP

Cánh quân do đích thân De Négrier chỉ huy, sau khi để lại chùa Thomann (tên một lính Lê-Dương bị giết tại đây) các đồ tiếp liệu do 2 Đại đội thuộc Trung-đoàn 143 và pháo đội Roussel giữ, ngày 7/10/1884, đã hướng về Bảo-Lộc trực chỉ... Đường đến Bảo Lộc thật là khó khăn, cầu đường đã bị quân ta và Tàu phá hết. Tiền vệ đến Bảo-Lộc hồi 9 giờ 30 và đụng độ với một toán quân ta và Tàu, nhưng quân ta và Tàu đã rút lui. Thiếu-Tướng De Négrier được tin cánh quân của Thiếu Tá Mibielle đã sát nhập vào cánh quân của Trung-Tá Donnier, liền quyết định tới Kép.

Ngày 8/10/1884, cánh này đến gần Kép mà không gặp sức kháng cự nào của quân ta và Tàu. Đại-Úy Fortoul trong đám tiền vệ với Thiếu-Tướng DeNégrier cùng vài người đã đột nhập vào làng, các đại đội Plante và Venturini tiến theo gây bất ngờ cho quân ta và Tàu. Quân ta và Tàu liền thổi tù và báo động ở tứ phía và một cuộc chạm súng ác liệt diễn ra ngay sau đó. Trong khi đó phần lớn quân Pháp đang còn ở phía Nam Kép.

Kép là một cứ điểm lớn và vững chắc, được một số lớn quân ta và Tàu phòng giữ, nó được bao bọc bởi một dẫy công sự và các tiền đồn vững chắc ở bên ngoài. Phía trái tựa vào con đường đi sang Tàu, lấy một ngôi chùa làm điểm tựa và kéo dài dọc theo ven rừng đến tận làng Chàm (Điểm tựa phía phải - cách xa phía trước cứ điểm một ít).

Sau khi kiểm điểm tình hình, quân Pháp cho tập trung tất cả đại bác trên một ngọn đồi hướng xuống cứ điểm Kép, với một xạ cự ly ngắn rồi bắt đầu pháo kích, đồng thời cho hai đại đội Gignous và Gaillon đi vòng sang phía đông, để bao vây và đánh vào bên hông. Thiếu tá Godard đánh thẳng vào cứ điểm.

Đến 11 giờ 30, quân Pháp đã vây chặt Kép (mà không đánh vào các tiền đồn) không một quân sĩ nào của ta và Tàu thoát ra được, thì bất ngờ quân Pháp bị quân ta và Tàu trùng trùng điệp điệp bao vây ở vòng ngoài và uy hiếp nặng nề cánh quân ở phía trái. Nhưng quân ta và Tàu bị đại bác của Đại-Úy Saxcé và các khinh binh của các đại đội Verdin và Barbier đẩy lui đến tận làng Chàm và sau đó rút lui luôn.

Trong khi đó, các đại đội và đại bác khác vẫn tiếp tục tấn công một cách vô hiệu vào cứ điểm, Đại úy Plante chết tại chỗ khi tấn công... Thiếu-Tướng De Négrier quyết định tạm ngưng tấn công vào cứ điểm chính và chiếm các điểm tựa vòng ngoài trước, để ngăn chặn viện quân của ta và Tàu. Các đại bác của Đại úy Saxcé đều hướng về phía ngôi chùa, dùng làm điểm tựa trái, trên con đường sang Tàu, bắn yểm trợ cho hai đại đội Mailhat và Pécoul tấn công... Quân ta và Tàu chống cự rất anh dũng và hết thảy đều hy sinh tại chỗ mà không một ai ra đầu hàng cả. Đồng thời điểm tựa phía phải cũng bị thanh toán. Như vậy các tiền đồn và công sự bên ngoài đã bắt đầu nao núng và rút lui... Không còn đánh vào sau lưng quân Pháp nữa.



Một thân binh của thực dân Pháp

Sau đó quân Pháp tập trung hỏa lực yểm trợ cho các cuộc tấn công đợt hai và đợt ba vào Kép, đều bị quân ta và Tàu đẩy lui.

Vì cho rằng quân ta và Tàu không còn đe dọa sau lưng mình nữa, nên De Négrier cho tăng cường thêm một đại đội nữa (Đại đội Barbier) để tấn công và Pháo binh được kéo lại gần hơn, để bắn trực xạ vào cứ điểm. Đến 14 giờ 10

(vẫn ngày 8/10/1884), lệnh tấn công được ban ra : đại đội Barbier (mới được tăng cường), xung phong vào phía Nam, Tiểu đoàn Godard tấn công vào phía Bắc, các quân sĩ thuộc các đơn vị khác, lưỡi lê lắp đầu súng bao vây cứ điểm. Một trận đánh xáp lá cà kinh hồn đã xảy ra khi quân Pháp xung phong vào cứ điểm, Đại-úy Gignoux bị chém một nhát gươm trọng thương, Đại-úy Kerdrain lãnh hai ngọn giáo và hai nhát gươm. Quân Pháp chiếm được Kép, nhưng cũng bị thiệt hại nặng và quân ta và Tàu đều hy sinh tại vị trí chiến đấu, không một ai đầu hàng hay chạy trốn cả.

Thiếu-Tướng De Négrier bị thương ở chân, Trung Tá Chapuis chết trong lúc xung phong, Trung Úy Triboulet bị trọng thương và chết vài ngày sau đó, Trung úy Berge, tùy viên của De Négrier, Đại-Úy Venturini, Trung-úy Sozanoff, Thiếu-úy Massiat và Thiếu-úy Dulys bị thương. Tổng cộng quân Pháp chết trong trận này là 32 người, và 61 người bị thương.

Ngày 9/10/1884, Thiếu-Tá Godard được lệnh tổ chức một cánh quân để truy kích quân ta và Tàu đến tận sông Thương và sau đó quân Pháp cho thiết lập một đồn binh tại Kép và giao cho Godard chỉ-huy, gồm có : Tiểu-đoàn Godard (-), 2 Trung-đội pháo binh 86ly5 do Đại-úy Roussel chỉ-huy, phân đội Khố đỏ Bắc Kỳ, các phân đội Công-binh, truyền tin.v..v...

Sau trận Kép, quân Pháp tiếp tục cho quân đi tuần chiến khắp nơi ở đồng bằng Bắc Kỳ : trong vùng Đông-Triều, vùng Phủ-Lạng-thương, vùng Hà-Nội, vùng Tiên-yên và cho đắp các con đường quân sự nối liền các cứ điểm mới thành lập, để hạn chế hoặc ngăn chận các hoạt động của quân ta và Tàu.

TRẬN TUYÊN-QUANG

Như ở phần trên đây đã nói, ngày 31/5/1884 Đại-Tá Duchesne chiếm Tuyên quang không tốn một phát súng, vì quân ta và Tàu đã rút hết, và thiết lập ở đây một đồn binh do Thiếu-Tá Frauger chỉ-huy, rồi Duchesne lại trở về Hưng-Hóa. Ở đây (Tuyên quang), quân Pháp nhận được nhiều tin quân Tàu đã vượt biên giới để xâm nhập vùng đồng bằng Bắc Việt. Để kiểm chứng, đích thân Frauger đã chỉ-huy các cuộc tuần thám và xác nhận là có quân Cờ Đen xâm nhập vào vùng giữa sông Hồng Hà và sông Lô.

Ngày 12/10/1884, vào lúc hai giờ, thành Tuyên quang bị quân ta và Cờ đen tấn công, nhưng thất bại. Trong các ngày 13, 14, 15, 17 và 19/10 kế tiếp, quân ta vẫn tiếp tục tấn công vào thành nhưng vô hiệu. Không thanh toán được mục tiêu, quân ta và Cờ Đen đổi sang chiến-thuật bao vây và pháo kích vào thành. Quân Pháp bị lâm vào tình trạng khốn đốn thiếu thốn cả lương thực lẫn thuốc men. Tuy vậy, quân Pháp cũng cho các pháo hạm "Revolver",



Cửa thành
TUYÊN-QUANG

"Mitrailleuse", "Éclair", "Trombe" đến tiếp tế, tăng cường một đại đội Khố đỏ Bắc kỳ và yểm trợ được cho đám quân trú phòng Tuyên-quang.

Ngày 12/11/1884, chiếc "Trombe" sau khi tiếp tế xong trở về, bị quân ta và Cờ Đen tấn công, Pháo hạm Trưởng là Hải quân Trung-úy Testu de Balincourt bị thương, 01 thủy thủ bị chết và rất nhiều người trong thủy thủ đoàn bị thương.

Đứng trước tình trạng này, Thiếu-Tướng Brière de L' Isle cho thành lập một cánh quân và giao cho Đại tá Duchesne chỉ huy đi tiếp cứu.

Cánh quân này gồm có 2 đại đội Lê dương do các Đại-Úy Borelli và Moulinay chỉ-huy, 2 Đại đội Thủy Quân Lục Chiến do các Đại-Úy Herbin và Chanut chỉ-huy, 1 toán Lê-dương khác do Đại-Úy Cattelin chỉ-huy, 1 Trung-đội Pháo binh do Trung-úy Derappe chỉ-huy, và một phân đội tản thương.

Ngày 18/11/1884, cánh quân này đổ bộ tại phía dưới làng Đước, cách xa thành Tuyên quang khoảng 8 cây số. Và sáng sớm ngày hôm sau, thì tiến vào làng. Đến 7 giờ, tiền vệ (Đại đội 28 Thủy Quân Lục Chiến) bị quân ta và Cờ Đen bắn chận; đám này, dưới sự yểm trợ hỏa lực của các đại đội 25 Thủy Quân Lục Chiến và đại đội 1, tiểu đoàn1 Lê-Dương, lập tức dàn quân chống trả, quân ta vẫn không chịu rút lui. Đại-tá Duchesne cho tăng cường thêm đại đội Borelli và ra lệnh xung phong vào phòng tuyến của quân ta và Cờ Đen. Sau một cuộc nổ súng và xung phong ác liệt, quân ta và Cờ đen rút lui để lại 28 chết, về phía quân Pháp 8 tên bị chết (trong đó có Trung-úy Schuster) và 22 tên bị thương. Và buổi chiều hôm đó (19/11/1884) quân Pháp cũng đã đến được Tuyên quang.

Ngày 20/11/1884, đoàn tàu tiếp tế của Pháp cũng tới nơi (Tuyên quang), trong khi đó quân của Đại-tá Duchesne, có các pháo hạm yểm trợ, vẫn tiếp tục lùa quân ta và Cờ Đen ra khỏi khu vực.

Ngày 23/11/1884, Đại-Tá Duchesne cho rút quân (tiếp cứu) khỏi Tuyên quang, chỉ để lại tại đây : 2 đại đội dưới quyền chỉ huy của Đại úy Cattelin gồm có 8 sĩ quan và 390 binh sĩ; Đại đội 8 thuộc Trung-đoàn 1 Khố Đỏ Bắc Kỳ, do Đại-Úy DIA chỉ huy, gồm có 2 sĩ quan và 162 người; 1 Trung-đội Pháo binh do Trung-Úy Derappe chỉ-huy; 1 bán đội công-binh 8 người do Trung Úy Bobillot chỉ-huy, 6 người vừa Y-tá, vừa lao công và Y sĩ Thiếu-Tá Vincent cùng với pháo hạm "Mitrailleuse" ở lại chống giữ thành (Tuyên quang), do Thiếu Tá Dominé chỉ-huy tổng quát.

Ngày 24/11/1884, sau khi Duchesne rút quân về Sơn Tây, Dominé ban bố tình trạng khẩn trương ở Tuyên quang và sẵn sàng đối phó với các cuộc tấn công, thì được tin quân ta và Cờ Đen tập trung rất đông ở gần Yên-Báy cũng như ở Phủ yên Bình và Phủ Đoan.

Thiếu-Tá Dominé ra sức phòng thủ thành Tuyên-quang, tuần tiễu trong vùng và thiết lập một tiền đồn ở phía Nam thành, cách xa khoảng 300 thước, do đại đội 8 thuộc Trung-Đoàn 1 Khố đỏ Bắc Kỳ trấn giữ ; đồn này được đào ngầm dưới đất với các hệ thống giao thông và kháng cự được ngụy trang cẩn thận, để đánh lừa quân ta và Cờ đen.

Trong các ngày 31/12/1884, 10 và 26/1/1885 quân ta và Cờ đen tấn công mãnh liệt vào Tuyên quang, nhưng bị đẩy lui.

Bị thất bại, quân ta và Cờ Đen lại một lần nữa đổi chiến thuật từ bao vây và pháo kích sang chiến thuật hào lũy, để thanh toán mục tiêu; ngày 27/1/1885, quân ta và Cờ đen đào một giao thông hào bao vây tiền đồn của Pháp và bắt đầu đào các đường hầm tiến vào... Ngày 30/1/1885, quân Pháp bắt buộc phải rút khỏi tiền đồn và lui về cố thủ thành Tuyên-quang mà thôi. (Đại-úy DIA bị bắn chết tại đây - tiền đồn)

Thừa thế, quân ta và Cờ đen, núp sau các bó củi vừa tiến vừa đào giao thông hào. Siết chặt vòng vây quân Pháp. Đến ngày 05/2/1885 thì quân ta và Cờ đen đã đào đến sát chân thành phía Tây-Nam, Tây-Bắc, cũng như chính tại pháo đài phía Tây thành và đã cắm cờ ở phía bên ngoài... để sửa soạn mở đột khẩu phá xung phong vào thành. (1).

---

(1) Ở xa phòng tuyến Pháp thì quân ta và Cờ-Đen đào giao-thông hào, khi đến gần thì đào hầm ngầm dưới đất vào phòng tuyến địch . . . Cho đến lúc mà đất bay thành sụp thì ở dưới xông lên tấn công (một hình thức độn thổ).

Ngày 07/2/1885, quân ta và Cờ Đen dùng ngay tiền đồn của Pháp trước, mà ta đã chiếm được, làm điểm tựa hỏa yểm cho các cuộc tấn công và có đặt 2 đại bác 86ly5, để yểm trợ cho quân bạn xung phong.

Để đối phó với chiến thuật hào lũy của quân ta và Cờ Đen, quân Pháp cũng đào các giao thông hào và các đường hầm để chống lại, nhưng vô hiệu.

Chiều ngày 12/2/1885, ta đã mở được một đột khẩu phá tại pháo đài phía Tây và xung phong vào thành, nhưng bị đẩy lui. Thất bại quân ta và Cờ đen lại đào một đường hầm khác ở phía Tây Nam thành, mở được một đột khẩu phá dài 15 thước và xông lên tấn công. Quân Pháp do Đại-Úy Moulinay chỉ huy, đã phải xử dụng các đơn vị trừ bị cuối cùng, để phản công và đã đẩy lui quân ta.

Trong đêm 30 Tết (đêm 13 rạng ngày 14/2/1885), quân Pháp lợi dụng lúc quân ta đang đón Xuân, phóng ra các cuộc tuần chiến và họ cũng đạt được nhiều thắng lợi nhỏ.

Ngày 17/2/1885, quân ta và Cờ đen lại đem thêm 2 đại bác 86 ly 5, 3 đại bác ngắn nòng 121 ly, và 2 súng cối cỡ lớn để pháo kích tiêu diệt thành. Nhưng quân Pháp vẫn quyết tử chiến và không chịu đầu hàng.

Ngày 22/2/1885, quân ta và Cờ đen lại mở được 2 đột khẩu phá khác, cũng vẫn không tràn ngập được mục tiêu. Nhưng một đột khẩu phá thứ 3 được mở và lần nầy thì quân Pháp bị đánh một vố đau : 16 tên chết, trong số có Đại úy Moulinay và 20 bị thương, trong số có Trung-úy Vincent. Sau đó quân ta và Cờ Đen ào ạt xung phong để thanh toán chiến trường, nhưng lại cũng bị đẩy lui.

Ngày 24/2/1885, lợi dụng đêm tối, quân ta đã đột nhập được phòng tuyến của quân Pháp ở trong thành. Trung-sĩ I Hurbaud và phân đội bị loại khỏi vòng chiến, sau đó Trung-sĩ Thévenet lên thay, cũng chung một số phận. Tình hình có vẻ hỗn loạn và quân Pháp đang lâm vào tình trạng quẫn bách, thì nhờ Đại-Úy Cattelin cùng với một số quân sĩ khác, dốc toàn lực ra đánh cận chiến với quân ta và Tàu cứu vãn được tình thế. Quân ta và Tàu lại bị đẩy lui.

Ngày 25, 26, 27 và 28/2/1885, quân ta và Cờ Đen tiếp tục mở các đột khẩu phá và các đợt xung phong khác vào thành, nhưng đều bị thất bại.

Ngày 01 - 3 - 1885, trong khi đang sống trong tình trạng lo sợ thiếu thốn, thì quân Pháp, do đích thân Trung-Tướng tổng tư lệnh Brière de L' Isle (1) chỉ-huy, đến tiếp cứu và họ cũng đổ bộ ở làng ĐƯỚC, cách xa thành Tuyên quang 8 cây số và khi đến gần, chúng đặt hỏa tiễn và đại bác bắn vào sau lưng quân ta và Cờ-Đen. Ngày 3-3-1885, quân trú phòng Pháp thấy đại bác và hỏa tiễn bắn vào sau lưng quân ta và Cờ-Đen, rồi lại không thấy quân ta và Cờ Đen pháo kích và tấn công nữa, bèn gởi các toán thám sát... Đến 14 giờ cùng ngày (3/3), Brière de L' Isle và Lữ-đoàn Giovanninelli đã hoàn toàn giải tỏa và vào thành Tuyên quang.

TRẬN NÚI-BỌP

Quân Pháp đang đóng ở Chũ, thì được tin quân ta và Cờ Đen ở chiến lũy núi BỌP đang chuẩn bị tiến về Chũ để tấn công. Trung-Tướng Brière de L' Isle ra lệnh cho Thiếu-Tướng De Négrier mở cuộc hành-quân.

Ngày 3/1/1885, De Négrier chỉ-huy một cánh quân rời núi Chũ đến núi BỌP.

Cánh quân được tổ chức như sau :

Tiền vệ : 1 Phân đội thám kích Phi-châu. 2 Trung đội Khố đỏ Bắc kỳ, Trung đội Công-Binh Tiểu-đoàn TQLC Mahias, Pháo đội 80 ly (Đại-úy Jourdy chỉ huy), 1 Trung đội tản thương nhẹ.

Đại quân : Tiểu-đoàn Farret thuộc Trung Đoàn 143, 1 Pháo đội sơn pháo 80 ly (Đại úy Saxcé chỉ-huy) Tiểu đoàn Herbinger thuộc Trung đoàn 111, Tiểu-đoàn Mibielle (Phi-Châu)

Hậu vệ : 1 Phân đội thuộc đại đội Cotter - Tiểu-đoàn Diguet ở lại giữ Chũ và Trung-Tá Donnier còn mắc "biểu-dương lực lượng" ở Niêm sơn.

---

(1) Brière de L' Isle được thăng Trung Tướng từ ngày 3-1-1885.

Cánh quân tiến theo bờ trái sông Lục Nam và vượt qua khoảng Đầu Bé, là chỗ nước cạn, để đến mục tiêu. Tiền vệ vừa đến Phong Cốt, thì bất thình lình chạm súng với quân ta và Tàu. Thiếu-Tá Mahias và Tiểu đoàn thuộc quyền nhận được lệnh của De Négrier đánh thẳng vào phòng tuyến quân ta và Tàu. Trong khi đó, Tiểu đoàn Farret, thuộc Trung-Đoàn 143 đánh vào bên sườn ; Tiểu-đoàn Herbinger bảo vệ cho các đơn vị còn lại khác của cánh quân vượt sông. Quân ta rút lui ngay sau khi quân Pháp dàn quân xong. Vào buổi tối, Tiểu-đoàn Herbinger được lệnh De Négrier đánh chiếm Phong-cốt. Đến nửa đêm thì quân Pháp chiếm được Phong-Cốt và đóng quân ngay tại đây.

Ngày 04/01/1885, quân ta và Tàu trở lại phản công Pháp ở Phong-Cốt, song bị đẩy lui, quân Pháp thừa thế truy kích quân ta đến tận chiến lũy Núi Bọp và tấn công ào ạt vào đây.

Sau một cuộc chạm súng và cận chiến ác liệt, đến 11 giờ 15' cùng ngày trên, các pháo đài và đồn lũy của ta hoàn toàn bị chiếm, quân ta và Tàu rút lui để lại một số xác chết cùng với 2 khẩu đại bác Krupp, 356 bạt lớn (tente) và nhiều quân trang, quân dụng khác; về phía quân Pháp có 19 chết, 65 bị thương, trong số có Đại-Úy Verdin thuộc Trung đoàn 111 và Thiếu-úy Larribe.

CUỘC TIẾN CHIẾM LẠNG-SƠN

Trung-tướng Tổng tư lệnh Brière de L'Isle sau khi được chính-phủ Pháp chấp thuận, đã quyết định tiến chiếm mục tiêu Lạng-sơn và cho chỉnh bị hàng ngũ ở Chũ, để tiến quân theo sự sắp xếp như sau :

Lữ-đoàn Đại-tá Giovanninelli gồm có : Trung-đoàn 1 Dã chiến, (Trung tá Chaumont, các Thiếu-tá Mahias và Lambinet) ; Trung-đoàn 2 Dã chiến(Trung tá Letellier các Thiếu-tá Mibielle và Comoy); Tiểu đoàn 1 Khố đỏ Bắc Kỳ (Thiếu-tá Tonnot) ; Pháo binh (Thiếu-tá Levrard) : Pháo đội 4 (Đại-úy Roperth), Pháo đội 5B (Đại úy Péricaud), Pháo đội 86 ly 5 TQLC (Đại úy Roussel).

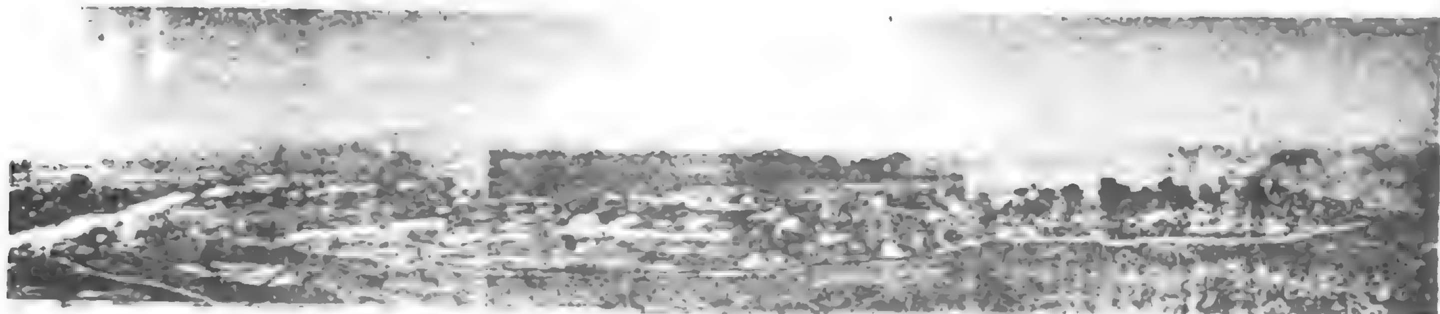
Lữ-đoàn 2 (Thiếu Tướng De Négrier) gồm có Trung đoàn 3 Dã-chiến, (Trung tá Herbinger, các Thiếu-tá Morineau, Faure và Farret) ; Trung-đoàn 4 Dã chiến (Trung-tá Donnier các Thiếu-tá Diguet và Schoeffer) Tiểu đoàn 2 Khinh chiến Phi-Châu (Thiếu-Tá Servières) ; Tiểu-đoàn1 Trung đoàn 1 Khố đỏ Bắc-Kỳ (Thiếu-tá Jorna de Lacale) ; Pháo binh(Thiếu-tá Douvres) Pháo đội 11 (Đại-úy Jourdy) Pháo đội 12 (Đại-úy Saxcé) ; Pháo đội 1B Thủy-quân (Đại-úy Martin).

Quân số các tiểu đoàn thay đổi từ 500 đến 800 người - mỗi trung đoàn có từ 2 đến 3 tiểu đoàn, nhưng thường là hai tiểu-đoàn.

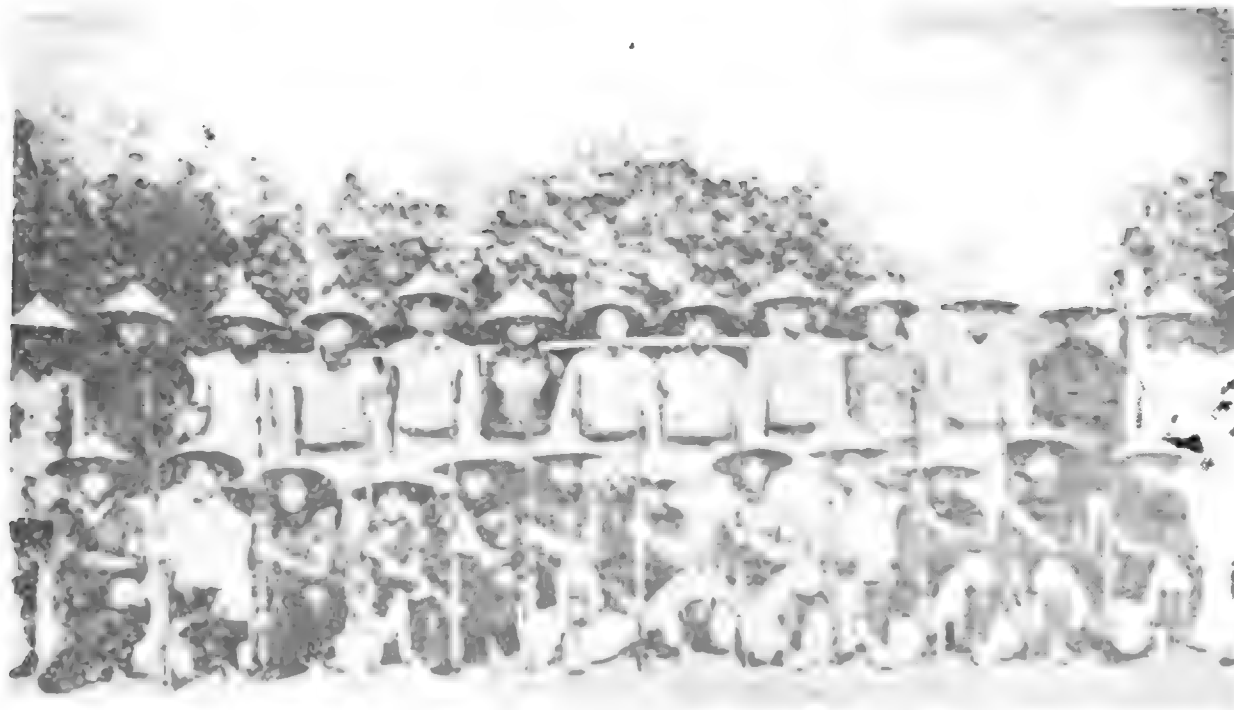
Tổng cộng quân tiến lên Lạng-sơn gồm có 7.186 quân sĩ và 4.500 dân phu.

Trung-Tướng Brière de L' Isle đích thân chỉ huy cuộc hành quân và Đại-Tá Crétin làm Tham Mưu Trưởng, Đại-tá Borgnis-Desbordes chỉ huy Pháo-binh.

Mặc dầu Brière de L' Isle nhận được tin thành Tuyên-quang bị quân ta và Tàu vây hãm từ ngày 23/1/1885 (Xin xem thêm phần dưới của trận Tuyên-Quang đã trình bày ở phía trên), Nhưng ông này vẫn không bỏ ý định đánh bại



Thành Lạng-Sơn nhìn tổng quát



Một toán thân binh của Pháp ở Lạng - Sơn.

chủ lực quân của Tàu từ Quảng-Tây và Vân-Nam sang bổ túc cho quân ta. Tuy nhiên trước khi tiến chiếm Lạng-sơn, quân Pháp phải thanh toán nhiều cứ điểm chiến lũy của quân ta và Tàu ở dọc đường...

TRẬN HẠ-HÒA VÀ ĐỒNG-SƠN

Ngày 03/2/1885, Brière de L' Isle ra lệnh cho các quân sĩ nhằm Đồng-Sơn trực chỉ. Lữ-đoàn 2 có nhiệm vụ chiếm đèo Vàng.

Thiếu tá Servières cùng với1 đại đội (-) Khố đỏ Bắc-Kỳ của Tiểu-đoàn Tonnot và một đại đội thuộc Tiểu-đoàn 2 Phi-châu, đã chiếm đèo Vàng không một phát súng, đến chiều tất cả cánh quân ngả trại : Lữ-đoàn De Négrier đóng ở Cao-Nhất, Lữ-đoàn Giovanninelli ở phía sau, Brière de L' Isle và Bộ Tham mưu đóng cùng với Giovanninelli.

Ngày 04/2/1885, vào buổi sáng, Lữ đoàn De Négrier (Lữ-Đoàn 2) dụng độ với quân ta và Tàu ở Tây-Hòa. Đến chiều đại đội Michel thuộc Trung-đoàn 4 dã chiến, dã chiếm một đồn lớn của quân ta và Tàu, sau khi đã tiêu diệt hay đánh bật quân trú phòng. Thiếu-tá Servières dẫn đầu hai đại đội Hertrich thuộc Tiểu-đoàn 2 Phi-châu, và đại đội Gaucheron thuộc Tiểu-đoàn 3 Trung-đoàn 4 Dã chiến, dã chiếm một đồn khác và tiếp tục tiến. Sau đó Servières được 2 đại-đội Lê-Dương tăng cường lại chiếm thêm hai đồn khác nữa.

Sau khi đánh bại quân ta và Tàu ở Tây-Hòa, quân Pháp (toàn thể cánh quân) đã đến đóng quân đêm tại đây.

Kiểm điểm cuộc dụng độ Tây-Hòa, quân Pháp bị chết 17 người, trong số có Đại-Úy Gravereau và 99 bị thương.

Ngày 5/2/1885, Brière de L' Isle quyết định : Lữ-đoàn 1 tiếp tục tấn công thẳng vào phòng tuyến của ta và Tàu, trong khi Lữ đoàn 2 đánh vòng sang bên phải. Nhưng bị sương mù, nên mãi đến 10 giờ quân Pháp mới tiến quân được. Đến chiều cả 2 Lữ-đoàn, sau khi đã đánh chiếm nhiều đồn bot của ta, dã ngừng quân đêm ở Hạ-Hòa.

Ngày 6/2/1885, lúc mờ sáng,Thiếu-Tá Servières chỉ-huy các tiền đồn, cho các toán tuần tiễu quanh vị trí đóng quân, các toán này phát hiện một loạt pháo đài và đồn bót của quân ta và Tàu, cách xa phòng tuyến của Pháp độ 500 thước. Lập tức tin tức được báo cáo cho Brière de L' Isle và L' Isle cho tập trung cả 2 Lữ-đoàn tiến đánh Hạ-Hòa - Lữ đoàn 2 đi trước.

Đến 10 giờ (cùng ngày trên), cánh quân tiến trên đường Đồng - Sơn, chạm súng với

quân ta và Tàu ngay. Đến 11 giờ 30, sau một trận chiến ác-liệt, quân Pháp chiếm được các tiền đồn của ta và đến 13 giờ thì tất cả các điểm tựa ở Đồng-Sơn của ta và Tàu bị chiếm hết.

Tổn thất của quân Pháp chết trong trận này là 7 người và bị thương 58 người.

TRẬN PHỐ-VY

Sau khi nghỉ ngơi vài ngày ở Đồng-sơn, ngày 9/2/1885, Trung-Tướng Brière de L'Isle cho lệnh Thiếu Tá Lambinet cùng với tiểu-đoàn và 1 Trung-đội pháo binh đi thám sát các vị trí của ta ở thung lũng sông Hoa ở phía đèo VỴ.

Ngày 10/2/1885, quân Pháp lại tiếp tục lên đường, dọc theo sông Hoa về phía đường Phố Bou, sau khi đã thiết lập tại Đồng--sơn một đồn binh dưới quyền chỉ-huy của Thiếu-Tá Jorna de Lacale, gồm có đại đội 5 Tiểu-đoàn 2 Phi-Châu, 1 Đại-đội thuộc Tiểu-đoàn 2 Khố đỏ Bắc-Kỳ, pháo đội Roussel các bệnh binh và các người đi cà nhắc.v.v... và thiết lập ở đèo Vằng một dài điện báo liên lạc thẳng với căn cứ Chũ.

Đến 7 giờ 30, Lữ đoàn 1 tiến trước. Tiền vệ do Thiếu-tá Tonnot chỉ-huy, đến trước đồn Phố Bou liền phóng hỏa đồn nầy. Đến đêm các quân sĩ đóng quân tại đây, trong khi đó Lữ-đoàn 2 vượt Lữ-đoàn 1 và thiết lập các đồn tại đèo VỴ

Ngày 11/2/1885, vào lúc 10 giờ, Lữ-đoàn 2 nhắm Phố-Vy trực chỉ, đến 13 giờ 30, thì Lữ-đoàn đến làng nầy, quân ta và Tàu đã rút đi hết. Tất cả Lữ đoàn 2 ngừng quân tại Phố-Vy.

Ngày 12/2/1885, vào lúc 10 giờ Lữ đoàn 1 lại dẫn đầu. Đến 9 giờ, thì Lữ đoàn nầy tới các phòng tuyến của quân ta và Tàu. Tiểu-đoàn Comoy được lệnh tiến chiếm một ngọn đồi ở bờ trái suối Phố-Vy, bao bọc bởi rất nhiều pháo đài. Vì bị sương mù che phủ dầy đặc, nên Giovanninelli cho lệnh chờ cho sương mù tan rồi tiến quân. Đến trưa thì trời bắt đầu quang đảng và tiểu đoàn Comoy khởi hành... Nhưng hành động trì trệ của quân Pháp làm cho quân ta và Tàu tưởng rằng quân Pháp không dám đương đầu với quân ta, nên quân ta và Tàu ra lệnh tấn công đồng thời quân Pháp cũng ra lệnh tấn công. Nhưng quân ta và Tàu bị đẩy lui.

Phòng tuyến thứ nhất (gồm nhiều giao thông hào và cứ điểm) của quân ta và Tàu bị chiếm, quân Pháp lại phải đương đầu với phòng tuyến thứ 2 án ngữ con đường đi Lạng-Sơn của quân ta và Tàu, kiên cố hơn phòng tuyến thứ nhứt rất nhiều.

Thiếu-Tá Mahias, với 2 Đại đội TQLC dưới quyền, lợi-dụng sương mù đi vòng sang sườn phải và sau lưng quân ta và Tàu làm cho quân ta-và Tàu phải rút khỏi vị trí.

Cửa Mống-Cái
Đông-Hưng. →



Lữ-đoàn Giovanninelli đóng quân đêm cách xa Lạng-sơn vài cây số. Lữ đoàn De Négrier cùng với Bộ Tư Lệnh của Brière de L'Isle đóng quân đêm tại Bac-Viay.

Trong trận đụng độ ở Phố-Vy, quân Pháp bị chết 30 (trong đó có Thiếu-Tá Levrard và Thiếu-úy Bossard, tùy viên của Brière de L'Isle) và 188 bị thương.

Ngày 13/2/1885, Brière de L' Isle cho lệnh Lữ đoàn 2 lên phối hợp với Lữ đoàn 1, ở cách xa 6 cây số về phía trước. Đến 10 giờ, 2 Lữ-đoàn đã liên lạc được với nhau và Lữ-đoàn Giovanninelli tiến vào Lạng-sơn, không một tiếng súng (quân ta đã bỏ thành rút lui). Đến 15 giờ chiều, thì toàn thể quân Pháp đã vào Lạng sơn, Lữ đoàn 1 đóng ở hữu ngạn sông Kỳ-cùng, ở Kỳ lừa, Lữ-đoàn 2 và Bộ Tư lệnh đóng ở Lạng Sơn.

CUỘC TIẾP CỨU THÀNH TUYÊN-QUANG VÀ TRẬN HÒA-MỤC

Sau khi chiếm xong Lạng-sơn, Trung-Tướng Brière de L' Isle liền nghĩ ngay đến việc tiếp cứu thành Tuyên-quang và ra lệnh cho Lữ đoàn Giovanninelli thi hành.

Ngày 16/2/1885, Đại-tá Giovanninelli dẫn Lữ đoàn khởi hành đi Tuyên-Quang theo sự tổ chức lực lượng như sau : 1 Trung-đoàn Bộ -binh Dã chiến Algérie (Trung Tá Le Tellier, các Thiếu-Tá Comoy và De Mibielle) ; 1 Trung-đoàn TQLC (Trung-Tá Chaumont bị đau, Thiếu Tá Mahias thế và Thiếu-Tá Lambinet) ; 1 tiểu đoàn Pháo binh Sơn pháo 80 ly (-)(Thiếu-tá Chapotin các Đại-Úy Jourdi và Péricaud) ; 1 Trung-đội công binh và tản thương. Tổng cộng là 86 Sĩ quan và 2.348 binh sĩ.

Ngày 27/2/1885, khi Lữ-đoàn này đến Phủ Đoan thì được tăng cường thêm 2 tiểu đoàn Beranger và Frauger và 1 Pháo đội 86 ly 5, dưới quyền chỉ-huy của Trung Tá Maussion.

Đại-Tá Giovanninelli, sau khi được tăng cường, đã quyết định tiến đến Tuyên-quang dọc theo bờ phải sông Lô ; con đường này là con đường thuận tiện nhất để đến mục tiêu, vì nó vừa tương đối dễ di chuyển vừa chạy dọc theo bờ sông ; như vậy quân trên bộ và các tàu tiếp tế cũng như các pháo hạm có thể yểm trợ cho nhau một cách hữu hiệu khi bị tấn công. Ngày 28/2/1885, cánh quân vượt sông Chảy sau khi đã chia làm 3 toán và đến chiều ngày 1/3/1885 thì đã đến cách Hòa-Mục 5 cây số. Ngày 2/3/1885, một phân đội của đại đội 7 Trung đoàn 1 Khố đỏ Bắc Kỳ do Trung-úy Donnat chỉ-huy hướng dẫn cánh quân nhắm Hòa-Mục trực chỉ. Đến trưa thì quân Pháp đã đến cách phòng tuyến của ta và Tàu có 300 thước. Giovanninelli sau khi đích thân thám sát trận địa nhận thấy phòng tuyến của ta qúa kiên cố, khó có thể đánh nổi, bèn quyết định đánh vào bên sườn phải(phòng tuyến của ta và Tàu).

Sau một trận pháo kích dữ dội, đến 14 giờ (cùng ngày 2/3) tiểu-đoàn De Mibielle, rồi Comoy tấn công và chiếm một pháo đài thì pháo đài này bị quân ta và Tàu giựt min sập. Các tiểu đoàn TQLC De Mahias và Lambinet được tung vào các phòng tuyến kế tiếp của ta và mặc dầu các thiệt hại, 2 Tiểu-đoàn này cũng đẩy lui được quân ta và Tàu, rồi lấy ngay các phòng tuyến này làm điểm tựa tiếp tục tấn công...

Đến 18 giờ 15 (2/3), vì bị sương mù nên quân Pháp phải ngưng tấn công và hai bên chỉ cách nhau có vài thước.

Ngày 3/3/1885, vào lúc 3 giờ sáng, quân ta và Tàu mở cuộc tấn công dữ dội vào quân Pháp, để chiếm lại các phòng tuyến đã bị chiếm lần trước. Đại-tá Giovanninelli quyết định cho Trung-Tá De Maussion và Thiếu-Tá Comoy mang quân lặng lẽ tiến trong sương mù, đi vòng sang hai bên sườn phải và trái quân ta để tấn công. Trận đánh xảy ra thật là ác liệt, và quân Pháp đã bị thiệt hại qúa nặng. Tuy vậy quân ta và Tàu cũng bị đánh bật ra khỏi phòng tuyến... Đến mười giờ cùng ngày (3/3) thì tiếng súng im hẳn... Quân Pháp sau đó đã chỉnh bị hàng ngũ và tiếp tục tiến... Đến Tuyên-Quang lúc 16 giờ.

Tổng kết quân Pháp chết 76 người, trong số có 6 Sĩ-quan, bị thương 787 người trong số 21 sĩ-quan.

Như vậy, cánh quân đi tiếp cứu Tuyên-Quang của Pháp bị tiêu diệt gần một nửa.

Còn về phía quân ta và Tàu thì cũng bị thiệt hại như đã từng bị thiệt hai - song sự thiệt hại của Pháp đã gây tiếng vang che lấp cả.

TRẬN ĐỒNG-ĐĂNG

Ngày 23/2/1885, Lữ-đoàn De Négrier (Lữ-đoàn 2) chỉ để ở lại Lạng-sơn có một đại đội Bộ-binh Phi châu, cùng một số binh sĩ bất khiển dụng do Thiếu-tá Servières chỉ-huy, còn bao nhiêu tập hợp tại Kỳ-lừa để tiến đánh Đồng Đăng.

Đến 7 giờ (ngày trên), thì De Négrier cho lệnh khởi hành theo tổ-chức như sau : tiền vệ do Thiếu-Tá Tonnot chỉ-huy đại quân do Trung-Tá Herbinger chỉ-huy, với ý niệm đánh bật quân ta và Tàu ra khỏi Đồng-Đăng và đuổi sang bên kia biên giới. Đến 9 giờ 30, sau khi tiền vệ của Pháp tiến qua Bản Vinh, thì xảy ra một trận đánh rất ác liệt, nhưng tương đối ngắn hơn các trận trước, quân ta và Tàu đã bị đánh bật ra khỏi vị trí, một phần rút về phía Thất-Khê và một phần khác rút về phía Nam-Quan. Đến chiều thì quân Pháp tiến lên và đóng quân ở phía trên Ải Nam-Quan.

Tổn thất của quân Pháp trong trận này là 9 chết và 45 bị thương. Quân ta và Tàu bị chết một số, mất 3 Đại bác Krupp 65 ly, 2 Đại liên Nordenfeld và một số súng trường đủ loại...

Ngày 25/2/1885, De Négrier cho phá sập cửa Ải, rút về Đồng-Đăng và sau đó để lại Đồng Đăng tiểu đoàn 2 Lê-Dương, do Thiếu-Tá Diguet chỉ huy, tiểu đoàn này được tăng cường 1 Trung đội Pháo binh Sơn Pháo 80 ly (Trung-Úy Jacquart) và 1 Phân đội Khố đỏ Bắc-Kỳ.

Sau khi đánh trận Đồng-Đăng, Brière de L' Isle nhận được lệnh của Bộ Chiến Tranh bên Pháp (Bộ này mới thành lập và kể từ ngày 7/1/1885 thì đoàn quân viễn chinh Pháp trực thuộc Bộ này không còn thuộc Bộ Hải-quân và Thuộc địa nữa) cho hay rằng hiện Pháp và Trung-Hoa đang điều đình một cách nghiêm chỉnh, để đi đến chấm dứt chiến tranh, nhưng quân Pháp phải ra sức đánh và **đánh sang** cả đất Tàu để gây áp lực. Nhưng Brière de L' Isle lẫn De Négrier đều cho rằng quân Tàu qúa mạnh và quân Pháp thì ít mà lại thiếu tiếp tế, nên trả lời rằng "Trong lúc này chưa thể làm gì khác được, nếu không được gởi thêm viện quân".

Rồi quân Pháp nhận được nhiều tin về các cuộc điều quân của ta và Tàu ở quanh vùng Lạng sơn, nên ra sức phòng thủ Lạng-Sơn, để đương đầu với các cuộc tấn công của ta, đồng thời gởi các toán tuần chiến đi Thất-Khê và cửa Ải...

TRẬN BẢNG-BỘ

Ngày 22/3/1885, vào buổi sáng sớm, ở Lạng-Sơn, quân Pháp nghe thấy nhiều tiếng súng nổ dữ dội ở về phía Đồng-Đăng. Lập tức De Négrier cho lệnh Lữ-Đoàn sẵn sàng để chờ lệnh đi tiếp cứu. Sau khi phối kiểm tin tức vào lúc 14 giờ, De Négrier cho lệnh Lữ Đoàn nhắm Đồng-Đăng trực chỉ.

Đồn Cửa Ải (do toán tuần chiến thiết lập tạm) đã bị quân ta và Tàu tấn công, quân Pháp



Đồn cửa Ải

← *Nam - Quan*

phải bỏ chạy...Quân ta và Tàu thừa thắng tiến quân về tấn công Đồng-Đăng luôn, nhưng bị quân Pháp (ở Đồng-Đăng) đẩy lui. Khi cánh quân của De Négrier ở Lạng-Sơn đến thì tình hình ở Đồng Đăng trở lại yên tĩnh.

Ngày 23/3/1885, Thiếu-Tướng De Négrier quyết định tiến đánh chiến-lũy Bằng-Bộ (đất Tàu) mà không cần chờ viện binh nữa.

Vào hồi 7 giờ (ngày trên), Lữ-Đoàn rời Đồng-Đăng và đến mục tiêu, đi đầu là tiền vệ gồm có vài tên thám kích Phi-Châu, 1 toán Khố Đỏ Bắc-Kỳ rồi đến các tiểu-đoàn Farret (Trung Đoàn 143), Faure (Trung-Đoàn 111), Diguet (Lê-Dương), Pháo đội 12 (Đại-úy De Saxcé)... đến 10 giờ 30, 3 Đại-Đội thuộc Tiểu-Đoàn Farret (Trung-Đoàn 143) sau khi vượt cửa Ải qua đất Tàu đã chạm súng với quân chính quy Tàu ở các pháo đài vòng ngoài của chiến-lũy Bằng-Bộ, quân Pháp bị chết 4, bị thương 25.

Ngày 24/3/1885, vào lúc mờ sáng, De Négrier ra lệnh cho Trung-Tá Herbinger cùng với bọn Khố-Đỏ Bắc-Kỳ và Tiểu-Đoàn Farret (thuộc Trung-Đoàn 143) lợi dụng sương mù, lặng lẽ tiến đến sát Trung-tâm của Chiến lũy và bất thần tấn công ở trong, còn các tiểu đoàn khác tấn công ở bên ngoài. Nhưng cánh quân này không đến mục tiêu được như đã dự định, nên đã gây đảo lộn cho tất cả kế hoạch, và đã làm cho các đơn vị ở bên ngoài lâm vào tình trạng khốn đốn, nhất là Tiểu-Đoàn Faure, thuộc Trung Đoàn 111, sau một cuộc chạm súng với quân Tàu đã bị thiệt hại quá nặng (31 chết, trong số có 4 Sĩ-quan và 58 bị thương)buộc phải rút lui. Sau đó cánh quân Herbinger cũng tiến gần đến Trung Tâm của chiến lũy, nhưng vì như trên đã nói, hành động không ăn khớp, đã một mình đương đầu với quân Tàu, nên sau một cuộc cận chiến rùng rợn, bị thiệt hại chưa từng thấy, phải rút lui và kế đó cả Lữ-Đoàn De Négrier bỏ chạy về Kỳ-Lừa - Đồn Đồng-Đăng cũng được rút bỏ vào dịp này, vì theo De Négrier khó mà giữ được.

TRẬN KỲ-LỪA VÀ CUỘC RÚT LUI KHỎI LẠNG-SƠN CỦA QUÂN PHÁP

Tuy rút về cố thủ Kỳ-Lừa, nhưng quân Pháp vẫn tiếp tục gởi các toán tuần chiến đi các vùng phụ cận và các toán này đều có chạm trán với quân ta và Tàu.

Ngày 27 tháng 3 năm 1885, vào buổi chiều, quân ta và Tàu đã thấp thoáng gần các tiền đồn của quân Pháp ở Kỳ-Lừa.

Ngày 28-3-1885, vào lúc 7 giờ sáng, các hướng đạo viên của ta và Tàu đã chạm súng với đại đội Romani thuộc Tiểu-Đoàn 3 Lê-Dương ở các vị trí vòng ngoài. Lữ đoàn De Négrier lập tức được lệnh dự bị tác chiến, đến 10 giờ 45, Pháo binh của Pháp bắt đầu nã vào các cánh quân của ta và Tàu đang tiến, nhưng quân ta và Tàu



← *Đồn Kỳ - Lừa*



Đường đi Lạng-Sơn

vẫn ồ-ạt tiến tới và đánh thẳng vào Trung-Tâm phòng ngự của Pháp... Mặc dầu các thiệt hại (quân Tàu bị quân Pháp tàn sát bằng súng đại-liên chết cả ngàn người) quân bạn vẫn bị đẩy lui, và cũng chính lúc quân Pháp phản công để đẩy lui quân ta và Tàu, thì Tư-Lệnh Lữ-Đoàn là Thiếu-Tướng De Négrier bị trọng thương, phải trao quyền chỉ huy lại cho Trung-Tá Herbinger.

Herbinger lên cầm quyền liền ra lệnh ngưng phản công ; quân ta và Tàu cũng bắt đầu rút lui, quân Pháp bị chết 31, bị thương 37 và mất tích 4.

Kế đó Trung-Tá Herbinger đánh một điện tín cho Brière de L' Isle với nội dung vắn tắt như sau "... Lên thay quyền chỉ-huy Lữ-Đoàn lợi dụng đêm tối chia làm hai cánh quân rút về Thanh-Mọi và Đồng-Sơn, không giữ được vị trí của chúng ta vì lý do lương thực và đạn dược. Về phần tôi sẽ rút về Thanh-Mọi và Thanh Cứt. Thiếu-tá Schoeffer, thuộc đạo quân Lê-Dương, nắm quyền chỉ-huy cánh quân Lạng-Sơn..."

Tưởng cần phải nói là trước khi có quyết định đánh bức điện tín trên, Herbinger đã tham khảo ý kiến của Thiếu-Tướng De Négrier, sau lúc bị thương, De Négrier đọc cho Trung-Úy Dégot ghi chép ý kiến của mình, để chuyển cho Herbinger đại khái như sau "Theo ý kiến của tôi thì phải giữ con đường Phố-Vỵ và Thành-Mọi nhất là những chặng hiểm yếu. Đánh chìm tất cả những gì gây trở ngại cho cuộc điều quân và trong tình hình hiện tại, để quan sát hoạt động hiện tại của địch, ta chỉ để lại ở Kỳ-Lừa một toán hậu vệ, còn bao nhiêu quân sĩ cho lên chiếm hết các cao điểm ở bên tả ngạn sông Kỳ-Cùng mà tôi tin rằng như vậy địch quân sẽ e ngại không dám tấn công và sự rút lui sẽ trở nên vô ích. Trung-Tá Herbinger đã thấy rõ tình hình, sẽ có những quyết định thích hợp hơn ; cũng như tôi chỉ giúp ông ta các ý kiến này như là một phương cách riêng để giải quyết vấn đề mà thôi."

Nhưng Herbinger sau khi kiểm điểm tình hình cũng vẫn cho lệnh rút bỏ Lạng-Sơn.

Rồi đến 22 giờ (cùng ngày trên 28/3/1885) cánh quân thứ nhất do Herbinger đích thân chỉ huy , gồm có Trung-Đoàn 3 Dã chiến (các Tiểu đoàn Farret, Faure và Tiểu-đOàn thuộc Trung đoàn 23) pháo đội Roperth, Tiểu-đoàn 2 khinh chiến Phi-Châu và một phần của toán Kỵ-binh, rời Lạng-Sơn về Thanh-Cút và Thanh-Mọi ; Cánh quân thứ hai do Thiếu-tá Schoeffer chỉ-huy gồm có 2 Tiểu-đoàn Lê-Dương, pháo đội Saxcé, 2 Đại đội Khố đỏ Bắc-Kỳ và đám Kỵ-bin' còn lại (pháo đội 1B TQLC, đã được lệnh quăng tất cả các khẩu Đại-bác xuống sông Kỳ-Cùng) cũng rút kế tiếp và nhắm Bac Viay và Phố-Vỵ trực chỉ.

Cả hai cánh quân đều đến Chũ ngày 30/3 và 01/4/1885 mà không gặp trở ngại nào.

Cuộc rút lui ở Lạng-Sơn làm cho Trung-Tướng Tổng Tư Lệnh Brière de L' Isle ngỡ ngàng, bất bình. Một mặt Brière De L' Isle đánh điện báo cáo cho bộ Chiến tranh hay nói vu đại khái là "..... cuộc rút lui ở Lạng-Sơn hoàn toàn vô lý và nó do ở chỗ thiếu lãnh đạo từ khi Thiếu-Tướng De Négrier bị thương. Lương thực và đạn dược hãy còn 20 ngày đủ đến ngày đoàn tiếp tế lên tới. Pháo đội 1B Thủy-Quân Lục-Chiến cùng với 130.000$ đã bị hấp tấp đổ xuống sông... Cuộc rút lui hấp tấp ở Đồng-Sơn lại còn không có lý do chánh đáng hơn nữa..." Mặt khác, ngày 4/4/1885, ra lệnh cách chức Herbinger và trao quyền tư lệnh tạm thời cho Đại-tá Borgnis Desbordes. Sau đó Brière de L' Isle đích thân lên Chũ để trấn an tinh thần quân sĩ. Rồi ngày 8/4/1885 (Brière de L'Isle) đã ban hành một nhật lệnh để ca ngợi các thắng lợi của quân Pháp.

Tình hình quân Pháp lúc này đang giao động mạnh, thậm chí Brière de L'Isle phải cho lệnh Thiếu-Tướng Giovanninelli (thăng cấp ngày 11/3/1885) thành lập một chiến đoàn lưu động, đặt Tổng hành Dinh tại Đáp Cầu, để can thiệp vào các nơi bị quân ta và Tàu tấn công.

Ngày 14/4/1885, quân ta và Tàu xuất hiện ở vùng Kép (đã được tăng cường thêm một Tiểu đoàn của Trung đoàn 111), nhưng bị một toán quân của Trung Tá Godard gởi đi đẩy lui.

Ngày 15/4/1885, Trung Tướng Tổng Tư Lệnh Brière de L' Isle loan báo cho đoàn quân viễn chinh Pháp hay rằng "Hiệp ước đình chiến giữa Pháp và Trung-Hoa đã được ký kết. Các Chỉ-huy Trưởng các đơn vị và các cứ điểm phải báo cho các cấp chỉ-huy của đối phương biết nội vụ. Tuy vậy cũng vẫn phải sẵn sàng"



7.— Từ Hòa-ước Thiên-Tân (hay Fournier) đến Hòa-ước Giáp-Thân (hay Patenôtre 1884).

Hòa-Ước Thiên-Tân (hay Fournier): Bây giờ mặc dầu quân Pháp đã chiếm đóng tất cả các tỉnh ở Trung-Châu Bắc-Kỳ, nhưng quân ta và Tàu còn hoạt động mạnh ở Cao-Bằng, Lạng Sơn và Lào-Kay v.v... Chánh Phủ Pháp cho rằng nếu tách Tàu được ra khỏi ta, thì tự nhiên ta sẽ chết, nên tìm cách điều đình với Tàu để Tàu nhìn nhận cuộc bảo hộ của Pháp ở Việt-Nam và như vậy là thượng sách... Về phía Tàu thì cũng đang lâm vào ngõ bí, vì trong các cuộc hành quân của Pháp ở Bắc-Ninh, Hưng-Hóa, Tuyên-Quang .v.v... đã làm cho quân Tàu chết quá nhiều nên càng đánh thì lại càng thua. Vấn đề là làm thế nào giải quyết được mà không làm mất thể diện của "Thiên-Triều"? Rồi do một sự tình cờ mà Paris xích lại gần được Bắc-Kinh vốn từ lâu vẫn tẻ nhạt...

Ngày 26-3-1884 Hải-quân Trung-Tá Fournier chỉ huy chiếc "Volta" đã gặp Détring, một người Đức là một viên chức quan thuế Tàu tại Hồng-Kông. Hai người nói chuyện với nhau về thời sự Việt-Nam và sự can thiệp của Chính Phủ Bắc Kinh vào tình hình Việt-Nam. Détring cho biết ông là bạn của Lý-Hồng-Chương và có thể đứng ra làm trung gian điều đình giữa Pháp và Trung Hoa được...

Sau đó Fournier lên Thượng-Hải và tại đây Fournier nhận được điện của Lý-Hồng-Chương mời xuống Thiên-Tân nói chuyện... Được báo cáo ngày 30/4/1884, Chánh Phủ Pháp chấp thuận cho việc gặp gỡ bán chính thức nầy; đồng thời trao cho Fournier được toàn quyền điều đình, miễn có lợi cho Pháp là được.

Tuy nhiên để cho vấn đề chắc ăn hơn, ngày 10/5/1884, Chánh Phủ Pháp lại cử Phó Đề-Đốc Lespès, chỉ huy hạm đội Pháp ở biển Tàu, lên Thiên-Tân để điều đình... Ngày 17/5/1884, Lespès đến Thiên-Tân thì ... Fournier đã cùng với Lãnh Sự Pháp ở Thiên-Tân là Frandin vừa mới ký với Lý - Hồng - Chương một thỏa ước gồm 5 khoản chính yếu sau đây, sau hai ngày thảo luận:

1- Nước Pháp cam kết tôn trọng và bảo vệ biên thùy phía Nam Trung-Quốc, chống mọi cuộc xâm lăng bất cứ lúc nào.

2- Vì nước Pháp bảo đảm chắc chắn tình hòa hiếu lân bang, sự vẹn toàn và yên ổn bờ cõi của Trung-Quốc, nên Thiên-Quốc chịu:

a- Rút quân ra khỏi Bắc-Kỳ,

b- Tôn trọng các hiệp ước đã và sẽ ký giữa Pháp và Việt-Nam từ nay trở đi.

3- Để đền đáp lại thái độ thuần nhã của Chính Phủ Thiên Triều, tấm lòng ái quốc và khôn ngoan của ông Lý-Hồng-Chương, nước Pháp không đòi binh phí, bù lại người Tàu chịu để nước Nam và nước Pháp trao đổi hàng hóa với nước Tàu trên các vùng giáp giới nước Tàu về mạn Bắc-Kỳ. Sự giao thương sẽ lập Hiệp ước để quy định thể lệ giữa đôi bên, theo tinh thần hữu nghị và theo các điều kiện có thể có ích cho việc thương mại Pháp được bao nhiêu hay bấy nhiêu.

4- Hòa-Ước nầy sẽ hủy bỏ các hiệp ước đã có, ký kết giữa hai nước Trung-Hoa và Việt-Nam về việc Bắc-Kỳ. Nước Pháp cam kết sẽ không dùng một danh từ nào có thể tổn hại đến thể diện của Thiên Triều.

5- Sau khi ký xong Hiệp-Ước này ba tháng, hai Chánh Phủ sẽ cử những nhà ngoại giao họp nhau lại nghiên cứu một Hòa ước vĩnh viễn lấy bốn khoản chính trên đây làm căn bản.

Cũng ngày 17/5/1884, Fournier đánh một điện bạch văn cho Trung-Tướng Millot, Tổng-Tư lệnh Quân đội Pháp ở Việt-Nam như sau "Tôi hân hạnh kính báo cáo các biện pháp sau đây đã được các đại sứ toàn quyền quyết định trong hiệp ước Pháp-Trung Hoa: sau thời hạn 20 ngày nữa, tức là ngày 6/6/1884, Trung-Tướng có thể đem quân chiếm đóng Lạng-Sơn, Cao-Bằng, Thất-Khê và tất cả các địa điểm khác trong lãnh thổ Bắc Kỳ giáp ranh với hai Tỉnh Quảng-Đông và Quảng Tây ; cũng trong khoảng thời gian này, Trung Tướng có thể thiết lập các căn cứ Hải-quân trong mọi điểm ở trên bờ biển Bắc-Kỳ theo ý muốn, xin thông báo cho Phó Đề-Đốc Courbet, sau thời hạn 40 ngày nữa, tức là ngày 26/6/1884, Trung Tướng có thể chiếm Lào-Kay và tất cả các địa điểm trong lãnh thổ Bắc-Kỳ giáp ranh với tỉnh miền Nam. Tôi đã lưu ý Lý-Hồng-Chương rằng sau thời hạn ấn định , Trung-Tướng, đại khái, có thể trục xuất mọi đồn binh của Tàu còn lại trên lãnh thổ Bắc-Kỳ chưa rút về Tàu. Sau khi công việc sắp xếp xong xuôi, tôi sẽ chấm dứt nhiệm vụ Đại-sứ toàn quyền của tôi".

Như trên đã nói mục đích của Pháp chỉ cốt trục xuất quân đội nhà Thanh ra khỏi Bắc-Kỳ và buộc Thanh-Triều từ nay cắt hết mọi liên hệ với Việt-Nam... Về phía Tàu chỉ cốt làm sao rời khỏi Việt-Nam mà không mang tiếng là kẻ chiến bại... Nhưng xuyên qua bản hòa ước Fournier Lý-Hồng-Chương, ta thấy Pháp không những thắng về Quân sự ở Việt-Nam mà còn thắng về ngoại giao đối với ta cũng như đối với Tàu...

Nếu Hòa-Ước Fournier là một bước tiến của Pháp đối với Tàu thì nó cũng là một nhát búa gần như quyết định vào sự sống còn của Việt-Nam...

Ở bên kia trời Âu, Chánh-Phủ Pháp cũng muốn nhân cơ hội Việt-Nam mất chỗ dựa và đang mệt mỏi sau mấy năm chiến tranh liên miên, cho sửa đổi Hòa-Ước Harmand (Hòa-Ước Quý Mùi ngày 23/7/1883), để củng cố quyền bảo hộ của Pháp ở Việt-Nam theo đề nghị của Tricou



Quan quân Tàu

trước đây (xem phần trên Pháp Cương Quyết Xâm Lăng Việt-Nam - Đoạn ông Nguyễn Văn Tường tiếp kiến theo lễ nghi Tricou ngày 01/1/1884), nên đặc cử Patenôtre, Đại sứ Pháp ở Tàu trên đường đến nhiệm sở, ghé qua SàiGòn và Huế để điều đình...

Rồi đến cuối tháng 5/1884, Patenôtre và Rheinart đã cùng với Nguyễn Văn Tường, Phạm Thận Duật, Tôn Thất Phan bàn cãi để lập một Hòa Ước mệnh danh là Hòa Ước Patenôtre (Còn gọi là Hòa ước Giáp Thân) đi xa hơn ba Hòa ước trước (Là Nhâm Tuất - 05/6/1862, Giáp Tuất 15/3/1874, Quý mùi 25/8/1883,) đây là Hòa ước cuối cùng giữa Pháp và Việt-Nam.

HÒA-ƯỚC gồm 19 khoản:

1- Nước Nam nhận và chịu nước Pháp bảo trợ (vì chữ "bảo trợ" mà hai bên bàn cãi mãi khiến Pháp phải điện về Paris hỏi ý kiến, tuy vậy, sau khi Việt Nam vào tròng rồi, Pháp lại chính thức dùng chữ bảo hộ), nước Pháp đại diện cho nước Nam trong các việc giao dịch với nước ngoài và bảo trợ cho người nước Nam ở trong nước cũng như ở ngoài nước.

2- Bộ đội Pháp được đóng thường xuyên ở cửa Thuận-An. Nam triều phải triệt để hủy bỏ mọi đồn lũy từ cửa Thuận-An vào Kinh-Đô.

3- Nam Triều vẫn cho quan lại cai trị như cũ, từ các tỉnh giáp giới tỉnh Biên-Hòa của Nam Kỳ cho đến phần đất giáp tỉnh Ninh-Bình của Bắc-Kỳ, trừ việc công-chánh, thương chánh và các việc thường mà cần sự chủ trương duy nhất hoặc cần kỹ sư hay người Âu-Châu.

4- Ở các tỉnh đã quy định trong điều 3 trên đây, trừ các cửa biển Thi-Nại đã khai thương rồi, các cửa Đà-Nẵng (Quảng-Nam) Xuân-Đài, Vũng Lâm (Phú-Yên) nay cũng được khai thương. Sau này nếu cần khai thương thêm, để khai thác lợi ích thì hai nước sẽ họp ý để thi hành. Nước Pháp sẽ đặt quan chức ở đây do Tổng Trú-Sứ (Khâm sứ) bổ nhậm.

5- Tổng trú sứ tại Kinh Đô thay mặt chính phủ Cộng-Hòa Pháp giữ việc ngoại giao của nước Nam, thi hành việc bảo trợ cho được đứng đắn, mà không can thiệp vào nội chính của nước Nam, qua các tỉnh đã giới hạn trong điều 3, Tổng trú Sứ ở trong kinh thành được quyền đặt một số lính hộ vệ và được ra vào yết kiến vua nước Nam.

6- Ở Bắc-Kỳ Chính-Phủ Cộng-Hòa Pháp sẽ đặt ra các trú sứ và các phó sứ ở các tỉnh ly nào xét cần. Các ông nầy sẽ thuộc quyền Tổng trú sứ ở Kinh. Và cư ngụ ngay cạnh Dinh tỉnh do một toán lính Pháp hay Nam bảo vệ.

7- Các trú sứ Pháp ở Bắc-Kỳ không được dự vào các chi tiết các việc dân sự, chỉ được quyền kiểm soát, còn việc cai trị phải dành cho các quan Việt-Nam. Nhưng trú sứ Pháp có quyền xin cách chức quan chức nào thì Triều đình phải chịu (Sau nầy Phủ Thống sứ Bắc-Kỳ làm công việc nầy, Triều đình Huế không được can thiệp và cũng không được thông báo - soạn giả).

8- Các quan chức Pháp có liên hệ công vụ với quan chức Nam phải do Trú Sứ đệ đạt.

9- Nước Pháp đặt dây điện báo từ Sài-Gòn ra Hà-Nội phần lời tức sẽ trích giao cho Nam Triều. Để bù lại nước Nam phải nhượng đất để làm trạm xá cho sở điện báo.

10- Những ngoại nhân cư trú ở Việt-Nam (tức là ở Trung-Kỳ mà thôi - soạn giả) và Bắc Kỳ đều thuộc Tòa án Pháp xử (?).Công-dân Việt Nam có việc kiện tụng với người ngoại quốc cũng phải theo như trên.

11- Trong các tỉnh nước Nam (Trung-Kỳ) chỉ có Bố chánh coi việc thu thuế cho Triều-Đình. Tại Bắc-Kỳ, Bố-chánh hợp với trú sứ xem xét các việc thuế, phân định các hạng và lo liệu việc chi thu và xử dụng; Quan chức Pháp và quan chức Nam chi tiêu hàng năm, cho các cơ quan nhà nước, còn bao nhiêu nộp lại cho Triều đình.

12- Trong khắp nước Nam, việc quan thuế sẽ hoàn toàn giao cho quan chức cai trị Pháp; Sở quan thuế sẽ đặt ở nơi gần bờ biển, hay vùng biên giới còn về phương pháp mà các vố quan Pháp đã áp dụng trong việc quan thuế thì nay nước Nam không được sửa đổi nữa.

Trong các sở quan thuế ở nước Nam và ở Bắc-Kỳ, các điều lệ và ngạch thuế (Thuế chính ngạch và thuế ngoại ngạch), điều lệ cấm thuyền vào bến khi có dịch khí, phải theo như các sở quan thuế Nam-Kỳ.

13- Trong các cửa biển đã khai thương ở nước Nam và ở Bắc-Kỳ, dân Pháp hay dân có Pháp tịch, được quyền tự do đi lại, mua bán động sản và bất động sản và xử dụng.

14- Hoàng đế nước Nam xác nhận chắc chắn việc bảo đảm cho các giáo sĩ, giáo dân, theo các điều đã ghi trong Hòa-ước ngày 15/3/1874. Người ngoại quốc muốn lưu thông trong nước Nam phải có giấy phép của Tổng Trú sứ ở Kinh hay của Thống-Đốc Nam-Kỳ. Giấy thông hành nầy phải trình quan chức Nam chiếu khán.

15- Nước Pháp cam kết giữ toàn vẹn lãnh thổ Việt-Nam, trong dẹp yên các mối loạn, ngoài trừ xâm lăng. Như vậy nước Pháp được quyền đóng quân ở bất cứ nơi nào trên nước Việt-Nam và Bắc-Kỳ, xét cần, để thi hành việc bảo trợ.

16- Ngoài các hạn chế do Hòa-Ước nầy nêu ra, Hoàng đế nước Nam tiếp tục cai trị nước mình như cũ.

17- Về món nợ nước Nam còn thiếu của nước Pháp, sẽ xét định cách thức trả lại sau. Ngoài ra nếu chính phủ Pháp không bằng lòng thì Hoàng đế nước Nam không được vay mượn các nước ngoài.

18- Các đại diện nước Nam sẽ hội nghị để định giới hạn các cửa biển khai thương và đất đai nhường cho Pháp ở mỗi nơi ấy, sẽ định nơi đặt hải đăng bên bờ biển nước Nam và xứ Bắc-Kỳ, chế độ khai thác các mỏ, chế độ tiền tệ, số tiền trích giao cho Nam triều trong số quan thuế thu hoạch được hàng năm, thuế điện báo và các món thu khác, ngoài khoản 11 của Hòa-Ước này.

Hòa ước nầy sẽ đệ lên chính phủ Cộng-Hòa Pháp và chánh phủ nước Nam phê chuẩn rồi hỗ giao liền.

19- Hòa ước nầy thay các điều ước đã lập ngày 15/3/1874, và ngày 31/8/1874. Nếu có bên nào khiếu nại về nghĩa lý thì sẽ dùng chữ Pháp làm căn bản thảo luận.

Hòa ước nầy khác với Hòa ước Harmand ở chỗ Pháp trả Bình-Thuận, Nghệ-An, Thanh-Hóa và Hà-Tĩnh cho Trung-Kỳ như một "Nước Nam", còn Bắc-kỳ là một xứ khác..

Trước khi hai bên chính thức ký vào Hòa ước ở trên lầu tòa Khâm sứ Pháp ở Huế, Devéria làm thông-ngôn cho bộ ngoại giao nêu ra ý kiến nếu Pháp không muốn Việt-Nam còn thần thuộc nước Tàu nữa, thì phải hủy bỏ mọi dấu hiệu của sự liên hệ với Bắc-triều- Ý bọn nầy muốn đề cập đến cái ấn vuông bằng bạc mạ vàng, mỗi bề rộng 11 phân tây, nặng 5kg 900, trên có tay nắm hình con kỳ-lân, ở mặt có khắc sáu chữ "Việt-Nam Quốc-Vương Chi-Ấn" do sứ Tàu giao cho Gia Long từ 1803- Do đó Patenôtre cho hội tất cả các quan chức ta lại tuyên bố rằng: "Từ nay nước Nam thuộc quyền nước Pháp bảo trợ, chứ không còn thuần phục nước Tàu nữa. Rồi cho mang cái ấn nói trên ra đóng vài bản làm kỷ niệm, trước khi cho nấu chảy thành một cục bạc ... Sau đó hai bên cùng hạ bút ký vào bản Hòa-ước (Việc nầy nhà Thanh cho là xúc phạm đến danh dự của người Tàu, nên lại ra lệnh cho các Tướng Tàu ở Bắc-Kỳ tiếp tục chiến - xin xem các đoạn kế tiếp).

Nhận xét về Hòa-Ước Patenôtre, Sử-Gia Trần-trọng-Kim viết "Hòa-ước ký Năm Giáp thân (1884) là Hòa ước của Triều đình Huế ký với nước Pháp, công nhận cuộc bảo hộ của Pháp và chia làm hai khu vực là Trung-Kỳ và Bắc-Kỳ Tuy hai Kỳ cũng thuộc quyền bảo hộ của nước Pháp , nhưng mỗi nơi có một cách cai trị khác, về sau dần dần Hòa-ước 1884, cũng mất hết cả ý nghĩa và thực quyền về chính phủ bảo hộ hết cả. Triều đình ở Huế chỉ giữ cái hư vị mà thôi.

Nước Việt-Nam trước kia, từ Nam chí Bắc là một, có cái tính cách duy nhất hơn cả các nước khác. Văn hóa, lịch sử, phong-tục, ngôn-ngữ đều là một cả, mà nay thành 3 xứ Nam-Kỳ, Trung-Kỳ và Bắc-Kỳ, mỗi kỳ có một chính sách riêng như ba nước vậy. Thậm chí lúc đầu người Kỳ nầy sang kỳ kia phải xin giấy thông hành mới được đi. Kỳ nghĩa là xứ, là khu, trong một nước chớ không có nghĩa là nước.

Một nước mà tam phân, ngũ liệt ra như thế thật là một mối đau lòng cho nước Việt-Nam đã có một lịch sử vẻ vang hàng mấy nghìn năm."

Một Sử gia khác, ông Phan-Khoang thì cho rằng "xem lại, chúng ta thấy rằng, chúng ta chỉ mất quyền ngoại giao mà thôi, còn quyền nội trị, quyền binh bị vẫn còn nguyên vẹn. Thế mà sau đó một thời gian, đặt một chức lý trưởng cũng

phải do quan sứ ưng thuận và cấp bằng, binh lính thì để kéo xe hay hầu hạ các quan và nhiều kẻ chưa cầm đến cái súng lần nào...



8.— Việc triều chính ở Huế.

Như trên đã nói Kiến-Phúc chỉ là một ông Vua bù nhìn, còn việc gì lúc bấy giờ cũng đều do hai ông Nguyễn-Văn-Tường và Tôn-Thất-Thuyết, nhưng thường là do ông Thuyết quyết định cả.

Ông Thuyết nắm binh quyền là người tính hung-hăng, ai cũng khiếp sợ hay chém giết nhưng tài trí lại kém, nhát gan và hay đa nghi; còn ông Tường nắm quan lại, là người học giỏi, tài cao, ăn nói hoạt bát, nhưng lại có tính tham-lam và tà dâm. Trong triều hay bất cứ ai chống lại hai ông, thường là bị giam cầm hay mất mạng.

Vua Kiến-Phúc làm vua được hơn 6 tháng thì bị bệnh; trong lúc bị bệnh, đang đêm thấy ông NGUYỄN-VĂN-TƯỜNG vào và có những cử chỉ bất chánh với bà mẹ nuôi là bà Học-Phi, nên Kiến-Phúc có quở trách thì sáng sớm hôm sau có tin là Vua Kiến-Phúc băng hà.

Kiến-Phúc băng hà, hai ông Tường và Thuyết bèn chọn ông Ưng-Lịch, lúc đó mới có mười hai tuổi và còn đang ăn mặc rách rưới chơi đùa với các con trẻ nhà bình dân ở ngoài đường, lên ngôi. Nhưng đối với hai ông điều đó không quan trọng bằng làm sao cho có một ông Vua bù nhìn, và các việc vẫn do hai ông định đoạt cả.

Sáng ngày 2/8/1884, 12 phát đại bác được bắn lên ở Huế, để báo tin cho mọi người biết là đã có Vua mới. Nhưng việc này lại không cho Pháp biết, Pháp cho như vậy là vi phạm Hòa ước và không thể chấp nhận được, hai ông Tường và Thuyết cứ trả lời quanh mãi, Khâm sứ Rheinart bèn báo cho Trung-Tướng tổng tư lệnh quân Pháp ở Hà-Nội là Millot biết và ông này gởi Đại Tá Guerrier, tham mưu trưởng của mình, cùng với một tiểu đoàn của Trung đoàn 111 và 1 Pháo đội đến Huế, bằng chiếc "Tarn" để gây áp lực. Ngày 12/8/1884 Guerrier đến Huế, liền đưa một tối hậu thư bắt Triều đình phải xin phép lập Ưng Lịch lên làm vua, nếu không, sáng ngày 14/8/1884, quân Pháp sẽ chiếm thành. Gần hết hạn định, ông Tường vội vã sang tòa Khâm sứ để đệ đơn xin phép lập Ưng-Lịch lên làm Vua, nhưng lại viết bằng chữ nôm, Rheinart không chịu, bắt làm lại. Tường phải tuân theo và đến chín giờ sáng ngày 17/8/1884, Rheinart, Guerrier và hạm trưởng chiếc "Tarn" cùng với 25 Sĩ quan và một số binh sĩ hộ vệ đi vào cửa chính, binh sĩ đi cửa phụ vào làm lễ tấn phong cho Hàm-Nghi, xong hôm sau Guerrier mang quân sĩ trở về Hà Nội.

Hàm-Nghi lên ngôi, Rheinart (lúc bấy giờ đã được thăng Hải-Quân Trung-Tá) được Chánh Phủ Pháp cử một quan chức dân-sự khác là Lemaire, sang thay.



CHƯƠNG IX

Hòa-ước Thiên-Tân thất bại – Pháp-Hoa tái chiến

1.– Trận Bắc-Lệ.

Sau khi nhận được Công-điện của Hải-quân Trung-Tá Fournier (xin xem phần trên đây), Trung-Tướng Millot tưởng rằng Pháp đã thu xếp xong với Tàu, nên ra lệnh cho Đại-Tá Guerrier, là Tham-Mưu Trưởng của mình, chuẩn bị đem quân đi tiếp thu Lạng-Sơn, Thất-Khê và Cao-Bằng.

Sau đó, một cánh quân được tổ-chức tại Phủ-Lạng-Thương, do Trung-Tá Dugènne chỉ-huy gồm có : 8 Sĩ-quan và 306 Thủy quân Lục-chiến, 300 lính khố đỏ Bắc-Kỳ ; 1 Pháo đội 86 ly 5 của Thủy-quân Lục-chiến; 43 Kỵ-binh ; các toán Công-binh, Truyền-Tin, Hiến-binh, Tiếp-Vận, Hành-chánh... Tổng cộng là 26 Sĩ-quan, 977 binh sĩ.

Ngày 13/6/1884, Dugènne cho quân-sĩ khởi hành đi Lạng-Sơn mang theo 45 ngày ăn. Vì đường sá qúa hiểm trở, nên ngày đầu, cánh quân này không tiến được quá 8 cây số và đến chiều thì phải đóng quân ở Phú-Xuyên ... Ngày 15/6/1884, sau hai ngày di-chuyển dưới trời nắng thiêu đốt, cỏ cây rậm rạp và đường đi lầy lội gập ghềnh, cánh quân mới tới được Cao-Sơn với nhiều kẻ ốm yếu và đi cà nhắc. Dugènne phải tăng cường quân số. Đến ngày 20/6/1884, Dugènne được 1 Đại-đội gồm 80 người gởi đến tăng cường. Vì bị mưa mấy ngày liền và sau đó vì thời tiết qúa oi bức lại còn phải vượt qua nhiều kinh rạch, nên Dugènne cho rằng ít lắm phải tới ngày 26/6/1884 mới tới được Lạng-Sơn.

Ngày 22/6/1884, quân Pháp đóng tại bờ Sông Thương, sau khi đã để lại tại Bắc-Lệ một số lớn lương thực được canh gác cẩn thận. Trung Tá Dugènne đánh điện báo cáo về cho Millot hay rằng cánh quân chỉ có thể vượt sông vào sáng hôm sau, nếu trong đêm không có bão tố và đồng thời cũng phúc trình luôn là đã thấy bóng dáng quân Tàu xuất hiện.

Trong đêm 23, rạng ngày 24/6/1884, Trung-Tướng Millot chỉ nhận được một công-điện vắn tắt nói rằng tình trạng của cánh quân Dugènne đang nguy kịch. Lập tức Millot ra lệnh cho Thiếu-Tướng De Négrier tổ chức một cánh quân khác đi tiếp cứu... Đến trưa ngày 24/6/1884, Millot mới nhận được tin tức đầy đủ về trận đánh và sau đây là sự diễn tiến :

Sáng ngày 23/6/1884, cánh quân của Dugènne vượt sông, nước ngang tới thắt lưng, khi vừa đặt chân lên bờ bên kia xong, thì tiền vệ đã đụng độ với quân ta và Tàu. Đến 9 giờ, thì một phái viên người Tàu mặc áo xanh, không mang võ khí, đem một bức thư đề ngày 22/6/1884, đến cho Dugènne. Đại ý bức thơ nói rằng "Việc Pháp và Trung-Hoa ký kết hiệp ước ở Thiên-Tân họ đã biết... quân Pháp muốn quân Tàu rút ngay, nhưng họ còn phải chờ lệnh cấp trên trực tiếp của họ đã... Không phải quân Tàu vi phạm hiệp ước, nhưng họ phải có thời giờ để chuẩn bị... Không nên gây đổ máu vô ích...".

Viên thông ngôn của Dugènne hỏi phái viên Tàu rằng họ cần một thời gian bao lâu để có thể có trả lời và rút quân. Phái viên này nói cần 5 ngày. Dugènne phản đối cho như vậy là vi phạm hiệp ước.

Đến 14 giờ cùng ngày (23/6), Dugènne lại được báo cáo là lại có phái viên Tàu tới. Dugènne liền cử Thiếu-Tá Crétin ra tiếp đón, để mời vào gặp Dugènne. Nhưng phái viên này từ chối vượt qua ranh giới tỉnh Lạng-Sơn. Sau một cuộc thảo luận khá lâu, phái viên Tàu mới thỏa thuận

đến gặp Dugènne, nhưng phải về thay quần áo theo đúng nghí thức và từ đó không thấy trở lại nữa.

Lúc này Dugènne phải có một sự dứt khoát vì trời sắp tối, nếu đóng quân chơi vơi ở bờ sông thì sẽ bị tấn công và như vậy là bất lợi, mà lui lại cũng khó khăn. Do đó, dù muốn hay không quân Pháp cũng phải tìm một điểm tựa để đóng quân đêm. Rồi vào lúc 15 giờ (cùng ngày 23/6), Dugènne báo cho quân Tàu biết rằng trong một giờ nữa Pháp sẽ tiến quân...

Đến 16 giờ (ngày 23/6), quân Pháp kéo lên một ngọn núi thì bị quân ta và Tàu từ các khu ở gần và trong các vị trí kín đáo bắn xối xả vào đám tiền vệ. Đám khố-đỏ và bọn dân phu bỏ chạy tán loạn. Dugènne cố gắng lắm mới giữ vững được hàng ngũ và đẩy lui được quân ta và Tàu. Tiếng súng của ta và Tàu ngưng hẳn vào lúc 3 giờ sáng ngày hôm sau, 24/6/1884, sau một cơn mưa như trút nước; nhưng đến 8 giờ thì các vị trí vòng ngoài của quân Pháp lại bị tấn công dữ dội hơn bao giờ từ hai phía . Đến 10 giờ, thì phía sau lưng quân Pháp (đường về Hà Nội) bị uy hiếp... Dugènne thấy lâm nguy bèn ra lệnh phản công để mở một đường máu và rút lui vào lúc 11 giờ (cùng ngày 24/6/1884), bỏ lại tất cả lương thực, xe cộ, lừa ngựa... chỉ mang theo các tên chết và bị thương về Bắc-Lệ.

Kết qủa ngày 23/6/1884 quân Pháp bị chết 7 người và 47 người bị thương, trong số có Đại-Úy TQLC Jeannin và Trung-Úy Genin chết vì không chịu nổi vết thương sau đó. Ngày 24/6/1884, quân Pháp bị chết 14 người trong số có Đại-Úy Clémenceau, 24 người bị thương trong số có Y-sĩ Thiếu-Tá Gentit và Trung-Úy Delmotte và 2 mất tích.

Cánh quân của Dugènne rút về gần Bắc-Lệ đóng trên một ngọn đồi cao chế ngự cả một vùng, bởi vì trong làng (Bắc-Lệ) quân Pháp thấy có quân ta và Tàu xuất hiện. Ngày 25/6/1884, Dugènne nhận thấy quân ta và Tàu vẫn tiếp tục bám sát cánh quân, bèn cho lệnh rời vị trí đến con đường đi Kép, cách xa làng Bắc-Lệ khoảng 2 cây số. Ở đây, cánh quân của Dugènne đã tiếp xúc được với tiền quân của cánh quân đi tiếp cứu, do De Négrier đích thân chỉ huy, lúc bấy giờ đang đóng tại Cao-Sơn. Cánh quân này gồm có 2 Đại-đội của Trung-Đoàn 143, 1 Đại-đội Khố-đỏ, 2 Pháo-đội 80 ly và 1 toán Công-binh.

Tình trạng của quân Pháp lúc này thật là khốn đốn, một mặt thời tiết nóng bức khó chịu, mặt khác lại phải mang theo các tên bị thương và thiếu cả lương thực...

Ngày 28/6/1884, cánh của Dugènne bắt đầu tập trung tại Cao-Sơn cùng với cánh đi tiếp cứu của De Négrier.

Theo lệnh của Chính Phủ Pháp, trong khi chờ đợi kết qủa của cuộc điều đình, quân Pháp cho rút quân và tạm thời cho hoãn việc chiếm đóng Lạng-Sơn, Thất-Khê và Cao-Bằng.



Quân sỹ Tàu

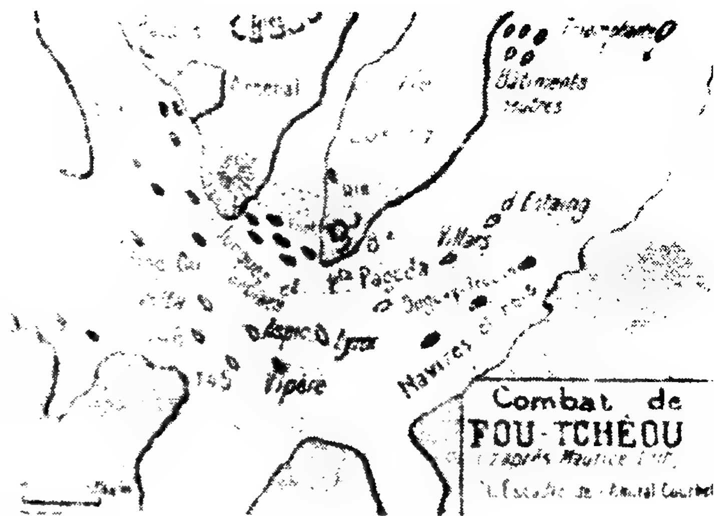
2.— Quân Pháp đánh Phúc-Châu và vây Đài-Loan.

Sau khi nhận được tin quân Pháp bị bại trận tại Bắc-Lệ, Chánh-phủ Pháp báo cho Trung Tướng Millot biết rằng Đại-sứ Pháp ở Bắc-kinh, là ông Patenôtre, đã được lệnh phải dàn xếp ngay vụ vi phạm Hòa-ước Thiên-Tân và mặt khác, Đề-Đốc Courbet cũng được Chính phủ cho lệnh đem hạm đội đến bỏ neo ở gần thành Phúc Châu là tỉnh lỵ Phúc-Kiến...

Đại-sứ Patenôtre chưa trở lại đáo nhậm nhiệm sở kịp, nên ngày 28/6/1884, De Semallé đến gặp các quan chức Tàu để điều đình về vụ Bắc-Lệ. Hai bên gặp nhau lại gởi giấy tờ cho nhau mãi, nhưng cũng không giải quyết được gì cả. Ngày 01/7/1884, Patenôtre đến Thượng-hải, nhưng không lên Bắc-Kinh vội, để chờ xem thái độ của các quan chức Tàu và vẫn giao cho De Semallé tiếp tục thương nghị... Ngày 12/7/1884, De Semallé nhận lệnh Chánh-phủ Pháp gởi một tối hậu thơ cho các quan chức Tàu nói rằng quân Tàu phải lập tức rút khỏi Bắc-Kỳ và phải bồi thường 250 triệu quan, nếu không Pháp sẽ dùng võ lực. Nhưng người Tàu đã khôn ngoan né tránh để cho Pháp bằng lòng triển hạn tối hậu thư. Ngày 28/7/1884 hai bên lại họp, nhưng không đến kết quả nào cả. Ngày 21/8/1884, sau mấy cuộc thương-nghị khác nữa đều thất bại, hết hạn, De Semallé rời Bắc-Kinh đi Thượng-Hải gặp Patenôtre...

Trong khoảng thời gian đó, quân Tàu vẫn cho tiếp tục vượt biên giới vào Bắc-Kỳ. Đầu tháng 7/1884, 7.500 người được lệnh đến tăng cường cho quân Cờ-đen. Ngày 31/7/1884, 2.500 người khác được lệnh tiến chiếm Lao-Kay...

Ngày 28/7/1884, Lý-Hồng-Chương cử một người thân tín đến Thượng-Hải mang theo một Văn-Thư tối mật cho Patenôtre, để tiếp tục cuộc thương-nghị. Trong cuộc đàm luận, đặc phái viên của Lý có nói với viên thông-ngôn Vissière rằng trước đây trong một cuộc tiếp xúc ngày 17/5/1884 với quan chức Tàu, Hải-quân Trung-Tá Fournier " đã ưng thuận gạch bỏ đoạn văn liên hệ đến ngày rút quân" và phái viên này hiện giữ tài liệu ấy, và sẵn sàng đưa ra để làm bằng cớ... Về phần Hải-quân Trung-Tá Fournier thì khai danh dự rằng không hề có chuyện đó và bản tài-liệu chính ông vẫn giữ... Câu chuyện có



Trận chiến Phúc-Châu

gạch bỏ hay không gạch bỏ chưa ngã ngũ, thì Đề Đốc Courbet nhận được lệnh của Chánh phủ Pháp cho đánh vào thủy-xưởng Phúc-Châu.

Ngày 23/8/1884, Lãnh sự Pháp ở Phúc-Châu báo tin cho nhà cầm quyền Phúc-Châu hay là quân Pháp sẽ nổ súng và đến 13 giờ, thì tiếng súng bắt đầu : Các chiếc phóng ngư lôi số 45 và 46 được Pháo hạm "Volta" yểm trợ để tấn công các thiết-giáp hạm "Yang-ou" và "Fou-sing" của Tàu. Cũng lúc đó các Pháo hạm "Aspic", "Vipère", "Lynx" ra sức tiêu diệt các thông-báo hạm và pháo hạm khác của Tàu đang đậu trước thủy-xưởng.

Các pháo hạm "Duguay – Trouin", "Villars", "D' estaing " nã vào các chiến hạm và các ổ trọng pháo khác của Tàu ở trên bờ. Hai bên đánh nhau rất kịch liệt. Thiết-giáp hạm "Yang-ou" bị chiếc phóng ngư lôi số 46 bắn chìm cùng với nhiều chiến hạm khác. Thiết giáp hạm "Fou-sing" cũng bị trúng ngư lôi của chiếc ngư lôi số 45, nhưng vẫn còn cố cầm cự. Ba chiến hạm khác của Tàu là "Fey yune", Tsi-ngane","Tchen-ouëi" cũng bị bốc cháy và trôi theo dòng nước. Chiếc "Yang-pao" và "Y-sing" bỏ chạy thoát, nhưng cũng bị đạn nhiều. Sau khi loại hạm đội Tàu ra khỏi vòng chiến (22 trong số 25 chiếc), quân Pháp pháo kích tiêu diệt nốt thủy xưởng vào ngày hôm sau, 24/8/1884. Rồi từ ngày 25 đến 29/8/1884, Courbet cho lệnh hạm đội Pháp ngược dòng sông Mân-Giang, để lần lượt hủy diệt tất cả các cơ-cấu phòng thủ khác và các ổ trọng pháo ở hai bên bờ sông, sâu vào nội địa gần 20 cây số mới chịu rút lui...

Tổng kết: quân Tàu bị chết khoảng 2.000 người, hạm đội bị tiêu diệt; quân Pháp 6 chết và 27 bị thương.

Pháp cho rằng cuộc Hành quân Phúc-Châu chưa mang lại ảnh hưởng mong muốn, trong khi chiến tranh ở Việt-Nam vẫn tiếp diễn và quân Tàu vẫn tiếp tục vượt biên giới Hoa-Việt... cuộc điều đình vẫn chưa ngã ngũ ra sao... nên một tháng sau, Đề-đốc Coubert lại tiếp tục đánh vào quân Tàu. Ngày 29/9 và 30/9/1884, Hạm đội Pháp từ đảo Mã-Tổ đổ bộ lên đảo Cơ-Long, trong khu vực eo biển Đài-Loan, và ngày 02/10/1884 thì chiếm đóng đảo này (Cơ-Long).

Nhưng ngày 8/10/1884, quân Pháp bị thua một trận ở Đạm - Thủy, bị 17 chết và 49 bị thương.

Vì cuộc thắng trận này mà cuộc điều đình đã trở nên khó khăn và còn kéo dài...

Đến đầu tháng 2/1885, thì Đề-Đốc Courbet được tin hạm đội khác của Tàu rời thượng Hải nên đã ra lệnh phong tỏa cửa sông Dương-Tử chặn tất cả thuyền bè lại, rồi đi tìm hạm đội Tàu. Đến ngày 11/2/1885 thì hạm đội Pháp bắt gặp hạm đội Tàu, nhưng hạm đội Tàu chạy trốn trong số có chiếc hộ tống hạm hạng trung trang bị 21 khẩu đại bác Krupp do người Đức điều khiển và một chiếc hộ tống hạm hạng nhẹ chạy vào Tăng-Phồ bị chiếc "Triomphante" chặn lại và ngày 14/2/1885, hai chiếc xuồng mang ngư lôi của chiếc "Bayard" bắn chìm.

Ngày 29/3/1885 chiếc "Bayard", "Triomphante", "D'estaing", "Duchaffaut", "Annamite", và "Vipère" đến các vị trí đã chỉ định quanh đảo Bành-Hồ và tấn công cảng Mã-Cương. Quân Tàu kháng cự yếu ớt và chạy trốn. Đến 10 giờ (cùng ngày 29/3), một Trung-đội của Hải-quân Đại-Úy Merlin đổ bộ lên phá các công sự phòng thủ ở cảng. Đến 15 giờ, 1 Tiểu-đoàn Thủy-quân Lục-chiến của Thiếu-Tá TQLC Lange đổ bộ lên bãi "Mái-vòm".

Ngày 31/3/1885 quân Pháp tiếp tục tấn công lên đảo Mã-Cương. Quân Tàu ở trong các công sự phòng thủ trong các làng chung quanh Mã-Cương bị TQLC Pháp, có các chiến hạm nặng, nhẹ... yểm trợ tấn công... Kết qủa quân Tàu bị đẩy lui và để lại nhiều người chết và bị thương. Đến chiều thì quân Pháp làm chủ tình thế và như vậy quần đảo Bành-Hồ hoàn toàn nằm trong tay quân Pháp.

Đề-Đốc Courbet quyết định đóng quân dài hạn ở quần đảo Bành Hồ và cho nghiên cứu việc khai thác xây dựng và bảo vệ quần đảo này, được hơn một tháng thì chết; trong khi đang ra sức khuyếch trương và củng cố cho thuộc địa và uy tín của Pháp ở Viễn Đông.

Trong thời gian quân Pháp đánh vào quần đảo Bành-Hồ thì các cuộc điều đình khi thì công khai, lúc lại bí mật vẫn tiếp diễn.

Ngày 11 và 24/01/1885 James Duncan Campbell , Ủy viên quan thuế Tàu ở Anh, đến



Chiến hạm Pháp đang phóng ngư lôi vào một Hộ Tống hạm Tàu, ở mặt trận Tăng-Phồ.



Quan Tầu và lính hầu

Paris để mở đầu cho các cuộc thương-nghị với Thủ-Tướng Jules Ferry về một Hòa-Ước Pháp-Trung-Hoa. Và ngày 26 - 2 - 1885, Campbell báo cho Jules Ferry hay là Bắc-Kinh đã thỏa thuận phê chuẩn Hòa-ước.

Ngày 27/2/1885, Bắc-Kinh lại giao cho Campbell các quyền hạn cần thiết để điều đình.

Lúc này, xét tình trạng chính phủ Pháp cũng như chánh phủ Tầu đều có những khó khăn nội bộ, chưa thể khắc phục, nên đều muốn đi đến chỗ chấm dứt xung đột. Chánh phủ Pháp luôn luôn bị báo chí,các nghị-sĩ và dân biểu mạt sát, công kích... Còn chánh - phủ Tầu thì phải đối phó với các vụ nổi loạn ở Tân-Cương, với các khó khăn về kinh tế và tài-chánh... Cho nên gặp cơ hội là cả hai đều vội vã giải quyết vấn đề này.

Ngày 01/3/1885, đặc sứ Billot (Pháp) chỉ yêu cầu sửa đổi vài chi tiết nhỏ trong đề nghị của Campbell, để gọi là có thảo luận và đại-diện Tầu (Campbell)thuận ngay. Hai bên đều đồng ý rằng cứ áp dụng Hiệp ước Fournier - Lý-hồng Chương là đủ và mọi biến cố xảy ra ở Lạng-sơn trước đây đều được thỏa thuận bỏ ra ngoài để cho cuộc thương-nghị được dễ dàng.

Ngày 04/4/1885 tại trụ sở Bộ Ngoại-Giao Pháp, ở bến D' Orsay, Billot thay mặt chánh phủ Pháp và Campbell thay mặt chánh phủ Tầu cùng ký một hiệp ước Hòa-bình lấy Hòa ước Fournier - Lý Hồng Chương làm căn bản... Sau đó hiệp ước Billot - Campbell lại được Patenôtre và Lý Hồng Chương khai triển nhiều chi tiết và ký vào ngày 9/6/1885 tại Thiên-Tân một thỏa ước,theo đó thì quân Pháp sẽ rút khỏi quần đảo Bành-Hồ và Đài-Loan, ngược lại người Tầu sẽ tôn trọng những Hiệp-ước Pháp đã ký với Việt-Nam cũng là chấm dứt việc cho xâm nhập người và vũ khí vào Bắc-Kỳ...

Thỏa ước này trở nên vĩnh viễn và hai nước Pháp và Trung-Hoa đều phê chuẩn vào tháng 6 và đầu tháng 7/1885.

Như vậy, từ nay Pháp cho rằng không còn bận tâm đến Tầu nữa mà chỉ lo tiếp tục đánh cướp Việt-Nam mà thôi./.

CHƯƠNG X

Vụ đánh úp quân Pháp ở Huế đêm 4 rạng ngày 05-07-1885

Như ở Chương nói về "Hòa ước Thiên Tân thất bại, Pháp - Hoa tái chiến" trên đây đã nói trong thời gian quân Pháp đánh vô quần đảo Bành hồ... thì các cuộc điều đình công khai hoặc không vẫn tiếp diễn.

Và ngày 4/4/1885 tại Paris, Billot thay mặt Chánh phủ Pháp và James Duncan Campbell đã thay mặt Chánh phủ Tàu, ký kết một Hiệp ước hòa bình... Sau đó, ngày 9/6/1885, tại Thiên-Tân Patenôtre và Lý Hồng Chương lại ký một Hiệp ước theo đó thì quân Pháp sẽ rút khỏi đất Tàu trả lại các nơi đã chiếm, ngược lại người Tàu sẽ tôn trọng các hiệp ước mà Pháp đã ký với VN, cũng là chấm dứt việc cho xâm nhập người và vũ khí vào đất Bắc Kỳ. Như vậy từ nay Pháp không bận tâm đến Tàu nữa mà chỉ lo tiếp tục đánh cướp Việt Nam mà thôi...

Ngày 10 và 11/4/1885, Bộ chiến tranh Pháp đánh điện báo cho Trung Tướng Brière De L'Isle hay các biện pháp cần thiết sẽ được áp dụng để đàn áp các vụ chống đối của nhân dân VN và vài ngày sau lại báo cho Brière De L'Isle hay rằng đoàn quân viễn chinh Pháp ở Bắc Kỳ sẽ được nâng lên thành Quân đoàn và sẽ do Đại Tướng De Courcy làm Tổng tư Lệnh, có Trung Tướng Warnet làm Tham Mưu Trưởng.

Ngày 26/4/1885, hiệp ước Pháp - Hoa bắt đầu có hiệu lực và quân Tàu khởi sự rút khỏi Bắc Kỳ. Các cuộc hành quân lớn của Pháp được coi như chấm dứt nhưng các vụ biến động vẫn còn kéo dài... Quân Pháp còn mất nhiều nhân tài, vật lực v.v... để bình định...

Ngày 1/6/1885 De Courcy cùng viện quân Pháp đến.

Việc làm trước tiên của Đại Tướng tân Tổng Tư Lệnh Quân Đội Viễn Chinh Pháp là tổ chức lại Quân Đoàn Bắc Kỳ và sắp xếp như sau:

- Tư Lệnh Quân Đoàn: Đại Tướng De Courcy. Tổng Hành Dinh ở Hà Nội.

- Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn: Trung Tướng Warnet.

- Chỉ Huy Trưởng Pháo Binh: Thiếu Tá Jamont.

- Chỉ Huy Trưởng Công Binh: Đại Tá Mensier.



Vua HÀM-NGHI

- Giám Đốc Quân Nhu : Phó Tham Chánh Quân Nhu Baratier (Đại-Úy).

- Giám Đốc Nha Quân Y: Y Sĩ Đại Tá Dujardin-Beaumetz.

SƯ ĐOÀN I :

Tư Lệnh Trung Tướng Brière De L'Isle (Tổng Hành Dinh cũng ở Hà Nội)

Tham Mưu Trưởng Sư Đoàn: Trung Tá Kessler; Chỉ Huy Trưởng Pháo Binh Sư Đoàn: Đại Tá Borgnis– Desbordes; Chỉ Huy Trưởng Công Binh Sư Đoàn: Thiếu Tá Dupommier - Sư Đoàn này phụ trách lãnh thổ các tỉnh Ninh Bình, Nam Định, Hà Nội, Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang và Hưng Yên.

Lữ Đoàn 1 : Thiếu Tướng Jamais (Tổng Hành Dinh ở Sơn Tây) gồm có 1 Trung đoàn bộ binh dã chiến Algérie và 1 Trung Đoàn Bộ Binh Dã chiến Phi Châu.

Lữ Đoàn 2: Thiếu Tướng Munier (Tổng Hành Dinh ở Hanoi) gồm có 2 Tiểu đoàn Thủy quân lục chiến, 1 Trung Đoàn Khố đỏ Bắc Kỳ, 2 Tiểu Đoàn Kỵ Binh, 4 pháo đội nặng (thuộc Hải Quân), 1 Đại đội Công Binh, 1 toán khinh cầu, 1 Tiểu đoàn chuyển vận.

Sư Đoàn II: Trung Tướng De Négrier- thăng Trung Tướng từ ngày 29/3/1885, sau khi bị thương ở Kỳ Lừa 1 ngày (Tổng Hành Dinh ở Hải Phòng); Tham Mưu Trưởng Sư Đoàn: Thiếu Tá Fortoul; Chỉ Huy Trưởng Pháo binh Sư đoàn: Trung Tá Gibouin, Chỉ Huy Trưởng Công Binh: Thiếu Tá Sorel.Sư đoàn này phụ trách lãnh thổ các tỉnh Quảng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Lạng Sơn , Cao Bằng và Thái Nguyên.

Lữ Đoàn 3 : Thiếu Tướng Giovanninelli (Tổng Hành Dinh ở Phủ Lạng Giang) gồm có 1 Trung Đoàn Lê Dương và 2 Tiểu Đoàn khinh chiến Phi Châu.

Lữ Đoàn 4 : Thiếu Tướng Prudhomme (Tổng Hành Dinh ở Đáp Cầu) gồm có Trung đoàn 4 Bộ Binh Dã Chiến trong đó có 1 Tiểu Đoàn TQLC, 1 Trung Đoàn khố đỏ Bắc Kỳ, 2 Tiểu Đoàn Kỵ Binh Bắc Phi, 4 Pháo đội Dã Chiến (Hải quân); 1 toán công binh và 1 Tiểu Đoàn chuyển vận.



TÔN - THẤT - THUYẾT

Tổng trừ bị : 1 Tiểu đoàn thám kích, 8 pháo đội (trong số có 6 thuộc Hải quân).

Nhiệm vụ của Quân Đoàn:

1- Bình định vùng đồng bằng đang có nhiều vụ biến động.

2- Chinh phục vùng Thượng du Bắc Kỳ, sau đó sẽ bình định.

Và ngay sau đó tung quân ra tiếp thu các yếu điểm ở biên giới và Thượng Du Bắc Kỳ, sau khi quân Tàu đã triệt thoái (Quân Tàu rút kể từ ngày 26/4 đến cuối tháng 5/1885 mới hết). Nhưng lúc này là mùa mưa ở Bắc Kỳ, quân Pháp không thể tiến nhiều lên các vùng ngược; đã vậy Nghĩa quân lại hoạt động mạnh từ lưu vực sông Hồng lên Tam Đảo (Vĩnh Yên). Dẫu gặp trở ngại này, De Courcy cũng không bận tâm lắm bằng việc triệt hạ hai linh hồn của cuộc kháng chiến là các ông Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết, cho nên De Courcy đã hăm học tuyên bố rằng: ..."Phải giải quyết vấn đề này ở Huế..." Vì ngoài tinh thần yêu nước; hai ông lại còn nắm hai bộ quan trọng nhất là Bộ binh và Bộ Lại, là những bộ cầm quyền và có lực lượng trong tay...

1.– Đại-Tướng De Courcy đến Huế

Ngày 2-7-1885, De Courcy mang theo một Tiểu-đoàn Bộ-Binh Phi-Châu do Thiếu Tá Metzinger chỉ huy cùng với 154 lính thám kích hộ tống đi trên chiếc "Henri - Rivière" và "Brandon" đến Huế, sau khi ban hành lệnh giới nghiêm và sắp xếp mọi việc, nhất là việc "tảo thanh" ở Bắc-Kỳ, nói là để "trình Ủy nhiệm thư lên Vua Hàm-Nghi" nhưng thực ra là đến Huế để diệt trừ hai ông Tường và Thuyết.

Lúc này ở Huế quân Pháp có 1 đại đội và 1 pháo đội Hải quân, 2 Đại đội TQLC chia nhau ra đóng : 1 Đại đội và 1 pháo đội Hải quân đóng ở khu "nhượng địa" (Mang Cá lớn) và Mang Cá (nhỏ); 2 đại đội TQLC đóng ở Tòa Khâm Sứ, bên kia sông Hương, đối diện với Hoàng Thành; tất cả đều dưới quyền chỉ huy của Trung Tá Pernot. còn Khâm Sứ vẫn là Champeaux.

Khi Đại Tướng De Courcy đến Huế (ngày trên) thì về phía Pháp có De Champeaux và các quan chức văn võ Tòa Khâm Sứ và về phía Việt Nam có hai quan đại thần và một đội quân danh dự dàn chào. Các cửa thành đều treo cờ và khi 2 chiếc tàu cập bến thì cả hai bên Việt Pháp đều bắn đại bác chào mừng.

De Courcy đến Huế thì lực lượng Pháp được phối trí lại như sau: ở Mang Cá (Nhỏ): 2 Đại đội bộ binh Phi Châu và 3 Trung Đội TQLC; ở khu nhượng địa: 2 đại đội bộ binh Phi Châu, bọn thám kích, 1 Trung đội TQLC và pháo đội; ở Tòa Khâm Sứ: 2 đại đội TQLC; các pháo hạm "Javeline" và "Brionval" cùng với một tiểu đĩnh bỏ neo ở phía Bắc Mang Cá. Tổng số quân Pháp lúc này ở Huế là 31 Sĩ quan, 1.387 binh sĩ và 17 đại bác.

Sáng hôm sau, 3-7-1885, De Courcy đã tỏ ra khinh mạn Triều đình Huế bằng cách cho đòi hai quan phụ chính là Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết đến, để bàn về việc yết kiến Vua Hàm-Nghi. Nhưng vì cảm biết âm mưu "đòi" đến, rồi giữ ông Thuyết luôn, do bọn bồi bếp Tòa Khâm Sứ tiết lộ ra ngoài, nên ông Thuyết liền bàn với ông Tường cách đối phó với quân Pháp. Rồi chỉ để ông Tường cầm đầu phái đoàn đến mà thôi... Còn ông Thuyết thì ra lệnh tập trung các Doanh, Vệ, gọi em là tham biện Tôn Thất Liệt từ Sơn-Phong về để ra tay trước (vào đêm 4, rạng ngày 5-7-1885), với ý niệm như sau: một đạo sẽ do Tôn Thất Liệt chỉ huy, nửa đêm vượt sông đánh thẳng vào Tòa Khâm Sứ, một đạo khác sẽ do đích thân ông Thuyết chỉ huy đánh úp khu Mang Cá (khu nhượng địa và Mang Cá nhỏ (*); trong Hoàng Thành có lính Cấm y và Kim Ngô chống giữ, lính mới tuyển giữ mặt sau, cửa Đông-Ba có 5 vệ đóng chạy dài tới Trường đình, cửa An Hòa và cửa Hậu, mỗi nơi đặt 5 vệ, cửa Tả có vệ Hổ Oai, cửa Chính và cửa

(*)-Từ đây xin hiểu Khu Nhượng Địa là Mang Cá Lớn và Mang Cá là Mang Cá Nhỏ.



Kinh thành Huế

Tây có đội Hùng Nhuệ, ngoài thành có Tượng-binh do hai nài điều khiển, đại bác thì bố trí ở các nơi thuận tiện nhưng hiểm yếu ... Tổng số quân sĩ của ta ở Huế lúc này vào khoảng gần 20.000 người.

Khi Phái đoàn Nguyễn Văn Tường đến, De Courcy không thấy ông Tôn Thất Thuyết có vẻ giận dữ ra mặt và trong lúc nâng ly mời Phái đoàn, De Courcy đã tuyên bố đại khái là cầu chúc cho hai nước Việt Pháp thịnh vượng, rồi trắng trợn tuyên bố rằng:

- Nếu quý quốc muốn yên ổn thì trong vòng 3 ngày phải nạp chiến phí cho chúng tôi là 200.000 thoi bạc và 200.000 quan tiền...

- Chúng tôi lấy làm mừng khi thấy quý ngài đến đây, nhưng sao quan Phụ Chính Tôn Thất Thuyết lại vắng mặt? Hay là quan Phụ Chính ở nhà để sửa soạn đánh chúng tôi chăng?

Mọi người đều sửng sốt vì biết rằng De Courcy dơ mặt gây hấn... Một quan đại thần liền nói đỡ:

- Quan Phụ Chính chúng tôi bị ốm không sang được.

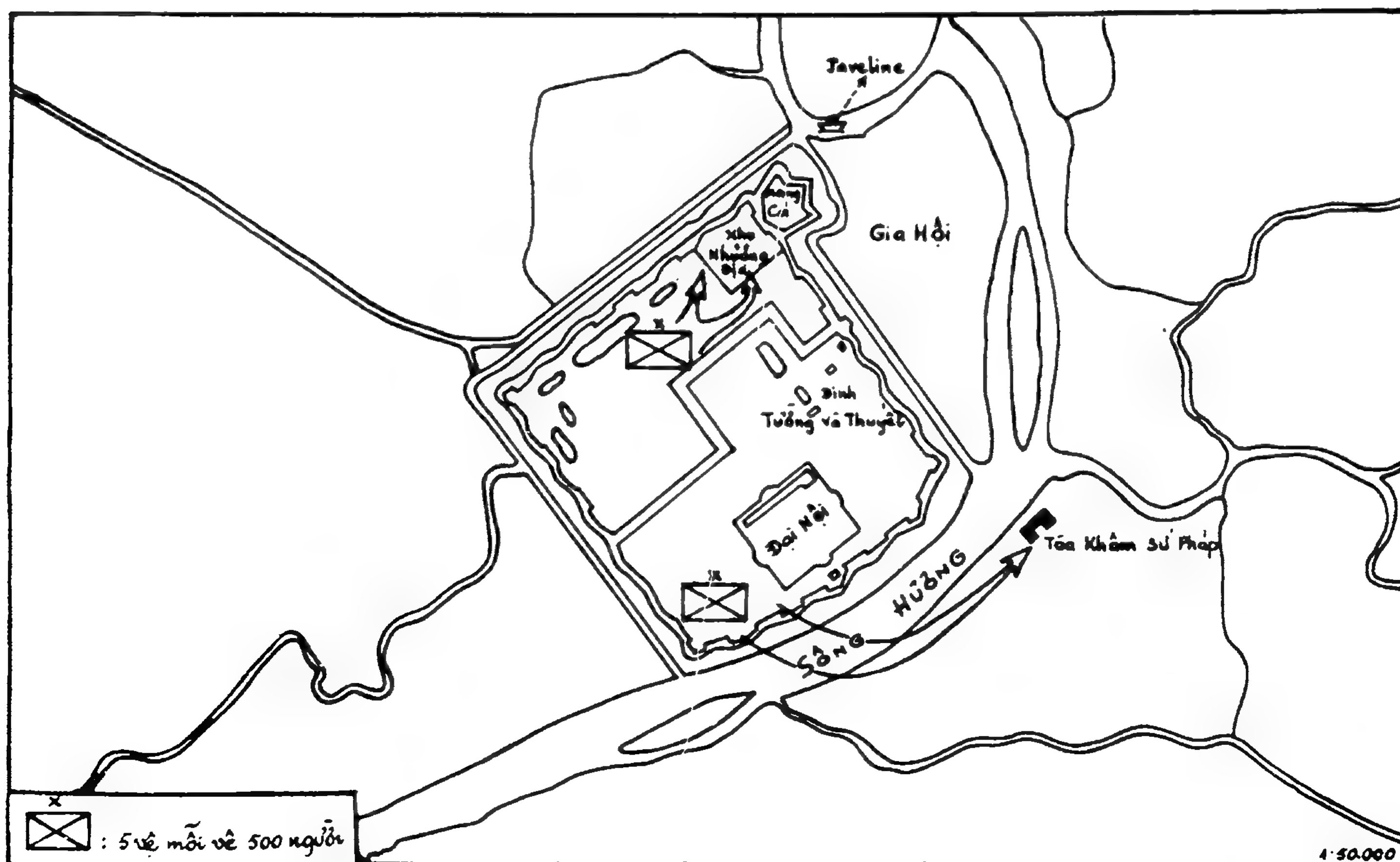
De Courcy cười nhạt rồi hằn học nói:

- Nếu ốm thì phải đi võng mà sang.

Quan ta về nài nỉ ông Thuyết đến, ông cũng không chịu... Sau mấy lần bức bách vô hiệu, De Courcy bèn cho phái Y-sĩ Mangin tới, nói là để chữa cho Ông Thuyết, nhưng thực ra là để xem hư thực như thế nào? Ông Thuyết từ chối không tiếp Mangin và cho người trả lời là mình không quen dùng thuốc tây.

Tình hình thật là căng thẳng...

De Courcy đòi phải mở cửa chính cho tất cả Phái đoàn Pháp (từ Trưởng Đoàn là De Courcy và các tùy tùng) đi vào. Phái đoàn Nguyễn Văn Tường thấy điều ấy trái với quốc lễ, xin để một mình Đại Tướng De Courcy đi cửa giữa theo như sứ Tàu ngày trước, còn quân sĩ tùy tùng thì xin đi cửa hai bên, De Courcy nhất định không chịu...



Sơ-đồ cuộc đánh úp Kinh thành Huế của quân ta

Việc họp bàn như thế coi như là thất bại và De Courcy ra lệnh hoãn chờ ông Thuyết bình phục...

Ông Nguyễn Văn Tường sau khi ra về, đã đến thẳng Bộ Binh gặp ông Thuyết nói rằng "đã đến lúc không còn hòa hoãn được thêm nữa, đánh liều may rủi vậy"!!!

Cuộc tập trung quân lại càng trở nên khẩn trương, các tù nhân cũng được xử dụng, tăng cường cho các đơn vị để cho họ đái công chuộc tội và mặc dầu nó được thi hành hết sức bí mật, nhưng cũng không qua mặt được bọn Tu sĩ gián điệp và bọn giáo dân phản quốc, nên bọn này, nhất là Giám Mục Gaspar, đã mật báo cho De Courcy biết (vào sáng ngày 4/7/1885). Nhưng với bản tính tự đắc De Courcy không tin là ta dám bạo động...



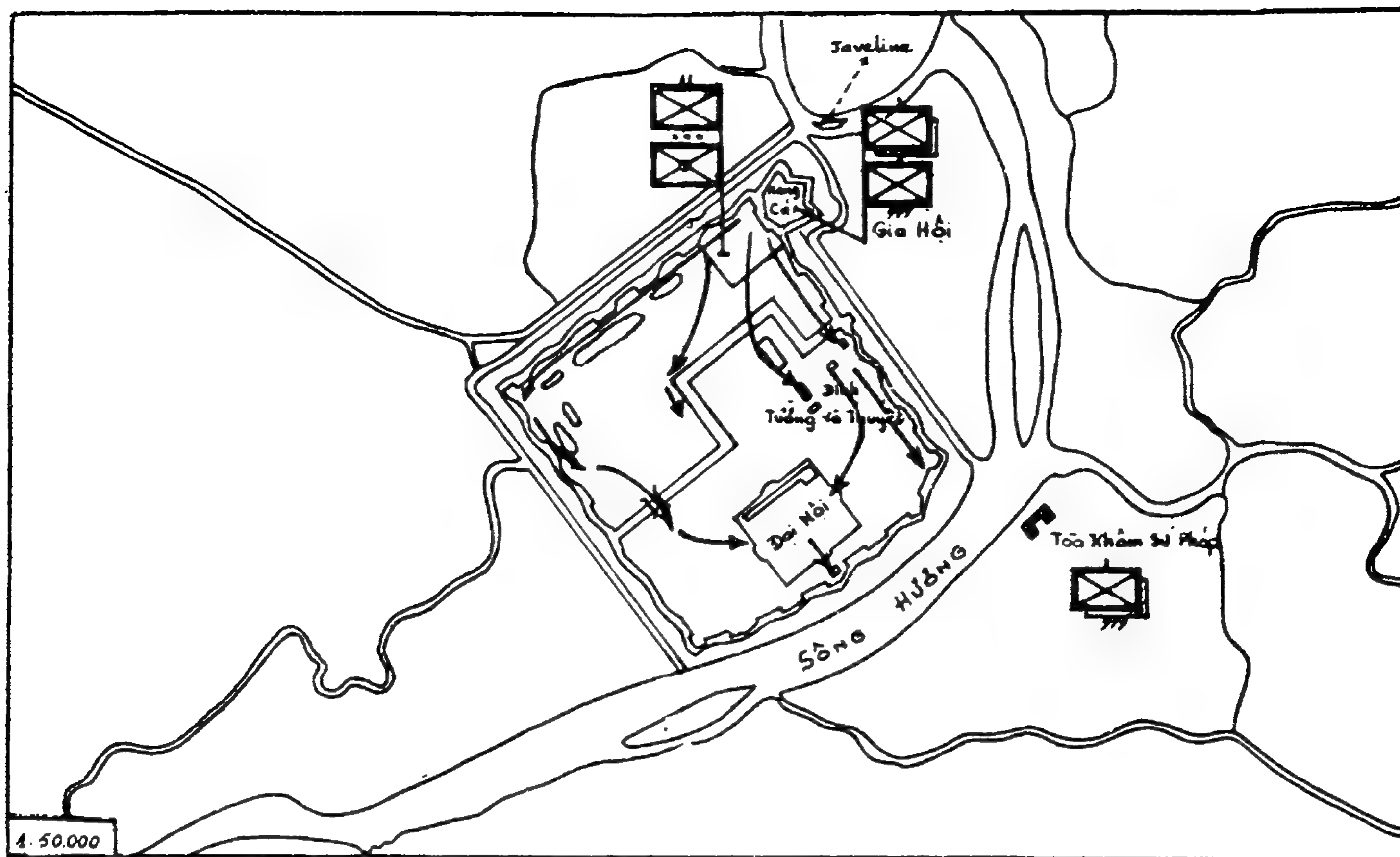
2.– Diễn tiến trận đánh úp.

Thấy tình hình thật gay cấn, trưa ngày 4-7-1885, một Phái Đoàn khác thuộc Cơ mật viện lại sang Tòa Khâm Sứ để xin tiếp tục bàn về nghi lễ yết kiến ... nhưng De Courcy không tiếp. Đã thế Bà Từ Dũ Thái Hậu sai quân đem phẩm vật sang tặng, De Courcy cũng khước từ luôn. Các quan chức ta nhất là Ông Tôn-Thất-Thuyết, hết sức căm phẫn về thái độ của De Courcy, đều đồng ý thôi thì " sống chết cũng liều một phen " biết đâu trời chẳng giúp kẻ hèn phải đánh gấp, để địch trở tay không kịp và khai hỏa vào nửa đêm.

Chiều hôm ấy (đêm 4 rạng ngày 5/7/1885), Đại Tướng De Courcy thết tiệc khoản đãi các Sĩ quan Pháp, gọi là "mừng ngày đến Huế của De Courcy" tại lầu tòa Khâm Sứ. Tiệc diễn ra rất vui vẻ và giữa tiệc (khoảng 21 giờ) trong lúc De Courcy bàn sẽ làm một cuộc "biểu dương lực lượng" ngày ông ta vào yết kiến Vua Hàm Nghi, thì sĩ quan trực là Trung Úy Bouché đến báo cáo với De Courcy rằng "trên khúc sông gần Tòa Khâm Sứ thấy có rất nhiều thuyền bè khả nghi qua lại !" De Courcy tỏ vẻ bực mình vì cho rằng Sĩ quan này hốt hoảng mà bao cao vậy chớ sự thật Việt quân nào dám đụng đến quân Pháp !

Đến 23 giờ 30 thì tiệc tan. Đáng lẽ các khẩu đại bác của ta đã sẵn sàng bắn vào cầu Thanh Long lúc sĩ quan Pháp, sau khi dự tiệc ở Tòa Khâm Sứ trở về khu nhượng địa Mang Cá. Nhưng phần vì lúc ấy trời quá tối, không thể điều khiển được đại bác, phần thì vì một số đơn vị chưa tới kịp vị trí chỉ định, nên cuộc tấn công phải hoãn tới qua nửa đêm. Do đó bọn ở đồn Mang Cá và khu nhượng địa đã trở về đơn vị vô sự - Về sau Pháp đổi tên cầu Thanh Long là Pont le L'attentat (cầu mưu sát).

Đến 0 giờ 40 phút (ngày 5-7-1885), trong khi quân Pháp đang ngon giấc, sau khi đã chè chén no say, thì một trận pháo kích dữ dội của quân ta đã bắn vào Tòa Khâm Sứ, cũng như khu Nhượng Địa và Mang Cá của Pháp, báo hiệu cho cuộc tấn công bắt đầu ... Các tên lửa được bắn vào các doanh trại của Pháp, cũng như quân xung phong của ta xông vào đốt phá các dãy nhà lá khác ...Lửa cháy sáng rực cả một góc trời từ Tòa Khâm Sứ cho tới Khu Mang Cá... Lính Pháp ở trong các doanh trại bị tấn công bất ngờ nên đã hoảng hốt vùng dậy, nhiều kẻ chẳng kịp mặc quần áo luýnh quýnh không biết chạy lối nào, bọn thì không kịp mang võ khí, mắt nhắm, mắt mở chạy ... Kẻ nọ va kẻ kia thật là hỗn loạn ... Nhiều kẻ đã bị chết hay bị thương khi chưa kịp hiểu chuyện gì xảy ra ... Qua một phút kinh hoàng, quân Pháp ở Tòa Khâm Sứ cũng như khu Nhượng Địa và Mang Cá hoàn hồn và bắt đầu việc chống đỡ : tốp lấy các bao đựng bột, những thùng không đổ đất vào để chặn các cửa, tốp thì chữa cháy, tốp giữ các kho thuốc súng, đạn dược và nhà giây thép, tốp chống đỡ các mũi dùi xung phong của quân ta. Trong khi đó pháo binh của ta đặt súng ở trên mặt Đông Nam thành Huế tiếp tục pháo kích Tòa Khâm Sứ ... Mái nhà và lầu Tòa Khâm Sứ sụp đổ nhiều chỗ, chỉ còn gian phòng chính hãy còn đứng vững ... Trời hãy còn tờ mờ, ông Tôn-Thất-Liệt ra lệnh cho quân Phấn Nghĩa (thân binh của ông Thuyết) và bọn tù nhân được phóng thích, để đái công chuộc tội, xông vào Tòa Khâm Sứ... Họ mang súng, mã tấu hay lao ... mình trần, đánh xáp lá cà với quân Pháp thật là gan dạ, mặc dù nhiều người đã bị ngã gục vì hỏa lực của quân thù ... Trời càng sáng càng bất lợi cho quân ta và quân ta bị các Trung Úy Malglaive và Bouché phản công đẩy lui ra khỏi khu vực Tòa Khâm Sứ. Hơn một giờ rưỡi sau đó thì quân Pháp ở phía sau khu Nhượng Địa và Mang Cá đã tiến đến mặt Đông Nam Thành



Quân Pháp phản công trong trận đánh úp Kinh thành Huế

đối diện với Tòa Khâm-Sứ, vì cánh quân của Ông Thuyết đã bị đánh bại ...

Tưởng cũng cần phải nói thêm rằng về phía khu Nhượng Địa, khi bắt đầu tấn công, quân Pháp đã bị quân của Ông Thuyết và các tử nhân len lỏi dọc theo các bờ sông và bờ ao, vào đốt hết phần lớn doanh trại và sau phút kinh hoàng, Trung Tá Pernot và Thiếu Tá Metzinger đã ra lệnh cho quân sĩ chống giữ và mặt khác bắt đầu xử dụng 6 khẩu đại bác 121 ly để đẩy lui quân ta và phản pháo...

Pháo hạm Javeline đậu ở làng Bao Vinh nhờ các ánh lửa cháy trong đêm tối, đã trông thấy và bắn vào mặt Đông Bắc Thành...

Trung Tá Pernot quyết định đánh chiếm thành Huế bằng ba cánh quân theo kế hoạch và diễn biến sau đây: Cánh trái, do Thiếu Tá Metzinger chỉ huy, gồm có 2 Đại đội Bắc Phi (Đại Đội 2 và 3) và 1 Trung đội TQLC,có nhiệm vụ tiến dọc theo bờ thành Đông Bắc (đường Nguyễn Thành bây giờ) đánh một đồn của ta ở gần cầu Thanh Long. Xong cho một phân đội tiến chiếm hai Bộ Lại và Bộ Binh (phíaĐông Bắc) của hai ông Tường và Thuyết; Rồi phân đội này tăng cường cho cánh giữa, để tiến chiếm Đại nội (xem thêm hoạt động của cánh giữa), còn bao nhiêu tiếp tục chiếm góc Đông Thành - mà đến 6 giờ 45 họ đã chiếm xong (xem thêm đoạn tấn công vào Tòa Khâm Sứ - khoảng các Trung Úy Malglaive và Bouché phản công); Cánh giữa do đích thân Pernot chỉ huy một đại đội Bắc Phi (đại đội 1), tiến vòng qua Hồ Tịnh Tâm cũng nhằm hai Bộ Lại và Bộ Binh của hai ông Tường và Thuyết chiếm (phía Tây Nam); Xong, được phân đội của cánh trái sát nhập, rồi cũng nhắm tiến vào Đại nội - đến 8 giờ 10 thì quân ta bị đánh bật ra khỏi nơi này, sau khi đã dành giựt từng tấc đất một ... Quân Pháp đã hạ cờ của quân ta và treo cờ Pháp lên kỳ đài...; Cánh phải là đại đội 4 Bắc Phi do Đại đội Trưởng Đại đội này chỉ huy, được tăng cường đám thám kích, có đại bác 86 ly 6 yểm trợ tiến dọc theo bờ thành Tây Bắc (đường Lương Ngọc Quyến), xuống dọc theo bờ Tây Nam (đường Tôn Thất Thiệp bây giờ), rồi vượt cống thủy quan, tiến chiếm Đại nội và đến đây, sau cánh giữa, vào lúc 9 giờ.

Quân ta bị đánh tan, rút lui hỗn độn khỏi thành, qua các cửa Đông Ba và Cửa Hữu... Vua :

Hàm Nghi, và Bà Từ Dũ Hoàng Thái Hậu, là mẹ Tự-Đức, Bà Thái Hậu Thuận Hiếu (Trang ý) là vợ Tự Đức và mẹ nuôi Dục Đức và Bà Học Phi vợ thứ của Tự Đức và mẹ nuôi của Kiến-Phúc và các tùy tùng cũng theo cửa này (cửa Hữu) mà chạy lên phía... Trường thi (La Chữ)...

Tổng kết vụ đánh úp quân ta chết khoảng từ 1200 đến 1500 người, mất hàng trăm hòm bạc nén (1), 812 đại bác, 16.000 súng tay cùng nhiều lao, đao, mác v.v... ở trong các kho... Về phía quân Pháp 11 người chết (trong số có 2 Đại Úy Bruneau, thuộc pháo binh TQLC và Đại Úy Drouin thuộc tiểu đoàn Bắc Phi), 76 người bị thương (trong số có 5 Sĩ quan nhưng sau đó 2 Trung Úy Heitschell và Hue tức là Lacroix chết vì không chịu nổi vết thương)cháy mất nhiều quân trang quân dụng (nhiều kẻ suốt ngày 5/7 vẫn phải mặc quần áo lót).

Có một điều cần nhấn mạnh là khi quân Pháp phản công chúng không từ bỏ một cái gì : Có thể đốt gì thì chúng đốt, có thể cướp gì thì chúng cướp, có thể hãm hiếp phụ nữ nào thì chúng hãm hiếp, rồi bắn chết tất cả dù là già, trẻ, lớn, bé, trai, gái...



3. – Triều đình chạy ra Quảng-Trị.

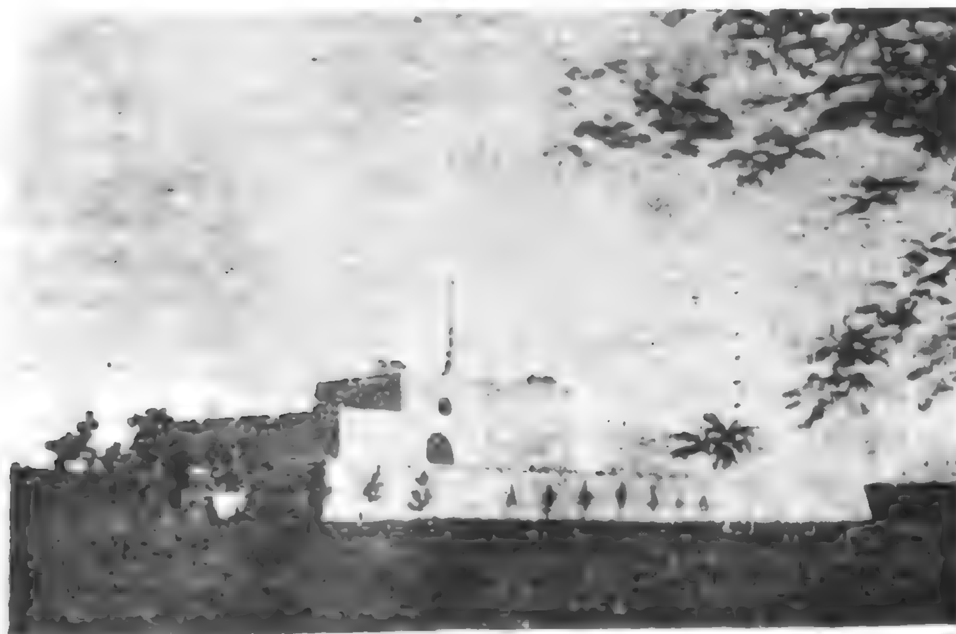
Như trên đã nói sau khi quân ta bị đánh tan, đã rút lui hỗn độn ra khỏi thành, qua các cửa Đông Ba và cửa Hữu... Vua Hàm Nghi, Bà Từ Dũ Thái Hậu... và các tùy tùng khoảng 1000 người và 100 tay súng cũng theo cửa này (cửa Hữu)...

Vào gần sáng hôm ấy (5/7/1885), khi quân ta đã núng thế, ông Tôn Thất Thuyết tập trung tàn quân trực sẵn ngoài cửa Chương Đức và ông cầm gươm vào Đại nội" mời " Vua, Thái Hậu cùng hai Bà Trang Ý và Học Phi (thường gọi là Tam cung) đi trốn, Thuyết đem việc đại náo kinh thành ban đêm và việc thất bại tâu Thái Hậu ... Mọi người đều tỏ vẻ bất bình và chưa dứt khoát thì Thuyết rút gươm ra, khiến quân sĩ phải bồng Vua lên kiệu và Tam cung cũng phải theo (2) ra cửa Hữu, để ra khỏi Hoàng Thành, nhắm Khiêm lăng (còn gọi là Khiêm cung nữa) trực chỉ...; còn Ông Thuyết ở lại để phòng ngừa quân Pháp truy kích,...; Khi Xa giá ra gần đến cửa Hữu thì gặp ông Nguyễn Văn Tường, đã trực sẵn ở đây- để đi hộ giá, nhưng Bà Thái Hậu truyền lệnh cho Ông Tường phải ở lại để thu xếp

---

(1) Về vàng bạc 50 tên chuyên việc sắp, chồng, trong năm ngày mới xong thì đủ hiểu là bao nhiêu rồi.

(2) Trong lúc gấp rút, chỉ soạn đem theo một cái ấn "ngự tiền chi bửu," hai thanh kiếm và một ít quần áo.



Kỳ Đài Huế

(trên có treo cờ Nam-Triều)

mọi việc (1)...; Xa giá đi qua làng Kim Long, lên đến chùa Thiên Mụ thì Tôn Thất Thuyết đem quân đuổi theo kịp và truyền rước xa giá quay về Trường Thi (làng La Chữ)...

Xa giá đến Trường Thi một lát, thì ông Tôn Thất Thuyết lại dục mọi người lên đường gấp, nói là quân Pháp sắp đuổi kịp. Tối ngày 5/7/1885 Xa giá vào nghỉ ở nhà một ông Bá Hộ ở làng Văn Xá. Chính tại đây Thuyết làm hịch cần vương gởi đi khắp nước. Sáng ngày 6/7/1885, lại tiếp tục, đến tối mới đến thành Quảng Trị - Quan Tuần Phủ Trương Quang Đản (trước làm Tổng Đốc Bắc Ninh chống nhau với Pháp thất bại, bị gọi về Kinh giáng xuống Tuần Phủ giữ thành Quảng Trị) ra rước Xa giá vào Hành cung và đặt quân sỹ bảo vệ...

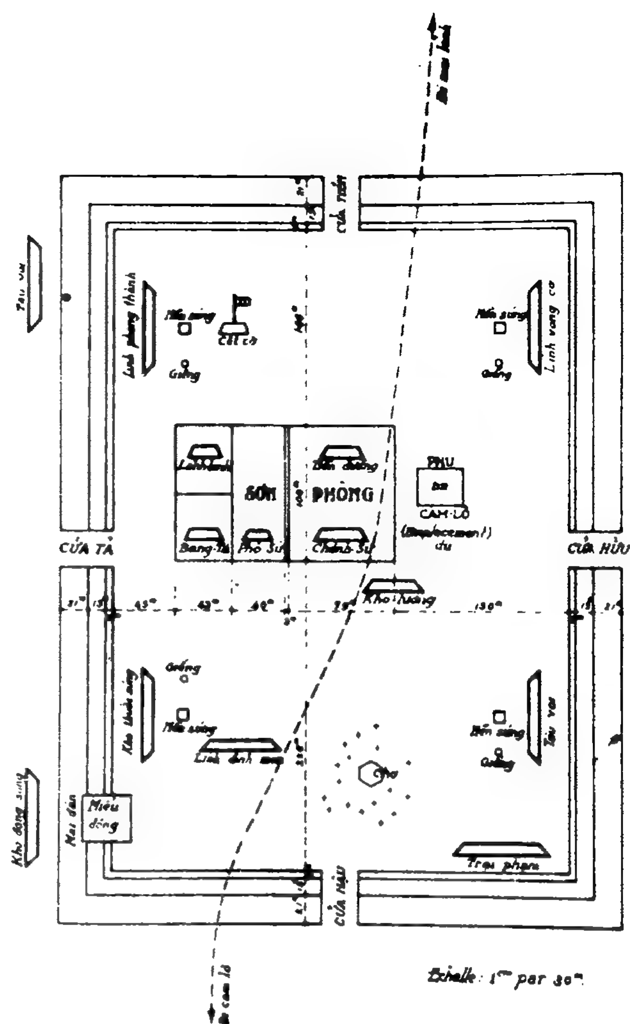
Ở Quảng Trị nghỉ ngơi được vài ngày, Ông Tôn Thất Thuyết thấy địa thế ở đây bất lợi bèn sửa soạn đi chiến khu Tân sở. Ngày 9/7/1885, Ông Thuyết đưa Vua Hàm Nghi đi Tân Sở, sau khi đã để lại Tam Cung cùng các Hoàng Thân, quốc thích v.v... ở lại quảng Trị. Khi sửa soạn lên đường, Hàm Nghi vào lạy Tam Cung với hai hàng lệ làm mọi người hiện diện cũng không cầm được nước mắt...

Tân Sở là một cái thành ở gần Cam Lộ, xây trên một cao nguyên, phía Tây là nước Lào, phía Đông là những bãi cát khó khan của tỉnh Quảng Trị. Nó được xây đắp từ 2 năm trước, với mục đích làm một kinh đô thứ hai để kháng Pháp, nếu có sự thất bại tại đế thành. Lương thực, võ khí, tiền bạc (2) v.v... cũng được dự trữ ở đó từ lâu... Nó là một cứ điểm chiến lược quan trọng: có thể rút sang Lào, đi ra Bắc Kỳ... Và được khoảng 1000 quân từ các nơi về chống giữ...



4.— Nguyễn-văn-Tường đầu hàng Pháp và xa giá tam cung về Khiêm-Lăng.

Như trên đã nói khi Xa giá ra cửa Hữu gặp Ông Tường thì Bà Thái Hậu truyền lệnh cho ông phải ở lại để lo liệu mọi việc... mà thực ra là để điều đình với Pháp... Vì Bà run sợ trước quân



Thành Tân - Sở

thù và nói với Ông Thuyết khi ông vào tâu mọi sự : "Đời Đức Tiên Đế còn phải thi hành Hòa-ước huống hồ ngày nay, sự thế mỗi ngày mỗi khác".

Hồi 11 giờ ngày hôm ấy, 05/7/1885, giữa lúc kinh thành còn đang khói lửa mịt mù xác chết ngổn ngang, tiếng kêu khóc vì bị đạn lạc tên bay, vì bị hãm hiếp còn đang rên rỉ, thì Tường đã nhờ tên Tu sĩ gián điệp Gaspar ở Kim Long đưa Ông ra đầu hàng De Courcy. De Courcy phục chức Phụ Chánh cho Tường, cho ở Thương bạc viện, có Đại Úy Schmitz và một toán lính Pháp coi giữ, và hẹn trong hai tháng phải làm thế nào cho mọi việc đều được đẹp đẽ...

(1) *Có tài liệu nói ông Tường lên trốn, chớ không có lệnh của Thái-Hậu.*

(2) *Khoảng 300.000 lạng bạc nén và vàng.*

Việc làm đầu tiên của Ông Nguyễn Văn Tường là ký tên vào một bản tuyên ngôn đã được thảo theo ý De Courcy, để tố cáo ông Thuyết và yêu cầu các lực lượng kháng chiến, các Hoàng Thân... và Vua Hàm Nghi trở lại Kinh Thành, tiếp tục mọi việc như thường lệ. Bản tuyên ngôn này ngoài chữ ký của Tường còn có chữ ký của De Courcy nữa - Tuyên ngôn đề ngày 6/7/1885. Ngày hôm sau 7/7/1885, Tường phải viết thư mời Tam Cung về Huế, vì mọi việc đã thu xếp xong. Bà Thái Hậu cho người đi rước Vua để cùng về, nhưng không thấy... Ngày 11/7/1885, Ông Tường lại viết một thư thẳng cho Vua Hàm Nghi cũng không kết quả... Ngày 13/7/1885, De Courcy cũng gửi cho Vua Hàm Nghi một thư mời về Huế, nhưng cũng vô hiệu...

Trong khi vắng Vua, Đại Tướng De Courcy tạm đặt Hoàng Thân Thọ Xuân, bấy giờ đã 75 tuổi "với cái khả năng duy nhất là chỉ biết ký tên mà thôi", lên làm Giám Quốc, De Champeaux làm Binh Bộ Thượng Thư (!) với nhiệm vụ giải giáp quân đội nhà Nguyễn và gọi Silvestre Giám đốc Hành Chánh Bắc Kỳ, cùng với Kinh lược Nguyễn Hữu Độ và Tổng đốc (Nam Định) Phan Đình Bình, là những tay sai đã quen việc vào Kinh, để cùng với Nguyễn Văn Tường lo việc cơ mật.



5.— Vua Hàm-Nghi ra Nghệ tĩnh.

Khi đến Tân Sở, ông Thuyết cho rằng Tân sở tuy vậy cũng có nhiều điều bất lợi: thưa dân, nghèo nàn và một khi quân địch chiếm đóng Cam Lộ thì Tân Sở trở thành một cái túi, mà các lối ra biển, sang Lào, ra Bắc đều khó khăn... Và nó chưa thể là một Trung Tâm kháng chiến lâu dài được bằng vùng Nghệ Tĩnh, hay xa hơn nữa là xứ Bắc Kỳ, với một kho nhân tài, vật lực quan trọng, đang hăng hái yêu nước... Do đó mà 10 ngày sau, khoảng 19/7/1885, Ông ra lệnh cho quân sĩ tiến ra Quảng Bình.

Đến Quảng Bình Ông Tôn Thất Thuyết lại cho làm hịch cần vương, truyền đi khắp Trung Nam Bắc, kêu gọi kháng chiến cứu quốc... Hưởng ứng lời kêu gọi này nhân dân VN từ Nam chí Bắc, sĩ dân chỗ nào cũng nổi lên hoạt động... Cho nên ngoại trừ các nơi có quân Pháp chiếm đóng, chỗ nào cũng bất an cả. Sĩ dân cho rằng do bọn giáo dân phản quốc mà có loạn, nên ra sức đốt phá các làng có đạo - từ tháng 6 đến tháng 8/1885 có đến trên 8.000 người ở Quảng Trị và trong tháng 7/1885 có đến trên 20000 người cùng với 8 Giáo Sĩ ở Qui Nhơn bị giết...

Về phía De Courcy, vì đoán biết ý định của Vua Hàm Nghi và Ông Thuyết nên cùng ngày trên (19/7/1885), cho Trung Tá Chaumont mang 3 Đại đội TQLC đổ bộ lên Đồng Hới... Quân Pháp chiếm Đồng Hới không tốn một viên đạn, vì khi chúng đến thì quân sĩ ta đã rút lui từ lâu... Nhưng trong vùng này, nhất là phía Hà Tĩnh các Văn thân hoạt động rất dữ nên Chaumont giao Đồng Hới lại cho Grégoire chống giữ và trở về Đà Nẵng lấy thêm quân và tàu chiến ra tuần tiễu các nơi. Đến ngày 25/7/1885, từ Đồng Hới (đã được tăng cường thêm quân) Trung Tá Chaumont mở một cuộc hành quân vào phía Vạn Xuân (cách thành phố Đồng Hới 3 ngày đường về phía Bắc thuộc Nghệ An lúc bấy giờ) và do 6 đại đội (-) cùng với 2 khẩu đại bác tham dự, với mục đích chặn đường ra Bắc và truy lùng Vua Hàm Nghi, nhưng không đạt được kết quả nào, ngoại trừ việc án ngữ con đường ra Bắc.

Khi Xa giá đến gần Đồng Hới thì được tin quân Pháp đã đổ bộ lên đây để án ngữ con đường lên phía Bắc, nên lại phải quay trở lại Cam Lộ...

Ngày 10/9/1885, quân Pháp lại cho 200 quân dưới quyền chỉ huy của Thiếu Tá Roy ra đóng ở Quảng Trị...



6.— Nguyễn-văn-Tường bị lưu đày.

Đến ngày 6/9/1885, là đáo hạn mà De Courcy đã cho Tường để lo thu xếp mọi việc cho đẹp đẽ... Nhưng Tường chẳng làm được chuyện gì cả, dẫu rằng Tường đã ra sức làm thân khuyển mã cho giặc, như việc ra tuyên cáo kết tội ông Thuyết, mang quân đi lùng bắt Vua Hàm Nghi và Ông Thuyết, bắt giam cha Ông Thuyết v.v... Nên De Courcy liền đem Ông Tường, Hộ Bộ Thượng thư Phạm Thận Duật và cả cha ông Thuyết là Tôn Thất Đính, đày ra Côn Lôn. Giám Mục Puginier và De Champeaux hết sức

can thiệp với De Courcy cho Tường, nhưng De Courcy cho rằng Tường là người nguy hiểm, xảo quyệt khôn lường, nên nhất định cho lưu đày. Ông Duật chưa đi đến nơi thì đã chết bệnh, phải vứt xác xuống biển... Còn Ông Tường sau đó lại bị đưa đi đày ở Tahiti - Ông chết già ở đó vào khoảng tháng 2/1886 và đến ngày 30/7/1886 thì xác được đưa về quê nhà mai táng.



7.– Vua Đồng-Khánh.

De Courcy đày Ông Nguyễn Văn Tường... đi rồi, đem Nguyễn Hữu Độ về cùng với Phan Đình Bình coi việc triều chính, cử Nguyễn Trọng Hợp ra quyền Kinh lược Bắc Kỳ. Rồi De Courcy lại cử De Champeaux lên Khiêm cung yết kiến Bà Từ Dũ xin lập Ông Chánh Mông Ưng Ky là Kiên Giang Quận Công lên làm vua.

Ngày 14/9/1885, Ưng Ky phải thân hành sang Tòa Khâm Sứ để lãnh chức Vua của Pháp ban cho, rồi làm lễ tấn tôn, đặt niên hiệu là Đồng Khánh.

Đồng Khánh là một Ông Vua trí óc không được quân bình và thiếu sức khỏe. Ngày Ông vào Hoàng Thành, ông đã xin De Courcy cấp cho một đội cận vệ thường trực gồm toàn người Pháp (?). Việc làm đầu tiên của Đồng Khánh tại điện Thái Hòa là:

- Làm quốc thư gởi sang Pháp, cảm tạ Pháp Đình đã đưa Ông lên làm Vua ở VN và nguyện giữ trọn vẹn mối giao hảo Pháp - Nam từ đây.

- Tặng De Courcy tước Bảo Hộ Quận Vương và De Champeaux tước Bảo hộ công, để tỏ lòng biết ơn những kẻ đã đỡ đầu cho mình.

- Ra tuyên ngôn kết tội hai Ông Tường và Thuyết, buộc hai Ông đã lạm quyền khiến quốc gia suýt bị sụp đổ...

- Viết thư chiêu dụ Vua Hàm Nghi...

Từ đây trở đi ông thường giao du thân mật và tiệc tùng với người Pháp, nhất là với Thiếu Tướng Prudhomme, không còn giữ thể thống gì cả.





Vua ĐỒNG - KHÁNH

Về phía triều đình thì gồm toàn một l
hèn nhát chỉ muốn yên thân thành ra chỉ b
có cúi đầu răm rắp tuân theo và thi hành lệ
của bọn thực dân.

Một Ông Vua thiếu tư cách, một triều đì
tay sai như vậy, làm gì lòng người không hướ
về Vua Hàm Nghi, lúc bấy giờ đang ở m
Quảng Bình, kéo cờ chống Pháp và ban hịch c
vương...

Lúc bấy giờ dân chúng vẫn tưởng nhớ đ
chúa cũ, cho nên từ Bình Thuận trở ra, chỗ n
cũng có người nổi lên đánh phá để toan bề kl
phục.

Ở Quảng Nam thì các thân hào lập
Nghĩa Hội, do quan Sơn Phòng sứ Trần văn

lãnh đạo, rồi những tỉnh Phú Yên, Bình Định, đều nổi lên; ở Quảng Trị có các Ông Trương Đình Hội, Nguyễn Tự Như; ở Quảng Bình có quan Tri Phủ Nguyễn Phạm Tuấn; ở Hà Tĩnh có cậu ấm Lê Ninh, con quan Bố Chánh Lê Kiên; ở Nghệ An có Ông Nghè Nguyễn Xuân Ôn và quan sơn Phòng Sứ Lê Doãn Nhạ; ở Thanh Hóa có Hà Văn Mao tức Cai Mao v.v.... Các thân sỹ vừa nói đều xướng lên việc "Cần Vương cứu quốc" và cho rằng "Tây là đạo", "đạo là Tây" mà "thù Tây" thì "ghét đạo", nên cuộc chiến đã mang hai tính chất chống ngoại xâm và bài đạo gây nên một cảnh cốt nhục tương tàn thật là thảm khốc và đau lòng...

Các thân sỹ đem quân đi chiếm giữ các tỉnh thành, hoặc đánh lấy các Phủ Huyện, đốt phá và chém giết các làng Công giáo có những giáo dân phản quốc... Ở ngoài Bắc Kỳ thì có các cựu thần như quan Đề Đốc Tạ Hiện, quan Tán Tương Nguyễn Thiện Thuật lập chiến khu Bãi Sậy, rồi đi đánh phá ở mạn Trung Châu;còn ở mạn Thượng Du, thì chỗ nào cũng có quân Tàu quấy nhiễu. Bởi vậy Pháp lại phải đem quân đi chống giữ các nơi.

De Courcy thấy chỗ nào cũng nổi loạn bèn giao miền Trung cho Thiếu Tướng Prudhomme rồi trở ra Bắc Kỳ vào ngày 20/9/1885 (1) để họp bàn với các Tướng Ta về cách đối phó.



8. – Các cuộc hành quân truy lùng Vua Hàm-Nghi của Pháp.

De Courcy ra lệnh cho Prudhomme tổ chức một cuộc càn quét theo ý niệm "Nội công, ngoại kích" (nội công: căn cứ hành quân của Chaumont ở Nghệ An phóng ra các cuộc tuần chiến; ngoại kích: ở Bắc quân của Trung Tá Mignot tiến vào và ở Huế quân của Trung Tá Metzinger tiến ra...), theo vết dầu loang (đi đến đâu ngừng lại ở đó ít lâu rồi tổ chức các cuộc tuần chiến trong vùng, xong rồi lại tiếp tục...) và nỗ lực chính là cánh Mignot từ Bắc vào... Hành quân xong cánh này về Huế.

Sau đây là diễn tiến hoạt động của từng cánh một:

Cánh Mignot : Vì cánh này là nỗ lực chính nên gồm một số đơn vị quan trọng (theo lúc bấy giờ) như sau : 1 đại đội bộ binh Phi Châu, 3 Đại đội khố đỏ Bắc Kỳ, 1 pháo đội Thủy quân và 1 đội Công Binh...

Ngày 22/11/1885, Mignot và cánh quân xuất phát từ Ninh Bình (Bắc - Kỳ) đến Thanh Hóa (Trung Kỳ) vào ngày 25/4/1885 và ở lại đây 10 ngày để hoạt động...

Ngày 5/12/1885, tại Thanh Hóa Mignot ra lệnh cho Trung Tá Boilevé mang một phần lớn quân đi tuần chiến tại Thuận Nai; đến Thuận Nai ngày 9/12/1885, cánh quân này ngừng lại đây hai ngày và ngày 12/12/1885 Boilevé lại cử Thiếu Tá Pelletier mang 200 quân khố đỏ Bắc Kỳ và 1 Trung đội bộ binh Phi Châu tiến vào Vinh (là nơi mà từ tháng 7/1885 Trung Tá Chaumont đã mang quân ra chiếm đóng và dùng làm căn cứ hành quân - xin xem đoạn "Vua Hàm Nghi ra Nghệ-Tĩnh" và đoạn "hoạt động của cánh Chaumont"); trên đường vào Vinh, khi đến Tam Le (cách Thuận Nai 5 cây số về phía Tây Bắc) quân của Pelletier đã tìm thấy và phá hủy một kho lương thực quan trọng của Nghĩa-quân, đến ngày 14/12/1885, cánh quân này bắt liên lạc được với thành Vinh của Chaumont và dự định ngừng lại đây 8 ngày...

Nhưng ngày 18/12/1885, trong khi ngừng ở Vinh, Pelletier đã mang quân tiếp cứu cho 1 toán tuần chiến của Chaumont (xin xem đoạn hoạt động của cánh Chaumont), gồm 60 người do Đại Úy Vallence chỉ huy, bị Nghĩa quân vây khốn ở Xã Đoài... Ngoài nhiệm vụ này (tiếp cứu cho Vallence), Pelletier còn có nhiệm vụ truy lùng Vua Hàm Nghi tại Nhe One nữa. Pelletier đã giải cứu được toán tuần chiến Vallence, còn việc truy lùng Vua Hàm Nghi thì không có kết quả. Sau đó, cánh này (Pelletier) trở về thẳng Hà Tĩnh vào ngày 4/1/1886.

Ngày 19/12/1885, Thiếu Tướng Prudhomme nhận thấy từ căn cứ hành quân Đồng Hới đến căn cứ hành quân Vinh có một "khoảng - trống" qúa rộng, nên ra lệnh cho Thiếu Tá Baudart mang 3 Trung đội bộ binh Phi Châu, 3 Trung đội lính khố đỏ Bắc Kỳ và 1 Trung đội

---

(1) Thiếu Tướng Prudhomme được bổ nhiệm Tư Lệnh Quân-Đội Pháp ở Trung-Kỳ từ ngày 20.7.1885.

pháo binh đến đóng tại Hà-Tĩnh, tạo thành một cái thế liên hoàn giữa Vinh-Hà Tĩnh và Đồng Hới.

Ngày 26/12/1885, Mignot rời Vinh (sau khi đã từ Thanh Hóa di chuyển tới) cùng với vài tên đại thần bù nhìn đến Hà Tĩnh vào ngày 28/12/1885 và ở đây ít ngày để chiêu dụ Nghĩa quân.

Ngày 7/1/1886, toàn thể cánh quân của Mignot (gồm cánh Mignot, cánh Boilevé, cánh Pelletier) đến tập trung tại Hà Tĩnh và phóng 1 cuộc hành quân vào Nhượng Bản (25 cây số Đông Nam Hà Tĩnh) để cứu nguy bọn giáo dân phản quốc ở đây đang bị Nghĩa quân vây khốn.

Ngày 8/1/1886, cánh quân này trở về, sau khi đã giải cứu cho bọn phản quốc nói trên.

Ngày 12.01.1886, Thiếu-Tá PELLETIER mang một đại đội khố đỏ Bắc-kỳ đi truy lùng vua Hàm Nghi ở vùng Kẻ-mât, Kim-lũ và Vé, do bọn giáo dân phản quốc chỉ điểm . . . Khi đến gần Vé bọn này đã đụng độ mãnh liệt với Nghĩa-quân, nhưng cũng chẳng tìm thấy vua ở đâu cả !

Ngày 20.03.1886, toàn thể cánh quân MIGNOT đã rút về đến Huế, sau khi đã bị mệt mỏi và hao hụt quân số và sau những ngày tháng dài hành quân . . .

Cánh CHAUMONT : Từ tháng 7/1885, Trung-Tá CHAUMONT đã đem quân đóng ở vùng Nghệ-An (Vạn-Xuân) , để dùng nơi này làm căn cứ hành quân . . . Nhưng CHAUMONT vì thiếu quân số, nên chỉ loanh quanh ở vùng đóng quân, mà không phóng ra được một cuộc hành quân nào xa vị trí cả. Đến tháng 12/1885, khi cánh MIGNOT gần đến nơi, thì quân của CHAUMONT, như được hà hơi tiếp sức, mới phóng ra các cuộc hành quân tầm xa. . . Và sau đây là hoạt động của các toán tuần chiến của CHAUMONT. :

- Ngày 1.12.1885, Thiếu Tá Plagnol mang quân đi đánh phá đồn Sơn phòng Nghệ an, trên sông Cả. Chúng chiếm được đồn của Nghĩa-quân, rồi phá hủy hết súng (đại bác), đạn và lương thực, cùng các công sự phòng thủ. . . Chúng đóng ở đây 15 ngày để tung ra các cuộc tuần chiến và ngày 16.12.1885 thì trở về căn cứ.

- Đại-úy HUGOT cũng mang quân đi truy lùng ông Thuyết và Vua Hàm-Nghi, nhưng vô hiệu.

- Ngày 18.12.1885, Đại-úy VALLENCE mang 60 thủy quân và Thủy quân lục chiến đi tuần chiến ở Xã Đoài . . ., bị quân ta vây khốn phải nhờ Thiếu-tá PELLETIER mang quân đi giải cứu mới thoát khỏi bị tiêu diệt (xin xem hoạt động của cánh MIGNOT trên)...

Vì thất bại trong nhiệm vụ, Trung-tá CHAUMONT bèn giao đồn Nghệ-An (Vạn-Xuân) lại cho Đại-úy HUGOT và trở về Huế, sau khi đã quá mệt mỏi và chán nản . . .

Cánh METZINGER : Ngày 16.12.1895, Thiếu-Tá CARNOT chỉ huy đơn vị hạ lưu sông Gianh, cũng từ Huế ra đến vùng hoạt động. Sau đó ít lâu thì Trung-tá METZINGER cũng lên đường đến Quảng-Bình, vừa có nhiệm vụ truy lùng vua Hàm-Nghi vừa có nhiệm vụ làm trừ bị . METZINGER đặt Bộ chỉ huy tiền phương ở chợ Đồn và Minh cầm, để đánh vào đồn Vé, là nơi có tin Vua Hàm-Nghi đang đặt Tổng Hành dinh . . .



9.— Kết quả của các cuộc hành quân truy lùng Vua Hàm-Nghi.

Mặc dầu quân Pháp đã điều nghiên rất kỹ trước khi mở cuộc hành quân như :

- Nhờ Linh Mục Hoằng (một tên gian ác có tiếng) là người thông thạo địa thế vùng Hà Tĩnh, nghiên cứu và vẽ một bản đồ tỉnh-hình, đặc biệt là các đường xuyên sơn có thể dẫn tới các Tổng Hành Dinh lưu động của Vua Hàm-Nghi và Ông THUYẾT, để chỉ dẫn đường, cũng là cung cấp một số chỉ điểm người Công-Giáo cho Pháp.

- Mang theo Ông cố TORTUYAUX (theo Trung-Tá METZINGER) là một tu sĩ gián điệp, vừa đi giảng đạo vừa thám thính tình hình và địa thế ở vùng Quảng-Bình, dẫn đường lên đồn Vé để truy bắt Vua Hàm-Nghi.

Nhưng chúng cũng thất bại vì các lý do :

- Chúng đi đến đâu cũng đốt phá, tàn sát, giết chóc, hãm hiếp, cướp bóc v.v. . . đến đó, nên nhân dân căm phẫn sôi sục, có thể làm gì hay lấy bất cứ cái gì, tư cây tre, cái gậy, con dao, cây súng v.v. . . để đập lên đầu lên cổ bọn cướp nước, nhất là bọn phản quốc (bọn khố đỏ Bắc-Kỳ và bọn giáo dân tay sai giặc) và không hợp tác với chúng. Chúng chỉ chiếm được các thành phố và bọn phản quốc còn không nắm được ai cả, vì nhân dân đã ghê tởm và xa lánh bọn chúng. . .

- Chúng là bọn ăn cướp nên đứa nào cũng muốn dành công đầu, có nhiều mâu thuẫn nên thất bại. Trên kế hoạch chung thì hay, nhưng khi thi hành chẳng cánh nào phối hợp với cánh nào cả, thậm chí lại còn phá nhau là khác nữa, nên nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì. . .



10.– Ông Tôn-Thất-Thuyết, Vua Hàm-Nghi và Nghĩa-quân.

Mặc dù các hy sinh vô bờ bến, nhưng kháng chiến quân vì thiếu vũ khí, kém về tác-chiến, kỹ-thuật và chỉ đạo kháng-chiến, nên cũng nhiều phen khốn đốn và kết qủa là :

- Sau trận phía bắc Vé (xin xem hoạt-động của các cánh quân Pháp trên đây, đoạn cuối của cánh Mignot), Ông THUYẾT thấy thế Nghĩa-Quân không chống nổi quân Pháp, nên bàn với Đề-Đốc Trần-Xuân-Soạn, từ biệt nhà Vua ở đây để ra Bắc và sang Tàu nói là để "cầu viện".... Lúc này bên cạnh nhà Vua chỉ có 2 con Ông THUYẾT là TÔN-THẤT-ĐẠM và TÔN-THẤT-THIỆP cùng với Đề-Đốc Lê-Trực và Ông NGUYỄN-PHẠM-TUÂN, vừa giữ Vua vừa tiếp tục lãnh đạo Nghĩa-Quân v.v....

- Trong quá trình chống Pháp của sỹ dân Việt-Nam, vì thấy một số tu sĩ gián điệp và một số tu-sĩ theo giặc, lôi kéo theo ít nhiều giáo dân . . . chống lại Nghĩa-Quân, nên bị Nghĩa-Quân trừng trị. Nhưng tiếc thay Nghĩa-Quân không có đường lối rõ rệt, không phân biệt kẻ gian người ngay, cộng với thành kiến sẵn có, nên thẳng tay tàn sát. Trong vòng có vài tháng mà có tới cả vạn người bị giết, nhiều làng và nhà thờ bị thiêu hủy v.v. . Nhất là trong các vùng Bình-Định, Quảng-Trị, Thanh Nghệ-Tĩnh. . . . nên đã vô tình đẩy các đồng bào công giáo sang hàng ngũ giặc (một cách bất đắc dĩ).



11.– Các cuộc hành quân đàn áp của Pháp ở Bắc-Kỳ.

Như ở phần trên đã nói mặc dầu quân Tàu đã rút khỏi Bắc-Kỳ, nhưng Nghĩa-Quân vẫn hoạt-động mạnh và Pháp còn phải mất nhiều nhân tài, vật lực để "bình định" . Và sau khi De Courcy phong chức cho Đồng-Khánh (ngày 14/09/1885) rồi, ngày 20/09/1885, giao Trung-Kỳ cho Thiếu-Tướng PRUDHOMME và trở ra Bắc-Kỳ để hợp bàn với các Tướng-Tá về cách đối phó.

CUỘC HÀNH-QUÂN VÀO THANH-MAI

Ngay sau khi đến Hà-Nội, Đại-Tướng ROUSSEL DE COURCY liền cho chuẩn bị một cuộc hành quân vào Thanh Mai, một trung tâm kháng chiến ở giữa hai con sông Thao và sông Lô, giữa Việt-Trì và Phú-Thọ do Bố Chánh Nguyễn-văn-Giáp cầm đầu, song song với cuộc hành quân truy lùng Vua Hàm-Nghi ở Trung-Kỳ và giao cho Trung-Tướng JAMONT lãnh trách nhiệm điều khiển.

Đầu tháng 10/1885, JAMONT liền cho tổ chức lực lượng và điều quân như sau :

Về tổ chức lực lượng thì cuộc hành quân có 3 cánh, mỗi cánh đều tổ chức gần giống nhau : 2 Tiểu-Đoàn, 2 Pháo-Đội và 4 khẩu 95 ly làm trừ bị.

Về ý niệm điều quân thì hành quân theo ý-niệm "bủa lưới phóng lao" và phần nhiệm thi hành như sau :

- Cánh phải do Thiếu-Tướng JAMAIS chỉ huy, xuất phát từ Việt-Trì, tiến quân theo tả ngạn Sông Lô, đến Huyện Phú-Ninh thì tạt sang hữu ngạn rồi xuống Cô-Tích là một làng ở chân đền Hùng, để rồi cũng với cánh trái

của Đại-Tá MOURLAN đánh vào bên sườn mục tiêu.

- Cánh trái, do Đại-Tá MOURLAN chỉ-huy, đổ bộ ở Hưng-Hóa rồi tiến dọc theo hữu ngạn sông Thao lên tiếp giáp với cánh phải để cùng với cánh phải của Thiếu-Tướng JAMAIS đánh vào bên sườn mục tiêu.

Cánh giữa do Thiếu-Tướng MUNIER chỉ huy, cũng xuất phát từ Việt-Trì, đổ bộ ở Minh-Nông rồi đánh trực diện vào mục tiêu.

- Các pháo hạm tạo thành một vùng "lưới lửa" bao vây các đường có thể được quân ta rút lui qua. . .

- Bộ Chỉ-Huy hành quân đóng ở Việt-Trì.

Ngày 22/10/1885 cuộc hành quân thực sự bắt đầu . . .

Ngày 23/10/1885 cánh trái của Đại-Tá MOURLAN đụng độ kịch liệt với quân ta ở Thạch Sơn cách Thanh Mai gần 3 cây số về phía tây bắc. Vì quân Pháp được yểm trợ về hỏa lực rất hùng hậu nên mới đánh bại được quân ta. . .

Ngày 24/10/1885, vào lúc 7giờ30 sáng, tất cả các mặt của mục tiêu đều bị khóa chặt, các tiền đồn ở vòng đai ngoài đã bị chiếm xong, pháo binh địch bắt đầu pháo kích nặng nề vào mục tiêu rồi quân Pháp nhất loạt xung phong vào cứ điểm . . . Nhưng quân ta đã rút hết từ bao giờ . . .

Mặc dù về chiến thuật trong trận tấn công vào Thanh Mai kể như không đạt được ý-định, nhưng quân Pháp cũng thành công về chiến lược, làm cho tan rã một trung tâm kháng chiến quan trọng vào bậc nhất của quân ta ở Bắc-Việt, do Bố Chánh Nguyễn-văn-Giáp thường gọi là Bố-Giáp cầm đầu và giải tỏa được con đường Việt-Trì - Thanh quán.

CUỘC HÀNH-QUÂN VÀO THANH-QUÁN

Vì cuộc hành quân vào Thanh-Mai không đạt được ý định về chiến thuật, mà quân ta lại rút về Thanh-Quán một số lớn, nên DE COURCY lại ra lệnh cho Thiếu-Tướng JAMAIS tổ chức cuộc hành quân kế tiếp nhằm tiêu diệt chủ lực của Nghĩa-Quân ta tại Thanh-Quán - Một cứ điểm cách hạ lưu Yên-Báy vào khoảng 2 cây số.

Ngày 28/01/1886, JAMAIS liền cho tổ-chức lực lượng và tập trung quân sĩ ở các địa điểm như sau :

Cánh thứ nhất, do Thiếu-Tá GODIN chỉ huy, tập trung và xuất phát tại Tứ-Mỹ gồm có : 2 Đại-Đội Bộ-binh ALGÉRIE, 1 Đại-Đội khố đỏ Bắc-Kỳ, 2 Trung-Đội sơn pháo 80 ly, 1 toán công-binh.

Cánh thứ hai, do Đại-Tá De MAUSSION chỉ huy, tập trung và xuất phát tại Phú-Thọ, gồm có : 2 Đại-Đội Bộ-binh ALGÉRIE, 1 Trung Đội Khố Đỏ Bắc-Kỳ, 1 Trung-Đội Kỵ-binh Bắc-phi, 1 Trung-đội sơn pháo 80 ly, 1 toán Công-binh.

Cánh thứ ba, do Thiếu-Tá BERANGER chỉ huy, tập trung và xuất phát tại Thanh Mai gồm có : 1 Đại-Đội Bộ-binh ALGÉRIE, 1 Đại-Đội Khố Đỏ Bắc-Kỳ, 1 Phân đội Kỵ-binh Bắc-phi, 1 Trung-Đội sơn pháo 80 ly, 1 toán Công-binh.

Cánh thứ tư, do Thiếu-Tá MIBIELLE chỉ huy, tập trung và xuất phát tại Phủ Yên Bình, gồm có : 2 Đại-Đội Bộ-binh ALGÉRIE, 2 Đại-Đội Khố-Đỏ Bắc Kỳ, 1 Trung-Đội sơn pháo 80 ly, 1 toán Công-binh và 1 toán chuyển vận.

Dưới sông vẫn có các pháo hạm tuần tiễu và yểm trợ cho các cánh quân.

Về ý niệm thì các cuộc hành quân vào Thanh Quán cũng tương tự như cuộc hành quân vào Thanh-Mai, nghĩa là bao vây chặt rồi phóng các mũi dùi vào tiêu diệt.

Ngày 01/02/1886 các cánh quân đều nhận lệnh xuất phát : cánh thứ nhất từ Tứ-Mỹ tiến ngược bờ bên phải sông Thao , rồi qua sông đánh vào phía Tây (Thanh quán) và chặn đường rút của Nghĩa-quân qua sông; cánh thứ hai từ Phú-Thọ tiến ngược bên trái bờ sông Thao, đến mục tiêu; cánh thứ ba từ Thanh Mai tiến đến phía nam mục tiêu; cánh thứ tư từ Phủ Yên-bình (Yên bái) tiến xuống (ngày 4/2/1886 - chậm hơn các cánh 1, 2 , 3 mấy ngày) chặn đường rút lên phía bắc của Nghĩa-Quân đồng thời đánh vào phía tây Thanh Quán.

Sau đây là diễn tiến từng ngày một của các cánh quân :

Ngày 01/02/1886 cánh thứ nhất chiếm 3 đồn và 1 hầm ở phía bờ trái Ngòi Mé; cánh thứ hai tới Thanh Hà.

Ngày 02/02/1886, cánh thứ nhất nhờ có các pháo hạm yểm trợ, đã chiếm được làng Đông-Viên và 1 đồn ở gần làng này.

Ngày 05/02/1886, cánh thứ nhất đến Đức Quán; cánh thứ hai đến (ngoài) Thanh Quán; Trung-Tướng JAMONT và Bộ Chỉ Huy vào đóng ở chùa Thanh Quán, cánh thứ tư cũng đến Tuần Quán trong ngày 05/02/1886 (ngày 04/02/1886 mới xuất phát), sau khi đã đụng độ bất ngờ với Nghĩa Quân trên đường chuyển quân; cũng trong ngày 05/02/1886, 3 Trung-Đội Khố Đỏ Bắc-Kỳ dẫn đầu cánh thứ nhất đã đụng độ với Nghĩa-Quân và quân Cờ-đen trước khi đến Thanh-Quán, Nghĩa-Quân và quân Cờ-đen bị đánh tan.

Khi quân Pháp vào trong Thanh Quán thì Nghĩa-Quân và quân Cờ-đen đã rút hết từ bao giờ. . .

Trong khi 3 cánh (nhất , nhì, tư) đến mục tiêu rồi thì mãi tới ngày 11/02/1886 cánh thứ ba mới tới được, vì đường xá rất khó di chuyển, 1 giờ chỉ đi được 1 cây số mà thôi. . .

Trung-Tướng JAMONT đặt Bộ Chỉ Huy hành quân tại Thanh-Quán : Như trên đã nói ngày 05/02/1886, Trung-Tướng JAMONT và Bộ Chỉ Huy nhẹ vào đóng tại chùa Thanh-Quán; Sau khi cuộc hành quân vẫn chưa đạt ý định thì JAMONT cho đặt luôn Bộ Chỉ Huy hành quân tại đây, để tổ chức các cuộc hành quân truy lùng khác. . .

Ngày 17/02/1886, Trung-Tướng JAMONT ra lệnh cho Thiếu-Tá GODIN (nguyên chỉ huy cánh thứ nhất trong cuộc hành quân đánh vào Thanh Quán) chỉ huy Đại-Đội Bộ-binh ALGÉRIE, Đại-Đội Khố-đỏ Bắc-Kỳ và 1 toán Công-binh chiếm Châu Văn Bàn không gặp sự chống cự nào.

Thiếu-Tá Mibielle, nguyên chỉ huy cánh thứ tư trong cuộc hành quân vào Thanh-Quán mang cả cánh này trở về phủ Yên-Bình để "bình định" thượng lưu sông Chảy, trong vùng Châu Lục-an.

Ngày 29/03/1886, Đại-Tá MAUSSION nguyên chỉ huy cánh thứ hai trong cuộc hành quân vào Thanh Quán, mang cả cánh quân này chiếm Lào-Kai cũng không gặp sự chống cự nào cả - Việc chiếm Lào-Kai đáng lẽ ra,được thực hiện vào ngày 22/02/1886, nhưng chánh-phủ Pháp ở chánh quốc ra lệnh hoãn,vì có sự thay đổi về nhân sự (xin xem mục Đại-Tướng Courcy bị triệu hồi về Pháp), cũng trong thời gian này (khoảng tháng 02/1886) các cánh quân đều bị chính thức giải tán. Sau đó DE MAUSSION được cử giữ chức Tư-Lệnh Quân-Khu Thượng lưu Sông Hồng-Hà và Ông này liền thiết lập một loạt đồn bót ở Thanh-Quán, Trai-Hút, Phố-Lu, Ba-Hoa, Lào-Kai, và giao cho 2 Đại-Đội lính Âu-Châu, 3 Đại-Đội Khố Đỏ Bắc-Kỳ trấn giữ tất cả. Về mặt cảnh sát trong vùng này giữa các đồn bót DE MAUSSION cho tổ chức các đội tuần sát dùng các thuyền võ trang đảm trách.

CÁC CUỘC HÀNH QUÂN CHIẾM ĐÓNG TẠI LẠNG-SƠN, ĐỒNG-ĐĂNG VÀ THẤT-KHÊ

Cũng trong thời gian có các cuộc hành-quân vào Thanh-Mai và Thanh-Quán,De Courcy ra lệnh cho Thiếu-Tá Servières mang 1 Tiểu-đoàn (570 người) tái chiếm Lạng-Sơn (ngày 18/12/1885) Đồng-Đăng (ngày 20/12/1885) và Thất-Khê (ngày 23/12/1885), không gặp kháng cự.

CUỘC HÀNH-QUÂN VÀO HẠ LƯU CHÂU THỔ SÔNG HỒNG-HÀ

Để "bình định" vùng hạ lưu châu thổ sông Hồng-Hà, De Courcy ra lệnh cho Thiếu-Tướng Munier tổ chức một cuộc hành quân càn quét vào các trung tâm kháng chiến tại vùng này. Munier xử dụng 10 Đại-Đội Bộ-binh thiện chiến, 2 Trung-đội Pháo-binh, 1 đoàn thuyền và vài phóng ngư lôi chia làm 3 cánh :

- Cánh thứ nhất do đích thân Munier chỉ-huy
- Cánh thứ hai do Trung-Tá Callet chỉ huy
- Cánh thứ ba do Thiếu-Tá Braccini chỉ huy.

Cuộc hành quân càn quét này bắt đầu từ tháng 11/1885 chấm dứt vào tháng 2/1886, cũng không đạt được ý định, vì Nghĩa-Quân đã biết trước ý đồ của bọn cướp nước và đã rút hết từ bao giờ, trước khi địch tới.

CUỘC HÀNH-QUÂN BÃI-SẬY

Nhằm đánh tan lực-lượng của quan Tán - Tương Nguyễn-Thiện-Thuật ở Bãi-Sậy, De Courcy giao cho Trung-Tướng De Négrier (rồi Đại-Tá Donnier và Trung-Tá Godard kế tiếp) tổ chức một cuộc hành quân quy mô vào đây và kéo dài từ tháng 10 đến tháng 12/1885, nhưng không kết quả - xin xem cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy với đầy đủ chi tiết ở dưới.

CUỘC HÀNH-QUÂN TỈNH-ĐẠO

Vào tháng 12/1885, De Courcy ra lệnh cho Thiếu-Tá Diguet tổ chức một cuộc hành quân, gồm có 300 Lê-Dương, 1 Trung-Đội pháo binh, Trung-Đội Kỵ-binh Bắc Phi, đánh vào vùng phía bắc Tỉnh-đạo là nơi Nghĩa-Quân hoạt động rất mạnh.

Quân của Diguet đã đụng độ mãnh liệt với Nghĩa-Quân 3 lần :

- Lần thứ nhất vào ngày 13/12/1885 tại Hữu Thượng.
- Lần thứ hai vài ngày sau tại Tiên La,
- Lần thứ ba vào ngày 18/12/1885 tại Mỏ Na-Lương.

Kết cuộc Nghĩa-Quân bị đẩy lui khỏi vùng này.

CÁC CUỘC HÀNH-QUÂN CÀN QUÉT Ở PHỦ YÊN-BÌNH

Vào tháng 11/1885, Thiếu-Tá Mibielle chỉ huy một cánh quân gồm có 2 Đại-Đội Bộ-binh Algérie, 1 Đại-đội Khố-đỏ Bắc-Kỳ, pháo binh và Kỵ-binh Bắc-Phi ra sức càn quét trong vùng Phủ Yên-Bình, là nơi mà Nghĩa quân và quân Cờ-đen hoạt động mạnh . . . Thường thì Nghĩa-quân và quân Cờ-đen tránh giao tranh với quân Pháp. . .

Ngày 19/02/1886, Thiếu-Tá Mibielle cùng với một Đại-đội Bộ-binh Algérie và 1 Đại-đội Khố-đỏ Bắc-Kỳ tới châu Lục-An và khi chấm dứt hành quân Mibielle cho thiết lập một đồn ở Phủ Yên-Bình và trở về Hưng-Hóa.

TRẬN CANH NON : Ngày 09/08/1885, vào lúc 11 giờ ,1 cánh quân gồm có 1 Đại-Đội Khố đỏ Bắc-Kỳ, 1 Trung-đội Kỵ-binh Bắc-Phi do Thiếu-Tá Jorna Delacale chỉ huy dùng 1 Pháo hạm lảng lẽ bỏ neo tại Hưng Yên để vào khoảng 5 giờ sáng ngày hôm sau, 10/08/1885, bất thần đổ bộ vào Canh Non để tiêu diệt Nghĩa-Quân tại đây. Mặc dầu quân Pháp đã tính toán và chuẩn bị rất kỹ, nhưng Nghĩa-Quân cũng đoán biết được ý đồ của quân địch nên đã rút lui khỏi làng từ lâu.

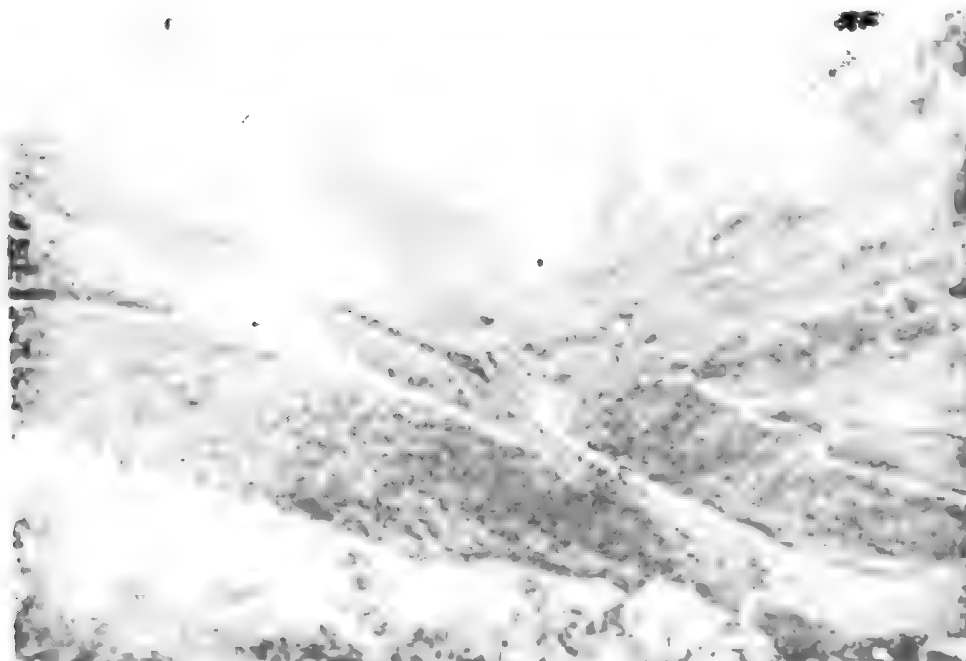
Đến ngày 17/08/1885 thì quân Pháp đụng độ với Nghĩa-Quân, Nghĩa-Quân bị đánh tan.

Ngày 18/08/1885 quân Pháp đánh vào làng Mao Cao, sau một cuộc đụng độ mạnh quân Pháp tới chiếm làng này.

Rồi quân Pháp tung ra các cuộc tuần chiến trong vùng giới hạn bởi kinh Lu.ɔc, Câu xa và Hưng-yên và chúng đã đẩy hết được Nghĩa-Quân ra khỏi khu vực này.

TRẬN PHƯƠNG-ĐIẾM (HẢI-DƯƠNG)

Ngày 30/08/1885, vào lúc 07 giờ sáng, Hải-quân Đại-úy Kerlovo điều khiển một cánh quân, gồm có 1 Đại-đội Khố đỏ Bắc-Kỳ, do NGUYỄN-VĂN-HIỆU tức Đốc Tích chỉ huy. Mặc dù căn cứ này được tổ chức và phòng giữ hết sức cẩn thận, nhưng Nghĩa-Quân vẫn bị



Đường Nguyễn-Bỉnh Tỉnh-Túc ←

quân Pháp đánh tan, rút lui và bỏ lại 40 xác chết.

TRẬN TRẠI-SƠN

Vì bị đánh bại tại Phương Điếm, Ông NGUYỄN-VĂN-HIỀU tức Đốc Tích cùng 600 Nghĩa-Quân, liền rút về Trại Sơn (thuộc địa phận Quảng-Yên) để thiết lập tại đây một căn cứ vững chắc khác. Nó ở giữa một nơi có núi đứng, có rừng rậm, có khe đá và ba con sông chảy quanh : Sông Kinh Thày, Sông Hàn và Sông Con.

Cũng chính tại vùng này vào năm 1884, Đốc Tích đã cầm chân và tiêu hao một Tiểu-Đoàn Pháp, mà theo lúc bấy giờ, như vậy, quả thật là chuyện hãn hữu - vì lúc bấy giờ quân ta đụng trước quân Pháp thường chỉ có thua mà thôi.

Ngày 30/11/1885, Đại-úy Falcon (rồi đến Đại-úy Faure thay thế) chỉ huy một cánh quân, hùng mạnh hơn cánh quân của Hải-Quân Đại-úy Kerlovo, đánh vào Phương-Điếm, tấn công vào Trại Sơn. Quân Pháp đã tiến quân rất cẩn thận, chúng bao vây chặt, dùng toàn đường đỉnh để đến gần, rồi dùng các pháo hạm bắn phá các chướng ngại vật, cho công binh dọn đường . . . tiến quân. . .

Quân ta và quân Pháp đã đụng độ với nhau rất ác liệt, giành giựt từng khe núi, từng ngọn đồi. . . Nhưng rồi sau 12 ngày chiến đấu quân ta cũng bị đánh bật khỏi cứ điểm và bị tổn thất khoảng 100 người.

TRẬN BẢO-LỘC

Ngày 26/12/1885, Trung Tá Godard chỉ huy một cuộc hành quân đánh vào làng Bảo-Lộc, một căn cứ của Nghĩa-Quân do Ông Cai Bình, cánh tay mặt của Ông Cai Kinh, chỉ huy, gồm có 1000 tay súng tối tân ở giữa Phủ-Lang Thương và Kép.

Quân Pháp, xuất phát từ Phủ-Lạng-Thương (gồm có 3 Đại-đội Lê -Dương và 20 kỵ binh Bắc-Phi), lên và từ Kép (2 Đại-đội (-) xuống tấn công vào Bảo-Lộc. Sau những trận đụng độ ác liệt Nghĩa-Quân bị đẩy lui, bỏ lại 44 xác chết. Quân Pháp vào làng tịch thu được nhiều súng ống, giáo mác, đạn dược. . .

MỘT VÀI CUỘC ĐỤNG ĐỘ NHỎ KHÁC

Ngày 08/11/1885, đồn Bái-Thượng, do 100 Thủy-quân và Thủy-quân Lục-chiến trấn giữ dưới quyền chỉ huy của Đại-úy Saller, đã bị trên 1000 Nghĩa-quân tấn công, nhưng quân Pháp đã đẩy lui được.

Ngày 28/11/1885, Trung-Tá Dugenne đem 3 Đại-Đội và 1 Trung-Đội Pháo-binh đến tiếp cứu làng Công-Giáo Thiết-Nam, đang bị trên 1500 Nghĩa-Quân trang bị tối tân tấn công. Nghĩa-Quân bị đẩy lui khi quân Pháp đến. Ngày 1/1/1886 1 Trung-Sĩ Khố đỏ Bắc-Kỳ và 1 lính Bắc-Phi hộ tống 3 thuyền trên sông Hồng-Hà, đã tấn công vào 2 thuyền của Nghĩa Quân. Kết quả Quân Pháp đã bắt được cả hai thuyền, bắn chết 6 và bắt 6 Nghĩa-Quân khác.

Ngày 29/11/1885 Đại-úy Massip chỉ huy 86 lính Algérie tái chiếm Làng Song-Trang, bị Nghĩa-Quân chiếm đóng.

Ngày 18/02/1886, Trung-úy Schup cùng với 14 tên lính Âu-Châu, 57 lính Khố-đỏ Bắc-Kỳ và 130 lính Nam-Kỳ, đã tấn công và xung phong vào chiếm làng Nam Sơn, một căn cứ của Nghĩa-Quân ở cách Thất Khê 10 cây số.

Ngoài ra các đồn bót khác của quân cướp nước luôn luôn bị Nghĩa-Quân quấy rối "làm cho nhiều tên cướp mướn điên người lên".



12.— Tình hình tại Trung-Kỳ.

Vì nhu cầu hành quân tại Bắc-Kỳ nên quân Pháp ở Trung-Kỳ đã phải rút phần lớn ra Bắc để đối phó với tình hình khẩn trương tại đây, chỉ để tại Trung-Kỳ có 4 Đại-đội TQLC. Do đó mà các hoạt động của Nghĩa-Quân lại gia tăng và căn cứ đồn bót của bọn cướp nước luôn luôn bị khuấy phá. . .



13.— Phái bộ quân sự Pháp tái tổ chức quân đội cho Nam triều.

Do lời yêu cầu của Đồng-Khánh, vào cuối năm 1885, Pháp cử 1 phái bộ gồm có 52 Sĩ-quan (hiện dịch và trừ bị) và 248 Hạ-Sĩ Quan,



Linh bảo-vệ Hoàng Thành (Nam Triều)

dưới quyền điều khiển của Đại-Tá Brissaud, đã đến Huế để lo liệu một quân đội tự trị được tổ chức và trang bị theo lối Âu-Châu.

Quân-Đội này gồm có 6 Tiểu-Đoàn Bộ-binh (mỗi tiểu đoàn 4 đại-đội), 2 Tiểu Đoàn Ky-binh, 1 Tiểu-Đoàn chuyển vận, 2 Pháo-đội và 1 Trường Võ-Bị tại Huế.

Đề nghị này không được Pháp hoàn toàn thỏa mãn cho Nam Triều, phần thì vì qúa tốn kém, phần thì vì việc tổ chức Quân-Đội như vậy sẽ có thể có sự nguy hiểm về sau.

Cuối cùng Pháp chỉ thành lập cho Nam Triều có 4 Tiểu-Đoàn thám kích, để làm phụ lực cho Pháp trong công cuộc "bình định"... Như vậy có 4 Tiểu-đoàn này cũng như không - Đến đầu năm 1890 thì giải tán cả.



14.– Đại-Tướng De Courcy bị triệu hồi về Pháp.

Như ở trên đã nói De Courcy, sau khi phong chức cho Đồng-Khánh thì ngày 20/09/1885 giao Trung Kỳ lại cho Thiếu Tướng Prudhomme rồi trở ra Bắc-Kỳ, để họp bàn với các Tướng Tá về cách đối phó với tình hình ngoài đó.

De Courcy là một người tính tình rất khó chịu, tự đắc và đa nghi nên công việc càng trở nên khó khăn hơn . . . Ở bên Pháp cũng có nhiều chuyện rắc rối về vấn đề nên hay không nên giữ Bắc-Kỳ và Ông Freycinet lên thay Ông Brisson làm Thủ Tướng, thấy De Courcy làm nhiều chuyện lôi thôi và thường lạm quyền, bèn đánh điện triệu hồi về Pháp vào ngày 16/02/1886, trong khi các cuộc hành quân truy lùng Vua Hàm-Nghi và đàn áp khác vẫn còn đang tiếp diễn, giao tạm quyền Toàn-quyền và Tư-Lệnh Quân-Đội Viễn-Chinh cho Trung-Tướng Warnet, rồi cử Ông Paul Bert, là một quan chức dân sự, sang làm toàn quyền để giải quyết các vấn đề ở Việt-Nam - Ông Paul Bert kiêm luôn chức Tổng Tư-Lệnh tối cao Quân-Đội Viễn-Chinh ở Việt-Nam.



15.– Ông Paul-Bert đến Việt-Nam.

Ngày 08/04/1886, Ông Paul Bert đến Hà-Nội. Vừa đặt chân lên Hà-Nội, Paul Bert bắt tay ngay vào việc mở mang miền Bắc về mọi phương diện : Lập phủ Thống-Sứ Bắc-Kỳ, sở kiểm soát về Tài-Chánh, lập trường dạy học chữ Pháp, lập Phòng Thương mại, lập Bảo-Tàng Viện, lập hội Nghiên Cứu Văn Hóa Việt-Nam, lập hội đồng thành phố ở Hà-Nội và Hải-Phòng, Hội-đồng kỳ mục ở các Xã, Thôn, các sổ sách dinh điền thuế má v.v... Tóm lại Paul Bert ra sức củng cố các cơ chế thực dân ở Việt-Nam. . .

Đến cuối tháng 4/1886, thì Paul Bert vào Huế yết kiến Đồng-Khánh để xin lập Nha Kinh Lược Bắc-Kỳ và cho Kinh Lược Đại-Sứ

được quyền cùng với Phủ Thống-Sứ tự tiện làm mọi việc, viện lẽ từ Huế ra Bắc đường xá xa xôi, có việc gì phải tâu bẩm vào mất nhiều ngày giờ . . . Bởi vậy xin cho tự tiện làm việc rồi trong một năm độ vài kỳ đem các việc tâu về Vua biết.

Kể từ giai đoạn này Nam Triều hoàn toàn lệ thuộc Pháp, bất cứ việc gì cũng phải trình xin ý kiến của Đại-diện Pháp trước khi thi hành.

Rồi vì tên trùm Thực-dân này tham lam qúa, đâm ra kiệt lực và bỏ mạng tại Việt-Nam vào ngày 11/11/1886. Xác được đưa về trả cho mẫu quốc.

PAUL BERT chết,bọn Pháp ở chánh quốc liền cử BIHOURD sang thay thế.



16. — Một vài thay đổi về mặt quân sự.

Mặc dù Vua Hàm-Nghi vẫn hoạt động ở vùng Tỉnh-Bình và các cuộc nổi dậy của sỹ dân Việt-Nam ngày càng gia tăng, nhưng cường độ yếu kém hơn so với các năm trước. Do đó quân Pháp ở Bắc-Kỳ và Trung-Kỳ đã giảm xuống cấp Sư-Đoàn và được phối trí như sau :

Tư-Lệnh Sư-Đoàn	:	Trung Tướng JAMONT
Tham-Mưu-Trưởng	:	Đại-Tá KESSLER
Lữ-Đoàn 1	:	Thiếu-Tướng JAMAIS Tổng Hành Dinh ở Sơn Tây.

Chỉ huy Trưởng Công-binh : Thiếu-Tá DUPOMMIER - Phụ trách Công-binh ở Hà-Nội : Đại-úy JOFFRE.

Trung-Đoàn 1 Bộ-binh Phi-Châu (2 Tiểu-đoàn), Tiểu-đoàn Lê-Dương, Trung-đoàn 1 và 2 Khố-Đỏ Bắc-Kỳ, 6 Pháo-đội, 1 Đại-đội Công binh (-), 1 toán Kỵ-binh, 1 Đại-đội Chuyển-vận.

Lữ-Đoàn 2 : Thiếu-Tướng MENSIER - Tổng-Hành-Dinh ở Đáp Cầu. Chỉ huy trưởng Công-binh : Thiếu-Tá DAISTEIN, 2 Tiểu-đoàn Khinh-chiến Phi-Châu, 1 Trung-đoàn Lê-Dương Trung-đoàn 3 và 4 Khố-Đỏ Bắc-Kỳ, 1 pháo đội, 1 Trung-đội Kỵ-binh Bắc-Phi, 1 Đại-đội Công binh (-), 1 Tiểu-đoàn chuyển-vận.

Lữ-Đoàn 3 : Thiếu-Tướng MUNIER - Tổng Hành-Dinh ở Huế (1). Tham-Mưu-Trưởng Lữ-Đoàn Đại-úy D' AMADE, 1 Tiểu-Đoàn lính Bắc-Phi, 1 Trung-Đoàn Thủy-quân Lục-chiến, 1 Pháo-đội, 1 Đại-đội Công-binh (-).

- Trừ bị : 1 Tiểu-Đoàn thám kích, 1 toán Kỵ binh Bắc-Phi, 3 Pháo-đội, 1 Đại-đội (Công-binh) cầu, 1 Đại-đội Công-binh (-), 1 kho dự-trữ. . . .

- Hải-Quân : Hải-Quân Đại-Tá DE BEAUMONT chỉ huy, trên sông Kép gồm có 41 chiến hạm.

Với ý-định : Tại Bắc-Kỳ : khai thông con sông Hồng-Hà và ra sức tiễu trừ Nghĩa-Quân.

Tại Trung-Kỳ : Ra sức tiễu trừ Nghĩa-Quân và truy lùng Vua Hàm-Nghi.



17. — Một vài trận đánh đáng kể.

HOẠT-ĐỘNG CỦA CÁNH QUÂN TERILLON TẠI THANH-HÓA

Một cánh quân do Thiếu-Tá TERILLON chỉ huy gồm có 1 Trung-đội Bộ-binh Phi-châu 1 Đại-đội (-) Khố-đỏ Bắc-Kỳ được thành lập tại Nam-Định, để hoạt động trong vùng Thanh Hóa từ ngày 25/3 đến 26/4/1886, nhằm tiêu diệt 1000 quân ta và Tàu do Ông Cai Mão chỉ huy.

Ngày 26/3/1886, cánh quân này đã đụng độ với Nghĩa-quân tại Đồng khố; Nghĩa-quân bị đánh tan, sau khi có 10 người chết và 8 bị bắt.

Ngày 2/4/1886 cánh quân này đã đến giải tỏa cho Đồn Phủ Thọ, đang bị Nghĩa-quân uy hiếp, rồi ngày 5/4/1886 đến Phủ Quảng.

Ngày 7/4/1886, cánh quân từ Long Si đi Thạch Lâm, bị khoảng 300 - 400 Nghĩa-quân phục kích, từ trong các bụi rậm đánh vào tiền vệ. . . Quân Pháp liền dẫn quân chống trả. . . Sau một hồi giao tranh Nghĩa-quan rút lui và bỏ lại 4 xác chết.

---

(1) Thay thế Thiếu-Tướng Prudhomme từ ngày 20. 3. 1886.

Ngày 24/4/1886, quân Pháp trở về Phủ-Quảng, sau khi đã thiết lập 2 tiền-đồn ở Thach By và Hoài-An.

TRẬN SÔNG ĐÀ

Trong 2 ngày 25 và 26-4-1886, một toán tuần chiến của Pháp đi từ Bảo-Hạ đến Sông Đà, trong vùng phía nam Lào-Kay, đã gặp một làng chiến đấu của Nghĩa-Quân. Quân Pháp bị đánh bất ngờ nên tên Sỹ-quan chỉ huy cuộc tuần chiến và một tên lính bị bắn chết, 7 tên khác bị thương. Ngay hôm sau một tên Trung-Sỹ (lên thay thế tên chỉ huy sau khi tên này chết), chỉ huy toán tuần chiến truy kích quân ta và Tàu, nhưng quân ta và Tàu đã rút lui từ lâu ...

TRẬN NA-CHAM

Đêm 21-5-1886, đồn Na Cham, trên đường Lạng-Sơn - Thất-Khê, do 117 tên lính vừa Bắc-Phi vừa Khố-đỏ Bắc-Kỳ dưới quyền chỉ huy của Thiếu-Úy JOSEPH chống giữ, đã bị cả ngàn Nghĩa-Quân tấn công. Quân Pháp ra sức chống trả và đẩy lui được Nghĩa-Quân, nhưng cũng bị 4 tên chết và 18 tên bị thương trong số có 1 Sỹ-quan.

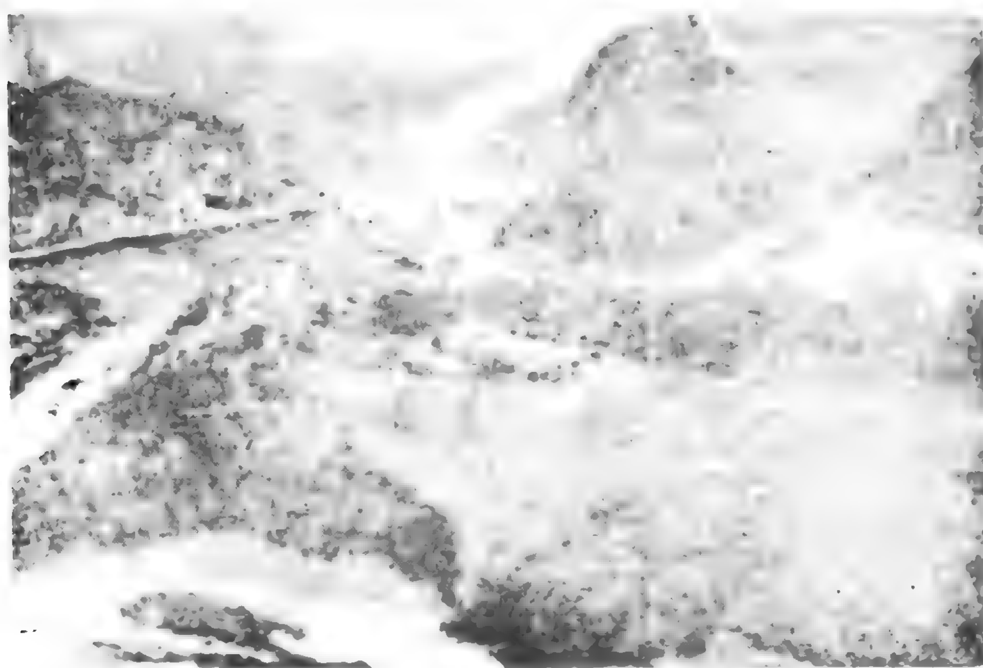
TRẬN NAM-TƯỜNG

Trong đêm 1 rạng ngày 2-3-1886, Nghĩa-Quân đã đột kích vào Nam-Tường, trên con đường Đà-Nẵng - Huế, là nơi trú ngụ của bọn Công-binh làm con đường này. Kết qủa Nghĩa-Quân đã giết được tên Đại-Úy chỉ huy là BESSON và 4 tên TQLC khác.

TRẬN LONG-PÔ

Ngày 13-8-1886, Thiếu-Tá DARU và Bác-Sĩ NEIS, nhân viên phái đoàn phân giới Pháp - Hoa (theo hòa ước Thiên Tân thứ hai) cùng với hai chuyên viên họa đồ là các Trung-Úy PINEAU và HAIRON, được 50 tên lính vừa Lê-Dương vừa Khố Đỏ Bắc-Kỳ do các Trung-Úy TQLC GEIL và Lê-Dương HENRY chỉ huy, hộ tống, dùng 5 thuyền ngược từ Lào-Kay đi Long-Pô.

Ngày 19/8/1886, vào lúc 10 giờ, đoàn thuyền bắt đầu rời Tiên Phong là chặng cuối cùng đi Long Pô. Tại đây (Tiên Phong) nước chảy xiết rất khó di chuyển. Chiếc thuyền đi đầu, ở trên thuyền có các Trung-úy GEIL và HENRY cùng với 6 tên Lê-Dương và 6 tên Khố-đỏ Bắc-Kỳ, sau khi vượt qua quãng chảy xiết, bắt đầu ghé vào bờ để yểm trợ và chờ các thuyền kế tiếp . . . thì bất thần bị Nghĩa-quân bắn xối xả vào thuyền làm cho Trung-úy TQLC GEIL chết tại chỗ (đạn xuyên qua đầu).



← *Đồn Na-Cham*

Trung-úy HENRY liền bắn chống trả cũng bị ngã gục luôn, vì một viên đạn xuyên qua ngực. Vài tên lính khác toan lên bờ cũng bị bắn gục ngay. Sau đó Nghĩa Quân xung phong xuống cướp xuồng. Một tên Lê-Dương, mặc dầu đã bị thương vào đầu và cánh tay đã cố gắng bơi đến 300 thước để trở lại xuồng của DARU và báo cáo nội vụ . . . .

Bọn DARU thấy khó khăn và run sợ trước Nghĩa-Quân, nên đành bỏ xác đồng bọn tại trận địa và tháo chạy về Lào-Kay 5 tiếng đồng hồ sau đó.

TRẬN TÀN SÁT PHÁI ĐOÀN HAÏTCE TẠI MÓNG CÁY

Tại Móng Cáy cũng như tại Lào-Cay, Pháp có một phái đoàn phân giới do tên HAÏTCE, nhân viên phụ khuyết của phái đoàn và Trung-úy BOHIN, tùy viên, hoạt động. Tại đây Nghĩa-Quân hoạt động rất mạnh dưới danh hiệu "Thiên địa hội", đã ra tuyên cáo chống Pháp và "ra giá" đầu từng tên một, tùy theo đẳng cấp... Việc này đã được tu sỹ gián điệp GRAND PIERRE mật tin cho HAÏTCE. Nhưng HAÏTCE không chịu tin và vẫn cử Trung-úy BOHIN cùng với 40 tên lính tiếp tục công việc thám sát, để vẽ họa đồ như thường lệ tại mũi PAC-LUNG.

Ngày 24/11/1886, tại Móng Cáy quân Pháp chỉ có : Tại nhà riêng của HAÏTCE, ngoài tên này, còn có 7 hay 8 tên lính; tại thành Móng-Cáy có Ủy-Viên của Tòa Trú Sứ tên là PERRIN, cùng với đốc công FERLEY và khoảng 20 tên thám kích và Hương-Binh.

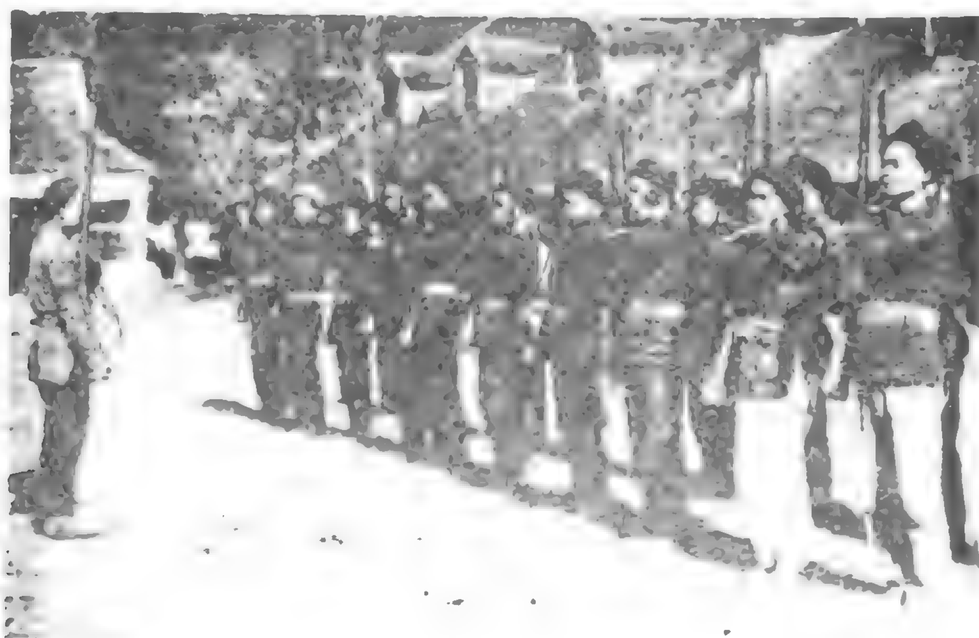
Đến đêm (ngày trên) Nghĩa Quân tấn công vào thành Móng-Cáy, rồi nhà tên HAÏTCE. Tên FERLEY liền chỉ huy một vài tên lính (trong số 8 tên nói trên) ra chống lại Nghĩa-Quân, trong khi đó tên HAÏTCE chạy sang thành Móng Cáy. Nghĩa-Quân phải rút lui vì trời đã sáng.

Đêm hôm sau, 25 rạng ngày 26 và đêm 26 rạng ngày 27/11/1886, khoảng trên 1.000 Nghĩa-Quân lại tiếp tục xung phong vào thành, nhưng đều bị đẩy lui. . .

Đến lúc 7 giờ 30 sáng ngày 27/11/1886, vì đạn dược và lương thực gần cạn nên HAÏTCE quyết định như sau : quân đồn trú sẽ chia làm 2 : 1 cánh 23 người, cho hạ cờ Pháp, rút ra phía nam thành, đến khoảng ngã ba sông THAK-MANG và 1 con kinh, để đánh lừa Nghĩa-Quân truy kích; trong khi đó số còn lại, trong số có HAÏTCE và PERRIN bơi qua sông và thoát khỏi vòng vây.

Nhưng khi đám HAÏTCE và PERRIN sang đến bờ bên kia thì Nghĩa-Quân cũng đã "đón" sẵn và kết quả tên PERRIN bị bắn chết, tên HAÏTCE bị thương, bị bắt dẫn giải về Móng-Cáy và bị cắt cổ sau đó.

Ở phía mũi PAC-LUNG, BOHIN được tin Móng Cáy bị vây khốn, đã gấp rút mang quân về tiếp cứu. Nhưng ngày 26/11/1886, trên đường



Một toán thân binh Thổ

về Móng Cáy, tại vùng cách CỌNG-PINH vài cây số về phía Đông, đã bị lọt ổ phục kích của khoảng 400 Nghĩa-Quân. Vì Quân số của BOHIN qúa ít, nên hắn không dám đương đầu với Nghĩa Quân mà chỉ liều mở một đường máu để chạy về tiếp cứu cho thành Móng Cáy. . Vì Nghĩa Quân bị thiệt hại khá nhiều nên đám quân của BOHIN đã trở về được Móng Cáy để thu dọn xác chết v.v.... còn lại của đồng bọn.

Đến tháng 12/1886, Trung-Tá DUGENNE mới dám mang quân lại tái chiếm Móng Cáy.

CUỘC HÀNH QUÂN VÀO TIÊN ĐỘNG

Sau khi quân Pháp lấy được Thanh-Quán, vào tháng 1/1886, Bố Chánh Nguyễn-Văn-Giáp liền cho thiết lập một căn cứ khác tại Tiên Động, trong vùng sông Hồng-Hà, ở giữa Tứ Mỹ và Cẩm Khê. Đại-úy LEBIGOT, Đồn trưởng Cẩm Khê đã được lệnh tổ chức các cuộc tuần chiến chống quân của Bố Giáp trong vùng, nhưng vô hiệu.

Mặc dầu căn cứ của Bố Giáp đã bị Thiếu Tướng JAMAIS phá hủy lần thứ nhất vào ngày 18/6/1886, Thiếu-Tá BERCAND phá hủy lần thứ hai vào ngày 1/4/1886, nhưng vẫn được tái lập.

Vì các đồn bót của Pháp trên sông Hồng-Hà không thể đảm bảo được vấn đề an ninh, nên Đại-Tá BRISSAUD, Tư-Lệnh Lữ-đoàn 1, được lệnh thiết lập một cánh quân đi càn quét hai Châu Văn Ban và Văn Chấn, vào hạ bán nguyệt 12/1886.

Ngày 2/1/1887, cánh quân tiến ngược Ngòi Vân, khi đi đến đèo Go, ở hữu ngạn sông Hồng-Hà, khoảng giữa Cẩm-Khê và Yên-Lương, đã đụng độ mãnh liệt với Nghĩa-Quân trong các vị trí rất kiên cố trên đèo. Sau một hồi nổ súng, quân Pháp thổi kèn xung phong. Bọn Lê-Dương và bọn Khố-đỏ Bắc - Kỳ tiến lên, đã đánh bật Nghĩa-Quân ra khỏi đèo và rút về phía Đại-Lịch. . . Trong lúc chỉ huy cuộc xung phong, Trung-Úy BAUDIN, Trung-Đội Trưởng một Trung-đội xung phong đã bị thương nặng.

Ngày 3/1/1887, cánh quân lại tiếp tục truy kích Nghĩa-Quân ở Đại-Lịch và Hạn Bái. Tại đây cũng xảy ra một cuộc chạm súng ác liệt giữa tiền vệ của quân Pháp và Nghĩa-Quân. Nhưng sau đó, tiền vệ của Pháp cũng đánh bật được Nghĩa-Quân ra khỏi Đại-Lịch và rút về phía Nghĩa Lộ.

TRẬN BÌNH LƯ

Bình Lư là một vị trí chiến lược, nằm ở ngã tư đường đi từ Lào-Kay sang Lai-Châu và từ Phong thổ qua Tân-Uyên, trên một con suối gọi là Nam giê, do ông Đèo-Văn-Trị lãnh tụ vùng Sơn-La, Lai-Châu điều khiển.

Vùng này có chừng 240.000 đồng bào Thái tập trung, nhiều hơn cả là ở hai vùng Sơn La và Lai Châu. Một phần sống ở Phong Thổ (Lào Kay), Tân Uyên, Văn Chấn (Yên Bái) v.v. . . Tất cả có 16 huyện nối tiếp với nhau. Ngoài người Thái còn có một số đồng bào Thổ, Mán, Mường, Mèo ở xen kẽ và sinh sống bằng nông nghiệp. Thấy quân cướp nước đến, Ông Đèo Văn Trị kêu gọi họ tham gia kháng chiến ...

Đầu năm 1886, Đèo Văn Trị được một số quân của Bố Giáp đến tùng phục, liền lập chiến khu ở Tân Uyên, ở phía nam Lào Kay, một địa điểm nằm giữa Hắc Giang và Hồng-Hà, và áp dụng chiến thuật du kích để đánh quân Pháp.

Vào tháng 4/1886, 1 toán quân Pháp do Trung-Úy AYMERICH chỉ huy, đã tấn công vào Tân Uyên. Mặc dầu Nghĩa-Quân chiến đấu rất can cường và tên AYMERICH chết không kịp ngáp tại trận, quân Pháp được tên Trung-Sĩ ESPITALIER lên thay thế chỉ huy, đã đánh bật Nghĩa-Quân ra khỏi vị trí rồi chúng chiếm Tân-Uyên.

Nhưng khi quân Pháp rút đi thì Nghĩa-Quân lại về và lần này Ông Đèo Văn Trị cho thiết lập chiến khu tại Bình-Lư.

Ngày 19/5/1886, Đại-úy BERCAND mang một cánh quân đánh bật Nghĩa-Quân ra khỏi Bình-Lư.

Rồi ngày 31/5/1886 cũng cánh quân BER-CAND đánh bại Nghĩa-Quân ở Hiếu-Trai.

Nhưng Nghĩa-Quân vẫn áp dụng chiến thuật "giặc đi ta về" và lại tái lập khu chiến Bình Lư và Hiếu-Trai.

Ngày 6/11/1886, Đại-úy OLIVE thiết lập một cánh quân gồm có : 1 Đại-đội Lê-Dương, 1 Trung-đội Khố-đỏ Bắc Kỳ, 8 tên Pháo-thủ và 250 tên lính Dõng, để đánh vào Bình-Lư và Hiếu-Trai.

Vào lúc 6 giờ ngày trên (6/11) bọn lính Dõng đã chiếm được đèo Bình-Lư ở phía Bắc

làng này. Đến 1 giờ thì toàn thể cánh quân OLIVE đã ở trên đèo và sẵn sàng đánh vào căn cứ . . .

Tưởng cũng cần phải nói thêm về cách phối trí căn cứ của Nghĩa-quân như sau :

Căn cứ được hình thành bởi một tập đoàn gồm 3 cứ điểm, cứ điểm nọ có thể yểm trợ cho cứ điểm kia. Mỗi cứ điểm lại được rào bởi 3 hàng rào tre trong có vách đất bao bọc, trên các vách đất đều có các pháo đài vững chắc. . . Do khoảng 300 Nghĩa-quân và quân Tàu chống giữ. . .

Quân Pháp chia làm hai cánh để tiến đánh Bình-Lư : 1 cánh do Trung úy BRISSE chỉ huy đi vòng về phía đông, để chiếm các cao địa chế ngự căn cứ; cánh khác do Đại-úy JAMET chỉ huy, phần lớn quân số dùng làm nỗ lực chính tấn công vào cứ điểm thứ nhất của Nghĩa-quân. Lệnh xung phong được ban ra, quân Pháp đã liều mạng dùng đao xông lên chặt phá các hàng rào của cứ điểm dưới làn mưa đạn của Nghĩa-quân. Kết qủa quân Pháp cũng mở được một đột khẩu phá và tràn vào một cứ điểm. . . không người (Nghĩa-quân đã rút lui hết)...

Ngày 20/11/1886, cánh quân OLIVE lại tiếp tục hành quân và đã đụng độ mãnh liệt với Nghĩa-quân tại Lương-Tiên và Thanh-Qui, Nghĩa-quân rút về Mường-Bo, quân Pháp không dám truy kích nữa.

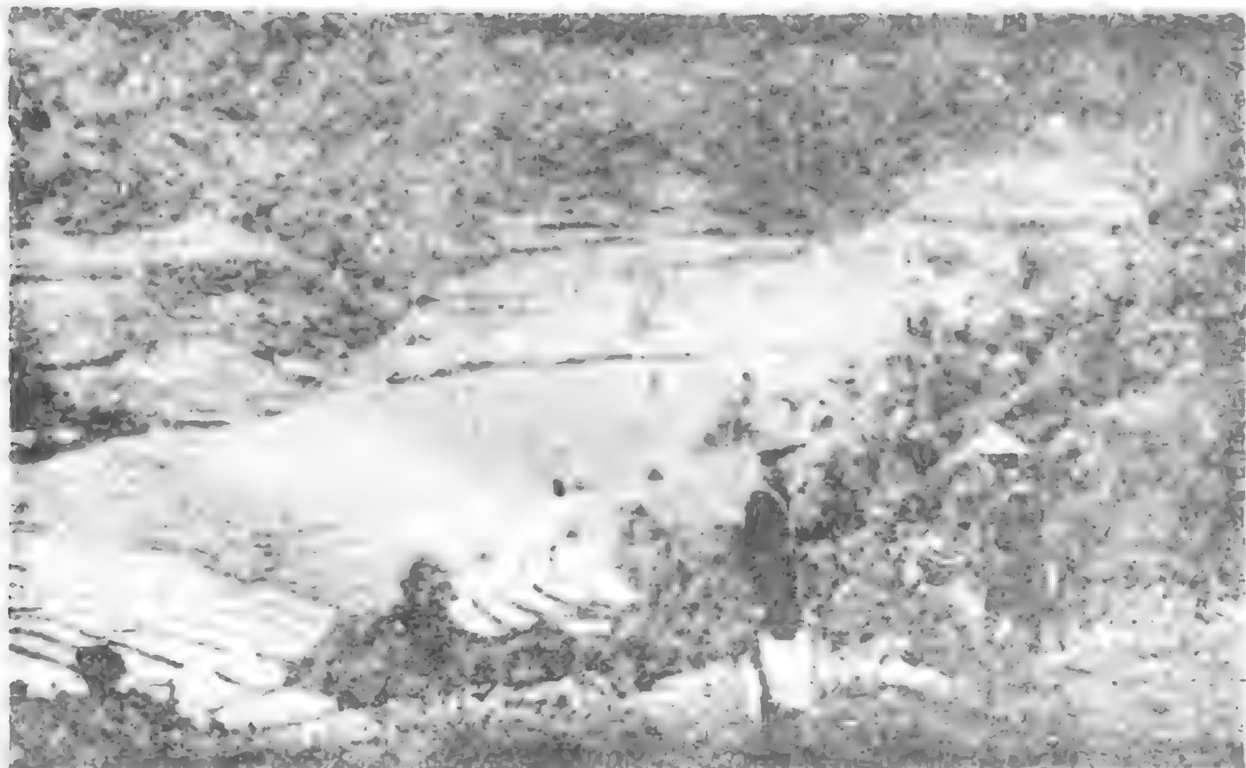
Đến tháng 1/1887, Thiếu-Tá PELLETIER chỉ huy một cánh quân đánh vào Mường Bo thì Nghĩa-quân rút qua CHAPA. Tháng 2/1887, PELLETIER lại mang quân truy kích Nghĩa-quân ở CHAPA thì Nghĩa-quân lại rút qua Lai-châu (suốt năm ấy hoạt động ở Lai-châu và Sơn La).

Ngày 1/2/1887, Thiếu-Tá PELLETIER mang quân chiếm Phong Thổ và dùng nơi đây làm căn cứ hành quân trong vùng Bảo Hà và BÌNH LIÊU. Đến tháng 3/1887, quân Pháp làm đồn Bát Xát.

Sang năm sau, 1888, quân Pháp thành lập hai cánh quân để đánh vào Sơn-La và Lai-châu mà Pháp cho là đang bị Xiêm-La nhòm ngó để "xác nhận chủ quyền của chúng ta (Pháp) ở các tỉnh phía Tây Bắc-Kỳ" (1).

Cánh thứ nhất do Đại-Tá PERNOT chỉ huy, khởi hành từ BÁT XÁT tiến dọc sông Đà để lên Sơn-La và Lai-Châu. Khi đi đến Bắc Tân-Trai thì bị Nghĩa-quân chận đánh. Mặc dầu phòng tuyến của Nghĩa-quân rất kiên cố, nhưng phần vì đại bác của địch bắn rất trúng, phần

(1) Lào lúc này trên "lý thuyết" hãy còn thần phục VN, Xiêm lợi dụng lúc VN đang gặp khó khăn đối với Pháp, không bỏ lỡ cơ hội, xua quân vượt sông Mê-Kông, rồi dần dần chiếm toàn Xứ Lào. . . Sau đó quân Xiêm lại thiết lập một đồn ở đèo Hà-Trai, đồn này bao trùm cả vùng Nghệ-An và biên Trung Kỳ, và vượt Lao-Bảo đến Cam Lộ.



Thẩm binh của Pháp ở miền núi

thì vì chúng chia quân ra đánh vào bên sườn của Nghĩa-quân, nên sau 5 giờ giao tranh, Ông Đèo-Văn-Trị cho lệnh rút lui. . . Quân Pháp bị chết 1 tên, bị thương 5, trong số có một tên Khố đỏ Bắc-Kỳ.

Ngày 13/ 1/1888, cánh quân của PERNOT lại bị chặn đánh tại Chinh Nưa trên bờ sông Mã, nhưng Nghĩa-quân bị hỏa lực của địch đẩy lui.

Ngày 16/ 1/1888 quân Pháp đến Lai-châu.

Ngày 18/1/1888 đến Mường Tung và ở đây đến ngày 23/1/1888, thì nhắm Điện Biên Phủ trực chỉ.

Đến Điện biên phủ (hay Mường Theng) ngày 26/1/1888 chờ đợi quân Xiêm (trong lúc đó đã có mặt ở gần Luang Prabang) cho đến ngày 13/2/1888, cũng chẳng thấy quân Xiêm sang. Điện Biên Phủ (hay Mường Theng) đã bị Đèo-Văn-Trị tàn phá từ năm 1887; khi quân Pháp đến thì chỉ còn là một hoang địa, không người, không nhà, không thể kiếm được rau cỏ v.v... nên buộc lòng PERNOT phải cho quân quay về Sơn-La.

Ngày 14/2/1888, cánh quân PERNOT bắt đầu di chuyển về Sơn-La ... Ngày 18/2/1888 khi quân Pháp đến Tuần giao thì bị khoảng 200 Nghĩa-quân bố trí trong các vị trí kiên cố chận đường tấn công . . . Nhưng rồi Nghĩa-quân cũng bị quân Pháp đánh bật khỏi vị trí. Cùng ngày 14/2 Phó Lãnh Sự Pháp ở Luang Prabang là PAVIE, cùng với vài tên hộ tống đã rời nhiệm sở (ở Luang Prabang từ ngày 28/1/1888) cũng đến Tuần giao để báo cho quân Pháp biết âm mưu tiến chiếm Điện Biên Phủ của quân Xiêm. Hai bên (Pavie và Pernot) gặp nhau rồi cùng trở về Sơn-La (là nơi mà từ ngày 16/1/1887 cánh thứ 2 do Thiếu-Tá OUDRI chỉ-huy, đã chiếm được - xin xem hoạt động của cánh thứ 2 ở dưới). Đến ngày 24/2/1888 thì về tới.

Mặt khác, cánh quân thứ hai do Thiếu-Tá OUDRI chỉ huy 300 lính Bộ-binh Phi-Châu, cũng rời Bảo Hà ngày 31 - 12 - 1887 đến ngày 16/1/1888 thì chiếm được Sơn-La, sau khi đã giao tranh với Nghĩa-quân tại đây.

Như vậy cuộc hành quân của Pháp ở Sơn La và Lai-Châu đã thành công vì :

- Chúng đã khai thông được con đường thủy từ sông Đà đến biên giới Tàu.
- Chúng cũng mở được con đường lưu thông quan trọng trong lưu vực sông Hồng Hà và Cửu Long.
- Chúng đã kiểm soát được khắp vùng sông Đà và thượng lưu sông Mã.

Sau khi tình hình đã sáng sủa đối với quân Pháp thì PERNOT và OUDRI chỉ để lại tại Sơn-La và Lai-Châu mỗi nơi 50 tên lính Âu-Châu và 1 Đại-đội Khố-đỏ Bắc-Kỳ, còn bao nhiêu trở về Bảo-Hà và Tân-Uyên tất cả.

Đến tháng 6/1888, thì hoạt động của Nghĩa quân bị giảm sút rõ rệt và chỉ còn một ít hoạt động ở phía Tây Lai-Châu và Điện Biên Phủ mà thôi. Dân chúng một số đã trở về làng làm ăn, một số đầu hàng giặc. . .

Vấn đề Đèo-Văn-Trị chưa giải quyết xong thì bọn thực dân Pháp lại điên đầu vì quân Xiêm - khi cánh quân của PHYA-SURRIS-SAT đã thực sự cho một toán quân đến chiếm



Đèo - Văn - Trị (ngồi bên trái)



Gia-đình tên Quan Đạo Lai-Châu

đóng tại đây (Điện Biên Phủ). Bọn thực dân thấy giải quyết vấn đề bằng quân sự thuần túy không đem lại kết qủa mong muốn, bèn đưa tên đại thực dân là Thiếu-Tá PENNEQUIN và Phó Lãnh-Sự Pháp ở Luang Prabang là PAVIE đi điều đình với Tướng PHYA SURRISSAT và Đèo-Văn-Trị.

Trọng tâm thương thuyết của hai tên thực dân này là :

- Làm thế nào để quân Xiêm rút khỏi Điện Biên Phủ mà không bị mất mặt.

- Đèo-Văn-Trị nguyên là một lãnh chúa xứ Thái, mà bây giờ muốn dụ Đèo về để phục hồi cương vị cũ, thì phải làm thế nào để có thể dàn xếp ổn thỏa giữa Đèo và Quan Phong, là một tên Thái gian khác mà trước đây, năm 1886, để chống lại Đèo, Pháp đã dùng . . .

Nhưng rồi nhờ âm mưu thâm độc rút ra trong các kinh nghiệm thực dân của chúng, chúng đã thành công.

Ngày 17/12/1888, PAVIE đại diện cho Pháp điều đình với PHYA SURRISSAT tại Điện Biên Phủ (ngày 12/12 PAVIE đã mang một toán hộ tống đến đây). Kết qủa là PHYA SURRISSAT thỏa thuận trao lại Điện Biên Phủ cho Pháp và "công nhận" chủ quyền của Pháp ở 16 châu xứ Thái, chỉ xin đóng quân ở SAM MEUN, để giữ an ninh trên trục lộ Điện Biên Phủ-Luang Prabang, nhưng đồn này lại được đặt dưới quyền chỉ huy của đồn trưởng Điện Biên Phủ thuộc Pháp.

Ngày 21/12/1888, Thiếu-Tá PENNEQUIN cũng đến Điện Biên Phủ gặp PHYA SURRISSAT, trước sự hiện diện của PAVIE, một lần nữa PHYA SURRISSAT nhìn nhận quyền cai trị của Pháp ở 16 Châu xứ Thái, nhân danh chính phủ Xiêm. (1).

Sau đó PAVIE trở về Luang Prabang và Pháp thiết lập 1 đồn quân do 3 trung-đội Khố-đỏ Bắc-Kỳ trấn giữ tại Điện Biên Phủ.

Về phần Đèo-Văn-Trị thì cuộc điều đình cũng bắt đầu từ tháng 11/1888 và kết qủa là :

- Pháp trả lại cho Đèo-Văn-Trị mọi quyền lợi cố hữu về vật chất và tinh thần ở 12 trong số 16 châu xứ Thái - từ năm 1886 Pháp đã trao cho Quan Phong, một thổ tù ở Dương Quy, bây giờ lấy trả lại Đèo, vì thực ra Quan Phong cũng không kiểm soát nổi - Như vậy Quan Phong chỉ còn giữ lại 4 Châu (trong số 16 Châu) mà thôi.

- Pháp cấp cho Đèo 4.000$00 để Đèo giải giới 1.160 quân Cờ Đen và 1.200 đàn bà trẻ con (Vợ con của quân Cờ Đen) về bên kia biên giới, bắt đầu từ ngày 15/3/1889. . .

Thế là từ đây Đèo-Văn-Trị trở thành một tay sai đắc lực cho bọn cướp như những tên Tổng-đốc Phương ở Nam Kỳ, Nguyễn-Thân ở Trung-Kỳ và Hoàng-Cao-Khải ở Bắc-Kỳ...

---

(1) Đến năm 1893 Pháp mới mang quân "tiếp thu" xứ Lào của Xiêm mà không gặp khó khăn nào cả.

CHƯƠNG XI

Phong trào Văn thân hay là các nhà trí thức khoa bảng vùng dậy hưởng ứng hịch «Cần-Vương» của Vua Hàm-Nghi

1.– Cuộc vùng dậy Bãi-Sậy (1885-1889).

Sau khi Tự Đức ký văn kiện đầu hàng, nhận quyền bảo hộ của Thực dân phản động Pháp rồi, bèn ra lệnh cho quân sĩ buông súng và gọi các cấp chỉ huy về kinh. Lúc bấy giờ cụ Nguyễn Thiện Thuật đang làm Tán lý Quân vụ ở Sơn tây, là một trong các tướng chủ chiến, không phụng lệnh bỏ sang Long Châu bên Tàu để chờ thời.

Khi hịch Cần Vương được ban ra, cụ vội vã về nước và chọn vùng Bãi Sậy làm căn cứ kháng chiến.

Bãi Sậy nguyên trước là một vùng màu mỡ trù phú thuộc các huyện Văn-giang, Khoái-châu và Mỹ-Hào dưới thời Tự-Đức, vì sự bất lực của quan lại địa phương, đã để đê Văn-Giang bị vỡ luôn 18 năm liền, nên nhân dân trong vùng một số hoặc chết đói hoặc bỏ đi nơi khác kiếm ăn, một số khác ở lại để làm nghề cướp bóc, đồng lúa trở thành rừng sậy. Vì vậy mới có tên là "Bãi Sậy". Trước quan Tham tán cũng đã có một toán Nghĩa quân do Đồng Quế chỉ huy đánh nhau với quân Pháp nhiều trận. Cụ Tán Thuật tập họp các toán Nghĩa quân hoạt động lẻ tẻ trong vùng. Từ đó Bãi sậy trở nên một căn cứ kháng chiến mạnh vào bậc nhất ở Miền Bắc. Nhờ vị trí của nó, Bãi sậy đã khống chế được mọi trục giao thông quan trọng ở trung châu Bắc kỳ, như quốc lộ 5 giữa Hà nội - Hải Phòng - Hải dương và quốc lộ 39 giữa Hà nội - Hưng yên - Thái bình.



Tham tán Quân-vụ NGUYỄN-THIỆN-THHẬT linh hồn của cuộc vùng dậy Bãi-Sậy

Căn cứ Bãi sậy không có công sự kiên cố trên mặt đất, nhưng có rất nhiều hầm, chông, bẫy ở dưới đất và nhiều đường thông ra ngoài. Địa bàn hoạt động của nó lan rộng ra khắp các vùng thôn quê thuộc các tỉnh Hưng yên, Hải dương Bắc ninh, Phủ lạng thương, Quảng yên, Lục nam.

Các lãnh tụ hoạt động lẻ tẻ trong vùng nói trên được tập hợp để ghép mình trong hệ thống Bãi Sậy như: Cụ Cử Nguyễn Đức ở Hải Dương, Lãnh Giang ở Bắc Ninh, Hai Kế ở Đáp Cầu, Đốc Tích ở Hai Sông (Quảng yên), Lưu Kỳ ở Lục nam, Đề Qúy ở Hải Dương và Hải Phòng v.v... Họ là những nhà nho, thân sỹ hay giang hồ, hảo hán. v.v... tự xưng là Đề nọ, Lãnh kia, để đứng ra hô hào kháng chiến. Một số đã nổi tiếng vì can đảm và đánh thắng quân Pháp nhiều trận như: Đốc Bốn, Đốc Tích, Lãnh Hạ, Lãnh Chiểu, Lãnh Điều, Lãnh Bái, Lãnh Văn v.v...

Cuối năm 1885, quân Pháp đã tung quân vào các huyện Văn Giang và Yên Mỹ để càn quét Nghĩa quân. Nhưng chúng đã thất bại, thay cấp chỉ huy ba lần nhưng cũng không thành công. Đầu tiên là Trung Tướng De Négrier, rồi Đại Tá Donnier và Trung Tá Godard.

Và sau đây là các trận đánh đáng kể của Nghĩa-quân Bãi sậy từ năm 1886 đến lúc tan rã.

- Ngày 27/9/1886, Nghĩa quân Bãi Sậy đến tấn công làng Bần Yên Phủ, nhằm trừng phạt bọn phản quốc, khiến tên Thiếu Úy Herold, đồn trưởng Bần Yên Hiếu phải mang quân tiếp cứu.

- Ngày 23/10/1886, 150 Nghĩa quân Bãi Sậy giả làm dân phu, đánh úp đồn Quỳnh Côi do Trung sĩ Delaforge làm đồn trưởng. Nghĩa quân đã tràn ngập được đồn, cướp được kho vũ khí và đạn dược của quân Pháp. Nhưng sau đó, 15 tên khố đỏ Bắc Kỳ đã liều chết xông vào đánh cận chiến với Nghĩa quân, lấy lại được một số súng.

- Ngày 26/11/1886, Trung Úy Eckenschwiller tổ chức một cuộc tuần chiến ở vùng phụ cận đồn Bình Bắc, đã đẩy lui Nghĩa quân và giải thoát được 50 tên phản quốc bị Nghĩa quân giam giữ.

- Vào tháng 12/1886, một cánh quân do Đại Úy Bazinet chỉ huy, hành quân cướp phá vùng tây bắc Kẻ Sặt, đánh vào Lạc Dạo, Cư yên, Công Hà, Đại Từ, đã bị tổn thất khá nặng. Quân Pháp cay cú, điên cuồng, bèn tiêu hủy các làng này lấy cớ là "bị trừng phạt" (vì dân chúng không chịu cung cấp tin tức cho chúng).

- Ngày 03/01/1888, tại Thanh Mai, trên con đường Bình Bắc - Mai Xu, Nghĩa quân đã phục kích một toán quân thuộc đồn Bình Bắc do Trung Úy De Marien chỉ huy. Kết qủa De Marien chết tại trận cùng với 2 tên khác và 5 tên nữa bị thương. Ngày hôm sau, Thiếu Úy Damade mang quân đi nhặt xác bọn bị chết hôm trước. Kết qủa, chúng lại bị rơi vào cái bẫy của Nghĩa quân và mặc dầu chúng lấy được xác của đồng bọn về đồn Bình Bắc, nhưng phải đèo thêm 7 tên Pháp chết và 1 tên Khố đỏ Bắc kỳ bị thương. Để trả thù, quân Pháp ở các đồn Lâm, Mai Xu và Đông Triều liền tổ chức một cuộc hành quân phối hợp, dưới quyền chỉ huy của Thiếu Tá Le Moine, để càn quét Nghĩa quân ở vùng núi phía nam Mai Xu, nhưng không đạt được mục đích, vì Nghĩa quân đã rút hết từ bao giờ.

- Trong đêm 01 rạng ngày 02/02/1888, Nghĩa quân đột nhập các làng phản quốc ở vùng phụ cận đồn Núi Cao để trừng trị những tên phản động. Bọn Pháp ở trong đồn không dám thò cổ ra tiếp cứu cho những tên mà bấy lâu đã trung-thành và làm công cụ cho bọn cướp nước để giết hại đồng bào của chúng.

- Ngày 18/3/1888, Nghĩa quân đã bắt được tên quan Huyện Dương Hảo và trừng trị tên này.

- Ngày 21/4/1888, Nghĩa quân đã đánh tan và tiêu hủy đồn Yên Lưu

- Ngày 23/7/1888, 500 Nghĩa quân của Ông Đội Văn đụng độ với một toán thám sát của giặc gồm 70 tên do Trung Úy Teyssandier-Laubarède chỉ huy tại làng Quan họ, huyện Lang tài. Kết qúa tên này chết cùng với 10 tên khác, 8 tên bị thương, 5 tên bị thương bị bắt, nhưng đều được thả sau khi đã bị Nghĩa quân chặt mất bàn tay phải.

- Đêm 30 rạng ngày 31/7/1888, 30 Nghĩa quân ăn mặc giả hương binh của giặc đã đột nhập làng Dương Vi, trừng phạt bọn phản quốc tiếp tay cho giặc.

- Trong đêm 11 rạng ngày 12/9/1888, Ông Đốc Tích mang 70 quân sĩ đánh vào đồn Uông bí do tên Lãnh binh (thương sĩ) Lancelot chỉ huy bọn Hương binh trấn giữ. Bọn này may mắn thoát chết, vì ngẫu nhiên đêm hôm đó có một t n Lê dương và Khố đỏ đi hành quân qua trú quân tại đây, nên Nghĩa quân đã bị đẩy lui sau 3 lần xung phong. Cũng Ông Đốc Tích, sau trận tấn công vào Uông bí nói trên, đã mang quân tấn công vào đồn Lâm ngày 24/9, đồn Bình hội ngày 25/9/1888, đồn An Châu ngày 03/10.

- Ngày 17/9/1888, Trung Úy Farail mang 20 tên Khố đỏ đi tuần chiến từ đồn Mai xu đến thung lũng phía trên Lục Nam, đã đụng độ với 50 tay súng của Nghĩa quân và quân Tàu ở gần một cái đèo giữa Mai Xu và Đông triều. Kết qủa sau nửa giờ giao tranh, Farail bị thương, bọn thuộc hạ của hắn bỏ chạy tán loạn về đồn.

- Ngày 28/9/1888, 1 tên lính đã đến hộ tống việc chuyển công văn, bị Nghĩa quân bắn tử thương ở giữa Hương sơn và Yên Xá.

- Ngày 08/10/1888, Nghĩa quân đụng độ với quân Pháp ở cách xa đồn Yên Lưu 3 cây số về phía tây Bắc. Kết qủa Trung Úy Janin bị bắn chết cùng với một số lớn khố đỏ.

- Ngày 10/10/1888, tên Nicolas, trại chủ ở Hải-Dương, đã bị Nghĩa-quân bắn chết ở gần chợ Huyện.

- Ngày 14/10/1888, một đoàn công voa gồm 120 dân phu của quân Pháp đã bị Nghĩa-quân đánh tan ở giữa Kép và Suối Ghềnh.

- Ngày 16/10/1888, Lãnh binh (Thượng sỹ) Joannès đồn trưởng Lang tài bị lọt ổ phục kích của Nghĩa quân tại Nhu trai. Kết qủa tên này bị chết cùng 4 Khố xanh khác. Thừa thế Nghĩa quân kéo đến tấn công sào huyệt của chúng là đồn Lang tài, nhưng vì vũ khí yếu kém nên không thanh toán được đồn này.

- Ngày 03/11/1888, Đại Úy Huguenin chỉ huy một toán thám sát trong vùng Lầm, bị rơi vào ổ phục kích của Nghĩa quân, cách xa đồn Biên long khoảng 10 cây số về phía nam, đã bị thiệt hại khá nặng.

- Ngày 11/11/1888, Trung sĩ Filippi thuộc đồn Ghềnh đi từ Kẻ sặt về đồn, bị Ông Lãnh Giang tấn công. Filippi bèn núp sau một ngôi cổ mộ để chống trả, cho đến khi các Lãnh binh (Thượng sĩ) Samaran và Soler đến tiếp cứu, Filippi mới thoát chết. Trong lúc giao tranh chẳng may Ông Lãnh Giang bị trúng đạn chết. Ông Lãnh Giang là em của Chủ Tướng Nguyễn Thiện Thuật bị tử trận nên đã gây xôn xao không ít trong hàng ngũ Nghĩa quân.

Để trả thù, 400 Nghĩa quân trà trộn vào đám dân phu, do tên đại Việt gian Hoàng Cao Khải đích thân huy động và chỉ huy để cắt lúa mà chúng gọi là của "phiến loạn", nhằm tiễu trừ tên này và thuộc hạ của nó gồm có 40 thân binh, 60 khố xanh do đồn trưởng Đường Hào là Lãnh binh Ney chỉ huy. Kết qủa suýt nữa tên Khải bị tóm cổ, Ney bị thương toan chạy về đồn Mỹ Hào nhưng bị Nghĩa quân bắt được cách đồn 300 thước và trừng trị tên này (bằng cách chặt ra từng mảnh). Ngoài ra còn tên Thương Biện, 4 thân binh và 22 khố xanh cũng mất mạng cùng với một số lớn khác bị thương.

- Đêm 15/11/1888, vào lúc 21 giờ, ông Tuần Văn lại chỉ huy 100 Nghĩa quân tấn công đồn bên đò sông Đuống gây cho giặc một vài thiệt hại về vật chất.

- Đêm 22/11/1888, Trung Úy Monguillot phát hiện một toán Nghĩa quân của Ông Tuần Văn tại làng chiến đấu Đại vị, cách xa Phủ Từ Sơn 5 cây số về phía đông nam; Monguillot bèn xin tăng viện để tấn công, Trung Tá Servière đang hành quân ở Phủ Thuận Thành, cách xa Đại vị 12 cây số, được lệnh đến tấn công . Kết qủa, Trung Úy Monguillot bị thương, 01 Trung sĩ, 03 TQLC và 01 Khố đỏ của giặc bị chết tại trận.

- Ngày 25/11/1888, Nghĩa quân chặn bắt 2 phu trạm trên con đường Lạng sơn - Kép (còn 5 cây số nữa thì đến Kép). Tên mại bản Bourgoin - Meiffre cùng với đám chuyển vận của nó liền can thiệp. Kết qủa đám chuyển vận lãnh thêm 5 tên bị thương và phụ tá của tên Bourgoin Meiffre là Jousseaume bị tử thương.

- Trong đêm 27 rạng ngày 28/11/1888, Ông Tuần Văn chỉ huy một toán Nghĩa quân giả trang làm lính cơ (của bọn cướp nước) đã tương kế tựu kế đột nhập đồn Núi Voi, chiếm đồn này không tốn một viên đạn.

- Trong đêm 01 rạng ngày 02/12/1888, 400 Nghĩa quân tấn công đồn Tứ kỳ (cách xa Hải dương 12 cây số về phía nam). Kết qủa tên đồn trưởng (một tên Lãnh binh Pháp) cùng với 3 tên khố xanh bị loại khỏi vòng chiến.

- Ngày 02/12/1888, Ông Lãnh Qui tổ chức phục kích Lãnh binh (thượng sĩ) Gaudel, đồn trưởng Yên Phòng, đi lãnh lương ở tỉnh trở về cùng với khoảng 15 tên khố xanh, ở gần đồn của

hấn. Theo kế hoạch thì Nghĩa quân sẽ áp dụng chiến thuật "lộn sòng", bằng cách không nổ súng vào bọn nói trên mà lặng lẽ di chuyển theo chúng về đồn, rồi tương kế tựu kế tiêu diệt toàn thể nòi bọn và phá hủy đồn...

Đến gần tối, bọn Gaudel lọt ổ phục kích, nhưng Nghĩa quân, theo lệnh của Ông Lãnh Qui, một cấp chỉ huy can đảm và có lập trường dứt khoát, được các thuộc hạ và đồng bào khâm phục, không trừ khử tên này và tay sai, mà lặng lẽ di chuyển theo... Khi đến cửa đồn đã đào một cái trổ để chui vào mà giặc vẫn không biết. Rồi bất thình lình nổ súng vào nhà ngủ của bọn Hương binh. Một số lớn trong bọn này ngã gục, nhưng Gaudel vẫn kháng cự mạnh và chưa bị giết; bộ hạ của nó quyết tử chiến, Nghĩa quân không thực hiện được mục đích; tình thế nguy ngập, một trong số các Nghĩa quân đã tóm được Gaudel và trong lúc nóng giận và thất vọng đã đập gần chết tên này trước khi bỏ nó rút lui. Sau trận Yên-Phòng, bọn Pháp hết sức run sợ và thán phục Ông Lãnh-Qui.

Ngày 14/12/1888, Ông Đốc Lãng đã đụng cỏ với Lãnh binh Hassan tại làng Phú tịnh, khiến Hassan phải cầu cứu bọn ở t nh ly Hel dương gởi viện quân tiếp cứu.

Mặc dầu hãy còn bị đau và băng bó khắp đầu, Lãnh oinh Gaudel lúc bấy giờ đang điều trị ở tỉnh, cũng quyết chí phục thù Nghĩa quân và tình nguyện đi tiếp cứu cùng với Vinadel và 50 tên lính khố xanh khác. Đến 8 giờ thì viện quân của Pháp đến, nhưng vẫn núng thế, nên chúng lại phải kêu thêm viện binh. Lần này lãnh binh Boyer, tạm thay Gaudel tại đồn Yên Phòng, và Lãnh binh Marlier ở đồn núi Voi (Hải Phòng) cũng mang quân đến tiếp lực...

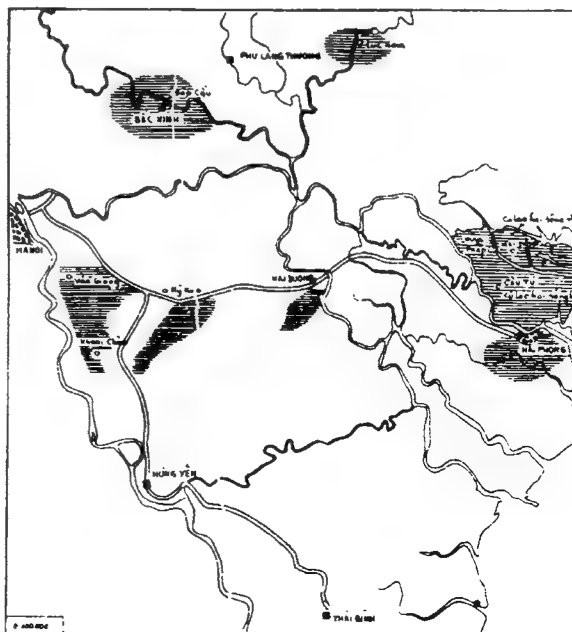
Rút kinh nghiệm, quân Pháp dùng mưu mẹo cố keo dài trận chiến, để chờ cho Nghĩa quân bắn hết đạn mới xung phong vào làng. Kết quả Nghĩa quân mắc mưu chúng và Boyer xua quân xung phong vào làng dưới sự yểm trợ của Marlier, đánh tan quân sĩ của Ông Đốc Lãng vào lúc xế chiều.

Sang đầu năm 1889, để đối phó với các hoạt động càng ngày càng khẩn trương của Nghĩa quân và để "trả thù" vụ tên phản quốc Hoàng Cao Khải bị bắt hụt, Lãnh binh (thượng sỹ) Ney, 01 tên Thương biện, 4 tên thân binh, 22 tên khố xanh bị Nghĩa quân tàn sát, Thống Sứ Parreau một mặt cho lập một hệ thống đồn bót dày đặc, có đủ thứ tây trắng, tây đen, Mán, Mường, Mọi và Việt gian, v.v... trấn giữ, mặt khác, tập trung các đơn vị lấy danh hiệu là " đoàn bình định " gồm có 600 lính khố xanh, 800 lính lệ, một số xà-lúp võ trang của quan thuế, vài pháo hạm của Hải quân, dưới quyền chỉ huy của Giám binh (Trung Úy) Blanchard, rồi Laune, cho núp dưới danh hiệu Tiểu phủ sứ mà cái triều đình tôi mọi của quân cướp nước ở Huế phong cho tên phản quốc Hoàng Cao Khải, để "trừng phạt" 28 làng mà Nghĩa-quân dùng làm căn cứ kháng chiến...

Mở đầu cho chiến dịch này, ngày 08/02/1889, là việc một mặt quân Pháp và bọn bán nước ra sức chém giết đồng bào vô tội, kể cả đàn bà con nít và xử tử 2 người cháu của cụ Tán Thuật, mặt khác, quân thù sai tên Hoàng Cao Khải nhân danh triều đình Huế, lúc bấy giờ do Đồng Khánh đứng đầu, viết thư cho lãnh tụ Bãi Sậy, để xin về hợp tác và hứa sẽ khôi phục lại chức tước quyền uy của Nguyễn Tướng quân. Đề nghị của tên khuyển mã này bị cụ Tán Thuật phê mấy chữ "Bất khẳng thụ chỉ" và tiếp tục kháng chiến.

Dưới đây là bản tóm lược "Nhật ký hành quân" của quân Pháp đăng trong "Công báo đông dương" từ tháng 5 đến tháng 9/1889:

- Ngày 20/3/1889, cánh quân Phù đổng:



Bản đồ tổng quát các khu vực hoạt động của Nghĩa - Quân Bãi - Sậy

Quân Pháp đụng độ với 200 Nghĩa quân ở Hoàng Trạch do các Ông Đốc Sủng, Lãnh Qúi, Lãnh Mỹ, Lãnh Vàng, Đội Vinh chỉ huy. Nghĩa quân bị chết hay chết sau khi bị thương 6 người, đó là các Ông Tổng Qúi và 2 thuộc hạ, 2 người của Ông Lãnh Mỹ và 1 Ông Đội của ông Lãnh Vàng, tất cả đều chôn ở làng Thanh Khúc.

- Ngày 22/3/1889, vào lúc 16 giờ, quân Pháp và bọn bán nước đụng độ với Nghĩa quân tại 3 làng Mẫn Xá, Quan định, Quan Đo thuộc huyện Đông Khê, Phủ Từ sơn, Nghĩa quân phải rút vào trong làng cố thủ, quân Pháp phải kêu viên binh ở Bắc ninh đến để bao vây và dự trù đến tối khi viên binh đến thì thanh toán các vị trí của Nghĩa-quân. Nhưng mặc dầu vậy, Nghĩa quân cũng rút hết sang làng Thư Lâm và quân Pháp không dám truy kích nữa. Trong trận này Nghĩa quân có vài người chết, phía quân Pháp có 1 tên khố xanh thuộc đồn Phủ Từ Sơn chết, 1 Tùy phái (ở Phủ Từ sơn) bị thương.

Đêm 24/3/1889, vào lúc 22 giờ, các ông Lãnh Bằng, Lãnh Phong và Lãnh Bảy chỉ huy 300 Nghĩa quân tấn công vào vị trí đóng quân đêm của quân Pháp và bọn phản quốc ở Chùa làng Phùng Lâm; cánh quân này gồm 109 tên lính, do 2 tên Lãnh binh Pháp chỉ huy, tên quan Án Hưng Yên và một vài thuộc hạ của hắn đi từ Bần Yên Nhân đến Phùng Lâm và một toán khác do Lãnh binh Đồn trưởng Đào Xá chỉ huy 30 tên lính, từ Đào Xá đến Phùng Lâm; toán sau nầy đến phối hợp với cánh trước và cũng đóng quân đêm ở chùa Phùng Lâm .Kết qủa Pháp có 3 tên chết tại trận, 2 bị thương; Nghĩa quân vô sự và rút sang lãnh thổ tỉnh Hải dương, sợ quân Pháp sau khi hoàn hồn sẽ phản công.

- Ngày 27/3/1889, tên quan Bố tay sai của Pháp ở Bắc Ninh, dừng quân ở làng Phù Lỗ, được tin Nghĩa quân đang trú đóng ở 2 làng Phi long và Đan tảo. Đến 3giờ sáng hôm sau, tên này mang quân đến trước làng Phi long, Nghĩa quân rút sang làng Đan tảo -Làng này được tổ chức thành "Làng chiến đấu" với những công sự, hệ thống giao thông hào, chông, bẫy.v.v... rất kiên cố- Quân bán nước liền chia ra từng toán nhỏ bao vây làng và sau một trận chiến ác liệt kéo dài từ 8 giờ đến 19 giờ, mà chúng chỉ phá được cổng làng, Nghĩa quân phải rút vào trong các ổ kháng cự cuối cùng trong các vườn tược và trong nhà Lý trưởng để tiếp tục bắn vào quân bán nước,cho đến đêm thì rút về làng Trà Mần. Nhưng giặc không đến truy kích nữa và rút lui vào lúc 23 giờ.

Kết qủa,bọn bán nước có một tên Phó quản tử thương, 1 Thân binh của Ông Đội Vân bị chết (lúc nầy Ông Vân đã về tạm hàng giặc - Sẽ nói tới vụ này ở dưới chót),Nghĩa quân có 1 người bị giặc bắt và bị xử tử, ngoài ra Nghĩa quân còn bị mất 3 súng trường, 1 súng lục, 1 kiếm, nhiều lao, mộc.v.v...

- Ngày 30/3/1889, tên quan Bố Bắc ninh lại mang quân đến tấn công Nghĩa quân ở làng Thư Lâm. Trận đánh kéo dài từ 10 giờ đến 19 giờ. Sau một trận chạm súng kịch liệt, quân bán nước chiếm được một nửa làng, Nghĩa quân núp ở các nhà trong nửa làng còn lại tiếp tục kháng cự, nhưng vì đêm đến giặc không dám tiếp tục tấn công nữa. Nghĩa quân rút về một làng ở huyện Đông Anh với một vài tổn thất. Về phía giặc, 3 khố xanh, 5 thân binh của tên quan Bố, 2 thân binh của Ông Đội Vân bị thương.

- Ngày 15/4/1889, vào lúc 23 giờ, Nghĩa quân tấn công vào một làng Việt gian ở gần đồn Cẩm Giang (làng Kim Quan) bị đồn này mang quân phản công. Kết qủa Nghĩa quân bị chết 9 người. Sở dĩ quân giặc dám tung quân ra phản công là vì trong đêm hôm đó, chúng nó tình cờ có 2 toán quân của 2 tên quan ngụy, mỗi toán 60 người, đi qua phải tạm đóng quân đêm ở trong đồn để ngày hôm sau tiếp tục đi...

- Ngày 17/4/1889, Giám binh (Thiếu Úy) Chiappini chỉ huy 100 tên lính dùng chiếc pháo thuyền "Bobillot" phối hợp cùng với một cánh quân lưu động của tỉnh Hải dương, càn quét làng Bảo trung thuộc huyện Gia Lộc. Kết qủa,giặc bắt mất Ông Quản Sum, Ông Lý trưởng làng này, 1 cấp chỉ huy khác của Nghĩa quân cùng tịch thu 1 khẩu Mauser và 1 thanh kiếm.

- Ngày 18/4/1889, Giám binh(Trung-Úy) Laune chỉ huy một cuộc hành quân phối hợp quân của đồn Bần Yên Nhân và Đông Mai càn quét làng Yên tập. Kết qủa,giặc phát hiện một công binh xưởng của Nghĩa quân và tịch thu nhiều khuôn đúc cơ bấm của súng trường kiểu 1874, nhiều bộ phận rời của súng này đang làm dở.v.v..

-Ngày 23/4/1889, tên quan Bố Bắc ninh báo tin cho Giám binh Laune biết khoảng 200

quân sĩ của Ông Đốc Tích đang trú đóng tại làng Cự Đình thuộc Phủ Thuận Thành. Lập tức quân Pháp mở cuộc hành quân hỗn hợp (cũng vẫn quân của 2 đồn Bần Yên Nhân và Đông Mai) càn quét làng nói trên theo thế gọng kềm; cánh thứ nhất do Lãnh binh Nicolas chỉ huy, vừa đến gần làng đã bị Nghĩa-quân "nghênh đón" bằng nhiều loạt đạn khiến chúng phải liều chết xung phong vào rìa làng, để chiếm điểm tựa và không dám tiến nữa; Cánh thứ hai do Lãnh binh Norman (đồn Bần Yên Nhân) chỉ huy mang quân đánh vào sau lưng Nghĩa quân và sau một giờ rưỡi giao tranh, Nghĩa quân bị đánh tan. Kết qủa, Nghĩa quân có 34 người chết, trong số đó có các Ông Lãnh Trạch, Lãnh Kiết, Lãnh Lộc. v.v... và bị giặc tịch thâu 3 súng trường, trong số có 1 súng trường kiểu 1874, 1 kiếm, 5 gói đạn 1874.

- Ngày 25/4/1889, một cấp chỉ huy của Nghĩa quân tên là Phạm Văn An về đầu hàng giặc, mang theo 30 súng trường, 3 súng lục, 39 kiếm, 1 loa, 4 cờ cùng với 93 quân-sĩ... Cùng ngày này, tên Bang Biện Lương Tây đã dẫn một cấp chỉ huy khác của Nghĩa quân tên là Nguyễn Văn Ay đến hàng "đoàn bình định" mang theo 2 súng Remington, 3 súng trường, 2 dao găm, 120 đạn Remington.

- Ngày 26/4/1889, Ông Tuần Văn mang 50 quân-sĩ cùng với 2 súng lục, 20 sung trường tối tân về hàng giặc ở đồn Đông Mai.

- Ngày 28/4/1889, phần lớn các toán Nghĩa quân đều đã hoặc hàng giặc, tan rã, hoặc chạy sang vùng hoạt-động của Ông Đốc Bình. Trong vùng Hải dương toàn quân của Ông Đốc Sung chỉ còn khoảng 50 người, luôn luôn phải lẩn trốn từ làng này sang làng khác. Ông Đốc Bản với 30 người và Ông Lãnh Bảy ở Phù Bình với 50 người, khi thì xuất hiện ở nơi này lúc thì có mặt ở nơi khác.

Trong tỉnh Hưng yên, Ông Đốc Tịch với 50 người, Ông Đốc Điền với khoảng 50 người, khi thì xuất hiện, lúc lại biến mất, không ở chỗ nào lâu qúa 24 giờ . Sau hết, sau nhiều ngày hành quân về phía đông của quân Pháp, lợi dụng lúc chúng mệt mỏi, Ông Đốc Tích rút quân về đóng ở vùng sông Gia và sông Đá Bạch tập họp thêm các toán quân Tàu không chịu về nước, ở trong vùng Đông triều và Cát bà và các toán quân của Ông Lãnh Qui và Đốc Lang. Quân Pháp liền áp dụng chiến thuật chia cắt và thiết lập một hệ thống đồn bót trong vùng để một là buộc Nghĩa quân đầu hàng hoặc dồn về vùng Cù lao Hai Sông, sào huyệt cố hữu của Ông Đốc Tích. Kết qủa quân Pháp đạt được ý định, Nghĩa quân phải tập trung về Cù lao Hai Sông và sau đó vào tháng 7 chúng dốc toàn lực vào việc thanh toán căn cứ cuối cùng này(sẽ nói ở dưới). Một đồn được quân giặc thiết lập ở Cầu Đất do một Lãnh binh Pháp và 83 khố xanh trấn giữ.

- Ngày 02/5/1889, nhằm mục đích bảo đảm an ninh cho các làng đã thần phục, hàng đêm (vào lúc 21 giờ), giặc đều cử 1 Lãnh binh và 50 lính, khi nằm ở làng này, lúc làng khác, nhưng luôn luôn thay đổi quy luật và bất ngờ. Trong đêm 2 rạng ngày 3/5/1889, vào lúc 22 giờ, bọn giặc âm thầm vào nằm trong một nhà ở làng Bình Quang, huyện Cẩmgiang. Đến nửa đêm, một toán Nghĩa quân trang bị vài khẩu súng cũ, gươm, dáo v.v... bắn thị oai vài phát rồi đột nhập vào làng. Tên Lãnh binh chỉ huy liền chia lính của nó làm 3: 2 toán lặng lẽ đến giữ 2 cổng làng, toán thứ 3 do đích thân nó chỉ huy, đi khám xét từng nhà một. Nhiều Nghĩa quân bị chúng dùng lưỡi lê đâm chết, 3 Nghĩa quân bị bắt cùng với 1 súng, 1 gươm và nhiều mác...

- Ngày 06/5/1889, Ông Lãnh Quảng mang 12 Nghĩa quân đến đồn Cầu Đất đầu hàng mang theo 3 súng trường (2 khẩu kiểu 1874), 1 súng lục, 3 kiếm, 80 viên đạn súng trường kiểu 1874.

- Ngày 09/5/1889, Ông Đốc Qúi cùng với Ông Đốc Lập, Lãnh Ban, Lãnh Huề cùng với 6 cấp chỉ huy khác và 60 Nghĩa quân mang theo 43 súng trường (trong số 31 súng trường kiểu 1874), 8 súng lục, nhiều gươm và cờ, về đồn Yên Phòng đầu hàng -Trong lúc này 1 phụ tá của Ông Lãnh Qúi là Ông Lãnh Hạt đang ở Hải dương, cũng được Ông báo tin và Ông này cũng đồng ý đầu hàng và xin đến Yên Phòng. Quân Pháp đã đồng ý cho Ông mang theo các thuộc hạ cùng súng ống đi qua các đồn của chúng để đến Yên Phòng.

- Ngày 26/5/1889, Ông Lãnh Lộ mang 40 Nghĩa quân cùng với 13 súng trường (trong số có 6 khẩu kiểu 1874, 1 Remington), 2 kiếm, 2 súng lục, 145 viên đạn, 1 cái kích, 14 mã tấu, 4 lao có buộc cờ, đi quy thuận giặc Pháp.

- Trong đêm 8 rạng ngày 9/6/1889, vào lúc mờ sáng , Lãnh binh Vincilioni đem 100

linh khố xanh bao vây và càn quét 3 làng Yên thành, Vân Lai và An Cường cách đồn Kẻ Sặt khoảng 1 cây số. Kết qủa Nghĩa quân phải dấu vũ khí chạy trốn hoặc rút lui , khoảng 10 Nghĩa quân bị giết, 7 súng trường, 3 kiếm, 7 mã tấu, 1 khiên, 1 lưỡi lê, 5 gói đạn bị giặc tịch thu. Ngoài ra tên quan tay sai của giặc dự trận đánh, đã cướp của đồng bào 12 con trâu mang về đồn Bần Yên Nhân. Ngoài ra chúng còn khám phá được 1 Công binh xưởng của Nghĩa-quân với rất nhiều súng đang làm và bộ phận rời.

- Ngày 27/6/1889, trong bản trận liệt của quân Pháp có ghi đầy đủ tin tức về tình trạng quân số của Nghĩa quân như sau:

- Quân Tàu	: 380 người
- Tại Mai an	: 76 người
- Cận vệ cụ Tham-Tán	: 11 người
- Cận vệ Ông Đốc Tích (Đốc Thuận, Quản Xuyến, Quản Huỳnh, Quản Y, Phó Đề Đốc Lãng)	: 47 người
- Tại Niệm sơn	: 43 người
- Tại Pháp cổ	: 72 người
- Tại Doãn-Lai	: 77 người
- Tại Vũ-lao	: 27 người
- Tại Phượng sơn	: 25 người
- Tại Phi liệt	: 15 người
- Tại Viễn Khê	: 18 người
- Tại Phú Lưu	: 15 người
- Tại Ngọc khê	: 18 người
- Trên những con kinh nhỏ (6 thuyền)	: 44 người

Tổng cộng khoảng	1.100 người.

(trong đó một phần được trang bị đầy đủ)

- Ngày 05/7/1889, Nghĩa quân xuất hiện ở các làng gần đồn Hà Xá. Lập tức quân ở trong đồn này phối hợp với quân của đồn Đào Xá đến bao vây và càn quét. Kết qủa Ông Lãnh Mỹ bị 1 tên lính thuộc đồn Đào Xa bắn bị thương và bị tên này đuổi bắt ráo riết, Ông rút súng bắn lại nó, thì bị Đồn trưởng Đào Xá là Lãnh binh (thương sĩ) Samarin chụp bắt được và giao cho tên Hoàng Cao Khải.

- Ngày 09/7/1889, một vài Nghĩa quân xuất hiện ở làng Thanh Đang, cách đồn Đồng Mai 4 cây số, bị Lãnh binh (thương sĩ)Chauveau mang 25 khố xanh đến truy lùng. Khi quân Pháp vừa đến đầu làng, thì Nghĩa quân núp sau rặng tre bắn vài phát; Chauveau bị thương vào vai và 1 tên khố xanh bị thương vào cánh tay phải, rồi Nghĩa quân rút lui.

GIAI ĐOẠN I.

QUÂN PHÁP ĐỔ BỘ LÊN CÙ LAO HAI SÔNG LỚN

- Ngày 14/7/1889, quân Pháp dồn mọi nỗ lực vào cuộc hành quân Cù lao Hai Sông lớn.

- Ngày 15/7/1889, quân Pháp dùng các pháo hạm cho đổ bộ cùng một lúc lên các làng: Niệm sơn, Pháp cổ, Việt khê và Cầu Tử. Bị đánh cả 4 mặt một lúc, Nghĩa quân sau vài loạt súng trao đổi với quân Pháp, đã rút lui vào đóng trong các núi ở khu lòng chảo Trại Sơn. Một vài người không rút kịp đã bị bắt, trong số đó có Ông Đốc Bình và 1 khẩu súng trường kiểu 1874 bị chúng tịch thu.

Ngoài ra trong lúc các pháo hạm và xà lúp bỏ neo, cấp chỉ huy Pháp ở trên tàu đã cho quân đi cướp và tập trung tất cả thuyền bè bất kể của dân hay của Nghĩa quân về đồn Yên lưu. Có những thuyền có thể chở được trên 150 người, có những thuyền chứa đầy giáo mác.v.v...

Về phía quân Pháp, một vài tên bị say nắng, trong số có Lãnh binh Wirth phải mang đi nhà thương Hải dương và Lãnh binh Comtesse bị ngất xỉu trên 2 giờ đồng hồ.

- Ngày 16/7/1889, quân Pháp tập trung tại làng Doãn Lai, gần các núi đá, ở khu lòng chảo Trại Sơn. Nghĩa quân núp ở trên núi bắn bia vào quân địch rất chính xác, làm cho chúng phải liều chết xua quân xông lên đánh cận chiến với Nghĩa quân, dưới sự yểm trợ của 2 pháo hạm Berthe de Villers và Moulun. Trận chiến kéo dài đến tối mới ngưng và hai bên cũng bị thiệt hại cả; quân Pháp có 2 chết, 4 bị thương; về phía Nghĩa-quân ông Lãnh Quí 8 bị thương, 2 chết, Ông Lãnh Bảy bị thương vào vai, Ông Lãnh Im có 1 chết, 1 bị thương.

- Ngày 17/7/1889, vào lúc rạng đông, quân Pháp cho 1 toán đi tuần chiến vào các núi ở Pháp Cổ, nhưng Nghĩa quân đã rút về Trại sơn bị chúng trông thấy, dùng pháo hạm Moulun bắn theo.

Quân Pháp nhận thấy dãy núi này rất hiểm trở, cần phải nhiều ngày mới kiểm soát hết được. Chúng dự định một là dùng thuốc nổ phá một vài đường lên đỉnh, hai là bịt các lối vào các động.

- Ngày 18/7/1889, vì thời tiết xấu cuộc hành quân bị gián đoạn, các nhà cửa của quân Pháp xây cất tạm bị bão cuốn đi sạch, làm bị thương 1 tên khố xanh.

- Ngày 19/7/1889, quân Pháp được chiếc pháo hạm "Moulun" và chiếc xà lúp "Thái bình" canh chừng tại các con kinh Lỗ Sơn và Trại Sơn, cùng đặt các nút chặn ở các lối đi Trại Sơn và Pháp Cổ, đã cố sống cố chết trèo lên đỉnh Pháp Cổ để treo lá cờ tam tài lên đó. Sau 2 giờ hì hục, chúng đã đạt được ý định, mặc dầu Nghĩa quân núp trong các khe đá bắn sẻ làm cho chúng bị thương 3 tên. Trận bắn sẻ kéo dài đến tối buộc quân địch phải rút lui.

- Ngày 20/7/1889, Pháp huy động nhiều dân phu và dốc toàn lực vào việc làm 3 đồn ở làng Doãn-lại. Trong lúc làm đồn, Nghĩa quân đã từ xa (200 thước) bắn sẻ vào đám lính coi dân làm khiến cho tên bếp số quân 722 bị thương.

Đến đêm, Pháp cho một toán đi tuần chiến do tên đội khố xanh số 231 thuộc tỉnh Hải dương chỉ huy. Vì là người địa phương, tên này đã nhận diện và bắt được Ông Lãnh binh Đỗ Văn Sứt, người quê ở Pháp Cổ.

Cũng ngày trên, Lãnh binh Vincilioni chỉ huy một toán tuần chiến nhắm vào các làng Phi Liệt, Hạ Côi, Niệm Sơn, đã bắt được 1 Nghĩa quân tên là Bùi-Văn-Chính, người làng Hạ côi, nguyên là lính khố đỏ Bắc Kỳ thuộc Trung đoàn 4, Đại đội 2, số 53, giải ngũ ngày 11/5/1887 trong lúc ông này đang trốn. Chúng thấy ở vai ông có vết tím bầm, chứng tỏ rằng đã xử dụng súng để bắn vào chúng, nên giao cho bọn gian quan Việt Nam tra khảo và hạch hỏi. Kết qủa, ông Chính khai trong trận đụng độ ngày 16/7/1889, Ông Đốc Tích bị thiệt hại như sau: 18 người chết, 16 người bị trọng thương, nhiều người bị mảnh đá văng sứt mày sứt mặt. Ông Đốc Tích còn khoảng 250 người trong các núi ở Pháp Cổ. Cu Tan-Thuất đã rời khỏi Ông Đốc Tích và Đốc Lãng trong đêm 16 rạng ngày 17/7/1889.

Sau khi quân Pháp đã nắm khá đầy đủ về tình hình Nghĩa quân, đã cho thiết lập một hệ thống đồn bót dày đặc trong vùng hành quân. Ngoài ra, đêm nào cũng tung ra các cuộc tuần chiến liên tiếp giữa các đồn, còn các pháo thuyền và xà lúp thì tuần tiễu trên khắp các sông rạch trong vùng để triệt tiêu các hoạt động của Nghĩa quân.

Quân Pháp đã cho thám sát từ đỉnh núi một ở vùng Pháp cổ . Đến ngày 20/7/1889, thì chúng tìm được một ngọn núi chế ngự cả khu lòng chảo, có thể vào khu này mà không cần vào lối chính, đã được Nghĩa quân tổ chức công sự phòng thủ kiên cố. Ngay đêm 20, quân Pháp đã cho khoảng 50 thân binh chiếm đóng ngọn núi này.

- Ngày 22/7/1889, quân Pháp huy động 10 Trung đội khố xanh (không kể Trung đội thân binh đã đóng trên ngọn núi chế ngự cả khu lòng chảo vừa nói trên) bao vây và tấn công khu lòng chảo Pháp Cổ. Chúng dùng 8 Trung đội, mỗi Trung đội 50 tên, làm các nút chặn ở trên các ngọn núi chế ngự khu lòng chảo; 2 trung đội, mỗi trung đội 50 tên do các Lãnh binh Elleau và Ménard chỉ huy bọn thân binh đánh phá các ổ kháng cự của Nghĩa quân (chúng vừa tiến quân vừa phá các công sự). Nhưng Nghĩa quân đã rút hết để lại 2 súng trường, 2 súng lục, 21 nỏ, nhiều tên tẩm thuốc độc, 12 cái lao, đạn dược... Tiếp tục lục soát các hang động, quân Pháp tìm thấy trong một động nhiều vỏ đạn và dụng cụ để tái tạo đạn dược. Cũng tại động trên, Pháp tìm thấy các chỉ dấu cho thấy tin tức ghi nhận trong hàng ngũ Ông Đốc Tích có 2 người Âu châu tên là De Clausade và Martin là điều có thực. Những người này chuyên về việc tái tạo đạn dược và sửa chữa vũ khí.

- Ngày 23/7/1889, quân Pháp thám hiểm các động trong khu lòng chảo Trại Sơn và đã giải thoát được 5 người đàn bà can tội tiếp tay cho giặc bị Nghĩa quân bắt.

- Ngày 24/7/1889, do các tin tức thâu lượm được, quân Pháp bao vây và càn quét làng Trại Sơn. Chúng bắt tất cả đàn bà con trẻ lớn bé gồm 55 đàn ông, 63 đàn bà .v.v... ra trình diện tên Hoàng Cao Khải. Tên này, sau khi hạch hỏi, đã tha tất cả đàn bà trẻ con và vài ông già, còn bao nhiêu nhốt lại hết,

- Ngày 25/7/1889, một toán Nghĩa quân xuất hiện ở làng Phúc Lễ, huyện Thủy Nguyên,

cách xa Doãn-lại 40 cây số. Lập tức quân Pháp cử Lãnh binh Monpeyrat và 50 khố xanh dùng xà lúp đến bao vây và lục soát. Kết quả vì Nghĩa quân được báo động đã rút đi trước, quân giặc chỉ lục soát được có 1 khẩu súng lục.

- Ngày 26/7/1889, một cánh quân hùng hậu do Giám binh Laune đích thân chỉ huy, bao vây và tấn công động Bích Nội. Động này ở trong dãy núi đá lởm chởm ở phía bắc con kinh Lỗ Sơn nó rất rộng, có 3 lối ra vào: 1 về phía Lãng Nhâm, 1 về Lỗ Sơn và 1 ở phía trước kinh Pháp Cổ. Các lối đi vào động này rất hiểm trở; một mặt là cánh đồng lầy lội đến ngực, mặt khác, các lối đi tới thường là các khe ở giữa các mỏm đá nhọn rất khó di chuyển, vừa di chuyển vừa phải tìm lối và chặt cây phát cỏ mới đi được, mà theo báo cáo của tên phản quốc Hoàng Cao Khải có khoảng 100 Nghĩa quân trấn giữ.

Đứng trước các khó khăn gặp phải, Giám binh Laune hạ lệnh cho các toán quân phải tiến quân thận trọng không nổ súng, ngoại trừ trường hợp bị lộ. Mỗi toán quân đều có một số quân trừ bị lớn để yểm trợ và tham chiến khi tình hình đòi hỏi.

Cuộc tiến quân bắt đầu lúc 06 giờ sáng. Rất nhiều Nghĩa quân ẩn núp trong các công sự kiên cố đã nổ súng dữ dội mỗi lần quân địch tiến tới... Mặc dầu vậy, quân Pháp cũng tiến đến phòng tuyến thứ nhất và sửa soạn tiến tới nữa. Nhưng địch bị chặn lại bởi các Nghĩa quân đã rút lên các đỉnh cao và tiếp tục tác xạ vào chúng. Trời nắng gay gắt làm cho quân Pháp mệt mỏi, chúng chưa có cách nào để tiến lên các đỉnh, mà đường thì còn dài, khiến cho Giám binh Laune phải ra lệnh chiếm ngọn đồi chế ngự lối vào Pháp Cổ. Cuộc điều quân chưa đi đến đâu thì quân Pháp đã bị thiệt hại như sau: Lãnh binh Dominici trọng thương, 2 khố xanh chết, 7 khố xanh bị thương, 4 khố xanh khác bị thương nhẹ. Về phía Nghĩa quân có khoảng 10 người chết bỏ lại trong các múi đá, trong số đó có Ông Lãnh Quỳnh người làng Yên ninh, Ông Lãnh Đề người làng Cầu Tử và 5 nghĩa quân người làng Yên biên. Ngoài ra, quân Pháp còn tịch thu được của Nghĩa quân 10 súng trường, 4 cái lao và nhiều đạn dược.

- Cũng ngày 26/7/1889, Nghĩa quân xuất hiện tại các điểm quân Pháp tấn công rất đông, ước lượng khoảng 400 người giữ động Bích nội, trái với tin tức chúng có trước khiến cho tên Hoàng Cao Khải phải đề nghị với chủ của nó là Giám binh Laune thiết lập thêm một đồn ở Lỗ Sơn, một đồn ở Lãng Nhâm để chặn các lối ra vào Bích Nội, nhằm vây hãm Nghĩa quân lâu ngày.

- Ngày 27/7/1889, vì nhận thấy chiến thuật đã áp dụng qúa tổng quát mà không có trọng điểm, quân Pháp liền thay đổi chiến thuật và tập trung mũi nhọn vào các động Lãng Nhâm. Chúng cho thiết lập tạm thời 3 đồn ở các lối ra vào các động ở đây: 1 đồn ở Lỗ Sơn chặn lối ra của động Bích Nội, 1 đồn sẽ thiết lập ở Lãng Nhâm và kể cả đồn ở Pháp Cổ đã được thiết lập sau cuộc đụng độ ngày 26/7/1889. Cũng ngày trên, tên Hoàng Cao Khải đã chặn bắt 1 liên lạc viên của một lãnh tụ Nghĩa quân ở tỉnh Hưng Hóa, mang một thơ gởi cho Ông Đốc Tích, trong đó nói đại ý rằng nếu thất bại ở Cù lao Hai Sông thì mời Ông Tích rút về Hưng Hóa. Tên Khải bèn xử chém ngay liên lạc viên này. Ngoài ra cũng ngày trên, tên Khải mang hai cấp chỉ huy của Nghĩa quân là Quan Bố Tú và Xuất Đội Tá về làng Doãn Lại chém để uy hiếp tinh thần Nghĩa quân và đồng bào.

- Trong đêm 27 rạng ngày 28/7/1889, Ông Lãnh Phong bị Khải bắt trước đây đã vượt ngục.

- Ngày 28/7/1889, 1 Bang biện của Ông Đốc Tích tên là Chu Văn Lương mang 2 đội cùng với 7 người trong làng Pháp cổ và 2 súng trường tốt ra đầu hàng tên Hoàng Cao Khải. Cùng ngày, quân Pháp cử 1 toán 28 tên vừa thân binh và lính Khố xanh trở lại các động đã tuần chiến hôm trước để chứng tỏ sự hiện diện của chúng. Chúng vào các động không gặp kháng cự vì Nghĩa quân đã rút hết, một vài kho gạo của Nghĩa quân bị khám phá và bị đốt.

- Ngày 29/7/1889, mặc dầu quân Pháp đã trù liệu mọi biện pháp để cho Nghĩa quân không thể thoát được vòng vây; nhưng Ông Đốc Tích vẫn xử dụng các thuyền đan vượt sông Gia, sông Đá Bạch và sông Bằng Giang. Để chận đứng các cuộc thoát vây khác của Nghĩa quân, Giám binh Laune liền dùng chiếc xà lúp "Thái bình" để canh chừng chung quanh Cù lao (khoảng 50 cây số).

Cũng trong ngày 29/7/1889, chiếc xà lúp nói trên (Thái bình) bắt được 7 thuyền chở đầy

gạo từ huyện Đông Triều đến Cù lao Hai sông và 8 thuyền không đi trên Sông Gia, quân Pháp liền bắt tất cả mang về Pháp Cổ. Do sự kiện này mà Giám binh Laune cho rằng hai quan huyện Đông Triều và Thụy Nguyên đã thông đồng và tiếp tế cho Nghĩa quân, nên đã sai tên phản quốc Hoàng Cao Khải trừng phạt nặng hai quan huyện vừa nói, đồng thời triệt hạ Cù-lao Hai sông và cấm mọi thuyền bè lưu thông trên các con sông Gia, sông Đá Bạch và sông Đằng Giang.

- Ngày 30/7/1889, các Ông Lãnh Tuân người làng Yên Dương, huyện Yên Dương, gần Hải phòng, Ông Đốc Xuân và Quản Tây, người xã Kim hiền, huyện Đông triều, Ông Đội Lý người xã Liên Yên, huyện Đông Triều và 3 Nghĩa quân khác người huyện Thụy Nguyên về đầu hàng quân Pháp mang theo 6 súng trường, 1 súng lục, 2 kiếm cùng quân trang và đạn dược.

GIAI ĐOẠN II.

QUÂN PHÁP ĐỔ BỘ LÊN CÙ LAO HAI SÔNG NHỎ

Đến đây (cuối tháng 7/1889), cuộc hành quân vào cù lao Hai sông lớn của quân đội Pháp đã được coi như chấm dứt vì chúng đã đạt ý định là đánh tan các đơn vị tập trung lớn của Nghĩa-quân; tuy vậy, việc tiêu diệt các đơn vị nhỏ của Nghĩa-quân thật là dằng dai và hao tổn ở Cù lao nhỏ.

- Trong ngày 29/7/1889, Lãnh binh đồn trưởng Bần Yên Nhân phối hợp với các đồn Cẩm Giàng, Mỹ Hào và Đông Mai, đánh vào làng Tam Trạch, mà chúng mới được tin Nghĩa quân kéo đến trú đóng. Sau khi tấn công, Nghĩa quân rút khỏi làng và bố trí ở sau đê Kẻ sặt, quân Pháp liền dàn quân và xung phong lên đê, Nghĩa quân rút lui để lại 7 súng trường, 1 kiếm, 4 dây lưng đầy đạn.

- Ngày 31/7/1889, quân Pháp để ở Cù lao lớn, đối diện với Yên Lưu các đồn sau đây: Doãn lại 85 thân binh, 2 lãnh binh; Pháp cổ: 80 khố xanh, 2 lãnh binh; Lỗ sơn: 94 khố xanh, 2 lãnh binh. Các đồn này đều nằm ở phía có nhiều núi đá mà trước đây Ông Đốc Tích dùng làm sào huyệt, nó án ngữ các con đường vào các động Doãn Lại, Pháp Cổ và Lỗ Sơn (là các động đã bị quân Pháp kiểm soát) với nhiệm vụ chặn bắt tất cả những người ra vào...

Cũng tính đến ngày này, quân số của "đoàn binh định" giảm xuống còn 400 người, bởi vì quân Pháp đã để ở các đồn Bần Yên Nhân, Đông Mai, Hà Xá, Phú Thị 200 người; Doãn lại, Pháp Cổ, Lỗ Sơn, (đồn mới vừa nói trên) 300 người, còn bao nhiêu dùng vào việc đổ bộ lên Cù lao Hai Sông nhỏ.

- Ngày 01/8/1889, vào lúc rạng đông, quân Pháp chia làm hai cánh đổ bộ lên Cù lao 2 sông nhỏ: cánh thứ nhất dùng pháo hạm "Berthe de Villers" đổ bộ ở phía nam Cù lao; cánh thứ hai dùng chiếc "Sông cối" và "Thái bình" cùng chiếc xà lúp số 4 và một tàu buôn đổ bộ lên phía bắc Cù lao.

Cuộc đổ bộ không gặp kháng cự đáng kể nào, chỉ có vài Nghĩa quân vừa bắn vừa rút vào các động. Trong buổi chiều, quân Pháp tổ chức một cuộc tuần chiến mạnh vào các làng Thụy Khê, Kim Khê, Mai Động v.v... Chung chỉ thấy xuất hiện một vài Nghĩa quân, nên đi đến kết luận rằng có thể Nghĩa quân đã rút về phòng thủ trong các núi đá Mai-động.

- Ngày 02/8/1889, để kiểm chứng ước tính xem Nghĩa quân có rút về phòng thủ trong các núi đá nói trên không, Giám binh Laune và tên Hoàng Cao Khải đều đồng tình tung một toán tuần chiến gồm 200 tên khố xanh, 100 tên thân binh đi "thăm dò" Nghĩa quân. Chúng cho tuần theo ý niệm: 1 toán quân của đồn Thụy Khê làm nút chặn ở phía Bắc dãy núi, trong khi toán tuần chiến hành quân ở phía Nam, toán sau này được phân nhiệm như sau: Lãnh binh Vincilioni chỉ huy 75 khố xanh tiến dọc theo con đê tới bên phải các núi đá; Lãnh binh Soubran chỉ huy 75 khố xanh khác tiến dọc theo con đê tới bên trái các núi đá; Lãnh binh Ménard chỉ huy 50 khố xanh chặn phía bên phải dãy núi cánh sau này có nhiệm vụ nhắm bắn trấn áp các nơi nào ở trên các núi có Nghĩa quân bắn ra.

Cuộc hành quân bắt đầu và nó diễn tiến đúng theo kế hoạch. Nhưng khi quân Pháp và tay sai còn cách các núi độ 100 thước thì Nghĩa quân ở trong các núi đá bắn ra dữ dội. Quân Pháp và tay sai phải núp ở các bờ ruộng không dám tiến lên nữa. Cuộc chạm súng kéo dài 4 tiếng đồng hồ, thì Nghĩa quân bắt đầu rút lên đỉnh núi, một số khác rút về phía đằng sau núi (phía bắc) thì bị toán làm nút chặn của đồn Thụy

Khê bắn. Rồi phần thì nước thủy-triều đã dâng, phần thì trời qúa nóng bức và mặt khác lại ở vào cái thế bất lợi, nên quân Pháp buộc phải rút lui.

Kết qủa cuộc chạm súng, quân Pháp và tay sai có 13 khố xanh bị thương phải di tản về Quảng-Yên, không rõ thiệt hại của Nghĩa quân, nhưng theo quân Pháp thì "có thể là rất nặng".

- Trong đêm 02 rạng ngày 03/8/1889, để phòng ngừa Nghĩa-quân phản công, Giám-binh Laune cho lệnh chiếm đóng trên các đỉnh một ngọn đồi có thể kiểm soát được các vùng chung quanh và theo sự phối trí như sau : quân sĩ ngũ cạnh nhau theo đội hình tổ ong, đầu hướng ra phía ngoài, súng để ngang ngực, lính gác giặc ở cách phía trước 10 bước, có nhiệm vụ bắn khi có Nghĩa-quân xuất hiện và rút về phòng tuyến lập tức. Đến 1 giờ sáng 200 Nghĩa-quân đến bao vây và tấn-công thẳng vào ngọn đồi. Mở đầu tên lính gác giặc bắn 1 phát súng và hô "lấy súng" rồi ngã gục bởi 2 viên đạn xuyên qua ngực, Quân Pháp bắn trả loạn xạ. Giám binh Laune và các Lãnh-binh ngũ cách bọn thân binh và khố-xanh vài thước, liền tiến lên ngang với bọn sau này để chỉ-huy cuộc chống trả. Nghĩa-quân nằm bắn rất dữ dội vào quân địch. Giám-binh Laune bị 1 viên đạn xuyên qua đùi phải nhưng vẫn chỉ-huy cuộc chiến.

Tiếng súng của Nghĩa-quân thưa dần, Giám-binh Laune ra lệnh "lắp lưỡi lê", để đối phó với cuộc xung-phong có thể có của Nghĩa-quân. Nhưng tiếng súng của Nghĩa-quân vẫn tiếp tục giảm. Quân Pháp nghe thấy tiếng tù-và thu quân của Nghĩa-quân, rồi thì tiếng súng im hẳn, sau một tiếng rưỡi đồng hồ. Quân Pháp bị 6 khố-xanh chết, 3 khố-xanh bị thương nặng, 14 bị thương nhẹ, phần nhiều là vào tay, bởi vì trong lúc bị tấn công, chúng chống trả ở thế nằm và vài khẩu súng bị gãy báng.

Sáng sớm hôm sau quân Pháp cho đi quan sát chiến trường, thu được 4 súng trường kiểu 1874, 4 súng lục, nhiều nịt đạn, kiếm.v.v... Theo quân Pháp "căn cứ vào vết máu để lại, thì Nghĩa-quân đã bị thiệt hại nặng".

Giám-binh Laune trao quyền chỉ-huy "đoàn binh-định" lại cho Lãnh-binh Vincilioni là người thâm niên hơn cả, các người bị thương cho di tản về Hải-phòng.

- Ngày 03/8/1889, quân Pháp dùng pháo hạm "Berthe de Villers" pháo kích vào các nơi tình nghi là có Nghĩa-quân; các đồn bót được củng cố để có thể đối phó với mọi bất trắc. Đồn Lỗ-Sơn phải rút bỏ để tập trung vào đồn Mai-Động bằng Xà-Lúp. Sự tăng cường này nhằm thiết lập một đồn thứ ba quanh dãy núi do Nghĩa-quân trấn giữ.

- Ngày 04/8/1889, vào lúc 5 giờ sáng, một Nghĩa-quân mang 1 thơ của Ông Đốc Tích đến trình diện tên phản quốc Hoàng-Cao-Khải. Trong thơ Ông Tích nói rằng 1 tháng nữa sẽ ra quy thuận. Khải chối từ. Đến chiều, để làm tin cho đề nghị này, Ông Đốc Tích còn cử chú mình cùng 10 Nghĩa-quân võ trang đến trình diện tên Việt-gian,. Nhưng cũng bị nó không những gạt bỏ mà còn báo tin cho Ông Đốc Tích hay rằng các cuộc hành quân nhằm tiêu diệt Nghĩa-quân sẽ lại tiếp tục từ sáng ngày hôm sau...

- Ngày 05/8/1889, vào sáng sớm, Ông Đốc Tích lại gởi 1 Nghĩa-quân khác đến xin giảm thời hạn quy thuận xuống còn 15 ngày. Đề nghị này lại một lần nữa bị tên Việt-gian ác ôn này cự tuyệt. Rồi nó còn cho 2 chiếc pháo hạm "Berthe de Villers" và "Moulun" tiếp tục bắn phá các vị trí của Nghĩa-quân ở trên các núi đá.

Sau hai giờ pháo kích, Ông Đốc Tích đề nghị ngưng bắn để ông gởi một đề nghị mới khác. Đề nghị này được Hoàng-Cao-Khải ưng thuận. Tiếng súng ngưng nổ. Ông Đốc Tích báo tin là sáng ngày hôm sau chú Ông và 30 Nghĩa-quân võ trang sẽ mang đề nghị tới.

Hoàng-Cao-Khải liền cho lệnh tạm ngưng các cuộc hành quân. Đồn Pháp-cổ rút về Mai-động để thiết lập thêm một đồn thứ tư nữa. Ngoài ra, một đồn thứ năm nữa cũng được xây-dựng trên một ngọn đồi chế ngự cánh đồng ở giữa đồn Mai-động và đồn sông Gia-bạc. Các xà lúp võ trang và các pháo hạm canh chừng suốt đêm. Một vài ghe thuyền toan thoát vây đều bị bắn chìm.

- Ngày 06/8/1889, vào lúc 11 giờ 30, Ông Đốc Tích gọi 37 người, chú Ông và Lãnh binh

Trần Đức Phong mang theo 28 súng trường, 2 súng lục, 4 kiếm và nhiều mã tấu ra trình diện Hoàng-Cao-Khải.

Theo các tin tức thâu lượm thì quân Pháp biết được 2 người Âu trong hàng ngũ Ông Đốc Tích đã chết 1 trong trận đụng độ ngày 2/8/1889, người còn lại sẽ trình diện vào buổi chiều. Ngoài ra, quân Pháp cũng được tin Ông Lãnh Đạo tỉnh Hưng yên, đã chết trong trận tấn công đêm 02, rạng ngày 03/8/1889...

- Ngày 07/8/1889, người Âu tên là Martin, nguyên thuộc tiểu đoàn Phi châu chạy sang hàng ngũ Nghĩa quân đã về trình diện vào buổi chiều.

- Ngày 08/8/1889, ông Martin đã bị giải giao cho Hiến binh ở Hải phòng.

- Ngày 9 và 10/8/1889, đồn Mai động được dời lên một ngọn đồi cách xa làng này một quãng, để cho Nghĩa quân có thể tập trung dễ dàng.

- Ngày 11/8/1889, Quân sỹ của Ông Đốc Tích bắt đầu tập trung.

- Ngày 12/8/1889, Ông Đốc Tích và Đốc Lãng ra đầu hàng tên Hoàng Cao Khải được đưa lên chiếc "Tuyên Quang" để rồi trình diện Thống Sứ Bắc Kỳ. Hai Ông mang về 120 súng trường, 15 súng lục, trên 300 đạn.

Các đồn quân đều được rút bỏ và tập trung ở Phú Lựu. Quân sĩ của Ông Đốc Tích và Đốc Lãng bị tước khí giới ngay vào buổi chiều.

- Ngày 13/8/1889 "đoàn bình định" trở về đồn Yên Lưu. Đến trưa, các cánh quân thuộc Ninh bình và Nam định cũng như các Nghĩa quân đều được hai pháo hạm "Berthe de Villers" và "Moulun" chở về Hải Phòng. Số quân sĩ còn lại, dưới quyền chỉ huy của Lãnh binh Feisthamel trở về Hải dương ngày hôm sau bằng đường bộ.

Ông Đốc Tích hẹn trong 5 ngày sẽ mang trình diện người Âu, mà hôm trước ông nói là đã chết, tên là Clausade, tại đồn Yên lựu và người này sẽ được mang về Hải dương.

- Ngày 15/8/1889, hai chiếc "Berthe de Villers" và "Moulun" chở nốt 2 cánh quân Nam định và Ninh bình.

"Đoàn bình định" đã trở về đến Hải dương vào lúc 8 giờ sáng. Như vậy, các cấp chỉ huy cao cấp của cụ Tham tán hoặc đã hy sinh, hoặc đã lần lượt quy thuận quân Pháp mở đầu là Ông Lãnh Khoát, rồi đến Ông Lãnh Qúi, Lãnh Hứa, Thông An và sau chót là các Ông Đốc Tích và Đốc Lãng. Chỉ còn Ông Hai KẾ là em và Ông Nguyễn Thiện Tuyển (cả Tuyển) là con cụ Tham Tán và Ông Đốc Sung tiếp tục chiến đấu...

Giải quyết xong "vụ Cù lao Hai sông" và đang ra sức trấn áp các hoạt động khác của Nghĩa quân tại các nơi còn lại khác thuộc các tỉnh Hưng yên và Bắc ninh... chưa xong, thì quân Pháp lại điên đầu về việc ngày 17/9/1889 Ông Đội Văn lại cùng với các Ông Lãnh Giới, Lãnh Bảy, Lãnh Thịnh mang 500 quân ly khai, vượt sông Đuống sang nhập với Nghĩa quân Yên Thế để tiếp tục cuộc chiến...Trước sự bất ngờ này, quân Pháp phải dùng hai cánh quân của các Thiếu Tá Piquet và Dumont phối hợp với "đoàn bình định" hành quân tiêu diệt...

Ly khai được hơn 1 tháng rưỡi và mới đụng độ với quân Pháp được vài trận mà cả hai bên đều thiệt hại, thì chẳng may ông Đốc Văn bị trọng bệnh không thể tiếp tục theo đuổi và điều khiển Nghĩa quân được, đành nhờ một Linh Mục người Tây Ban nha hướng dẫn ra quy hàng không điều kiện tên khát máu Hoàng Cao Khải vào ngày 31/10/1889. Mặc dầu vậy, tên Khải cũng đã nhẫn tâm theo lệnh quan thầy Pháp của nó mang Ông Đội Văn ra trước công trường Paul Bert (ở giữa Tòa Thị chính và Bưu Điện Hà nội) chém đầu vào ngày 07/11/1889.

Cũng trong khoảng thời gian này, thời gian Ông Đốc Tích về đầu hàng, Chủ Tướng Nguyễn Thiện Thuật thấy đại thế đã đổ vỡ, lại một lần nữa trở sang Tàu để mưu đại sự. Nhưng bất thành, Cụ lên nương náu ở Nam Ninh và chết già ở đó (1). Hiện nay, ở cách phía tây ngoại ô thành này 2 dặm, còn ngôi mộ của cụ với tấm bia "Việt Nam cố Tướng quân Nguyễn Tông chi mộ".

---

(1) Một tài liệu có nói vào năm 1915, người Đức có giúp cho Quang-Phục-Hội một vạn đồng. Số tiền này Quang-Phục-Hội chia cho Cụ một phần để từ Đông Hưng đánh vào Mong-Cai. Nhưng không thấy nói đến các chi tiết, nên chúng tôi chưa đề cập tới.

Một điểm cần nhấn mạnh là chẳng những một mình quan Tham Tán hiến trọn đời mình cho dân cho nước, mà cả gia đình cụ đều hy sinh như: Ông Lãnh Giang là em cụ tử trận, hai cháu cụ bị tên phản quốc Hoàng Cao Khải xử tử, các con của cụ là Nguyễn Thiện Tuyển, Nguyễn Thiện Thường, kẻ chết chém người tử trận (1)... Thâm chí giặc còn dở trò đốn mạt là dò xét xem phần mộ của song thân cụ để định đào lên đổ xuống sông. Nhưng nhân dân không ai chỉ cho chúng... Khi cụ trở lại Tàu lần thứ hai, có mang theo người con trai nhỏ còn lại, tên là Nguyễn-Giản-Khanh, gởi Ông này cho Tướng Lưu Vĩnh Phúc, nguyên là Tư Lệnh Lực Lượng Cờ đen, đã từng giúp cụ kháng chiến - lúc này đang làm Thống Đốc Đài loan - để nhờ dìu dắt và kỳ vọng ở Ông này, trong tương lai sẽ tiếp tục công cuộc kháng chiến còn dở dang của mình. Ông Nguyễn-Giản-Khanh được đào tạo và sau được phong chức Quản đới (ngang với chức Thiếu-Tá) và là Chỉ Huy Trưởng Hộ Vệ quân của Thống Đốc Lưu Vĩnh Phúc. Cụ Khanh ở Đài Loan lấy vợ Tàu và sinh được 3 người con trai : người thứ nhất là Nguyễn Chấn Nam, tốt nghiệp khóa 6 Hoàng Phố, đã làm đến chức Đại-Tá trong quân đội Trung-Hoa Quốc Gia năm 1949, người thứ hai là Nguyễn Chấn Á, tốt nghiệp khóa 2 Hoàng Phố, năm 1949 là Thiếu Tướng Tham Mưu Phó cho Bộ Tư Lệnh Phòng vệ Quảng Châu (bên Tàu), hiện nay đã trở về Việt Nam và làm Cố Vấn cho Cục Chính Huấn thuộc Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị QLVNCH; người thứ ba là Nguyễn Chấn Hoa, tốt nghiệp khóa 9 Hoàng Phố, năm 1949 cũng làm Đại Tá trong quân Đội Trung Hoa Quốc Gia, hiện Ông này và Ông Nam đã bị thất tung. Thật là một gia đình phải được mọi người chúng ta nhìn vào...

Riêng về trường hợp của Ông Đốc Tích, thì sau khi ra hàng, Ông bị quân Pháp đày sang thành Alger bên Algérie.

Cuộc vùng dậy Bãi Sậy đến đây như vậy là chấm dứt, nhưng linh hồn Bãi sậy còn sống mãi trong sử xanh Việt Nam. Các toán Nghĩa quân khác còn lại vẫn còn hoạt động lẻ tẻ hay gia nhập các phong trào kháng chiến khác.



2. – Cuộc vùng dậy Hương-Khê 1895).

Hương Khê là một cuộc vùng dậy kéo dài gần 11 năm, từ khi bắt đầu cho đến khi chấm dứt phong trào Văn-Thân.

Linh hồn của nó là quan Đình-Nguyên Phan-Đình-Phùng.

Vào cuối năm 1885, sau khi gặp Vua Hàm-Nghi và Ông Tôn-Thất-Thuyết chạy ra vùng Nghệ-Tĩnh, sau vụ thất bại trong trận đánh úp quân Pháp ở Huế đêm 4 rạng ngày 05-7-1885, quan Đình-Nguyên bèn đứng lên hô hào kháng chiến, mặc dù trước đó dưới đời Dục-Đức, Cụ đã phản đối Ông Thuyết về việc truất phế Dục-Đức, bị Ông Thuyết cách chức đuổi về quê... và bây giờ Cụ chỉ biết Tổ-Quốc mà thôi.



PHAN - ĐÌNH - PHÙNG

Sỹ dân nhiều người ứng nghĩa và gia nhập "Hương-Sơn Nghĩa-Hội"... Trong số ứng nghĩa có Ông Cao-Thắng là một người trẻ tuổi mà tài cao và có thể nói Ông là cột trụ của Hương-Khê.

Cuộc vùng dậy tuy gọi là Hương-Khê, nhưng địa bàn hoạt động của Nghĩa-quân bao trùm 4

---

(1) Ông Nguyễn Thiện Tuyển (cả Tuyển) sau khi thất trận Bãi Sậy đã sang gia nhập cuộc vùng dậy Yên-Thế và đã bị bắt trong lúc bị thương trong trận núi Hàm Lợn ngày 15.3.1909, sau bị giặc xử tử (xin xem thêm cuộc vùng dậy Yên-Thế).

tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh, Bình. Căn cứ chính của Nghĩa quân được thiết lập giữa rừng Nghệ-An và Hà-Tĩnh có thế hiểm trở, bí mật mà trước kia hai nhà Trần-Lê đã dùng làm căn cứ chống quân Nguyên, Minh. Về phía Đông có núi Thiên-nhẫn, phía Bắc là Sơn-Xuyên vùng Thanh-Hóa, phía nam là dãy Trường Vạt chạy đến dãy Hoành Sơn, phía tây là dãy Trường- Sơn (còn gọi là núi Giăng-Màn). Lưu vực Sông Lam gồm có các chi lưu Ngàn-phố (Hương Sơn) và Ngàn Sâu (Hương-Khê). Tiến vào phía nam là sông Tuyên Hóa (Quảng-Bình) có thể tiến đến Quảng-Trị, Thừa-Thiên; mặt khác, có thể tiến thẳng từ Thanh-Hóa ra Hòa-Bình (Bắc-Kỳ).

Tổng Hành-Dinh đặt tại khu Ngàn Trươi có dãy núi tên là Vụ-Quang thuộc Hương-Sơn, có 3 con đường độc đạo, một thông sang Lào và Xiêm, một ra Hà-Tĩnh và 1 qua núi Đại-Hàm. Kẻ lạ vào vùng này có thể bị sa lầy đến ngang bụng. Nghĩa quân thiết lập một tập đoàn cứ điểm rải rác từ chân núi Vụ-Quang đến núi Trùng-Khê, Trí-khê, dài gần một trăm dặm và hầu hết các cứ điểm đều dựa vào rừng núi, sông ngòi, vừa tiện về mặt chiến đấu, vừa thuận về mặt tiếp-vận.

Trong giai đoạn đầu, Nghĩa-quân Hương-Khê chưa thể chống nổi các cuộc càn quét của địch, phải lui về làng Phùng-Công, huyện Hương Sơn, Sau phải rút về rừng núi và gần như bị tan rã.

Riêng anh cụ Phan là Phan đình Thông thì lúc này rút về Thanh Chương (Nghệ-An), bị tên thủ hạ Nguyễn Sử chỉ dẫn cho bọn khố xanh bắt trong lúc đang ngủ, rồi bị giải về tỉnh Nghệ hạ ngục.

Lợi dụng cơ hội này, Tiễu phủ sứ tay sai giặc là Lê Kính-Hạp, nguyên trước là bạn thân với cụ Phan, liền viết một thư chiêu dụ cụ về hàng giặc. Đại ý nói rằng cụ cần phải về để lo thờ phượng Tổ Tiên, tu sửa mồ mả và cứu ông anh.

Nhận thư, cụ Phan chỉ cười và nói rằng : "... Tôi chỉ có một ngôi mộ rất to, nên giữ, là đất Việt Nam; Tôi chỉ có một ông anh rất to là cả mấy mươi triệu đồng bào. Nếu về mà sửa sang phần mộ của mình thì ngôi mộ cả nước kia ai giữ? Về để cứu vớt ông anh của mình thì bao nhiêu anh em trong nước ai cứu? Tôi thề chỉ có một cái chết mà thôi..."

Rồi cụ nhắn với kẻ đưa thư về nói lại với Lê-Kính-Hạp rằng "Nếu ai có làm thịt anh ta, thì nhớ gửi cho ta bát nước canh !"

Sang năm 1887, Cụ Phan phải ra Bắc kêu gọi sỹ dân Bắc-Kỳ. Trước khi lên đường, cụ giao quyền chỉ-huy cho Cao-Thắng và căn dặn các chiến sĩ phải bảo tồn sinh lực, tránh nôn nóng, để chờ cụ ra Bắc về rồi sẽ liệu. Ông Cao phải cho lui quân về Lê-động để chỉnh-huấn. Chính lúc này Ông đã vận dụng tối đa óc sáng tạo, để lo trang bị và cấp dưỡng cho Nghĩa-Quân.

Ông Cao nghĩ ra cách chế tạo súng theo lối tây phương và Ông trở nên một Kỹ-Sư quân khí đầu tiên của Việt-Nam. Ban đầu Ông đúc được 200 khẩu súng hỏa mai, mộ được 400 chiến hữu. Ông cho xử dụng thứ súng nổ chậm này rất khôn khéo : bắn luân phiên - một toán bắn thì một toán lắp đạn, toán này vừa bắn xong, trong thời gian nạp đạn, thì toán khác bắn, cứ như thế mà bắn vào quân thù, khiến chúng hết sức hoang mang...

Rồi nhờ trong một trận phục kích bằng đoản đao trên đường Nghệ-an - Hương-Sơn, Ông cướp được 17 khẩu súng tốt, 600 viên đạn và mấy ngàn bạc của quân giặc, sau khi đã giết được 2 lãnh binh Pháp và 15 tên lính của chúng. Ông liền cho thợ rèn ở hai làng Vân-Chàng và Trung-Lương (Huyện Can-Lộc tỉnh Hà-Tĩnh), lấy các súng này làm mẫu, tháo ra từng mảnh theo đúng kiểu mà làm. Công việc này gặp nhiều khó khăn vì thiếu nguyên-liệu và máy móc v.v... Tuy vậy, Ông cũng cho người sang Xiêm mua nguyên-liệu, cộng thêm nguyên liệu kiếm được tại chỗ và sau mấy tháng ròng rã, Ông đã đúc được 350 khẩu súng như hệt súng trường kiểu 1874 của quân cướp nước.

Khi cụ Đình-Nguyên ở Bắc về, thì lúc này cơ sở của Nghĩa-quân đã khá vững chắc trên cả hai phương diện tổ chức và trang bị. Nghĩa quân có khoảng 1.000 người và 500 khẩu súng tốt. Cấp chỉ huy có các Ông Đề Niên, Đề Vinh, Đề Đạt, Hiệp-Tuần, Nguyễn-Chánh, Lê-văn-Tạc, Phan-đình-Phong, Phan đình Cam.v.v...

Nghĩa quân chia khu vực hoạt động ra làm 15 Quân thứ (tức là Quân-Khu), Quân thứ đóng ở đâu thì lấy tên ở đó như dưới đây :

TÊN QUÂN - THỨ	TÊN ĐỊA - PHƯƠNG	TÊN CẤP CHỈ - HUY
1. *Khê - Thứ*	*— Huyện Hương - Khê*	*— Nguyễn - Thoại*
2. *Can - Thứ*	*— Huyện Can-Lộc*	*— Nguyễn-Trạch và Nguyễn-Dật*
3. *Lai - Thứ*	*— Tổng Lai-Trạch*	*— Phan-Đình-Nghinh*
4. *Bình - Thứ*	*— Tỉnh Quảng-Bình*	*— Nguyễn-Thu (Ông này là Tướng cũ của Tôn-Thất-Thuyết được Phan dùng, sau có lỗi bị chém)*
5. *Hương-Thứ*	*— Huyện Hương-Sơn*	*— Nguyễn-Huy-Giao*
6. *Diễn-Thứ*	*— Phủ Diễn-Châu*	*— Trần-Vinh*
7. *Anh-Thứ*	*— Phủ Anh-Sơn*	*— Nguyễn-Mậu (Ông này đậu phó bảng võ)*
8. *Nghi-Thứ*	*— Huyện Nghi-Xuân*	*— Ngô-Quảng*
9. *Lễ-Thứ*	*— Làng Trung-Lễ Phủ Đức-Thọ*	*— Nguyễn-Cấp*
10. *Cẩm-Thứ*	*— Huyện Cẩm-Khê*	*— Huỳnh-Bá-Xuyên*
11. *Thạch-Thứ*	*— Huyện Thạch-Hà*	*— Nguyễn-Thuận*
12. *Kỳ - Thứ*	*— Huyện Kỳ-Anh*	*— Vũ - phát (Ông này văn võ giỏi cả)*
13. *Lệ - Thứ*	*— Huyện Lệ-Thủy*	*— Nguyễn-Bí*
14. *Thanh-Thứ*	*— Tỉnh Thanh-Hóa*	*— Cầm-Bá-Thước*
15. *Diệm-Thứ*	*— Làng Tỉnh Diệm có núi Đại-Hàm*	*— Cao - Đạn.*

Số quân của mỗi quân-thứ lúc này nhiều hay ít tùy theo sự quan trọng của địa phương, nhưng thường là từ 100 đến 500 người (1), thường xuyên liên lạc với Bộ Tổng Chỉ-Huy để nhận mệnh lệnh và kế hoạch chiến đấu. Quân phục của nơi nào cũng giống nhau, được coi là quy củ. Bên Chủ Tướng họ Phan có một đội thân binh 20 người do Ông Nguyễn-Mục chỉ-huy. Xét việc phối trí lực lượng của Nghĩa-Quân, ta thấy từ Quảng-Bình ra Thanh-Hóa là cả một hệ thống quân-sự hỗ tương và ngoài các cứ điểm Nghĩa Quân lại còn có các toán lưu-động hoạt động, để đánh du kích vào quân cướp nước nữa.

Về vấn đề cấp dưỡng của quân sĩ cũng khá đầy đủ. Nhờ sự ủng hộ của dân chúng, nên quân thứ nào ở đâu, thì dân chúng ở đó cung ứng thóc gạo cho quân thứ ấy. Từ Vụ Quang lên Trí Khê, cứ vài dặm lại có một hầm chứa thóc... Và riêng tại Vụ-Quang thì có một số khá lớn thóc gạo.

Đến đây một biến cố vô cùng quan trọng xảy ra : Vua Hàm Nghi bị bắt.

Hồi 22 giờ đêm 1/11/1888, tên Trương-quang-Ngọc, một tù trưởng người Mường, theo phò giá vua Hàm-Nghi từ ngày nhà vua xuất bôn ra đây, vốn từ lâu đã có liên lạc với Pháp, đã đem 20 tráng đinh làng Thanh Lạng và Thanh Cước mang dáo mác cung tên v.v... đến vây nơi vua trú ngụ ở một thung lũng cách Ngã Hai vài giờ đi chân. Thấy động, Thống chế Nguyễn Thúy và con trai nhảy ra bị bọn phản quốc đâm chết, ông Tôn Thất Thiệp cũng cùng chung số phận. Chúng nhảy vào ôm vua Hàm Nghi trong lúc tay nhà vua đang còn cầm thanh kiếm, rồi võng về đồn Thanh Lạng giao cho Đại Úy Boulangier...

Tuy vậy, tinh thần của nghĩa quân Hương Khê nói riêng, và các Văn Thân khác nói chung vẫn không phải vì thế mà sút giảm. (Riêng về số phận tên Trương-quang Ngọc, xin xem hoạt động của Nghiã quân vào khoảng tháng 9/1893 dưới).

Sang năm 1889, mọi tổ chức của Nghĩa-quân đã tốt đẹp, tình thế lạc quan, tinh thần dân chúng 4 tỉnh Bắc, Trung Kỳ phấn khởi...

Thấy Nghĩa-Quân ngày càng có ảnh hưởng, quân cướp nước tìm đủ mọi cách không cho Nghĩa-Quân tràn xuống đồng bằng... Chúng xây dựng một vòng đai dày đặc các Đồn Bót, để triệt đường tiếp tế và hoạt động của Nghĩa Quân. Riêng tại Hương-Khê, giặc đã xây dựng tới 20 cái đồn, mỗi đồn có 30 lính. Mặt khác, chúng tung các toán thám sát đi sục sạo và tập trung lực lượng lại để càn quét... Từ giai đoạn này quân cướp

(1) Riêng tại Căn cứ Vụ-Quang lúc nào cũng có 500 tay súng giỏi.

nước áp dụng thủ đoạn "Dùng dê để giết dê" và ra sức tuyển mộ bọn Khố Xanh, Khố Đỏ, để đi càn quét.

Nghị-Định ngày 11-02-1886 của Trung-Tướng Warnet, và Nghị-Định ngày 06-08-1886, của toàn quyền Paul Bert, đã ấn định việc tổ chức các bọn nói trên, để đi chém giết đồng bào của chúng. Sau đó, các tổ chức Khố-xanh, Khố Đỏ được mọc lên như nấm. . . Đến tháng 11/1889 thì thương hội đồng Đông-Dương (của bọn cướp nước) giao hẳn việc đàn áp Nghĩa-Quân cho bọn Khố-xanh.

NHỮNG TRẬN ĐỤNG ĐỘ ĐẦU TIÊN CỦA HƯƠNG KHÊ

Ngày 19-01-1889, Nghĩa-Quân ăn mặc giả Khố-Xanh đã loại khỏi vòng chiến 5 tên lính Dõng và 1 tên cai mang thư của Phủ Yên-Trường. Ngày 01-09-1889, quân Pháp được tin Nghĩa-Quân trú đóng tại Cồn-Chùa và Khe đen, chúng liền đến đánh, Nghĩa-Quân rút về cứ điểm Mỹ-Hòa.

Ngày 10 và 11-09-1889, Lãnh binh (Thượng sĩ) Niort đã tấn công vào 2 cứ điểm của Nghĩa-Quân trong vùng Mỹ-Hòa... Các cứ điểm đều có các công sự bao bọc và pháo đài để phòng hỗ tương, rất là vững chắc. Khi bọn cướp nước tấn công vào cứ điểm thứ nhất, 3 tên Khố-Xanh và thân-binh đã bị hạ. Nhưng vì để bảo toàn lực lượng, Nghĩa-Quân đã rút lui. Quân cướp tịch thâu 2 cờ, 1 đại bác và nhiều dáo mác khác..

Cũng trong vòng thượng bán nguyệt 9/1889 tên tuần phủ Hà Tĩnh (tay sai Pháp) và tên Giám binh (Trung-Úy) Jacquet chỉ huy cuộc hành quân vào Hương Sơn. Nhưng chúng bị Nghĩa-Quân đánh bất ngờ và bắn chết 1 tên Lãnh binh tỉnh và 16 tên Khố Xanh khác.

Trong ngày 15 và 16/12/1889, Nghĩa-Quân hoạt động ở vùng Hương-Sơn, đã đụng độ với bọn Khố-Xanh ở đồn Dương Liễu, Nghĩa-Quân bị hy sinh 2 người.

Vào cuối tháng 12/1889, các Lãnh-Binh (Thượng-Sỹ) Lambert và Roty hoạt động trong vùng Ngàn Phố, đã đẩy lui Nghĩa-Quân ra khỏi vùng hoạt động.

Bắt đầu từ tháng 03/1890, Nghĩa-Quân hoạt động mạnh trong các Huyện La-Sơn, Thượng Sơn và Hương-Khê. Ngày 11-03-1890, tên Giám binh (Thiếu-Úy mới được thăng) Lambert chỉ huy bọn Khố-Xanh và bọn lính Dõng đã đẩy lui quân của các Ông Đề Thắng, Đề-Phát, Phan-Trọng Mưu, Bang Trúc và Hiệp quản Điệp ra khỏi vùng hoạt động.

Ngày 13/04/1890, Ông Đốc Chánh và Đốc Trạch phục kích ở Làng Hốt, đã tiêu diệt được 9 tên Khố Xanh và lính Dõng.

Đêm 26 rạng ngày 27/5/1890, một cai Khố Xanh tên là Hẹp ở đồn Trường Lưu, đã mang súng quay về với Nghĩa-Quân và hướng dẫn khoảng 100 Nghĩa-Quân đánh đồn này. Đồn trưởng đồn này là Lãnh-Binh (Thượng-Sỹ) Devoogt cùng với một số Khố-Xanh và lính Dõng chống giữ. Kết qủa lần thứ nhất 4 tên lính Dõng đền tội và 4 tên khác bị thương. Quân Pháp được tin liền cho tên Lãnh-Binh (Thượng-Sĩ) Trouvé mang lính đến tăng cường.

Trouvé đến Trường Lưu vào đêm 27 rạng ngày 28-05-1890, và trong ngày 28-05-1890, mang quân đi tuần chiến trong vùng. Khi bọn này đi đến phía trên làng Hốt, thì bị Nghĩa-Quân chặn đánh chạy trối chết về đồn.

Trong đêm 28 rạng ngày 29-05-1890, Nghĩa-Quân thừa thắng, lại tấn công quân cướp tại sào huyệt của chúng một lần nữa. Lần này mặc dù bị thiệt hại, Nghĩa-Quân cũng sửa soạn tấn công lần thứ ba nữa...

Trong đêm 31/5 rạng ngày 01/6/1890, Nghĩa quân lại tấn công Trương-lưu và lần này quân cướp chịu không nổi phải rút lui về đồn Hương Sơn.

Ngày 01/6/1890, vào lúc 18 giờ, tên cai Lê Hai, chỉ huy 14 tên Khố Xanh thuộc đồn Na-Pé đi sục sạo và khi đến làng Nac-Chot thấy trong làng chỉ có một Ông già và vài trẻ con, còn người khỏe mạnh đi đâu cả, bèn hăm dọa Ông già này để lấy tin tức. Ông già này sợ qúa trả lời là ở làng Hà-Trai có khoảng 200 Nghĩa-Quân do Ông Đề Đạt chỉ huy, trú đóng..."đang chờ" quân cướp... Tên Hai liền quyết định tới Hà-Trai.

Ngày 2/6/1890, vào lúc 06 giờ, tên Hai cho các tên phản quốc thuộc quyền lên đạn và lắp lưỡi lê để... đi vào chỗ chết.

Khi bọn này đi đến khoảng giữa 2 chỗ sông cạn thì bị lọt ổ phục kích. Nghĩa quân xông ra chém giết và kết qủa là 6/14 tên phản quốc phơi thây, số còn lại cuống cuồng tìm chỗ ẩn nấp và bắn chống trả Nghĩa Quân. Nghĩa Quân bị chúng bắn dữ qúa thành ra không ra cướp súng được. Bọn bán nước sắp hết đạn thì chúng được 1 tên vợ lính liều chết đi lấy đạn của các tên đến tối để tiếp tế cho bọn còn lại, nên chúng vẫn ngoan cố không chịu đầu hàng mặc dù Ông Đề Đạt đã gọi loa kêu gọi chúng...

Đến 11 giờ thì đạn dược của chúng sắp kiệt quệ rồi, nên chúng liều chết tháo lui mang theo cả súng của các tên chết, và vừa lui vừa bắn chận Nghĩa Quân, không cho truy kích...

Trên đường về Nac-Chot, bọn cướp lại một lần nữa bị Nghĩa Quân chặn đánh và lần này thêm một tên phản quốc nữa chết. Nghĩa Quân tịch thâu được khẩu súng của tên này, các tên khác thoát chết.

vung hoat dong cua Nghia-Quân Hương-Khê

Đêm 3/6/1890, vào lúc 22 giờ, Nghĩa quân phấn khởi về chiến thắng Trường Lưu, đã kéo đến truy kích bọn cướp ở đồn Hương-Sơn, đồng thời quấy rối đồn Linh Cảm để không cho bọn cướp ở đồn sau này đi tiếp cứu Hương Sơn.

Đến sáng ngày hôm sau, 4-6-1890, bọn cướp nước ở đồn Hương-Sơn đã hết đạn và sắp sửa đầu hàng thì tên Giám Binh (Thiếu-Úy) Lambert Đồn Trưởng Linh Cảm, liều chết mang lính đánh vào phía sau lưng Nghĩa quân, để cứu bọn ở Hương Sơn.

Kết qủa là Nghĩa Quân đã đụng độ mạnh với bọn cướp nước ở phía trên Hương-Sơn chúng đã đẩy lui được Nghĩa quân ở đây và sau đó giải thoát cho đồn Hương Sơn.

Ngày 26/6/1890, Giám Binh (Thiếu Úy) Lambert cùng với 2 tên Lãnh Binh(Thượng-Sĩ) ở đồn Trường Lưu đem quân đi tuần chiến trong các làng Gia Anh, Đông Tài và Làng Hốt, đã đụng độ với khoảng 3000 Nghĩa-Quân trang bị nhiều vũ khí trong số có 100 khẩu tối tân, nhưng Nghĩa Quân bị đẩy lui ; Trong khi đó, sào huyệt của bọn cướp (là đồn Trường Lưu) bị Nghĩa Quân đến tấn công, nhưng cũng không thanh toán được mục tiêu.

Đặc biệt trong giai đoạn này, Nghĩa Quân treo giải thưởng cho những tên phản quốc nào bắn vào đầu các tên tướng cướp để trở về với Nghĩa Quân và đồng bào, thì sẽ được hoan nghênh và trọng dụng...

Đêm 28 rạng ngày 29/6/1890, bọn Khố Xanh theo lệnh quan thầy đã đột kích vào làng Trung Lễ, mà ở đó theo bọn cướp nước có các lãnh tụ Nghĩa Quân ẩn nấu. Sau hai giờ giao tranh, Nghĩa Quân phải rút lui để bảo toàn lực lượng.

Ngày 20/7/1890, 1 tên Thượng Tá (Phản quốc) đi công tác tại Hương Sơn, trên đường về Hà-Tĩnh, khi đi đến làng Trung Lễ thì bị Nghĩa-Quân phục kích. Bọn phản quốc chống trả cuồng cuồng và kêu bọn phản quốc khác ở đồn Linh-Sơn đến tiếp cứu, rồi đẩy lui được Nghĩa Quân. Kết qủa, Nghĩa-Quân có Ông Đốc Trác và Ông Hẹp, nguyên là cai Khố-Xanh đã trở về với Nghĩa-Quân, bị bắn trọng thương và tử thương sau đó.

Ngày 02/09/1890, quân Pháp được tin Nghĩa-Quân do Ông Đốc Chánh chỉ-huy đang hoạt động trong vùng Cẩm-Xuyên, lập tức chúng huy động bọn Khố-Xanh ở Hà-Tĩnh và Kỳ-Anh đến tấn công. Kết qủa chúng gặp Nghĩa-Quân ở Lạc-Hà, Nghĩa Quân có vài người chết sau một hồi nổ súng với giặc.

Ngày 05/9/1890, quân Pháp lại được tin cả ngàn Nghĩa-Quân hoạt động ở Làng Liễu, cách xa Hà-Tĩnh khoảng 14 cây số, lập tức tên Giám binh (Thiếu Úy) Lambert liền mang nhiều tên Khố-Xanh đi tuần chiến, Kết qủa lần này Nghĩa Quân cũng bị nhiều thiệt hại phải rút lui.

Trong hai ngày 13 và 14/9/1890, giặc được tin Nghĩa-Quân lại tái lập các cứ điểm Gia-Anh, Trung-Lễ và Nam-Huân, chúng liền cùng với tên tuần phủ Đinh Nho Quang (một tên tay sai của bọn cướp) tổ chức các cuộc hành quân hỗn hợp vào vùng này. Tên tuần phủ Quang đến ở đồn Trường Lưu, để thiết lập một đồn ở Nam-Huân, là cửa ngõ của các căn cứ của Nghĩa-Quân. Thâm ý của giặc một mặt là để tên phản quốc này khủng bố dân chúng không cho liên hệ với Nghĩa-Quân, mặt khác, dùng Nam-Huân làm căn cứ hành quân. Nhưng chúng bị thất bại, vì tên Quang bị ông Đề Thăng bắt được (sau cho chuộc mạng).

Vào trung tuần tháng 10/1890, lợi dụng lúc quân Pháp đi càn quét vùng Bắc Nghệ-An, Nghĩa-Quân Hương-Khê và Hương-Sơn phối hợp với quân của các Ông Đốc Chánh và Tác Ngạn đánh đồn Nam-Huân. Một tên lãnh binh (Thượng sĩ) đem 30 tên Khố-Xanh và đạn dược, từ Vinh đến tăng cường cho đồn Nam - Huân. Ngày 20/10/1890, bọn Pháp và tay sai tấn công vào hai Làng Hốt và Gia-Hạnh. Nghĩa Quân phải rút vào rừng, sau khi đã có vài người chết và bị thương. Rồi trong các ngày 22, 23, 24 và 25/10/1890, quân Pháp lại tiếp tục tấn công nữa . Các lần sau này, Nghĩa quân đều rút vào trong rừng sâu để bảo toàn lực lượng...

Vào tháng 12/1890, bọn Pháp và Khố-Xanh ở đồn Nam-Huân được tin Nghĩa Quân tái lập căn cứ trong vùng rừng núi Trại Tháp, cách Nam-Huân trên 1 giờ rưỡi đường. Ngày 28/12/1890, 1 toán Khố-xanh do 1 tên Lãnh binh (Thượng sĩ) Pháp chỉ-huy đã đến đánh chiếm được 4 pháo đài của Nghĩa Quân. Tất cả các pháo đài này đều có sự yểm trợ hỗ tương ; có các vách đá và rào dậu đều dày đặc và vô số chông bẫy... bao bọc. Nhiều tên Khố-Xanh bị thương, trong số có 1 tên bị thương nặng vì chông, nhưng chỉ có 1 tên bị bắn bị thương.

Trong đêm 28 rạng ngày 29/12/1890, trong khi quân Pháp tấn công vào Trại Tháp thì Ông Mai-Văn-Vịnh mang quân đến tấn công vào đồn Linh-Cảm, nhưng vô hiệu.

Tại vùng Nghệ-An, vào tháng 03 và 4/1890, 1 cánh quân lưu động, gồm nhiều tên Khố-Xanh và các toán quân của các đồn Cây-Chanh, Đông Cốc, Qúi Chu, Nhuận-Trạch, Đông Cô, Cay Roc được khoảng 2000 thân binh trợ lực đã tảo thanh vùng Phủ Diễn, Anh Sơn và Qúi Chu. Nghĩa quân chống lại giặc bằng cách luôn luôn di chuyển, không cho chúng biết tông tích... Nhưng tuy vậy, cũng có 1 số Nghĩa quân bị bắn hay bị bắt...

Đêm 1/4/1890, quân Pháp đã đột kích vào nơi ông Đề Niên ẩn náu ở Cồn-Nang, nhưng Ông trốn thoát kịp. Tuy vậy, quân cướp cũng tịch thâu của Ông 3 khẩu súng, trong số có khẩu súng của chính Ông, hiệu Kropatchek.

Cũng ngày trên, các tên Lãnh Binh (Thượng Sĩ) Niort ở Trấn Lương, Vinot ở Cay Roc, đã đột kích vào 3 căn cứ của Nghĩa quân tại phía trên Tác Diên. Nghĩa quân phải rút lui, bỏ lại một số người chết, máy bắn đá, lao và đạn dược. Một cấp chỉ huy của Nghĩa-quân đã bị tên Lãnh Binh (Thượng Sĩ) Vinot bắn chết.

Ngày 5/4/1890, các Ông Đề Niên, Đề Mậu, Quản Kiều và Đội Nhị mang quân tấn công đèo Ke Sang - Một đồn không có tên cướp Pháp nào chỉ huy cả chỉ toàn là bọn Khố Xanh - bị bọn phản quốc biết trước, nên các tên Lãnh Binh (Thượng Sĩ) Bricont ở Phủ Diễn, Wetzelmeyer ở Qúi-chu mang quân đánh vào sau lưng Nghĩa-Quân, trong khi đang tấn công vào Ke-Sang. Nghĩa-Quân bị dồn ép đã phải rút lui, bỏ lại một số chết, súng đạn và lương thực.

Trong đêm 23 rạng ngày 24/7/1890, đồn phủ lỵ Qúi-Chu bị Nghĩa quân tấn công và đốt phá, sau nhiều giờ giao tranh, Nghĩa Quân bị chết 1 người và bị đẩy lui. Quân Pháp có 1 tên Khố-Xanh chết và 6 tên khác bị thương.

Quân Pháp đến tăng cường cho quân của tên Tri Phủ Qúi-Chu truy kích Nghĩa Quân. Kết qủa, Ông Lãnh Thiệt (của Nghĩa-Quân) bị bắn chết, Nghĩa Quân phần thì rút về Quỳnh Lưu, phần thì về Thanh-Hóa.

Vào khoảng tháng 8/1890, Ông Đề Mậu đã lập một căn cứ - từ nhiều tháng trước - tại một vùng ở giữa Cây-Chanh, Đông Cốc và Trấn Lương. Căn cứ này rất kiên cố, gồm hằng trăm dãy nhà nằm trong một hệ thống pháo đài phòng

thủ và hào lũy dày đặc... Đường đi vào thật là khó khăn và đầy chông gai...

Tên Công sứ Luce liền quyết định tổ chức một cuộc hành quân bao vây căn cứ này, bằng cách len lỏi qua các lối đi dẫn đến căn cứ để bất thần tấn công, với mục đích tiêu diệt hoặc ít lắm cũng đánh tan được quân trú phòng ...

Phối hợp hành quân có :

- Tên phản quốc Đinh-Huấn-Dương ở Đại Đồng với bọn thuộc hạ và một toán quân ở Vinh.

- Tên Lãnh-Binh (Thượng-Sĩ) Hy (phản quốc - Khố Xanh) đang công tác ở Phủ Diễn.

- Tên Cửu Cát ở Đồng Cốc cùng với khoảng 100 thân binh.

- Các Trưởng đồn Cây Chanh và Trần-Lương.

- Nỗ lực chính là quân của đồn Cây Chanh.

Ngày 22/8/1890, tên Lãnh binh (Thượng-Sĩ) Haguet, chỉ huy đồn Cây Chanh mang quân qua Sông Con, đi vòng về phía sau căn cứ của Nghĩa-Quân... Trong khi đó, bọn Đinh-Huấn-Dương v.v... bao vây tấn công mặt trước... Đến 11 giờ, Haguet đã đến gần căn cứ của Nghĩa quân, theo đúng kế hoạch thì bọn Đinh-Huấn-Dương nổ súng trước... Nghĩa quân bị đánh bất ngờ và phản ứng theo dự đoán của quân Pháp, nên bị chết 35 người trong số có anh ruột của Ông Đề Mậu cùng mất một số quân trang, quân dụng, cờ xí, tài liệu v.v...

Sáng ngày 4/3/1891, Đồn Trưởng Nam Huân là lãnh binh (Thượng sĩ) Hugnit cùng với 25 tên khố xanh và 10 lính Dõng áp giải 14 tù binh (Nghĩa quân bị bắt) từ Nam Huân đến Linh Cảm. Khi đi đến phía trên Thiên Thôn, thình lình bị Nghĩa-Quân La Sơn, Hương Sơn và Hương Khê phục kích. Sau 4 giờ đồng hồ giao tranh - trong đó nhiều lần quân Pháp phải mở đường máu để thoát về Linh Cảm - vì bên Nghĩa quân có Hiệp Quản Diệp bị trúng đạn chết nên quân cướp thoát hiểm...

Kết qủa, bên Nghĩa quân ngoài Hiệp Quản Diệp còn có vài cấp chỉ huy khác cùng với khoảng 20 Nghĩa-Quân bị bắn chết, bên bọn Pháp, 2 tên lính Dõng chết.

Sau khi bọn Hugnit đến được Linh Cảm, tên Giám binh (Thiếu-Úy) Boudon liền mang quân đi càn quét vùng Trường Vạt và khu rừng quanh Trại Tháp là nơi mà Nghĩa quân, sau khi bị tên Giám binh (Thiếu Úy) Lambert phá hồi cuối năm trước, mới tái lập căn cứ.

Ngày 14/3/1891, căn cứ của Nghĩa quân đồng thời bị quân Pháp ở Nam-Huân, Trại Cốc, và ở các làng vùng Ngàn Sâu tấn công. Kết qủa, quân Pháp đã dùng lưỡi lê cận chiến đẩy lui Nghĩa quân vào trong rừng, căn cứ bị tàn phá, dụng cụ đúc súng đạn bị tịch thu hay phá hủy, các cơ phận súng trường Gras (do Nghĩa Quân rèn lấy) đều bị tịch thâu...

Đầu tháng 8/1892, Quân Pháp được tin liên hệ đến Nghĩa quân như sau:

Cụ Đình Nguyên Phan-Đình-Phùng lúc bấy giờ đang trú đóng ở vùng Hội-Trung cùng với nhiều Tướng Tá và 150 tay súng.

Bá Hộ THUẬN ở dẫy trại Chè và ông Đốc Chánh ở Thiên-Thôn có khoảng 100 tay súng.

Ông Cao-Đạn ở vùng La-Sơn cùng với 4,50 tay súng.

- Trong vùng Hương Khê cũng có sự hiện diện của Nghĩa Quân.

Quân Pháp liền tổ chức một cuộc hành quân theo ý niệm "Hành quân vào Trại Chè làm cho quân chủ lực của Nghĩa Quân lạc hướng, rồi bất thần mang đại quân đánh thẳng vào Hội Trung (nơi cụ Phan đóng); sau đó càn quét vùng rừng núi ở hữu ngạn Ngàn Sâu !"

Từ ngày 5 đến ngày 9/8/1892, các Lãnh binh (Thượng sĩ) Hugnit, Le Parc, Bourgeois và Lãnh binh Trọng (phản quốc) càn quét tất cả vùng rừng núi từ Hà-Tĩnh đến Trại Chè.

Trong ngày 07/08/1892, Ông Thịnh là anh của Ông Bá-hộ Thuận và 1 Bang biện bị rơi vào ổ phục kích của quân Pháp, nên bị bắt cùng với vài thân binh.

Ngày 08/08/1892, một tên Chánh Tổng phản quốc bị Nghĩa quân bắt giữ, đã được bọn Pháp giải thoát.

Cùng ngày 8/8, cuộc hành quân của quân Pháp bắt đầu. Đến ngày 12/8/1892, thì các cánh quân của chúng phải đạt các điểm chỉ định dưới đây :

Các Lãnh binh (Thượng-sĩ) Haguet và Folcher với 80 tay súng tại Khê Thượng.

Các Lãnh binh (Thượng-sĩ) Robert và Bourgeois với 80 tay súng tại Trại-Cuội.

Giám binh (Thiếu Úy) Lambert với các Lãnh binh(Thượng-sĩ) Crémont và Mariani với 50 tên lính đến Hương-Khê.

Công việc tiến vào các căn cứ của Nghĩa quân của giặc (mà chúng chưa biết địa điểm) được thi hành đồng thời trong đêm 12 rạng ngày 13/8/1892.

Đến 21 giờ đêm nói trên (12/8), vì tên Lãnh binh (Thượng-sĩ) Robert không thông hiểu đường xá, nên đã đến Hội Trung qúa sớm (mà thực ra tên này phải đến Trại-Cuội) làm xáo trộn cả kế hoạch của quân Pháp, khiến chúng bị đánh chạy trối chết khi gặp chủ lực của Nghĩa-quân sau này... Khi tên Robert đến Hội-Trung, thì gặp phải một tiền đồn của Nghĩa-quân. Nghĩa quân chỉ còn đủ thì giờ rút lui, để lại 3 xác chết, 3 súng trường, 1 súng lục...

Không đợi Giám-binh (Thiếu Úy)Lambert đến Hội-Trung, Robert vì khinh địch, nên 07 giờ sáng ngày hôm sau, 13/8/1892, liền cho lệnh quân-sĩ của nó tiến vào rừng sâu lục soát, qua một con đường mòn rất khó xê dịch.

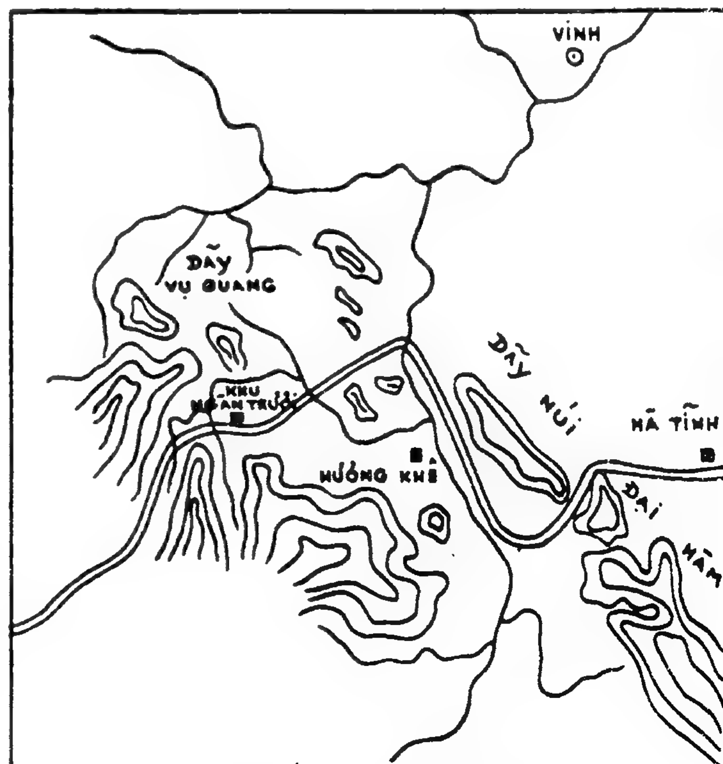
Đến 10 giờ cùng ngày trên, bọn này gặp một đồn cảnh giới của Nghĩa quân, đã rút bỏ và sau đó tiến vào một con đường cụt, ở trên một bờ suối mà ở phía trên đã có Nghĩa-quân bố trí sẵn để bắn bia vào bọn giặc đang lúng túng chưa có lối thoát.

Kết qủa, 16 tên bị loại khỏi vòng chiến, 3 tên chết tại chỗ và vài chục tên khác đạp phải chông,... Tên Robert phải vừa đánh vừa chạy... Trong khi đó, Giám binh Lambert chỉ cách xa bọn Robert có khoảng hơn 1 giờ rưỡi đường mà không hay biết gì cả.

Đến sáng ngày 14/08/1892, Lambert đến căn cứ của Cụ PHAN, nhưng Nghĩa quân đã rút hết, quân cướp chỉ tịch thu được các dụng cụ làm súng đạn, thóc gạo v.v...

Như vậy là cuộc hành quân của bọn cướp không những đi không lại về không, mà lại còn bị thiệt hại nặng, thành ra chúng phải rút về căn cứ hết.

Trong thời gian quân cướp nước đi truy lùng Nghĩa-quân, thì đêm 23 rạng ngày 24/8/1892, Ông Bá hộ Thuận được lệnh của cụ Đình Nguyên bí mật đem quân đến sát Hà-Tĩnh, để đánh úp sào huyệt của quân cướp nước theo kế hoạch sau đây : Chia quân ra làm 3 bộ phận : Bộ phận thứ nhất đến nhà một vài tên phản quốc trừng trị những tên này và đốt nhà chúng, gây hoang mang cho quân cướp ; Bộ phận thứ hai do đích thân Ông Bá HỘ chỉ huy, tấn công vào trại lính Khố-Xanh - lúc này chỉ có tên phản quốc gọi là Đội Sanh chỉ huy 42 tên lính (Khố Xanh), còn bọn thực dân Pháp đi đàn áp Nghĩa quân hết ; Bộ phận thứ ba đánh phá nhà lao để giải thoát cho Nghĩa-quân bị giam giữ tại đây (trong số có Ông Duy Thịnh là anh ruột của Ông Thuận). Đến nửa đêm, Bá Hộ Thuận bắn hai phát súng lệnh, trận đánh úp được diễn tiến đúng theo kế hoạch . Súng nổ khắp nơi, nhà cháy, dân chúng kinh hoàng... Các bộ phận thứ hai tấn công vào trại Khố-Xanh; bộ phận thứ ba giết tên lính gác tù và hò hét giải thoát cho Nghĩa-quân.



Bản đồ khu Ngàn - Trươi

Kết qủa,70 Nghĩa-quân bị cầm tù được giải thoát (tuy nhiên,anh Ông Thuận không thoát được vì theo lệnh tên tri phủ, chúng giam Ông riêng một chỗ) và một số tên phản quốc bị trừng trị...

Sau khi hoàn hồn,các tên Lãnh binh và Phó Lãnh binh lo phòng thủ những nơi còn lại và cử tên Đội Sanh mang quân đi truy kích Nghĩa-quân "đã rút vào trong bóng tối, không để lại dấu vết gì cả" !

Trong khoảng thời gian từ 8/9 đến 2/10/1892,tên Lãnh binh(Thượng-sĩ)Hugnit mang quân đi càn quét trả thù Nghĩa-quân. Tên này chia quân ra làm nhiều cánh sục sạo trong vùng phía nam Hà-Tĩnh. Chúng cũng chẳng tìm được dấu vết nào của Nghĩa-quân cả... Chiều ngày 16/9/1892 ,tên Lãnh binh (Thượng sĩ) Folcher phục kích Nghĩa-quân ở vùng Lạch-Hà. Nghĩa-quân có vài người chết và rút hết về Thụy-Lộc, rồi đèo Mỹ-Đức và trại Chè. Ngày 21/9, Nghĩa-quân đang di chuyển về Thiên Thôn thì bị lọt ổ phục kích của tên Lãnh binh (Thượng-sĩ) Delingette và kết qủa là khoảng 30 Nghĩa-quân hy sinh, trong số có Ông Đốc Chánh bị đạn xuyên qua người, chết sau đó ít giờ - Số còn lại rút vào trong rừng rậm...

Cho đến năm 1893 thì cuộc kháng chiến của Hương-Khê đã được 8 năm. Nó đã trải qua nhiều thăng trầm bĩ thái, đã từng thâu lượm được nhiều thắng lợi vẻ vang cũng như nhiều lúc thất bại... Nghĩa quân luôn luôn nắm được yếu tố nhân hòa và địa lợi, để có thể tiếp tục chống các cuộc càn quét của giặc, cũng như để tấn công giặc trong những dịp thuận tiện. Nhưng kể từ năm này trở đi, bọn thực dân đã đặt được gần đầy đủ bộ máy thống trị ở khắp vùng đồng bằng và hệ thống đồn bót mỗi ngày mỗi tiến sâu vào các miền rừng núi, thắt chặt thêm vòng đai bao vây Nghĩa-quân và từ tháng Giêng năm 1893, bọn cướp nước tung quân càn quét ráo riết làm cho hoạt động của Nghĩa quân bị co rút rõ rệt, việc tiếp vận của đồng bào cho Nghĩa-quân vì thế ngày càng khó khăn, bởi vì bọn cướp nước thẳng tay đàn áp... Bị lấn chiếm, địa bàn hoạt động càng ngày bị thu hẹp, Nghĩa quân đã cảm thấy tình trạng lâm nguy, nhứt là các quân thứ, từ Quảng-Bình ra Thanh-Hóa, đã bị mất liên lạc không còn áp dụng thế liên hoàn hỗ tương dễ dàng như trước... Ông Đề Cao quan niệm rằng phải có những trận đánh lớn để gỡ nước cờ bí...Nếu không,Nghĩa quân cũng đi đến chỗ tự diệt vì tình trạng tiêu hao, sài mòn đang bị gánh chịu hằng ngày... Cụ Đinh Nguyên lấy làm băn khoăn e rằng những trận đánh lớn, nếu không thành công thì Nghĩa-quân có thể sụp đổ rất nhanh chóng, bởi vì so sánh tương quan lực lượng thì hỏa khí và phương tiện của quân cướp nước hơn hẳn Nghĩa-quân. Tuy vậy,Cụ cũng nhận thấy cứ loanh quanh giữa rừng núi 4 tỉnh Thanh Nghệ-Tĩnh-Bình mà không tung các hoạt động ra đồng bằng cũng là thất bại rồi.

Sau cùng,Cụ cũng chấp thuận kế hoạch của Đề-Đốc Cao-Thắng : "Mang quân chủ lực đánh vào thành Nghệ An, sào huyệt của bọn cướp nước, trong khi đó các quân thứ đều ra sức hoạt động mạnh, để cầm chân, không cho quân cướp nước cứu viện cho nhau được".

Nếu chủ lực chiếm được thành Nghệ, thì các quân thứ khác cũng ào ạt đánh vào các lỵ sở địa phương mình đang hoạt động...

Ta có thể coi đây là một chiến dịch tổng phản công của Hương-Khê, một cuộc quật khởi cuối cùng để sống hay là chết, để mở màn cho một tương lai huy hoàng hay là thất bại vẻ vang. Nó được mở màn vào tháng 7/1893... Nhiều trận đánh nhỏ xảy ra giữa Nghĩa quân và bọn cướp nước, trước khi kế hoạch chính được thực sự áp dụng. Tuy vậy,những trận đánh dù nhỏ, nhưng có tánh cách quyết định của Nghĩa-quân đã xảy ra tại làng Lương Điền (1) ngày 12-9-1893, 1 ngày sau khi Nghĩa-Quân đánh vào đồn chợ Đang, kể sau đây :

Đầu tháng 8/1893 Đề Đốc Cao-Thắng cho 1000 quân xuất phát từ Chiến Khu Ngàn Trươi, để tiến về Nghệ An. Ông Cao và ông Nguyễn Niên dẫn 500 quân đi trước, ông Cao Nữu(em Ông Cao) dẫn 500 hậu quân đi sau...Trên đường tiến quân,Ông đã quét sạch nhiều đồn nhỏ và diệt trừ được khá nhiều bọn phản quốc.Ngày 11-9-1893,Ông ra lệnh bao vây và tấn công đồn chợ Đang . Đồn này do tên phó Quản Phiến (Garde Indigène t.IIpp 75-76)chỉ huy 100 Khố Xanh, đã phải vất vả lắm mới đẩy lui được Nghĩa quân.

Ngày hôm sau, 12/9/1893, tên Lãnh binh (Thượng sĩ I) Niort cùng với tên Phiến mang

---

(1) Chứ không phải tại đồn Nổ.

quân tấn công vào làng Lương Điền cách xa đồn tỉnh (Nghệ-An), Dương-Ngư vài cây số, là nơi Đề-Đốc Cao-Thắng và Nghĩa-quân tạm trú đóng. Sau một trận giao tranh kịch liệt, chớp nhoáng, Nghĩa-quân bị thiệt hại nặng và phải rút lui cùng với xác của Đề-Đốc Cao-Thắng (lúc đó mới 29 tuổi), ông Cao-Nữu, các Lãnh Nghi và Hòa (1).

Thế là kế hoạch tiến đánh đồng bằng của Nghĩa quân kể như tan vỡ vì cái chết của một danh tướng... tinh thần quân sĩ giao động...

Lợi dụng sự lúng túng của Nghĩa-quân, quân Pháp liền tập trung lực lượng để tổng tấn công Nghĩa-quân...

Ngày 15-9-1893, Lãnh binh (Thượng-sĩ) Samaran đột kích vào căn cứ của cụ Đinh-Nguyễn, bắn chết 7 Nghĩa-quân và thu 1 súng, cùng với 200 viên đạn và phá hủy nhiều thóc gạo.

Ngày 20-9-1893, cũng tên Samaran đánh vào thung-lũng Hội-Trung, nhưng Nghĩa-quân đã rút lui để lại xác ông Đề Châu.

Sau khi quân cướp nước đánh vào Hội Trung trở về, bị Nghĩa quân phục kích ở gần làng, cạnh một ngôi chùa, giặc chạy chối chết. Tuy vậy, Nghĩa-quân cũng có ông Đề Trác bị bắt.

Cũng trong khoảng thời gian nói trên (từ 15 đến 20/9/1893), Nghĩa quân Hương Khê đã đến làng Thanh Lang, chém đầu tên Trương quang Ngọc, kẻ đã "bán" vua Hàm Nghi cho Pháp.



Đề - Đốc
CAO - THẮNG

Ngày 26/9/1893, Lãnh binh (Thượng sĩ) Soulages cùng với toán quân của tên De Lingette bất thần tấn công căn cứ của ông Đề Nam.

Trong trận này, ông Đề Nam bị mất 12 người và 12 súng, trong số có 4 khẩu do Nghĩa-quân tự tạo cùng với nhiều lương thực...

Ngoài ra trong các ngày 5/10, 9/10, 20/10, 23/10, 8/11, 24/12/1893... còn có nhiều trận đụng độ lẻ tẻ khác tại Hội-Trung, Yên-Trạch, Tư-Yên, Trung Hao v.v...

Sang đến năm 1894, quân Pháp, sau những nỗ lực quân sự, không đạt được ý muốn, bèn áp dụng quân sự chiêu dụ song hành và đưa tên đại Việt gian phản quốc Hoàng-Cao-Khải đến chiêu dụ Nghĩa-quân...

Nhưng chúng cũng lại thất bại vì Nghĩa-quân ngày càng đánh mạnh hơn...

Ngày 1/3/1894, Nghĩa-quân đã tấn công đồn chợ Phố, vào lúc 11 giờ trưa. 1 phát đại bác đã được bắn làm hiệu lệnh cho cuộc tấn công. Quân Pháp liền chống trả, một tên Hạ-sĩ bị bắn gục...

Ba ngày sau, ngày 4/3/1894, vào lúc 9 giờ, Nghĩa-quân lại từ tứ phía tấn công dữ dội vào đồn nói trên, quân Pháp hốt hoảng chống trả và ngoan cố chưa chịu đầu hàng... trong lúc lâm nguy đó, tên đồn trưởng là Lãnh binh (Thượng sĩ) Gibert liều chết dùng 1 khẩu súng săn bắn loạn xạ vào Nghĩa-quân, với hy vọng một chết hai sống... để cứu vãn tình thế. Kết qủa, chúng đẩy lui được Nghĩa-quân, tịch thu 4 súng kiểu 1874 và nhiều dáo, mác, lao...

Ngày 29-3-1894, ông Lãnh Lợi là cha ông Đề Thắng, phục kích ở Vạn-Sơn đã bắn chết tên phó quản Phiến (tên này đã giết Đề-Đốc Cao-Thắng tại làng Lương-Điền ngày 12-9-1893), sau khi lính của Phiến hạ được ông Đốc Nguyễn-Bảo ít phút (2).

---

(1) Cấp "Lãnh" của Việt-Nam lúc bấy giờ khác hẳn với cấp "Lãnh" của Pháp. "Lãnh" của VN tương đương với Đại-Tá bây giờ, trong khi "Lãnh" của Pháp là Thượng-sĩ.

(2) Đốc binh Nguyễn Bảo bị lính của tên Phiến bắn chết trước đó (trước khi tên Phiến bị hạ) ít phút, chứ không phải Bảo bắn chết Phiến " Le Brave Phó quản Phiến est tué le 29 Mars à Vạn Sơn (Nam Dông) par la bande du Lanh - Loi. Quelques minutes auparavant, l'un de ses hommes avait jeté à terre, d'une balle, un des petitschefs de la bande, du nom de Bảo " GI trang 89).

Đêm 31/3 rạng ngày 1/4/1894, ông Bá Hộ Thuận đã mở một cuộc đột kích vào thị xã Hà tĩnh, để tiếp tục thực hiện kế hoạch của Ông Đề Thắng, nhưng không thâu lượm được kết quả mong muốn (bỏ lại 6 chết và 4 bị thương).

Trong đêm 12 rạng ngày 13/4/1894 Nghĩa quân đột kích đồn ngụy quân ở Quí Hộp đã hạ 3 ngụy binh và thâu 3 súng.

Đêm 11 rạng ngày 12/7/1894, Lãnh binh RALLIER DU BATY mở cuộc hành quân đêm tấn công vào căn cứ của ông Bá Hộ Thuận, đến nửa đêm chúng đánh chiếm một đồn nhỏ của Nghĩa quân ở Đại Thiết và giải thoát vợ con một tên chánh tổng ngụy ở Thạch Hạ.

Đến 8 giờ sáng (ngày 12/7/1894), sau nhưng lần lên thác xuống ghềnh vất vả bọn BATY tìm được căn cứ của ông Thuận.Hai bên nổ súng kịch liệt. Nghĩa quân áp dụng kế nghi binh: rút vào trong sâu cho địch lọt vào tử địa để tiêu diệt... Tuy vậy vì hỏa lực của quân địch quá mạnh nên Nghĩa quân, sau khi gây cho địch nhiều thiệt hại, đã rút lui. Địch đốt phá căn cứ của ông Thuận tịch thâu 1 đại bác, nhiều dáo, mác, lao... và giải thoát 4 phụ nữ phản quốc bị Nghĩa quân bắt giam.
Nhưng khi quân Pháp rút ra, Nghĩa quân lại truy kích, làm cho chúng chạy trối chết...

Ngày 27/7/1894, Lãnh binh (Thượng-sĩ) De Soulages đánh vào Đại-Hàm, một căn cứ ngầm dưới đất, rất vững chắc và ở một thế đất dốc rất khó xung phong... Trong lúc đụng độ 4 tên giặc bị loại khỏi vòng chiến, cùng với vũ khí, mà chúng cũng không biết.Vì cây cối rậm rạp... nên chúng phải rút lui.

Ngày 17/10/1894,các Lãnh binh Samaran, De Soulages và Foehr cùng với tên Huyện ngụy,tên là Đạt, mang quân đi vòng sang Lào để đánh vào căn cứ Vụ-Quang (nơi cụ Đình Nguyên mới thiết lập 1 căn cứ).

Ngày 25/10/1894 , vào lúc 18 giờ, sau nhiều ngày gian khổ vì mưa, thời tiết, địa thế, rừng rậm, nước ngập... quân cướp nước chỉ còn cách căn cứ của cụ Đình Nguyên có 3 giờ nữa, nhưng vì mưa lũ nên mãi sáng ngày 26/10, chúng mới bố trí đội hình tấn công. Tuy vậy, quân Pháp và tay sai còn phải vượt qua 1 con sông rộng chừng 300 thước và chảy mạnh, trước khi đột nhập được phòng tuyến thứ nhất...

Quân Pháp đã liều mạng vượt sông dưới làn mưa đạn của Nghĩa-quân, nhưng rồi chúng cũng chiếm được phòng tuyến thứ nhất. Nội hiệp này chúng cũng bị 5 tên chết và 3 bị thương. Chúng bèn cho di tản bằng đường sông về.

Nhưng khi chúng sửa soạn tiến chiếm phòng tuyến thứ hai thì bị chận đứng bởi 400 Nghĩa-quân. Tên Samaran thấy khó mà tiếp tục tấn công được bèn cho lệnh rút lui ...

Chúng rút lui trong sự điêu đứng khốn cùng, 4 ngày dài dưới nước, không cơm ăn, đói rét, số chết vì bệnh tật và ốm đau gia tăng nhanh chóng khiến bọn cướp vô cùng khốn đốn,nhưng rồi chúng cũng thoát hiểm được...

Ngày 29/01/1895, Giám binh (Thiếu Úy mới được thăng) Samaran mang quân đi tảo thanh vùng Trường Vạt và Trường Xây, sau hai ngày hành quân,quân Pháp đã phá được cứ điểm của Ông Đốc Trạch, rồi chúng tiếp tục tấn công vào cứ điểm khác do Ông Đốc Cát chỉ-huy. Sau một hồi giao tranh khốc liệt,Nghĩa-quân rút lui, sau khi đã bị chết 10 người, mất 1 súng và 300 viên đạn cùng 2 kho gạo.

Ngày 04/2/1895, sau khi tảo thanh vùng Trường Vạt, Samaran quyết định tấn công cứ điểm mới của Ông Đốc Trạch .Đến 13 giờ thì tên này cùng với 30 tên Khố-Xanh khác, đã đến trước cứ điểm của Ông Trạch. Sau trận đụng độ, Ông Trạch bị mất 6 người và 1 súng, bèn rút lui. Nhưng sau khi rút khỏi, ngừng lại quan sát trận địa, thấy quân Pháp qúa ít,nên Ông Trạch liền cho lệnh phản công (tại Cao-Khê).

Bị đánh bất ngờ, bọn Pháp rối loạn hàng ngũ, tên cướp Samaran bị 1 viên đạn vào cổ, được tên Phó Quản (Thượng sĩ) Di và tên cai (Hạ-sĩ) Hóa đến săn sóc... Nhưng tên tướng cướp vẫn bị thần chết lượm đi, sau khi đã trăn trối rằng "... Thôi hết rồi !..."

Sau đó,6 tên Khố Xanh khiêng xác Samaran ... tháo chạy... Ông Đốc Trạch liền cho 150 Nghĩa-quân truy kích, vừa bắn vừa kêu gọi bọn phản quốc hãy vứt xác tên tướng cướp lại, nếu muốn sống và sẽ được trọng thưởng. Nhưng bọn phản-quốc vẫn ngoan cố, vừa bắn vừa khiêng xác chủ tướng rút lui. Rồi, vì Nghĩa-quân bám sát qúa, tên phản quốc Di bèn lấy mũ của tên Samaran đội lên và cưỡi ngựa chạy về phía Kiêm Ích... để đánh lừa Nghĩa-quân rằng tên này (Samaran)

chỉ bị thương và đã phục hồi, khiến Nghĩa-quân thôi không truy kích nữa. Thế là bọn phản quốc thoát thân (lúc đó là 18 giờ chiều ngày trên, ngày 04/2/1895). Samaran chết, được Giám binh (Thiếu-Úy) Haguet đến thế. Tên này bèn ra lệnh cho tên Phó Quản (Thượng-sĩ) Di mang 30 tên Khố-Xanh tấn công vào Làng Trai thuộc Huyện Nghi Xuân. Cuộc chạm súng kéo dài 3 tiếng đồng hồ, Nghĩa-quân bị thiệt mất 2 súng tự tạo cùng với 9 người, nên phải rút lui. Khi rút lui (trên xuống ra biển) lại bị bọn Khố Xanh bắn theo chết thêm 5 người nữa.

Sau trận nầy bọn Haguet lo củng cố hàng ngũ, đến tháng 5/1895 mới lại tiếp tục các cuộc càn quét.

Ngày 10/5/1895 Giám binh (Thiếu Úy) Haguet đem quân tấn công cứ điểm của ông Phan Đình Nghinh, cháu của cụ Đình Nguyên ở Trường Vạt. Kết qủa, Nghĩa-quân bị chết 2 người, mất một súng, về phía quân Pháp có hai tên Khố Xanh bị thương nặng, một trong 2 tên này bị tử thương sau đó.

Ngày 27/5/1895, Ông Lý Võ đã đụng độ với Thượng-sĩ Daufès, Trưởng đồn Kuong-Ma (Cam-Môn) tại bản Na-Thôn. Kết qủa, Ông Lý cùng 4 Nghĩa-quân hy sinh và mất 8 súng trường kiểu 1874.

Ngày 4/6/1895, Daufès đột kích một tiền đồn Nghĩa-quân tại Mường Vang. Kết qủa bọn Pháp tịch thu của Nghĩa-quân 3 súng và bắn chết 2 người.

Cuối tháng 5/1895, trong vùng Phủ Diễn, Ông Lãnh Đạo, đã bị bắt cùng với 11 Nghĩa-quân và 4 súng tối tân.

Ngày 13/6/1895, Giám binh (Thiếu-Úy) De Soulages cùng với Lãnh binh (Thượng-sĩ) Gruault mang quân, trèo đèo lặn suối suốt 13 tiếng đồng hồ, để đến tấn công căn cứ của Ông Đốc Đạt ở giữa chợ Phố và Hà-Trai. Kết qủa Ông Đề Đạt bị mất 2 người và 4 súng cùng với 180 viên đạn.

Ngày 25 và 26/6/1895, Giám binh (Thiếu Úy) Haguet và Lãnh binh (Thượng sĩ) Fonné tảo thanh vùng Trường Vạt và Cây Khế, để tìm diệt một căn cứ của Nghĩa-quân, mà chúng được tin mới được thành lập.

Ngày 6/7/1895, cả hai tên Pháp nói trên, xuất quân từ Nam-Huân, sau một cuộc chuyển quân cực nhọc, đã đến trước một căn cứ, mới được thành lập, tấn công và đẩy lui Nghĩa-quân ra khỏi vị trí. Nghĩa-quân rút lui không kịp mang theo vũ khí, bị quân Pháp tịch thâu 4 súng do Nghĩa-quân tự tạo, 1 súng lục và 320 viên đạn cùng nhiều lương thực.

Ngày 12/7/1895, Giám binh De Soulages mang quân đi tuần chiến ban đêm đã bắt gặp một đoàn tiếp tế của Nghĩa-quân gồm gạo, mười cá khô v.v... đã bắn chết một Nghĩa-quân hộ tống, tịch thu 1 súng trường, 36 viên đạn và tất cả đồ tiếp tế...

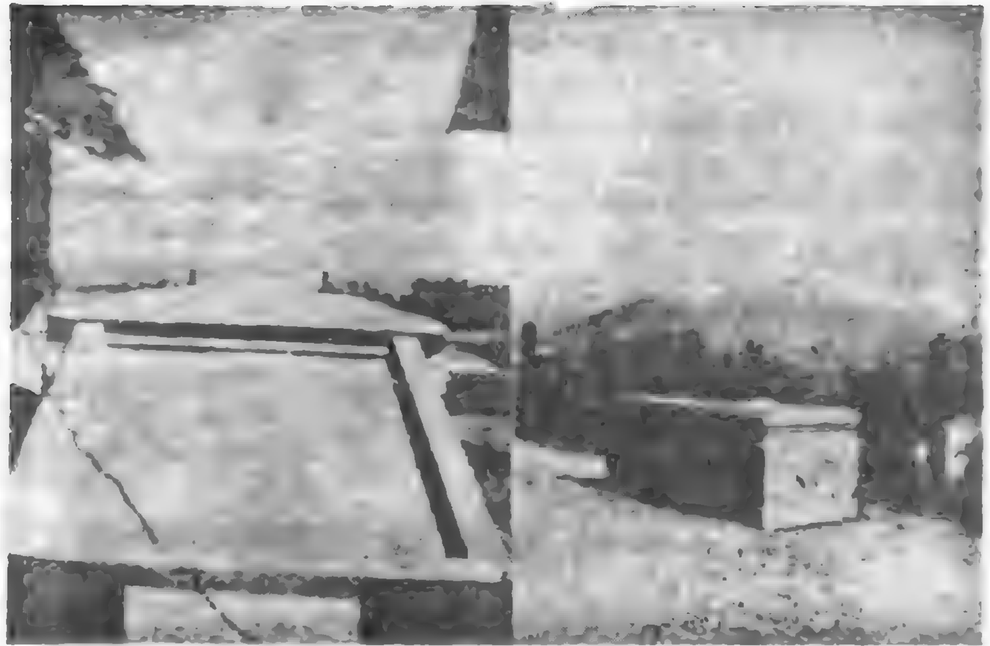
Ngày 19/7/1895, Giám binh Soulages bắt được Lãnh binh Hồ Lai, một đối thủ nguy hiểm của quân cướp nước và bọn phản quốc...

Các Ông Đề Mậu, Đề Vinh và Phó huyện Khâm hoạt động trong rừng núi ở vùng ranh giới các Phủ Qùi Châu, Diễn Châu, và Anh Sơn bị các Lãnh binh Stenger và Renard vây hãm, không xuống được đồng bằng hoạt động. Vì vậy quân sĩ của Nghĩa-quân đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc cấp dưỡng v.v...

Ngày 24/7/1895, Lãnh binh (Thượng sĩ) Marsal chết vì mệt mỏi trên đường hành quân, được Rallier Du Baty (Cùng cấp với Marsal) lên thế, nhưng đến ngày 4/10/1895 thì Baty cũng quy nốt.

Ngày 21/8/1895, các Lãnh binh Stenger và Allain mang quân vượt dãy Khe Da ban, để tấn công vào một tiền đồn của Ông Đề Mậu. Vì bị bất ngờ, nên Nghĩa quân không kháng cự, rút lui, để lại 2 súng trường và một Nghĩa-quân không chạy kịp đã bị bắt. Thừa thế, quân cướp nước và bán nước bèn truy theo đường rút lui của Nghĩa-quân để đánh vào căn cứ chính... Căn cứ này được bao bọc bởi 2 vách đất và hai cái hào cùng nhiều chông... Khi quân cướp nước đến, Nghĩa-quân trong cứ điểm bắn ra rất dữ dội. Quân cướp nước bèn đánh kế nghi binh : Để cho toán quân của Stenger chống trả, còn toán quân của Allain đi vòng sang phía sau và tấn công. Nghĩa-quân lại bị bất ngờ nữa, nên phải rút lui một cách hỗn độn.

Quân cướp nước uy hiếp các Nghĩa-



Bia kỷ-niệm tên Việt-gian Nguyễn-Thân do Vua Thành Thái thiết lập ở Linh - Cảm (Hà Tĩnh) bị xô ngã năm 1918

quân bị bắt hướng dẫn đi truy lùng Nghĩa-quân. Kết qủa, Ông Phan Truyện, một trong các phụ tá của Ông Đề Mậu bị bắt (Ngày 30/8)nhiều Nghĩa quân bị đói, vào các làng kiếm ăn bị bọn phản quốc bắt nộp cho giặc, một số khác đầu hàng...

Vào tháng 10/1895,Ông Đề Vinh và các quân sỹ bị tên quan huyện phản động Thanh Chương truy lùng ráo riết, Nghĩa-quân một số bị bắt, một số đầu hàng trong số có Lãnh binh Cường, Lãnh binh Đinh và Cửu Phẩm Lê Kiều.

Từ tháng 8/1895, bọn phong kiến ở Huế, tiêu biểu là tên vua bù nhìn Thành Thái,đã toa rập với toàn quyền Rousseau và Khâm sứ Brière đưa tên đại Việt gian Nguyễn Thân, đang làm Tổng đốc tỉnh Bình Định, ra làm Khâm sai đại thần Nghệ Tĩnh với nhiệm vụ đàn áp phong trào Văn Thân...

Tên này "thân dẫn một đạo quân 1400 người tới đuổi đánh tên giặc ấy (chỉ Cụ Đình Nguyên) hết núi này đến núi kia" (thư của tên Đại Việt gian khốn nạn Nguyễn Thân gởi cho chủ nó là toàn quyền Paul Doumer trong lúc tên này cuốn gói về nước).

Ngày 15-8-1895, bọn cướp nước và bọn phản quốc mang quân bao vây Vụ Quang vì chúng được tin Cụ Đình Nguyên đang ẩn náu ở đó. Nhưng khi nội bọn đến nơi thì Cụ Đình Nguyên đã đi chuyển nơi khác rồi...

Cái trò "hú tìm" đó cứ diễn ra hằng ngày giữa Nghĩa Quân và bọn cướp nước quanh ba dãy Núi Quạt, Giăng Màn và Vụ Quang. Không chỗ nào Nghĩa Quân ở yên cả. Các quân thứ đều bị hao mòn, mệt mỏi vì bị quân giặc lấn áp, địa bàn hoạt động thâu hẹp, nhiều cấp chỉ huy hèn nhát đầu hàng giặc, nhiều người bị bắt, quân sĩ ốm đau khá nhiều, phong trào Văn Thân ngày càng đi đến chỗ yếu dần... Ngày 21-12-1895, tại Núi Quạt, cụ Đình Nguyên Phan Đình Phùng, vì chịu đựng không nổi vết thương vào bụng, bị đứt ruột, chảy phân (1) trong một trận đụng độ với quân cướp nước và bán nước, cách đó vài ngày, tại núi Vụ Quang, nên đã tắt thở. Khi cụ vừa thở hơi cuối cùng, thì cũng vừa lúc tên Lãnh Binh (Thượng Sĩ) MOUTIN mang quân tới (Tên này rất thông thạo tiếng Việt và địa thế, nên đã theo dõi dấu vết của cụ Đình Nguyên và Nghĩa Quân rất sát) , các cận thần của cụ vội vã dấu xác vào trong một cái hốc cây (2) để hy vọng sau đó sẽ trở lại làm lễ an táng đúng theo lễ nghi dành cho một lãnh tụ. Nhưng bị

---

(1) Có lẽ do ở chỗ đứt ruột và chảy phân nên sau này người ta mới cho là cụ bị bịnh kiết lỵ.

(2) Do cái "Hốc cây" mà người ta cho là khi cụ chết, quân sĩ chặt một cây gỗ vàng tâm, đục ra, để xác cụ vào - Les fidèles du Đình nguyên, forcés de fuir, l'avaient caché dans le creux d'un arbre, espérant pouvoir bientôt revenir et le reprendre pour lui pendre les derniers devoirs - G I. T II, 115).

MOUTIN phát hiện và nhận ra ngay ở chỗ cụ có một ngón tay con ở cạnh ngón tay cái, ở bàn tay phải.

Bọn cướp nước định cho chôn cất Cụ tử tế, nhưng tên Việt gian khốn nạn Nguyễn Thân đã áp dụng thủ đoạn tàn nhẫn cao độ nhất của hắn, hòng trấn áp tinh thần Nghĩa Quân bằng cách đốt xác Cụ Đình Nguyên Phan Đình Phùng thành than và đổ xuống sông La Giang. Cụ mất đúng vào năm 49 tuổi, mặc dù xác của Cụ "đã trở về với tro bụi", nhưng tên tuổi của Cụ trở nên bất tử trong lòng mọi người dân Việt.

Ngày nay, mọi người chúng ta đều cung kính nhắc nhở đến Cụ, ngược lại, chúng ta lại luôn luôn chửi rủa và phỉ nhổ vào mặt tên đại Việt gian Nguyễn Thân về thái độ đê hèn và hành động dao phủ của nó để làm đẹp lòng chủ nó...

Về cái chết của Cụ Phan, có nhiều tài liệu nói khác nhau, có tài liệu thì nói rằng "Cụ bị bệnh chết, Nguyễn Thân đào xác lên định đem đốt thành than, lấy tro trộn với thuốc súng mà bắn đi. Nhưng sau lại cho đem chôn..."

Một tài liệu khác thì lại nói "Cụ bị bệnh kiết lỵ mà chết, Nguyễn Thân cho đào lên, đốt thành than đổ xuống sông". Một tài liệu khác nữa cũng nói tương tự, nhưng thêm là "Nghĩa Quân đã đục một cây gỗ vàng tâm, để chôn cất.v.v..."nhưng vấn đề không có gì là cụ thể cả.

Cụ Phan ra đi, Nghĩa Quân bị hoang mang dao động tột độ : Các Ông Đốc Trạch, Đốc Phương, Đề Mậu, Lê Văn Tắc cùng với 4 người cháu của cụ Đình Nguyên là Phan Đình Nghinh, Phan Đình Phong, Phan Đình Can, Phan Văn Trinh, và Ông Đề Vinh không còn nghị lực chiến đấu nữa nên đã đầu hàng giặc - Quan trọng nhất là vụ Ông Đề Vinh hàng giặc cùng với 55 vũ khí tối tân , 1 khẩu đại bác và 500 trái phá . Các Ông Tôn Thất Hoàng, Hiệp Tuấn, Phan Đình Thoại, Tôn Thất Đính. chiến đấu cho đến lúc bị sa vào tay giặc. Các Ông Đề Đạt.v.v... rút qua Xiêm.

Cuộc vùng dậy Hương Khê bắt đầu từ năm 1885 đến năm 1895, gần 11 năm, thì tàn tạ. Nó là một cuộc vùng dậy oanh liệt vào bậc nhất trong phong trào kháng Pháp của nhân dân ta ở miền Trung. Nếu ta xét về tương quan lực lượng thì ta phải khâm phục ý chí chiến đấu, về tổ chức, sự cấp dưỡng, việc tự tạo vũ khí, kỷ luật ... và việc động viên tinh thần quân sĩ và đồng bào của Nghĩa quân: Nghĩa quân, quân đông tướng ít, lương thực thiếu thốn, vũ khí kém cỏi, mà nhiều phen đã đánh giặc ngay trong sào huyệt của chúng, làm cho chúng nhiều lúc thất điên bát đảo...

Nghĩa quân Hương Khê tan rã, nhưng tinh-thần Phan-Đình-Phùng, Cao Thắng v.v... vẫn tồn tại mãi trong lòng dân tộc Việt...



3.— Cuộc vùng dậy Ba-Đình (1886-1887). (1)

Ba đình được hình thành để hưởng ứng hịch Cần Vương, trong lúc *Vua* Hàm Nghi vừa tới vùng Tĩnh Bình và Tôn Thất Thuyết chưa đi cầu viện ở bên Tàu. Nhiều Văn thân thổ hào đã tập trung ở đây, là nơi giáp giới hai miền Trung và Bắc Kỳ, có nhiều dãy núi cao, rừng rậm chạy dài từ sông Đà ra biển Nam Hải , chặn ngang quốc lộ số 1, giữa Ninh Bình và Thanh Hóa. Vùng này đã hiểm trở, lại phong phú về các tài nguyên, nhân tài, vật lực nên đã đóng một vai trò quan trọng trong việc chặn đường giao thông giữa hai miền Trung Bắc của giặc, mặt khác, lại còn có thể có sự dễ dàng trong việc tiếp tế cũng như rút lui...

Nó như một hòn đảo nổi lên giữa một cánh đồng lầy, chung quanh có lũy tre bao bọc và gồm 3 làng Mỹ Khê, Thượng Thọ và Mậu Thịnh, trong huyện Nga Sơn. Mỗi làng đều là một cứ điểm vững chắc, làng nọ có thể yểm trợ cho làng kia và trở thành một tập đoàn cứ điểm quan trọng bậc nhất của Nghĩa Quân bấy giờ. Ngoài những hào lũy và địa đạo trong các làng, ở ngoài ruộng đầm..., Nghĩa quân cũng đắp cản, cắm cọc... để chống quân cướp. Và sau hết ở ngoài cùng là một vòng đai gồm nhiều đồn bao bọc cả một khu vực.

---

(1) Gọi là Ba-Đình vì ba làng Mỹ-Khê, Thượng-Thọ và Mậu Thịnh có một ngôi đình lớn. Cả khu đó đều được gọi Ba-Đình.

Lãnh tụ của Ba Đình gồm có : Đốc học Phạm-Bành, Đề Đốc Đinh Công Tráng, Đề Đốc Nguyễn Khế và các thổ hào địa phương như Hà-Văn-Mao, Cầm-Bá-Thước v.v...

Đề Đốc Đinh Công-Tráng phụ trách về quân sự, còn Đề Đốc Nguyễn Khế phụ trách phần xây dựng-chính quân Pháp về sau này, khi chiếm được Ba Đình, cũng phải công nhận là Ba Đình được xây dựng bởi những đầu óc tiến bộ. Chiến lược của Ba Đình là : ở vòng ngoài (các làng bao bọc ba làng) dùng du kích chiến để chống giặc, chỉ huy du kích quân là Đề Đốc Trần-Xuân-Soạn (1) và ở trong tập đoàn cứ điểm là phòng ngự chiến lược. Những người không giúp ích gì cho Nghĩa quân đều được cho đi tản cư hết.

Bắt đầu từ tháng 9/1886, Trung Úy Zahner đồn trưởng Tam Cao đã ghi nhận và báo cáo các tin tức về Ba Đình lên cấp trên...

Thấy không thể để "cục bướu" Ba Đình, ngày 18-12-1886, Trung Tá Metzinger chỉ huy vùng Thanh Hóa quyết định đánh vào Ba Đình theo ý niệm như sau : Quân của Metzinger đánh vào phía Tây Nam căn cứ, trong khi quân của Trung Tá Dodds, chỉ huy vùng Nam định đánh vào phía Đông Bắc.

Sau đây là diễn tiến của từng cánh một :

Cánh quân của Dodds, lúc đầu Thiếu Tá Nugent chỉ huy bọn Khố đỏ đã chiếm được một tiền đồn, nhưng sau đó không thể tiến vào phòng tuyến thứ hai được, vì Nghĩa quân ở trong các công sự kiên cố bắn ra làm cho quân Pháp bị tê liệt, Thiếu Úy Audibert và vài tên cướp bị thương.

Cánh của Metzinger, mặc dầu chiến đấu rất gan dạ, nhưng cũng không chiếm nổi một tiền đồn nào của Nghĩa quân cả. Trung Úy Zahner và Thiếu Úy Tuffier chỉ huy tiền quân của Pháp phải tiến quân trong điều kiện hết sức gay go , nước ngập đến vai... Nhưng khi đến gần thì Nghĩa quân trong các công sự bắn ra phát nào trúng phát ấy , Zahner bị một phát vào đầu chết không kịp ngáp, Tuffier lên thế, hò hét xung phong liền bị bắn bị thương cùng vài tên khác...

Thấy núng thế, Thiếu Tá Blaise phải kêu đại bác 80 ly bắn yểm trợ cho quân Pháp rút...

Kết cuộc Pháp bị chết 04 người (trong số có Zahner) và bị thương 9 (trong số có Tuffier và 1 sĩ quan khác.



ĐINH - CÔNG - TRÁNG

Thấy bị thua chua cay, cả Metzinger lẫn Dodds đều quyết tâm phục thù và "bao vây" căn cứ Ba Đình của Nghĩa Quân...

Ngày 31/12/1886, quân Pháp bắt đầu công việc đắp lũy, đào hào dọc bờ đê, cũng như xẻ kinh cho nước thủy triều rút ra, rồi lấp lại không cho nước chảy vào. Đến ngày 05-01-1887 thì xong..

Ngày 06-01-1887, quân Pháp chia làm 3 cánh tấn công vào cứ điểm Thượng Thọ và Mậu Thịnh : Cánh thứ nhất do Trung Úy Drujon chỉ huy; cánh thứ hai (nỗ lực chính) do Thiếu Tá Bouchage chỉ huy; cánh thứ ba do Trung Úy Callot chỉ huy (cánh này có mang theo Công Binh phá hoại), trừ bị do Thiếu Tá Goering chỉ huy. Sau những đợt pháo kích nặng nề, cả 3 cánh quân đã sẵn sàng xung phong... Cánh Drujon tiến đến cách phòng tuyến của Nghĩa quân 100 thước thì gặp một hàng rào tre, quân Pháp phải liều chết xông lên đặt chất nổ và chặt phá mới chọc thủng được hàng rào của Nghĩa quân, chúng vừa vào được một số thì bị Nghĩa quân bắn ra ráo riết, khiến cho Drujon và 1 Sĩ quan khác (Trung-Úy Fauret) bị thương phải rút ra; cánh Bouchage tấn công về phía bên trái của cánh Drujon, khi đến cách phòng tuyến của Nghĩa quân khoảng 20 thước cũng bị chặn lại. Trung-Úy Lambelin, cùng vài tên khố đỏ, công binh v.v... bị đạn phải bỏ chạy. Cánh Callot tiến đến định dùng chất nổ phá phòng tuyến của Nghĩa quân, nhưng cũng bị Nghĩa quân bắn chéo cánh sẻ bị thương nhiều nên cũng phải rút lui.

---

(1) Đã bỏ Ông Thuyết ở lại Tàu để trở về Việt - Nam tiếp tục kháng chiến.

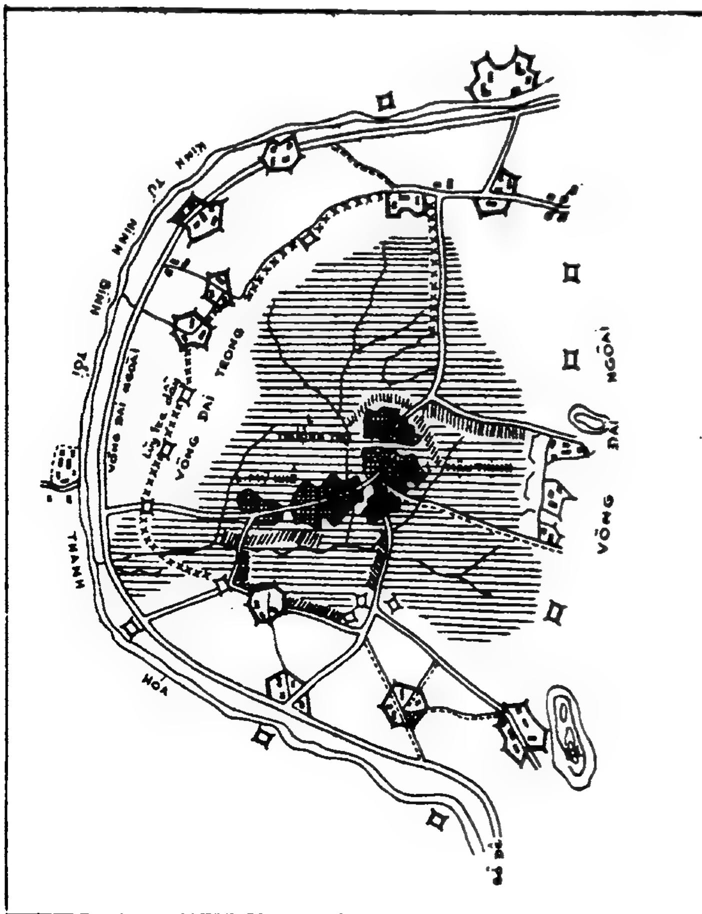
Dodds và Metzinger thấy tình hình qúa khó khăn và bất lợi, bèn cho thổi kèn lui quân toàn thể, nhưng cánh quân Bouchage (nỗ lực chính) tiến qúa sâu, thành ra phải dùng pháo binh yểm trợ và cho Thiếu Tá Goering (trừ bị) đem quân vào tiếp cứu để rút ra. Trong lúc tiến vào để tiếp cứu quân bạn thì Georing bị thương và khi rút ra Bouchage cũng bị thương.

Như vậy lần này, mặc dù quân Pháp xử dụng tối đa hỏa lực, nhất là hỏa lực Pháo Binh, nhưng chẳng những không phục thù được mà lại còn bị thua đậm hơn : 15 tên chết (trong số có 4 tên Âu Châu và 11 tên Khố đỏ phản quốc), 36 tên bị thương (trong số có 4 Sĩ quan và 11 tên Âu Châu, còn lại là bọn Khố Đỏ).

Để trả thù, quân Pháp cử Đại Tá Brissaud đến thay quyền tổng chỉ huy có Đại Úy D'Amade Tham Mưu Trưởng và Đại Úy Joffre Chỉ huy Trưởng Công Binh - và vơ vét lính ở khắp nơi để tăng cường cho cuộc hành quân vào Ba Đình.

Brissaud liền chia lực lượng làm hai cánh:

Cánh Bắc : Do Trung-Tá Dodds chỉ huy gồm có : 2 Đại-Đội Lê-Dương, 1 Đại đội Thủy quân, 5 Đại Đội Khố đỏ Bắc Kỳ, 2 Trung đội đại bác 95 ly, 2 Trung đội đại bác 80 ly, 2 Trung đội liên thanh Hotchkiss,



Cánh Nam : do Trung Tá Metzinger chỉ huy, gồm có : 2 Đại đội Bộ Binh Phi Châu, 2 Đại đội Thủy Quân Lục Chiến , 1 Trung đội Thám kích Nam Kỳ, 3 Đại đội Khố đỏ.

Tổng cộng : 78 Sĩ quan, 1.580 lính Âu Châu, 1.950 lính Khố đỏ và thám kích phản quốc Việt-Nam - Chưa kể 5.000 dân phu và lực lượng yểm trợ Hải quân gồm 4 pháo hạm "Estoc", "Bossant", "Moulin" và "Avalanche"..

Và hành quân theo ý niệm (rút ra từ kinh nghiệm cuộc bao vây thành Puebla ở Mexique) một mặt, bao vây hai lượt dày đặc, để trong căn cứ và bên ngoài không thể áp dụng thế liên hoàn được, mặt khác, lập công sự và đào giao thông hào lấn chiếm từng bước một, cho đến khi đến gần thì dùng hỏa lực tối đa yểm trợ cho quân xung phong thanh toán mục tiêu...

Ngày 15-1-1887, quân Pháp đã bao vây và lập xong một vòng đai công sự và giao thông hào v.v... đến cách phòng tuyến của Nghĩa quân có khoảng 100 thước vì chúng không hiểu rõ cách bố trí của Nghĩa quân ra sao, nên cứ dùng đại bác pháo kích liên tiếp vào các cứ điểm của Nghĩa quân để quấy rối, nhưng không tiến quân. Rồi thỉnh thoảng quân Pháp lại bắt được vài Nghĩa quân ở trong trốn ra (vì sợ đại bác của giặc), nên mới biết cách bố phòng ở trong và chiến lược chiến thuật của Nghĩa Quân.

Sau cùng ngày 20-1-1887, quân Pháp chia làm 3 cánh, dùng đại bác dọn đường và mở được một đột khẩu phá ở phía Bắc cứ điểm Thượng Thọ, rồi tràn vào dùng vòi phun dầu hỏa đốt cháy các công sự và nhà cửa ở bên trong cứ điểm. Trong lúc ấy, các Nghĩa Quân vẫn nấp sau các lũy tre trát bùn bắn ra, rồi đến tối lại xông ra giết địch. Quân Pháp, mặc dầu bị thiệt hại, nhưng vẫn cố bám trận địa và ra sức đốt và bắn phá, khiến Ba Đình trở nên một biển lửa (chúng bắn tới 16.000 trái đạn đại bác), nên đến 22 giờ (ngày trên), Ông Đinh-Công -Tráng phải ra lệnh mở đường máu rút lui. Lúc này lại xảy ra một trận đánh kinh hồn, mà hai bên chỉ nhận nhau qua ánh lửa của các viên đạn bắn ra... Chính lúc này, quân Pháp lại phải đương đầu với 2.000 quân của ông Đề Soạn từ các vùng lân cận đánh lén vào sau lưng, để tiếp tay cho quân bạn thoát khỏi vòng vây... Tưởng cũng cần nói thêm là trước đó ít ngày, Đề Đốc Tráng đã viết thơ cho

Đề Đốc Soạn ở Quảng Hóa nói rằng Nghĩa quân sẽ rời khỏi cứ điểm, vì lý do rất nhiều tên giặc bị chết rải rác chung quanh vị trí, nước tù hãm hôi thối, do đó nhiều người đã bị bệnh tật..., nên buộc phải chuyển đến nơi khác, để tiếp tục kháng chiến, chớ không phải Nghĩa quân thế cùng lực kiệt và mất tinh thần...

Sáng hôm sau, 21-1-1887, quân Pháp vào bên trong các cứ điểm thì chỉ thấy nhiều xác chết (Nghĩa quân và quân Pháp) nằm ngổn ngang, máu đổ tứ tung, ruồi nhặng bay loạn xạ, nhiều chỗ hãy còn cháy, nhà cửa, công sự đổ vỡ hỗn độn... Ngoài sân đình, trong số các xác chết có xác của ông Đề Khế...

Tổng kết về phía Nghĩa Quân, theo báo cáo của ông Đinh-Công-Tráng, thì Nghĩa Quân có khoảng 150 người chết. Nhưng theo tài liệu của Pháp thì có khoảng 500 Nghĩa quân chết - Con số sau này, cũng như con số của ông Đề Tráng không có gì là xác thực lắm. Tuy vậy, Nghĩa quân cũng hy sinh rất nhiều mà quân Pháp chết cũng không phải là ít...

Sau trận này, tên Brissaud được thăng Thiếu Tướng.

Cuộc chiến ở tập đoàn cứ điểm Ba Đình bị thất bại do ở chỗ :

- Tương quan hỏa khí giữa hai bên quá chênh lệch, mà Nghĩa quân lại áp dụng phòng ngự chiến lược là một điều sai lầm căn bản.

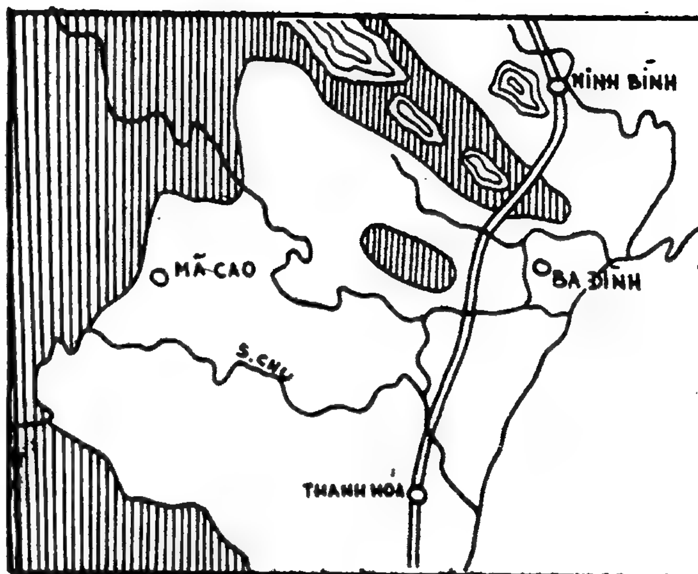
- Không có sự phối hợp hoạt động nhịp nhàng giữa du kích chiến lược (của ông Đề Soạn ở vùng lân cận) ở bên ngoài và phòng ngự chiến lược ở bên trong .

- Việt-Nam lúc bấy giờ có rất nhiều tên phản quốc chạy theo giặc, đi đánh thuê, chết thế và chỉ điểm cho chúng...

- Hoạt động của Nghĩa quân ở Trung cũng như ở Bắc đều có tính cách lẻ tẻ, chứ không có gì là thống nhất cả - mạnh ai nấy đứng ra hô hào kháng chiến, không nằm trong một hệ thống toàn bộ, mà chỉ nằm trong cục bộ lẻ tẻ...

Sau trận này - một trận mà Quan Pháp cho là "đại thắng" - quân Pháp và bọn bán nước ở Huế đã cho dựng một tấm bảng ở trên viết :

"Đây là ba làng Mỹ Khê, Thương Thọ và Mậu Thịnh đã bị triệt hạ, vì bọn cướp và phiến loạn đã xây thành đắp lũy ở chốn này, mà dân chúng không báo trước với các nhà chức trách. Các làng ấy từ nay phải biến mất trên mặt đất này. Những kẻ phạm tội sẽ bị trừng trị..."



Bản đồ tổng quát Ba-Đình — Mã-Cao

QUÂN PHÁP TRUY KÍCH NGHĨA QUÂN

Về phía Nghĩa quân, sau khi mở đường máu rút khỏi tập đoàn cứ điểm Ba Đình, đã rút về Mã-Cao...

Mã Cao là một cứ điểm nằm giữa rừng rậm và núi cao, có đường xuyên sang Lào và lên Vân Nam. Ngoài ra còn có nhiều nhánh sông từ biển chảy vào như sông Lèn, sông Mã, sông Chu vượt qua miền đồng bằng, để tiến qua các vùng thượng du Thanh Hóa và ngược ra Ninh Bình, song song với đường bộ ra Bắc Kỳ.

Nghĩa quân xây dựng cứ điểm ngay ở cạnh chỗ lượn của con sông sâu tới 15 thước và rộng tới 40 thước, được coi như là một chiến hào thiên nhiên. Giữa lòng sông đá lởm chởm, cửa sông có một con đê được dân địa phương đắp lên để ngăn lụt, Nghĩa quân đào một chiến hào chạy dọc theo bờ đê. Ngoài pháo đài chính, Nghĩa quân còn thiết

lập 6 pháo đài phụ bao bọc chung quanh, rải rác trong một khu vực rộng 3 cây số vuông và chúng (các pháo đài) ẩn trong các bụi rậm, một số được dùng làm xưởng làm thuốc súng. Khu rừng kế cận gọi là khu rừng Cu Bao cũng được Nghĩa quân đào công sự chằng chịt, để làm giảm bớt sức tiến quân của địch trong trường hợp chúng tấn công vào...

Cứ điểm Mã Cao được tù trưởng Hà Văn-Mao (tức cai Mao), cùng một số Nghĩa quân và quân Cờ Đen chống giữ.

Khi Nghĩa quân Ba Đình vừa rút khỏi, thì quân Pháp cũng tổ chức nhiều cánh quân lưu động (ngay trong ngày 21-1-1887) để truy kích.

Cánh Joffre đi truy lùng Nghĩa quân trong vùng Đò Lên và trong dãy núi ở giữa Thanh Hóa và Ninh Bình ; cánh Brissaud (gồm có Dodds lẫn Metzinger) đi truy lùng Nghĩa quân ở trong dẩy núi ở giữa Phủ Quảng và Phủ Thọ... Nhưng không thấy tăm hơi Nghĩa quân đâu cả.

Sau đó quân Pháp loan truyền là chính thức giải tán các cánh quân để đánh lừa Nghĩa quân. Nhưng thực ra chúng vẫn đang chuẩn bị một cuộc hành quân truy lùng khác...

Ngày 2-2-1887 quân Pháp chia làm hai cánh :

Cánh thứ nhất (phải) do Trung Tá Dodds chỉ huy tiến quân vào Phủ Quảng.

Cánh thứ hai (trái) do Trung Tá Metzinger chỉ huy tiến theo hữu ngạn sông Mã đến Phủ Thọ

Cánh thứ ba (giữa) do Thiếu Tá Diguet chỉ huy.

Thiếu Tá Nugent chỉ huy toán trừ bị lưu động.

Tất cả lặng lẻ tiến đến gặp nhau ở Bùi Hạ.

Khi đến Bùi Hạ, quân Pháp nhờ Việt gian bắt giúp 2 nông dân, mà chúng nghi là Nghĩa quân, uy hiếp họ chỉ dẫn căn cứ của Nghĩa quân. Vì bị uy hiếp, hai người này định dẫn địch loanh quanh để cho Nghĩa quân biết mà chận đánh, hay chuẩn bị đối phó... Nhưng quân Pháp khôn ngoan và cứ đi thẳng đến sào huyệt của Nghĩa quân ở Mã Cao. Khi đến một thung lũng, sau khi qua một con suối, thì súng của Nghĩa quân bắt đầu nổ. Lập tức quân Pháp dàn quân để tấn công và phòng ngừa Nghĩa quân ở bên ngoài tấn công vào... Cánh quân của Dodds chuẩn bị đánh vào bên phải, cánh quân của Metzinger chuẩn bị đánh vào bên trái v.v... Cánh quân của Diguet tiến thẳng..., nông dân bị uy hiếp dẫn đường cho Pháp, vùng bỏ chạy kêu báo động cho Nghĩa quân, bị bọn phản quốc bắn chết. Quân Pháp vẫn tiến tới. Nghĩa quân đã dàn sẵn trong các vị trí chiến đấu, dùng loa kêu gọi bọn phản quốc hãy bắn vào đầu cướp và quay về với Tổ quốc... Quân Pháp dùng súng cối bắn vào các nơi có khói thuốc súng bay ra. Trong các pháo đài ở trong các bụi rậm, Nghĩa quân tập trung hỏa lực bắn cánh sẻ vào bọn Pháp. Địch bị chận... Tới chiều, cuộc chiến vẫn chưa ngã ngũ Đến tối, Nghĩa quân sợ địch dùng một quân số đông đảo, để bao vây lâu ngày căn cứ thì sẽ bất lợi như trường hợp Ba Đình, nên cho lệnh bắt đầu rút lui... Quân Pháp lọt được vào giữa căn cứ thì Nghĩa Quân triệt thoái về phía Nam. Khi quân Pháp xông vào pháo đài chỉ huy thì một Trung Úy Thủy quân Lục Chiến bị bắn chết tươi. (Trung Úy Causé cùng nhiều tên Khố đỏ, Khố xanh Bắc Kỳ cũng bị thương khi vào pháo đài). Sáng hôm sau, quân Pháp sửa soạn đánh tỏa ra các pháo đài chung quanh thì Nghĩa quân đã rút từ bao giờ...

Đến đây cuộc kháng chiến của sĩ dân trong vùng này lịm dần... Các lãnh tụ như Phạm Bành phải ra trình diện với giặc để cứu mẹ và con, khi mẹ con ông được trả tự do thì ông tự vẫn ngay ngày hôm đó (trường hợp này là do bọn phản quốc "mách nước" với chủ (cướp) của chúng là cứ bắt cha mẹ, vợ con của các Nghĩa quân thì họ - vì chữ hiếu - sẽ phải ra nộp mình), còn ông Đinh-Công-Tráng thì đến ẩn náu tại làng Tăng Yên (Nghệ-An) để cố gắng thu thập tàn quân và chiêu mộ thêm Nghĩa quân tiếp tục cuộc chiến, nhưng bị tên lý trưởng làng nầy mật báo với Thiếu Tá Coste, Đồn trưởng Đô Lương, trên sông Cả vào ngày 5-10-1887. Lập tức Coste cùng Trung Úy De Fitz Jammes, mang 65 lính, dùng thuyền ngược dòng sông ... Đến 3 giờ sáng thì bọn cướp xông lên chiếc nhà sàn ông đang trú ngụ, ông chỉ kịp bắn hạ hai tên giặc, rồi chính ông cũng bị Coste và một tên phản quốc khác bắn ngã cùng với người em vợ...

Sau trận Ba Đình, Pháp phê bình ông Đinh Công Tráng "ông hiểu mình hiểu người nên không bao giờ dùng quân một cách vô ích. Ông còn là một chiến lược gia đáng phục vì giỏi lập trận thế, có tài bố trí quân-đội và nhử địch vào những nơi nguy hiểm..."

Ba Đình và Mã Cao bị đánh tan, nhưng tinh-thần của nó vẫn còn sống mãi và quân Pháp lại còn phải đương đầu với rất nhiều cuộc vùng dậy khác tương tự như Ba Đình và Mã-Cao...



4.– Cuộc vùng dậy Hùng-Lĩnh (1886-1892).

Cuộc vùng dậy Hùng Lĩnh (Thanh-Hóa) bột phát đồng thời với Ba-đình, Mã cao và Bãi sậy... vào lúc phong trào Cần-Vương đang lan rộng và do Ông Tống-Duy-Tân, một nhà khoa bảng đã từng giữ chức Sơn Phòng sứ ở địa hạt này lãnh đạo - Ông đậu Tiến sĩ năm 39 tuổi dưới đời Tự Đức - Phụ tá cho ông còn có Ông Cao-Điền và tù trưởng Cầm-Bá-Thước nữa.

Theo sử liệu thì cách tổ-chức của Nghĩa quân lúc bấy giờ gồm những Hương binh ở các làng... Cứ mỗi Huyện có một Cơ (khoảng 200 người) do một Cơ trưởng là người trong Nghĩa đảng chỉ huy. Đối với nhân dân, dù là người Kinh hay người miền núi, lúc bấy giờ tham gia Nghĩa quân là một nghĩa vụ và người người đều nô nức tham gia kháng chiến...

Chiến lược của Nghĩa quân Hùng Lĩnh là phòng ngự và du kích, nhưng chủ yếu là phòng ngự - chọn những nơi địa thế hiểm yếu, lập công sự vững chắc để đương đầu với quân cướp nước.

Lần thứ nhất (năm 1886), đương đầu với quân sĩ của Thiếu Tá Térillon ở Xã Đông Khố, Nghĩa quân của Ông Tống -Duy-Tân đã đánh bại được quân Pháp và giết được nhiều tên. Nhưng sau đó, vì Ba-Đình và Mã-cao bị thất thủ, áp lực của giặc Pháp qúa mạnh, nên Ông phải bỏ chạy ra Bắc Kỳ rồi qua Tàu...

Đến tháng 11-1888, sau khi Vua Hàm-Nghi bị nội phản và bị bắt, Ông Tôn-Thất-Thuyết ra lệnh cho Ông Tống-Duy-Tân trở về nước để tiếp tục cuộc kháng chiến.

Đầu năm 1889, Ông lập cứ điểm ở Vân-động tại miền Tây Thanh-Hóa, cách Nông-Cống về phía Tây Bắc 20 cây số. Ông cho đào hào, đắp lũy... có ý dùng nơi này làm căn cứ kháng chiến, được nhân dân (Kinh cũng như Mường) nhiệt liệt hưởng ứng và ủng hộ.

Ngày 8-10-1889, Thiếu Úy Marfond, Trưởng đồn Nông Cống, đem 4 lính Pháp và 20 thám kích bản xứ (bọn phản quốc) đến đánh vào Vân Động. Gần đến nơi, chúng bị Nghĩa quân phục sẵn trong các vị trí, bắn ra như mưa. Kết qủa, tên Marfond, 4 lính Pháp và 6 khố xanh bỏ mạng, các tên khác chạy trối chết về Nông-Cống.

Ngày 11-10-1889 quân Pháp từ Thanh-Hóa mang 180 lính vào phục thù. Lần nầy, cũng như lần trước, 12 tên cướp nước và bán nước bỏ xác tại trận. Nghĩa quân vẫn giữ vững vị trí...

Ngày 22-10-1889, Đại-Tá Barbaret chỉ-huy 185 quân cũng từ Thanh-Hóa đến... Khi quân Pháp đến nơi, thì Nghĩa-quân đã rút qua Đa bút, một cứ điểm hiểm yếu hơn, chúng liền truy kích theo. Đến ngày 2-11-1889 thì quân Pháp và Nghĩa-quân gặp nhau, đánh nhau suốt mấy ngày; đến ngày 3-11-1889, Nghĩa-quân lại rút qua phía Bắc Phố-Cát, quân Pháp lại truy theo ... Không kết qủa, quân Pháp phải trở về Thanh-Hóa vào ngày 9-11-1889 - Đến cuối tháng này thì một số Nghĩa-quân của ông Đề-Soạn cũng đến tăng cường cho Nghĩa-quân của Ông Tống-Duy-Tân...

Thực dân Pháp bắt đầu lo ngại và thấy cần phải trấn áp phong trào Hùng Lĩnh, để cho ảnh hưởng của nó không lan tràn sang các vùng khác và cử Trung Tá Lefèbvre thay thế Đại-Tá Barbaret đến chỉ huy cuộc càn quét vào đây...

Lefèbvre thành lập một cánh quân gồm có 1 đại đội TQLC (-), 1 Trung đội khố đỏ, 1 Trung đội thám kích, được tăng cường thêm 1 khẩu sơn pháo 80 ly để đánh Nghĩa quân - lúc này đang ở Vạn Lại, cách tỉnh lỵ 30 cây số về phía Tây - Ngày 30 - 11 - 1889, chúng đã đến trước Vạn-Lại. Đến nơi, quân cướp nước chưa dám tấn công ngay vì chúng còn phải điều tra tình hình mọi mặt rồi mới ra tay... Khi quân Pháp vừa bắt đầu nổ súng thì Lefèbvre đã ngã gục, phải trở về Thanh



TỐNG - DUY - TÂN

Hóa để điều trị, Đại Úy Colleta lên thay liền rút quân về Yên Lược, ở phía nam Vạn Lại...

Đêm 1 rạng ngày 2-12-1889, thừa thế, Nghĩa quân tấn công vào Yên Lược. Sau 2 giờ nổ súng, Nghĩa quân toan đốt Yên Lược, nhưng bị chống trả mạnh nên phải rút lui.

Để phục thù, lần nầy chúng cử Trung-Tá Jorna De Lacale đem 500 quân, 2 khẩu đại bác đến tấn công Nghĩa quân. Nhưng Nghĩa quân đã rút đi vị trí khác. Quân Pháp đuổi theo không kết qủa. Đến ngày 12-12-1889, quân Pháp đến đóng hẳn ở Yên-Lược để chận đường xuống đồng bằng của Nghĩa quân...

Đến ngày 20-12-1889, quân cướp nước mở cuộc càn quét vào các làng khả nghi tới ngày 25-12-1889 mới ngưng, sau khi chẳng thấy bóng dáng Nghĩa quân đâu cả.

Ngày 30-12-1889, được tin của bọn phản quốc báo là Nghĩa quân hiện đang ẩn náu ở làng Sẻ, chúng liền kéo quân đến... Và đến trưa ngày 1-1-1890 thì chúng gặp 400 Nghĩa quân, trang bị 140 tay súng, ở trong làng chiến đấu Kềm. Quân cướp nước liền nã đại bác vào làng, để dọn đường cho quân sĩ xung phong... Hai bên đánh cận chiến, Đại Úy Christophe bị thương và nhiều tên cướp nước khác vong mạng, (3 chết 12 bị thương) thì trời cũng đã tối và Nghĩa quân cũng rút luôn.

Đêm 5 rạng ngày 6-3-1890, vào lúc 2 giờ sáng, Ông Cao-Điền chỉ huy 200 Nghĩa quân, áp dụng chiến thuật "Vi điểm đả viện" để đánh vào đồn Nông Cống. Ông cho phá cầy cầu gần đồn, đốt trụ sở Huyện lỵ, đồng thời tung tin là sẽ tiêu diệt đồn nầy trong đêm kế tiếp... Trưởng đồn là Lãnh binh (Thượng sĩ) Jolly liền cấp báo về tỉnh Thanh Hóa...

Ngày 6-3-1890, Công sứ Lebrun cùng các Lãnh binh (Thượng sĩ) Savereux, Détienne, Miche, Rémy mang quân đến tăng viện cho Nông Cống...

Nhưng trải qua hai ngày, bọn này không thấy động tĩnh gì hết bèn kéo quân về... Trên đường về, mật báo viên báo cho chúng biết là quân của Ông Cao-Điền hiện ở trong hai ba làng ở phía trước... Lebrun liền cho 2 tên liên lạc về Thanh Hóa để lấy thêm quân. Nghĩa quân bắt được một trong hai tên này liền trừ khử nó và nhờ đó đặt kế hoạch phục kích...

Qủa nhiên quân cướp nước tiến quân qua một trong ba làng nói trên, bị lọt ổ phục kích, đã được Nghĩa quân "đón" bằng những loạt đạn ác liệt..., phải chạy vong mạng về đồn Nông-Cống, sau khi đã có một số bị loại khỏi vòng chiến...

Cũng chính lúc Lebrun bị đánh thì Jolly ở đồn Nông Cống cũng đem 30 tên khố xanh đi tiếp lực nhưng Lebrun đã chạy gần về đến đồn.

Trong khi đó tại Thanh Hóa, Phó sứ Neuville được tin Lebrun bị phục kích cũng mang 100 khố xanh đi tiếp cứu, nhưng Lebrun đã thoát được về Nông Cống... Còn về phần Nghĩa quân thì sau trận này đã rút về Yên Lãng thuộc Phủ Thọ-Xuân.

Ngày 29-03-1890, Pháp mang 200 quân và 1 Trung Đội phao binh đến bao vây Yên Lãng. Chúng chia làm 2 cánh : 1 do Giám-binh (Thiếu Úy) Gruber chỉ huy từ Thanh Hóa tiến vào, và 1 do Giám binh (Thiếu-Úy) Grosgurin từ đồn Nông - Cống tiến sang Yên Lãng. Trong trận này, Nghĩa quân bị thất lợi và mất một số người chết và bị thương, trong số chết có viên Chánh tổng Yên Lãng. Quân Pháp có vài tên bị thương.

Ngày 16-4-1890, tiền đồn Na-Lung và cứ điểm Phúc Sơn của Nghĩa quân bị các cánh quân Gruber và Grosgurin tiếp tục tấn công... Trận này Nghĩa quân bị chết 5 người, mất 6 súng và một số đạn. Thua ở Na-Lung và Phúc Sơn, Nghĩa quân rút về làng chiến đấu Thanh-Khoái. Tại đây, Nghĩa quân có tới 400 người, 160 tay súng và 2 đại bác bố trí giữ làng...

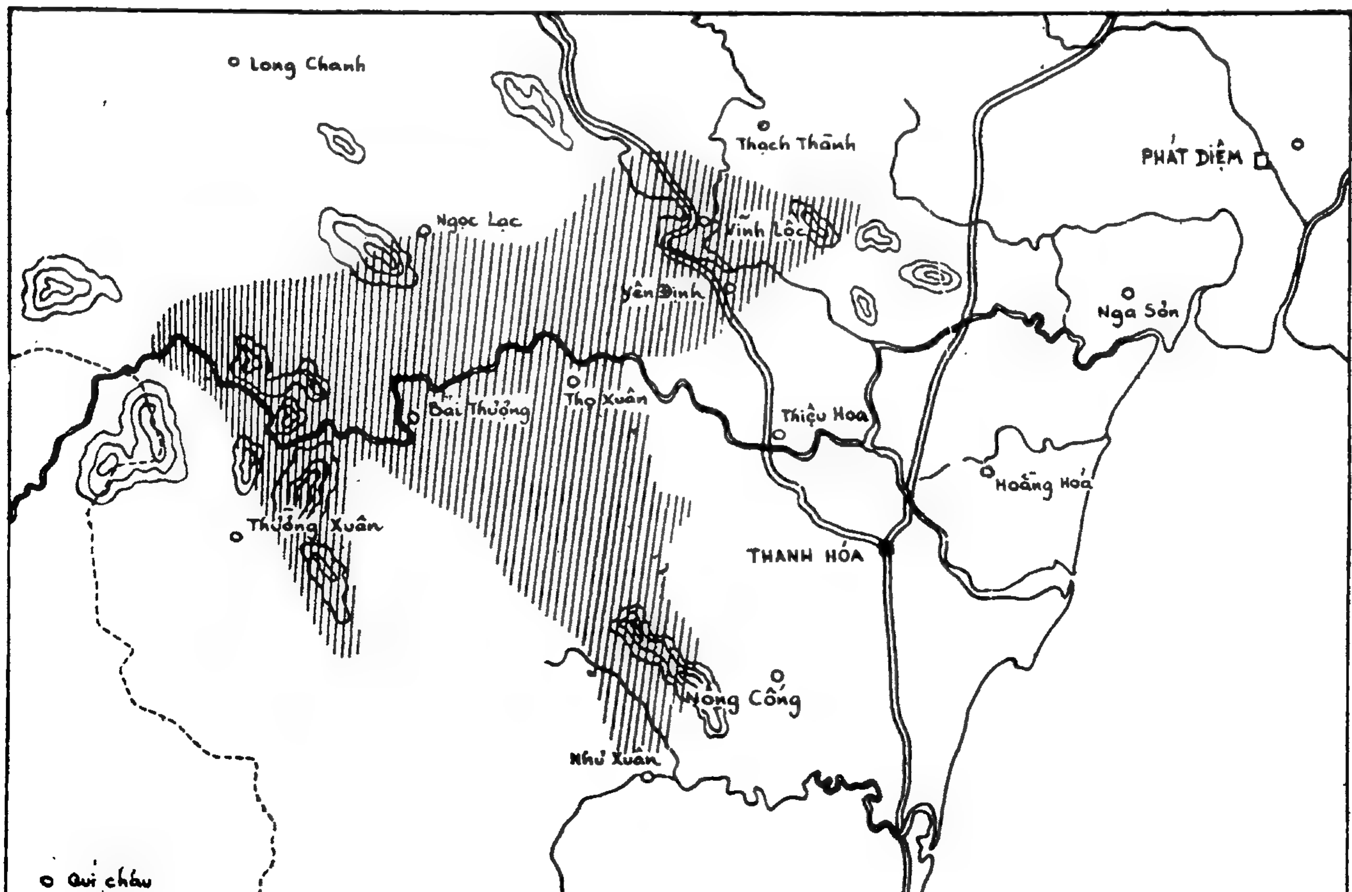
Ngày 29-4-1890, Nghĩa quân "tao ngộ" với quân cướp nước tại Mỹ Hòa. Sau một hồi giao tranh kịch liệt, Nghĩa quân rút về cứ điểm Thanh Khoái. Quân cướp nước liền chia làm 3 cánh : 1 cánh đánh thẳng vào cứ điểm, 1 cánh đánh vào bên sườn, và 1 cánh chặn đường rút lui của Nghĩa quân mà cũng là cánh trừ bị (để cách xa 1.500th). Mặc dầu địch đông, vũ khí nhiều, nhưng chúng cũng không thể đánh bại được Nghĩa quân. Sau 4 tiếng đồng hồ giao tranh kịch-liệt, (từ 15 giờ đến 19 giờ) quân cướp nước đã bị thua đau : Lãnh binh (Thượng-Sĩ) Bonnet và 1 số (6 tên) vong mạng, Lãnh binh (Thượng-Sĩ) Viala cùng một số khác (7 tên) bị thương. Thắng xong trận này, Nghĩa quân lại rút về cửa Đạt.

Tháng 10-1890, 225 quân cướp nước do giám binh (Thiếu Úy) Boudon chỉ huy lại đến tấn công cửa Đạt. Vì thấy thất thế Nghĩa quân lại rời qua Ôn-Lâm.

Ngày 21-2-1891, Nghĩa quân tập trung cả ở làng Vinh (cả Ông Tống lẫn Ông Cao đều có mặt ở đây), lấy núi cao, sông sâu làm thế hiểm : Quân cướp nước do tên Giám binh (Trung Úy) Soler, các Lãnh binh (Thượng sĩ) Henschell Marlier, Normand chỉ huy đến tìm diệt... Chúng không biết đường bèn bắt Lý trưởng Làng Vinh dẫn đường... Khi chúng chỉ còn cách cứ điểm của Nghĩa quân (sau khi đã từ một đỉnh núi cao lặng lẻ tiến xuống) khoảng 60 thước, thì bị nổ súng. Quân cướp nước không tiến được. Hôm sau (22-2-1891), chúng lội vòng qua một con suối nhỏ để đánh bất ngờ vào phòng tuyến của Nghĩa quân. Kết qủa, Nghĩa quân bị đánh bật ra khỏi Làng Vinh, bỏ lại 16 súng, đạn dược, 2 súng đại bác cố định và nhiều dụng cụ đúc súng đạn khác.

Từ cuối tháng 2 đến hết tháng 3-1891, Nghĩa quân đến hồi suy tàn, thua luôn mấy trận, mất nhiều người và súng đạn...

Rồi từ tháng 4/1892 trở đi thì Nghĩa quân không còn qúa 100 quân với 50 tay súng. Hai lãnh tụ Tống và Cao phải chạy qua Chính-Văn, không còn lạc quan như mấy năm trước nữa bởi vì nhân dân bị quân cướp nước và nhất là bọn phản quốc khủng bố dữ qúa, không thể giúp Nghĩa quân như trước được. Hai ông đành giải tán các chiến hữu cho về quê làm ăn, chỉ còn giữ một số ít tình nguyện theo hai ông đến cùng.



Bản đồ hoạt động của Nghĩa - Quân Hùng - Lĩnh

Từ ngày 24-9-1892, Công Sứ Thanh Hóa là Boulloche cùng với 1 toán quân, đem tên Nguyệt, con trai Cai Mậu, là một cấp chỉ huy cũ của Nghĩa quân và chú Nguyệt là Trương Lương đi do thám...

Trước hết, Boulloche đến nhà Thổ ty Huế, một tù trưởng Mường từ lâu vẫn giúp Nghĩa quân và trước đây mấy ngày, Ông Cao-Điền có mặt tại nhà viên tù trưởng này - Trước khi quân Pháp đến, viên Tù trưởng đã cho người dẫn ông Cao sang nhà Ông Đốc Tống ở làng Chánh để ẩn... Boulloche hạch hỏi, Huế trả lời là không biết đích xác chỗ Ông Cao ẩn. Tuy vậy cũng dẫn quân Pháp đi truy lùng...

Ngày 3/10/1892, sau 40 tiếng đồng hồ di-chuyển qua các núi rừng, quân Pháp đã gặp Nghĩa-quân. Sau khi chống trả tuyệt vọng, cứ điểm của Nghĩa-quân bị bọn khố xanh chiếm. Kết qủa, quân sỹ của ông Cao-Điền bị chết 10, bị bắt 2, mất 10 súng, ông Cao đã thoát khỏi cùng với 3, 4 người và 2 súng...

Với kết-qủa đạt được và với ước tính rằng Lãnh-tụ Tống-duy-Tân chắc hẳn còn luẩn quẩn đâu đây, nên Boulloche lại trở lại nhà Thổ ty Huế và lần này hăm dọa sẽ giết Huế, nếu Huế không chịu khai... Vợ Huế sợ qúa bèn thú nhận là biết chỗ ông Tống ẩn náu và xin dẫn đi ...

Cuộc truy lùng diễn ra ngay chiều ngày 4/10/1892 và do lãnh binh Henschell và 20 khố xanh đảm trách. Đường đi hết sức khó khăn, lên thác xuống ghềnh, thật là vất vả... Mãi đến 6 giờ sáng ngày 5/10/1892, mới đến được chỗ ẩn của ông Tống-duy-Tân. Ông Tống ẩn trong một cái động sâu trên 2 cây số, ở cửa động có một khẩu đại bác đã châm ngòi... Quân Pháp không dám xông vào động, một lần nữa ông Tống lại thoát hiểm và trốn vào rừng Sơn-Dương (1).

Sau chót, Công-sứ Boulloche dùng tiền tài, danh vọng, để treo giải cho những ai chỉ điểm nơi ẩn náu của ông Tống và kết qủa là Ông Tống bị chính tên học trò của ông là tên Cao-ngọc-Lễ, vì bả lợi danh làm mờ mắt, đã phản phúc ông, chỉ nơi ông ẩn náu trong rừng Sơn-Dương, để cho bọn cướp nước đem quân đến bắt rồi đem chém bêu đầu tại Thanh-Hóa; Còn tên phản quốc Lễ được giặc ban cho chức Tri-huyện. Rồi nhờ tài chém giết nhiều đồng bào để lập công, tên này lại được thăng chức Án-sát. Kể ra tên này cũng thuộc loại khuyển mã như các tên Hoàng-cao-Khải ở miền Bắc, Nguyễn-Thân ở miền Trung Trung-Kỳ và tên Tổng-đốc Phương ở Nam Kỳ. Trong dân gian lúc bấy giờ có truyền tụng đôi câu đối :

> "Vô địa khả dung CAO NGỌC LỄ
> Hữu tiền nan mãi TỐNG DUY TÂN"

dịch :

> "Không đất để dung CAO NGỌC LỄ
> Có tiền khôn chuộc TỐNG DUY TÂN"

Hai câu đối này đủ nói lên lòng thương tiếc các nhà ái-quốc cũng như căm ghét và khinh bỉ bọn phản quốc của nhân dân...

Sau khi ông Tống-Duy-Tân hy-sinh, Boulloche lại cho quân đi truy-lùng ông Cao-Điền. Nhưng ông Cao đã ra Bắc và nhập với Nghĩa-quân Yên-Thế, rồi cũng sa lưới giặc 4 năm sau đó (1896).

Thế là sĩ-dân Việt-Nam lại thua thêm một trận nữa, nhưng sức đề kháng của nhân dân Việt Nam chưa chấm dứt... và còn tiếp tục mãi mãi.



5.– Cuộc vùng dậy Yên-Thế (1887-1913).

Cuộc vùng dậy Yên-Thế kéo dài ngót 30 năm, khiến cho Pháp và tay sai nhiều phen phải điên đầu héo ruột. Yên-Thế mang một tính chất đặc-biệt, tuy vẫn có tính chất Cần-vương, nhưng từ lãnh tụ cho đến quân sỹ đều là những dân dã thuần túy. Cuộc kháng-chiến chia làm hai giai đoạn : giai đoạn thứ nhất do các Ông Hoàng-Đình Kinh (Cai - Kinh), Bá-Phức, Đề - Công, Đề Dương, Đề- Thảo và Đề - Nam lãnh đạo vã giai

---

(1) Theo Chánh Giám binh (Đại Úy) L. Daufès trong quyển "Garde Indigène" thì ông bị bắt tại động này. Nhưng vấn đề cần phải xét lại là vì chính Daufès cũng tự mâu thuẫn với mình trong lời nói. Ông nói : "Một khẩu đại bác được bố trí ngay ở cửa động, bên cạnh ngòi cháy chậm đang còn cháy, thật là hoàn toàn bất ngờ (đối với Ông Tống) - (... Un canon, à côté duquel se trouvait une mèche encore allumée, en défendait l'etroite entrée - La surprise était complète...) - Đã bất ngờ mà còn châm ngòi đại bác ?

đoạn thứ hai do Đề Thám, sau khi Ông có đủ điều kiện, trưởng thành trong gian khổ và trội lên trong khi các đàn anh đã hy-sinh hoặc phản bội, hay đào ngũ. Đề Thám đã trở nên một lãnh-tụ duy nhất của Yên-Thế và chiếm một địa vị quan trọng trong sử sách Việt-Nam.

So với các cuộc nổi dậy và vùng dậy khác, Yên-Thế là một cuộc vùng dậy có nhiều nét độc đáo: lâu dài nhất, nhân dân hy-sinh nhiều nhất, bị tiêu diệt rồi lại nổi lên, đình chiến rồi lại tiếp tục, hợp tác rồi lại ly khai, ly khai rồi lại hợp tác và trứ danh nhất là việc Pháp phải để cho Nghĩa-quân cai quản cả một vùng rộng lớn ở Trung-du Bắc Việt. Thắng lợi này của Đề Thám khác nào một thứ ung nhọt cản trở và hủy hoại guồng máy "bình định" của Pháp. Đối với người Việt-Nam nào còn một chút nhân tính thì việc mất nước về tay người Pháp đã là một điều sỉ nhục ; nay sang giai đoạn "bình định" bọn xâm lăng lại ngang nhiên cướp nốt ruộng đất là của tư hữu, là nguồn sống cuối cùng của mọi người và mỗi người thì việc cầm súng ứng nghĩa của nhân dân, đặc biệt là nông dân, là một điều tự nhiên...

Ngay khi mới đến xâm chiếm nước ta, bọn thực dân đã cướp không một số ruộng đất của nhân dân, kể cả ở thành thị lẫn thôn quê, để gọi là thi ân cho bọn khuyển mã tay sai. Rồi để "hợp thức hóa" các cuộc cướp đất khác, vào tháng 9-1888, chúng đã ban hành một "Nghị định" cho phép bọn thực dân và tay sai được quyền chiếm lãnh các "đất hoang". Đất hoang ở đây có nghĩa là đất của nông dân bị ly tán vì chiến-tranh, hoặc vì lý do này hay lý do khác chưa dám nhận ruộng đất của mình, mặt khác, còn có nghĩa là đất công hay đất chưa kịp khai thác.

Thừa thế, bọn cướp nước và bán nước đã đem bản đồ ra để xem những vùng nào có thể cướp được, từ những nơi nước mặn đồng chua, bùn lầy nước đọng, cho đến những vùng rừng rậm chưa có người lui tới. Chúng tự vẽ và tự cho những vùng đất đó là của mình. Gian manh hơn chúng đã giả lờ để cho nhân dân khai phá và đợi đến khi xong, chúng chỉ việc xuất trình "bản đồ" hay "giấy phép", để cướp công của nhân dân một cách trắng trợn, có khi còn "bỏ tù" những kẻ xấu số này, hầu trấn áp mọi sự chống đối...

Chúng ta cứ xem công cuộc khai phá của chúng sau đây thì đủ rõ : Năm 1890 Pháp khai phá trên toàn cõi Đông dương 116 đồn điền gồm 11.390 mẫu tây, thế mà đến năm 1900 đã lên tới 322.000 mẫu tây. Nổi tiếng trong việc cướp ruộng đất về phía Pháp có các tên Chesnay, Tartarin, De Monpezat.v.v... về phía Việt-Nam, trong số bọn "theo voi" có các tên Lê Phát-Đạt tức Huyện Sỹ, các tên "Huyện" Lê-văn-Quyến (ở Bà-rịa), Đoàn-tiên-Sanh (ở Tây-Ninh) v.v... Do đó nhân dân đã trở thành nông nô cho bọn cướp nước và bán nước và như trên đã nói, đây là nguyên động lực chính thúc đẩy nhân dân cầm súng chống lại bọn thống-trị.

Phụ lực với Nghĩa-quân, lại còn có một số quân sỹ cũ của Thanh-đình, dưới quyền của Lưu Ký, không chịu giải giới sau Hòa-ước Thiên-tân, đều gia nhập hàng ngũ Nghĩa-quân và nhờ hình thế hiểm yếu, Yên-Thế đã trở nên một căn cứ kháng chiến vững chắc và từ đây (Yên-thế), Nghĩa-quân có thể tung các hoạt động sang Thái nguyên, xuống Phúc-yên, Vĩnh-yên v.v...

MỘT VÀI TRẬN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG GIAI ĐOẠN YÊN THẾ I (TRƯỚC HOÀNG HOA THÁM)

TRẬN PHÓ BÌNH GIA

Từ khi quân Pháp đánh chiếm miền Bắc, một số lớn quan lại cũ đã không chịu thi hành lệnh giải giới của Triều-đình Huế, kẻ thì về ở ẩn, người cầm súng kháng chiến v.v... Trong số có Ông Hoàng-Đình-Kinh tức Cai Kinh đã rút vào một dẫy núi hiểm trở để kháng chiến. Vì thế dẫy núi nầy từ đây được gọi là dẫy Cai Kinh. Ông đã tập hợp được một số Nghĩa-quân để tung ra hoạt động trong thung lũng vùng Phó-bình gia

Để đối phó với các hoạt động của Ông Cai Kinh, quân Pháp từ Lạng-sơn, Thất-Khê, Tỉnh đạo và Thái nguyên luôn luôn tung ra các cuộc tuần chiến vào vùng Phó-bình-gia. Mặt khác quân Pháp đã thiết lập một vòng đai bao vây chiến khu Cai-Kinh và dựng đồn ở Mỏ-ngải, Mỏ-ái và Phó-bình-gia để ngăn chặn sự liên lạc giữa chiến khu này với đất Tàu.

Khoảng từ 22 đến 24-12-1887, quân Pháp mở nhiều cuộc tuần chiến vào thung lũng vùng



HOÀNG - HOA - THÁM

Phó-bình-gia, đã đụng độ mãnh-liệt với Nghĩa-quân và quân Tàu chiến đấu bên cạnh Nghĩa-quân. Quân Pháp bị thương 7 người, trong số có Đại-Úy Borbal - Combret. Khi chấm dứt hành quân thì Đại-Tá Dugènne, Tư-lệnh các cuộc hành quân, đã chết bất đắc kỳ tử (ngày 24-12-1887) và được chôn ở Phủ-Lạng-Thương.

Các đồn nói trên (Mỏ-ngải, Phó-bình-gia, Mỏ-ái) được thiết lập xong, đã hạn chế hoạt-động của Ông Cai-Kinh.

Đến tháng 6 và 7-1888, sau những cuộc nổi dậy của nhân dân trong vùng Phó-bình-gia, quân Pháp đã thẳng tay đàn áp nhân dân và ra sức áp dụng chiến thuật "tát cạn bắt lấy", để tiểu trừ Nghĩa-quân. Ông Cai-Kinh thấy núng thế phải tìm đường sang Tàu thì chẳng may bị giặc phát hiện và xử chém vào ngày 06-7-1888.

TRẬN BẢO ĐÀI

Từ lâu Bảo-đài đã trở thành cái gai trước mắt quân Pháp, vì nó là một căn cứ kháng chiến hiểm trở và tích-cực nhất : nhân dân cung cấp nhân tài, vật lực cho Nghĩa-quân ; Nghĩa-quân thường xuyên đánh phá các đoàn công voa và hệ thống bưu trạm của giặc, thường xuyên trừng trị bọn phản quốc; bọn thống trị chỉ giữ được các Thị-trấn, còn các làng mạc, đồng ruộng thuộc quyền kiểm soát của Nghĩa-quân.

Theo tin tức mà quân Pháp ghi nhận được thì Nghĩa-quân có khoảng 1000 người (kể cả chí-nguyện quân Tàu) do các Ông Tổng Bưởi, Đốc Nghị, Đốc Tiên, Bang Tài và Lưu-Kỳ chỉ huy đóng rải rác trong vùng Bảo-Đài.

Trong các ngày đầu tháng 8-1889, quân Pháp từ Phủ-Lạng-Thương và Lầm phóng ra các cuộc tuần thám để thăm dò tình hình Nghĩa-quân. Nhưng chúng đều thất bại, vì dân chúng không chịu cung khai cho chúng về các tông tích của Nghĩa quân, mặc dầu chung đã điên cuồng khủng bố. Tuy vậy, quân Pháp vẫn nhất quyết càn quét vùng này, vì các hoạt-động của Nghĩa-quân ngày càng tích-cực và vùng kiểm soát của Pháp ngày càng bị thâu hẹp.

Vào giữa tháng 8-1889, quân Pháp cho chuẩn bị một cuộc hành quân đại quy mô nhằm bao vây và tiêu diệt Nghĩa quân Bảo-Đài theo ý niệm như sau :

- Cánh quân thứ nhất gồm có : 350 người do Thiếu-tá Prétet chỉ-huy, xuất phát từ đồn Lầm, lên đèo Quao, phối hợp với đồn Bắc-Lệ và Suối Ghềnh, để ngăn chận Nghĩa-quân và chí nguyện quân Tàu rút về phía đông.

- Cánh thứ hai gồm có 230 người do Đại-Úy Pégna chỉ-huy, xuất phát từ đồn Kép với nhiệm vụ đánh thẳng vào các cứ điểm Bảo-Lộc và đẩy lui Nghĩa quân và chí-nguyện quân Tàu sang phía cánh thứ nhất, để cánh sau này tiêu diệt. Trong khi đó, các thành phần bộ binh và một phân đội ky-binh Bắc kỳ canh chừng phía bắc con đường cái quan, ngăn chận không cho Nghĩa quân và chí nguyện quân Tàu rút sang phía hữu ngạn sông Thương ; trên con sông Lục-nam cũng có 1 pháo hạm canh chừng.

Cuộc hành quân khởi sự vào ngày 25-8-1889.

Cánh Prétet, xuất phát tại Lầm ngày 25-8 và đến Đồng cai ngày 29-8, sau khi đã liên tiếp được với quân của đồn Bắc-Lệ tại Cay-sâu. Trong suốt 4 ngày hành quân dưới cơn mưa tầm tã và trên các con đường khó di chuyển nhất, cánh này chỉ gặp toàn những doanh trại bỏ không, nên chỉ còn biết phá hủy và tiếp tục điều quân theo kế-hoạch.

- Ngày 30-8-1889, toàn thể cánh quân trở lại đèo Thiên, nhưng cũng chỉ gặp toàn những

doanh trại bỏ không. Đến ngày 31-8, vào lúc 16 giờ, cánh này hành quân ở Cao - Cái đã gặp cánh Pégna tại đây.

- Cánh Pégna : xuất phát tại Kép ngày 25-8. Luôn trong hai ngày (25 và 26) đã lục soát tất cả các làng chung quanh Bảo-Lộc và đốt phá tất cả các doanh trại của Nghĩa-quân trong vùng (Bảo-Lộc). Mặc dầu dồn mọi nỗ lực, cánh này cũng không tìm thấy dấu vết của Nghĩa quân. Chúng hỏi thì dân chúng trả lời "không thấy, không biết" và chưa bao giờ thấy bóng dáng chí-nguyện quân Tàu ở đâu cả.

Sau cùng, ngày 27-8-1889, tại làng Mạnh, cánh nầy nhận được vài chỉ dấu cho thấy Ông Lưu-Kỳ vẫn ở loanh quanh vùng rừng núi Bảo đài, mặc dầu căn cứ đã bị phá, nên quyết định "đi tìm địch".

Ngày 28-8-1889, Pégna mang 116 người tiến vào Bảo-đài, bằng con đường dẫn vào căn cứ đã bị phá hôm trước của Ông Lưu-Kỳ. Nhưng trong khi tiến quân, quân Pháp nhìn thấy khói bốc ra từ một nơi khác, Pégna kết luận là có lẽ Nghĩa quân đã di chuyển đến đó và quyết định chuyển hướng hành quân sang mục tiêu mới.

Toàn thể cánh quân vừa tiến vừa chặt cây mở đường, ở giữa một khu rừng cây cối rậm rạp rất khó di chuyển, trên bờ một cái khe sâu thẳm. Mới đi được có 500 thước thì tiền vệ và trung quân bị 300 Nghĩa quân và chí-nguyện Tàu trong các công sự ở hai bên bắn xối xả vào quân Pháp.

Ngay trong loạt đạn đầu của Nghĩa quân và chí nguyện quân Tàu, Trung Úy Montera đã bị một phát đạn vào cánh tay, nhiều quân sĩ khác bị loại khỏi vòng chiến. Quân Pháp bị hoàn toàn bất ngờ, nên cứ lúng túng mãi không biết phải đối phó ra sao. Mãi sau khi hoàn hồn mới phản ứng bằng cách bắn bừa bãi vào rừng rồi nhặt nhạnh các tên chết và bị thương để rút lui.

Chúng phải tự làm lấy cáng, dùng 60 người để di tản các quân sĩ thương vong và dùng một con đường khác để về Bảo Lộc. Khi mới rút được 20 phút, thì quân Pháp lại bị Nghĩa-quân và chí nguyện quân Tàu đánh bồi thêm một trận nữa. Lần này, bọn Pháp liều chết vứt các cáng lang khiêng xuống giữa đường và lắp lưỡi lê để phản công. Nhưng chẳng thấy bóng dáng Nghĩa quân và chí-nguyện quân Tàu đâu cả. Mãi hơn 1 giờ sau, không thấy quân ta bắn nữa, mới dám tiếp tục. Đến 13 giờ 45, quân Pháp mới về đến làng Mạnh, mang theo 9 tên chết và 14 bị thương (kể cả Trung-Úy Montera và Trung-Úy Bonnafous thuộc Trung-Đoàn 3 và 4 khố đỏ Bắc-Kỳ)

Ngày 31-8-1889, do sự cung khai của một đứa trẻ bị bắt ở Cao-cái, Đại-Úy Pégna quyết định mang 165 người đến tấn công các điểm tựa của 300 Nghĩa-quân và chí-nguyện quân Tàu ở Đèo Quao. Sau hơn 1 giờ đồng hồ len lỏi qua các cây cỏ ngập đầu người, Pégna và quân sĩ chỉ còn cách đèo 50 thước thì lại bị lọt ổ phục kích của Nghĩa quân và chí nguyện quân Tàu. Lần này Trung-Úy Ollivier chỉ huy toán tiền vệ liều chết xua quân phản công thẳng vào phòng tuyến Nghĩa-quân và chí nguyện quân Tàu; trong khi đó Trung-Úy Meyer mang quân chiếm các cao địa, bắn vào Nghĩa-quân trên đèo. Mặc dầu vậy, quân ta vẫn bắn dữ dội vào quân Pháp, buộc Pégna phải xua quân xung-phong điên cuồng. Nhưng Nghĩa-quân và chí nguyện quân Tàu đã rút lui, quân Pháp có 2 tên khố đỏ bị thương.

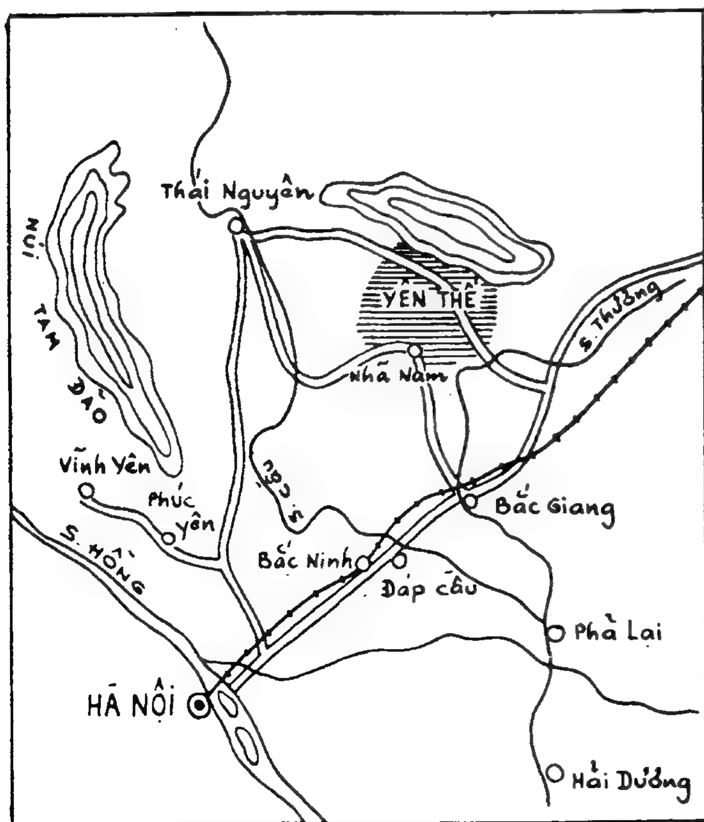
Cũng trong ngày nầy, cánh Prétet, mặc dầu đã trao đổi được kèn hiệu với cánh Pégna, nhưng cũng không thể liên lạc được với cánh sau này (Pégna). Tuy vậy, đến tối thì cả 2 cánh đã gặp nhau ở Cao-Cái, để chuẩn bị cho cuộc hành quân kế tiếp vào ngày 02-9-1889, nhằm càn quét dữ dội và cẩn thận tất cả các làng trong vùng này...

Ngày 03-9-1889, quân sĩ của Đại Úy Pégna được chia làm 2 : một phần do Đại-Úy Le Nourichel chỉ-huy sẽ càn quét các làng Bảo-Lộc, Thượng-vân, và Thượng-phụ; phần còn lại (3 trung-đội) do đích thân Pégna chỉ-huy, để tất cả hành trang tại chùa Thượng-lâm và tảo thanh làng này, ở cách xa chùa từ 1.000 đến 1.200 thước về phía nam tây nam.

Đến 6 giờ 15, các hướng đạo viên của Pégna đã đến cổng làng Thượng-Lâm, thì thấy làng này tổ-chức công-sự phòng thủ rất vững chắc, rồi thình lình, súng từ các công sự ở quanh bìa làng nổ vang, nhằm vào quân Pháp. Ngay trong những loạt đạn đầu của 250 Nghĩa-quân phòng thủ Thượng-lâm, Trung-Úy Chavy đã chết không kịp ngáp, nhiều quân sĩ khác trọng thương. Lập tức quân Pháp dàn quân và bắn xối xả vào làng.

Trong khi đó, Đại-Úy Le Nourichel và quân sĩ đang tảo thanh các làng kế cận, nghe thấy tiếng súng, bèn kéo đến dàn quân về phía bên phải làng và bắn cầm chừng vào rìa làng. Nghĩa quân và chí nguyện quân Tàu vẫn giữ vững phòng tuyến và chống trả mãnh liệt. Trung Úy Meyer được lệnh tìm cách đột nhập vào sườn trái của làng.

Sau khi cho lệnh Trung-Úy Meyer xong, số còn lại của cánh quân (Le Nourichel) đã vượt các ruộng trống để xung phong vào làng. Nhưng quân Pháp đã bị chận lại bởi một rặng tre dày đặc mà từ trong đó Nghĩa quân và chí nguyện quân Tàu đã "bắn bia" vào quân Pháp. Kết qủa Đại-Úy Le Nourichel, các Trung-Úy Ollivier, Lizé trọng thương, nhiều quân sĩ khác bị loại khỏi vòng chiến. Lúc này, Trung-Úy Meyer đã khoét được một cái trổ và táo bạo đột nhập vào trong làng săn đuổi Nghĩa-quân và chí-nguyên quân Tàu từng bước một ; mặt khác, vì bị bất ngờ ở phía trái nên Nghĩa-quân ở phía phải đã bị lúng túng, khiến cho quân Pháp ở mặt này (phía phải-quân sĩ còn lại của Le Nourichel) đã phá được cổng làng và tràn vào. Nghĩa-quân và chí nguyện quân Tàu buộc phải rút lui. Theo quân Pháp thì "địch quân chạy tán loạn đi tứ phía, mang theo nhiều tên chết và bị thương", còn quân Pháp có 10 tên chết, trong số có 2 Sĩ-quan, 22 bị thương trong số cũng có 2 Sĩ-quan.



Vị - trí Yên - Thế

Để trả thù, quân Pháp đã thiêu hủy làng Thượng-Lâm rồi rút về đóng ở chùa làng này. Đến 17 giờ 30, Thiếu-Tá Prétet trở lại chùa và nắm quyền chỉ-huy cả 2 cánh quân (Prétet và Pégna) hợp nhất.

Rồi từ ngày 05 đến 20-9-1889, Thiếu Tá Prétet được toàn quyền hành động để trừng phạt, phá hủy, chém giết lương dân, nhằm tách rời Nghĩa quân và chí nguyện quân Tàu ra khỏi họ. Quân Pháp đã "thành công", sau những vụ chém giết, phá hủy kinh hồn này.

Nghĩa-quân bị đánh bật ra khỏi vùng Bảo đài, nhưng chưa phải là ngưng chiến đấu và vẫn tiếp tục ở những căn cứ khác.

TRẬN HỮU THƯỢNG

(cuộc hành - quân đầu tiên vào Yên - Thế)

Ngày 18-9-1889, quân Pháp mở một cuộc tuần chiến lớn vào vùng Nhã-nam, nhằm các làng Sặt, xóm Thế-Lộc và Hữu-thượng do Đại-Úy Gorce chỉ-huy. Tại vùng này, Nghĩa-quân và chí-nguyện quân Tàu có khoảng 250 người chống giữ.

Mở đầu Đại-Úy Gorce cho các toán kỵ-binh bao vây căn cứ làng Sặt, rồi cho pháo binh bắn dọn đường trước khi tiến quân. Nghĩa quân và chí nguyện quân Tàu thấy phía sườn của mình bị uy hiếp, bèn rời khỏi làng Sặt, rút về cứ điểm Hữu-thượng. Cay cú vì không đánh được Nghĩa quân, quân Pháp đã đốt phá sạch xóm Thế-Lộc.

Ngày 19-9-1889, biết chắc rằng Nghĩa-quân và chí-nguyện quân Tàu rút về cố thủ ở Hữu-thượng, một căn cứ rất vững chắc với những công sự và kho tàng đầy đủ, có thể đương đầu với các cuộc hành quân cơ liên Tiểu-đoàn, nên Gorce đã lo ngại, chán nản và rút về Bắc Giang ngay. Lúc này Ông Đội Văn vừa mới ly khai quân Pháp và tên phản quốc Hoàng-Cao-Khải (ngày 17-9-1889), mang quân sang sát nhập với Yên thế, nên quân Pháp lại càng lo ngại hơn.

CUỘC TRẢ THÙ HÈN MẠT CỦA QUÂN PHÁP

Để trả thù các trận thua đau ở vùng Yên thế, quân Pháp cho thành lập 2 cánh quân đi chém giết, đốt phá các làng trong vùng, vào đầu tháng 10-1889 :

- Cánh thứ nhất gồm 384 tên do Thiếu-Tá Dumont chỉ-huy, có nhiệm vụ chiếm Tỉnh-đạo (Nhã-nam), phá hủy hết các làng, ấp chiến đấu trong vùng Yên-thế thượng ; nếu hoàn tất được công việc này thì sẽ xuống Yên thế hạ để dẹp tan các toán Nghĩa-quân và chí-nguyện quân Tàu hoạt động ở giữa sông Thương và con đường Phủ-mục-Cầu-chai.

- Cánh thứ hai với quân số tương đương với cánh thứ nhất, do Thiếu Tá Piquet chỉ-huy, có nhiệm vụ càn quét vùng giữa sông Thương, Ngòi-Vo và con đường Phủ-mục-Sông Cầu.

Cuộc hành quân bắt đầu ngày 11-10-1889 và kéo dài trong 15 ngày, nhưng Nghĩa-quân và chí-nguyện quân Tàu đã rút hết sang vùng Lạng sơn và Thất-khê. Quân Pháp chỉ còn biết phá sạch, đốt sạch, chém giết nhiều người, hãm hiếp thật mạnh v.v... để khủng bố tinh thần nhân dân bấy lâu vẫn ủng hộ Nghĩa-quân và chí nguyện quân Tàu.

VỤ BẮT CÓC TÊN MẠI BẢN ROQUE VÀ ĐỒNG BỌN

Trong đêm 08 rạng ngày 09-1-1890, tên mại bản Roque và đồng bọn đã bị chí nguyện quân Tàu, chiến đấu bên cạnh Nghĩa-quân, do ông Lưu-Kỳ chỉ-huy, bắt cóc ngay tại "Lãnh-địa" của chúng. Đêm hôm ấy, chúng ngủ tại nhà Lý-trưởng Bến-Châu (một người Tàu đã lập nghiệp lâu năm tại đây), đến nửa đêm thì bị Ông này lấy trộm tất cả 5 khẩu súng săn và 1 khẩu súng lục. Sáng ra, 30 Nghĩa-quân và chí nguyện quân Tàu đến vây bắt nội bọn, nhưng chỉ bắt được 2 anh em tên Roque, hai tên thuộc hạ của chúng, một tên là Costa và một tên người Tàu tên là Win-Phat-Chéong, tên La Borde và 1 cố đạo Tây-ban Nha chạy thoát, còn tên Roze kháng cự lại, bị Nghĩa-quân hạ sát ngay tại chỗ.

Vụ bắt cóc tên Roque và nội bọn đã gây hoang mang tột độ cho bọn thực dân ở Bắc-kỳ và đặc biệt là vùng Hải-Phòng.

Ban đầu Pháp tưởng các người giúp việc trong "lãnh địa" của tên Roque vì uất ức gì đó mà bắt tên này và nội bọn, chớ không có tính cách chính-trị , quân sự gì cả. Nhưng ít lâu sau, Ông Lưu-Kỳ cho người liên lạc với Pháp đòi tiền chuộc mạng tên Roque và nội bọn, thì quân Pháp mới rõ.

Đến đầu tháng 3/1890, Pháp đã nuốt hận mang 50.000$00 (1) đến Ông Lưu-Kỳ để chuộc mạng tên Roque và nội bọn.

CUỘC HÀNH QUÂN LẦN THỨ HAI VÀO YÊN THẾ

Sau cuộc hành-quân của Đại-úy Gorce, rồi các Thiếu-tá Dumont và Piquet bị thất bại hồi tháng 9-10/1889 ; lần này (tháng 11/1890) quân Pháp không dám coi thường căn cứ Yên-thế nữa mà đã cử đại quân đến Yên-Thế và do đích thân tướng Godin, Tổng Tư-Lệnh quân đội Pháp ở Đông-dương chỉ-huy. Thành phần tham dự gồm có :

- 480 quân sĩ Âu-châu,
- 320 lính khố đỏ,
- 5 khẩu sơn pháo 80 ly,
- 2 Pháo hạm "Moulun" và "Jacquin".

Xuất phát từ 3 địa điểm khác nhau : 1 ở Thái-nguyên, 1 ở Bắc-ninh và 1 ở Bô-hạ nhằm tấn công vào Yên Thế...

Các nỗ-lực đầu tiên đều nhắm vào chiến lũy Cao-thượng, nơi mà trước đây bọn khố xanh đã thua nhục nhã.

Ngày 06/11/1890, hai cánh Thái-nguyên và Bắc-Ninh phối hợp tấn công vào căn cứ này. Sau một trận pháo kích nặng nề và xung-phong ồ at, quân Pháp đã chiếm được Cao-thượng với giá 2 lính Âu-Châu và 1 khố đỏ chết, 7 lính Âu-châu và 5 khố đỏ khác bị thương. Về phía Yên-Thế, quân Pháp "ước lượng" có khoảng 50 chết.

Trong khi đó cánh Bô-hạ, có nhiệm vụ làm nút chặn ở phía bắc Cao-thượng, đã đụng độ với 1 toán Nghĩa-quân trên đường rút lui. Mặc dầu cánh này đẩy lui được Nghĩa-quân và chí-nguyện quân Tàu và tới được nơi chỉ định

---

(1) Theo thời giá, mỗi con trâu chỉ giá từ 05 $ đến 10 $ 00.

là Lược-hạ, nhưng sơ khởi cũng bị chết 1, bị thương 3.

Ngày 10/11/1890, tất cả 3 cánh Bố-hạ, Thái-nguyên và Bắc-ninh đều gặp nhau ở Lược-hạ (nơi cánh Bố-hạ làm nút chặn nói ở trên đây), rồi cùng nhau đến đóng tại Nhã-nam (Tỉnh-đạo) và dùng nơi nầy làm căn cứ, để tung quân ra càn quét và tiêu diệt mọi cuộc kháng cự còn lại. Trong các ngày 11, 12/11/1890 kế tiếp, quân Pháp tiến vào Đình-thép, Yên-thế và Hữu-thượng không gặp sự kháng cự nào cả, vì Nghĩa-quân và chí nguyện quân Tàu đã rút từ bao giờ.

Ngày 13/11/1890, một cánh quân khác của Pháp được tung vào Làng Sặt, Ngộ-xá, Yên-lễ và Dương-Lâm để càn quét. Vì quá khinh địch, khi tiến vào định phá hủy pháo lũy Làng Sặt, quân Pháp chẳng những không phá được mà Trung úy Plat, sĩ-quan tùy-viên của Tướng Tư-lệnh Lữ-đoàn 2, đã bị chết không kịp ngáp...

Trong các ngày kế tiếp, quân Pháp, với sự tham dự của bọn khố-xanh trong các đồn phụ cận Yên-thế, tiếp tục mở các cuộc tuần thám trong vùng, nhưng không tìm được một dấu vết nào của Nghĩa-quân cả. Sau đó, chỉ có vài Nghĩa-quân và chí-nguyện quân Tàu trong khi thoát vây, đã bị các đồn kế cận hay các pháo hạm bắn chết hoặc bị bắt mà thôi.

Kết quả tổng quát mà cuộc hành quân nầy đạt được, chỉ là thiết lập một căn cứ ở Nhã-nam (Tỉnh-đạo) và phá hủy được vài công sự và hệ thống phòng thủ của Yên-thế mà thôi, còn chủ-lực của Yên-thế vẫn còn gần như nguyên vẹn.

CUỘC HÀNH QUÂN LẦN THỨ BA VÀO YÊN THẾ

Sau cuộc hành quân của Tướng Godin vào Yên-thế, quân Pháp tiếp tục tung nhiều cánh quân khác vào căn cứ kháng chiến nầy, nhằm không cho Nghĩa-quân và chí nguyện quân Tàu tập trung được một lực lượng lớn để phản công quân Pháp.

Ngày 04/12/1890, quân Pháp tại căn cứ Nhã-nam mở một cuộc tuần thám tại Mỏ-Na-Lương, đã gặp một toán Nghĩa-quân, sau một cuộc chạm súng ngắn, Nghĩa quân rút lui để lại nhiều lừa ngựa mang đạn dược.

Ngày 09/12/1890, một cánh quân gồm 140 tay súng của Pháp, đã bất ngờ tìm thấy ở Hữu-Nhuế nhiều công sự và hệ thống phòng thủ vững chắc. Khi quân Pháp tiến vào gần giữa thì gặp một cái lũy kép, buộc phải ngưng lại. Tại đây, quân Pháp bị Nghĩa-quân từ các công sự khác "bắn bia" làm cho chúng bị chết 1, bị thương 4.

Ngày 11/12/1890, để trả thù cuộc đụng độ ngày 09/12 (trên), Thiếu-Tá Tane chỉ-huy 250 tay súng và 1 khẩu đại bác tái tấn công vào Hữu nhuế. Tất cả các pháo đài bên ngoài đều bị quân Pháp chiếm dễ dàng, nhưng đến pháo đài kháng cự cuối cùng thì quân Pháp bị chặn đứng và thiệt hại khá nặng phải rút lui, mang theo 2 chết và 8 bị thương...

Ngày 22/12/1890, Trung-tá Winckel-Mayer chỉ huy một cánh quân gồm 600 người, 4 đại bác, tập họp ở Nhã-nam, để quyết tâm thanh toán cho bằng được Hữu-nhuế.

Mở đầu, quân Pháp dùng đại bác dọn đường và bắn xối xả vào mục tiêu. Nhưng Nghĩa-quân và chí-nguyện quân Tàu không nao núng, vẫn từ trong các vị trí kiên cố "bắn bia" vào quân Pháp, lúc bấy giờ đang chơi vơi giữa những khoảng cây cỏ rậm rạp. Vì ở vào cái chỗ thất thế, nên quân Pháp bắt buộc phải hành động, một là xua quân xung-phong liều lĩnh vào để bẹp đối phương, hai là rút lui, chứ không thể cứ ở giữa một chỗ để hứng chịu mọi tổn thất. Thiếu-tá Tane, chỉ-huy mặt trái, bèn vận dụng mọi nỗ lực để tiến lên, nhưng cả 3 lần đều bị đẩy lui với những thiệt hại nặng : 9 chết, trong số có Trung-úy Blaise và 25 bị thương. Đứng trước tình trạng nầy, quân Pháp buộc phải rút về căn cứ Nhã-nam để chuẩn bị phục thù.

Sang đầu năm 1891, quân Pháp một mặt chia lãnh thổ Bắc-kỳ ra làm 4 Quân-khu, để dễ "bình-định" và mặt khác, chuẩn bị một cuộc hành quân đại quy mô đánh vào Hữu-nhuế, nhằm rửa hận cho các cuộc thất bại đau đớn trước, và lần nầy đích thân Đại-tá Frey Tư-lệnh Lữ-đoàn 2 điều khiển với nhiều phương tiện và quân sĩ hơn: 1.300 người, 2 súng cối, đạn dược, nhiều chất nổ.

Ngày 06/01/1891, một toán tuần thám của Pháp đã thanh toán dễ dàng đồn Làng-Nứa.

Ngày 09/01/1891, sau cuộc pháo kích nặng nề vào Hữu-nhuế, quân Pháp xua quân tấn công vào pháo đài ở phía nam trung tâm kháng cự chính. Nhưng khi đến gần thì thình lình Nghĩa-quân từ trong các công sự đào sâu dưới đất, chỉ có các lỗ châu mai nổi lên lã lã trên mặt đất, bắn xối xả vào quân địch, làm cho chúng cuống quít tiến lên không được, mà súng cũng không xử dụng được, bởi vì cây cối rậm rạp, nên đành phải một lần nữa thu quân với 2 xác chết, trong số có Đại-úy De Guigné và 7 bị thương, trong số có các Trung-úy Bestagne và Brezzi.

Mặc dầu đã thắng quân Pháp trong tất cả 4 trận liên tiếp ở Hữu-nhuế, nhưng ông Đề-Nam nhận thấy cần phải bảo tồn chủ-lực, nên đã cho rút khỏi căn cứ này.

Ngày 11/1/1891, quân Pháp, sau một trận pháo kích kinh hồn, đã xua quân xung-phong vào chiếm cứ điểm Hữu-nhuế. Nhưng khi chúng vào đến nơi thì chỉ thấy đồn không, còn Nghĩa-quân đã rút hết từ bao giờ. Quân Pháp đóng quân ở đấy một tháng để sục sạo, phá hủy, chặt cây, khai quang v.v... Hữu-nhuế. Trong khi đó ông Đề Nam và quân sĩ lại đã sẵn sàng "nghênh đón" quân Pháp ở Yên-thế-thượng.

CUỘC HÀNH QUÂN LẦN THỨ TƯ VÀO YÊN THẾ

Một vài cuộc hành quân "thăm dò" trước :

Ngày 05/10/1891, Thiếu tá Bérard chỉ-huy khu vực Thái-nguyên, đem quân tuần thám gần Ngao-thượng, nhằm xác định vị trí của Nghĩa quân. Trung-úy Lê-dương De Leuze, sĩ-quan tình-báo của Bérard, đã khám phá ra một vị trí chế ngự hoàn toàn các pháo lũy của Nghĩa quân và đã nắm được khá đầy đủ các tin tức liên hệ.

- Ngày 12/10/1891, Trung-úy Detrez, đồn trưởng Cao-thượng, từ Bố-hạ trở về, đã đụng đầu với khoảng 15 nghĩa-quân tại Lục-liễu, nhưng cả hai bên đều không có thiệt hại.

- Ngày 17/10/1891, Đại-úy Lê-dương Plessier đồn-trưởng Nhã-nam, chỉ-huy 20 Lê-dương và 20 khố đỏ, đã bất thình lình gặp một toán Nghĩa-quân ở Lan-thượng cách Nhã-nam 6 cây số về phía bắc, giết được 2 Nghĩa-quân và bắt 3 tù binh.

- Ngày 17/10/1891, cũng Đại-úy Lê-dương nói trên, đã chỉ-huy một cuộc phục kích giết được 2 Nghĩa quân.

- Ngày 31/12/1891, một toán lính của đồn Cao - thượng, đã lục soát Lang-cao, cách xa đồn khoảng 5 cây số, trên con đường Phủ-lạng-thương, đã bắt ngờ bắt được Ông Đề Thảo. Ngoài ra, còn nhiều cuộc đụng độ khác trong suốt tháng 12/1891 giữa Nghĩa-quân và quân Pháp. Lần này là lần thứ 4 quân Pháp quyết tâm đánh tan căn cứ kháng chiến Yên-thế.

CĂN CỨ LƯỢC ĐỒ YÊN THẾ

Quân Pháp ghi nhận căn cứ Yên-thế được tổ-chức như sau :

Căn cứ Yên-Thế là một tập đoàn cứ điểm vững chắc, với các công sự dầy đặc và các giao thông hào hình răng sấu, phía tây có điểm tựa của ông Đề Dương, phía đông có nhiều điểm tựa của Ông Đề Nam và gồm có 5 pháo đài kiên cố. Nhiều tiền đồn được thiết lập trên con đường Đình-thép - Yên-thế và sau hết một trung-tâm kháng cự hết sức vững chắc ở về phía bắc phòng tuyến, nơi ông Đề Phức (Bá-Phức) đặt Tổng-hành-dinh.

LỆNH HÀNH QUÂN CỦA QUÂN PHÁP

Đầu tháng 3 - 1892, quân Pháp mở cuộc hành quân nói là "quyết-định" đánh vào căn cứ Yên-thế, theo ý niệm như sau : bao vây chặt căn cứ, không cho Nghĩa-quân và chí-nguyện quân Tàu thoát ra bất cứ hướng nào, bằng cách đặt các cánh quân lưu-động hoạt động hay đóng đồn, rồi dùng đại quân tấn công vào điểm tựa của ông Đề Nam. (cánh lưu động phía đông ở chợ Phồng; cánh lưu động phía bắc ở Mỏ-trạng, với một đồn ở Trai-sơn ; cánh lưu động phía tây ở Quỳnh-lâu, và 1 cánh án ngữ con đường Bố-hạ - Nhã-nam). Trong khi đó làm một cuộc biểu-dương lực lượng ở phía nam từ Nhã-nam đến Lược-hạ và "đại quân" đánh một trận quyết

định vào phía đông bắc điểm tựa của ông Đề-Nam, pháo binh đặt trên một ngọn đồi chế ngự tất cả khu vực và ở cách xa 2 cây số, tạm gọi là điểm A.

TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG

- Cánh Chợ Phồng, do Thiếu-tá Courot chỉ-huy 1 trung đội Lê-dương, 1 trung-đội khố đỏ Bắc-kỳ.

-Cánh Mỏ-Trạng do Thiếu-Tá Bérard chỉ-huy Đại đội 4, Tiểu đoàn 2 Lê Dương, Đại-đội 7, Trung-đoàn 3 Bắc-kỳ (khố đỏ).

- Cánh Quỳnh-Lâu, do Đại-úy Ronger chỉ huy Đại-đội 2, Tiểu-đoàn 2 Lê-dương, 1 trung-đội khố đỏ Bắc-kỳ.

- Cánh phía nam do Đại-tá Bouguié chỉ-huy, cánh này chia làm 3 toán :

-Toán 1 do Thiếu-tá Bertin chỉ-huy, gồm có 1 Đại-đội thuộc Tiểu-đoàn 4 Lê-dương, Đại-đội 14 khố đỏ Bắc-kỳ.

- Toán 2 do Thiếu-tá Henry chỉ-huy, gồm có 1 Đại-đội Tiểu-đoàn 1 Thủy-quân Lục-chiến, Đại-đội 7 Trung-đoàn 1 khố đỏ Bắc-kỳ.

- Pháo đội 4B (6 khẩu sơn pháo 80 ly).
- Trung-đội 1B súng cối.
- Trung-đội Công-binh.
- Cánh tấn công do Trung-tá Geil chỉ-huy, cánh này cũng chia làm 3 toán :

- Toán 1, do Thiếu-tá Baujeux chỉ-huy, gồm có Đại-đội 1 và 2, tiểu-đoàn 2 Thủy-quân Lục chiến, 1 trung-đội của Tiểu-đoàn 9 Thủy-quân Lục chiến.

- Toán 2, do Thiếu-tá Guyonnet chỉ-huy, gồm có 1 Đại-đội Lê-dương, Đại-đội 6 Trung-đoàn 1 khố đỏ Bắc-kỳ.

- Toán 3 (yểm trợ) do Thiếu tá Lefournier chỉ-huy, gồm có pháo đội 5B (4 khẩu sơn pháo 80 ly và 2 khẩu sơn pháo 95 ly) Trung đội 2B súng-cối và 1 Trung-đội Công-binh.

Tất cả các cánh quân đều đặt dưới quyền chỉ-huy tổng quát của Tướng Voyron Tư-lệnh Lữ-đoàn 1.

- Ngày 11/3/1892, cánh Courot đến chợ Trang và cánh Bérard đến gần Mỏ-Na-lương; ngày 13/3 cánh Ronger đến Quỳnh-Lâu; ngày 15/3, cánh Bérard tiến lên Mỏ-Trạng đã đụng độ với Nghĩa-quân trong các công sự chiến đấu. Nghĩa-quân bị đẩy lui đến tận sông Sỏi. Trong trận này quân Pháp có 2 bị thương nặng và 4 bị thương nhẹ.

- Ngày 17/3/1892, một toán Nghĩa-quân trong vùng Làng-Mạc, mang 13 súng cùng với 200 thường dân, đến quy thuận đồn Lược-ha.

- Ngày 19/3/1892, quân sĩ thuộc cánh Bouguié tập trung ở Nhã-nam để tiến vào Đình-Thép và làng Thượng. Tướng Voyron đến Nhã-Nam.

- Ngày 21/3/1892, cánh Ronger tiến từ Quỳnh-Lâu đến làng Hom đẩy lui được một số Nghĩa-quân.

Cánh quân của Đại-tá Bourguié chiếm Đình-thép, Am-Đông (toán Henry), Lan-thượng (toán Vandenbrock).

- Ngày 23/3/1892, Trung-tá Geil chiếm điểm A và bắt đầu thăm dò điểm tựa của ông Đề Nam. Một phần của cánh Geil được lệnh đến tiếp tay cho cánh Bérard, trước đó, cánh này (Bérard) đã đẩy lui được một toán Nghĩa-quân trong các công sự kiên cố, ở hai bên bờ sông Mỏ-Trạng. Trong cuộc đụng độ này, chúng bị chết 3, bị thương 1. Đến chiều cả 2 cánh Geil và Bérard đã liên tiếp được với nhau.

Cánh quân Bouguié tiến lên phía trên Đình thép 2800 thước, nhưng không gặp Nghĩa-quân. Toán Henry chiếm một ngôi chùa được biến thành cứ điểm ở phía tây bắc Yên-thế và một pháo đài mới xây cất gần ngôi chùa này. Cũng ngày này, một toán tuần thám đã phát hiện ra một pháo đài ở vòng ngoài cứ điểm của Ông Đề-Nam.

- Ngày 24/3/1892, quân Pháp phải mất cả 1 ngày để chuyển các khẩu sơn pháo từ Bồ-hạ đến điểm A nói trên.

Thiếu-tá Henry xua quân xung-phong dưới hỏa lực khủng khiếp của Nghĩa-quân, để chiếm điểm tựa của Ông Đề Dương, mà không có pháo binh bắn yểm trợ trước, khiến cho toán quân của

Thiếu-tá Bertin phải tiếp cứu, để cho Đại-đội thủy quân Lục chiến của Đại-úy Bouvier có thể rút lui được. Trong trận này quân Pháp bị thiệt hại nặng : 3 Sĩ-quan (Trung-úy Holstein, Trung úy Vigneron và Trung-úy Becquet), 10 lính Âu-châu, 9 khố đỏ bị chết và 32 bị thương (Đại-úy Bouvier, Trung-úy Leclerc)...

- Ngày 26/3/1892, pháo binh tại điểm A bắt đầu điều chỉnh tác xạ vào điểm tựa của ông Đề Nam, nhưng bị sương mù , nên buộc phải ngừng bắn.

- Ngày 27/3/1892, Pháo binh tiếp tục pháo kích, trong khi bộ binh tiến đến phía đông nam và phía bắc các pháo đài của điểm tựa của ông Đề-Nam. Kết qủa, pháo đài phía đông nam bị quân Pháp chiếm với giá 3 Lê-dương chết, 8 Lê-dương bị thương cùng với 3 khố đỏ.

Cánh Courot đào hầm hố cách xa mặt tiền của điểm tựa của Ông Đề Nam có 80 thước, để đặt 4 khẩu sơn pháo và 2 súng cối, để mở đột khẩu phá.

Ngày 26/3/1892, Pháo-binh bắn 200 trái phá vào phía tây-bắc. Các đại-bác và súng cối cơ-hữu của Thiếu-tá Courot nã vào phía đông-nam của điểm tựa của Ông Đề Nam. Nghĩa-quân bắt đầu rút khỏi điểm tựa trong đêm 27 rạng ngày 28/3/1892, quân Pháp liền xung phong vào cứ điểm.. .không người.

Ngày 29/3/1892, quân Pháp tìm được ở điểm tựa này (Ông Đề Nam) 15.000 ký gạo và rất nhiều thóc mà Nghĩa-quân không mang đi kịp cùng với 20 người chết mới chôn.

Ngày 30/3/1892, cánh quân của Trung-tá Geil (nỗ lực chính) tiến vào Trung-Tâm kháng cự của ông Đề Phức (Bá Phức) mà không gặp sự kháng cự nào cả, vì Nghĩa-quân đã rút từ bao giờ . Quân Pháp liền cho đóng quân tại các nơi đã chiếm được điểm A, ở điểm tựa gần Ma-Hương tức là Trung tâm kháng cự của ông Đề Phức.

Nghĩa quân rút về phía Ma-Hương tức là về phía Đông-Bắc căn cứ Yên-thế.

Quân Pháp lấy làm "hãnh diện" khi chiếm được Yên-thế, nơi mà từ 2 năm qua chúng đã liên-tiếp thất bại, với những tổn thất nặng nề. Chiếm được Yên - Thế, quân Pháp liền xóa tất cả các dấu vết của cuộc Vùng Dậy tại nơi này... Nhưng chúng có biết đâu, không khi nào và chẳng bao giờ họ xóa bỏ được tinh-thần Yên-thế.

CÁC CUỘC TRUY KÍCH

Ngày 31/3/1892, quân Pháp chiếm vị-trí cuối cùng của căn cứ Yên-thế. Cùng ngày, quân Pháp tung quân đội truy-kích Nghĩa-quân.

Một trong các cánh quân truy-kích do Đại úy Bonnabaud chỉ-huy, đã gặp hậu vệ một đoàn chuyển-vận của Nghĩa-quân, liền bám riết và nổ súng vào ngày 2/4/1892. Kết qủa quân Pháp bắt được 11 đàn bà thân nhân của Nghĩa-quân, 3 xe ngựa, 4 con trâu, nhiều gạo..., tài liệu, nhiều kiếm, 2 súng trường và nhiều vật dụng linh tinh khác. Về phía quân Pháp không bị một thiệt hại nào cả.

Ngày 4/4/1892, Đại-úy Betboy tìm được dấu vết của khoảng từ 60 đến 80 Nghĩa-quân, liền truy-kích và làm cho Nghĩa-quân phải bỏ chạy tán loạn gần đèo INH. Còn các cánh quân khác thì không gặp và đuổi kịp Nghĩa-quân..."vì có lẽ họ (Nghĩa-quân) đã phân tán và trà trộn trong dân chúng ở Yên-thế."

Riêng về các đồn nằm trên con đường Bố-ha, Nhã-nam cũng gặt hái được một vài kết qủa nhỏ, khi các đồn này gặp các toán Nghĩa-quân rút lui lẻ tẻ.

Ngày 7/4/1892, một toán tuần thám của đồn Cao-thượng đến bao vây một toán Nghĩa-quân ở làng Sơn-qủa, nhưng Nghĩa-quân nhờ trời còn tối đã rút lui hết.

Ngày 12/4/1892, 1 toán tuần thám 30 tên khố đỏ Bắc-kỳ, cũng thuộc đồn Cao-thượng, do Trung-sĩ Rouault chỉ-huy đụng độ với một toán Nghĩa-quân ở Hòa-Mục đã giải thoát được 2 đàn bà phản quốc.

Ngày 19/4/1892, Trung-sĩ Tafanelli thuộc đồn Bi-Nối, đã chỉ-huy một toán quân truy kích suốt đêm một toán Nghĩa-quân. Cuối cùng, sang ngày 20/4, toán Nghĩa-quân này bị dồn vào trong chùa làng Tiêu, chùa này có đục lỗ châu mai sẵn, đã chống trả quân Pháp kịch liệt. Quân Pháp mặc dầu được tăng viện và có Pháo-binh yểm trợ

cũng không thanh-toán được mục tiêu, buộc phải rút lui mang theo 2 khố đỏ chết, 2 Pháp và 2 khố đỏ khác bị thương.

Quân Pháp cho rằng đây (vụ chùa làng Tiêu) chỉ là một trường hợp lẻ tẻ, nên ra sức khủng bố và càn quét các làng, với hy-vọng rằng Nghĩa-quân sẽ phải ra đầu hàng.

CÁC CUỘC QUY THUẬN ĐẦU TIÊN

Ngày 12/4/1892, Ông Đề Sặt đã cho 50 Nghĩa-quân mang 38 súng về quy thuận Đại-úy Brodiez đồn trưởng Cao-thượng, với một bức thơ trong đó nêu điều kiện là phải cho ông về giữ làng của ông (làng Sặt), thì ông sẽ về trong những ngày tới... Quân Pháp đồng ý. Ngày hôm sau, 13/4 ông Đề Toán về trình-diện, ngày 16/4 ông Đề Kiều, sau hết ngày 20/4 ông Đề Sặt về trình-diện.

Tính đến ngày 20/4/1892, đồn Cao-thượng tiếp nhận tất cả 4 cấp chỉ-huy (Đề-Sặt, Đề-Toán ...) và 81 Nghĩa quân cùng với 74 súng, 1.500 đạn.

Cũng trong thời-gian trên, Trung-tá Geil tiếp nhận 2 cấp chỉ-huy khác của Nghĩa-quân (14/4) và Thiếu-tá Vandenbrock nhận một.

Ngày 20/4/1892, 1 cấp chỉ-huy khác của Nghĩa-quân về trình-diện đồn trưởng Bỉ-Nổi, một người khác về đồn Đình-Thép.

Trong tháng 4 và các tháng kế tiếp, Nghĩa quân tiếp tục về quy thuận mang theo nhiều võ khí và tính cho đến ngày 1/6/1892, có tất cả 193 Nghĩa-quân mang theo 144 súng trường và 21 súng lục về quy-thuận quân Pháp.

Trong số các người về quy thuận, quân Pháp thấy ông Đề Tiến chỉ mang toàn súng cũ về, nên sanh nghi, ngày 23/7/1892 cho lính đến nhà ông khám xét, thì tìm thấy 9 súng còn tốt và 250 viên đạn. Kết quả ngày 28/7/1892, ông bị xử tử.

TRẬN GÀN ĐỒN MỎ TRẠNG

Vào đầu tháng 6/1892, quân Pháp được tin quân sỹ của ông Bá-Phức, sau khi bị đẩy lui khỏi Yên-thế, đã kéo về thành lập một cứ điểm khác rất kiên cố ở giữa những giao thông hào... do khoảng 150 người chống giữ (có cả đàn bà, trẻ con và dân phu nữa). Thiếu-tá Bérard, chỉ-huy khu vực Thái-nguyên được lệnh đánh vào cứ điểm này.

Ngày 9/6/1892, một cánh quân hỗn hợp Lê-dương và Khố đỏ Bắc-kỳ được thành lập, chia ra làm 3 toán, do các Đại-úy Daval, Orlanducci và Watrin chỉ-huy tiến vào mục tiêu chỉ định. Trong ngày 10 và đêm 10 rạng 11/6, trên đường tiến quân, quân Pháp chỉ chạm súng lẻ-tẻ với Nghĩa-quân, sang ngày 11/6 thì quân Pháp xung phong vào cứ điểm không người giữ.

Ngày 15/6/1892, toàn thể cánh Bérard rút về căn cứ.

TÌNH HÌNH CON ĐƯỜNG LẠNG SƠN

Con đường này luôn luôn bị áp lực nặng nề của Nghĩa-quân. Quân sĩ của ông Lưu-kỳ bị đánh bật khỏi Đông-Triều, đã đến trú đóng tại Bảo-Đài và từ đây thu hút các toán Nghĩa-quân và chí-nguyện quân Tàu khác, để đánh phá công việc làm con đường xe lửa ở khoảng đường này. Vì vậy quân Pháp lại phải dồn mọi nỗ lực để bảo vệ công việc làm đường... (tháng 7/1892).

TRẬN BẮC LỆ

Ngày 9/7/1892, vì được tin quân Pháp sẽ mở đường Phủ-lạng-thương Lạng-sơn để tiếp tế cho quân-sĩ ở đây, ông Lưu-kỳ bèn tổ chức phục-kích để đánh phá... ở khoảng giữa Bắc-lệ và sông Hoa (cách Bắc-lệ 4 cây số), trên những ngọn đồi cây cối um tùm, chế ngự cả con đường và một cây cầu sắt Eiffel - nhưng thực ra, ngày hôm đó quân Pháp chỉ mang đồ tiếp tế định kỳ từ Bắc-Lệ đến Lạng sơn mà thôi và độ 46 người, do Trung-úy Valton chỉ-huy, hộ tống đoàn Công-voa có các Thiếu-tá Bonnaud và Đại-úy Charpentier cũng trở về Lạng-sơn, vì vậy họ phân công Thiếu-tá Bonnaud và Đại-úy Charpentier đi trước, còn Trung úy Valton và đám hậu vệ đi sau.

Khi đoàn công-voa lọt ổ phục kích thì Nghĩa-quân và chí-nguyện quân Tàu tứ phía bắn "cánh xẻ" vào đoàn người đang di chuyển...



Vùng Lạng-Sơn

Thiếu-tá Bonnaud, Đại-úy Charpentier và hầu hết toán tiền vệ bị tử thương ngay trong loạt đạn đầu... Trung-sĩ Lafond rồi Trung-úy Valton, sau khi hoàn hồn, đã thu nhặt tàn quân để chống trả... trong lúc Nghĩa-quân vừa thu dọn xong chiến trường và rút lui.

Kết qủa quân Pháp bị chết 23, kể cả Thiếu Tá Bonnaud và Đại-úy Charpentier và 8 bị thương. Mặt khác mất 22 súng trường.

Về phía Nghĩa-quân... quân Pháp nói rằng ông Lưu-Kỹ bị tử thương ?

Sau trận phục kích này, quân Pháp không dám cho các đoàn tiếp tế đi lẻ tẻ nữa mà chỉ tổ chức các đoàn Công-voa với những đơn-vị hộ-tống hùng hậu... để tránh bị phục kích.

CÁNH QUÂN CANH PHÒNG LƯU ĐỘNG

Sau cái chết của Đại-úy Perrin ngày 14/6/1892, việc giữ gìn an ninh con đường Lạng-sơn được Pháp giao cho một cánh quân lưu động do Đại-úy André chỉ-huy, bắt đầu từ ngày 1/7/1892, gồm có một Trung-đội khố-đỏ thuộc Đại-đội của Đại-úy này, và một số khố đỏ khác của đồn Bắc-lệ.

Quân Pháp ra sức bảo vệ và dồn mọi nỗ lực để làm con đường xe lửa Phủ-lạng-Thương - Lạng-sơn.

Ngoài ra, để cho cánh quân của Đại-úy André có thể lưu động 100% kể cả việc xử dụng quân sĩ, của các đồn Suối Ghềnh và sông Hoa quân Pháp gởi đến khoảng đường này 100 Khố xanh để bảo vệ bọn người Âu-châu chỉ-huy cuộc làm đường

Nhưng "Vụ Bắc-Lệ" (Thiếu-tá Bonnaud và Đại-úy Charpentier bị chết) xảy ra khiến quân Pháp phải gởi thêm quân-sĩ đến để tăng cường. Do đó tất cả các đồn và cánh quân từ Kép đến Thanh-Mọi (Kể cả cánh André) đều dặt dưới quyền chỉ-huy của Thiếu-tá Guyonnet kể từ ngày 15/7/1892 và như vậy ông này có trong tay tất cả 500 tay súng.

Nhưng vì lúc này là mùa hạ, hay có mưa bão, nên các đoàn công-voa phải di chuyển rất chật vật và chậm chạp. Do đó quân của Guyonnet chỉ có thể bảo vệ con đường và các đoàn Công-voa mà thôi chứ không thể mang quân đi tấn công Nghĩa-quân và chí-nguyện quân Tàu được... Vì vậy, cuối cùng quân Pháp lại phải cử Đại-Tá Servière cùng với cánh quân, đảm-trách công việc quan trọng này.

VỤ BẮT CÓC VÉZIN

Ngày 1/7/1892, vào lúc 8 giờ 30, một trong các thầu khoán làm đường xe lửa tên là Vézin, đã bị Nghĩa-quân và Chí-nguyện quân Tàu bắt cóc.(đặc biệt là có cả các dân phu của tên này tiếp tay trong vụ bắt cóc và sau đó theo luôn Nghĩa quân và quân Tàu). Ông Lưu-Kỳ ra giá 25.000$00 mới cho chuộc tên này, Pháp đã nuốt hận mang đủ số tiền chuộc mạng vào ngày 31/7/1892, Vézin được tha.

GIAI ĐOẠN YÊN THẾ II (HOÀNG HOA THÁM)

Bắt đầu từ đây (1892 - 1893), Pháp lưu ý đến một lãnh tụ dởm lược của Nghĩa-quân . Yên-thế : Hoàng-Hoa-Thám.

Vì họ Hoàng có nhiều nét độc đáo nên thiết tưởng ta cần phải tìm hiểu con người này, trước khi đề cập đến các võ công của một lãnh tụ đã làm cho quân cướp nước phải nhiều phen kinh hồn bạt vía và thán phục.

Nhìn vào gốc rễ của Hoàng-Hoa-Thám, ta thấy cụ không phải là một tù trưởng, không phải là một thổ-hào, cũng không phải là một khách giang-hồ hảo hán...mà là một người dân đã thuần túy, chánh quán ở Sơn-Tây (1) vì nghèo túng mà phải đến Bắc-giang, ngụ tại làng Bằng trong huyện Yên-thế, đi làm mướn để sinh nhai. Thấy cái nhục vong quốc nên cụ cầm súng chiến đấu. Năm 23 tuổi, cụ đã gia nhập hàng ngũ của ông Trần-quang-Loan ở vùng Bắc-Ninh để chống xâm lăng... Ông Loan bị thất bại nên cụ về với Ông Bá Phức (Đề-Phức), là một hào phú, một trong các lãnh tụ Nghĩa-quân vùng Yên-thế. Cụ được ông Bá Phức thương yêu và cho làm con nuôi, có lẽ do chí-khí của cụ hiên ngang bất khuất... Nhưng vì Bá Phức và cụ cũng bị thất bại liên miên, nên cả hai phải chạy sang hợp tác với ông Cai Kinh (Hoàng-đình-Kinh), đang hoành hành ở vùng rừng núi miền thượng lưu sông Thương (Bắc-giang), chính tại đây mà tên của cụ từ họ "Trương văn" được ông Cai Kinh đổi thành "Hoàng-hoa" (cho nó mang một sắc thái cần-vương) và phong chức ông "Đề" cho cụ. Rồi ông Cai Kinh chết, cụ cùng ông Bá-Phức tập trung Nghĩa-quân để tiếp tục kháng chiến (hồi ấy cụ 27 tuổi). Quân Pháp liền chú ý theo dõi và lùng bắt cụ nhiều lần, nhưng lần nào cũng vậy, chẳng những chúng không bắt được cụ mà còn bị đánh cho nhiều vố đau đớn. Công việc làm con đường xe lửa luôn luôn bị đánh phá. Từ đây, ông Bá-Phức vì già yếu, đã bị lu mờ trước ngôi sao đang lên Hoàng-hoa-Thám.



Lãnh-tụ Hoàng-Hoa-Thám (đứng đầu bên phải) và các Cộng-sự-viên

Để trừng phạt kẻ bội phản và trấn an tinh-thần Nghĩa-quân, trong đêm 7 rạng 8/2/1893, Đề-Thám đã cho quân sĩ đến bắt ông Đề-Sặt, người trước đây đã mang quân đầu hàng và làm tay sai cho Pháp.

Ngày 10/2/1893, Đề-Thám cho quân đột nhập một làng gần Nhã-nam để trị tội 3 tên làm gián điệp cho Pháp.

Bắt đầu từ tháng 7 - 1893, quân Pháp ghi nhận nhiều căn cứ trong vùng Nhã-Nam lại được Đề-Thám tái lập.

Ngày 3/11/1893, Đề Thám ngỏ ý sẽ về quy thuận quân Pháp cùng các ông Bá Phức, Thống Luân, Tổng - Trụ với 45 tay súng. Nhưng cụ xin cho một thời gian để chuẩn bị, quân Pháp đồng ý. Ngày 19/11, cụ lại xin triển hạn đến ngày 29/11.. Đến đây, quân Pháp cho rằng đây chỉ là một cuộc trá hàng, nên chuẩn bị một lực

---

(1) Chánh Giám binh Daufès trong quyển "La Garde Indigène" thì cho rằng : Cụ Đề-Thám hình như sinh trưởng ở làng Trung Yên-Thế và đầu tiên mang tên là Giai Tiên.

lượng gồm 370 tay súng, do Thiếu-tá Lê-Dương Barre chỉ huy để bao vây và tấn công làng Bằng Cục, cách Bỉ-Nội 3 cây số. Tới hạn định cũng không thấy Đề-Thám ra, sáng ngày 30/11/1893, sau khi pháo kích vào mục tiêu (làng Bằng-Cục), quân Pháp xua quân xung phong vào chỗ không người. Trận này quân Pháp chẳng những không đạt được mục đích mà còn bị thiệt hại nặng.

Sau trận này, quân Pháp lại ra sức càn quét và khủng bố dân lành, nhưng cũng không thấy dấu vết nào của Nghĩa-quân cả ?

Sang tháng 1/1894, sau những cuộc càn quét và khủng bố vô hiệu, thực dân Pháp quay sang vận dụng chính-trị, quân-sự song hành. Chúng mượn danh nghĩa của cái triều đình tay sai ở Huế cử tên Lê-Hoan, đương kim Tổng-đốc Bắc-Ninh mang "đoàn Bình-Định" gồm 200 khố xanh và 600 lính cơ đi đánh dẹp Nghĩa-quân theo kiểu tên đại Việt gian Hoàng-cao-Khải ở Bãi-Sậy trước đây. Nhưng trước khi tên này (Lê-Hoan) ra tay cùng với quân sĩ của Thiếu-tá Vallance, chỉ-huy khu vực Phủ-lạng-Thương, chúng ra sức phỉnh-phờ dụ dỗ các lãnh-tụ Nghĩa-quân ra hàng. Kết quả ngày 12 tháng 4 năm 1894, chỉ có Bá Phức cùng với một số Nghĩa-quân mang súng ra hàng, còn các ông Đề-Thám, Thống-Luận, Tổng-Trư, Đề-Công hứa đến Tết nguyên đán năm ấy (7/2/1894) sẽ về hàng, nhưng với điều kiện quân Pháp phải rút hết khỏi Yên-thế. Trong khi đó, Đề-Thám vẫn tích-cực tập trung các toán Nghĩa quân lẻ-tẻ khác và Chí-nguyện quân Tàu tại vùng núi Cai-Kinh để chuẩn bị...

Thấy cuộc điều đình có chiều hướng thất bại và mặt khác, không thể dùng vũ-lực để uy-hiếp mà cũng không thể dùng chính-trị để lừa gạt được, thực dân Pháp bèn âm mưu dùng tay Bá Phức để ám hại Đề-Thám một cách hết sức bẩn thỉu, nhưng thất bại.

Biết rằng dầu Bá-Phức đã về hàng mình (Pháp) rồi, nhưng tình-cảm giữa Phức và Thám hãy còn nặng do cái chỗ Thám là con nuôi Phức, nên ngày 18/5/1894, công-sứ Muselier đã âm mưu cùng tên phản quốc Lê-Hoan sai Phức lấy cớ đến thăm Thám ở Hữu-Nhuế, mang theo một quả mìn nổ chậm, đựng trong một cái tráp, đến hành dinh của Đề-Thám để ám hại. Khi Phức cùng với 4 tên thủ hạ của nó đến, thì lúc ấy cụ Thám đang ngồi xem hát chèo, Phức được cụ mời ngồi dự và Cụ tiếp tục đánh trống, sau vào hút thuốc phiện rất tự nhiên. Nhân lúc cụ ra ngoài, ở trong nhà một thủ hạ của Bá-Phức đã lén đặt "cái tráp" ở dưới gầm giường và khi ngòi cháy chậm đã được đốt, Phức được mật hiệu liền lấy cớ đau bụng và xin ra về. Vốn đa nghi và nhiều mưu trí, cụ bèn trở vào lục soát và phát hiện ra cái tráp, liền tập họp quân-sĩ ra xa, chờ cho mìn nổ rồi, cho rằng thế nào giặc cũng trở lại khai thác mục tiêu, nên tổ chức phục kích bọn này.

Kết quả mìn nổ vào lúc 5 giờ sáng ngày 19/5/1894, Bá-Phức cả quyết với quan thầy mới của nó là Đề-Thám đã chết. Lập tức bọn Muselier và Lê-Hoan cho người đi phối kiểm và mặt khác, cử Giám binh Lambert cùng các lãnh binh Duvergé, Trouvé, Henry, Benecchi mang bọn khố xanh vào khai thác mục tiêu và kêu gọi "tàn quân" Nghĩa-quân đầu hàng.

Theo ý niệm của Muselier thì quân Pháp bao vây rồi kêu gọi đầu hàng, nếu vô hiệu thì mới dùng Pháo-binh bắn yểm trợ trước khi xua quân xung phong (Muselier và phó sứ Phủ lạng-Thương là Quennec đều đi theo cuộc hành quân).

DIỄN TIẾN

Quân Pháp thấy sự kêu gọi không có đáp ứng, đến 15 giờ (cùng ngày 19/5/1894), liền cho lệnh các toán quân chiếm vị-trí chỉ định để chuẩn bị xung-phong.

Sau một loạt pháo-kích của khẩu đại-bác của Đại-úy Toquenne, đồn trưởng Nhã-nam, Pháp xua quân xung-phong, thì bị Nghĩa-quân từ trong các hầm hố khạc đạn vào các "bia" khiến chúng ngã như sung rụng : Lãnh-binh Trouvé tử thương, Giám-binh Lambert bị một viên đạn xuyên qua bánh chè, Công-sứ Muselier bị một viên đạn xuyên qua đùi phải, 3 pháo-thủ ngã gục cạnh khẩu đại bác, 2 khố xanh chết, 13 khố xanh khác bị thương.

Về phía Nghĩa-quân, theo quân Pháp thì "bị thiệt hại nặng nề."

Ngày 1/6/1894, Thiếu-tá Vallance, chỉ-huy khu vực Yên - Thế được Pháp cử nắm

quyền chỉ-huy các cuộc hành-quân. Sau nhiều ngày chờ đợi các tin tức liên hệ không thấy, bèn "đoán" là quân phòng thủ Hữu-Nhuế và Đề-Thám hiện rút về đông bắc làng Nứa và thiết lập hai điểm tựa ở trong rừng, liền mang quân đánh chiếm. Kết qủa cứ điểm bên phải bị Vallance chiếm không mấy khó khăn, ngược lại khi quân Pháp tiến vào cứ điểm bên trái thì bị chận đứng, với 2 Pháp bị chết, 6 bị thương trong số có Đại-úy Toquenne. Đến đợt thứ hai sau khi bắn dọn đường, quân Pháp hô xung phong vào mục tiêu thì Nghĩa-quân đã rút từ bao giờ.

LỰC LƯỢNG CỦA ĐỀ THÁM NGÀY CÀNG LỚN MẠNH

Vào khoảng đầu tháng 9/1894, ông Bang-Kính, một địa chủ ở Voi Thượng cảm thấy mình bị theo dõi về các liên-lạc với cụ Đề-Thám, bèn mang khoảng 50 thủ-hạ võ trang đầy đủ, gia nhập hàng ngũ Yên-thế.

Tính đến hết tháng 9/1894, quân-sĩ của cụ Đề-Thám đã lên tới 200 tay súng, do cụ làm Tổng chỉ-huy và 4 cấp chỉ-huy khác là các ông Bang-Kính (nói trên), Đề-Khế, Đề-Huỳnh trấn giữ các cứ điểm mới thiết lập như sau : 1 cách xa cứ điểm cũ của ông Đề-Nam (đã bị phá) về phía tây-nam nửa giờ đường, một cứ điểm khác ở trên bờ sông Sỏi nằm về phía đông-bắc cứ điểm Hữu-Nhuế (cũ).

Ngày 9/9/1894, Đại-úy Grimaud, đồn trưởng Bố-Hạ được tin, bèn mang quân đi tuần thám. Khi đến phía bắc Lan-Thượng một quãng thì bị ông Bang-Kính đánh cho một vố làm cho giặc bị chết 2, bị thương 3 và chạy trối chết về đồn Nhã-Nam.

Song song với cuộc chạm súng trên, Nghĩa quân luôn luôn chận đánh các chuyến xe lửa Hà-nội - Lạng-sơn và trừng phạt bọn phản quốc.

VỤ BẮT CÓC TÊN CHESNAY VÀ LOGIOU

Ngày 17/9/1894, tên cướp đất khét tiếng Chesnay, chủ nhiệm tờ "Tương lai xứ Bắc-Kỳ" (l'Avenir du Tonkin) đồng thời làm thầu khoán khai thông con đường xe lửa Hà-Nội - Lạng-Sơn, đã bị Nghĩa quân bắt cóc ở Suối Ghềnh cùng với tên thủ hạ của nó tên là Logiou. Biến cố này làm xao-xuyến không ít trong hàng ngũ bọn thực dân. Bọn này (thực dân) đòi bọn cầm quyền Pháp phải cứu Chesnay bằng bất cứ giá nào.

Vì nhận thấy cụ Đề-Thám và quân-sĩ là những người bất trị nên chúng phải tìm cách giảng-hòa, một là để cứu mạng tên Chesnay, hai là để chuẩn bị một kế hoạch quy mô hơn nhằm tiêu diệt hẳn Nghĩa-quân Yên-thế.

Bọn thống-trị Pháp phải nhờ Cố đạo Tây-Ban-Nha Velasco, cai-quản địa phận Bắc-Ninh, đứng ra điều đình để chuộc tên Chesnay.

CUỘC "HỢP TÁC" LẦN THỨ NHẤT

Đề-Thám bèn lợi dụng cơ hội để thương thuyết về một cuộc "hợp tác" có thể có giữa cụ và Pháp, rồi đưa ra điều kiện thương-nghị 4 điểm như sau :

1.- Pháp phải nộp một số tiền chuộc mạng Chesnay là 15.000$00 bạc Đông-Dương (1)

2.- Quân-đội Pháp phải triệt thoái tất cả các đồn trong phạm-vi Yên-thế.

3.- Nhường quyền cai-trị 4 Tổng Nhã-nam, Mục-sơn, Yên-Lễ và Hữu-thượng cho Nghĩa-quân.

4.- Nhường quyền thâu các thứ thuế của dân chúng trong các Tổng nói trên cho Nghĩa-quân trong vòng 3 năm.

Xuyên qua đề nghị hợp tác này của Đề-Thám, ta thấy cụ chỉ muốn lợi dụng cơ hội đình chiến để củng cố lực-lượng, xây dựng căn cứ, chớ trong thâm tâm cụ cũng đủ hiểu là hai địch thủ không thể "sống chung hòa-bình" với nhau được.

Về phía Pháp, khi chấp thuận điều kiện trên, ta thấy chúng cũng không thiếu gì âm mưu

---

(1) Bạc trắng. Bạc này dùng để mua khí giới lậu ở ngoại quốc - Nghĩa quân thường khai thác nguồn "tài nguyên" này để mua sắm võ khí.

thâm độc ; chúng muốn "thí-nghiệm" xem trò Đèo-văn-Trị và Lương-Tam-Kỳ có thể áp-dụng đối với Hoàng-hoa-Thám hay không, chứ chúng có nhân-nghiã gì đâu ?

Hành động này của bọn "Văn-quan" đã gây mâu thuẫn trầm trọng với bọn "Võ-quan" Pháp. Bọn sau này cho rằng "chia đất" là một việc nguy hiểm, nên đã phải nhờ Bộ thuộc địa ở chánh quốc can thiệp.Tuy vậy, bọn Văn-quan vẫn thắng. Kế hoạch được thi-hành Tên Chesnay được phóng thích (ngày 25/10/1894). Cụ Đề Thám cai quản mấy tổng Mục-sơn,Nhã-nam, Yên-Lễ và Hữu-thượng.

Rồi Pháp thiết lập một loạt đồn kiên cố để bảo vệ con đường xe lửa từ Bố-Hạ - Mỏ Trạng Mỏ-Na - Lương-Kép ,chợ Phồng và chợ Trảng rồi sai tên Đốc-Xúy và vài thổ hào tay sai lập đồn ở núi Bảo Đài để đề phòng những bất trắc về sau này.

Trong thời gian "hợp tác", Pháp vẫn được tin có nhiều nhóm Nghĩa-quân khác cùng với một số quân-sĩ của Lương-Tam-Kỳ (đã hàng Pháp), ly-khai đến gia nhập Nghĩa-Quân và Nghĩa-Quân Yên-Thế cũng vẫn dính líu đến nhiều hoạt-động ở các nơi khác.

Tuy hai bên vẫn canh chừng nhau, nhưng ngoài mặt thì ra vẻ rất "lịch-sự". Các quan chức văn-võ Pháp vẫn thường đến thăm cụ Thám và cụ Thám cũng hay gởi mật ong, mật gấu, nhung, cao... là những qúy vật của đồng rừng cho các Toàn-Quyền,Thống-Sứ và Tướng Tá Pháp ... Đôi khi cả hai bên đều mở tiệc thết đãi nhau, hay tổ chức săn bắn vui vẻ (hình như Pháp có lần định lợi dụng một cuộc săn bắn để ám sát Cụ Thám), trong lúc vui vẻ như thế,hai bên chỉ nói chuyện mùa màng chớ tuyệt nhiên không nói đến chánh-trị.

Sau một năm thấy việc mua chuộc Đề-Thám chẳng đi đến đâu cả, Pháp liền trở mặt và cử Đại-Tá Galliéni dùng toàn lực mở cuộc tấn công.

CUỘC HỢP TÁC HOÀNG HOA THÁM – PHÁP TAN VỠ

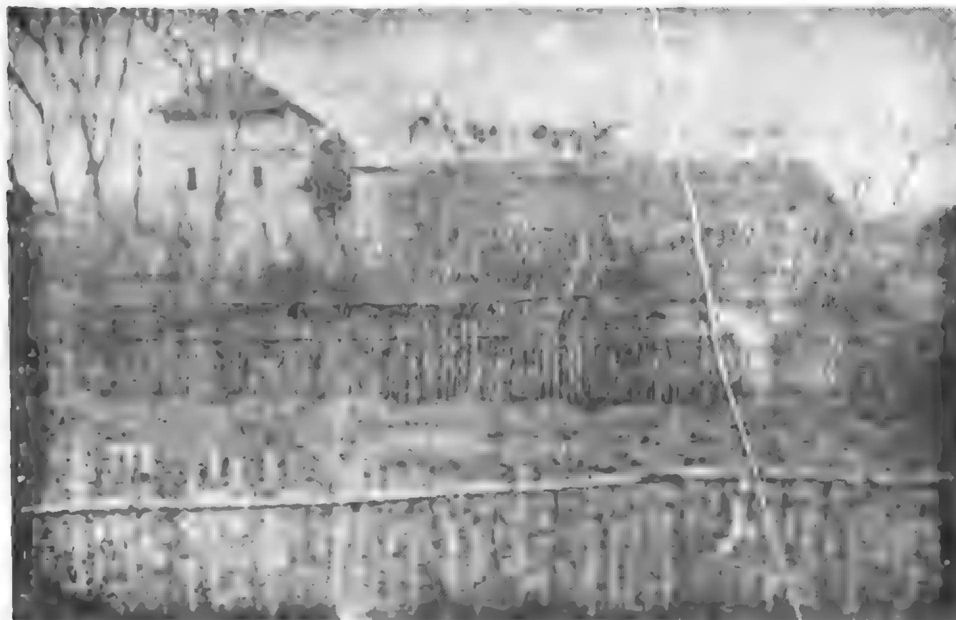
Mở đầu, toàn quyền Đông-Dương ra lệnh "cho đòi" Đề-Thám đến trình diện tại Bắc-Ninh vào ngày 7/11/1895, để Pháp báo tin cho Cụ hay rằng sáng ngày 8/11/1895, Pháp sẽ tái chiếm các tổng trước đây do Nghĩa quân cai quản và sẽ do Đại-Tá Galliéni phụ-trách. Riêng về việc hành-quân cảnh-sát ở Yên- thế thì sẽ do tên phản quốc Lê-Hoan, Tổng-Đốc Bắc-Ninh phụ trách,có tên phó sứ Quennec làm phụ-tá. Sáng ngày 8/11/1895, đại diện của Cụ Đề-Thám có đến gặp các quan chức văn-võ Pháp ở Nhã-Nam để điều đình, nhưng thất bại.

Ngày 23/11/1895, Đại-Tá Galliéni cho quân đến chiếm các điểm chiến lược để chuẩn bị bao vây và tấn công như sau : cánh thứ nhất do Thiếu-Tá Boblingre chỉ-huy, phụ-trách khoảng đường Mỏ-Trạng - Bố-Hạ; cánh thứ hai do Thiếu tá Rondony chỉ-huy,phụ trách khoảng đường Bố-Hạ - Nhã-Nam; cánh thứ ba do Thiếu-tá Roget chỉ-huy, phụ-trách khoảng đường Nhã-Nam - Mỏ-Trạng.

Ngày 25/11/1895, sau khi đã đặt quân xong, Đại-tá Galliéni gởi cho Cụ-Thám 1 tối hậu thơ yêu cầu đầu hàng không điều kiện. Cụ Thám trả lời trong hai bức thơ cứ khất lần. Đứng trước sự kiện này, Tướng Tổng Tư-Lệnh quân Pháp ra lệnh cho Galliéni "sẵn sàng ra tay và nếu trong ngày 29/11/1895 ông Đề-Thám không trình diện, thì sẽ mở cuộc tổng tấn công."

Sáng ngày 29/11/1895, không thấy tin tức gì về Cụ Đề-Thám nữa, Pháp bắt đầu cho tiến quân bao vây. Đến 10 giờ, toán Remond (Đại-úy thuộc Trung-đoàn 3 khố đỏ Bắc-kỳ) thuộc cánh thứ 3 bất thần đụng phải pháo-đài Lâm-du bị chận lại và bị thiệt 3 khố đỏ bị thương. Đến trưa, toán Adeline (Đại-úy Trung-đoàn 10 TQLC) thuộc cánh thứ hai đã bất thần đụng phải pháo đài Bãi-Mẹt, bị thiệt mất một Âu-châu chết, 3 khố đỏ bị thương. Cánh thứ nhất ngay từ phút đầu đã tiến thẳng tới các cứ điểm ở Bãi-Mẹt và Hồ-Cói, trên một địa thế mà Đại-úy Grandmaison đã thuộc từ trước,nên sĩ-quan này sau đó đã chỉ huy một toán tuần chiến đến thăm dò địa thế,khi chỉ còn cách căn cứ chính của Nghĩa-quân chừng 50 thước mà thôi. Đến đây, cuộc hành quân của cả ba cánh được tạm ngưng để đến sáng hôm sau tiếp tục.

Ngày 30/11/1895, cánh thứ 3 chiếm pháo đài Lâm-Du (mà hôm trước toán quân của Đại-úy Remond bị chận lại),cánh thứ hai chiếm Trung



Đồn Mỏ-Na-Nương (của Pháp) trong vùng Yên-Thế.

tấm kháng cự. Đến trưa, quân Pháp len lỏi vào rừng, siết chặt vòng vây, nhưng Nghĩa-quân đã thoát vậy bằng một cái khe có cây cối che khuất ở giữa sông Sỏi và Chùa Vické.

Quân Pháp liền tung quân đi sục sạo khắp các khu rừng Yên-thế rồi chiếm đóng luôn trên khu vực này. Nhiều cánh quân (Cả Cảnh-sát, lẫn tác chiến) được dùng vào việc truy lùng Nghĩa-quân. Nhờ sự khủng bố quy mô này mà quân Pháp bắt được nhiều người và võ khí của Nghĩa-quân, mặt khác, có tới 499 tay súng Nghĩa-quân về hàng giặc trong số có ông Đốc-Túc, Đốc-Hải.

Đại-tá Galliéni tiếp tục lãnh trách nhiệm tổ chức việc chiếm đóng và thiết lập nhiều đồn mới ở đây.

Mặc dầu quân Pháp chiếm đóng chiến-khu Yên-Thế và dù chúng ra sức đàn áp dân chúng, nhưng dân chúng vẫn ngấm ủng hộ Nghĩa-quân, bằng cách này hay cách khác và chủ-lực quân của Nghĩa-quân vẫn mạnh.

Sang đầu tháng 2/1896, nhiều cánh quân Pháp được tung ra càn quét các khu rừng núi nằm ở địa phận Bắc-giang và Thái-nguyên, nơi mà ở đó cụ Đề-Thám mới thiết lập căn cứ.

Nhiều cuộc chạm súng lẻ tẻ đã xảy ra trong lúc quân Pháp đi càn quét, nhưng phần nhiều là quân Pháp lãnh lấy các vố thua đau. Đặc biệt là tại Thị-Cầu ngày 20/2/1896, quân Pháp được tin của ông Thống Luận và nhiều nghĩa-quân xuất hiện tại đây (Thị-Cầu) ; lập tức Giám-binh Burcklé và cả Lãnh-binh Pomade và Poirson mang quân đi bao vây. Khi đã vây chặt làng xong, Burcklé trèo lên một cái tường để quan sát, liền lãnh một phát đạn vào giữa tim và ngã gục. Thế là một cuộc dành giựt xác của tên này giữa Pháp và Nghĩa quân xảy ra. Lãnh binh Poirson và vài tên khố xanh liều chết xông ra dành giựt xác Burcklé, mặc dầu Poirson bị bắn rơi cả mũ, nhưng hắn cũng cố nhặt được xác Burcklé và khẩu súng lục của tên này. Tuy vậy sau cùng Poirson cũng bị bắn què chân rồi đến lượt Pomade ra cứu Poirson cũng bị vây. Bọn khố xanh liền xả thân ra cứu chủ của chúng và đẩy lui Nghĩa-quân, nhưng Nghĩa-quân vẫn chưa ra khỏi làng Thị-Cầu.

Quân Pháp ở đồn Nhã Nam được tin liền mang quân đến tăng cường, nhưng trời đã tối, nên phải để đến hôm sau mới tấn công... thì Nghĩa-Quân đã rút từ bao giờ.

Ngày 15 tháng 9 năm 1896, ông Lãnh Túc, con trai nuôi của cụ Đề Thám, mang quân tấn công trang trại của tên thực dân Gobert ở gần làng Tiên Đức (Bắc Ninh), đã làm cho Lãnh binh Racagel và tên hương binh Haglon chết tại trận, rất nhiều khố xanh khác bị thương... Trong thời-gian này, ông Lãnh Tiểu về hàng Pháp.

Cũng trong khoảng thời-gian nói trên, cụ Đề Thám mang quân đến lập Chiến khu tại rừng

núi Tam Đảo, tình hình khu vực Yên Thế có phần lắng dịu.

CUỘC «HỢP TÁC» LẦN THỨ HAI

Sang năm 1897, tình hình Yên Thế đặc biệt, là các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Ninh và Bắc Giang vẫn rối loạn, Nghĩa Quân ngày càng hoạt động mạnh, khiến Pháp phải ra lệnh cho các đồn trong các tỉnh hạt này phải phối hợp với nhau để càn quét. . . Nhưng trải qua nhiều tháng trời, vấn đề vẫn dậm chân tại chỗ nên Pháp phải nghĩ đến việc điều đình.

Điều đình là cả một vấn đề mà thực dân Pháp nghiên cứu từ lâu và chúng đã rút ra được một số kinh nghiệm. Điều đình của chúng có nghĩa là thu phục bằng quyền lợi bằng hư vị, để làm lũng đoạn hàng ngũ chống đối. . . Về điểm này, Pháp đã đạt được một vài thành công, nhiều thổ hào hay các nhà ái quốc trước đây, khi đã mắc mưu "điều đình" của chúng rồi, đã trở nên tay sai đắc lực cho giặc, ra sức khủng bố, chém giết và bóc lột đồng bào của họ. . . Tuy vậy đối với Hoàng Hoa Thám, xuyên qua lần "hợp tác" trước, chúng đã đi đến kết luận là họ Hoàng là con người "bất trị" và chúng quyết tâm tiểu trừ ... Nhưng vì thấy rằng đã tốn hao bao nhiêu xương máu và tiền của, vẫn không sao dẹp yên được "bọn phiến loạn Yên thế", nên Pháp lại phải dùng lá bài "điều đình" một lần nữa. Lần này chúng không cho Đề Thám đặt các điều kiện như trước và đòi việc nạp khí giới làm điều kiện tiên quyết. Để thoái thác điều kiện này, cụ nại cớ phải có vũ khí thì mới tiễu phỉ trong vùng được; Pháp lấy cớ đã hòa thì phải nộp khí giới. Cụ không chịu. Sau nhiều lần bàn cãi cụ chỉ đưa ra những vũ khí xấu và một số tốt tượng trưng.

Cuộc đình chiến kỳ này vẫn do cố đạo Tây Ban Nha Velasco làm môi giới và kéo dài 12 năm (1897 - 1909) theo kế hoạch sau đây (của Hoàng-Hoa-Thám):

1- Mở rộng việc khai thác đồn điền Phồn Xương để có một căn bản Kinh tế chiêu quân mãi mã.

2- Xây dựng các công sự và pháo đài để phòng việc bất trắc xảy tới.

3- Lấy Phồn Xương làm nơi tụ họp các Nghĩa sĩ toàn quốc cùng chia lo việc cứu nước.

4- Đợi cơ hội tốt sẽ tổng phản công quân Pháp.

Cuộc hợp tác lần thứ hai bắt đầu từ thượng tuần tháng 12/1897 và Yên-thế trở lại sự yên lặng của núi rừng... Các Nghĩa quân đều trở thành nông dân, nhưng luôn luôn đề cao cảnh giác sự tráo trở của giặc, nên mỗi khi đi làm lụng vẫn bí mật mang vũ khí theo.

Theo kế hoạch "hợp tác", Đề Thám cho người đi chiêu mộ nhân dân các nơi về Phồn Xương khai thác đồn điền... Vì thế nguồn sống của nhân dân Phồn Xương nói riêng, của Yên thế nói chung, đều trở nên sung túc...

Hồi ấy phong trào kháng chiến ở Trung Kỳ và ở Bắc Kỳ chỉ còn thoi thóp, nên các Nghĩa sĩ còn lại phần nhiều tìm đến hoặc hướng về Yên thế. Các chí sỹ như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.v.v... đều tìm đến Yên thế để, hoặc trao đổi chính kiến, hoặc bàn kế hoạch, hay khích lệ.v.v... Ngay cả ông Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cẩm (1) cũng từ Alger trở về Yên thế để mở đồn điền. Lúc này thành phần của Nghĩa Quân Đề Thám có cả thanh niên, con các lãnh tụ Văn thân cũ, và các khách giang hồ hảo hán từ các nơi tụ tập về,



Kỳ Đồng
NGUYỄN-VĂN-CẨM

(1) *Ông này quê quán ở Thái Bình (BV) được Thống Sứ Bibourd cho sang học ở Alger từ năm 1887. Chín năm sau Ông đậu Tú tài Khoa học, trở về nước tham gia chống Pháp ... Sau bị lộ và bị bắt đày đi Tahiti.*

khiến lực lượng của Đề Thám lại lớn mạnh lên đến 200 tay súng.

Trong những năm khai thác nông trại Phồn Xương, Đề Thám sống hòa mình với nhân dân một cách hết sức thân thiết... Bất cứ đám hiếu hỷ nào, hay bất cứ cuộc tế lễ hay tu tạo những nơi thờ tự nào, cũng đều có mặt cụ, ngược lại, nhân dân cũng thật tâm kính trọng và tin tưởng nơi cụ.

Về phía thực dân Pháp, chúng vẫn luôn luôn theo dõi các hoạt động của cụ, nên bên ngoài thì chúng giả bộ thân thiện, nhưng bên trong thì chúng ra sức chuẩn bị những điều kiện để đánh ván bài cuối cùng. Từ năm 1897 đến 1909, tại Yên-thế cũng như các vùng phụ cận, Pháp đã thiết lập xong nhiều đồn bót và đắp xong các đường giao thông. Con đường xe lửa Hà-Nội Lạng Sơn cũng được hoàn tất vào năm 1902, sau 13 năm chật vật và hao tốn tiền của và xương máu... Song song với việc làm đồn và đắp đường, bọn đại địa chủ Pháp cũng ra sức mở rộng các đồn điền của mình, khiến cho Yên thế không còn là một nơi âm u bí hiểm, mà là nơi khai thác nhiên liệu của Thực dân, dưới sự bảo vệ của các hệ thống đồn bót.v.v... Điều kiện thuận lợi đã có, lại thêm vụ nổi loạn ở miền Trung do cụ Phan Châu Trinh chủ xướng sau khi Nhật đại thắng Nga và vụ bỏ thuốc độc cho Sĩ quan Pháp ngày 27/6/1908 tại Hà-Nội của bọn khố xanh, khố đỏ (1)... (mà Đề Thám có liên hệ), đã khiến cho Pháp quyết tâm tiễu trừ Đề Thám mà chúng coi như một cái gai trước mắt...

Trong khi Pháp chuẩn bị những trận quyết liệt cuối cùng, thì cũng là lúc mà lãnh tụ Nghĩa quân Yên Thế đã trù liệu xong một kế hoạch phản công xuống đồng bằng. Tình hình thật căng thẳng. Toàn quyền Klobukowski quyết định tái chiếm Yên thế và gởi tối hậu thư cho Đề Thám, đòi nộp khí giới, giải giao các phần tử sống ngoài vòng pháp luật hiện có mặt tại Yên Thế, và sau hết cụ phải về trình diện ở Hà-Nội... Đề Thám không trả lời, tức thì lệnh khởi sự của quân Pháp được ban ra và được thi hành đúng như kế hoạch đã định.

Đại-Tá Bataille được chỉ định điều khiển các cuộc hành quân bắt đầu ngày 29/1/1909, các cuộc hành quân này chia làm hai đợt, đợt 1 từ 29/1 đến 01/5/1909, do Đại Tá Bataille chỉ huy và đợt 2 từ 05/7/1909 đến 28/2/1910, các Thiếu Tá Chofflet và Bonifacy chỉ huy.

CÁC CUỘC HÀNH QUÂN ĐỢT I CỦA ĐẠI TÁ BATAILLE

Pháp cho rằng hành quân khởi sự vào đầu năm 1909 rất thuận tiện, một là đánh vào mùa xuân tránh được mùa hạ nóng bức vất vả, hai là trong dịp Tết, Nghĩa quân đã ăn hết gạo cũ chưa xay kịp thóc mới, để có thể đem vào rừng, ba là đánh vào mùa xuân thì Nghĩa quân bị bất ngờ và không kịp đối phó.

Lực lượng đất thuộc quyền Bataille gồm có: 1 Bộ Tham Mưu do Đại-úy Teissier làm Tham Mưu Trưởng, 5 Đại Đội Bộ Binh thuộc địa (-) với 1 Trung đội súng liên thanh, 5 Đại Đội Khố đỏ, 1 Trung Đội Lê Dương, 1 Pháo Đội 75 ly, 1 Pháo Đội 80 ly sơn pháo, 1 Đại Đội Công-Binh, 1 Trung Đội kỵ binh của tỉnh Bắc Giang, Phúc Yên và Thái Nguyên.

Theo ý niệm điều quân của quân Pháp thì chúng sẽ hành quân hết sức bí mật và đánh thật mau và mạnh, theo chiến thuật "bủa lưới phóng lao"...

Cánh thứ nhất do Thiếu tá Mayer chỉ huy, gồm có 100 thân binh, Đại Đội 8 Bộ binh thuộc địa, 1 Trung đội súng liên thanh, Đại Đội 6 khố đỏ Bắc Kỳ, 1 Trung Đội sơn pháo 82 ly, 1 Đại đội công binh, xuất phát từ Đáp Cầu lên Nhã Nam để có thể tập trung tại đây đúng ngày N (29/1/1909).

Cánh thứ hai do Thiếu Tá LE CANU chỉ huy gồm có 100 thân binh, Đại Đội 9 Bộ binh thuộc địa, Đại Đội 1 khố đỏ Bắc Kỳ, 1 Trung đội sơn pháo 82 ly, Đại Đội công binh (-), xuất phát từ phủ Lạng Thương lên Kép và từ Kép đến điểm tập trung là Bố hạ.

Ngoài hai cánh này ra, Đại Tá Bataille còn lấy bớt lính ở trong các đồn trong vùng Yên Thế ra để tạo thành một cái lưới khổng lồ bao vây Nghĩa quân, với nhiệm vụ giữ gìn an ninh trong vùng, chặn bắt... các Nghĩa quân thoát vây và di tản lương thực ra ngoài vùng hành quân... thành phần lấy bớt trong các đồn như sau:

- Khu vực Bắc Lê (đường xe lửa) do Đại Úy Vincent chỉ huy, lấy 1 Trung đội Lê Dương

(1) *Riêng vụ bỏ thuốc độc xin xem thêm ở phần III.*

ở đồn Thanh mọi, 1 Trung đội khố đỏ ở đồn Ba dan, 1 Trung đội khố đỏ và 30 khố xanh ở đồn Sông Hoa, 1 Trung-đội lính Âu Châu và 1 Trung đội khố đỏ ở Bắc Lê, 1 Trung đội khố đỏ ở đồn suối Ngang, 1 Trung đội khố đỏ ở đồn Kép. Quân sỹ của khu vực này có nhiệm vụ bảo vệ con đường xe lửa và mọi sự vận chuyển trên trục Kép-Thanh mọi.

- Khu vực Mỏ Trang do Đại Úy Barbassat chỉ huy, lấy 1 Trung đội khố đỏ, 20 lính Âu Châu và 30 lính khố xanh ở đồn này, 1 Trung đội khố đỏ và 10 lính Âu Châu ở mỏ Na-Lương.

- Khu vực chợ Phỗng do Trung Úy Lamy chỉ huy, lấy 1 Trung đội khố đỏ ở đồn này và khố xanh ở đồn làng Mẹt.

- Khu vực Hà-Châu do Đại-Úy Pagès chỉ huy đại đội 7 Bộ binh thuộc địa, 1 Trung đội sơn pháo 80 ly và các lính khố xanh lấy ở các đồn Hà châu, Phủ Đa-Phúc, Phương Độ, Trấn Xa, Đức Thắng, Đông Lỗ, Cao Thượng.

Nhiệm vụ của các chỉ huy khu vực Mỏ trang, Chợ Phỗng và Hà Châu là bảo đảm an ninh trong vùng và chặn bắt tất cả các phần tử Yên thế thoát vây. . .

Phủ Lạng Thương là hậu cứ của cuộc hành quân do Đại-Úy Schwartz chỉ huy Đại đội 6 (-) Bộ binh thuộc địa và Đại đội 1 (-) thuộc Trung Đoàn 1 khố đỏ Bắc Kỳ.

Ngoài ra, Pháp còn đặt một trạm quân y ở Nhã Nam và các bưu trạm ở Nhã Nam, Kép, Bố Hạ, Cao thượng và Đức Thắng...

Việc chuẩn bị hành quân được quân Pháp thi hành rất bí mật, thậm chí nhiều cấp chỉ huy nhỏ không biết là đi đâu... và đều đến điểm chỉ định đúng giờ. Quân Pháp đặt hết tin tưởng vào mẻ lưới úp khổng lồ này, thì tự nhiên quan chức dân sự Pháp ở Nhã Nam lại cho khố xanh đi tấn công vào căn cứ Nghĩa quân theo "sáng kiến" riêng của mình vào sáng ngày 29/1/1909, không nằm trong kế hoạch chung, khiến cho âm mưu của Pháp bị bại lộ và Đề Thám có đủ thì giờ rút lui...

Ngày 30/1/1909, hai cánh Mayer và Le Canu tiến vào căn cứ Chợ Gỗ và An Đông không gặp khó khăn nào cả. Đại Tá Bataille đã đặt Bộ Chỉ Huy Hành quân ở chợ Gỗ ngay tại nhà Đề Thám.

Mục đích thứ nhất của quân Pháp là chiếm đóng Yên Thế thì đã đạt được, nhưng còn vấn đề tiễu trừ Nghĩa quân thì thất bại hoàn toàn. Lỗi do ở chỗ thiếu tin tình báo và mặt khác, Đề Thám đã ra lệnh "vườn không nhà trống" nên Pháp chẳng biết bắt ai và khủng bố ai để tra khảo tin tức cả. Cho nên quân Pháp tiến quân để sục sạo như " Xẩm sờ voi ".

TRẬN RỪNG PHÊ

Khi rút lui khỏi các cứ điểm, một số Nghĩa quân bèn chiếm một ngọn đồi gọi là Rừng Phê, ở cách Đình Thép 3 cây số về phía Tây Bắc, đào hầm hố, công sự... để chờ địch.

Ngày 01/02/1909, Thiếu Tá Le Canu chỉ huy một toán tuần chiến gồm: 31 khố xanh, 1 Đại đội khố đỏ và 1 tiểu đội lính Âu Châu (1 phần cánh quân Le Canu), xuất phát từ Đình Thép hồi 10 giờ, để tiến về phía Rừng Phê. Đến 13 giờ 20, thình lình toán quân này được Nghĩa quân "Nghinh đón" bằng những loạt đạn ác liệt. Loạt đạn này làm cho vài kẻ ngã gục và hàng ngũ quân Pháp trở nên rối loạn. Sau khi hoàn hồn và chỉnh đốn xong, quân Pháp lại tiến lên, lần này Nghĩa quân để cho chúng tiến chỉ còn cách 15 thước mới đồng loạt nổ súng, hàng ngũ quân Pháp lại bị rối loạn, Trung Úy Guérini bị trọng thương, nhiều kẻ bị thương khiến quân Pháp phải tổ chức 2 đợt xung phong mới lấy được xác bọn thương vong.

Cuộc giao tranh vẫn tiếp tục đến 15 giờ, Le Canu phải xin tăng viện, Trung Úy Romain Des Fosses mang một Trung đội lính Âu Châu và 1 Trung đội lính khố đỏ đến tăng cường, đến 17 giờ, Đại Tá Bataille đích thân mang hai Trung đội lính Âu Châu, đại đội công binh (-) và 1 Trung đội khố đỏ đến, vừa để quan sát trận địa, vừa để tăng cường cho Le Canu. Quân Pháp, sau khi có quân tăng cường, đã bao vây Rừng Phê và sửa soạn tấn công thì trời bắt đầu tối, đến 19 giờ chúng cho vài tên bò lên đỉnh đồi thám sát, thì Nghĩa quân đã rút hết từ bao giờ.

Kết quả, quân Pháp đã mang nhiều đơn vị và ngay cả viên Đại Tá Tư lệnh chiến trường đích thân đến điều động quân sĩ, mà chỉ chiếm được mấy cái hầm hố và công sự bỏ không, lại còn lãnh thêm hai Hạ sĩ quan tử thương và 2 Hạ sĩ quan khác trọng thương khiến chúng hết sức căm giận...

Sau trận này, đến cả tuần sau chỉ có các cuộc chạm súng lẻ tẻ. Nghĩa quân luôn luôn áp dụng chiến thuật du kích, nên khi quân địch được tin mang quân đến thì đã muộn.

TRẬN ĐỒNG VƯƠNG

Ngày 11/2/1909 (10 giờ) sau nhiều cuộc tuần thám không kết quả, cánh Mayer đã đụng độ với quân của Cả Huỳnh (con Đề Thám), Cả Rinh (con nuôi Đề Thám), Ba Biểu, Lý Thu tập trung tại Đồng Vương. Nghĩa quân bắn vài phát rồi rút lui, thỉnh thoảng lại "bắn sẻ" làm cho các Trung sĩ Casanova và Bonlault bị trọng thương, Trung sĩ Malasbina bị thương...

Mayer liền chia quân làm 2, đánh theo thế gọng kềm vào Nghĩa quân. Toán 1 do Đại Úy Collot chỉ huy ở phía trái; toán 2 do Trung Úy Viraud chỉ huy ở phía phải. Mặc dù địch quân vận dụng hỏa lực của tất cả các vũ khí sẵn có, nhưng vẫn tiến không nổi. Đến 16 giờ 45, sau nhiều chật vật và thiệt hại, toán 2 mới chiếm được một vị trí trên đỉnh đồi, nhưng trời đã bắt đầu tối. Lúc này Pháp lại mang thêm viện quân tới, nhưng vô hiệu qủa, phải rút vì trời tối. Kết qủa quân Pháp bị chết 5 trong số đó có 2 Hạ sĩ quan người Âu Châu và 11 bị thương trong đó có 3 Sĩ quan Pháp. Về phía Nghĩa quân, theo quân Pháp thì "rất nhiều xác chết để lại trận địa", nhưng thực ra Nghĩa quân chỉ có 10 hy sinh.

TRẬN SƠN QUẢ

Cũng ngày 11/2/1909, vào lúc 13 giờ, một toán Nghĩa quân khoảng 12 người, võ trang 9 súng trường, do ông Cai Sơn chỉ huy, bị Đại Úy Pagès mang 2 Trung đội bộ binh thuộc địa, một khẩu sơn pháo 80 ly, nhiều toán khố xanh và thân binh bao vây làng Sơn Quả. Nghĩa quân thiết lập ổ kháng cự rất vững chắc ở trong một góc của làng, có vách bằng đất thó rất dày bao bọc, trên vách có nhiều lỗ châu mai để có thể bắn ra ngoài dễ dàng, ngược lại, ở ngoài bắn vào rất khó, vì có nhiều tre ở quanh và các cây bìm bìm leo dày đặc, rất khó quan sát và bắn vào chẳng ăn thua gì, dù là đạn đại bác...

Sau nhiều tràng sơn pháo rớt vào vị trí Nghĩa quân, Pháp xua quân xung phong. Đi đầu là thân binh của ông Thống Luân (đã hàng và làm tay sai cho Pháp) và khố xanh của Giám binh Benecchi và các lãnh binh Vincilioni và Richy, khi quân Pháp tiến đến vách của ổ kháng cự thì bị bắn chặn lại, chúng phải cuống cuồng xéo lên nhau, nằm lên nhau... mà ẩn núp. Hai tên khố xanh liều lĩnh đã thò súng có lắp lưỡi lê qua lỗ châu mai ở trên vách để bắn Nghĩa quân, nhưng bị Nghĩa quân dùng mã tấu chặt gẫy, chỉ còn trơ có một đoạn nòng súng...

Quân Pháp liền kéo đại bác lên gần vị trí của Nghĩa quân để bắn trực xạ, nhưng cũng chẳng có hiệu qủa, trong khi đó, Nghĩa quân bắn phát nào trúng phát nấy. Chúng lại kéo đại bác sang mặt khác, nhưng ở mặt này có một cái nhà nhỏ làm cản trở cho việc tác xạ cũng như quan sát, liền bị chúng đốt. Lúc đó là 17 giờ 30, Trung Úy Gay, người chỉ huy cuộc tác xạ của khẩu 80 ly sơn pháo bị trọng thương ở cánh tay phải, đến 18 giờ 30, quân Pháp qúa cămphẫn nên đã xoay ra làm càn, đốt tất cả làng Sơn Quả và rút ra ngoài bố trí để chuẩn bị sáng hôm sau tái chiến...

Sáng hôm sau, quân Pháp bắt đầu tấn công thì Nghĩa quân đã rút đi từ bao giờ, để lại 2 xác chết.

Về phía Pháp, 2 thân binh chết, 6 bị thương trong số có Trung Úy Gay...

TRẬN ĐỒN ĐỆM

Ngày 21/2/1909, quân Pháp được tin Cả Rinh, Ba Biểu và Lý Thu đã rút về đóng ở ngọn đồi 208, nằm ở phía đông Đồng Vương, liền tổ chức một cuộc tuần chiến hỗn hợp giữa 2 cánh Mayer và Le Canu... Đến 12 giờ 30, thì hai cánh này đụng độ với Nghĩa quân tại Đồn Đệm, Nghĩa quân từ trong các hầm hố hết sức kiên cố, bắn vào quân Pháp rất trúng, ngược lại quân Pháp ở vào một chỗ hết sức thất thế, nên đã bị thiệt hai nặng mà không tiến lên được. Đại Tá Bataille, Tư lệnh hành quân được tin liền gửi viện quân tới và ra lệnh cho Mayer và Le Canu phải thanh

toán cho xong mục tiêu trước khi mặt trời lặn. Nhưng quân Pháp càng nhúc nhích thì lại càng lãnh lấy thất bại nên phải ngưng quân để sáng hôm sau. . .

Hôm sau, mặt trời vừa ló dạng, thì quân Pháp xua quân xung phong vào chiếm một phòng tuyến... không người.

Kết quả quân Pháp bị chết 5, bị thương 13, trong số có Đại-Úy Teissier và Trung-Úy Beneyton.

Sau trận này quân Pháp được tin Cả Rinh và Ba Biều rút về vùng Mỏ-Na-Lương, còn cụ Đề Thám và con là Cả Trọng, rút về vùng Rừng Phế.

QUÂN PHÁP ÁP DỤNG CHIẾN THUẬT ĐỒN BÓT THEO THẾ LIÊN HOÀN

Vì nhận thấy tính cách dằng dai của Yên thế, nên toàn quyền Klobukowski ra lệnh thiết lập một hệ thống đồn bót thật dày đặc, theo thế liên hoàn và quân số đồn trú trong các đồn thay đổi từ 25 đến 75 người, tùy theo sự quan trọng, để bao vây và cô lập Nghĩa quân...

Quân Pháp thay vì cầm súng đã cầm cuốc xẻng, để thiết lập các công sự đồn bót theo sự chỉ dẫn của Sĩ quan, và sau đó ra sức tuần tiễu và sục sạo, để thực hiện kế hoạch nói trên.

Áp dụng kế hoạch này, Pháp đã đạt được ý định một phần, Nghĩa quân đã bị co rút và gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp tế. Nhiều Nghĩa quân đào ngũ hàng giặc, nhiều cuộc đụng độ xảy ra. Trong một cuộc chạm súng đêm 25 rạng ngày 26/2/1909 ở gần Giản Ngoại, Đề Thám đã thoát hiểm, riêng Cả Trọng bị tử thương... Vì bị giao động nên cụ Thám đã viết thư cho Đại Tá Bataille phàn nàn về việc người Pháp đã quá khắc khe và không hiểu nổi "lòng trung thành của cụ đối với chính phủ Pháp"... Các cuộc đụng độ giảm dần...

Xuyên qua các sự kiện trên, Pháp đi đến kết luận là công cuộc "bình định" đang trên đà thuận lợi, nên một mặt giao hoàn bọn khố xanh và thân binh về các đồn, mặt khác, giảm quân số của các cánh quân, và trả về đơn vị gốc gồm có 1 Trung đội kỵ binh, 1 Trung đội sơn pháo 80 ly 1 Đại đội công-binh; Đại Tá Bataille cũng trở về Bắc Ninh, để tiếp tục các cuộc hành quân ở đây kể từ 1/4/1909.

Tổng kết giai đoạn 1. quân Pháp bị chết 29 (chỉ có 7 tên Pháp, còn toàn khố xanh, khố đỏ, thân binh. v.v...) bị thương 74 (trong số có 5 Sĩ-quan và 24 tên Pháp).

CUỘC HÀNH QUÂN ĐỢT II CỦA PHÁP HAY LÀ NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG CỦA YÊN THẾ

Vì bị áp lực quá nặng của quân Pháp, nên Nghĩa quân Yên Thế phải chuyển địa bàn hoạt động xuống Vĩnh yên, Phúc Yên và một phần của tỉnh Bắc Ninh, ở phía Bắc con đường xe lửa Lạng Sơn. Nghĩa quân được dân chúng hết sức ủng hộ, nên các cuộc hành quân "cảnh sát" của quân Pháp để truy lùng Nghĩa quân đều vô hiệu, vì vậy toàn quyền Klobukowski phải yêu cầu Tướng Piel, Tổng Tư Lệnh quân đội Pháp cho mang quân chánh quy đến càn quét.

TRẬN NÚI HÀM LỢN

Ngày 15/3/1909, quân Pháp được tin 60 tay súng Nghĩa quân đến tập trung ở núi Hàm Lợn do Cả Huỳnh và Cả Tuyển chỉ huy (núi cao 462 thước, ở sườn đông nam núi Tam đảo), liền cử Giám binh Poilevey mang một đại bác và một số lính khố xanh đến tấn công. Cuộc chiến bắt đầu từ 15 giờ và sau 1 cuộc chạm súng kịch liệt, vì Nghĩa quân chịu không nổi hỏa lực của đại bác, nên đến 16 giờ 30, phải rút lui, để lại 7 xác chết trong số đó có các ông Lãnh Thái và Lãnh Thuận, và 2 bị thương, bị bắt, là các ông Cả Tuyển, con trai cụ Tán Thuật (1), và ông Tường; còn ông Cả Huỳnh, mặc dầu cũng bị trọng thương, nhưng cũng vẫn chạy thoát cùng các ông Ba Biểu và Hai Nom. Ngoài ra, quân Pháp còn tịch thâu được của Nghĩa quân 5 súng trường Gras và 1 súng lục.

---

(1) Sau đó Ông bị quân Pháp mang về Bần-Yên-Nhân, Mỹ-Hào Hưng-Yên (gần nơi chôn nhau cắt rốn của Ông là làng Xuân-Dục), đoạn đầu vào tháng 4/1909.

TRẬN THANH THỦY

Sau khi thất bại ở Hàm Lợn, Nghĩa quân rút về xóm Đồng, Ấp Thanh Thủy. Giám binh Poilevey lại mang quân đến tấn công vào lúc 13 giờ 45 ngày 19/3/1909. Mặc dù các nỗ lực và sau 3 lần xung phong, quân Pháp vẫn bị đẩy lui với thiệt hại nặng : 5 chết và 3 bị thương. Trận chiến kéo dài đến 20 giờ thì Nghĩa quân rút lui.

TRẬN NAI TU CHÂU

Ngày 29/3/1909, Giám binh POILEVEY được tin 36 tay súng Nghĩa-quân thiết lập một cứ điểm gồm 11 công sự và chiến hào kiên-cố trên một cái gò có những dãy tre dày đặc và ao vũng. v.v... bao bọc ở Nai Tu Châu, liền mang quân đến, bao vây và tấn công. Đến 13 giờ, POILEVEY và quân sĩ tới nơi thì đã thấy quan phủ tay sai của chúng cùng với 20 lính ở đây rồi. POILEVEY liền cho Trung đội của Lãnh binh TOURRÈS trấn giữ cổng làng, trong khi Trung đội của lãnh binh RAVIER tảo thanh trong làng. Nghĩa quân liền nổi lửa đốt nhà, để ngăn chặn sự tiến quân của Pháp, đồng thời để cho sự quan sát được dễ dàng .Ngay loạt đạn đầu tiên, một tên lính kèn ngã gục và một tên khố xanh bị thương. Trong khi trung đội của lãnh binh BEAUFORT đến, TOURRÈS được thông báo là khẩu đại bác đã được kéo đến gần phía sau. Vì muốn biết đích xác vị trí của các công sự và chiến hào của Nghĩa quân , hầu điều chỉnh tác xạ cho thật chính xác, TOURRÈS và RAVIER đã cùng nhau bò lên một mái nhà để quan sát... thình lình TOURRÈS lãnh ngay một phát đạn vào mặt trái, chết không kịp ngáp.

Đến 17 giờ, đại bác mới bắt đầu bắn và sau 20 tràng đạn nổ vào vị trí Nghĩa quân , các Trung đội của các Lãnh binh BONNAL và RAYNAUD liền xung phong. Nghĩa quân phải bỏ phòng tuyến thứ nhất và tiếp tục chống trả ở phòng tuyến thứ hai ở trong... Trong đợt xung phong này, một tên khố xanh và 1 tên Thân binh của giặc mất mạng. Vì trời đã tối, quân Pháp phải ngưng chiến và Nghĩa quân cũng rút lui luôn.

TRẬN MỎ THỔ

Ngày 16-4-1909, quân Pháp được tin Nghĩa quân kéo đến một ngọn đồi chế ngự làng Mỏ Thổ, đào công sự chiến đấu ... và "mời" chúng đến đọ súng,.

Lập tức quân Pháp kéo đến để "đáp lời mời" của Nghĩa quân. Lãnh Binh GENS thuộc đồn Ngọc Nhâm đến trước tiên và tấn công Nghĩa quân ở trong làng. Nghĩa quân lập tức vào vị trí chiến đấu, trong khi GENS và quân sĩ bắn theo... Kế đến, Lãnh binh BERGER ở đồn Cao Thượng cũng mang quân đến tấn công...

Đến 10 giờ, Giám Binh DAUFÈS mang quân đến để điều khiển cuộc hành quân; 13 giờ Đại Úy PAGÈS cũng tới ; 14 giờ Trung đội Pháo binh tới; 15 giờ thì đại bác đã đặt xong trên một trong các đỉnh đồi ở Mỏ-thổ,cách xa ngọn đồi do Nghĩa quân trấn giữ khoảng 800 thước. Đến 16 giờ,Đại Úy MORLIÈRE từ Đáp cầu tới và bắt đầu cho Pháo binh bắn... Nghĩa quân vẫn ở trong các công sự sẵn sàng "nghênh đón" quân Pháp và không nao núng trước các tràng đạn đại bác địch.

Đến 16 giờ , Giám Binh DAUFÈS lo ngại nếu không thanh toán xong mục tiêu trước khi trời tối, thì Nghĩa quân sẽ lại rút đi hết, nên đã ra lệnh cho các Trung đội GENS và BERGER xua quân lần lượt xung phong chiếm vị trí Nghĩa quân.

Vị trí của Nghĩa quân bị chiếm. 5 Nghĩa quân giữ vị trí đến phút cuối cùng bị giặc hạ sát tại chỗ. Các Nghĩa quân khác rút xuống chân đồi. Quân Pháp bắn theo khiến họ (Nghĩa quân)phải núp bên sườn một đống đá trông tựa một cù lao ở giữa một rừng thông thưa.

Giám binh DAUFÈS cùng với vài thân binh và Trung đội khố xanh (-) của Hanoi, đã đánh thẳng vào vị trí sau này của Nghĩa quân trước sự chứng kiến của các đơn vị bạn đóng rải rác ở quanh đồi. Hai bên bắn nhau rất kịch liệt. Ngoạn mục nhất là việc một Nghĩa quân và Lãnh Túc (một cấp chỉ huy của Yên Thế đã đầu hàng và làm tay sai cho giặc) săn đuổi và bắn nhau quanh một tảng đá lớn. Cuối cùng cả hai cùng bắn nhau trong một lúc và cùng ngã gục.

Trận chiến kéo dài đến 19 giờ 30 mới chấm dứt. Ba Nghĩa quân bị chết, 1 bị thương bị bắt, năm Nghĩa quân còn lại đã thoát vây trong đêm tối và sau đó vài giờ đã tới quy thuận tên quan Huyện Việt Yên và Giám Binh BENECCHI.

Về phía quân Pháp có 3 chết (kể cả tên Lãnh Túc), 2 bị thương.

Ngoài ra Pháp còn tịch thu một triện của ông Cả Huỳnh, 8 súng trường và 1 súng lục...

TRẬN ĐÔNG MAI

Ngày 27/4/1909, Giám-binh CASTELLANI (mới thay thế Giám binh POILEVEY) được tin 40 Nghĩa quân kéo đến Đông Mai, đào công sự chiến đấu. v.v... trong một thế thế đất hiểm trở có rất nhiều tre bao bọc;liền mang quân đến để tiêu diệt (?) ...

Vì lúc bấy giờ trời đã về chiều, nên CASTELLANI lên đường hết sức vội vã, không mang kịp khẩu đại bác cơ hữu, và cũng không chuẩn bị chu đáo... Khi đến nơi, CASTELLANI cho lệnh các Lãnh binh RAVAUD và VERDIER xua quân xung phong. Khi bọn này chỉ còn cách vị trí Nghĩa quân có khoảng 30 thước thì chúng bị chận đứng bởi hỏa lực của Nghĩa quân. Giám binh CASTELLANI bị một viên đạn xuyên qua tay trái và một viên khác bắn gãy khẩu súng lục mà hắn cầm ở tay phải; Lãnh binh RAVAUD bị một viên đạn xuyên qua mũ ; 8 tên khố xanh khác ngã gục.

Thấy thất thế và thiệt hại nặng , Giám binh DUVERNOY liền cho đào công sự.v.v... chung quanh vị trí của Nghĩa quân, để cầm chân họ trong đêm tối. Nhưng Nghĩa quân cũng vẫn thoát vây như những lần trước.

CÁC CUỘC ĐÀO NGŨ

Trong khoảng thời gian này,một số cấp chỉ huy của Nghĩa quân, phần thì gặp khó khăn trong vấn đề tiếp vận, phần thì vì áp lực của Pháp nên đã đào ngũ đầu hàng chúng. Nhiều toán từ 2 đến 3 người lần lượt về đầu hàng các đồn Nhã Nam và Tỉnh Bắc Giang...

Quan trọng nhất là vụ ông Lý Thu tức Đề Bảo, đã cùng 3 con trai về đầu hàng Giám binh SCHENKER ngày 20/6/1909, mang theo 4 khẩu súng và 207 viên đạn.

Hai tuần trước, ông Cả Can, anh rể của cụ Đề Thám và ông Hai Xuân đã mang hai súng về đầu hàng tên BOUCHET. Ngoài ra ông Lang Côn bấy lâu làm thầy thuốc riêng cho cụ Đề Thám cũng về đầu hàng...

VỤ BẮT CÓC TÊN GIÁM THỊ VOISIN

Trong lúc hàng ngũ Nghĩa quân ngày một hao mòn (đào ngũ, chết chóc...) và ngay chính cụ Đề Thám cũng ở trong tình trạng giao động... Nhân dân đã phần nào mất tin tưởng nơi Nghĩa quân, thì một biến cố đã làm "sống lại" tinh thần Nghĩa quân và dân chúng : Vụ cụ Đề Thám bắt cóc tên Giám thị VOISIN ngày 5/7/1909 tại Vệ Linh, trên con đường Thái Nguyên.

Được tin VOISIN bị bắt, Giám Binh LAMBERT liền mang quân bao vây Vệ Linh để giải cứu VOISIN. Trong khi đó, vào hồi 2 giờ sáng ngày 6/7/1909, Giám binh BARBU nhận được một thư của VOISIN đại ý nói rằng Nghĩa quân sẽ giết hắn nếu lính khố xanh tấn công vào họ. Đến 6 giờ sáng,Giám Binh LAMBERT được Lý Trưởng làng Vệ Linh báo cáo là cụ Đề Thám rút khỏi làng từ lúc 3 giờ sáng.

Quân Pháp lo lắng cho số phận của tên VOISIN, nên toàn quyền Đông Dương đã triệu tập một buổi họp gồm Thống Sứ Bắc Kỳ và viên Tổng Tư Lệnh quân đội Pháp, để tìm cách giải cứu cho VOISIN, và truy lùng cụ Đề Thám.

Kết qủa là một cánh quân được thành lập do Thiếu Tá CHOFFLET chỉ huy, lãnh nhiệm vụ trên . Và gồm có 2 đại đội bộ binh thuộc địa, 2 đại đội khố đỏ Bắc Kỳ, 1 Trung đội Kỵ Binh (-) đã sẵn sàng ở Phúc Yên ngày 11.7.1909... CHOFFLET được toàn quyền hành động quân sự trong 3 Huyện Đa Phúc,Kim Anh và Đông Anh thuộc địa phận Phúc Yên.

TRẬN BAO VÂY LÀNG LẦY

Sau lần thoát vây ngày 6/7/1909 tại Vệ Linh, cụ Đề Thám đã cùng quân sỹ mang theo tên VOISIN đến trú đóng ở làng Lầy, một địa điểm giữa rừng rậm , ở phía đông núi Tam-Đảo. Từ ngày 8 đến ngày 10/7/1909, Pháp cho người mang thư đến chiêu dụ cụ Thám, cụ cố kéo dài cuộc điều đình để chuẩn bị ứng chiến. Trong thời gian chờ đợi kết qủa, quân Pháp cho kéo Trung đội sơn pháo 80 ly đã được Đại Tá BATAILLE để lại sau cuộc hành quân đợt 1, và bắt đầu mang quân bao vây làng này...

20 giờ ngày 13/7/1909, toàn quyền Đông Dương còn đánh điện cho Công sứ Thái Nguyên yêu cầu tiếp tục điều đình, ngoại trừ trường hợp bị Nghĩa quân tấn công trước. Trưa ngày hôm sau, Công sứ Thái Nguyên lại nhận được 1 điện văn khác của toàn quyền Đông dương nới rộng điều kiện điều đình. Nhờ có sự "dũng dẵng" thương thuyết này mà Nghĩa quân biết tất cả âm mưu và lực lượng tham chiến của Pháp nên đã rút lui hết.

Sáng sớm ngày 14/7/1909, quân Pháp tiến vào làng không dấu vết Nghĩa quân đâu cả. Cuộc bao vây làng Lầy kể như thất bại và bọn chỉ huy Pháp tha hồ cãi vã và đổ lỗi cho nhau.

Sau cuộc bao vây nói trên, CHOFFLET mang toàn thể cánh quân về tập trung tại Đa Phúc, nơi có thể dễ dàng tung ra các cuộc càn quét ở tả ngạn cũng như hữu ngạn sông Cầu và bên này cũng như bên kia núi Tam Đảo.

TRẬN LẬP CHÍ

Trong khoảng thời gian có cuộc bao vây và thương thuyết ở làng Lầy, Trung Úy BOUFFÉ, Trung đội Trưởng Lê Dương Việt trì, biệt phái tăng cường tỉnh lỵ Phúc Yên, được tin (Chiều tối ngày 19/7/1909) có vào khoảng từ 8 đến 10 Nghĩa quân của ông Hai Nom, kéo đến trú đóng ở Lập Chí, lập tức BOUFFÉ tập trung 50 Khố Xanh đến bao vây vào hồi 2 giờ sáng ngày 20/7/1909. Khi vừa đến nơi thì Nghĩa quân đã "nghênh đón" quân Pháp bằng nhiều loạt đạn chính xác khiến 4 tên ngã quỵ. Sợ nếu càng dấn thân lên bao nhiêu càng bỏ xác bấy nhiêu, nên BOUFFÉ đã cho vây chặt vị trí Nghĩa quân và ra lệnh phóng hỏa ngôi nhà có Nghĩa quân ẩn náu. Kết qủa sau khi lửa tắt, quân Pháp thấy 5 xác Nghĩa quân chết cháy . Về phía Pháp có 1 chết, 4 bị thương.

TRẬN XUÂN LAI

Ngày 22/7/1909, Thiếu Tá CHOFFLET ở Đa Phúc, được tin ông Ba Biểu dẫn quân đến trú đóng ở làng Xuân Lai, trên bờ sông Cà lồ, cách Phủ Lỗ vài cây số về phía đông, CHOFFLET ra lệnh cho Lãnh binh MARTINEAU ở đồn Yên Phú mang bốn khố xanh đến bao vây. Cuộc chạm súng xảy ra, 4 tên khố xanh của MARTINEAU ngã gục, nên bọn này bỏ chạy hết. Tin thất bại đến nơi, CHOFFLET đích thân chỉ huy cuộc hành quân : cử Đại Úy SAILLENS đem quân đến bao vây Xuân Lai về phía Bắc; Đại Úy CHASTELIER mang quân đến án ngữ ở Phủ Lỗ (làm trừ bị luôn); Trung đội sơn pháo 80 ly cùng quân của Đại Úy PERTUIS và 1 Trung đội khố đỏ Đa Phúc, được điều động đến tăng cường cho cuộc công hãm.

Đến chiều, quân Pháp bao vây làng Xuân Lai theo sự phối trí như sau: Quân của SAILLENS đóng dọc hữu ngạn sông Cà Lồ, kiểm soát phía tây bắc Xuân Lai; Trung đội khố đỏ làm nút chặn ở dọc đê Phủ Lỗ đi Bắc Ninh; quân của CHASTELIER án ngữ ở phía tây; pháo binh và quân sĩ của PERTUIS đặt vị trí ở phía đông.

Trong thời gian quân Pháp rải quân ra bao vây thì một Nghĩa quân đến gặp SAILLENS để đưa một bức thư của tên VOISIN viết, dưới có chữ ký khán của Đề Thám nói đại ý Nghĩa quân muốn điều đình... Quân Pháp trả lời bằng một bức thư dụ hàng và cho rằng có sự hiện diện của cụ Đề Thám ở trong làng. Chúng hẹn phải trả lời trong vòng 20 phút. Nhưng thay vì trả lời bằng giấy tờ, đến hồi 15 giờ 30 Nghĩa quân đã lấy súng đạn trả lời quân Pháp CHOFFLET đích thân xua quân xung phong. Nhưng thấy ở phía nam làng chưa có đơn vị nào làm nút chận cả, nên CHOFFLET phải cho lệnh CHASTELIER mang quân ở Phủ Lỗ lên giữ mặt này và gởi lãnh binh LEROUX mang thêm bốn khố xanh ở Bắc Ninh lên tiếp lực. Như vậy quân sỹ của CHOFFLET đã bao vây hết ở làng Xuân Lai.

Đến 16 giờ 30 , địch toan vượt một cánh đồng lầy rộng 500 thước để tấn công vào mặt bắc, nhưng lại thôi, vì sợ Nghĩa quân núp trong các hầm hố sau lũy tre "bắn bia"...; 17 giờ 15, CHOFFLET lại cho điều động thêm quân của Đại Úy GREMILLET đến tăng cường cho phía nam... Và xua quân xung phong 2 lần; nhưng lại nhận được thư xin điều đình. CHOFFLET ra điều kiện: nộp tên VOISIN và khí giới trong 10 phút. Nghĩa quân lại trả lời bằng súng đạn, quân Pháp phải ngưng chiến vào lúc 18 giờ 30, để đi tản bọn thương vong, nhưng các đơn vị phải giữ nguyên vị trí, cho tiếp tục tấn công vào sáng hôm sau.

Riêng về các quân sỹ của Đại Úy GREMILLET va CHASTELIER rời Phủ Lỗ và Đa Phúc

từ 19 giờ, nhưng vì bị mưa, đường trơn, nên mãi đến 23 giờ mới tới nơi.

Vào khoảng 22 giờ, Nghĩa quân lại nổ súng để dò đường thoát vây. Quân Pháp được lệnh "yên lặng và canh phòng cẩn mật". Sáng hôm sau, quân Pháp tiến vào làng thì chẳng còn một dấu vết gì của Nghĩa quân cả. Thất vọng, CHOFFLET mang quân càn quét từ Thanh Lại đến Lương Châu, nhưng cũng chẳng đạt được kết quả nào cả.

TRẬN HIỀN LƯƠNG

Ngày 25/7/1909, cụ Đề Thám phóng thích tên VOISIN ở Huyện Kim Anh và mang quân đến trú đóng ở Hiền Lương. Được tin lập tức quân Pháp cử Lãnh binh LEROUX cùng với 30 khố xanh đến bao vây và tấn công. Rồi các Trung Úy BOUFFÉ và quân sỹ dưới quyền và Lãnh binh COLLIN cùng với bọn khố xanh tiếp tục cầm chân Nghĩa quân; cho đến 16 giờ, Thiếu Tá CHOFFLET cùng với Đại Úy PERTUIS và Pháo binh đến. CHOFFLET quyết định tấn công ngay theo kế hoạch như sau :

- Các Lãnh binh LEROUX và COLLIN chỉ huy bọn khố xanh tấn công mặt Nam.
- Đại Úy PERTUIS chỉ huy Đại đội lính Âu Châu tấn công vào mặt Đông.
- Một Trung đội khố đỏ làm nút chận ở phía Bắc.
- Pháo binh đặt ở một ngôi chùa phía nam làng, có nhiệm vụ bắn dọn đường (phá các cổng làng) cho quân sỹ tiến...

- Nỗ lực chính (mũi dùi đánh vào làng) là Trung đội Lê Dương của Trung Úy BOUFFÉ, và 2 Trung đội vừa người Âu vừa người Việt khác.

Hiền lương là một cứ điểm kiên cố, có vách cao, có tre mọc dày đặc; phía tây không có cổng ra vào; phía nam có 2 con đường mòn và 2 cổng ra vào; phía đông có vách cao từ 1 thước 20 đến 1 thước 40 có cổng ra vào; phía bắc có vách rất cao (tới 1 thước 80), có cây cối um tùm che chở...

Quân Pháp bố trí xong, đại bác bắt đầu nổ. 2 cổng làng phía nam bị đại bác thi nhau bắn nát. Tuy được yểm trợ tối đa, các Lãnh binh LEROUX và COLLIN vẫn không dám ngóc đầu dậy mặc dầu có lệnh phải tiến lên. Thấy vậy Đại Úy PERTUIS đánh liều, xua quân tiến vào làng, dưới làn mưa đạn của Nghĩa quân, dù Thiếu Tá CHOFFLET đã ra lệnh phải chờ bọn LEROUX và COLLIN (mặt nam). Kết quả cánh PERTUIS bị 3 tên chết, 5 bị thương, PERTUIS hoảng hốt rút ra ngoài. 17 giờ 15, Trung Úy BOUFFÉ phải mang quân đến trợ chiến. Trận đánh tiếp tục ác liệt. PERTUIS chết không kịp ngáp cùng với 8 tên khác và 14 tên bị thương.

CHOFFLET thấy núng thế bèn cho dời trọng pháo từ phía nam qua phía đông, bắn vào làng để cho quân sỹ tiến về phía bắc, Tuy vậy quân sỹ còn lại của PERTUIS vẫn bị kẹt vì hỏa lực của Nghĩa quân bắn chận cả phía trước lẫn phía sau. Tại phía nam, LEROUX, COLLIN và bọn khố xanh vẫn bị tê liệt ở sau một bờ ruộng cách Nghĩa quân không quá 40 thước.

Đêm đến, cả hai bên đều phải ngưng chiến vì trời tối như mực. Quân Pháp cho thu dọn chiến trường, thu nhặt xác chết và các thương binh đem về cứu chữa. Ngôi chùa (mà khi tới bao vây, quân Pháp dùng làm vị trí Pháo binh) đã thành trạm cứu thương.

Sáng hôm sau, quân Pháp tiến vào làng thì chẳng còn thấy gì nữa. Xét trận Hiền Lương là một trận vô cùng đau đớn cho Pháp vì chúng bị thiệt hại ở đây nhiều nhất từ khi mở hành quân đợt 2 ở Phúc Yên : 1 Đại Úy (PERTUIS), 4 Hạ sỹ và 8 lính Âu mất mạng; 1 Trung sỹ, 2 Hạ sỹ và 19 lính Âu cùng Lê Dương và 1 khố xanh bị thương. Về phía Nghĩa quân có khoảng 30 người, vừa bị thương vừa chết.

TRẬN NINH BẮC

Ngày 26/7/1909, một Trung đội tuần thám của Pháp đi sục sạo và khủng bố các làng trong vùng, đã đụng độ với Nghĩa quân tại làng Ninh Bắc. Được tin, CHOFFLET cử ngay Đại Úy CHASTELIER mang đại đội thuộc quyền đến tăng viện, bao vây và đã đẩy lui Nghĩa quân vào trong một ổ kháng cự cuối cùng ở bìa làng. Lập tức Pháp bao vây làng và pháo kích tới tấp vào ổ kháng cự này. Nhưng quân Pháp phải tạm ngưng tiếng súng, vì thấy có khoảng 15 người ăn mặc ka-ki xuất hiện, tưởng lầm là bọn khố đỏ. Đến khi nhận ra thì đã muộn... Toán Nghĩa quân này (trong số có cụ Đề Thám) đã rút lui để lại một xác chết.

Các Nghĩa quân còn lại tiếp tục chiến đấu trong ổ kháng cự, Thiếu Tá CHOFFLET thấy trời đã tối nên không dám xua quân xung phong, bèn cho lệnh lui ra và án ngữ để sáng hôm sau. Nhưng, như mọi lần trước Nghĩa quân đều thoát vây...

Kết qủa trong trận này Pháp bị chết 5 tên khố đỏ, 1 tên lính Âu châu bị thương. Về phía Nghĩa quân để lại 6 xác chết (trong số có Lãnh Sơn và Đội Hổ - Hổ là một thuộc hạ thân tín của cụ Đề Thám, có dự vào một cuộc đầu độc Sĩ Quan Pháp năm 1909 - Xin xem thêm vụ "đầu dộc sĩ quan Pháp" ở phần III) và 3 bị thương bị bắt.

PHÁP CỬ TÊN ĐẠI VIỆT GIAN LÊ HOAN LÀM KHÂM SAI ĐỂ KHỦNG BỐ CHÉM GIẾT ĐỒNG BÀO CỦA NÓ

Nhằm mục đích tiết kiệm xương máu và san sẻ bớt sự vất vả cho quân đội viễn xâm, Pháp, rút kinh nghiệm trong việc đàn áp cuộc vùng dậy Bãi Sậy, đã đưa ra ý kiến thay thế một phần quân đội chính quy bằng bọn khố xanh, khố đỏ bản xứ. Do đó, ngày 30/7/1909, cái triều đình tay sai của Pháp ở Huế bèn thi hành lệnh của quân cướp nước, cử tên đại Việt gian Lê Hoan, tổng đốc Hải Dương, đem 400 thân binh phối hợp với quân Pháp chém giết và khủng bố đồng bào của nó...

Cho đến đầu tháng 8/1909, toàn thể cánh quân của CHOFFLET vẫn đặt căn cứ hành quân ở Phủ Lỗ và Thạch Lỗi và vẫn ra sức tìm kiếm tin tức về Nghĩa quân.

TRẬN BẠCH ĐA

Ngày 13/8/1909, quân Pháp nhận được nguồn tin Nghĩa quân xuất hiện ở Bạch Đa. Các giám binh LAMBERT và TOUROT liền mang bốn khố xanh, có Trung đội Lê Dương của Trung Úy BOUFFÉ yểm trợ, đến cầm chân Nghĩa quân ... Trước khi cánh quân của Thiếu Tá CHOFFLET đến... Tên Lê-Hoan được tin cũng mang bốn thân binh ở Phủ Lỗ đến.

CHOFFLET được tin, liền cử Đại Úy GREMILLET, mang một đại đội lính Âu Châu; một Trung đội pháo binh và một Trung đội khố đỏ đến bao vây và tiêu diệt Nghĩa quân.

14 giờ 30, GREMILLET tới Bạch Đa nắm quyền cuộc chỉ huy tấn công và phân nhiệm cho các đơn vị như sau :

- Trung đội Lê Dương của BOUFFÉ và bọn khố xanh của LAMBERT bao vây phía nam.

- Một Trung đội lính Âu Châu và 1 Trung đội khố đỏ bao vây phía tây và Bắc.

- Trung đội của Trung Úy BRAUN (nỗ lực chính) tien vao cua dong Bac.

Quân sĩ vừa bố trí xong thì CHOFFLET gởi thêm cho GREMILLET 2 trung đội nữa (trung đội LACABANNE và CHAVEAU), rồi đích thân CHOFFLET đến chùa Phúc Yên gặp Lê-Hoan.

15 giờ 30, cuộc tấn công bắt đầu. Trung đội của BRAUN cùng trung đội LACABANNE và vài thân binh của Lê-Hoan bắt đầu tiến... Nghĩa quân chống trả rất mãnh liệt. Một tên thân binh ngã gục, 2 khố xanh và Trung Úy BRAUN bị thương. Bị chặn không vào được cổng chính, quân Pháp phá lũy tre, lọt được vào trong, nhưng lại gặp một con đường hẹp hai bên là hồ ao và đằng trước là con đường cụt, nếu cứ xua quân tiến thì chỉ rước lấy cái chết nên CHOFFLET cho lệnh rút ra khỏi làng, để tấn công vào cửa khác. Mặc dầu có pháo binh yểm trợ, quân Pháp cũng không làm chủ được tình thế, mà trời đã bắt đầu tối, nên CHOFFLET ra lệnh tạm ngưng tấn công và bao vây chặt làng để đến sáng ngày hôm sau tiếp tục. Tối hôm ấy, trời mưa to... Đến lúc 3 giờ sáng, Nghĩa quân lại nổ súng để thăm dò vòng vây của địch, rồi lợi dụng chỗ sơ hở, rút hết ra ngoài. Sáng hôm sau, quân Pháp tiến vào làng chỉ thấy vườn không nhà trống...

Sau trận này, CHOFFLET tập trung quân sỹ gần Thạch Lỗi để tiếp tục càn quét.

TRẬN THƯỢNG YÊN

Ngày 16/8/1909, vào lúc 7 giờ, Giám Binh GABÉ ở Phủ Lỗ , được tin ông Ba Biều và Nghĩa quân đến trú đóng ở làng Thượng Yên, lập tức GABÉ mang khoảng 30 tên khố xanh đến tấn công

... Khi đến nơi, GABÈ cho quân tiến vào phía tây nam, gần một ngôi chùa trong làng, và khi chỉ còn cách giữa làng khoảng 30 thước thì Nghĩa quân nổ súng, một tên khố xanh chết và 2 bị thương, quân Pháp bỏ chạy tán loạn... Đến 8 giờ 40, Lãnh binh MARTINEAU và tên quan án Bắc Ninh, tay sai của Pháp , mang quân tới tăng cường , rồi đến 10 giờ, Lãnh binh HUMBERT và 13 giờ, Giám binh CHAIGNEAU cũng mang quân tới... Ông Ba Biểu bị quân Pháp cầm chân trong làng rồi bị bọn hương binh và lính cơ của tên quan án Bắc Ninh đánh bật khỏi phòng tuyến thứ nhất. Trong lần đụng độ này, bọn ngụy quân bị chết 1, bị thương 2 trong số có tên quan huyện Đông Anh, tay sai của giặc. Mãi đến 14 giờ, CHOFFLET cùng 2 đại đội CHASTELIER và GREMILLET mới tới nơi, vì hôm đó trời quá nóng, nhiều kẻ say nắng ngã gục ở dọc đường... Vừa tới, CHOFFLET cho đặt đại bác ở ngôi chùa tây làng, phân nhiệm cho các đơn vị tấn công : 2 đại đội CHASTELLIER và GREMILLET được chỉ định tấn công vào phía nam và hai bên đông nam và đông bắc. Đến 17 giờ thì công việc bố trí xong, súng bắt đầu nổ vang rền. Sau 40 phút xung phong, đại đội GRESTELLIER đã có một vài tên lọt được vào phía đông bắc làng; 18 giờ 30, toán quân của SAILLENS cũng lọt được vào phía bắc. Vì đêm xuống, CHOFFLET ra lệnh cho các đơn vị phải bao vây cho thật chắc không cho Nghĩa quân tẩu thoát, nhưng vì các thân binh của Lê-Hoan đã không chịu giữ khu vực trách nhiệm của mình, nên bị Nghĩa quân lợi dụng khoảng trống đó và rút đi hết...

Kết qủa trận đánh : Nghĩa quân rút lui, để lại 6 xác chết và 8 bị thương bị bắt (ông Ba Biểu cũng bị thương nhưng được quân sĩ cõng đi, vài ngày sau, quân Pháp thấy xác ông ở trên một mảnh ruộng gần làng Nhân Tác là quê quán của ông. Chúng bèn chặt đầu ông mang bêu ở Phủ Lỗ và Thị xã Phúc Yên); về phía quân Pháp, ngoài khố xanh và thân binh nói trên, chúng còn có 2 khố đỏ bị chết, 5 bị thương, trong đó có Trung Úy TERRAZ.



Quelques fidèles du Dè Tham. En haut et à gauche ses Lieutenants Ca-Rinh et Ca-Huynh (1908)

Các Cộng-sự-viên của Lãnh-tụ Hoàng-Hoa-Thám

Sau trận thất bại này, CHOFFLET đã cãi vã vì bất đồng với tên Lê-Hoan và tên Công sứ Phúc Yên CORANDY, khiến tướng Tổng Tư Lệnh quân đội Pháp phải cho thay thế Thiếu Tá CHOFFLET trong nhiệm vụ chỉ huy các cuộc hành quân bình định và rút 2 đại đội lính Âu Châu về Sơn Tây, đồng thời cử Thiếu Tá BONIFACY thay thế.

CÁC CUỘC HÀNH QUÂN CỦA BONIFACY

Ngày 30/8/1909, đến nhận nhiệm vụ,việc đầu tiên của BONIFACY là giải tán đội trinh sát do CHOFFLET tổ chức và đem quân đến đóng gần bản doanh của Lê-Hoan,để làm ra vẻ có sự phối hợp hoạt động chặt chẽ giữa Việt và Pháp. Hai đại đội lính Âu Châu rút về Sơn Tây (nói trên) được thay thế bằng 2 đại đội khác từ Hà Nội đem lên. Ngoài ra,BONIFACY còn có sáng kiến là tổ chức các lực lượng dưới quyền thành 4 toán hỗn hợp gồm một nửa là Pháp và một nửa là Việt, rồi di chuyển lên Thạch Lỗi ngày 31/8/1909.

Trong khoảng thời gian này, vì cạn lương và mệt mỏi vì bị săn đuổi, một số lớn Nghĩa quân đã về đầu hàng tên Lê-Hoan, mang theo 7 súng trường kiểu 74, một súng lục cùng với đạn dược.

TRẬN YÊN LỖ

Ngày 6/9/1909, BONIFACY được tin vào khoảng 15 Nghĩa quân đột nhập làng Thái Lai, liền mang toàn thể cánh quân đến bao vây. Nghĩa quân không vào làng được vì dân chúng cản ngăn, phải rút đi, quân Pháp tới nơi thì không thấy dấu vết Nghĩa quân nữa. Nhưng đến 15 giờ thì quân Pháp nhận ra dấu vết của Nghĩa quân do ở chỗ thấy lửa cháy ở làng Yên Lỗ bên kia bờ sông Cà Lồ, giữa ranh giới 2 tỉnh Vĩnh Phúc, lập tức quân Pháp được điều động đến làng sau này.

Mở đầu, Nghĩa quân bố trí ở bìa làng, nhưng sau đó rút vào trong một ổ kháng cự cuối cùng rất kiên cố chờ quân Pháp đến... Mặc dầu trời đã tối, nhưng lần này BONIFACY ra lệnh xung phong, thay vì để đến sáng ngày hôm sau, như các lần trước. Nghĩa quân bắn ra rất kịch liệt, nhưng rồi ổ kháng cự cũng bị quân Pháp dùng lưỡi lê thanh toán với những thiệt hại nặng: 4 chết và 10 bị thương, trong số có Đại Úy FONTAINE. Về phía Nghĩa quân, quân Pháp tìm thấy 7 xác trong một giao thông hào.

Sau trận này, nhiều cuộc đầu hàng lẻ tẻ đến với tên Lê-Hoan : Ngày 17/9, 2 Nghĩa quân của Ông Ba Biểu, ngày 19/9 Ông Lãnh Huấn cùng với 7 thuộc hạ; tất cả mang về 9 súng trường, 1 súng lục và nhiều đạn dược.

Lúc này tình hình Phúc Yên tương đối yên tĩnh, phần thì vì Nghĩa quân gặp khó khăn trong việc tiếp vận, phần thì vì một số bị giao động tinh thần về hàng giặc, nên Nghĩa quân đã bí mật chuyển địa bàn hoạt động qua Vĩnh Yên...

TRẬN NÚI LANG

Quân Pháp tập trung dồn mọi nỗ lực sang Vĩnh Yên : một mặt, chúng sai tên Việt gian Lê Hoan thiết lập các đồn bót khố xanh dày đặc để bao vây Nghĩa quân, mặt khác, chúng tung gián điệp đi sưu tầm tin tức về chủ tướng Hoàng-Hoa-Thám...

Nhiều tin tức nói rằng cụ Đề Thám đã đến trú đóng ở vùng núi Lang bên bờ trái sông Lô. Bên cạnh nhà lãnh tụ Yên Thế còn có các thuộc hạ thân tín, trong số có cả Rinh, Cai Sơn... và bà vợ thứ ba của cụ Thám, một người nổi tiếng gan dạ và thù ghét bọn Pháp... Tổng số Nghĩa quân quanh Đề-Thám lúc này còn vào khoảng 40 người, trú đóng tại một vùng rừng núi hiểm trở...

Thiếu Tá BONIFACY quyết định bao vây núi Lang về phía đông và bắc để chặn Nghĩa quân không cho rút lên dãy núi Bảo và núi Lịch, trong khi đó, ở phía Nam, các thân binh của tên Lê-Hoan lãnh nhiệm vụ chặn đường không cho Nghĩa quân rút về phía sông Hồng-Hà.

Tin tức này cũng được tên Lê-Hoan xác nhận rõ là có sự hiện diện của cụ Đề Thám ở trong dãy núi Lang và tại phía tây ngọn đồi 305.

Toàn thể cánh quân của BONIFACY tập trung tại phía tây núi Lang, BONIFACY quyết định ngày 5/10/1909 sẽ đánh thẳng vào căn cứ này, trong khi quân sỹ của tên Lê-Hoan ngăn chặn không cho Nghĩa quân thoát vây; một toán hỗn hợp khố đỏ - Lê Dương làm nút chặn ở Tử Đà và một toán khố xanh khác, biết rõ địa hình địa vật trong rừng, làm nút chặn không cho Nghĩa quân rút về hướng tây...

Nghĩa quân phòng thủ trong 4 điểm tựa ngầm ở dưới đất, theo thế liên hoàn và ở hai bên bờ một con suối nhỏ, rất vững chắc và hiểm trở, giữa một đám bìm bìm dây đặc và cỏ cao lút đầu người...

Đến 13 giờ 45 (vẫn ngày 5/10/1909), quân Pháp bắt đầu tấn công..., chúng chia làm 2 : 1 phần đánh vào điểm tựa Tây Bắc; số còn lại, gồm 3/4 quân số, tấn công vào phía Nam và Đông.

Cuộc chiến rất ác liệt, kéo dài đến tận 19 giờ mới chấm dứt, quân Pháp chỉ có thể tiến bằng cách đi lom khom hoặc bò giữa đám bìm bìm dày đặc...

Nghĩa quân núp trong cứ điểm, chờ quân Pháp tiến chỉ còn cách khoảng 30 thước mới nổ súng, khiến chúng bị thương vong khá nhiều. Vì ở vào cái thế tiến thoái lưỡng nan, và mặt khác, quân sỹ thương vong khá nhiều, nên cấp chỉ huy Pháp đã liều lĩnh xua quân xung phong, mỗi bước tiến quân của Pháp đều bị trả một giá đắt...

Pháo binh (1 khẩu) được kéo lên cách xa điểm tựa A chỉ có 45 thước và bắt đầu pháo kích hiệu qủa vào Nghĩa quân, mặc dầu Nghĩa quân bắn ra rất dữ dội... Đại Úy SAILLENS lợi dụng lúc pháo kích, đã xua quân xung phong chiếm được điểm A. Điểm tựa B cũng bị Đại Úy ABBLARD chiếm lúc 17 giờ 30, sau khi 2 bên đã chống nhau từ trưa, Nghĩa quân rút sang điểm tựa D.

Hai điểm tựa C và D còn lại tiếp tục cầm cự đến tối. Đến 19 giờ 30 thì tiếng súng của cả hai bên ngưng nổ. Quân Pháp vẫn giữ vị trí, nhiều người (quân Pháp) chết và bị thương rải rác trong các bụi rậm chưa di tản kịp. Trời tối như mực, rồi cơn mưa như trút đổ xuống làm

cho số thương vong của Pháp gia tăng. Nhiều tên (quân Pháp) rên la, kêu khóc thảm thiết...

Đến 3 giờ sáng hôm sau (6/10/1909), lợi dụng đêm tối và trời mưa, Nghĩa quân rút khỏi cứ điểm, để lại 7 xác chết.

Về phía quân Pháp kiểm điểm lại có 17 chết (có 7 tên Pháp), 35 bị thương (trong số có Trung Úy GRESSIN và 15 tên Pháp).

Mặc dầu trận này thắng, nhưng tinh thần Nghĩa quân sa sút rõ rệt: Nhiều người, trong số có ông Cả Rinh, bị thương ở núi Lang mấy ngày trước, đã mang 8 Nghĩa quân về đầu hàng tên Lê-Hoan.

Cụ Thám sau trận Núi Lang đã rút lên thung lũng Cát Nê, thuộc địa phận Thái Nguyên.

CUỘC TRUY LÙNG CUỐI CÙNG CỦA QUÂN PHÁP TỪ TAM-ĐẢO ĐẾN THÁI-NGUYÊN

Ngày 30/10/1909, BONIFACY và toàn thể cánh quân lại di chuyển sang Thái Nguyên sau khi được tin Đề-Thám đã đến Cát Nê. Đến Thái Nguyên, quân pháp ra sức tung quân đi tuần thám để truy lùng Nghĩa quân. Nhưng vì địa thế rậm rạp và gập ghềnh, nên nhiều khi quân Pháp tưởng chừng như sắp bao vây và bắt gọn các toán Nghĩa quân lẻ tẻ, thì Nghĩa quân lại lọt lưới cả...

Ngày 17/11/1909, BONIFACY được tin chắc chắn là cụ Đề Thám đã trở về sào huyệt cũ của mình là Yên Thế. BONIFACY và toàn thể cánh quân lại đến Yên Thế thượng, ở giữa Mỏ Na Lương và Canh Nậu.

Tính cho đến ngày 20/11/1909, sau khi ông Cai Sơn cùng với 3 Nghĩa quân về đầu hàng giặc, quanh cụ Đề Thám chỉ còn 9 thuộc hạ và bà vợ ba của cụ mà thôi.

Khu tam giác Mỏ Trạng, Chợ gồ, và Đĩnh thép, vùng mà quân Pháp được tin có sự hiện diện của cụ Đề Thám, đã được chúng lần lượt khủng bố và càn quét từ ngày 01/12/1909. Một toán tuần thám của đồn chợ Gồ đã bắt được bà Ba Cẩn là vợ thứ ba của cụ Thám, trong khi bà này núp trong một bụi cây. Đêm ấy, (đêm 1 rạng ngày 2/12/1909) , vào lúc 8 giờ 30, cụ Thám cùng 5 Nghĩa quân đi tìm bà vợ Ba (vì chưa biết là đã bị bắt) đã bị lọt ổ phục kích của quân Pháp. Kết qủa một Nghĩa quân nguyên là Kỵ Binh của Pháp có dính líu đến vụ đầu độc Sĩ quan Pháp ở Hà-Nội trước đây chết tại trận, Cụ Thám đi kế đó đã thoát hiểm trong đường tơ kẽ tóc.

Ngày 6/12/1909, 4 Nghĩa quân, trong đó có ông Cồn, em họ cụ Thám, mang súng ra đầu hàng quân Pháp. Lúc này bên cạnh cụ Thám chỉ còn lại hai thủ hạ trung thành nhất.

Ngày 9/12/1909, vì cho rằng Nghĩa quân Đề Thám được coi như bị tiêu diệt, nên quân Pháp cho giải tán cánh quân BONIFACY, chỉ để lại 1 đại đội khố đỏ và 1 trung đội bộ binh thuộc địa, vẫn do BONIFACY chỉ huy, với nhiệm vụ phối hợp với bọn Bắc Giang cũng như các đồn binh trong vùng để truy lùng Lãnh tụ họ Hoàng, và hai thuộc hạ cuối cùng là Đô Huỳnh và Lại Nhót.

Trong tháng 1/1910, khoảng 60 Nghĩa quân đã về hàng từ lâu, được quân Pháp hứa tha chết và dùng vào việc móc nối các Nghĩa quân khác về hàng, bị tập trung lại, để đầy đi đảo Côn Lôn hay xứ GUYANE (thuộc Pháp), trong số có cả bà Ba Cẩn.

Ngày 26/01/1910, một toán tuần thám của đồn chợ Gồ đã gặp cụ Thám và hai thủ hạ nói trên. Kết qủa 1 Nghĩa quân bị bắn chết; quân Pháp tịch thu 1 súng trường và khẩu súng lục của cụ.

Ngày 28/01/1910, vào lúc 21 giờ, bọn thân binh của Pháp lại đụng độ với cụ Thám và 1 thủ hạ cuối cùng . Kết qủa cụ Thám và người thủ hạ thoát hiểm và 1 thân binh Pháp bị bắn trọng thương.

Cũng trong ngày 28/01/1910, vì cho rằng các đồn địa phương cũng đủ sức càn quét, phục kích, truy lùng nhà lãnh tụ Yên Thế, nên các đơn vị cuối cùng của BONIFACY được trả về đơn vị gốc, bọn thân binh của LÊ-Hoan trở về Hà Nội ; chỉ còn Thiếu Tá BONIFACY ở lại, để thành lập một "chi khu biệt lập Yên Thế thượng" để tiếp tục việc loại trừ cụ Thám, vì còn cụ, Pháp còn ăn không ngon, ngủ không yên...

Lần này BONIFACY âm mưu tìm cách giết vị anh hùng Yên Thế bằng nội phản: chúng "treo giá" đầu cụ, sai thổ dân hay Nghĩa quân đã đầu hàng đi tìm cụ để ám hại... Luôn 3 năm liền, mặc dầu Pháp ra sức truy tìm, nhưng Cụ Thám vẫn còn sống cảnh giác trong sự che chở của đồng bào địa phương. Trong những ngày cuối cùng, nhà lãnh tụ Yên Thế đã phải viết thư cầu cứu đến người đồng chí cũ là Lương Tam Kỳ, nay đã trở thành thần tử của Pháp, đang được dịch cho cai quản vùng chợ Chu(Thái Nguyên)để gửi vài tên thổ phỉ đến làm cận vệ cho cụ (âu đây cũng là điều an bài của cụ!). Lúc này, ngoài 3 tên thổ phỉ của Lương Tam Kỳ gửi đến, cụ Thám vẫn còn có thêm vài Nghĩa quân tâm phúc mới nữa. Đến Tết Nguyên Đán năm ấy (1913), cụ cho mấy Nghĩa quân về quê hưởng xuân, chỉ còn lại 2 người và 3 tên thổ phỉ của Lương Tam Kỳ.

Đến ngày 10/2/1913, vào hồi 4 giờ 30 sáng, tại 1 địa điểm trong khu rừng trại Góc-co cách chợ Gồ khoảng 2 cây số về phía bắc, 3 tên thổ phỉ nói trên đã thừa lúc vị anh hùng có một không hai trong lịch sử kháng Pháp của chúng ta kéo chăn phủ kín mặt cho đỡ lạnh, một tên liền lấy 1 cái cuốc vung lên và đập bể đầu cụ Thám. Cụ còn vùng lên tìm khẩu súng lục và thét gọi Nghĩa - quan Bay, thì bị ten khon kịp đánh bồi thêm nhát nưa. Lần này cụ Thám gục hẳn. Hai Nghĩa quân tâm phúc chưa kịp phản ứng gì thì cũng bị hai tên thổ phỉ còn lại thanh toán.

Rồi 3 tên thổ phỉ mang 3 khẩu súng trường (1 khẩu Lebel, 2 mousqueton kiểu 92 và 67) và cắt đầu cụ Thám về nộp cho đồn Nhã Nam. Pháp mang bêu đầu cụ ở Chợ Nhã Nam và nhiều nơi khác để đàn áp tinh thần kháng chiến của nhân dân Việt Nam...

Riêng về xác của cụ Thám và 2 Nghĩa quân, Pháp đã cho mang đốt đi sau khi giảo nghiệm cẩn thận !

HOÀNG HOA THÁM chỉ ra đi chứ không chết.!

Xuất thân là một nông dân cùng khổ, nhưng lại dám đương đầu với một kẻ địch hùng mạnh và nham hiểm, trong lúc tinh thần dân tộc đã bị mệt mỏi sau những năm dài chống xâm lăng và đánh khuất phục trước một quân đội nhà nghề đông đảo (lại được hàng vạn tên phản quốc chạy theo giặc, đi lính đánh thuê và chết thế cho chúng) trang bị tối tân (lúc bấy giờ) và được huấn luyện tinh thục... là điều mà mọi người chúng ta phải khâm phục và suy ngẫm.

Ngót 30 năm ròng rã với những điều kiện hết sức hạn chế, mà nhiều phen đã kể như vô vọng, cụ Thám đã làm cho bọn cướp nước phải thất điên bát đảo và tồn tại một cách kỳ diệu, đó là nhờ ở chỗ Hoàng-Hoa-Thám đã hành động đúng với lòng dân, thực sự là do dân và vì dân : tự coi những vị cao niên như cha anh và những người trẻ như con em, nên luôn luôn được dân cung cấp cho người, tiền của và cho nương nấu trong lúc thế cùng lực kiệt...

Trong lịch sử kháng Pháp của chúng ta, như ở phần đầu đã nói, từ Hương Khê đến Bãi Sậy.v.v... không có cuộc vùng dậy nào có nhiều điểm đặc biệt như cuộc vùng dậy ở Yên Thế : kéo dài nhất, giặc áp dụng nhiều thủ đoạn nhất (kể cả thủ đoạn mua chuộc như kiểu chúng đã áp dụng cho trường hợp tên Đèo Văn Trị và Lương Tam Kỳ, nhưng cụ không vì bả lợi danh mà sờn lòng), giặc chém giết và khủng bố nhiều nhất, giặc (sau khi qúa mệt mỏi...) đã phải "cắt đất" cho Nghĩa quân tự quản... Sau cùng, giặc cũng phải khâm phục cuộc vùng dậy Yên Thế nhất trong các cuộc vùng dậy kháng chiến.

Đến đây, chúng tôi thấy rằng không còn gì để nói tới một vị anh hùng dân tộc nưa và xin mượn một đoạn trong sách "Tự Phán" của cụ Sào Nam Phan Bội Châu để kết luận sự nghiệp kháng chiến cứu quốc của Hoàng Hoa Thám "Phỏng dân nước ta muôn ức người một lòng, ai bảo cụ Đề Hoàng không làm được như Hoa-Thịnh Đốn, Gia Lý Bá Đích ?" . . .



6.– Vua Hàm-Nghi bị bắt. (1)

Như đã trình bày trong mục Tình-Hình Trung Kỳ sau trận đánh úp Kinh Thành.

---

(1) Vua Hàm-Nghi bị bắt trong lúc các phong trào Cần-Vương đang liên tiếp nổ ra, đáng lẽ chúng tôi đề cập đến ngay trong thời gian ấy, nhưng chúng tôi nghĩ là sau cuộc vùng dậy Yên-Thế, phong trào Cần-Vương kể như chấm dứt. . . , để nhường cho các phong trào Duy Tân, Cách Mạng v. v... nên xếp ở đây để coi như một cái mốc.

(Xin xem tiếp các phong trào Duy Tân, Cách Mạng v..v..... ở phần III).

HUẾ ở trên, De Courcy, sau khi phong chức cho ĐỒNG-KHÁNH, ngày 14-9-1885, rồi ngày 20-9-1885, giao Trung-Kỳ lại cho Thiếu-Tướng Prudhomme, để trở ra Bắc-Kỳ đối phó với tình hình khẩn trương ngoài đó...

Lúc này (tính đến cuối năm 1885), quân Pháp chỉ có 4 Đại-Đội TQLC (4 Tiểu-Đoàn Thám-Kích của Đồng-Khánh xin với Pháp thì mới bắt đầu được thành lập). Do đó mà các hoạt động của Nghĩa-quân lại gia tăng các căn cứ đồn bót của bọn cướp nước luôn luôn bị tấn công, nhất là trong thời gian De Courcy bị triệu về Pháp (ngày 16-2-1886) và Paul Bert mới sang (8-4-1886).

Thực dân Pháp, một mặt cử Thiếu Tá De Lorme và Công sứ Aymonier cùng tên phản quốc khát máu Trần-Bá-Lộc đem lính Pháp và bọn khố đỏ Nam-Kỳ ra đánh dẹp. Tên Lộc là một hung thần chém giết hết sức dã man tàn-nhẫn, từ Bình-Thuận đến Bình-Định. Thành tích nổi bật nhất của nó là việc chém đầu Ông Cử-Nhân Mai-Xuân-Thưởng và các Ông Bùi-Điền, Nguyễn-Đức-Nhuận v.v..., mặt khác, theo đề-nghị của Linh-Mục Phan-quốc-Hoàng, bày đặt ra trò hề "Bắc-Tuần" cho Đồng-Khánh ra tuần thú mặt Bắc, có lính Pháp do Đại-Úy Henri-Billet hộ giá, một là để dụ dỗ vua Hàm-Nghi, hai là kêu gọi Nghĩa-quân buông súng cho yên. Khoảng tháng 6/1886, xa-giá rời Kinh, mãi tới tháng 8-1886 mới tới Quảng-Bình. Nhưng trên khoảng đường từ Huế trở ra, đi đến đâu cũng bị Nghĩa-quân chống lại tới đó. Sau hai tuần lễ hoạt động vô hiệu quả, phần thì vì lý-do an-ninh, phần thì vì Đồng-Khánh bị yếu, nên Pháp phải cho Ông Vua bù-nhìn nay đáp tầu về Huế.

Thất bại, Pháp lại dở một âm-mưu thâm độc khác : Sai Đồng-Khánh khôi phục nguyên hàm cho phò mã Hoàng-Kế-Viêm (1), một lãnh tụ Cần-Vương trung kiên nhất ở Bắc-Kỳ, đã lập được nhiều thành tích kháng Pháp, làm Hữu Trực Kỳ An-phủ Kinh-lược Đại-sứ (2), với toàn quyền hành động, để chiêu dụ vua Hàm-Nghi và các quan cựu thần về. Trong tờ dụ trao cho Hoàng-Kế-Viêm, đại ý nói rằng: "Nếu vua Hàm-Nghi mà quy-thuận, thì sẽ phong cho chức Tổng trấn ba Tỉnh Thanh-Nghệ-Tĩnh và chu cấp cho lương bổng như một cấp Vương. Các quan cựu thần như các Ông Trương văn Ban, Nguyễn - Trực Nguyễn Chư, Lê-Mô-Khải, Nguyễn-nguyên-Thanh, Phan-trọng-Mưu, Nguyễn-xuân-Ôn, Lê-doãn-Nhạ, Ngô-xuân-Quỳnh, ai về quy thuận thì sẽ được phục hồi nguyên chức, cho làm Quan ở các Tỉnh từ Quảng-Trị trở vào... Còn các Ông Trần-xuân-Soạn, Nguyễn-phạm-Tuân, Phan-đình-Phùng, nếu quy thuận thì sẽ tha cho các tội (?) trước và sẽ phong cho các chức khác"... (những điều này Đồng-Khánh đều "thỉnh ý" Paul Bert cả).

Bấy giờ quân của Đề-Đốc Lê-Trực đóng ở mạn Thanh-Thủy, thuộc Huyện Tuyên-Chánh. quân của Tôn-Thất-Đạm (con trai ông Thuyết) đóng ở ngàn Hà-Tĩnh, hạt Kỳ-Anh và Cẩm-Xuyên. Còn Tôn-Thất-Thiệp (cũng con trai Ông Thuyết) và Ông Nguyễn-phạm-Tuân thì phò vua Hàm-Nghi ở mạn Huyện Tuyên-Hóa.

Tháng 11/1886, Hoàng-Kế-Viêm mang 300 lính khố xanh ra Quảng-Bình, cho người đi chiêu dụ Ông Lê-Trực v.v... về. Nhưng không ai thèm hưởng ứng cả, chỉ có vài kẻ không mấy quan trọng ra quy thuận mà thôi.

Cũng khoảng tháng 11/1886, Đại Úy Mouteaux mang 2 Sĩ-quan, 14 Binh sĩ, có 250 Giáo dân, võ-trang khoảng trên 30 khẩu súng, do cố-đạo Tortuyaux chỉ-huy tuần chiến trong vùng Thanh-Thủy, đã gặp và đụng độ với 700 quân-sĩ cùng 7, 8 khẩu đại-bác (nhẹ) và 3 con voi của Đề-Đốc Lê-Trực suốt 6 giờ đồng hồ liền. Nhưng quân sĩ ta rút lui vô sự.

Đến đầu tháng 2/1887, Đại-Úy Mouteaux mang quân đến thiết lập đồn Minh-Cầm, ở phía trên Thanh-Thủy, nơi mà quân sĩ của Đề đốc Lê-Trực đã đụng độ nhiều lần với quân Pháp, làm cho Ông Lê-Trực phải lui quân ra mạn Hà-Tĩnh, Ông Nguyễn-phạm-Tuân thì lên đóng quân ở làng Yên-Lộc, phía Nam Sông Gianh.

Tưởng cũng cần lưu ý là trước khi lập đồn Minh-Cầm và trong lúc Mouteaux và Ông Lê-Trực đang chống cự với nhau, Mouteaux có viết thơ lên chiêu dụ Ông Trực. Ông Trực viết thơ trả lời rằng : "Tôi vì vua, vì nước, chết sống cũng một lòng làm cho hết bổn phận, chứ không dám tham sự sống mà quên việc nghĩa"... làm cho Mouteaux mặc dù phật lòng, nhưng rất cảm phục chí-khí của Đề-Đốc TRỰC.

---

(1) Hay Hoàng-Tá-Viêm cũng vậy.

(2) Hữu-Trực là Quảng Trị, Quảng Bình, Hữu Kỳ là Hà-Tĩnh Nghệ-An và Thanh-Hóa.

Trong những ngày đầu tháng 4/1887, Đại Úy Mouteaux, Đồn-trưởng Minh-Cầm được tin có nhiều toán Nghĩa-quân về hoạt động trong vùng phụ cận Minh-Cầm. Lập tức Mouteaux cho tổ-chức nhiều toán quân lưu động, hoạt động và chúng đã thành công trong việc càn quét các toán Nghĩa quân nói trên.

Ngày 8-4-1887, Đại-Úy Mouteaux được tin quan Tán-lý Nguyễn-phạm-Tuân đang trú đóng tại làng Yên-Lộc nói trên. Lập tức Mouteaux mang 16 lính Bắc-Phi và 10 tên thám kích Việt-Nam, lặng lẽ di chuyển trong đêm tối để tấn công... Sau một cuộc hành trình vất vả, xuyên qua rừng núi hiểm trở, đã đến nơi Ông TUẤN trú ngụ, vào sáng ngày 9-4-1887, trong khi Nghĩa-quân đang ăn cơm sáng. Khi quân sĩ của Mouteaux đến sát hàng rào tre quanh nhà, Ông Tuân mới biết là có biến, vội chống cự nhưng không kịp... bị giặc bắn trọng thương, còn quân sĩ kẻ bị bắt (8 người trong số có một người con nhỏ nhất của Ông Tôn-Thất-Thuyết (1), người bị giết hết. Khi bị bắt, Ông Tuân chửi rủa quân Pháp thậm tệ, mong hành động như vậy để quân Pháp giết ông đi cho xong, nhưng quân Pháp mang ông với tất cả những người bị bắt về đồn Minh-Cầm tra hỏi... Không ai thèm khai gì cho giặc cả. Kết cuộc, hôm sau (10-4-1887), quan Tán lý tử thương tại Đồn Minh-Cầm, còn các người khác bị chúng mang ra cho xử tử cả.(tại Minh Cầm)

Quân Pháp giết được quan Tán lý Nguyễn-phạm-Tuân, nhưng Đề-Đốc Lê Trực hãy còn và vẫn chưa biết rõ Vua Hàm-Nghi ở chỗ nào. Sau có tên Phạm-văn-Mỹ, nguyên là nhân viên của cơ mật viện theo phò vua Hàm-Nghi về quy-thuận Hoàng-Kế-Viêm. Viêm liền giao Mỹ cho Pháp khai thác. Mỹ "mách nước" với Pháp rằng muốn bắt vua Hàm-Nghi thì phải móc nối với Trương-quang-Ngọc, một thổ ty người Mường, từ khi vua Hàm-Nghi ra vùng ấy, nó được gần vua hơn ai hết và chính nó đã nhiều phen làm cho quân Pháp thất điên bát đảo... nhưng bản chất của nó là một đứa tiểu nhân, nên có thể mua chuộc được.

Đại-Úy Mouteaux, đồn trưởng Minh-Cầm liền cho quân báo đi sưu-tầm tin tức về Ngọc và được biết lúc bấy giờ Ngọc đang ở làng Chà mạc, bèn đem quân lên vây làng ấy. Nhưng khi đến nơi, tên Ngọc thấy động chạy thoát được. Mouteaux sai lính đi tìm trong làng chỉ thấy có một bà lão, bèn viết một cái thơ nhờ chuyển cho Ngọc rồi rút lui...

Vài hôm sau, lý dịch ở những làng phía trên (đồn Minh-Cầm) về quy thuận, Mouteaux lợi dụng cơ hội nhờ viên chánh tổng đem trả cho Trương-quang-Ngọc cái bàn đèn mà quân Pháp đã bắt được tại nhà Ngọc, trong cuộc hành quân hôm trước (bắt hụt Ngọc), cùng với mấy lạng thuốc phiện, mấy bị gạo trắng và nhờ bảo nó chiếu dụ vua Hàm-Nghi về. Tên Ngọc nhận những đồ ấy và ngày 12-10-1887, nó bí mật liên lạc với Trung-Úy Lagarrue, hứa sẽ hết lòng giúp Pháp bắt vua, nhưng cần phải thong thả, kẻo bị lộ thì sẽ không thành.

Lúc này là mùa mưa, vua Hàm-Nghi trú ẩn ở khe Tà-Bao, gần một cái thác cao tới 3,4 chục thước. Có một con đường mòn bí mật đi tới làng Tha-Mạc, có chỗ phải dùng dây leo mới qua được. Bên cạnh con đường mòn bí mật này, Nghĩa-quân làm một con đường rộng rãi và dọn dẹp sạch sẽ cốt để đánh lạc hướng của địch. Nơi vua Hàm-Nghi ở là một cái nhà lá rất rộng vách bằng lứa đan, đã được dựng lên từ 6 tháng nay, ở giữa nhà có đặt một cái ngai trên chiếc chiếu mầu, kề bên có một gian đầy lúa gạo v.v... Tại đây có một số hầu cận nhà vua như sau : một đội trưởng trông nom việc cơm nước (sau này bị bắt y khai không thấy vua Hàm-Nghi đọc sách hay viết lách bao giờ), một viên phó thơ già 50 tuổi và một thơ ký của ông này thường gọi là Cậu Hai, 3 người trai tráng lực-lưỡng quê ở Thanh-Lạng hay Thanh-Cước làm phu cáng cho vua, 2 người làm vườn và phụ bếp nước, 4, 5 tên mọi giúp việc lặt vặt khác, Lãnh-binh Ngọc lo "cận vệ" nhà vua, luôn luôn có 2 tên hộ-vệ cho y là Thạm-Tắc và Ông Lai... Tất cả đều dưới quyền chỉ huy cương-quyết của Ông Tôn-Thất-Thiệp ; Ông Thiệp gìn giữ vua một cách nghiêm mật, quyết sống chết bên vua và sẵn sàng trừng trị, chém những kẻ nào nói tới quy thuận, cho nên tên Ngọc, mặc dù đã nhị tâm, nhưng chưa dám ra tay...

Ở phía ngoài thì các Ông Lê-Trực và Tôn Thất-Đạm, nay đánh phá chỗ này, mai đánh phá chỗ khác, mà Mouteaux cố tiễu trừ không được, chán nản bèn xin về Pháp nghỉ.

---

(1) Không rõ tên là gì. Trong Histoire Militaire de L'Indochine có ghi". . . ainsi que le plus jeune fils du Premier Ministre Thuyết. . . "

Riêng Hoàng-Kế-Viêm thì từ tháng 6/1887, Pháp thấy vô tích sự, bèn cho lệnh triệu về, sau trên nửa năm hoạt động.

Tin tức về vua Hàm-Nghi vẫn không có gì rõ rệt cả, nên ngày 16-2-1888, Đại-Tá Callet, Tư-Lệnh Sư-đoàn 3 ở Huế (1), đích thân mang quân hành quân trong vùng rừng núi giữa Quảng Bình và Hà-Tĩnh, nơi mà chúng nghi là có sự hiện diện của nhà vua. Các cuộc hành quân này không đạt được kết quả rõ rệt nào cả...

Để bao vây và chia cắt vùng nói trên, quân Pháp, một mặt, cho thiết lập nhiều đồn dày đặc ở Bãi-Du, Đồng-Cả và Xuân-Yên (?) thuộc địa phận Quảng-Bình và các đồn Mỹ-Đức, Vàng-Liêu thuộc địa phận Hà-Tĩnh mặt khác luôn luôn tung ra các toán tuần thám nhỏ để đi lục soát, khủng bố... và thành lập một Chi-Khu quân sự ở Sông Gianh Thượng do Đại-Úy Boulangier chỉ huy... (2)

Do các hành động này của Pháp (làm nhiều đồn và ra sức sục sạo), mà Nghĩa-quân gặp nhiều khó khăn về mặt tiếp vận cũng như liên lạc. Riêng nhà vua cũng long-đong...

Ngày 21-4-1888, Đại-úy Boulangier Chi-Khu trưởng Sông Gianh Thượng mang quân vây bắt vua Hàm-Nghi, vài quan đại thần và khoảng 50 quân sĩ Nghĩa-quân tại Ngã-Hai, cách phía tây đồn Minh-Cầm khoảng 80 cây số, nhưng nhà vua và Nghĩa-quân đã rút hết trước khi quân Pháp tới. Boulangier bèn cho lệnh tiêu hủy căn cứ của Nghĩa-quân.

Nghĩa-quân và nhà vua vốn đã chật vật. Sau trận này lại chật vật hơn bao giờ hết. Một vài kẻ hèn nhát trong hàng ngũ Nghĩa-quân đã đào ngũ, nhiều kẻ ốm đau, nhiều kẻ bị bắt v.v...

Đến tháng 10/1888, quân sĩ mệt mỏi, tốn kém mà lại không thành công, quân Pháp đã toan rút về các đồn ở man bể, thì một trong những kẻ đào ngũ nói trên là Xuất đội Nguyễn-đình-Tình, người xã Đức-vũ gần Huế, thuộc đội quân hộ giá, hầu cận vua Hàm-Nghi cho tới tháng 10/1888 ra quy thuận ở Đồn Đồng-Cả, khai rằng hắn đã theo vua từ năm 1885 và cho tới tháng 10/1888, vẫn giữ chức vụ vệ sĩ. Tôn-Thất-Thiệp con trai thứ hai của Ông Tôn-Thất-Thuyết không rời nhà vua lúc nào cả và có lúc tính đem vua ra Bắc. Ông Thiệp đã giết một ông quan ngỏ ý muốn điều đình với Pháp và nhất quyết không bao giờ ra hàng và chính ông là người giữ vững tinh thần của vua Hàm-Nghi ; nhà vua hiện đang ở một thung lũng cách Ngã-hai vài giờ đi chân (3) và muốn đến thì phải ngược dòng sông Nai. Trong vùng này không có làng mạc gì cả. Dân làng Chà Mạc đã dựng cho vua một cái nhà nhỏ. Hắn còn khai rõ hắn và Trương-quang-Ngọc đã định mang vua ra nộp cho Pháp từ 6 tháng trước, nhưng chưa thuận tiện...Dân Mường vẫn tiếp tế cho nhà Vua, nhưng chỉ có gạo và muối như bao dân nghèo trong vùng. Vua mặc quần áo nâu và lúc này đã 18 tuổi, hay bị sốt rét như các quan tùy tùng. Mỗi khi quân Pháp sục sạo thì dân Mường lại cõng vua chạy vào rừng. Tôn-Thất-Đạm đóng quân gần Vàng-Liêu, giữa vùng rừng núi Hà-Tĩnh ngót 8 tháng trời, nghĩa là từ khi Đại-Tá Callet hành quân từ tháng 2/1888 đến lúc ấy, Đạm không liên lạc gì được với vua, nhất là từ khi Đại-Úy Boulangier thiết lập Chi-Khu sông Gianh Thượng... Nhà vua lúc này hết cả tiền bạc chỉ còn vài chiếc huy-chương vàng, hai hòm quần áo mang từ Huế đi sau vụ đánh úp bất thành và hai thanh kiếm, mà một thanh là quà của Pháp tặng vua Gia-Long từ đầu thế kỷ. Tên phản quốc này còn khai là Trương-quang-Ngọc cũng bị Tôn-Thất-Thiệp nghi ngờ từ mấy tháng nay...

Pháp bèn giao cho Nguyễn-đình-Tình một bức thư gởi cho Ngọc, rồi bảo Tình đi tìm Ngọc để cộng tác và dặn dò hai đứa cách thức lừng bắt vua Hàm-Nghi.

Theo chỉ thị của Pháp, chúng phải bắt sống vua Hàm-Nghi, kính trọng và bảo toàn tính mạng cho nhà vua, còn ngoài ra ai chống cự thì cứ việc giết bỏ.

Ngày 1-11-1888, hai tên Tình và Ngọc đem hơn 20 tráng đinh làng Thanh-lạng và Thanh Cước mang dao mác, cung tên v.v... tiến vào nơi vua Hàm-Nghi ở...

Khoảng 22 giờ, bọn chúng đến ngôi nhà vua ở (như đã nói trên). Nghe có người đi vào rầm rập, Thống-chế Nguyễn-Thụy đã có tuổi và người con trai nhảy ra bị bọn phản quốc đâm chết tại chỗ bằng dao ... Tôn-Thất-Thiệp thấy động

---

(1) Thay thế Thiếu-Tướng Munier từ ngày 22/11/1886.

(2) Chi Khu này bao gồm tất cả các đồn trong Vùng, kể cả đồn Minh-Cầm . . .

(3) Sau trận tấn công ngày 21. 4. 1868 của Đại-Úy Boulangier Chi khu Trưởng Sông-Gianh, thì nhà Vua rút về đây.

hoảng hốt cầm gươm chạy ra cũng bị tên phản quốc Cao-Việt-Lương, người làng Thanh-Cước đâm chết nốt. Sau khi hạ được các quan cận thần bọn phản quốc bước vào trong thì vua Hàm-Nghi đã cầm thanh kiếm ở tay, vì biết mình bị phản, liền đưa cho tên Trương-quang Ngọc bảo :"Mày giết tao đi cho rồi, chớ đừng bắt nộp cho Tây". Một tên Mường xưa nay phục dịch nhà vua lén nhảy ra ôm ngang sau lưng vua và dằng lấy thanh kiếm. Từ phút này nhà vua trầm tĩnh lạ lùng. Một tên quỳ xuống trước mặt vua, sau khi đã thắp được ngọn đèn, đọc bức thư của Đại-Úy Boulangier gởi cho vua khẩn thiết mời nhà vua trở về Kinh thành. Vua Hàm-Nghi ngồi xuống giường trong lúc tên phản quốc kia đọc thơ. Rồi vua Hàm-Nghi chậm rãi nói :"Ta có quen người viết bức thư này đâu, ta chẳng hiểu gì cả, ta về Huế làm gì?"... Tên Ngọc và bọn phản quốc nhao nhao yêu cầu nhà vua lên đường. Sau khi suy nghĩ một lúc lâu, vua Hàm-Nghi nói :" Thôi được ! Chúng mày đã phản tao, âu cũng là lòng trời, ta phải theo chúng mày vậy !"

Trong giờ phút nặng nề này, bọn phản động đem xác ông Tôn-Thất-Thiệp v.v... đi chỗ khác, rửa sạch các vết máu, thu dọn đồ dùng của nhà vua vào một cái hòm chữ thọ, rồi võng vua ra bến Ngã-hai, đưa vua xuống một cái bè đi mất hai ngày mới tới đồn Thanh-Lạng giao cho Đại-Úy Boulangier vào ngày 3-4-1888. Boulangier lập tức mang vua Hàm-Nghi về đồn Thuận-Bài và ở tại đây khoảng trên một tuần để chờ lệnh ở bên Pháp... Trong khi đến cũng như tạm trú ở đồn Thuận-Bài, Thiếu-Tá Dabat và quân sĩ Pháp lấy Vương lễ mà tiếp đãi vua. Nhà vua không nhận mà cũng không đáp lễ, chỉ chối mình không phải là vua Hàm-Nghi..."Nhà vua lúc này ở trong rừng, nếu tôi không đau, tôi đã theo kịp nhà vua"...

Ngày 15-11-1888, người ta võng vua sang Bố-trạch. Quan lại bản hạt và một Trung Úy Pháp tên Bonnefoy hộ tống vua đến Đồng-Hới. Dọc đường, dân chúng nghe tin vua sắp qua bèn bày hương án nghênh đón...

Vua đến Đồng-Hới thì trời vừa tối, không vào thành mà xuống nghỉ dưới thuyền. Trong câu chuyện trao đổi với Bonnefoy, nhà vua hỏi chuyện về việc nấu thép, chế súng, khai mỏ, mở mang đường xá v.v.... là những điều hiếm thấy ở những thiếu niên lứa tuổi với vua thuở ấy.

Ngày 23-11-1888, vua Hàm-Nghi về đến Thuận-An, Đồng-Khánh được tin, bèn hạ lệnh cho các quan chức sửa soạn nghênh đón và tìm nơi cho vua ở. Nhưng trú-sứ Pháp là Rheinart (1) đến Cơ-mật viện gạt khéo đi rằng "Ở Quảng-Bình trình về vua Hàm-Nghi lúc này tính tình khác thường, ngài về Kinh sẽ có nhiều sự bất tiện, nên mời ngài qua một nơi khác vài năm, khi nào trong nước bình yên sẽ rước về !"(Sự thật thì trong thời gian vua Hàm-Nghi ở đồn Thuận-Bài và các ngày kế tiếp, đã có nhiều công điện đánh đi đánh lại giữa Việt-nam và bên chánh-quốc Pháp, về số phận của vua Kháng-chiến và việc "Mời ngài qua một nơi" đã có lệnh của Pháp đình rồi !). Tên thực dân gian ngoan này nói tiếp:"Ngài cần nghỉ ngơi cho bù lại những sự thiếu thốn, nhọc nhằn trong quãng đời phiêu bạt ngoài rừng núi trước đây". Rồi Rheinart ngỏ ý với Cơ-mật-viện cử các quan đại thần cùng hắn xuống Thuận-An, nói là để "thăm" vua. Nhưng sự thực là để xác nhận xem có phải đích thực là vua Hàm-Nghi hay không ?

Tại Thuận-An, luôn luôn vua không chịu nhận mình là xuất đế Hàm-Nghi, mặc dầu hai tên gian quan của Cơ-mật viện là Đoàn-văn-Bình và Lê-Trinh cùng Rheinart đến bái mạng. Nhà vua giả vờ không biết. Nhưng khi thấy học cũ của vua đến thì nhà vua vô tình đứng dậy chào ! (Người Pháp bấy giờ mới tin đã nắm được trong tay vị nguyên-thủ của Việt-Nam mà mấy năm qua Trung, Bắc-Kỳ đã đổ máu bảo vệ, và cũng vì lời hiệu triệu của ông vua kháng-chiến này, mà mọi tầng lớp nhân dân đã tự động vùng lên kháng chiến). Rồi đến lượt Rheinart hỏi "Thái-hậu đang bệnh nặng. Nếu nhà vua có muốn thăm thì tôi sẽ cho rước nhà vua về để hỏi han đôi lời"...

Vua Hàm-Nghi sa-sầm nét mặt đáp : "Tôi thân đã tù, nước đã mất, còn dám nghĩ gì đến cha mẹ, anh em nữa". Rồi cáo từ về phòng riêng nghỉ.

Trong dịp này, Pháp cho chụp hình vua Hàm-Nghi và cho phổ biến đi các nơi để chứng tỏ việc nhà vua bị bắt là có thực...

Ngày 25-11-1888 (?), vào lúc 4 giờ sáng, Trung-Úy Bonnefoy đến mời vua Hàm-Nghi

---

(1) Lại sang thay thế De Champeaux.

xuống tầu đi Lăng-Cô và cho biết sẽ chuyển sang Pháo-hạm "La Comète" để vào Saigon, rồi từ đây dùng chiếc "Biên Hòa" đi Alger...

Trên đường đi, viên Trung-Úy này hỏi dò vua về Ông Tôn-Thất-Thuyết. Nhà vua chỉ trả lời vắn tắt : "Tôi không biết Tôn-Thất-Thuyết là ai hết ! Tôi không hiểu ông hỏi để làm chi".

Khi đến Hải-Vân quan, Bonnefoy chỉ vào chiếc pháo hạm mà nói :"Chỉ vì Tôn-Thất-Thuyết mà ngài sắp phải bước xuống chiếc pháo hạm này để xa lìa tổ-quốc". Vua Hàm-Nghi quay lại nói :"Tôi xin ông đừng nhắc tới việc này nữa ".

Tới Linh-Kiện, vua Hàm-Nghi sang tầu "La Comète" để đi Saigon. Trung Úy Bonnefoy đến chào ngài để trở về Huế. Nhà vua nhìn lên bờ không nén nổi sự cảm xúc vì nỗi mình, nỗi nước , òa lên khóc ! Mười lăm phút sau, chiếc "La Comète" nhổ neo... Tới Saigon vua Hàm-Nghi sang tầu "Biên-Hòa" để đi Bắc-phi và tới đây vào trung tuần tháng 1/1889.

Đến Algérie, vua Hàm-Nghi được đưa đến trú ngụ tại Biệt-thự "Thông-Reo" (villa des pins) tại EL-BIAR, cách thành Alger khoảng 3 cây số. Tại đây, nhà vua vẫn mặc quốc-phục (áo dài khăn xếp). Sau ít lâu, bất đắc dĩ vua phải thay đổi cách ăn mặc vì bất cứ đi tới đâu, nhất là khi đi dạo bằng xe đạp, những con mắt hiếu kỳ cứ vây lấy vua mà ngắm nghía. Vua Hàm-Nghi được một thầy dạy tiếng Pháp (là thầy dòng Néopold, sau này có sang trường Pellerin ở Huế dạy học và chết ở đây vào năm 1912). Nhà vua học rất chăm chỉ và thông thạo đặc biệt sau vài năm, làm cho nhiều người phải ngạc nhiên.

Về sau, vua Hàm-Nghi lấy một người vợ Pháp thuộc một quý tộc, sinh được 2 người con, một là Công chúa Như-Mai, sau này đỗ kỹ sư canh-nông và lấy chồng Pháp, và một Hoàng-tử tên là Minh-Đức, đến nay chưa có tin tức gì cả.

Sống lưu đày, cuộc đời của vua cũng không lấy gì làm bi thảm cho lắm, vua được Pháp cấp cho 2 vạn rưỡi phật lăng mỗi năm, và thường lui tới chánh quốc Pháp để... đổi gió và thăm viếng...

Trở lại vấn đề tên phản quốc Trương-quang Ngọc thì tên này được thưởng một số tiền và chính thức hóa cái "hàm Lãnh binh" của hắn. Ngọc sau đó được bổ đi nhiều tỉnh, nhưng hắn đi đến đâu cũng đều bị dân chúng và ngay cả quan lại nữa, khinh bỉ. Chán nản hắn bỏ về quê là làng Thanh-Lạng, cho tới khi cụ Phan-đình-Phùng vùng dậy ở Hương-Khê, thì cuộc đời của hắn chấm dứt (xin xem cuộc vùng dậy Hương-Khê). Đồng bọn của Ngọc là Nguyễn-đình Tình cũng được một số tiền thưởng và được phong một chức hàm và được gởi đi Bình-Thuận "Phụng sự quan Pháp", rồi hắn mất tích luôn ở đó. Có lẽ tên này cũng chung một số phận như tên Ngọc ?

Về phía Ông Tôn-Thất-Đạm lúc bấy giờ đang hoạt động ở ngàn Hà-Tĩnh, khi được tin, vì nội phản mà vua bị bắt, em Ông là Tôn-Thất Thiệp bị giết v.v... đâm ngã lòng và cho họp tất cả quân sĩ lại rồi truyền cho ra quy-thuận để về làm ăn, rồi viết hai bức thư, một dâng vua Hàm-Nghi xin tha lỗi cho mình, làm tôi không cứu được vua, và một gởi cho Thiếu-Tá Dabat chỉ-huy đồn Thuần-Bài, để xin cho các quân-sĩ thuộc quyền ra quy thuận. Viết xong thư, Ông Tôn-Thất-Đạm nói rằng :"Bây giờ người Pháp có muốn bắt ta thì vào tìm thấy mả ta trong rừng". Đoạn thắt cổ mà tự vận vào ngày 14-11-1888 (1).

Ít lâu sau, Pháp cho tìm mả và khai quật thi hài của ông lên để nhận diện... rồi cải táng ông ở gần chùa Vàng-Liêu.

Ngày 21-11-1888, Đề đốc Lê-Trực cùng với 50 người, trong số có 21 quan chức, về quy thuận đồn Thuận-Bài. Một tuần sau 181 người còn lại về nốt.

Tất cả các quân sỹ đều được Pháp cho về nguyên quán làm ăn, sau khi đã nộp hết vũ-khí... Riêng các cấp chỉ huy rất hiên-ngang khi trở về, mặc dù họ thiếu thốn, nhưng đã từ chối việc phục vụ bảo hộ và nguyện sẽ không chống Pháp mà cũng chẳng cộng tác với Nam-triều. Bọn gian quan Nam-triều thấy khẩu cung của Đề-Đốc Lê-Trực có nhiều câu khẳng-khái, không được khiêm-tốn, có ý muốn bắt tội, nhưng

---

(1) Theo Baille trong cuốn " Souvenir d' Annam" thì ông uống thuốc độc; Còn trong Histoire Militaire de l'Indochine thì nói là ông bị chết vì sốt (". . . il succomba à la fièvre le 14 Novembre" - 1888).

người Pháp cảm phục ông là người tiết tháo, và lại cũng vì lý do chính trị đặc biệt lúc bấy giờ, thả ông về nguyên quán. Ông trở về quê nhà là làng Thanh-Thủy thuộc huyện Tuyên-hóa, Quảng-Bình, các quan chức Pháp thỉnh thoảng đến thăm luôn và tỏ lòng kính trọng... mà người trong vùng thấy vậy ai cũng mến phục.

VÀI HÀNG VỀ PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG

Như chúng ta đã biết không phải cho đến lúc Hàm-Nghi xuất đế, sau cuộc đánh úp kinh thành thất bại, truyền hịch "Cần-Vương", sỹ dân Việt-Nam mới nổi lên chống Pháp, mà nó đã tự động bùng nổ ngay từ khi Pháp bắt đầu xâm lăng Việt-Nam... Nhưng có một điều đáng nhấn mạnh là qua sau khi hịch được truyền đi, thì mức độ và cường độ nổi dậy dữ dội, dai dẳng và quy mô hơn.

Lúc bấy giờ (1885 - Sau khi hịch "Cần Vương" - giúp vua, được ban hành) thì xứ Nam Kỳ là nơi bị thực dân Pháp đánh chiếm (được Tự Đức" hợp thức hóa" từ tháng 3/1874) và kềm kẹp chỉ còn thoi thóp và cơ cơ lịm dần... thì các cuộc vùng dậy đã liên tiếp bùng nổ từ Trung Kỳ ra Bắc-Kỳ.

Xuyên qua các cuộc vùng dậy kế tiếp (từ vụ đánh úp Kinh thành đến... Yên thế v.v...) ta thấy điểm đặc biệt sau đây :

- Thứ nhất : nó bùng nổ giữa lúc phong kiến nhà Nguyễn chia làm hai phe rõ rệt : Kháng chiến cứu quốc và hàng giặc phản quốc ; một bên (kháng chiến) được toàn dân hưởng ứng ủng-hộ và một bên (hàng giặc) được giặc mượn danh nghĩa để đàn áp kháng chiến... (trường hợp các tên phản quốc Hoàng-Cao-Khải và Lê-Hoan) bị toàn dân phỉ nhổ và lên án...

- Thứ hai : Nó gây thành một phong trào từ Bình-Định, Quảng-Bình trở ra Hưng-Yên, Thái-Bình... Yên Thế. Tuy không có sự chỉ huy thống-nhất, nhưng có liên hệ và hỗ tương cho nhau. Và sau đó, mặc dầu vua Hàm-Nghi (linh hồn của cuộc kháng chiến) bị bắt (1888), nó còn kéo dài mãi đến năm 1913 (Hoàng Hoa Thám bị ám sát)...

- Thứ ba : Nó có nhiều nét đặc biệt nhất : giặc thiệt hại nhiều nhất, tốn kém nhất, khâm phục nhất, trận kháng chiến kéo dài nhất và trứ-danh nhất là việc giặc phải cắt đất cho Nghĩa-quân (Yên-Thế).

- Thứ tư : Sau cái chết của Lãnh tụ Yên thế, nhân dân Việt-Nam đã nhận thức được rằng cần phải đổi mới phương pháp cứu quốc, mới mong lật ngược thế cờ... Nghĩa là cần phải mở mang dân-trí (phong trào Đông-du, Duy-Tân...) và phải dùng ngay súng giặc để giết giặc (tổ chức binh biến trong số những người Việt trong hàng ngũ quân đội Pháp...) v.v... (1)

- Thứ năm : Nếu nhà Nguyễn mà không có được một ông vua như Hàm-Nghi (2) thì đã mất hết lòng ngưỡng mộ của nhân dân đối với mình...



(1) Xin xem phần III.
(2) Vua Duy Tân không được đề cập đến ở đây. Xin xem lý do ở mục "Cuộc vùng dậy của Vua Duy Tân" (tháng 5/1916).

Phần Thứ Ba

NHỮNG TRÀO LƯU TƯ TƯỞNG VÀ HÌNH THỨC ĐẤU TRANH MỚI CHỐNG THỰC DÂN CỦA CÁC PHONG TRÀO CÁCH MẠNG V.N.



CHƯƠNG I

Ảnh hưởng quật khởi của Nhật và sự suy vong của Trung-Hoa đối với Việt-Nam

Vào hạ bán thế kỷ thứ XIX, trong lúc nước ta đang bị thực dân Pháp lấn chiếm dần, thì nhiều biến cố liên tiếp xảy ra ở Nhật bản và Trung Hoa đã đập vào mắt sĩ phu Việt Nam...

Một mặt là nước Nhật, cũng như phần đông các quốc gia ở Viễn Đông, bị chủ nghĩa đế quốc Tây Phương đe dọa, nhưng nhờ sự sáng suốt của các nhà lãnh đạo và lòng ái quốc của nhân dân, nước Nhật đã thoát được tai họa mà các nước khác phải chịu. Năm 1868 mở đầu cho kỷ nguyên mới của Nhật Bản: Vua Minh Trị (Mutsu Hito)canh tân nước Nhật và chỉ trong vòng có mấy chục năm, đã biến nước Nhật lạc hậu thành một nước hùng cường... Chiến tranh Trung Hoa Nhật Bản (1894 - 1895) và nhất là cuộc chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905), mở đầu cho chính sách bành trướng thế lực ở Á Đông... và đưa nước Nhật lên địa vị ngang hàng với các cường quốc thế giới...; Mặt khác,nước Trung Hoa vẫn còn chìm đắm trong tình trạng lạc hậu, khiến cái "kho người", "kho của", ấy làm sao thoát được khỏi âm mưu xâm lược của các nước đế quốc Tây Phương? Từ cuộc nha phiến chiến tranh (1840 - 1842)đến cuộc " bát quốc liên quân " đánh thành Bắc Kinh (1900), Trung Hoa bị các cường quốc xâu xé nhiều lần và đã biến thành một bán thuộc địa của họ...

Do đó sỹ phu Việt Nam nhận thấy nếu muốn tiếp tục chiến đấu và tồn tại, thì phải thay đổi đường lối mới mong cứu quốc được, vì đường lối "ngòi bút lông" rõ ràng không thể đương đầu với đại bác và tàu chiến của bọn xâm lược da trắng được...

Tưởng cũng nên nhấn mạnh là trước đây VN chỉ biết có "Thiên Triều" là chí tôn, "Thiên Quốc" là Trung Tâm thế giới (Trung-Hoa), còn thì toàn là man rợ cả ! Nhưng từ khi Trung Hoa bị xâu xé, rồi VN bị phong kiến Trung Hoa công nhận là một thuộc địa của thực dân Pháp (Hiệp ước Thiên Tân năm 1884), thì sự tin tưởng vào Thiên Triều càng ngày càng đi đến chỗ phá sản, mặc dù đã có một thời kỳ sỹ phu Việt Nam bị rung cảm mạnh, do những khuyến cáo duy tân, tuyên truyền ái quốc, bài phong, phản đế rất khẳng khái lâm ly của bộ "Ẩm băng thất" và nhất là "Trung Quốc hồn" của Lương Khải Siêu... nhường chỗ cho "chú nhỏ da vàng quật ngã anh khổng lồ da trắng". Từ đó sỹ phu nước ta, cũng như nhiều nước bị trị khác, tự động đứng ra cổ võ phong trào thân Nhật, và suy tôn Nhật là "Anh Cả giống da vàng", nhất cử nhất động của Nhật đều được coi như khuôn vàng, thước ngọc ... ngay cả đến "bèo Nhật Bản" (mà sau này trở nên một tai họa cho nông dân) cũng được người ta đem về thả "làm cảnh", thì đủ hiểu mức độ thân Nhật đến thế nào và nó đã gây thành một phong trào mà chúng ta sẽ tìm hiểu sau đây.



1. – Quang-Phục Hội và phong trào Đông - Du. (1)

Nói tới Quang Phục Hội và Phong Trào Đông Du, ta phải nghĩ ngay tới cụ Phan Bội Châu, (2) một lãnh tụ của phong trào mà cũng là một

(1) Quang Phục Hội còn gọi là Duy-Tân Hội nữa.

(2) Phan Bội Châu tên tộc là San sinh năm 1867 tại Thôn Sa Nam, xã Đông Liệt, Tỉnh Nghệ An. Cha là Phan Văn Phổ và mẹ là Nguyễn thị Nhàn(cụ Phổ là một nhà nho uyên thâm, dạy học tại Xã Đan Nhiệm, Tổng Xuân Liễu, Huyện Nam Đàn cũng tỉnh Nghệ-An). Phan đậu giải nguyên năm vừa 33 tuổi(1900).

tiêu biểu của cách mạng Việt Nam sau phong trào Văn Thân. Là một nhà trí thức, Phan lớn lên trong lúc đất nước bị bọn thực dân Pháp lấn chiếm dần... các phong trào nổi dậy và vùng dậy đang hồi suy tàn... vì đường lối đấu tranh qúa lạc hậu, và bên cạnh hình ảnh một "Thiên Quốc" (Trung Hoa) đang bị liệt cường xâu xé, là hình ảnh một nước Nhật "lột xác" và hùng mạnh vào bậc nhất thế giới, đánh trăm trận thắng oanh liệt cả trăm (lúc bấy giờ), thì làm gì phương Đông (nước Nhật ở hướng đông) không là một "dẫn lực" đối với Sĩ phu VN hồi ấy nói chung và Phan nói riêng ?



CƯỜNG - ĐỂ

Ngay từ hồi còn là một học sinh, Phan đã cùng Ông cử Đinh Xuân Sung tổ chức "Sỹ Tử Cần Vương Đội", nhưng chỉ được ít lâu, sau khi Pháp hạ thành Nghệ An thì "Đội Sỹ Tử" tan vỡ luôn...

Năm 1897, Phan gặp cụ Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền (Tức cụ Hoàng Giáp, làng Liên Bạt, Phủ Ứng hòa, tỉnh Hà Đông) là một nhà khoa bảng đại danh ở Huế lúc bấy giờ, hai người rất tương đắc. Trong dịp này, cụ Mai Sơn có đưa cho Phan xem các dịch phẩm có mục đích truyền bá tư tưởng cách mạng tây phương như cuốn Le Contrat Social (Xã ước) của J.J. Rousseau; L'Esprit des Lois (Vạn Pháp Tinh lý) của Montesquieu; Évolutionnisme (Tiến hóa thuyết) của H. Spencer v.v... Sau cuộc gặp gỡ này, Phan phải thú nhận rằng "Cái tư tưởng phá cũi sổ lồng đến lúc đó mới manh động"...

Năm 1900, vì cho rằng nước ta còn nặng ý thức hệ phong kiến, còn trọng phẩm tước khoa mục, nếu không có tên tuổi lớn, khó nói được cho ai nghe, nên Phan trở lại với đèn sách, mặc dầu luôn luôn cho rằng "lập thân tối hạ thị văn chương"(nghĩa là lập thân mà nhờ vào văn chương là hèn hạ nhất) và cụ đã đỗ giải nguyên vào năm ấy - năm vừa đúng 33 tuổi.

Năm 1901, Phan cùng một số đồng chí, toan nhân ngày kỷ niệm của Pháp, đánh úp thành Nghệ An. Song vì nội ứng sai hẹn, nên phải hoãn lại và bị tên Nguyễn Điềm báo cho công sứ Pháp biết. Nhưng may có Tổng Đốc Nghệ An là Đào Tiến che chở nên cụ thoát nạn.

Tháng 3/1903, Phan cùng các đồng chí là Đặng Thái Thân, Đặng Văn Bách và Lê Võ (tức Ấm Võ, có 3 người anh chết vì nước) vào Quảng Nam liên lạc với cụ Nguyễn Hàm, một kiện tướng của phong trào Cần Vương, để mưu sự khởi nghĩa. Cụ Hàm khuyến cáo Phan đại ý rằng "Cần phải thu phục nhân tâm trước, còn tiền bạc và khí giới không khó gì... Muốn vậy tất phải suy đái quân chủ lấm đầu mới có người theo ... Chúng ta có thể suy đái Kỳ ngoại Hầu Cường Để, dòng dõi Chính Thống... Như vậy danh chính nghĩa thuận, chắc toàn quốc ai cũng theo, đại sự sẽ thành công được".

Phan nghe nói cho là phải bèn ra Huế tìm đến Kỳ Ngoại Hầu. Hai người gặp nhau ở nhà Trần Xuân Hàn (con trai Đề Đốc Trần Xuân Soạn) và các nét chính của kế hoạch cứu nước được đem ra thảo luận...(lúc ấy là tháng 4/1903).

Đến khoảng tháng 6/1903, Phan cùng các ông Trần Đình Phác, Nguyễn Hữu Bài, Nguyễn Thuật, Nguyễn Thắng, Đào Tiến, Phạm Tấn và Đốc Vạn Hiền (theo đạo Gia Tô) đến nhà cụ Nguyễn Hàm ở Nam Thịnh Sơn Trang (Quảng Nam) họp bàn và khai sinh ra Việt Nam Quang Phục Hội, suy đái Kỳ Ngoại Hầu làm minh chủ (Kỳ Ngoại Hầu không có mặt, sợ bị lộ)...

Quang Phục Hội, sau khi thành lập, tiến hành ngay kế hoạch khởi binh phục quốc và phân nhiệm như sau: từ Quảng Nam, Quảng Ngãi trở vào cụ Nguyễn Hàm phụ trách; từ Quảng Bình, Quảng Trị trở ra cụ Phan Bội Châu phụ trách. Đến cuối tháng 6/1903, Phan về Nghệ và ra Bắc để tiến hành công cuộc vận động.v.v... (nhân dịp này Phan đích thân lên Phồn xương để họp bàn phối hợp hoạt động với nhà lãnh tụ Yên Thế).

Khi ấy, trong Nam ngoài Bắc đã liên lạc với nhiều nơi, tiền bạc đã nhiều, người nhận giúp cũng lắm (1), duy chỉ có vấn đề nan giải là khí giới. Mua thì mua ở đâu? Ai giúp ?

Cái " ở đâu " và " ai giúp " không ai khác là "Ông anh cả da vàng"...

Vì vậy tháng 11/1904, Quang Phục Hội họp Hội nghị khẩn cấp cũng tại nhà cụ Nguyễn Hàm và lần này đích thân Kỳ Ngoại Hầu Cường Để đến và chủ tọa hội nghị...

Kết qủa hội nghị quyết định phái đại biểu mang thư Hội chủ sang Nhật cầu viện.

MỘT CHUYẾN ĐI LỊCH SỬ

Ngày 10/4/1905, sau nhiều tháng tích cực vận động, nhất là về phương tiện tài chánh, các cụ Phan Bội Châu, Tăng Bạt Hổ và Đặng Tử Kính đã dùng tàu thủy tới Nhật. qua ngã Tàu, mở đầu cho phong trào Đông Du...

Trong những ngày ở Nhật, Phan đã tìm đến tiếp xúc với Lương Khải Siêu và những nhà Cách Mạng Trung Hoa, bị Tây Thái Hậu truy nã sau cuộc Mậu Tuất chính biến (1898), để trao đổi ý kiến,... Vì là "đồng cảnh ngộ" (tưởng cũng cần nhắc lại là, như ở phần đầu đã nói, đã có một thời kỳ sĩ phu Việt Nam bị rung cảm mạnh trước những khuyến cáo duy tân nước Tàu của Lương...) nên mặc dầu ngôn ngữ bất đồng họ đã "bút đàm" và trở nên "tương đắc"... Lương khuyến cáo Phan, Tăng và Đặng rằng " Việc trước mắt là lo khai hóa nhân dân, rèn luyện nhân tài, để có thực lực trong nước đã, còn quân sĩ và khí giới sau này có thể nhờ vào Lưỡng Quảng (Quảng Đông - Quảng Tây); còn Nhật, chỉ nên nhờ về mặt ngoại giao mà thôi, vì việc nhờ quân Nhật có thể có điều bất lợi, là vì một khi họ đã vào, khó mà mời họ ra. Như thế là muốn cứu nước, mà làm mất nước thêm một lần nữa (Lương có con mắt nhìn xa đáng khâm phục). Cơ hội cứu quốc không lo mà chỉ lo không có nhân tài để nắm lấy cơ hội, nhất là ngày Đức Pháp đánh nhau, cơ hội ấy sẽ vô cùng thuận tiện". Ngoài ra Lương còn khuyến Phan "phải viết nhiều sách vạch trần tội ác của Pháp trước dư luận trong và ngoài nước, đồng thời đẩy mạnh phong trào xuất dương cầu học ..."



PHAN - BỘI - CHÂU

Rồi Phan nhờ Lương giới thiệu với các chính khách có nhiều thế lực nhất của Nhật hồi bấy giờ như Bá Tước Đại Ổi, Đảng trưởng đảng Tiến bộ, đã từng làm Thủ Tướng hai lần, Tử tước Khuyển Dưỡng Nghị, Tổng lý của đảng Tiến bộ và nhiều Tướng lãnh danh tiếng của Nhật... Các cuộc tiếp xúc đã diễn ra rất thân mật, nhưng kết qủa thâu lượm được không là bao, vì lúc nầy Nhật-Nga đang có chiến tranh, Nhật chưa muốn gây thêm phiền phức, vì chưa đủ sức và chỉ có thể giúp cách mạng VN đào tạo cán bộ các ngành, nhất là về quân sự để chờ cơ hội thuận tiện...

Họ còn hỏi chủ nghĩa của Quang Phục Hội, Cụ Phan trả lời là theo quân chủ và đã suy tôn một Hoàng thân chính thống làm Hội chủ . Các chính khách Nhật đồng ý và cho rằng vị Hoàng-thân đó nên có mặt tại Nhật để tiện việc giao dịch v.v... (theo khuyến cáo này, cộng thêm với sự ước đoán rằng sớm muộn rồi thế nào Pháp cũng biết các hoạt động của Quang-Phục Hội, thì việc rước Hội chủ ra ngoại quốc là việc nên làm - sẽ nói ở dưới đây).

Như vậy, Phan và phái đoàn chỉ đạt được có hai trong 3 công tác chính là gây tiếng vang ở nước ngoài và gởi thanh niên xuất dương cầu học, còn công tác cầu viện thì kể như bất thành.

---

(1) Tuy từ Quảng Nam, Quảng Ngãi trở vào đã giao cho Cụ Nguyễn Hàm phụ trách, nhưng cuối năm 1903, sau khi ở Bắc về, Kỳ ngoại Hầu Cường Để cũng khuyến cáo Phan nên vào Nam một lần cho biết - Vì dù Nam, Bắc cũng là một nhà - Phan vào Nam đi khắp các tỉnh. đến tháng 5. 1904 thì trở về Huế và tại đây Cụ phổ biến tập văn tuyên truyền đầu tiên "Lưu cầu huyết lệ tân thư" và đối tượng là quan lại đương thời...

Trong thời gian lưu lại Nhật, với sự giúp đỡ của Lương Khải Siêu, Phan viết và cho xuất bản tại Đông Kinh cuốn "Việt Nam Vong Quốc Sử," nói về cuộc chiến đấu giữa Việt Nam và Pháp thực dân. Quyển này còn được đăng tải trên tờ "Tân Dân Nhật Báo", cơ quan ngôn luận của Đảng lập hiến Trung Hoa.

KỲ NGOẠI HẦU CƯỜNG ĐỂ QUA NHẬT

Đến tháng 9/1905, Phan để Tăng Bạt Hổ ở lại Hoành Tân (để làm đầu cầu), rồi cùng Đặng Tử Kính vội vã mang theo 50 cuốn "Việt Nam Vong Quốc Sử" nói trên về VN, một là để báo cáo cho hội về kết qủa cuộc Đông Du đầu tiên, hai là chuẩn bị đem Kỳ Ngoại Hầu Cường Để và thanh niên xuất dương du học Nhật Bản.

Về đến Việt Nam, Phan liền họp cùng các đồng chí, để báo cáo hoạt động và trình bày các tài liệu, giấy tờ... và thủ bút của Lương Khải Siêu... Các đồng chí của Quang Phục Hội rất mừng và ra sức hoạt động để chuẩn bị cho Kỳ Ngoại Hầu và thanh niên qua Nhật.

Đến tháng 11/1905, Phan lại cùng Đặng Tử Kính sang Nhật, để chuẩn bị cho việc xuất ngoại của Kỳ Ngoại Hầu, sau khoảng một tháng ở trên đất Tàu (1). Tới Nhật, Phan liền đến thăm Lương Khải Siêu và cho Lương biết rằng vì tài chính eo hẹp nên chưa thể đưa nhiều thanh niên sang được...

Lương khuyến cáo Phan cứ kiên trì và tiếp tục cổ động... Do đó có bài "Quốc dân du học văn" ra đời. Lương lại giúp việc ấn hành... Trong thời gian này có 6 thanh niên Việt Nam đầu tiên đến đất Nhật, gồm có 2 người con cụ Cử Lương Văn Can là Lương Lập Nham (2) và Lương Nhị Khanh, Tú tài Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Diễn và hai người nữa không rõ tên. Vốn đã eo hẹp về tài chính, nay lại thêm mấy người nữa qua, mà tiền đã hết, nên họ phải sống quá chật vật...



NGUYỄN-THƯỢNG-HIỀN

Vài ngày sau, Khuyển - Dưỡng - Nghị mời cụ Phan đến nhà để giới thiệu Tôn Dật Tiên, nhà đại Cách mạng Trung Hoa Quốc Dân Đảng, mới từ Hoa Kỳ về tới Nhật...

Qua cuộc "bút đàm", Tôn ngỏ ý muốn cách mạng Việt-Nam đứng cạnh Quốc-dân đảng Trung Quốc và nói nếu người Trung-Hoa thành công thì sẽ giải phóng tất cả các nước Á-Châu đang bị Tây Phương thống trị... Cụ Phan nói rằng Cách mạng Trung-Hoa nên giúp Cách-mạng Việt-Nam trước, dùng Việt-Nam làm bàn đạp tấn công vào Hoa-lục... Bấy giờ hai bên chưa thỏa hiệp dứt khoát và Tôn tỏ vẻ không tán thành chủ-nghĩa quân-chủ, về phần Phan cũng cho rằng chế độ Cộng-Hòa hoàn mỹ hơn...

Cuộc gặp gỡ này trên phương diện cảm tình cá nhân thì thật là thắm thiết, nhưng cụ thể thì được coi là khiêm tốn - Vì về sau nầy, các vị kế tiếp của Tôn cũng chỉ giúp cách mạng ở Việt-Nam có chừng mực mà thôi ....

Đến khoảng giữa tháng 2/1906, Phan được tin Kỳ Ngoại Hầu đã xuất dương và sắp tới Hương Cảng, liền vội vã trở về Hương Cảng để đón...

Cuối tháng 3/1906, Cụ Phan Chu Trinh, một nhà cách mạng khác (3), cũng mới tới Hương Cảng và Phan cũng vừa từ Nhật sang, rồi cả 3 người xuống tàu đi Hoành Tân.

---

(1) Tưởng cũng cần nhấn mạnh là trong khi bôn ba xứ người, Nguyễn tướng quân đã mượn ả phù dung để quên sầu, thế mà khi nghe thấy chương trình cứu quốc của Phan, Nguyễn tướng quân liền ngồi phắt ngay dậy, đập tan chiếc bàn đèn và nói 'Bọn bầu thế các anh còn được như vậy, lũ mình lẽ nào sống thừa với cơm đen !' Rồi từ đó đến khi chết cụ hỏ luôn bút !-

(2) Tức Lương-Ngọc-Quyến.

(3) a/- Kỳ ngoại Hầu đến Hương Cảng thì gặp Phan Chu-Trinh hai người cùng đến nhà Lưu-Vĩnh-Phúc gặp cụ Tán-Thuật, Cụ Thuật hết sức vui mừng và nói Kỳ-ngoại Hầu cố sức vận động để đánh Tây.
b/- Sẽ nói đến ở mục " cuộc mâu thuẫn " ngay dưới đây.



PHAN-CHU-TRINH

Đến hạ tuần tháng 5/1906, các cụ đến Hoành Tân và ở ngay ngôi nhà đã mướn trước kia để làm "đầu cầu" -ngôi nhà này được Phan đặt tên là "Bính Ngọ Hiên" để kỷ niệm ngày Kỳ Ngoại Hầu đặt chân lên đất Phù Tang.

Ở lại Hoành Tân vài ngày thì Kỳ Ngoại Hầu lên Đông Kinh, để ra mắt các yếu nhân Nhật. Kỳ Ngoại Hầu được tiếp đón rất trọng thể, song vấn đề cầu viện thì vẫn được các yếu nhân Nhật trả lời tương tự như họ đã trả lời cụ Phan trong các cuộc gặp gỡ năm trước, nghĩa là mặc dù lúc này Nhật đã thắng Nga, nhưng vẫn chưa đủ mạnh để đối phó với các liệt cường Tây Phương, trong trường hợp Nhật nhảy vô Việt Nam...

Bấy giờ các nhà Cách Mạng Việt Nam mới nhận thấy "phải trông vào mình trước và trông vào người sau..." Do đó xảy ra cuộc chia rẽ dưới đây.

CUỘC MÂU THUẪN GIỬA PHE BẠO ĐỘNG VÀ CẢI LƯƠNG

Trong thời gian các nhà Cách Mạng ở nước ngoài, một mặt, ráo riết hoạt động và vận động với chính khách Nhật; mặt khác, vẫn ra sức ấn hành và gởi về nước nhà các tài liệu tuyên truyền có âm hưởng mạnh trong giới sĩ phu thời bấy giờ, là các bài "Hịch cáo quốc dân văn", "Phổ cáo lục tỉnh văn", "Hải ngoại huyết lệ thư" và "Đế tỉnh quốc dân ca"... Kết qủa là một số cơ quan được tổ chức dưới các hình thức khác nhau, nhưng mục đích vẫn là vận động quyên tiền và hướng dẫn học sinh xuất ngoại như: Ở Hanoi có "Đồng Lợi Tế"; ở Saigon có "Nam Đồng hương", "Nam Trung Khách Sạn"; ở Mỹ Tho có "Minh Tân Công Nghệ Xã"; ở Quảng Nam có "Thương Mại Hợp Tác Xã" v.v... (1)

Công việc đang tiến hành tốt đẹp thì xảy ra cuộc mâu thuẫn giữa hai khuynh hướng "bạo động" và "cải lương", khiến cho công việc bị trở ngại và chậm trễ một thời gian (2)

Khuynh hướng "bạo động" mà đại biểu là Phan Bội Châu, chủ trương dùng bạo động chống Pháp, trong khi khuynh hướng "cải lương", do Phan chu Trinh làm đại biểu, chủ trương "phải dựa vào Pháp để tiến bộ và làm Cách Mạng".

Chủ trương của khuynh hướng trước đã được ghi rõ ràng trong ngày thành lập Quang Phục Hội. Do đó "HỘI" chủ trương liên kết bất cứ phe nhóm hay cá nhân, đoàn thể nào có thể liên kết được, kể cả các văn thân, các dư đảng Cần Vương, các thổ hào, các thảo dã anh hùng, từ Nam ra Bắc, để sau này dùng hình thức bạo động chống Pháp.

Và sau khi thành lập, Hội đã liên lạc với Đề Thám và đã mật ước với nhau là khi nào Trung Kỳ khởi nghĩa, thì Đề Thám đem quân ứng viện, cũng như Yên Thế bị đánh, thì Trung kỳ nổi lên để làm giảm áp lực của thực dân nhắm vào nghĩa quân tại đây. Ngoài ra Đề Thám còn dành hẳn một cứ điểm gọi là đồn điền "Tú Nghệ" (gần Phồn Xương) để dung nạp và huấn luyện các Nghĩa sĩ từ các nơi đến... và phổ biến nhiều tài liệu của Quang Phục Hội (3)

Có người cho rằng khuynh hướng bạo động không đủ sức tập trung các lực lượng nhân dân "Vì Phan chỉ là một bộ phận phong kiến cổ thu

---

(1) Trong vòng có hai tháng đã lập được 72 "thương hội" ở các nơi.

(2) Từ năm 1905 đến năm 1908 có đến 200 người, phần nhiều ở Miền-Nam, được gởi đi du học... Những người này được nhập học các trường quân-sự hay văn-hóa như Trường Võ-Bị Chấn-Võ (học chung với học-sinh Tàu). Về sau có trường Đông-Á đồng văn hội thư-viện, dành riêng cho học sinh VN, do sự vận động của Đại-Tướng Phúc-Đảo... KỲ NGOẠI HẦU CƯỜNG ĐỂ học ở Trường Chấn-Võ.

(3) Xin xem đoạn chót của "cuộc vùng dậy Yên thế" ở trên.

hết tận lực của giai cấp, để mong sống chết với quân cướp một trận cuối cùng"....

Nhưng chúng tôi thì lại nghĩ khác, vì một người có tư tưởng "phá cũi sổ lồng" đã đọc J.J.Rousseau, Montesquieu, Spencer.v.v... và đã từng gay gắt lên án "Mãn Triều Trung quốc và Nguyễn Triều Việt - Nam chỉ là phường chó chết" như Phan lại là "một bộ phận phong kiến"?... Chúng ta có thể thấy kế hoạch 10 bước một từ từ của Phan và Quang Phục Hội, qua lập luận rằng "bởi Sỹ phu và nhân dân còn chịu nhiều ảnh hưởng của ý thức hệ phong kiến, nghĩ rằng việc kháng địch phải có "Vua" làm đầu trò mới gây nổi phong trào..." Cho nên việc dùng "Vua", hay nói cách khác việc dựa vào giới quan lại đương thời, chỉ là kế hoạch giai đoạn mà thôi - Vì người ta không thể một lúc chống cả hai kẻ thù, mà chỉ có thể xui Tần đánh Sở để rồi sau đó diệt luôn Tần..."

Còn khuynh hướng sau thì cho rằng chỉ dựa vào người không thể làm gì nên việc, mà chỉ có thể làm việc ngay ở trong nước với nhân dân trong nước, nhưng lại dựa vào Pháp mà tiến bộ, chống lại bạo động.

Người ta được biết rằng khi Phan Chu Trinh gặp Phan Bội Châu ở đất Tàu, Cụ Sào Nam có đưa cho cụ Tây Hồ (1) coi bài "Khuyến du học" thì cụ Tây Hồ khen là chỉ phải, nhưng khi xem đến chương trình của Quang Phục Hội, thì Cụ Tây Hồ im lặng và sau đó công kích kịch liệt chế độ quân chủ, vì cho rằng nó rất tai hại cho nhân dân...

Khi cả ba nhà cách mạng (Cường Để, Sào Nam, Tây Hồ) tới đất Nhật, Cụ Tây Hồ lại càng thất vọng hơn nữa vì kết qủa vận động tại đất Phù Tang, các chính khách chỉ hứa suông và hình như họ không muốn bị phiền nhiễu - Vì lúc này Nhật không muốn khuấy động thiên hạ, chưa thể đối phó với các liệt cường Tây Phương được..."Cho nên việc đưa vào người, không thể làm gì nên việc" (như ở trên vừa nói)...

Rời đất Nhật về nước được ít lâu, Tây Hồ đã công khai bày tỏ chánh kiến, cho rằng "Việc trông vào Nhật là một điều viển vông..." và Cụ chủ trương "Tân dân, đổ vua, ỷ Pháp cầu tiến bộ" nghĩa là muốn khai thông dân trí thì phải cải cách, muốn có dân quyền thì phải tuyên chiến với bọn Vua quan bù nhìn Nam-Triều và phải dựa vào Pháp mà tiến bộ !

Xuyên qua chủ-trương của Tây-Hồ, người ta không hiểu lập trường của Cụ là như thế nào ? "Dựa vào Pháp để tiến bộ...", "khai thông dân trí...", thì đây mới là điều "viển vông", vì Pháp đè đầu cưỡi cổ dân tộc ta mà lại muốn cho ta tiến bộ và mở mang dân trí ? Pháp muốn dùng bọn bù nhìn Nam-Triều để làm tay sai cho chúng, lại có thể dựa vào Pháp mà đánh đổ bọn nầy ? làm Cách-Mạng mà lại sợ bạo-động?

Như vậy rốt cuộc chủ trương của Tây-Hồ không đi đến đâu cả, nhưng nó đã phần nào gây ảnh hưởng cho kế hoạch của khuynh hướng bạo động nói trên, khiến cho giới nầy phải yêu cầu Tây-Hồ đình chỉ việc tuyên truyền, để có thể tiếp tục đẩy mạnh công việc vận động và gởi học sinh xuất ngoại.

Kết qủa kế hoạch của khuynh hướng bạo động lại tiến triển tốt đẹp...

PHÁP-NHẬT CẤU KẾT ĐỂ CHIA XẺ QUYỀN LỢI VÀ PHONG TRÀO ĐÔNG DU TAN RÃ

Kế hoạch vận động tài-chánh và gởi du-học sinh xuất ngoại đang tiến triển tốt đẹp, như u năm 1908, nhiều phụ huynh học sinh ở Nam-kỳ đã dẫn con em của mình qua Nhật học, khi trở về đã công khai quyên tiền gởi đi, bị mật thám Pháp phát hiện và bắt bớ lung tung... Lại thêm vụ chống thuế ở Trung kỳ và vụ đầu độc Sĩ-quan Pháp của binh lính Việt-Nam ở Hà-nội, khiến cho Pháp thẳng tay đàn áp phong trào, làm cho nhiều cơ-sở, tổ-chức du học sinh bị giải tán, đường giao thông ra ngoại quốc bị phong tỏa, nhiều người bất kể là phe phái nào, kẻ bị bắt người bị giết v.v...

Mặt khác, Pháp căn cứ vào Hiệp-ước đã ký năm 1907, nhường cho Nhật một số quyền lợi; để đáp lại, Nhật phải giải tán "Đông Á Đồng-Văn-Hội thư viện", cùng trục xuất hết các du học sinh Việt Nam về nước. Một số học sinh có quốc tịch Trung-Hoa được tiếp tục ở lại học, hay đi kiếm

(1) SAO-NAM là biệt hiệu của PHAN-BỘI-CHÂU, còn TÂY-HỒ là biệt hiệu của PHAN-CHU-TRINH.

việc làm sinh nhai v.v... Còn bao nhiêu bị Cảnh-sát Nhật bắt tập trung xuống tàu và tống xuất về nước. Tình cảnh thật là bi đát, nhiều người phải bán cả hành trang đi để trả tiền tàu . v. v ... (tháng 8 - 1908). Sang năm 1909 ngay cả Kỳ-Ngoại-Hầu và Phan-sào-Nam là người được mến mộ nhất, thế mà Nhật cũng "mời" cuốn gói khéo (1)...

Như vậy là niềm tin đặt nơi "Ông anh cả da vàng" đã tiêu tan ra mây khói ; ta đi Nhật vận động cách-mạng, nay Nhật được Pháp "chia ăn" cho, thì việc Nhật hy sinh "Ông em da vàng" là chuyện dĩ nhiên - Vì Nhật và Pháp đều là phường thực dân cả, nếu có lợi thì bọn chúng có từ nan một thủ đoạn nào ? Đây là một đòn chí tử giáng lên đầu những nhà Cách-mạng hy vọng qúa nhiều ở người, trong khi mình lại không tin nơi chính mình !

Tưởng cũng nên nhấn mạnh là Khuyển-dưỡng-Nghị, Đại-Ôi v.v... giúp đỡ cách mạng Việt-Nam là do nghĩa cử cá-nhân mà thôi, còn Chánh-phủ Nhật, một chánh phủ đang ngồi trên hàng ghế đế quốc cấu kết với liệt-cường Tây-Phương để "chia ăn", thì đâu vì một dân tộc bị trị như VN mà đến nỗi "mất ăn"... Hóa cho nên Phong trào Đông du tan rã nhanh chóng và Việt Nam Quang Phục Hội chỉ còn thoi thóp thở là phải (2)

(xin xem tiếp mục Việt Nam Quang phục hội tái sinh ở dưới).

BÀI THƠ VẬN ĐỘNG BINH LÍNH VIỆT-NAM TRONG QUÂN ĐỘI PHÁP

(Trong tập Việt Nam vong quốc sử của Phan-Bội-Châu).

Các chú tập binh,
Các chú tập binh !
Chú ở An-nam sinh,
Chú ở An-nam trưởng
Chú sung chú sướng ,
Chú phởn chú phê.
Chú mãn khóa về,
Sưu thuế chú chết !
Họ hàng chú la, lết,
Thân thích chú xác xơ.
Chú nghĩ lại biết chưa ?
Tây thương yêu chi chú,
Tây công ân chi chú.
Chú con một họ,
Chú của một nhà,
Yếm bà lại buộc cổ bà.
Lạy lạy chú,
Trăm lạy nghìn lạy muôn lạy chú.



2.— Đông-Kinh Nghĩa-thục.

Trong khi phong trào gởi du học sinh xuất ngoại đang tiến triển mạnh (1905 - 1908), thì vào tháng 3-1907 tại phố Hàng-Đào Hanoi, một số sĩ phu như các cụ Lương văn Can, Dương-Bá-Trạc, Phan-Tuấn-Phong, Đặng-Kinh-Luân, Phan-Huy Thịnh, Nguyễn-Hữu-Cầu, Hoàng-Tăng-Bí, Đào-Nguyên-Phổ, Nguyễn-Quyền .v.v... họp bàn và tổ chức ra Đông-Kinh Nghĩa-Thục.

Đông Kinh Nghĩa-Thục là một trường học hợp pháp, dạy không lấy tiền và theo lời tuyên bố của những người sáng lập thì tôn chỉ của nó là "làm cách mạng văn hóa" tương tự như Khánh Ứng Nghĩa-Thục của Phúc-Trạch ở Nhật, do cụ Lương-Văn-Can sáng lập,cụ Nguyễn-Quyền tức Huấn-Quyền làm giám học, các cụ khác làm cổ động viên, tán trợ hội viên .v.v... kẻ vận động người giúp của, người khác giúp công, để xây dựng trường và đẩy mạnh hoạt động...

Theo tổ chức thì trường có 4 Ban :
1. Ban Giáo-Dục : Phụ trách mở các lớp dạy học. Giáo-Sư (trong số có 2 nữ) là một số

---

(1) Hai cụ rời Nhật trở lại Tàu, nhưng khoảng tháng 10/ 1910 chánh phủ Mãn-Thanh đang khủng bố Cách-Mạng Trung-Hoa, nên Kỳ-ngoại-Hầu, Phan-sào-Nam cùng một số anh em phải sang Xiêm — Vì không còn một xu nhỏ nên tất cả đã phải làm ruộng v.v... kiếm kế sinh nhai...(xin nhắc rõ lần thứ nhất vào tháng 11/ 1908 Kỳ-ngoại-Hầu có sang Xiêm một lần để tham quan, khác với lần này).

(2) Bài học chua cay này tưởng đáng ghi nhớ lắm, thế mà trong đệ nhị thế chiến, một số nhà Cách-Mạng VN lại lao đầu chạy theo chiêu bài Đại-Đông-Á thì lạ thật !... Cho đến vụ Trần - Trung-Lập ở Lạng-Sơn năm 1940 và vụ giữ lại Nam-kỳ sau ngày 9/3/1945, thì bộ mặt thực dân của Nhật mới bị đánh rơi bản...



NGUYỄN - QUYỀN

sỹ-phu dạy giúp không lấy thù lao hoặc chỉ lấy tượng trưng mà thôi. Các lớp học thì chia ra làm 8, có lớp học ngày, có lớp học tối, và có đủ cả nam lẫn nữ, người lớn, trẻ em cùng nhau học. Ngoài các lớp học, trường cũng còn có một ký-túc-xá cho các học sinh ở xa tạm trú (cở độ vài chục người). Trường mới mở ra đã có trên 1.000 học viên nhập học. Về chương trình học dĩ nhiên là khác trước, nó "ly dị" với cái học từ-chương khoa cử, bước sang tân học theo kiểu Tây-phương, gồm các môn địa lý, cách-trí, vệ-sinh, toán-pháp... Ngoài chương-trình này, còn có một chương-trình đặc biệt dành riêng cho những tráng niên (đã học chữ nho) học tiếng Pháp, hay ngược lại, những người đã biết tiếng Pháp học chữ nho...

2. Ban trước tác : Phụ trách biên soạn tài liệu giảng huấn như các sách : Việt-Nam Quốc-Sử-Lược, Nam Quốc vĩ-nhân, Nam-quốc Địa-dư, Văn-minh tân học sách v.v... để cung cấp cho các Giáo-Sư và học viên. Các sách này có quyển thì in bằng bản gỗ, có quyển thì in bằng bản kẽm, có bản thì do ban trước tác biên soạn, có bản thì dịch từ sách Pháp hay sách Tàu sang chữ quốc-ngữ v.v...

3. Ban tài chánh ; Phụ trách về tài chánh cho trường... Nguồn lợi một phần do các phụ huynh học sinh tự động đóng góp mỗi tháng năm ba đồng, một phần khác do các vị hảo tâm ủng-hộ (chính phần sau này mới là quan trọng). Do đó vấn đề tài-chánh, trường không gặp mấy trở ngại.

4. Ban cổ-động : Ngoài các lớp học ngay tại chổ, nhà trường còn tổ chức các "lớp học lưu động", dưới hình thức các buổi diễn-thuyết (1), thường xuyên vào các ngày tuần tiết (mồng một và rằm tháng ta), tại các tỉnh lẻ như Hà-Đông, Bắc-Ninh, Sơn-Tây, Nam-Định, Hưng-Yên, Hải-Dương v.v... nhằm giáo dục dân chúng bài trừ hủ tục, cắt tóc ngắn, để răng trắng, mặc áo ngắn, sống theo lối mới, cổ động lòng yêu thương lẫn nhau, và tình yêu đất nước quê hương ... do những người có tài diễn thuyết và bình văn đảm nhiệm. Để hỗ trợ cho các "lớp học lưu-động"... trường cho ấn-hành tờ "Đăng cổ Tùng báo" và "Đại-Việt Tân-Báo"... Ta cứ xem việc các vùng phụ cận Hanoi và những tỉnh có các sỹ phu giác ngộ, đã tự động đứng ra xin lập chi nhánh của Đông-Kinh Nghĩa-Thục tại nơi họ cư ngụ, thì đủ hiểu sự hưởng ứng phong trào của đồng bào là như thế nào rồi !

Ngoài ra nhà trường còn có sáng kiến lập một thùng thơ ý kiến ở trước cổng, để thâu-thập mọi ý kiến và nguyện vọng của mọi giới đồng bào... Nhờ vậy mà công việc giáo-huấn, tuyên truyền v.v... của nhà trường ngày một cải tiến...

Xuyên qua tôn chỉ và hoạt-động của Đông-Kinh Nghĩa-Thục, ta có thể kết luận đây qủa là một cuộc cách-mạng văn hóa như lời tuyên bố của các sáng lập viên (tất nhiên các hoạt-động này mới chỉ là phần mở đầu cho nhiều tiết mục khác, mà chắc chắn các nhà lãnh đạo phong trào đã vạch ra, nhưng chưa thể mở rộng đó mà thôi - không lẽ một cuộc cách-mạng lại chỉ có thế?). Vì trong lúc thực dân Pháp có ý kìm hãm dân ta trong vòng ngu tối (những trò chúng bày ra chỉ có tính cách trình diễn), còn tay sai Nam Triều vẫn duy trì lối học từ chương khoa cử, một số người bảo thủ (chữ nho) ra sức bài xích "lối chữ ngoằn ngoèo như con dun" (chữ quốc ngữ), thì việc giảng dạy theo kiểu Tây-Phương và gồm các môn phổ thông như địa-lý, cách-trí, vệ sinh, toán-pháp... rõ ràng là một cuộc đấu tranh tư tưởng quyết liệt giữa các sĩ-phu ái-quốc một bên, còn bên kia là thực dân Pháp, Nam-Triều và một số người bảo-thủ, nếu không gọi là một cuộc "Cách-Mạng" thì là gì ?

Trong buổi đầu, Pháp thấy hoạt-động của Đông-Kinh Nghĩa-Thục có xu hướng cải lương

(1) Buổi diễn thuyết đầu tiên được tổ chức tại làng Phương-Canh thuộc Phủ Hoài Đức...

nên cũng chưa e ngại lắm. Tuy vậy, chúng cũng "tiêm trùng" vào trong để dò thám... Sau Pháp thấy Đông-Kinh Nghĩa-Thục đã trở thành một phong trào ái quốc và cách mạng, bắt đầu có ảnh hưởng mạnh ; mặt khác lại xảy ra nhiều vụ như Hà-Thành đầu độc (27-6-1908), vụ chống thuế của nhân dân Trung-Kỳ, nên đã khẳng định trong một phiên họp Hội-đồng Quân-sự vào khoảng tháng 11/1907, rằng Đông-Kinh Nghĩa-Thục là một lò phiến loạn ở Bắc-Kỳ, nên ra sức đàn áp... Trước hết chúng giải tán Đông-Kinh Nghĩa-Thục, đóng cửa "Đăng cổ Tùng báo", cấm diễn thuyết, bắt các giáo viên của Đông-Kinh Nghĩa-Thục và ban tổ-chức đem đi tù đày hay giết chóc (1) v.v... Các tài liệu của Đông-Kinh Nghĩa-Thục cũng bị cấm lưu hành và tàng trữ.

Như vậy phong trào Đông-Kinh Nghĩa-Thục mới hình thành được có khoảng 9 tháng đã bị bóp chết. Tuy nhiên âm hưởng của nó còn tiềm tàng rất nhiều trong dân chúng và có thể nói là mầm mống cho các cuộc cách mạng sau này...



3.– Các vụ chống nộp thuế và đi phu ở Trung-Kỳ.

Từ năm 1897, tức là sau khi thực dân Pháp đã đặt xong ách thống trị tại khắp VN (?), chúng bắt tay vào việc bóc lột công của, của nhân dân Việt-Nam... Đối với người dân Việt lúc bấy giờ hai cái tai họa kinh tởm nhất là đóng thuế và đi phu...

Vốn đã khốn đốn, nay lại phải đóng các thứ thuế, đặc biệt là thứ thuế quái đản nhất thế giới là "thuế thân" (l' Impôt personnel). Đời sống của người dân Việt Nam lúc bấy giờ rõ ràng là đời sống của hạng người nô lệ (kiểu mới) ... Khiến có lắm kẻ phải "bán vợ đợ con", bỏ làng ra đi (một cực hình đối với người dân nước ta)... Vì không còn gì để bán mà đóng thuế. Chưa phải là hết, nhiều khi người chồng đã bỏ trốn, bọn thống trị còn bắt vợ con họ để làm "săng ta" (chantage), thậm chí có khi còn "chôn chân" (đào 1 cái lỗ chôn một chân xuống) vợ con họ để moi thuế...

Riêng về vấn đề đi phu (ở Miền Nam gọi là đi "xâu") thì mọi người phải đi tới 15, 16 lần một năm , để làm chỗ nghỉ mát hay "quan cư" cho bọn thực dân ở núi cao hay bãi biển, đào sông (để cho tàu của chúng dễ dàng qua lại), đắp đường (để cho chúng khai thác mỏ...)... Tất cả những công việc như thế thường kéo dài hết ngày này qua tháng khác, khiến nhiều người phải bỏ cả công ăn việc làm, ruộng vườn bỏ hoang, vợ con nheo nhóc, lại phải mang tiền lưng gạo bị ... đi làm không công cho chúng. Ấy là chưa kể bọn phủ, huyện, cường hào ăn hối lộ, tha kẻ này

(1) *Các cụ Dương Bá Trạc, Lê Đại, Lương Văn Can, Nguyễn-Hàm, Trần Quý-Cáp vv....*



Parceval (đổ tàu vào chở than ở Vịnh Bắc Kỳ).

bắt người nọ đi làm và bọn cai đội đánh, chửi khi làm việc.

Tất cả thảm họa của xã-hội VNtrong giai đoạn nầy được phản ảnh qua các câu ca dưới đây :

Bên sông Hàn thân nước xanh như tàu lá,
Ngó qua đất Hàn, phố xá nghênh ngang,
Từ ngày Tây lại cửa Hàn
Đào sông Cù-Nhi (1) đắp đàng Bông Miêu(2)
....
Đời ông cho đến đời cha,
Đời nào cực khổ như ta đời nầy,
Ngoài đồng cắm cọc giăng giây,
Vườn nhà đóng thuế vợ gầy con khô...
Đời xưa thuế một quan năm
Đời nay thuế lại hai đồng bốn giác.
Con tay bồng, tay dắt.
Vợ tay đỡ tay nâng.
Vui chi mà hát mà mừng
Mua ngày mà ở cầm chừng với Tây
.... Từ ngày Tây chiếm Đế-Đô,

Xâu cao thuế nặng biết chừng mô - hỡi trời!
Còn lo một nỗi khổ đời
Quan trên ý thế nhiều lời hiếp dân...



TỪ CUỘC VẬN ĐỘNG DUY TÂN ĐẾN VIỆC CHỐNG NỘP THUẾ ĐI PHU

Như đã biết, chính các cuộc vận động Duy-Tân đã gieo rắc các mầm móng cách-mạng về sau (1). Việc chống nộp thuế đi phu cũng nằm trong ảnh hưởng của cuộc vận động đó...

TẠI QUẢNG NAM

Ngày 11/3/1908, khoảng 800 người thuộc Huyện Đại-Lộc đã kéo đến Tòa sứ(Résidence) để yêu cầu xét lại việc bắt phu và giảm thuế...

Công-sứ Hội-An là Charles hứa sẽ xét việc bắt phu không công bằng của viên Tri-huyện Đại-Lộc và sẽ không tăng thuế nữa, đồng thời yêu cầu dân chúng giải tán, nhưng lại bắt mấy người hướng dẫn... Cho rằng lời hứa của Charles không gì cụ thể cả, mặt khác phải tranh đấu để cho bọn thực dân thả mấy người bị bắt, nên dân chúng không những không chịu rút lui mà còn đi vận động đông đảo dân chúng ở các vùng khác luân phiên tham gia biểu tình.

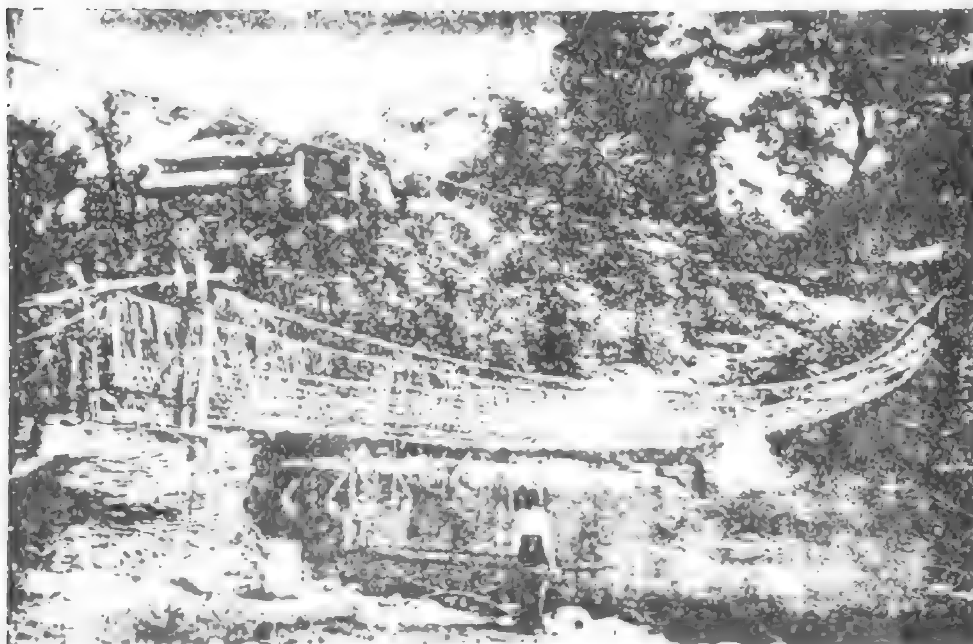
---

(1) Để Pháp chở than từ Nông-Sơn ra Đà-Nẵng.

(2) Để Pháp khai thác mỏ vàng Bông-Miêu.

(1) a/- Xin xem Quang-Phục-Hội và Phong trào Đông-Du ở trên.

b/- Ảnh hưởng trông thấy của nó là dân chúng VN đã lột xác qua việc cắt tóc ngắn, mặc áo ngắn đồng loạt.



Một chiếc cầu mây ở Thượng-Du Bắc-Việt.



Sông Hồng-Hà khi nước xuống (năm 1931).

Ngày 13/3/1908, dân chúng lại kéo đến đông gấp bội (khoảng 7, 8 nghìn), với khí thế hung hăng, gần như muốn xông vào chiếm các công sở. Thực dân Pháp liền ra lệnh cho bọn hương binh dùng roi mây đánh đập rất dã man để giải tán. Nhưng chỉ được một chốc rồi đâu lại vào đó... Và lần sau này khí thế của đoàn biểu tình hung hăng hơn, khiến chúng phải huy động bọn khố xanh đàn áp thẳng tay mới giải tán được...

Tuy thực dân Pháp dập tắt được đám biểu tình ở chỗ này, nhưng nó lại mọc ra rất nhiều ở nơi khác trong tỉnh...

Ngày 20/3/1908, một đoàn biểu tình kéo đến và đột nhập nhà tên Tổng Đốc tay sai của thực dân là Hồ Đắc Trung, buộc Trung phải can thiệp với Công-Sứ Pháp về những yêu sách bắt phu cho công bằng và giảm thuế... Hồ Đắc Trung cực chẳng đã phải ra trước đám đông. Dân chúng "chất vấn" Trung rằng "Trung làm quan mà chẳng giúp gì cho dân được", v.v... Cuộc "đấu khẩu" kéo dài, Trung bị đuối lý và rốt cuộc phải trốn...

Ngày 22/3/1908, một đoàn biểu tình khác lại kéo đến phủ lỵ Điện Bàn, bắt tên Tri-phủ Trần-Văn-Thống bỏ lên xe, kéo về tỉnh trả cho Công-Sứ Pháp... Được tin, tên Tổng-Đốc Quảng Nam liền cho một toán hương binh đến giải cứu Thống...

Đoàn biểu tình "áp giải" Thống đến một khoảng đường nhỏ hẹp, một bên là con sông, một bên là những hàng rào và một dẫy lò gạch, thì gặp bọn hương binh nói trên. Hai bên dồn ép nhau khiến một số người bị rơi xuống sông làm cho 3 người bị chết đuối luôn...

Ngày hôm sau 23/3/1908, đoàn biểu tình đã đồng loạt cắt tóc ngắn, để tang, làm lễ truy điệu 3 người chết nói trên, và thề sẽ trả thù cho những người đã khuất...

Ngày 26/3/1908, một đoàn biểu tình khác nữa lại kéo đến Phủ Lỵ Thăng-Bình để đưa yêu sách tương tự như ở Hội-An, Điện-Bàn v.v...

Ngày 30/3/1908, một đoàn biểu tình nữa lại kéo đến vây Phủ Tam-Kỳ trong 2 ngày liền để hỏi tội tên Đề Sự, một tay sai khét tiếng gian ác của Pháp trong việc đắp đường... Kết quả Đề Sự, vì sợ quá nên bị chết giấc...

Trong đêm 6 rạng ngày 7/4/1908, dân chúng Duy-Xuyên kéo đến nhà tên chánh tổng Trần Quát, một tay sai đắc lực của Pháp, bắt được tên này, sau khi hỏi tội, đã đốt râu của nó và nhận chết chìm luôn.

Ngoài ra trong khoảng thời gian trên, nhiều tên tay sai ác ôn khác của giặc cũng bị dân chúng lần lượt thanh-toán, hoặc răn dạy trước khi thả chúng về...

Để đối phó với tình hình hỗn loạn này, thực dân Pháp cho thành lập nhiều toán quân lưu-động dưới quyền chỉ-huy của Giám-Binh Gauthier, có

Lãnh-Binh Bignon phụ-tá và các Lãnh-binh Jacques, Ferez và Salvant chỉ huy, tung ra các cuộc đàn áp khắp nơi trong tỉnh... Kết quả mãi đến ngày 12/4/1908, sau khi Pháp bắt những người tham dự vào việc thanh toán tên Chánh Tổng Quát, trật tự mới được tạm thời vãn hồi tại Quảng-Nam, nhưng nó lại lan trần sang các tỉnh khác...

TẠI QUẢNG NGÃI

Cuộc bạo động ở Quảng-Ngãi xảy ra vào cuối tháng 3/1908, nhưng ở đây có một nét đặc biệt là mở đầu,dân chúng dùng áp lực buộc các chức dịch làng xã đại diện đi đấu tranh trước... rồi nhân dân mới tiến sau...

Ngày 28/3/1908 vào hồi 17 giờ, 25 Lý-Trưởng hay Phó Lý thuộc Tổng Bình-Hoà (Phủ Bình-Sơn) kéo đến Toà Sứ để yêu cầu giảm thuế.

Ngày 31/3/1908, trên 1500 người được tổ chức và hướng dẫn kéo đến bao vây thành Quảng Ngãi. Ngày hôm sau con số trên gia tăng hơn nữa. Họ thay phiên nhau vây thành...

Ngày 12/4/1908, thực dân Pháp đem lính đến đàn áp bắt những người cầm đầu là Bố Khiết và Ấm Loan...

Ngày 13/4/1908 chúng tung ra nhiều toán quân nhỏ khắp tỉnh để xem xét tình hình.

Ngày 15/4/1908, Lãnh binh Legot cùng với các Lãnh binh Pagani và Labrosse chỉ-huy bọn khố xanh đã đẩy lui đoàn người biểu tình (đã gia tăng gấp bội) ra khỏi bờ thành.

Ngày 17/4/1908, cũng 3 tên thực dân nói trên đã đàn áp hàng ngàn người nhúng tay vào vụ phá nhà tên phản quốc Nguyễn Thân, bắt hai tên đội lính dõng, tên Lý Trưởng và nhiều tay chân của tên Thân-trong khi bọn này được lệnh của thực dân đến bảo vệ Thân. Cả ngàn người bị bắt, bị thực dân cùm, trói và bỏ ngoài nắng... Các người biểu tình khác tiếp tục bị truy nã...

Có thể nói ngày 17/4 nói trên là ngày quá nhọc nhằn đối với bọn thực dân và tay sai. Vì đã có lúc đoàn người biểu tình vây chặt một toán lính,khiến chúng phải qúa chật vật mới thoát thân được...

Tình hình cực kỳ rối loạn, thực dân phải kêu viện quân ở Bắc Kỳ vào tăng cường ... Ngày 22/4/1908 Đại-đội Delclos thuộc Trung-đoàn 1 Khố đỏ Bắc Kỳ tới Quảng - Ngãi, tăng cường việc bảo vệ thành Quảng-Ngãi.

Viện quân tới, bọn khố xanh Quảng-Ngãi mới trở thành khiên dũng và được bọn thực dân tung ra đàn áp khắp nơi trong tỉnh... Tình hình tạm thời ổn định...

Tưởng cũng cần nhấn mạnh là trong lúc các cuộc biểu tình xảy ra ở các phủ ly và tỉnh ly, thì dân chúng còn lại đã cùng nhau kéo đến nhà các tên tay sai của giặc, để trừng trị chúng và trong nhiều trường hợp bị đàn áp, dân chúng đã đe dọa bọn khố xanh và các tên tay sai khác của thực -dân Pháp rằng nếu bọn chúng không ngừng tay, thì dân chúng sẽ bắt bố mẹ ở quê nhà để trị tội !...

TẠI BÌNH ĐỊNH

Ngày 6/4/1908, một đoàn biểu tình từ Quảng Ngãi vượt ranh giới hai tỉnh Ngãi-Định, để đến Bồng-Sơn mặc dầu thực dân đã cử Lãnh-Binh Coutelle và 60 khố xanh đến chận lại...

Đến Bồng-Sơn, đoàn biểu tình đã vào Phủ ly bắt tên quan Phủ, giải thích cho hắn về chủ trương và đường lối của phong trào Cách-mạng, rồi cắt tóc hắn, cột vào trong một cái lưới bắt đi, mãi ba bốn ngày sau mới thả...

Bọn quan lại ở những phủ huyện khác trong tỉnh đều trốn về tỉnh cả , chỉ còn bọn thông lại ở lại, khi đoàn biểu tình kéo đến thì bọn sau này chịu trận và bị cắt tóc ngắn hết.

Ngày 16/4/1908, đoàn biểu tình kéo đến trước thành Bình-Định... Hai hôm sau (18/4/1908), con số người biểu tình đã lên tới 10.000 người. Bị khích động, đoàn biểu tình đi tìm thang để xông vào thành... Giám-binh Sauvalle cùng với 50 khố xanh và 4 lính Âu-Châu, từ Qui-Nhơn được gởi đến cứu viện... Sauvalle thẳng tay đàn áp đoàn biểu tình, đã đẩy lui họ ra khỏi xa thành và các con đường chính dẫn đến thành... Tuy vậy đoàn biểu tình vẫn không chịu giải tán hẳn. Đồng bào ở các vùng phụ cận đã tiếp tế lương thực và nước uống cho những

người biểu tình. Không khí thật là căng thẳng, bọn thực dân Pháp ở trong thành hết sức run sợ, tay sai của chúng ở ngoài bấy lâu đã tích cực bắt phu thu thuế, đều bị ruồng bắt... thì may thay cho chúng, một trận bão kéo dài từ 15 giờ đến 22 giờ ngày 18/4/1908, làm tê liệt bớt hùng khí của đoàn biểu tình...

Thấy tình hình nguy khốn, bọn Pháp phải gởi 2 đại đội thuộc Trung-đoàn 9 Bộ-binh thuộc địa, đổ bộ lên Qui-Nhơn. Đến 22 giờ, 150 quân sỹ dưới quyền chỉ huy của Thiếu Tá Grimaud và Đại-Úy Didio đã lần lội trong sương gió để tiến đến Bình-Định...

Ngày 20/4/1908, đoàn biểu tình lại tăng gia gấp bội và tràn ngập tỉnh...

Cho đến ngày 28/5/1908, tình hình vẫn nguy hiểm, Pháp lại gởi thêm quân cứu viện, gồm khố xanh và khố đỏ, trong số có 2 Trung-đội thuộc Đại đội Quảng-Ngãi, một được gấp rút đưa đến Bồng-Sơn và một đến Bình-Định. Nhiều cuộc xô sát đã diễn ra giữa đám biểu tình và quân Pháp. Nhiều người bị bắn chết, bị thương và bị bắt... Bị đàn áp ở tỉnh ly, đoàn biểu tình, lên tới 2000 người, lại tỏa ra các vùng phụ cận truy lùng bọn bấy lâu làm tay sai cho Pháp trong vấn đề thâu thuế và bắt phu, đánh đập, tố cáo tội ác và bắt đi một số... Lãnh binh Coutelle liền chỉ huy bọn khố xanh, có khố đỏ tăng cường, mở cuộc hành quân đàn áp đám biểu tình, như là một cuộc hành quân quân sự thật vậy, làm cho nhiều người chết và bị thương hơn nữa, mới dập tắt được phong trào...

TẠI PHÚ YÊN (SÔNG CẦU)

Mặc dầu đã bị tay sai của thực dân Pháp ngăn chặn, phong trào chống bắt phu và thâu thuế cũng lan tràn sang các làng ở phía bắc Sông Cầu, ở giữa bể và núi.

Từ ngày 24/4 đến ngày 4/5/1908, một toán khố xanh, được một số dân phản động trợ lực, đã làm nút chặn ở Phước Lãnh không cho đoàn biểu tình từ Bình-Định tràn qua. Nhưng đoàn biểu tình đã đi vòng qua núi và đến Lá Hai vào ngày 5/5/1903.

Ngày 11/5/1908, 200 người định chiếm thành Tuy-an, lúc bấy giờ là một phủ ly. Bị khích động và uống rượu say , một số người xông vào cướp súng của Giám-Binh Fourré, nhưng bị đẩy lui...

Cùng ngày trên, 2000 người tụ tập ở Tuy-Hòa (tỉnh ly Phú-Yên) bị Lãnh-binh Legot mang quân đàn áp 2 ngày sau đó (13/5) tại trạm Phú Tân, làm cho nhiều người chết và bị thương..

Ngày 14-5-1908, đoàn biểu tình lại kéo đến Tỉnh ly, nơi có 1 Trung-đội khố đỏ thuộc Trung-đoàn 4 Bắc Kỳ bảo-vệ, bị bọn này chặn đứng. Rồi ngày hôm sau, bọn khố đỏ vừa nói và bọn khố xanh của Giám-binh Renard săn đuổi lên phía bên kia Tuy-An...

Tưởng cũng nên nói thêm là ngay từ cuối tháng 4 sang đầu tháng 5/1908, một số người tiên phong ở Bình định đã bắt đầu xâm nhập Phú-Yên, để cùng một số người ở đây (Phú-Yên) tiến vào Saigon...(nhưng bất thành).

TẠI THỪA THIÊN

Cuộc vận động chống thuế và bắt phu ở Quảng-Nam đã khích động dân chúng Thừa-Thiên cũng như những tỉnh khác...

Trong những ngày đầu tháng 4/1908, Pháp đã biết nhiều làng ở vùng phụ cận Huế, đã sửa soạn một cuộc biểu tình tại Huế, để chống thuế và bắt phu.

Ngày 9/4/1908, công sứ Pháp ở Huế cho một tên quan tay sai đến Công Lương, để dụ dỗ dân chúng, ai ở nhà nấy, không nên tham gia các cuộc bạo động. Lập tức tên này bị dân làng bắt, tước khí giới của bọn tùy tùng và trói gô chúng lại. Ngày hôm sau tên này được thả, nhưng bị giải về Huế... (xem ngày 13/4 ở dưới).

Trong đêm 10 rạng ngày 11-4-1908, nhiều người tụ tập ở An-Hòa, An-Cựu và các làng khác rồi chia từng toán nhỏ đột nhập thành phố và sáng ngày 11-4 đã tụ tập trước Tòa Khâm, rồi đến dinh của bọn quan Việt Nam tay sai của Pháp, để yêu cầu giảm thuế và chống bắt phu... Thực dân Pháp huy động bọn Khố xanh, hiến binh đàn áp và lùa đoàn người biểu tình ra khỏi thành phố Huế...

Khu vực Bình-Đông (Chợ-Lớn) năm 1931.

Ngày 12-4-1908, con số người tham gia biểu tình lại gia tăng gấp bội và hung hãn hơn trước nhiều, nhưng cũng bị đàn áp mãnh liệt, họ lại tỏa ra các làng phụ cận thị-xã để hoạt-động.

Ngày 13-4-1908, tên quan tay sai của Pháp bị bắt ngày 9-4-1908 nói trên, bị đoàn biểu tình "áp giải" về Huế và trong khi bắt đầu vào thành phố thì đụng độ ngay với một số lớn khố xanh, khố đỏ ... đang trên đường đi Công Lương để giải cứu ... Đoàn biểu tình bị lính Pháp dùng súng bắn sả vào làm nhiều người chết và bị thương mới giải tan được.

Cùng ngày (13-4-1908) vào hồi 18 giờ, khoảng bốn chục người tràn vào toàn chiếm đồn Cảnh-sát ở chợ Đông-Ba, bị bọn Cảnh-sát, có 1 Trung-đội khố đỏ trợ lực, xử dụng võ khí đàn áp rất dã man, bắn chết nhiều người và làm bị thương một số người khác, đoàn biểu tình mới chịu rút lui và từ đó mới ổn định được tình thế...

TẠI HÀ TĨNH

Ảnh hưởng của các phong trào chống thuế và bắt phu đến Hà-Tĩnh hơi muộn ...

Ngày 21-5-1908, khoảng 100 người thuộc Tổng Mỹ-Đức và các làng phụ cận tỉnh lỵ kéo đến tòa sứ nằm vạ và kêu la thảm thiết ... bị bọn khố xanh giải tán.

Hai ngày sau, 23-5-1908, một đoàn biểu tình khác đến yêu cầu tên quan huyện Can-Lộc hãy tán thành việc chống bắt phu và giảm thuế của họ, đồng thời mời tên này theo họ về tỉnh lỵ để trình bày yêu sách lên Công Sứ Pháp ... Tên quan huyện phải bỏ trốn. Pháp phải cử Lãnh binh Gaillard mang lính khố xanh đến đẩy lui đoàn biểu tình ra khỏi huyện đường ...

Đến đây, sau vụ biểu tình ngày 23-5, bị đàn áp, kể như phong trào chống thuế bắt phu đã chấm dứt. Nhưng một toán khoảng 100 Nghĩa quân võ trang súng trường do ông Ấm Vệ, Tú Ngôn và Đội Quyên chỉ huy, đã hình thành và hoạt động khắp nơi trong tỉnh, đã có một vài lần sang hoạt động cả ở bên Nghệ-An, bị Giám binh Arnoux truy lùng và đánh tan. Đến tháng 8/1908, toán Nghĩa quân này lại tái hiện nhưng bị bọn khố xanh và hương binh tiêu diệt

Trong những ngày đầu tháng 12-1908, hai toán Nghĩa quân khác do ông Đội Phan, một hạ-sĩ quan của Pháp chạy sang hàng ngũ Nghĩa quân, chỉ huy và một do cựu phụ tá của ông Đề Đạt là Lãnh Trinh chỉ huy hoạt động. Sau nhiều lần chạm súng với bọn khố xanh, hai toán Nghĩa-quân này bị tiêu hao dần dần và sau đó tan rã luôn.

TẠI NGHỆ AN

Cuộc tranh đấu chưa bùng nổ, còn đang thời kỳ chuẩn bị, thì đã bị dập tắt ... Nhiều thân

sĩ đã hội họp và cho tung ra nhiều bích chương dán khắp nơi thị tứ, ngay cả các cơ-quan của thực dân và tay sai nữa ... Ngoài ra, nhiều sách bỏ túi nói về thành tích tranh đấu chống phu và giảm thuế của đồng bào Quảng-Nam, đã được phổ biến lan tràn ...

Công cuộc chuẩn bị đã xong và sửa soạn bước sang giai đoạn hành động thì thực dân Pháp đã đột kích vào nhà của vị lãnh tụ là cụ Cử Châu-Đình-Trác ở làng Trường Thanh, huyện Yên-Thanh, bắt cụ và tất cả các đồng chí của cụ ...

Trong số những người bị bắt có hai người Bắc-kỳ, đã chạy tội bằng cách viện dẫn đủ lý do (mà Pháp cho là không ổn) khiến họ có mặt ở nhà cụ Cử. Trái lại, về phần cụ Cử thì con dấu "Bắc-Kỳ Nguyên Soái" mà Cụ Đề Thám, lãnh tụ của cuộc vùng dậy Yên-Thế trao cho, khiến thực dân Pháp không còn nghi ngờ gì về vai trò của cụ trong việc chống chúng... nên cụ bị bắt đi đày.

Như vậy tình hình Nghệ-An tương đối ít rắc rối (vì bị dập tắt ngay từ đầu) và Pháp chưa phải huy động quân sỹ đàn áp như tại các tỉnh khác.



TỔNG KẾT CÁC VỤ CHỐNG BẮT PHU, GIẢM THUẾ VÀ CÁC VỤ ĐÀN ÁP CỦA THỰC DÂN PHÁP

VỀ PHÍA PHÁP

Khi xẩy ra các vụ rối loạn ở Trung-Kỳ, do việc chống bắt phu và giảm thuế gây ra, lực lượng Pháp chỉ có Tiểu-đoàn 3 thuộc Trung-Đoàn 9 Bộ-Binh thuộc địa, với 3 Đại-đội ở Huế và một ở Đà-Nẵng. Ngoài ra còn có 1 pháo đội thuộc Trung-đoàn 4 pháo binh ở Đà-Nẵng.

Mới đầu, Khâm-sứ Levêque nghĩ rằng chỉ cần lấy bớt một số khố xanh ở các tỉnh mà tình hình không nặng lắm, hay tại Huế, để tăng cường cho các tỉnh bị áp lực nặng nề. Nhưng sau thấy phong trào tràn lan khắp cả, nên đã xin với toàn quyền Đông-Dương cho xử dụng lính chánh quy vào công việc duy trì an-ninh trật tự ...

Ngày 10-4-1908, toàn quyền Bonhoure cùng với Trung-Tướng Piel, Tư lệnh quân đội Pháp đã thỏa thuận và ấn định các biện pháp đối phó như sau :

- Chỉ xử dụng quân sỹ vào việc giải tán các đám biểu tình khi thấy cần thiết và mặt khác không nên xử dụng lính người Âu vào việc này.

- Trước hết lấy bớt một số lính ở Bắc-Kỳ trong giới hạn có thể lấy được - vì ở ngoài đó tại biên giới Việt-Hoa cũng đang bị áp lực của phe duy tân Tàu - Còn nếu tình hình tại các tỉnh miền Nam Trung Kỳ trở nên hỗn loạn, hay không thể lấy thêm lính ở Bắc Kỳ, thì sẽ lấy lính ở Nam Kỳ ra ...

Sau đó Thiếu-Tá GRIMAUD chỉ huy đại đội 1 và 2 thuộc tiểu đoàn 1 Trung-đoàn 9 bộ-binh thuộc địa, từ Hanoi đổ bộ lên Qui-Nhơn ; Đại đội 1 thuộc Trung-đoàn 1 khố đỏ Bắc-Kỳ đến Quảng-Ngãi ; Đại-đội 4 thuộc Trung-đoàn 4 khố đỏ Bắc-kỳ đến Đà-Nẵng.

Các đơn vị này đến điểm chỉ định không gặp khó khăn nào cả, nhưng nơi đóng quân thường hay thay đổi, do lệnh của Thống-sứ hay các Công-sứ :

Đại-đội 1 Trung-đoàn 9 bộ-binh thuộc địa được giữ lại tại Qui-Nhơn.

Đại-đội 2 (Trung-đoàn 9 nói trên) được gởi đến Bình-Định.

Đại-đội 1 Trung-đoàn 1 khố đỏ Bắc-kỳ đóng ở Quảng-Ngãi - 1 phần chiếm Bồng-Sơn - Sau 1 Trung-đội được điều động đi Bình-Định.

Đại đội 4 Trung-đoàn 4 khố đỏ Bắc-kỳ gởi 1 Trung-đội đi Sông Cầu, 1 Trung-đội khác được gởi đi Hà-Tĩnh, Bắc Trung-Kỳ.

Trong vùng Huế, nhiệm vụ của các quân sỹ (viện quân) được chỉ định rõ ràng là góp phần vào việc duy trì an ninh trật tự công cộng. Trong vùng Quảng Ngãi, nhiệm vụ của các quân sỹ là đến tăng cường cho các đồn khố xanh. Trong vùng Qui-Nhơn, nhiệm vụ của quân-sĩ là giải thoát những người Âu-Châu tỵ nạn ở trong thành Bình-Định và ở lại tại đây cho đến ngày 26-4-1908.

Kể từ ngày nói trên (26-4) Pháp quyết phản công và mang quân đàn áp đoàn biểu tình, đang bao vây Bình-Định. Trong các ngày 26-27 và 30-4-1908, Đại-đội 2 Trung-đoàn 9 Bộ-binh thuộc địa, đã dẹp tan 2000 người và bắt nhiều người mà họ cho là cầm đầu ... Nhưng ngày 5-5-1908, thì cuộc đàn áp của bọn khố xanh mới dữ dội làm nhiều người chết và bị thương.

Ngày 9-5-1908 tại Bồng-Sơn, đoàn biểu-tình đã tấn công một Trung-đội thuộc Tiểu-đoàn 1 Trung-đoàn 1 Khố đỏ Bắc-Kỳ, do Đại-Úy Delclos chỉ-huy. Một tên khố đỏ bị thương, do 1 cái lao từ trong đám biểu tình phóng ra, làm cho bọn Pháp và tay sai đã điên cuồng phản ứng bằng cách bắn bừa bãi vào đám biểu tình, làm cho rất nhiều người chết.

Cho đến ngày 19-5-1908, tình hình tại Bình-Định tưởng như đã yên, nhưng trong ngày, một đoàn biểu tình khác lại được tổ chức ở tỉnh. Pháp thẳng tay đàn áp, một số lớn khác lại bị chết và bị thương. Tính chung cho đến khoảng giữa tháng 5-1908, thì các cuộc biểu tình tại Trung-Kỳ đã gần như chấm dứt, Pháp không cần phải xử-dụng quân chánh quy vào công cuộc duy trì an ninh trật tự nữa, ngoại trừ tại Nghệ An, đại đội 2 thuộc Trung-đoàn 4 khố đỏ Bắc-kỳ đã được gởi từ Nam-Định đến Vinh để can thiệp.

Rồi Pháp lần lượt cho trả về Bắc Kỳ các đơn-vị đã biệt phái cho Trung-Kỳ. Mở đầu, hai Đại đội thuộc Trung-đoàn 9 Bộ-binh thuộc địa đã xuống tàu ngày 14-6-1908 tại Qui-Nhơn để hướng về Hải-Phòng trực chỉ ...

Sau khi 2 Đại-đội nói trên được rút đi thì lực lượng tăng cường còn lại của Pháp được phối trí như sau : tại Vinh 2 Đại-đội thuộc Trung-đoàn 4 khố đỏ Bắc-kỳ ; tại Hà-Tĩnh : 1 Trung đội khác cũng thuộc đơn-vị vừa nói ; tại Qui-Nhơn : 1 Trung-đội thuộc Đại-đội 1 Trung đoàn 1 khố đỏ Bắc-kỳ ; tại Bình-Định : 1 Trung đội cũng thuộc đơn-vị vừa nói; tại Bồng-Sơn : 1 Trung-đội cũng thuộc Trung-đoàn 1.

Ngày 30-6-1908, Trung-đội ở Sông Cầu và Trung-đội ở Qui-Nhơn xuống tàu về Hải-Phòng ; ngày 17-7-1908, Trung-đội ở Hà-Tĩnh cũng rời Trung-kỳ về Bắc-kỳ ; ngày 26-7-1908 các Trung-đội ở Bình-Định, Qui-Nhơn cũng xuống tàu tại Qui-Nhơn để trở về đơn vị gốc ; ngày 5-8-1908, Đại-đội 2 thuộc Trung-đoàn 4 khố đỏ Bắc-kỳ trở về Nam-Định.

Tóm lại trước cao trào chống bắt phu giảm thuế đang dâng lên cao, thực dân Pháp và tay sai đã dở đủ trò từ giả nhân giả nghĩa nhất, thâm độc nhất, đến dã man tàn bạo nhất để đàn áp. Chúng đã :

1. Dùng thủ đoạn phỉnh phờ bằng cách cử các quan tay sai đi phủ dụ dân chúng không nên chống lại các "quan Pháp" ... và hứa hẹn nhiều điều hão huyền ...



Rạch Gò-Công (năm 1931)



Hình ảnh Hà-Nội
(chụp từ phía Đông-Nam)

2. Áp dụng chiến lược "be bờ" để không cho phong trào tràn lan sang các địa phương khác - Nhưng vẫn không cản nổi làn sóng đang dâng ...

3. Mang quân chính quy ra đàn áp một cách hết sức dã man - nhất là tại Bình-Định - làm cho rất nhiều người chết và bị thương.

4. Bắt các nhân sỹ mà chúng cho là có liên hệ đến vụ bạo động như Phan-Chu-Trinh, Huỳnh-Thúc-Kháng, Ngô-Đức-Kế, Trần-Cao-Vân, Châu-Đình-Trác v.v... và xử tử một số khác như Trần-Qúy-Cáp (1)... để khủng bố tinh thần dân chúng ...

5. Triệt hạ các làng mà thực dân cho là "gốc loạn" như làng Phú-Lâm ở Quảng-Nam bị san bằng.

6. Chúng điên cuồng đến độ thấy dân chúng đang họp tại chợ Ái-Nghĩa (Huyện Đại-Lộc - Quảng-Nam) cũng tưởng là đoàn biểu tình, nên đã bắn sả vào làm cho nhiều người chết ...

7. Chúng đã bắt cả ngàn người - như ở Quảng Ngãi - trói hoặc gông lại, bỏ đói, phơi nắng, đánh đập hết sức man rợ và mang đi biệt tích một số ...

Nhờ những thủ đoạn trên, mà thực dân Pháp đã dẹp tan được phong trào chống phu giảm thuế của đồng bào Trung-kỳ.

VỀ PHÍA NHÂN DÂN TA

Phong trào chống bắt phu và giảm-thuế xuất phát từ Quảng-Nam, rồi lan tràn ra các tỉnh phụ cận như Quảng-Ngãi, Bình-Định, Phú-Yên, Thừa-Thiên v.v... đã gây cho thực dân Pháp và tay sai nhiều phen phải điêu đứng.

Xuyên qua các hoạt động của phong trào chống bắt phu và giảm thuế, chúng ta thấy có các đặc điểm và khuyết điểm sau đây :

Đặc điểm :

1. Dân chúng sống dưới ách kềm kẹp sắt đá của bọn thực dân, mà dám trực tiếp đương đầu với chúng để đấu tranh...

2. Phong trào đã dùng bích chương, truyền đơn, sách bỏ túi diễn thuyết v.v... để tố cáo tội ác của thực dân, hô hào cải cách và đấu tranh chống lại chúng ...

3. Phong trào mang một lúc cả hai tính chất hướng tâm và ly tâm :

- Hướng tâm : hô hào cách mạng bản thân bằng cách cắt tóc ngắn, mặc áo ngắn, để răng

---

(1) Cụ Nghè Cáp lúc này đang làm Huấn Đạo ở Nha-Trang, chỉ vì một bức thư gởi cho người học trò ở Quảng-Nam có câu "nghe nói vụ chống sưu ở ngoài ta đang phát động mạnh thật là khoái", bị Pháp cấu kết với tay sai Nam-Triều kết tội xử tử.



Lính Khố xanh
(Hà-Nội)

trắng, bài trừ hủ tục, dứt khoát với lối học từ chương v.v... trong lúc mà đầu óc dân chúng hãy còn bảo thủ lạc hậu ...

- Ly tâm : vận dụng mọi hình thức (xin xem đoạn 2 kể trên) đấu tranh trực diện với bọn thực dân Pháp và bọn tham quan ô lại, tay sai chúng.

4. Mặc dầu bị đàn áp dã man, nhưng mục đích đấu tranh của dân chúng đã đạt được : Thực dân Pháp đã nhượng bộ bằng cách giảm bớt lệ đi phu và đóng thuế.

5. Phong trào đã gây được một tiếng vang thức tỉnh cho toàn dân ...

Khuyết điểm :

1. Phong trào không có một sự lãnh đạo thống nhất, các vụ biểu tình của các tỉnh (sau Quảng-Nam),chỉ là do "sang kiến" của các địa phương "thấy hàng xóm có việc chả lẽ mình ngồi im..."

2. Phong trào đã đi qúa trớn và trở nên bạo động khiến thực dân Pháp có cớ để đàn áp thẳng tay - như tại Bồng-Sơn đoàn biểu tình đã dùng 1 cái lao đâm bị thương một tên khố đỏ...

3. Vì không có một đường lối cụ thể, nên sau khi bị đàn áp, phong trào bị tan rã luôn...

Tổng kết : Mặc dù thực dân Pháp và tay sai đã dẹp được phong trào chống bắt phu và giảm thuế của đồng bào Trung-kỳ, nhưng vấn để đến đây không phải la chấm dứt mà nó sẽ còn liên tiếp bùng nổ dưới nhiều hình thức đấu tranh khác nữa ...



4.– Vụ Hà-Thành đầu độc.

Như chúng ta đã biết, sang đầu thế kỷ thứ 20, sĩ phu Việt-Nam đã chuyển hướng đấu tranh sang nhiều hình thức khác nhau và mặc dầu phong trào Duy Tân, Đông Kinh Nghĩa-Thục tan rã, nhưng các "hạt nhân" của nó đã ăn sâu vào trong lòng nhân dân Việt-Nam... Cho nên sĩ phu Việt-Nam đã "thua keo này bày keo khác"... Và lần này nhắm vào số binh lính Việt-Nam trong hàng ngũ Pháp.

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN VÀ VẬN ĐỘNG BINH LÍNH VIỆT NAM TRONG HÀNG NGŨ PHÁP

Mặc dầu đang "hợp tác" với Pháp (lần thứ hai 12-1897 - 1909), nhưng lãnh tụ Nghĩa-quân Yên Thế Hoàng-Hoa-Thám vẫn bị mật liên lạc với một số sĩ phu chủ trương bạo động, để trù tính một cuộc vùng dậy khác và đối tượng vận động là binh lính Việt-Nam trong hàng ngũ Pháp.

Các sĩ phu một mặt viết sách, viết báo, làm thi ca, dạy học, diễn thuyết một cách công khai hợp pháp, để hô hào bỏ cũ theo mới, kêu gọi lòng yêu nước v.v... (1) của nhân dân; mặt khác, đội lốt các thầy bói, thầy tướng số đến những nơi đông đảo như đền Kiếp Bạc, là nơi thờ Đức Trần Hưng Đạo, Đền Giong, là nơi thờ Đức Phù Đổng Thiên Vương, đền Phủ Giầy, là nơi thờ Công Chúa Liễu Hạnh... để bói toán, cầu cơ v.v..., nhưng xen lồng việc tuyên truyền, khêu gợi lòng ái quốc, thúc đẩy khởi nghĩa v.v... Tất nhiên binh lính VN cũng bị phương sách này thu hút đông đảo.

Hanoi là nơi mà các sĩ phu nhắm trước nhất ... Tại Phố Cửa Nam có một cửa hàng vừa bán cơm vừa cho trọ, khách hàng ra vào tấp nập , đa số là binh lính, cai, đội, bồi bếp... Ngoài ra còn một số khách thường ở các nơi lại... Tất nhiên các "thầy tướng số" không thể không chiếu cố đến nơi này và trải qua những cuộc "bói toán", "đi lại", các "thầy tướng số" đã trở nên thân mật với một số binh lính thuộc pháo đội công vụ, Trung đoàn 4 pháo binh, như Đội Bình, Đội Nhân, Đội Cốc, Cai Nga, Bếp Xuân, Bếp Nhiếp v.v... Rồi từ chỗ thân mật, các "thầy tướng số" lái sang mục đích tuyên truyền... Bên cạnh sự khêu gợi lòng yêu nước thương nòi, các "thầy tướng số" lại còn làm cho họ thấy sự đối xử tàn tệ của bọn sĩ quan Pháp đối với họ, và sự chênh lệch qúa đáng về quyền lợi giữa một binh lính Pháp đồng cấp với binh lính Việt Nam... Vì các uất hận chồng chất từ lâu, nay có người nhắc tới, nên nó có những hiệu qủa lạ lùng và việc "nhập đảng" không còn bao xa nữa...

Sau khi đã tổ chức xong các nhân mối, nội ứng, nhiều cuộc họp bàn bí mật được tổ chức tại nhà "thầy tướng" Nguyễn Văn Phúc tức Lang Sẹo ở phố hàng Buồm và một kế hoạch tổng quát sau đây được vạch ra :

"sẽ lợi dụng một dịp nào đó, có tiệc chiêu đãi của các sĩ quan và binh lính Pháp, bỏ thuốc độc vào đồ ăn của chúng; sau khi chúng trúng độc mê say rồi, thì sẽ khởi sự theo sự phân nhiệm như sau : cánh thứ nhất khoảng 200 người tập trung tại khu Lò Lợn, để đánh vào khu Đồn Thủy (khu nhượng địa); cánh thứ hai ẩn náu dưới các thuyền gần Nhà máy thuốc lá, đánh vào cửa Bắc (thành); trong khi cánh thu ba tập trung ở Khu cột cờ và được Nghĩa quân (rất nhiều) từ Sơn Tây về yểm trợ, đánh vào cửa Tây - Các chi tiết có thể thay đổi tùy theo tình hình".



Bọn Khố đỏ vượt sông (hình cho thấy bọn thực dân thì cưỡi ngựa, còn bọn Khố đỏ thì lội sông).

Cuộc binh biến đáng lẽ đã nổ ra vào ngày 15-11-1907, nhưng vì các nội ứng, vào giờ chót đã xin hoãn, nại cớ chưa có đủ đạn, mặc dầu Nghĩa quân đã đến điểm chỉ định và ẩn núp trong các nhà dân để chờ súng hiệu là tiến quân... Đến 21 giờ, là giờ ấn định, không thấy gì lại phân tán...

Lần thứ hai định vào ngày 16/5/1908, nhưng một trong các nội ứng thuộc pháo đội công vụ xin hoãn vì "điểm không thuận lợi"...

Lần thứ ba :

Vào hạ tuần tháng 6/1908 vụ rối loạn ở Trung Kỳ chưa dứt hẳn thì Pháp lại điên đầu về vụ binh biến ở Hà nội...

Ngày 24-6-1908, Thiếu Tướng DE NAYS-CANDAU Chỉ huy trưởng pháo binh Đông Dương, nhận được một thơ nặc danh của một tên Việt gian nói rằng đang có âm mưu binh biến ở Hanoi, có cả thường dân lẫn quân nhân Việt Nam của nhiều đơn vị khác nhau tham dự, mà những kẻ cầm đầu phần nhiều thuộc pháo đội công vụ và một viên cai thuộc Trung đoàn 4 pháo binh...

---

(1) Xin xem mục Quang-Phục-Hội và Đông-Kinh Nghĩa-Thục

Cũng trong thời gian trên, Trung Úy DELMONT-BEBET, pháo đội trưởng công vụ, được báo cáo nói về thái độ khả nghi của một viên đội thuộc pháo đội này và một viên cai thuộc Trung đoàn 4 pháo binh cả hai cũng đã được đề cập đến trong thơ nặc danh gởi cho Thiếu Tướng DE NAYS-CANDAU.

Trước các tin tức này. Thống Sứ Bắc Kỳ là MOREL ra lệnh mở cuộc điều tra công khai... Thấy bị động, nên tất cả đã đồng ý là phải gấp rút hành động, nếu khong thì sẽ bị bắt cả...

Ngày 27-6-1908, vào lúc 20 giờ, những người phụ trách nhà bếp có chân trong tổ chức binh biến, đã thả thuốc độc (1) vào súp theo như kế hoạch đã định... Ngay sau đó có tới 125 tên Pháp thuộc Trung đoàn 4 pháo binh và 80 tên Pháp khác thuộc Trung đoàn 9 bộ binh thuộc địa bị trúng độc nằm bất tỉnh Nhưng. chưa đến giờ (21 giờ), nên tất cả các toán kể cả Nghĩa quân bên ngoài chưa tiến hành, thì tên Cai TRƯƠNG, một người theo công giáo, đến nhà thờ Hanoi báo cho Cố ÂN, một tu sĩ người Pháp, biết là có âm mưu đánh úp Hanoi trong đêm. Lập tức ÂN gọi điện thoại báo cho các cấp liên hệ của Pháp biết. Cùng lúc ấy Trung Tướng PIEL, Tổng Tư Lệnh Quân Đội Pháp, được tin báo là các quân sĩ người Âu Châu thuộc Trung đoàn 4 pháo binh và Trung đoàn 9 bộ binh thuộc địa ở trong thành đã bị đầu độc, hiện một số lớn đã bất tỉnh... Rồi Thống Sứ MOREL, vài phút sau đó, báo tin cho Tướng PIEL biết có những cuộc tập hợp nghi ngờ ở chung quanh thành...

Hình một lính Khố Đỏ

Lập tức lệnh đàn áp cuộc binh biến được ban hành và nhờ những biện pháp này mà quân Pháp thoát hiểm...; mặt khác, những kẻ bị đầu độc được giải độc ngay, không một tên nào bị vong mạng - Vì chất độc là thứ cà độc dược, không nặng lắm; đồng thời những quân sĩ bị tố cáo trong thơ ngày 24-6-1909, các người phụ trách nhà bếp và những kẻ bị nghi ngờ dính líu đến vụ đầu độc đều bị bắt giam đồng loạt. Còn các quân sĩ khác bị tước khí giới, giữ tại trại để điều tra. Ngoài ra, tại thành phố, thực dân Pháp cũng cho lệnh giới nghiêm, cử các toán tuần tra tung ra các cửa ô, vây từng khu phố, bắt các giới chức dân sự liên hệ đến vụ đầu độc, kể cả những người tình nghi...

Về phía Nghĩa quân ở bên ngoài không thấy súng hiệu nổ, biết là có trở ngại hay chuyện chẳng lành nên đã phân tán hết... .

Sau một cuộc điều tra Pháp được biết :

1. Các Ông Đội BÌNH, CỐC, NHÂN... chủ mưu nội ứng...

2. Âm mưu này đã có từ cuối năm 1907 và đã bị "hoãn" tới 2 lần, do Lãnh tụ Nghĩa quân Yên Thế (hiện lúc này đang "hợp tác" với Pháp) thực thi và KỲ NGOẠI HẦU CƯỜNG ĐỂ, Cụ PHAN BỘI CHÂU v.v... đang ở Nhật chủ mưu...

Rồi, một mặt Pháp truy tố ra tòa Đại hình những người đóng vai chánh và những người đồng lõa trong vụ binh biến...

---

(1) Do ông Nguyễn Đăng-Duyên làm cai vườn ở Phủ Toàn quyền "thí nghiệm" tại nhà ông Nguyễn-Đình-Chính tư Ba-Đen, cai gác đèn ở vườn Bách thảo và do ông Ngọc phụ trách nhà bếp thả vào súp.



Đội hình tác chiến của lính Khố Xanh Quảng-Yên (với súng máy).

Kết qủa 13 người bị tử hình, 6 người bị xử tử hình khiếm diện (1) 4 bị tù chung thân và trên 70 người bị hửu hạn.

Ngày 8-7-1908, tại đường Cột Cờ Hànội, các Ông Đội Bình, Cốc, Nhân bị chém đầu trước và đem đi bêu ở Ô Cầu Rền, Ô Cầu Giấy và chợ Mơ (Bạch Mai).

Vài hôm sau,10 người còn lại là các Ông Hai Hiên, "thầy tướng" NGUYỄN VĂN PHÚC tức Lang Sẹo, Cai TÔN, ĐỖ ĐẢM v.v... đền nợ nước.

Các người khác bị đày đi Côn Đảo...

Mặt khác, theo lệnh của Toàn Quyền KLOBUKOWSKI, quân Pháp sửa soạn tiến quân "trừng phạt" lãnh tụ Hoàng Hoa Thám (2).

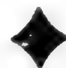
Cuộc binh biến nói trên, mà người ta quen gọi là "vụ Hà Thành đầu độc", cho ta thấy mấy điểm sau đây :

1. Cuộc đầu độc này đã đánh dấu một "bước ngoặc" trong lịch sử kháng Pháp của dân tộc ta : Binh lính VN trong hàng ngũ Pháp chống Pháp !

2. Công tác điều tra, tuyên truyền và tổ chức còn vụng về, nhiều sơ hở, nên không bảo mật được.

3. Cuộc binh biến có tính cách cục bộ này, nếu không bị dập tan ngay từ đầu, thì rồi ra nó cũng sẽ bị bóp chết, vì nó chưa có đủ điều kiện để thành công...

4. Mặc dầu cuộc binh biến đã bị dập tan, nhưng nó mở đầu cho nhiều cuộc binh biến khác, mà chúng ta sẽ tìm hiểu trong những trang kế tiếp... .



5.– Quang-Phục Hội hồi sinh.

Như ở đoạn chót Việt-Nam Quang Phục Hội và phong trào Đông-Du đã viết ở đoạn trên, là cac nha cách mạng Việt Nam trên đất Nhật, bị quân phiệt Nhật cấu kết với Thực Dân Pháp ở Việt Nam, sau khi được bọn này (thực dận) chia xẻ cho một số quyền lợi, đuổi ra khỏi đất Nhật. Từ đó Kỳ Ngoại Hầu, Phan Bội Châu cùng các đồng chí phải dời về Tàu và Xiêm tìm cách hoạt động. . .

---

(1) Là các ông Ngọc phụ trách nhà bếp, ông Thiền. Ông Bảy v...v... trốn thoát lên Phồn-xương là căn cứ của lãnh tụ bọ Hoàng.

(2) Xin xem đoạn chót của " cuộc vùng dậy Yên-Thế" ở trên.

Đến năm 1911 (Tân Hợi) cách mạng Trung Hoa, do TÔN ĐẬT TIÊN lãnh đạo, bùng nổ và lần này đã đánh đổ được cái triều đình mục nát Mãn Thanh . . . Tất nhiên nó đã đem lại phấn khởi cho các nhà Cách Mạng Việt Nam - Vì họ nghĩ rằng trên đất Tàu hoạt động thuận tiện hơn. . . nên KỲ NGOẠI HẦU, PHAN SÀO NAM v.v.. . . lại từ XIÊM trở lại Tàu . . (1).

Thượng tuần tháng 6/1912 PHAN BỘI CHÂU cùng các đồng chí, từ các nơi đến họp mặt ở Quảng-Châu để làm sống lại VIỆT-NAM QUANG PHỤC HỘI với tôn chỉ được ghi rõ ràng trong chương trình là "đánh đuổi thực dân Pháp, giành lại nước VN, thành lập Cộng Hòa dân Quốc Việt Nam" (2).

Chức viên của Quang Phục Hội được cải tổ làm ba bộ phận dưới đây :

1. Bộ Tổng vụ do KỲ NGOẠI HẦU CƯỜNG ĐỂ làm Hội-Trưởng kiêm Bộ-Trưởng Bộ Tổng vụ; PHAN BỘI CHÂU là Tổng Lý kiêm Phó Hội Trưởng.

2. Bộ Bình-Nghị gồm có đại biểu của ba xứ BẮC - TRUNG và NAM KỲ, lựa trong số những bậc cao niên, tài đức vẹn toàn.

- Bắc-Kỳ : NGUYỄN THƯỢNG HIỀN
- Trung-Kỳ : PHAN BỘI CHÂU
- Nam-Kỳ : NGUYỄN THÀNH HIẾN

3. Bộ Chấp-Hành có 10 Ủy-Viên :

- Quân-Vụ Ủy-Viên : HOÀNG TRỌNG MẬU và LƯƠNG LẬP NHAM (tên thật của Lương ngọc Quyến).

- Kinh Tế Ủy-Viên : ĐẶNG TỬ KÍNH và MAI LÃO BẠNG.
- Văn Học Ủy Viên : NGUYỄN YÊN CHÂU và PHAN BÁ NGỌC (là con cụ Đình-Nguyên Phan-Đình-Phùng về sau phản bội bị giết).
- Giao tế Ủy-Viên : LÂM ĐỨC MẬU và ĐẶNG BỈNH-THÀNH
- Thứ-Vụ Ủy-Viên : PHẠM QUÝ CHUẨN và ĐINH-TẾ-DÂN.

Ngoài ra, còn có ba Ủy-Viên Vận động ở trong nước : ĐẶNG BỈNH THÀNH (kiêm nhiệm)



LƯƠNG - NGỌC - QUYẾN

ở Nam-Kỳ; LÂM QUANG TRUNG ở Trung-Kỳ và ĐẶNG XUÂN HỒNG ở Bắc-Kỳ.

HOẠT ĐỘNG

Công việc đầu tiên của Việt-Nam Quang Phục-Hội là tổ chức Quang-Phục-Quân. Cấp chỉ huy là những người đã tốt nghiệp tại các trường Võ-Bị Nhật hay Trung-Hoa, quân sĩ phần lớn là đồng bào miền núi ở gần biên giới Hoa-Việt, ngoài ra còn một số thổ-phỉ Tàu tham-gia. . .

Hội có quốc-kỳ kiểu "ngũ tinh liên-châu" (một chuỗi 5 sao) nền vàng sao đỏ, còn quân kỳ thì nền đỏ sao trắng. Vũ-khí ngoài một số súng mua được, hội còn bí mật lập một xưởng làm bom . . .

Binh thuyết (có thể tạm gọi như vậy) do HOÀNG TRỌNG MẬU biên soạn (trên 100 trang) gồm các vấn đề :

1. Chủ-nghĩa và tôn-chỉ của Quang-Phục-Quân.
2. Kỷ-luật của Quang Phục-Quân.
3. Cách biên chế của Quang-Phục-Quân

(1) Kỳ-ngoại-Hầu trở lại Tàu vào trước đầu năm 1911, Phan cuối năm đó mới qua.

(2) Kỳ-ngoại-Hầu lúc này đang mắc bệnh ở bên Cửu Long, ủy quyền cho Phan tùy nghi hành sự.

4. Viên chức và lương bổng của Quang-Phục Quân.
5. Kế hoạch dự định tiến hành của Quang-Phục-Quân.

Vấn đề trước mắt của Hội là vấn đề tài-chánh, mà lúc bấy giờ thì lại chưa có gì cả. Hội chỉ có hai cách : một là vận động ở trong nước và hai là khất cái ở ngoài. Một số nhân sĩ Trung-Hoa tán thành cách mạng Việt-Nam, đã quyên một số tiền như sau : Lưu-Phục quyên giúp 200$00, Đân quân Thống Lĩnh quan-nhân-phủ quyên giúp 100$00, Tạ anh Bá và Đặng-Cảnh-Á quyên giúp 100$00. . . Ít lâu sau,các ủy viên vận động ở trong nước đem ra 2000$00 (trong đó riêng Ủy-viên Nam-Kỳ góp được 1000$00)... Nhưng công tác của Hội ngày một phát triển, quân sĩ ngày một đông hơn, phải mua sắm thêm võ khí . . . Cho nên Hội phải khai thác quân dụng phiếu.Quân dụng phiếu có 4 loại : loại 5$00, loại 10$00, loại 20$00 và loại 100$00, mặt trước của phiếu có in hàng chữ Việt-Nam Quang-Phục-Quân, 4 góc in số tiền; mặt sau in bằng chữ Hán và chữ quốc ngữ "Phiếu này do Việt-Nam Quân Chánh-Phủ tạm thời phát hành, để đổi lấy thực ngân ghi trong phiếu, sau này chính phủ dân quốc chính thức thành lập sẽ đem thực ngân bồi hoàn một gấp đôi, cấm mọi việc giả mạo, ai trái lệnh sẽ bị trừng phạt nặng". Rồi cho lưu hành trên toàn quốc. Nhưng Nam-Kỳ là nơi tiêu thụ nhiều quân dụng phiếu hơn cả.

Hạ tuần tháng 2/1912, Phan-Bội-Châu đến Cửu-Long tìm Kỳ-Ngoại-Hầu để cùng lên Thượng-Hải gặp Tôn-Trung-Sơn. Tôn chỉ tiếp hai người được một lúc rồi ủy cho ông Hoàng-Hưng thảo-luận thêm các chi tiết. Nhà Cách-Mạng Trung-Hoa nói rằng vấn đề viện trợ cho Việt-Nam lúc này bàn đến là qúa sớm, vì nước Tàu hiện còn nhiều việc phải giải quyết gấp rút. . . Nhưng có thể giúp cho việc đào tạo Cán-bộ mà thôi. Rồi Hoàng viết thơ giới thiệu Phan với Đô-Đốc Trần-Kỳ-Mỹ là chỗ cố giao (1). Cuộc vận động cũng không đạt được kết qủa như ý muốn . . . Ngoài việc quyên được 2000$00 và 30 trái tạc đạn mang về Quảng-Đông.

Biết rằng trông vào thực lực trong nước thì qúa mong manh, vì bị thực dân Pháp khủng bố mạnh, dân tâm sĩ khí rất sa sút nên các nhà cách mạng của chúng ta đều hướng vào cách-mạng Trung-Hoa, bởi vì nếu lôi kéo được Trung Hoa thì Pháp sẽ bị khốn đốn : hai nước ở sát nách nhau, Hoa quân kéo sang Việt-Nam cùng với việc tiếp vận tương đối dễ dàng, trong khi quân Pháp xa ngàn dặm, việc tiếp vận rất phức tạp và mất thì giờ. . . Lại nữa khí hậu ở Việt-Nam không khác xa khí hậu Tàu bao nhiêu, mà Hoa-quân lại quen chịu đựng, trong khi nó là cả một vấn đề phiền toái và trở ngại cho Pháp quân . . .

Rồi Phan cùng hai chí sĩ Tàu là Đặng Cảnh-Á và Cô-Thiếu-Lâm vận động thành lập Chấn-Hoa Hưng Á-Hội.

Hội bầu Đặng làm chủ-tịch và Phan làm Phó, còn các Ủy-viên trong ban chấp hành hai bên Việt-Hoa chia nhau đồng đều giữ.

Kế hoạch của Chấn-Hoa-Hưng Á-Hội là : Xây dựng một nước Trung-Hoa hùng cường, để giải phóng cho các nước anh em ở Á-Châu và trước hết là viện trợ cho Việt-Nam, rồi đến giai đoạn hai, giúp Ấn-độ và Miến-điện, giai-đoạn ba là can-thiệp cho Triều-tiên. . .

Trong chiến dịch tuyên truyền cổ động, Hội đã hô hào làm sống lại vai trò đàn anh của nước Tàu, mà từ thời Mãn-Thanh đã bị mất . . . Nên chỉ trong vòng có một tháng mà cả trăm người xin gia nhập Hội. Nhiều người đã rầm rộ cổ võ cho Hội . . .(2).

Như vậy, khác với các lần vận động trước, lần này (thành lập Chấn-Hoa-Hưng Á-Hội) đã có kết qủa nhiệm màu, vì nó đánh đúng tâm-lý người Tàu : muốn "hâm nóng" lại thời kỳ "Thiên quốc", nên người tham gia cũng lắm mà kẻ quyên giúp .v.v. . . cũng nhiều !.

Nếu mục đích của các nhà Cách Mạng Việt-Nam là lôi cuốn người Tàu vào vòng chiến và gây xúc động tâm lý ở trong nước, thì việc lập "Hội" này đã thành công vậy,.

---

(1) Lúc này Kỳ-ngoại-Hầu đã về Quảng-Châu chỉ một mình Phan ở lại.

(2) Sau Chấn-Hoa Hưng-Á các lãnh tụ Tàu và ta lập ra Đông-Dương Đồng vận-Hội, tập hợp một số chí-sĩ cách mạng Triều Tiên và Đài-Loan, để thực thi kế-hoạch "giải phóng" của Hội...

Trở lại vấn đề Quang-Phục-Hội và Quang-Phục-Quân, vì chủ-nghĩa và tôn-chỉ qúa lớn cần phải có một phí khoản, nên Phan cùng các đồng chí quyết định cần phải làm một cái gì để "thức tỉnh đồng bào" và "gọi hồn nước lại". Cái để mà "thức tỉnh đồng bào" và "gọi hồn nước lại"... theo họ không gì khác hơn là khủng bố mấy tên trùm thực dân và lũ tay sai đắc lực của chúng . . . để gây tiếng vang .!...

Tại VN hồi ấy, Toàn Quyền là Albert Sarraut đang dở mọi thủ đoạn phỉnh phờ ru ngủ sĩ phu ta... tên trùm thực dân này điều khiển một cuộc vận động ca tụng "Đại Pháp", với những thuyết "Pháp Việt đề huề" và "có bình đẳng" mới "có đồng đẳng" trên các tờ "Nam Phong tạp chí", "Đông-Dương tạp-chí" và "L' Annam nouveau" v.v... do các tên bồi bút Phạm-Quỳnh - Nguyễn bá Trạc, Nguyễn-văn-Vĩnh v.v.... phụ trách (1)

Ta hãy xem NGUYỄN-VĂN-VĨNH dọa các nhà ái quốc "đáng bỏ rọ trôi sông" đăng trong Đông Dương tạp chí số đầu tiên, ký tên là Tân-Nam-Tử và một đoạn trong bài "Bàn về sự vay tiền cho việc chiến tranh và cuộc quốc trái ngày nay" đăng trong "tạp chí Nam-Phong", số 16 tháng 10 năm 1918, để cổ động nhân dân VN dốc tiền của vào những qũy quốc trái, quốc phòng của thực dân Pháp, nhằm "đánh đổ Đức tặc" như sau thì đủ rõ tính chất tay sai của họ :

"Nay đồng bào ta thử nghĩ mà xem, cả cái vận mệnh của VN tổ-quốc ta, của cái tổ-quốc rất đáng thương đáng yêu của ta : chẳng phải là cầm lổng trong cái cuộc chiến tranh kinh thiên động địa này ư ? Giống Annam ta mà còn sinh tồn được trên mặt đất này, quốc dân ta mà còn giữ được cái hy vọng tối thiểu ở trong lòng, chẳng phải là nhờ cái tài trí của nước Đại Pháp, chẳng phải là trông vào sự chiến thắng của quân Đại Pháp mà ta mới mong được thế ư ?

Ta có tiền dư dật nên đem cho Đồng-Minh vay. Tiền đó không phải là tiền mất đâu. Mà dẫu từng sự ngày nay ta cho nhà nước vay có phải chắt chiu một chút, ta hằng nghĩ đến giống nòi ta, nghĩ đến hậu vận vẻ vang của Việt-Nam tổ-quốc ta, nghĩ đến cái nghĩa vụ ta phải tỏ ơn cho kẻ bảo-hộ mình, vì mình mà mưu sự ích lợi, vì mình mà chỉ đường tiến hóa, ta thử nghĩ như thế thì ta hiểu ngay rằng ta xuất tiền cho nước vay ngày nay thực là mua rẻ cái hạnh phúc của ta sau này đó.

Hỡi đồng bào ta ơi ! ta nên vì danh dự giống VN, vì cái bụng thương yêu nước nhà, vì cái lòng hy vọng cho giống Lạc-Hồng ta được cùng trời đất ấy, nước non này sống rồi đến vô cùng, ta nên vì cái tình sâu thương nước, nghĩa cả mến thầy, đem hết tiền bạc ra cho nhà nước vay".

Do đó, A. Sarraut, vài tên tay sai khác như Tổng-Đốc Hoàng-Trọng-Phu, Tổng-Đốc Lê-Hoan, Tuần-Phủ NGUYỄN DUY HÀN.... là những kẻ được Quang-Phục-Hội nhắm và lên án tử hình trước hết, rồi phái người về nước thực hiện kế hoạch.....

Các người lãnh sứ mạng sẽ về Việt Nam bằng 3 ngả :

- Ngả thứ nhất về Bắc-Kỳ bằng đường Lạng-Sơn, do các Ông NGUYỄN HẢI THẦN và NGUYỄN TRỌNG THƯỜNG mang 400$00 và 6 lựu đạn phụ trách.

- Ngả thứ hai về Trung-Kỳ bằng đường XIÊM, do các Ông HÀ-DƯƠNG-NHÂN và ĐẶNG TỬ VŨ mang 600$00 và 4 lựu đạn phụ trách.

- Ngả thứ ba về Nam-Kỳ, cũng bằng đường Xiêm, do Ông BÙI-CHÍNH-LỘ mang 200$00 và 2 lựu đạn phụ trách.

KẾT QUẢ

Ngả thứ nhất : cuộc khủng bố dự định vào tháng 11/1912, là ngày A. Sarraut đến Nam-Định tham dự lễ tuyên bố kết qủa kỳ thi Hương. Nhưng không thực hiện được phần thì vì gặp khó khăn trong lúc di chuyển, phần thì vì NGUYỄN HẢI THẦN chưa đủ quyết tâm làm nhiệm vụ.

Ngả thứ hai : cũng gặp trở ngại vì không mang lựu đạn vào Trung-Kỳ được.

(1) Ở đây chúng tôi nghĩ rằng sự nghiệp văn-chương của họ là một chuyện, còn việc làm tay sai cho thực dân pháp lại là một chuyện khác, chúng tôi chỉ lên án việc sau này mà thôi.

Ngã thứ ba : cũng gặp trở ngại tương tự như ngã thứ hai, không thực hiện được sứ mạng.

Tuy vậy Quang-Phục-Hội cũng gây được ít nhiều thanh thế sau các vụ khủng bố thành công vào năm 1913 như sau đây :

Vụ thứ nhất : Ngày 12-4-1913, tên quan phủ Nguyễn-Duy-Hãn đã bị tài xế Phạm-Văn-Tráng dùng lựu đạn ném vào chiếc xe kéo của hắn trong lúc hắn rời Tòa Sứ Thái-Bình để trở về nhà, làm cho hắn chết không kịp ngáp. Chính tên này là người đầu tiên "đi báo với Pháp" biết về việc gởi du học sinh đi Nhật của Duy-Tân-Hội, mặc dù trong số du học sinh có cả cháu hắn ...

Vụ thứ hai : Ngày 26-4-1913, vào lúc 19 giờ 30, ông Nguyễn-Văn-Túy là nhân viên hỏa-xa Gia-Lâm, đã ném một qủa bom vào hàng hiên của "Hanoi Hotel". Các Thiếu-Tá Chapuis và Montgrand bị chết ngay tại chỗ vì mảnh bom; nhiều người Pháp và Việt bị thương - Qủa bom này thực ra là nhắm vào toàn quyền Albert Sarraut, vì ông này có thói quen hay bách bộ qua đường Paul Bert, sau giờ tan sở mỗi buổi chiều nhưng vì sự trở ngại sao đó, nên những tên thực dân khác đã chết thế cho Albert Sarraut.

Nhưng sau vụ khủng bố này, thực dân Pháp đã bắt bớ tới 254 người, trong đó có 7 người trực tiếp trong vụ khủng bố bị kết án tử hình là các Ông PHẠM-VĂN-TRÁNG, NGUYỄN-VĂN-TÚY, NGUYỄN-KHẮC-CẦN, PHẠM-ĐỀ-QÚY, VŨ-NGỌC-THỤY, PHẠM HOÀNG-QUẾ, PHẠM-HOÀNG-TRIẾT, 8 người bị đi đày, 15 người bị an trí, 5 người bị cấm cố, 5 người khác bị cấm cố hữu hạn 5 năm, 19 người khổ sai, còn lại thì bị phạt từ 5 tháng đến 10 tháng tù. Bốn người bị xử tử hình vắng mặt là CƯỜNG ĐỂ, PHAN BỘI CHÂU, NGUYỄN HẢI-THẦN và NGUYỄN-TRỌNG-THƯỜNG.

Thế cũng vẫn chưa đủ, Albert Sarraut còn đích thân sang Tàu (Quảng Đông) vận động với bọn quân phiệt Trung-Hoa (1) để dẫn độ hoặc mưu hại các nhà cách mạng Việt-Nam bằng đủ mọi cách, nhất là KỲ NGOẠI HẦU CƯỜNG-ĐỂ, SÀO-NAM PHAN-BỘI-CHÂU và MAI-LÃO-BẠNG, lấy cớ rằng ba lãnh tụ trên đây chủ mưu trong các "vụ sát nhân" ở Việt Nam - Lúc này, tại Quảng-Đông có khoảng 50 nhà Cách mạng Việt-Nam và tại Hương-Cảng có KỲ NGOẠI HẦU và một số đồng chí khác, tuy biết là đang bị đe dọa, nhưng các cụ và anh em vẫn chưa phân tán đi các nơi, vì không có tiền .... PHAN bàn với KỲ-NGOẠI-HẦU để HẦU về NAM-KỲ trước kiếm tiền....KỲ-NGOẠI HẦU đi xong, PHAN ở lại thì bị Long-Tế-Quang, Đô-Đốc Quảng-Đông bắt giam (24/12/1913), định dẫn độ về cho Pháp ở Việt-Nam để lấy tiền, đồng thời đòi Pháp cho mượn đường Bắc-Kỳ để sang Vân-Nam đánh phe cách mạng Tôn-Văn... Cuộc điều đình chưa xong thì vào đầu năm 1916, Long Tế-Quang bị đánh bại, PHAN-BỘI-CHÂU được thả - Vì vậy trong mấy năm đầu của cuộc đại chiến đều vắng mặt PHAN.

Trong thời gian này KỲ-NGOẠI-HẦU đang ở Nam-Kỳ đã được đồng bào giúp 50.000$00, vội trở lại Tàu rồi qua Âu-Châu, không thể ở lại để chờ Phan cùng đi, như đã hẹn, vì bị thực dân theo dõi gắt gao (2).

Tưởng cũng cần nói thêm là năm 1915, trong lúc PHAN đang bị giam cầm tại Quảng-Đông, có một người bếp nhà tù có cảm tình nên đã liên lạc được với bên ngoài và PHAN cũng nhận được mật thư của Cụ ĐẶNG-TỬ KÍNH nói rằng người Đức muốn giúp cách mạng Việt Nam, để đánh Pháp, nhưng cần gặp lãnh tụ. Vì KỲ-NGOẠI-HẦU đã rời khỏi đất Tàu nên PHAN ủy cho Cụ MAI-SƠN-NGUYỄN THƯỢNG-HIỀN và mấy người nữa đi gặp họ ở Thủ-Đô Xiêm. Người Đức hứa sẽ giúp khí giới và tiền bạc để Việt Nam Quang-Phục-Hội đánh thực dân Pháp. Kết qủa họ mới tạm trao cho các nhà cách mạng Việt-Nam có 10.000$00 Đông-Dương - Chủ đích của Đức trong việc này là muốn gây rối loạn tại các thuộc địa Anh, Pháp để phân chia lực lượng địch, không cho dồn cả vào chiến trường Âu-Châu trong kỳ đệ nhất thế chiến.....

---

(1) Mặc dầu TÔN-VĂN thành công trong việc đánh đổ triều-đình mục nát Mãn-Thanh, nhưng sau đó thế lực phản động của phong kiến lại trỗi dậy, khiến TÔN lại thất điên bát đảo, mãi ba năm sau mới ổn định được tình thế.

(2) Đầu tiên KỲ-NGOẠI-HẦU ghé Ý (NAPLES), qua Đức, sang Luân-Đôn qua ngã-Bỉ, trở lại Marseille (tất cả 8 tháng), rồi trở lại Tàu và sang Nhật...(Lúc Kỳ-Ngoại-Hầu lên đường qua Âu Châu thì Phan chưa bị bắt).

Cách mạng Việt-Nam đang hồi suy vi thì xảy ra cuộc đệ-nhất thế chiến, các lãnh tụ Quang-Phục-Hội thấy chánh quốc Pháp đang khốn đốn, cần các thuộc địa tiếp sức.... Nay lại có người giúp cho khí giới và tiền bạc thì phải làm một cái gì, nên ra sức hoạt động : một mặt mua sắm khí giới, tuyển mộ quân sĩ, mặt khác, phái người về nước cổ động... chuẩn bị cuộc tổng bạo động.....

Nhật kỳ bạo động định vào ngày 11/3/1915, nhắm vào một số đô-thị và tỉnh lỵ. Nhưng vì có sự bất đồng quan điểm trong nội bộ Quang-Phục-Hội, nên công việc không đi đến đâu cả. Ví dụ như vụ Ông HOÀNG-TRỌNG-MẬU được cử làm Tổng Chỉ-Huy muốn đánh Thất-Khê để cắt đường liên lạc của địch giữa Lạng-Sơn và Cao-Bằng, không tán thành việc đánh đồn Tà-Lùng........ Vấn đề chưa ngã ngũ thì Ông NGUYỄN-HẢI-THẦN đã tự động chỉ huy 100 quân sĩ đánh đồn này. Lực lượng tấn công yếu ớt, không thiện chiến, lại không phối hợp chặt chẽ giữa quân tấn công và quân nội ứng, nên sau 15 phút bị thiệt hại nặng phải rút lui.....

Nội bộ Quang-Phục-Hội lủng củng, lại thất trận nên người Đức cũng đâm ra chán nản .... chỉ hứa hẹn và dè dặt....

Như vậy cuộc tổng bạo động kể như không thành ... . Tuy nhiên, trong thời kỳ này một số các cuộc tấn công và gây rối cũng xảy ra, nhiều nhất là ở vùng biên giới Việt-Hoa, trong đó có những vụ nằm trong kế hoạch của Quang Phục-Hội và những vụ tự động dưới ảnh hưởng của Quang-Phục Hội như :

- Ngày 20/4/1914 đánh đồn Lục Nam.
- Ngày 7/1/1915 đánh đồn Nho-Quan
- Ngày 7/1/1915 đánh đồn Phú-Thọ
- Ngày 7/1/1915 đánh đồn Móng-Cái
- Ngày 8/8/1916 đánh đồn Bát-Xát-Lào-Kay.
- Ngày 3/3/1917 đánh đồn Đồng-Văn-Lào-Kay.
- Ngày 7/2/1918 đánh đồn Mường-Khương Lao-Kay.
- Ngày 9/7/1918 đánh đồn Pha-Long - Lao-Kay.
- Ngày 4/9/1918 đánh đồn Cóc-Pản - Lao-Kay.

Về phía Pháp, lợi dụng lúc nội bộ Quang Phục-Hội lủng củng và sau những cuộc thất trận liên tiếp, đã mua chuộc bọn quân phiệt Tàu và Xiêm, thuê bọn lưu manh .v.v... giết hại hay dẫn độ các nhà Cách-mạng Việt-Nam trên đất Tàu và Xiêm về. Tổng Chỉ-Huy Quang Phục - Quân là HOÀNG-TRỌNG-MẬU cùng với 10 lãnh tụ khác bị bắt ở Xiêm và bị Pháp đem về Nam-Định xử bắn. Còn PHAN-BỘI CHÂU bị NGUYỄN-ÁI-QUỐC, tức HỒ-CHÍ MINH sau này, và LÂM-ĐỨC-THỤ chỉ điểm cho Pháp bắt ở Thượng-Hải ngày 1/7/1925, để lấy một số tiền thưởng (1). Sau khi bị bắt, PHAN bị Pháp đem về nước giam lỏng ở Huế và mất vào ngày 29/10/1940 hưởng thọ 74 tuổi.

Tóm lại Quang-Phục-Hội bị thất bại và đi đến chỗ tan rã bởi vì thiếu những điều kiện chủ-quan và khách quan - nhất là chủ-quan - và mặt khác, lại chưa có cơ sở vững chắc ở trong nước - làm cách mạng mà lại làm ở nước ngoài ? - nên sự thất bại là điều khó có thể tránh được vậy.



6.— Các cuộc bạo động ở Nam-Kỳ.

THIÊN ĐỊA HỘI

Kể từ sau Hòa ước 1874, (Giáp-Tuất), công cuộc chống Pháp ở Nam-Kỳ chỉ còn âm-ỷ, không trỗi dậy được. Cho đến khi Quang-Phục-Hội ra đời (1904) thì nó lại bùng lên... Bị dập tắt (1908), rồi lại bùng lên khi Quang-Phục-Hội hồi sinh (1911)... Và tháng 6-1911 một cuộc bạo động được chuẩn bị ở Gò-Công, nhưng bị tiết lộ, nên đã bị dẹp tan từ trong trứng nước. Rồi, trong lúc Việt-Nam Quang-Phục-Hội đang bị tiêu trầm, nhiều người bị bắt bị cầm tù... thì một tổ chức đặc biệt khác lại ra đời : "Thiên-Địa-Hội".

---

(1) Quốc và Thụ nại cớ các đồng chí lúc này đã bết tiền, mà PHAN lại già rồi nên hy sinh PHAN, để lấy tiền cho anh em chi dụng. Nhưng thực ra là Quốc muốn loại một chiến-sĩ quốc-gia trung kiên, mà tên trùm Cộng-Sản Việt-Nam không sao cảm hóa được. Thật là gian manh qúa sức tưởng tượng.

VÀI HÀNG VỀ NGUỒN GỐC CỦA THIÊN ĐỊA HỘI

Mới đầu một số di thần muốn khôi phục lại địa vị của Nhà Minh ở bên Tàu, sau khi bị phong kiến Mãn-Thanh chiếm ngôi vua, bèn lập ra một tổ chức bí mật là Nghĩa-Hòa đoàn, với mục đích "phản Thanh Phục Minh" và xuất phát từ tỉnh Sơn-Đông... Sau tổ chức này lan dần sang các nước có nhiều Hoa-Kiều như ở Việt-Nam, Nam-Dương, Mã-Lai... Mặc dầu mục đích của nó là "phản Thanh phục Minh", nhưng vì muốn che mắt nhà Thanh, họ làm như một hội tương-tế và mang tính chất tôn giáo. Họ tôn thờ các liệt sỹ ngày xưa của Trung-Hoa như Quan Vân-Trường, Văn Thiên-Trường và Nhạc-Phi. Họ chú ý giúp đỡ lẫn nhau và nép mình tuân theo kỷ luật của Hội. Sau cuộc nổi dậy chống với bọn đế quốc năm 1900, Nghĩa-Hoà đoàn bị đàn áp nặng nề, gần như tan rã và chỉ còn thoi thóp... dưới một danh hiệu khác...

Tại Nam-Kỳ, như trên đã nói, lúc mới đầu, những người Hoa-Kiều cũng lập một chi-hội của Nghĩa-Hòa đoàn, về sau đổi là Thiên-Địa Hội. Vì người Hoa Kiều và người Việt-Nam thường có nhiều quan hệ với nhau nên Thiên-Địa hội lan tới cả người Việt-Nam, sau đó,vì số người Việt-Nam gia nhập hội ngày càng đông, nên tách ra thành một chi hội riêng. Mà khi đã trở thành "một hội riêng" thì tất nhiên hướng hoạt động của nó không phải là chống Thanh mà là chống Pháp, bọn tham quan ô lại và khôi phục lại nước Việt-Nam... Tổ chức của hội rất chặt chẽ, liên lạc và nhận nhau bằng dấu hiệu, nói với nhau bằng tiếng lóng... Cũng vì được huyền bí hóa nên các người ở trong và ngoài hội, coi hội như một cái gì thiêng liêng không thể không sùng kính được. Các hội viên luôn luôn lo sợ vì phạm lời thề khi gia nhập hội. Vì vậy, hội vốn đã mang tính chất huyền bí lại được các hội viên thêu dệt, khiến nó lại càng huyền bí và ghê gớm hơn. Đối với người dân hãy còn lạc hậu như Việt-Nam lúc bấy giờ, thì hình thức và tính chất của hội rất thích hợp. Do đó phong trào gia nhập hội ngày một đông, đặc biệt là các vùng phụ cận Saigon như Gia-định, Chợ-Lớn, Biên-Hòa, Thủ-Dầu-Một, Bến-Tre, Châu-Đốc v.v...

Hồi bấy giờ, ở địa phương nào có tổ chức của Thiên-Địa Hội, là y như ở địa phương đó có những vụ khủng bố chống lại bọn tham quan ô lại... Ví dụ như ở Huyện Hóc-Môn,hội viên của hội đã áp vào bắt tên đốc phủ Trần-Tử-Ca, tưới dầu xăng đốt chết nó và cả gia đình của nó. Do đó thực dân Pháp đã đàn áp rất dã man những người mà chúng nghi là hội viên của Thiên-Địa Hội...

Mặc dầu bị đàn áp và phong trào có bị sụt xuống, nhưng Thiên-Địa Hội đã bén rễ vào các địa phương mà nó đã ra đời. Do đó các địa phương này (nói trên) vẫn mang một phong khí riêng và truyền thống đó cho đến ngày nay hãy còn tồn tại...

CUỘC BẠO ĐỘNG CỦA PHAN PHÁT SANH TỨC PHAN XÍCH LONG

Sau những ngày hoạt động của Thiên-Địa Hội, lại có cuộc bạo động của Phan-Phát-Sanh tức Phan-Xích-Long tổ chức – Vì biết nhân dân ta lúc bấy giờ hãy còn một số có óc mê tín và lòng yêu nước đều có trong mỗi người, nên Phan Xích-Long rao truyền rằng mình có chân mệnh thiên tử và có pháp thuật thần thông giết giặc cứu nước. Vì vậy Long đã lôi kéo một số lớn đồng bào đang rên siết dưới gông cùm thực dân, thấy mình bất lực trước những khí giới tối tân của quân thù, mà nay lại có người có phép "thần thông" cầm đầu, thì việc hưởng ứng là điều tự nhiên.

Đêm 23 rạng ngày 24/3/1913, rất nhiều truyền đơn hô hào chống Pháp được rải trên các đường phố Saigon và tại nhiều tỉnh ly, dưới có ký tên "Phan Xích Long Hoàng đế".

Ngày 24/3/1913, 08 trái bom được tìm thấy bên cạnh các dinh thự lớn như dinh Thống-Đốc, Toà Án...

Ngày 28/3/1913, cả trăm người kéo đến Chợ-Lớn biểu tình. Vì không có võ trang gì cả nên đã bị thực dân giải tán dễ dàng.

Sau cuộc biểu tình này, thực dân Pháp mở cuộc điều tra được biết rằng cuộc bạo động đáng lẽ đã bùng nổ ngay sáng ngày tìm thấy 8 trái bom nói trên (24/3/1913), nhưng vì một sự ngẫu nhiên mà Phan-Xích-Long, lãnh-đạo cuộc biểu tình bị bắt tại Phan-thiết hai ngày trước đó (22/3/1913), nên mới có sự chậm trễ như vậy.



Saigon năm 1931 trong hình ta thấy Ngân-Hàng Quốc-Gia (ở giữa cầu Móng và cầu Quây).

Mặt khác, một yếu nhân khác trong vụ bạo động là ông Hiệp cũng bị bắt ngày 19/3/1913, tại Kompot (Cao-Miên) trong lúc Ông đang trên đường để về Chợ-Lớn...

Vụ bạo động thất bại với kết quả là 104 người bị bắt và 34 người bị kết án. Riêng Phan-Xích-Long bị chung thân khổ sai và đày đi xứ Guyane (Nam Mỹ) - Nhưng sau đó vì tình trạng chiến tranh (1914 - 1918) không thể đưa đi được nên thực dân Pháp cho giam tại khám lớn Saigon.

VỤ ĐÁNH KHÁM LỚN SAIGON

Vào khoảng giữa tháng giêng 1916, nhiều tổ chức bí mật, với mục đích "phản Pháp phục Nam" được hình thành tại nhiều nơi ở Nam-Kỳ.

Để đề phòng, thực dân Pháp tung ra nhiều cuộc khám xét, và trong các cuộc khám xét này chúng tìm thấy rất nhiều bom đạn chứng tỏ rằng có âm mưu bạo động...

Dầu vậy trong tháng giêng 1916, trong nhiều trường hợp, các tổ-chức bí mật nói trên cũng đã lãnh đạo được các vụ chống mộ lính, để đưa sang chánh quốc chết thế cho thực dân như : Ngày 23-1-1916 tại Chánh Mỹ-Trung (Biên-Hòa) đã có cuộc uy-hiếp hương lý và đánh chết bọn công sai không cho mộ lính; ngày 24-1-1916, tại nhà giam Biên-Hòa, các tù nhân đã cướp súng giặc và bắn vào đầu chúng; ngày 25-1-1916, ở chợ Tân-Uyên (Biên-Hòa) dân chúng đã đốt phá chợ, giết lính và đánh tên đốn trưởng kiểm lâm... Ngoài ra còn rất nhiều cuộc bạo động ở khắp Nam-Kỳ.

Trong đêm 14 rạng ngày 15/2/1916, vào lúc 3 giờ sáng, khoảng 300 người võ trang bạch khí, dùng ghe xuồng từ sông Saigon vào kinh Tàu hủ và "đổ bộ" lên Saigon. Sau khi "đổ bộ", đoàn người bạo động chia làm 3 cánh, chia làm 3 ngả tiến vào trung tâm thành-phố. Một trong các cánh đã tấn công một chiếc xe hơi của 1 người Âu và hô khẩu hiệu "giết tây!", làm bị thương một trong số các người ngồi trên xe. Rồi cánh này lại đụng độ với cảnh sát trên đường "tiến quân" khiến 2 người trong cánh bị giết.

Xong, tất cả các cánh đều nhắm khám lớn Saigon tấn công, nhằm giải thoát cho các chính trị phạm, nhất là "Lãnh-tụ" Phan-Xích-Long. Lập tức quân trú phòng của Pháp từ trong khám bắn xối xả vào những người bạo động làm cho ba người bị thương, khiến họ phải chạy tán loạn về các ghe xuồng để rút lui.

Song song với việc tấn công khám lớn Saigon, khoảng 60 người tiến về phía Chợ-Lớn, bị Trung-Úy Vermeren chỉ-huy bọn "Sen đầm" chặn đánh. Sau loạt đạn đầu tiên, phía những người bạo động có 4 người bị loại khỏi vòng chiến, một số bị bắt, số còn lại rút lui tán loạn.

Pháp cho rằng các vụ bạo động này nằm trong âm mưu tổng khởi nghĩa,nên thẳng tay đàn áp. Nhiều vụ khám xét,bắt bớ,từ đây, đã được thực dân phóng ra để đàn áp nhân dân...

Kiểm điểm lại các vụ bạo động này chúng ta thấy có đặc điểm và khuyết điểm sau đây :

Đặc điểm : tinh thần của nhân dân ta, mặc dầu bị thực dân Pháp kềm kẹp sắt đá và khủng bố dã man, nhưng lúc nào cũng như chiếc lò xo sẵn sàng "bung" lên khi có cơ hội...

Khuyết điểm : thiếu lãnh đạo, thiếu tổ chức, thiếu kế hoạch và mê tín dị đoan...

Tóm lại,dầu sao đi nữa thì Thiên-Địa hội cũng đem lại được một tiếng vang, nó nung nấu tinh thần cách mạng trong dân chúng : lớp này ngã xuống,lớp kia tiến lên cho đến thắng lợi cuối cùng...



7.— Cuộc vùng dậy của Vua Duy-Tân.

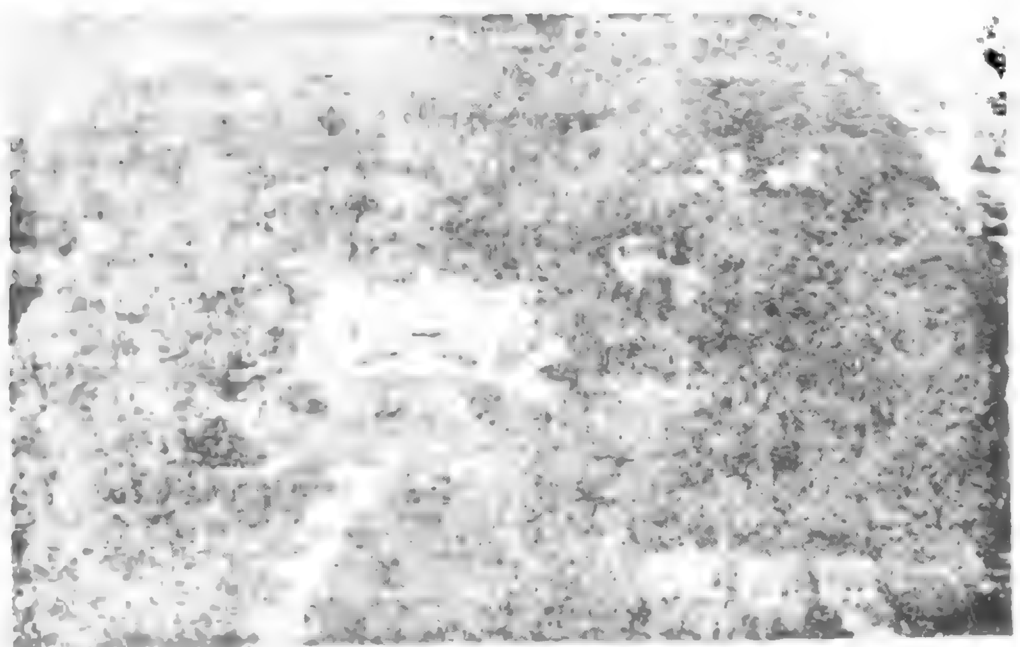
(Tháng 5/1916)

. Cuộc thế chiến lần thứ nhất ngày càng trở nên ác liệt và ở Pháp, trận thư hùng giữa Pháp và Đức ở Verdun vẫn tiếp diễn, chưa phân thắng bại, làm cho cả thế giới theo dõi hồi hộp... Trong khi đó đạo quân thứ năm của Đức hoạt động ở Đông-Dương tung tin là quân Pháp sẽ bị đánh bại trong trận chiến vĩ đại nhất lịch sử nói trên, và sau đó nước Pháp sẽ bị mất dễ dàng.

Tại Việt-Nam, vua Duy-Tân (Thái-tử Vĩnh-San) lên ngôi từ năm 1907, hồi mới 7 tuổi, thế cho cha là vua Thành-Thái (Bửu-Lân), bị bắt và bị đi đầy sau âm mưu bạo động ngày 30/7/1907 bị thất bại... Mặc dầu hãy còn nhỏ tuổi, 16, nhưng vua tỏ ra thông minh hay làm những bài thơ, những câu đối có nghĩa khi nên một số sỹ phu như các Ông Trần-cao-Vân, Thái Phiên, Lê-Ngung, Lê-Dương và một số nhân sỹ Nam Ngãi chú ý, muốn nhân cơ hội Pháp đang bối rối ủng hộ vua để khôi phục lại nước Việt-Nam.

Theo sự phân nhiệm của các sỹ phu thì các Ông Trần-cao-Vân và Thái-Phiên, lợi dụng lúc đi câu để tuyên truyền và thuyết phục Vua Duy-Tân - Họ lấy việc vua Thành-Thái bị an-trí, việc khâm sứ MAHÉ đào mả vua Tự-Đức (1913) làm đề tài...Kết quả nhà vua, vốn muốn thoát ra ngoài vòng cương tỏa của thực dân, nên hưởng ứng liền, tán thành một cuộc bạo động chống Pháp và chuẩn bị phát động...

Cuộc bạo động được sắp xếp theo ý niệm như sau :



Dinh và đường Norodom (Dinh Norodom được khởi công xây cất vào ngày 23-2-1868 do Đề-đốc De la Granvière đặt viên đá đầu tiên — Dinh này bị phá ngày 27-2-62 hiện giờ là địa điểm của Dinh Độc-Lập. Riêng con đường Norodom bây giờ gọi là đường Thống-Nhất).

Vua Duy-Tân sẽ xuất bôn, các tân binh Việt-Nam trong các trại lính Pháp (lực lượng chính) sẽ phối hợp với dân quân ở ngoài, đồng loạt vùng dậy ở Huế và suốt mấy tỉnh Trung-Kỳ.

Ngày khởi sự sẽ là 3/5/1916.

Tưởng cũng cần nói cho rõ là vì lúc bấy giờ bên chánh quốc lâm nguy, thực dân Pháp ở Việt-Nam phải gấp rút tuyển mộ binh lính để ném vào chiến trường bên Pháp, chết thế cho chúng... Riêng tại thành Huế đã có đến 2.000 tân binh, còn rải rác ở các tỉnh cũng nhiều... Để lôi kéo những người này, các sỹ phu một mặt truyền các tin tức chiến sự từ Pháp gởi sang, làm cho họ xao xuyến... mặt khác, dùng những bài ca, bài thơ, hò, vè... nói về sự nhớ nhà, nhớ nước, nhớ vợ con, bạn bè..., làm cho họ vốn đã xao xuyến lại càng xao xuyến hơn. Ngoài ra để khích lệ họ, một số người quan trọng còn nhận được chiếu chỉ của vua Duy-Tân để hiệu triệu khởi nghĩa và phong chức tước...

Ngày khởi sự, như trên đã nói, là ngày 3/5/1916, nhưng chiều ngày 2/5/1916, vì sự tuyên truyền quá lộ liễu và vụng về, nên tên Võ-An, tân binh, tham dự vào cuộc binh biến, có báo cho anh nó là tên Võ-Huệ, thuộc cơ lính Quảng-Ngãi biết là sắp có cuộc binh biến... Huệ liền xin phép về nhà nghỉ. Tên gian quan đầu tỉnh cật vấn Huệ, Huệ khai hết cả. Do đó tên Công sứ De Tastes, một mặt cho áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ các Pháp kiều, trấn áp cuộc vùng dậy và mặt khác cấp tốc mở cuộc điều tra để tìm ra manh mối... Sau cuộc điều tra, Pháp biết được rằng vụ Quảng-Ngãi chỉ là vụ mở đầu cho một cuộc tổng bạo động vào ngày hôm sau, 3/5/1916, tại Huế và hầu hết các Tỉnh Trung-Kỳ...

Lập tức tin tức được loan truyền đi Huế cùng các tỉnh, và quân Pháp đã có đủ thì giờ để dự bị đối phó...

Riêng tại Huế lúc bấy giờ Pháp chỉ có :

1. Quân-Sỹ người Âu ở trong thành : Quân trấn trưởng : Thiếu tá Tujague, 2 Sỹ-quan, 4 Hạ Sỹ-quan và 24 Kiều dân, phần lớn là các tay mại bản ở trong thành phố.

Về hỏa khí Pháp có 1 khẩu đại bác 65 ly, nhưng không ai biết xử dụng, từ 200 đến 300 khẩu súng trường kiểu 1892, hãy còn ở trong thùng chưa khui và 1 triệu viên đạn.

2. Lính khố xanh : 2 Liên-đội, gồm 250 người trang bị súng trường 1892, do Giám-Binh Lanneluc và các Lãnh binh Pagani và Larquetout chỉ huy.

3. Ngoài ra còn 2000 tân binh tập trung ở đây để chờ tàu đi Pháp.

Rồi khâm sứ Trung-Kỳ ra lệnh :

1. Tước khí giới của đám tân binh nói trên và canh chừng những người này .

2. Giao cho bọn khố xanh trách nhiệm phòng vệ thị xã Huế.

3. Sẵn sàng ứng chiến...

Đến 23 giờ ngày 3/5/1916, một cuộc xô xát giữa các Nghĩa quân và đám tay sai của thực dân đã xảy ra ở bến kia cầu đối diện với thành Huế. Nghe tiếng hò hét, 50 tên khố xanh ứng trực ở trong vườn tòa khâm-sứ, dưới quyền chỉ huy của Lãnh-binh Pagani, liền tiến về phía đó để can thiệp, nhưng khi quân Pháp đến thì Nghĩa-quân đã rút lui.

Vì lực lượng chính đã bị "tước khí giới" mà các nhà lãnh đạo không hay biết, cứ cho xúc tiến kế hoạch (?) : đến nửa đêm, vua Duy-Tân rời hoàng-thành, cùng với 3 Sỹ phu, dùng 1 chiếc thuyền đi trên sông Phú-Cam, đến một nơi bí mật - Tại đây nhà Vua đã ký sắc phong cho một số lãnh tụ... Các toán nghĩa-quân ở ngoài chờ tiếng súng ở trong thì sẽ hưởng ứng, nhưng chẳng bao giờ có tiếng súng cả, vì, như trên đã nói, lực lượng chính đã bị tước khí giới và cô lập thì còn làm gì được nữa ? và các toán Nghĩa-quân bị dẹp tan.

Tại các tỉnh, ngoại trừ ở Tam-Kỳ (Quảng-Nam), Nghĩa-Quân đã nổi dậy chiếm được công sơ, giết được một vài tên ác ôn trước khi bị dẹp tan, còn các nơi khác đều bị bóp nghẹt trước khi hành động.

Ngày hôm sau, Le Fol, Đổng-Lý Văn-Phòng Tòa Khâm-Sứ, cùng với 3 công chức khác, có một số lính khố xanh, do Giám-binh Lanneluc

chỉ huy, được lệnh đi truy lùng và bắt vua Duy-Tân - Lúc này nhà vua đã tách rời 3 Sỹ phu nói trên, để ẩn náu tại một ngôi chùa gần Nam-giao cách xa thị-xã chừng 5 cây số. Tại đây quân Pháp đã phát hiện và bắt vua. Khi chúng vào, một tên định tiến đến để lục soát một cái gói ở thắt lưng của nhà vua. Nhà vua vừa lùi 1 bước vừa nói "đừng đến gần, ta không có vũ khí gì cả, rất tiếc là nếu ta có 1 khẩu súng lục thì ta sẽ bắn chết cả bốn đứa bay".

Rồi sau đó, vua Duy-Tân bị đầy đi đảo Réunion, các lãnh tụ khác như Trần-Cao-Vân, Thái-Phiên, Phạm-thành-Chương, Phan-thanh-Tài, Lê Dương v.v... đều bị hy sinh...

Sau vụ "Hà-thành đầu độc" thì đây là lần thứ hai binh lính Việt-Nam, đặc biệt là binh lính bị bọn thực dân bắt đi để sửa soạn chết thế cho chúng ở chiến trường Âu-Châu, có âm mưu làm binh biến.

Cuộc binh biến bị thất bại vì :

1. Không có một bộ chỉ-huy và Tham-Mưu có khả năng.

2. Tuyên truyền bừa bãi, thiếu cảnh giác, thiếu tổ chức.

3. Thiếu phối hợp.

4. Lực lượng chính (các tân binh chuẩn bị đi Âu-Châu) đã bị tước khí giới và cô lập mà Bộ Chỉ Huy không hay biết !

5. Trước giờ khởi sự (oooo giờ ngày 4/5/1916) lại gây ra cuộc xô xát với bọn tay sai của giặc.

6. Không có một kế hoạch đúng đắn, không trù liệu khi kế hoạch bị thất bại thì sẽ phải áp dụng các giải pháp nào ? Khiến cho lúc bị bóp nghẹt, vua không còn biết đi đâu nữa và sa vào tay giặc !

7. So sánh tương quan lực lượng thì ta thấy rằng thực dân Pháp chỉ có 34 tên, trong khi đó ta có cả hàng triệu người VN mà không tràn ngập được chúng thì là điều phải suy ngẫm...

Tóm lại, cuộc binh biến lần này mặc dầu thất bại, nhưng không phải là chấm dứt và nó sẽ còn liên tiếp bùng nổ ra sau này.



DUY-TÂN

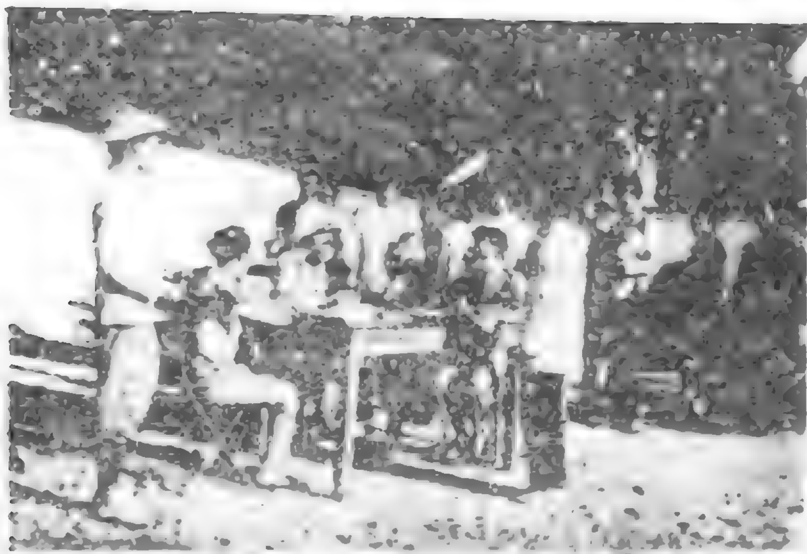
GHI CHÚ : Vua Duy-Tân, cũng như vua cha là Thành-Thái và vua Hàm-Nghi, mặc dầu bị thực dân kềm kẹp, nhưng vẫn cố vùng vẫy, để mong khôi phục lại giang sơn. Nhưng tiếc thay trong thời gian bị lưu đày ở đảo Réunion, nhà vua đã bị Pháp cảm hóa và trở nên tay sai cho chúng : Năm 1946, De Gaulle đã âm mưu đưa Duy-Tân về nước áp dụng "giải pháp Duy-Tân" (trước giải pháp Bảo-Đại). Nhưng trong thời gian chuẩn bị thì Ông bị chết vì tai nạn máy bay tại Bắc-Phi, trên đường về thăm vợ (lúc bấy giờ ông đang từ Chuẩn-Úy nhảy lên Thiếu-Tá trong Quân-đội Pháp...) Do đó ta chưa thấy "Giải pháp Duy-Tân" ra đời.

Thật là tiếc thay ! hùng khí lúc vua Duy-Tân bị bắt năm 1916, nó khác với cử chỉ và lời nói nồng nặc mùi tay sai thực dân của Thái-Tử Vĩnh-San năm 1946 !



8.– Binh lính người Việt trong quân đội Pháp.

Thực dân Pháp đã học được của thực dân Anh những kinh nghiệm "thực dân" qúy báu ở Ấn-Độ, Miến-Điện v.v... Nhất là việc dùng người bản xứ đánh người bản xứ, hoặc dùng người xứ này đánh với người xứ nọ... Vì vậy thực dân Pháp đã có những thủ đoạn thâm độc hơn trong việc dùng người Việt đánh người Việt.



Hình ảnh hoạt động của một toán tuyển mộ lính Khố Xanh.

Cần phải nhấn mạnh là không phải là về sau này Pháp mới nghĩ đến dùng người Việt đánh người Việt, mà ngay cả trận đánh Đà Nẵng lần thứ nhất ngày 01/09/1858, chúng cũng đã dùng 2 Đại Đội phụ lực quân gồm bọn đào ngũ, bọn công giáo Bắc kỳ tỵ nạn, bọn thổ phỉ và dân phu Tàu... chết thế cho chúng...

Rồi chúng lại đem theo đám phụ lực quân nói trên vào Gia Định, để tham gia cuộc đổ bộ ngày 19/2/1859... Từ đó phạm vi lấn chiếm càng mở rộng, chúng càng đẩy mạnh việc dùng người Việt đánh người Việt.

Tháng 03/1861, chúng đã thành lập được 4 Đại Đội ở Gia Định và Mỹ Tho. Tháng 02/1862 chúng đã có 3 Tiểu đoàn. Chúng đi đến đâu thì tuyển mộ người tình nguyện đến đó, hoặc bắt các làng nộp lính. Mỗi tỉnh chúng đều có 1 Tiểu đoàn. Tuy vậy phải đến tháng 05/1868, sau khi chiếm toàn bộ Nam Kỳ... rồi, chúng mới bắt đầu tổ chức ra ba loại lính: chánh quy, địa phương và phụ lực. Chánh quy là những lính khố đỏ, pháo thủ, tàu thủy, lê dương và sau thêm tàu bay (xen lồng trong các đơn vị người Âu); địa phương là những lính khố xanh thuộc quyền Thống sứ; phụ lực là các lính khố lục (lính cơ), khố trắng, khố vàng thuộc bọn quan lại Việt Nam tay sai của chúng - Ở miền thượng du các lính sau này gọi là lính Châu hay lính Dõng.



CÁC ĐIỀU LỢI CỦA THỰC DÂN PHÁP TRONG VIỆC LÙNG BINH LÍNH NGƯỜI VIỆT

Thứ nhất : về chính trị, một mặt chúng dùng những người này làm trung gian giữa bọn thống trị và nhân dân ta, tuyên truyền và làm tai mắt cho chúng; mặt khác tiết kiệm được xương máu của thanh niên Pháp, tránh được sự phản đối của nhân dân Pháp khi con em họ hy sinh.

Thứ hai : Về kinh tế, chúng tiết kiệm được một số lớn kinh phí. Không phải chuyên chở lính từ Pháp qua hay về; hằng năm còn đỡ tiền chuyên chở lính về Pháp nghỉ...; lương của một người lính Việt-Nam chỉ bằng khoảng 1/10 lương của một tên Pháp đồng cấp. Do đó số lính người bản xứ thay cho lính Pháp càng nhiều bao nhiêu càng hay bấy nhiêu...

Thứ ba: về quân sự, binh lính người Việt là một kho dự trữ khổng lồ, để bổ sung cho các đơn vị Pháp và ngày càng đi dần đến chỗ thay thế quân Pháp trong công cuộc bảo vệ an ninh cũng như chiến tranh. Hơn nữa, binh lính Việt Nam là những người dẻo dai, chịu đựng được gian khổ, quen khí hậu, lại biết rõ địa lý, phong tục tập quán và tình hình dân chúng; lúc thường thì đóng ở những nơi khí hậu xấu hay đồn bót địa phương, để cho lính Pháp đóng trong các thị trấn hay yếu điểm quân sự; lúc chiến tranh thì đi trước làm bia đỡ đạn cho lính Pháp...

VIỆC ĐÃI NGỘ BẤT BÌNH ĐẲNG GIỮA BINH LÍNH PHÁP VÀ BINH LÍNH V.N.

Mặc dù công dụng của binh lính Việt Nam là để đánh thuê, chết thế cho chúng, nhưng thực dân Pháp đối với họ cũng như đối với nhân dân các xứ thuộc địa, vẫn xử sự một cách bất bình đẳng.

Về lương bổng, phụ cấp, trang bị, giữa lính Pháp và lính Việt Nam sự chênh lệch có thể trông thấy rõ rệt: cùng cấp bậc, cùng thâm niên, cùng nhiệm vụ, nhưng người lính Việt Nam trong quân đội Pháp bao giờ cũng nặng nhọc hơn, sự hưởng thụ bao giờ cũng kém hơn. Lấy thí dụ một Thương sĩ của Pháp năm 1887 mỗi năm lãnh 5000 Francs, trong khi người Thượng sĩ Việt Nam (cấp bậc cao nhất của người Việt trong Quân đội Pháp) lãnh có 900 Francs, ấy là chưa kể các thứ phụ cấp khác như nhà ở, quần áo và gia nhân.v.v... (của Thượng sĩ Pháp nói trên).

Về cấp bậc thì mãi về sau này, nhất là trong khoảng thời gian giữa hai cuộc đệ nhất và đệ nhị thế chiến, một mặt Pháp mở cửa cho một số người Việt lên hàng Sĩ quan, nhất là những kẻ phản quốc; mặt khác chúng cấp tốc mở trường đào tạo một số Sĩ quan, để dạy lính mới và dùng vào việc gây ảnh hưởng cho chúng. Nhưng thực sự ngoài một số thân Pháp hay có quốc tịch Pháp được vào học tại các trường Sĩ quan, còn các người Việt Nam khác nói chung, ít có hy vọng nhoi lên cấp chỉ huy, dù là cấp chỉ huy Trung hay Đại đội. Tuy vậy các Sĩ quan này cũng vẫn bị chính sách bất bình đẳng chi phối.

Về kỷ luật thì người lính Việt Nam trong Quân đội Pháp bị gò bó trong những điều hết sức vô lý... Thậm chí "thì thầm to nhỏ... với nhau" cũng bị coi là vi phạm kỷ luật và chịu những hình phạt hết sức dã man như phạt roi, nhốt vào khám tối, phơi nắng, cạo đầu, cúp lương.v.v...

THỦ ĐOẠN « CHIA ĐỂ TRỊ » BINH LÍNH VIỆT NAM

Đối với việc cai trị các sắc tộc trên đất Việt Nam, thực dân Pháp triệt để áp dụng chính sách "chia để trị" là điều tự nhiên. Nhưng ngay đến cả đám binh lính Việt Nam trong quân đội của chúng, chúng cũng áp dụng đường lối này, hầu nắm lấy lòng "trung thành" của tất cả. Chúng gây mâu thuẫn giữa quân chủng này với quân chủng nọ, giữa đơn vị này với đơn vị nọ, giữa lính địa phương này với địa phương nọ và ngay trong các quân binh chủng, các đơn vị hay các địa phương... chúng cũng lại gây mâu thuẫn... Ngoài ra chúng còn khuyến khích hoặc làm lơ trước những vụ lính sách nhiễu, hiếp đáp hay đánh đập dân..., để gây chia rẽ giữa dân và lính, khiến dân xem lính như "những kẻ bất nhân" hầu tránh những vụ móc nối.v.v... giữa dân và lính.

Thâm độc hơn cả là để trấn áp các vụ bạo động, thực dân Pháp đã dùng người địa phương này khủng bố người địa phương nọ, như vụ dùng lính Bắc kỳ đàn áp vụ thuế ở Trung kỳ,



Ảnh một lính Khố Đỏ của Pháp

như vụ tên Trần Bá Lộc đao phủ Nam kỳ được Pháp cử ra Trung làm Bình- Phú - Khánh Thuận Tổng Đốc (Tổng Đốc 4 tỉnh) để đàn áp phong trào Cần Vương ở mấy tỉnh này - hay dùng lính ở binh chủng này đàn áp lính ở binh chủng nọ - vụ dùng bọn khố xanh đàn áp các tân binh chuẩn bị đi Âu Châu làm binh biến ở Huế.v.v...

Do đó, ta thấy gần một trăm năm dưới gông cùm kềm kẹp của thực dân Pháp, tại Việt Nam không có một phong trào giải phóng quốc gia hay không có một cuộc bạo động có tính cách tổng quát, mà chỉ lẻ tẻ, cục bộ, nhất thời hoặc chết yểu mà thôi.



9.– Binh lính người Việt trong quân đội Pháp chống Pháp.

Như chúng ta đã biết các binh lính Việt Nam trong hàng ngũ Pháp, ngoại trừ một số có địa vị đã cam tâm làm tay sai cho giặc, chém giết đồng bào của chúng, còn đại đa số vì sinh kế, hay bị bắt buộc hoặc lừa phỉnh phải đi lính cho chúng, là những người hiền lành chất phác, không có cao vọng nào khác là được sống yên lành, có đủ lương nuôi cha mẹ, vợ con ... Và khi giải ngũ có ít tiền vốn để làm ăn hoặc nếu được phẩm hàm thì là điều hãnh diện cho họ. Nhưng vì thực dân Pháp muốn biến họ thành những công cụ của chúng trong việc phản lại tổ quốc, bảo vệ dinh thự, kho tàng, hầm mỏ, nhà máy, đồn điền, ngân hàng...của chúng, để làm bia đỡ đạn cho chúng khi có chiến tranh. Họ đã chịu đựng bao nhiêu khổ cực, bao nhiêu bất công... trút lên đầu lên cổ họ... nên lòng căm thu đã tiềm tàng và chỉ chờ cơ hội là bùng nổ ra.

Cho nên ta vẫn thấy các cuộc đấu tranh từ thấp nhất đến cao nhất, xảy ra trong số binh lính người Việt trong quân đội Pháp : từ việc khiếu nại một vài sự tàn ác của các tên chỉ huy người Pháp, cho đến những vụ cầm súng giặc bắn vào đầu giặc, để chạy theo cách mạng đã xảy ra luôn...

Trong các cuộc vùng dậy ở Bãi Sậy, Yên Thế.v.v... đã có nhiều binh lính Việt Nam trong



Một Thượng-Sĩ Khố Đỏ, khi về hưu được Pháp phong chức "Đề-Đốc" Việt-Nam (Tương đương với Thiếu Tướng bây giờ)

quân đội Pháp dùng súng của giặc bắn vào đầu giặc, rồi vác súng chạy sang hàng ngũ Nghĩa quân. Một vài trường hợp cả một đồn hay một đơn vị nổi dậy bắn chết tên chỉ huy Pháp mang toàn bộ vũ khí chạy sang hàng ngũ Nghĩa quân, như đêm 7 rạng ngày 8-7-1888 lính khố xanh ở đồn Thanh Trì (Hà Đông) đã hưởng ứng lời kêu gọi của Nghĩa quân Bãi Sậy, đánh chiếm đồn một cách dễ dàng; đêm 28 rạng ngày 29/1/1891, một số lính người Mường ở đồn chợ Bờ, tỉnh lỵ Hòa Bình, đã hưởng ứng lời kêu gọi của lãnh tụ Nghĩa quân là Đốc Ngữ, giết đồn trưởng Ziegler, Công sứ Rougery, Giám thị Lévy, phá nhà tù, chiếm tỉnh lỵ; ngày 05/5/1894, một số lính khố xanh Bắc Ninh đã bắn chết tên Hiến binh Verdême và tên Trưởng Ty quan thuế Maulhaud; cũng khoảng thời gian này, tất cả binh lính thuộc đồn Phù sa (gần Phù Lỗ) vác súng chạy sang hàng ngũ Nghĩa quân; ngày 16/5/1894, đến lượt đồn Kim Anh theo chân đồn Phù sa.v.v.



Lính Khố Xanh và Lính Co năm 1894

Sang đầu thế kỷ thứ 20, các phương thức vận động binh lính Việt-Nam trong hàng ngũ Pháp đã có nhiều tiến bộ. Do đó các cuộc binh biến đã trở nên quy mô hơn từ vụ Hà thành đầu độc tới vụ khởi nghĩa của Vua Duy-Tân (mà các tân binh được chuẩn bị gởi đi Âu-Châu đóng vai chánh); mặc dầu thất bại, nhưng đã có lần nói ở trên, nó là một "bước ngoặc" trong lịch sử kháng Pháp của dân tộc ta : binh lính Việt-Nam trong hàng ngũ Pháp chống Pháp.

Cho đến khi đệ nhất thế chiến bùng nổ, thực dân Pháp phải dồn lực lượng sang mặt trận Âu-Châu, các binh lính Việt-Nam lại có cơ hội phất cao lá cờ "Nam binh phục quốc" mà chúng ta sẽ tìm hiểu ở những mục kế tiếp.

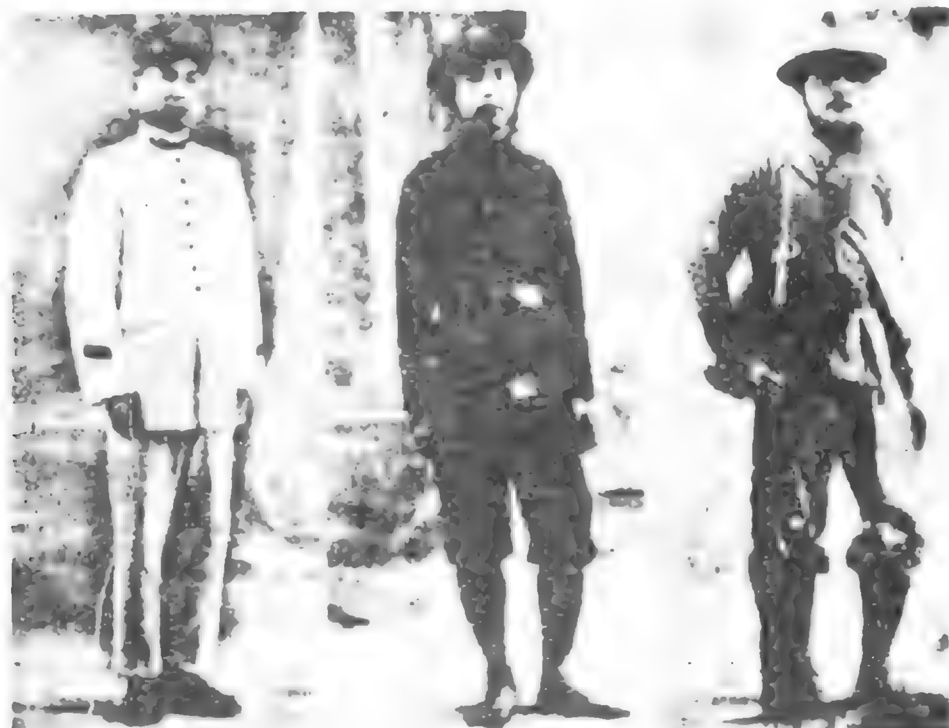


10. – Cuộc binh biến của binh lính Việt-Nam trong quân đội Pháp tại Thái-Nguyên trong đêm 30 rạng ngày 31-8-17.

Thế chiến lần thứ nhất bùng nổ, thực dân Pháp phải dồn mọi nỗ lực sang mặt trận Âu Châu, các nhà cách mạng Việt Nam cho rằng thời cơ đã đến, cần phải lợi dụng cơ hội vùng lên để phục quốc.

Tại Thái Nguyên, thực dân Pháp đã tập trung một số lớn chính trị phạm, giam tại đây và giao cho lính khố xanh phụ trách canh giữ. Vì số tù nhân ngày càng đông, mà lính canh lại chỉ có hạn, 1 đại đội, họ phải làm việc quá mức dưới ánh nắng thiêu đốt, nên nhiều khi đâm ù lỳ v.v... Do đó Công sứ DARLES và Giám binh Noël, có tên phó quản Lạp tiếp tay, đã cho áp dụng kỷ luật rất tàn bạo đối với bọn khố xanh. Chúng lập ra một Trung đội kỷ luật, để trừng trị những kẻ ương bướng. Hơn thế nữa Công sứ DARLES là một người rất hung ác, không những hắn đánh đập tù nhân, mà còn đánh đập cả các Hạ sĩ quan và binh sĩ Việt Nam, không cần giữ thể diện cho họ trước mặt các tù nhân... Hắn hung ác đến đỗi Thống sứ GALLEN đã nhiều lần khuyên can, nhưng vẫn không làm hắn thay đổi. Vì vậy hắn đã được nhân dân liệt vào loại "tứ hung" trong số các tên thực dân tại Việt Nam : Nhất Đạc (DARLES), nhì Ke (ECKER), tam Be (GALAMBERT), tứ Bít (BRIDES).

Về phía các chính trị phạm, thấy sự đối xử của thực dân Pháp đối với binh lính người Việt cũng không hơn gì họ, nên lợi dụng lúc những người này đi coi sóc họ làm công việc khổ sai, đã kể cho nghe những mẩu chuyện hy sinh của những anh hùng liệt sỹ, những thơ ca, hò vè yêu nước v.v... nên đôi bên đã cảm thông nhau, thề cùng nhau phải vùng lên tranh đấu.



Hình ảnh một Trung-Sĩ, một Hạ-Sĩ và một Binh Nhất lính Khố Đỏ.

Nói đến cuộc binh biến Thái Nguyên là ta phải nghĩ ngay đến Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến. Cấn tên thật Trịnh Văn Đạt người làng Yên-nhiên, Phủ Vĩnh Tường tỉnh Vĩnh Yên, đi lính khố xanh từ thuở nhỏ, đóng ở Thái Nguyên từ lâu và đã từng tham dự nhiều trận thư hùng giữa Nghĩa quân và thực dân..., nên đã chứng kiến nhiều trường hợp anh dũng hoặc hy sinh cao cả của Nghĩa quân. Do đó mà trong lòng Cấn vẫn tiềm tàng lòng thương xót giống nòi, quê hương và nghĩ cần phải làm một cái gì để khôi phục... Tưởng cần phải nhấn mạnh là không phải về tỉnh lỵ Thái Nguyên Cấn mới có ý định phất cờ khởi nghĩa, mà ngay cả khi còn đóng ở Chợ Chu, khi thấy Pháp đang lúng túng vì trận thế chiến mới bùng nổ, Cấn cũng đã có ý định phất cờ khởi nghĩa. Nhưng chưa kịp bắt tay vào việc, mặc dầu đã liên lạc được với một số anh em, thì Cấn phải đổi về tỉnh lỵ. Tuy việc thuyên chuyển này nó là một cái rủi cho Cấn, nhưng lại là một cái may tốt hơn : Về tỉnh lỵ có thể liên lạc được với nhiều nơi hơn, vì hàng tháng các đồn lẻ, các quận lỵ v.v.... đều về tỉnh lãnh lương; do đó Cấn đã móc nối được nhiều người hơn : Đội Giá, Đội Trường, Đội Lữ, Đội Nhi, Cai Xuyến, Cai Ưng, Cai Mạnh, Bếp Nhiều, Bếp Yến v.v...; Còn Lương Ngọc Quyến tên thật là Lương Lập Nham con cụ Cử Ôn - Như Lương Văn Can (một trong các sáng lập viên Đông kinh Nghĩa thục) người làng Nhị Khê, huyện Thường Phúc, tỉnh Hà Đông là một thanh niên ưu tú trong đám du học sinh hải ngoại, do cụ Phan Bội Châu mang qua Tàu và Nhật để học. Quyến tốt nghiệp trường Chấn Vũ bên Nhật, rồi chỉ huy Quang Phục quân. Quang phục quân tan rã, Quyến ẩn náu ở Hương Cảng bị thực dân Anh bắt và giao cho Pháp, Pháp mang giam ở Thái Nguyên cùng với nhiều chính trị phạm trong vụ Duy Tân, Yên Thế v.v... Rồi Cấn và Quyến gặp nhau trong trường hợp đi làm "cỏ vê", như ở trên đây đã nói và cùng nhau bàn định kế hoạch phục quốc...



TRỊNH - VĂN - CẤN

Lần thứ nhất ngày khởi nghĩa định vào tháng 6/1917, trong dịp tên Giám binh Noël đi phủ Đại Từ đốc thuế. Nghĩa quân định giết tên Noël, cướp tiền thuế và lẳng lặng kéo về tỉnh tuyên bố khởi nghĩa. Dĩ nhiên những người tháp tùng Noël đi đốc thuế và bảo vệ tiền thuế từ Hùng Sơn về tỉnh lỵ đều là những người đã được tổ chức. Việc hạ sát định thi hành tại bến đò Huy Ngạc cách phủ chừng 1 cây số, nhưng gặp trở ngại nên phải đình lại...

Lần thứ hai vào khoảng cuối tháng 6/1917, Nghĩa quân định vào một buổi tối, đến đốt nhà một vài tên tay sai giặc, để lính trong trại "bộ binh thuộc địa" (đa số là ngoại quốc) ra chữa cháy, rồi một cánh Nghĩa quân chặn đánh chúng; cánh thứ hai xung phong vào trại, giết lính gác, cướp súng, và đánh chiếm tỉnh lỵ. Kế hoạch này cũng gặp trắc trở nên chưa thực hiện được...

Lần thứ ba Nghĩa quân định lợi dụng ngày "hội tây" (14/7), sẽ đánh úp tỉnh lỵ, bằng cách khi đi diễn binh, qua khán đài, nổ súng vào khán đài (1), là nơi có tên trùm thực dân địa phương và nhiều tên thực dân cùng gian quan khác ở đó, rồi đánh chiếm luôn tỉnh lỵ. Nhưng các cấp lãnh đạo lại sợ rằng nếu phát động vào ngày đó, thì sẽ có nhiều đồng bào đi xem "hội tây" bị tai bay vạ gió nên lại thôi.

Ngày khởi sự lần thứ tư chưa được quyết định dứt khoát thì có tin một số hạ sĩ quan và binh sĩ sẽ bị thuyên chuyển hay giải ngũ, trong số có cả ông Đội Trịnh Văn Cấn bị "hồi hưu" sau 20 năm quân vụ, một phần vì lý do "kỷ luật". Các cấp lãnh đạo đều cho rằng không thể trù trừ hơn nữa được và ngày khởi sự sẽ là ngày lãnh lương cuối tháng 8/1917, nếu không thì sẽ lỡ dở cả...

---

(1) Thường thường đi diễn binh, các binh lính không được mang đạn, nhưng theo kế-hoạch, thì họ sẽ lắp đạn sẵn và chỉ việc chĩa súng vào bọn thống trị mà nổ...



Một cuộc diễn binh của Quân Pháp.

Theo kế hoạch thì một bộ phận do ông Đội Trường phụ trách, có nhiệm vụ diệt tên chỉ huy hung bạo của anh em là tên Giám binh Noël và tên Phó quản Lạp tại Bộ Chỉ huy trại khố xanh; một bộ phận thứ hai, do ông Đội Giá chỉ huy có nhiệm vụ phá nhà lao, giải phóng tù nhân...; một bộ phận thứ ba, chưa rõ cấp chỉ huy, có nhiệm vụ đánh úp trại lính "bộ binh thuộc địa" do 65 tên chống giữ, mà đa số là người Âu (40 tên).

Ngày khởi sự sẽ là đêm 30 rạng ngày 31-8-1917...

Đến ngày nói trên, như thường lệ, binh sĩ và các công chức ở các đồn lẻ hoặc phủ huyện về lãnh lương, ăn chơi cờ bạc, nên tỉnh lỵ Thái Nguyên đã trở nên náo nhiệt hơn thường ngày.

Đến 23 giờ, cuộc binh biến bùng nổ, theo đúng kế hoạch, ông Đội Trường mang quân đến diệt tên Noël và tên Lạp. Ông Trường đến nhà tên Noël, nói rằng có công điện khẩn từ Hànôi đánh lên, Noël không mở cửa, chỉ thò tay ra lấy bức công điện, nhưng làm gì có công điện, nên một người lính đứng cạnh ông Trường vội cầm dao chém vào tay hắn. Noël biết là có biến bèn đẩy cửa để chạy qua trại lính "bộ binh thuộc địa". Ông Trường thấy không còn cách nào khác bèn rút súng lục bắn theo. Noël bị ngã gục - Tuy hạ được Noël nhưng việc làm này lại hóa ra thất bại, vì lính ở trại "bộ binh thuộc địa" đã biết và do đó tính cách bất ngờ đối với bọn này không còn nữa...

Thấy động ở bên trại khố xanh, lính Pháp ở bên trại "bộ binh thuộc địa" cất tiếng hỏi thì bị quân khởi nghĩa đáp lại bằng những lời chửi rủa. Chúng không dám rời trại, chỉ ở trong thổi kèn báo động và tập họp công chức Pháp; trong khi trùm mật thám BESSAIT và mấy tên lính Pháp chạy sang Ty Bưu điện để cấp báo về Hànội...

Làm chủ được trại khố xanh, quân khởi nghĩa phá kho lấy trên 150 khẩu súng, rồi cắt đầu tên Noël và tên Lạp bầy trên hai cái đĩa để ở giữa kỳ đài, trừng trị khoảng trên 10 tên phản động, trong đó có Đội Hạnh, rồi kéo cờ có bốn chữ "Nam binh phục quốc" lên và tuyên bố khởi nghĩa.

Xong, chính bộ phận này chia nhau đi chiếm các công sở dinh thự. May cho tên DARLES và phụ tá của nó là TUSTE, vì đi nghỉ mát ở Đồ Sơn, nên thoát chết. Tên Trưởng Ty Kho bạc chạy thoát vào trại lính "bộ binh thuộc địa", quân khởi nghĩa vào lục soát lấy được 71.000$00, gồm một nửa là tiền giấy và 41.000$00 đồng bạc đồng. Tên Trưởng Ty Hiến binh là LYON và tên thầu khoán GAUTHIER, ban đầu định chạy qua trại khố xanh, nhưng

thấy bị chiếm nên chạy thoát qua trại "bộ binh thuộc địa".

Trong thời gian đó, ông Đội Giá đem 50 người qua phá nhà lao. Tên Giám ngục LOEW không mở cửa, vì hắn đã nghe thấy tiếng súng và kèn báo động... Ông Giá phải nói là "được Giám binh Noël phái mang lính sang tăng cường cho hắn". Do dự một lúc, hắn hỏi mật khẩu, ông Giá đáp đúng và được hắn cho mở cửa vào. Nhưng LOEW vẫn còn nghi ngờ, một tay cầm khẩu súng lục đã lên đạn, một tay vẫy gọi ông Giá đến gần hắn để cùng đi tuần quanh nhà giam. Các người tùy tùng ông Giá đến "tăng cường" cho trại giam đã lên đạn định hạ sát tên Chúa ngục nhiều lần, nhưng sợ đạn lạc trúng ông Giá, mãi đến một góc tường, hai người đứng so le, thì một viên đạn từ một lỗ châu mai gần đó nổ ra, xuyên qua tên LOEW, làm cho hắn chết không kịp ngáp. Vợ nó thấy vậy la lên và kêu cứu ầm ỹ thì bị một người của ông Giá cho một búa chết tốt.

Lúc này các cửa ngục đã được mở toang ra, 220 chính trị và thường phạm được giải phóng và được dẫn sang trại khố xanh. Nhiều người vì bị xiềng xích lâu ngày, đâm tê liệt, đi không nổi, anh em phải dìu qua, trong số có ông Lương Ngọc Quyến (tù nhân chính trị dưới thời Pháp thuộc thường phải đeo xiềng cả ban ngày, để đi làm khổ sai). Họ phải vượt qua một khoảng trống trước trại lính "bộ binh thuộc địa", để đến trại khố xanh. Bọn Pháp ở trong trại, dầu thấy vậy, cũng không dám ra, mà chỉ bắn khi thấy các tù nhân vượt khoảng trống mà thôi - trại "bộ binh thuộc địa" chỉ cách trại khố xanh có 200 thước - nên có một số bị thương nhẹ.

Như vậy hai bộ phận đã hoàn thành nhiệm vụ, nhưng bộ phận thứ ba đã không hoàn thành được nhiệm vụ là đánh úp trại lính "bộ binh thuộc địa". Vì như trên đã nói, tính chất bất ngờ không còn đối với chúng nữa, nên chúng có đủ thì giờ để chuẩn bị thủ hiểm ở trong trại và báo tin cho Hànôi biết.

Dân chúng trong tỉnh và phụ cận được tin, rất phấn khởi và nhiều người xin ra nhập hàng ngũ quân khởi nghĩa...

Lãnh tụ Trịnh Văn Cấn tuyên bố nhân dân và binh sĩ ai muốn tham gia công cuộc cứu quốc thì ở lại, còn không thì cho về quê với vợ con. Hầu hết mọi người đều ở lại, ngoại trừ 30 người đã nhảy rào bỏ trốn khi mới khai hỏa.

Rồi một mặt người ta chỉnh bị lại hàng ngũ : lính khố xanh gọi là lính cũ, các chính trị phạm gọi là lính mới, cộng tất cả là 351 người (131 lính khố xanh và 220 tù nhân) và số súng thu được 167 (không kể súng của các "lính cũ") và 91.175 viên đạn vừa đủ dùng; mặt khác, một hội nghị quân sự được mở ra, để bàn về kế hoạch trong các ngày sắp tới : Các ông Tú Hồi Xuân (ông người làng Hồi



Đồn Chợ Chu (Thái-Nguyên) đã bị phá hồi chiến tranh Việt Pháp 1945 - 1954



Lối vào một Pháo đài ngầm của Pháp.

Xuân, Trung kỳ, bị bắt sau vụ Duy Tân), Ba Quốc, Ba Lâm, đề nghị rằng vì cuộc khởi nghĩa vừa bùng nổ, giặc chưa kịp đề phòng, Nghĩa quân với những phương tiện vừa cướp được, nên chia quân đi tấn công các tỉnh lân cận như Phúc Yên, Bắc Giang, Bắc Cạn v.v... Đánh đến đâu chắc chắn nhân dân và binh lính sẽ hưởng ứng tới đó... Mỗi khi chiếm được phần thắng lợi là một dịp cho Nghĩa quân phát triển. Rồi cứ đó mà phát triển theo vết dầu loang... Quân Pháp sẽ lâm vào thế bị động, vì phải phân tán lực lượng, không thể tiếp cứu cho Thái Nguyên được... Trong khi đó nhóm chủ trương thế thủ, mà ông Lương Ngọc Quyến là đại biểu, thì cho rằng cuộc khởi nghĩa vừa bùng nổ, cần phải có thời giờ để chỉnh bị hàng ngũ, lấy Thái Nguyên làm căn cứ, nếu chia quân đi tấn công lung tung thì sẽ rơi vào bước phiêu lưu nguy hiểm. Ngoài ra, Quyến còn nhấn mạnh rằng nếu thất bại ở Thái Nguyên thì sẽ rút ra miền biên giới Quảng Tây sát nhập với Phục quốc quân ở đó...

Chủ tướng Trịnh Văn Cấn, đứng giữa hai chủ trương đối chọi nhau, băn khoăn, do dự... Nhưng cuối cùng, vì tin vào các hiểu biết về quân sự của Quyến, đã ngả theo chủ trương phòng ngự.

Kế hoạch được chấp thuận. Nghĩa quân chia nhau đi đóng tại các điểm chiến lược và trên các trục giao thông, từ các nơi đi tới Thái Nguyên, đào công sự v.v... để "chờ giặc"...

QUÂN PHÁP PHẢN CÔNG

Thống sứ GALLEN được điện tín báo nguy của Thái Nguyên, hồi 5 giờ sáng ngày 31-8-1917. GALLEN liền điện thoại cho Công sứ DARLES, đang nghỉ mát ở Đồ-sơn biết và gọi về để lo liệu.

17 giờ ngày 31-8-1917, DARLES cùng hai Giám binh MARTINI và PELLEGRINI nhặt nhạnh được 26 tên hương binh ở Hànội, Phúc Yên và Bắc Giang, mang lên chiếm đồn Gia sàng, cách xa tỉnh ly Thái Nguyên có 3 cây số, với mục đích là thám thính... Đến 17G30 thì bọn này bị Nghĩa quân tấn công. Sau gần nửa giờ nổ súng, Nghĩa quân rút lui mang theo 2 người chết.

Đến tối thì đám hương binh nói trên được thêm 16 tên thuộc các đồn Đức Thắng (Bắc Giang) và Hà Châu (Phúc Yên) đến tăng cường.

Ngày 1-9-1917, Đại Tá BERGER được chỉ định chỉ huy cuộc phản công và 1 đại đội

lính người Âu, có nhiều súng liến thanh và 1 khẩu đại bác, có 30 thân binh và 30 lính cơ, thuộc tỉnh Thái Nguyên tăng cường, được gởi đến Gia Sàng...

Trong khi đó Giám binh MARTINI mang 24 khố xanh, có bọn thân binh và lính cơ tăng cường, từ Gia Sàng tiến lên đóng ở một ngọn đồi ở bên phải con đường đi vào tỉnh ly - còn Giám binh PELLEGRINI và số còn lại vẫn ở Gia Sàng cùng với viện quân...

Ngày 2-9-1917, Đại đội Âu Châu nói trên bắt đầu tiến quân lên tấn công một xóm nhà và một ngôi chùa ở phía trước bọn MARTINI, cách xa Gia-Sàng 600 thước - bọn PELLEGRINI được lệnh ở lại làm trừ bị và sẽ tiến quân khi có lệnh...

Đến 8 giờ (cùng ngày 2/9), Giám binh PELLEGRINI tiến quân lên để trám vào khoảng trống giữa Đại đội Âu Châu nói trên và bọn MARTINI. Tại đây PELLEGRINI nhận được lệnh tiến chiếm một phòng tuyến trên một ngọn đồi, ở bên trái con đường (vào tỉnh ly). Được tăng cường thêm vài tên lính Âu Châu, PELLEGRINI, có tên Đội MÃO phụ tá, liều chết tiến lên và sau một trận đụng độ ác liệt chúng đã chiếm được phòng tuyến của Nghĩa Quân. Về phía Nghĩa quân thì 12 trong số 13 người chống giữ đều hy sinh tại chỗ chứ không chịu đầu hàng...

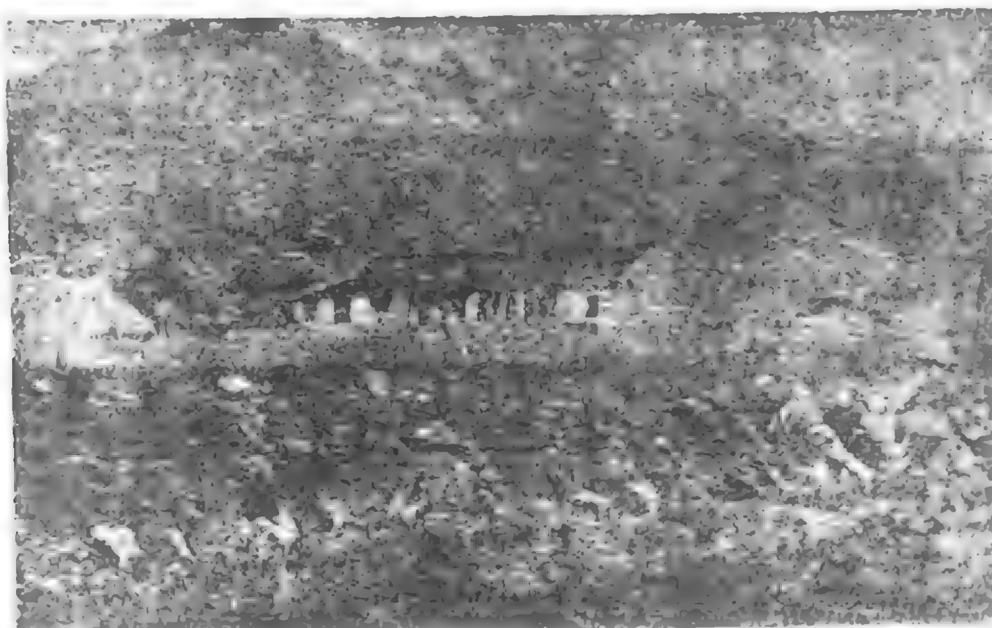
Ngày 3-9-1917, Pháp lại đưa thêm 120 lính Pháp, 150 khố xanh, khố đỏ đến Gia Sàng, để chuẩn bị tấn công...

Cùng ngày, vào hồi 18 giờ, Giám MARTINI báo cáo lên Đại Tá BERGER hắn bị uy hiếp, vì có nhiều Nghĩa quâ hiện...

Đến 21 giờ, khoảng 60 Nghĩa quân c công phủ đầu và chia cắt phòng tuyế MARTINI làm nhiều mảnh. Bọn khố thân binh, hương binh, lính cơ bỏ cha loạn. Kết qủa MARTINI và nhiều tên chết phải bỏ xác lại 1 tên Đội và nhiều l binh bị thương nặng...

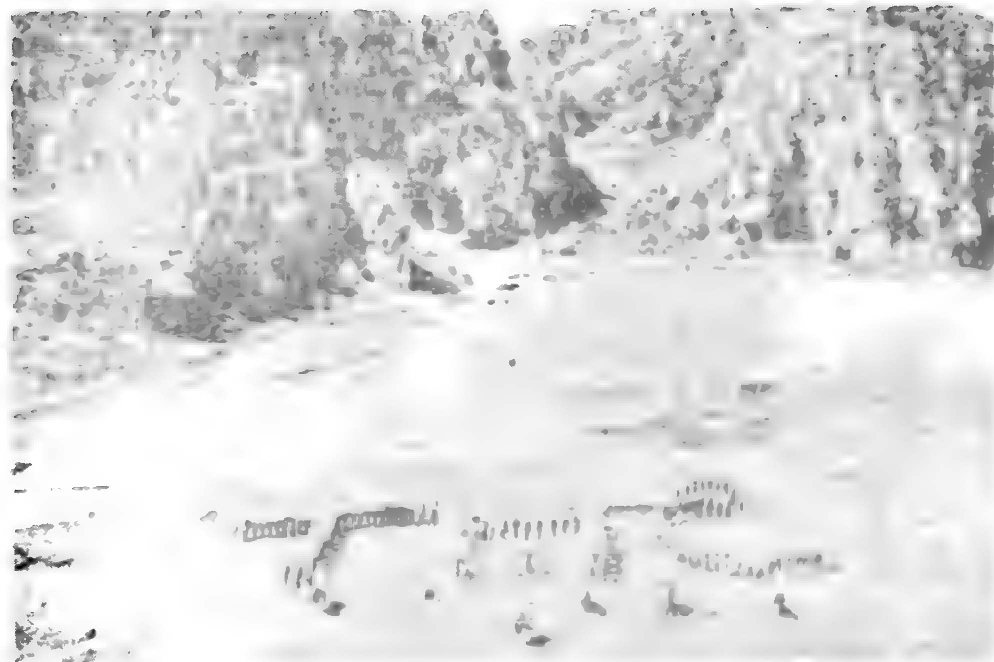
Ngày 4-9-1917, quân Pháp được cường thêm 80 tên Lê dương ở Yên B xử dụng tối đa hỏa lực pháo binh (4 khẩ pháo kích vào tỉnh ly trước khi tiến

Đợt đầu, tại nhà thương cũ, 36 Nghĩ của ông Cai Mạnh hy sinh, trong khi Pháp cũng bị thiệt hại tương đương. Rồi tư nhà thương cũ tiến lên được nhà thươn và đến trưa thì chúng đã vượt được cửa O Nghĩa quân phải rút ra ngoài để bảo toà lương. Trước khi rút, Chủ tướng Trịn Cấn đã cho người mang giấy đi loan l Tuy vậy, có vài nơi liên lạc không đượ vẫn ở lại chống giữ đến người cuối cùn dụ ông Đỗ Ba (một tùy tướng của Đề trước đây) và 11 người giữ kho bạc, c cho đến khi hy sinh cả. Ông Đội NA nhà thương mới, không được tăng cường n phải hàng giặc. Có một điều cần phải n



Thân binh Pháp

" Tập trận "



Hình ảnh một toán Khố Đỏ thuộc Tiểu-Đoàn Thổ.

là cái chết của ông Lương Ngọc Quyến. Ông Quyến vì bị nhiều cực hình trong nhà lao, nên như trên đã nói, ông không đi nổi, anh em phải cõng. Khi Nghĩa quân phải bỏ thành phố, Chủ Tướng Trịnh Văn Cấn vẫn cho người cõng ông. Ông thấy trong lúc gian nguy, mà anh em phải bận bịu về mình thì không đánh, nên xin bắn ông để cho anh em được rảnh tay chống giặc. Chủ tướng và anh em can ngăn không được đành phải chiều theo ý, để ông tự vận rồi làm lễ và chôn cất tử tế trước khi rút ...

Rồi Nghĩa quân chia thành 4 cánh để rút lui : cánh thứ nhất do Chủ Tướng Trịnh Văn Cấn chỉ huy, đi từ Quán Triều, rồi ngược lên Giang Tiên - Ông Tú Hồi Xuân chết trong lúc qua sông, không rõ ông chết đuối hay tự tử vì kế hoạch của ông không được áp dụng, khiến phải thất bại...; Cánh thứ hai do Ông Đội Giá chỉ huy, sau mấy ngày bị lạc, đã gặp cánh thứ nhất ở Quán Chu; Cánh thứ ba do ông Ba Chén chỉ huy, mãi khi đến Hùng Sơn mới liên lạc được với cánh của Ông Cấn; Còn cánh thứ tư gồm một số tân binh, đến bến đò Hùng Ngọc (Đại Từ) mới gặp tất cả các cánh trên...

Về phía quân Pháp thì đến chiều chúng đã liên lạc được với trại "bộ binh thuộc địa", nhưng chưa dám tung quân đi sục sạo, mà chỉ ở trong trại bắn đại bác cầm chừng và nghe ngóng..., khiến cho nhiều cơ sở và nhà cửa của dân chúng bị hư hại và nhiều đồng bào chạy không kịp bị chết khá nhiều...

Ngày 5-9-1917, quân Pháp mới hoàn toàn kiểm soát được thành phố...

Ngày 19-9-1917, Thống sứ GALLEN đã yêu cầu Tướng LOMBARD, tổng Tư lệnh quân đội Pháp ở Việt Nam, cho thành lập một cánh quân trừng phạt... Cánh quân này sẽ do Đại Tá MAILLARD chỉ huy và gồm có :

1. Một toán 90 lính Lê dương, do Đại Úy DEVILLER chỉ huy ở Hương lại.

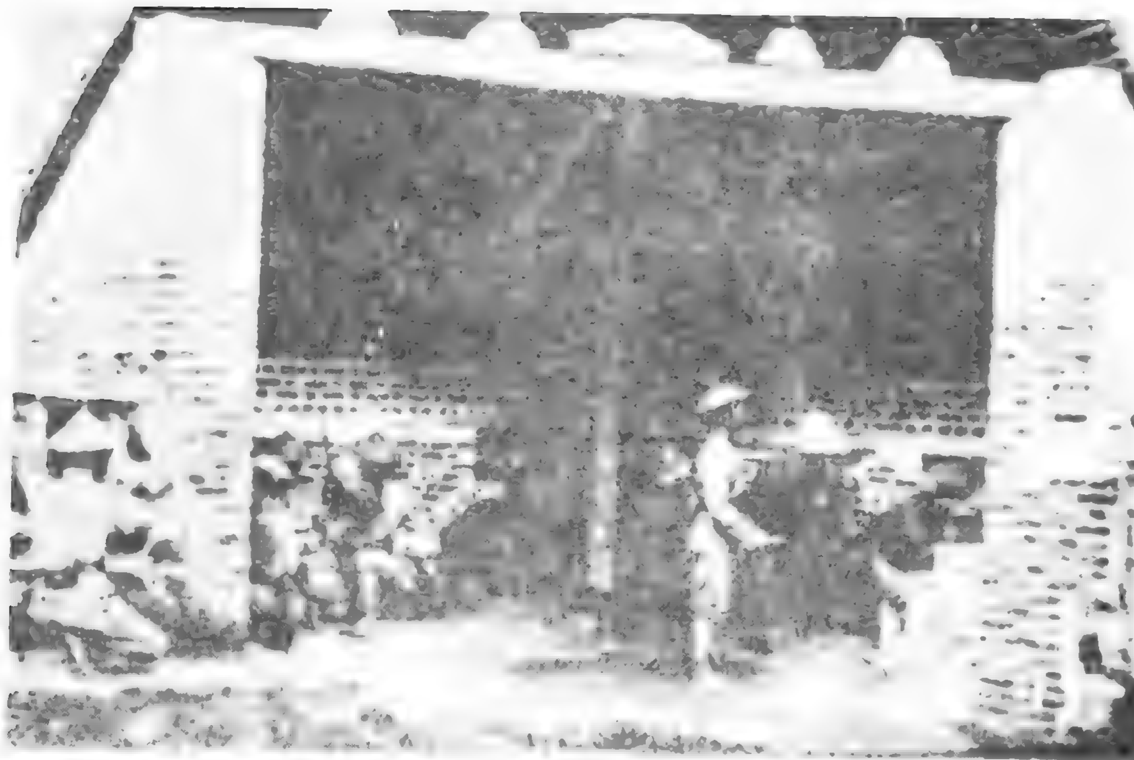
2. Một toán lính bộ binh Phi châu thuộc tỉnh Việt Trì, cùng với một Trung đội liên thanh, dưới quyền chỉ huy của Trung Úy HIER-HOLTZ, ở chợ Khoang.

3. Đại đội 4 và 1 Trung Đội liên thanh thuộc Trung đoàn 1 khố đỏ Bắc Kỳ, dưới quyền chỉ huy của Đại Úy BOREL, cũng ở Chợ Khoang.

4. Một phân đội và 1 Trung đội liên thanh thuộc Trung đoàn 9 bộ binh thuộc địa, dưới quyền chỉ huy của Đại Úy PEYROUX, ở Thái Nguyên.

5. Đại đội 5 và 1 Trung đội liên thanh thuộc Trung đoàn 3 khố đỏ Bắc Kỳ, dưới quyền chỉ huy của Thiếu Úy CHARLE, ở Hương Sơn.

6. Toán lính khố xanh của VELASQUEZ, 60 người, ở Hương lại và toán lính khố xanh của VINCENT, 47 người, ở Bắc Ninh.



Lính Khố Đỏ bố trí trong một Pháo đài dưới sự chỉ huy của Sỹ-Quan Pháp.

7. Một Trung đội Pháo binh 80 ly.

8. Khoảng 15 xe hơi trưng dụng của dân...

Mặt khác, Đại Tá MAILLARD còn có thể xử dụng khi cần các đơn vị sau đây :

1. Một phân đội lính bộ binh Phi Châu và một Trung đội liên thanh, thuộc quân trấn Tuyên Quang, biệt phái ở Đông Châu.

2. Một phân đội lính bộ binh Phi Châu khác, cũng thuộc quân trấn Tuyên Quang, biệt phái ở Phủ Đoan.

3. Sau hết MAILLARD còn phải điều hoà hoạt động của các quân trấn Việt Trì, Tuyên Quang và Thái Nguyên.

Công việc đầu tiên của Đại Tá MAILLARD là tập trung các quân sĩ dưới quyền và chia làm 4 toán hỗn hợp :

1. Toán DEVILLER gồm có 45 Lê dương, 100 khố đỏ Bắc Kỳ, 1 Trung đội súng liên thanh.

2. Toán BOREL gồm có 100 khố đỏ Bắc Kỳ, 45 Lê dương và 1 Trung đội súng liên thanh.

3. Toán Peyroux gồm có 50 người thuộc Trung-đoàn 9 Bộ-binh thuộc-địa, 90 Khố-đỏ Bắc-Kỳ và 2 Trung-đội súng liên thanh.

4. Toán Hierholtz gồm có 70 lính Bộ-binh Phi-Châu, 100 Khố-xanh và 1 Trung-đội súng liên thanh.

5. Một Trung đội (-) gồm 20 người thuộc Trung đoàn 9 Bộ binh thuộc địa, được chỉ định bảo vệ Trung đội Pháo binh 80 ly sơn pháo.

6. Cơ quan quân báo do Đại Úy SALEL điều khiển, có 1 tên gian quan Việt Nam phụ tá, được tổ chức hết sức quy mô.

Cánh quân sẽ thành lập xong vào ngày 20-9-1917 trong vùng Vĩnh Yên.

Cuộc hành quân được chia ra làm 3 giai đoạn :

Giai đoạn thứ nhất, từ 20/9 đến 16-10-1917, giai đoạn tác chiến, gần 1 tháng, Nghĩa quân ban đầu gồm có 165 tay súng, sau 10 trận đụng độ, trong đó có 7 trận ác liệt, còn lại 51 người nhưng chỉ có 45 súng.

Giai đoạn thứ hai từ 17/10 đến 7-12-1917, trong thời gian này, Nghĩa quân nhờ sự che chở của dân chúng, ẩn náu ở trong vùng Vũ Nhai và Phú Bình. Tuy nhiên vì bị quân Pháp truy lùng ráo riết, Nghĩa quân phải xê dịch luôn và rồi phải chia làm hai toán chạy về Vĩnh Yên.

Giai đoạn thứ ba từ 8-12-1917 đến 20-1-1918, Nghĩa quân chỉ còn 32 người, sau khi bị quân Pháp đánh chặn không cho rút sang Tam Đảo. Rồi bị tận ta ở Núi Pháo là nơi ông Cấn tự sát...

Đến ngày 20-1-1918, khi cánh quân MAILLARD giải tán, thì Nghĩa quân chỉ còn 12 người lẩn trốn trong núi.
Sau đây là diễn tiến của từng giai đoạn một:

Giai đoạn 1 : ngay khi đến Vĩnh Yên, Đại Tá MAILLARD được tin Nghĩa quân đang trú đóng ở Đồng Tâm, cách Vĩnh Yên 15 cây số về phía tây bắc, lập tức cho di chuyển toàn thể cánh quân đến địa điểm này.

Ngày 22-9-1917, vào lúc 2 giờ sáng, MAILLARD và cánh quân đã tới phía trên Long Xuyên, ở đấy MAILLARD lại được tin Nghĩa quân đã di chuyển về phía sông Cà Lồ, rồi ở Thượng Thôn.



Hình ảnh một lính Khố Đỏ đang đánh trống tập họp

Lập tức Đại Tá MAILLARD cử hai toán BOREL và DEVILLER, cùng với pháo binh đến làng này (55 tên lính Lê dương được đưa đi trước bằng xe hơi sẵn có).

Hai bên nổ súng đánh nhau ác liệt... Nhưng đang đánh nhau thì, vào hồi 15 giờ, có một cơn bão dữ dội làm trở ngại cho việc tiến quân của quân Pháp, Nghĩa quân lợi dụng lúc này rút đi. Kết quả Nghĩa quân để lại 7 xác chết, về phía quân Pháp 1 chết và 4 bị thương.

Để chặn đường không cho Nghĩa quân rút qua cù lao Văn Cốc, sào huyệt của bọn thủy khấu, MAILLARD ra lệnh cho toán quân của Sơn Tây trấn giữ bờ phải của sông Hồng Hà, với nhiệm vụ canh chừng không cho Nghĩa quân sang - toán này được tăng cường thêm 2 thuyền có võ trang.

Bắt đầu từ ngày 22-9-1917, quân Pháp đã bám sát được Nghĩa quân và đụng độ luôn... Nghĩa quân thường ẩn náu trong các làng ở giữa đồng và các làng này thường chỉ có một con đường độc đạo dẫn tới... Sau những kháng cự ác liệt, Nghĩa quân thường lợi dụng đêm tối, thoát vây...

Ngày 23-9-1917, quân Pháp đã đụng độ với Nghĩa quân tại Liễn Trì và Thượng Lệ, cuộc đụng độ kéo dài sang cả ngày 24/9.

Quân Pháp được biết là Nghĩa quân hiện tập trung tất cả ở làng Thượng Lệ, bèn bao vây làng này. Chúng chia làm 2 vòng : vòng trong chỉ cách xa bìa làng có 150 thước và đơn vị nọ nối tiếp đơn vị kia; vòng ngoài gồm nhiều điểm tựa liên tiếp để chặn bắt những kẻ thoát vây..., trước khi dốc toàn lực của cánh quân đánh một trận quyết định...

Nhưng vì quân Pháp đã quá mệt mỏi, đi sai hướng, gặp khó khăn trong việc thông tin liên lạc và sự thi hành chiếu lệ lệnh trên của Đại Úy DEVILLER, nên mặt bắc bị bỏ trống và đa số Nghĩa quân đã thoát vây trong đêm 24 rạng ngày 25-9-1917 bằng một con sông - DEVILLER bị đình chức ngay sau vụ này và Đại Úy MONCEAUX lên thay thế chỉ huy toán này.

Ngày 25-9-1917, Nghĩa quân chỉ còn ở trong làng khoảng 15 người... Lúc này Hànội gửi lên tăng cường cho MAILLARD 1 Trung đội đại bác 75 ly và chúng bắt đầu lục soát

trong làng. Hai bên lại đụng độ ác liệt... Kết quả quân Pháp có 2 Hạ sĩ quan người Âu chết, 5 người Âu khác và 7 khố xanh bị thương. Về phía Nghĩa quân bỏ lại 6 xác chết.

Sau đó, quân Pháp lại truy kích Nghĩa quân và cuộc đụng độ lại xảy ra giữa 16 Nghĩa quân và quân Pháp tại Nội Đông. Trận đánh xảy ra rất ác liệt, mặc dù Nghĩa quân so với quân Pháp chỉ là 1 chọi 10, thế mà quân Pháp đã bị thiệt hại nặng, phần thì do Nghĩa quân bắn chết, phần thì vì đêm tối đơn vị nọ bắn lẫn đơn vị kia. Kết quả : Lãnh binh MARTINI (ULYSSE - khác với Giám binh MARTINI François đã chết trong đêm 3 rạng ngày 4-9-1917 nói trên) cùng với 7 khố xanh bị thương, 6 khố xanh khác tử thương, Nghĩa quân rút lui.

Trong đêm 25 rạng ngày 26-9-1917, một bộ phận lớn theo ông Cẩn rút về Cổ Bãi, một bộ phận nhỏ rút về núi đá Thanh Tước. Vì bị quân Pháp dùng ô tô bám sát, nên bộ phận lớn của Ông CẨN lại phải rút về vùng Tam Đảo rồi bặt tin luôn.

Quân Pháp "mất tiếp xúc" với Nghĩa quân, cho đến ngày 30-9-1917, mới đụng độ với một bộ phận nhỏ của Nghĩa quân ở Xuân Phát, còn bộ phận lớn đến ngày 4-10-1917, mới lại được tin là đang ở phía Đèo Nứa, trong một cứ điểm, trên một đỉnh núi chắn ngang, có cây cối rậm rạp, trong vùng núi Tam Đảo.

Ngày 6-10-1917, toán BOREL được lệnh tấn công vào cứ điểm nói trên; sau một hồi kháng cự mãnh liệt, Nghĩa quân đã phân tán trong rừng rậm...

Đại Tá MAILLARD ra lệnh bao vây cả khu rừng, để cô lập Nghĩa quân và áp dụng biện pháp triệt lương... Lúc này quân số của Nghĩa quân hao hụt chỉ còn 80 người ẩn núp trong rừng rậm và mặc dầu quân Pháp hết sức sục sạo, nhưng cũng vẫn chưa tìm được dấu vết của Nghĩa quân.

Ngày 12-10-1917, quân Pháp mới lại "tiếp xúc" được với Nghĩa quân và ngày 14/10 thì đụng độ tại Lại Sơn, nhưng Nghĩa quân đã rút lui.

Ngày 15-10-1917, Nghĩa quân lại dụng độ với quân Pháp tại Mỏ Lục Dinh, trong vùng Tam Đảo.

Ngày 16-10-1917, Nghĩa quân rút về ẩn náu ở Xóm Đồi, sau khi đã đi qua mặt một toán khố xanh, ở cách xa 500 thước mà bọn này không nổ súng, vì thấy Nghĩa quân ăn mặc đồ Kaki, chúng tưởng là lính chính quy (của Pháp) đi hành quân...

Quân Pháp liền một mặt tấn công Xóm Đồi, mặt khác đặt một ổ phục kích sẵn ở một nơi mà chúng tin là Nghĩa quân, như thường lệ, sau những trận đụng độ, sẽ rút đi... Khi quân Pháp bắt đầu nổ súng thì Nghĩa quân đã mắc mưu chúng : cầm cự và chờ đêm tối rút lui... Khi Nghĩa quân rút lui, bộ phận phục kích của chúng mới khai hoả, Nghĩa quân phải mở đường máu, để rút lui. Kết quả Nghĩa quân bị thiệt hại nặng : 19 người vừa chết vừa bị thương; phía Pháp cũng bị thiệt hại không kém : 7 chết trong số 6 là Âu Châu, 18 bị thương, trong số có 8 Âu Châu.

Sau trận Xóm Đồi, quân số Nghĩa quân chỉ còn 51 tay súng, rút sang vùng khác và thay đổi chiến thuật...

Giai đoạn II : sang giai đoạn này tình trạng của Nghĩa quân thực sự trở nên bi đát : nhiều kẻ ốm đau và đào ngũ. Vì vậy Nghĩa quân không chịu giao tranh với quân Pháp và ẩn náu trong những khu rừng rậm rạp, xa đường mà quân Pháp có thể dùng xe hơi để chuyển quân...

Trong số Nghĩa quân còn lại, đa số là người quê quán ở Bắc Giang và có cả một kiện tướng của Đề Thám bị giam ở Thái Nguyên được giải phóng, rất thông thạo vùng này, nên Chủ Tướng Trịnh Văn Cấn đã quyết định cho vượt sông Cầu tiến về phía đông, trong vùng rừng rậm, ở ranh giới Phủ Bình và Yên Thế - Tại đây dân chúng hết sức ủng hộ Nghĩa quân.

Đứng trước tình trạng này, Đại Tá MAILLARD một mặt tung ra rất nhiều toán tuần thám và phục kích canh chừng tất cả các xóm làng trong vùng, mặt khác áp dụng các biện pháp triệt lương ghê gớm đối với Nghĩa quân : chúng chỉ cho giữ đủ lúa gạo cho mỗi người từng ngày một và thẳng tay bắn giết những người tiếp tế cho Nghĩa quân.

Do đó mà Nghĩa quân phải chia ra nhiều toán, toán lớn vẫn ẩn nấp trong rừng, còn



Các vị trí đại bác của quân Pháp có lính Pháo thủ canh gác.

nhiều toán nhỏ từ 10 đến 12 người, đi lo mua gạo ăn v.v... Quân Pháp thường xuyên báo động và dồn quân đi truy lùng mỗi khi các toán đi mua gạo xuất hiện, nhưng chỉ nhọc công vô ích mà chẳng đạt được kết quả nào cả !

Từ ngày 20 đến 30-10-1917, Đại Tá MAILLARD mang quân tấn công vào dãy Bô Cou. Nhờ sự ủng hộ của dân chúng Nghĩa quân thoát vây, rút về phía đông nam và ẩn náu trong vùng rừng rậm Yên Thế. Nhưng ở đây lại không có dân chúng, bị săn đuổi liên tiếp, bắt buộc Nghĩa quân phải di chuyển luôn, phải ăn củ mài, củ cặm v. v ... thật là khổ sở... Cuối cùng Chủ tướng Trịnh Văn Cấn quyết định áp dụng chiến thuật lừa địch, bằng cách cử một toán 18 người rút về hướng Nam (để cho Pháp chú ý đến hướng này), trong khi đó đa số Nghĩa quân rút về hướng Tây, vượt sông Gầm, trở lại vùng Tam Đảo và ẩn náu trong vùng rừng rậm Vĩnh Yên - bỏ lại toán nghi binh nói trên. Nhưng quân Pháp đã biết ý định của Nghĩa quân, nên không mắc mưu, một mặt săn đuổi toán nghi binh, mặt khác chặn đường không cho Nghĩa quân rút... Kết quả ngày 15-12-1917, toán nghi binh vì bị săn đuổi ráo riết, không thể trở về với toán đa số, nên đã đầu hàng quân Pháp ở vùng Phủ Lạng Thường.

Giai đoạn III : Như ở trên vừa nói toán đa số định rút về hướng Tây bị lộ, quân Pháp liền dùng xe hơi đi từ Nhã Nam đến Chợ Anh để phục kích, trong khi đó một toán quân khác được gởi từ Thái Nguyên đến Ninh Sơn để làm nút chặn ở trên một khúc sông cạn (trên sông Gầm) không cho Nghĩa quân từ Lữ Yên rút qua...

Nhưng Nghĩa quân lại không rút qua chỗ sông cạn, mà lại rút qua Làng Đam, ở phía bắc nơi quân Pháp làm nút chặn và tiếp tục rút về phía Tây...

Được tin, quân Pháp lại mang quân đến Sông Công, chặn trước, không cho Nghĩa quân rút trở lại vùng Tam Đảo.

Ngày 14-12-1917, Nghĩa quân định vào làng Bo Ra, nhưng quân Pháp đã chiếm làng này. Hai bên bắn nhau kịch liệt, Nghĩa quân bị đẩy lui sau mỗi lần xung phong. Cho đến nửa đêm, sau khi quân Pháp gửi thêm viện quân đến, Nghĩa quân rút lui.

Bị truy kích, Nghĩa quân rút trở lại vào rừng và trong lúc Nghĩa quân đang ăn cơm, bị quân Pháp ập tới... Vì bị bất ngờ, Nghĩa quân bỏ chạy để lại nhiều lương thực, súng ống, đạn dược và 200$00. Sau đó quân Pháp không biết Nghĩa quân rút đi đâu...

Trong đêm 20 rạng ngày 21-12-1917, quân Pháp được tin khoảng 30 Nghĩa quân rút về Cù Vân. Nhưng vì các toán quân ở rải rác quá xa, Đại Tá MAILLARD lúc bấy giờ đang đặt Bộ chỉ huy hành quân ở Thái Nguyên, bèn

ra lệnh tập trung quân sĩ trong quân trấn Thái Nguyên, để thành lập một toán quân truy lùng Nghĩa quân và trưng dụng ngay một số xe hơi, để đưa đến Cù Vân...

Ngày 21-12-1917, một trận đụng độ ác liệt đã xảy ra tại Núi Pháo; Chủ Tướng Trịnh Văn Cấn bị thương trong trận này. Phụ tá của ông Cấn mang tất cả số tiền còn lại về hàng giặc và xin chúng tha chết cho...

Số Nghĩa quân còn lại, bị mất tinh thần, bị săn đuổi không ngừng, lại hết lương, nên quyết định rời núi Pháo. Nhưng sau 2 cuộc đụng độ ngày 8 và ngày 10-1-1918, Nghĩa quân chỉ còn khoảng 15 người, bị cô lập và ẩn náu trong rừng... Về sau số người này trốn gần hết, chỉ còn lại 2 người là ông Thọ và ông Sỹ, bên cạnh ông Cấn.

Ngày 11-1-1918, Chủ tướng Trịnh Văn Cấn thấy không còn hy vọng nào nữa, bèn cho đào hố xếp vũ khí bên mình, rồi tự sát, để cho hai ông Thọ và Sỹ lấp...

Sau cùng Thọ và Sỹ ra hàng tên Công sứ Thái Nguyên là Poulin. Để lấy công chuộc tội Thọ và Sỹ hứa sẽ đưa giặc đi đào mả ông Cấn. Rồi Poulin, cùng với Công sứ Vĩnh Yên là GUILLERET đến Cù Vân khai quật xác ông Cấn, đem về trại khố xanh để "triển lãm"...

Ngày 20-1-1918, cánh quân MAILLARD cho rằng đã hoàn thành nhiệm vụ nên tuyên bố giải tán.

Như vậy, cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã kết liễu sau năm tháng chiến đấu anh dũng. Ngoài những người hy sinh cho quê hương, còn những người bị bắt đều bị ra tòa lãnh án tử hình, khổ sai... và bị đày đi Côn đảo hoặc Inini, là một thuộc địa Pháp. Chỉ còn lọt lưới có mấy người là các ông Lập (1), Tư Lũn, Ba Mõn, Nai và Lục...

Kiểm điểm lại hai đường lối của Lương Ngọc Quyến và của ông Tú Hồi Xuân, đường lối nào đúng ? Chúng ta chưa dám cả quyết rằng đường lối này đúng, đường lối kia sai, vì cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên chưa có các điều kiện chủ quan và khách quan sau đây :

Về chủ quan :

- Sự lãnh đạo yếu kém.
- Không có một đường lối chính trị rõ rệt.
- Quân sĩ hỗn tạp (lính khố xanh và tù chính trị), thiếu luyện tập...
- Sách lược có tính cách nhất thời, phiêu lưu.

Về khách quan :

- Sức ủng hộ của dân chúng vẫn bị hạn chế vì sự kèm kẹp sắt máu của quân thù.
- Dân chúng vẫn chưa dám quyết tâm chống giặc.
- Quân giặc, tuy vậy vẫn hãy còn mạnh mặc dầu chúng phải dồn mọi nỗ lực cho chiến trường Âu Châu...

Nhưng dầu sao chăng nữa, ngay từ lúc đầu, sau khi thắng lợi, mà Nghĩa quân đã tự giam mình để "đợi giặc đến", không áp dụng thế công, thì là một sự sai lầm... Cho đến khi không thể giữ được Thái Nguyên thì lại lao đầu vào một cuộc phiêu lưu để đi đến chỗ bị tiêu diệt hoàn toàn...



11. – Thực dân Pháp bòn rút nhân tài vật lực ở Đông-Dương để cứu nguy cho chính quốc trong lúc hấp hối.

Trong trận thế chiến lần thứ nhất (1914-1918), thực dân Pháp ở thuộc địa Đông Dương đã bắt thanh niên sang chánh quốc, để chết thế và đã bòn rút của cải, để trám vào các chỗ thiệt hại của chúng như sau :

VỀ NHÂN LỰC :

1. Về lính chiến đấu và "binh trạm".

Các năm 1916-1917-1918, chúng đã tuyển 43.430 người, chia ra như sau :

- Lính chiến đấu : 4 Tiểu đoàn (các tiểu-đoàn Đông Dương số 1, 2, 7 và 21 - 4.800 người) (2).

---

(1) Ông Trần-Trung-Lập là người về sau này kéo cờ Phục Quốc chiếm Lạng-Sơn khi quân Nhật tràn vào VN - xin xem mục Phục-Quốc-Đồng-Minh ở dưới.

(2) Về sau Tiểu-Đoàn 1 được mang sang SALONIQUE và tiểu Đoàn 2 được mang sang DJIBOUTI.

- Lính "binh trạm" (Bataillons d'étapes) 15 tiểu-đoàn (24.272).
- Quân Y-Tá thuộc địa : 9.019 người.
- Thợ "hành chánh thuộc địa" : 5.339 ng

Riêng các lính "binh trạm" được trích ra 5.000 người, để làm tài xế, sửa xe v.v... Số còn lại dùng vào việc bảo-vệ các điểm tiếp liệu, dừng quân, hay sửa sang, hoặc tân tạo : đường xe hỏa, sân bay, xa lộ, cầu và chuyển vận mọi thứ quân dụng v.v.... để cung ứng cho nhu cầu chiến trường . . . .

2. Về lao công Quân-Đội:

- Năm 1915	chúng tuyển :	4.631	người
- Năm 1916	-nt-	26.098	-
- Năm 1917	-nt-	11.719	-
- Năm 1918	-nt-	5.806	-
- Năm 1919	-nt-	727	-
		48.981	người

Các lao công quân đội này được tổ-chức thành các tiểu-đoàn và về sau trở thành các lính thợ chuyên môn và không chuyên môn (ouvriers spécialistes et ouvriers non specia - listes).

Như vậy là về nhân lực trong đệ nhất thế chiến, thực dân Pháp đã bắt ở Đông Dương 92.411 người.

VỀ VẬT LỰC :

Chúng đã bòn rút :

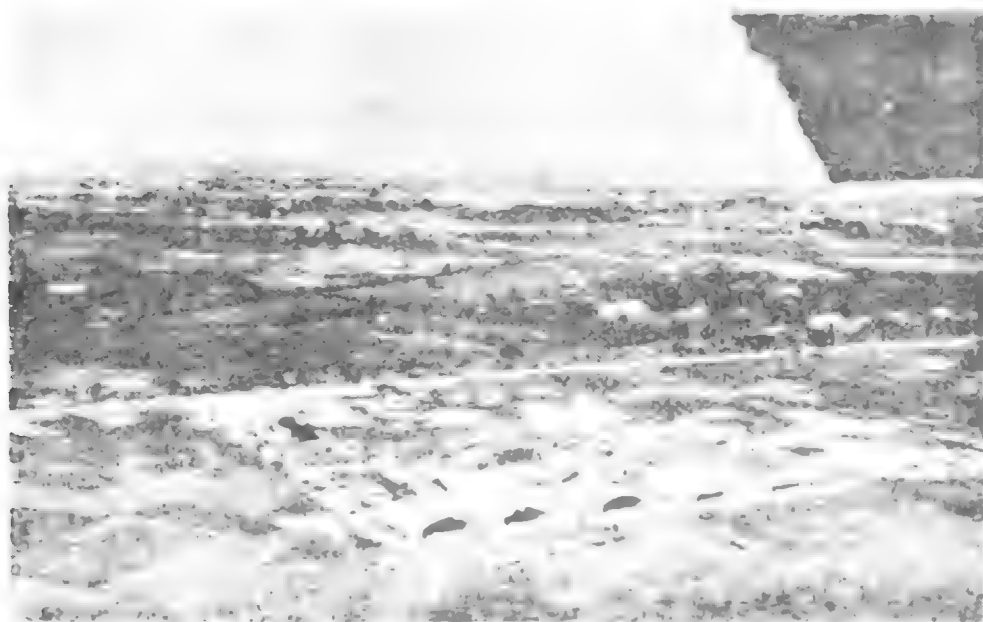
1. Tại Nam-Kỳ: một số quân dụng như acétone méthylène, đồng vụn, yên ngựa, bột, hòm .v.v.... tổng cộng là 10.000 tấn, trị giá 15.000.000$00.

2. Tại Bắc và Trung-Kỳ :

- 12.000 cây tre để làm cán lao.
- 62.000 báng súng bằng gỗ các loại
- 1.860 Kilos đồng đỏ vụn.

3. Cơ quan quân nhu Đông-Dương gởi :

- 3.000 túi đeo lưng
- 6.800 chăn
- 5.000 bộ quân trang.
- 5.000 cuốc xẻng
- 5.000 bộ càmen.
- 2.000 lều đủ bộ.
- 13.550 đôi dày đinh



Phi trường Bạch-Mai năm 1931

- 3.000 chiếc chiếu.

VỀ NGUYÊN LIỆU : (matières premières)

Chúng đã mang sang chánh quốc :

- 72 tấn da
- 112 tấn xà bông.
- 17 tấn bông gòn.
- 126 tấn trà.
- 5.400 lít rượu
- 2.704 tấn dầu mỡ
- 268 tấn nhựa sơn
- 85 tấn thuốc lá
- 7.200 tấn đậu
- 41 tấn gạo
- 3.200 lít nước mắm
- 24 tấn thực phẩm linh tinh
- 3.009 tấn thóc
- 17 tấn nấm khô

Cơ quan quân nhu Đông-Dương cũng gởi một số nguyên liệu quan trọng như trên.

Trong các chuyến đi này, số người thuộc địa Đông-Dương bị chết và bị thương là 3.000 người.

Sang trận đệ nhị thế chiến (1939 - 1945) thì mức độ bòn rút của thực dân lại gia tăng...

Về nhân lực, trong giai đoạn từ cuối năm 1938, sang năm 1939 và đầu năm 1940, chúng đã đưa sang chánh quốc 70.000 lao công quân đội, được xử dụng tương tự như các lao công quân đội trong đệ nhất thế chiến. Ngoài ra, chúng cũng đã thành lập vào tháng 2/1940 tại Tông (Sơn Tây) 2 Sư-Đoàn, để chuẩn bị mang sang chánh-quốc - Nhưng một mặt, vì tại chánh quốc, Pháp - Đức đã ký hiệp-ước đình chiến và sống chung (ngày 25/6/1940); mặt khác vì quân đội Nhật đã lấp ló ở cửa ngõ Đông-Dương (ngày 22-9-1940 Nhật mới tràn vào Đông-Dương) nên các Sư-đoàn này được giữ lại để phòng thủ Đông-Dương. Nếu kể cả hai Sư-đoàn vừa nói, thì trong đệ nhị thế chiến, thực dân Pháp dự định đưa sang chánh quốc khoảng 103.000 người.

Về tài vật cũng vậy, một mặt vì đã đình chiến, mặt khác, vì quân Nhật tràn vào Đông-Dương, khiến chúng phải đài thọ phí tổn cho quân Nhật, nên mức độ bòn rút chỉ bằng già nửa số bòn rút trong đệ nhất thế chiến mà thôi - xin xem thêm Chương "Nhật can thiệp vào Đông-Dương..."....

Số lao công quân đội v.v..... của thuộc địa Đông-Dương bị chết, bị thương v.v.... trong trận đệ nhị thế chiến tại chánh quốc, cũng lên tới con số khoảng 3.000 người, tương tự như trong trận thế chiến thứ nhất. (1).

---

(1) Chưa chính thức.



CHƯƠNG II

Xã-hội Việt-Nam sau khi Pháp thống nhất guồng máy cai trị 1887

Trước khi đề cập đến tình trạng xã hội ta, sau khi Pháp thống nhất guồng máy cai trị, thiết tưởng phải nói sơ lược về việc cai trị ở Nam Kỳ và việc "bảo hộ" ở Trung và Bắc Kỳ.

Ngay từ đầu, nhất là sau khi Triều đình Huế ký hòa ước và thương ước Giáp Tuất 1874, Nam Kỳ là một thuộc địa riêng biệt của Pháp, đặt dưới quyền của một Thống Đốc trực thuộc bộ Hải Quân (1), còn Trung và Bắc Kỳ theo hòa ước Quý Mùi - 1883 và hòa ước Giáp Thân 1884, đặt dưới chế độ "bảo hộ" của Pháp, thuộc quyền bộ Ngoại giao rồi Chiến tranh...

Theo hai hòa ước, nhất là hòa ước sau, thì ở Trung, Pháp đặt một Tổng Trú Sứ (Résident général), ta được tiếp tục tự do cai trị, người Pháp chỉ được đi lại, mua bán, tạo mãi động sản và bất động sản ở các cửa bể đã khai thương, còn muốn đi các nơi thì phải xin phép (2).

Còn các tỉnh ở Bắc-Kỳ, ta tiếp tục cai trị, nhưng lại phải dưới quyền kiểm soát của các Công-Sứ Pháp. Quan chức nào của Việt-Nam bị nhà cầm quyền Pháp đề nghị cách chức thì bị cách chức ngay. Việc thu thuế và xử dụng tài nguyên này, cũng do các Công-Sứ Pháp giám sát. Trong khắp lãnh thổ Bắc-Kỳ, người công dân Pháp hoặc thuộc dân Pháp được tự do đi lại buôn bán, tạo mãi động sản và bất động sản v.v...

Như vậy ở Bắc Kỳ người Pháp được tự do chẳng khác nào trên đất Pháp cả. Họ còn cầm đầu tài chánh (khoản 11 và 12 hòa ước 1884), chỉ huy về chính trị (khoản 15 hòa ước 1884) và giám đốc guồng máy hành chánh (khoản 6 và 7 hòa ước 1884), nhà cầm quyền Việt Nam chỉ có việc tuân theo lệnh của họ mà thôi.



Dấu vết phát đại bác đầu tiên của Hải quân Trung-Tá Henri Rivière bắn vào thành Hà Nội ngày 25-4-1882

(1) *Xin xem thêm chương... "Thực dân Pháp bắt tay vào việc cai trị và bóc lột ở Nam-Kỳ" ở phần thứ nhất.*

(2) *Các con số v.v.. trong chương này, trích và tham bác cuốn Việt-Nam Pháp thuộc sử của Phan-Khoang.*



Tướng Billotte Tổng Tư Lệnh Quân-Đội Pháp duyệt qua toán tân binh Mọi mới tuyển được 2 tháng ở Đà-Lạt

Tuy vậy, trong việc thi hành hòa ước, nhất là hòa ước 1884, đã gặp nhiều trục trặc... Bởi vì, một mặt triều đình Huế bổ nhiệm cac quan chức, lại phải bãi cách các quan chức mà Pháp đề nghị, mặt khác, các quan chức ấy lại do các Công Sứ Pháp điều khiển và kiểm soát, nhưng họ (các Công Sứ) lại thống thuộc Tổng Trú Sứ Pháp ở Huế và việc gì cũng phải chờ quyết định của quan chức nầy, nên công việc thường mất nhiều thì giờ và bất tiện...

Vì thế ngày 27-1-1886, Tổng Thống Pháp ký một Sắc lệnh đặt cho Bắc Kỳ và Trung Kỳ mỗi nơi một Thượng sứ (Résident supérieur), hai quan chức nầy thuộc quyền Tổng Trú Sứ (Résident Général)

Còn vấn đề quan lại Việt Nam, thì Tổng Trú Sứ Paul Bert sẽ thỏa hiệp với triều đình Huế sau. Paul Bert vào Huế yết kiến Đồng Khánh, nại các trở ngại như đã từng gây ra trước đây (khiến Tổng Thống Pháp phải đặt một chức Thượng sứ ở Bắc Kỳ), để xin trao quyền bổ nhiệm quan lại (Việt Nam) cho một giới chức cao cấp Việt Nam đóng ở Bắc Kỳ.

Do đó ngày 2 tháng 5 năm Đồng Khánh nguyên niên (3/6/1886), Vua Đồng Khánh ký một đạo du thiết lập chức Kinh lược Bắc Kỳ và dành



Một chiếc tàu chạy bằng guồng.

cho chức vụ nầy nhiều quyền hành rộng rãi, như thay mặt nhà vua giải quyết mọi việc rồi mỗi năm một vài lần vô tâu cho vua biết. (1).

Từ đó Bắc Kỳ gần như tách rời hẳn và không còn gì dính dáng nhiều đến Triều đình Huế nữa.

Ở Trung Kỳ từ năm Bính Tuất, Pháp đặt Công sứ ở các tỉnh lớn, còn các tỉnh nhỏ có Phó sứ. Một tỉnh lớn có thể coi hai ba tỉnh nhỏ phụ thuộc, như ở Xuân Đài (Phú Yên) có Phó Sứ phụ thuộc Quy Nhơn; Vinh, Đồng Hới có Phó Sứ phụ thuộc Thanh Hóa, Đà Nẵng thuộc Huế...

Cho đến ngày 17/10/1887, Tổng Thống Pháp ký Sắc lệnh thống nhất guồng máy cai trị Đông Dương, đặt Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ (2), và Cao Miên dưới quyền của một viên Toàn quyền (năm 1900 thêm Ai Lao và Quảng Châu Loan) thuộc bộ Thuộc địa thay mặt chánh phủ định đoạt mọi vấn đề - Viên Toàn quyền đầu tiên là Ông Constans (Đến Saigon nhậm chức vào ngày 15/11/1887).

Tưởng cần phải nhắc lại là sau khi ký kết hòa ước bảo hộ Trung và Bắc Kỳ (hòa ước Quý Mùi 1883 và hòa ước Giáp Thân 1884) giới cai trị Pháp có 2 khuynh hướng: một khuynh hướng cho rằng nên dùng chính sách "hợp tác" (association) để duy trì, phục hồi những chế độ của Việt Nam, để cho nước nầy giữ được cá tính; một khuynh hướng khác thì lại cho rằng cần phải áp dụng chính sách "đồng hóa" (assimilation), để ban hành những chế độ lần lần giống chế độ của Pháp. Do đó mà đã có một thời kỳ có những cuộc bàn cãi sôi nổi, với hằng trăm quyển sách, hằng trăm bài diễn văn được tung ra, để bênh vực hoặc đả phá khuynh hướng trên... Tổng Trú Sứ Paul Bert (1886) và sau này Toàn quyền De Lanessan (1891 - 1894) là những người thiên về khuynh hướng "hợp tác". Paul Bert trọng đãi các nhà trí thức, các nho sĩ Việt Nam, lập hội đồng hào mục gồm 40 nhân sĩ để cố vấn nội trị. Mặc dù vậy, người Pháp cũng vẫn chưa thể gây được thiện cảm với các quan chức Việt Nam, họ chưa vui vẻ hợp tác với Pháp, nên việc cai trị không đem lại kết quả mong muốn... Năm 1891 toàn quyền Bideau, tiền nhiệm của De



Thống Sứ Gallen, công du Lào bằng máy bay "Morane".

---

(1) Vị Kinh lược lần đầu tiên là Ông Nguyễn-Hữu-Độ, sau khi Ông mất, tháng ba năm Thành-Thái nguyên niên, Phụ chánh phủ định lại quyền hạn cho nha Kinh lược, chỉ làm việc giao thiệp, công việc hình án, lễ nhạc và đại khái là làm trung gian để chuyển các việc Hành-chánh của các Tỉnh về Kinh, Phủ Thống-Sứ và ngược lại, còn muốn làm điều gì thì phải bẩm mệnh về Triều-đình đã.

(2) Theo tổ-chức Hành-chánh của Pháp thì đại diện của Chánh phủ Pháp ở Bắc-Kỳ và Trung-Kỳ đều gọi là Résident Supérieur, Nam-Kỳ gọi là Gouverneur le la Cochinchine. Nhưng về sau người ta thường gọi Résident Supérieur ở Bắc là Thống-Sứ, ở Trung là Khâm-Sứ còn Gouverneur de la Cochinchine là Thống-Đốc, không rõ danh từ này có từ bao giờ - Có lẽ từ thời Paul Doumer, họ gọi như thế để phân chia 3 xứ một cách rõ ràng. Từ đây xin cứ gọi như vừa nói cho tiện.

Lanessan, có viết rằng : Tình hình ở Bắc kỳ như thế (có nhiều khuyết điểm) là do thái độ thụ động của các nhà chức trách Việt-Nam đã bị các Công sứ của ta không đếm xỉa đến, họ chán nản, bất bình vì những phương pháp vụng về ấy". Toàn quyền De Lanessan bèn tìm cách gây cảm tình với người Việt Nam và trao lại cho quan lại ta quyền uy để làm việc, đối đãi với ta theo lễ nghi và phong tục tập quán xứ sở, nhiều khi còn tham dự lễ khánh thành các đền chùa.v.v... Chính sách ấy làm cho bọn thực dân và bọn giáo sĩ bất mãn, vì nó va chạm đến quyền lợi của bọn sau này, nên chúng vận động để cho De Lanessan phải mất chức.

Bấy giờ phong trào Cần Vương hãy còn hoạt động, bọn thống trị Pháp phải ra sức đàn áp. Do đó công cuộc bình định tốn kém nhiều quá, hơn cả cuộc chinh phục nữa, chỉ riêng năm 1888, thực dân Pháp phải tiêu mất 33.000.000 Francs cho quân đội, 10.000.000 cho Hải quân. Ở Bắc Kỳ, thực dân phải bóc lột thêm thuế. Thuế đinh đang từ 14 xu lên 4 hào, thuế điền thổ tăng gấp đôi, tổng cộng tiền thuế thâu năm 1896 bằng hai số thu năm 1888 (năm 1888 là 1.235.000, năm 1896 là 2.995.000$00). Thậm chí năm 1887 Paul Bert phải cho lãnh trưng sòng bạc công khai, mặc dầu giới thân hào Việt Nam phản đối. Mặt khác thuế thương chánh (quan thuế) cũng tăng lên rất cao.



Toàn quyền PAUL DOUMER

Ở Nam Kỳ, thực dân Pháp đã sửa đổi chế độ tiền tệ, lấy bạc làm bản vị, lấy đồng bạc làm tiền chính. Từ năm 1875, Đông Dương Ngân Hàng được độc quyền phát hành giấy bạc. Tuy Trung, Bắc Kỳ là xứ bảo hộ, chưa mất quyền phát hành tiền tệ, nhưng cũng bị bắt buộc phải theo chế độ mới này. Các thứ tiền đồng, tiền kẽm, thoi bạc, thoi vàng cũ vẫn còn lưu hành trong dân chúng nhưng không được công nhận. Từ trước, ở Việt Nam chỉ lưu hành đồng bạc Mễ Tây Cơ (Piastre Mexicaine) nặng 27gr073, thành sắc 0,902. Năm 1895 thực dân Pháp bắt đầu đem vào Đông Dương đồng bạc Đông Dương đúc ở Paris, nặng 27 gr thành sắc 0,900. Chế độ tiền tệ ngân bản vị ấy, làm giá đồng bạc đối với đồng Francs thay đổi lên xuống luôn, gây khó khăn, phức tạp trong việc giao dịch thương mại với chánh quốc và gây ảnh hưởng không tốt đến đời sống người Việt Nam. Nhà Đông Dương Ngân Hàng vì có nhiều điều kiện thuận lợi, nên đã trở nên giàu có rất mau và dần dần trở thành huyết mạch của kinh tế Đông Dương, giúp đỡ cho sự sinh hoạt của các xí nghiệp Pháp rất nhiều...

Năm 1888 Toàn quyền Richaud lại viện dẫn khoản 18 của hòa ước 1884, đòi Nam Triều nhượng đất đai ở các hải cảng. Dụ ngày 3/10/1888 (Tháng 8 Mậu Tý) đặt 3 thành phố Hà Nội, Hải-Phòng và Đà-Nẵng thành nhượng địa cho Pháp và họ được tự tiện cai trị và kinh doanh.

Năm 1894, Thống Sứ Bắc Kỳ kiêm nhiệm Toàn quyền Đông Dương là Chavassieux thiết lập "Hội Đồng bảo hộ Trung Bắc Kỳ", để làm "Cố vấn" cho thực dân trong vấn đề cai trị (Chớ không phải bảo hộ theo đúng nghĩa của nó).

Đến thời kỳ toàn quyền Rousseau (1895 - 1896) chức Thống Sứ Bắc Kỳ được bãi bỏ, toàn quyền Đông Dương kiêm nhiệm luôn chức vụ này. Để phụ giúp Toàn quyền, Pháp đặt ra một chức Tổng Thư Ký Phủ Toàn quyền (Secrétaire Général au Gouvernement général).

Bắt đầu từ năm 1895, ở Bắc Kỳ, các phong trào kháng chiến ít hoạt động, công cuộc bình định của thực dân ít chật vật... Năm sau, Pháp cho Trung Bắc Kỳ vay 80.000.000 để giải quyết tình trạng kinh tế và thực hiện nhiều dự án...

Đầu năm 1897, Paul Doumer được bổ làm Toàn quyền Đông Dương (1897-1902). Với Paul



Con đường xuyên Đông - Dương qua đèo Ải - Vân.

Doumer, lịch sử thuộc quốc Việt Nam bước sang một giai đoạn mới: Chính toàn quyền này đã ổn định và hoàn thiện guồng máy cai trị, khai thác Việt Nam và Miên, Lào, vững vàng cho đến ngày 09/3/1945.

Điều cần phải nhấn mạnh là từ khi Ông Constans được bổ nhiệm làm Toàn quyền đầu tiên ở Đông Dương (1887), chức vụ này chỉ lo nhiệm vụ của chức vụ Thống sứ Bắc Kỳ mà thôi, còn các xứ khác như Lào, Trung Kỳ và Nam Kỳ thì chỉ là hư quyền. Paul Doumer đến cho áp dụng chính sách tập quyền, tập trung quyền hành trong tay và quyết định:

1- Tái lập và bổ nhiệm chức vụ Thống Sứ Bắc Kỳ, để chuyên lo việc Bắc Kỳ - Toàn quyền không còn kiêm nhiệm như trước nữa và nắm quyền điều khiển trên toàn cõi Đông Dương.

2- Cấp cho các xứ cơ khí cần thiết để khai thác các nguồn lợi.

3- Biến Đông Dương thành một thị trường kỹ nghệ và thương mại của Pháp.

4- Tăng cường Hải - Quân, để biến Đông Dương thành một căn cứ vững chắc về chính trị và kinh tế của Pháp ở Viễn Đông.

Ngoài ra Paul Doumer còn thiết lập ngành quan quản thuốc phiện, rượu, muối và thiết lập các Nha sở chuyên môn, trực thuộc phủ toàn quyền như: Nha Tổng Giám Đốc Quan Thuế và Quan Quản Thuế, Nha Tổng Giám Đốc Bưu Điện và Điện Thoại, Nha Tổng Giám Đốc Nông Lâm Chính và Thương Mại (nha này bị bãi bỏ mấy năm về sau).

Năm 1898, Paul Doumer thiết lập ngân sách chung cho toàn cõi Đông Dương. Liên hiệp Đông Dương (Union Indochinoise) từ đó có phương tiện để hoạt động

Rượu, thuốc phiện đều do Pháp độc quyền chế biến và bán ra, còn muối họ độc quyền mua lại bán ra.

Về rượu, năm 1904 bọn thống trị Pháp trao trả độc quyền cho công ty Pháp Fontaine (Société Française des Distilleries D'Indochine) mà trong đó gồm có cổ phần của nhà Đông Dương ngân hàng, ông Maurice Long (toàn quyền tương lai của Đông Dương 1919 - 1923) và nhiều tên thực dân hạng nặng khác... với số vốn là 3.500.000 Francs. Nhờ ở chỗ độc quyền và "bắt buộc tiêu thu" mà một năm chúng kiếm được số lời gần bằng số vốn 2.300.00 Francs.

Về muối thì chúng vẫn để các diêm hộ sản xuất, còn bọn thống trị thì dành độc quyền mua lại bán ra - tự nhiên giá cả do chúng tùy ý ấn định .v.v...



Cầu Long-Biên
(Pont Doumer)

Với 3 thứ thuế quan quản nói trên, bọn thực dân đã thu được những món tiền quan trọng và cũng quan thuế họp lại thành ngân sách chung, còn những thuế trực thâu thì dành cho ngân sách của mỗi xứ - Nam Kỳ trước đó đứng riêng rẽ, nay phải sát nhập, nên quyền hành bị giảm bớt.

Như vậy là về phương diện tài chánh đã có cơ sở vững vàng rồi, Paul Doumer quay sang thực hiện chương trình cung cấp dụng cụ và phương tiện, để khai thác các tài nguyên. Được chánh quốc cho vay 200.000.000, Doumer mở mang đường bộ, mở con đường xe lửa Hà Nội - Lạng Sơn - Hải Phòng — Vân Nam, khởi công con đường xe lửa xuyên Đông Dương, trang bị cho các hải cảng Sài-gòn, Đà Nẵng, xây cất cầu Doumer, một công trình vĩ đại vào bậc nhất Á Châu lúc bấy giờ.

Từ khi Paul Doumer mở đường cho sự khai thác thực dân địa, tư bản Pháp tiếp tục đưa sang kinh doanh. Chánh sách của Pháp là nâng đỡ bọn này bằng đủ mọi cách. Các nhà kinh doanh, thương mại, kỹ nghệ, khai mỏ, trồng trọt được hưởng mọi sự dễ dãi về thể lệ và thuế khóa... Vì thế mà bọn này gần như chiếm độc quyền trên thị trường Đông Dương - Tưởng cũng cần phải nói thêm là từ năm 1892, toàn quyền De Lanessan áp dụng ngạch quan thuế ở Pháp tại đây, nên hàng hóa các nước khác phải chịu quan thuế nặng quá không còn cạnh tranh nổi với bọn thực dân ở đây nữa.

Trong giai đoạn đầu từ 1888 đến năm 1920, các công ty Pháp đã đầu tư tại Đông Dương khoảng 500.000.000 Francs và lập những kỹ nghệ tối tân (lúc bấy giờ) như công ty khai mỏ Hồng Gai, Đông Triều (1888), nhà máy sợi Nam Định, Hà-Nội (1894), nhà máy xi-măng Hải-Phòng (1899), từ đó phát triển thuận lợi và lôi kéo thêm nhiều nhà kinh doanh khác sang.

Điều cần phải nhấn mạnh là mặc dầu bọn tư bản Pháp kinh doanh ở Đông Dương chúng chỉ nhằm mục đích thu được nhiều lợi và thu mau chóng để chia cho cổ phần nên chỉ tiêu thụ các sản phẩm kỹ nghệ của chúng, hoặc khai thác những sản vật có thể xuất cảng ngay được như than đá, quặng mỏ, cao su... Vì vậy chúng không nghĩ đến việc kỹ nghệ hóa Đông Dương, là một việc chưa chắc hoặc lâu mới có lợi và mặt khác lại gây ra một kẻ cạnh tranh với kỹ nghệ của chúng nữa.

Về ruộng đất thì trước đó gần 10 năm, Toàn quyền Richaud đã ký một nghị định vào tháng 9/1888, cho phép bọn thực dân khai thác "đất hoang". "Đất hoang" ấy, một là công thổ quốc gia, hai là của các làng xã, ba là của dân chúng, vì chiến tranh bỏ làng đi lánh nạn,... Jean Dupuis, tên đã cùng Hải Quân Đại Úy Francis Garnier gây rối với Ông Nguyễn Tri Phương trước kia ở Hà Nội, được cấp 25.000 mẫu tây ở vùng Kẻ bào, Bourgoin Meiffre được cấp 2.300 mẫu tây (nhưng thực tế bọn này đã chiếm 8000 mẫu). Từ năm 1890 đến năm 1896, 32.202

mẫu tây đất ruộng đã được cấp theo lối "khai thác đất hoang". Nhưng từ khi Paul Doumer đến thì tên trùm thực dân này, chỉ trong vòng chưa hết nhiệm kỳ của hắn (từ năm 1897 đến năm 1901 - Nhiệm kỳ của hắn 1897 - 1902), đã cướp và cấp cho bọn thực dân một số đất kỷ lục: 155.449 mẫu tây - gần gấp ba số bọn trước đã cướp trong 10 năm . . .

Về phương diện chính trị thì sau khi đặt lại chức Thống sứ Bắc Kỳ, Paul Doumer yêu cầu vua Thành-Thái ra Dụ ngày 26/7/1897 (Thành-Thái năm thứ 9) giao quyền hành của quan Kinh lược cho Thống sứ Bắc Kỳ (1). Như vậy, thực dân Pháp nắm nốt cả quyền hành chánh ở Bắc kỳ còn lại trong tay triều đình Huế theo hòa ước 1884, nhà vua chỉ còn quyền ban phẩm hàm và phong sắc thần mà thôi.

Còn đối với Trung kỳ, để kiểm soát chặt chẽ hơn, tên trùm thực dân này, cũng năm ấy, yêu cầu vua Thành Thái ra dụ ngày 27/9/1897, bãi bỏ hội đồng phụ chính và ấn định rằng:

1- Trong các phiên họp của viện Cơ Mật (Hội Đồng Thượng Thư) mà không có Hoàng Đế dự, thì sẽ do Khâm sứ Pháp ở Huế chủ tọa (?!).

2- Các dự thảo dụ phải được đại diện của chánh phủ bảo hộ khán thuận, rồi mới được dâng lên châu phê.

Năm sau, Paul Doumer còn đi xa hơn nữa bằng cách yêu cầu nhà vua ban hành một đạo dụ khác để ngày 15/8/1898, giao cho chánh phủ bảo hộ quyền quản trị tài chánh ở Trung Kỳ. Pháp sẽ trao lại (?) hằng năm một số tiền bằng số Nam Triều đã thu được trước kia. Rồi, để kiểm soát hoạt - động các bộ của Nam Triều, bọn thực dân đặt bên cạnh mỗi bộ một tên gọi là Hội Lý. Mọi quyết định của các bộ phải được Hội Lý thỏa thuận rồi mới được gởi đi.

Như vậy Paul Doumer đã đánh một đòn trí tử vào chủ quyền và nền thống nhất của Việt Nam, làm cho 3 kỳ phân cách rõ rệt... Từ đó Triều đình Huế không còn thực quyền, không tài chánh, không thể làm gì được nữa. Vua Thành Thái uất ức, thường tỏ thái độ của người bất đắc chí nên mấy năm sau (ngày 30/7/1907), Toàn quyền Beau bèn truất phế...

Tóm lại trong thời gian Paul Doumer giữ chức toàn quyền Đông-Dương, xây dựng được cũng nhiều mà bóc lột cũng lắm. Trong ba kỳ các thứ thuế đều gia tăng gấp bội; ở Trung Bắc Kỳ, ngoài các thứ thuế về ngành quan quản còn nhiều thứ thuế mới như thuế chợ, thuế đò, thuế kiểm lâm, thuế con niêm v.v... Ngân sách chung năm 1899 là 20.000.000$00, năm 1903 vọt lên 32.000.000$00; số thu nhập của Trung-Kỳ sau khi Paul Doumer can thiệp, năm 1899 vọt lên

---

(1) Thật là lạ! Thống-Sứ Bắc-Kỳ là đại diện Chánh Phủ bảo hộ mà lại kiêm chức Kinh lược sứ là đại diện của Triều-đình Huế.

Quang cảnh bến tầu gần "Khu nhượng địa" Hà-Nội.



Quan Tuần phủ và các Quan Chức Việt Nam khác dưới thời Pháp thuộc.

2.000.000$00. Ở Bắc Kỳ, thuế đinh, thuế điền từ năm 1896 đến năm 1907 đã tăng gấp đôi với số thu là 4.909.000$00.

Về xứ Nam Kỳ, thì như ở phần thứ II đã có lần nói, theo hai hòa ước Nhâm Tuất 1862 và sau đó là Giáp Tuất 1874 đã tách rời khỏi Việt Nam và sống riêng biệt...

Trong 20 nam đầu, thuộc địa này đều do các Đề Đốc Tư Lệnh đạo quân Viễn Chinh kiêm nhiệm chức Thống Đốc, và việc cai trị giao cho các Sĩ Quan Hải Quân biệt phái. Đến năm 1873 mới giao cho các quan chức cai trị chuyên môn. Ông Le Myre De Vilers là một giới chức dân sự đầu tiên làm Thống Đốc năm 1879 và bắt đầu thi hành chính sách đồng hóa. Hai hòa ước Nhâm Tuất 1862 và Giáp Tuất 1874 ký rồi, nhân dân Nam Kỳ vẫn tiếp tục kháng chiến... Công cuộc bình định tốn kém nhiều, nên các Đề Đốc đã nghĩ đến cách tăng thuế, thuế ruộng mỗi mẫu tây trước là 6 Francs, sau tăng lên 11 Francs và Đề Đốc Charner đã cho mở sòng bạc, thuốc phiện công khai. Khi người Pháp mới đến, Nam Kỳ chỉ trả 2.000.000 Francs thuế, năm 1867 trả 5.375.000, năm 1879 gần 20.000.000 và năm 1887 tăng lên 35.000.000...

Cần phải nói rõ thêm là ngay từ những ngày đầu ở Nam Kỳ, đã có các thương gia Pháp theo chân đoàn quân viễn chinh sang buôn bán. Ban đầu, họ hợp tác với người Hoa Kiều để kinh doanh và thu được nhiều lợi lớn trong các ngành xuất cảng gạo, tậu ruộng đất chung quanh Saigon. Dần dần các xưởng kỹ nghệ tối tân (lúc bấy giờ) xuất hiện ở Saigon, Chợ Lớn, hải cảng Saigon mở mang, ngoại thương phát triển...

Công trình quan trọng nhất của Pháp ở Nam Kỳ là sự khai thác các đất hoang vu ở miền Tây, làm cho diện tích canh tác được mở rộng, nhờ đó Nam Kỳ trở nên thịnh vượng. Muốn khai thác các đất đai ấy, trước hết phải có đường giao thông. Ở đây người Pháp mở thủy đạo, tức là vét rạch đào kinh. Từ năm 1866, họ đã bắt đầu cho tàu vét lại nhiều rạch, sông để tiện lưu thông về miền Tây. Đến năm 1893, công việc này mới đạt được kết quả quan trọng. Đào được nhiều kinh lớn ở miền hậu giang, hoặc kinh xuôi tháo nước ra vịnh Xiêm, để tránh ngập nước, hoặc kinh ngang để nối liền các kinh... Từ năm 1866 đến 1938, đã đào được 2.000.000 thước khối. Các đường giao thông ấy mở đến đâu là dân chúng liền đổ xô tới đó để khai khẩn, canh tác, xây cất nhà cửa, trồng vườn tược, lập ra thôn xóm... Diện tích ruộng đất ở Nam-Kỳ năm 1938 tăng lên gấp 8 lần diện tích năm 1868. Sự sản xuất, xuất cảng gạo, cũng theo đà mở rộng diện tích khai thác mà gia tăng; gạo xuất cảng vừa nâng cao đời sống của người dân quê Nam Kỳ, vừa trở thành một món hàng trao đổi quý báu cho ngành xuất cảng ở Đông Dương.

Nhờ chế độ điền địa của bọn thống trị mà nhiều tên Pháp đã chiếm hữu được nhiều đất đai

ở miền tây và những vùng đất đỏ, đất xám, để làm những đồn điền cao su và cà phê rộng lớn...

Các Toàn quyền sau Paul Doumer như Paul Beau (1902-1908), Klobukowski (1908-1911), cũng có ý chỉnh bị lại cách cai trị. Năm 1904-1909, phát sinh phong trào Đông Du, toàn quyền Beau bèn thiết lập trường Đại học để kềm hãm bớt việc xuất ngoại của thanh niên trong nước. Ở Bắc Kỳ, Beau lập Hội Đồng tư vấn Bắc Kỳ (do một cuộc đầu phiếu hạn chế), các hội đồng tỉnh hạt. Nhưng về sau nhiều sinh viên Đại Học tỏ ra là những kẻ tuyên truyền cách mạng, còn các hội đồng kia, trong vụ chống thuế khóa năm 1908, cũng có phụ họa nên toàn quyền Klobukowski ra lệnh đóng cửa trường Đại học và bãi bỏ các hội đồng...

Tuy nhiên các vụ biến động năm 1908, đã có tiếng vang sang tận chánh quốc, mặt khác chánh sách tập quyền của Doumer đã bị công kích kịch liệt, nên năm 1911 Chánh Phủ Pháp đã phải :

1- Đề ra một chương trình cải cách và cử Ông Albert Sarraut, một Nghị sĩ trẻ tuổi, sang làm toàn quyền để thực thi chương trình ấy. Ông A.Sarraut tuyên bố một chính sách hợp tác và thực tâm áp dụng việc "bảo hộ" theo đúng nghĩa của nó.

2- Ban hành một sắc lệnh (ngày 20/10/1911), quyết định áp dụng chính sách phân quyền, để cho các Thống Đốc, Khâm Sứ và Thống Sứ được quyền hành xử một số vấn đề thuộc các phạm vi hành chánh, kinh tế và trị an .v.v...

Do đó trường Đại Học được tái lập, các cấp giáo dục đều mở mang thêm, công việc hành chánh được cải tổ, sự đại diện của người Việt Nam trong các hội đồng được nới rộng... Chính sách này làm cho bọn thực dân ở đây phản đối dữ dội, nhưng đã xoa dịu được người Việt Nam. Nhờ đó mà trong cuộc thế chiến lần thứ I có đến hàng 100.000 người Việt Nam tình nguyện sang Pháp làm lính, làm thợ, và những cuộc lạc quyên quốc trái, bán phiếu Quốc phòng của Pháp thu được kết quả tốt đẹp ở khắp các tỉnh: từ năm 1915 đến năm 1920, quốc trái thu được 367.000.000 Francs và phiếu Quốc phòng mấy trăm triệu nữa. Hơn thế nữa, chánh phủ Pháp có thể rút bớt quân ở đây để đem về tham chiến ở chánh quốc, chỉ để lại tại Việt Nam có 2500 quân sĩ người Âu mà vẫn được tương đối yên ổn... (đã nói rõ ở mục thực dân bòn rút nhân tài vật lực ở Đông Dương để cứu nguy cho chánh quốc trong lúc hấp hối...).

Năm 1917, Albert Sarraut lại trở qua làm Toàn quyền lần thứ hai (đến ngày 22/5/1919) vẫn tiếp tục dùng những bài diễn văn, những lời hứa hẹn... để nuôi hy vọng của người Việt Nam Ông long trọng tuyên bố rằng chính sách của Pháp ở đây là chính sách của bản tuyên ngôn nhân quyền, rằng hai nước Pháp Việt thực hành một sự trao đổi ích lợi cho cả hai bên, trao đổi về kinh tế, về ảnh hưởng tinh thần và chính trị: nước Pháp đem văn minh mới sang nước Việt Nam (?), để bù lại nước Việt sẽ là căn cứ để nước Pháp đem lại ánh sáng và gây ảnh hưởng ở Đông Á.

Thêm vào đó là sự thắng trận của Pháp, và ý nghĩ rằng Pháp cũng sẽ nhớ đến công của Việt Nam giúp mình thắng trận ấy và hơn thế nữa Ông Albert Sarraut là người có nhiều thiện cảm với Việt Nam, đã lên làm Bộ Trưởng Thuộc địa, nên đa số người Việt Nam tin rằng chánh phủ Pháp rồi ra sẽ thay đổi chế độ cai trị cho hợp với nguyện vọng của nhân dân Việt Nam hơn...

Năm 1922, vua Khải Định và Thượng Thư Nguyễn Hữu Bài sang Pháp yêu cầu giao lại quyền hành ở Bắc Kỳ cho đúng với tinh thần hòa ước Giáp Thân 1884, nhưng không đạt được mục đích. Và dần dần nhân dân ta thấy rằng lời tuyên bố và hứa hẹn của Albert Sarraut chỉ là hão huyền mà thôi!

Ông Maurice Long (1919-1923) thay Ông Albert Sarraut làm toàn quyền. Ông này cũng có ý tiếp tục chính sách cởi mở như :

1- Lập ra các ngạch tương đương (Cadres laterant) trong các công sở để thu dụng người bản xứ.

2- Đặt Hội đồng tư vấn ở Trung Kỳ.

3- Tăng thêm số Nghị viên người Việt lên 10 người trong Hội đồng thuộc địa Nam Kỳ...

Nhưng Ông này cũng bị bọn thực dân ở đây phản đối...



Toàn quyền MAURICE LONG

Ông Martial Merlin (1923 - 1925) thế Ông LONG, lại chủ trương một chính sách bóp nghẹt; trong khi ấy một số thanh niên tân học ra trường càng ngày càng đông và đòi hỏi những chức vụ trong các công sở, từ trước vẫn do người Pháp độc chiếm... Rồi năm 1924 tên trùm thực dân nầy bị Phạm Hồng Thái ám sát hụt ở Khách sạn Victoria bên Tàu (xin xem thêm mục "tiếng bom Sa-Diện") thì hắn lại trở nên ác nghiệt hơn nữa và các thứ thuế lại gia tăng, nhất là thuế điền thổ, làm cho nhân dân Trung, Bắc Kỳ lại càng thêm bất mãn...

Năm 1924, ở Pháp, liên minh tả phái đắc thắng trong cuộc bầu cử. Năm sau, một Nghị sĩ xã hội là Alexandre Varenne được cử làm Toàn quyền Đông Dương (1925-1928). Ông nầy ý thức việc nước Pháp phải làm trên phương diện chính trị và xã hội, Ông đã :

1- Ân xá cụ Phan Bội Châu vừa bị tòa kết án tử hình.

2- Lập Viện Dân Biểu Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

3- Mở rộng các ngạch tương đương trong các công sở, để cho người Việt và người Pháp có bằng cấp ngang nhau giữ những chức vụ ngang nhau.

4- Lập ra Bình Dân Nông Phố Ngân quĩ để giúp đỡ nông dân.

5- Ban hành nhiều biện pháp nâng đỡ giới lao động...

Chính sách của toàn quyền Alexandre Varenne làm cho phe thực dân ở đây bất mãn, chúng mở một chiến dịch phản đối trên báo chí, khiến Ông nầy bị triệu hồi...

Năm 1925, vua Khải Định mất, con là Đông Cung Vĩnh Thụy đương du học ở Pháp, được đưa về lên ngôi. Rồi lại trở qua Pháp tiếp tục du học... Bọn thống trị Pháp bèn ép buộc Nam Triều ký hiệp định giao cho Khâm sứ Trung Kỳ đảm nhận tất cả quyền hành của vua mới, cử Ông Tôn Thất Hân làm Phụ chánh thân thần thay vua coi giữ việc cúng tế và ban phẩm hàm mà thôi. Thượng Thư Nguyễn Hữu Bài hết sức phản đối nhưng vô hiệu. Từ khi vua Thành Thái, vua Duy Tân bị truất phế, bị lưu đầy, nhân dân tuy cảm kích, nhưng không còn tin tưởng nơi Triều đình Huế nữa. Trải qua các triều đại, trong các đại thần thì chỉ trừ các Ông Nguyễn Trọng Hợp, Nguyễn Đình Phác dưới triều Thành Thái, Nguyễn Hữu Bài dưới triều Khải Định và Bảo Đại là còn biết bênh vực quyền lợi của xứ sở, của nhân dân và duy trì thể thống của Triều đình, ngoài ra hầu hết các đại thần... chỉ biết mua chuộc cảm tình của bọn thống trị, hoặc giữ thái độ thụ động, nên uy tín của Nam Triều mất dần, nhất là trước mắt giới thanh niên tân học...

Những cuộc dân chúng nổi dậy ở các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi (Trung Kỳ) và các cuộc đình công ở Nam Kỳ, Bắc Kỳ năm 1930 làm cho dư luận bên chánh quốc Pháp rất lưu ý đến tình hình Việt Nam. Tại Nghị trường các nghị viên Daladier, Moutet.v.v... đã đọc diễn

văn trình bày về sự nghiêm trọng của tình hình chánh trị ở đây và dự đoán những nguy hiểm sẽ xảy đến.v.v... Do đó, bọn thống trị Pháp ở Việt Nam phải sửa sai một vài sự lạm quyền, cải tổ và mở rộng các ngạch Công-Chức, các công ty, xí nghiệp, bắt đầu chính sách kinh tế, xã hội mới, nâng cao mực sống của các giới...

Năm 1932, Bảo Đại về nước, bỏ hiệp định quái gở ngày 25-11-1925 nói trên, chủ trương canh cải nước nhà. Một Hội Đồng cải cách được thành lập.Ngày 10/9/1932,Bảo Đại ban hành dụ, tuyên bố thân chinh và ý định cải cách ngạch quan lại, tư pháp, giáo dục... Thấy nhân dân đều trông vào Ông vua tân học này, Toàn quyền Pasquier bèn đưa người của mình vào làm Đổng lý Ngự tiền văn phòng, cấp bậc Thượng Thư, đó là Ông Phạm Quỳnh.

Năm 1933, nhà vua cải tổ Hội đồng Thượng Thư, cho các Ông Thượng thư Nguyễn Hửu Bài, Tôn Thất Đàn, Phạm Liễu, Võ Liêm, Vương Tứ Đại về hưu và bổ các người trẻ hơn thay thế. Trong các vị này có Ông Ngô Đình Diệm lúc bấy giờ đang làm Tuần Vũ Bình Thuận, có tiếng là thanh liêm giữ Bộ Lại và Chủ Tịch hội đồng cải cách. Đồng thời bãi bỏ Bộ-Binh,sửa đổi việc gọi tên các bộ, như Bộ Hình gọi là Bộ Tư Pháp, Bộ Học gọi là Bộ Giáo Dục; Tư Pháp và Hành-Chánh tách riêng, thành lập các Tòa án, bổ nhiệm một số thanh niên tân học ra trường làm tri huyện, tri phủ thay thế lớp phủ, huyện cựu học...

Về phần Ông Ngô Đình Diệm, sau mấy tháng thấy mình bị chèn ép không cải cách được gì cả bèn đệ đơn xin từ chức.

Năm 1938, Bảo Đại và Thượng Thư Phạm Quỳnh sang Pháp, yêu cầu chánh phủ Pháp hợp nhất Trung, Bắc Kỳ cho đúng với tinh thần hòa ước Giáp Thân 1884. Nhưng rồi đi không lại về rồi, chẳng đạt được kết quả nào cả !



1.— Tình trạng tài chánh.

Trước khi cuộc thế chiến thứ hai bùng nổ, tình hình tài chánh như sau :

Năm 1937 ngân sách chung, ngân sách địa phương, ngân sách hàng tỉnh và thị xã thu tổng cộng vào khoảng 130.000.000$00. Số thu của quan thuế, quan quản thuế, bán thuốc phiện, bán muối, thuế tiêu phí, thuế lưu thông .v.v... lên tới 56.300.000$00, nghĩa là 43% tổng số; thuế trực thâu 3 kỳ ở Việt Nam là 34.000.000 $00, tức 26%, thuế sau này là thuế đinh và thuế thổ mà 98% do người Việt Nam trả.

Cuộc thế chiến thứ hai bùng nổ. Vì giao thông với chánh quốc bị gián đoạn, Đông Dương phải tìm những thị trường mới, để tiêu thụ hàng hóa và ngược lại những nơi ấy có thể cung cấp



Lăng TỰ-ĐỨC

các nguyên liệu cho mình, ngày 15-10-1940, vì áp lực của Nhật, bọn thống trị Pháp đã phải thiết lập chế độ quan thuế tự trị ở Đông-Dương bãi bỏ thuế xuất ưu đãi dành cho hàng hóa Pháp từ trước và đặc thuế xuất thống nhất cho bất kỳ hàng hóa của nước nào. Rồi lần lần Nhật cũng xâm lấn vào chính trị và kinh tế ở Việt-Nam, buộc mọi hoạt động kinh tế phải phục vụ cho cuộc chiến của họ, rút tài nguyên xứ này bằng cách trưng thu sản vật, lạm phát tiền tệ. Ngân sách Đông-Dương phải đài thọ số tiền chi phí của quân đội Nhật đóng trên lãnh thổ mình, nên phủ Toàn quyền phải phát hành thêm loại giấy bạc 200$00, và 500$00, sự lạm phát ấy làm nền tài chánh của Pháp ở Đông-Dương bị khủng hoảng trầm trọng.

Đứng trước áp lực và sự tuyên truyền của Nhật, Toàn quyền Decoux đã phải thay đổi chánh sách cai trị, để mua lòng người Việt...
(xin xem thêm chương "NHẬT CAN THIỆP VÀO ĐÔNG-DƯƠNG" ... ở dưới).



2.— Sinh hoạt kinh tế.

Như ở các chương trên đã có lần nói, mục-đích thứ nhất của công cuộc đi chiếm đất thực dân là tìm thị trường tiêu thụ hàng hóa do mình sản xuất, tìm nơi cung cấp nguyên liệu cần thiết cho kỹ nghệ của mình và ngay khi quân Pháp đến đánh chiếm nước ta đã có bọn thương mại, kỹ nghệ ... đến kinh doanh.

Lợi dụng các nguyên-liệu thiên nhiên tại chỗ, nhân công bản xứ rẻ, nhiều xí-nghiệp kỹ-nghệ tối tân (lúc bấy giờ) được thành lập để cung ứng cho nhu cầu bản xứ : nhà máy gạo, nhà máy nấu rượu ở Chợ-lớn, Saigon; nhà máy gạch ngói ở Biên-Hòa, nhà máy gạch ngói Morel ở Khánh Hội (Saigon); nhà máy sợi ở Nam-Định, Hải-Phòng; nhà máy giấy ở Bắc-Ninh, Đáp-Cầu; nhà máy xi măng và nhà máy thủy tinh ở Hải-Phòng; nhà máy in Đông-Dương; rồi các nhà máy diêm, nhà máy thuốc hút, làm gạch, ngói, cưa, lò đúc, nhà máy đèn, nhà máy đường v.v... lần lượt xuất hiện.

Công ty khai thác mỏ than Hồng Gay, Đông Triều làm ăn rất phát đạt nên số người đi tìm mỏ mỗi ngày mỗi nhiều. Rồi nhiều mỏ kim khí ở thượng du Bắc kỳ như mỏ kẽm, mỏ thiếc, mỏ chì, mỏ sắt, mỏ wolfram cũng lần lượt được khai thác ...

Ở Nam-kỳ, cây cao su qua một thời gian thí nghiệm thành công, từ năm 1905 được đem trồng một cách quy mô theo phương pháp tân tiến, ở các vùng đất đỏ, đất xám. Cà-phê, chè cũng được trồng tại các đồn điền rộng lớn.

Sau đại chiến thứ nhất, tư bản Pháp lại sang kinh doanh rất nhiều, nhất là trong ngành khai thác mỏ và đồn điền cao-su. Vì vậy mà ta thấy số lượng sản xuất than đá năm 1928 tăng gia gấp 4 lần năm 1913 (năm 1913 : 501.000 tấn, năm 1928 : 1.972.000 tấn) và trị giá sản xuất của các ngành năm 1929 tang gấp 9 lần trị giá năm 1900. Riêng những vùng đất đỏ, đất xám ở phía Bắc và Đông Bắc Saigon, đã có 110.000 mẫu tây trồng cao su, năm 1915 sản xuất 298 tấn, năm 1929 vọt lên 10.309 tấn. Ngành khai mỏ than và trồng cao su tiếp tục phát triển mãi, nên đến năm 1940 đã khai thác được 2.500.000 tấn than, còn cao-su thì trồng mấy năm trước đại chiến thứ hai, hằng năm xuất cảng 60.000 tấn, năm 1943 diện tích trồng cao su là 138.000 mẫu tây và xuất cảng 73.000 tấn.

Về cà-phê, năm 1921 trồng 5.900 mẫu tây ở Nam-kỳ, 4.150 mẫu tây ở Bắc-kỳ, chè trồng 3.510 mẫu ở Nam kỳ.

Trong khi đó thì nội ngoại thương phát-triển rất mau. Nhờ miền tây Nam kỳ được khai thác, gạo sản xuất thêm nhiều. Gạo cùng than đá và cao su là 3 món xuất cảng chánh, ngoài ra còn bắp, sơn, quế, cá khô, trâu bò, chì, kẽm và xi-măng v.v... Việt-Nam nhập cảng vải lụa, đồ sắt, máy móc, xe ô-tô, xe đạp, giấy và rượu vang v.v...

Tình hình ngoại thương trước cuộc khủng hoảng kinh-tế thế-giới như sau :

Năm	*Nhập cảng*	*Xuất cảng*
1899 – 1903	*78.000.000$00*	*62.000.000$00*
1920	*138.000.000$00*	*180.000.000$00*
1929	*227.000.000$00*	*228.000.000$00*

Các hải cảng Saigon, Hải-Phòng, Đà-Nẵng được trang bị dụng cụ tối tân, tàu bè lui tới tấp

nạp. Việc giao thông đường bộ, con đường "thuộc địa" bắt đầu kiến thiết trước đại chiến thứ nhất, đến khoảng các năm 1920-1930, sự vận tải bằng xe hơi trở nên thông dụng, nên được tu sửa và mở mang thêm nhiều, đến năm 1936 đã có 27.500 cây số đường. Đường xe lửa thì ngoài con đường xuyên Đông-Dương, ở Bắc kỳ còn có con đường Hanoi - Lạng-Sơn - Hải-Phòng - Vân-Nam, ở Nam kỳ có đường Saigon-Mỹ-Tho, Sài-Gòn-Lộc-Ninh, ở Trung kỳ có đường Phan-Rang Đà-Lạt v.v...

Các thành phố lớn như Saigon, Hà-Nội, Hải-Phòng, Huế, Nam-Định, Đà-Nẵng dân cư đến ở đông đúc, buôn bán phồn thịnh, bày ra một cảnh tượng sầm uất, mới mẻ, giàu sang, khác hẳn trước.

Mới trông qua sự hoạt động kỹ-nghệ, thương mại, các đồn điền, các thành thị, đường giao thông như vậy, người ta có thể cho rằng kinh tế Việt-Nam đương tiến triển trên đường tư-bản hóa. Nhưng sự thật không phải vậy, vì các kỹ-nghệ ấy, các việc thương mại, đồn điền ấy, hầu hết là công cuộc kinh doanh của người Pháp, một số ít người Trung-Hoa bành trướng trong một phạm vi nhỏ hẹp. Các đường xe lửa dùng vào mục đích quân sự và cho chánh quyền hơn là để mở mang kinh tế. Các thành phố thì chỉ dung nạp một ít dân chúng, khoảng 6% của toàn thể mà thôi, còn 94% dân chúng sống ở trong các làng mạc vẫn buôn thúng bán mẹt, hoặc mở những cửa tiệm nhỏ, tiểu công nghệ tồn tại và việc cày cấy vẫn tiếp tục dùng những dụng cụ và phương pháp cổ truyền, không có gì là tiến bộ cả.

Tuy ở thành thị vẫn có một số người Việt Nam mở xưởng kỹ-nghệ, hãng buôn lớn, hoặc là nhà xuất nhập cảng, hãng vận tải, nhưng số đó rất ít. Trường hợp ông Bạch-Thái-Bưởi, ông Nguyễn Hữu-Thu trong ngành chuyên chở bằng tàu thủy, ông Trương-Văn-Bền trong ngành kỹ nghệ, nhờ thông minh và tài kinh doanh mà thành công trong một thời gian là những trường hợp hiếm hoi.

Ở Nam kỳ diện tích canh tác và sản xuất cứ mỗi năm mỗi tăng. Bản thống kê dưới đây cho ta thấy những tiến bộ đó :

Năm	*Diện tích*	*Sản xuất*	*Xuất cảng*
1880	*520.000 m-tây*	*650.000*	*300.000*
1900	*1.175.000 -*	*1.500.000*	*800.000*
1928	*2.235.000 -*	*2.750.000*	*1.900.000*

Năm 1938 diện tích canh tác lại tăng lên 2.650.000 mẫu tây.

Năm 1912, chánh quyền bảo hộ thiết lập Canh-nông nghiệp-đoàn cho nhà nông vay tiền để khai khẩn những vùng đất mới.

Tại Bắc kỳ, trong khi ở thượng du, trung du các công ty hoặc tư nhân ngoại quốc có vốn và phương tiện cơ giới khai thác những đồn điền lớn lao, thì chánh quyền, đứng trước sự bất mãn và nghèo nàn của dân chúng, cũng tỏ ra giúp dân chúng trong những công cuộc tăng gia diện tích trồng trọt và trong những năm 1925, 1936 đã quy-định những biện pháp quy dân lập ấp, cho mọi người dân đi khai khẩn được quyền tư hữu 15 mẫu tây đất. Nhưng kết qủa chẳng thu được bao nhiêu, phần thì vì dân chúng qúa nghèo, không đủ vốn, phần khác, là những trở lực do tư bản Pháp cấu kết với một vài tên tư bản bản xứ mới chớm mở, làm vô hiệu hóa dự tính của chánh quyền bảo hộ (giúp dân chúng tăng gia diện tích trồng trọt ... được quyền tư hữu 15 mẫu tây đất).

Ngoài ra, ở Bắc kỳ, Trung kỳ, chánh quyền bảo hộ cũng có thực hiện các công trình dẫn thủy trị thủy và lập những Nông-phố ngân hàng để giúp nông dân đỡ bị nạn cho vay nặng lãi. Ở Bắc kỳ, mặc dù cơ sở chuyên môn Pháp đảm đương việc giữ đê mà đê vẫn cứ vỡ mãi, nên sau trận lụt năm 1926, chánh quyền bảo hộ phải theo phương pháp trị thủy ở sông Pô bên Ý và sông Missis-sipi bên Mỹ mà lấp đê cho vững vàng, cao rộng hơn. Công cuộc dẫn thủy ở Bắc Kỳ đã chi phối được 209.500 mẫu ruộng, ở Trung kỳ chi phối được 124.000 mẫu. Năm 1927, Nông phố ngân-qũy (Crédit populaire agricole) được thành lập ở các tỉnh, vốn do các xã thôn, các đoàn thể, tư nhân góp vào để cho các tiểu nông và tá điền vay. Nhưng cũng như Canh-nông nghiệp đoàn ở Nam kỳ, Nông-phố ngân qũy ở Trung, Bắc kỳ không thu được kết qủa mong muốn là vì chỉ những nhà đại nông, những người có thế lực mới vay được, mà vay rồi họ đem dùng vào việc khác chứ không dùng vào nghề nông.

Tình hình ruộng đất ở nước ta hồi đó như sau :

1.- Ở Nam kỳ trong số 2.300.000 mẫu ruộng thì tiểu điền chủ có dưới 5 mẫu là 71%, chiếm 15% ruộng; trung điền chủ có từ 5 mẫu đến 50 mẫu là 26,5%, chiếm 37% ruộng; đại điền chủ có trên 50 mẫu là 2,5% chiếm 48% ruộng. Sự chênh lệch qúa rõ ràng, 97,5% tiểu và trung điền chủ mới có được 52% số ruộng, trái lại chỉ có 2,5% đại điền chủ mà có tới 48% số ruộng. Và theo thống kê năm 1930 có 257 điền sản trên 500 mẫu, trong đó có nhiều điền chủ có trên 18.000 mẫu; 71% nhân dân không có ruộng.

2.- Ở Bắc-kỳ tiểu điền chủ 586.000 người có dưới 1 mẫu, 283.000 người có từ 1 mẫu tới 5 mẫu, chiếm 36% ruộng đất ; trung địa chủ 60.000 người có từ 5 đến 10 mẫu, 20.000 người có từ 10 đến 50 mẫu, chiếm 26,6% ruộng đất ; đại địa chủ 800 người có từ 50 đến 100 mẫu, 250 người có trên 100 mẫu, chiếm 16,6% ruộng đất. Như vậy 77% nhân dân không có ruộng.

Tuy vậy những ruộng đất ấy, phương pháp canh tác vẫn chưa được canh tân, nên tuy người nông dân làm lụng đầu tắt mặt tối mà hoa lợi thu hoạch cũng vẫn kém xa ở các nước khác như ở Xiêm mỗi mẫu thu hoạch được 18 quintaux, ở Nhật 34 quintaux trong khi tại Việt-Nam chỉ có 12 quintaux.

Trước kia, song song với nông nghiệp tiểu công nghệ là một nghề thứ hai, tuy phụ thuộc vào nghề nông nhưng cũng giúp cho dân quê, nhất là ở Bắc-kỳ, Trung-kỳ kiếm thêm được một số lợi tức. Nhưng từ khi thực-dân Pháp choàng vào cổ dân tộc ta cái ách nô lệ thì tình trạng này bị xáo trộn và dân chúng vốn đã cơ-cực lại càng cơ cực hơn bao giờ - Vì sản phẩm kỹ-nghệ ngoại quốc nhập cảng giá cả rẻ mà lại tinh xảo, nên một vài nghề tiểu công nghệ như dệt vải, dệt lụa, kéo sợi v.v... không cạnh tranh nổi phải chết yểu.

Nhưng, để bù lại, nhờ đường sá giao thông mở mang, sự chuyên chở sản phẩm dễ dàng, thị trường tiêu thụ mở rộng, các thành thị trở nên sầm uất, nên một số tiểu công nghệ lại bắt đầu phồn thịnh, trở nên chuyên nghiệp, như ở Bắc-kỳ có nghề đan mây (Hà-Đông), dệt chiếu (Phát Diệm); ở Trung-kỳ có nghề dệt lụa, dệt tussor (Quảng Nam), đã có sản phẩm gởi ra ngoại quốc và biến các khu vực sản xuất ấy thành các khu trù mật ...

Đến khi cuộc thế chiến thứ hai bùng nổ thì phong trào chấn hưng tiểu công nghệ được đẩy mạnh và mặt khác vì sự giao thông bị trở ngại, hàng hóa ngoại quốc không vào được, nên tiểu công nghệ Việt-Nam đã phát triển mạnh ...

Tóm lại, sau non một thế kỷ Pháp thuộc, chỉ ở các đô thị là có những kỹ-nghệ tối tân (lúc bấy giờ), nội ngoại thương phát triển, một hệ-thống kinh-tế tư bản xuất hiện, nhưng đó là công cuộc của người Pháp và một số người Hoa-Kiều, còn phần của người Việt-Nam thì qúa ít oi và tuy có một số tiểu tư bản mới chớm nở, nhưng chúng lệ thuộc vào tư bản Pháp và không có triển vọng vượt lên cao. Trong khi ở nông thôn, nơi sinh hoạt của 94% dân chúng, nền kinh-tế xưa vẫn không thay đổi gì cả, nhà nông vẫn tiếp tục cày cấy, gieo trồng bằng dụng cụ và phương pháp cũ ; giới thương mại vẫn chưa thay đổi lề lối, mở mang phạm vi buôn bán, tiểu công nghệ cổ truyền vẫn tồn tại. Thành thị và thôn quê bày ra hai cảnh tương trái ngược : một đàng thì nhà cửa, phố phường khang trang sạch sẽ, buôn bán sầm uất, sinh hoạt tấp nập, có nhiều tiện nghi tạm gọi là tân tiến, một đàng thì nhà cửa xóm làng tiêu điều nghèo nàn, buôn bán lẻ tẻ, sanh hoạt không hấp dẫn, chẳng có một tý gì gọi là tiến bộ cả.

Sở dĩ có tình trạng đó là bởi vì bọn tư bản mại bản Pháp đến kinh doanh ở nước ta, chỉ lo sao cho được nhiều lợi và mau chóng, nên không nghĩ đến việc mở mang những kỹ-nghệ quy mô lâu dài, cơ giới hóa nghề nông v.v... vì nó đều là những việc lâu dài, chưa chắc đã có lợi mà lại có thể gây cạnh tranh với kỹ-nghệ chánh quốc của chúng nữa.



3.— Văn hóa giáo dục.

Tại Nam-kỳ, ngay sau khi chiếm 3 tỉnh miền Đông, Phó Đề-Đốc De Lagrandière đã bãi bỏ hán học và mở trường dạy chữ Pháp và chữ quốc-ngữ.

Ở Trung-kỳ, Bắc-kỳ, mặc dầu ách "bảo hộ" (?) đã choàng lên đầu lên cổ dân ta rồi, nhưng giới sỹ-phu, trí thức và quan lại vẫn chưa vui vẻ cho con em theo tân học. Một số người học tiếng Pháp là để kiếm việc làm. Thi cử hán học chưa bỏ, mà trong các khoa thi lại có môn luận và một bài dịch Pháp văn nhiệm ý, nên thí sinh mới học chữ quốc ngữ.

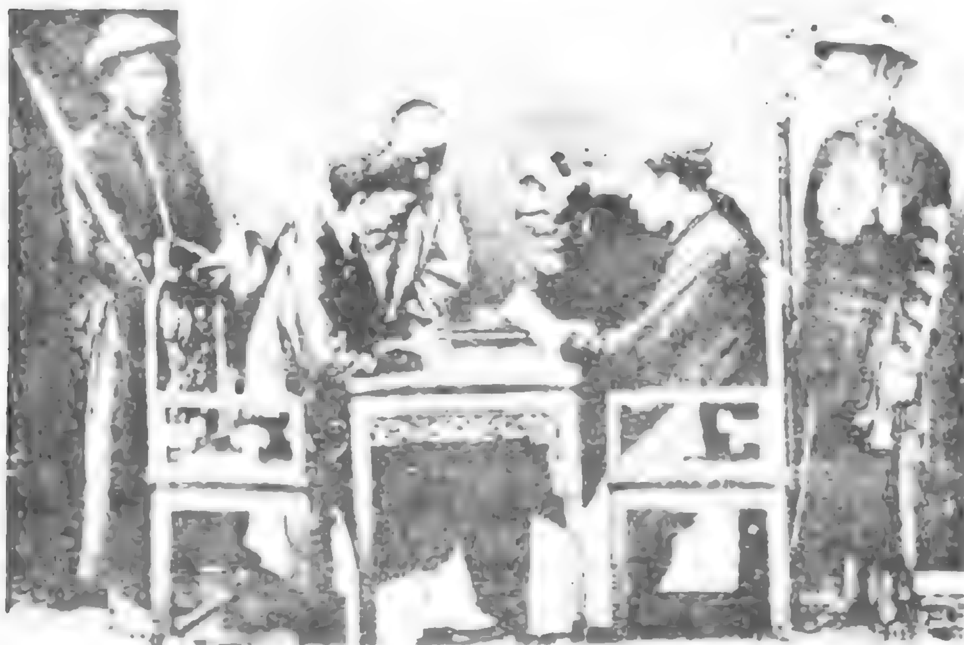
Năm 1908, chánh quyền bảo hộ thành lập hội-đồng cải cách học-vụ và hội-đồng ấy đã ấn định một chương trình học gồm 3 bậc : Ấu học ở các làng dạy chữ Hán và chữ quốc ngữ, tốt-nghiệp có bằng Tuyển-sinh ; Tiểu học là các trường Giáo thụ, Huấn đạo ở các Phủ lỵ, Huyện lỵ, dạy các tuyển sinh chữ Hán và chữ quốc ngữ, chương trình Hán học gồm Tứ thư, Ngũ kinh, Bắc sử, Nam sử, bỏ lối văn bác cổ, câu đối và thơ phú, Pháp văn là môn nhiệm ý, tốt nghiệp có bằng Khóa sinh ; Trung học là các trường Đốc học ở các tỉnh lỵ dạy các khóa sinh chữ Hán, chữ quốc ngữ, chữ Pháp, cứ 3 năm trước kỳ thi hương, mở một cuộc khảo hạch, người đậu gọi là thí sinh được dự thi Hương. Đồng thời chương trình thi Hương cũng được cải tổ. Ở các tỉnh lỵ có trường Pháp Việt để dạy học sinh không muốn theo học chương trình trên đây, nghĩa là muốn học chữ Pháp nhiều hơn và không có chữ Hán. Tốt nghiệp các trường Pháp-Việt ấy, học sinh ở Trung Kỳ được vào học ở trường Quốc học ở Huế, học sinh Bắc kỳ vào học ở trường Bảo hộ ở Hà-Nội.

Nhưng đến năm 1915, thì sau khóa thi Hương cuối cùng ở Nam-Định, và năm 1917, sau khóa thi Hương cuối cùng ở Thanh-Hóa, khoa cử Hán học cáo chung.

Năm 1917, Nha Tổng Giám-Đốc Học Chánh Đông-Dương bãi bỏ chương trình năm 1908 nói trên và ban hành học qui mới cho toàn cõi Đông Dương, theo đó bậc Tiểu học gồm 5 lớp, lấy tiếng Pháp làm chuyển ngữ.

Sau trận thế chiến thứ nhất, người Việt-Nam đã thấy giá trị của văn-hóa Pháp và khoa cử Hán học đã bỏ, mặt khác, chỉ những thanh niên có bằng cấp tân học mới được vào làm việc ở các công sở của chánh quyền bảo hộ, cũng như Nam Triều, nên từ đó họ mới hăng hái theo tân học ...

Cho đến năm 1924, Toàn quyền Merlin vì không muốn số thanh niên Việt-Nam có bằng cấp cao đông qúa, sợ cạnh tranh với người Pháp, nên chủ-trương mở mang giáo dục theo chương trình bình diện (plan horizontal) ấn định một chương trình theo đó Tiểu-học gồm 2 bậc : sơ học 3 năm, dạy bằng tiếng Việt, cuối lớp ba phải thi bằng Sơ-học yếu lược ; Tiểu học 3 năm dạy bằng tiếng Pháp như cũ. Học sinh đậu bằng Tiểu học mới được vào trường Cao-Đẳng Tiểu-học học 4 năm ; trên đó là bậc Trung-học bản xứ, dạy theo chương trình Trung-học Pháp, bỏ ngoại ngữ và cổ điển La Hy và thay vào Việt ngữ và triết học Trung-Hoa. Ở Hanoi, Huế và Saigon



Quan chức dân sự đang làm việc có hương binh (Milicien) đứng hầu 1885.

mỗi nơi có một trường kỹ-nghệ thực hành (École Pratique d'Industrie) để đào tạo thợ chuyên môn cho các công xưởng công hoặc tư ... Ở các đô thị lớn có những trường trung-học Pháp (Lycée) dạy chương trình Pháp cho học sinh Pháp và một số ít học sinh Việt-Nam.

Trường Đại-học do Toàn quyền Beau thành lập, bị Toàn quyền Klobukowski bãi bỏ, được Toàn quyền Sarraut tái lập vào năm 1918, mà thật ra chỉ gồm các trường chuyên môn đào tạo công chức phụ tá người Pháp trong các công sở. Ra đời trước hết là trường Cao-Đẳng Y-Dược, sau đến các trường Cao-Đẳng Sư-Phạm, Công Chánh, Canh-Nông, Thú-Y, Thương Mại, Mỹ-Thuật ... Về sau trường Cao-Đẳng Y-Dược đổi thành Y-Khoa và Dược Khoa Đại-học, trường Cao-Đẳng Luật học và Hành-chánh (École Supérieure de Droit et d'Administration) đổi thành Đông-Dương Cao-Đẳng học hiệu (École des hautes Études Indochinoises), rồi sau đổi là trường Luật Khoa đại học, còn các trường Cao Đẳng Sư Phạm, Thương Mại, Canh Nông, Công Chánh đều bãi bỏ.

Năm 1938, tái lập hai trường Đại-học Nông lâm và Công chánh. Còn trường Đại-học Khoa-học mãi đến khi Decoux làm toàn quyền mới ra đời.

Một số thanh-niên con nhà giàu có sang du học ở các trường Trung-học, Đại học ở bên Pháp.

Trường tư thục bậc Tiểu-học, Trung-học cũng xuất hiện khá nhiều ở các đô thị lớn.

Tuy vậy số trường không đủ để thu nhận học sinh. Như năm 1924 có 600.000 trẻ em đến tuổi đi học, nhưng chỉ có 72.000 em vừa trai vừa gái được ngồi trên ghế nhà trường.

Trong niên-khóa 1937-1938, học sinh các trường Pháp-Việt trên toàn cõi Việt-Nam là : Trung học : 400 ; Cao-Đẳng tiểu học : 4.552 ; Tiểu học : 57.412 ; Sơ học : 352.365. Tổng cộng là 414.729 học sinh, cộng thêm 597 học sinh học ở các trường Trung Tiểu-học Pháp. Các trường chuyên nghiệp có 2.051 học-sinh. Đại-học Hanoi có 547 sinh viên, chia ra : Luật 338, Thuốc : 176, Mỹ-thuật : 33.

Năm 1944, Tiểu học có 900.000 học sinh, Trung-học có 4.000, Đại-học Hanoi có 1.500 sinh viên.

Xem như vậy, nạn thất học còn nặng nề và số người mù chữ lên đến 80% nhân dân.

Chánh quyền bảo hộ còn lập ra Viễn-Đông Bác cổ (École Française d'Extrême-Orient) để tìm tòi, nghiên cứu các văn minh cổ kính ở Việt-Nam và các nước Đông Á, Sở Địa-Dư (Service géographique), Viện Quang học (Institut du Radium), Viện Hải-Dương học (Institut Océanographique), Sở Khí tượng (Service Météorologique) đều để nghiên cứu và ứng dụng khoa học, rồi năm 1928 đặt hội đồng nghiên cứu khoa-học (Conseil de recherches scientifiques de l'Indochine) để sưu tập và chỉnh lý những kết qủa của các công cuộc nghiên cứu khoa học.

Chương trình giáo dục ở Việt-Nam vốn dựa theo chương trình giáo-dục ở bên Pháp, nên có nhiều điều không hợp lý và khuyết điểm ; mới vỡ lòng học hoặc vừa học khỏi bậc sơ học, trẻ em từ 6 đến 9 tuổi đã bắt đầu học toàn tiếng Pháp , nên sau này không hiểu tiếng mẹ đẻ. Ở các lớp trên thì những điều mang giảng dạy không dính dáng gì đến đời sống thực tế, với hoàn cảnh, với dĩ vãng, với hiện tại và nhu cầu xứ sở. Do đó người thanh niên ở trường Trung, Đại học ra hình như bị cắt đứt với truyền thống và tinh thần dân tộc, xa lạ hẳn với thực trạng đất nước. Rồi trong lúc hăng say đi tìm những gía trị mới lạ họ trở nên "rởm" và khinh rẻ, không muốn nhìn lại cái văn hóa thất bại, gần chết (?) do tình thế chánh trị gây ra của Việt Nam, mà chỉ thu thập những cái gì hào nháng về hình thức của nền văn-hóa mới ... Vì vậy, đã phát sinh một hạng người tân học mất gốc, học chưa hiểu thấu đáo cái học Tây phương mà lại chiếm giữ những địa vị trong xã-hội. Và giữa một thế hệ cảm nghĩ theo Á-Đông, học viết hoàn toàn bằng chữ Hán, và một thế hệ học đòi cảm nghĩ theo Tây phương, học viết hoàn toàn bằng tiếng Pháp, không có một sự chuyển tiếp và hậu qủa của lỗ trống này cũng như các khuyết điểm kia, là tất cả những bi hài kịch mà xã hội và quốc gia Việt-Nam sẽ chứng kiến, chịu đựng trong nhiều năm về sau nữa.

Tuy nhiên vì sự tiếp xúc với văn-hóa Pháp mà người Việt-Nam biết trọng quốc văn, rồi

thành lập một nền quốc văn mới, lấy văn xuôi làm thể văn chánh. Quốc văn ấy bắt đầu trong sự phiên dịch các tiểu thuyết Tàu, trong các báo chí ra đầu tiên, các sách của các nhà văn ở Nam kỳ như Pétrus Trương-Vĩnh-Ký, Paulus Của, ở Bắc kỳ như Đào-Quang-Phổ, Phan-Kế-Bính, Phạm-Quỳnh và nhóm Nam-Phong, Nguyễn Văn-Vĩnh và nhóm Đông-Dương tạp-chí (1) v.v... để dần dần trở nên có quy củ hoàn bị như ngày nay.

Nhờ ảnh hưởng của Pháp văn, văn-chương ta đã phát triển phong phú về hình thức cũng như nội dung. Khác với hán học, nhà văn mới hồi đó đã trọng thực tế, ưa sáng sủa, rõ ràng và trật-tự, tránh cái gì sáo cũ, không còn bị gò bó trong khuôn khổ cứng ngắc của luân lý, đạo đức, được cởi mở về tình cảm, về tự do trí thức ; văn chương có những rung động mới, băn khoăn mới, con người và mọi sự vật được khảo sát và diễn tả đầy đủ và lý thú hơn. Các nhà thơ cũng vượt ra ngoài khuôn khổ cũ để tự do diễn tả những phóng khoáng của tâm hồn : thơ mới ra đời. Các thể văn mới như kịch, phê bình, phỏng theo Pháp văn, càng ngày càng phổ biến trên văn đàn ...

Ngành Mỹ-thuật như Hội Chùa, Kiến-trúc và ngành Âm-nhạc đã chuyển hướng theo Tây phương và đào tạo nhiều nghệ sĩ có thực tài, nhiều tác phẩm được đem trình bày ở các cuộc triển lãm quốc-tế. Nhiều người còn cố gắng dung hòa Đông, Tây để tạo nên một nền mỹ-thuật mới cho thích hợp với Việt-Nam.

Nhưng ảnh hưởng quan trọng hơn cả của văn-hóa Âu Tây là khoa học. Khoa-học không những chỉ có tác dụng trong địa hạt khoa học thực nghiệm, mà còn có tác dụng ở lãnh-vực khác của văn-hóa nữa. Tinh thần khoa học đem lại cho học giả sự trật tự, sáng suốt và bắt buộc họ trong lúc khảo cứu, phải có óc hoài nghi, phải suy luận, kiểm điểm, phê bình, nhờ đó học thuật phát-triển trên những nền tảng mới. Mỹ-thuật nhờ tinh thần khoa học mà được phong phú và tinh thần ấy áp dụng trong phương pháp giáo dục đã làm cho mỹ-thuật phổ biến dễ dàng, mở đường cho các tài năng.

Ấy là kết qủa lâu bền. Chỉ tiếc rằng văn-hóa Việt-Nam xưa kia trọng "thiện" hơn "chân", "mỹ" thì nay, với ảnh hưởng của văn hóa Tây-phương người Việt-Nam ta trọng "mỹ", "chân" và xao lãng "thiện", khiến thế quân bình vẫn chưa lấy được.



Văn nghệ ngày xưa (trên)
Đại Hội trong Triều (dưới)



4.– Tình trạng xã hội Việt-Nam.

Do ở chỗ Pháp thuộc mà ở Việt-Nam phong tục tập quán trở nên dị biệt và phát sinh ra mấy

(1) Như ở mục "Việt-Nam Quang Phục Hội" đã nói về phương diện "đóng góp vào nền Văn-hóa nước nhà" thì ông Phạm-Quỳnh và nhóm Nam-Phong, ông Nguyễn-Văn Vĩnh và nhóm Đông-Dương Tạp Chí phải được kính trọng và ghi công ; Nhưng việc các ông và các nhóm ấy làm tay sai cho toàn quyền Albert Sarraut hô hào góp công góp của để cứu nguy nước Pháp trong đệ nhất Thế chiến và "dọa" các nhà Cách mạng Việt-Nam thì đáng phỉ nhổ và lên án.

giai cấp khá rõ rệt, nhất là Tư-sản, Trung-lưu, Trí-thức và Lao-động.

- Phong tục tập-quán giữa 3 kỳ có hơi dị biệt :

Ở Nam-kỳ vốn là đất mới khai-thác, nhân dân chưa bị ràng buộc bởi những tư-tưởng, tập tục cổ truyền một cách chặt chẽ như ở Trung, ở Bắc, nên khi tiếp xúc với những tư trào mới mẻ của Tây phương thì họ tiếp thu dễ dàng hơn. Trung-kỳ, vì còn triều-đình, vì chưa bị va chạm với hoạt động của tư bản tối tân (lúc bấy giờ), nên vẫn giữ nguyên được tính chất xưa cũ của Việt-Nam hơn Nam-kỳ và Bắc-kỳ. Vì vậy sau này người ta đã nhận thấy có những điểm dị biệt trong phong tục, tư-tưởng, cách sinh-hoạt của nhân dân mỗi kỳ ...

- Giai cấp "điền chủ" xuất hiện :

Chính quyền thuộc địa khai thác miền Tây Nam kỳ, rồi đem hàng triệu mẫu tây đất chia ra từng lô, bán đấu giá với giá căn bản là 10 Francs một mẫu. Nhưng người nghèo làm sao có tiền mà mua ? Vì vậy một số người nhờ thời cuộc và một số khác nhờ có của cải sẵn, hay để dành được tiền mới có thể mua và mua những khu thật rộng lớn. Do ở chỗ họ thường ở thành thị, phải gọi một số dân nghèo ở các nơi đến, cho "tá" để cày cấy rồi đến mùa trả cho họ một số hoa lợi, nên phát sinh ra giai cấp "địa chủ" và "tá điền". Rồi nhờ những công cuộc đào kinh, tháo nước của chính quyền, các đất đai mới mẻ ấy trở thành ruộng vườn phì nhiêu, làm giàu cho các điền chủ.

- Giai cấp tân tư-sản trung lưu ra đời :

Trong khi ấy thì ở các thành phố lớn như Saigon - Chợ-Lớn, Hà-Nội, Hải-Phòng v.v.. một số người nhờ làm chân tay cho bọn thực-dân trong chính quyền, hoặc làm trung-gian cho chúng, người Hoa kiều trong các ngành thương mại, kỹ-nghệ, dần dần trở nên giàu có. Các người này cho con cái vào học các trường Trung học, Cao-đẳng hoặc xuất dương du-học. Thành tài, họ trở thành công chức cao cấp, Luật-sư, Kỹ-sư, Bác-sỹ, Dược-sỹ, hoặc nhà thương mại, kinh doanh ... tạo thành một giai cấp chưa từng thấy ở nước ta, tương tự như giai cấp trưởng giả trung lưu (Bourgeois) ở Pháp hồi thế-kỷ thứ XVIII, mà ta tạm gọi là tân tư sản trung lưu. Và giai cấp này có mấy đặc tính : vì nghề-nghiệp họ phải sinh sống ở thành thị, xa hẳn làng mạc ; vốn hâm mộ văn minh mới, họ sinh hoạt theo lối Âu-tây, thường tiếp-xúc với người ngoại quốc họ không cần tuân theo lễ giáo và phong tục cũ nữa, nên ngôn ngữ, cử chỉ, bộ điệu, có khi tư-tưởng và cả nhân sinh quan nữa, cũng khác với người ...

- Giai cấp thợ thuyền thành hình :

Từ khi các xưởng kỹ-nghệ tối tân (lúc bấy giờ) được thiết lập ở các thành phố lớn ở Nam-kỳ, Bắc-kỳ thì số người nhà quê đến làm công ngày càng đông. Trước cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1929, số thợ và lao công ấy là 86.000 người, đến năm 1938, tăng lên gần 100.000 người.

Các đồn điền cao-su, cà-phê, dùng nhân-công tuyển mộ từ Bắc-Kỳ, Trung-kỳ, vì hai xứ này, nhất là Trung-kỳ, dân nghèo nên số ứng mộ càng đông, như năm 1925 có 3.684 người, năm 1927 có đến 18.000 người ứng mộ vào làm ở các đồn điền trong Nam-kỳ. Các sở mỏ ở Bắc kỳ thì cũng có khoảng 50.000 lao công kể cả thợ, nhân công các nhà máy, lao công ở các đồn điền, phu bến tàu có khoảng 200.000 người. Thợ thuyền và lao côngcác nhà máy tiền công ít ỏi, chen chúc trong các gian nhà chật hẹp, phải sống thiếu thốn với những điều kiện đã hại vệ sinh lại còn hại về phương diện đạo đức nữa. Còn lao công các sở trồng trọt ở Nam-kỳ, sở mỏ ở Bắc-kỳ, tuy không phải chui rúc ở thành thị như thợ thuyền và lao công ở các nhà máy, nhưng phải ở những miền nước độc, làm việc nhiều giờ, ăn uống kham khổ, hay đau ốm, bị bọn cai hành hạ, nên cũng phải sống một cuộc đời vật chất, tinh thần kham khổ như lao công, công nghiệp.

Như vậy mà thợ thuyền, nhân công ở thành thị cũng như lao công ở các đồn điền, hầm mỏ, lại chưa có tổ chức nghiệp đoàn để bênh vực họ. Nhưng nhờ các ký giả ở Pháp sang điều tra về đời sống của lao công ở các đồn điền ở Nam-kỳ, về viết bài công kích kịch liệt các Công-ty chủ đồn điền đã bóc lột và đối xử tàn tệ với lao công v.v... nên vấn đề thợ thuyền và lao động mới được nêu ra và bàn cãi nhiều lần trong khoảng các năm 1920-1930...

Năm 1927, Toàn quyền Varenne hạ số giờ



Ngày "Hội Tây"

làm việc, sự săn sóc thuốc men, ấn-định số tiền để dành, thể thức tờ giao kèo, tuổi tối thiểu của người lao công v.v... và thiết lập sở Thanh-tra Lao-động để kiểm soát sự thi hành các qui-lệ ấy. Năm 1936, ở Pháp Mặt trận Bình-dân lên cầm quyền, Luật Lao-động được đem ra ứng dụng ở Việt-Nam, nhưng Toàn quyền Đông Pháp, trong sự thi hành, được quyền sửa đổi một vài chi tiết. Đến năm 1940, vì cuộc thế chiến thứ hai, Luật Lao-động bị tạm ngưng thi-hành.

Giai cấp thợ thuyền, lao-động và giai cấp tân tư sản trung lưu là hai sản phẩm chính của chế-độ thuộc địa, đời sống giàu nghèo, sang, hèn trái ngược hẳn nhau, khác với tình trạng xã-hội Việt-Nam xưa kia, tùy chia ra bốn giới sỹ, nông, công, thương nhưng trong sự sinh-hoạt không có sự cách biệt qúa đáng.

- Giai cấp nông dân vẫn dậm chân một chỗ :

Trong khi đó thì nông dân ở nông thôn chiếm 94% dân số vẫn sống đời sống cực khổ, thiếu thốn. Ở Nam kỳ, nhờ diện tích canh-tác gia tăng, nên sự sống dễ dàng hơn, mức sống cao hơn (1), còn ở Bắc-kỳ, Trung-kỳ thì những cuộc khai thác đất đai, dẫn thủy nhập điền thực hiện trong thời kỳ bảo hộ chỉ sản xuất thêm một số hoa lợi đủ để cung cấp cho số dân gia tăng (mỗi năm tăng độ 12,9%).

Thế mà thuế má lại qúa nặng nề và nhiều thứ thật phức tạp hoặc trực thâu, hoặc gián thâu, không một ngành hoạt động nào là không bị đánh thuế. Ngoài thuế đinh, thuế điền, thậm chí cả thuế muối thuế rượu nữa, người dân quê phải nộp những thứ thuế lạ lùng mà chưa bao giờ họ phải đóng như thuế chợ, thuế đò, thuế môn bài, thuế kiểm lâm, thuế trước bạ v.v... Hai thứ thuế về chuyên chở thuốc lá và sự trừng phạt rượu lậu là hai tai họa của thôn quê làm thôn dân bất mãn không ít : nhiều người chỉ vì nấu rượu để uống, có khi bị kẻ thù oán để rượu trong đất mình, vì chuyên chở thuốc lá, mà bị bắt, bị tù tội, hoặc phải chịu những món tiền phạt thật nặng nề có khi đi đến chỗ phá sản.

Ở Trung-kỳ : trước năm 1939 mỗi người phải nộp 2$50, chưa kể số phụ thu ; từ năm 1939, người không có tài sản nạp 0$60, người có tài-sản nạp 1$50 và một món thuế tỷ lệ về tài-sản.

Ở Bắc-kỳ : trước năm 1938, mỗi người nạp 2$50, chưa kể số phụ thu; từ năm 1938, người không có tài sản hoặc lương bổng dưới 120$000 một năm nạp 1$00, người có tài-sản nộp 50$00. Sau lại chia ra nhiều hạng tùy theo tài sản hoặc lương bổng, hoặc thuế môn bài mà nạp từ 1$00 đến 200$00 và cả thảy là 13 hạng..

Ở Nam-kỳ : người vô sản nạp 4$50, người hữu sản nạp 5$50 ; từ năm 1938 trở đi, người giàu có phải nộp thêm thuế lợi tức.

---

(1) Riêng ở Nam-Kỳ, 14.1% là Thị dân, 85.9% là Thôn dân.

Riêng về thuế điền thổ thì tùy theo từng xứ và chia ruộng đất ra nhiều hạng khác nhau mà đánh thuế.

Còn một cái họa làm khổ người nông dân Bắc cũng như Trung và Nam kỳ là nạn cho vay nặng lãi. Ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ từ trung địa-chủ trở lên là đủ ăn đủ tiêu, còn tiểu địa chủ, tuy sống thiếu thốn, tằn tiện mà gặp năm mất mùa, gặp đau ốm cũng phải đi vay nhà giàu, lãi có khi lên tới 100% mỗi năm. Đó là lý do làm cho đất đai ngày càng tập trung vào tay nhà giàu và người giàu ngày càng giàu thêm, trái lại người nghèo ngày càng nghèo thêm. Ở Nam-kỳ thì tá điền vay nợ của bọn Chetty, điền chủ muốn mở mang thêm, phải vay Đông-Dương ngân hàng. Các biện pháp của bọn thống trị để giúp nông dân về phương diện này như thiết lập Canh nông nghiệp đoàn ở Nam-kỳ, Nông-phố ngân hàng ở Bắc kỳ, Trung-kỳ đều có tính cách trình diễn hơn là thực sự giúp cho nông dân...

Nam-kỳ dư đủ là nhờ có gạo, nhưng cũng bị cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1930 làm điêu đứng mấy năm trời vì gạo,. Năm 1930 giá một tạ gạo trắng tốt nhất là 11$34, năm 1931 sụt xuống 7$10, năm 1932 xuống 5$62, rồi năm 1933 xuống 3$20. Số lượng xuất cảng năm 1928 là 1.900.000 tấn, năm 1931 sụt xuống 960.000 tấn. Tá điền bị lỗ lã, nhiều chủ điền không tiền nạp thuế bị phá sản ... Đồng thời trong toàn quốc các xí-nghiệp bớt thợ, các đồn điền bớt lao-công, số người thất nghiệp nhan nhản, tiểu công chức và nhân viên văn-phòng các sở tư cũng bị sụt lương.

Người thôn dân Việt-Nam đã không được hưởng gì nhiều của nền văn minh mới. Các thứ hàng hóa nhập cảng nói ở trên, chỉ để bán cho người ngoại quốc, người Việt-Nam thuộc loại tư sản trung lưu và dân thành thị, còn trong các làng mạc thì bất qúa chỉ có một vài thứ hàng tầm thường như vải bô, xà-phòng, diêm, đèn bin, xe đạp, dầu hỏa v.v... là thông dụng.

Tuy vậy có một điều mà người dân quê nhận thấy rõ rệt là nhờ khí giới của bọn thống trị mà sự an-ninh của các làng mạc được bảo đảm, được yên ổn làm ăn trong lũy tre xanh, ít sợ cướp bóc, giặc giã, là tai nạn thường xảy ra thời xưa, nhất là ở miền Trung du và thượng du Bắc-kỳ.

- Giai cấp "công chức" nẩy sinh :

Tại nông thôn nghề nông không đủ nuôi sống, kỹ nghệ thương mại ở thành thị không mở mang, người thanh niên chỉ thấy một con đường để kiếm kế sinh nhai là làm sao được làm công chức. Được vào làm trong một công sở của chính quyền thuộc địa, bảo hộ hay của Nam triều là một sự may mắn, một vinh dự cho người thanh niên và gia-đình họ ... Vì vậy hầu hết thanh-niên đã có bằng cấp, đều xô nhau vào cái nghề cạo giấy ấy. Nhưng công-chức cũng bị đãi ngộ khác nhau. Quan lại của Nam-triều lương bổng rất ít, công chức của chính phủ thuộc địa hay bảo hộ khá hơn, nhưng cũng chỉ đủ ăn đủ tiêu, còn so sánh với công chức người Pháp thì sự chênh lệch thật là mỉa mai. Toàn quyền Varenne đã nói trước Nghị-viện Pháp năm 1930 rằng một quan Tổng-đốc (tỉnh trưởng một tỉnh lớn ở Trung-Bắc kỳ) ăn lương mỗi tháng 300$00, trong khi một Cảnh-sát viên người Âu sơ bổ lãnh tối thiểu 350$00, chưa kể các khoản phụ cấp ... Vì số lương qúa ít mà các quan chức ta lại muốn ăn mặc giao thiệp đàng hoàng ... nên đã phải ăn hối lộ của dân, trái với quan chức xưa kia sống giản dị và còn sợ thanh nghị hơn.

Năm 1931, ông Paul Bernard đã làm một bản thống kê số lợi tức đồng niên của các hạng người ở Việt-Nam như sau :

Hạng người	*Tổng số*	*Sự lợi tức hằng năm*
– Người Âu	*13.400 người*	*5.000$00*
– Người Việt giàu	*9.000 -*	*6.000$00*
– Người Việt bậc trung	*920.000 -*	*168$00*
– Người Việt nghèo	*9.600.000 -*	*49$00*

Một người lao-động ở Bắc-kỳ đồng niên thu được 44$00, ở Trung-kỳ 47$00 và ở Nam-kỳ 55$00.

Số người Pháp sang làm công chức và kinh doanh ở Việt-Nam trước đại chiến thứ hai có khoảng 10.500 người (không kể quân-nhân), trong số có mấy trăm công chức cao cấp nắm hết các cơ-quan điều khiển trong các sở hành-chánh và chuyên môn; mấy trăm nhà kinh doanh nắm giữ hết những yếu điểm của kinh tế trong kỹ-nghệ, thương mại và ngân hàng. Phần nhiều họ sống cách biệt với người bản xứ và mặc cảm tự tôn về chủng tộc.

Về Y-tế : chỉ ở những tỉnh lỵ có bệnh viện, nhà hộ-sinh, một số huyện lỵ, phủ lỵ có bệnh xá nên thôn dân không được hưởng những lợi ích của y học Tây phương, ngoại trừ những cuộc tiêm thuốc ngừa bệnh dịch, bệnh thời khí, bệnh đậu mùa, mà thỉnh thoảng nhân viên y-tế đến tận các làng xóm tiêm cho dân ; các cách phòng ngừa này làm cho số người chết các bệnh ấy giảm đi hơn trước. Tính đến năm 1930, tổng số Bác-sĩ công và tư ở Việt-Nam chỉ có 191 Bác-sĩ, 29 Dược-sĩ. Như vậy một bác-sĩ phụ-trách chữa bệnh cho gần 100.000 người dân. Công-trình Y-tế quan trọng hơn cả của Pháp là thành lập Viện Pasteur (1905) có trụ-sở ở Saigon, Hanoi, Nhatrang, Dalat. Mấy nhà bác học danh tiếng như các ông Yersin, Calmette, Roux đều đã có làm việc tại đây. Viện này khảo cứu về những bệnh tật ở Việt-Nam và chế ra thuốc để chữa và phòng ngừa các bệnh tật ấy.

Về nạn đói : đến đây ta không thể không đề cập đến một tai ương ghê gớm mà đồng bào Bắc-Việt phải trải qua : trận đói năm 1945, một trận đói không tiền khoáng hậu làm cho 2.000.000 người chết đói, mà nguyên nhân rất phức tạp : trong khi đường xe lửa bị gián đoạn, gạo Nam-kỳ không thể chở ra Bắc-kỳ được, chính quyền thuộc địa một mặt phải cung cấp gạo cho quân-đội Nhật ở Việt-Nam, mặt khác tự ý tích trữ thêm gạo (tới 500.000 tấn) để cho quân đội Đồng-Minh đổ bộ ; lại nữa vì nạn lạm phát, đồng bạc bị sụt giá, các con buôn đua nhau mua gạo tích trữ ; bọn gian thương Hoa-kiều vơ vét mua thóc ở thôn quê để lén chở sang Tàu đang bị nạn đói ; một số gạo phải dùng thay ét-xăng để nấu rượu v.v...

Tóm lại, như ở mục sinh hoạt kinh tế đã nói, sau gần một thế-kỷ bị Pháp thuộc, văn-minh tây phương mới chỉ ảnh hưởng đến thành thị, còn ở thôn quê những điều kiện sinh hoạt vật chất và tinh thần vẫn không thay đổi hoặc chỉ có thay đổi khác nhau chút ít ... Vì không bị tác động của kỹ-nghệ và thương mại tân tiến va chạm đến, vì chậm Âu hóa, người dân quê vẫn giữ được tập tục của tổ-tiên, biết qúy trong các giá trị luân-lý đạo đức của dân tộc, không như ở thành thị, giới tư-sản trung-lưu và giới thanh niên, nếp sống đã khác, lại tiêm nhiễm những quan niệm tư tưởng mới mẻ có vẻ cởi mở hơn, nhất là cá nhân chủ nghĩa, khiến cho đời sống giữa thành thị và thôn quê trở thành hai cảnh tượng trái ngược.





Một khu thương mãi ở Hải-Phòng (ta thấy trong hình xe bò — một thứ xe do người chứ không phải bò kéo và xe tay là phương tiện chuyên vận chính hồi bấy giờ).

CHƯƠNG III

Phong trào cách mạng của nhân dân ta lại mang một sắc thái mới

1. – Tiếng bom Sa Diện...

Sau các phong trào Đông-Du, Đông-Kinh Nghĩa-Thục, Chống thuế, Bỏ thuốc độc, Việt-Nam Quang-Phục-Hội, Thiên-Địa-Hội, Phan-Xích-Long, Vua Duy-Tân, Binh biến, Thái-Nguyên... và nhất là sau cuộc thắng trận của Pháp trong đệ nhất thế chiến, phong trào đấu tranh của nhân dân ta đang hồi tàn tạ... một số sỹ-phu hoặc bị bắt, hoặc bị chết, chán nản rút ra khỏi trường tranh đấu hay chỉ thoi thóp dưới hình thức đấu tranh khác, thì một tiếng bom đã báo hiệu cho một thế-hệ đương lên, làm cho cách-mạng Việt-Nam mang một màu sắc mới, đó là Tiếng Bom Sa-Điện do Phạm-Hồng-Thái ném...

Tưởng cần phải nói là trong lúc cách mạng Việt Nam đang hồi tàn ta thì một lớp thanh niên từ trong nước mới sang Trung-Hoa, hay làm bồi dưới các tầu biển v.v..., chịu ảnh hưởng của các biến chuyển trên thế giới, đã nhân cơ-hội đẩy mạnh hoạt-động v.v...

Để đề phòng phong trào cách mạng, thực dân Pháp ở Đông-Dương đứng đầu là Toàn-Quyền Merlin, đã sang Nhật, Hương-Cảng, Vân-Nam để vận-động đàn áp...

Nhóm Cách mạng VN đang lưu vong ở Quảng Châu, biết rõ mục đích và hành trình của tên trùm thực dân ở Đông-Dương nói trên, trước khi về Đông-Dương, còn ghé qua Quảng-Châu, để thăm tô giới Sa-Diện của Pháp ở đó, bèn chuẩn bị để trừ khử tên này... Người được đề cử lãnh sứ mạng là Phạm-Hồng-Thái và Lê-Tấn-Anh, với những phương tiện cần thiết... Mặc dầu mật thám Pháp đã bố trí cẩn thận và hai người đã bỏ lỡ nhiều cơ-hội, nhưng vẫn kiên trì lo thực hiện cho bằng được sứ mạng...

Sau hết, các nhà cách mạng VN được tin ngày 19-6-1924, bọn thống trị Pháp ở Sa-Điện sẽ mở tiệc khoản đãi tên từ tội Merlin tại khách sạn Victoria, bèn nghĩ cách bố trí cho Thái giả trang làm phóng viên nhiếp ảnh, để lọt vào bên trong... Kết quả là Thái đã qua mắt được bọn cú vọ đúng như dự tính... Và một quả tạc đạn đã nổ tại phòng ăn, làm cho 4 tên thực dân chết và 2 bị thương - Nhưng tên Merlin đã sống sót, mục đích không đạt được... Lập tức bọn binh lính, mật thám và Cảnh-Sát Pháp liền bủa một lưới bao vây dầy dặc, để bắt người chiến-sĩ mà chúng gọi là thủ phạm... Thái chạy, Anh bắn yểm trợ cho Thái, định vượt qua cầu, để sang Quảng-Châu.. Nhưng vì Thái bị đuổi sát qúa, đành phải nhảy xuống sông Châu-Giang, ranh giới giữa



PHẠM - HỒNG - THÁI

Quảng-Châu và Sa-Diện, rồi bị chết đuối, còn Lê-Tần-Anh thoát nạn...

Thái chết, chánh-phủ Tôn-Văn đã mang chôn tại Hoàng Hoa-Cương, bên cạnh mộ 72 liệt sĩ Trung-Hoa, đã hy sinh tại Quảng-Châu, trước ngày cách mạng Tân-Hợi, ở trên dựng một tấm bia có khắc "Mộ của liệt-sĩ Việt-Nam là Phạm-Hồng-Thái", mặc dầu có sự phản đối của thực dân Pháp...

Từ đó trở đi (từ khi Phạm-Hồng-Thái bị chết một cách oanh liệt và được chôn cất một cách hết sức trang trọng) các chiến-sĩ cách-mạng Việt-Nam ở ngoài hay ở trong nước, được gởi sang Trung-Hoa huấn-luyện, trước khi về, đều đến trước mộ Phạm-Hồng-Thái để tuyên-thệ hiến thân cho đất nước và dân tộc...

Tiếng bom Sa-Diện và cái chết của Phạm Hồng-Thái đã gây một tiếng vang rất lớn trong và ngoài nước, làm trỗi dậy phong trào cách-mạng Việt-Nam đang hồi tàn tạ... mở đầu cho các phong trào cách-mạng khẩn trương hơn sau này...



2.— Các đảng chính trị phôi thai...

ĐẢNG LẬP HIẾN

Ở Nam-Kỳ năm 1923 các Ông Bùi-Quang-Chiêu, Nguyễn-Phan-Long, Lê-quang-Liêm, Trương-văn-Bền, Nguyễn-tấn-Được, Nguyễn-văn Thinh, Trần-văn-Đôn, Lưu-văn-Lang... đứng ra lập đảng Lập-Hiến. Vì đa số là đại địa chủ, những nhà kỹ-nghệ và thương mại, những hưu quan và một số là công chức cao cấp, bác sỹ, kỹ-sư v.v... trong đó có nhiều người có Pháp tịch, nên đảng này chiếm ưu thế về chánh trị ở Nam-Kỳ lúc bấy giờ. Đường lối của Đảng là đòi bọn thống trị Pháp ban hành một vài cải cách như tự do dân chủ, số đại-biểu người Pháp và VN ngang nhau trong các hội đồng dân cử... Địa bàn hoạt động của đảng là những cuộc tranh cử, trên báo chí và trong nghị trường.

Về báo chí thì họ dùng tờ Tiếng dội An-Nam (L 'écho Annamite) và tờ Diễn-đàn Đông-Dương (La tribune Indochinoise), để phản ảnh đường lối của mình.

Về tranh cử thì, năm 1925, trong cuộc bầu cử Hội đồng thuộc địa, Đảng Lập Hiến đã hoạt động mạnh mẽ, nên các ứng cử viên của Đảng này đều trúng cử cả.

Tại nghị trường thì Đảng Lập Hiến đã dùng nó làm nơi để công kích kịch liệt cá-nhân của các tên thực dân (không công kích chánh quyền thuộc địa) và một vài vấn đề khác như nhà Đông Dương Ngân-Hàng, Hãng rượu Fontaine...

Tưởng cũng nên nói thêm là vào năm 1923, cuộc đấu tranh chống độc quyền Hải cảng Saigon đã giúp cho họ phát đạt về tiền bạc, do sự ủng hộ của đám tư-bản Hoa-kiều, mặt khác còn đưa họ lên đài danh vọng, vì đã dám chống bọn thống trị Pháp, và mấy tên tay sai cỡ Lê-Quang-Trinh ... mà dân chúng thường gọi là "bọn bán nước"

Năm 1926, Bùi Quang Chiêu sang Pháp để yêu cầu chánh phủ Pháp thực hiện những điều cải cách, Ông được tiếp đón tử tế, nhưng không thâu được kết quả gì.

Rồi thì vì phong trào đấu tranh của dân chúng lên cao, những khẩu hiệu chánh trị ngày càng gay gắt, thì đảng Lập Hiến, vì quyền lợi của mình dính liền với quyền lợi của bọn thống trị, đã trở nên ôn hòa và ngày càng xích lại với bọn thực dân, nên đã mất ảnh hưởng trong dân chúng và đến năm 1927 thì đảng này ra mặt phản động...

Những năm sau này người ta không thấy nhắc đến tên đảng Lập Hiến nữa, nhưng một số yếu nhân của nó, vẫn đi sâu vào con đường phản động. Bùi-quang-Chiêu bị giết trong cuộc cách mạng tháng 8/45 ; Nguyễn văn Thinh cùng bọn phản động Pháp bắn vào đám biểu tình ở nhà thờ Đức-Bà ngày 25/8/45, và sau đó, làm Thủ-tướng "Nam-Kỳ Quốc", do thực dân tạo ra, khi trở lại đất nước này năm 1945, nhưng rồi phải tự sát vì cảm thấy qúa nhục nhã... (10/11/1946)

VIỆT NAM NGHĨA ĐOÀN

Ngoài Đảng Lập Hiến ở Nam-Kỳ nói trên, trong thời kỳ này, tại Hànội có một số sinh-viên

trường Cao-đẳng mà tích cực nhất là Nguyễn-văn Phùng, Tôn-quang-Phiệt, Đặng-thái-Mai, Nguyễn-văn-Ngọc, Phạm-Thiều, Nguyễn-quốc-Túy v.v... đã đứng ra chống lại ảnh hưởng tuyên truyền nô dịch của Phạm-Quỳnh. Họ đã bí mật khai sinh ra VN Nghĩa-Đoàn. Trong ngày ra mắt, họ đã lập bàn thờ vị anh hùng dân tộc Trần Hưng-Đạo và thề trước đó 10 lời thề không sợ chết, không tiếc tiền, giữ bí mật, giữ tư cách, phục tùng mệnh lệnh, giúp đỡ những người bị nạn vì cách mạng v.v... Nhưng đoàn chưa có một tôn chỉ nhất định, một tổ chức chặt chẽ, nên nó vừa ra đời thì các đoàn viên cũng tự do rút lui...

HỘI PHỤC VIỆT

Năm 1925 Hội Phục Việt được thành lập ở Bắc Trung-Kỳ do một nhà ái quốc bị đày ở Côn-Lôn trở về là ông Lê-Văn-Huân đề xướng. Hội ra mắt bằng tờ truyền đơn in bản tuyên ngôn của Hội tố cáo chính sách dã man của thực dân Pháp; Hội chưa có một hệ thống tổ chức, mặt dầu trong bản tuyên ngôn có ghi "hội Phục Việt chúng tôi ở trong nước, chỗ nào cũng có, ai muốn vào, tìm vào v.v..."Sau khi ra mắt, vì sự tiết lộ cái tên Phục Việt nên Hội đổi tên là Hội-Hưng-Nam.

Hội Hưng-Nam đã tổ chức những cuộc bãi khóa của học sinh, biểu tình của dân chúng để xin ân xá cho Cụ Phan-bội-Châu, hoặc để dự đám táng Phan-chu-Trinh, hay để phản đối chánh quyền thuộc địa v.v... Nhưng vì bị khủng bố đảng Hưng-Nam tan rã lần, một số đảng viên đã kết tinh thành Tân Việt Cách mạng đảng sau này. (xin xem mục Tân Việt Cách-Mạng Đảng).

ĐẢNG THANH NIÊN VIỆT NAM

Tháng 3/1926, tại Nam-Kỳ một số thanh niên như Nguyễn-trọng-Hy, Trần-huy-Liệu, Bùi-công-Trừng, Lê-thế-Vinh, Lê-văn-Tâm, Nguyễn-bảo-Đặng, Lê-văn-Chất.v.v... đã công khai thành lập đảng Thanh-Niên, mặc dầu chánh quyền thuộc địa không coi là hợp pháp. Đảng gồm đủ thành phần dạy học, viết báo, quan chức, nhà buôn v..v... Cũng như hội Phục-Việt hay Hưng-Nam nói trên , chưa có một chương trình, tổ chức , một tôn chỉ. Sau lời tuyên bố khai sanh đảng trong một cuộc mít-tinh ở Xóm Lách (phụ cận Saigon) họ công khai hoạt động trước mặt bọn thống trị. Các đảng viên không cần tìm hiểu chương trình, tôn chỉ, tổ chức ... của Đảng, mà họ chỉ thấy khẩu hiệu "ghét Tây" là gia nhập... Đảng công khai chống lại đảng Lập-hiến của nhóm Bùi-Quang-Chiêu và phổ biến tài liệu "gỡ mặt nạ bọn thượng-lưu Nam-Kỳ"(1) lập luận rằng không thể có sự đề huề giữa chủ và nô-lệ, giữa người mất nước và kẻ cướp nước. Trong ngày cử hành tang lễ PHAN-CHU-TRINH, đảng đã công khai tham gia với tấm băng "Đảng thanh-niên Việt-Nam" và các đảng viên đều đeo một chiếc băng băng vải vàng ở cánh tay phải. Điều cần phải nhấn mạnh là không những chỉ có thanh-niên mà còn có cả ông già bà lão, trai, gái cũng mang băng vàng tham dự, khiến cho vùng Saigon, Chợlớn và khắp các tỉnh Nam-Kỳ, trên xe dưới tầu, chỗ nào cũng vàng lên những băng.. Tất nhiên sự kiện này chẳng khác gì cái gai trước mắt bọn thống trị. Nhiều cuộc xung đột đã xảy ra giữa những người đeo băng với bọn thống trị tại các trường học, các bến xe, cổng chợ, ngoài đường ...

Đến năm 1927 thì đảng Thanh niên đã bắt đầu có sự chia rẽ. Họ chia rẽ đến độ ngày giỗ của Phan chu Trinh cũng có sự bất đồng, kẻ theo dương-lịch, người lại theo âm lịch, để tổ chức lễ riêng biệt, rồi đâm ra đả kích lẫn nhau... Đảng yếu dần... Kế đó là cuộc khủng bố bắt đầu. Những phiên họp ồn ào không còn nữa, một số phần tử phức tạp đã mượn danh nghĩa của Đảng để quyên tiền và làm bậy và đến lúc một số thanh niên trung kiên phải thanh lọc hàng ngũ và rút vào bí mật....

Cuối cùng vào tháng 4/1927, nhân việc tịch thâu báo "Le Nhà-quê" bọn mật thám Pháp bắt được bản chương trình hoạt động và danh sách một số đảng viên. Rồi bị cáo là "lập hội kín âm mưu đánh đổ chánh phủ và làm rối cuộc trị an", một số đảng viên bị đem xử tại tòa án Saigon và tất nhiên là bị tù đầy. Từ đó đảng Thanh niên tan rã hẳn.

---

(1) Trước ngày 24-3-1926, đảng viên Thanh-Niên là động lực chính trong cuộc biểu tình đón Bùi-Quang-Chiêu đi đòi tự-do dân chủ ở Pháp về, nhưng sau ngày ấy, Đảng Lập-Hiến đã tỏ ra phản động thì đảng này (Lập-Hiến) lại là đối tượng đả kích của đảng Thanh-Niên.

ĐẢNG VIỆT NAM ĐỘC LẬP

Vào các năm 1925 - 1926, đồng thời với các Đảng Lập-Hiến, VN Nghĩa-Đoàn, Hội-Phục Việt v.v... ở trong nước, một số du học sinh con em các địa chủ và tân tư bản trung lưu VN và lao-động ở Pháp đã cùng nhau khai sinh ra đảng Việt-Nam Độc-lập. Đảng có trụ sở Trung-Ương ở Paris và mấy chi nhánh ở các tỉnh. Đảng dùng tờ "Việt-Nam Hồn" và các cuộc diễn-thuyết để bày tỏ lập trường... Nhưng sau đó, xu hướng chánh trị giữa du-học sinh và lao động đâm mâu thuẫn và Đảng VN Độc lập cũng dần dần chia ranh giới với Đảng Cộng-Sản. Trên những tờ báo mà đảng dùng làm cơ quan ngôn luận, cụ thể là tờ "Résurrection" (Tái sinh), đảng đã công khai chống đối chủ nghĩa Cộng-Sản, mặc dầu đường lối của Đảng (VN độc lập) chưa rõ rệt. Mấy năm sau, từ Nguyễn Thế Truyền đến Tạ thu Thâu đều ra mặt đối lập với các người Cộng-Sản Việt-Nam ở Pháp, nhất là với Nguyễn-ái-Quốc. Cuối cùng, để chống lại đệ tam quốc tế Tạ-Thu-Thâu đã chạy sang phe Troskyste. Đảng VN Độc lập cũng tan rã.

Tóm lại, xuyên qua mấy Đảng, Hội chánh trị nói trên, từ khoảng năm 1923 đến năm 1927, mặc dầu phức tạp, nhưng chúng ta cũng thấy được tinh thần dân tộc và tính chất phiêu lưu của nó, đã nói lên ý muốn giải phóng nhưng chưa có lối thoát, để rồi phải nhường chỗ cho các chánh Đảng có đường lối rõ rệt, mà chúng ta sẽ tìm hiểu trong các trang kế tiếp...



CHƯƠNG IV

Ba đảng cách mạng chính thức xuất hiện

Như ở phần trên vừa nói, sau khi các đảng, hội phôi thai từ năm 1923 đến 1927 đã dần dần chìm xuống để nhường chỗ cho các chánh đảng có đường lối rõ rệt, đó là các đảng Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mạng Đồng-Chí Hội, Tân-Việt Cách Mạng (hậu thân của Hội Phục-Việt và Hưng Nam) và Việt-Nam Quốc-Dân Đảng.

Cả ba đảng đều có chủ trương, đường lối rõ rệt và gần tương tự như nhau :

- Chủ-trương chính-trị đều nhằm đánh đổ quyền thống trị của thực-dân Pháp ở Việt-Nam và bọn phong-kiến cấu-kết với chúng, để "thiết lập nền chuyên chính vô-sản"(Việt-Nam Thanh Niên đồng-chí hội), hay "theo nguyên-tắc cộng hòa" (Tân-Việt Cách-Mạng đảng)hoặc "sẽ theo chính-thể dân-chủ trực tiếp" (Việt-Nam Quốc-dân đảng).

- Về đường lối cách-mạng thì cả ba đảng cũng đều không gò bó trong một cuộc cách-mạng quốc-gia, mà đã nói đến "một bước tiến lên cách-mạng thế-giới" (Việt-Nam Thanh-Niên đồng-chí hội), hay "Cách-Mang quốc-gia và cách-mạng thế-giới (Tân-Việt Cách-Mạng đảng), hoặc "làm cách mạng dân tộc và giúp đỡ các dân-tộc bị áp bức cùng làm cách-mạng thế giới" (Việt-Nam Quốc-Dân đảng).

Về thành phần thì động lực chính vẫn là thanh-niên tiểu tư sản trí thức nhưng :

- Việt-Nam Thanh-Niên cách-mạng đồng chí hội ngoài một số lớn là tiểu tư sản thành thị còn một phần thôn quê.

- Tân Việt Cách mạng đảng ngoài đại đa số là tiểu tư sản thêm vào đấy một số nhân sỹ còn sót lại từ những phong trào đầu thế kỷ thứ XX.

- Việt-Nam Quốc-Dân đảng thì phức tạp hơn, một số đông là tiểu tư-sản thành thị,gồm những người làm nghề tự-do như công-chức, học sinh... một số đông khác là nhân sĩ, kỳ-hào, địa chủ trung, phú nông ở thôn quê và cả một vài thổ ty ở miền sơn-cước...

Về tổ-chức thì cả ba đảng đều đã tiến lên một bước xa và đều tiến tới việc kết-hợp theo phương-pháp khoa học, khác với các đảng phôi thai ở trên kia.

Bây giờ chúng ta thử kiểm điểm sơ lược từ đảng một.

●

1. – Việt-Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội.

Quá trình hình thành Việt-Nam Cách-Mang đồng chí hội : Năm 1925, Nguyễn-ái-Quốc (1) thành lập Việt-Nam Thanh-Niên Cách-mạng

(1) Tức Nguyễn-Sinh-Công tự Ba Công (tên hồi nhỏ), tức Nguyễn Tất-Thành (tên lúc học Tiểu-học), tức Paul (lúc làm bồi Tàu ở Nam-Kỳ), tức Nguyễn-Ái-Quốc (tên ký trong bản Kiến nghị cùng với Cụ Phan-Chu-Trinh ở Pháp – đi dự Đại hội Quốc-Tế Cộng-sản ở Mạc-Tư-Khoa với tên này), tức Lý-Thụy, tức Vương-Sơn-Nhi, tức Song-Man-Tcho (3 tên vừa nói lấy lúc sang Tàu), tức Tín Thầu (tên ở Xiêm), tức Hồ-Chí-Minh (tên này chính là tên của Cụ Hồ-Học-Lãm tức Hoàng-Đại-Tân bạn học với Tưởng-Giới-Thạch ở Đông-Kinh, sau làm Tổng-Tham Mưu-Trưởng cho Tưởng và chết năm 1940 – Cụ Tân chống Cộng triệt để mặc dầu Ba Công đã hết sức thuyết phục – Ba Công lấy tên này từ đại hội Liễu-Châu lần thứ 3 trở về sau).

ở Quảng-Châu (Trung-Hoa) (1) và đặt dưới quyền lãnh đạo tối cao của Borodine, cố-vấn của Chính Phủ Quốc-Dân đảng Tàu do Tôn-Dật-Tiên lãnh đạo, thì ở trong nước, Việt-Nam Cách-Mạng Đồng-chí hội (2) ra đời. Sau một thời gian vận-động, liên-lạc... đến giữa năm 1927 hai đảng đi đến chỗ liên-hiệp gọi tên chung là "Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mạng Đồng-chí Hội". Từ đó đảng Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mạng thêm ba chữ "Đồng-chí hội" ở sau, còn Việt-Nam Cách-Mạng Đồng-Chí Hội thêm hai chữ "thanh niên" ở đầu. Tuy về danh nghĩa là liên-hiệp, cũng như những tài-liệu và văn-kiện đều chung nhau, nhưng giới hạn về sự phân phái vẫn không xóa được và sự cọ xát giữa một số người phụ trách của hai bên từ trước vẫn tiếp diễn... do sự tranh dành ảnh-hưởng cá-nhân gây ra. Với trình độ cách-mạng hồi bấy giờ Cộng-sản chưa thể có một chính-sách "mặt trận" cho đúng, nên sự kết-hợp tạm bợ giữa hai tổ-chức cách-mạng này, không có tính cách thống-nhất của một đảng, cũng không có cương lĩnh liên-hiệp của một đồng-minh, nên kết quả là từ liên hiệp lại phân lập ngay như cũ... Việt-Nam Cách Mạng đồng-chí hội đổi tên là Tân-Việt Cách-Mạng đảng (3). Còn Việt-Nam Thanh-Niên Cách Mạng đảng vẫn giữ cái tên liên hiệp là Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mạng đồng-chí hội.

Đường lối chính-trị : Trong bản chương-trình điều lệ, Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mạng đồng-chí hội đã nêu rõ mục-đích "Trước làm Cách-Mạng quốc gia (đánh đuổi đế-quốc Pháp dành lại độc-lập cho tổ-quốc), sau đó làm cách-mạng thế-giới (đánh đổ chủ-nghĩa đế-quốc thực hiện chủ nghĩa Cộng-sản)". Để tiến hành cuộc cách-mạng quốc-gia, đảng đã đề ra đối tượng phải đánh đổ là Đế-quốc, Phong-kiến và Tư-bản cùng đưa ra 19 điểm trước mắt là quốc-hữu hóa mọi phương tiện giao-thông, tuyên-truyền, ngân hàng, xí nghiệp, hầm mỏ v.v...

- Về hệ-thống tổ-chức : Việt-Nam Thanh Niên Cách-mạng đồng-chí hội được tổ-chức theo lối mới bằng phương-pháp khoa-học. Sau khi đảng bộ Trung-ương được thành lập ở Quảng-Châu (Trung-Hoa), nhiều cán-bộ được phái về nước, thành lập các cơ sở tại xí-nghiệp và nông thôn. Theo nguyên-tắc dân-chủ tập trung thì chỉ đạo các cấp đều do hội nghị cấp bộ bầu ra và hạ cấp phải tuyệt đối phục tùng thượng cấp. Nhưng trong thời kỳ bí mật, các cán-bộ đều do cấp trên chỉ định, chỉ có những ủy-viên ban chấp hành Trung-ương mới do đại hội toàn quốc bầu ra. Trong 5 cấp bộ tại Trung-ương, Xứ-Ủy, Tỉnh-ủy, Huyện-ủy và Chi bộ, thì Chi bộ tại các xí-nghiệp và địa phương được coi là những tổ-chức cơ sở, nhưng tỉnh bộ cũng có một vị-trí rất quan-trọng, vì nó chuẩn bị và tập hợp những lực lượng trong tỉnh để đoạt chính quyền trong tỉnh một khi đủ điều kiện...

Tại Bắc-Kỳ, đảng đã có nhiều chi-bộ ở các tỉnh Bắc-Ninh, Hànội, Nam-Định, Hải-Phòng, Thái-Bình, Hà-Nam, Ninh-Bình ; tại Trung-Kỳ đảng có thế lực mạnh ở Nghệ-An, Hà-Tĩnh và Quảng-Ngãi ; tại Nam-Kỳ, ngoài thành phố Saigon ra, đảng có một số chi-bộ ở rải rác các tỉnh Mỹ-Tho, Cần-Thơ v.v...

Ngoài những tổ-chức ở trong nước, Việt-Nam Thanh-Niên Cách-mạng đồng-chí hội còn có một số đảng viên ở Xiêm - là đảng duy nhất có đảng viên ở đây.

Xung quanh Việt-Nam Thanh-Niên Cách-mạng đồng chí hội, là những đoàn thể quần chúng như Công-hội, Nông-hội, học-sinh, phụ-nữ v.v... thuộc quyền trực tiếp của các cấp bộ đảng trong khu vực. Còn đảng, đoàn ở trong đảng phái khác thì trực thuộc quyền điều khiển của Trung-ương.

- Về kỷ-luật : Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mạng đồng chí hội khác với đảng Cộng-sản sau này, là ngoài những hình-thức khai trừ và cảnh cáo, còn có cả tử hình đối với những kẻ phản đảng và phản cách-mạng. Và trong phạm vi kỷ-luật, ngoài những điều lệ chung về tổ-chức và công-tác ra, có cả một số điều thuộc về tu dưỡng bản thân như rượu chè, cờ bạc, trai gái, nghiện hút và ăn tiêu hoang phí v.v... đều có dự liệu các biện pháp trừng trị.

- Về hoạt-động : trong giai đoạn đầu Việt Nam Thanh-Niên Cách-mạng đồng-chí hội dồn

---

(1) Lúc đầu lấy tên là Tâm Tâm Xã – Cũng do Nguyễn-Ai-Quốc tổ-chức.

(2) Có cái nhân là "Việt-Nam Thanh-Niên Cộng-Sản Đoàn" gồm những người lãnh đạo ở ngoài nước – Nhưng chưa phải là một đảng Cộng-Sản).

(3) Xin xem mục kế tiếp (Tân Việt Cách-Mạng-Đảng).

mọi nỗ lực vào công-tác tuyên truyền và tổ-chức. Cơ-quan ngôn luận của hội là hai tờ báo Thanh-Niên và Đồng thanh xuất bản ở Xiêm. Các tài-liệu huấn luyện tại các lớp học ở ngoài hay phổ biến ở trong nước cũng không nhất trí : Chủ-nghĩa Cộng-sản, chủ-nghĩa quốc-gia, chủ-trương bất hợp tác v.v... nhưng xu hướng Cộng-sản vẫn chiếm ưu thế. Đến tháng 4/1927, Quốc-Cộng Trung-Hoa phân hóa, Tưởng-giới-Thạch đàn áp phong trào công-nhân và thanh trừng những phần tử cộng-sản trong Quốc-Dân đảng. Lẽ tất nhiên một số cán bộ của Việt-Nam Thanh Niên cách-mạng đồng-chí hội cũng bị bắt giam ở Quảng-châu. Do đó các đảng viên đã rải truyền đơn phản đối. Kết-quả, những người bị bắt đều được thả. Tuy vậy vì Quốc-dân đảng khủng bố đảng viên Cộng-sản, đã làm trở ngại rất nhiều cho các hoạt động của Cộng-sản Việt-Nam ở Trung-Hoa. Rồi đến vụ Quảng-châu công xã bị thất bại cuối năm 1927, đã làm cho một số yếu nhân của Việt-Nam Thanh-niên cách-mạng đồng chí hội bị thất điên bát đảo.

Nhưng từ năm 1927 trở đi, một số đảng viên Thanh-niên đã len lỏi vào các xí-nghiệp, hầm mỏ, để tuyên truyền công-nhân đấu tranh. Suốt từ năm 1927 đến năm 1929, đảng đã giật giây nhiều cuộc bãi công và đình công nhằm đòi tăng phụ cấp, chống phạt tiền, chống đối đãi tàn nhẫn của chủ hay bọn tay sai, chống đuổi chợ v.v.. v... ở khắp Trung, Nam, Bắc và cả ở Cao-Mên nữa... Trong đó có một vài vụ quan trọng là cuộc đình công ở hãng Aviat Hanoi từ ngày 28/5 đến 10/6/1929, nhà máy sợi Nam-Định ngày 23/11/1928, nhà máy xi-măng Hải-Phòng ngày 16/04/1928, nhà máy Trường-Thi ở Vinh từ ngày 16 đến 23/5/1929, đồn điền cao-su Lộc-Ninh ngày 8/4/1928, Công-Ty chuyên chở Đông Dương tại Nam-Vang ngày 21/6/1929...

Năm 1928, vì Xứ Ủy Nam-kỳ là Nguyễn-văn-Phát can tội hủ hóa nên bị đảng lên án và ám sát ; năm 1929 đảng khủng bố những kẻ làm gián điệp cho giặc và hai người tên là Thị-Nhu và Thị-Uyển bị trừng trị.

ĐẢNG LỘT XÁC

Đến cuối năm (1928), trước tình hình mới, Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mạng đồng-chí hội thành lập một ban trù-bị ở Quảng-châu, để chuẩn bị cho đại-hội của đảng họp vào năm 1929 tới. Trong hội-nghị trù bị, vấn đề tổ-chức đảng Cộng-sản đã được đặt ra nhưng không được chấp thuận. Ý kiến mâu thuẫn nhau giữa những người công-tác ở trong nước và những người lãnh-đạo ở ngoài nước vẫn là vấn đề mấu chốt này (thành lập đảng Cộng-sản). Tuy vậy một số đảng viên cao cấp của Việt-Nam Thanh Niên Cách-mạng đồng chí hội tại miền Bắc vẫn duy trì ý kiến của mình là thành lập đảng cộng-sản. Cuối tháng 3/1929 một tiểu tổ cộng-sản gồm 7 người là Ngô-gia-Tự (tức Ngô-sỹ-Quyết) Trần-văn-Cung (tức Quốc-Anh) Trịnh-đình-Cửu, Nguyễn-đức-Cảnh, Phạm-ngọc-Du (tức Phiến-Chu), Nguyễn-văn-Tuân và Dương-Hạc-Đính đã họp tại số nhà 5 Hàm-Long Hànội để bí mật tổ-chức đảng nằm trong xứ-ủy Bắc-Kỳ của Việt-Nam Thanh-Niên cách-mạng đồng-chí hội. Tiểu-tổ này thừa nhận điều lệ của quốc-tế cộng-sản, dựa vào tổ-chức công nhân ở một số xí-nghiệp lớn và chuẩn bị kế-hoạch tiến tới thành lập đảng Cộng-sản. Theo kế-hoạch đã vạch ra, họ chú ý nắm lấy những phần tử tích cực trong đảng Thanh-Niên, để đưa dần vào tổ-chức cộng-sản và vận động cho người của nhóm mình được cử làm đại biểu đi dự Đại-hội, để đấu tranh cho đề nghị thành lập đảng Cộng-sản. Điều dự định của họ đã đạt được : bốn đại biểu Miền Bắc cử đi dự đại-hội đảng Thanh Niên đều thuộc về nhóm này.

Ngày 1/5/1929, Đại-hội đại biểu toàn quốc của Thanh-niên Cách-mạng đồng chí hội họp ở Hương-Cảng, có đủ đại biểu Trung, Nam, Bắc và đại biểu đảng bộ ở Thái-Lan đến dự. Trước khi hội nghị khai mạc, dư luận đại biểu đã chia làm hai trái ngược nhau : Một là chủ trương giải tán đảng Thanh-Niên, thành lập đảng Cộng-sản của đại biểu Bắc-Kỳ ; Một vẫn duy trì đảng Thanh-niên có cái "nhân" cộng sản ở trong, theo ý kiến của các đại biểu Trung, Nam-kỳ và Thái-Lan ; nói cho rõ là ý kiến của Tổng bộ đảng Thanh-Niên tại Quảng-châu hồi đó.

Hội nghị khai mạc, đề nghị của đoàn đại biểu Bắc-Kỳ không được ghi vào chương-trình nghị sự để thảo luận, tức thời 3 đại biểu là Ngô gia-Tự, Trần-văn-Cung và Nguyễn-văn-Tuân tuyên bố bỏ hội nghị ra về. Tuy vậy hội nghị vẫn họp cho đến ngày 9/5/1929 và đi tới một nghị quyết như đã nói trên của phe đa số. Cũng trong dịp này, hội nghị có thảo một bản tuyên

ngôn, định ra cương lĩnh đấu tranh của Việt-Nam Thanh-niên Cách-mạng đồng chí hội và đề nghị Quốc-tế cộng-sản công nhận. Nhưng tất cả các văn-kiện này đều là các tờ giấy lộn. Vì sau hội nghị đảng, Việt-Nam Thanh-niên Cách-mạng đồng-chí hội không còn nữa, tự giải tán và các tổ-chức khuynh Cộng ra đời... - Xin xem thêm mục "Ba đảng khuynh Cộng ra đời".



2.— Tân-Việt cách mạng đảng.

Qúa trình hình thành : khác với đảng Việt Nam Thanh-niên có liên-hệ với đệ tam quốc-tế ngay từ đầu. Đảng Tân-Việt, hậu thân của các Hội Phục-Việt, rồi Hưng-Nam và Việt-Nam Cách-mạng đồng-chí hội, hình thành do hai nhóm cựu chánh-trị phạm ở Bắc Trung-Kỳ và nhóm sinh-viên trường Cao-đẳng Hànôi, dưới sự lãnh-đạo của một nhà nho ái quốc bị đày ở Côn Lôn mới được thả về là : ông Lê-văn-Huân... (như đã nói trong mục Hội-Phục-Việt).

Đường lối chính-trị : vì nguồn gốc phát sinh và qúa trình của đảng Tân-Việt thay đổi luôn, nên đường lối chính-trị của nó tất nhiên cũng phải thay đổi... Đầu tiên chương trình của hội Phục-Việt - Hưng-Nam là giành độc-lập cho Tổ-quốc, đường lối là cải lương và hòa-bình. Trước khi liên kết với Việt-Nam Thanh-Niên cách-mạng đảng, đảng Tân-Việt với danh nghĩa là Việt-Nam cách-mạng đồng-chí hội, cũng đã đề ra cách-mạng quốc-gia và cách-mạng thế-giới, đường lối là liên-hiệp tất cả nhân-dân Việt-Nam và liên-kết với các dân tộc bị áp bức cùng giai cấp vô-sản, bán công khai đến công khai bạo động đoạt chính quyền, tổ-chức nhà nước theo chế-độ Công-sản.

Hệ-thống tổ-chức : Từ Phục-Việt đến Hưng-Nam... đảng Tân-Việt chưa có một hệ-thống tổ-chức... Sau khi Hưng-Nam đổi tên là Việt-Nam Cách-mạng đồng-chí hội và bắt đầu liên-lạc với Việt-Nam Thanh-Niên cách-mạng đảng, thì nguyên-tắc tổ-chức của đảng Tân-Việt cũng giống như đảng Thanh-Niên. Có khác chăng là tên gọi một vài cấp bộ. Trong công-tác bí mật của Tân-Việt, không những các đảng viên vẫn mang bí danh, mà cả các khu vực và địa-phương cũng được ngụy hóa. Tỷ dụ Bắc-kỳ gọi là Nhân-Kỳ, Trung-kỳ gọi là Trí-kỳ, Nam-kỳ gọi là Dũng-kỳ v.v...

Liên hiệp với Việt-Nam Thanh-Niên cách-mạng : Năm 1926, nghe tin đảng Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mạng đã được thành lập ở Quảng-châu, Việt-Nam Cách-Mạng đồng chí hội (nhóm Trần-đình-Thanh ở Nghệ-An) cho người đi liên lạc và sau đó phái học sinh ra ngoài học tập dưới sự điều-khiển của đảng Thanh-Niên. Nhưng những học-sinh do đảng Tân-Việt phái sang Quảng-Châu học tập, khi trở về nước làm việc, không phải dưới sự lãnh-đạo của Tân-Việt mà là thuộc tổ-chức đảng thanh-niên. Do đó sự xích mích giữa những người phụ-trách của hai đảng đã trở nên thường xuyên và tinh-thần biệt phái nhiều khi đã lấn át cả tinh-thần cách-mạng. Từ hội-nghị liên tịch này đến hội-nghị liên tịch khác, vẫn không đem lại kết qủa là thực sự thống nhất hai đảng. Trái lại, vì địa bàn và quần chúng lẫn lộn, sự mâu thuẫn giữa những cán bộ phụ trách ở các địa phương càng trở nên sâu sắc.

Ly khai : Cuộc hợp nhất thực sự không thành, Việt-Nam Cách-mạng đồng-chí hội họp đại hội đại biểu toàn quốc ở Huế vào tháng 7/1927, quyết-định đổi tên là Tân-Việt Cách-mạng đảng. Tổ-chức của đảng gồm một số chi bộ ở Trung-kỳ và một vài tỉnh Nam-kỳ. Riêng ở Bắc-kỳ, Tân-Việt chỉ có một chi-bộ ở Hưng-Hóa.

Đến đầu năm 1929, Tân-Việt cách-mạng đảng lại phái đại biểu sang Quảng-châu để điều đình hợp nhất với Tổng-bộ Thanh-Niên. Nhưng đại biểu chưa về thì ở trong nước đã xảy ra những cuộc khủng bố : Việt-Nam Quốc Dân đảng bị vỡ lở. Việt-Nam Thanh-Niên Cách-mạng đồng-chí hội và Tân-Việt Cách-mạng đảng cũng có nhiều người bị bắt. Vì sự liên hệ đã có từ lâu giữa Thanh-niên và Tân-Việt, cuộc bắt bớ nhiều nơi đã giăng bên nọ với bên kia. Trong dịp này lãnh tụ Tân-Việt là Lê-văn-Huân tự tử chết ở trong nhà giam. Các yếu nhân khác như Trần đình-Thanh, Nguyễn-đình-Kiên v.v... cũng sa lưới giặc.

Kiểm điểm lại ta thấy chưa có một đảng cách-mạng nào ở Việt-Nam lại thay đổi nhiều

như đảng Tân-Việt. Trong qúa trình hoạt-động, Tân-Việt chỉ có một việc nổi bật là phái học sinh ra nước ngoài và giao thiệp với đảng Thanh-niên còn ngoài ra không có gì là cụ thể cả. Khi bị khủng bố, thực dân Pháp đã dùng thủ đoạn chia rẽ bằng cách tha những người mà chúng cho là quốc-gia và cải lương, chỉ trừng trị những đảng viên mà chúng cho là Cộng-sản...

Cuối cùng đến cuối năm 1929, đa số đảng viên của đảng Tân-Việt kết tinh thành liên đoàn Cộng-sản Đông-Dương, trong đó có nhiều đảng viên xuất sắc, đặc biệt là Trần Phú (1), sau này làm bí thư đầu tiên của đảng Cộng-sản Đông-dương, đẩy cộng-sản tiến một bước quan trọng ở Việt-Nam



3.– Việt-Nam Quốc-Dân Đảng.

Việt-Nam Quốc-Dân đảng ra đời ở Hànội vào ngày 25/12/1927, do Nguyễn-thái-Học, Nguyễn-khắc-Nhu... lãnh đạo. Trong ba đảng đồng thời hoạt động là Việt Nam Thanh Niên Cách-Mạng đồng chí hội, Tân Việt cách mạng đảng và Việt Nam quốc-Dân đảng, người ta thường chú ý đến Việt-Nam Quốc-Dân đảng, vì cho rằng hai đảng trước là tiền thân của đảng Cộng-sản Đông-Dương sau này, còn đảng sau là chính đảng có mầu sắc quốc-gia rõ rệt...



NGUYỄN - THÁI - HỌC

Qúa trình hình thành : Từ năm 1925, giữa phong-trào đấu tranh đòi tha cụ Phan-Bội-Châu, để tang cụ Phan-Chu-Trinh, đưa đám táng Lương văn-Can... Nam-đồng thư xã, do ông Phạm-tuấn Tài làm chủ nhiệm được thành lập ở Hànội. Thư xã này chuyên xuất bản những sách ái quốc, đáp ứng tinh-thần dân-tộc đương sôi nổi lúc bấy giờ, nên đã gây được một ảnh hưởng khá sâu rộng và lôi cuốn được một số đông trí-thức, nhân-sỹ, công-chức , giáo viên, học sinh v.v... Nhóm Nam đồng Thư-xã dựa trên cơ sở của Chủ-nghĩa tam dân và là tín đồ của Tôn-Dật-Tiên, nặng về chủ nghĩa dân-tộc và không chủ trương đấu tranh giai-cấp...

Thế rồi, từ tuyên truyền cổ động v.v... đi đến tổ-chức, qua các cuộc hội họp đầu tiên, Việt-Nam quốc-dân đảng chính thức ra đời...

Đường lối và chương-trình hoạt-động : Chương trình, điều lệ của Việt-Nam Quốc-Dân đảng (dựa trên chủ nghĩa tam dân) cũng thay đổi luôn, nhất là bản chương-trình điều-lệ thứ ba (dựa trên cơ sở cuộc cách-mạng tư-sản). Về chương-trình và điều lệ đầu tiên, thì, như trên đã nói "trước làm cách mạng quốc-gia, sau làm cách mạng thế-giới" ; đến bản chương-trình điều lệ lần thứ hai vào cuối năm 1928, thì một chủ-nghĩa đã có tên gọi là "xã-hội dân-chủ", và phương châm là đẩy mạnh cách- mạng quốc-gia, xây dựng nền dân chủ trực tiếp, giúp đỡ các dân-tộc bị áp bức ; đến bản chương-trình năm 1929, Việt-Nam Quốc-Dân đảng lại nêu ra ba hình thức cách-mạng là cách-mạng quốc-gia, cách-mạng chính-trị, cách mạng xã-hội với ba nguyên tắc tự-do, bình-đẳng, bác-ái.

Về giai-đoạn hoạt-động thì Việt-Nam Quốc-Dân đảng chia làm 4 :

- Thời kỳ thứ nhất tức thời kỳ phôi thai, chú ý vào việc kết nạp đảng viên, tổ-chức các chi-bộ, để gây cơ sở cho đảng và hoạt-động thật bí mật.

- Thời kỳ thứ hai, tức thời kỳ dự bị, chú ý vào việc tổ-chức các đoàn thể quần chúng để làm chỗ dựa của đảng và bắt đầu vận động tuyên-truyền theo lối bán công khai ở trong nước, cũng

---

(1) Bị thực dân bắt vào tháng 3-1931, chết ngày 5-9-1931 tại nhà thương Chợ-Quán vì không chịu nổi tra tấn.

như cử người ra học ở nước ngoài, đào tạo các cán-bộ quân-sự và chuyên môn, chờ ngày về nước lãnh-đạo khởi nghĩa... (thời kỳ tương đối bí mật).

- Thời kỳ thứ ba, tức thời kỳ công khai, cử hành tổng khởi nghĩa, phối hợp những đoàn quân cảm tử của đảng tổ-chức ra, với những đảng viên trong quân-đội Pháp nổi dậy, lấy súng giặc giết giặc, đoạt chính quyền, khôi phục đất nước.

- Thời kỳ thứ tư là thời kỳ xây dựng lại - sau khi đảng lên nắm chánh quyền.

Mặc dầu đã chia làm 4 giai-đoạn rõ rệt, nhưng đến đầu năm 1929, trong lúc còn đang trong thời kỳ thứ nhất, cơ-sở chưa vững, tổ-chức quần chúng mới bắt đầu, thì Việt-Nam Quốc-Dân đảng đã bị vỡ lở, các lãnh-tụ, sau khi họp bàn, đã quyết định "đốt giai đoạn" và nhảy sang thời kỳ thứ ba và kết quả là hoàn toàn bị thất bại...

Hệ-thống tổ-chức : về tổ-chức thì Việt-Nam Quốc-Dân đảng cũng giống như Việt-Nam Thanh-Niên Cách-mạng đồng chí hội, nghĩa là từ thôn xã trở lên trên... Nhưng có một điểm khác căn bản là đơn-vị chi bộ. Trong khi đảng Thanh-Niên và đảng Cộng-sản sau này, chi bộ cơ sở là ở các xí-nghiệp, trường học, nông-thôn, khu phố, cơ-quan v.v... gồm có những người cùng chung một công việc... thì Việt-Nam Quốc-Dân đảng lại tổ-chức chi bộ theo từng khu-vực một, không kể nghề-nghiệp khác nhau... ngoại trừ chi bộ binh lính Việt-Nam trong hàng ngũ quân-đội Pháp có chi-bộ riêng trực tiếp với tổng bộ...

Về nhân số trong chi-bộ, Việt-Nam Quốc-Dân đảng không chia ra từng tổ 5, 3 người như các đảng khác mà cứ hạn định 19 người trở xuống (1)...

Về nguyên tắc tổ-chức, Việt-Nam Quốc-Dân đảng cũng theo nguyên-tắc dân-chủ tập trung. Mỗi chi-bộ bầu ra một chi-bộ trưởng và mời đại biểu lên họp thành Huyện bộ. Cứ như thế lên đến Kỳ-bộ và Tổng-bộ. Mỗi chi bộ chia làm 4 ban : tuyên-truyền, tổ-chức, tài-chánh và trinh-thám. Lên đến Tổng bộ thì các ban mở rộng ra thành 8 : ban tuyên-truyền, huấn-luyện ; ban tổ-chức ; ban kinh-tế tài-chánh ; ban trinh thám ; ban ám sát ; ban tư-pháp ; ban quân-sự và ban giám sát.

Về danh từ trong khi đảng Thanh-Niên và đảng Cộng-sản sau này, đều gọi các cấp bộ là "Ủy". Ví dụ chi-ủy, huyện-ủy, tỉnh-ủy, xứ-ủy... thì Việt-Nam Quốc-Dân đảng gọi là "bộ" ; ví dụ chi-bộ, huyện-bộ, tỉnh bộ (hay thành bộ) và kỳ bộ.

Về kỷ-luật : Việt-Nam Quốc-Dân đảng khác với Thanh-Niên và Cộng-sản sau này là bên những hình-thức phê bình, cảnh cáo, không có khai trừ công khai, mà có tử hình. Những người được kết nạp khi làm lễ tuyên thệ chẳng phải chỉ hứa "hy-sinh tính mạng tài sản" mà còn phải hứa không được thoát ly. Nếu thoát ly sẽ bị tử hình.

Qúa trình phát-triển của Việt-Nam Quốc Dân đảng : mặc dầu ra đời sau hai đảng Thanh-Niên và Tân-Việt, Việt-Nam Quốc-Dân đảng vẫn có một địa bàn để phát-triển ; không kể một số đông trí-thức, công-chức, sinh-viên v.v... chung quanh Nam-Đồng thư-xã từ trước, hướng phát-triển của Việt-Nam Quốc-Dân đảng là các nhân sỹ ái-quốc và binh lính trong hàng ngũ quân đội Pháp - một địa hạt mà hai đảng trên hầu như chưa hay ít chú ý tới (2).

Về cơ sở của Việt-Nam Quốc-Dân đảng : ở Bắc-kỳ tương đối là vững mạnh nhất là tại Bắc Ninh, Bắc-Giang, Hưng-Yên, Kiến- An, Hải Dương, Thái-Bình, Phú-Thọ... Tại Nam-kỳ, ngoài thành phố Saigòn, Việt-Nam Quốc-Dân đảng chỉ có một số chi bộ ở các tỉnh Gia-Định, Chợlớn, Mỹ-tho, Thủ-đầu-Một, Trà-Vinh, Bến-Tre và hai tổ binh lính Việt-Nam trong hàng ngũ quân-đội Pháp ở Biên-Hòa và Vũng-Tàu, hai cứ điểm quan trọng của quân-đội Pháp ở Nam-kỳ lúc bấy giờ. Ở Trung-Kỳ ngoài một chi bộ ở Thanh-Hóa ra, Việt-Nam Quốc-Dân đảng chỉ có rải rác một số đảng viên ở Đà-Nẵng, Nha Trang, Phan-Thiết v.v... Vì Trung-Kỳ là địa bàn hoạt-động mạnh của Thanh-Niên và Tân-Việt

(1) Theo luật lệ lúc bấy giờ của thực dân, thì những cuộc hội họp nào trên 19 người, đều phải xin phép. VNQDĐ dựa vào luật lệ này để tổ-chức. Nhưng đối với bọn thực dân thì bất cứ cuộc hội họp chính-trị nào dù năm, ba người cũng vẫn bị bắt như thường.

(2) VNQDĐ dùng tờ "Hồn nước" và "Hồn Cách-mạng" để tuyên truyền phát triển . . .

nên Việt-Nam Quốc-Dân đảng đã gặp khó khăn trong việc phát triển lúc bấy giờ.

Qúa trình hoạt-động của Việt-Nam Quốc-Dân đảng : Trong qúa trình hoạt-động của Việt-Nam Quốc-Dân đảng có thể chia làm 3 giai-đoạn : giai-đoạn thứ nhất từ cuối năm 1927 (năm thành lập) đến đầu năm 1929 (1) thì bị thực dân Pháp khủng bố làm cho nhiều yếu nhân bị bắt, ngoại trừ đảng trưởng Nguyễn-thái-Học và Nguyễn-khắc-Nhu...; giai đoạn thứ hai từ sau cuộc khủng bố (đầu năm 1929) đến tháng 2/1930 tức là sau cuộc khởi nghĩa Yên-Báy bị thất bại, Việt-Nam Quốc-Dân đảng chỉ còn những nhóm lẻ tẻ hoạt-động ở các địa-phương, dưới sự canh chừng và đàn áp ráo riết của thực dân Pháp...; giai-đoạn thứ ba là giai-đoạn Quốc-Dân đảng bị phân hóa trầm trọng : chia làm nhiều "hệ-phái", một số chạy theo những đảng khác, kể cả đảng Cộng-sản, một số khác làm tay sai cho Pháp, cho Nhật...

Bây giờ chúng ta tìm hiểu từng giai đoạn một :

Về giai-đoạn thứ nhất theo chương-trình, như trên đã nói, trọng tâm của đảng là kết nạp đảng viên, tổ-chức các chi-bộ... Công việc chưa hoàn tất, thế mà đảng, nhân có phong trào chống mộ phu người Bắc và Trung-Kỳ đem vào trồng cao su ở Nam-kỳ, đã ám sát tên trùm mộ phu là Bazin, gây nên cuộc tổng khủng bố của thực dân Pháp...



NGUYỄN - KHẮC - NHU

Về giai-đoạn thứ hai thì, trước cuộc truy nã ráo riết các lãnh-tụ và đảng viên còn lại, cũng như sợ "rút giây động rừng" của các đảng viên trong quân-đội Pháp... những người này lý-luận rằng nếu cứ "nằm chờ" giặc đến bắt thì chả hóa ra vô ích, nên "làm một cái gì" để gây tiếng vang... và tinh thần đó đã được kết tinh ở đảng trưởng với câu châm ngôn "MỘT THÀNH CÔNG, HAI THÀNH NHÂN". Cuộc tổng công kích, tổng bạo động hình thành... Cuộc tổng công kích, tổng bạo động đã được vạch ra trong một cuộc hội nghị tại Lạc-Đạo sau khi thảo luận gay go theo ý niệm "sẽ đồng loạt khởi nghĩa trên toàn quốc và chủ lực là binh lính Việt-Nam trong hàng ngũ quân-đội Pháp nổi dậy..." Và theo sự phân nhiệm sau đây :

- Nguyễn-Thái-Học phụ trách mấy tỉnh miền dưới như : Kiến-An, Hải-Dương, Thái-Bình, Hải-Phòng...

- Nguyễn-khắc-Nhu phục trách mấy tỉnh miền trên như : Yên-Bái, Phú-Thọ, Sơn-Tây (Sơn-Tây do Phó-Đức-Chính đảm nhiệm).

Ngày phát động : sau khi hoãn đi hoãn lại nhiều lần, ngày phát động cuối cùng là đêm 10 rạng ngày 11/2/1930.

Nhưng như ta đã biết, vì sự chuẩn bị có tính cách vội vã, trong sự khủng hoảng tinh-thần và chưa hoàn toàn được nhất trí, nên cuộc nổi dậy đã không được đồng loạt nổ ra như đã quy định. Cuộc nổi dậy ở vùng trên do Nguyễn-khắc-Nhu phụ trách nổ ra đúng ngày giờ, trái lại ở vùng dưới do Nguyễn-thái-Học phụ trách 5 ngày sau (15/2) mới tiến hành... Do đó thực dân Pháp đã có đủ thì giờ để chống trả và tập trung lực-lượng để dẹp tan cuộc tổng-công-kích...

Sau đây là diễn tiến của các cuộc nổi dậy :

Ngày 9/2/1930, khoảng 5, 60 cán bộ bên ngoài tham dự vào cuộc đánh úp Yên-Bái đã từ Phú-Thọ dùng xe lửa đến Yên-Bái. Đến nơi họ liền phân tán, để rồi đến tối họp cùng với các đảng viên thuộc chi-bộ binh lính Việt-Nam trong

---

(1) Đến đầu năm 1929 VNQDĐ đã tổ-chức được 120 Tổ hoạt-động ở Bắc-Kỳ và 1.500 đảng viên, trong đó có 120 đảng-viên là binh lính trong Quân-đội Pháp.

quân-đội Pháp, đồn trú tại tỉnh ly Yên-Bái, trong một khu rừng phụ cận để bàn kế-hoạch, phát ám hiệu, cùng vũ-khí...

Đêm 10 rạng ngày 11/2/1930, sở cán bộ nói trên phối hợp với quân sỹ thuộc 2 Đại-đội 5 và 6 Tiểu-đoàn 2, Trung-đoàn 4 khố đỏ Bắc-kỳ, đã xông vào nhà ngủ của các Sĩ-quan và Hạ-sĩ-quan Pháp ở đồn dưới, dùng súng lục, lựu đạn và mã tấu tiêu diệt bọn này. Cướp kho súng, đàn áp những kẻ chống đối, giải thoát và võ-trang cho các quân sỹ trong Trung-đội trừng giới và làm chủ tình hình tại đồn này.

Nhưng Nghĩa quân không hạ được đồn trên (còn gọi là đồn Cao), là đồn trong đó có Bộ Chỉ-huy Tiểu-đoàn do Thiếu-tá Tacon chỉ-huy cùng với Đại-đội 8 và 7, mặc dầu một số quân sỹ trong Đại-đội 7 đã hưởng ứng cuộc nổi dậy nhưng bị bọn Pháp và Đại-đội 8 trấn áp...

Mặt khác, Nghĩa quân cũng thất bại trong việc thuyết phục bọn khố xanh, dưới quyền chỉ-huy của Giám-binh Lafaye...

Sáng hôm sau, vào lúc 6 giờ, Thiếu-tá Tacon chỉ-huy cuộc phản công chiếm lại đồn dưới, mà ở đó đã có một cờ Quốc-Dân đảng được treo lên... Nghĩa quân không chống trả, vội rút lui trước khi quân Pháp bao vây chặt...

Kết quả trong trận này về phía Pháp có Đại-úy Jourdan, Trung-úy Robert, Thượng-sĩ Cuneo, các Trung-sĩ Chevalier và Damour chết tại chỗ ; Đại-úy Gainza, Trung-úy Reul, Thượng sĩ nhất Troutoux, Trung-sĩ I Bouhier và Trung-sĩ Renaudet bị thương nặng (Thượng-sĩ I Troutoux chết sau đó vài ngày). Ngoài ra còn có 1 Hạ-sĩ khố đỏ chống trả cuộc nổi dậy bị giết. Về phía nghĩa-quân có 5 quân sỹ và 2 cán bộ chết và nhiều bị thương.

Lý do của sự thất bại mau chóng này là bởi vì sau khi đánh chiếm được đồn rồi, không có người chỉ-huy thống nhất, và khi quân Pháp bắt đầu phản công thì các cán bộ ở ngoài đã bỏ trốn nửa chừng.

Cũng đêm nói trên, vào lúc 4 giờ sáng, khoảng 50 dân quân ở Phú-thọ do ông Nguyễn-khắc-Nhu trực tiếp chỉ-huy, kéo đến bao vây đồn khố xanh Hưng-hóa và kêu gọi binh lính Việt-Nam trong đồn hưởng ứng nổi dậy. Bị lính ở trong đồn bắn ra, nghĩa quân phải rút đi.

Sau đó ông Nguyễn-khắc-Nhu mang quân đến phối hợp với toán dân quân, dưới quyền chỉ-huy của ông Phạm-Nhân, đánh chiếm Phủ Lâm-Thao, tước khí giới của bọn khố xanh do Trung-sĩ khố xanh Nguyễn-văn-Tấn chỉ-huy, đốt hết tài-liệu và trấn giữ phủ. Được tin, công-sứ Phú-Thọ cử tên Phó-sứ Chauvet mang quân tái chiếm. Sau một hồi kịch chiến, ông Nhu bị tên binh nhất khố xanh Đỗ-ngọc-Khuê bắn bị thương, quân sỹ mất tinh-thần, Trung-sỹ khố xanh Nguyễn-văn-Mới được lệnh của Chauvet xua quân xung phong đánh bật nghĩa quân ra khỏi Phủ ly, ông Nguyễn khắc-Nhu vì đã bị thương không chạy kịp nên bị bắt rồi tự sát.

Còn việc đánh đồn Thống (Sơn-Tây) không thực hiện được... Theo kế-hoạch đã định thì sau khi chiếm được Yên-Bái, Hưng-Hóa, Lâm-Thao rồi sẽ tập trung lực-lượng đánh vào đồn Thống là một cứ điểm chiến-lược quan trọng của quân Pháp. Cũng như ở Yên-Bái, ở đây đã sẵn có một số lính nổi ứng do Phó-Đức-Chính cầm đầu, đang chờ "ngoại công là nội kích". Nhưng vì, như trên vừa nói, tất cả ba nơi trên đều thất bại cả, thì tiếng súng ở đồn Thống cũng không thể nổ ra được... Thế là sau đó Phó-Đức-Chính cùng một số đảng viên khác ở đây đều bị bắt cả.

Đồng thời ở Hànội, Phó thẩm sát viên Saint Genis bị giết ở cầu Long-Biên (Pont-Doumer), 5 học sinh trường Kỹ-nghệ mang bom ném vào mấy nơi trong thành phố như sở mật thám, các bót cảnh sát, nhà lao v.v... với mục-đích gây ảnh hưởng cho cuộc khởi nghĩa, và uy hiếp tinh thần quân địch, làm cho chúng phải do dự, không dám gửi quân đi tiếp cứu các nơi... Nhưng những cuộc khởi nghĩa ở miền trên đã thất bại, nên các tiếng bom nổ ra chỉ còn dội lại một tiếng vang và quân Pháp vẫn mang quân đi tăng cường cho các tỉnh miền trên... (mặc dầu các cuộc nổi dậy đã thất bại).

Trong khi các cuộc khởi nghĩa ở các tỉnh miền trên đã bị dập tan, thì ở các tỉnh miền dưới do lãnh-tụ Nguyễn-thái-Học phụ trách vẫn chưa chuẩn bị xong ! Cũng theo kế-hoạch đã vạch ra từ trước thì các toán dân quân ở Hải-Dương, Thái-Bình nổi lên đánh chiếm các Phủ, Huyện tước khí giới lính huyện, rồi tập trung đánh vào

Hải-Dương, Ninh-Giang, Phả-Lại, phối hợp với cuộc nổi dậy ở Kiến-An (đương chuẩn bị ráo riết), kéo quân ra đánh vào Hải-Phòng. Kế-hoạch thì như thế, nhưng kết quả thi hành thì thật là bi đát. Đêm 15 rạng ngày 16/2/1930, một toán dân quân do ông Đào-văn-Thê chỉ-huy đánh chiếm huyện Phủ-Dực (Thái-Bình), tước khí giới lính huyện, rồi giải tán vì không nhận được lệnh mới, trong khi địch đang bao vây. Cũng đêm trên một toán dân quân khác dưới quyền chỉ-huy của ông Trần-quang-Diệu, xuất phát từ làng Cổ-Am đánh chiếm huyện Vĩnh-Bảo (Hải-Dương), giết chết tên Tri-huyện Hoàng-Gia-Mô.

Ngày 16/2/1930, vào lúc 15 giờ, quân khởi nghĩa chưa kịp phối hợp với các toán dân quân khác để đánh Ninh-Giang, đã bị thực dân Pháp cho 4 máy bay ném khoảng 50 quả bom triệt hạ làng Cổ-Am.

Những ngày sau đó, do sự đề phòng ráo riết của địch, cũng là sự cô lập các quân sỹ Việt-Nam trong quân đội Pháp bị tình nghi cũng như sự vụng về của Việt-Nam Quốc-Dân đảng, quân khởi nghĩa đã mấy lần mưu đánh úp Phả-Lại (18/2), Hải-Dương đều không được. Cuộc chuẩn bị nổi dậy ở Kiến-An của một số đảng viên Việt-Nam Quốc-Dân đảng trong quân đội Pháp cũng bị dập tắt.

Ngày 22/2/1930, lãnh-tụ Nguyễn-Thái-Học bị thương, bị tuần phiên làng Cổ-Vịt (Đông-Triều) bắt đem nộp cho giặc Pháp.

Sau đó, một mặt quân Pháp cho các đơn vị đi tăng cường các tỉnh trên và dưới trở về vị trí cũ và phối trí lực lượng lại như sau : mỗi đơn-vị lính bản xứ đều có một toán quân sỹ người Âu đóng xen kẽ, để canh chừng, mặt khác chúng thanh trừng hàng loạt các quân sỹ người Việt-Nam trong quân đội...



NGUYỄN - THỊ - GIANG

Cuối cùng, ngày 17/6/1930 lãnh-tụ Nguyễn thái-Học cùng với 12 đồng chí lên đoạn đầu đài ở Yên-Bái (1).

Tổng kiểm về cuộc tổng-công-kích, tổng bạo động của Việt-Nam Quốc-Dân đảng, ta thấy mấy điểm sau đây :

1. Không ai có thể chối cãi được tinh-thần yêu nước, thù giặc, đầy hy-sinh quả cảm của các chiến-sĩ trong cuộc tổng công kích tổng bạo động lúc bấy giờ, nó rất đáng cho chúng ta kính phục... Nhưng nó chỉ đạt được cái mục-đích "thành nhân" của các chiến-sỹ và hoàn toàn thất bại theo khẩu hiệu nêu ra (cho cuộc tổng công kích) là "đuổi giặc Pháp về nước Pháp ; đem nước Nam trả người Nam".

2. Nổi dậy trong thế yếu mà giặc lại mạnh thì nhất định là phải thất bại.

3. Kế-hoạch đề ra không thích hợp với lực lượng rời rạc, mỏng manh, non kém (lực lượng cô độc, khủng hoảng tinh thần mà lại phải đảm trách những mục tiêu quá lớn...).

4. Không có một Bộ Tham-Mưu lãnh-đạo tổng quát, quân khởi nghĩa là một đạo cô quân, không hậu bị, không được sự hưởng ứng của nhân dân...

5. Nhiều trận (như ở Yên-Bái, Lâm-Thao, Vĩnh-Bảo, Phủ Dực) đã chiếm phần thắng lợi rồi, không biết phải làm gì kế tiếp, tự chuyển sang bị động và tan vỡ !

6. Tất nhiên cuộc tổng khởi nghĩa bị thất bại còn do nhiều điều-kiện chủ quan và khách quan khác nữa, nhưng nếu nó được tổ-chức chặt chẽ, khoa học... hơn thì nó còn gây được nhiều thành tích hơn và không bị thất bại nhanh chóng và nặng nề đến thế.

---

(1) Sau khi Nguyễn-Thái-Học bị giết, Nguyễn-Thị-Giang, đảng viên liên-lạc và cũng là người yêu của lãnh tụ VNQDĐ cũng tự-tử chết theo.

7. Vì cuộc tổng-công-kích, tổng bạo động chỉ đạt được kết-quả tương đối lớn (lúc bấy giờ) tại Yên-Bái, nên người ta thường gọi là cuộc khởi nghĩa Yên-Bái, trong khi nó còn xảy ra ở nhiều nơi khác...

8. Sau cuộc thất bại Yên-Bái thì Việt-Nam Quốc-Dân đang chỉ thoi thóp thở và sau một vài lần cố vùng lên (1), nhưng cũng vẫn bị thất bại và sau hết là phân hóa trầm trọng : nhiều "hệ phái" ra đời, nhiều người ly khai, một số chạy theo những đảng khác, kể cả đảng Cộng-Sản, và một số khác làm tay sai cho Nhật, Tàu và Pháp...

---

(1) Theo chân Quân-đội Trung-Hoa sang tước khí giới Quân-đội Nhật, chiếm đóng Việt-Bắc...Ra mặt chống Cộng sản tại H.Nội.



CHƯƠNG V

Ba đảng khuynh Cộng ra đời và việc thống nhất ba đảng đề thành lập đảng Cộng-Sản Đông-Dương (1)

Như ở trên mục "Việt-Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng-Chí hội" đã nói, vào ngày 1-5-1929 Đại-Hội Đại biểu lần thứ nhất của Đảng họp ở Hương-Cảng, sau 9 ngày thảo-luận, nhưng không đi đến kết quả nào cả, vì một số đòi giải tán đảng, để thành lập Đảng Cộng-Sản (Đại biểu Bắc-kỳ), một số khác đòi duy-trì Đảng với cái "nhân" Cộng-sản ở trong (Đại-biểu Trung, Nam-kỳ). Rốt cuộc đảng Việt-Nam Thanh Niên Cách-Mạng Đồng-Chí hội bị giải tán, ba đảng khuynh Cộng ra đời : Đông-Dương Cộng-sản Đảng - Annam Cộng-sản Đảng - Đông-Dương Cộng-sản Liên-Đoàn ...

Điểm cần phải nhấn mạnh là mặc dầu cả ba đảng đều có cái "nhân" Cộng-sản ở trong và khuynh cộng rõ rệt, nhưng lúc bấy giờ Đệ Tam quốc-tế không công nhận và không cho các đảng gia nhập hệ thống, bởi vì Mạc-Tư-Khoa cho là qúa tư sản với những phần tử trí thức và sinh-viên thuộc gia-đình quan lại và địa chủ (2). Bây giờ chúng ta tìm hiểu từng đảng một :



1.– Đảng Cộng Sản Đông-Dương

(Tiếp theo mục Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mạng Đồng Chí hội).

Sau khi đoàn đại biểu Bắc-kỳ thoát ly hội-nghị trở về nước, việc tổ chức đảng Cộng-sản được đẩy mạnh. Ngày 7-6-1929 Hội-nghị trung kiên do tổ Cộng-sản (gồm 7 người nói trên : Ngô-Gia-Tự tức Ngô - Sỹ - Quyết, Trần-Văn-Cung tức Quốc - Anh, Trịnh - Đình - Cửu, Nguyễn - Đức - Cảnh, Phạm-Ngọc-An tức Phiến - Chu, Nguyễn - Văn - Tuấn và Dương Hạc - Đính) triệu tập có 20 Đại-biểu (kể cả 7 người trong "tổ Cộng-Sản") họp tại phố Khâm-Thiên, Bạch-Mai, tán thành hành động của đoàn đại-biểu Bắc-kỳ ở Đại-hội (Hương-Cảng) và bàn kế hoạch xúc tiến việc thành lập đảng Cộng sản. Theo kế hoạch, đảng lấy tên là Đảng Cộng sản Đông-Dương, bầu ban chấp hành lâm thời, chỉ định bí thư tỉnh ủy và các ủy-viên phụ trách các địa phương, thảo chính cương và điều lệ đảng, dựa vào chương trình và điều lệ của quốc tế Cộng-sản. Đồng thời ra tuyên ngôn nói về nhiệm vụ hiện tại của cách mạng Đông-Dương, ấn định nhiệm-vụ của đảng và tuyên bố giải tán VN Thanh-Niên Cách-Mạng Đồng-Chí hội. Ngoài tổ chức đảng ra, các hội quần chúng cũng được xúc tiến thành lập với những điều lệ riêng. Đảng dùng báo "Búa Liềm" làm cơ quan tuyên truyền chính thức và tạp chí "Công hội đỏ" chuyên về vận động công nhân. Chính vì chủ-trương kịp thời và có cơ sở (của VN Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí hội) từ trước, nên trong một thời gian ngắn, Đông-Dương Cộng-sản Đảng đã thu hút được hết những phần tử tích cực của VN Thanh-Niên Cách-Mạng Đồng-Chí hội tại miền Bắc, cả một số đảng viên Tân-Việt ở Trung-kỳ. Những cuộc bãi công tại Hànội, Hải-Phòng, Nam Định, Hồng-Gai, Vinh, Saigon đều có đảng nhúng tay vào ...

(1) Tài-liệu trong mục này trích trong số tài-liệu của Việt-Cộng.

(2) Tuy vậy Cộng-sản vẫn vào Việt-Nam qua cầu tư-sản, trí thức chứ không phải vô-sản.

Trước khi thống nhất vào Đảng Cộng-Sản Việt-Nam(6-1-1930), (1) Đông-Dương Cộng-sản Đảng là một Đảng mạnh hơn cả, so với An-Nam Cộng-sản Đảng và Đông-Dương Cộng-sản Liên Đoàn lúc bấy giờ.



2.— An-Nam Cộng-Sản đảng.

Đại hội Hương-Cảng tan vỡ, đại biểu Bắc kỳ ra về trước, các đại-biểu Trung, Nam-kỳ và Xiêm về sau ... Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí hội ở Nam-kỳ không thể duy trì được, mà cũng không cộng tác với Đông-Dương Cộng-sản Đảng được, các đại biểu bèn lập ra một tổ chức cộng-sản khác : Tháng 10-1929, Annam Cộng-sản đảng ra đời ở Nam-kỳ, tập họp những đảng viên cũ của Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mạng Đồng Chí hội còn lại. Nhóm này cũng tuyên ngôn chỉ trích Đông-Dương Cộng-sản đảng và công bố chính cương, điều lệ và xuất bản tạp-chí "BOLCHEVICK" làm cơ quan lý-luận và huấn luyện đảng viên. Annam Cộng-sản đảng có ảnh hưởng nhiều ở Nam-kỳ, nhưng không lan ra được Trung, Bắc-kỳ.



3.— Đông-Dương Cộng-Sản liên-đoàn.

Việt-Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí hội tan rã và xuất hiện hai nhóm Đông-Dương và Annam đã khích động đến đảng Tân-Việt ở Trung kỳ. Đảng Tân-Việt như ta đã biết, sau mấy lần thay đổi, thanh lọc ... một số chán nản rút khỏi đảng không tham gia đấu tranh nữa, còn lại một số trung-kiên, tích cực có xu hướng cộng-sản rõ rệt. Nhân dịp này họ muốn sát nhập vào Đông-Dương Cộng-sản đảng. Nhưng sau mấy lần giao thiệp không có kết quả, đảng này liền đứng ra tổ-chức một hệ-thống riêng, lấy tên là Đông-Dương Cộng-sản liên-đoàn ; trong đó gồm các đoàn công-nhân, nông dân, học sinh, phụ-nữ v.v.. chính thức thành lập vào tháng 6/1929.

4.— Thống nhất ba đảng khuynh Cộng nói trên.

Như ta đã biết ba đảng khuynh cộng nói trên tuy cũng theo đuổi một chủ đích, nhưng đảng nào cũng tự cho mình là "Cộng-sản chính thống" trong khi các đảng còn lại là "đầu cơ", là "hoạt đầu", là "gà đeo lông công" ... Xung đột gay gắt nhất là giữa Đông-Dương Cộng-sản đảng và Annam Cộng-sản đảng, đả kích nhau về cá nhân và tranh dành ảnh hưởng trong quần-chúng. Chỗ nào cũng thấy bên cạnh tranh công giành quyền là tinh thần ganh đua sôi nổi. Còn đối với quốc tế cộng-sản thì đảng nào cũng tìm cách vận động để cho mình được công nhận chính thức ...

Lợi dụng yếu điểm đó, ngày 6-1-1930, Nguyễn-Ái-Quốc, tức HỒ-CHÍ-MINH sau này, thi hành lệnh Mạc-Tư-Khoa lấy tư cách là ủy-viên Đông-Phương Bộ, phụ trách Đông Nam Á vụ đã triệu tập một hội nghị tại Cửu-Long gần Hương-Cảng, để bàn về việc thống nhất các đảng Cộng-sản ở Đông-Dương. Đến dự hội-nghị chỉ có đại-biểu của Đông-Dương Cộng-sản và Annam cộng-sản đảng, còn Đông-Dương Cộng-sản liên đoàn thì vắng mặt. Hội-nghị làm việc một cách đơn giản và kết quả là đại biểu hai đảng đã đồng ý thống nhất và lấy tên là Đảng Cộng-sản V.N. Đồng thời hội nghị thảo ra một bản điều lệ chính-cương sơ lược của Đảng, cử ban chấp hành Trung ương Lâm thời và vạch ra kế-hoạch thống nhất các tổ-chức ở trong nước.

Sau nghị-quyết thống nhất, công việc tiến hành không có gì trở ngại. Lúc bấy giờ thực-dân Pháp đang khủng bố gắt gao, một số người trong nhóm Đông-Dương Cộng-sản Đảng và An-Nam Cộng-sản đảng bị bắt. Việc thống nhất càng được thực hiện mau chóng để đương đầu với cuộc đàn áp. Về phần Đông-Dương Cộng-sản liên-đoàn thấy hai nhóm kia đã thống nhất, cũng đồng ý gia nhập một tổ chức Cộng-sản duy nhất (2).

---

(1) Sau lại đổi là Đông-Dương Cộng-sản đảng.

(2) Tổ-chức này được Cộng-sản Quốc-Tế công nhận là một Chi-bộ dự bị (tháng 4-1931) để đến năm 1935, trong đại hội Quốc-Tế Cộng-sản lần thứ 7, mới được công nhận là một Chi bộ chính thức.

Tháng 10/1930, ban thường vụ Trung-ương, do Trần-Phú làm Tổng bí-thư, họp tại Sài-Gòn, đã dựa vào bản đề cương của đại-hội quốc tế cộng-sản họp lần thứ 6, với ba hình thức cách mạng áp dụng vào Đông-Dương để thảo ra bản luận cương cách mạng tư sản dân quyền và quyết định mở rộng đảng sang Ai-Lao và Cao-Mên theo lệnh của quốc tế Cộng-sản :

1- Về cuộc cách mạng tư sản dân quyền, bản luận cương vạch ra đường lối : "Trong lúc đầu, cuộc cách mạng Đông-Dương sẽ là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền, bởi vì cách mạng chưa có thể trực tiếp giải quyết được những vấn đề tổ chức xã-hội chủ nghĩa sức kinh tế trong nước còn rất yếu, các di tích phong kiến còn nhiều, sức mạnh giai cấp tương đương, chưa mạnh về vô sản, mà lại còn bị đế quốc chủ nghĩa áp bức. Vì những điều kiện ấy, cho nên thời kỳ bấy giờ cách mạng chỉ có tính chất thổ địa và phản đế. Tư sản dân quyền cách mạng là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng. Tư sản dân quyền đã được thắng lợi, chính phủ nông nghiệp đã đứng lên rồi thì công nghiệp trong nước sẽ được phát triển, các tổ chức vô sản sẽ được thêm kiên cố, sức mạnh tương đương sẽ nặng về phía vô sản. Lúc đó sự tranh đấu sẽ thêm sâu, thêm rộng, làm cho cách mạng tư sản dân quyền tiến lên con đường cách mạng vô sản. Thời kỳ này là thời kỳ cách mạng vô sản toàn thế giới và thời kỳ kiến trúc xã-hội chủ-nghĩa ở Liên-bang Xô-Viết, xứ Đông-Dương sẽ nhờ vô sản giai cấp chuyên chính các nước giúp sức cho mà phát-triển, bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã-hội chủ-nghĩa"...

Do đó bản đề cương đề ra những khẩu hiệu lớn sau đây :

a. Đánh đổ đế-quốc chủ nghĩa Pháp, phong kiến và địa chủ.
b. Lập chánh phủ công, nông.
c. Tịch thâu hết thảy ruộng đất của bọn ngoại quốc, bản xứ và các giáo hội, giao ruộng đất cho trung và bần nông ; quyền sở hữu về chính-phủ công nông.
d. Sung công hết thảy các sản nghiệp lớn của bọn tư bản ngoại quốc.
e. Bỏ thuế hiện thời ; lập ra thuế lũy tiến.
f. Ngày làm 8 giờ, sửa đổi sự sinh hoạt cho thợ thuyền và quần chúng lao khổ.
g. Xứ Đông-Dương hoàn toàn độc-lập, thừa nhận dân tộc tự quyết.
h. Lập quân-đội công, nông.
i. Nam nữ bình quyền.
j. Ủng hộ liên bang Xô-Viết, liên kết với vô sản giai cấp toàn thế giới và phong trào cách mạng thuộc địa và bán thuộc địa.

2- Quyết định đổi tên đảng, theo lệnh của quốc-tế cộng-sản thì nhiệm vụ của đảng bộ Cộng sản VN là phải xây dựng cho hai đảng bộ Ai-Lao và Cao-Miên. "Nhưng tên VN không hợp với trách nhiệm của đảng, nên phải đổi là đảng Cộng sản Đông-dương, vì tên Việt-Nam chỉ gồm được ba xứ Bắc, Trung Nam-kỳ là những xứ của người Annam ở. Còn xứ Đông-Dương có ba nước : VN, Cao-Miên và Ai-Lao. Tuy rằng ba xứ giống người khác, tiếng nói khác, phong tục khác, tính tình khác, nhưng kỳ thực chỉ thành một xứ mà thôi" (1). Nhưng đến tháng 11/45, sau khi cướp được chánh quyền, để xoa dịu sự căm phẫn của các đảng phái quốc-gia, cộng-sản đã "giả vờ" giải tán đảng Cộng-sản Đông-dương, để thành lập "Hội nghiên cứu Mác-Xít" !



5.— Hoạt động của đảng Cộng-sản Đông-Dương, các cuộc đình công bãi thị — Xô-Viết Nghệ Tĩnh...

Sau khi thống nhất, Đảng Cộng-sản Đông-dương, nhân cuộc khủng hoảng kinh tế, thợ thuyền nông dân đang đói rét lầm than, liền ráo riết hoạt động tổ-chức ra các Công-hội, Nông-hội, Thanh niên đoàn, Phụ nữ liên hiệp v.v... hô hào đấu tranh giai cấp và gây ra nhiều cuộc biểu-tình, đình công lớn lao trong giới công nhân và nông-dân ... Từ tháng 3/1930 đến tháng 9/1931 tình hình Bắc, Trung và Nam Kỳ hết sức rối loạn.

Mở đầu cho phong trào đấu tranh là cuộc bãi công của phu đồn điền cao su Phú-Riềng (tháng 3/1930), nhà máy sợi Nam-Định (4/1930),

---

(1) Trích báo Công, Nông, Binh ngày 06.02.1931 của Cộng-Sản.

thợ nhà máy diêm Bến Thủy (21/4/1930), đồng thời với những cuộc bãi công của công nhân nhà máy Ba-son, nhà máy cưa Bến-Thủy và cuộc biểu tình của thợ mỏ Mông-Dương. Hưởng ứng cuộc đấu tranh của công nhân, tháng 4/1930, nông dân hai tỉnh Hà-Nam và Thái-Bình đã biểu tình đòi chia thóc của địa chủ ; tháng 5/1930 nông dân Sa-đéc biểu tình bị bắn chết 10 người ... các tỉnh Hànôi, i-Phòng, Nam-Định, Vinh, Huế, Quảng-Ngãi, Bình-Định, Qui-Nhơn, Đà-Nẵng, Hội-An, Bà-Rịa, Biên-Hòa, Cao-Lãnh, Nhà Bè, Dĩ-An v.v... đều có những cuộc biểu tình dữ dội ...

Đặc biệt là tại Nghệ-Tĩnh, nơi được cộng-sản "hãnh-diện" về một "Xô-Viết Nghệ-Tĩnh", các cuộc biểu tình không còn nằm trong khuôn khổ thỉnh cầu hay yêu sách nữa mà nó đã trở nên bạo động ...

Chúng ta thử tìm hiểu xem có thực cộng-sản đề ra "kế-hoạch Xô-Viết Nghệ-Tĩnh" hay không ? hay là việc xảy ra, ngoài sự trù liệu và tầm tay của Cộng-sản, đến khi xảy ra thì cộng-sản đã vồ lấy nó và mạo nhận ......

Cái kêu là "phong-trào Xô-Viết Nghệ-Tĩnh" xuất phát từ cuộc đình công ngày 1-5-1930 tại nhà máy diêm Bến Thủy, rồi lan sang chuyển từ thành thị về thôn quê ...

Ngày 1-5-1930, công nhân nhà máy diêm Bến Thủy, sau khi đình công, đã cùng hàng ngàn nông dân các làng Yên-Dũng, Yên-Trường, Lộc Đa, Đức-Hậu và An-Hậu biểu tình với các khẩu hiệu "bớt giờ làm việc, giảm sưu thuế", "chống khủng bố trắng" và "bồi thường cho các gia-đình bị tàn sát trong cuộc bạo động Yên-Bái". Đồng thời công nhân đồn-điền Ký-Viễn và học sinh chợ Rộ, huyện Thanh-chương cũng biểu-tình ... Bọn thực dân Pháp liền ra sức đàn áp, dù máu đã đổ nhưng phong-trào vẫn dâng lên cao ... Ngày 10-5-1930, công nhân nhà máy diêm lại đình công, có sự hưởng ứng của công-nhân khuân vác và nông dân ở Yên Dũng hạ. Ngày 1-6-1930, nhân dân huyện Thanh-Chương biểu tình đòi hoãn thuế. Ngày 2-6-1930, công nhân nhà máy diêm lại đình công một lần nữa và kéo dài tới 40 ngày. Đồng thời công nhân nhà máy Trường-thi, xưởng cưa, phu khuân vác, công-nhân kéo xe thành phố Vinh cũng nổi dậy đấu tranh bằng nhiều hình thức khác nhau như rải truyền đơn, đưa yêu sách, lãng công ... Lúc này, các cuộc biểu tình ở nông thôn đã liên tiếp xảy ra. Nhân dân các huyện Nghi-Lộc, Anh-sơn, Nam-Đàn, Quỳnh-Lưu, Đô-Lương đều hưởng - ứng việc chống thuế và ủng hộ cuộc bãi công trường kỳ của công-nhân Bến Thủy. Kịch liệt là cuộc biểu tình ngày 20-6-1930 của 600 nông dân huyện Quỳnh-Lưu, đã bao vây đồn Muối và bắt tên Tây đoan phải nhận yêu sách tăng tiền muối và không được tự tiện vào nhà khám muối hay đánh đập người làm muối. Theo tài liệu đăng trong báo "Người lao khổ" cơ quan của xứ ủy Cộng-sản Trung-kỳ, thì trong hai tháng 6 và 7/1930, tại Nghệ-Tĩnh đã có 11 cuộc biểu tình lớn với 12.020 người tham dự. Đồng thời các chi bộ đảng và hội quần chúng của cộng sản cũng phát triển mạnh trong thời gian này.

Giữa phong trào ấy, ngày 1-8-1930, ngày phản đối đế quốc chiến tranh đến, càng làm cho phong trào sôi nổi thêm. Thợ nhà máy diêm Bến Thủy lại đình công. Nhiều cuộc biểu tình lại xảy ra ở Đô-Lương (Nghệ-An), Can-Lộc (Hà-Tĩnh). Từ đây trở đi, những cuộc biểu tình ngày càng có tính cách khích động và nó đã trở nên bạo động ...

Ngày 6-8-1930, nhân dân Nam-Đàn đã kéo tới bao vây huyện lỵ, đập phá công đường, sở rượu và buộc tri-huyện Lê-Khắc-Tường phải đóng dấu ký nhận vào những khẩu hiệu của đoàn biểu tình. Ngày 4-8-1930, nhân dân huyện Can-Lộc kéo đến cầu Nghèn, bắt tri huyện Trần-Mạnh-Đàn phải mặc áo thụng xanh ra nhận khẩu hiệu. Ngày 12-8-1930, nhân dân huyện Thanh-Chương kéo đến huyện lỵ phá nhà lao, thả tù và đốt hết văn kiện hành-chánh. Cũng từ đây, thực dân Pháp thẳng tay khủng bố, dùng máy bay thả bom, sai binh lính bắn vào đám biểu tình, rải rác đã có người chết. Nhưng ngày hôm sau 13-8-1930, hàng vạn người lại tập trung làm lễ truy điệu những người hy-sinh tại chỗ ...

Cuối tháng 8 và đầu tháng 9/1930, những cuộc biểu tình lớn vẫn liên tiếp diễn ra ở Nghi Lộc (29-8-1930), Nam-Đàn (30-8-1930), Võ-Liệt (1-9-1930), Can-Lộc (7-9-1930), Thạch Hà, Cẩm-Xuyên và Anh-Sơn (8-9-1930), Cẩm-Xuyên và Kỳ-Anh (8-9-1930), Thanh-Chương (11-9-1930). Đoàn biểu tình kéo đi thường đánh trống phất cờ và một đôi khi còn đốt cả pháo nữa.

Trong các cuộc biểu tình thì cuộc biểu tình ở Thanh-Chương ngày 1-9-1930 là cuộc biểu tình lớn có tới 20.000 người tham dự. Theo tài liệu đăng trên báo "Người lao khổ" của Cộng-sản thì cuộc biểu tình ở Thanh-Chương đã được chuẩn bị từ lâu và đêm hôm trước ngày biểu tình, "Đội cảm tử" đã đi tuần khắp huyện, bắt trói một số mật thám và lính mang công-văn. Đi đến xã nào, "Đội cảm tử" đều đánh trống đình triệu tập dân làng lại nghe diễn thuyết và cổ động đi biểu tình. Sáng ngày 1-9-1930, nhân dân các xã đã nổi cợ giống trống kéo đến chợ Rộ và làng Nguyệt Bổng ở hai bên bờ sông Cả (chỗ huyện lỵ đóng) với 200 lá cờ quốc-tế Cộng-sản (cờ đỏ vẽ hình búa liềm) và viết các khẩu hiệu . Tri huyện Thanh-Chương và Đồn-trưởng Thanh-Quả đem lính đến bắt những thuyền đò phải đóng ở bên phía chợ Rộ, để đoàn biểu tình bên phía Nguyệt- Bổng không sang được. Nhưng "Đội cảm tử" đã lội qua sông, kéo đò về Nguyệt-Bổng, để cho đoàn biểu tình qua đò. Tri huyện, Trưởng đồn và binh lính sau những tràng súng bắn chỉ thiên, đều chạy dài. Đoàn biểu-tình tiến thẳng vào huyện, đốt công đường và nhà lao cùng nhà riêng của tri huyện, thả những người bị giam. Sau đó đoàn biểu tình lại tiến về đồn Thanh-Quả. Đồn trưởng bỏ trốn, để lại vài chục binh lính, chỉ còn biết dơ súng lên trời bắn chỉ thiên như pháo nổ. Hai phụ nữ lại thuyết phục các binh lính, các binh lính có ý siêu lòng. Chợt một Lãnh binh đem 10 lính trở về bị đoàn biểu tình bao vây tuyên truyền. Kết quả các binh lính đều hạ súng. Lãnh binh hoảng sợ, không đường chạy, phải ký nhận vào 13 điều yêu cầu của đoàn biểu tình và nhận bồi thường cho những người bị nạn. Đoàn biểu tình bắt Lãnh binh đi tìm Tri huyện và Đồn trưởng, Lãnh binh xin mãi đoàn biểu tình mới thả về. Sau đó 2 tên chỉ huy Pháp lại đem 10 lính đến, nhưng không làm gì được trước một đám người đông đảo như thế. Trên các ngả đường, bọn mật thám và cường hào gian ác bị trói điệu đi để nhân dân vạch mặt chỉ tên. Đoàn biểu tình kéo đi tuần hành đến tối ngày hôm đó mới giải tán.

Người ta thấy trong những khẩu hiệu nêu ra trong các cuộc biểu tình, ngoài các khẩu hiệu bỏ thuế, cấp công điền cho dân nghèo, còn có các khẩu hiệu đả đảo đế quốc Pháp và phong kiến Nam-triều, tịch thâu ruộng đất của đại địa chủ chia cho dân nghèo ...

Ngày 8-9-1930, một cuộc biểu tình hoàn toàn do phụ nữ xướng xuất và tham dự tại Hà-Tĩnh. Theo lời tường thuật trong báo "Người lao khổ" của Cộng-sản ngày 18-9-1930, thì đoàn biểu tình đến cách thị-xã độ một cây số, bị bọn lính Tây xông đến đàn áp. Các phụ nữ bị đánh đập rất tàn nhẫn, song vẫn tiến lên ... Người này bị bắt thì người khác tiến lên thay. Công sứ và Tuần Phủ thấy thế định dùng thủ đoạn "lột quần" để cho các phụ-nữ xấu hổ mà rút lui ... Nhưng trước thủ đoạn này, tất cả các phụ nữ đều "tự lột quần" để cho bọn thực dân và tay sai thấy rằng thủ đoạn của chúng không làm ai sợ và những người bị bắt vừa đi vừa hô khẩu hiệu ...

Ngày 2-9-1930, thợ nhà máy diêm Bến Thủy lại đình công. Tiếp theo là nông dân các huyện Anh-Sơn, Thanh-Chương, Đô-Lương lại biểu tình hưởng ứng. Đoàn biểu tình từ các huyện Cẩm-Xuyên, Thạch-Hà và Can-Lộc kéo đến tỉnh lỵ Hà-Tĩnh (9-9-1930), được phụ-nữ thành phố cầm cờ hoan nghênh. Công đường huyện lỵ Cẩm Xuyên, Kỳ-Anh cũng như các ty rượu đều bị đốt. Nhiều cuộc xung đột và giằng co giữa binh lính Pháp và các đoàn biểu tình đã xảy ra, khiến nhiều người chết và bị thương. Đồng bào các huyện Quỳnh-Lưu, Diễn-Châu, Anh-Sơn, Nam-Đàn, Hưng-Nguyên, Nghi-Lộc, Hương-Sơn, Đức Thọ, Can-Lộc, Kỳ-Anh trong hai tỉnh Nghệ-An và Hà-Tĩnh lúc này đã lấy việc biểu tình như một công tác hàng ngày ...

Để hưởng ứng phong trào biểu tình tại các nơi, ngày 12-9-1930 phủ-ủy Cộng-sản Hưng-nguyên quyết định tổ chức một cuộc biểu tình thật lớn. Đoàn biểu tình kéo lên Yên-Xuân, cắt dây thép và chặn chuyến xe lửa suốt từ Vinh vào, chủ ý là để tuyên truyền một hồi, rồi lại để cho xe lửa đi, mang theo ảnh hưởng cách mạng truyền vào Nam mà thôi. Nhưng sau cuộc diễn thuyết, tinh thần dân chúng vọt lên cao, có người hô hào kéo lên phủ lỵ Hưng-nguyên ... Tức thì đoàn người biểu tình ồ at kéo đi ... Đoàn người do một cán bộ Cộng-sản tên là Sửu tức Dong chỉ-huy, dùng con đường Thông-lạng, Hoàng-cầu, Thái-lão tiến về Hưng-nguyên ... Nhưng đoàn biểu tình chưa tới phủ, thì tri huyện Phạm-Ngọc Vận được tin đã phi báo cho bọn thực dân ở Nghệ-An biết. Bọn Pháp liền phái đi 20 lính Lê-Dương và 5 chiếc máy bay thả bom. Đoàn biểu tình đến Thái-Bảo thì quả bom đầu tiên rơi xuống, làm sập đổ cầu xi-măng. Nhưng đoàn biểu tình vẫn cứ tiến. Quả bom thứ hai kế tiếp rơi xuống,

nhiều người ngã. Đồng thời lính Lê-dương bắt đầu nổ súng vào đoàn biểu tình. Những quả bom thứ ba, thứ tư v.v... tiếp theo nhau rơi ... Đến đây đoàn biểu tình phải chạy tán loạn. Sửu và một số cán-bộ Cộng-sản cố giữ trật tự nhưng vô ích.

Chiều hôm ấy, thân nhân các người chết ra nhận xác, lại bị máy bay bỏ bom giết hại 20 người nữa. Tổng cộng số người chết có nhiều tài liệu nói khác nhau. Có tài liệu nói 170 người, cũng có tài liệu nói 217 người và rất nhiều người bị thương v.v... các con số này chưa thể tin cậy được, nhưng dầu sao chăng nữa cuộc khủng bố của giặc đã làm chết nhiều người ......

Từ đó, ngày 12-9 hằng năm được Cộng-sản chọn làm ngày "Kỷ niệm Xô-Viết Nghệ-Tĩnh" - hay Xô-Viết Võ-Liệt cũng vậy - Vì Võ-liệt là một làng đầu tiên mà hào lý đã bỏ trốn, bị bắt hay không dám làm gì, trước phong trào biểu-tình ...

Sang năm 1931, các cuộc rối loạn tương tự mà phần nhiều là có đổ máu, vẫn liên tiếp diễn ra tại hai tỉnh Nghệ-Tĩnh ... Cho đến đầu tháng 8/1931, phong trào mới bị chìm hẳn xuống, các cán-bộ Cộng-sản phụ-trách lãnh đạo như Nguyễn-Phong-Sắc (đặc phái viên Trung-ương), Nguyễn Đức-Cảnh (Ủy-viên Xứ ủy Trung-kỳ), Lê-Mao, Lê-Viết-Thuận (Xứ ủy Trung-kỳ), đều bị bắt và bị thực dân Pháp xử tử cả.

Đến nay tổng kiểm lại phong trào đấu tranh 1930 - 1931 chúng ta thấy có mấy điểm sau đây cần nhận rõ :

1. Đảng Cộng-sản vừa thống nhất và được công nhận trong hệ-thống Đệ tam quốc-tế, thì xảy ra cuộc khủng hoảng kinh tế, thợ thuyền, nông dân đương đói rét lầm than, lại thêm cuộc khởi nghĩa Yên-Bái của Việt-Nam Quốc Dân Đảng bị thất bại, đảng này chỉ còn thoi thóp ... tất nhiên thời gian này là "cơ hội ngàn năm" của Cộng-sản để hoạt động ...

2. Không ai có thể chối cãi vai trò "giựt dây" của Cộng-sản trong các cuộc đình công, bãi thị, biểu tình v.v...

3. Nhưng ta cần phải xét kỹ xem có điều mà Cộng-sản hằng rêu rao và "hãnh diện" về một "Xô-Viết Nghệ-Tĩnh" hay không ?

a. Trước hết là Cộng-sản chưa có một kế hoạch rõ rệt về việc cướp chánh quyền vì "theo chủ trương của đảng Cộng-sản Đông-dương hồi ấy, việc đoạt chánh quyền đã đề ra chưa ? Bản luận cương không nói rõ" (Trích "Lịch sử 80 năm chống Pháp" của Trần-Huy-Liệu, quyển II tập thượng).

b. Cộng-sản "chưa phải đã chủ trương tịch thu ruộng đất ..." (trích tài liệu trên). Nhưng Cộng-sản lại "đoán" là "có thể có ... những vụ chia đất ...".

c. Cộng-sản bị tràn ngập bởi cuộc bạo động do chính Cộng-Sản chủ mưu - Ví dụ như vụ Hưng-nguyên ngày 12-9-1930, ban đầu thì cán-bộ Sửu tức Dong chỉ có ý định tổ chức ở ga Yên-Xuân, cắt dây thép, chặn xe lửa để tuyên truyền ... Nhưng tinh thần dân chúng bỗng vọt lên cao (Cộng-sản không điều khiển được nữa)... Đoàn người biểu tình ồ at kéo về phủ Hưng - Nguyên ... Kết quả là Cộng-sản đã mượn tay thực dân Pháp bỏ bom làm chết cả trăm người, như trên đã nói, để chúng có cớ tuyên truyền xách động...

d. Trước sự rối loạn trật tự, nhiều quan lại bỏ trốn, hào lý người bị bắt, người không dám hành động gì ... tạo ra một "tử thì" (Temps mort) trước khi thực dân Pháp phản công và đàn áp ... Như vậy làm gì có việc "tất nhiên phải đứng ra tổ-chức quản lý đời sống chung của dân" như Cộng-sản đoán mò vậy - "Trước tình thế đó, nếu ta chưa đặt vấn đề đoạt chánh quyền toàn quốc thì mỗi địa phương mà chi bộ đảng Cộng-sản và nông hội làm chủ tình thế tất nhiên phải đứng ra tổ chức quản lý đời sống chung của nhân dân" ... (Trích "Lịch sử 80 năm chống Pháp" của Trần-Huy-Liệu, quyển II tập thượng).

e. Lúc đó nhân dân có ai nghe và nói hai tiếng "Xô-Viết" bao giờ đâu ? Có chăng là sau khi cuộc bạo động đã vượt quá tầm tay của Cộng-sản, chúng tự mạo nhận sự kiện đó (nói trong mục b và c trên đây) rồi khoác cho nó cái nhãn "Xô-Viết" để tuyên truyền mà thôi.

4. Tóm lại những vụ rối loạn ở Nghệ-Tĩnh (mà Cộng-sản kêu là một "Xô-Viết Nghệ Tĩnh") thực ra nó chỉ có thể tạm ví bằng một phần của phong trào chống thuế ở Trung-kỳ năm 1908 (Vì nó chỉ giới hạn trong hai tỉnh Nghệ-Tĩnh - khi phong trào chống thuế tràn lan khắp Trung kỳ), chớ nó không có "quá nhiều lông cánh" như Cộng-sản thêm vào sau này, khiến cho vấn đề trở nên một huyền thoại.-

CHƯƠNG VI

Từ mặt trận Bình-Dân đến mặt trận Liên Việt

TRÊN TRƯỜNG QUỐC TẾ

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới vừa chấm dứt, các nước tư bản đã đến lúc phải gây chiến tranh để giành giựt, phân chia thị trường và chuyên chính một cách công khai... Mở màn cho chính quyền phát xít là nhóm Mussolini ở Ý, nhóm Horthy ở Hung, nhóm quốc xã do Hitler cầm đầu ở Đức. Họa chiến tranh đe dọa trước mắt...

Trước sự biến đổi lớn lao ấy, Đệ tam quốc tế nhận định rằng cần phải chĩa mũi nhọn vào các nhóm nói trên và duy trì hòa bình?..

Vào khoảng tháng 7/1935, Quốc tế Cộng Sản họp lần thứ 7 tại Moscou gồm có đại biểu của 64 chi bộ đến tham dự (Đại biểu của chi bộ Đông Dương là Lê Hồng Phong) Trong kỳ đại hội này, một chủ trương được đề ra là giai cấp vô sản phải tập hợp những phần tử tiến bộ (theo kiểu cộng sản), dân chủ để lập mặt trận Bình dân ở mỗi nước mà nhiệm vụ là chống phát xít, chống chiến tranh, đòi cơm áo, tự do và hòa bình...

Riêng tại Pháp, hồi ấy, cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị trong nước và làn sóng phát xít quốc tế đã gây mầm phát xít ở Pháp. Tháng 2/1934 bọn "Croix de feu" (thập tự lửa) của De la Roque âm mưu một cuộc chính biến... Đảng Cộng sản Pháp liền kêu gọi nhân dân Pháp đoàn kết chống lại tay sai phát xít Quốc tế...

Sau đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ 7 nói trên, Đảng Cộng Sản Pháp thi hành lệnh của Đệ Tam Quốc Tế, ra sức vận động thành lập Mặt Trận Bình Dân, để chống Phát xít... (gồm Cộng Sản Đệ Tam, Đảng Xã hội và Đảng Cấp tiến Pháp).

Đến năm 1936, ba đảng nói trên đã thắng trong cuộc tuyển cử (3-3-1936) và do đó chính phủ Mặt Trận Bình dân được thành lập...

Mặt trận Bình dân ở Pháp lên cầm quyền đã ảnh hưởng trực tiếp đến thuộc địa Đông Dương trong lúc phong trào đấu tranh do Cộng sản vận động như người mới ốm khỏi chưa bình phục...

TẠI VIỆT NAM

Trong khi trên trường quốc tế có những biến chuyển như vậy thì ở VN cũng có nhiều thay đổi.

GIỚI NÔNG CÔNG THƯƠNG BỊ PHÁ SẢN.

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới tạm ngưng được một năm (năm 1934) thì ở Việt Nam sau đó một năm (năm 1935) mới dịu dần...

Trong những năm bị khủng hoảng (1929-1935) lúa gạo bị mất giá, sưu thuế nặng nề (1), nông dân và một phần tiểu địa chủ mắc nợ không trả được, ruộng đất bị tập trung vào nhà Đông Pháp Ngân hàng, Nông Phố Ngân hàng và một số địa chủ quan lại VN. Về công thương nghiệp cũng vậy, bị hàng hóa Pháp lũng đoạn thị trường, một số lớn các nhà công thương nghiệp VN bị phá sản... trong khi bọn tư bản Pháp vốn đã giàu lại giàu thêm... Về phía công nhân và nông

---

(1) Năm 1930 gạo trắng tốt nhất ở Nam Kỳ 11$34 năm 1931 xuống 7$10, năm 1932 xuống 5$62, năm 1933 3$20 – Về thuế má ở Bắc và Trung Kỳ mỗi năm mỗi người nộp 2$50, ở Nam Kỳ người vô sản nộp 4$50, người hữu sản nộp 5$50 – Xin xem thêm mục "tình hình xã hội Việt-Nam" trong chương "Xã hội Việt-Nam sau khi Pháp thống nhất guồng máy cai trị".

dân nghèo, theo con số mà Pháp đưa ra (tất nhiên là ít hơn thực tế) thì năm 1935 có tới 133.238 người thất nghiệp.

Đến năm 1936, cuộc khủng hoảng kinh tế vừa dứt thì thực dân đã bắt đầu cho truy thâu thuế của nông dân, thương dân... còn thiếu trong khi xảy ra cuộc khủng hoảng... Vừa mới hồi sinh chưa bình phục hẳn, thực dân Pháp đã giáng một đòn truy thâu và tăng thuế nữa khiến nông dân, thương dân và một số lớn tiểu tư sản trở nên sa sút và khánh tận.

THỰC DÂN PHÁP TIẾP TỤC ĐÀN ÁP...

Về mặt chính trị thì, sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái bị thất bại, thực dân pháp thẳng tay bắt bớ và chém giết không những Đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng mà còn khủng bố luôn cả các Đảng viên của Đông Dương Cộng Sản đảng nữa...

Đứng trước sức khủng bố của thực dân Pháp nhắm vào hai Đảng nói trên, một số học sinh trường Bưởi đã đứng ra lập một Đảng "ở giữa", lấy tên là "Bình dân cấp tiến cách mạng", nhằm dung hòa cả Việt Nam Quốc Dân Đảng lẫn Cộng sản. Nhưng đảng này chưa ngo ngoe được thì đã bị thực dân Pháp trấn áp và chết ngay từ trong trứng nước...

... VÀ HỨA HẸN PHỈNH PHỜ.

Cũng trong khoảng thời gian này, bên cạnh những cuộc khủng bố tàn ác, thực dân Pháp còn dở thủ đoạn "ru ngủ" dân ta bằng cách cử tên trùm thực dân là "Tổng Trưởng Bộ Thuộc địa Paul Reynaud" sang VN (tháng 10/1931) nói là đi điều tra tình hình để "định một chính sách cai trị cho thích hợp"... Nhưng thực ra tên này đi điều tra tình hình để đối phó với các phong trào chống đối. Ngày 1/11/1931 trong một buổi họp với Viện Cơ mật của triều đình Huế, Paul Reynaud hứa thi hành hòa ước năm 1884 và sẽ cải tổ chánh phủ Nam Triều sau khi Hoàng Đế Bảo Đại về nước...

BẢO ĐẠI VỀ NƯỚC VÀ "CẢI TỔ" CHÁNH PHỦ NAM TRIỀU.

Năm 1932 Bảo Đại về nước, cải tổ chánh phủ (năm 1933) bằng cách thay đổi các Thượng Thư già bằng các Thượng Thư trẻ... trong đó có Ông Ngô Đình Diệm, được giao một bộ và một chức quan trọng nhất là Bộ Lại và Chủ Tịch Hội Đồng Cải Cách. Ông Diệm nghĩ rằng sẽ có thể cải cách ít ra là theo chiều hướng hòa ước 1884, nhưng Ông đã thất vọng về lời hứa của tên trùm thực dân nói trên và chúng không cho Ông cải cách gì cả nên Ông từ chức sau mấy tháng nỗ lực...

Đến năm 1938, Bảo Đại và Phạm Quỳnh, lại cố gắng một lần nữa, sang Pháp để yêu cầu chánh phủ Pháp hợp nhất Trung, Bắc Kỳ cho đúng với hòa ước 1884. Nhưng rồi cũng về tay không... (như đã nói trong mục "Xã hội Việt Nam sau khi Pháp thống nhất guồng máy cai trị").

PHE ĐỆ TỨ RA ĐỜI.

Đồng thời (năm Bảo Đại về nước 1932) phái Đệ tứ Quốc tế ra đời ở Saigon, do Tạ Thu Thâu và Trần Văn Thạch lãnh đạo, hoạt động công khai bằng báo chí...

Tưởng cũng cần phải nói cho rõ là năm 1930, Thâu là một trong số Sinh viên Việt Nam ở Pháp vì hoạt động chánh trị nên bị trục xuất, khi Thâu vừa đến Saigon thì đã bị phe Đệ tam của Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Tạo.v.v... rải truyền đơn để hạ Thâu, gây hoang mang trong giới trí thức đang bắt đầu tìm hiểu về Thâu, một thanh niên có tài, một chiến sĩ lỗi lạc được đồng bào cảm mến...

Tháng 4/1932, có cuộc bầu cử Đại biểu Thượng Hội Đồng thuộc địa; một cuộc diễn thuyết được tổ chức tại rạp hát Tân Định, Tạ Thu Thâu lên diễn đàn được hoan nghênh nhiệt liệt. Từ đó đồng bào Saigon - Chợ Lớn biết rõ Thâu hơn qua các buổi diễn thuyết hằng tuần tại Trụ sở của Hội Đức dục và Trí dục (gọi tắt là Samipic) ở đại lộ Galliéni (bây giờ là Trần Hưng Đạo)...

MẶT TRẬN VÔ SẢN THỐNG NHẤT .(1)

Năm 1934, Đại biểu của Pháp cộng là Gabriel Péri, Vaillant Couturier và Barthel đến Saigon đã ra lệnh cho phe Đệ tam của

(1) Đoạn này tham bác cuốn hồi-ký của Nguyễn-Kỳ-Nam.

Dương Bạch Mai và Nguyễn Văn Tạo (2) "liên hiệp" với phe Đệ tứ của Tạ Thu Thâu để thành lập "Mặt trận vô sản thống nhất" xuất bản tờ "La Lutte" (tranh đấu) bằng Pháp ngữ. Lý do là bởi vì lúc bấy giờ phe Đệ tam chưa có người có đủ tài để viết báo bằng Pháp ngữ - Ngày 4/10/1934, tờ "La Lutte" đầu tiên ra đời, đã gây ảnh hưởng rất lớn trong các giới trí thức và công nhân ở Saigon - Chợ Lớn.

Cuộc "liên hiệp" gượng ép này chỉ sống được có vài năm thì ngày 19/5/1937, nghĩa là sau khi chính phủ Mặt trận Bình dân ra đời, một cán bộ Cộng sản Pháp là Gitton viết thư cho Nguyễn Văn Nguyễn là một cán bộ của Đông Dương Cộng Sản đảng và nhiều đảng viên ở Sai gon, đại ý ra lệnh rằng "... Phải chấm dứt sự hợp tác với bọn Troskystes Tạ Thu Thâu kể từ nay"...

Thế là "Mặt Trận vô sản thống nhất" tan rã (đúng vào ngày 15/6/1937), rồi cộng sản Đệ tam tách rời khỏi tờ "La Lutte" để ra tờ "L' Avant-Garde" (2) và sau đó chính Đệ tam Quốc tế ra lệnh giết Thâu và các bạn của Thâu (3)...

Đến năm 1939, Mặt Trận Bình Dân tan rã, chánh phủ thuộc địa từ đó đàn áp cả hai phe (Đệ tam và Đệ tứ). Phe Đệ tam lui vào bí mật, phe Đệ tứ từ khi đó trở đi không thấy hoạt động gì nữa, mãi đến năm 1945 mới hồi sinh được một thời gian ngắn.



1.– Những ngày đầu của Mặt Trận Bình - Dân.

Chính phủ Mặt trận Bình dân tại Pháp ra đời (tháng 5/1936) do Ông Léon Blum cầm đầu và Ông Marius Moutet, một đảng viên xã hội, được cử làm Tổng Trưởng đã khơi nguồn hy vọng cho các Đảng phái ở Việt Nam...

Marius Moutet muốn thu thập nguyện vọng của dân chúng thuộc địa đã đánh điện cho Pierre Pasquier, Toàn quyền Đông Dương, đại ý nói rằng :

"Chánh Phủ Mặt Trận Bình dân Pháp muốn làm thỏa mãn các tầng lớp dân chúng ở thuộc địa, nên định mở rộng sự thăm dò nguyện vọng của toàn dân.

"Chánh phủ luôn luôn khoan hồng đại xá chánh trị phạm.

"Sau khi biết rõ nguyện vọng của dân tộc ở thuộc địa, chánh phủ sẽ cải thiện đời sống của họ.

"Thủ-hiến các thuộc địa ban bố lệnh này cho dân chúng hiểu rõ ý muốn của chánh phủ Mặt trận Bình dân. Nhân dịp thăm dò rộng rãi này, nên nói cho các sắc dân biết mục đích chính sách xã hội của chánh phủ Pháp.

"Thủ hiến các nơi thâu thập tất cả nguyện vọng đưa về chánh quốc, một ủy ban sẽ nghiên cứu thận trọng."

ĐÔNG DƯƠNG ĐẠI HỘI

Pierre Pasquier được lệnh này liền chuyển cho Thống Đốc Nam Kỳ lúc bấy giờ là Rivoal.

Rivoal rất phân vân... rồi cho mời Hội đồng Quản hạt gồm các Ông Lê Quang Liêm, Trần Văn Khá.v.v... đến cho hay ý muốn của chánh phủ Mặt Trận Bình Dân... (Tất nhiên đây là cơ hội tốt cho các hoạt động của Cộng sản ở Việt Nam - xem thêm mục Mặt trận nhân dân phần đề... ở dưới) Lê Quang Liêm và các đồng chí trong đảng Lập Hiến hội bàn với Nguyễn Phan Long tại trụ sở của nhật báo "Việt Nam" về vấn đề nói trên...

---

(1) Các người Cộng-sản Việt-Nam, kể cả Hồ-Chí-Minh, thường là do Công-Sản Pháp nặn ra.

(2) Sau này, khi Nghị-sĩ Cộng-sản Honel qua Saigon để quan sát tình hình, đã gay-gắt hỏi bọn Dương-Bạch-Mai, Nguyễn-Văn-Tạo: "ai đặt tên L'Avant – Garde vậy"? Bọn đệ tam không ai trả lời và vài ngày sau ai đi qua đường Hamelin (Hồ-Văn-Ngà bây giờ – Đường có tòa soạn báo "L' Avant - Garde") thấy bảng hiệu "Le Peuple" thay cho bảng "L'Avant - Garde".

(3) Thâu bị bắt trong thời kỳ có Đông-Dương đại hội vào khoảng tháng 9-1936 do bọn Stalinien mưu đồ sát hại Tạ-Thu Thâu và các bạn của ông (Trích báo cáo của Daniel Guérin thuộc cánh tả của đảng Xã-hội Pháp bạn của Thâu). Rồi từ năm 1937 đến 1945 phe đệ tam (đã có lệnh của đệ tam ở Pháp) lúc nào cũng chờ cơ-hội giết phe đệ tứ. Cách mạng tháng 8 là một cơ-hội tốt cho đệ tam.

Câu chuyện này dân chúng biết được, nên tụ tập đông trước báo quán "Việt Nam" hoan hô các Ông Lập-Hiến và chánh phủ Mặt trận Bình Dân.

Xưa nay dân chúng vốn chống đối đảng Lập Hiến mà nay hoan hô thì họ (các Ông Lập Hiến) lấy làm vui sướng và xuất hiện trước đám đông để nói chuyện với họ...

Thợ thuyền cử đại diện bầy tỏ nguyện vọng "yêu cầu thành lập một ủy ban lâm thời tổ chức Đông Dương đại hội" để thâu thập nguyện vọng của toàn dân...

Các Ông Lập Hiến đồng ý - Vì đã được Rivoal dạy bảo như thế !

ỦY BAN LÂM THỜI TỔ CHỨC ĐÔNG DƯƠNG ĐẠI HỘI

Đại diện đoàn biểu tình đưa ra ý kiến "Ủy Ban gồm thành phần các giới từ lao động đến tư sản..."

Thế là một ủy ban 35 người được thành lập (ngày 13/8/1936) để chuẩn bị tổ chức "Đông Dương đại hội" gồm cả Lập Hiến, Đệ tứ và Đệ tam...

Về phía giai cấp phú hào có Nguyễn Phan Long , Lê Quang Liêm tư Bẩy, Trần Văn Khá.v.v.

Về phía nhóm La Lutte có Tạ Thu Thâu, Nguyễn Văn Tạo, Dương Bạch Mai, Trần Văn Thạch.v.v...

Các giới khác có Luật Sư Trịnh Đình Thảo, Bác Sĩ Tân.v.v...

Ủy Ban làm việc rất hăng hái. Rồi một đoàn đại biểu gồm 5 người đến yết kiến Thống Đốc Rivoal, bầy tỏ công việc tổ chức Đông Dương Đại Hội và xin cho Ủy Ban Hành động được tự do hoạt động, để thu thập nguyện vọng của dân chúng

- Thưa Thống Đốc, chỉ có cách đó mới có đầy đủ nguyện vọng của các tầng lớp dân chúng, đưa lên Đông Dương đại hội.

Rivoal rất lo ngại vì hắn đã được cơ quan an ninh báo cáo rằng :



Toàn quyền PIERRE PASQUIER

"Những Ủy ban Hành động mà mọc lên ở khắp nơi thì sự an ninh không thể bảo đảm nổi..."

RIVOAL HĂM DỌA TRƯỚC...

Nhưng Rivoal cũng rất khó xử vì đây là do lệnh của chánh phủ Mặt Trận Bình Dân ở Pháp. Hơn thế nữa trong Ủy Ban cũng có cả các ông trong Hội Đồng Quản Hạt...

Rivoal bằng lòng một cách miễn cưỡng.

Tuy, vậy, các Ủy Ban ở các Xã, Tổng, Quận , Tỉnh vẫn luôn luôn gặp sự khó dễ... của mật thám, sen đầm.v.v... nên Ủy ban Trung Ương cứ ra vào dinh Thống Đốc khiếu nại không biết bao nhiêu lần.

KHỞI SỰ ĐÀN ÁP...

Ủy Ban Lâm Thời tổ chức Đông Dương Đại hội thấy chánh quyền khắp nơi bắt bớ giam

cấm, giải tán, lấy biểu ngữ xuống... nên họp khẩn cấp để đối phó...

Trong buổi họp, nhiều người trong Ủy Ban đưa ra ý kiến là chánh quyền thuộc địa không thành thật nên cần phải cử đại diện qua chánh quốc để vận động mới mong có kết quả...

Ủy Ban đồng ý gởi người qua Pháp...

CỬ ĐẠI DIỆN SANG PHÁP

Sau nhiều đêm hội họp, Ủy Ban đồng ý cử Dương Bạch Mai sang Pháp.

Trong khi chờ đợi kết quả của sự vận động ở Pháp thì tại Saigon, chánh quyền thực dân khủng bố triệt để. Nhiều Ủy ban Hành động bị uy hiếp...

BỌN PHẢN ĐỘNG THOÁT LY

Pagès sang thay Rivoal làm Thống Đốc Nam Kỳ đã ra lệnh cho bọn Trần Văn Khá và các Hội Đồng Lập Hiến ly khai Đông Dương đại hội trước và đứng ra tổ chức một Đông Dương đại hội khác mệnh danh là "Assemblée Consultative Des Élus Cochinchinois" tại nhà Hát Tây (trụ sở Hạ Viện ngày nay).

Đốc Phủ Lê Quang Liêm làm chủ tịch.

Pagès ra lệnh cho các Tỉnh Trưởng gởi các ông Hội - Đồng địa hạt, Hương chức làng ở các tỉnh lên Saigon họp !.

THỰC DÂN PHÁP CŨNG TỔ CHỨC ĐÔNG DƯƠNG ĐẠI HỘI

Theo lệnh Pagès thì Trần - Văn - Khá và nội bọn phải tổ chức Đại Hội trong một tuần lễ... để thông qua một "Tập nguyện vọng của toàn dân"... do bọn phản động này đã soạn sẵn.

Trong hội trường Nhà Hát Tây, cả trăm người đang "họp" thì bỗng dưng có truyền đơn từ trên lầu ném xuống công kích thậm tệ cái "Hội nghị dân biểu" bù nhìn này...

Lập tức tên Chánh mật thám ra lệnh cho tất cả nhân viên lên lầu để ruồng bắt thủ phạm... Nhưng chẳng bao giờ chúng bắt được cả (1).

Bọn này bỏ qua vụ truyền đơn và hội nghị tiếp tục nhóm...

Hương chức làng, Thầy Cai, Thầy Phó, Hội Đồng Địa Hạt, Hội Đồng Quản Hạt, mọi cấp bậc có một nguyện vọng, góp lại thành một tập...

Đốc Phủ Lê Quang Liêm tự Bảy đọc từ "nguyện vọng" một, để rồi hội nghị dơ tay tán thành. Thế là xong !

Trước khi hội nghị bế mạc, Đốc Phủ Liêm đọc lên một bức điện tín gởi cho Moutet, Tổng Trưởng Thuộc địa, để mọi người... đồng ý !

Nội dung bức điện tín như sau :

"Nhân danh chủ tịch hội nghị, chúng tôi rất cảm ơn lòng tốt của nước Pháp, của Chánh Phủ Mặt Trận Bình Dân, cho phép chúng tôi gom góp tất cả nguyện vọng của toàn dân.

"Để bày tỏ lòng trung thành, chúng tôi xin chánh phủ Pháp lưu ý đến những nguyện vọng của chúng tôi, lúc nào cũng muốn hợp tác chặt chẽ với Pháp"

Ai cũng ngạc nhiên tự hỏi với một thời gian là một tuần lễ, làm sao có đầy đủ một tập nguyện vọng như vậy ?

Thì ra đó là tập nguyện vọng năm 1931, mà nhóm Lập Hiến Nam Kỳ đưa cho Paul Reynaud, Tổng Trưởng thuộc địa lúc bấy giờ, nhân dịp tên này sang Đông Dương.

Nay bổn cũ soạn lại đưa cho Chánh Phủ Mặt Trận Bình Dân, để rồi nó được nằm yên ở Văn Khố Paris.

"Hội Nghị" họp xong, Thống Đốc Pagès quay ra đàn áp phong trào Đông Dương đại hội (trước) - Chúng có lý do để làm việc này.

Pagès ra lệnh giải tán Ủy Ban Lâm Thời tổ chức Đông Dương đại hội, giải tán Ủy Ban Hành động ở các tỉnh...

---

(1) Theo Nguyễn-Kỳ-Nam trong cuốn "hồi ký 1924 – 1964" thì do nữ Ký-Giả kiêm Thi-sỹ Nguyễn-Thị-Kim rải.

Tưởng cũng cần nói thêm là trước khi "Hội nghị dân biểu" họp thì mấy người trong Hội Đồng Quản Hạt ra tuyên bố ly khai với nhóm "La Lutte".

ĐÔNG DƯƠNG ĐẠI HỘI (TRƯỚC) TIẾP TỤC

Bọn phản động Lê Quang Liêm tức Bảy, Trương Văn Bền, Võ Hà Tri, Thương Công Thuấn và Trần Văn Khá ly khai đứng ra tổ chức một "đại hội riêng" (theo lệnh quan thầy Pagès) là một "tiếng sét" đối với Ủy Ban Lâm thời tổ chức Đông Dương đại hội.

Tuy vậy đêm 14/9/1936, Nguyễn Phan Long (1 trong 6 người trong Hội Đồng Quản Hạt của đảng Lập Hiến ở lại) liền triệu tập một phiên họp của Ủy Ban Lâm Thời, để báo cáo tình hình khẩn trương.

Tất cả 30/35 người đều có mặt (5 người vắng mặt là mấy tên ly khai nói trên) ở ngoài trụ sở (đường Lagrandière - Gia Long bây giờ), hàng ngàn người thuộc các Ủy Ban Hành động ở Saigon - Chợ Lớn, Bà Chiểu, Hóc Môn, Phú Lâm đến để nghe tin tức...

Mở đầu Nguyễn Phan Long cho biết sự ly khai của bọn phản động và loan báo các âm mưu đàn áp sắp đến của bọn thực dân như sẽ cấm tụ họp cấm biểu tình từ ngày 15/9/1936...

Toàn thể hội trường dơ tay bầy tỏ lập trường là cứ tiếp tục xúc tiến tổ chức Đông Dương đại hội... Trong khi đó thì "xe cây" sen đầm, mật thám đã sẵn sàng, nhưng chúng không làm gì và để cho Ủy Ban Lâm Thời ra về...

THỰC DÂN PHÁP THẲNG TAY ĐÀN ÁP

Bọn mật vụ để cho các Ông trong Ủy Ban Lâm Thời ra về cả rồi. Đến nửa đêm, Pagès ra lệnh "hạ" bảng Đông Dương Đại Hội và "tỉa" dần từng người trong Ủy ban một...

Tên cò Colteloni đến cửa hàng Fabrinat (lúc đó là nhà riêng của Thâu) bắt Thâu rồi đi thẳng lên Hóc Môn, kiếm bắt Nguyễn An Ninh.

Các Ủy ban ở các nơi đều bị đàn áp triệt để. Hàng ngàn người bị bắt, bị tra tấn...

Bọn "bồi bút" trong báo "La Tribune Indochinoise" của Bùi Quang Chiêu bênh vực chủ của chúng (tất nhiên là thực dân Pháp rồi) tấn công nhóm "La Lutte", cho rằng nhóm này gây rối làm cho vô sản bị khủng bố, v.v...

Phong trào "Đại Hội Đông Dương" không còn nữa.

VẬN ĐỘNG Ở PHÁP

Về phía Dương Bạch Mai đi vận động ở Paris... làm cho mọi người hy vọng...

Nhưng Mai không đem lại kết qủa gì...

Đảng Cộng sản Pháp không giúp "đồng chí" Dương Bạch Mai, dầu là một sự can thiệp nhỏ...

Bởi vậy Moutet cũng chẳng can thiệp với chánh quyền thuộc địa ở Đông Dương, mà cũng chẳng cử phái đoàn điều tra sang Đông Dương, như đã vạch ra trong chương trình !

Thì ra là đảng Xã Hội cũng như Đảng Cộng Sản Pháp chưa muốn giải phóng các thuộc địa !

Đã thế, vì sợ công luận Pháp bất bình, Đảng Cộng Sản Nga còn ra lệnh cho Đảng Cộng Sản Đông Dương, thôi không được ngấm ngầm giựt giây nữa, để cho "Đông Dương Đại Hội" chết luôn. !



2. — Mặt trận Dân Chủ Đông-Dương

Thi hành lệnh của Quốc-Tế Cộng Sản trong kỳ Đại-hội lần thứ 7 tại Moscou (mà LÊ HỒNG PHONG là đại biểu của Việt-Cộng - Xin xem phần đầu của chương này) và sau khi Mặt trận Bình dân ở Pháp lên cầm quyền, Trung-Ương Đảng Cộng-Sản Đông-Dương họp đại-hội lần thứ nhất vào mùa hè năm 1936, đã quyết định phải núp dưới một cái tên khác để dễ bề hoạt động : khai sinh ra MẶT TRẬN NHÂN DÂN PHẢN ĐẾ (khác với Mặt Trận phản đế Đồng-Minh 1930 - Vì Mặt Trận này chỉ có danh mà không có thực nên không được

đề cập ở đây) sau đổi là MẶT TRẬN THỐNG NHẤT DÂN CHỦ, gọi tắt là MẶT TRẬN DÂN CHỦ ĐÔNG DƯƠNG, tạm thời không nêu khẩu hiệu "đánh đổ đế quốc Pháp" và khẩu hiệu "tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày", hô hào đòi quyền tự do dân chủ, cải thiện dân sinh và sửa đổi hình thức hoạt động nửa hợp pháp nửa bất hợp pháp (1), để "hòa hiệp với cuộc đấu tranh ở chánh quốc vừ vừ đang lên" (2). Trong chương trình làm việc của Chánh-phủ, Mặt Trận bình dân có việc cử phái đoàn đi các thuộc địa, để điều tra tình hình và thâu thập nguyện vọng (3). Đảng Cộng Sản bèn lợi dụng cơ hội này phát động quần chúng, tổ chức các buổi diễn thuyết, hô hào bày tỏ nguyện vọng. Do đó trong hàng trăm Ủy-ban lâm thời tổ-chức Đông-Dương đại-hội (để bày tỏ nguyện vọng với chánh quốc Pháp), đều có cán-bộ Cộng-Sản chui vào.

Trước cao trào "dâng nguyện vọng" lan tràn khắp Trung, Nam Bắc, bọn thống trị Pháp ra sức phá hoại và đàn áp trong trào...

Ủy-ban lâm thời tổ chức Đông-Dương đại hội thấy chánh quyền thực dân đàn áp, bèn họp khẩn để cử đại biểu sang tận chánh quốc Pháp để tranh đấu... Kết qủa một Đảng viên Cộng-sản đệ tam là Dương-Bạch-Mai được cử đi..... Nhưng Mai đi không lại về không ! Là bởi vì, một mặt Đảng Xã-hội cũng như Đảng Cộng-Sản Pháp chưa muốn giải phóng thuộc địa, và mặt khác Nga-Sô sợ công-luận Pháp bất bình đã ra lịnh cho Cộng-Sản Việt-Nam thôi không được cổ xúy độc lập nữa; trong khi bọn thực dân Pháp ở Đông-Dương cũng cho tay sai tổ-chức "Đông-Dương đại hội" với những đại biểu bù nhìn, để đưa ra một bản dân nguyện giả trá, hầu đánh lừa dư-luận và chúng có cớ để đàn áp.

Kết qủa là phái đoàn điều tra chánh quốc cũng không sang Đông-Dương và Đông-Dương đại hội tan rã...(4).

Cho đến khi Mặt Trận Bình-Dân bên Pháp đổ, bọn thực dân ở Việt-Nam ra sức đàn áp tất cả các phe (đệ tam, đệ tứ v.v....). Đảng Cộng-sản Đông-Dương bèn ra chỉ thị cho các cơ quan hoạt động hợp pháp hay bán hợp pháp phải "rút lẹ vào bí mật" vì thế các "hạt nhân" Cộng-sản đã được bảo tồn... trong khi phe đệ tứ bị chết chìm...... mãi đến năm 1945 mới ngoi lên được một thời gian....

Kiểm điểm lại trong thời kỳ "Mặt Trận Dân-chủ" (1936-1939); người ta thấy Cộng-Sản Việt-Nam đã :

Lợi dụng thời kỳ hoạt động "hợp pháp" (thời kỳ Mặt Trận Bình-Dân bên Pháp và phong trào Đông-Dương đại hội) để phát triển mạnh, tổ chức thêm nhiều cơ sở, kết nạp nhiều đảng viên mới.

- Thành lập các "hội", các Công-Hội Nông-hội, Hội Ái-Hữu, bỏ tên Thanh-niên Cộng Sản đoàn, lập đoàn Thanh-niên Dân-chủ Đông-Dương, đổi Hội Cứu tế đỏ thành hội Cứu tế Bình-dân...

- Dùng cái hợp pháp (mà từ trước chúng chưa từng có) để hoạt động bất hợp pháp, dùng cái công khai để hoạt động bí mật, ngược lại dùng cái bí mật để lãnh đạo cái công khai.....

- Đã dùng mọi thủ đoạn để tiêu diệt nhóm đệ tứ.

Tóm lại trong thời kỳ này (1936-1939) đảng Cộng-sản Đông-Dương đã tiến được những bước tiến dài và tuy sau này có bị đứt đoạn (tháng 9/1939- chiến tranh Pháp - Đức bùng nổ), phong trào công khai bị hạ màn, nhưng nó đã reo rắc nhiều "hạt nhân" Cộng-sản, chỉ chờ cơ hội lại ngoi đầu dậy......



3.— Việt-Nam Phục-Quốc Hội.

Năm 1937 cuộc Trung - Nhật chiến tranh bùng nổ, thế giới đang có nhiều biến chuyển...

---

(1) Trích 35 năm tranh đấu của Đảng (Cộng-Sản).

(2) Trích lịch-sử 80 năm chống Pháp của TRẦN-HUY-LIỆU quyển II tập thượng.

(3) Xin xem mục "NHỮNG NGÀY ĐẦU CỦA MẶT TRẬN BÌNH DÂN" ở trên.

(4) Sau vụ này — Vụ Nga ra lệnh cho Cộng-Sản Việt-Nam thôi không được cổ xúy độc-lập nữa, Đảng Cộng-Sản mất khá nhiều tín nhiệm trong dân chúng, trong khi phe đệ tứ chủ trương độc-lập, nên đã phát triển mạnh mẽ và đã chiếm được 80% số phiếu trong cuộc bầu cử Hội-Đồng thành phố Saigon năm 1939.

Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Để muốn tập hợp và chỉnh đốn lại Việt-Nam Quang-Phục-Hội đã bị tan rã từ lâu...

Nhưng mãi đến ngày 12/3/1939, Kỳ-Ngoại Hầu mới từ Đông-Kinh sang Thượng-Hải để triệu tập các đồng-chí ở các nơi đến, cùng tiến hành việc cải tổ Việt-Nam Quang-Phục Hội dưới một tên khác : VIỆT NAM PHỤC-QUỐC ĐỒNG MINH HỘI để cho thích hợp với tình thế.....

Vì sau hai lần thất bại, lần này Phục-Quốc Đồng-Minh-Hội đã có những kinh-nghiệm và chuẩn bị già dặn và chu đáo hơn.....

Chương trình của phục quốc do đích thân Kỳ-ngoại-Hầu Cường-Để soạn thảo, mang ra thảo luận, sửa đổi một vài chi tiết và ban hành.....

Và cuộc hội-nghị đã bầu ra một ủy-ban chỉ đạo gồm có :

- Ủy-Viên Trưởng VNPQĐMH : Cường Để
- Ngoại-Vụ : Trần-Hy-Thánh
- Tổ-chức : Vũ Hải Thu
- Tuyên-Truyền : Trương Anh Mẫn
- Huấn-Luyện : Hồ Học Lãm
- Tài-Chánh : Trần-Hữu-Công
- Điều-Tra : Hoàng-Nam-Hùng
- Tổng Thư-Ký : Đặng-Nguyên-Hùng

Khi mọi việc đã sắp đặt xong, Phục Quốc phải tìm cách tuyên truyền để gây ảnh hưởng thân Nhật ở Việt-Nam - Vì lúc bấy giờ thực dân Pháp hết sức tiến hành chính sách thân Tưởng-Giới-Thạch chống Nhật..... Kết qủa là một ban Việt Ngữ được thành lập trong hệ thống vô tuyến truyền thanh Nhật.....

Ngày 12/8/1940, Việt-Nam Phục-Quốc Đồng-Minh Hội cử Trần-Hy-Thánh làm Đại biểu, trú tại Quảng-Đông, trực tiếp giao thiệp với quân Nhật ở miền Nam Trung-Hoa, để tiến hành công việc ở mặt này cho tiện.....

Tháng 9/1940, khi quân Nhật sắp từ biên giới Quảng-Tây tiến vào Đồng-Đăng và Lạng-Sơn, có giúp cho Trần-Hy-Thánh tổ-chức Việt-Nam Kiến Quốc Quân. Trần-Hy-Thánh đưa Trần Trung-Lập và Hoàng-Lương (tức Mạnh-Lương) từ Quảng Châu sang Quảng-Tây để chỉ-huy số quân sĩ này. Trần Trung Lập làm Tổng Tư Lệnh, Hoàng-Lương làm Tư-Lệnh Phó, mỗi người chỉ-huy một đạo quân.

Ngày 22/9/1940 Kiến Quốc Quân cùng quân Nhật đánh vào Đồng Đăng, Lạng Sơn và các nơi lân cận như Thất Khê, Lục Bình, Diêm Hệ.v.v... khắp nước đều biết và vui mừng,thực dân Pháp lo sợ.

Nhưng thực dân Pháp đã gian manh lo chia xẻ quyền lợi cho thực dân Nhật, nên Nhật bảo Trần-hy-Thánh "nên ra lệnh ngay cho Kiến-Quốc-Quân lui sang Tàu đi, không thì khi Pháp xuất quân đánh dẹp, quân Nhật không giúp được đâu, vì Pháp đã ký hiệp ước với Nhật rồi".

Xong Nhật cho Đại-Tá NAKAI cùng Trần-Hy-Thánh từ Hà-Nội đi xe hơi lên Lạng-Sơn tìm Trần-Trung-Lập và Hoàng-Lương bảo triệt binh....

Hoàng-Lương nghe lời rút ngay sang mạn Quảng-Tây, Trần-Trung-Lập nhất quyết sống chết với Pháp.

Kết quả ngày 26/12/1940, Ông Trần-Trung Lập thua trận Lục-Bình và hy sinh, quân sỹ một số chết, một số bị bắt, chỉ có một số nhỏ thoát sang Tàu.

Kế hoạch quân sự của Phục Quốc tuy vậy chỉ gây được "tiếng vang thân Nhật" và sau khi bị thực dân cấu kết với quân phiệt Nhật đàn áp, thì nó chỉ còn thoi thóp thở.... Cho đến ngày quân Tàu vào tước khí giới quân Nhật, từ vĩ tuyến 16 trở ra, bùng lên được một dạo rồi... lịm dần....



4.– Mặt Trận Dân-Tộc Thống-Nhất chống Phát-Xít.

Thế giới đại chiến lần thứ hai bùng nổ, Đảng cộng-sản Đông-Dương bèn trỗi dậy... Trong hội nghị lần thứ 6 của Trung Ương Đảng họp vào tháng 11-1939, sau khi nhận xét tình hình, đã nhấn mạnh đến nhiệm-vụ hàng đầu của

Đảng trong thời kỳ chiến tranh là giải phóng dân tộc, vì "bước đường sinh tồn của dân tộc Đông-Dương không có còn con đường nào khác là đấu tranh đánh đổ đế quốc Pháp, đánh đổ tất cả mọi ách ngoại xâm vô luận là da trắng hay da vàng" (1) và quyết định :

- Thành lập MẶT TRẬN THỐNG NHẤT DÂN TỘC PHẢN ĐẾ ĐÔNG DƯƠNG.

-Tạm thời rút khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, chủ trương "tịch ký ruộng đất của những địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc" thay khẩu hiệu "chính quyền công nông" bằng khẩu hiệu "Chính Phủ Cộng-Hòa Dân chủ Đông-Dương"...

- Củng cố Đảng về mọi mặt làm cho toàn Đảng thống nhất ý chí và hành động.

- Đẩy mạnh các hoạt động võ trang.

Kế hoạch đề ra, Đảng cộng sản Đông Dương đang ra sức thực hiện chủ trương mới thì tình hình thế giới và Việt Nam có nhiều biến chuyển dồn dập có lợi cho các hoạt động của Đảng:

Ngày 14/6/1940. Paris bị thất thủ và nước Pháp bị quân Đức tràn ngập...

Ngày 19/6/1940, Đại sứ Pháp ở Nhật chuyển cho Toàn Quyền Đông Dương là Catroux lời yêu cầu của Nhật đóng cửa biên giới Việt-Nam - Trung Hoa và đặt nhân viên Nhật kiểm soát; hẹn chiều hôm sau, 20/6/1940, phải trả lời.

Vì bấy giờ mọi cơ quan ở chánh quốc đều tan rã, chánh phủ Pétain đang lo dời từ Bordeaux đến Vichy nên Hànội bị gián đoạn liên lạc. Toàn quyền Catroux đành chấp thuận lời yêu cầu của Nhật, rồi hôm sau mới báo về chánh quốc. Bộ-Trưởng Thuộc địa khiển trách Catroux và ngày 25/6/1940 cách chức Ông này, cử Đề-Đốc Decoux thay thế.

Ngày 22/9/1940, quân Nhật đã tràn qua biên thùy Hoa Việt đánh chiếm Lạng Sơn, quân Pháp thua chạy qua châu Bắc-Sơn...

Nhân dịp này Phục-Quốc-Quân (thân Nhật) do Ông TRẦN-TRUNG-LẬP lãnh đạo, kéo cờ phục quốc, kêu gọi thanh-niên và binh sĩ Việt trong hàng ngũ quân đội Pháp, nổi lên giết Pháp, chiếm Lạng-sơn, thành lập "chính-phủ" (được 1 tháng 12 ngày) v.v... Công việc tiếp diễn thì Pháp nhượng cho Nhật nhiều quyền lợi, nên Nhật bỏ rơi nhóm Phục-Quốc Quân, kết quả là Phục Quốc-Quân bị cô lập và không đương đầu nổi với quân Pháp nên bị tan rã, Ông TRẦN TRUNG LẬP hy sinh, một số nhỏ chạy thoát sang Tàu (2), như đã nói trong mục "Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội."

Lợi dụng các biến chuyển nói trên, đảng Cộng Sản Đông-Dương đã :

- Lãnh đạo nhân dân Bắc-Sơn khởi nghĩa (ngày 27/9/1940) nêu khẩu hiệu chống đế quốc Pháp - Nhật, chặn đánh và tiêu diệt tàn quân Pháp ở Lạng-Sơn chạy qua Châu này. Cuộc khởi nghĩa đang tiếp diễn thì, cũng như Trần-Trung-Lập, Pháp - Nhật thỏa hiệp với nhau để cho Pháp rảnh tay đàn áp, quân khởi-nghĩa rút vào rừng, thành lập đội du kích đầu tiên ở Việt-Nam (3) sau phát triển thành Việt-Nam cứu quốc quân.....

- Họp hội-nghị Trung-ương lần thứ 7 vào tháng 11/1940 đã :

* Quyết định đổi tên MẶT TRẬN THỐNG NHẤT DÂN-TỘC PHẢN ĐẾ ĐÔNG DƯƠNG thành MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT CHỐNG PHÁT XÍT NHẬT - PHÁP.

* Khẳng định chủ trương tạm rút khẩu hiệu "tịch thâu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày" của Hội Nghị Trung-ương lần thứ 6 là đúng.....

* Đẩy ông Đội Cung một cảm tình viên của "Mặt Trận" ở đồn chợ Rạng nổi dậy đánh chiếm đồn này và đột nhập đồn Đô-Lương (cách xa Chợ Rạng 15 cây số), giết tên Đồn Trưởng

---

(1) Trích Nghị quyết hội nghị lần thứ 6 của Trung-Ương đảng Cộng-Sản Đông-Dương tháng 11 - 1939.

(2) Sau khi Nhật tràn vào VN, một số Đảng, Đoàn thể, Tôn Giáo thân Nhật, được Nhật che chở, đã được thành lập hay phát triển v.v... Vì vậy (lý do thân Nhật hay được Nhật che chở) chúng tôi sẽ nói trong Chương Nhật tràn vào VN và cuộc đảo chánh ngày 9-3-1945 ở dưới.

(3) Đội du kích này cũng như đội VN tuyên truyền giải phóng quân v.v..sau này chỉ có một số là đảng viên Cộng-Sản, còn đa số là những người yêu nước bị lợi dụng ...



ĐỘI - CUNG

Pháp, chiếm đồn, rồi mưu đánh chiếm Nghệ-An nhưng bị thất bại, Cung bị bắt và bị xử tử.

Tuy các cuộc khởi nghĩa và nổi dậy từ Bắc-Sơn đến Đô-Lương và Nam-Kỳ (do Cộng-sản chủ trương hay giựt giây), đều bị thất bại nhưng đảng Cộng Sản Đông-Dương đã lôi cuốn được các tầng lớp "đứng giữa" ngả theo chúng.



5.— Mặt trận Việt-Minh.

Đã từ lâu, các phần tử cách mạng Việt-Nam, mỗi khi bị thất bại hay bị lộ thường chạy qua Tàu, nhất là tại Vân Nam, Quảng Châu, Nam-Ninh v.v... Người ta thấy có đủ các đảng viên các đảng như Phục Quốc Hội, Việt-Nam Quốc Dân Đảng, Đại-Việt Dân-Chánh v.v.... và một vài lãnh tụ có uy tín như NGUYỄN HẢI THẦN, LÝ ĐÔNG A, TRƯƠNG BỘI CÔNG, v.v.... Ngoài ra còn một số Đảng viên Đông Dương Cộng-sản đảng do NGUYỄN ÁI QUỐC lãnh đạo. Lúc bấy giờ nhà cầm quyền Trung-Hoa Quốc Dân đảng nhất là Tướng Tỉnh Trưởng Quảng-Tây là TRƯƠNG PHÁT KHUÊ (1) cũng muốn có một lực lượng quấy rối ở phía Nam, để làm giảm áp lực của Nhật trên đất Tàu, bèn lợi dụng sự hiện diện của các phần tử nói trên, để làm một thứ "hầm sung" cho mình (mà thực ra họ cũng chẳng ân nghĩa gì cả) nên đã :

- Trợ cấp tiền bạc và lương thực cho họ.

- Tuyển chọn một số cho theo học tại các trường Võ-bị và gia nhập Quân-đội.

Mặt khác, NGUYỄN - ÁI - QUỐC vừa ở MOSCOU trở lại Hoa-Nam với các chỉ thị mới (của Đệ-tam quốc-tế) liền triệu tập Trung-ương đảng bộ, để thông qua chính sách "MẶT TRẬN LIÊN HIỆP" và thành lập một MẶT TRẬN (Mặt trận Việt-Nam độc lập Đồng-Minh - sẽ nói ngay ở dưới đây) hầu hợp nhất người Việt thuộc mọi giai cấp, thành phần, phe phái, đoàn thể quốc gia..., để chống Pháp Nhật và thành lập một Cộng-hòa Độc lập Dân chủ tự do hậu chiến......

Do đó vào tháng 5/1941, dưới sự bảo trợ của Tướng lãnh Quốc Dân-Đảng Trung-Hoa nói trên, một hội-nghị đã được triệu tập tại Quảng Tây, gồm đủ mọi thành phần quốc gia và nhiều tổ chức cứu quốc khác...Kết quả là một mặt trận ra đời lấy tên là MẶT TRẬN VIỆT NAM ĐỘC LẬP ĐỒNG MINH HỘI gọi tắt là VIỆT MINH, do NGUYỄN ÁI QUỐC lãnh đạo, trong đó Cộng-sản vừa là thành phần vừa là nòng cốt.

Đến ngày 8/9/1941, Mặt Trận Việt-Minh tung ra một bản hiệu triệu với mục đích chiêu dụ các đảng phái và phần tử quốc gia còn lại khác, kết hợp với Việt-Minh (tất nhiên tông tích cộng-sản vẫn được che dấu), để diệt phát xít chống thực dân...

Tuy vậy, sang đầu năm 1942, vì NGUYỄN ÁI QUỐC không thể thoát khỏi mắt của Trùng-Khánh, họ biết Quốc là một lãnh tụ cộng sản quan trọng nên bắt giam.



6.— Việt - Nam Cách - Mệnh Đồng - Minh Hội.

Cũng năm 1942 một hội-nghị thứ hai lại được Tướng TRƯƠNG PHÁT KHUÊ bảo trợ, mở tại Liễu-Châu (Ngày 4/10/1942), với mục đích hoàn thành một ủy ban cách mạng thống nhất và là một bước để tiến tới một "chính

(1) Người ta được biết Khuê trước đã cùng Nguyễn-Ái-Quốc, tức Hồ-Chí-Minh sau này phục-vụ trong phái bộ Borodine xin xem mục "VN Thanh-Niên Cách Mạng Đồng" ở trên.

phủ" lưu vong, dập khuôn theo kiểu các chính phủ lưu vong bên Âu-Châu trong thời bấy giờ. Tất cả các đảng và đoàn thể có xu hướng quốc gia như Việt-Nam quốc Dân-Đảng, Việt-Nam Phục-Quốc... trừ có Cộng-sản không được mời, nhưng người ta lại mời đại biểu của Việt-Minh (1). Dưới sự che chở và áp lực của Trung-Hoa, một mặt trận được thành lập lấy tên là VIỆT-NAM CÁCH MỆNH ĐỒNG MINH HỘI, gọi tắt là ĐỒNG MINH HỘI với thành phần đa số là Việt Nam Quốc Dân-Đảng, dưới sự lãnh đạo của Ông NGUYỄN HẢI THẦN, người đã sang Trung-Hoa từ năm 1908 và là một tướng lãnh của quân đội Tàu.

Tuy vậy, sự kết hợp đó chỉ được có vài tháng. Mỗi ngày các đảng và đoàn thể đều thất vọng trước sự bất lực của Ông NGUYỄN HẢI THẦN. Để tỏ lòng đoàn kết và hàn gắn các đổ vỡ, đầu năm 1943, Ông NGUYỄN HẢI THẦN, được Tướng TRƯƠNG PHÁT KHUÊ hỗ trợ, đã can thiệp với Trùng-Khánh để xin thả NGUYỄN ÁI QUỐC. QUỐC được tha, KHUÊ lại giới thiệu Quốc với Trùng-Khánh với một tên khác là HỒ CHÍ MINH (1) để lo tổ chức lại Mặt Trận Cách-Mạng Việt-Nam...



7. – Chánh-Phủ lâm thời.

Sau cùng, một hội nghị lần thứ ba lại được mở tại Liễu-Châu từ ngày 25 đến 28/3/1944. Mặc dầu giữa các nhóm chính trị có nhiều mâu thuẫn căn-bản (nhất là đối với cộng sản), nhưng dưới áp lực của TRƯƠNG PHÁT KHUÊ các nhóm đều phải chấp thuận quan điểm của TRUNG HOA.

Kết quả là các nhóm chính-trị đều thỏa thuận đứng trong Việt-Nam CÁCH MỆNH ĐỒNG MINH HỘI và một chính phủ Cộng-Hòa Lâm-thời được tổ chức (đa số không phải là Cộng-sản), Ông TRƯƠNG BỘI CÔNG được cử làm chủ tịch, các Ông NGUYỄN HẢI THẦN, VŨ HỒNG KHANH, TÙNG SƠN, BỒ XUÂN LUẬT, NGHIÊM KẾ TỔ và cả HỒ CHÍ MINH nữa đều được cử làm hội-viên.

Chương trình hoạt động của tân chính phủ là :

- Giải phóng Việt-Nam khỏi nanh vuốt Pháp - Nhật.

- Thực hiện nền độc lập Việt-Nam với sự giúp đỡ của Quốc-dân đảng Trung-Hoa.

Tuy nhiên tân chánh-phủ chưa có thực lực và lực lượng võ trang ở trong nước, trong khi Cộng-sản đã có cả một hệ-thống cán-bộ, cơ sở và các đơn vị du kích từ năm 1940 (năm quân Nhật tràn qua biên thùy Hoa-Việt), cho nên Cộng-sản bèn lợi dụng nhãn hiệu vừa nói trên, tung cán bộ về Việt-Bắc hoạt-động... phát triển cơ sở, tổ chức các đoàn thể cứu-quốc, thâu thập tin tức cho Đồng-Minh, quấy rối Nhật bằng chiến thuật du kích và tuyên truyền cho Mặt Trận Việt-Minh.....



8. – Nhưng Việt-Minh đi trước.

Trong khi chủ-tịch và các ủy-viên trong "chính phủ" (cộng hòa lâm thời nói trên) đang sống phè phỡn ở Vân-Nam và Quảng-Tây, thì HỒ CHÍ MINH và Việt Minh nhận định rằng vận mạng của Việt Nam sẽ định đoạt tại đất Việt-Nam và ai có mặt trước thì sẽ dành phần thắng... nên đã "tình nguyện" (với "chính phủ) về trước.

Đây là một giai đoạn rất thuận lợi cho Cộng-Sản (lại một dịp phát triển mạnh...), trái lại rất đau đớn cho người quốc gia (bị lu mờ), và Cộng-Sản đã có những bước quan trọng sau đây :

- Tháng 5/1944 Cộng-sản với danh nghĩa là Việt-Minh đã đặt xong kế hoạch tổng khởi nghĩa trong những ngày rối loạn, nhất là sau khi đại chiến chấm dứt...

- Ngày 22/12/1944 đã khai sinh ra "Đội Việt-Nam tuyên truyền giải phóng quân" tại một khu rừng giữa hai tổng TRẦN HƯNG ĐẠO và HOÀNG HOA THÁM - đến năm 1945, Việt-Minh đã tổ chức và huấn luyện xong 10.000 du kích quân.

---

(1) Tên cuối cùng của Quốc – Xin xem thêm ghi chú ở mục "Việt-Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội" ở trang 403.

Đến đêm 9/3/1945, Nhật đảo chánh Pháp (1), Việt-Minh trở tay không kịp trong việc lợi dụng cơ hội để khởi nghĩa, bèn vội vã triệu tập hội-nghị Thường vụ Trung-ương mở rộng, họp tại làng Đình-Bảng (Từ-Sơn Bắc-Ninh) (2) nhận định tình hình và sửa đổi kế hoạch như sau :

- Thay khẩu hiệu "đánh đuổi Pháp - Nhật bằng khẩu hiệu "đánh đuổi Phát-xít Nhật".

- Nêu khẩu hiệu "thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông-Dương chống chính quyền thân Nhật".

- Thay đổi mọi hình thức tuyên truyền, cổ động, tổ chức và đấu tranh cho thích hợp.

- Phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi-nghĩa và sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa một khi đã có đủ điều kiện..

- Đẩy mạnh chiến tranh du-kích và mở rộng địa bàn hoạt động của du-kích đã có từ trước ở Thái-Nguyên, Bắc-Cạn, Tuyên-Quang v.v... - Chính trong thời gian này cơ quan chiến lược của Hoa-Kỳ O.S.S. đã liên lạc và thả dù một số võ khí và quân dụng quan trọng cho Việt-Minh - không rõ họ (cơ quan O.S.S.) có biết rõ thực chất của chúng hay không ?.

- Ngày 16/4/1945, tổng bộ Việt-Minh ra lệnh cho các cán bộ tổ-chức "Ủy ban giải phóng", một hình thức "tiền chánh phủ", tại nơi các cấp xí-nghiệp, Xã, Huyện, Tỉnh, Thành, đặc biệt Khu Xứ, còn toàn quốc thì thành lập "Ủy ban dân tộc giải phóng" Việt-Nam...

Từ ngày 15 đến 20/4/1945, Việt-Minh lại họp hội nghị quân sự và quyết định :

- Phân chia các chiến khu (3).

- Thống nhất các lực lượng vũ trang - Việt-Nam cứu quốc quân, đội Việt-Nam tuyên truyền giải phóng quân và các tổ chức võ trang khác được tổ chức lại thành "Việt Nam Giải-Phóng Quân".

- Phát triển các đội tự vệ võ trang và tự vệ chiến đấu.

- Đẩy mạnh chiến tranh du kích hơn nữa.

- Mở trường quân chính chống Nhật.

Sau hội-nghị nói trên, những hoạt động quân sự ngày càng được mở rộng : võ trang tuyên truyền, ám sát các quan lại, tổng lý, thành lập chính quyền ở một số Xã và Tỉnh....

Cũng trong khoảng thời gian trên, thời gian từ sau khi Nhật đảo chánh, thì Miền Bắc và Bắc Trung-Bộ gặp nạn đói khủng khiếp giết hại khoảng 2.000.000 người và đe dọa hàng chục triệu người khác; đây cũng là cơ hội tốt cho các hoạt động của Việt-Minh, chúng liền đưa ra khẩu hiệu "phá kho thóc để giải quyết nạn đói", nên đã tập họp được đông đảo và nhanh chóng "Đội quân chánh trị quần chúng"... Chính "đội quân" này đã đóng một vai trò không nhỏ "giúp" Việt-Minh sau này ...

Ngày 4/6/1945 Việt-Minh thành lập "khu giải-phóng" gồm 6 tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang và Hà-Giang, ở các tỉnh này các Ủy ban Nhân-dân Cách-mạng đã được thành lập, những "tòa án nhân dân" được tổ chức và một vài chính sách của Việt-Minh được bắt đầu thi hành - bỏ thuế, lấy tài sản của Pháp - Nhật chia cho người nghèo v.v.... - Ban đầu thì nhân dân rất phấn khởi nhưng sau đó nhân dân đã hoàn toàn thất vọng, vì chỉ được một thời gian các thứ thuế lại được tái lập và ruộng đất đã chia lại bị thu hồi.....

Mặt khác, Việt-Minh gay gắt lên án các Đảng phái khác như Phục-Hội, Đại-Việt, Quốc Dân Đảng và đặc biệt là nhóm Đệ tứ ... bằng những lời lẽ dữ dằn như "... tin ở Nhật là tự sát, theo bọn Việt- gian thân Nhật là ăn phải nọc độc của bọn thú dữ Phù-tang ". Đồng thời lên án một số Đảng viên Việt-Minh chủ trương

---

(1) Xin xem chương "Nhật tràn vào VN và cuộc đảo chánh đêm 9-3-1945".

(2) Họp từ 9 đến 12-3-1945, có một số ủy viên không về được.

(3) Chiến Khu Lê-Lợi (Bắc Bộ)
– Hoàng-Hoa-Thám (Bắc Bộ)
– Quang Trung (Bắc Bộ)
– Trần-Hưng-Đạo (Bắc Bộ)
– Phan-Đình-Phùng (Trg-Bộ)
– Trưng - Trắc (Trg-Bộ)
– Nguyễn-Tri-Phương (Nam Bộ).

cải tổ chính phủ TRẦN TRỌNG KIM, hy vọng "giành độc lập" bằng con đường hòa bình, thương lượng với Nhật bằng cách thông qua chánh phủ thân Nhật mà ban hành hiến pháp quân chủ lập-hiến .

Ngày 1/7/1945 Việt-Minh kêu gọi lật đổ Nhật và Bảo-Đại, thành lập nền Cộng-Hòa....

Vì Việt-Minh nhận thấy không thể một lúc đánh cả phe quốc gia, được Quốc dân Đảng Trung-Hoa hậu thuẫn, lẫn Pháp, chúng bèn đề nghị hợp tác với phe De Gaulle, để có thì giờ "tỉa" phe quốc gia trước, nhưng Pháp phần thì biết rõ âm mưu của Việt-Minh, phần khác thì họ (Pháp) vẫn có hậu ý nên bác bỏ....

Ngày 6/8/1945, sau khi quả bom nguyên tử đầu tiên rơi xuống đất Nhật, Việt-Minh bèn cướp thời cơ và gấp rút triệu tập đại hội Trung-ương Đảng (vào ngày hôm sau 7/8/1945) tại Tân trào, Sơn Dương, Tuyên Quang, để duyệt xét tình hình và quyết định triệu tập "Hội nghị toàn quốc của đảng" và "Quốc dân đại-hội" - mọi liên hệ với "chính phủ" lâm thời do Trương ...át Khuê bảo trợ hồi tháng 3/1944 và do Ông Trương Bội Công lãnh đạo (đã nói trên) đều bị cắt đứt, kế hoạch để tiến tới chế độ Dân chủ Cộng-hòa được công bố...

Ngày 13/8/1945, Hội-nghị toàn quốc của đảng được triệu tập tại Tân-trào, gồm đại biểu các đảng bộ trong và ngoài nước, đã quyết định tổng khởi nghĩa và nhấn mạnh :

- Tập trung lực lượng vào những nơi quan trọng.
- Dùng quân sự và chánh trị phối hợp.
- Làm tan rã tinh thần quân địch và dụ hàng trước khi đánh.

Ngay đêm 13/8/1945 Ủy ban khởi nghĩa do Tổng Bộ Việt-Minh thành lập ra quân lệnh số 1 :

"Giờ tổng khởi nghĩa đã đánh !"....

Ngày 16/8/1945 "Quốc dân Đại-Hội" cũng được triệu tập ở Tân-trào và gồm 60 (trong số 100 người được mời) đại biểu của các đảng phái chánh trị, các đoàn thể, các sắc tộc, các tôn giáo bao gồm đại biểu Trung, Nam, Bắc và Việt-Kiều ở nước ngoài về... - lúc này nhiều người vẫn chưa biết thực chất của Việt-Minh.

Đại hội "thông qua" đường lối của Việt-Minh và cử ra "Ủy Ban dân tộc giải phóng Việt-Nam" tức là "chính phủ" lâm thời sau này (công bố ngày 2/9/1945), do HỒ CHÍ MINH lãnh đạo.

HỒ CHÍ MINH bây giờ mới ra mắt "đại-hội" và kêu gọi quốc dân... "Tiến lên ! dưới lá cờ Việt-Minh"...

Lúc này, Việt-Nam giải phóng quân xuất phát từ Tân-trào, tiến đánh thị-xã Thái-nguyên. Trong các ngày 14 và 15/8/1945 nhiều đồn của Nhật bị hạ. Cũng ngày 14/8/1945 nông dân Quảng-Ngãi bắt đầu khởi-nghĩa. Ngày 17/8/1945 nhân dân Hà-Tĩnh khởi nghĩa. Ngày 18/8/1945 nhân dân Bắc-Giang, Quảng Nam cũng khởi nghĩa.

Ngày 17/8/1945, Việt-Minh đã biến cuộc mít tinh do Tổng-hội Công-chức tổ chức, nhằm ủng hộ chánh-phủ TRẦN TRỌNG-KIM thành cuộc mít tinh ủng hộ Mặt Trận Việt-Minh !

Ngày 19/8/1945, Việt-Minh chiếm các Công sở và treo cờ ở Hànội. Lợi dụng cảnh hỗn loạn, các đội ám sát Việt-Minh thủ tiêu nhiều đối thủ quốc gia "phản cách mạng" và "Việt-gian", đồng thời huy động tới 100.000 người ở Hànội và phụ cận (nhất là phụ cận), biểu tình để thị uy về sức mạnh (giả tạo) của Việt-Minh (vì trong toàn quốc lúc bấy giờ chúng chỉ có 5.000 đảng viên nhưng một số hãy còn bị giam). Như vậy là chánh quyền đã về tay chúng !

Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội và các nhóm Quốc gia khác đã bị ngỡ ngàng trước âm mưu cướp chính quyền đại qui mô của Việt-Minh. Bảo-đại đã cố gắng một cách vô vọng trong việc yêu cầu Việt-Minh lập chánh phủ trong khuôn khổ chế độ quân chủ.....

Ngày 23/8/1945, bị cưỡng ép khéo, Bảo-Đại phải thoái vị ở Huế trao quyền cho tân Chánh phủ Lâm thời và sau đó được cử làm "Cố vấn Tối cao" cho chánh phủ "Việt-Nam dân-chủ Cộng-Hòa" do HỒ CHÍ MINH tuyên cáo thành lập tại Hànội ngày 2/9/1945.

Tuy nhiên, Việt-Minh phải hành động một cách dè dặt, vì gần 200.000 quân sỹ Trung-

Hoa đến giải giới quân Nhật, đã ảnh hưởng mạnh mẽ ở Bắc-Kỳ, quân Pháp lại tái chiếm Nam-Kỳ. Người Tàu không muốn phục hồi chế độ Pháp thuộc, nên đã cho phép người Việt, kể cả Việt-Minh, giữ võ khí, còn Pháp lại bị giải giới cùng với Nhật, cờ Pháp cũng không được thượng lên trong lễ Nhật đầu hàng. Tuy vậy, Trung-Hoa không tin Việt-Minh, mà chỉ có cảm tình với các đảng phái quốc gia. Việt-Minh là một tổ chức mạnh mẽ song cán-bộ lại ít hơn phe quốc-gia (1) mà phần lớn (phe quốc gia) đều phản đối kịch liệt sự trở lại của Pháp. Nhóm đệ tứ tái hiện ở Nam và ở Bắc, tuy mạnh mẽ nhưng lại bị chia rẽ... Quốc dân đảng rút khỏi Đồng-Minh Hội, song cũng như Đồng-Minh-Hội, chiếm giữ một số căn cứ ở Bắc, đòi tham dự chính phủ...

Đứng trước nguy cơ nói trên, Việt-Minh bèn áp dụng thủ đoạn để giải giới và làm suy yếu phe quốc-gia đối lập. Tháng 11/1945 Việt-Minh giả vờ giải tán Đảng Cộng-Sản Đông-Dương và thành lập "Hội Nghiên Cứu Mác-Xít". Tuyển cử Quốc-Hội được tổ chức với 70 ghế dành cho Đồng-Minh-Hội và Quốc-Dân-Đảng. Các Ủy-ban nhân dân được mọc lên khắp nơi, thay thế guồng máy điều khiển truyền thống, cô lập hóa phe thượng lưu chống Cộng. Ve vãn nhân dân bằng cách rút ngắn giờ làm việc, xóa bỏ một số thuế và phát động một chương trình chống nạn mù chữ, đồng thời công bố bình đẳng tôn-giáo, tự do tín ngưỡng....

Quốc-hội 1/1946, hoàn toàn do Việt-Minh kiểm soát. Đa số cử-tri đi bỏ phiếu chỉ nghĩ đến Độc-lập và Dân-chủ, chứ không ủng hộ Cộng-sản, vì lẽ không một ứng cử viên nào tự nhận mình là Cộng-sản cả. Quân-đội Tàu đòi Hồ-Chí-Minh mở rộng chánh-phủ, do đó cụ NGUYỄN-HẢI-THẦN được cử giữ chức Phó Chủ-Tịch (làm vì), một số Bộ-Trưởng Cộng-sản rút lui, nhường chỗ cho phe quốc-gia; tuy vậy thực quyền vẫn nằm trong tay Việt-Minh. Đồng thời Việt-Minh phối hợp khủng bố và tuyên truyền để tiêu diệt đối lập, ám sát đội tiếp tục giết hại các lãnh tụ quốc-gia, "tòa án nhân dân" tiếp tục xử các nhân vật ưu tú địa phương, bị buộc tội là Việt-gian, phát xít hoặc hoạt động phản cách mạng. ĐỨC HUỲNH GIÁO CHỦ của Hòa-Hảo bị giết, Công-giáo bị tấn công, nên một số giáo khu đã tự động đứng ra tổ-chức tự-vệ. Các Đảng phái quốc-gia cũng tấn công Cộng-sản để trả đũa...

Trong khi đó, Pháp bắt đầu ngoi dậy tại miền Nam, nơi ảnh hưởng của Việt-Minh còn yếu. Khi chiến tranh chấm dứt, Cao-đài và Hòa-hảo trấn giữ những vùng riêng biệt, với lực lượng bán quân sự hùng hậu. Kết hợp với nhiều nhóm chánh trị khác, hai giáo phái này thành lập Mặt Trận Quốc-Gia Liên-Hiệp, hầu như nắm quyền chính. Ủy-ban Nam-bộ của Việt-Minh do Trần-Văn-Giàu điều khiển vận động Mặt Trận ủng hộ, song thất bại... Sự xung đột xảy ra giữa Việt-Minh và phe quốc-gia.....

Ngày 13/9/1945, Tướng Anh GRACEY cùng với quân sỹ Ấn-Độ đến Saigon, nói là để giải giới quân đội Nhật, nhưng thực ra tên thực dân này còn có nhiệm vụ cấp phát võ-khí cho quân sỹ Pháp bị Nhật cầm tù, để cho bọn này khiêu khích và tấn công cả hai phe Quốc-Cộng... Đại-Tướng LECLERC mang quân đổ bộ lên Saigon, để tiếp tay cho số quân sỹ Pháp nói trên...

Tháng 2/1946, quân Nhật bị giải giới, quân Anh-Ấn triệt thoái, tất các các thị-trấn thuộc bình-nguyên Cửu-Long Giang đều bị Pháp tái chiếm... Tuy vậy việc cai trị rất khó khăn, vì nhiều người đã bỏ theo kháng chiến.

Tại miền Bắc, quân đội Tàu đã ngăn cản việc quân đội Pháp trở lại. Mặt khác, Việt-Minh lại gia tăng kiểm soát nên Pháp phải nhượng bộ nhiều, hầu thúc đẩy sự triệt thoái của quân đội Trung-Hoa. Thỏa ước Pháp-Hoa được ký kết, khiến Việt-Minh phải tạm rút yêu sách độc lập hoàn toàn, bắt tay với Pháp để mượn tay Pháp diệt phe quốc gia chống Pháp và chống Cộng.

Ngày 6/3/1946, Pháp và Việt-Minh cùng ký một thỏa ước. Theo thỏa ước đó thì Pháp

---

(1) Xuyên qua các cuộc biểu tình ... rầm rộ ở Bắc cũng như ở Trung và ở Nam, ta phải hiểu rằng đó toàn là những người ái quốc – Vốn khao khát độc lập từ lâu – Nay có cơ hội thì phải tỏ thái độ, chứ họ đâu có thể ngờ rằng hành động đó đã "giúp" cho Việt minh rất nhiều trong việc biểu dương uy thế trước dư luận trong và ngoài nước– Việt Minh chỉ có 5.000 Cán bộ mà thôi.

công nhận "Việt-Nam là một quốc gia tự do trong liên-bang Đông-dương và Liên-Hiệp-Pháp" một tổ chức mơ hồ... Ba kỳ sẽ được thống nhất sau cuộc trưng cầu dân ý. Ngược lại 15.000 quân sỹ Pháp sẽ thay thế quân Tàu. Xuyên qua thỏa ước này người ta thấy cả Pháp lẫn Việt-Minh đều còn yếu : Pháp thì không có đủ quân dàn trải ra để tái chiếm Miền-Bắc; Việt-Minh lại chưa hoàn toàn kiểm soát được chánh trị và quân sự, hơn thế nữa Việt-Minh lại còn phải đương đầu với một nền kinh-tế suy sụp, nên cả hai bên đều tạm thời thỏa hiệp để chờ cơ hội tiêu diệt nhau...

Thỏa hiệp này chỉ kéo dài được một thời gian ngắn, vì phần lớn bọn thực dân kỳ cựu ở xứ này đều bất mãn. Người quốc gia, nhất là người quốc gia ở Nam-Kỳ đang cầm võ-khí chống Pháp, thì Việt-Minh lại ký thỏa ước "mời" Pháp vào Miền Bắc, nên đã kịch liệt tố cáo Hồ-Chí-Minh phản bội... Chánh phủ Paris miễn cưỡng phê chuẩn thỏa ước này. De Gaulle bổ nhiệm D'ARGENLIEU làm Cao-Ủy Đông-Dương, lợi dụng những sự tranh chấp địa phương, đã xúi NGUYỄN VĂN THINH và đồng bọn lập "Nam kỳ quốc" (1) và một nền hành-chánh riêng biệt ở Cao-Nguyên Trung-Phần. Cuộc điều đình kế tiếp giữa Việt Minh và Pháp tại DALAT và tại Pháp về thể chế độc lập bị thất bại. Tại Việt Nam bọn thực dân Pháp áp dụng chính sách chia để trị, trong khi đó tại chánh quốc họ lại bất đồng ý kiến về đường lối thuộc địa. Mạc-Tư-Khoa ra lệnh cho Việt Minh không nên gây khó khăn cho Pháp-Cộng, nên HỒ CHÍ MINH phải hạ bút ký với Pháp tạm ước ngày 14/6/1946.



9.— Mặt trận Liên-Việt và ngày 19-12-1946.

Như trên đã vừa nói về âm mưu của Việt-Minh, là bắt tay với Pháp để mượn tay Pháp diệt phe quốc-gia, nên sau khi ký thỏa ước 6/3/1946, một mặt Việt-Minh thành lập Mặt-Trận Liên Việt (Liên Hiệp quốc dân Việt-Nam) với mục đích ve vãn dân chúng (nhưng dân chúng lần này rất dè dặt); mặt khác (trong lúc đang điều đình ở Pháp) Việt-Minh nhờ quân Pháp tiếp tay, đè bẹp phe quốc-gia giao căn cứ lại cho Việt Minh. Nhiều lãnh tụ quốc-gia bị giết, nhiều người khác trong số có Phó Chủ-Tịch kiêm quyền Chủ-Tịch Việt-Nam Dân Chủ Cộng-Hòa là Cụ NGUYỄN HẢI THẦN phải trốn sang TÀU....

Tưởng cũng cần phải nói thêm là trước đó "Cố-vấn tối cao" Vĩnh-Thụy cũng đã phải qua Tàu lánh nạn....

HỒ CHÍ MINH từ Pháp về tăng gấp đôi số đảng viên Cộng-sản trong nội các và phát động thêm một cuộc thanh trừng trước khóa họp thứ hai của quốc-hội lập pháp vào ngày 28/10/46.

Vì có nhiều dân biểu chết hoặc vắng mặt hay do Việt-Minh khủng bố, quốc-hội hoàn toàn do Việt-Minh thao túng, quốc-hội thảo một hiến pháp dân-chủ, hầu đánh lừa những người quốc gia nhẹ dạ và tỏ cho quốc-tế biết Việt-Minh không chà đạp tự do.... Theo Hiến pháp, Quốc-hội độc viện sẽ bầu Chủ tịch, Chủ tịch sẽ bổ nhiệm Thủ Tướng. Một ban thường vụ được toàn quyền hành động suốt trong thời gian quốc-hội hoãn nhóm. Vì quốc hội ít khi họp, nên Việt-Minh dùng Ban Thường vụ làm bình phong hợp pháp để thao túng. Trên thực tế Việt-Minh không đếm xỉa đến các điều khoản và quyền hạn tự do trong Hiến-pháp....

Đến tháng 11/1946, Pháp đòi quyền kiểm soát quan thuế ở Hải-Phòng, Việt-Minh nổ súng chống lại..... Ngày 23/11/1946, Thủ-Tướng BIDAULT ở Paris đã cho phép quân Pháp oanh tạc Hải-Phòng. Kết quả là cả ngàn thường dân bị thương vong, phần lớn là đàn bà trẻ con... Hành động này của Pháp đã xô đẩy người quốc-gia chạy sang phía kháng chiến. Bầu không khí thật là căng thẳng nhất là khi Pháp chiếm Đà-nẵng.

Ngày 16/12/1946, tuy Léon Blum, lãnh tụ Xã-hội, từng chỉ trích chủ-nghĩa thực dân của Pháp lên làm Thủ-Tướng, nhưng tình hình vẫn không được cải thiện.... Pháp đòi giải tán tự vệ thành và chiến tranh thực sự xảy ra vào ngày 19/12/1946...

(Xin xem tiếp cuốn Quân-Sử IV về cuộc chiến tranh này...).

---

(1) "Nước" này chỉ sống được ít lâu, vì sau đó Nguyễn-Văn-Thinh tự cảm thấy mình chỉ là một con cờ của thực dân, quá nhục nhã nên đã thắt cổ tự-tử vào đêm 10-11-1945.

CHƯƠNG VII

Nhật can thiệp vào Đông-Dương và cuộc đảo chánh đêm 9-3-1945

1.– Vai trò lu mờ của Pháp.

Trong thế chiến thứ hai, quân đội Thiên Hoàng đã kiểm soát nhiều nơi ở Hoa Nam, nhưng Chính phủ Quốc Dân-Đảng Trung Hoa ở Trùng-Khánh vẫn tiếp tục kháng chiến nhờ các khí giới và quân dụng của Hoa Kỳ gởi giúp, qua hai ngả Diến Điện và Bắc Việt (nhất là Bắc Việt)_ Việc này Chính phủ Nhật nhiều lần phản đối nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương, song vô hiệu...

Đến hạ bán niên năm 1940 quân đội Đức tràn vào lãnh thổ Pháp... Nhân dịp này Nhật lên tiếng công kích việc chuyên chở vũ khí qua Bắc Việt và đòi Pháp phải đóng cửa biên giới....

Như ở chương trên đã có lần nói ngày 14-6-1940 Paris thất thủ... đến ngày 16-6-1940, Toàn quyền Đông Dương là CATROUX thấy tình hình cực kỳ nguy hiểm bèn ra lệnh cấm chở nhiên liệu qua Đông Dương.

Ngày 19-6-1940 Catroux nhận được lời yêu cầu của Nhật :

- Đóng cửa biên giới Hoa Việt.
- Đình chỉ mọi việc chuyên chở quân trang, quân dụng bằng đường xe lửa và đường bộ qua Tàu.
- Nhật sẽ kiểm soát việc thi hành việc đóng cửa biên giới và chuyên chở... Lời yêu cầu này hẹn cho trong 24 giờ phải được chấp nhận...



Trại lính Tông



Đại-Tướng (G[al] C.A.) Puypéroux, Tổng-Tư Lệnh Quân-Đội Pháp và Bộ Tham Mưu năm 1921.

Toàn Quyền Catroux vì bị mất liên lạc với chánh quốc (chính phủ lúc này đang lo dời từ BORDEAUX đến VICHY), nên tự ý chấp nhận và hôm sau mới báo cáo về chánh quốc... Chính vì ở cái thế lưỡng nan này mà CATROUX phải chấp nhận,để rồi ngày 25-6-1940, bị Chánh phủ ở chánh quốc cử DECOUX đến thay thế về tội lạm quyền...

Ngày 29-6-1940, Tướng NISHIHARA cầm đầu phái đoàn kiểm soát Nhật đến HANOI.

Ngày 2-7-1940, nhân viên kiểm soát việc đóng cửa biên giới và chuyên chở đến đóng tại Hải Phòng, Móng Cái, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang và Lao Kay.

Đầu tháng 8/1940, chánh phủ Nhật chuyển cho chánh phủ Pháp ở chánh quốc một đề nghị hợp tác quân sự ở Đông Dương. Trong khi đó Tham Mưu Trưởng Quân đội Nhật ở Quảng Đông là Đại tá SATO cũng đến Hanoi, để thương nghị về vấn đề nêu ra với Toàn Quyền Decoux.

Kết quả là một hội nghị gồm đại diện hai nước Pháp - Nhật được mở ra tại Tokyo và sau một tháng bàn cãi , ngày 30-8-1940, Pháp - Nhật ký kết 1 hiệp ước gồm có mấy khoản sau đây :

- Chánh Phủ Nhật nhìn nhận chủ quyền của Pháp ở Đông Dương và cam kết tôn trọng sự toàn vẹn lãnh thổ của Đông Dương.



Lính Khố Đỏ đang thao dượt dưới sự Chỉ huy của Sĩ-quan Pháp.

- Nước Pháp nhìn nhận địa vị ưu việt của Nhật ở Viễn Đông và thỏa thuận để quân đội Nhật ở Bắc - Việt được hưởng một vài sự dễ dãi, để chấm dứt cuộc xung đột ở Trung Hoa.

- Một thỏa ước quân sự sẽ được hai bộ Tổng Tư Lệnh quân đội Nhật và Pháp ở Đông Dương ký kết, để ấn định thể thức thi hành...

- Tiếp theo, ngày 22-9-1940, thỏa ước quân sự được ký kết ấn định :

1. Nhật được quyền xử dụng 3 hay 4 phi trường ở Bắc Việt.

2. Nhật có quyền đem 6.000 quân trấn đóng ở phía Bắc sông Hồng Hà.

Vụ thứ nhất : Sư đoàn Nhật ở Quảng Đông mới nghe tin là thỏa ước quân sự đã được ký kết, liền xua quân vượt biên giới ngay trong đêm đó (22-9-1940 ngày ký kết hiệp ước) tiến vào Đông Dương, Na Sầm... không kể gì đến khoản 4 của hiệp ước. Quân Pháp chống trả được 2 ngày (23 và 24), đến ngày thứ 3 (25-9-1940), thì Thiếu Tướng MENNERAT chỉ huy quân đội Pháp ở Lạng Sơn kéo cờ trắng đầu hàng...

Nhân dịp này Ông TRẦN TRUNG LẬP, lãnh đạo đoàn quân Việt Nam Phục quốc hội, kéo cờ phục quốc, hiệu triệu thanh niên và quân sỹ Việt Nam trong hàng ngũ Pháp, nổi lên giết Pháp, chiếm Lạng Sơn và một vài nơi lân cận.



Chiến xa của Pháp trong một cuộc thao dượt

3. Quân đội Nhật có thể đi ngang qua Bắc Việt để đến chiến đấu tại Vân Nam, tuy nhiên tổng số quân sỹ Nhật có mặt ở Đông Dương không khi nào được qúa 25.000 người.

4. Nhật có thể chuyên vận Sư đoàn chiến đấu ở Quảng Đông, hiện đóng tại biên giới Hoa Việt, đi ngang qua châu thổ Bắc Việt, để xuống Tàu về nước. Sự chuyên vận này chỉ được thực hiện sau khi hai bên đã thỏa thuận về chương trình chuyên chở...

Hiệp ước vừa được ký kết thì đã xảy ra hai vụ rắc rối sau đây :

Nhưng ngày 5-10-1940 Nhật được Pháp chia sẻ cho một số quyền lợi, bèn rút quân khỏi các nơi chiếm đóng, bỏ rơi nhóm ông Lập...

Kết quả là sau đó Pháp thẳng tay đàn áp Phục Quốc Quân, ông Lập hy sinh cùng một số quân sĩ, một số bị cầm tù, một số khác chạy thoát sang Tàu... (1).

Vụ thứ hai : Vẫn theo thỏa ước quân sự 22-9-1940, thì ngày hôm sau, 23/9, 1.000 quân

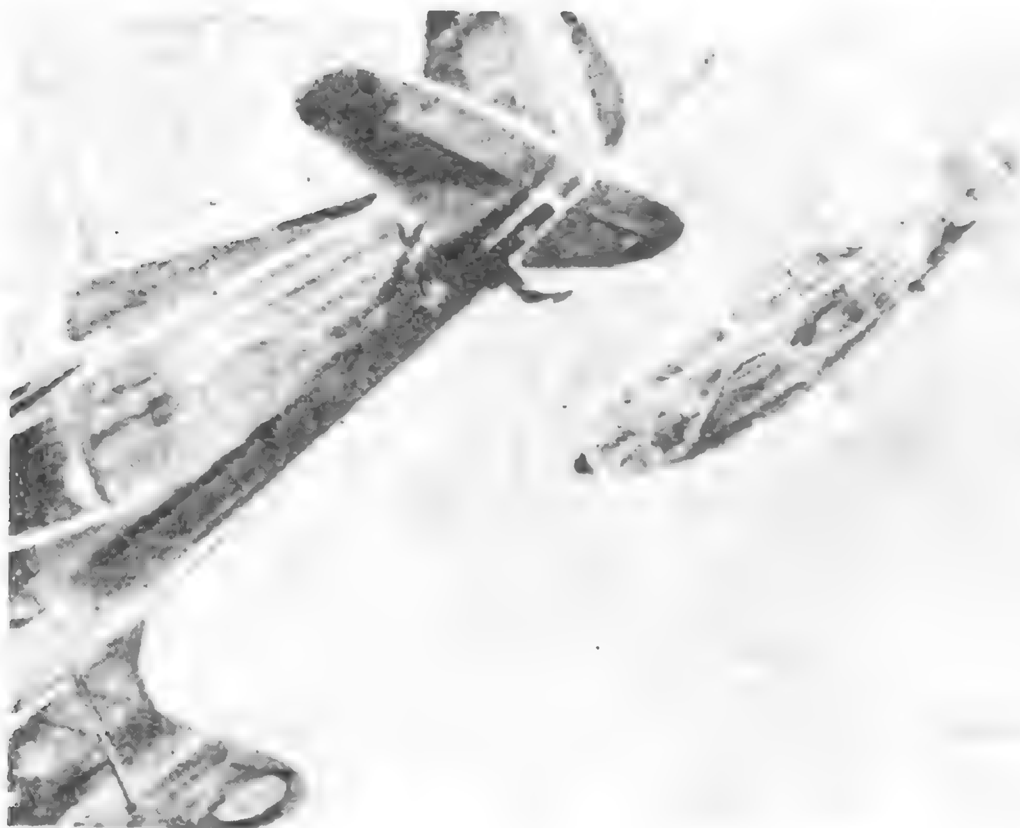
---

(1) Vụ này chúng tôi đã nói nhiều ở chương trên, nhưng cũng xin lập lại một lần nữa, để chúng ta nhớ đến bộ mặt thật của Nhật.

Nhật sẽ đổ bộ lên Hải Phòng. Nhưng vì vụ Lạng Sơn, Toàn quyền Decoux yêu cầu Tướng NISHIHARA hoãn việc đổ bộ, để cho dàn xếp xong vụ Lạng Sơn đã. Ngày 25-9-1940, mặc dù vụ Lạng Sơn chưa giải quyết xong Nhật vẫn xua quân đổ bộ lên Đồ Sơn rồi tiến lên Hải Phòng...

Hai vụ rắc rối này làm cho Pháp thấy rõ khả năng yếu kém của mình và từ đấy về sau Pháp chỉ có biết đi từ nhượng bộ này đến hàng phục khác mà thôi... (1).

Ngày 6/5/1941, Pháp Nhật lại cùng nhau họp bàn và ký một hiệp ước về kinh tài tại



Morane

(1) Tính cho đến ngày đảo chánh, tổng số quân-sĩ Pháp ở Đông-Dương kể cả 22.000 Khố-xanh là 60.000 người (trong đó chỉ có 12.000 người Pháp – Còn lại là người các thuộc địa khác của Pháp và người Việt-Nam). Chia ra:

– Ở Bắc Việt : 1 Trung-Đoàn bộ-binh thuộc địa (9è RIC – Đa số là Pháp chánh cống và các dân thuộc địa khác của Pháp); 1 Trung-Đoàn Lê-Dương (5è REI); 4 Trung-Đoàn khố đỏ Bắc Kỳ ; 1 Trung-Đoàn Pháo-Binh ; 1 Tiểu-Đoàn Pháo kéo ; 3 Pháo đội phòng không và một số pháo đội duyên-hải.

– Ở Trung Việt và Lào : 1 Trung-Đoàn bộ-binh thuộc địa (đa số là Pháp chánh cống và dân thuộc địa khác của Pháp); 1 Trung-đoàn Khố đỏ; 1 Tiểu-Đoàn Mọi; 1 Tiểu-Đoàn Thám Kích Lào (kể từ năm 1943); 1 Tiểu-Đoàn Pháo-binh dã chiến và các pháo đội duyên-hải.

– Ở Nam Việt và Cao-Miên : 1 Trung-đoàn bộ-binh thuộc địa (5è RIC – đa số là người Pháp chánh cống và dân các thuộc địa khác của Pháp); 1 Trung-đoàn khố đỏ ; 1 Trung - Đoàn Cao-Miên; 1 Trung-Đoàn Mọi và một số các đơn-vị Pháo-binh tương tự như ở Bắc Việt.

– Về Hải-Quân chỉ có chiếc Tuần dương-hạm LAMOTTE PICQUET trọng tải 10.000; 2 thông báo hạm thuộc địa; 2 thông báo hạm nhỏ (đã được 25 tuổi).

– Về Không-Quân có khoảng 60 phi-cơ, trong đó có 15 chiếc khu trục MORANE 406 (khác với các "bà già" Morane); 4 oanh tạc cơ BREGUET, vài chiếc POTEZ 540, còn lại đa số là POTEZ 25, các "bà già" Morane và vài chiếc thủy phi-cơ LOIRE 130 ...

– Về Thiết-Giáp có khoảng 30 chiếc kiểu tối cổ FT và WHITE chế tạo từ năm 1918 – thường để "triển lãm" và diễn binh hơn là tác chiến.

– Về vũ-khí chỉ có một số tiểu-liên, trung-liên 24x29, Đại-liên REIBEL, OERLIKON, HOTCHKISS – Các đơn-vị Pháo-binh nói ở trên trang bị toàn đại bác cũ rích 25, 27 và 75 ly.

Với một lực-lượng như vậy, lại mất tinh thần thì làm sao quân đội Pháp ở Đông-Dương có thể đương đầu với quân Nhật, trang bị tối tân, được yểm-trợ bởi các hỏa lực hùng-hậu của cả ngàn đại bác, hàng mấy trăm phi-cơ Zéro bay nhanh ± 500 cs/giờ và hàng trăm chiến hạm nặng nhẹ của Đại-Tướng TSUSHIHASHI ?

Tokyo (1). Thỏa ước này là một tai họa cho nhân dân Đông Dương và gồm có hai phần đại khái như sau :

1. Về kinh doanh và hàng hải : Người Nhật và các Công ty ở Đông Dương được :

- Cấp hầm mỏ để khai thác
- Đất đai để lập đồn điền
- Kinh doanh và thủy điện
- Các thương thuyền Nhật đến các Hải Cảng được hưởng quyền lợi của tối hệ quốc vụ v.v...

2. Về quan thuế, trao đổi thương mại và thể thức thanh toán :

- Hàng hóa Nhật nhập cảng được hưởng xuất thuế dành cho hàng hoá của tối hệ quốc, một vài sắc thuế được giảm nhẹ hoặc miễn.

- Loại hàng hóa và số lượng trao đổi giữa Nhật và Đông Dương sẽ do hai bên ấn định từng năm một v.v...

Do thỏa ước này mà xứ Đông Dương phải :

Gởi sang Nhật 700.000 tấn gạo năm 1941; 1.050.000 tấn trong năm 1942; 950.000 tấn năm 1943; 900.000 tấn năm 1944.

- Đài thọ chi phí cho quân đội Nhật ở Đông Dương 730.000.000$00 - tính cho đến ngày đảo chánh.

Ngày 29/7/1944 Nhật lại đi xa hơn nữa trong việc siết chặt việc kiểm soát ở Đông Dương bằng cách buộc Pháp (chánh quốc) ký kết một hiệp ước quân sự mới, ấn định :

1- Nguyên tắc "phòng thủ chung".

2- Giao cho Nhật các căn cứ mới ở miền Nam Đông Dương.

3- Quân Nhật được quyền đồn trú ở các nơi trong các xứ Đông Dương.

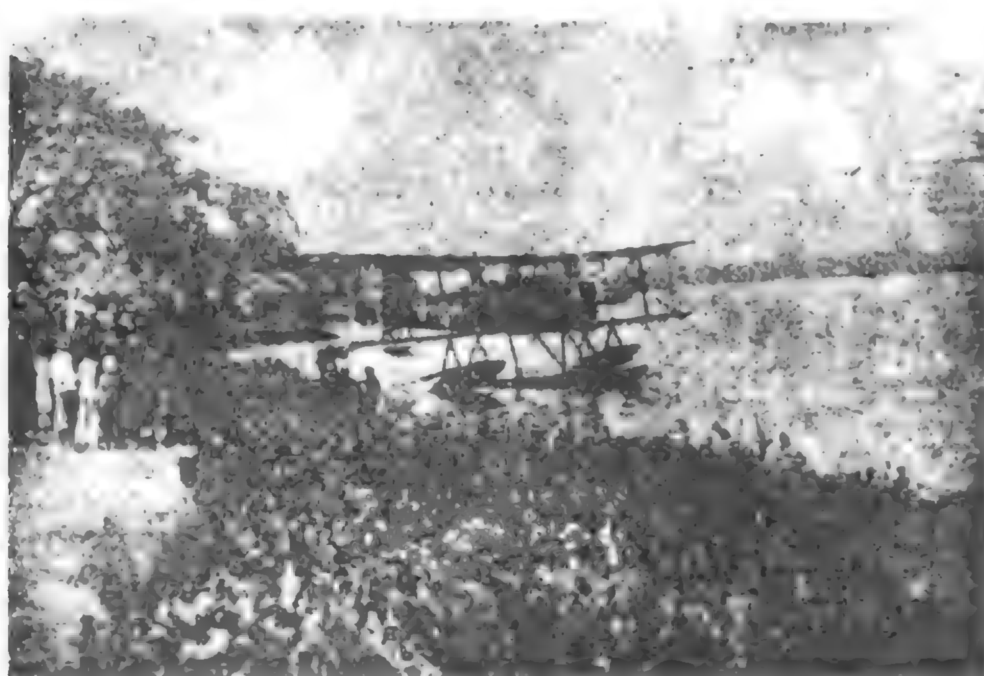
4- Quân số Nhật ở Đông Dương sẽ không bị hạn chế.

Tiếp theo hiệp ước này, ngày 8/12/1941, Toàn quyền Decoux đã cùng Nhật ký thỏa ước thi hành...

Từ đấy trở đi vai trò của người Pháp ở Việt Nam trở nên lu mờ, họ được quyền tiếp tục cai trị, nhưng Nhật mới là kẻ nắm quyền thực sự và người Pháp chỉ là kẻ trung gian, để ra lệnh cho người Việt thỏa mãn các yêu sách của Nhật...

Xưa nay nhân dân Việt Nam chỉ bị có Pháp bóc lột cũng đã chật vật rồi; Nay lại thêm

(1) Phái đoàn Pháp gồm có các ông René Robin cựu Toàn Quyền Đông-Dương do Chánh phủ VICHY cử sang và ông Jean Cousin Giám-Đốc Tài-Chánh Đông-Dương v.v...



Một thủy phi-cơ ở Hồ-Tây.



Hình ảnh một chiếc "Bà-Già"

Nhật nữa thành ra dân ta trở nên khốn cùng mà hậu quả là các nhu yếu phẩm như vải, dầu hỏa, ét xăng, vỏ xe v.v... khan hiếm, tiền tệ lạm phát kinh khủng, số giấy bạc tăng lên 1300% và thảm khốc hơn cả là gần 2.000.000 người Miền Bắc chết đói vào đầu năm 1945 !!!

Thêm vào đó, những vụ oanh tạc của Đồng-Minh làm cho nhiều người bị chết oan, nhiều nhà cửa, cầu cống xí nghiệp v.v... bị tàn phá, gây nên một tình trạng đau thương, tang tóc chưa từng thấy ở đất nước này...



Đại bác 75 ly của Quân đội Pháp

2.– Nhật với thuyết Đại-Đông-Á.

Mùa thu năm 1941, Nhật đã thâu hoạch được nhiều thắng lợi tại Thái Bình Dương, bèn nghĩ ra cách thành lập "Bộ Đại Đông Á" nhằm giành ảnh hưởng ở phần đất này...

Khi quân đội Nhật đến Đông Dương, các bộ máy chiến tranh chánh trị và gián điệp cũng đi theo...

Về chiến tranh chánh trị : họ đặt các phòng thông tin ở các thủ đô lớn; xuất bản tạp chí "TÂN Á" để tuyên truyền cho chủ trương "Đại Đông Á" và thuyết "Á Châu của người Á Châu" mở các lớp dạy tiếng Nhật (1).

Về chiến tranh gián điệp : bên cạnh cuộc chiến (chánh trị) công khai nói trên, một cuộc chiến tranh bí mật giữa mật thám Pháp và Hiến binh Nhật (KEMPÉTAI) đã diễn ra hằng ngày. Họ bảo trợ cho việc thành lập hai đảng Đại Việt Dân chánh và Đại Việt Quốc Dân ở Bắc Kỳ (2), giúp cho hai giáo phái có tính

---

(1) Bộ máy chiến tranh Chánh-trị này đã lấp liếm được vụ "Phong trào Đông-Du" (xin xem trang liên hệ ở phía trên) và ngay cả vụ "Trần-Trung-Lập" mới xảy ra ở Lạng-Sơn năm 1940.

(2) Hai đảng này, cũng như vụ "Phong trào Đông-Du" và vụ "Trần-Trung-Lập" trước kia, sau khi được Pháp san sẻ cho bớt quyền lợi, Nhật liền bỏ rơi, để cho Pháp thẳng tay đàn áp – Thế mà không hiểu sao về sau này vẫn còn có nhiều người tin ở Nhật thì lạ thật !

chất chính trị là Cao Đài và Hòa Hảo ở Nam Kỳ khuyếch trương..., nhằm nuôi dưỡng các đoàn thể và đảng phái có thể tiếp tay với Nhật đánh đổ Pháp, hoặc có thể thành lập chánh quyền thân Nhật, trong trường hợp Nhật ra tay sau này. Họ đã tích cực giúp đỡ và bảo vệ các người quốc gia đang bị mật thám Pháp tìm cách loại trừ, và trả tự do cho các chức sắc Cao Đài và Hòa Hảo bị Pháp giam giữ...

Cũng chính nhờ hai thứ "chiến tranh" nói trên, mà đã có một thời kỳ bọn thống trị Pháp ở Đông-Dương phải nới rộng cái gông đeo trên đầu trên cổ người dân Việt từ bấy lâu nay. Bọn thực dân ở Đông-Dương đã :

- Thay danh từ Đông Dương thuộc Pháp (Indochine Française) thành liên bang Đông Dương (Fédération Indochinoise) - Trong liên bang, nước Pháp chỉ giữ vai trò điều hòa, chứ không can thiệp vào nội bộ của các xứ Đông Dương, ngoại trừ Nam Kỳ thuộc Pháp.

- Sửa quy chế công chức, bổ ngạch tương đương (Cadres latérant), lập ra ngạch Đông Dương (Cadres Indochinois), theo nguyên tắc lương bổng đồng đều giữa người Âu và người Việt có cấp bằng ngang nhau và chức vụ như nhau...

- Lập thêm 5.000 hương trưởng và thâu nhận gấp đôi sỹ số...

- Phát động rầm rộ một phong trào thanh niên, để cho họ không còn thì giờ để nghĩ đến thời cuộc...

- Thiết lập nhiều công trình kiến thiết như mở mang đường xá, đào sông, vét kinh, dẫn thủy nhập điền, trang bị các hải cảng v.v...

- Mở nhiều trường Mỹ Thuật và phát triển kỹ nghệ trước kia bị cấm đoán...

- Và đặc biệt là trong các dịp hội họp "tình thân hữu" và các giấy liên hệ giữa hai dân tộc luôn luôn được Pháp đề cao !

Nhưng những tiểu xảo này cũng vẫn không cứu vãn nổi bọn thực dân đương trên đà xuống dốc !!!



3. – Cuộc đảo chính đêm 9-3-1945.

Từ khi quân đội Đồng Minh bắt đầu phản công (ở mặt trận Bắc Phi... và Âu Châu năm 1942)... thì bọn thực dân ở Đông Dương chia làm hai phe : một phe thân PÉTAIN tiêu biểu là DECOUX, muốn hoà hoãn với Nhật, hầu bám víu lấy cái địa vị và quyền lợi mong manh của chúng; phe khác thân De Gaulle (kháng chiến) tiêu biểu là Đại Tướng Mordant (4 sao)



Các thám thính xa của Pháp.



Quân Pháp thao dượt ở miền rừng núi.

(1) đã liên lạc được với De Gaulle và tăng gia hoạt động, để giúp Đồng Minh trục xuất quân Nhật ra khỏi Đông Dương...

Đến mùa hè năm 1943, tình hình Đông Dương cực kỳ khẩn trương : một mặt quân Đội Nhật thua liên tiếp nhiều trận ở Thái Bình Dương, mặt khác phe De Gaulle (ở Đông Dương) ra sức hoạt động gián điệp, chỉ dẫn cho Đồng Minh oanh tạc nhiều căn cứ và tàu bè Nhật v.v... Những hoạt động này không tránh khỏi con mắt Nhật, hơn thế nữa họ (Nhật) lại được tin Đồng Minh không ngớt thả dù nhiều súng ống, đạn dược v.v... cho phe kháng chiến Pháp (ở Đông Dương), hầu cho phe này có thể tiếp tay với họ (Đồng Minh) trong trường hợp đổ bộ lên Đông Dương...

Do đó (những hành động chống Nhật sau lưng) mà Đại Tướng TSUSIHASHI, Tổng Tư Lệnh quân đội Thiên Hoàng ở Đông Dương, được phép Đông Kinh cho tổ chức cướp chánh quyền ... (2).

Việc Nhật tổ chức cướp chánh quyền không phải là Pháp không biết; họ có chuẩn bị nhưng không tích cực, vì cho rằng Nhật không bao giờ làm chuyện liều lĩnh khi sắp ngã gục....

Nhưng cái gì phải đến đã đến...

Chiều ngày 9/3/1945, nhân dịp ký kết một hiệp ước về việc tiếp tế gạo cho Nhật, giữa Toàn quyền Decoux và Đặc Sứ Matsumoto vào lúc 18 giờ tại dinh Norodom (Độc lập bây giờ), ông này yêu cầu Decoux tiếp kiến riêng trong một giờ sau đó...

Matsumoto nói những chuyện trên trời dưới biển với Decoux, cốt để cho quân Nhật bố trí xong đâu đó... (ngay cả chung quanh dinh Norodom) ; Đến 19 giờ là giờ quân Nhật đã sẵn sàng, thì Matsumoto trịnh trọng nói với Decoux :

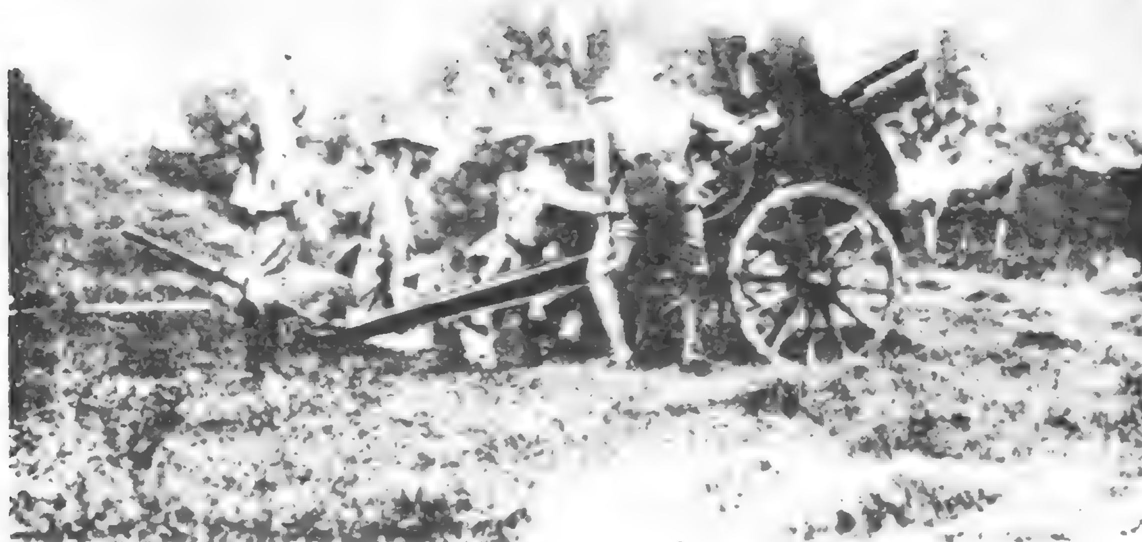
- Tôi đã được chỉ thị cương quyết và rõ rệt của chánh phủ Nhật muốn củng cố gấp hiệp ước phòng thủ Đông Dương...

Decoux đáp : "không thể làm gì hơn vì đã có hiệp ước thỏa thuận và ký kết từ gần 4 năm rồi..."

---

(1) Đại-Tướng Mordant nguyên là Tổng-Tư-Lệnh quân-đội Pháp vì đáo hạn tuổi, được chuyển sang trừ bị, núp dưới tên Narcisse, để theo phe De Gaulle - Tướng Aymé tuy lên thay thế Mordant, nhưng cũng vẫn ngầm liên-lạc với phe Kháng chiến dưới tên Pierre.

(2) Sở dĩ đến bây giờ Nhật mới ra tay là vì trước đó Pháp – Đức đã ký kết hiệp-ước đình chiến và sống chung (25-6-1940), Nhật phải nể Đức là đồng minh của mình nên chưa hành động... Bây giờ Đức đã bại trận, Nhật không còn nể nang Pháp nữa...



Một khẩu Sơn Pháo của Pháp.

Matsumoto nói : "đó không phải là chủ trương của Tổng Tư Lệnh Quân đội Thiên Hoàng".

Rồi Đặc Sứ Nhật đưa cho Decoux một tối hậu thơ sau khi đọc xong :

"... Cho nên yêu cầu Toàn quyền Đông Dương :

"Một là trong thời gian của tình thế hiện tại, Hải Lục Không quân và lực lượng Cảnh Sát võ trang của Đông Dương phải đặt dưới quyền chỉ huy thống nhất của quân đội Nhật, mà họ hoàn toàn phải tuân theo.

"Hai là tất cả công chức ở Đông Dương, phải đặt dưới quyền chỉ huy của quân đội Nhật xử dụng bất luận lúc nào..."



Pháo binh Dã-Chiến của Pháp.

Kèm theo tối hậu thơ, Đặc Sứ Nhật còn cẩn thận đưa một bản chỉ dẫn trả lời.

Rồi kết luận " đúng 21 giờ ông phải trả lời ".

Đến 20 giờ 45, Decoux, sau khi họp bàn cùng Bộ Tham Mưu dân và quân sự đã đồng ý trả lời một bức thơ, có tính cách hòa hoãn và cho một sỹ quan liên lạc mang đến Đặc sứ Nhật.

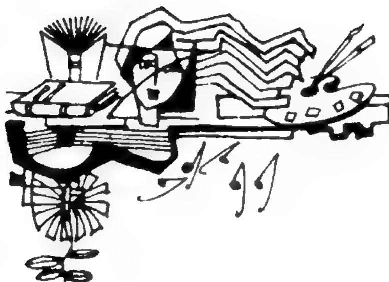
Đặc Sứ Nhật cho rằng thơ của Decoux được coi như là một sự bác bỏ... Thế là đúng 21 giờ súng nổ. Quân Pháp kháng cự yếu ớt. Decoux, nhiều Tướng lãnh và công chức Pháp bị bắt giam...

Sáng ngày 10/3/1945, cờ Nhật đã phất phới từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mâu; Đại Sứ Yokohama đến điện Kiến-Trung yết kiến Vua Bảo-Đại, tuyên bố trao trả độc lập cho nước Việt Nam (1).

Ngày 11/3/1945 Bảo Đại tuyên bố hủy bỏ các hòa ước đã ký với Pháp trước kia, Việt Nam độc lập, gia nhập khối Đại Đông Á. Chấm dứt lệ thuộc Pháp !

---

(1) Đây là trên lý-thuyết, còn trên thực-tế thì cuộc đảo chánh 09-3-1945, chỉ là một sự "đổi chủ" giữa thực dân Pháp và thực dân Nhật mà thôi.



CÁC SÁCH THAM KHẢO CHÍNH

* Histoire Militaire de l' Indochine Française.	Établie par les officiers de l' État Major sous la haute direction du Général de Corps d'Armée Puypéroux. (Exposition Coloniale Internationale de Paris 1921).
* Histoire Militaire de l' Indochine Française	Établie par les officiers de l' État Major sous la haute direction du Général de Corps d' Armée Aubert. (Exposition Coloniale Internationale de Paris 1931).
* La Garde Indigène le l' Indochine	E. Daufès (Avignon 1933)
* Journal officiel de l' Indochine	
* Les Institutions Annamites en basse Cochinchine.	Alfred Schreiner (Claude & Cie 1901)
* La Geste Française en Indochine	G. Taboulet
* La Conquête de l' Indochine	A. Thomazi
* Bulletin des amis du vieux Hue	IDEO Hanoi
* Bulletin de l' Ecole Française d' Extrême Orient Hanoi.	
* A la Barre de l' Indochine	Amiral Decoux
* Việt Nam Sử Lược	Trần Trọng Kim
* Việt Sử Tân Biên	Phạm Văn Sơn
* Việt Nam Pháp thuộc sử	Phan Khoang
* Việt Nam Giáo Sử	Phan phát Huồn
* Lịch sử 80 năm chống Pháp	Trần Huy Liệu
* Tập san Nghiên cứu Lịch sử	Viện Sử Học Hanoi

(2 loại dưới cùng là của Miền Bắc được dùng để tìm hiểu về các hoạt động của Cộng sản ở Đông-Dương).

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT

NGUYÊN-NHÂN XA GẦN ĐƯA ĐẾN VIỆC PHÁP ĐÁNH CHIẾM VIỆT-NAM

PHẦN THỨ HAI

QUÂN PHÁP-TÂY XÂM LĂNG VIỆT-NAM



BẢNG ĐÍNH CHÍNH

TRANG	CỘT	HÀNG	SAI	ĐÚNG
37-41			Louis VI	Louis XVI
52	2	38	Kiềm	Kèm
70	2	2 (chú thích)	Foet	Fort
75	1	9	Genouilly	Genouilly
97	1	24	Lespés	Lespès
139	1	17	bẩn	hẩn
143	1	45	thân tư	thần tử
228	1	9	Coubert	Courbet
305	2	20	xbng	xong
316	2	11	tien vao cua dong Bac	tiến vào cửa Đông Bắc
320	1	28	Nghĩa quan Bay	Nghĩa quân Bẩy
320	-	-	thi bỉ ten khon kip	thì bị tên khốn kiếp
353	1	7	Hẫn	Hẫn
357		4 (chú thích)	De La Granvière	De La Grandière
377	2	2 (chú thích)	Hanri	Henri
390	2	41	De Lagrandiēre	De La Grandière

* – Trang 190, hình in ngược, xin chân thành cáo lỗi.

K.D. số : 1937/BTTCH/BC3/XB ngày 26-6-71.

